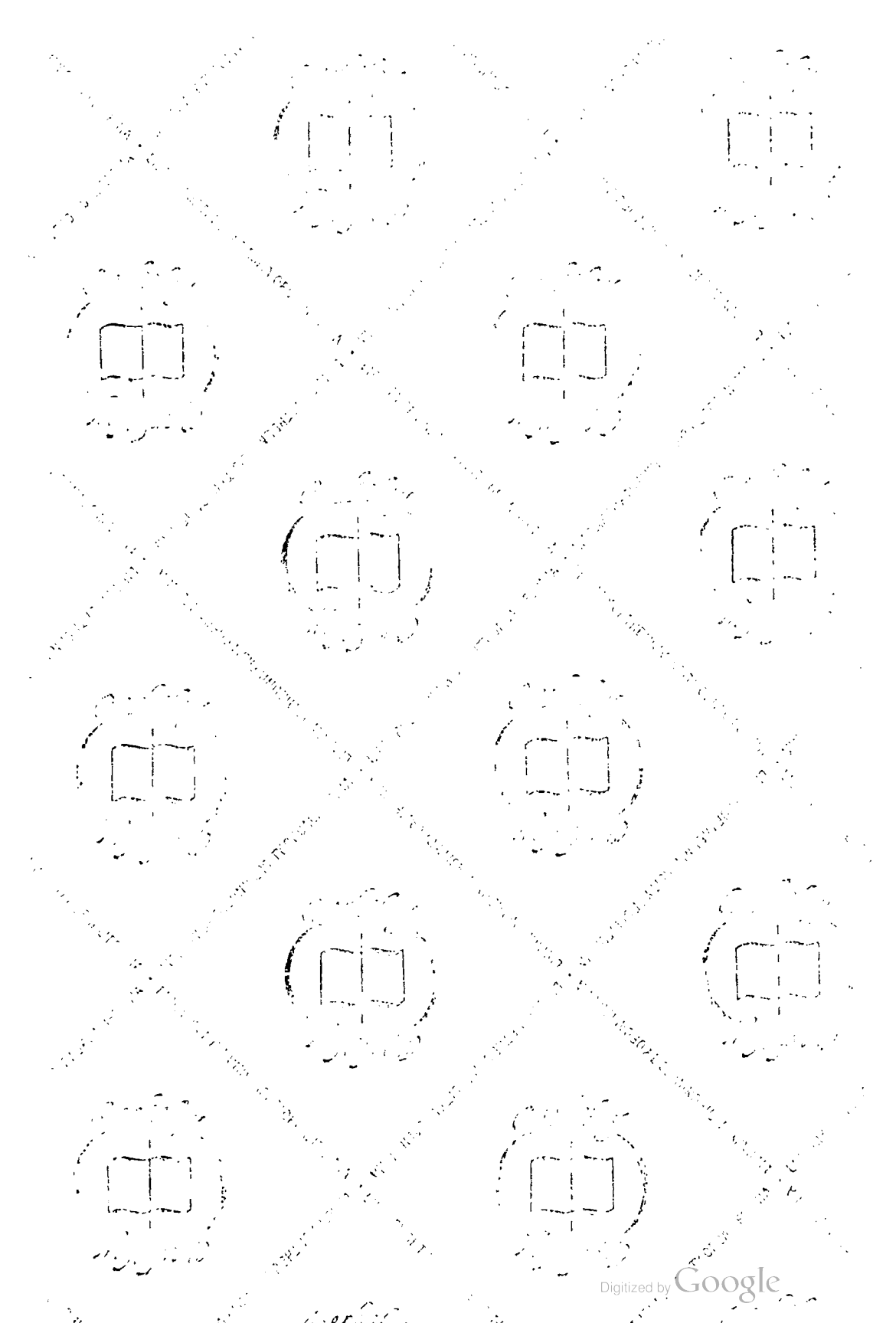




Is

MAIN/UC-B

MỤC LỤC

TẬP CHÍ CỘNG SẢN
NĂM 1979

LIBRARY
APR 30 1980
UNIVERSITY OF CALIFORNIA
BERKELEY

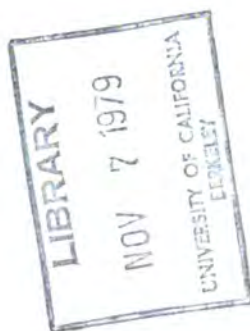
	TÁC GIẢ	SỐ
I - NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐƯỜNG LỐI/ CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG		
- Hãy làm tốt những nhiệm vụ cách mạng của năm 1979	<i>Xã luận</i>	1
- Tiếp tục nghiên cứu xây dựng lý luận quân sự Việt-nam	<i>Lê-Duẩn</i>	1
- Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở các tỉnh miền Nam	<i>Võ-Chí-Công</i>	2
- Kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của bọn phản động Trung-quốc	<i>Xã luận</i>	3
- Nhân dân Việt-nam nhất định thắng lợi, giặc Trung-quốc xâm lược nhất định thất bại	<i>Võ-Nguyên-Giáp</i>	3
- Ý nghĩa thất bại của bọn phản động Trung-quốc xâm lược	<i>Xã luận</i>	4
- Lập trường chính nghĩa của ta	<i>Xã luận</i>	5
- Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới	<i>Võ-Nguyên-Giáp</i>	5
- Chuẩn bị tốt việc kỷ niệm ba ngày lễ lớn trong năm 1980	<i>Xã luận</i>	6
- Thực hiện thật tốt việc xây dựng kế hoạch năm 1980 từ cơ sở và huyện	***	6

BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
— Tội ác của bọn Trung-quốc xâm lược đối với ngành đường sắt Việt-nam	<i>Trần-Môn</i>	6
— Rừng biên giới căm thù quân Trung-quốc xâm lược	<i>Trần-Văn-Quế</i>	6
— Tội ác của giặc Trung-quốc xâm lược phá hủy các cơ sở kinh tế và đời sống của nhân dân ta	***	6
— Ba mươi ngày chiến tranh	<i>Scơ-uóc-xốp</i>	6
— Một tháng đàm phán không tiến triển, trách nhiệm thuộc về phía Trung-quốc	<i>Văn-Hiền</i>	6
— Vài mảnh gốm Trung-hoa cổ không thay đổi được chủ quyền của Việt-nam ở quần đảo Hoàng-sa	<i>Văn-Trọng</i>	6
— Cam-pu-chia — mưu đồ nham hiểm của Bắc-kinh bị chôn vùi	<i>Thành-Công</i>	6
— Quan hệ kinh tế đối ngoại của Trung-quốc phục vụ âm mưu bành trướng, bá quyền nước lớn của tập đoàn phản động Bắc-kinh	<i>Nguyễn-Văn-Thọ</i>	6
— Điều hâu đội lông công	<i>Trần-Quốc-Tú</i>	7
— Bắc-kinh, hôm qua là lực lượng hậu bị, hôm nay là đồng minh của chủ nghĩa đế quốc	***	7
— Chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và lá quyền nước lớn của tập đoàn phản động Bắc-kinh và sự phá sản tất yếu của nó	<i>Lê-Xuân-Lưu</i>	8
— Tập đoàn phản động Bắc-kinh sử dụng người Hoa như một công cụ để thực hiện chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc	<i>Hoàng-Kim</i>	8
— Chiến lược bá quyền và bành trướng của Bắc-kinh	<i>Phúc-Cương</i>	9, 10
— Hòa-an bám trụ kiên cường	<i>Thanh-Tâm</i>	10
— Chúng hủy hoại văn hóa, tiêu diệt trí thức	<i>Minh-Sâm</i>	11
— Thực chất phản động của chủ nghĩa Mao	<i>Nguyễn-Đức-Bình</i>	11, 12
X — ĐỌC SÁCH		
— Cuốn sách ảnh đầu tiên về « Nhân dân ta rất anh hùng, Đảng ta thật là vĩ đại ! »	<i>Đào-Tùng</i>	2
— Những điều tiết lộ phơi bày bản chất	<i>Thành-Tín</i>	2
— Đọc tác phẩm « Về xây dựng Đảng » của đồng chí Lê-Duẩn	<i>Phạm-Thành</i>	12
XI — VĂN KIẾN — TƯ LIỆU		
— Lời Hồ Chủ tịch		2
— Lời kêu gọi của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt-nam.		3
— Về việc giải quyết các thư bạn đọc hoặc thư bạn nghe đài gửi cho các báo và đài phát thanh		12

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRI
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

MAIN/UC-B



I
1. 1979

UNITED STATES DEPARTMENT OF AGRICULTURE

Xã luận

HÃY LÀM TỐT NHỮNG NHIỆM VỤ CÁCH MẠNG CỦA NĂM 1979

TRONG năm qua, thực hiện những Nghị quyết của Đảng, nhân dân ta đã đạt được những tiến bộ quan trọng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Về mặt xây dựng chủ nghĩa xã hội, nước ta không những gặp phải những khó khăn lớn do nền kinh tế kém phát triển và hậu quả nặng nề của chiến tranh gây ra, mà còn phải đương đầu với thiên tai nghiêm trọng và những hành động thù địch của bọn phản động quốc tế và tay sai. Trong hoàn cảnh đặc biệt phức tạp đó, nhân dân ta với nghị lực cách mạng phi thường, vẫn tiến bước trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong lĩnh vực kinh tế, điểm nổi bật nhất là có những cố gắng lớn trên mặt trận sản xuất nông nghiệp. Bằng cách đẩy mạnh khai hoang, phục hóa và lũng vụ, nhân dân ta đã đưa diện tích gieo trồng lên mức cao nhất từ trước đến nay, đạt 7,64 triệu héc-ta gieo trồng. Sản lượng màu tăng 15% so với năm 1977 và gấp hai lần so với năm 1975.

Trong hoàn cảnh khó khăn về năng lượng, nguyên liệu, vật liệu và phụ tùng thay thế, giá trị sản lượng công nghiệp tăng 7% so với năm trước.

Tiến độ thi công một số công trình công nghiệp quan trọng và công trình thủy lợi lớn được đẩy mạnh.

Ngành giao thông vận tải có những cố gắng trong việc tiếp nhận và vận chuyển hàng nhập khẩu cũng như trong việc vận tải đáp ứng yêu cầu của lĩnh vực mới.

Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế ở miền Nam được triển khai một bước mạnh mẽ. Việc củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, kể cả việc cải tiến quản lý kinh tế có những tiến bộ.

Việc thống nhất tiền tệ đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc thống nhất chính sách, chế độ quản lý kinh tế, tài chính và mở rộng giao lưu trong cả nước.

Trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa, chúng ta đã đẩy mạnh tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, đấu tranh chống các luận điệu xuyên tạc của bọn đế quốc và phản động quốc tế, chống các hiện tượng tiêu cực trong xã hội; nhờ đó đã nâng cao được một bước giác ngộ chính trị của nhân dân. Trên cơ sở hoàn thành về căn bản việc xóa nạn mù chữ trong cả nước, phong trào bồi túc văn hóa tiếp tục phát triển. Sự nghiệp giáo dục phổ thông, đào tạo cán bộ chuyên môn và công nhân kỹ thuật được mở rộng...

Nhìn lại ba năm qua, chúng ta thấy rằng ba cuộc cách mạng đều được đẩy mạnh.

Cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất đã giáng một đòn quyết định vào chế độ sở hữu của giai cấp tư sản ở miền Nam, góp phần củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Đồng thời, với việc xây dựng hàng trăm hợp tác xã và rất nhiều tập đoàn sản xuất và tổ sản xuất ở các lĩnh vực miền Nam, nó đã cung cấp cho ta những kinh nghiệm mới để tiến tới cải tạo và phát triển nông nghiệp miền Nam trong thời gian tới.

Cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật được xúc tiến. Chúng ta đã cố gắng xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, làm tăng thêm một bước năng lực sản xuất của các ngành kinh tế. Tính chung, giá trị tài sản cố định trong khu vực sản xuất vật chất trong ba năm qua tăng bình quân hàng năm 8%.

Cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa đã có tác dụng nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa của nhân dân, đẩy lùi và hạn chế những hiện tượng tiêu cực trong xã hội, nâng cao một bước trình độ văn hóa của nhân dân, và góp phần tăng cường sự nhất trí trong toàn Đảng và toàn dân trước lĩnh hình và nhiệm vụ mới.

Cùng với cuộc đấu tranh chống những hành động phá hoại của bọn phản động trong nước, những kết quả nói trên đã góp phần củng cố chính quyền chuyên chính vô sản ở nước ta.

Về mặt bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, chúng ta đã làm thất bại một bước những âm mưu và hành động đen tối của bọn phản động quốc tế và tay sai. Trước những hành động thù địch của chúng, nhân

dân ta càng đoàn kết, nhất trí, và tỏ rõ trách nhiệm của mình đối với Tổ quốc. Việc tuyển quân đạt kết quả tốt hơn bao giờ hết. Công cuộc bố trí phòng thủ đất nước đã và đang được đẩy mạnh.

Trên mặt trận ngoại giao, chúng ta đã tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, của nhiều nước khác và của nhân dân tiến bộ trên thế giới. Cuộc đi thăm 5 nước Đông – Nam Á của Thủ tướng Phạm-Văn-Đồng và cuộc đi thăm 14 nước châu Phi của Phó chủ tịch Nguyễn-Hữu-Thọ đã đạt được kết quả tốt đẹp. Đặc biệt, việc ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa nước ta với Liên-xô là một thắng lợi lớn của tình đoàn kết hữu nghị và hợp tác giữa hai nước. Nó hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của nhân dân hai nước, với lợi ích của các nước xã hội chủ nghĩa, và góp phần quyết định vào sự nghiệp bảo vệ hòa bình ở châu Á và trên thế giới.

Từ tình hình thực tế của cách mạng nước ta trong năm qua, nhiều nhân tố tích cực đang hình thành và phát triển :

— Sự nhất trí cao trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân về tình hình và nhiệm vụ mới đã tạo ra sức mạnh to lớn về mọi mặt.

— Phong trào thủy lợi, tăng vụ, tăng màu tiếp tục phát triển. Số người lao động đi xây dựng vùng kinh tế mới, diện tích khai hoang, diện tích trồng rừng tăng nhiều so với các năm trước. Đảng bộ và nhân dân các vùng bị lụt nặng đã phát huy tinh thần tự lực tự cường, khắc phục tốt những hậu quả của thiên tai. Nhiều địa phương có thành tích khá toàn diện trong sản xuất nông nghiệp và huy động đầy đủ sản phẩm cho Nhà nước.

— Nhiều xí nghiệp và hợp tác xã làm ăn giỏi, đạt năng suất và hiệu quả cao, mặc dù cũng gặp nhiều khó khăn về điều kiện sản xuất hoặc thời tiết như những nơi khác.

— Cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh đã giáng đòn quyết định vào giai cấp tư sản. Cuộc cải tạo nông nghiệp được triển khai rộng trên nhiều vùng.

— Công tác chiến đấu, phục vụ chiến đấu, tăng cường lực lượng quốc phòng, củng cố biên giới liên hành tởi.

Những nhân tố tích cực nói trên, một khi được phát huy và mở rộng, nhất định sẽ giúp chúng ta vượt qua những khó khăn trước mắt để tiến lên mạnh mẽ.

Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta còn phải trải qua những chặng đường gay go, gian khổ. Đặc biệt nền kinh tế nước ta đang đứng trước những khó khăn nghiêm trọng, do chưa khắc phục được bao

nhieu những mất cân đối lớn giữa sản xuất và tiêu dùng, giữa xuất khẩu và nhập khẩu, giữa thu và chi của ngân sách Nhà nước, giữa tiền tệ và hàng hóa, v.v.

Chúng ta cần thấy cho hết những nguyên nhân khách quan dễ nhìn nhận vấn đề cho đúng. Song cũng cần thấy rõ những khuyết điểm chủ quan trong công tác tổ chức, quản lý và chỉ đạo thực hiện đề ra sức khắc phục.

Một là, chúng ta chưa có ý thức đầy đủ vươn lên giải quyết những vấn đề cấp bách về kinh tế theo hướng độc lập, tự chủ; chưa thấu suốt đầy đủ đường lối kinh tế của Đảng trong các chủ trương kinh tế cụ thể cũng như trong việc bố trí kế hoạch Nhà nước. Trong công tác kế hoạch hóa, chúng ta chưa biết tận dụng những khả năng to lớn về lao động, đất đai kết hợp với những cơ sở công nghiệp hiện có để cân đối kế hoạch một cách tích cực và vững chắc; chưa thật sự tập trung đồng bộ cho nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nhất là tập trung cho những địa bàn quan trọng, những đơn vị trọng điểm, những sản phẩm chủ yếu; chưa chú trọng đầu tư thêm để tận dụng và phát huy những cơ sở công nghiệp sẵn có; chưa xây dựng nhanh, gọn, dứt điểm những công trình trọng điểm về cơ khí, năng lượng...; chưa chú trọng đúng mức đến giao thông vận tải; chưa giải quyết tốt các vấn đề về cơ sở vật chất — kỹ thuật, về chính sách và tổ chức quản lý để khai thác các khả năng sẵn có về xuất khẩu nông, lâm, hải sản, than, a-pa-lit, làm gia công cho nước ngoài, v.v.

Hai là, một số chính sách kinh tế chưa có tác dụng khuyến khích các cấp, các ngành và người lao động làm việc có kỹ thuật, có kỷ luật, tiết kiệm lao động, vật tư, tiền vốn, đạt năng suất và hiệu quả cao.

Chế độ quản lý kinh tế của ta chưa thật sự phù hợp với những quy luật kinh tế khách quan của chủ nghĩa xã hội và đặc điểm của nước ta tiến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; đặc biệt là chế độ quản lý theo lối hành chính bao cấp chậm được khắc phục, đã làm cho các ngành, các địa phương và các cơ sở coi nhẹ hiệu quả kinh tế.

Ba là, công tác tổ chức quản lý và chỉ đạo thực hiện có nhiều thiếu sót. Việc tổ chức lại sản xuất tiến hành chậm, chưa hình thành được hệ thống sản xuất, kinh doanh hợp lý trong từng ngành. Giữa ngành và địa phương chưa kết hợp được với nhau thành một cơ cấu đúng đắn. Việc quản lý ở cơ sở chưa có nền nếp. Công tác chỉ đạo thực hiện từ trên xuống dưới còn yếu. Công tác cán bộ có nhiều thiếu sót, không phát huy được tác dụng của những cán bộ có năng lực.



Năm 1979 đang đề ra trước toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta những nhiệm vụ chung sau đây :

Một là, ổn định và bảo đảm đời sống nhân dân.

Hai là, củng cố quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

Ba là, tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội nhằm đáp ứng những yêu cầu phát triển kinh tế trước mắt. Đồng thời chuẩn bị điều kiện phát triển trong những năm sau.

Thấu suốt những nhiệm vụ nói trên cũng tức là thấu suốt đường lối của Đảng vào hoàn cảnh cụ thể của năm 1979 — một năm có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự nghiệp phát triển kinh tế và củng cố quốc phòng của đất nước.

Trước hết, phải hết sức chăm lo ổn định và bảo đảm đời sống của nhân dân. Đó là một yêu cầu rất cấp bách để bồi dưỡng sức dân, tăng cường chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, đẩy mạnh ba cuộc cách mạng, nhằm thực hiện tốt cả ba nhiệm vụ nói trên.

Nhiệm vụ củng cố quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc cũng được đặt ra một cách cấp thiết. Trong việc thực hiện nhiệm vụ này, chúng ta kiên quyết bảo đảm mọi nhu cầu cần thiết cho quốc phòng ; mặt khác, đòi hỏi các lực lượng vũ trang nhân dân trong khi làm nhiệm vụ chủ yếu của mình là bảo vệ Tổ quốc, cũng phải góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế, hết sức tiết kiệm của cải của đất nước, tránh lãng phí.

Việc xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội vừa là một nhiệm vụ cơ bản lâu dài, vừa là một nhiệm vụ cấp bách. Nó phải được tiến hành một cách tập trung, đồng bộ, đề sớm có hiệu quả kinh tế.

Ba nhiệm vụ nói trên phải được tiến hành ăn khớp với nhau. Việc giải quyết tốt mối quan hệ gắn bó giữa ba nhiệm vụ đó là một trong những tư tưởng chỉ đạo quan trọng nhất của kế hoạch Nhà nước năm 1979.

Để thực hiện được ba nhiệm vụ nói trên, chúng ta phải giải quyết tốt cân đối quan trọng nhất của kế hoạch là : người lao động có việc làm và có đủ ăn, đủ mặc ; tận dụng những khả năng to lớn của ta về lao động và đất đai kết hợp với những cơ sở vật chất — kỹ thuật hiện có và sắp có để sớm vượt qua những khó khăn trước mắt, đưa nền kinh tế tiến lên mạnh mẽ trong những năm sau.

Trong năm 1979, phải làm tốt mười nhiệm vụ kinh tế mà kế hoạch Nhà nước đã đề ra.

Cùng với việc phát triển kinh tế, phải củng cố quốc phòng, an ninh. Chúng ta quyết tâm bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa, đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của tập đoàn Pôn Pốt – Iêng Xa-ry, sẵn sàng chiến đấu cao trên cả nước, bảo vệ nền chuyên chính vô sản, chế độ xã hội chủ nghĩa và công cuộc lao động hòa bình của nhân dân ta, bảo vệ an ninh chính trị và giữ vững trật tự xã hội.

Về mặt đối ngoại, phải tăng cường đoàn kết với Liên-xô vĩ đại, với nước Lào anh em và các nước xã hội chủ nghĩa khác, với các lực lượng yêu nước Cam-pu-chia, với nhân dân cách mạng và yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới. Ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới chống chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động quốc tế, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Tích cực phấn đấu cho hòa bình, độc lập, tự do, trung lập, ổn định và phồn vinh ở Đông Nam Á. Đặc biệt, phải tiếp tục vạch trần bộ mặt xấu xa của tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh, nêu cao chính nghĩa sáng ngời của nhân dân ta trước dư luận thế giới.



Những nhiệm vụ cách mạng hiện nay đang đòi hỏi Đảng ta phải giáo dục sâu sắc tinh thần **tự lực tự cường**, ý chí cách mạng mạnh mẽ và tinh thần làm chủ tập thể cho toàn thể đảng viên và nhân dân ta. Nêu cao trách nhiệm của mọi người đối với Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Khắc phục tư tưởng ý lại, thái độ ườn oài, thiếu tin tưởng, bệnh cục bộ, bản vị, địa phương chủ nghĩa.

Đề thực hiện những nhiệm vụ kinh tế của năm 1979, cần tập trung làm tốt mấy vấn đề sau đây :

I – Tận dụng lao động và đất đai, mở rộng nông nghiệp và lâm nghiệp. Đây là nhiệm vụ kinh tế hàng đầu hiện nay.

Phải tích cực phân bổ lại lao động nông thôn, tích cực đưa lao động đi xây dựng các vùng kinh tế mới, chú trọng trước hết đến đồng bằng sông Cửu-long và Tây-nguyên để nhanh chóng tạo ra một khối lượng lương thực cần thiết và nguồn hàng xuất khẩu quan trọng. Trong khai hoang, mở những công trường lớn tận dụng lao động thủ công kết hợp với một phần máy móc, đồng thời áp dụng ngay những biện pháp kỹ thuật tiên tiến. Tính toán chu đáo quy hoạch từng địa bàn, khai hoang đến đâu đưa vào sản xuất đến đó. Chú trọng ngay từ đầu những quy định về chống xói mòn, bảo vệ môi trường.

Ở thành phố, có kế hoạch đẩy mạnh sản xuất hàng hóa để xuất khẩu, tận dụng lao động làm gia công cho nước ngoài, mở mang sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công, tạo nguồn hàng trao đổi với nông thôn. Đây là cách tốt nhất để phát huy thế mạnh của thành phố, vừa bảo đảm nhu cầu của thành phố, vừa tác động đến nông thôn và nông nghiệp.

2 — Để tận dụng lao động và đất đai, điều mấu chốt là ra sức xây dựng và củng cố hợp tác xã, gắn liền với xây dựng cấp huyện.

Ở miền Nam, cần tiến hành nghiêm chỉnh chỉ thị của Bộ chính trị về xóa bỏ triệt để các hình thức bóc lột tư bản chủ nghĩa về ruộng đất, xúc tiến điều chỉnh ruộng đất ở nông thôn, đẩy mạnh hợp tác hóa nông nghiệp. Ở miền Bắc, cần làm tốt việc tổ chức lại sản xuất, củng cố hợp tác xã, mở rộng phong trào học tập và làm theo các hợp tác xã tiên tiến, bảo đảm sau vài năm không còn hợp tác xã kém nát, trì trệ.

Việc xây dựng và củng cố hợp tác xã phải gắn liền với xây dựng huyện và kiện toàn cấp huyện. Cùng với việc tăng cường huyện ủy viên về xã và hợp tác xã, cần đưa nhiều tình nguyện viên về làm công tác lãnh đạo trực tiếp ở huyện. Các ngành trung ương cần chuyển một bộ phận cán bộ quản lý và cán bộ khoa học — kỹ thuật về tăng cường huyện, giúp huyện làm chủ được quy hoạch và kế hoạch, áp dụng khoa học — kỹ thuật để thâm canh, tăng vụ, phân công lao động, phát triển ngành nghề, tổ chức đời sống.

Trong khi triển khai việc xây dựng huyện một cách toàn diện và đồng bộ, các ngành trung ương và các tỉnh, thành phố phải tập trung chỉ đạo một số huyện có vị trí quan trọng để vừa xây dựng nhanh các huyện trọng điểm, vừa rút kinh nghiệm chỉ đạo chung.

Việc củng cố cơ sở và xây dựng huyện sẽ giúp cho việc đổi mới công tác kế hoạch hóa tiến hành được tốt. Trên cơ sở kế hoạch của cơ sở và của huyện, mà xây dựng kế hoạch toàn ngành của các bộ, tổng cục và kế hoạch theo vùng lãnh thổ của các địa phương.

3 — Ra sức củng cố xí nghiệp, xây dựng ngành kinh tế — kỹ thuật lớn mạnh.

Các bộ và địa phương phải quan tâm chỉ đạo việc củng cố xí nghiệp, đưa chế độ quản lý xí nghiệp vào nền nếp: tuân theo các quy trình, quy phạm kỹ thuật, giữ vững các tiêu chuẩn, định mức kinh tế — kỹ thuật, bảo đảm sản xuất đạt hiệu quả và năng suất cao, chất lượng tốt. Thực hiện sự khen thưởng đúng đắn và xử phạt nghiêm minh; chống các hiện tượng tùy tiện, tự do, vô kỷ luật.

Từng ngành phải tổ chức xong sản xuất của ngành bằng cách thành lập các liên hiệp xí nghiệp, công ty, xí nghiệp liên hợp để thật sự đi vào hạch toán kinh tế. Các bộ phải làm đúng chức năng quản lý hành chính — kinh tế, tức là: lập quy hoạch và kế hoạch phát triển ngành; xây dựng chính sách, chế độ, xác định tiêu chuẩn, định mức kinh tế — kỹ thuật, chỉ đạo phát triển khoa học — kỹ thuật và đào tạo cán bộ, công nhân cho toàn ngành.

4 — Cải tiến một số chính sách, trước hết là các chính sách về lưu thông, phân phối.

Việc cải tiến chính sách phải nhằm: khuyến khích đẩy mạnh sản xuất, khuyến khích đi sâu vào kỹ thuật, khuyến khích tiết kiệm lao động, vật tư, nguyên liệu. Bảo đảm sự nhất trí giữa lợi ích của Nhà nước với lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân; thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động. Mở rộng quyền cho các cấp; chống gò bó, cứng nhắc. Bảo đảm nhanh, nhạy, thuận tiện, chống phiền hà, rắc rối, làm chậm các hoạt động kinh tế và gây khó khăn cho đời sống.

5 — Cải tiến tổ chức bộ máy và chỉ đạo thực hiện.

Cần chấn chỉnh và tăng cường bộ máy quản lý của một số ngành từ trung ương đến cơ sở, trước hết là các ngành nông nghiệp, lương thực và thực phẩm, lâm nghiệp, hải sản, ngoại thương, giao thông vận tải.

Giao đầy đủ quyền hạn cho ngành và địa phương để họ dựa theo đường lối, chủ trương và kế hoạch chung, làm chủ phương hướng và kế hoạch phát triển của mình, chịu trách nhiệm trước Đảng và nhân dân về kết quả công việc của mình.

Xúc tiến việc phân cấp quản lý giữa trung ương và địa phương. Thực hiện tốt sự phối hợp giữa các ngành để bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu của năm 1979 ở những địa bàn và cơ sở trọng điểm, đồng thời có chế độ cho các địa phương và cơ sở trực tiếp làm việc với Thường vụ Hội đồng Chính phủ.

Đề cao kỷ luật trong chỉ đạo quản lý, nhất là chế độ trách nhiệm cá nhân. Các đồng chí được phân công phụ trách từng địa bàn trọng điểm phải được giao quyền hạn thích đáng để có thể giải quyết công việc nhanh chóng và có hiệu lực.

Làm tốt công tác cán bộ. Có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo, sử dụng cán bộ đúng đắn. Tăng cường cán bộ tốt cho các ngành quan trọng, các đơn vị sản xuất và các huyện trọng điểm. Có chính sách khuyến khích cán bộ quản lý và cán bộ khoa học — kỹ thuật về công tác ở các huyện, các đơn vị cơ sở, các bộ phận trực tiếp sản xuất. Kiên quyết giảm nhẹ biên chế hành chính.

Việc thực hiện nhiệm vụ củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc phải là trách nhiệm của toàn dân do Đảng ta lãnh đạo, trong đó các lực lượng vũ trang nhân dân đóng vai trò nòng cốt.

Phải nêu cao ý thức trách nhiệm của toàn dân đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Phải tăng cường các lực lượng vũ trang nhân dân về mọi mặt : cả về số lượng và chất lượng, cả về tinh thần, tư tưởng và trang bị kỹ thuật, cả về khoa học – kỹ thuật quân sự và bản lĩnh chỉ huy, chiến đấu của từng cán bộ và chiến sĩ, cả về lực lượng thường trực và lực lượng hậu bị, cả về quan hệ nội bộ, quan hệ quân dân, cũng như bố trí sẵn sàng thể trận chiến tranh nhân dân chống đối tượng tác chiến mới v.v. Đương nhiên, sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân ta tùy thuộc một cách quyết định vào sức mạnh kinh tế của đất nước và có quan hệ rất lớn đến sự ủng hộ và giúp đỡ quốc tế. Vì vậy làm tốt công tác kinh tế và công tác đối ngoại cũng là cách rất quan trọng để củng cố lực lượng quốc phòng của nước ta.



Chúng ta tin tưởng rằng Đảng ta và nhân dân ta hoàn toàn có khả năng vượt qua những khó khăn trước mắt, đề tiếp tục đưa cách mạng nước ta tiến lên.

Dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, dựa vào phong trào cách mạng của đông đảo quần chúng, nêu cao tinh thần tự lực tự cường, lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa và tinh thần quốc tế vô sản, phát huy những nhân tố tích cực, nhân dân ta, quân đội ta nhất định sẽ đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội tiến lên mạnh mẽ và vững chắc, đem lại cơm no, áo ấm cho nhân dân ; nhất định sẽ chiến thắng chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc, bảo vệ được nền độc lập và tự do của Tổ quốc thân yêu.

Với ý chí sắt đá và niềm tin vững chắc, nhân dân và quân đội ta hãy anh dũng tiến lên, hoàn thành tốt những nhiệm vụ cách mạng của năm 1979 !

THẮNG LỢI VĨ ĐẠI CỦA NHÂN DÂN CAM-PU-CHIA ANH HÙNG



Ở đất nước Cam-pu-chia đau thương và anh dũng, một tin vui truyền đi khắp thế giới. Đúng 12 giờ 30 phút ngày 7-1-1979 thủ đô Nông-pênh được hoàn toàn giải phóng. Lá cờ đỏ mang hình năm ngọn tháp màu vàng của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia đã tung bay phấp phới giữa thủ đô Nông-pênh.

Trước cuộc tiến công ào ạt của các lực lượng vũ trang cách mạng Cam-pu-chia và cuộc nổi dậy dồn dập của nhân dân các dân tộc Cam-pu-chia, tập đoàn phản động Pôn Pốt — Iêng Xa-ry, tay sai của lực lượng phản động nước ngoài, đã sụp đổ hoàn toàn.

Theo nguyện vọng của nhân dân Cam-pu-chia, Hội đồng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia do Chủ tịch Heng Xom-rin đứng đầu đã được thành lập để quản lý đất nước.

Nhân dân Cam-pu-chia đã giành được quyền làm chủ đất nước của mình. Một kỷ nguyên mới đã mở ra trước nước Cam-pu-chia anh hùng: kỷ nguyên độc lập, tự do, tiến lên chủ nghĩa xã hội.



Nhân dân Cam-pu-chia vốn có truyền thống yêu nước nồng nàn và lao động cần cù xây dựng đất nước. Cùng chung cảnh ngộ bị chủ nghĩa đế quốc áp bức, trong hơn một thế kỷ nhân dân Cam-pu-chia đã sát cánh cùng nhân dân hai nước Lào và Việt-nam anh em chiến đấu để giành độc lập, tự do. Sau khi đế quốc Mỹ rút khỏi Cam-pu-chia và chính quyền tay sai Mỹ bị sụp đổ ngày 17-4-1975, đáng lẽ nhân dân Cam-pu-chia được sống yên ổn trong hòa bình, độc lập, tự do và xây dựng đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội thật sự, nhưng tập đoàn Pôn Pốt — Iêng Xa-ry phản bội sự nghiệp cách mạng của nhân dân Cam-pu-chia, thiết lập chế độ độc tài phát-xít và thi hành chính sách diệt chủng ở Cam-pu-chia, gieo rắc thảm họa kinh khủng cho nhân dân Cam-pu-chia.

Hơn ba năm qua, tập đoàn phản động Pôn Pốt — lêng Xa-ry đã gây ra biết bao đau thương và tang tóc cho nhân dân Cam-pu-chia. Hàng triệu người Cam-pu-chia đã bị giết. Tất cả những người dân ở thành thị đều bị bắt buộc phải rời bỏ nhà cửa đi về nông thôn sống trong cảnh cơ cực, chết dần chết mòn dưới chế độ lao động khổ sai. Nhiều làng, xã bị triệt hạ. Với chính sách cưỡng bức nhân dân vào « hợp tác xã tập thể triệt để », « ăn chung, ở chung », « xóa bỏ tiền tệ, chợ búa », tập đoàn Pôn Pốt — lêng Xa-ry tước đoạt mọi phương tiện sản xuất và sinh hoạt của nhân dân Cam-pu-chia, bắt mọi người phải lao động quá sức, ăn đói, mặc rách, làm cho mọi tầng lớp đều bần cùng và biến thành nô lệ.

Bọn Pôn Pốt — lêng Xa-ry đã làm cho nền kinh tế Cam-pu-chia bị đổ nát. Chúng đã phá hoại nghiêm trọng nền văn hóa lâu đời của dân tộc Cam-pu-chia. Chúng xóa bỏ các truyền thống và phong tục tốt đẹp của nhân dân Cam-pu-chia. Chúng chà đạp quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân. Chúng phá tan hệ thống chùa chiền của đạo Phật, nền quốc đạo lâu đời của nhân dân Cam-pu-chia. Chúng cưỡng bức các sư sãi hồi tục. Chúng diệt đạo Hồi đi đối với diệt dân tộc Chăm-pa. Chúng xóa bỏ hầu hết các trường học, từ tiểu học đến đại học, bắt học sinh đi lính để phục vụ cho chúng. Chúng tổ chức những cuộc « hôn nhân tập thể » cưỡng ép thanh niên nam nữ lấy nhau theo ý muốn của chúng, chà đạp lên quyền tự do kết hôn của thanh niên. Chúng cắt đứt mọi tình cảm và quan hệ cha mẹ con cái, anh em, vợ chồng, họ hàng, xóm làng. Chúng xóa bỏ gia đình, xóa bỏ làng mạc, cưỡng bức mọi người dân vào ở trong những trại tập trung trá hình. Chúng phân loại nhân dân để chia rẽ, kìm kẹp, dùng số người này chém giết số người khác. Chúng đã tàn sát hàng loạt những người cách mạng và yêu nước chân chính, những cán bộ và chiến sĩ có công trong các cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, vì những người này không chịu đi theo con đường phản nước hại dân của chúng.

Để đánh lạc hướng đấu tranh của nhân dân trong nước và che giấu tội ác của chúng đồng thời để phục vụ chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc, bọn Pôn Pốt — lêng Xa-ry đã tiến công xâm lược Việt-nam, gây ra cuộc chiến tranh biên giới chống Việt-nam. Chúng đưa thanh niên Cam-pu-chia ra làm bia đỡ đạn để thực hiện chính sách bành trướng của bọn phản động quốc tế. Chúng đã gieo rắc biết bao tội ác đối với nhân dân Việt-nam.



Chính sách phản động của bọn Pôn Pốt — lêng Xa-ry làm cho nhân dân Cam-pu-chia vô cùng căm tức. Hơn ba năm qua nhân dân Cam-pu-chia đã đoàn kết đứng dậy đấu tranh kiên quyết chống bọn Pôn Pốt — lêng Xa-ry để lật đổ ách thống trị phát xít của chúng.

Thề hiện ý chí và nguyện vọng của nhân dân các dân tộc Cam-pu-chia, Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia đã ra đời. Mặt trận chủ trương « Đoàn kết toàn dân, nổi dậy đánh đổ tập đoàn phản động gia đình trị Pôn Pốt — lêng Xa-ry, bẻ gãy tay chân phiệt trong nước làm tay sai cho lực lượng phản động nước ngoài; xóa bỏ chế độ tàn ác đẫm máu của chúng, thiết lập chế độ dân chủ nhân dân, phát huy truyền thống Ang-co, làm cho nước Cam-pu-chia thật sự là một nước hòa bình, độc lập, dân chủ, trung lập, không

liên kết và tiến lên chủ nghĩa xã hội, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung cho hòa bình và ổn định ở khu vực Đông - Nam châu Á ».

Sự ra đời của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước đã gây một niềm phấn khởi cách mạng to lớn khắp đất nước Cam-pu-chia. Cương lĩnh cứu nước 11 điểm của Mặt trận được các tầng lớp nhân dân Cam-pu-chia nhiệt liệt tán thành. Lời kêu gọi cứu nước của Mặt trận được nhân dân các dân tộc Cam-pu-chia sôi nổi hưởng ứng.

Dưới ngọn cờ của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia, các lực lượng vũ trang cách mạng Cam-pu-chia đã tiến công địch khắp mọi nơi trên đất nước Cam-pu-chia. Phối hợp với cuộc tiến công của các lực lượng vũ trang cách mạng, nhân dân các dân tộc Cam-pu-chia đã nổi dậy đồng loạt, xóa bỏ chế độ tàn bạo của bè lũ Pôn Pốt - Iêng Xa-ry.

Cách mạng Cam-pu-chia đã giành được thắng lợi vẻ vang. Từ nay nhân dân Cam-pu-chia là người chủ vĩnh viễn của đất nước Cam-pu-chia giàu đẹp. Cả loài người tiến bộ hoan nghênh thắng lợi vĩ đại của nhân dân Cam-pu-chia anh hùng.



Nhân dân Việt-nam ta vốn có truyền thống đoàn kết và hữu nghị lâu đời với nhân dân Cam-pu-chia anh em. Cùng chung cảnh ngộ bị chủ nghĩa đế quốc áp bức suốt một thế kỷ, chúng ta thông cảm sâu sắc với những nỗi đau khổ của những người anh chị em Cam-pu-chia, và vui mừng trước những thắng lợi của họ.

Thắng lợi vĩ đại của cách mạng Cam-pu-chia đánh dấu sự toàn thắng của sự nghiệp đấu tranh vì độc lập, tự do của ba dân tộc anh em cùng sống trên bán đảo Đông-dương. Từ nay, thoát khỏi sự áp bức và khống chế của bọn xâm lược nước ngoài, ba dân tộc anh em Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia cùng nhau đoàn kết xây dựng cuộc sống mới trên tinh thần tuyệt đối tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau, bình đẳng và giúp đỡ lẫn nhau. Truyền thống đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung của ba dân tộc sẽ được phát huy hơn nữa trong sự nghiệp hòa bình xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ba nước anh em.

Với tinh thần chủ nghĩa quốc tế vô sản cao cả, nhân dân Việt-nam nhiệt liệt chào mừng thắng lợi vĩ đại của nhân dân Cam-pu-chia anh hùng.

Tap chí Cộng sản

TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG LÝ LUẬN QUÂN SỰ VIỆT-NAM

LÊ - DUẦN

Lời Bộ biên tập — Cách đây 6 năm, ngày 11-1-1973, đồng chí Lê-Duẩn, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng đã đến thăm quán chủng phòng không — không quân Quân đội nhân dân Việt-nam. Trong dịp này đồng chí đã nói chuyện với các cán bộ cao cấp và trung cấp quân chủng phòng không — không quân về vấn đề nghiên cứu xây dựng lý luận quân sự Việt-nam.

Để giúp bạn đọc nghiên cứu đường lối quân sự của Đảng, chúng tôi xin đăng bản lược ghi bài nói đó của đồng chí Lê-Duẩn.



HÚNG ta thắng lớn quá!

Chưa bao giờ tôi vui mừng và xúc động như lúc này!

Trong cuộc đấu tranh sinh tử giữa ta và địch, chúng ta đã lường trước những tổn thất, hy sinh. Dân tộc ta đã từng đứng trước nguy cơ bị diệt vong dưới ách thống trị tàn bạo của bọn phong kiến nước ngoài trước kia và bọn đế quốc hơn một thế kỷ nay. Chỉ một trận đói năm 1945 đã làm chết hơn hai triệu đồng bào ta! Từ Cách mạng tháng Tám đến

nay, nhân dân ta phải liên tiếp đương đầu với sự xâm lược của phát xít Nhật, thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Hàng chục vạn chiến sĩ và đồng bào ta đã ngã xuống vì độc lập, tự do của Tổ quốc! Con cháu chúng ta muôn đời ghi nhớ sự hy sinh cao cả đó!

Vừa qua, giặc Mỹ lại đem bom đạn đến đánh phá hồng hỷ diệt Hà-nội và Hải-phòng. Món nợ máu này, chúng đã và còn phải trả! Các đồng chí đã đánh rất giỏi và thắng rất lớn. Các đồng chí đã tiêu diệt nhiều máy bay B.52, đập

tan uy thế của không lực Hoa-kỳ, con bài chủ của chính sách « ngăn đe » của Mỹ.

Thay mặt Trung ương Đảng, tôi nhiệt liệt khen ngợi và hoan hô tất cả các đồng chí!

Trong kháng chiến chống Mỹ, cả hai miền đều đánh giỏi. Ở miền Nam, ta đã đánh thắng một đội quân xâm lược lớn được trang bị rất hiện đại, gồm hơn năm chục vạn quân viễn chinh Mỹ và ngót một triệu quân tay sai. Ở miền Bắc, ta đã làm thất bại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của Giôn-xơn. Bây giờ ta lại thắng lớn, đập tan cuộc tập kích chiến lược bằng cả không quân chiến lược và không quân chiến thuật của Nich-xơn, đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của giặc Mỹ.

Những thắng lợi đó khẳng định sự đúng đắn của đường lối quân sự của Đảng ta. Chúng ta cần tổng kết kinh nghiệm của chiến tranh chống Mỹ, cứu nước để xây dựng cho được một lý luận quân sự Việt-nam hoàn chỉnh. Đây là một vấn đề rất quan trọng. Trong thực tiễn cách mạng, bất cứ làm việc gì mà muốn đạt tới thành công thì phải hiểu rõ lý luận về việc đó; bởi vì không có lý luận cách mạng thì không có phong trào cách mạng. Trong chiến tranh cách mạng cũng vậy, không có lý luận quân sự thì không thể đánh thắng được quân giặc. Cuộc chiến đấu của chúng ta đang tiếp tục. Từ thắng lợi hôm nay, chúng ta phải tiến lên giành thắng lợi

hoàn toàn. Và ngày mai thắng xong giặc Mỹ, nhân dân ta phải luôn luôn chăm lo bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy, cần làm cho cán bộ, chiến sĩ quân đội ta nắm vững hơn nữa lý luận quân sự Việt-nam, khoa học quân sự Việt-nam.

Là một công cụ của Nhà nước vô sản chịu sự lãnh đạo trực tiếp và tuyệt đối của Đảng, quân đội ta trước hết phải học tập hiểu biết chủ nghĩa Mác - Lê-nin, phải quán triệt sâu sắc đường lối chính trị của Đảng. Đường lối đó đã được các Đại hội của Đảng quyết định và được Ban chấp hành Trung ương và Bộ chính trị chỉ đạo thực hiện để biến thành hành động cách mạng của quần chúng. Nhưng là lực lượng vũ trang của Đảng thì quân đội phải coi việc tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối quân sự, nhiệm vụ quân sự do Đảng đề ra là nhiệm vụ trung tâm của mình. Muốn thế, nhất thiết phải xây dựng lý luận quân sự, khoa học quân sự đề trang bị cho quân đội ta. Đó là cơ sở để chỉ đạo mọi hoạt động của quân đội từ mỗi trận đánh, mỗi chiến dịch cho đến toàn bộ chiến lược quân sự; là cơ sở để đào tạo cán bộ, huấn luyện bộ đội, nâng cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang của chúng ta.

Lâu nay chúng ta đã làm công tác nghiên cứu lý luận quân sự và đã thu được một số thành tựu đáng kể; tuy nhiên nhìn chung kết quả còn hạn chế. Nhiều vấn

đề chưa được nghiên cứu; có những vấn đề đã nghiên cứu nhưng chưa sâu, hoặc phân tích, lý giải thiếu chặt chẽ, thậm chí có khi kết luận sai những điều ta đã làm đúng và rất sáng tạo. Trong những thiếu sót nói trên, có trường hợp liên quan đến những lệch lạc về quan điểm, tư tưởng, nhưng thường là do sai lầm về phương pháp luận. Điều đó khiến cho ta nhận thức một số vấn đề quân sự chưa thật sáng tỏ, và khi vận dụng kinh nghiệm vào thực tiễn chiến đấu, có nơi, có lúc ta làm chưa hay lắm, cho nên đáng lẽ thắng mười phần thì ta chỉ mới thắng được bảy, tám.

Muốn nghiên cứu, xây dựng lý luận quân sự Việt-nam, chúng ta phải nắm vững phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Chính đó là nội dung cơ bản, là thực chất làm cho chủ nghĩa Mác – Lê-nin trở thành chân lý phổ biến, thành kim chỉ nam cho mọi hành động cách mạng của chúng ta.

Trong *Bút ký triết học*, Lê-nin có nhận xét rằng nhiều nhà mác xít đọc bộ « *Tư bản* » của C. Mác hàng chục năm mà chưa hoàn toàn hiểu được C. Mác; Người đã chỉ ra nguyên nhân là « họ chưa nghiên cứu kỹ và hiểu toàn bộ lô gích học của Hê-ghe » (1). Có nghĩa là họ chưa nắm được giá trị của phương pháp luận mà C. Mác đã kế thừa và vận dụng sáng tạo trong khi viết bộ « *Tư bản* ». C. Mác đã nghiên cứu chủ

nghĩa tư bản bắt đầu từ hàng hóa đến tiền tệ, đến giá trị, giá trị thặng dư và tư bản. Đó là phương pháp suy luận đi từ tế bào đơn giản nhất để tìm ra được những nguyên lý và quy luật của sự vật.

Năm 1848, trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, C. Mác và F. Ăng-ghe-n đã đưa ra một luận điểm nổi tiếng: « Lịch sử tất cả các xã hội, cho đến ngày nay chỉ là lịch sử đấu tranh giai cấp » (2). Bốn mươi năm sau, trong cuốn *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của Nhà nước* F. Ăng-ghe-n lại viết: « Nhân tố quyết định trong lịch sử, quy cho đến cùng là sản xuất và tái sản xuất ra đời sống trực tiếp » (3). Đấu tranh giai cấp diễn ra trên cơ sở sản xuất, trên cơ sở kinh tế; nếu không nghiên cứu kỹ điều ấy thì sẽ hiểu sai về đấu tranh giai cấp. Từ *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* đến *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của Nhà nước*, lý luận về khoa học đấu tranh cách mạng phát triển như thế đấy. Và mỗi lần phát triển lý luận là mỗi lần người ta đi sâu vào bản chất và các quá trình

(1) V. Lê-nin: *Bút ký triết học*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, trang 200.

(2) C. Mác, F. Ăng-ghe-n: *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1974, trang 42.

(3) F. Ăng-ghe-n: *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của Nhà nước*, Nhà xuất bản Sự thật, 1972, trang 6.

phát triển của sự vật, đi sát gần chân lý hơn. Rõ ràng trong công tác lý luận, công tác khoa học, chúng ta không thể đơn giản. Đề khẳng định một kết luận, phải lật qua lật lại vấn đề nhiều lần. Phải có thái độ nghiêm túc, vừa cách mạng, vừa khoa học. Chỉ có nhiệt tình, chỉ bằng vào kinh nghiệm rõ ràng là chưa đủ; còn phải có kiến thức, ngày càng có thêm nhiều kiến thức, thì mới đi tới lý luận, đi tới khoa học được.

Hiểu được khoa học quân sự là một điều khó và về một mặt nào đó, có thể khó hơn là hiểu khoa học kinh tế, khoa học sản xuất. Khoa học quân sự là khoa học về các quy luật đấu tranh bằng bạo lực, bằng sức mạnh, bằng vũ trang giữa các lực lượng xã hội đối lập nhau. Nó liên quan đến những con người khác nhau, với tư cách là những giai cấp và dân tộc đối địch nhau, tung ra những nỗ lực cao nhất, sử dụng những vũ khí, những phương tiện chiến tranh, những thành tựu khoa học mới nhất vào cuộc đấu tranh sống còn với nhau để thực hiện mục đích chính trị của mình. Cho nên nó là một môn khoa học tổng hợp, phải dựa vào nhiều môn khoa học, nghiên cứu nhiều thứ quy luật, cả quy luật của đấu tranh xã hội và quy luật của thiên nhiên, của kỹ thuật. Ngoài những quy luật chung phổ biến, còn có những quy luật riêng do điều kiện xã hội, hoàn cảnh địa lý... của từng nước sinh ra. Những quy luật đó tác động lẫn nhau, cùng

diễn ra trong một thời gian nhất định và một không gian nhất định. Chúng không ngừng vận động cùng với sự vận động của những điều kiện cụ thể, và luôn luôn tác động vào các bên tham gia chiến tranh, thông qua hành động của các bên tham chiến mà tác động vào quá trình phát sinh, diễn biến và kết thúc của từng hoạt động tác chiến nói riêng cũng như của chiến tranh nói chung. Bên nào nắm được những quy luật đó và biết vận dụng những quy luật đó phù hợp với những điều kiện cụ thể trong quá trình điều khiển chiến tranh, thì bên đó nhất định giành được thắng lợi. Đây là một vấn đề khoa học và còn là một nghệ thuật nữa.

Ta đánh thắng giặc Mỹ không phải là chuyện tình cờ, may rủi. Vừa qua ta hạ được nhiều máy bay B.52 là vì ta phán đoán đúng tình hình, nắm được quy luật hoạt động của địch và đề ra được cách đánh tốt; vì ta phát huy được ý chí chiến đấu không lay chuyển của quân đội và nhân dân ta để xây dựng lực lượng phòng không; vì các lực lượng vũ trang của chúng ta đã làm chủ được kỹ thuật quân sự hiện đại, sử dụng thành thạo những vũ khí có trong tay. Không làm đúng, làm tốt tất cả các công việc đó thì làm sao ta có thể đánh thắng được giặc như vậy?

Muốn đánh thắng, phải biết địch, biết ta, phải có thiên thời, địa lợi, nhân hòa. Ta đánh Mỹ

trên đất nước ta, với địa hình dài và hẹp, với những con người mang sẵn truyền thống, tâm hồn và đặc tính riêng. Cho nên ngoài việc nắm vững khoa học quân sự của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, ta còn phải hiểu rõ những đặc điểm, những cái riêng của Việt-nam để vận dụng lý luận sát hợp với hoàn cảnh cụ thể của nước ta.

Ta thắng Mỹ là do ta có cách đánh thích hợp, về chiến lược cũng như về chiến thuật, về đường lối quân sự cũng như về nghệ thuật quân sự. Có thể nói ta đã sáng tạo ra một kiểu chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, một cách đánh giặc mang nhiều đặc điểm Việt-nam.

Tư tưởng chiến lược của ta là tiến công. Trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứ nước, ta tiến công là chính; ngay cả khi đế quốc Mỹ đưa vào đất nước ta bốn, năm chục vạn quân, ta vẫn không lùi về phòng ngự. Xuất phát từ tư tưởng chiến lược đó, đồng thời căn cứ vào tính chất của chiến tranh và đặc điểm của chiến trường, ta đã đề ra phương châm « làm chủ đề liêu diệt địch, tiêu diệt địch để làm chủ », tạo ra thể trận liên hoàn của chiến tranh nhân dân nhằm căng địch ra, chia cắt, bao vây địch lại mà đánh. Ta tiến công địch đồng thời ta biết kéo địch xuống thang từng bước, đi đến kéo tuột địch xuống để đánh thắng hoàn toàn. Đó là một số trong những nét

đặc thù rất quan trọng trong đường lối quân sự của ta.

Trong khi nghiên cứu, xây dựng lý luận quân sự, cần phải phân tích các mối quan hệ và sự kết hợp giữa chính trị và quân sự, giữa khởi nghĩa của quần chúng và chiến tranh cách mạng, giữa tiền tuyến và hậu phương, giữa ba vùng chiến lược, giữa ba thứ quân và các quy mô tác chiến, v.v. để rút ra kết luận về những vấn đề có tính quy luật tạo thành nghệ thuật quân sự và sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân Việt-nam.

Nói đến đánh giặc, đặc biệt phải nói đến con người. Ta đánh thắng giặc Mỹ là nhờ có chủ nghĩa cộng sản khoa học, có chế độ mới, đồng thời nhờ có con người Việt-nam, và ta thường nói trong chiến tranh, con người là nhân tố quyết định. Đúng thế. Nhưng con người nói ở đây là con người lịch sử, con người cụ thể. Con người đó phải ở trong một tổ chức nhất định, được trang bị như thế nào về tinh thần và vật chất thì mới có sức mạnh, và do đó mới đóng được vai trò quyết định. Nếu chỉ là con người chung chung, sống riêng lẻ với hai bàn tay trắng, với bộ óc trống rỗng, không có kiến thức gì cả thì làm sao có thể trở thành nhân tố quyết định được? Vì vậy, ta phải nghiên cứu lịch sử Việt-nam, qua đó mà hiểu con người Việt-nam với truyền thống anh hùng của dân tộc, với những đức tính tốt đẹp và tài thao lược từ ngàn xưa để lại. Ta lại phải

nghiên cứu con người Việt-nam đã vùng dậy giành giải phóng, đang nắm lấy vận mệnh của mình và quyết định tiền đồ của đất nước, từ đó mới thấy được sức mạnh cách mạng rất to lớn, năng lực chiến đấu rất hùng hậu của nhân dân ta thông qua những tổ chức chính trị và vũ trang mang tính chất quần chúng.

Tìm hiểu con người, chúng ta không thể bằng lòng với việc xem xét lập trường giai cấp một cách chung chung, coi đó như là một thuộc tính không hề thay đổi. Thật ra không phải như vậy. Muốn tìm hiểu con người phải đặt nó trong quá trình phát triển của lịch sử. Từ địa vị nô lệ và làm thuê chuyển thành địa vị con người tự do và làm chủ, thì ý thức, tư tưởng, quan điểm, lập trường của nhân dân lao động có những biến chuyển rất cơ bản và sâu sắc. Có thấy rõ điều đó thì mới đánh giá đúng lòng yêu nước, ý thức giác ngộ giai cấp, tinh thần độc lập, khát vọng tự do của các tầng lớp nhân dân, do đó mới làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục để phát huy vai trò của con người trong chiến đấu. Ví dụ, đối với thanh niên, thiếu niên, việc giáo dục truyền thống qua lịch sử dân tộc là rất quan trọng, song mục đích không phải là để phát động các em vùng dậy như những thế hệ bị áp bức, bóc lột trước kia, mà cái chính là để khơi dậy và bồi dưỡng cho các em tinh thần làm chủ tập thể.

Chúng ta cũng thường nói đến

tư tưởng, nhưng tư tưởng là gì? Về vấn đề này, trong chúng ta có người nhận thức chưa đúng, và về công tác tư tưởng chúng ta làm cũng chưa thật tốt. Một số tài liệu nói về tư tưởng và công tác tư tưởng trong bộ đội còn đơn giản và công thức lắm; lúc thì coi tư tưởng như là những hiện tượng tâm lý thông thường; lúc lại đề cao quá mức, tuyệt đối hóa tư tưởng theo chủ nghĩa duy ý chí. Nói đến tư tưởng trong quân đội, một mặt là nói đến lý tưởng cách mạng, đến nhận định kẻ thù, đến tinh thần sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, và ý thức kỷ luật, ý thức chấp hành mệnh lệnh... Song mặt khác, không thể không nói đến sự hiểu biết về đường lối quân sự, về lý luận và khoa học quân sự. Công tác tư tưởng trong quân đội không chỉ nhằm động viên, bồi dưỡng tinh thần chiến đấu cho cán bộ, chiến sĩ, mà còn phải trang bị cho họ những hiểu biết cần thiết về lý luận quân sự và khoa học quân sự.

Chúng ta giành được thắng lợi là do chúng ta dám đánh, dám thắng và biết đánh, biết thắng. Phải dũng cảm, phải quyết tâm dám đánh, dám thắng; nhưng còn phải biết đánh, biết thắng nữa thì mới thắng được. Dám đánh, dám thắng là tinh cảm cách mạng; đó là điều kiện không thể thiếu được giúp ta đặt đúng vấn đề. Còn biết đánh, biết thắng là tài năng, lý trí, là lý luận, khoa học, là cái giúp ta giải quyết đúng

vấn đề. Hai mặt đó dính liền với nhau và đều quan trọng. Muốn xây dựng, đào luyện con người bộ đội, phải chú ý cả tình cảm và lý trí, bồi dưỡng cả đạo đức và tài năng. Nhưng yêu cầu đó đối với người chỉ huy không thể giống như đối với đội viên. Nếu như ở người đội viên, ta đòi hỏi trước tiên phải có lòng hăng hái cách mạng rồi mới đến sự thuần thục về kỹ thuật, chiến thuật, thì ở người chỉ huy, trong hai mặt tình cảm và lý trí, đạo đức và tài năng, cần phải nhấn mạnh hơn yêu cầu về lý trí, về năng lực. Lê-nin nói: khi đề ra một chủ trương gì, phải *hết sức khách quan, trầm tĩnh*, dùng lý trí để suy nghĩ, tính toán khoa học, không thể chỉ dựa vào tình cảm cách mạng, càng không để cho tình cảm chi phối, để cho tình cảm chi phối là tội lỗi (4). Trong quân đội, cán bộ có trách nhiệm rất nặng nề; cán bộ phải giải quyết nhiều vấn đề thuộc về chủ trương, đường lối có liên quan đến việc lớn của quốc gia, đến xương máu của chiến sĩ, đồng bào; cho nên phải sử dụng lý trí nhiều hơn. Phải chịu khó nghiên cứu, phân tích đi sâu vào bản chất của sự vật, vận dụng lý luận và khoa học quân sự để định ra cách tổ chức bộ đội, cách nuôi quân, cách huấn luyện tốt nhất và cách đánh giặc hay nhất. Một người chỉ huy mà hời hợt, nặng về tình cảm, nhẹ về lý trí, đơn thuần hăng hái, tích cực mà không có tài năng làm chủ công

việc thì không còn là người chỉ huy nữa.

Trong tình hình hiện nay, cần phải làm tốt hơn nữa công tác nghiên cứu, xây dựng lý luận quân sự, đồng thời phải biết gắn liền nó với công tác huấn luyện bộ đội. Đây là một vấn đề rất lớn có quan hệ trực tiếp đến việc xây dựng quân đội của chúng ta. Phải làm sao cho mọi ngành, mọi người trong lực lượng vũ trang đều quán triệt lý luận quân sự Việt-nam, cho tất cả cán bộ, chiến sĩ của quân chủ lực cũng như quân địa phương đều được đào tạo, huấn luyện có quy củ theo một chương trình chặt chẽ, chính xác và khoa học. Bộ Tổng tham mưu, Tổng cục chính trị phải quan tâm đầy đủ đến công tác này; và muốn thế, phải có một tổ chức mạnh phụ trách công tác tổng kết kinh nghiệm kháng chiến và nghiên cứu lý luận quân sự, đồng thời phải sử dụng các học viện của quân đội vừa làm nhiệm vụ đào tạo cán bộ, vừa tham gia nghiên cứu lý luận quân sự.

Cuộc chiến đấu của chúng ta không chỉ vì lợi ích của dân tộc mình mà còn đem lại lợi ích cho cả loài người tiến bộ. Điều này không phải do ta nêu ra mà chính anh em, bầu bạn ta trên thế giới nhận định như vậy. Chúng ta đang chiến đấu cho những mục

(4) V. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, trang 58.

tiêu chung của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, trong đó hai mục tiêu cơ bản nhất là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Độc lập dân tộc có nghĩa là cả dân tộc được giải phóng và mỗi thành viên trong dân tộc đều được tự do. Nền độc lập ấy không chỉ là độc lập về chính trị mà nó còn phải thể hiện trên các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội nữa. Cho nên phải đi tới chủ nghĩa xã hội thì mới có độc lập dân tộc thật sự. Sự gắn bó giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đã trở thành một xu thế phát triển tất yếu, một đòi hỏi cấp bách của cách mạng nhiều nước trong thời đại ngày nay. Trong các nước xã hội chủ nghĩa, dân tộc và chủ nghĩa xã hội quyện vào nhau làm một. Tuy vậy, mỗi dân tộc tồn tại trên một nền kinh tế nhất định, và một nền kinh tế nhất định gắn liền với một dân tộc nhất định. Người ta không thể tùy ý xóa bỏ các biên giới quốc gia giữa các nước xã hội chủ nghĩa, bởi vì trình độ phát triển của các nước đó không đều nhau, và mỗi nước, mỗi dân tộc lại có những truyền thống, những đặc điểm riêng cần phải tính đến trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tất nhiên, sẽ phạm sai lầm nếu quá nhấn mạnh đặc điểm dân tộc mà phủ nhận những quy luật chung phổ biến của cách mạng xã hội chủ nghĩa; và sẽ sai lầm nguy hiểm hơn nếu từ bỏ chủ nghĩa quốc tế vô sản, thực hành chủ nghĩa ích

kỷ dân tộc và chủ nghĩa sô vanh nước lớn. Hiện nay, có người đi lạc hướng nhiều rồi đấy! Phải coi chừng!

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nhân dân ta đã và đang gánh vác một sứ mệnh lịch sử cao cả và rất nặng nề. Giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, và bằng việc kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược đó, chúng ta đã tìm ra được cách làm đúng, làm tốt để đưa sự nghiệp cách mạng nước ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Hiện nay, ở nước ngoài có dư luận cho rằng Việt-nam sẽ là một cường quốc ở Thái-bình-dương. Đó là những lời bình có dụng ý xấu. Hoài bão lớn nhất của chúng ta là lo làm sao giành được độc lập hoàn toàn, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trong cả nước và bảo vệ được những thành quả cách mạng của mình. Ta không mong gì hơn thế. Còn nếu thắng lợi của cuộc chiến đấu hôm nay và thực tiễn xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ngày mai ở nước ta có góp phần làm phá sản các khuynh hướng sai lầm, phản động và giúp được phần nào cho một số nước có hoàn cảnh tương tự như chúng ta suy nghĩ về con đường cách mạng của họ thì chúng ta càng vui mừng. Chắc rằng những bầu bạn quốc tế chân thành sẽ cùng chia sẻ niềm tự hào, phấn khởi của chúng ta. Nhưng, trên thế giới không phải không có những người đang lo sợ

điều mong ước của chúng ta sẽ trở thành sự thật.

Trước đây, ta kháng chiến chín năm mới giải phóng được nửa nước. Ta không thể nói nửa nước được giải phóng. Nói độc lập là nói cả nước. Nước Việt-nam là một, không thể phân chia. Khi quân Mỹ rút hết, đất nước ta không còn đội quân xâm lược nào nữa, đó sẽ là một thắng lợi vĩ đại, một giai đoạn mới của lịch sử nước nhà. Đương nhiên, trên một phần đất nước ta ở miền Nam, vẫn còn bọn tay sai của Mỹ. Còn chính quyền tay sai của Mỹ thì cuộc đấu tranh của nhân dân ta còn tiếp tục. Trước mắt, ta chủ trương không tiến công địch về quân sự. Nhưng nhất thiết ta không cho phép chúng tiến công ta và kiên quyết đấu tranh buộc chúng phải đi con đường hòa bình. *Còn nếu chúng ngoan cố, mù quáng tiến công ta bằng quân sự, thì ta nhất định sẽ giáng cho chúng những đòn quyết liệt để giành thắng lợi hoàn toàn. Điều cần ghi nhớ là trong bất cứ tình huống nào ta cũng phải mạnh, mạnh trong cả nước và mạnh ở miền Nam. Phương hướng đấu tranh trước mắt của ta đại thể là như vậy.*

Cuộc chiến tranh xâm lược do Mỹ gây ra đến nay đã 18 năm. Mỹ càng đánh càng thua to. Ních-xon lên cầm quyền, nói rút quân nhưng thực tế lại đẩy mạnh và mở rộng chiến tranh. Tiến quân xâm lược Cam-pu-chia, đánh ra

đường số 9 – Nam Lào, Mỹ lại thua đau hơn nữa. Nhưng vì cố bám giữ chiến lược làm bá chủ thế giới và có tiềm lực kinh tế, quốc phòng lớn, cho nên Mỹ vẫn chưa từ bỏ dã tâm xâm lược. Nước ta lại ở vào một khu vực có sự tranh chấp phức tạp giữa các thế lực đế quốc và phản động. Hơn ai hết, quân đội cần nhận rõ tình hình và nhiệm vụ, nắm vững đường lối chính trị, quân sự, đường lối đối nội, đối ngoại của Đảng, không ngừng nâng cao cảnh giác cách mạng, tiếp tục chiến đấu hy sinh để hoàn thành giải phóng dân tộc, bảo vệ vững chắc Tổ quốc ta và làm tròn nghĩa vụ quốc tế.

Cuộc đấu tranh sắp tới tuy còn gay go nhưng có nhiều thuận lợi: ta có đường lối đúng, có lực lượng quân sự mạnh, được đông đảo quần chúng đồng tình, ủng hộ và bầu bạn khắp năm châu giúp đỡ...

Chúng ta nhất định thắng, nhất định sẽ giành được độc lập hoàn toàn. Tình hình diễn biến cụ thể như thế nào thì một thời gian nữa sẽ rõ.



Trước thời đại chúng ta, trên thế giới không ở đâu có độc lập, tự do; chẳng những nhiều dân tộc phải làm thân nô lệ, mà ở những nước đi xâm lược cũng không có tự do. Chỉ sau Cách mạng tháng Mười, chủ nghĩa xã hội ra đời, thì độc lập, tự do cho

nhân dân lao động, cho các dân tộc bị áp bức mới trở thành mục tiêu hiện thực. Bác Hồ nói: «Không có gì quý hơn độc lập, tự do!» Chân lý đó không chỉ đúng với Việt-nam mà còn nói lên khát vọng của nhân dân các nước trên thế giới. Chỉ đến giai đoạn lịch sử này, có chủ nghĩa xã hội, con người mới thật sự là con người độc lập, tự do, con người làm chủ tập thể; chứ trước đây những quyền thiêng liêng đó của con người đều bị tước đoạt; chỉ có những người thuộc giai cấp bóc lột được làm chủ và chỉ là làm chủ cá thể thôi.

Qua cuộc chiến đấu cứu nước này, chẳng những quân đội ta có điều kiện để xây dựng lý luận và khoa học quân sự mà còn xây dựng được con người Việt-nam mới. Quân đội là một trường học tốt để đào luyện thanh niên thành con người mới, góp phần vào việc xây dựng con người mới cho toàn xã hội. Con người mới là con người làm chủ tập thể, chiến đấu giỏi, lao động giỏi, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng, biết gạt bỏ những đòi hỏi có tính chất cá nhân chủ nghĩa để luôn luôn làm

tròn nghĩa vụ phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc. Tôi mong rằng tất cả cán bộ và chiến sĩ trong quân đội ta sẽ phấn đấu trở thành những con người mới trong chiến đấu giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc cũng như trong sản xuất xây dựng chủ nghĩa xã hội. Làm chủ tập thể là một động lực rất lớn đối với cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Quân đội phải giáo dục cho cán bộ, chiến sĩ có quan điểm đúng về vấn đề làm chủ tập thể, và có ý thức sâu sắc vì nghĩa lớn mà hy sinh, chiến đấu; đồng thời phải đề phòng tư tưởng công thần có thể nảy sinh sau những năm tháng chiến đấu gian khổ và chiến thắng vẻ vang.

Hôm nay, đến thăm các đồng chí, tôi rất phấn khởi. Các đồng chí đã hoàn thành xuất sắc những nhiệm vụ trọng đại mà Đảng và nhân dân giao phó trong những giờ phút nghiêm trọng của lịch sử. Đảng và nhân dân rất mực thương yêu, tin cậy các đồng chí.

Nhiệm vụ cách mạng trước mắt còn rất nặng nề. Các đồng chí hãy hăng hái tiến lên giành những thắng lợi mới to lớn hơn nữa.

PHẦN ĐẦU ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ CÁC CẤP ĐẠT KẾT QUẢ TỐT NHẤT (*)

TÓ - HỮU

 ỖI nghị lần này của chúng ta bàn về việc chuẩn bị tiến hành Đại hội đảng bộ các cấp từ cơ sở đến huyện, đến tỉnh. Như các đồng chí biết, Ban bí thư Trung ương Đảng đã có chỉ thị về vấn đề này. Chỉ thị của Trung ương đã chỉ rõ: « Đại hội đại biểu các đảng bộ tỉnh, thành phố, huyện, quận, thị xã và cơ sở sắp tới họp trong hoàn cảnh cả nước vừa đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu; kế hoạch Nhà nước 5 năm 1976 — 1980 chỉ còn 2 năm để thực hiện; nhiệm vụ cũ chưa được hoàn thành lại có thêm những nhiệm vụ mới; những khó khăn cũ chưa được khắc phục lại có thêm những khó khăn mới, nhất là những khó khăn do thiên tai gây ra ở nhiều địa phương ». Chỉ thị của Trung ương cũng đã nêu rõ những yêu cầu, chủ trương và biện pháp chỉ đạo việc tiến hành các đại hội.

Vì Đại hội đảng bộ các cấp lần này có tầm quan trọng đặc biệt như vậy, cho nên cần được chuẩn bị và tiến hành thật tốt với quyết tâm cao nhất

để tạo nên những chuyển biến thực sự có ý nghĩa trên mọi mặt của phong trào địa phương. Trước hết, phải tạo được chuyển biến mạnh mẽ trên mặt trận *sản xuất nông nghiệp*, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, hoàn thiện quan hệ sản xuất ở miền Bắc, kết hợp với tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý, góp phần *thực hiện thắng lợi những mục tiêu của Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng*, đem lại cho nhân dân ta một *dời sống vật chất và văn hóa* ổn định, có mặt được cải thiện khá hơn. Đồng thời phải bảo đảm giữ vững *an ninh chính trị, củng cố quốc phòng* vững mạnh, đủ sức đối phó với mọi tình huống, kể cả tình huống xấu nhất.

Để đạt những mục tiêu ấy, nhất thiết phải phát huy mạnh mẽ *quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động*, vì đó là bản chất tốt đẹp, là sức mạnh vĩ đại của chế độ ta, là động lực quan trọng nhất thúc đẩy mọi phong trào cách mạng; đồng thời phải xây dựng cho được các tổ chức trong hệ thống chuyên chính vô sản, từ tổ chức Đảng đến tổ chức chính quyền và đoàn thể quần chúng đều

vững mạnh ở tất cả các cấp, nhất là ở cơ sở.

Tóm lại, sản xuất và đời sống, an ninh và quốc phòng, quyền làm chủ tập thể của nhân dân, kiện toàn các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể... là những vấn đề quan trọng mà Đại hội đảng bộ các cấp cần giải quyết. Trên cơ sở quán triệt Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV và các nghị quyết của Trung ương sau Đại hội, Đại hội các cấp cần có sự *đánh giá chính xác*, sâu sắc tình hình cụ thể ở *địa phương* mình, *ngành* mình, rút ra những kinh nghiệm về lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện, khẳng định những thành công, những ưu điểm cần phát huy, nêu rõ những khó khăn, những khuyết điểm cần khắc phục. Trên cơ sở đó mà đề ra các *mục tiêu, biện pháp* phấn đấu tích cực và vững chắc về nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ tổ chức trong hai năm 1979 - 1980.

Nhìn chung tình hình trong cả nước, trong hơn ba năm qua, từ khi giải phóng hoàn toàn miền Nam, bước vào giai đoạn mới của cách mạng, chúng ta đã vượt qua rất nhiều khó khăn, hàn gắn những vết thương chiến tranh, xây dựng lại đất nước, liên tiếp chống thiên tai và sự phá hoại điên cuồng của bọn phản động gây chiến tranh xâm lược ở biên giới Tây Nam, khiêu khích ở biên giới phía Bắc và gây rối trong nội địa nước ta. Mặc dù còn nhiều mặt chưa được hài lòng nhưng rõ ràng chúng ta đã có những cố gắng lớn, đã giành được những thắng lợi và tiến bộ đáng kể. Tuy nhiên những cố gắng, những tiến bộ của chúng ta chưa tạo nên một sự biến đổi về chất lượng lớn lắm. Chúng ta có không ít nhân tố mới, diện hình tốt nhưng vẫn chưa đến mức tạo ra được thể mới trong phong trào cách mạng của các địa phương. Không phải chúng ta không có những tình khá, biết cách làm ăn, nhưng vẫn chưa có tình nào được coi như một đơn vị toàn diện, tiêu biểu cho

đường lối, cho ý chí của Đảng. Cấp huyện cũng có những huyện khá vững nhưng cũng chưa có huyện nào trở thành huyện kiểu mẫu theo tinh thần các nghị quyết của Trung ương. Ngay cả huyện khá vững như *Hải-hệ* cũng còn những mặt yếu. Ở cơ sở thì có nhiều đơn vị khá hơn, nhiều điển hình tiên tiến đạt được những yêu cầu cơ bản. Tỉnh nào, huyện nào cũng có những điển hình tốt. *Định-công* của Thanh-hóa, *Vũ-thắng* của Thái-bình là những hợp tác xã nổi bật về nhiều mặt. Ở mỗi ngành đều có những đơn vị, xí nghiệp đáng nêu gương. Tuy nhiên, số cơ sở vững, tốt, chưa nhiều, chưa trở thành phổ biến, chưa tạo ra được một thể mới, một chất lượng mới cho phong trào chung. Đó là về sản xuất, đời sống.

Về an ninh, quốc phòng, ba năm qua, tình trạng thiếu cảnh giác khá nặng. Điều đó chứng tỏ sự giác ngộ chính trị, sự hiểu biết về thời cuộc của chúng ta chưa đầy đủ. Đáng lẽ sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, chúng ta phải hiểu đúng hơn vấn đề an ninh xã hội, củng cố quốc phòng trong cả nước, phải sẵn sàng hơn trong việc đối phó với mọi tình huống, chống lại mọi âm mưu độc ác của chủ nghĩa bành trướng Trung-quốc và bọn tay sai của các đế quốc luôn luôn phá hoại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của chúng ta. An ninh quốc phòng không phải chỉ được coi trọng ở vùng biên giới mà phải được coi trọng ở khắp nơi. Phải luôn luôn tỉnh táo vì kẻ địch có thể phá hoại bất cứ đâu, bất cứ lúc nào nếu chúng ta có sơ hở!

Đề dày mạnh sản xuất, nâng cao đời sống, giữ vững an ninh, củng cố quốc phòng, vấn đề quan trọng có ý nghĩa quyết định là phải *phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động*. Thế nhưng trong thực tế, nhất là ở cơ sở, có biết bao nhiêu điều ngang trái, vi phạm, thậm chí xóa bỏ quyền

làm chủ tập thể của quần chúng. Không những không phát huy tinh thần phấn khởi cách mạng, năng lực sáng tạo, kinh nghiệm phong phú của quần chúng mà ngược lại còn làm cho quần chúng bất bình, nhụt cả ý chí phấn đấu, không thiết tha gắn bó với tập thể, giảm sút lòng tin cậy đối với tổ chức Đảng, chính quyền, làm cho phong trào không thể nào vươn lên được. Những khuyết điểm ấy không chỉ có trong cán bộ, đảng viên thường mà trong cả một số cán bộ chủ chốt. Trung ương Đảng và Chính phủ rất không bằng lòng về những hiện tượng sai trái ấy. Mỗi đảng bộ, mỗi đồng chí chúng ta, đặc biệt là Đại hội các cấp lần này, phải nghiêm túc xem xét vấn đề này và có những biện pháp để khắc phục, ngăn chặn một cách có hiệu quả.

Về mặt tổ chức, mấy năm qua, các địa phương ở miền Bắc đã có những cố gắng trong việc củng cố các tổ chức cơ sở Đảng, từng bước đưa những cơ sở yếu kém vươn lên. Tuy vậy, số cơ sở Đảng « trung bình » và yếu kém vẫn còn chiếm một tỷ lệ khá cao. Những chi bộ, đảng bộ gọi là « trung bình » thực chất cũng là yếu kém. Các đảng bộ miền Nam, sau hơn ba năm giải phóng, đến nay đã có 25 vạn đảng viên (không kể trong quân đội), 98% tổng số các xã, phường đã có tổ chức Đảng, phần lớn các ấp đã có đảng viên; nhiều tổ chức cơ sở Đảng đang phát huy tác dụng lãnh đạo đối với sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới. Nhưng nhìn chung, các tổ chức cơ sở Đảng còn yếu, số đảng viên còn ít, ngay trong các xí nghiệp là nơi tập trung công nhân cũng chưa phát triển Đảng được; đáng chú ý là một số vùng nông thôn rộng lớn và một số địa bàn xung yếu vẫn chưa có đảng viên hoặc tổ chức Đảng; do đó chưa tăng cường được vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Các đồng chí ở miền Nam cần chú trọng

hơn nữa vấn đề này; qua các phong trào cách mạng mà phát hiện những người tích cực, những cốt cán, và bồi dưỡng, giáo dục để kết nạp vào Đảng, cố gắng phấn đấu để đến năm 1980, kỷ niệm lần thứ 50 ngày thành lập Đảng, tất cả các xã, ấp, xí nghiệp đều có tổ chức Đảng vững mạnh và trong sạch.

Nói qua như vậy cũng đủ thấy trước mắt chúng ta, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, đang còn những vấn đề tồn tại, những khuyết điểm, những điểm phải nhanh chóng được khắc phục.

Thực ra không phải các đồng chí ở các địa phương không quan tâm đến những vấn đề của địa phương mình. Nhưng các đồng chí nắm tình hình, nắm vấn đề không sáng lắm, không chắc lắm, cho nên ý chí và quyết tâm chưa cao, chủ trương và biện pháp chưa mạnh bạo, sắc sảo. Một số nơi, không chỉ cơ sở mà cả huyện và tỉnh, có thái độ gần như buông trôi, như chịu vậy, không thể làm hơn được — một thái độ có tính chất « cầm cự », tức là không thua nhưng cũng không thắng lớn, chỉ đạt kết quả lằng nhằng. Nhiều đồng chí thường cất nghĩa tình hình này bằng những khó khăn khách quan như do ba mươi năm chiến tranh liên tiếp, do hậu quả chủ nghĩa thực dân mới, do cơ sở vật chất kỹ thuật còn nghèo, do chúng ta từ sản xuất nhỏ tiến lên, thiếu kinh nghiệm... Cố nhiên những khó khăn ấy là có thật. Chỉ riêng những hậu quả của chủ nghĩa thực dân mới để lại cho chúng ta cũng còn phải một thời gian nữa mới có thể xóa sạch được trong cơ thể của đất nước và tâm hồn của con người. Ai có thể hình dung được rằng chỉ riêng việc tháo gỡ bom mìn địch gài lại đã gần như một cuộc chiến tranh nhỏ: chỉ một chiến trường Quảng-trị cũ đã có 2000 đồng bào, chiến sĩ bị thương vong. Hơn nữa, những khó khăn cũ chưa được khắc phục lại có thêm những khó khăn mới

như chỉ thị của Trung ương nói; nhiều vấn đề đặt ra với chúng ta lại mới mẻ, phức tạp, không ít đồng chí cảm thấy đuối sức dưới tầm của nhiệm vụ. Nhưng không nên lúc nào cũng vịn vào những khó khăn ấy để tự an ủi mình. Không thấy hết khó khăn thì sẽ không thể đánh giá đúng những gì chúng ta đã giành được, nhưng nếu không thấy hết những *khuyết điểm, nhược điểm* của mình thì sẽ sinh chủ quan, tự mãn, không thể vươn lên mạnh mẽ, vững chắc được.

Đối với những người cộng sản chúng ta, vấn đề lớn nhất luôn luôn phải đặt ra là: chúng ta *đã làm hết sức của chúng ta* chưa; ngay trong điều kiện khó khăn ấy, còn có *cách nào* có thể phấn đấu đạt kết quả lớn hơn không?

Trong các tổ chức của chúng ta luôn luôn diễn ra cuộc đấu tranh giữa cái gọi là những *«chỉ tiêu quá cao»* với cái gọi là *«sự bảo thủ»*. Người này bảo người kia là chủ quan, mộng tưởng, không thực tế. Người kia chê người này là bảo thủ, không cách mạng, không khoa học. Cuộc đấu tranh giữa hai cách nghĩ này, giữa hai khuynh hướng này dai dẳng lắm, ngay ở các ngành trung ương cũng có, mà chưa có cơ sở thuyết phục nhau lắm. Vì sao vậy? — Vì chúng ta chưa có *cách nhìn, cách hiểu, cách nghĩ, cách làm* giống nhau, mà điều đó chỉ có thể xác định được đúng đắn trên cơ sở xuất phát đầy đủ từ *thực tiễn* những tiềm năng của đất nước và thực tiễn hoạt động của bản thân chúng ta. Đã không nắm chắc tình hình thực tế, không nắm chắc những vấn đề then chốt, không phân tích sâu sắc những hoạt động của mình, chỉ dựa vào những hiện tượng riêng lẻ, những kinh nghiệm rời rạc, những kết quả nhất thời, thậm chí những cảm giác chủ quan, những tính toán hồ đồ, thì làm sao trả lời được những câu hỏi của cuộc sống, của cách mạng? Đúng hay sai đều không rõ, không

thể có sự thống nhất thật sự về tư tưởng, về ý chí, về hành động được. Do đó khá nhiều nơi, có tình trạng gần như không ai nghe ai, bộ phận này không nghe bộ phận khác, ngay trong một bộ phận cũng chưa chắc đã nhất trí như nhau. Một số đồng chí có ý nghĩ *«tranh luận làm thêm phiền, cứ làm rồi thực tiễn sẽ trả lời sau»*, một sự *«thách đố»* ngầm đề chứng minh *«lẽ phải»* của mình. Như vậy là ở chỗ này, chỗ khác, ít nhiều đã có mâu sắc cục bộ, địa phương, tự do chủ nghĩa, vô kỷ luật. Sức mạnh của Đảng ta trước hết là ở *sự thống nhất ý chí và hành động*. Chứng nào còn ít nhiều tình trạng phân tán như thế, chúng ta không thể có sức mạnh tổng hợp được, không thể giành thắng lợi to lớn, vững chắc được. Cải hay nếu có cũng không thể phát huy, còn cái dở thì càng chắc. Cũng do cách nhìn, cách nghĩ khác nhau ấy mà cách xem xét, đánh giá con người, đánh giá công việc cũng không giống nhau. Trong một cấp ủy, ngay Ban thường vụ có khi cũng có những ý kiến rất khác nhau khi nhận xét về một cán bộ, một công tác nào đó. Lúc bình thường đã khó như vậy, đến lúc sắp bước vào đại hội, phải xem xét đánh giá cán bộ, đánh giá các mặt công tác càng khó hơn. Cho nên có tình trạng một số nơi, sau Đại hội vẫn không đạt được sự nhất trí cao hơn về nhiệm vụ, biện pháp công tác của địa phương, đơn vị, không tạo ra được sự phấn khởi, tin cậy lớn hơn với tập thể lãnh đạo mới do Đại hội bầu ra, người được bầu vào cấp ủy có khi cũng không vui, không thấy phấn chấn lắm. Tình trạng đó tuy không phải là phổ biến nhưng cũng không phải là quá ít.

Do đó, để tiến hành tốt Đại hội đảng bộ các cấp lần này, các cấp ủy, trước hết là các Ban thường vụ, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt phải *chuẩn bị rất kỹ, xem xét rất nghiêm chỉnh* các mặt công tác của mình, nắm chắc

thực tế, dám nhìn thẳng vào sự thật, *dễ cao tự phê bình và phê bình*, tập trung giải quyết bằng được những *vấn đề mẫu chốt*, tạo ra được kết quả rõ rệt hơn, làm chuyển biến phong trào mạnh mẽ hơn. Chúng ta phải phấn đấu với quyết tâm và cố gắng lớn nhất để trong tình hình hiện nay, với tất cả những hạn chế khách quan của nó, vẫn tạo ra được cả *thế mới* và *lực mới* trong hai năm 1979 — 1980, góp sức *thực hiện cho được những yêu cầu, những mục tiêu nêu trong Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và các nghị quyết sau đó của Trung ương*, tạo điều kiện chuẩn bị cho kế hoạch 5 năm sau và cho Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng.

Tôi muốn lưu ý các đồng chí một vấn đề: phải nắm vững hơn nữa *đường lối, quan điểm* của Đảng. Thực tiễn đã nhiều lần chứng minh rằng việc nắm vững đường lối, quan điểm của Đảng không phải là vấn đề đơn giản. Những khuyết điểm, nhược điểm trong công tác, trong phong trào của chúng ta, tự nó đã nói lên điều đó. Chỉ ngày hôm lẫn với công việc đến mất ăn mất ngủ chưa phải đã là tốt. Điều hết sức quan trọng đối với chúng ta, nhất là với những cán bộ lãnh đạo, là phải dành thời gian thích đáng để suy nghĩ, nếu có thể suy nghĩ hàng ngày để thấu suốt hơn nữa đường lối, quan điểm của Đảng, suy nghĩ về *những vấn đề của địa phương mình*, suy nghĩ để vận dụng đường lối của Đảng vào hoàn cảnh của địa phương mình sao cho đúng nhất. Không có sự suy nghĩ ấy thì dễ có nguy cơ mất phương hướng, hoặc tuy có thấy được phương hướng lớn nhưng không biết phải giải quyết những vấn đề cụ thể như thế nào, hoặc có thể mắc lại những khuyết điểm, sai lầm lẽ ra không đáng mắc, thậm chí có nơi có thể mắc mưu địch. Sự sáng suốt, tỉnh táo đối với chúng ta là vô cùng quan trọng.

Việc thi hành chỉ thị của Trung ương về tiến hành đại hội đảng bộ các cấp lần này cũng vậy. Điều quan trọng trước hết là các cấp ủy, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt phải nghiên cứu, nắm vững tinh thần chỉ thị, suy nghĩ rất nhiều mặt để chuẩn bị và tiến hành sao cho đại hội đạt *kết quả tốt nhất*. Bộ chính trị rất quan tâm đến đại hội các cấp sắp tới. Ban bí thư đã thảo luận rất kỹ về chỉ thị này. Thật ra chữ nghĩa cũng chưa diễn đạt hết những điều muốn nói. Nếu chúng ta không ở trong da thịt của phong trào thì không thể hiểu hết nội dung ý tứ của các câu chữ. Nếu các đồng chí ở các địa phương không coi trọng đầy đủ việc chuẩn bị Đại hội, mở Đại hội một cách chiềch lệ, biến đại hội thành một thứ « lễ tiết » nào đó, hợp cho đủ « phép tắc » thì sẽ không giải quyết được vấn đề gì thiết thực, không đáp ứng được những yêu cầu mà sự nghiệp cách mạng của Đảng đang đòi hỏi. Thậm chí nó còn là sự « hợp pháp hóa » những khuyết điểm, những sự trì trệ, và kéo dài sự tồn tại của những người bất lực, những tổ chức bất lực.

Vì vậy, tất cả các cấp ủy phải thật sự coi trọng, thật sự chỉ đạo các đại hội, không vin vào bất cứ lý do nào để lơ là, buông trôi cho cấp dưới, cho cơ sở. *Các tỉnh ủy phải cùng với các huyện ủy* chỉ đạo chặt chẽ các đại hội cơ sở, bảo đảm cho Đại hội được tiến hành tốt *trước hết ở cơ sở*. Đảng ta đã nhiều lần nhấn mạnh tầm quan trọng của cơ sở, đặc biệt Nghị quyết 10 của Trung ương về kiện toàn tổ chức cải tiến chế độ làm việc đã chỉ rõ vai trò quan trọng của cơ sở và nhấn mạnh phải tăng cường chỉ đạo cơ sở. Nói một cách vắn tắt nhất, cuộc chiến đấu trên tất cả các lĩnh vực đang hàng ngày hàng giờ, thậm chí hàng phút, diễn ra ở cơ sở; thành bại của cách mạng rất cuộc *do cơ sở quyết định* chứ không phải ở đâu khác.

Nếu chúng ta không thật sự chỉ đạo cơ sở, không bảo đảm cho cơ sở mạnh lên thì, nói cho nghiêm là chúng ta không làm gì cả. Mỗi tỉnh ngày nay có hàng nghìn cơ sở thuộc các lĩnh vực hoạt động, đã bao giờ chúng ta nghĩ thật nghiêm chỉnh, với tất cả sức lực, phải chỉ đạo như thế nào đối với hàng nghìn cơ sở này chưa? Cho nên nhất định *tỉnh phải nắm cơ sở*. Phải khắc phục một quan niệm rất cũ, rất sai là mọi công việc ở cơ sở đã có huyện, do huyện nắm, huyện chỉ đạo. Tất nhiên mức nắm cơ sở đối với tỉnh và huyện có khác nhau, nhưng về cơ bản tỉnh phải nắm. Tỉnh không chỉ là bộ tham mưu, là cơ quan nghiên cứu mà còn là *bộ chỉ huy tác chiến* đối với cơ sở. Về mặt chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện kế hoạch Nhà nước, các tỉnh ủy và cán bộ các ngành chung quanh tỉnh phải cùng với các huyện ủy trực tiếp xuống cơ sở hướng dẫn cán bộ, đảng viên, phát động quần chúng, *thảo luận thật kỹ, xây dựng thật tốt kế hoạch của cơ sở*, bảo đảm cho việc xây dựng kế hoạch của địa phương được tiến hành *lót trước hết ở cơ sở*, từ đó mà tổng hợp xây dựng thành kế hoạch của huyện và của tỉnh một cách vững chắc. Với những cơ sở trực thuộc Trung ương, cần có sự thảo luận, kết hợp chặt chẽ giữa các ban cán sự của các ngành với các tỉnh ủy, thành ủy địa phương. Phải bảo đảm cho *tất cả* các cơ sở Đảng trong hệ thống chuyên chính vô sản trong cả nước, từ những cơ sở kinh tế đến những cơ sở văn hóa, xã hội, công an, tòa án, v.v. đều được chỉ đạo chặt chẽ, không buông lỏng một tổ chức cơ sở nào, một lĩnh vực nào. Phải cố gắng phấn đấu để sau Đại hội đảng bộ các cơ sở lần này, Đảng ta sẽ được *củng cố vững chắc từ cơ sở*.

Trên cơ sở tiến hành tốt Đại hội các cơ sở mà tiến hành đại hội đảng bộ *cấp huyện* và cấp tương đương. Đại hội cấp huyện cũng phải được

chuẩn bị và tiến hành thật tốt. Bởi vì muốn đưa cơ sở tiến lên, giành thắng lợi vững chắc ở cơ sở thì nhất thiết phải giải quyết tốt cấp huyện. Đây là cấp lãnh đạo, *chỉ đạo cơ sở trực tiếp nhất*, là địa bàn chiến lược quan trọng bảo đảm giành thắng lợi tại chỗ đối với tất cả các vấn đề sản xuất, đời sống, an ninh, chiến đấu, v.v. Phải cố gắng xây dựng 400 huyện trong cả nước đều vững mạnh, tiến lên thành những huyện nông - công nghiệp như đã nói trong Nghị quyết hội nghị lần thứ 2 của Trung ương Đảng. Đó vừa là yêu cầu vừa là khả năng thực tế của chúng ta. Với đội ngũ và trình độ năng lực của cán bộ hiện có, nếu được quan tâm đầy đủ, chúng ta có thể xây dựng cấp huyện đủ sức bảo đảm việc thực hiện nhiệm vụ chính trị.

Sau cùng là Đại hội đảng bộ *cấp tỉnh*. Trung ương rất coi trọng việc xây dựng, kiện toàn cấp tỉnh cho xứng đáng với vị trí chiến lược quan trọng của nó. Chúng ta có 38 tỉnh và thành phố; mỗi tỉnh có 1 - 2 hoặc 3 triệu dân, với nhiều vấn đề lớn lắm. Rồi đây, quyền hạn, nhiệm vụ của cấp tỉnh và những biện pháp về tổ chức, quản lý sẽ tiếp tục được nghiên cứu và xác định rõ hơn để cấp tỉnh có thể phát huy được đầy đủ vai trò chiến lược quan trọng của mình. Chúng ta có khả năng xây dựng tốt cấp tỉnh vì đến nay đã tích lũy được một số kinh nghiệm và hiểu biết, có cơ sở xác định những nhiệm vụ của nó trên các mặt một cách rõ hơn, chính xác hơn và cũng có thể nắm tổ chức và đội ngũ cán bộ tỉnh chắc hơn. đương nhiên, trước mắt, các tỉnh ủy và các Đại hội cấp tỉnh, trên cơ sở quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Trung ương và xuất phát từ vị trí, từ hoàn cảnh cụ thể của mình, cần phát huy trí tuệ của đảng bộ và quyền làm chủ tập thể của nhân dân, giải quyết cho được những vấn đề

đang đặt ra trong địa phương mình một cách tích cực và vững chắc.

Như vậy, đối với tất cả các Đại hội, từ cơ sở đến cấp huyện, cấp tỉnh đều phải được chuẩn bị đầy đủ. Mỗi địa phương, một mặt *chuẩn bị cho đại hội*, mặt khác phải *tiến hành tốt các công tác thường xuyên* để các đại hội được tiến hành trong một phong trào mạnh mẽ, một khí thế sôi nổi, tạo điều kiện để đi tới những quyết định tích cực và vững chắc trong Đại hội.

Hiện nay, một vài địa phương đã tiến hành đại hội cơ sở trên phạm vi khá rộng. Cần thăm tra kỹ những nơi đã làm này. Nơi nào làm không đúng tinh thần chỉ thị của Trung ương thì nhất thiết phải uốn nắn, phải bỏ khuyết. Không nên có tư tưởng đã «trót» đại hội rồi, có gì sai sót xin để đại hội sau sẽ sửa. Đó là vì lợi ích chung của cách mạng cũng như lợi ích của bản thân phong trào địa phương các đồng chí. Không như vậy, các cơ sở ấy sẽ không thể có bước tiến nào đáng kể được. Nếu sau khi xem xét kỹ, các đồng chí thấy nơi nào đã tiến hành tốt đại hội thì nên rút kinh nghiệm ở đó mà chỉ đạo những nơi khác. Hoặc nếu các đồng chí thấy cần làm chậm lại chút ít để chuẩn bị tốt hơn thì cũng được, song không nên kéo quá dài, ảnh hưởng đến công tác chung; nên cố gắng chấp hành đúng quy định chung của Trung ương về thời gian mở Đại hội đảng bộ các cấp.



Đề giúp các đồng chí có cơ sở suy nghĩ trong quá trình chuẩn bị Đại hội, tôi nói thêm một vài vấn đề.

Như đã nói ở trên, mấy năm qua chúng ta đã có nhiều cố gắng, đã có những tiến bộ, nhưng so với những mục tiêu của Đại hội toàn quốc và

yêu cầu của kế hoạch từng năm thì rõ ràng khoảng cách đang còn lớn.

Trước mắt chúng ta đang có những khó khăn do hậu quả của thiên tai, do những hoạt động phá hoại của đế quốc và các thế lực phản động quốc tế gây ra. Chúng ta cũng có thuận lợi mới do tham gia Hội đồng tương trợ kinh tế, mở rộng sự phân công hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa anh em nhưng yếu tố này chưa thể phát huy tác dụng mạnh mẽ ngay, chưa thể tạo nên biến đổi lớn ngay trong nền kinh tế, bởi vì nó đòi hỏi phải có sự chuẩn bị về nhiều mặt, từ điều tra cơ bản đến xác định chủ trương, phương hướng, biện pháp và phải có thời gian để xây dựng những cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết.

Vì vậy, điều trước tiên tôi muốn nói là đứng trước những khó khăn hiện tại, càng phải đề cao hơn nữa tinh thần *tự lực tự cường*, phát huy hơn nữa những *tiềm năng hiện có* của chúng ta. Mọi thái độ trông chờ, thụ động, ỷ lại đều không đúng. Hơn nữa còn phải chuẩn bị rất tích cực trên nhiều mặt để có thể sử dụng được những yếu tố từ sự phân công hợp tác quốc tế mới, không những với các nước anh em mà cả sự hợp tác làm ăn, buôn bán với các nước tư bản chủ nghĩa, các nước dân tộc chủ nghĩa.

Yêu cầu gay gắt nhất nổi lên hiện nay là yêu cầu về *lương thực, thực phẩm*, nói chung là yêu cầu về *đời sống*. Đó là một trong những mối quan tâm lớn nhất của Trung ương Đảng và Chính phủ hiện nay. Trận bão lụt vừa qua gây cho chúng ta nhiều thiệt hại lớn, làm cho tình hình lương thực vốn đã khó khăn càng khó khăn hơn. Các nước anh em, bè bạn tuy có giúp chúng ta nhưng chỉ bù đắp được một phần. Chúng ta hiểu, cả trước mắt và lâu dài, sự thiếu hụt lương thực là điều rất nguy hiểm đối với đời sống của nhân dân và đối với quốc phòng, và cũng không thể kéo dài mãi tình trạng cứ phải nhập lương thực từ bên

ngoài, mặc dù là của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, bởi vì các nước anh em cũng có khó khăn về lương thực.

Cho nên, muốn bảo đảm đời sống của 50 triệu nhân dân ta, chúng ta không có con đường nào khác là phải *tự giải quyết được vấn đề lương thực*. Trước mắt phải bù đắp cho được số thiếu hụt do bão lụt gây ra. Vì vậy, Trung ương yêu cầu toàn Đảng, toàn thể các cơ quan Nhà nước và toàn thể nhân dân ta tập trung hơn nữa mọi cố gắng, mọi khả năng vào nhiệm vụ sản xuất lương thực. Phải coi cuộc chiến đấu trên mặt trận lương thực cũng gay gắt và có tính quyết định như chiến đấu trực tiếp chống quân thù. Từng tỉnh, từng huyện, từng cơ sở phải có cố gắng lớn nhất để giải quyết vấn đề lương thực và hơn nữa đóng góp với Nhà nước.

Thực ra, mục tiêu 21 triệu tấn lương thực như Nghị quyết Đại hội toàn quốc nêu ra chưa phải đã đem lại cho nhân dân ta cuộc sống đầy đủ. Bình quân đầu người ở những nước kinh tế phát triển là 1 tấn lương thực. Với 21 triệu tấn, bình quân đầu người mới được 400 kg.

Kinh nghiệm của nhiều địa phương cho thấy với tiềm năng hiện có, chúng ta có thể phấn đấu giải quyết vấn đề lương thực tốt hơn nhiều. Những vùng rất khó khăn, dễ đói kém như Bình-trị-thiên, Quảng-nam — Đà-nẵng, Nghĩa-bình..., cơ sở vật chất kỹ thuật còn yếu, Trung ương chưa đầu tư được bao nhiêu, nhưng với tinh thần cách mạng tiên công, các đồng chí ở đây chẳng những đã lo được cho đời sống của nhân dân địa phương mà còn góp phần làm nghĩa vụ đối với Nhà nước. Tỉnh Sơn-la trước đây cũng như vậy. Đó là những tấm gương tốt. Khó như ở những vùng này mà còn làm được, tại sao những nơi khác không làm được?

Đã từ lâu chúng ta muốn đưa vụ đông ở miền Bắc trở thành một vụ

chính nhưng mãi đến năm ngoái mới hình thành. Năm nay nếu không bị mưa lớn thì không những vụ mùa tốt chưa từng thấy mà vụ đông cũng có triển vọng lớn. Chúng ta cần biết tận dụng đất đai, khí hậu, thời tiết một cách đầy đủ hơn. Rất đáng tiếc là tình trạng bỏ ruộng đất hoang hóa vẫn còn nhiều. Vì úng, vì hạn, miền Bắc còn bỏ phi 10 vạn héc-ta. Đồng bằng sông Cửu-long phi nhiều, vụ lúa lớn nhất của cả nước, còn bỏ lãng phi hàng triệu héc-ta gieo trồng do chưa tích cực tăng vụ và mở rộng diện tích khai hoang. Cho nên khẩu hiệu « tấc đất tấc vàng » tuy rất cũ mà vẫn rất mới cần tiếp tục nêu cao cả hai miền nhất là trong lúc này; và nên nói thêm là « có đất mà bỏ hoang là có tội ».

Các địa phương cần xem kỹ lại đất đai của mình, có kế hoạch sử dụng, gieo trồng tích cực và hợp lý. Bất cứ nơi nào, lúc nào có thể trồng lúa, trồng màu, trồng gì để có thêm cái ăn đều phải tận dụng. Đồng thời hết sức coi trọng *thâm canh* tăng năng suất. Nếu chúng ta *thâm canh* lúa tốt hơn và đều biết làm như hợp tác xã Vũ-thắng thì sẽ có bước phát triển khá về lương thực. Vũ-thắng được mùa 13 năm liền, kể cả năm có nhiều khó khăn lớn như năm nay. Được như vậy vì Vũ-thắng đã chiến đấu nhiều năm trên mặt trận thủy lợi, biến đồng đất mình từ vùng úng trũng khó làm thành vùng bằng phẳng trồng cấy được bình thường; đã dành 17% diện tích cho chăn nuôi, đủ bảo đảm cho mỗi người nuôi được một con lợn, vừa có thịt ăn vừa có phân *thâm canh* lúa, không đòi hỏi phải có nhiều phân hóa học. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của Trung ương về nông nghiệp đề ra việc dành 10 — 15% diện tích cho chăn nuôi chính là xuất phát từ kinh nghiệm thực tế của Vũ-thắng. Vũ-thắng còn có những kinh nghiệm rất tốt trong việc áp dụng những biện pháp kỹ thuật và biện pháp quản lý. Không những Thái-bình phải « Vũ-

thăng hóa» toàn tỉnh mà cả nước đều phải «Vũ-thăng hóa», phải học tập tinh thần phấn đấu cách mạng và những kinh nghiệm của Vũ-thăng, nhất là những vùng trọng điểm lúa như đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu-long.

Chúng ta không chỉ coi trọng lúa, mà còn phải rất coi trọng màu. Đất đai của ta, từ miền biển đến miền núi, có khả năng rất lớn về màu nhưng nhiều nơi vẫn chưa làm tốt. Đến nay, trong cả nước, màu mới chiếm 17% lương thực — một tỷ lệ quá thấp. Chúng ta phải cố gắng phấn đấu đưa tỷ lệ màu lên 30 — 40% thậm chí 50%. Có như vậy mới có thể giải quyết vấn đề lương thực một cách vững chắc.

Về sản xuất vụ đông, đến nay, thực tế đã cho chúng ta thấy có triển vọng rất lớn, có khả năng ăn chắc. Vụ đông rất quan trọng về lương thực cho người, đặc biệt là thức ăn cho gia súc. Vụ đông cho nhiều rau quả. Các địa phương ở miền Bắc cần cố gắng phấn đấu đưa diện tích vụ đông lên 50 — 60 vạn héc-ta; tất nhiên phải tính toán các loại cây trồng thích hợp với vụ đông và thích hợp với từng vùng.

Vùng trung du và miền núi, ngoài lúa, cần hết sức coi trọng phát triển ngô, cao lương, sắn, các loại cây củ có chất bột. Mỗi gia đình ở miền núi một năm kiếm 5 — 6 tạ củ không khó, đó là một thuận lợi của miền núi.

Cùng với lương thực, các loại thực phẩm là rất quan trọng. Tùy từng nơi, từng vụ, cần ra sức phát triển các loại rau quả, cây trồng có *chất béo* như lạc, vừng, *chất đạm* như các loại đậu, nhất là *đậu tương*, *chất đường* như mía, và các loại trái cây như chuối, dứa, đu đủ, mít, v.v.

Đồng thời, nơi nào cũng cần đẩy mạnh *chăn nuôi* lợn, trâu bò, gà vịt v.v. vừa có thịt, trứng, sữa, vừa có phân bón. Tận dụng các mặt nước (sông, kênh, ao, đầm) mà *nuôi cá*. Vùng

biển cần tích cực mở rộng *ngành cá*, nuôi các loại hải sản.

Tóm lại, *cả nước*, mọi vùng phải hết sức chăm lo giải quyết bằng được *lương thực và thực phẩm*. Vấn đề không chỉ đặt ra trong một, hai năm mà lâu dài cả đời. Ngay trong việc chuẩn bị đại hội đảng bộ các cấp, các cấp ủy phải thảo luận rất cụ thể, phát huy cho được trí tuệ *toàn đảng bộ và quyền làm chủ của quần chúng*, nhất là ở cơ sở, về *kế hoạch và biện pháp sản xuất lương thực và thực phẩm*.

Chúng ta đặc biệt nhấn mạnh vấn đề sản xuất lương thực và thực phẩm, vì đó là nhu cầu bức thiết nhất trong đời sống của nhân dân ta. Nhưng đồng thời phải quyết tâm phát triển nông nghiệp toàn diện; trên cơ sở *phân vùng quy hoạch*, từng bước mở rộng diện tích các loại *cây công nghiệp* theo hướng tập trung, chuyên canh, làm *nguyên liệu cho công nghiệp*. Chúng ta phải gắng sức tạo ra nguồn hàng *xuất khẩu* ngày càng lớn từ nông, lâm, hải sản. Tóm lại, tập trung mọi khả năng phấn đấu thực hiện những mục tiêu của kế hoạch 5 năm trên mặt trận *nông nghiệp*, mặt trận *hàng đầu*. Tất cả các ngành kinh tế nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, tài chính, ngân hàng đều phải tập trung phục vụ nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp. Các ngành văn hóa, giáo dục, y tế v.v. cũng phải hướng vào nông nghiệp mà phục vụ thiết thực, có hiệu quả.

Mặt khác, phải hết sức coi trọng việc tiếp tục *đẩy mạnh cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp*. Các đồng chí ở miền Nam phải nắm vững hơn nữa tinh thần các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương về cải tạo nông nghiệp ở miền Nam, khẩn trương làm tốt việc xây dựng quan hệ sản xuất mới trong nông nghiệp, vừa đẩy mạnh cải tạo vừa đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, kết hợp cải tạo với tổ chức lại sản xuất. Cần theo dõi

phong trào một cách chặt chẽ, uốn nắn kịp thời những lệch lạc, những nơi làm chậm cần khẩn trương hơn, bảo đảm cho quan hệ sản xuất mới được xây dựng vững chắc, mạnh mẽ, phục vụ tốt hơn các yêu cầu về sản xuất, đời sống và làm nghĩa vụ đối với Nhà nước. Các địa phương ở miền Bắc cần tiếp tục củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới trong nông nghiệp, làm tốt việc tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý ở cơ sở và trên địa bàn huyện. Chú ý vận dụng tốt những kinh nghiệm thành công của các điển hình tiên tiến để đưa phong trào tiến lên đồng đều và mạnh mẽ, nhanh chóng xóa bỏ tình trạng thấp kém của khá nhiều hợp tác xã hiện nay.

Một vấn đề khác tôi muốn nói là *quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động*. Đây là vấn đề có ý nghĩa cực kỳ quan trọng, một vấn đề cơ bản trong đường lối của Đảng ta đã được xác định ở Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng. Phải nói rằng 30 năm chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc cũng là 30 năm chiến đấu hy sinh để giành quyền làm chủ cho nhân dân ta. Hơn ai hết, những người cộng sản chúng ta phải hết lòng quý trọng nó, bảo vệ nó. Chân lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin « cách mạng là sự nghiệp của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng », là chân lý luôn luôn đúng. Vai trò của quần chúng, trí tuệ, tài năng của quần chúng không chỉ có ý nghĩa quyết định đối với ngày hôm qua, trong sự nghiệp giải phóng dân tộc mà cả hôm nay và cả mai sau, trong sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản. Ý thức làm chủ, năng lực làm chủ của quần chúng là *sức mạnh vĩ đại tạo nên mọi thắng lợi*. Không thấu suốt tư tưởng này thì tất cả mọi công tác của chúng ta, từ sản xuất, đời sống, an ninh, quốc phòng, chiến đấu đến công tác xây dựng Đảng, củng cố

chính quyền và các đoàn thể quần chúng... đều không thể nào đạt kết quả mong muốn. Sở dĩ các hợp tác xã Vũ-thắng, Định-công nổi lên như những điển hình tiêu biểu, sở dĩ phong trào nơi này nơi khác đạt được những thành tích xuất sắc, một nguyên nhân quan trọng là tập thể lãnh đạo ở đó đã bước đầu phát huy được quyền làm chủ tập thể của quần chúng. Nhưng rõ ràng ở nhiều nơi, nhiều đồng chí hiểu vấn đề này chưa đúng, suy nghĩ chưa nhiều, thậm chí có những lệch lạc nghiêm trọng. Trong lao động sản xuất cũng như trong đời sống, trong cải tạo cũng như trong xây dựng, nói rộng ra trong các lĩnh vực hoạt động, nhiều đồng chí, nhiều tập thể không hề hỏi han, thảo luận với quần chúng, không lắng nghe ý kiến, kinh nghiệm của quần chúng, hoặc có nghe thì cũng chỉ là hình thức. Những đồng chí này coi tri tuệ của mình là đúng nhất, cao nhất rồi, tự quyết định tất cả. Có những quyết định sai trái, quần chúng thắc mắc, phản đối, cũng mặc kệ. Tệ hơn nữa là có những hành động xâm phạm thô bạo quyền làm chủ tập thể của quần chúng. Phải phê phán rất nghiêm khắc, kiên quyết ngăn chặn những hiện tượng hư hỏng ấy, và đối với những trường hợp nặng thì nhất định phải nghiêm trị như đã nói trong chỉ thị của Trung ương. Phải làm cho mọi cán bộ, đảng viên hiểu sâu sắc rằng trong mọi sai lầm thì sai lầm lớn nhất là coi thường nhân dân, vi phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Sai lầm ấy dẽ ra trăm nghìn sai lầm khác, thậm chí tội lỗi nghiêm trọng.

Phải bảo đảm cho quần chúng có *quyền làm chủ thật sự*, chứ không phải là những lời động viên, kêu gọi chung chung. Mọi vấn đề về kế hoạch và biện pháp kinh tế và văn hóa, lao động sản xuất, cải tạo xã hội chủ nghĩa, lưu thông phân phối, tổ chức đời sống v.v. đều phải đưa ra thảo

luận dân chủ trong Hội đồng nhân dân, trong các tổ chức quần chúng công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ, trong các xí nghiệp, hợp tác xã, ở mọi cơ sở. Phải thật sự tôn trọng ý kiến của quần chúng. Vấn đề nào quần chúng không đồng tình, phải xem xét lại một cách nghiêm túc. Bản lĩnh và nghệ thuật của người lãnh đạo là phải biết kết hợp làm một tri tuệ của lãnh đạo với tri tuệ của quần chúng, khắc phục thói chỉ biết ra lệnh, chỉ thích người khác phục tùng. Thực ra, tri tuệ riêng của cán bộ và của cả cấp ủy không phải lúc nào cũng cao hơn tri tuệ của quần chúng cách mạng. Có nhiều vấn đề cán bộ, đảng viên chúng ta tưởng như không giải quyết được nhưng đưa ra cho quần chúng bàn bạc thì quần chúng giải quyết được. Biết bao sáng kiến trong lao động sản xuất là của nhân dân lao động. Biết bao tri thông minh đi dỏi với lòng dũng cảm trong cuộc kháng chiến chống xâm lược của nhân dân ta, từ các cụ già đến các em bé ! *« Dễ trăm lần không dân cũng chịu. Khó vạn lần dân liệu cũng xong »*... Rõ ràng là tri tuệ, tài năng của quần chúng to lớn biết chừng nào, đáng quý biết chừng nào. Nhưng rất đáng tiếc là nhiều đồng chí, nhiều cấp ủy chưa thấy hết điều đó. Ngay đối với những người có nhiều kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn như các anh hùng, chiến sĩ thi đua, cán bộ khoa học kỹ thuật công tác ở địa phương, nhiều khi cũng không được các đồng chí biết tới, hỏi tới. Trong sản xuất và đời sống, chúng ta đã bỏ phí, không biết sử dụng, khai thác biết bao tri tuệ, tài năng của quần chúng. Trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng cũng vậy. Nếu cán bộ, đảng viên chúng ta thật sự tin cậy, gần bó với quần chúng, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của quần chúng, làm cho mọi người lương thiện đứng hẳn về phía cách mạng, thì kẻ thù dù có khôn ngoan, xảo quyệt thế nào cũng không

có nơi dung thân, ẩn náu. Nhưng nếu dễ mất lòng dân thì sẽ rất tai hại, chính chúng ta lại tạo ra thuận lợi, tạo ra cơ sở cho kẻ địch lợi dụng.

Đặc biệt các đồng chí ở miền Nam cần xem xét và nhanh chóng giải quyết cái gọi là vấn đề « liên quan » đang còn nặng nề ở một số nơi. Không ít cán bộ, đảng viên nhìn vào đâu cũng thấy quần chúng thuộc vào diện « liên quan », không tin cậy về chính trị được. Chắc chắn là trong xã hội, mới được giải phóng 3 năm, kẻ địch rất hung ác, xảo quyệt còn ẩn náu nơi này nơi khác và luôn luôn tìm cách phá hoại cách mạng, phá hoại cuộc sống yên lành của nhân dân ta. Chúng ta phải hết sức cảnh giác, tỉnh táo. Song chúng vẫn là số rất ít. Dòng dảo quần chúng lao động, yêu nước là anh chị em, đồng bào ruột thịt của ta, lẽ nào ta không tin yêu, quý trọng ? Lẽ nào ta quên rằng chính kẻ địch trước đây đã « bôi đen » nhân dân ta, thì ngày nay chúng ta có trách nhiệm với đầy đủ tình thương và sáng suốt, đem lại cho nhân dân ta những giá trị chân chính của con người trong xã hội mới và vị trí xứng đáng của người chủ tập thể trong chế độ mới. Do thành kiến sai lầm, các đoàn thể quần chúng từ công đoàn, nông hội đến thanh niên, phụ nữ... đến nay đều chậm phát triển. Công tác phát triển Đảng cũng khó khăn hơn. Như vậy làm sao chúng ta giáo dục được quần chúng, nâng cao giác ngộ chính trị của quần chúng để quần chúng hiểu đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước mà đi vào hành động cách mạng được ? Đã thiếu lòng tin ở quần chúng thì còn nói gì đến phát huy quyền làm chủ của quần chúng ? Đó là một cách nhìn, một thái độ biệt phái rất tai hại, hoàn toàn trái với quan điểm của Đảng. Ai cũng biết ở miền Nam, trước ngày giải phóng chỉ có một bộ phận nhân dân trực tiếp tham gia cách mạng, tham gia kháng chiến. Hàng

chục triệu người phải sống đau khổ dưới chế độ đen tối của Mỹ — nguy. Nhưng Đảng ta và Bác Hồ kính yêu vẫn cho rằng « phải bụi đi thì tắm gương lại trong », « mười ngón tay cũng có ngón dài ngón ngắn ». Một tội ác lớn nhất của kẻ thù là chia rẽ nhân dân ta, xô đẩy một số người vào đường tội lỗi, hư hỏng, lôi kéo một số người vì cuộc sống hàng ngày mà đánh lòng khuất phục, thậm chí nhân phẩm bị chà đạp mà phải chịu đựng. Đến nay, đất nước được giải phóng, nhân dân được giải phóng, chúng ta có nghĩa vụ tạo cơ hội cho mọi người lương thiện, cả những người có lầm lỗi hôm qua muốn trở về cùng dân tộc, được tìm thấy một cuộc sống tập thể có « trách nhiệm và tình thương » được làm nghĩa vụ đối với đất nước, xóm làng, và được quyền của người công dân tham gia bàn bạc, giải quyết mọi công việc chung bằng nhiệt tình, kiến thức và kinh nghiệm của họ.

Tất nhiên chính sách đoàn kết rộng rãi mọi người yêu nước, lương thiện không có nghĩa là buông lỏng chuyên chính vô sản, mở cửa cho các phần tử thù địch, phản cách mạng chui vào Đảng, vào bộ máy chính quyền và các đoàn thể quần chúng, gây ra những tội ác. Một trong những khuyết điểm lớn vừa qua là khá nhiều đồng chí mất cảnh giác, chúng ta phải rút kinh nghiệm, phải có biện pháp chặt chẽ hơn, không một lúc nào được lơ là, sơ hở. Song, muốn phát hiện và tiêu trừ có hiệu quả kẻ địch, thì *phương pháp tốt nhất là dựa vào đồng đảo quần chúng, thật sự phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ở mọi cơ sở, bảo vệ an ninh trật tự xã hội*. Đó là kinh nghiệm lớn trong chế độ ta, kể cả 3 năm qua ở miền Nam.

Sau cùng tôi nói một số ý kiến về *bầu cử các cấp ủy*. Vấn đề này đã được nói rõ trong chỉ thị của Trung ương. Ban tổ chức trung ương cũng đã có hướng dẫn, tôi chỉ nói thêm một

số điểm. Chúng ta phải có quan điểm cách mạng và khoa học trong vấn đề này. Cấu tạo cấp ủy, lựa chọn người vào cấp ủy như thế nào, điều đó nhất thiết phải xuất phát từ yêu cầu của nhiệm vụ chính trị. Lâu nay trong một số đồng chí thường có tâm lý « vì người mà đặt việc, hơn là vì việc mà đặt người ». Cũng còn không ít thói cũ « sống lâu lên lão làng », hoặc coi cấp bậc trong Đảng như những bậc thang « thăng quan tiến chức ».

Mỗi cấp ủy là một tập thể lãnh đạo, mọi nhiệm vụ cách mạng của địa phương, vận mệnh của phong trào, của quần chúng ở địa phương như thế nào, trách nhiệm trước hết ở tập thể ấy. Cho nên phải vì lợi ích của cách mạng, vì những yêu cầu lớn đang đặt ra trong nhiệm vụ công tác của địa phương mà chọn người, mà suy nghĩ cách cấu tạo cấp ủy chứ không thể vì tình cảm, ý muốn nào khác. Đứng trên lộn chính sách cần thiết đối với những cán bộ đã từng có cống hiến, có qua trình công tác với việc chọn người có đủ tiêu chuẩn phẩm chất và năng lực để điều hành công tác. Và chẳng, việc tham gia cấp ủy hay không tham gia cấp ủy là điều rất bình thường trong sinh hoạt chính trị của Đảng.

Phải căn cứ vào nhiệm vụ chính trị cụ thể của từng nơi mà cấu tạo cấp ủy. Thí dụ, ở thành phố, cấp ủy phải có những đồng chí phụ trách công nghiệp, thương nghiệp, công an, văn hóa... thích hợp. Ở miền núi, phải có những đồng chí phụ trách lâm nghiệp, khai hoang, định canh, định cư. Vùng biên phải có những đồng chí biết nghề cày. Vùng biên giới phải có những đồng chí phụ trách vững vàng về quốc phòng an ninh, vùng tập trung đông bào các tôn giáo hoặc đông bào các dân tộc ít người cần có những đồng chí am hiểu các mặt công tác quan trọng ấy.

Cần hết sức coi trọng việc tăng số đồng chí thành phần *công nhân* trong các cấp ủy, đặc biệt là ở các thành phố,

thị xã. Các huyện cũng cần có đồng chí công nhân, nhất là hiện nay chúng ta đang xây dựng huyện thành những đơn vị nông - công nghiệp. Đây là một yếu tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và cũng là một yếu tố góp phần nâng cao tinh chất giai cấp công nhân của Đảng ta.

Phụ nữ trong các cấp ủy hiện nay còn quá ít. Nhiều đồng chí nữ rất giỏi, rất tốt, anh hùng, thông minh nhưng chưa được lựa chọn xứng đáng. Phải khắc phục hơn nữa tư tưởng phong kiến, thành kiến hẹp hòi. Đây không phải là "chiếu cố" mà là phải có sự nhìn nhận cách mạng, công bằng nhằm phát huy đầy đủ tinh thần và năng lực cách mạng của phụ nữ là giới đồng hơn một nửa số dân. Lựa chọn cán bộ nữ không phải chỉ trong cán bộ phụ trách Hội phụ nữ mà ở tất cả các ngành kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế...

Cán bộ quản lý kinh tế, văn hóa, cán bộ khoa học kỹ thuật là vốn rất quý của Đảng. Tuyệt đại bộ phận anh chị em muốn được làm việc tốt, được cống hiến nhiều. Rất nhiều người đã được rèn luyện, thử thách qua hai cuộc kháng chiến, hai cuộc cách mạng. Từ những cán bộ ấy, chúng ta cần lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng một số trở thành cán bộ lãnh đạo. Hiện nay, trừ một số nơi, còn quá ít tỉnh ủy viên, huyện ủy viên có trình độ đại học, trung học quản lý kinh tế hoặc khoa học kỹ thuật. Như vậy rất khó lãnh đạo, chỉ đạo tốt các hoạt động kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, phát triển sản xuất, xây dựng đời sống.

Những người được bầu vào cấp ủy phải là những người có *lập trường chính trị* kiên định, hoàn toàn nhất trí và thật sự thông suốt với đường lối, quan điểm của Đảng; có *năng lực* tham gia lãnh đạo tập thể và tổ chức thực hiện nghị quyết của cấp ủy ở cương vị mình phụ trách và có *đạo*

đức, tác phong tốt tức là có tinh thần cách mạng tiến công, chăm lo giữ gìn đoàn kết nội bộ, giữ gìn kỷ luật của Đảng, chăm lo đời sống nhân dân, có tác phong dân chủ, sáu sát quần chúng, cấp dưới và cơ sở. Những cán bộ hư hỏng, không tích cực chấp hành đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, làm những điều sai trái, làm mất uy tín của Đảng thì nhất thiết không đưa vào cấp ủy. Những cán bộ đến tuổi về hưu mà cấp trên không yêu cầu tiếp tục công tác thì đề các đồng chí nghỉ hưu. Những đồng chí ốm yếu không đủ sức khỏe làm việc thì tổ chức chăm lo cho các đồng chí ấy được dưỡng sức, chữa bệnh. Những đồng chí không phát huy rõ tác dụng của cấp ủy viên, ít được tin nhiệm do năng lực kém thì cần được thay thế. Những trường hợp có vấn đề lịch sử chính trị chưa được xác minh thì không đưa vào cấp ủy.

Đồng thời cần coi trọng việc hạ thấp tuổi đời bình quân của các cấp ủy viên. Bình quân tuổi đời của các cấp ủy viên tỉnh, thành trên dưới 45 tuổi, cấp huyện khoảng dưới 40 tuổi như đã nói trong chỉ thị của Trung ương là rất cần thiết để đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ lãnh đạo hiện nay và chuẩn bị cho sau này. Nhiệm vụ cách mạng ngày càng nặng nề, khắt khe, nếu nhiều đồng chí trong cấp ủy già, yếu, thì sẽ trở ngại cho sự lãnh đạo và sức chiến đấu của đảng bộ.

Chuẩn bị nhân sự không phải là việc riêng của cấp ủy mà là công việc của toàn đảng bộ và phải được chuẩn bị tốt. Các cấp ủy cần có những hình thức thích hợp để lấy được ý kiến của đông đảo đảng viên và cả của quần chúng cách mạng, nhất là những người lao động tích cực. Quần chúng hiểu rất rõ ai là người như thế nào trong địa phương mình, có thể hiểu ai xứng đáng là đảng viên, là người lãnh đạo. Ở miền Nam cũng như ở

miền Bắc, kinh nghiệm cho thấy tuyệt đại bộ phận ý kiến nhận xét của quần chúng là đúng, quần chúng thông minh, thể tất và công bằng, phê bình đến nơi đến chốn nhưng không thành kiến, hẹp hòi. Tất nhiên ý kiến của quần chúng không phải là quyết định, nhưng ở bất cứ nơi nào cũng cần lắng nghe ý kiến quần chúng để suy tính, cân nhắc kỹ càng. Trường hợp nào còn vướng mắc, thì thảo luận cho rõ, làm một cách đàng hoàng, quang minh, chính đại, để cuối cùng khi bầu cử chỉ là một động tác biểu thị sự *nhất trí*. Không như vậy thì việc bầu cử sẽ không thể bảo đảm sự đúng đắn, chính xác được.

Sức mạnh của Đảng ta ngày nay là sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chuyên chính vô sản. Mọi chủ trương, chính sách của Đảng đều được thực hiện thông qua bộ máy chính quyền và các đoàn thể quần chúng. Vì vậy, đi đôi với kiện toàn cấp ủy, các địa phương phải chú ý kiện toàn chính quyền và các đoàn thể, bảo đảm cho các cơ quan chính quyền từ ủy ban nhân dân đến các cơ quan kinh tế, công an, văn hóa, giáo dục..., các ban chấp hành đoàn thể quần chúng, các ban **quản lý xí nghiệp**, quản lý hợp tác xã hoặc tập đoàn sản xuất... đều

vững mạnh. Ở miền Nam, cần chú trọng không để lọt những phần tử địch, phần tử xấu và những người bóc lột vào các cơ quan nói trên.

Nói tóm lại, chuẩn bị thật tốt, thật kỹ, về nhiệm vụ chính trị cũng như về nhiệm vụ tổ chức, về nhân sự, là yếu tố quan trọng quyết định thắng lợi của các Đại hội, chúng ta chuẩn bị càng kỹ, càng chu đáo thì kết quả càng lớn. Kết quả của các Đại hội thể hiện trên ba mặt: — **phát huy được quyền làm chủ tập thể của quần chúng** bàn bạc thật kỹ các nhiệm vụ công tác của địa phương, đơn vị, nhằm thực hiện tốt các mục tiêu của kế hoạch 1979 — 1980; — **phát động được phong trào cách mạng sôi nổi của quần chúng** quyết tâm thực hiện các nhiệm vụ đã đề ra; — **kiện toàn được đảng bộ, bộ máy chính quyền và các đoàn thể quần chúng vững mạnh**. Mong rằng các đồng chí năm vững tinh thần của Trung ương, tích cực phấn đấu để Đại hội các cấp đạt kết quả tốt nhất, đưa phong trào các địa phương, đơn vị tiến lên mạnh mẽ và vững chắc.

(*) Bài nói tại hội nghị cán bộ tổ chức ngày 15-11-1978 do Ban tổ chức Trung ương Đảng triệu tập. Đầu đề bài do chúng tôi đặt — BBT.

DÙNG HẾT LAO ĐỘNG VÀ ĐẤT ĐAI ĐƯA NỀN KINH TẾ NƯỚC TA TIẾN LÊN TRONG NĂM 1979

CHÉ-VIẾT-TẤN

BƯỚC vào năm 1979, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phải ra sức phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa để thực hiện cùng một lúc ba nhiệm vụ: ổn định và bảo đảm đời sống nhân dân, củng cố quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc; xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật nhằm đáp ứng những yêu cầu trước mắt, đồng thời chuẩn bị điều kiện phát triển cho những năm sau.

Ba nhiệm vụ đó thể hiện sự vận dụng đúng đắn và sáng tạo Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng trong tình hình mới của nước ta, phản ánh rõ rệt quan điểm cơ bản của Đảng: nếu cao ý thức xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, dựa trên cơ sở phát huy cao độ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động và nhằm vào việc khai thác hai thế mạnh của ta hiện nay là lao động và đất đai để bảo đảm thực hiện tốt các nhiệm vụ kinh tế.

Đảng ta đã tìm ra được con đường sáng tạo tiến từ sản xuất nhỏ lên sản

xuất lớn xã hội chủ nghĩa là: ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. Chúng ta cần nắm vững khả năng lớn nhất của ta hiện nay là lao động và đất, rừng, biển, đồng thời tận dụng cơ sở vật chất — kỹ thuật sẵn có và tăng thêm để từng bước xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, trước hết bảo đảm cho được những nhu cầu cơ bản về đời sống nhân dân và đẩy mạnh xuất khẩu để có điều kiện trang bị mới cho nền kinh tế. Việc bố trí kế hoạch chung của nền kinh tế quốc dân cũng như kế hoạch của từng ngành, từng địa phương đều phải quán triệt đường lối, chủ trương đó.

Chúng ta nhận thức rằng xây dựng kinh tế, cũng như mọi công tác cách mạng khác, là sự nghiệp của quần chúng nhân dân làm chủ tập thể dưới sự lãnh đạo của Đảng. Chính vì vậy, việc giải quyết các khó khăn của nền kinh tế, việc cân đối kế hoạch không phải chỉ là công việc hành chính của các cơ quan Nhà nước; những việc

đó chỉ có thể được giải quyết tốt khi quần chúng thật sự làm chủ, coi kế hoạch Nhà nước là nguyện vọng, là ý chí, là sự nghiệp thiết thân của mình. Cho nên, trước tình hình nền kinh tế đang có những mặt mắt cần đổi nghiêm trọng, chúng ta lại càng phải triệt để dựa vào quần chúng, đưa các cán đối lớn của nền kinh tế quốc dân ra cho quần chúng bàn bạc, tìm cách giải quyết ngay ở từng cơ sở, từng huyện, từng tỉnh, thành phố, và từng ngành, phát huy cao độ quyền làm chủ của cơ sở, của địa phương, của ngành di dời với tính chủ động và trách nhiệm tập thể trong việc giải quyết các cán đối chung của nền kinh tế quốc dân. Có thể coi đây là phương hướng chung nhất để giải quyết các cán đối của nền kinh tế.

Lâu nay, đối với nhiều mặt cán đối lớn của kế hoạch Nhà nước, chúng ta chỉ tính toán, tổng hợp chung trong phạm vi toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Từng ngành, từng địa phương đều có tính toán các mặt cán đối cụ thể, nhưng có ngành, có địa phương chưa có ý thức trách nhiệm góp phần giải quyết các cán đối chung của cả nước. Điều này thể hiện rõ qua một xu hướng kéo dài từ nhiều năm nay trong dự án kế hoạch của một số ngành và một số tỉnh, thành phố là: so với số kiểm tra của Nhà nước giao thì xây dựng chỉ tiêu sản xuất chỉ cao hơn một ít hoặc thấp hơn, nhưng yêu cầu về vật tư, vốn đầu tư, số lượng lao động và quỹ lương (thuộc khu vực Nhà nước) thì đặt ra cao hơn nhiều so với số kiểm tra; ngược lại, các chỉ tiêu về thu mua, cung cấp cho trung ương và giao hàng xuất khẩu thì lại thấp hơn nhiều so với số kiểm tra. Rất dễ nhận thấy, đây là biểu hiện của khuynh hướng cục bộ, bản vị coi việc giải quyết khó khăn, mặt cán đối của nền kinh tế quốc dân là trách nhiệm của Nhà nước, còn địa phương mình, ngành mình thì chỉ mong được cung ứng

đủ vật tư, tiền vốn theo yêu cầu, còn việc đóng góp cho nhu cầu chung thì làm được đến đâu hay đến đó. Hơn thế nữa, cũng đã có tình trạng nhận vật tư của Nhà nước để sản xuất, nhưng lại không giao nộp đủ sản phẩm theo quy định, mà giữ lại tiêu dùng riêng cho địa phương mình ngành mình, trái với chế độ Nhà nước.

Từ nay, chúng ta đề cao hơn nữa tính chủ động và trách nhiệm của các ngành, các địa phương và cơ sở đối với việc giải quyết các cán đối chung của cả nước bằng cách hạch toán rõ ràng quan hệ cán đối giữa hai mặt dưới đây đối với từng ngành, từng địa phương và cơ sở: một bên là khối lượng vật tư và hàng hóa mà Nhà nước cấp cho mình, một bên là khối lượng vật tư và hàng hóa mà mình nộp cho Nhà nước, kê cả cho xuất khẩu. Nếu như từng ngành, từng địa phương và cơ sở cân bằng được hai phần đó trong quan hệ với Nhà nước cũng tức là giữa bộ phận với tổng thể nền kinh tế quốc dân, thì các cán đối chung của cả nước sẽ được giải quyết tốt. Đương nhiên, từ một tình trạng vốn mắt cán đối lớn trong nền kinh tế, đi tới cán đối được phải là một quá trình. Song, về mặt hạch toán, "tính sổ", thì phải rõ ràng về mỗi ngành, mỗi địa phương, mỗi cơ sở thấy rõ được trách nhiệm của mình đối với cán đối chung của cả nước và có mức phấn đấu cụ thể trong từng thời gian, qua đó, cũng có thể thấy rõ mức tiến bộ cụ thể của mỗi ngành, mỗi địa phương và cơ sở trong công cuộc xây dựng kinh tế. Có như vậy, mới buộc các địa phương, các ngành và cơ sở, khi yêu cầu Nhà nước cung ứng thêm vật tư, hàng hóa, phải tính ngay mình sẽ cung cấp thêm cho Nhà nước như thế nào, đặc biệt đối với những thứ mà Nhà nước phải nhập khẩu thì phải tính ngay phần tăng xuất khẩu để trang trải.

Chúng ta coi đây không chỉ là một chỉ tiêu, một cách tính, mà là một vấn đề có ý nghĩa và tác dụng thiết thực để khắc phục tư tưởng bản vị, cục bộ, tư tưởng ỷ lại, đề cao ý thức tự lực, tự cường, tính chủ động và trách nhiệm của mỗi ngành, mỗi địa phương và cơ sở góp phần vào việc khắc phục các khó khăn chung, các mặt mắt cân đối lớn của nền kinh tế. Chỉ có như vậy, chúng ta mới khắc phục được những mất cân đối lớn, những khó khăn trong nền kinh tế của cả nước, và nền kinh tế quốc dân độc lập, tự chủ cũng chỉ có thể được xây dựng trên cơ sở ý thức tự lực, tự cường của từng ngành, từng địa phương và cơ sở.

Theo phương hướng chung đó, chúng ta phải làm tốt việc xây dựng kế hoạch từ cơ sở (xí nghiệp, liên hiệp các xí nghiệp, công ty) và huyện. Huyện có một vị trí rất quan trọng. Đây là nơi thể hiện sinh động nhất quyền làm chủ của nhân dân lao động trong việc xây dựng kế hoạch nhằm bảo đảm ăn, mặc, ở, học hành, chữa bệnh, sinh hoạt văn hóa, phát triển thể dục thể thao, nuôi dạy trẻ cho nhân dân và củng cố quốc phòng trên địa bàn huyện.

Huyện là cấp kế hoạch chủ động nhất về phân bổ, điều hành sức lao động, tạo công việc làm cho người lao động qua việc mở mang nông nghiệp, lâm nghiệp, thủ công nghiệp trong quá trình xây dựng cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp huyện.

Cấp huyện sẽ tìm được các biện pháp tốt trong việc tận dụng lao động và đất đai để đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm, tạo nguyên liệu cho công nghiệp và xuất khẩu.

Huyện sẽ là cấp kế hoạch và cấp trực tiếp chỉ đạo việc thực hiện ba nhiệm vụ: ổn định và bảo đảm đời sống nhân dân, củng cố quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa

xã hội. Huyện cần được kiện toàn và các cấp trên cần đi sát, giúp đỡ huyện xây dựng kế hoạch, phát huy đến mức cao nhất mọi tiềm năng của huyện. Phải phát huy mạnh mẽ hơn nữa quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong việc xây dựng kế hoạch ở cơ sở, nhất là bàn các biện pháp cụ thể đầy mạnh sản xuất, tổ chức đời sống. Phải trao cho cơ sở quyền chủ động kinh doanh theo đúng các quy định của Nhà nước, đồng thời gấp rút sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh các chế độ cụ thể, các tiêu chuẩn, định mức và ổn định phương hướng sản xuất cho cơ sở, xét duyệt nhanh quy hoạch của huyện, tạo ra những điều kiện thuận lợi để cơ sở và huyện chủ động hơn nữa trong sản xuất kinh doanh, phát huy tốt hơn nữa tiềm năng, làm ra nhiều sản phẩm cho xã hội.

Về các cân đối có ba mặt cân đối quan trọng nhất tác động đến toàn bộ các cân đối khác trong năm 1979 là: cân đối đầu tư xây dựng cơ bản, cân đối lương thực thực phẩm, cân đối xuất nhập khẩu.

Trong năm 1979 chúng ta phải kiên quyết chuyển công tác đầu tư xây dựng cơ bản theo hướng tập trung, dứt điểm, có hiệu quả tốt, chống tình trạng đầu tư phân tán, dây dora với hiệu quả thấp, và bảo đảm đầu tư xây dựng cơ bản phải cân đối với tình hình chung về kinh tế và khả năng cho phép về vật liệu xây dựng, ngân sách, phục vụ tốt ba nhiệm vụ lớn đề ra trong kế hoạch Nhà nước năm 1979.

Sự lựa chọn mục tiêu và công trình đặt ra rất gay gắt đối với yêu cầu chuyển hướng đó trong phạm vi bố trí vốn đã cân đối ở từng địa phương, từng ngành và từng cấp.

Còn cân đối *lương thực, thực phẩm* và cân đối *xuất nhập khẩu* là hai cân đối lớn phải được chú trọng giải quyết tốt chẳng những trong năm 1979 mà cả trong một số năm tiếp theo. Việc

giải quyết tốt hai cân đối quan trọng này có ảnh hưởng đến việc chuyên biến tốt toàn bộ tình hình kinh tế, bảo đảm thực hiện tốt ba nhiệm vụ chung của kế hoạch Nhà nước năm 1979 và yêu cầu đổi mới công tác kế hoạch hóa xuất phát từ lao động và đất đai. Làm tốt và giải quyết được hai cân đối lớn quan trọng này chính là tạo điều kiện để giải quyết tốt hệ thống cân đối sức lao động và từ đó cân đối tốt toàn bộ kế hoạch kinh tế theo yêu cầu đổi mới công tác kế hoạch hóa.

Nước ta có nguồn dồi dào những người lao động có giác ngộ xã hội chủ nghĩa cao và trình độ khoa học kỹ thuật tuy còn thấp nhưng đang được nâng lên từng bước. Để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, phải kết hợp chặt chẽ sức lao động với đối tượng lao động và công cụ lao động, làm sao sử dụng được nguồn lao động dồi dào ấy để làm ra nhiều của cải cho xã hội. Về lâu dài, muốn có năng suất lao động xã hội cao thì phải đạt được trình độ phân công lao động xã hội của các nước công nghiệp theo hướng hoàn thành việc phân bổ lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp với lực lượng lao động kỹ thuật được đào tạo tốt về trình độ và tay nghề.

Trong những năm trước mắt, để nâng cao năng suất lao động xã hội phải tìm cách dùng hết lao động xã hội, bảo đảm cho mọi người có sức lao động có việc làm và làm việc với năng suất lao động cao. Phải phân bổ lại sức lao động giữa các vùng, các ngành trên quy mô lớn để khai thác tốt đất đai bằng cách canh tác hết đất hoang hóa, thực hiện thâm canh tăng vụ ở đất thuộc, khai hoang để mở rộng diện tích canh tác nông nghiệp, lâm nghiệp hiện có của cả nước lên gấp đôi, mở mang nông nghiệp, lâm nghiệp, tạo nên thế bố trí chiến lược mới trong nền kinh tế và tăng cường quốc phòng.

Muốn phân bổ lại sức lao động, dùng hết lao động thì phải có một số điều kiện tối thiểu trước mắt là: lương thực, thực phẩm, một số hàng tiêu dùng thiết yếu và một số vật tư, công cụ thiết bị. Giải quyết cân đối lương thực, thực phẩm không chỉ nhằm phục vụ yêu cầu của đời sống nhân dân nói chung, mà đặc biệt quan trọng là tạo ra điều kiện đầu tiên để phân bổ lại sức lao động, hình thành các vùng chuyên trồng cây công nghiệp, phát triển nhanh các cây công nghiệp cần thiết làm nguyên liệu cho công nghiệp nhẹ và công nghiệp thực phẩm trong nước và đề xuất khâu đổi lấy máy móc, thiết bị cho sản xuất cũng như cho xây dựng công nghiệp. Giải quyết cân đối xuất nhập khẩu vừa nhằm bảo đảm vật tư cần thiết cho sản xuất nông nghiệp toàn diện, vừa nhằm bảo đảm nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp, lại vừa nhằm bảo đảm máy móc, thiết bị cho cả công nghiệp và xây dựng cơ bản. Rõ ràng là các cân đối cụ thể về nguyên liệu, vật liệu, năng lượng, máy móc thiết bị đều gắn bó chặt chẽ với việc giải quyết tốt hai cân đối nói trên, bởi vì trong điều kiện cụ thể của nước ta hiện nay, quy mô của nông nghiệp tập trung, chuyên môn hóa cũng như quy mô của sản xuất công nghiệp, của xây dựng cơ bản, của giao thông vận tải tùy thuộc một phần rất lớn ở quy mô của sản xuất lương thực, thực phẩm và quy mô của hàng hóa xuất khẩu.

Về lương thực, thực phẩm, điều đáng chú ý là cho đến nay, còn những tỉnh ở miền Bắc cũng như ở miền Nam chưa tự cân đối được lương thực mà phải dựa một phần vào trung ương cung cấp (không kể các thành phố). Có nhiều huyện sản xuất lương thực là chính mà cũng không tự cân đối được lương thực cho mình. Như chúng ta đều biết, việc phải dành một phần ngoại tệ để nhập khẩu lương thực là vạn bất đắc dĩ, vì nó

hạn chế rất lớn việc nhập khẩu nhiều loại nguyên liệu, vật liệu và máy móc thiết bị khác, không những thế, đó lại là điều rất phi lý vì đất nước ta có đủ khả năng đề tự giải quyết vấn đề lương thực.

Vấn đề đặt ra hiện nay là phải đi sâu vào điều kiện đất đai, lao động để tính toán sản xuất, thu mua và cân đối lương thực một cách cụ thể trên địa bàn từng huyện, từng tỉnh. *Cả nước ta phải làm lương thực, thực phẩm với khí thế cách mạng, với tinh thần chủ động tiến công*, dùng hết lao động, đất đai, máy móc và mọi khả năng khác để sản xuất lương thực, thực phẩm. Lấy huyện làm địa bàn cân đối lương thực, thực phẩm, phát huy hết khả năng của từng huyện trong việc tự giải quyết lương thực cho mọi người dân sống trên địa bàn huyện. Đương nhiên, nói như vậy không có nghĩa là cân đối một cách máy móc, theo quan điểm tự túc, tự cấp hẹp hòi. Huyện nào có nhiều diện tích trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, làm nghề rừng có hiệu quả kinh tế hơn, thì không nhất thiết phải tự túc lương thực, mà ngược lại, Nhà nước phải cung cấp đầy đủ lương thực cho những người trồng cây công nghiệp, cây ăn quả và làm rừng.

Màu là « cửa ải » để giải quyết vấn đề lương thực. Do đó, một mặt phải tận lực phát triển lúa, mặt khác phải coi trọng vị trí cực kỳ trọng yếu của việc phát triển hoa màu, theo hướng phát triển mạnh ngô, khoai, sắn, cao lương, nhất là ở Tây Nguyên, Đông Nam-bộ, trung du, miền núi: tiếp tục phát triển mạnh khoai tây và các cây vụ đông khác ở miền Bắc. Việc thu hoạch, chế biến, vận chuyển, tiêu thụ màu được coi trọng là những điều kiện rất cần thiết để đưa màu vào khẩu phần lương thực chính của nhân dân.

Ra sức phát triển rau đậu các loại ở khắp các địa phương bảo đảm đủ

nhu cầu cho bữa ăn cung cấp cho các thành phố, khu công nghiệp và xuất khẩu.

Đi đôi với việc đẩy mạnh sản xuất lương thực, công tác thu mua lương thực phải có sự chuyển biến mới. Chính sách mới về thu mua lương thực gồm ba điểm: thuế, hợp đồng hai chiều và mua theo giá thỏa thuận, được thực hiện trong cả nước sẽ tạo ra thuận lợi mới cho việc Nhà nước nắm phần lớn lương thực hàng hóa phục vụ cho nhu cầu chung.

Việc đổi mới cơ cấu bữa ăn của chúng ta bằng cách tiến đến ăn « màu » thay một phần gạo và bớt ăn gạo đề chuyển qua « thịt sữa » trong chăn nuôi là hướng lâu dài, nhưng trước mắt tổ chức chế biến các thức ăn từ « màu » ngon, bổ, hấp dẫn thay gạo đề « màu » cùng với « lúa » giải quyết được nhu cầu lương thực ở nước ta cũng là một yêu cầu lớn mà chúng ta phải quyết tâm làm tốt.

Trong cân đối xuất nhập khẩu, việc đẩy mạnh xuất khẩu là một nhiệm vụ hết sức cấp bách để bảo đảm nhập khẩu những vật tư, nguyên liệu thiết yếu đối với sản xuất và đời sống nhân dân. Nhiệm vụ này cần được nhận thức thật sâu sắc trong các ngành, các cấp, các cơ sở, với nghĩa là mọi hoạt động sản xuất, xây dựng cũng như đời sống của mọi người trong đơn vị đều gắn chặt với hoạt động xuất khẩu, vì vậy, mỗi đơn vị đều có nghĩa vụ và trách nhiệm đóng góp trực tiếp hoặc gián tiếp cho xuất khẩu.

Điểm mới cần nhấn mạnh là để bảo đảm hàng hóa xuất khẩu đạt được quy mô cần thiết về số lượng và có chất lượng đạt tiêu chuẩn, Nhà nước và nhân dân ta sẽ tăng cường đầu tư cho việc tăng nhanh chóng năng lực xuất khẩu, trước tiên là các ngành nông, lâm, ngư nghiệp, ngành than và gia công xuất khẩu. Việc đầu

tư phải được thực hiện một cách tập trung, đồng bộ, hướng vào những cây, con có giá trị xuất khẩu cao và những vùng chuyên canh sớm tạo ra sản phẩm hàng hóa, đồng thời phải giải quyết đồng bộ về vật tư, tiền vốn, cán bộ, kỹ thuật, kể cả việc thu mua, vận chuyển, chế biến. Trong những trường hợp cần thiết, việc nhập khẩu vật tư, nguyên liệu để tăng xuất khẩu (với điều kiện là bảo đảm cân đối được ngoại tệ xuất nhập khẩu) là rất đáng khuyến khích. Nhà nước ta sẽ tổ chức những công ty chuyên doanh phụ trách tập trung từng mặt hàng xuất khẩu quan trọng, hoạt động theo nguyên tắc hạch toán kinh tế, với đủ quyền hạn và được cân đối các điều kiện, phương tiện vật chất, kể cả lương thực, vật tư để bảo đảm cho được nhiệm vụ sản xuất, thu mua, chế biến hàng xuất khẩu cho đến khi giao cho ngoại thương. Nhà nước ta cũng khuyến khích tất cả các ngành, các địa phương, các cơ sở tính toán phương án cụ thể tăng xuất khẩu vượt mức kế hoạch, nếu cần nhập khẩu thiết bị, vật tư để thực hiện phương án ấy, thì có thể được cơ quan ngân hàng và ngoại thương vay hộ ngoại tệ. Người vay đương nhiên phải chịu trách nhiệm trả nợ và lãi theo thời hạn.

Do tầm quan trọng đặc biệt của công tác xuất khẩu, việc ban hành các chính sách khuyến khích xuất khẩu có ý nghĩa và tác dụng rất lớn. Nhà nước sẽ tiếp tục ban hành mới hoặc bổ sung các chính sách như: bảo đảm cung cấp đủ lương thực cho những vùng, những người sản xuất hàng xuất khẩu, điều chỉnh một số giá mua để khuyến khích sản xuất hàng xuất khẩu, các ngành, các địa phương và các cơ sở được phép sử dụng một tỷ lệ ngoại tệ kiếm được để dùng vào việc nhập khẩu vật tư, nguyên liệu cần thiết cho sản xuất của ngành, địa phương và đơn vị.

Về nhập khẩu, trong tình hình xuất khẩu có hạn, các yêu cầu nhập khẩu cần được tính toán hết sức chặt chẽ. Đối với những vật tư, nguyên liệu nào chúng ta có thể tự khai thác trong nước được, thì nhất thiết không nhập khẩu. Đương nhiên, tiết chế nhập khẩu không phải là cắt nhập một cách máy móc, mà vấn đề đặt ra là phải biết tăng xuất khẩu để tạo điều kiện tăng nhập khẩu, đồng thời cũng phải biết tăng nhập khẩu để tăng xuất khẩu, mà hiệu quả kinh tế cuối cùng là tiêu chuẩn để cân nhắc. Đây cũng là một hướng quan trọng để tranh thủ kỹ thuật tiên tiến của nước ngoài, tạo ra nguồn hàng xuất khẩu của ta ngày càng phong phú, đạt chất lượng cao và có quy mô lớn.

Trên đây là những phương hướng lớn, những quan điểm cơ bản trong việc giải quyết những cân đối lớn của nền kinh tế trong kế hoạch Nhà nước năm 1979. Để làm tròn ba nhiệm vụ chung của kế hoạch và giải quyết các cân đối của kế hoạch, *phải tận dụng hai thế mạnh của ta hiện nay là lao động và đất đai, coi việc dùng hết lao động và đất đai, mở mang nông nghiệp, lâm nghiệp là nhiệm vụ chiến lược số một của ta hiện nay.* Đây là nhiệm vụ thể hiện quan điểm xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, với ý thức làm chủ tập thể cao độ và tinh thần tự lực tự cường mạnh mẽ. Đây cũng là phương hướng cơ bản đúng đắn và sáng tạo của Đảng ta để giải quyết các khó khăn trước mắt, đồng thời tạo cơ sở cho những bước tiến lên mạnh mẽ trong những năm sau.

Nhiệm vụ này đòi hỏi các ngành, các địa phương, các cơ sở phải nắm lại lực lượng lao động của mình, chăm lo sắp xếp cho mọi người có sức lao động đều có công việc làm, bằng cách tổ chức, sử dụng hợp lý lao động tại chỗ, có năng suất lao động cao, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh việc phân bổ lại lao động trên phạm vi cả nước.

đề khai thác tốt hơn nữa tài nguyên phong phú của đất nước: đất, rừng, biển, khoáng sản... Chúng ta sẽ tiếp tục làm tốt công tác định canh, định cư và tích cực phân bố lại lao động nông thôn, phấn đấu thực hiện cho được chỉ tiêu đưa lao động đi xây dựng các vùng kinh tế mới và chỉ tiêu khai hoang của kế hoạch 5 năm 1976 — 1980, coi việc khai hoang, xây dựng vùng kinh tế mới là một nhiệm vụ chiến lược quan trọng. Chúng ta động viên và tổ chức thật tốt nhân dân ở các vùng đông dân làm nhiệm vụ này với khí thế cách mạng đi xây dựng đất nước, đồng thời các cơ quan có trách nhiệm cần làm thật tốt các công tác chuẩn bị, từ địa bàn đến phương hướng sản xuất, công cụ lao động, lương thực, thực phẩm, chỗ ở, nước dùng cho sinh hoạt và xây dựng các cơ sở phúc lợi về y tế, giáo dục. Khai hoang phải gắn chặt với thâm canh, chú trọng bảo vệ đất. Trong việc khai hoang, phải mở ra những công trường lớn, tận dụng lao động thủ công kết hợp với một phần máy móc, đồng thời áp dụng ngay những biện pháp khoa học — kỹ thuật tiên tiến. Cần tính toán chu đáo quy hoạch của từng địa bàn, khai hoang đến đâu, phải đưa vào sản xuất ngay đến đó.

Ở nông thôn, trong các hợp tác xã số ngày lao động cho hợp tác xã còn thấp, việc sử dụng ngày công của nông dân xã viên còn chưa thật chặt chẽ. Vì vậy, cùng với việc đẩy mạnh khai hoang, phải tận dụng lao động nông nghiệp để thực hiện đầy đủ, đồng bộ

hơn nữa các biện pháp thâm canh, tăng năng suất trên diện tích đất thuộc, diện tích lúa cũng như diện tích cây công nghiệp hiện có.

Ở các thành phố, khu công nghiệp, chúng ta còn nhiều khả năng tận dụng lao động dư thừa vào các công việc, như: phát triển các ngành nghề thủ công nghiệp với nguyên liệu trong nước, tạo thêm hàng tiêu dùng bằng nguồn phế liệu, phế phẩm tại chỗ, vừa đáp ứng nhu cầu của thành phố, vừa có thêm hàng hóa trao đổi với nông dân, có thể phát triển mạnh các hoạt động dịch vụ, như sửa chữa vật nhà cửa, đồ dùng gia đình, vá may, và mở rộng các công việc phục vụ khác. Cũng có nhiều khả năng mở mang nhiều mặt hàng gia công cho nước ngoài, như thêu, ren, dệt thảm, v.v. Đó là những hướng quan trọng để phát huy thế mạnh của lao động thành phố, vừa bảo đảm nhu cầu của thành phố, vừa tăng thêm hàng hóa trao đổi với nông thôn, góp phần tác động tốt đến sản xuất và đời sống nông dân.

Quân đội ta, khi có điều kiện cần tham gia xây dựng kinh tế theo kế hoạch, chủ yếu là trong các việc như: làm thủy lợi, khai hoang, làm đường, nhằm góp phần phát triển nông nghiệp và lâm nghiệp, sản xuất tự túc một phần lương thực, thực phẩm cho quân đội. Trong tổ chức lực lượng quân sự cũng như trong khi làm kinh tế, quân đội phải nêu cao ý thức tiết kiệm, đạt cho được hiệu quả thiết thực.



Để bảo đảm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế và kế hoạch Nhà nước năm 1979, Đảng và Nhà

nước ta đã đề ra những vấn đề cấp bách phải đổi mới trong công tác quản lý, trong tổ chức và chỉ đạo

thực hiện. Đây là một loạt các công tác cực kỳ khó khăn và phức tạp, vì nó đòi hỏi thấu suốt đường lối của Đảng, vận dụng đúng đắn các quy luật kinh tế khách quan trong điều kiện cụ thể của nước ta, và trong khi tiến hành, đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng từ khâu lập kế hoạch đến việc thực hiện các chính sách, chế độ quản lý, bố trí hợp lý tổ chức quản lý, sử dụng tốt đội ngũ cán bộ. Điều đặc biệt quan trọng là việc đòi hỏi công tác quản lý phải tạo điều kiện và thúc đẩy mạnh mẽ mọi ngành, mọi địa phương, mọi cơ sở và mọi người lao động *nên cao hơn nữa ý thức tự lập, tự cường tiến lên xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, phát huy mạnh mẽ hơn nữa quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động*, coi đó là động lực chủ yếu nhất nhằm phát huy những nhân tố mới tích cực trong nền kinh tế, tạo nên phong trào thi đua lao động sản xuất và tiết kiệm sôi nổi và rộng khắp, tiến hành ba cuộc cách mạng, sử dụng tốt nhất lao động và đất đai, thực hiện các

nhiệm vụ kinh tế và kế hoạch Nhà nước năm 1979.

Nền kinh tế thống nhất của cả nước ta có sức mạnh tổng hợp với nhiều tiềm năng có thể khai thác nhanh : khả năng dễ tạo nên chuyển biến về kinh tế còn rất lớn ở từng ngành, từng địa phương, từng cơ sở.

Với nỗ lực chủ quan, nhất định chúng ta sẽ tạo ra chuyển biến mới, bước tiến mới cho nền kinh tế.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, với tinh thần kiên quyết phấn đấu vươn lên của nhân dân cả nước ta, với quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nước ta với Liên-xô, với các nước xã hội chủ nghĩa trong Hội đồng tương trợ kinh tế, với sự ủng hộ đồng tình của nhân dân thế giới đối với sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân ta, chúng ta tin chắc rằng việc thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1979 sẽ giành được nhiều thắng lợi mới, đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta tiến lên mạnh mẽ.

BÌNH - TRỊ - THIÊN BƯỚC ĐẦU CẢI TIẾN CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO VÀ TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

BÙI - SAN

BA năm qua, đảng bộ Bình-trị-thiên đã lãnh đạo nhân dân trong tỉnh vượt qua nhiều khó khăn, giành được thắng lợi về một số mặt. Sản lượng lương thực, đặc biệt là màu, tăng đều. Công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh được đẩy mạnh. Các ngành sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp được mở rộng. Việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội được chú trọng. Sự nghiệp

văn hóa, giáo dục phát triển mạnh. Đời sống nhân dân từng bước được ổn định. Quốc phòng được củng cố. An ninh được giữ vững. Một cuộc sống hăng say lao động, sẵn sàng chiến đấu phấn khởi, tin tưởng đang diễn ra trong tỉnh.

Những thắng lợi đó bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân là đảng bộ tỉnh chúng tôi đã chú ý từng bước cải tiến công tác lãnh đạo và tổ chức chỉ đạo thực hiện. Trong bài này, chúng tôi trình bày một số nét về việc cải tiến đó.

KHÔNG NGỪNG PHÁT HUY KHÍ THỂ CÁCH MẠNG TIẾN CÔNG

Đề đẩy mạnh mọi mặt công tác trong tỉnh, chúng tôi nghĩ rằng điều quan trọng trước hết là phải làm cho đảng bộ và nhân dân, trước hết là tỉnh ủy và các cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành trong tỉnh thấm nhuần Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng. Đó là cơ sở để tạo nên sự nhất trí trong nhận thức tư tưởng về phương hướng phấn đấu và

những nhiệm vụ chủ yếu, làm cho đông đảo cán bộ và nhân dân trong tỉnh tin tưởng, phấn khởi, đoàn kết, không ngừng phát huy ý thức làm chủ tập thể vươn lên làm tốt mọi mặt công tác. Cùng với việc nắm vững đường lối và các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, lại phải hiểu sâu tình hình thực tế, những đặc điểm của địa phương mới có thể vận dụng một cách nghiêm túc và sáng tạo đường

lỗi của Đảng vào tình hình cụ thể của tỉnh. Bên cạnh những điều cần thiết đó, kinh nghiệm thực tế cho chúng tôi thấy phải *không ngừng phát huy khi thể cách mạng tiến công* mới đề ra được những chủ trương, kế hoạch và biện pháp hành động có hiệu quả nhất. Bởi vì tư tưởng bảo thủ, ý lại, ngại khó, v.v. núp dưới nhiều dạng khác nhau, thường gây trở ngại rất lớn trong việc phân tích, đánh giá tình hình và xác định nhiệm vụ công tác. Vì vậy, trong các cuộc họp của các cấp, các ngành trong tỉnh, chúng tôi thường động viên cán bộ, đảng viên suy sâu, nghĩ kỹ, mạnh dạn tìm ra những chủ trương, những cách làm mới, có tính cách mạng, kiên quyết chống lối nghĩ, lối làm theo kiểu «đường mòn nếp cũ». Mỗi khi đã tranh luận kỹ và đã nhất trí về chủ trương công tác thì chúng tôi kiên quyết phấn đấu đề thực hiện, dù bước đầu có vấp, trở ngại cũng không nản.

Xin lấy việc giải quyết vấn đề lương thực làm ví dụ. Cho đến năm 1976, Bình-trị-thiên vẫn phải nhận sự chi viện rất lớn của Trung ương về lương thực. Có người cho đó là điều tất yếu vì Bình-trị-thiên đất đã hẹp lại xấu, từ bao đời nay đã không thể nào tự túc được lương thực. Tỉnh ủy chúng tôi đã suy nghĩ theo cách khác. Chúng tôi tự hỏi có thật là đất ở Bình-trị-thiên quá xấu không; có thật là Bình-trị-thiên không tự giải quyết nổi vấn đề lương thực không. Qua kết quả điều tra khảo sát, chúng tôi xác định rằng diện tích đất có thể sản xuất lương thực ở Bình-trị-thiên còn nhiều, trong đó diện tích đất trồng màu chiếm tỷ lệ khá lớn. Bình-trị-thiên lại có một lực lượng lao động dồi dào có thể bổ sung cho sản xuất nông nghiệp. Lao động nông nghiệp mới làm bình quân mỗi người 0,64 héc-ta gieo trồng. Có đất, có lao động, nhất định Bình-trị-thiên sẽ làm đủ lương thực để ăn và đóng góp cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Chúng tôi lại nghĩ rằng Bình-trị-thiên được hoàn toàn giải phóng là do sự đóng góp xương máu của đồng bào và chiến sĩ cả nước. Bây giờ nước nhà đã độc lập, thống nhất và đang tiến lên chủ nghĩa xã hội, Bình-trị-thiên phải phát huy tinh thần vì cả nước, cùng cả nước xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Trong lúc cả nước đang tập trung cao độ lực lượng tạo ra một bước phát triển vượt bậc về nông nghiệp nhằm giải quyết tốt vấn đề lương thực, thực phẩm thì Bình-trị-thiên không thể ý lại vào Trung ương, không thể ý lại vào các tỉnh bạn, mà phải từ đất đai của tỉnh, từ lao động cần cù, sáng tạo của nhân dân trong tỉnh, tự giải quyết tốt vấn đề lương thực và có đóng góp cho Nhà nước. Vì trách nhiệm đối với 1,8 triệu dân trong tỉnh, vì trách nhiệm đối với cả nước, đảng bộ chúng tôi quyết tâm tìm những chủ trương, biện pháp tích cực và tổ chức quần chúng làm ra lương thực nhanh nhất, nhiều nhất.

Chúng tôi xác định rằng *Bình-trị-thiên muốn giải quyết tốt vấn đề lương thực phải đặc biệt coi trọng màu*. Ở Bình-trị-thiên có nhiều đất trồng màu. Bãi cát ven biển, đất gò đồi, đất ở miền núi đều có thể trồng màu, và có nơi có thể trồng được quanh năm. Ở nhiều vùng trong tỉnh, từ lâu nhân dân đã có thói quen tốt coi trọng màu, coi màu là lương thực chính. Căn cứ vào những đặc điểm đó, ngay từ đầu tháng 6-1976, giữa lúc vụ lúa đông xuân 1975 — 1976 được mùa lớn, tỉnh ủy chúng tôi đã quyết định tập trung mọi lực lượng mở cuộc vận động *đẩy mạnh sản xuất màu vụ hè — thu — đông* với quy mô rộng lớn trong toàn tỉnh nhằm tăng nhanh sản lượng lương thực. Chúng tôi coi đây là một cuộc vận động cách mạng đối với toàn đảng bộ và nhân dân trong tỉnh, một cuộc đấu tranh tư tưởng khắc phục những suy nghĩ, tập quán cũ coi nhẹ màu, đánh giá thấp vai trò của màu.

Chúng tôi cho rằng ở đâu có đất, có lao động là ở đó phải làm ra được lương thực, và nơi nào còn đất mà thiếu lao động thì phải đưa lao động tới đó để làm lương thực. Vì vậy, không những ở miền đồng bằng, miền gò đồi, mà cả ở miền biển và miền núi cũng phải đẩy mạnh sản xuất lương thực. Chủ trương này lúc đầu không phải đã được mọi người đồng tình. Có cán bộ, đảng viên cho rằng miền biển chỉ có nhiệm vụ đánh bắt hải sản, nếu Nhà nước không cung cấp đầy đủ lương thực thì không thể nào phát triển được kinh tế miền biển, không thể nào làm tốt việc thu mua hải sản. Để khắc phục những tư tưởng sai trái đó, chúng tôi nêu kinh nghiệm thực tế của các xã vùng biển đã vừa làm tốt việc đánh bắt hải sản, vừa làm tốt việc sản xuất lương thực như các xã Diên-hòa (Hương-diên), Vinh-thanh (Hương-phủ)... cho các xã vùng biển khác học tập. Đối với miền núi cũng vậy. Chúng tôi đã nêu gương xã Hương-hữu, một xã vùng dân tộc ít người thuộc huyện Phú-lộc đã vừa đẩy mạnh sản xuất màu, vừa xây dựng các công trình thủy lợi nhỏ, ngăn khe suối lấy nước làm ruộng lúa và đã tăng nhanh sản lượng lương thực, đóng góp nhiều cho nhà nước. Chúng tôi cũng nêu gương vùng kinh tế mới Phú-dịnh thuộc huyện Bồ-trạch. Chỉ mới hơn một năm, nhân dân ở đây đã khai hoang được sản xuất 1100 héc-ta gồm nhiều loại cây lương thực và cây công nghiệp, đã phát triển đàn bò lên 600 con. Trên 200 hộ với hơn 1000 nhân khẩu đã ổn định nơi ăn ở, xây dựng được nhà cửa, vườn tược và trường học. Những thành tích này đã được tổng kết điển hình tiên tiến cụ thể của huyện, cô vũ đồng đảo đã có sức lôi cuốn và nhân dân tỉnh cán bộ, miền ngược và miền xuôi, chúng tôi và thành thị, hăng hái tham gia phong trào sản xuất lương thực. Ở đâu có đất là ở đó có trồng cây

lương thực. Riêng thành phố Huế đã đưa hàng nghìn lao động đi xây dựng vùng kinh tế mới ở Bình-diên. Trong phong trào thi đua sản xuất lương thực, cần nhắc đến vai trò của cán bộ, công nhân, viên chức, bộ đội, học sinh... Năm 1977 và năm 1978, nhiều cơ quan, đơn vị, trường học đã tự túc được lương thực trong hai tháng; đặc biệt có đơn vị quân đội đã tự túc được lương thực trong 6 tháng, 8 tháng.

Do có chủ trương đẩy mạnh sản xuất lương thực trong đó màu giữ vai trò chủ yếu, lại có sự tổ chức chỉ đạo thực hiện kiên quyết, cho nên những năm qua, tổng sản lượng lương thực của tỉnh chúng tôi tăng đều. Năm 1975, toàn tỉnh chỉ thu hoạch được 250 000 tấn, sang năm 1976 thu được 350 000 tấn, năm 1977 được trên 400 000 tấn. Năm 1978, mặc dù cả hai vụ đều bị thiên tai nặng nhưng nhờ sản lượng màu tăng nhanh trong đó có màu của 15 000 héc-ta làm thêm trong vụ đông, cho nên tổng sản lượng lương thực vẫn tăng 30 000 tấn so với năm 1977. Tỷ trọng màu trong cơ cấu sản xuất lương thực cũng tăng nhanh, từ 20% năm 1975 lên 43% trong năm 1978.

Việc đẩy mạnh sản xuất màu đem lại kết quả đáng phấn khởi song cũng đặt ra những vấn đề mới phải kịp thời giải quyết. Có nhiều màu, phải chế biến, bảo quản và sử dụng tốt, tránh để hư hỏng, tránh tiêu dùng lãng phí. Tỉnh ủy chúng tôi đã kịp thời kêu gọi nhân dân trong tỉnh tìm mọi cách chế biến màu, đồng thời đã bàn kỹ với các cơ quan có trách nhiệm trong tỉnh có biện pháp tiến hành tốt việc thu mua, bảo quản, phân phối màu. Hướng ứng lời kêu gọi của tỉnh ủy, các địa phương các đơn vị đã nghiên cứu sản xuất hàng loạt công cụ chế biến thủ công, nửa cơ khí hoặc cơ khí. Ngành lương thực đã cử bộ phận chuyên trách chế biến, thu mua, bảo quản, phân phối màu và đang

cùng các cơ quan khoa học kỹ thuật nghiên cứu việc chế biến màu, đặc biệt là khâu phơi sấy để tăng dần tỷ trọng màu trong cơ cấu bữa ăn hằng ngày, bảo đảm không những ăn no mà còn ăn ngon, ăn bổ.

Tuy đạt được những thành tích nói trên, song hiện nay việc giải quyết vấn đề lương thực ở tỉnh chúng tôi vẫn còn những khâu chưa tốt. Do nhận thức về vấn đề màu chưa thật vững chắc, cho nên khi lúa có triển vọng khá, thì có nơi đã buông lơỉ chỉ đạo màu. Việc thâm canh tăng năng suất lúa, màu còn yếu. Trong khi mở rộng diện tích trồng màu, một số nơi chưa coi trọng việc chống xói mòn, bảo vệ đất. Khâu chế biến màu nhìn chung còn chậm, chưa đáp ứng kịp yêu cầu của sản xuất và tiêu dùng. Số lượng màu mà nước thu mua được còn ít. Một số hợp tác xã chưa đưa hết sản lượng màu vào cân đối lương thực... Chúng tôi đang ra sức khắc phục những thiếu sót kể trên nhằm giải quyết ngày càng tốt vấn đề lương thực.

Chúng tôi lại xin lấy lại ví dụ khác về việc cố gắng phát huy tinh thần cách mạng tiến công. Đó là việc đề ra kịp thời và thực hiện kiên quyết chủ trương *đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp* trong tỉnh. Khi miền Nam nước ta được hoàn toàn giải phóng, ở Bình-trị-thiên, trong khi các huyện phía bắc đã căn bản hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp từ năm 1960 thì các huyện phía nam mới thoát khỏi chế độ thực dân và phong kiến. Một vấn đề được đặt ra khi hợp tỉnh là làm sao nhanh chóng đưa hai miền trong tỉnh tiến lên đồng đều. Muốn giải quyết tốt vấn đề đó, khâu quan trọng là cải tạo quan hệ sản xuất cũ ở phía nam, đồng thời củng cố và hoàn thiện thêm một bước quan hệ sản xuất ở phía bắc, tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện ở tất cả các huyện trong tỉnh theo hướng sản xuất lớn

xã hội chủ nghĩa, xây dựng huyện có cơ cấu nông công nghiệp và trở thành pháo đài vững chắc về kinh tế và quốc phòng. Khi đề ra việc phải tiến hành kịp thời, không chần chừ, không do dự việc cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp ở các huyện phía nam của tỉnh, trong cán bộ, đảng viên không khỏi có những thắc mắc. Có đồng chí nghĩ rằng: trình độ giác ngộ chính trị của nhân dân ở các huyện phía nam còn thấp, những di hại mà Mỹ - ngụy để lại trong mọi mặt hoạt động xã hội còn nặng, mặt khác ở đó các tổ chức cơ sở của Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng còn yếu, thậm chí có nơi còn bị những phần tử xấu lũng đoạn, cho nên trước mắt các huyện này chưa tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp, phải chờ khi lực lượng cách mạng ở đây lớn mạnh hãy bắt đầu làm. Tỉnh ủy chúng tôi coi những ý kiến đó là không đúng. Sự thật là số đông nhân dân ở các vùng mới giải phóng trong tỉnh tuy có bị Mỹ - ngụy kim kẹp, đầu độc hàng mấy chục năm, song vẫn một lòng một dạ trung thành với Tổ quốc, với cách mạng đã bền bỉ chiến đấu, liên tục tiến công và nổi dậy, liên tiếp giành nhiều thắng lợi làm nức lòng cả nước. Mặt khác, ruộng đất ở các huyện phía nam phần lớn là ruộng đất công, nông dân lại từng bị Mỹ - ngụy dồn vào các trại tập trung, ruộng đất bị cày ủi, phần lớn bị bỏ hoang, hóa, dày đặc bom mìn địch. Để phục hồi khả năng sản xuất của ruộng đất đó một cách nhanh chóng, phải huy động sức mạnh tập thể của nông dân, đồng sức mạnh tập thể của Nhà nước. Tỉnh có sự giúp đỡ chất cách mạng của nhà nước, dựa vào số cán bộ tăng gia lao động, sở, trong đó có nhiều đồng chí cho cơ sở, đảng viên ở miền Bắc là căn cứ thời căn cứ vào tính chất ruộng đất ở các huyện phía nam của tỉnh, đất tôi thấy rằng nếu biết giáo dục chức tốt thì vẫn có thể đưa vùng miền

giải phóng sớm đi vào quỹ đạo của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa với những hình thức từ thấp lên cao. Từ nhận thức đó, ngay sau khi các huyện phía nam được giải phóng, chúng tôi đã chủ trương không chia ruộng đất công cho từng hộ nông dân mà giao cho từng tổ chức tập thể của nông dân sử dụng để tập dượt nông dân theo con đường làm an tập thể.

Đề gấp rút chuẩn bị cho việc hợp tác hóa nông nghiệp ở các huyện phía nam, chúng tôi đưa hàng loạt cán bộ vùng mới giải phóng ra học tập cách làm ăn của các hợp tác xã tiên tiến ở một số tỉnh miền Bắc. Các đồng chí đó được bố trí cùng ăn, ở và làm việc với các đồng chí trong ban quản trị hợp tác xã, với các đội trưởng đội sản xuất trong suốt cả một vụ từ khi gieo giống đến khi thu hoạch, phân phối xong. Cách học tập này đã mang lại nhiều kết quả tốt. Chúng tôi cũng đã điều động một số cán bộ có kinh nghiệm xây dựng phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở các huyện phía bắc của tỉnh vào góp sức xây dựng phong trào ở các huyện phía nam. Chúng tôi cũng đã giúp các huyện phía nam đào tạo tại chỗ hàng nghìn cán bộ nhằm phục vụ việc mở rộng phong trào hợp tác hóa nông nghiệp. Tỉnh ra mỗi huyện đã tự đào tạo được từ 1 000 đến 2 000 cán bộ quản lý và nghiệp vụ.

Cùng với việc chuẩn bị về tư tưởng và về cán bộ, từ vụ đông xuân 1976 — 1977, chúng tôi tích cực tiến hành xây dựng thử một số hợp tác xã ở các vùng mới giải phóng trong tỉnh. Tỉnh ủy đã trực tiếp giúp đỡ xã Hải-thiện (huyện Hải-lăng cũ) và xã Thủy-phương (huyện Hương-thủy cũ) xây dựng thử hợp tác xã. Các huyện cũng đã trực tiếp chỉ đạo một số nơi trong huyện xây dựng thử hợp tác xã. Tính đến vụ đông xuân 1977 — 1978, các huyện phía nam đã có 39 hợp tác xã với quy mô liên thôn hoặc toàn xã, mỗi hợp tác xã có từ 300 đến 500 héc-

ta ruộng đất; 95% số hộ nông dân ở các huyện phía nam đã đi vào làm an tập thể trong các tập đoàn sản xuất hoặc các hợp tác xã. Nhiều hợp tác xã tiên tiến đã xuất hiện như hợp tác xã Đông-vinh (huyện Hương-diên), Thủy-phương (huyện Hương-phủ), Triệu-dại (huyện Triệu-hải), v.v. Nét tiêu biểu của các hợp tác xã đó là đã bước đầu xây dựng được một số cơ sở vật chất kỹ thuật, xây dựng được cơ cấu nông — công nghiệp, cải thiện một phần đời sống nhân dân, làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Trên cơ sở đó, chúng tôi đã tập trung đào tạo thêm hơn 10 nghìn cán bộ để mở rộng diện hợp tác hóa ở vùng đồng bằng các huyện phía nam. Trong đông xuân 1978 — 1979 đã xây dựng thêm 145 hợp tác xã và đang chuẩn bị đề trong hè thu 1979 xây dựng 30 hợp tác xã nữa, hoàn thành việc xây dựng các hợp tác xã ở vùng đồng bằng. Ở miền biển sẽ hoàn thành việc xây dựng các đoàn đánh cá ở cửa lạch và 45 hợp tác xã nông — ngư nghiệp ở bãi ngang vào đầu năm 1979. Ở miền núi, đang chỉ đạo làm thử hợp tác hóa kết hợp với định canh định cư, giao đất giao rừng.

Qua cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, chúng tôi đã thực hiện được một bước việc phân bổ lại lao động, đưa một bộ phận nhân dân vùng đồng bằng lên vùng gò đồi và miền núi, mở thêm 26 điểm kinh tế mới trong tỉnh và đưa gần 30 000 người đi tham gia xây dựng vùng Tây-nguyên và một số vùng khác trong nước. Chúng tôi cũng đã rút được một phần lao động ở nông thôn đưa vào phát triển các ngành kinh tế khác như giao thông, thủy lợi, xây dựng cơ bản...

Những thắng lợi về sản xuất lương thực, về hợp tác hóa nông nghiệp kể trên đã giúp chúng tôi rút được bài học kinh nghiệm là muốn lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện tốt, phải không ngừng phát huy khí thế cách mạng

tiên công, phải có những biện pháp cụ thể, tích cực, ứng phó kịp thời với mọi diễn biến của tình hình. Khi đã khẳng định chủ trương công tác là đúng thì trước mọi khó khăn đột xuất, dù to lớn đến mấy cũng không thể do dự chần chừ. Quyết tâm khắc

phục cho kỳ được những khó khăn đó thì sẽ nhanh chóng vươn tới thắng lợi. Ngược lại, nếu chần chừ, do dự sẽ dậm chân tại chỗ, khó tạo được những chuyển biến mạnh mẽ trong phong trào cách mạng của địa phương.

CẢI TIẾN CÁCH LÀM VIỆC, PHÁT HUY QUYỀN LÀM CHỦ TẬP THỂ, ĐI SÁT CẤP DƯỚI, ĐI SÁT CƠ SỞ

Chúng tôi nhận thức rằng chỉ đề ra chủ trương đúng thì chưa đủ, mà còn phải phấn đấu làm cho những chủ trương đó thành hiện thực, mang lại thắng lợi cho phong trào. Muốn vậy, tất nhiên phải đặc biệt coi trọng *hiệu quả thực hiện, trong đó có việc cải tiến lề lối làm việc*. Có cải tiến lề lối làm việc thì công tác lãnh đạo, tổ chức chỉ đạo thực hiện mới nhanh, nhạy.

Việc cải tiến lề lối làm việc có nội dung rất phong phú. Ở đây chúng tôi chỉ trình bày *một số nét trong hoạt động của tỉnh ủy và trong sự chỉ đạo của tỉnh ủy đối với các ngành, các huyện và cơ sở*.

Tỉnh ủy muốn nắm chắc tình hình chung, muốn nhạy bén trước mọi biến chuyển của phong trào, đồng thời muốn kiểm tra được hiệu quả các chủ trương công tác thì phải nắm chắc tình hình các huyện. Do đó, cùng với việc tăng cường cán bộ cho cấp huyện, chúng tôi đã phân công nhiều đồng chí tỉnh ủy viên về làm bí thư hầu hết các huyện ủy, thành ủy và thị ủy. Đối với huyện lớn như Hương-diên, chúng tôi phân công một đồng chí ủy viên thường vụ tỉnh ủy về làm bí thư. Các đồng chí trong Ban thường vụ tỉnh ủy thường dành thời giờ xuống các huyện, xuống các cơ sở kiểm tra tình hình và trực tiếp góp ý kiến cho địa phương và cơ sở. Những nhận xét đánh giá tình hình và những

ý kiến bổ khuyết đó, khi đã được Ban thường vụ tỉnh ủy nhất trí thì đều thông báo cho các cấp, các ngành đề nghị cử rút kinh nghiệm. Các đồng chí tỉnh ủy viên cũng đã nghiêm túc thực hiện chế độ xuống cơ sở, nhờ đó đã phát hiện và góp phần khắc phục những thiếu sót của các cấp, các ngành trong chế độ làm việc như: xa dân, không sát thực tế, giấy tờ, quan liêu, gây nhiều rắc rối, lúng túng cho cơ sở. Từ thực tế đó, chúng tôi càng thấy rõ điều quan trọng bậc nhất trong việc cải tiến chế độ làm việc là phải làm cho toàn thể bộ máy lãnh đạo và quản lý hướng mạnh về cơ sở, lấy cơ sở làm đối tượng phục vụ và phải phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ở từng cơ sở.

Để phát huy trí tuệ và đề cao trách nhiệm của tập thể, mỗi lần họp tỉnh ủy, Ban thường vụ tỉnh ủy chuẩn bị báo cáo gửi đến các tỉnh ủy viên trước để các đồng chí chuẩn bị ý kiến. Ở hội nghị tỉnh ủy, Ban thường vụ chỉ trình bày những vấn đề chính của báo cáo và những ý kiến khác nhau đề tỉnh ủy thảo luận. Trong thảo luận, chúng tôi coi trọng việc phát huy tự do tư tưởng, tôn trọng ý kiến từng người, khuyến khích mọi người trình bày rõ, trình bày đầy đủ ý kiến của mình. Khi đã thành nghị quyết thì mỗi tỉnh ủy viên đều phải nói và làm theo nghị quyết, ra

sức phấn đấu góp phần thực hiện thắng lợi nghị quyết.

Đề tổ chức thực hiện tốt, **phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa các tổ chức trong hệ thống chuyên chính vô sản.** Trong mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng, phải có sự phối hợp tốt, không dẫn lên việc của nhau, vừa bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối của Đảng, vừa phát huy được chức năng của các tổ chức trong hệ thống chuyên chính vô sản. Đề cùng nhau nắm chắc tình hình chung, chúng tôi tổ chức hội ý đều kỳ hằng tuần giữa các bộ phận thường trực của tỉnh ủy, thường trực của Ủy ban nhân dân, ban dân vận mặt trận tỉnh, bộ chỉ huy quân sự địa phương và ty công an. Trong cuộc hội ý đó, chúng tôi xem xét lại toàn bộ tình hình trong tuần qua và đề ra những công tác cụ thể trong tuần tới. Đối với những công tác lớn, quan trọng như tuyển quân, cải tạo công thương nghiệp, thu mua lương thực... chúng tôi tổ chức "trực báo" hằng ngày có đại diện thường trực của tỉnh ủy, ủy ban nhân dân tỉnh và đại diện các ngành, các đoàn thể tham dự đề nắm tình hình chung và có ý kiến chỉ đạo kịp thời. Bộ phận thường trực của tỉnh ủy còn quy định lịch làm việc hằng tuần với các ban của Đảng và với các đoàn thể quần chúng, định kỳ trực tiếp nghe một số huyện, một số ngành báo cáo công tác.

Tuy vậy, ở một số huyện và nhiều cơ sở, mối quan hệ giữa tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng còn lỏng lẻo. Bộ máy chính quyền ở một số huyện còn kém hiệu lực. Mặt khác, các đoàn thể quần chúng chưa nhận thức đầy đủ vai trò và nội dung hoạt động của mình, cho nên còn nhiều lúng túng trong công tác.

Đề phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa quan liêu, tính

ủy chúng tôi đã đề ra cho các cấp, các ngành trong tỉnh sáu chế độ trong quan hệ với dân. Sáu chế độ đó là:

— Chế độ báo cáo của cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể cho dân biết tình hình, chủ trương và những công việc đang làm và sắp làm.

— Chế độ báo cáo của ủy ban nhân dân đối với hội đồng nhân dân, đối với các đại biểu Quốc hội về tình hình và những phương hướng, nhiệm vụ, chỉ tiêu phát triển kinh tế, văn hóa và các mặt công tác khác của địa phương.

— Chế độ thanh tra nhân dân.

— Chế độ tự phê bình của cấp ủy, chính quyền trước dân.

— Chế độ tiếp dân và giải quyết những đơn từ khiếu tố của dân.

— Chế độ dân phát biểu ý kiến trên báo.

Tỉnh ủy chúng tôi cũng đề ra cho các cấp, các ngành, các đơn vị, những biện pháp cụ thể để liên hệ mật thiết hơn nữa với quần chúng. Các biện pháp đó bao gồm nhiều mặt như: tổ chức các hình thức thu thập ý kiến, nguyện vọng của nhân dân; giáo dục tinh thần và thái độ phục vụ nhân dân cho cán bộ, nhân viên công tác ở các bộ phận thường tiếp xúc với dân, v.v.

Đề việc cải tiến chế độ làm việc thu được kết quả tốt, thành nền nếp ở khắp mọi cấp, mọi ngành trong tỉnh, tỉnh ủy chúng tôi tự xác định phải thật sự gương mẫu. Tập thể tỉnh ủy và mỗi tỉnh ủy viên đều cố gắng thực hiện nghiêm túc những điều đã quy định trong chế độ hội họp, báo cáo, đi xuống địa phương và cơ sở, tiếp xúc với dân, quyết tâm đi vào tổ chức hành động...

Hiện nay ở tỉnh chúng tôi, cùng với tỉnh ủy, một số ngành cấp tỉnh, một số huyện ủy đang phấn đấu cải tiến lề lối làm việc. Đó là lối làm việc đi sát cơ sở, phục vụ cơ sở, có kế hoạch, biện pháp cụ thể, có sự chỉ đạo tập trung, kiên quyết, có

sự phân công, phân nhiệm rõ ràng. có sự kiểm tra chu đáo, cấp trên gương mẫu trước cấp dưới, cấp dưới tuyệt đối phục tùng cấp trên, mọi cấp, mọi ngành ra sức chống mọi biểu hiện của tệ quan liêu, nạn «giấy tờ», hội họp lu bù, hình thức, v.v. Trong quá trình phấn đấu xây dựng lề lối làm việc đó, nhiều ngành, nhiều huyện đã vươn lên mạnh mẽ. Có huyện nhờ lề lối làm việc sâu sát, đã có ảnh hưởng tốt thúc đẩy cán bộ, đảng viên ở các ngành, các xã và hợp tác xã phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, tránh những cách làm mệnh lệnh, gò ép.

Trên đây là một số nét về tình hình cải tiến lề lối làm việc của tỉnh chúng tôi. Đó trước hết là kết quả của sự nỗ lực của tỉnh ủy, mặt khác đó cũng là kết quả việc vận dụng các kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo của các tỉnh bạn. Mấy năm qua, chúng tôi đã có nhiều đoàn cán bộ đi nghiên cứu, học tập kinh nghiệm của các tỉnh, các thành phố. Các đợt nghiên cứu đó đã giúp chúng tôi nhiều bài học quý.

Từ thực tế của công tác lãnh đạo, chỉ đạo, chúng tôi có thể nói rằng xây dựng lề lối làm việc mới, thực chất là một cuộc đấu tranh tư tưởng. Lề lối làm việc mới, hợp lý, một khi đã được xác định, không những sẽ nâng cao ý thức trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng cán bộ, đảng viên mà còn phát huy mạnh mẽ dân chủ nội bộ, tạo nên khối đoàn kết nhất trí và sự phấn khởi chung. Vì lẽ đó,

cải tiến lề lối làm việc cũng là một nhân tố quan trọng trong công tác lãnh đạo và tổ chức chỉ đạo thực hiện.



Bên cạnh những ưu điểm và những thành tích đã đạt được, công tác lãnh đạo và tổ chức chỉ đạo thực hiện của đảng bộ Bình-trị-thiên vẫn còn nhiều thiếu sót và lúng túng. Do vậy, sự trưởng thành, tiến bộ của các cấp, các ngành trong tỉnh chưa đều. Ở mỗi huyện, mỗi ngành, bên cạnh những đơn vị tiến tiến, những nhân tố mới, vẫn còn không ít đơn vị, cơ sở kém, yếu.

Tình hình mới đang đặt ra cho toàn Đảng, toàn dân ta và tỉnh Bình-trị-thiên chúng tôi những nhiệm vụ hết sức nặng nề. Tỉnh chúng tôi vừa phải tiếp tục đẩy mạnh nhịp độ cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các vùng trong tỉnh, vừa làm tốt nhiệm vụ xây dựng lực lượng, củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tốt.

Trước những nhiệm vụ khó khăn, phức tạp đó, tỉnh ủy chúng tôi quyết phát huy mạnh mẽ hơn nữa những ưu điểm đã có, ra sức khắc phục những thiếu sót, nhược điểm, cải tiến hơn nữa công tác lãnh đạo và tổ chức chỉ đạo thực hiện theo đúng tinh thần nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 của Ban chấp hành Trung ương Đảng, nhằm lãnh đạo nhân dân trong tỉnh hoàn thành và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ trong tình hình mới.

THỰC HIỆN ĐÚNG ĐẢN CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ BẢO ĐẢM QUYỀN LÀM CHỦ TẬP THỂ CỦA CÁC HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP

PHẠM-ĐÌNH-TÂN

Dể phát huy vai trò làm chủ tập thể của xã viên các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, Đảng và Nhà nước ta đã thực hiện hai loại biện pháp lớn. Một mặt, bằng các chính sách, kế hoạch, biện pháp cụ thể, Nhà nước tiến hành chỉ đạo, hướng dẫn, giúp đỡ các hợp tác xã về tổ chức lại sản xuất, tập trung và chuyên môn hóa sản xuất, thực hiện từng bước nhưng liên tục việc thủy lợi hóa, hóa học hóa và cơ giới hóa sản xuất, cho vay vốn, cung ứng vật tư — kỹ thuật, máy móc nông cụ..., đồng thời đòi hỏi các hợp tác xã phải làm đầy đủ các nghĩa vụ tương ứng đối với Nhà nước, nhất là nghĩa vụ bán nông sản cho Nhà nước theo chính sách giá cả hợp lý. *Những biện pháp đó đã tạo điều kiện cần thiết cho các hợp tác xã giữ vững và mở rộng tổ chức hoạt động sản xuất — kinh doanh của họ trong nhiều năm nay.*

Mặt khác Nhà nước đã quy định và đưa vào thực hiện các chế độ cụ thể về quản lý nội bộ hợp tác xã, về các quan hệ giữa Nhà nước và hợp tác xã thể hiện trong dự thảo điều lệ hợp tác xã sản xuất nông nghiệp (bậc

cao) đã được Nhà nước cho phép áp dụng thử, chế độ hợp đồng kinh tế hai chiều, các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền Nhà nước các cấp, nhất là cấp huyện, trong việc quản lý chung cũng như trong việc quản lý nông nghiệp... *Chủ yếu là bằng các chế độ quản lý nói trên, Nhà nước ta bước đầu thể chế hóa, thực hiện và bảo vệ quyền làm chủ tập thể của xã viên các hợp tác xã.*

Chăm lo đầy đủ việc thực hiện đúng đắn và không ngừng hoàn thiện các chế độ quản lý hợp tác xã bằng việc kiên trì hướng dẫn, đi sâu kiểm tra và uốn nắn mọi lệch lạc là điều cần thiết để bảo đảm quyền làm chủ tập thể của xã viên các hợp tác xã. Chúng ta đã chẳng từng chứng kiến, mặc dù Nhà nước bỏ ra rất nhiều tiền của để giúp đỡ hợp tác xã, phát triển mạng lưới thủy nông, cho hợp tác xã vay vốn, cung ứng bao nhiêu là phân bón, thuốc trừ sâu, có chính sách giá cả khuyến khích, chế độ thưởng khuyến khích làm hàng xuất khẩu, v.v., nhưng chỉ vì các chế độ quản lý trong hợp tác xã và đối với hợp tác xã có lúc có nơi chưa được

chăm lo đúng mức, mà tổ chức hợp tác xã không được củng cố, xã viên lơ là công việc của tập thể, chạy theo kinh tế phụ gia đình hoặc làm nghề khác, việc sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã bị sút kém, hợp tác xã không bảo đảm được nghĩa vụ bán nông sản và trả nợ cho Nhà nước đó sao? Và mặc dù tám năm đã trôi qua kể từ khi ban hành nghị quyết 197 — NQ.TƯ ngày 15-3-1970 của Bộ chính trị Trung ương Đảng (khóa III) về cuộc vận động phát huy dân chủ, tăng cường chế độ làm chủ tập thể của quần chúng xã viên ở nông thôn..., nhưng chỉ vì *các chế độ quản lý cụ thể* về ba mặt sản xuất, phân phối và ứng cử, bầu cử các cơ quan quản lý hợp tác xã mà Bộ chính trị đã nêu lên chưa được thực hiện đầy đủ, đúng đắn, cho nên đến nay nhìn lại ta thấy ở một số nơi kết quả thực hiện nghị quyết ấy đã không đạt được yêu cầu.

Đã từ lâu trong nông dân tập thể nước ta có câu: «Hợp tác xã là nhà, xã viên là chủ». Làm chủ tập thể hợp tác xã, đó là ý chí, là nguyện vọng của nông dân tập thể, đó là động lực chủ yếu, mạnh nhất thúc đẩy các hợp tác xã và xã viên ngày càng mở rộng sản xuất, thâm canh tăng năng suất, tăng sản lượng và chủng loại hàng hóa, làm cho nông nghiệp phát triển toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc. Chăm lo xây dựng và thực hiện đúng đắn các chế độ quản lý hợp tác xã, bảo đảm quyền làm chủ tập thể

ấy là chức năng của Nhà nước; và thực hiện đúng đắn các chế độ ấy trong chừng mực đã được Nhà nước quy định *chính là nhiệm vụ, trách nhiệm trực tiếp của các ngành có liên quan và của các cấp chính quyền địa phương (tỉnh, huyện, xã) mà trực tiếp là chính quyền cấp huyện*. Không phải là không có ý nghĩa việc các điều lệ Nhà nước của các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu về chính quyền cấp huyện ghi rõ vấn đề «bảo đảm thực hiện chế độ dân chủ nông trang tập thể và hợp tác xã» như là một trong các nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của chính quyền cấp huyện.

Thực tiễn trong thời gian qua cho thấy các chế độ quản lý hợp tác xã chưa được thực hiện thật tốt về cả hai mặt: một là chế độ quản lý nội bộ hợp tác xã, hai là các chế độ về mối quan hệ giữa Nhà nước và hợp tác xã, trong đó có chế độ giao dịch về sản xuất — kinh doanh giữa các cơ quan kinh tế của Nhà nước với hợp tác xã và chế độ quản lý Nhà nước đối với hợp tác xã. Loại chế độ thứ nhất bảo đảm thực hiện quyền làm chủ tập thể của nông dân lao động bằng hình thức tổ chức kinh tế của chính mình; loại chế độ thứ hai bảo đảm thực hiện quyền làm chủ tập thể của nông dân lao động bằng Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Hai loại chế độ ấy có liên quan mật thiết với nhau, bổ sung lẫn nhau và có tác dụng hỗ trợ nhau.

II

VẤN đề quan trọng thứ nhất là bằng việc thực hiện một chế độ quản lý nội bộ thật đúng đắn, hợp lý trong từng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp làm cho hết thảy xã viên cảm thấy hợp tác xã thật sự là tổ chức kinh tế tập thể của mình, «hợp tác xã là

nhà» trong đó «xã viên là chủ» với đầy đủ các quyền lợi và nghĩa vụ của người làm chủ, từ đó mọi người hăng hái dốc hết sức mình đóng góp vào công việc chung của hợp tác xã là chủ yếu (quà không coi kinh tế phụ gia đình là quan trọng hơn), gần bó

chặt chẽ, lâu dài với hợp tác xã bằng cả tình cảm và lao động sáng tạo của mình.

Trên thực tế không phải ở hợp tác xã nào các xã viên cũng đã có thái độ tốt đẹp như thế, ngay ở các hợp tác xã làm ăn đã có nền nếp cũng không phải là không còn có vấn đề. Xét cho cùng khuyết điểm chủ yếu không phải là về phía đông đảo xã viên. Nói chung — không nói về các hợp tác xã yếu kém mà số lượng ngày càng giảm — vẫn còn có tình trạng hợp đại hội hợp tác xã (đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu xã viên) không đều và không theo các kỳ hạn quy định, điều lệ cụ thể và các nội quy của hợp tác xã, kế hoạch sản xuất và tài chính của hợp tác xã không được đưa ra thảo luận đầy đủ, cụ thể ở đại hội hợp tác xã và do đó đông đảo xã viên chưa đóng góp được ý kiến của mình một cách cởi mở và thỏa đáng; ban quản trị hợp tác xã quản lý tài chính chưa thật rành mạch, phân phối không công bằng, thanh toán công điểm không sòng phẳng, phân công lao động còn thiên vị, xử phạt còn tùy tiện, xã viên thấy cần bỏ làm sai không dám nói vì sợ trừ, oan; ban kiểm soát thì chưa làm hết chức năng, trách nhiệm của mình, v.v. Tóm lại các chế độ « quản lý dân chủ » mà Đảng và Nhà nước đã đề ra trong dự thảo điều lệ hợp tác xã sản xuất nông nghiệp (bậc cao) đã không được thi hành nghiêm chỉnh, đầy đủ.

Ta biết rằng trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa nước ta có nhiều tập thể người lao động làm việc trong các tổ chức kinh tế khác nhau: xí nghiệp công nghiệp, công trường, nông trường, lâm trường, hợp tác xã... nhưng không có tập thể người lao động nào làm chủ trực tiếp công việc sản xuất, kinh doanh và quản lý bằng tập thể các xã viên ở các hợp tác xã. Điều đó rất phù hợp với tính chất của chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất ở hợp tác xã là

chế độ sở hữu tập thể, rất phù hợp với tính chất, đặc điểm của giai cấp nông dân tập thể bao gồm những người vốn là nông dân làm ăn riêng lẻ tự nguyện đi vào làm ăn tập thể.

Trên cơ sở chế độ sở hữu tập thể về tư liệu sản xuất được tạo ra bởi việc từng cộng đồng nông dân nhỏ hay lớn tự nguyện đóng góp ruộng đất, trâu bò, nông cụ... để làm ăn chung, quản lý chung đối với mọi mặt hoạt động sản xuất — kinh doanh, toàn thể xã viên dù được tập thể phân công giữ vị trí nào trong hợp tác xã đều là những người bình đẳng trong việc quản lý và bảo vệ sở hữu xã hội chủ nghĩa ấy cũng như trong việc hưởng thụ tương ứng với thành quả lao động của mình. Sự bình đẳng ấy chỉ có thể được cụ thể hóa và thực hiện bằng hai chế độ dân chủ — chế độ dân chủ trực tiếp và chế độ dân chủ đại diện kết hợp với nhau trong công tác quản lý nội bộ hợp tác xã. Có thực hiện đúng đắn và triệt để hai chế độ dân chủ ấy — đặc trưng cho việc quản lý nội bộ hợp tác xã, cho quyền tự quản của hợp tác xã — thì chúng ta mới có thể củng cố vững chắc ý thức làm chủ tập thể và phát huy mạnh mẽ, có hiệu quả vai trò làm chủ tập thể của các xã viên.

Chế độ dân chủ trực tiếp thực hiện quyền của toàn thể xã viên trực tiếp quyết định các vấn đề chung về tổ chức quản lý và hoạt động sản xuất — kinh doanh trong nội bộ hợp tác xã. Cụ thể là:

1 — Toàn thể xã viên có quyền ứng cử và bầu cử các cơ quan quản lý hợp tác xã. Ứng cử, bầu cử ban quản trị và ban kiểm soát của hợp tác xã; ứng cử, bầu cử đại biểu đi dự đại hội đại biểu xã viên (ở những nơi không có điều kiện hợp đại hội toàn thể xã viên): ứng cử, bầu cử đội trưởng và đội phó đội sản xuất. Việc ứng cử phải tự do và theo tinh thần xây dựng, vô tư. Còn bầu cử thì phải theo

nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Có những đồng chí cán bộ Đảng và cán bộ quản lý Nhà nước ở cơ sở coi những quyền nói trên chỉ là vấn đề pháp lý hình thức, cho nên mới dùng lối cơ quan lãnh đạo chỉ định trước những người cụ thể để đưa ra quần chúng bầu (về thực chất là xóa bỏ quyền ứng cử của xã viên), hoặc gò ép quần chúng «bầu tròn» (về thực chất là hạn chế quyền lựa chọn, quyền ứng cử, bầu cử, nếu kết hợp với lối chỉ định trước vừa nói trên thì là xóa bỏ hoàn toàn quyền ứng cử và quyền bầu cử), thậm chí chủ trương bầu theo lối giơ tay (tức là dưới sự theo dõi, giám sát của người khác), v.v. Điều tai hại nữa là với những cách làm như thế, việc giới thiệu và giải thích một cách rõ ràng, vô tư các tiêu chuẩn của cán bộ quản lý hợp tác xã mà dự thảo điều lệ hợp tác xã đã nêu lên — lẽ ra đây là một nội dung chủ yếu của việc lãnh đạo ứng cử, bầu cử — lại thường bị coi nhẹ.

Thật ra các quyền ứng cử và bầu cử với nội dung và yêu cầu đã nói ở trên là *cái bắt đầu* của chế độ làm chủ tập thể hợp tác xã, nó bảo đảm cho chế độ dân chủ đại diện sẽ nói ở dưới có tính đại diện thật sự và phát huy được tính ưu việt của nó. Nếu làm cho cái bắt đầu ấy bị sai lệch đi thì thường ngày, luôn luôn, quần chúng xã viên sẽ cảm thấy những cán bộ quản lý hợp tác xã không phải là «người của mình» nữa, còn cán bộ quản lý hợp tác xã thì có thể nảy sinh tâm lý không cần lắng nghe ý kiến và tranh thủ không ngừng sự tín nhiệm của quần chúng xã viên!

2 — *Thông qua đại hội xã viên, toàn thể xã viên đều có quyền trực tiếp bàn bạc và quyết định các vấn đề lớn của hợp tác xã*: thông qua hoặc sửa đổi điều lệ cụ thể của hợp tác xã, kiểm điểm việc thực hiện điều lệ (phát hiện những việc thực hiện không tốt, không đầy đủ cũng như vi phạm điều

lệ và đòi hỏi khắc phục các khuyết điểm và vi phạm ấy), thông qua hoặc sửa đổi nội quy của hợp tác xã (về bảo vệ ruộng đất, tài sản, trâu bò, về chế độ lao động, chế độ ăn chia phần phối, chế độ xử phạt, v.v.), quyết định phương hướng và nhiệm vụ sản xuất, quy hoạch phát triển sản xuất hoặc xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật, kế hoạch sản xuất và tài chính của hợp tác xã, xét và quyết định chế độ sản xuất, tiêu chuẩn kỹ thuật, các định mức lao động và tiêu chuẩn tính công cho các loại việc trong hợp tác xã, v.v.

Đại hội xã viên là *hình thức dân chủ trực tiếp cao nhất*, thể hiện sinh động nhất ý chí tập thể của quần chúng. Một mặt phải đưa ra đại hội bàn định tất cả mọi vấn đề thuộc thẩm quyền đại hội mà điều lệ hợp tác xã đã ghi, mặt khác việc *bàn định phải tiến hành cởi mở, kỹ lưỡng, thật sự thu hút được trí tuệ của quần chúng*. Các nghị quyết của đại hội sẽ là cơ sở pháp lý cho hoạt động thường ngày của các cơ quan quản lý, là cơ sở để ngăn ngừa mọi việc làm độc đoán, sai trái của các cơ quan này, cho nên không thể bỏ qua việc triệu tập đại hội khi kỳ hạn đến, không thể họp đại hội một cách qua loa, hình thức, cũng không thể hướng dẫn đại hội ủy quyền cho ban quản trị sau này quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của đại hội, v.v.

3 — *Thông qua hội nghị đội sản xuất, toàn thể xã viên trong đội trực tiếp bàn bạc và quyết định các vấn đề chung của đội sản xuất*: tổ chức lao động tập thể, phân công lao động hợp với khả năng và sức khỏe của từng người, tính công, v.v. Đây chính là nội dung chủ yếu chế độ sinh hoạt dân chủ trong đội sản xuất mà đội trưởng có nhiệm vụ phải giữ vững.

Kinh nghiệm các nước xã hội chủ nghĩa anh em cho thấy: do việc thống nhất các hợp tác xã nhỏ thành hợp tác xã lớn, số xã viên ngày càng

đồng, chỉ có điều kiện họp đại hội đại biểu xã viên thay cho đại hội toàn thể, thì chế độ dân chủ trực tiếp ở đội sản xuất ngày càng phải được coi trọng và củng cố.

Chế độ dân chủ trực tiếp nói trên tất yếu phải được bổ sung bằng *chế độ dân chủ đại diện*. Việc tập thể xã viên trực tiếp bàn bạc, quyết định các vấn đề chỉ có thể tiến hành trong các cuộc họp đại hội xã viên và hội nghị đội sản xuất. Còn điều khiển, giải quyết công việc thường ngày thì tập thể xã viên phải giao cho những cơ quan và cán bộ do mình bầu ra theo định kỳ trong các cuộc họp của tập thể. Các cơ quan và cán bộ này hành động với tư cách là đại diện cho tập thể, được tập thể ủy nhiệm để chấp hành các nghị quyết và quyết định của tập thể, đồng thời chấp hành chính sách, pháp luật và chỉ thị của Nhà nước có liên quan đến hợp tác xã.

Vấn đề là tất cả những người được xã viên bầu ra đó phải *làm tròn nhiệm vụ đại diện của họ trước tập thể và trước Nhà nước*.

Một mặt trong suốt nhiệm kỳ của mình, họ phải nghiêm chỉnh chấp hành các nghị quyết, quyết định của tập thể (đại hội toàn thể xã viên, đại hội đại biểu xã viên, hội nghị đội sản xuất). Thật là sai nếu nghĩ rằng sau khi đã được xã viên bầu ra rồi thì cán bộ quản lý có mọi quyền hành và giải quyết công việc bất chấp nghị quyết, quyết định của tập thể, thậm quyền của tập thể! Tuy các cơ quan quản lý và cán bộ quản lý phải chủ động phát huy tinh sáng tạo của mình trong công tác quản lý thường ngày và có quyền đối hỏi những người có liên quan thì hành các quyết định cụ thể của mình, song các quyết định này phải đúng với quyền hạn đã quy định trong điều lệ hợp tác xã và phải nhằm thực hiện các nghị quyết, quyết định của tập thể, không được vượt quá quyền hạn đó hoặc trái với các nghị quyết và quyết định đó. Vì

dù: ban quản trị hợp tác xã chỉ có nhiệm vụ xây dựng dự án kế hoạch sản xuất và tài chính của hợp tác xã và làm các công việc chuẩn bị khác để trình dự án kế hoạch ra đại hội hợp tác xã thông qua và quyết định, chứ không có quyền tự mình hoặc cùng với cán bộ cấp trên quyết định kế hoạch thay cho đại hội được.

Trong các công việc thường ngày cán bộ quản lý phải đi sát xã viên, lắng nghe ý kiến của họ đề ra được những chủ trương và quyết định hợp lý nhất.

Mặt khác các cơ quan và cán bộ quản lý phải nghiêm chỉnh chấp hành các chính sách và pháp luật của Nhà nước và điều lệ của hợp tác xã, trước hết tự bản thân họ phải gương mẫu, chỉ công vô tư, tuyệt đối không được xâm phạm đến các quyền lợi và nghĩa vụ của xã viên được điều lệ hợp tác xã quy định, cũng như các quyền lợi và nghĩa vụ công dân của xã viên được Hiến pháp và pháp luật quy định.

Trong thực tiễn không phải cán bộ quản lý nào cũng làm đúng những điều nói trên. Nhưng nếu có cán bộ làm việc không tốt, vượt quá quyền hạn của mình, xâm phạm các quyền làm chủ tập thể của xã viên thì không phải là xã viên bị bó tay, ảm ức ngồi chờ kỷ bầu cử tới để bầu lại người khác! *Chế độ dân chủ đại diện được chế độ dân chủ trực tiếp bảo vệ một cách có hiệu quả*. Trong các cuộc hội nghị, đại hội hợp tác xã, các xã viên đều có quyền nêu lên và phê bình những việc làm sai trái của cán bộ quản lý và đòi hỏi họ phải sửa chữa khuyết điểm; nếu nhiều người thấy đó là những khuyết điểm nghiêm trọng thì họ có quyền đặt vấn đề ra trước đại hội hợp tác xã để xét thì hành kỷ luật đối với cán bộ quản lý, từ khiển trách, cảnh cáo đến *bãi miễn người có lỗi* và bầu người khác thay thế ngay trong khi nhiệm kỳ của cơ quan quản lý chưa kết thúc. Khác với

trường hợp cán bộ quản lý xí nghiệp quốc doanh, các xã viên không nhất thiết phải qua khâu khiếu nại, tố cáo với cơ quan hành chính cấp trên và chờ cấp trên xử lý.

Chỉ bằng việc thực hiện đúng đắn và kết hợp thực hiện hai chế độ dân chủ đã trình bày trên — chế độ dân chủ trực tiếp và chế độ dân chủ đại diện —, khẩu hiệu “hợp tác xã là nhà, xã viên là chủ” mới có ý nghĩa thực

tế và hợp tác xã nông nghiệp mới thật sự là trường học chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản của giai cấp nông dân tập thể. Trước mắt chỉ bằng cách đó chúng ta mới có thể đưa tổ chức và hoạt động của tất cả các hợp tác xã đi theo chiều hướng lành mạnh, tốt đẹp, xóa bỏ triệt để các hiện tượng tiêu cực đang làm giảm khí thế làm chủ tập thể ở hợp tác xã và nông thôn.

III

Dừng về phía hợp tác xã mà nói, nếu chỉ có sức lao động của tập thể xã viên và các tư liệu sản xuất do các xã viên đóng góp ban đầu cộng với một chế độ quản lý nội bộ hợp lý thì hợp tác xã vẫn chưa có đủ điều kiện để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật mới cho toàn bộ sản xuất tập thể, để mở rộng sản xuất — kinh doanh theo hướng hợp lý và tiến bộ, tạo ra một bước nhảy vọt về chất so với trước khi đi vào làm ăn tập thể. Mặt khác đối với Nhà nước xã hội chủ nghĩa, Nhà nước không thể dễ hợp tác xã đứng ra ngoài phạm vi chỉ đạo chung của mình: hợp tác xã là cơ sở, là tế bào của nền kinh tế quốc dân thống nhất, có nhiệm vụ góp phần phát triển nền kinh tế chung theo đường lối của Đảng và kế hoạch Nhà nước. Nhiệm vụ này trong giai đoạn hiện nay có ý nghĩa hết sức quan trọng. Do vậy hợp tác xã phải dựa vào sự hướng dẫn và giúp đỡ của Nhà nước và phải chịu sự chỉ đạo chung của Nhà nước. Giữa hợp tác xã và Nhà nước hình thành những mối quan hệ tất yếu — quan hệ hướng dẫn, giúp đỡ, chỉ đạo, có thể gọi chung là quan hệ về quản lý của Nhà nước đối với hợp tác xã, khiến cho tập thể xã viên ngoài việc làm chủ bằng hình thức tổ chức quần chúng của chính mình, còn làm chủ bằng Nhà nước.

Chế độ làm chủ bằng Nhà nước đối với hợp tác xã, tức là tổng hợp các phương pháp và biện pháp quản lý mà Nhà nước dùng để tác động vào hợp tác xã, đưa các hợp tác xã đi vào quỹ đạo chung của sự phát triển xã hội xã hội chủ nghĩa, bao gồm hai chế độ lớn: chế độ hướng dẫn và giúp đỡ và chế độ quản lý bằng pháp luật.

Phân biệt những công việc gì thuộc phạm vi hướng dẫn và giúp đỡ, còn những công việc gì thì thuộc phạm vi quản lý bằng pháp luật là vấn đề có liên quan đến nhiệm vụ thường ngày của các cơ quan Nhà nước trong các quan hệ cụ thể với hợp tác xã. Nếu giải quyết vấn đề này không chính xác, không khoa học thì sẽ có tình hình: có việc đáng “gò ép” hợp tác xã thì không “gò ép”, có việc đáng để cho hợp tác xã “tự do hành động” thì lại gò ép, có việc đáng xem xét thì lại bỏ qua, rút cục là vừa có hiện tượng gò bó, vừa có hiện tượng lỏng lẻo trong công tác quản lý, hạn chế rất nhiều việc phát huy quyền làm chủ tập thể của các hợp tác xã.

Chẳng hạn trong thời gian qua, một số hợp tác xã có lý khi họ phản nản rằng chính quyền địa phương quyết định các chỉ tiêu kế hoạch cụ thể về từng cây, con, một cách quan

liều, không sát với tình hình của hợp tác xã, buộc hợp tác xã phải cấy hàng trăm héc-ta lúa giống mới trên ruộng bị chua mặn chưa được cải tạo hoặc trên chân ruộng thấp thường bị úng, phải bỏ ruộng vốn cấy lúa có năng suất cao để trồng màu; giao chỉ tiêu thu mua nông sản không sát với điều kiện cụ thể của từng hợp tác xã, không công bằng, hợp lý giữa các hợp tác xã... Trong khi đó thì trước một số hiện tượng sai trái, chính quyền địa phương lại buông lỏng, bỏ qua như: hợp tác xã bỏ hoang, bỏ hóa ruộng đất, không bảo vệ ruộng đất, không quản lý lao động đúng mức, sử dụng vật tư không đúng mục đích cung ứng của Nhà nước, đưa vào nội quy hợp tác xã một số điều không hợp lý hoặc trái với pháp chế nhất là về mặt phân phối và xử phạt, quản lý nội bộ mất dân chủ nghiêm trọng, v.v.

Chế độ hướng dẫn và giúp đỡ của Nhà nước đối với hợp tác xã là chế độ đặc trưng nhất trong quan hệ giữa Nhà nước với hợp tác xã, điều đó đã được nêu lên một cách nổi bật ngay trong điều 1 của dự thảo điều lệ hợp tác xã sản xuất nông nghiệp (bậc cao): hợp tác xã sản xuất nông nghiệp... do nông dân lao động tự nguyện lập ra, được Đảng cộng sản Việt-nam lãnh đạo và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam « hướng dẫn và giúp đỡ ».

Rất dễ hiểu rằng đối với từng cộng đồng nông dân vừa mới hôm qua còn là những nông dân làm ăn riêng lẻ, nghĩa là làm ăn một cách vô tổ chức, lại bị hạn chế về rất nhiều mặt (cả về tư liệu sản xuất, trình độ tổ chức và trình độ khoa học kỹ thuật, tâm lý, tư tưởng), nay tự nguyện lập thành hợp tác xã (và cũng có thể tự nguyện giải thể được), công tác hướng dẫn và giúp đỡ của Nhà nước là cần thiết biết chừng nào!

Trước hết đối với các công tác tổ chức, kỹ thuật và quản lý, để có thể

đi đến các quyết định đúng đắn trong hoạt động tự quản của mình, các hợp tác xã rất cần được Nhà nước, trực tiếp là cán bộ chính quyền cấp huyện, giải thích, chỉ dẫn càng cụ thể, càng chu đáo càng tốt. Giải thích, chỉ dẫn xét cho cùng là để phát huy đầy đủ tính ưu việt và tính hữu hiệu của các chế độ quản lý nội bộ đã trình bày ở phần trên. Quyết định thay cho hợp tác xã hoặc gò ép hợp tác xã bằng cách này cách khác trong những công việc thuộc quyền tự quản của hợp tác xã là xâm phạm quyền làm chủ tập thể của hợp tác xã và làm trái với chế độ hướng dẫn và giúp đỡ của Nhà nước đối với hợp tác xã.

Một loại hoạt động hướng dẫn và giúp đỡ rất to lớn là *thông qua các cơ quan kinh tế có liên quan của Nhà nước, Nhà nước hướng dẫn và giúp đỡ hợp tác xã mở rộng hoạt động sản xuất — kinh doanh theo hướng vừa có lợi cho nền kinh tế quốc dân vừa có lợi cho bản thân hợp tác xã*, bằng cách cung ứng vật tư, thiết bị máy móc, nông cụ, thu mua nông sản theo giá cả hợp lý, cho vay vốn, bán hàng tiêu dùng cho hợp tác xã theo chính sách khuyến khích...

Ở đây phát sinh một mối quan hệ đặc biệt mà có người hiểu chưa đúng, đó là *mối quan hệ kinh tế* giữa các cơ quan kinh tế của Nhà nước (cơ quan cung ứng, cơ quan thu mua, ngân hàng, cơ quan thương nghiệp...) với hợp tác xã. Dĩ nhiên trong mối quan hệ này các cơ quan kinh tế của Nhà nước không đơn thuần làm công việc trao đổi hàng hóa mà còn phải chấp hành các chính sách hướng dẫn, giúp đỡ của Nhà nước: chính sách thu mua, chính sách giá, cùng các chính sách khuyến khích khác đối với hợp tác xã; các hợp tác xã cũng không chỉ đơn thuần làm công việc trao đổi hàng hóa với các cơ quan kinh tế của Nhà nước mà còn phải thực hiện nghĩa vụ bán nông sản cho Nhà nước, trả nợ cho Nhà nước.

Song từ nhiệm vụ chính trị của hai bên là như thế, có đồng chí công tác ở cơ quan kinh tế của Nhà nước có quan hệ giao dịch với hợp tác xã đã hiểu sai tinh chất của mối quan hệ này, coi đó là quan hệ giữa người quản lý với người bị quản lý, giữa cấp trên và cấp dưới, coi quan hệ hợp đồng hai chiều là quan hệ « chiều xuống » và « chiều lên » và điều đó thể hiện rõ nhất là trong thái độ giao dịch với hợp tác xã. Các hợp tác xã phản nản nhiều về thái độ tùy tiện, cửa quyền của một số cán bộ như: mua bán ép cấp, ép giá, cần dong đo đếm không chính xác, định ra nhiều thủ tục gây phiền hà cho hợp tác xã và nông dân, không nghiêm chỉnh thực hiện hợp đồng kinh tế đã ký với hợp tác xã, thậm chí chiếm dùng vốn của hợp tác xã (nhận tiền ứng trước của hợp tác xã, nhưng giao hàng không đủ hoặc không hoàn thành việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho hợp tác xã, mua nông sản mà không trả tiền đủ, v.v.).

Thật ra trong mối quan hệ kinh tế với hợp tác xã, các cơ quan kinh tế của Nhà nước không đại diện cho Nhà nước với tư cách là người quản lý toàn xã hội. Đây là mối *quan hệ hợp tác bình đẳng giữa hai loại cơ sở kinh tế thuộc hình thức sở hữu xã hội chủ nghĩa khác nhau trên cơ sở hợp đồng kinh tế ký kết với nhau*, cả hai đều thực hành hạch toán kinh tế, đều tự chủ về tài chính và đều có tư cách pháp nhân, cả hai đều bình đẳng trước pháp luật, trước hợp đồng và trước Nhà nước. Một bên nào đó không thực hiện đầy đủ hợp đồng kinh tế, cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước sẽ xử phạt theo chế độ, không phân biệt bên đó là hợp tác xã hay là cơ quan kinh tế của Nhà nước, mà chỉ có sự phân biệt ở chỗ: bên nào đã chủ động vi phạm hợp đồng, đã gây ra tổn thất cho bên kia và do đó cho cả nền kinh tế quốc dân thì bên đó phải chịu xử phạt, nặng hay

nhẹ là căn cứ vào nguyên nhân và hậu quả của việc vi phạm. Về thực chất mối quan hệ hợp tác bình đẳng vừa nói trên chính là *mối liên minh công — nông về mặt kinh tế*, trong đó giai cấp công nhân có vai trò hướng dẫn và giúp đỡ cũng như vai trò tiên phong, gương mẫu đối với giai cấp nông dân tập thể.

Đi đôi với chế độ hướng dẫn và giúp đỡ mà Nhà nước sử dụng phù hợp với tính chất tập thể của chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất trong hợp tác xã và chế độ tự quản của hợp tác xã, Nhà nước còn sử dụng *chế độ quản lý bằng pháp luật* trong quan hệ với hợp tác xã. Bằng chế độ này, Nhà nước vừa bảo hộ hợp tác xã, bảo vệ quyền làm chủ tập thể của hợp tác xã bằng tổ chức quản chúng, vừa bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền làm chủ tập thể của toàn dân trong đó có các hợp tác xã. Qua công tác kiểm tra, thanh tra tình hình thi hành các quy định của Nhà nước về chế độ tổ chức, quản lý hợp tác xã, về quản lý ruộng đất, quản lý vật tư, quản lý tài chính, về chế độ hợp đồng kinh tế hai chiều, v.v. Nhà nước bắt buộc hợp tác xã và hết thảy mọi cơ quan, tổ chức khác, công dân có liên quan phải thi hành nghiêm chỉnh các quy định đó, đồng thời sử dụng hình thức xử lý, xử phạt thích đáng đối với những người vi phạm như pháp luật đã quy định cụ thể. Điều đáng tiếc là bấy lâu nay có lúc có nơi cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước chưa chấp hành nghiêm chỉnh chế độ này.



Thực hiện đúng đắn các chế độ quản lý đối với hợp tác xã nông nghiệp — chế độ quản lý nội bộ hợp tác xã và chế độ quản lý của Nhà nước đối với hợp tác xã — là biện pháp cần thiết để

(Xem tiếp trang 76)

NGHIÊN CỨU

VỀ TÌNH HÌNH SỞ HỮU RUỘNG ĐẤT, MÁY MÓC VÀ CƠ CẤU CÁC TẦNG LỚP XÃ HỘI Ở NÔNG THÔN NAM-BỘ

HỒNG - GIAO

Ở Nam-bộ, trước Cách mạng tháng Tám (1945), phần lớn ruộng đất tập trung trong tay giai cấp địa chủ và thực dân Pháp. Trải qua cách mạng dân tộc dân chủ, chế độ chiếm hữu phong kiến về ruộng đất về cơ bản đã bị xóa bỏ. Phần lớn ruộng đất đã về tay nông dân. Tuy vậy, một số không ít nông dân nghèo vẫn không có hoặc thiếu ruộng đất, trong khi đó một số hộ giàu có lại chiếm hữu nhiều hoặc quá nhiều ruộng đất. Tình hình đó gắn liền với sự biến đổi về cơ cấu các tầng lớp xã hội ở nông thôn.

Từ sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, việc xóa bỏ tàn dư của chế độ chiếm hữu phong kiến về

ruộng đất và điều chỉnh ruộng đất theo tinh thần « sê cơm nhường áo » đã đem lại những kết quả nhất định, nhưng không đủ để xóa bỏ tình trạng chênh lệch về sở hữu ruộng đất. Tình hình đó là nguồn gốc của những khó khăn trong đời sống của một số không ít đồng bào ở nông thôn và là một trở ngại cho việc hợp tác hóa nông nghiệp ở các tỉnh Nam-bộ. Vậy tình trạng chênh lệch về sở hữu ruộng đất ở nông thôn Nam-bộ như thế nào và quan hệ giữa các tầng lớp dân cư ở nông thôn ra sao? Kết quả điều tra về tình hình sở hữu ruộng đất, máy móc... và các tầng lớp dân cư ở nông thôn Nam-bộ cho ta thấy rõ điều đó (*).

A — TÌNH HÌNH CHÊNH LỆCH VỀ SỞ HỮU RUỘNG ĐẤT VÀ SỰ PHÂN HÓA CÁC TẦNG LỚP XÃ HỘI Ở NÔNG THÔN

Tình hình sở hữu ruộng đất ở các điểm điều tra thuộc các vùng không giống nhau. Ở vùng ruộng đất ít, cây hai vụ lúa, bình quân diện tích ruộng đất tính theo đầu người thấp nhất. Ở

(*) Theo tài liệu điều tra của Ban cải tạo nông nghiệp miền Nam về tình hình sở hữu ruộng đất, máy móc, trâu bò và tình hình các tầng lớp dân cư ở một số ấp thuộc các tỉnh An-giang, Đồng-thấp, Long-an, Kiên-giang, Minh-hải, Tiền-giang, Bến-tre, Đồng-nai.

vùng nhiều ruộng, nhiều máy bình quân diện tích ruộng đất tính theo đầu người cao nhất. Tuy bình quân diện tích ruộng đất tính theo đầu người ở các nơi có khác nhau, song ở tất cả các điểm điều tra, nơi ít ruộng đất cũng như nơi nhiều ruộng đất, đều có tình hình chênh lệch về sở

hữu ruộng đất giữa các hộ trong một ấp. Chúng ta sẽ thấy mức độ chênh lệch về sở hữu ruộng đất ở nơi ít ruộng đất như ấp diêm tỉnh Tiền-giang (1324m²/1 nhân khẩu) và nơi nhiều ruộng đất nhất như ấp diêm tỉnh Đồng-tháp (5384 m²/1 nhân khẩu).

Mức độ sở hữu ruộng đất của các hộ từ thấp đến cao	Ấp diêm tỉnh Đồng-tháp	Ấp diêm tỉnh Tiền-giang
— Số hộ không có ruộng	37 hộ	8 hộ
— Số hộ có dưới 0,5 ha	43 —	234 —
— Số hộ có từ 0,5 — 1 ha	40 —	259 —
— Số hộ có từ 1 — 1,5 ha	101 —	105 —
— Số hộ có từ 1,5 — 2 ha	65 —	26 —
— Số hộ có từ 2 — 3 ha	151 —	3 —
— Số hộ có từ 3 — 4 ha	79 —	1 —
— Số hộ có từ 4 — 5 ha	63 —	0 —
— Số hộ có từ 5 — 7 ha	79 —	0 —
— Số hộ có từ 7 — 10 ha	37 —	0 —
— Số hộ có từ 10 — 20 ha	11 —	0 —
Cộng :	709 hộ	636 hộ

Ở ấp diêm tỉnh Tiền-giang, bình quân sở hữu ruộng đất của mỗi hộ là 0,675 ha, nhưng sự chênh lệch về sở hữu ruộng đất giữa hộ không có ruộng đất và hộ nhiều ruộng đất nhất là 4 ha. Ở ấp diêm tỉnh Đồng-tháp, bình quân sở hữu ruộng đất của mỗi hộ là 3,5 ha, số hộ không có ruộng đất là 37 hộ, ngược lại số hộ có nhiều và quá nhiều ruộng đất từ 7 — 10 — 20 ha là 48 hộ.

Sự chênh lệch về sở hữu ruộng đất là biểu hiện của sự phân hóa các hộ ở nông thôn thành các tầng lớp khác nhau. Mức độ chênh lệch càng lớn có nghĩa là sự phân hóa càng sâu sắc. « Vì diện tích trồng trọt của nông dân khá giả đã vượt quá mức lao động của một gia đình (nghĩa là số lượng đất đai mà một gia đình có thể tự trồng trọt bằng sức lao động của mình), cho nên bất buộc họ phải **mướn**

nhân công làm thuê... » (1). Còn những hộ nông dân dân nghèo, không có hoặc thiếu ruộng đất thì không còn cách nào khác là phải đi làm thuê, cung cấp nhân công cho những hộ nông dân khá giả.

Dựa vào sự phân tích đó và căn cứ vào mức độ sở hữu ruộng đất cũng như máy móc, trâu bò, căn cứ vào phương thức sản xuất kinh doanh cũng như nguồn thu nhập và mức thu nhập, có thể chia các hộ thành năm loại khác nhau :

Loại I gồm những hộ lao động bằng nghề khác, không sản xuất nông nghiệp.

Loại II gồm những hộ nông dân không có hoặc thiếu ruộng đất, phải đi làm thuê.

(1) V. Lê-nin : *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1962, tập 3, trang 72.

Loại III gồm những hộ nông dân có đủ ruộng đất vừa với sức lao động của gia đình tự làm.

Loại IV gồm những hộ nông dân có thừa ruộng đất hoặc có vốn mở rộng sản xuất, thuê mướn một phần nhân công làm thuê hoặc kinh doanh thêm.

Loại V gồm những hộ nông nghiệp có nhiều ruộng đất và máy móc, có nguồn thu nhập lớn chủ yếu do thuê mướn nhân công và kinh doanh theo phương thức tư bản chủ nghĩa.

Dưới đây là sự chênh lệch về sở hữu ruộng đất giữa năm loại hộ, tỷ lệ số hộ của mỗi loại và tỷ lệ diện tích ruộng đất sở hữu của từng loại hộ.

Ấp diêm tỉnh An-giang – nơi nhiều ruộng đất, nhiều máy, có sự chênh lệch lớn về sở hữu ruộng đất và phân hóa sâu sắc nhất:

Loại hộ	Diện tích ruộng đất bình quân đầu người (m ²)	Tỷ lệ so với diện tích bình quân chung (%)	Số hộ (hộ)	Tỷ lệ so với tổng số hộ (%)	Diện tích ruộng đất sở hữu (ha)	Tỷ lệ so với tổng diện tích (%)
Hộ loại I	657	18	15	3,30	3,0	0,31
Hộ loại II	1151	32	115	25,50	73,24	7,70
Hộ loại III	2396	67	212	47,00	314,2	33,04
Hộ loại IV	6274	174	77	17,10	280,4	29,48
Hộ loại V	14563	399	32	7,10	280,0	29,47

Ấp diêm tỉnh Tiền-giang – nơi ít ruộng đất, ít máy, hai vụ lúa, mức độ chênh lệch về sở hữu ruộng đất thấp hơn:

Loại hộ	Diện tích ruộng đất bình quân đầu người (m ²)	Tỷ lệ so với diện tích bình quân chung (%)	Số hộ (hộ)	Tỷ lệ so với tổng số hộ (%)	Diện tích ruộng đất sở hữu (ha)	Tỷ lệ so với tổng diện tích (%)
Hộ loại I	314	24	20	3,14	1,98	0,45
Hộ loại II	572	43	117	18,30	29,8	6,84
Hộ loại III	1385	92	405	63,70	295,0	67,71
Hộ loại IV	2166	168	83	13,00	89,6	20,40
Hộ loại V	2920	222	11	1,86	20,1	4,60

Qua hai bảng kê trên đây, chúng ta thấy rõ mức chênh lệch về sở hữu ruộng đất giữa những hộ có nhiều ruộng đất nhất (loại V) và những hộ không có hoặc thiếu ruộng đất (loại II). Ở ấp diêm tỉnh An-giang mức sở hữu ruộng đất của hộ loại V lớn gấp

gần bốn lần mức bình quân chung, trong khi hộ loại II chỉ xấp xỉ bằng 1/3 mức bình quân chung. Số hộ loại V chỉ chiếm 7,10% tổng số hộ đã chiếm hữu 29,70% ruộng đất trong ấp. Ngược lại, số hộ loại II chiếm 25,50% tổng số hộ chỉ có 7,7% ruộng đất. Ở ấp diêm

tỉnh Tiền-giang, mức sở hữu ruộng đất của hộ loại II chỉ bằng dưới 1/2 mức bình quân chung, còn hộ loại V thì gấp hơn hai lần mức bình quân chung. So với ấp diêm An-giang, mức sở hữu ruộng đất và tỷ lệ số hộ loại V ở ấp diêm Tiền-giang thấp hơn nhiều, thể hiện mức độ phân hóa kém sâu sắc hơn. Chính vì vậy mà ở đây những trung nông, tức hộ loại III chiếm tỷ lệ lớn về số hộ và ruộng đất (63,6% số hộ và 68,2% diện tích). Trái lại ở diêm An-giang thì hộ loại III so với diêm Tiền-giang có tỷ lệ thấp hơn về số hộ (17%) và ruộng đất (33%), trong khi hộ loại V và loại II chiếm tỷ lệ cao hơn. Điều đó chứng tỏ quá trình phân hóa nông dân ở ấp diêm An-giang sâu sắc hơn, trong đó trung nông chính là đối tượng của sự phân hóa. Đúng như Lê-nin đã nói: « Sự phân hóa của nông dân trong khi làm cho lớp trung nông giảm bớt đi và làm phát triển những loại nông dân ở hai cực, thì tạo ra hai hình loại mới

trong dân cư nông thôn » (2). Những hộ loại V và hộ loại II như đã phân tích trên kia thuộc về hai loại hình mới đó.

Ở một mức độ phân hóa thấp hơn là sự xuất hiện những hộ loại IV. Ở ấp diêm Tiền-giang số hộ loại V rất ít, nhưng số hộ loại IV lại chiếm một tỷ lệ đáng kể: 13% tổng số hộ và chiếm hữu 20% tổng diện tích. Còn ở ấp diêm An-giang, hộ loại IV chiếm tỷ lệ cao hơn: 17,6% tổng số hộ và 29,48% tổng diện tích (bằng số diện tích của các hộ loại V và xấp xỉ diện tích của các hộ loại III mặc dù tỷ lệ số hộ loại IV chỉ bằng 37% số hộ loại III).

Trong 8 diêm điều tra ở các vùng khác nhau, mức độ chênh lệch sở hữu ruộng đất có khác nhau, song ở tất cả các nơi đều có sự phân hóa. Dưới đây là bảng tổng hợp tám diêm điều tra về tỷ lệ của mỗi loại hộ trong tổng số hộ tương ứng với tỷ lệ về sở hữu ruộng đất của mỗi loại hộ trong tổng diện tích ruộng đất của từng ấp diêm.

Loại hộ	Ấp diêm An-giang	Ấp diêm Đồng-thấp	Ấp diêm Long-an	Ấp diêm Kiên-giang	Ấp diêm Minh-hải	Ấp diêm Tiền-giang	Ấp diêm Bến-tre	Ấp diêm Đồng-nai
Hộ loại I								
% số hộ	3,32	1,42	1,43	2,73	1,12	3,14	2,67	2,30
% ruộng đất	0,35	0,11	0,04	0,16	0,16	0,15	0,15	0,50
Hộ loại II								
% số hộ	25,50	31,31	20,13	21,22	21,09	18,30	19,30	19,20
% ruộng đất	7,70	11,80	5,16	9,21	8,17	6,81	11,90	3,90
Hộ loại III								
% số hộ	47,00	45,51	56,16	59,79	50,47	63,70	71,88	58,60
% ruộng đất	33,00	18,39	17,20	65,13	53,00	67,71	73,00	62,80
Hộ loại IV								
% số hộ	17,10	16,64	15,23	11,79	20,06	13,00	5,71	16,20
% ruộng đất	29,18	28,20	27,30	20,29	33,70	20,10	11,10	27,10
Hộ loại V								
% số hộ	7,10	4,09	6,45	1,47	2,96	1,86	0,41	3,70
% ruộng đất	29,70	11,50	20,00	5,21	4,98	1,60	0,55	5,70

(2) V. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1962, tập 3, trang 212.

Tình hình trên đây thể hiện **cơ cấu các tầng lớp ở nông thôn** như sau :

1 - **Những người làm các nghề khác, không sản xuất nông nghiệp** (hộ loại I) chiếm một tỷ lệ rất nhỏ, thường trên dưới 2% số hộ và chiếm hữu trên dưới 1% ruộng đất.

2 - **Tầng lớp nông dân nghèo** (hộ loại II) sống chủ yếu bằng làm thuê, chiếm trên dưới 20% số hộ (cao nhất là 31% số hộ) và chiếm hữu trên dưới 10% ruộng đất.

3 - **Tầng lớp trung nông lớp dưới** (hộ loại III) chiếm từ 50-60% số hộ và chiếm hữu trên dưới 50-60% ruộng đất (ở vùng nhiều đất, nhiều máy thì thấp hơn).

4 - **Trung nông lớp trên** (hộ loại IV), một bộ phận của tầng lớp trung nông, chiếm trên dưới 15% số hộ và chiếm hữu trên dưới 25% ruộng đất.

5 - **Tầng lớp phú nông và tư sản nông thôn** (hộ loại V) ở nơi ít ruộng đất chiếm trên dưới 2% số hộ và chiếm hữu trên dưới 5% ruộng đất; ở vùng nhiều ruộng đất, nhiều máy thì chiếm trên dưới 5% số hộ (cao nhất là 7%) và chiếm hữu từ 11,5% đến 29,7% ruộng đất.

Đương nhiên những số liệu điều tra ở tám điểm trên đây không phải là giống hệt các nơi khác, vì tình hình thực tế giữa các vùng và trong từng vùng rất khác nhau. Ngay tình hình ở tám điểm điều tra cũng rất khác nhau. Tuy vậy ở tất cả tám điểm điều tra **đều diễn ra quá trình phân hóa nông dân**. Chỗ khác nhau là ở mức độ phân hóa. Nơi nhiều ruộng đất, nhiều máy móc, phân hóa sâu sắc hơn nơi ít ruộng đất hoặc ít máy móc. Nơi trước đây bị dịch kim kẹp lâu ngày phân hóa sâu sắc hơn nơi thuộc vùng tranh chấp hay vùng căn cứ cách mạng. Nơi kinh tế hàng hóa phát triển phân hóa sâu sắc hơn nơi kinh tế hàng hóa kém phát triển. Ở nơi mức độ phân hóa cao hơn thì số hộ phú nông, tư sản có nhiều hơn và chiếm ưu thế,

đồng thời số hộ trung nông lớp trên cũng có nhiều. Ở nơi mức độ phân hóa thấp hơn thì số hộ tư sản, phú nông ít hơn và rất ít, ở đó số hộ trung nông lớp trên chiếm ưu thế.

Sự phân hóa nông dân, hình thành cơ cấu các tầng lớp trên đây là dựa trên cơ sở những điều kiện kinh tế-xã hội nhất định. Sau khi chế độ sở hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ về cơ bản đã bị xóa bỏ, số đông nông dân lao động đã có ruộng đất và trở thành người chủ nông thôn, trong đó **trung nông là tầng lớp đông đảo nhất**. Tuy vậy, do diễn ra trong quá trình kháng chiến lâu dài, có sự giằng co giữa ta và địch, cho nên việc xóa bỏ giai cấp địa chủ và chia ruộng đất cho nông dân chưa có điều kiện dễ tiến hành triệt để. Một mặt, chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ chưa bị xóa bỏ hoàn toàn dễ chuyển toàn bộ ruộng đất về tay nông dân. Mặt khác, việc chia cấp ruộng đất cho nông dân trong hoàn cảnh chiến tranh cũng chưa tạo ra được sự đồng đều tương đối về sở hữu ruộng đất, do đó có sự chênh lệch về sở hữu ruộng đất trong nội bộ nông dân.

Quá trình trên đây gắn liền với sự xâm nhập của chủ nghĩa tư bản vào nông nghiệp. Chủ nghĩa thực dân mới đã thu hút một số địa chủ, phú nông và nông dân khá giả chuyển ruộng đất sang kinh doanh theo phương thức tư bản chủ nghĩa trên cơ sở đưa máy móc vào nông nghiệp. Đồng thời sự phát triển của kinh tế hàng hóa dẫn đến tập trung ruộng đất vào trong tay một số ít người trên cơ sở phân hóa nông dân. Tình hình đó đã tạo ra sự chênh lệch rất lớn về sở hữu ruộng đất giữa các tầng lớp. Vì vậy, bên cạnh tầng lớp trung nông đông đảo, bao gồm **trung nông lớp trên** và **trung nông lớp dưới** còn có tầng lớp **phú nông và tư sản nông thôn** chiếm hữu nhiều ruộng đất và máy móc, và **tầng lớp nông dân nghèo** không có hoặc thiếu ruộng

đất trở thành lao động làm thuê. Đó là những loại hình mới của dân cư nông thôn đánh dấu sự ra đời và bước đầu phát triển của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp.

Do sự biến đổi về cơ cấu kinh tế—

xã hội trên đây, cho nên ở nông thôn Nam-bộ không chỉ có **kinh tế cá thể của nông dân** mà còn có **quan hệ bóc lột tư bản chủ nghĩa** cùng những **tàn dư bóc lột kiểu phong kiến**.

B — KẾT CẤU KINH TẾ CỦA CÁC TẦNG LỚP XÃ HỘI Ở NÔNG THÔN VÀ QUAN HỆ BÓC LỘT TƯ BẢN CHỦ NGHĨA

Ở nông thôn Nam-bộ, kinh tế cá thể của nông dân và kinh tế tư bản chủ nghĩa có quan hệ chặt chẽ với nhau, trong đó kinh tế tư bản chủ nghĩa đóng vai trò chi phối. Tuy cùng chung chế độ tư hữu về ruộng đất, song kinh tế cá thể của nông dân dựa trên **lao động** của bản thân, (trung nông) hoặc chủ yếu dựa trên lao động của bản thân (trung nông lớp trên); còn kinh tế tư bản chủ nghĩa chủ yếu dựa trên sự **thuê mướn nhân công, kinh doanh ruộng đất và máy móc nông nghiệp**. Cơ sở của quan hệ bóc lột đó là **chế độ chiếm hữu tư bản chủ nghĩa về ruộng đất và máy móc nông nghiệp**.

Sự tập trung ruộng đất vào trong tay một số ít những hộ phú nông và tư sản nông thôn có nghĩa là một số đông nông dân nghèo đã bị tước đoạt quyền sở hữu ruộng đất. Trên địa bàn tám diểm điều tra, trong khi 150 hộ phú nông và tư sản nông thôn (3,7% tổng số hộ) đã chiếm hữu 1070 héc-ta ruộng đất (12,33% tổng số diện tích), thì ở một cực khác, 1000 hộ nông dân nghèo (23% tổng số hộ) chỉ có 700 héc-ta (8,31% tổng số diện tích). Bình quân mỗi hộ phú nông và tư sản nông thôn chiếm hữu 7 héc-ta (trong đó hộ nhiều nhất 20 héc-ta), gấp 10 lần so với hộ nông dân nghèo (chỉ có 0,7 héc-ta), trong đó một số hộ không có ruộng đất. Ruộng đất chiếm hữu quá nhiều trong tay phú nông và tư sản nông thôn đã trở thành **phương**

tiện bóc lột.

Những hộ phú nông và tư sản nông thôn không chỉ chiếm hữu nhiều ruộng đất mà còn nắm giữ phần lớn máy móc, do đó, quy mô chiếm hữu tư liệu sản xuất của họ còn lớn hơn nhiều. Trên địa bàn tám diểm điều tra, có tổng số 120 máy kéo, trong đó có 95 máy kéo lớn, với tổng công suất là 7106 CV, thì tầng lớp phú nông và tư sản đã nắm giữ 69 máy kéo lớn và 4 máy kéo nhỏ, với tổng số 4768 CV, chiếm 67% tổng công suất máy kéo và tập trung trong tay khoảng 70 hộ. Ngoài máy kéo, các hộ phú nông và tư sản còn có các loại máy động lực xăng và đi-ê-zen, cùng nhiều máy móc nông nghiệp, máy chế biến nông sản và nhiều phương tiện vận tải.

Sau đây là tài liệu điều tra về tình hình chiếm hữu máy móc của những hộ tư sản và phú nông ở ba diểm điều tra, tiêu biểu cho vùng có nhiều ruộng đất và máy móc: (*Xem bảng trang bên*)

Ở đây, so với tổng số hộ của ba diểm điều tra, 5,6% số hộ phú nông, tư sản đã chiếm hữu 18% diện tích, song tỷ lệ chiếm hữu máy kéo còn lớn hơn nhiều: 70% công suất máy kéo. **Máy kéo trở thành phương tiện bóc lột sức lao động làm thuê**, hơn nữa còn trở thành **phương tiện kinh doanh, bóc lột đồng đảo người sản xuất nhỏ**.

Trong tám diểm điều tra, 150 hộ phú nông, tư sản với 261 lao động gia đình chuyên làm nông nghiệp, đã thuê mướn 78 người làm thuê thường xuyên

	Ấp An- giang	Ấp Đồng- tháp	Ấp Long- an	Cộng ba điểm
Số hộ phú nông và tư sản	32	29	36	97
Ruộng đất (ha)	280	245	380	905
Máy kéo lớn	21	27	17	65
Tổng công suất máy kéo (CV)	1638	1966	1114	4718
Động cơ xăng và đi-ê-zen	28	53	59	140
Cày, bừa theo máy kéo	43	48	17	108
Rơ-móc theo máy kéo	5	18	-	23
Máy bơm	-	13	33	46
Máy tuốt, đập lúa	1	2	10	13
Máy xay xát	-	3	4	7
Xưởng ghe	6	39	30	75

chuyên lái máy kéo, và thuê mướn 33022 ngày công từng việc trong năm (1977). Còn 1000 hộ loại II, với 700 héc-ta ruộng đất và một máy kéo nhỏ, 31 trâu bò cày kéo chỉ thu hút hết 1/3

tổng số lao động của họ. Như vậy, phần lớn sức lao động của tầng lớp nông dân nghèo là đi làm thuê, cung cấp nhân công cho tầng lớp phú nông và tư sản và trung nông lớp trên.

Ở hai điểm điều tra thuộc tỉnh An-giang và tỉnh Tiền-giang, tình hình thuê mướn nhân công (1977) của các hộ phú nông và tư sản như sau:

	Ấp điểm An-giang	Ấp điểm Tiền-giang
I - Số hộ loại V	32	11
- Số ngày công gia đình làm ruộng nhà	1956	2453
- Số ngày công gia đình kinh doanh « cày thuê » (+)	1690	909
- Tổng số ngày công của lao động gia đình trong năm	3646	3362
II - Số ngày công thuê mướn thường xuyên	4620	560
- Số ngày công thuê mướn từng việc	3602	3280
- Tổng số ngày công thuê mướn trong năm	8222	3840
Tỷ lệ giữa lao động thuê mướn so với lao động gia đình	<u>2,2</u> 1	<u>1,1</u> 1

Trong tổng số lao động làm thuê, số người làm thuê thường xuyên là công nhân nông nghiệp chuyên lái máy kéo và sửa chữa máy, họ là lực lượng lao động kỹ thuật có tính chất quyết định đối với phương thức kinh

doanh tư bản chủ nghĩa dựa trên máy móc. Song số lao động làm thuê từng việc thường là lao động thủ

(+) Số ngày công chủ máy kéo hoặc lao động gia đình họ sử dụng máy kéo đi kinh doanh « cày thuê » thu lợi (xem đoạn dưới).

công, làm các công việc đồng ruộng lại có vai trò quan trọng đối với sản xuất nông nghiệp, nhất là trong thời vụ gieo cấy và thu hoạch. Phần đông trong số người làm thuê từng việc là thuộc tầng lớp nông dân nghèo, sống chủ yếu bằng lao động làm thuê, họ vừa bị bóc lột theo kiểu tư bản chủ nghĩa vừa bị bóc lột theo kiểu phong kiến như làm thuê trả nợ, vay nợ nặng lãi, bán lúa non... Họ là lớp người bị bóc lột nặng nề nhất ở nông thôn và gặp khó khăn nhất trong đời sống. Vì thế, như Lê-nin đã nói: « Muốn có cơ sở nhận xét về « chủ nghĩa tư bản nông nghiệp » mà chỉ kể đến những người làm thuê nông nghiệp, nghĩa là những công nhân thường xuyên, và không kể đến những người làm công nhật, như thế là không biết gì đến những đặc điểm thật sự của nông nghiệp » (3).

Tầng lớp tư sản và phú nông không chỉ trực tiếp bóc lột sức lao động làm thuê mà còn sử dụng lao động làm thuê và máy kéo để kinh doanh, **bóc lột đồng đảo người sản xuất nhỏ, chủ yếu là trung nông lớp dưới**. Bởi vì công suất của máy kéo vượt rất xa yêu cầu làm đất trên diện tích ruộng đất của họ. Rõ ràng là 69 máy kéo lớn có tổng công suất là 4766 CV (bình quân mỗi máy kéo 68 CV) và 4 máy kéo nhỏ của tư sản và phú nông không chỉ để cấy, bừa 1070 héc-ta ruộng đất của họ; nếu chỉ để cấy bằng tay ruộng đất thì chỉ cần nhiều lắm là 3 máy kéo lớn. Như vậy phần lớn máy kéo của họ được sử dụng để cấy thuê cho người khác. Trung bình mỗi máy kéo lớn làm đất khoảng 400 ha trong một năm, thì 69 máy kéo làm được gần 30 nghìn héc-ta. Phạm vi kinh doanh của họ đã mở rộng ra trên địa bàn rộng lớn cùng với công suất máy kéo của họ.

Những người thuê cấy đất bằng máy là số đông nông dân thuộc hộ loại III không có hoặc thiếu sức kéo và công cụ. Trâu bò ở các tỉnh đồng

bằng sông Cửu-long có rất ít vì bị bắn giết trong chiến tranh và bị thay thế bởi máy kéo. Trên diện tích của địa bàn điều tra 8429 héc-ta chỉ có 155 trâu và 252 bò sử dụng vào việc cấy kéo. Nếu không kể điểm điều tra ở tỉnh Đồng-nai (phần lớn bò sử dụng vào việc vận tải) thì chỉ có 406 trâu và 61 bò cấy kéo. Số trâu bò đó một nửa thuộc sở hữu của hộ loại III. Tuy vậy, 2219 hộ loại III (không kể điểm Đồng-nai) với 4053 héc-ta ruộng đất chỉ có 261 trâu và 3 bò cấy bừa (155 ha/1 trâu bò). Số máy kéo của hộ loại III cũng rất ít, chỉ có 8 máy kéo, hầu hết là máy kéo nhỏ với tổng công suất là 174 CV. Do đó, họ chỉ có khả năng tự làm đất bằng sức kéo của mình trên 1/3 diện tích.

Chính những hộ tư sản và phú nông mua máy kéo lớn đã nhằm vào đồng đảo những hộ trung nông không có hoặc thiếu sức kéo để « cấy thuê » và bóc lột họ. Theo tài liệu điều tra ở điểm An-giang, trong 32 hộ loại V có 22 hộ có máy kéo lớn chuyên kinh doanh. Bình quân mỗi máy kéo lớn với ba lao động lái máy, mỗi năm thu tiền lãi 5450 đồng (tính theo giá quy định của Nhà nước: 50đ/ha làm đất). Trên thực tế những chủ máy thường ép giá, bắt bị chủ ruộng lúc thời vụ, lấy tiền công thuê cấy cao hơn nhiều. Công cấy thuê thường trả toàn bộ bằng **hiện vật** hoặc một phần bằng hiện vật; mỗi máy kéo thu 7—9 tấn thóc/năm. Ở điểm Tiên-giang, 2 hộ kinh doanh máy xới 12 CV, mỗi máy thu 1996 đồng một năm. Ngoài việc cấy thuê bằng máy kéo, các chủ máy còn kinh doanh trong việc tuốt, đập lúa, bơm nước, xay xát, và thường lấy công một phần bằng hiện vật. Đó là hình thức bóc lột kiểu phong kiến kết hợp với hình thức bóc lột tư bản chủ nghĩa nhằm vừa thu lợi nhuận cao, vừa trực tiếp chiếm đoạt một phần sản phẩm ruộng đất. Những sản

(3) V. Lê-nin: *Tồn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội 1962, tập 3, trang 78—79.

phẩm này được chuyển thành hàng hóa bán ra thị trường để kiếm lời. Hình thức bóc lột này đẩy người trung nông vào cảnh khốn quẫn trong sản xuất và đời sống

Bảng phương thức kinh doanh này, các chủ máy vừa bóc lột người lao động làm thuê điều khiển máy, vừa bóc lột người chủ ruộng phải thuê máy làm. Ở điền An-giang, 10 hộ chủ máy sử dụng 25 công nhân điều khiển máy kéo đi làm thuê, bình quân mỗi công nhân đã tạo ra giá trị mới (V + m) trong năm là 2859đ: phần thuộc về công nhân cả tiền công và tiền cơm (v) 678đ, phần thuộc về chủ (m) 2271đ, tỷ suất giá trị thặng dư: 321%. Đó là một tỷ suất bóc lột rất cao trong lĩnh vực nông nghiệp do bóc lột nặng nề cả công nhân làm thuê và chủ ruộng thuê cày.

Bảng phương thức trên đây, chủ máy đã sử dụng sức lao động làm thuê để bóc lột người chủ sản xuất nhỏ, và bóc lột cả hai cùng một lúc. Đó là một hình thức bóc lột đặc biệt của phương thức kinh doanh tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp dựa trên máy móc và lao động làm thuê, trong điều kiện ruộng đất còn phân tán trong tay vô số những hộ tiểu nông, chưa tập trung thành xí nghiệp nông nghiệp. Cũng trong phương thức này, người chủ máy thuê mướn nhân công vừa làm ruộng cho mình, vừa đi "cày thuê" cho người khác. Với phương thức trên đây, chủ máy đã bóc lột người lao động làm thuê vừa trên ruộng đất của mình, vừa trên ruộng đất của người khác. Còn việc họ đi "làm thuê" thì do họ sử dụng nhân công thuê mướn với giá rẻ mạt làm ruộng thay cho họ, để họ trực tiếp sử dụng máy đi kinh doanh bóc lột người khác. Như vậy tổng số ngày công mà họ sử dụng vào mục đích bóc lột so với số ngày công họ tự làm để sống còn lớn hơn nhiều.

Như vậy là tầng lớp phú nông và tư sản nông thôn đã chi phối và bóc

lột đông đảo nông dân lao động, cả nông dân nghèo đi làm thuê và trung nông (phần lớn là lớp dưới). Người nông dân nghèo bị bóc lột sức lao động vì không có hoặc thiếu ruộng đất. Còn người trung nông thì mặc dù có đủ ruộng đất nhưng vẫn bị bóc lột vì thiếu sức kéo và công cụ. Và khi kết thúc quá trình sản xuất thì hầu hết sản lượng lương thực do sức lao động làm thuê tạo ra và một phần sản lượng lương thực của những hộ trung nông sản xuất ra, tập trung vào các hộ tư sản, phú nông và trở thành khối lượng lớn lương thực hàng hóa trong tay họ. Như vậy, họ không những chi phối và bóc lột đông đảo nông dân do chiếm hữu nhiều tư liệu sản xuất mà còn do nắm giữ khối lượng lớn tư liệu sinh hoạt. Trên cơ sở đó, họ mở rộng phạm vi kinh doanh nông nghiệp và công thương nghiệp, và thông qua quan hệ thị trường và giá cả, buôn bán đầu cơ, cho vay nặng lãi... mà bóc lột hơn nữa đông đảo nông dân và nhân dân lao động.

Rõ ràng tầng lớp phú nông và tư sản nông thôn tuy chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ về số hộ, nhưng là tầng lớp có thế lực nhất về kinh tế, tiêu biểu cho con đường phát triển tư bản chủ nghĩa ở nông thôn. Như Lê-nin đã phân tích: "Đứng về số lượng thì giai cấp tư sản nông dân chỉ chiếm một số ít trong toàn thể nông dân... Nhưng do tác dụng của giai cấp tư sản nông dân trong toàn bộ nền kinh tế nông dân, — **trong toàn bộ những tư liệu sản xuất của nông dân, trong tổng số nông phẩm mà họ sản xuất ra** (tôi gạch dưới — HG) mà giai cấp đó chiếm được ưu thế tuyệt đối" (4).

Còn tầng lớp trung nông tiêu biểu cho sự phát triển của kinh tế nông dân, nhưng trung nông không phải là một tầng lớp thuần nhất. **Trung**

(4) V. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1962, tập 3, trang 213 — 214.

nông lớp dưới (hộ loại III) tuy chiếm số đông (56,7% tổng số hộ với 53,5% diện tích ruộng đất) nhưng ít có khả năng mở rộng sản xuất. Hơn nữa, tuy quá trình sản xuất vẫn do họ tiến hành nhưng đã bị tư sản và phú nông chi phối. Ở tầng lớp trung nông này kinh tế hàng hóa phát triển kém nhất và sản xuất kém ổn định nhất. Một số trung nông gặp khó khăn trong sản xuất và đời sống bị phá sản và rơi xuống tầng lớp nông dân nghèo.

Còn **trung nông lớp trên** do có thừa ruộng đất, có máy móc và vốn sản xuất, có khả năng tích lũy, mở rộng quy mô sản xuất và thuê mướn thêm một phần nhân công. Trên địa bàn tám điểm điều tra, bộ phận trung nông lớp trên chiếm 14,3% tổng số hộ, nhưng chiếm hữu 25,65% tổng số ruộng đất, bình quân ruộng đất canh tác của một lao động 1,7 ha, gấp 1,56 lần so với mức bình quân chung. Trong nội bộ tầng lớp trung nông nói chung (cả loại III và loại IV) bộ phận trung nông lớp trên chiếm 21% số hộ, nhưng chiếm 35% diện tích ruộng đất, bình quân ruộng đất sở hữu tính theo đầu người của hộ loại IV gấp đôi so với hộ loại III (5 969 m² so với 2 904 m²). Về máy móc, trâu bò, hộ loại IV hơn hẳn hộ loại III, có 43 máy kéo với 2 799 CV; còn hộ loại III chỉ có 7 máy kéo, hầu hết là máy kéo nhỏ, với 174 CV. Một số hộ loại IV sử dụng máy kéo và trâu bò để kinh doanh « cày thuê ».

Trên cơ sở có thừa ruộng đất và có máy móc, những hộ loại IV ngoài sức lao động tự làm còn thuê mướn thêm một phần nhân công. Số ngày công thuê mướn thường chiếm trên dưới 50% so với số ngày công tự làm, ở ấp diềm An-giang tỷ lệ đó là 50,9%, ở ấp diềm Tiền-giang là 65%, ở ấp diềm Minh-hải 67,11%, ở ấp diềm Đồng-nai 44,15%. Tỷ lệ lao động thuê mướn thấp hơn nhiều so với hộ loại V, song do số hộ loại IV (675 hộ) đông gấp 4,5 lần so với số hộ

loại V, cho nên tổng số ngày công thuê mướn nhiều hơn so với hộ loại V. Trên thị trường, nhân công làm thuê chủ yếu do hộ loại II cung cấp. Trong số 138023 ngày công làm thuê từng việc, thì hộ loại V thuê mướn 33022 ngày công, còn hộ loại IV thuê mướn 67808 ngày công. Tuy vậy, bình quân mỗi hộ loại IV chỉ thuê 100 ngày công, còn hộ loại V thuê 246 ngày công.

Tình hình trên đây chứng tỏ rằng bên cạnh tầng lớp tư sản và phú nông tiêu biểu cho quan hệ bóc lột tư bản chủ nghĩa ở nông thôn, còn có **quan hệ bóc lột tự phát** của trung nông lớp trên. Trung nông lớp trên về cơ bản là thuộc tầng lớp nông dân lao động, nhưng tính tự phát bóc lột của họ thì cùng loại với quan hệ bóc lột tư bản chủ nghĩa, là nấc thang của quá trình phân hóa tư bản chủ nghĩa. Do đó, quan hệ bóc lột tư bản chủ nghĩa mà tầng lớp tư sản, phú nông là đại diện càng phát huy tác dụng lớn hơn. Song xét về mặt khác, trung nông lớp trên tuy có một phần bóc lột, nhưng mặt lao động là chủ yếu, họ là một bộ phận của tầng lớp trung nông và nguồn gốc trước đây của nhiều người vốn là nông dân nghèo được chia cấp ruộng đất. Về mặt đó họ có xu hướng đi theo cách mạng và trên thực tế có nhiều người đã gắn bó với cách mạng trong quá trình kháng chiến lâu dài. Bởi vậy, khi họ đã hiểu rõ chính sách và có phong trào quần chúng mạnh mẽ thì họ sẽ theo xu thế chung của nông dân lao động mà đi vào con đường hợp tác hóa.

Như vậy, tầng lớp trung nông nói chung (cả loại III và loại IV) là một lực lượng to lớn ở nông thôn (chiếm chừng 70% tổng số hộ với 80% diện tích ruộng đất). Lực lượng trung nông đó cùng với tầng lớp nông dân nghèo (chiếm trên dưới 20% tổng số hộ), hợp thành **lực lượng nông dân lao động** hùng hậu chiếm ưu thế tuyệt đối về số lượng dân cư và lao động

cũng như về diện tích ruộng đất. Đó là lực lượng sản xuất chủ yếu ở nông thôn, là lực lượng chính trị - xã hội to lớn áp đảo xu thế phát triển tư bản chủ nghĩa và sẵn sàng cùng với giai cấp công nhân đi lên chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh đó, còn một số người làm các nghề thủ công và dịch vụ... (hộ loại I). Họ là những người lao động ở nông thôn, hoạt động của họ có quan hệ đến sinh hoạt ở nông thôn và sản xuất nông nghiệp.

Tuy nhiên, hiện nay, lực lượng cách mạng to lớn của nông dân lao động chưa được phát huy mạnh mẽ, vì đang bị kìm hãm bởi quan hệ bóc lột tư bản chủ nghĩa cùng những tàn dư phong kiến và lối làm ăn cá thể.



Đặc điểm của nông thôn Nam-bộ như đã phân tích trên đây khác hẳn với nông thôn miền Bắc sau ngày giải phóng — ở đây quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp chưa phát triển, do đó sau khi tiến hành cải cách ruộng đất triệt để thì có điều kiện tiến hành ngay hợp tác hóa nông nghiệp. Tình hình nông thôn Nam-bộ cũng khác với tình hình nông thôn ở khu 5, khu 6 thuộc miền Trung — ở đó ruộng đất công có nhiều, sở hữu ruộng đất của nông dân ít chênh lệch, việc kinh doanh nông

ngiệp theo phương thức tư bản chủ nghĩa dựa trên máy móc chưa phát triển nhiều, những tàn dư bóc lột phong kiến bị xóa bỏ ngay sau khi được giải phóng, lại có sự điều chỉnh tốt ruộng đất, do đó có điều kiện đẩy mạnh hợp tác hóa nông nghiệp. Ở nông thôn Nam-bộ, hợp tác hóa nông nghiệp tiến hành chậm và gặp nhiều khó khăn, trước hết là do chưa xóa bỏ sự bóc lột của phú nông và tư sản nông thôn cùng những tàn dư phong kiến. Bởi vậy nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở các tỉnh Nam-bộ là: **vừa xóa bỏ bóc lột của phú nông và tư sản nông thôn cùng những tàn dư bóc lột phong kiến, vừa cải tạo kinh tế cá thể của nông dân.** Có xóa bỏ triệt để bóc lột của phú nông và tư sản nông thôn cùng tàn dư bóc lột phong kiến, thì mới phát huy được quyền làm chủ của nông dân lao động, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hợp tác hóa nông nghiệp. Đồng thời có khăn trương tiến hành hợp tác hóa, kiên quyết đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể thì mới xóa bỏ triệt để bóc lột của phú nông và tư sản nông thôn và xóa bỏ ngay nguồn gốc sinh ra bóc lột. Đó là nội dung của cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa ở nông thôn Nam — bộ, nhằm đưa nông dân tiến lên chủ nghĩa xã hội, đưa nông nghiệp tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Họ được gì từ khi trực tiếp ra tay?

THAO - HIỀN



Từ khi thế lực phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh mở màn và đích thân sắm vai chính trong chính sách công khai thù địch với Việt-nam, tấn tuồng đã công diễn được tám tháng, chưa biết đến lúc nào mới hạ màn. Tuy vậy, nhân lúc năm hết tết đến, cũng cần giúp gánh hát Bắc-kinh tính sổ xem họ được lời lãi ra sao. Dư luận thế giới, kể cả một số giới đang được nhà cầm quyền Bắc-kinh ve vãn, đều cho rằng kết toán cuối năm, gánh hát này đã lỗ to. Dùng từ ngữ thể thao, một số người đã nói: đội bạn Bắc-kinh từ khi ra quân đã bị mười bàn thắng lưới:

1— Công khai bản phát súng đầu tiên, nhà cầm quyền Bắc-kinh làm rùm beng trong chiến dịch vu cáo « Việt-nam bài xích, khủng bố, xua đuổi

người Hoa ». Chẳng phải mất nhiều thời giờ mọi người mới hiểu rõ sự tình. Chính người Hoa ở Việt-nam, và cả một số tay chân của nhà cầm quyền Bắc-kinh, đã nói lên ai là người xúi giục, lừa dối người Hoa rời bỏ cuộc sống yên lành ở Việt-nam, kích động thù hận dân tộc và phá hoại tình hữu nghị Hoa-Việt. Qua việc này, mọi người có lương tri đều thấy rõ một điều: chẳng ở đâu có chính sách đối đãi tốt đối với người Hoa như ở Việt-nam. Nhìn lại lịch sử di cư, lánh nạn của người Hoa, ai cũng thấy rằng từ trước đến giờ, nhân dân Việt-nam đã coi người Hoa như bà con ruột thịt của mình. Dưới chế độ mới, người Hoa lại được bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ. Dừng nên vụ người Hoa đề vu cáo Việt-nam, nhà cầm quyền Bắc-kinh đã cưỡng ép bà con người Hoa làm một

việc trái với đạo lý nhân tình, đồng thời còn làm cho những nước đang có nhiều người Hoa sinh sống phải rút ra bài học cảnh giác.

2 — Nhà cầm quyền Bắc-kinh cất lên giọng ca ai oán thương xót « nạn kiều », dùng dùng nỗi cơn thịnh nộ, đơn phương quyết định đưa tàu đi đón « nạn kiều ». Thế giới được chứng kiến một màn tuồng cào mặt, đập đầu ăn vạ, nhưng khi người ta hỏi « nạn kiều là ai » thì dào dạt Bắc-kinh như ngậm hột thị không sao trả lời được. Trong khi ấy, hơn nửa triệu nạn kiều thật sự ở Cam-pu-chia thậm chí không hề nhận được một giọt nước mắt cá sấu nào của họ. Những nạn kiều sống sót chạy sang Việt-nam kêu trời đến thất thanh, nhưng « thiên triều » vẫn giả cảm giả diếc. Bọn đao phủ giết hại nhân dân nước chúng và giết hại hàng chục vạn đồng bào của nhà cầm quyền Bắc-kinh, lại được « thiên triều » o bế hết lòng. Trước mắt thiên hạ, chế độ diệt chủng ở Nông-pênh đã phơi bày cái nhãn hiệu ghê tởm: « sản xuất tại Bắc-kinh ».

3 — Nhà cầm quyền Bắc-kinh đã không vui mừng trước thất bại hoàn toàn của đế quốc Mỹ ở Việt-nam. Một mặt, thông qua bọn tay sai ở Nông-pênh, họ gây ra xung đột và xâm phạm biên giới Việt-nam; mặt khác, họ đã thực tế đình chỉ viện trợ cho Việt-nam xây dựng lại đất nước. Nhân dịp công khai thi hành chính sách thù địch với Việt-nam, họ cắt hết trong vòng một tháng tất cả các công trình viện trợ của họ cho Việt-nam. Vừa vung gậy đánh người, họ lại gán cho người bị đánh cái tội vong ân bội nghĩa. Nhưng mọi người ở Trung-quốc và Việt-nam, những người công bằng chính trực trên thế giới, đều hiểu rõ giá trị cuộc chiến đấu đầy hy sinh của Việt-nam, ý nghĩa của mối quan hệ « môi hở răng lạnh » như thế nào. Mọi người vẫn còn nhớ những lời nói của một số nhà lãnh đạo Trung-quốc

trước đây rằng « viện trợ cho Việt-nam là nghĩa vụ mà nhân dân Trung-quốc phải làm tròn », rằng « giúp đỡ Việt-nam là tự giúp đỡ mình », rằng « nhân dân Trung-quốc phải biết ơn nhân dân Việt-nam », vân vân và vân vân... Vì vậy trước hành động thù địch của nhà cầm quyền Bắc-kinh, một số hãng thông tin phương Tây đã bình luận: « bây giờ rằng cầu vào môi rồi ». Đó là câu hỏi đặt lại cho họ: ai mới chính là kẻ vong ân bội nghĩa?

4 — Cũng vào dịp này, nhà cầm quyền Bắc-kinh còn cắt bỏ hoàn toàn các khoản viện trợ cho An-ba-ni, bấy lâu nay được họ coi là « người bạn thân thiết nhất ». Việt-nam bị cắt viện trợ vì phạm ba tội lớn đối với « thiên triều »: bài xích, khủng bố, xua đuổi người Hoa; có tư tưởng « tiểu bá » khu vực; đi theo « đại bá » Xô-liên! Dư luận thế giới đặt một câu hỏi mỉa mai: An-ba-ni không phạm ba « tội » trên đây, vì sao cũng bị một đòn trừng phạt của « thiên triều »? Bản án công khai được tuyên bố ở Bắc-kinh cho thấy « tiểu quốc An-ba-ni » phạm tám tội trong thái độ đối với viện trợ và đối với chuyên gia của « đại quốc ». Điều bí mật mà cả thế giới đều biết, nhưng chẳng hiểu vì sao nhà cầm quyền Bắc-kinh không nói tới, đó là An-ba-ni dám mạn thượng, cả gan phản đối học thuyết « ba thế giới » và chính sách quốc tế phản động của « thiên triều ». Mọi người đã thấy rõ rằng: ai không chịu nhảy múa theo điệu vũ thoát y Bắc-kinh thì lập tức bị coi là thù địch, bị giáng đòn trừng phạt.

5 — Nhà cầm quyền Bắc-kinh đã dùng mọi thủ đoạn lời kéo, xúi giục nhiều người, nhiều nước, nhằm cản trở công cuộc xây dựng đất nước, hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt-nam, phá hoại chính sách hòa bình hữu nghị của Việt-nam. Họ rí tai nước này nước khác: « đừng viện

trợ, đừng buôn bán, đừng hợp tác kinh tế với Việt-nam». Họ chạy như đèn cù đến các nước Đông - Nam châu Á, đưa con ngáo ộp «tiền bá khu vực» ra dọa hòng lôi kéo người ta vào nấp dưới cái «ô bảo hộ» của bá quyền Đại Hán, trong khi xu hướng chung của các nước Đông - Nam châu Á là thực hành chính sách hòa bình, độc lập và trung lập, thoát khỏi ách đô hộ của bọn thực dân cũ và mới, cũng như của chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc. Những chuyển «du thuyết» của những Trương-Nghi, Tô-Tần mới tại khu vực này chỉ đem lại kết quả trái ngược với mưu đồ của nhà cầm quyền Bắc-kinh. Một vài «tiền quốc» với số dân không bằng một huyện của «đại quốc» đã ngang nhiên lên lớp lại cho đại biểu của «thiên triều», không chịu di theo cái gậy chỉ huy của họ.

6 - Lâu nay nhà cầm quyền Bắc-kinh thường tung «kinh thánh» ra bốn biển năm châu, dạy cho thiên hạ bài học vỡ lòng: phải xác định rõ thù và bạn. Nhưng trong khi công khai thù địch với Việt-nam, nhà cầm quyền Bắc-kinh đã củng cố và phát triển tình bạn thân thiết với các thế lực đế quốc từ Đông sang Tây, với bọn phát-xít Pi-nô-chê, với bọn phản động ở châu Phi, ở Trung Cận Đông, với tất cả những lực lượng chống lại các nước xã hội chủ nghĩa và phong trào giải phóng dân tộc. Họ phấn khởi khi được coi là NATO ở phương Đông. Ở đầu bọn đế quốc và phản động gặp khó khăn, nhà cầm quyền Trung-quốc nhanh chóng đứng vào hàng ngũ, sát cánh với một liên minh ma quỷ, cất cao giọng hòa vào bản đồng ca chống phá cách mạng. Một điều rất ngược đời là họ vẫn tự nhận là mác-xít - lê-ni-nít, trong khi việc làm của họ hoàn toàn xa lạ với Mác và Lê-nin. Thế kỷ trước, Mác đã nêu ra khẩu hiệu cách mạng. «Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!». Dầu thế kỷ này, Lê-nin kể tục sự nghiệp của Mác

trong điều kiện mới của thế giới, nêu ra khẩu hiệu: «Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại!». Ngày nay, trong lúc ba dòng thác cách mạng - hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa, phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân quốc tế - đã trở thành hiện thực của thời đại mới, thì nhà cầm quyền Bắc-kinh lại nhân danh Mác và Lê-nin để kết bạn với tất cả mọi thế lực chống phá cách mạng. Mọi người đều thấy rõ khẩu hiệu của họ thực tế là «Ma quỷ toàn thế giới, liên hợp lại!».

7 - Nhân dân toàn thế giới đều vui mừng trước thắng lợi của cách mạng Việt-nam - «của chung nhân loại chiến công này» - vì với thắng lợi đó, so sánh lực lượng có bước phát triển mới, chủ nghĩa đế quốc thêm suy yếu, càng đi vào thế phòng ngự, các lực lượng của ba dòng thác cách mạng đang phát huy mạnh mẽ thế tiến công, loài người có khả năng củng cố hòa bình, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh do chủ nghĩa đế quốc gây ra. Nhưng đi ngược dòng lịch sử, nhà cầm quyền Bắc kinh lại hò hét về nguy cơ chiến tranh thế giới mới không sao tránh khỏi. Họ công khai cổ vũ các lực lượng đế quốc và phản động thế giới chuyển từ thế phòng ngự sang thế tiến công, ủng hộ các hành động phản kích của chúng ở nơi này, nơi khác. Bảo hoàng hơn cả vua, họ công khai hô hào các thế lực đế quốc phát triển vũ khí giết người hàng loạt, tiến tới cuộc chiến tranh thế giới mới chống các nước xã hội chủ nghĩa. Nhưng trở trêu thay, các thế lực đế quốc cũng biết rằng nhà cầm quyền Bắc-kinh đang có mưu đồ «ngồi trên núi cao, xem hổ cắn xé nhau» để chờ đón kết cuộc «trên núi không còn hổ, thì hổ sẽ làm hoang dã». Cho nên, các thế lực đế quốc đang ra sức lợi dụng chính sách phản động của Bắc-kinh, đua nhau «chơi con bài Trung-quốc» có lợi cho chúng. Trước mắt thiên hạ, nhà cầm quyền

Bắc-kinh trở thành một kẻ có dã tâm, mong muốn « thiên hạ đại loạn », cô vũ bọn đế quốc đi tới cuộc chiến tranh thế giới mới, gây thảm họa cho người.

8 - Nhà cầm quyền Bắc-kinh chạy ngược chạy xuôi tới thủ đô các nước đế quốc, ký các hợp đồng mua vũ khí để hiện đại hóa quân đội. Họ công khai tăng cường lực lượng quân sự, điều động quân đội tới biên giới Việt-nam, công khai tuyên truyền trong nhân dân Trung-quốc và trong người Hoa ở Việt-nam về một cuộc chiến tranh với Việt-nam. Họ đưa ngày càng nhiều cố vấn và nhân viên quân sự sang tăng cường cho bọn phản động ở Nông-pênh gây chiến tranh chống Việt-nam. Nhưng họ lại to mồm vu cáo Việt-nam xâm lược và có mưu đồ « tiêu bá ». Ngang ngược và vô lý hơn nữa, họ không cho phép Việt-nam có quyền làm mọi biện pháp cần thiết để củng cố an ninh, tăng cường quốc phòng, chống mưu đồ bành trướng « đại bá ». Họ ký hiệp ước hữu nghị và hợp tác với các thế lực quân phiệt Nhật-bản, câu kết với liên minh Nhật - Mỹ. Nhưng họ không cho phép Việt-nam được ký kết bất cứ hiệp ước hữu nghị và hợp tác nào với các nước anh em, bầu bạn. Một lần nữa thế giới lại thấy rõ thái độ « thiên triều » của họ. Hoàng đế có quyền vùng gây lớn, chọc trời khuấy nước ở đời, còn dân đen thì phải ngồi yên, không được cử động chân tay!

9 - Khi Việt-nam cùng Liên-xô ký kết hiệp ước hữu nghị và hợp tác, kẻ phản ứng điên cuồng nhất là nhà cầm quyền Bắc-kinh. Quen thói chụp cho thiên hạ cái mũ tùy theo ý thích của mình, họ nhắc đi nhắc lại hằng ngày rằng đây là một hiệp ước liên minh quân sự. Thế là Việt-nam không có quyền hữu nghị và hợp tác với ai, kẻ cả hợp tác về kinh tế nhằm xây dựng đất nước và đời sống của mình, trong khi Bắc-kinh có toàn quyền liên minh với cả ma quỷ để thực hiện « bốn

hiện đại hóa », đề « chống đại bá và tiêu bá », như họ đã tuyên bố công khai. Họ còn trắng trợn nói rằng, ký hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt - Xô, Việt-nam đã đề rơi chiếc lá sung, như vậy một lần nữa họ gán cho người khác cái hình ảnh của chính họ. Mọi người còn nhớ, từ tháng 5 tháng 6 năm 1978, khi nhà cầm quyền Bắc-kinh triển khai toàn diện chính sách đối ngoại câu kết với các thế lực đế quốc và phản động, công khai thù địch với Việt-nam, đánh những đòn hiểm độc vào những người lâu nay vẫn coi họ là bạn, thì dư luận thế giới đã đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Và ở một số nước phương Tây, người ta đã nói: « Bắc-kinh đã đề rơi chiếc lá nho cuối cùng ». Họ đang biểu diễn điệu vũ thoát y trắng trợn nhất, nhưng nửa năm sau họ lại chỉ tay vào người khác, gán cho người ta đề rơi chiếc lá sung. Giống như « ông vua cỡi trường » trong truyện của nhà văn Đan-mạch An-đéc-xen, họ đứng trước gương soi hoặc đi ra phố, trần như nhộng, mà vẫn cứ tưởng rằng mình đang mặc bộ lễ phục hiem có trên đời.

10 - Chính sách đối ngoại phản động, chính sách công khai thù địch với Việt-nam đã vấp phải sự phản đối của đông đảo người Hoa có lương tri, của chính nhân dân Trung-quốc. Nhiều người Hoa ở Việt-nam, bị tuyên truyền cường ép đi Trung-quốc đã nhanh chóng thấy mình bị nhà cầm quyền Bắc-kinh lừa gạt. Nhân dân Trung-quốc có quan hệ hữu nghị lâu đời với nhân dân Việt-nam rất đau buồn trước sự thay lòng đổi dạ của nhà cầm quyền Bắc-kinh. Tiếng nói lành mạnh của nhân dân Trung-quốc không có sức mạnh tàn bạo nào dập tắt được. Tiếng nói ấy xuất hiện công khai trên những bài báo tường ở Bắc-kinh, phản đối chính sách đối ngoại dựa vào học thuyết « ba thế giới », chất vấn nhà cầm quyền về chính sách thù địch với Việt-nam.

Một số người tiêu biểu cho chính sách phản động hiện nay của giới cầm quyền Bắc-kinh vẫn thường lớn tiếng tuyên bố « thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý ». Những hành động thực tiễn của họ lại chứng minh rằng họ đã từ bỏ, hơn thế nữa, họ đã phản bội chân lý. Vì vậy mà, qua tám tháng phơi bày cái « thực tiễn » của họ, nhà cầm quyền Bắc-kinh chỉ được sự hoan hỉ, đồng tình của các thế lực đế quốc và phản động, kẻ thù của nhân dân thế giới. Họ có mưu đồ đưa thế giới vào quỹ đạo của họ, nhưng họ đang được các thế lực đế quốc coi như một con bài, một công cụ dễ chống phá cách mạng, bởi họ

chủ nghĩa Mác — Lê-nin.

Hậu quả tất yếu là chính sách đối ngoại phản động, chính sách thù địch với Việt-nam, chống phá cách mạng thế giới, sẽ không sao tránh khỏi sự phá sản hoàn toàn. Nhân dân Trung-quốc đã được rèn luyện trong ngọn lửa đấu tranh giữa cách mạng và phản cách mạng, không phải là những vật vô tri để cho những kẻ cầm quyền tùy ý nhào nặn. Như quy luật lịch sử đã chứng minh, nhân dân là người làm nên lịch sử chân chính, nhân dân Trung-quốc sẽ là người quyết định cuối cùng, quyết định số phận chính sách phản động của nhà cầm quyền Bắc-kinh.

Thực hiện đúng đắn chế độ quản lý...

(Tiếp theo trang 60)

phát huy mạnh mẽ và bảo vệ có hiệu quả quyền làm chủ tập thể của quần chúng xã viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp cả bằng hình thức tổ chức quần chúng và bằng hình thức

Nhà nước, tạo ra một khí thế mới sôi nổi trong phong trào sản xuất nông nghiệp trong cả nước cũng như trong phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở miền Nam hiện nay.

THỰC CHẤT VẤN ĐỀ QUYỀN CON NGƯỜI

NGUYỄN-KHẮC-VIỆN

Gần đây, ông Ca-tơ đưa ra vấn đề quyền con người, coi là một điểm cơ bản trong chính sách ngoại giao của Mỹ. Ông ta định áp đặt quan điểm quyền con người của Mỹ lên thế giới còn lại. Chắc chắn là ông ta nhắm các nước xã hội chủ nghĩa là chính. Thế là nổ ra cuộc tranh luận lớn về vấn đề quyền con người, quyền con người như thế nào và cho ai. Trước cũng đã từng có những thỏa hiệp quốc tế để dung hòa những điểm mà hai bên gần nhau. Câu chuyện này tập trung ở châu Âu, Châu Mỹ. Nếu chỉ có thế thì ta cũng chẳng cần bàn làm gì. Điều đáng chú ý là các giới tư sản và một số báo chí phương Tây đang ăn cánh với thế lực phản động trong giới cầm quyền ở Bắc-kinh, lợi dụng vấn đề quyền con người để bôi nhọ Việt-nam. Không hề bẹp được Việt-nam trong chiến tranh, nay họ đang muốn nhận chìm Việt-nam trong chiến dịch gọi là quyền con người.

Lẽ tự nhiên ta không tìm cách thuyết phục ông Ca-tơ và những nhà

báo như Pa-ranh-gô, La-cu-tuya, O-li-vi-ê Tốt, vì hiện nay, nghề nghiệp và công ăn việc làm của họ là bêu xấu, bôi nhọ Việt-nam. Họ sẽ còn làm mãi, vì Việt-nam đã dứt khoát chọn con đường xã hội chủ nghĩa, đã dứt khoát thoát ra quỹ đạo của đế quốc. Nhưng chúng ta có nhiệm vụ nói rõ vấn đề cho các bạn của ta, và cho rất nhiều người đang có phần nào phân vân trước chiến dịch tuyên truyền của đế quốc và phản động quốc tế. Chúng ta không tránh né vấn đề, vì chúng ta có đầy đủ chính nghĩa.

Mới ngày nào, lòng tin tưởng của nhiều người ở nhiều nước đối với Việt-nam, thật là trong sáng. Trong nhiều năm, giữa đêm tối do cuộc tổng khủng hoảng của chế độ tư bản đế quốc gây ra, trong lúc loài người hình như bị những lực lượng phản động kiểm chế tuyệt đối thì cuộc đấu tranh của dân tộc Việt-nam đã dọi lên một ánh sáng kỳ diệu, khơi lại niềm tin tưởng ở sức mạnh con người. Chưa bao giờ, nhân phẩm và quyền con người được cuộc đấu tranh của một dân tộc đưa lên tầm cao xứng

đáng như vậy. Biết bao người cũng chung nhận định: Việt-nam thuộc vào số những dân tộc đã đóng góp nhiều nhất cho việc thực hiện quyền con người chân chính. Nhưng cuộc sống bao giờ mà chẳng có mặt trái, có «chân lý Việt-nam», lại có điều xằng bậy của đế quốc và phản động quốc tế. Chúng chưa hết oán giận và không muốn buông tha cho tội «góp phần giải phóng loài người» của Việt-nam. Cơ hội đã đến. Việt-nam đang khó khăn vì những hậu quả của chiến tranh do chúng gây nên. Mưu đồ đặt lại ách bá quyền mới lên vai nhân dân Việt-nam, lại trời dẫy. Những kẻ thua trận ở Điện-biên-phủ tháng 5-1954 và trong chiến dịch Hồ-Chí-Minh tháng 4-1975 ra sức phục thù. Trong lúc nhà cầm quyền Bắc-kinh o ép Việt-nam ở biên giới phía bắc và chỉ huy bọn tay sai Pôn Pốt - Iêng Xa-ri ở Cam-pu-chia gây chiến ở biên giới tây-nam, mong dồn Việt-nam vào một gọng kìm, trong lúc những phần tử ngoan cố được đế quốc và phản động quốc tế nuôi dưỡng tiến hành những hành động phá hoại ngay trên lãnh thổ nước ta, thì các phương tiện thông tin tuyên truyền của phương Tây mở chiến dịch ồ ạt tung lên vấn đề Việt-nam vi phạm quyền con người. Ta thấy rõ đây chuyện: Oa-sinh-ton - nhà đương cục Bắc-kinh - báo chí tư bản - phản động phá hoại trong lãnh thổ Việt-nam -, và cái đuôi của dây chuyền này là một vài tên di tảo, lấy việc cung cấp tin tức cho báo chí đế quốc làm kế sinh nhai.

Trong tay đế quốc là cả một bộ máy thông tin tuyên truyền đồ sộ, với những phương tiện hiện đại nhất, bao trùm lên thế giới như một mạng nhện khổng lồ. Nhiều người ngày ngày chịu ảnh hưởng, bị đầu độc lúc nào không biết. Mẹ Tằng-Sâm, dù biết con mình là một hiền giả, sau cùng vẫn hoảng hốt lên, vì người ta cứ nói đi nói lại mãi con bà đã phạm tội. Phương pháp tuyên truyền của đế

quốc và phản động quốc tế cũng vậy. Câu chuyện cứ cho lặp đi lặp lại, dưới hình thức này hay hình thức khác, dù có hoang đường đến đâu, rồi cũng có người tin. Mà chưa tin cũng gieo được phân vân, hoang mang. Nghe tờ báo Pháp «Thế giới» nói ở Việt-nam có 800 nghìn tù nhân trong các trại cải tạo, hoặc nghe La-cu-tuya bảo rằng Bộ trưởng Nguyễn-Thị-Bình phải đi trại cải tạo vì thân Trung-quốc, những người có chút tri thức đều nhún vai lắc đầu; nhưng các tin vịt ấy được mấy triệu tờ báo đăng lại, và vô số đài phát thanh và truyền hình truyền đến mấy trăm triệu người đọc, người nghe, ít nhất cũng làm cho lòng tin tưởng của nhiều người đối với Việt-nam có phần mờ đục đi.

Không phải ngẫu nhiên mà sau chiến tranh thế giới thứ hai vấn đề quyền con người được nêu lên ở Liên hợp quốc và trong dự luận loài người. Chiến tranh tàn khốc và những tội ác ghê gớm của phát-xít đã cho loài người thấy các chế độ tư bản lâm vào khủng hoảng có thể dẫn đến những hành động tàn bạo, tiêu diệt con người như thế nào. Các cuộc chiến tranh thực dân do các nước đế quốc tiến hành chống các dân tộc, ngoài việc giết người bằng bom đạn, còn mang theo cả một chuỗi tội ác, làm cho bao nhiêu triệu con người phải sống đau khổ, thiếu thốn, lâm than hoặc sa đọa, trụy lạc; mà đỉnh cao là những tội ác chống chất do đế quốc Mỹ gây nên ở Việt-nam. Chế độ thực dân đế quốc còn nuôi dưỡng ở các nước lệ thuộc những lực lượng phản động có tính chất phát-xít, mang đầu óc kỹ thị chủng tộc. Khoa học kỹ thuật lại cung cấp cho đế quốc những phương tiện giết người, phá hoại con người tinh xảo hơn nhiều so với những phương tiện chém giết tra tấn ngày xưa. Chúng dùng cả những khoa học xã hội như tâm lý học, xã hội học, dân tộc học nghiên

cứu tôn giáo, đề chống lại quyền con người, làm tha hóa con người. So với đế quốc và các lực lượng phản động ngày nay về mặt giết hại và đẩy dọa con người thì bọn phong kiến trung cổ còn kém xa. Trong lúc trên thế giới chưa có một quyền lực nào có thể bắt buộc các chính phủ và lực lượng phản động không được chà đạp lên quyền sống của con người, thì ít nhất cũng cần khuấy lên trong lương tâm loài người ý thức bảo vệ quyền sống ấy.

Năm 1948 Liên hợp quốc đã ra một tuyên bố chung, nói lên nguyên tắc cơ bản là cần tạo đủ điều kiện để cho mọi người được hưởng những quyền lợi kinh tế, xã hội, văn hóa; làm sao cho con người thoát khỏi nghèo khổ và sợ hãi, sống một cuộc đời yên vui. Những điều kiện ấy về những năm sau được cụ thể hóa trong một số quy ước.

Trong những quy ước này, điều đầu tiên được nêu lên là quyền tự quyết, quyền độc lập của mỗi dân tộc, quyền tự do lựa chọn con đường phát triển của mình, và song song với những quyền đó là quyền sử dụng những tài nguyên trên đất nước mình. Ông Ca-tơ và các nhà báo đế quốc trong lúc nêu vấn đề quyền con người đã « quên bằng » đi điều khoản cơ bản này. Quyền con người ở Việt-nam được bảo đảm từ bao giờ, nếu không phải chính là sau khi nhân dân được giải phóng khỏi ách thực dân cũ cũng như mới? Những kẻ cố tình vu khống, bôi nhọ Việt-nam lại khẳng định ngược lại rằng sau ngày giải phóng, Việt-nam đã trở thành một trại tập trung khổng lồ. Đồi trắng thay đen quả là một điều quá thông thường đối với họ. Điều khoản 3 trong quy ước chung cũng đòi hỏi các chính phủ tôn trọng quyền độc lập của các dân tộc; nhưng khi đế quốc vi phạm trắng trợn điều ấy bằng cách nuôi dưỡng các phe phái phản

động, tổ chức phá hoại trên đất nước Việt-nam, khi nhà đương cục Bắc-kinh tìm cách bóp nghẹt Việt-nam, thì các nhà báo kia lại im hơi lặng tiếng.

Quy ước của Liên hợp quốc về quyền con người còn kêu gọi làm sao bảo đảm quyền bình đẳng giữa nam và nữ. Trong lúc này ở những nước tư bản phát triển lâu đời, về tiền lương và nhiều quyền lợi khác, đàn bà vẫn chịu thua thiệt, thì ở Việt-nam không thành vấn đề ngay từ những ngày đầu của chính quyền nhân dân. Ở đây không ai có ý nghĩ là những công nhân hay viên chức cùng làm một việc giống nhau, năng suất như nhau mà lại hưởng lương ít hay nhiều hơn nhau dù họ là nam hay nữ. Ở miền Nam Việt-nam, từ sau ngày giải phóng, mấy triệu phụ nữ đã được giác ngộ để thoát khỏi số phận của người đàn bà xưa, được tham gia các hoạt động xã hội, chính trị, được học tập văn hóa, biết bao nhiêu chị em được thoát khỏi nghề mãi dâm. Một em gái 12 tuổi ở Sài-gòn bị mẹ đem hiến cho một tên lái buôn, vì tên này tin rằng chỉ có phá trinh một em bé mới phát tài, sau đó em làm nghề mãi dâm cho đến ngày giải phóng mới được trở lại với cuộc sống của một phụ nữ lương thiện. Ai là người bảo vệ quyền con người, những người cách mạng đến giải phóng em bé kia, hay bọn cướp nước đã dựng lên một chế độ ghê tởm, kết hợp tất cả những gì tàn ác, lạc hậu nhất của phong kiến với những gì tàn bạo và xảo quyệt nhất của đế quốc?

Điều khoản 6 trong quy ước của Liên hợp quốc công nhận quyền được lao động và có công việc làm. Điều khoản 13 công nhận quyền được đi học, được tham gia các hoạt động văn hóa. Nếu so sánh giữa nhiều nước có trình độ kinh tế tương đương, thì có thể nói không có nước nào bảo đảm tất cả những quyền trên cho mọi

người đến mức như Việt-nam, mặc dù các nước khác không chịu những thiệt hại nặng nề do chiến tranh. Đối với một nước mới thoát khỏi ách thuộc địa, còn chưa công nghiệp hóa được bao nhiêu, thì con số 15 triệu học sinh trên 50 triệu dân, quả là biểu hiện một cố gắng phi thường trong việc chăm sóc con người. Trường sở của ta chưa được tốt đẹp như của các nước phát triển, nhưng số học sinh thì không kém Pháp, một nước có số dân tương đương với nước ta. Có thể nói, trong hoàn cảnh kinh tế như hiện nay, chế độ của chúng ta đã làm tất cả những gì có thể làm để chăm sóc con người về mặt giáo dục, y tế, văn hóa quần chúng, làm cho con người dù còn thiếu thốn về vật chất vẫn sống có văn hóa, không bị hoàn cảnh khó khăn về vật chất vùi dập.

Trong đại gia đình Việt-nam ngày nay không còn những mối bất đồng về mặt giai cấp giữa người giàu và người nghèo, giữa dân tộc đa số và dân tộc thiểu số; trong xã hội, không còn có sự cách biệt, đối kháng nhau như trước nữa. Đứng về bản chất của chế độ, chúng ta hoàn toàn có thể tự hào chính đáng, chúng ta đang sống trong một trật tự tiên tiến nhất, đầy triển vọng tươi sáng. Nhưng không bao giờ chúng ta tự nhận mình là toàn thiện toàn mỹ, nhất là lúc này. Chúng ta có những sai lầm, thiếu sót. Trước mắt, chúng ta phải sửa chữa những cái đó để làm cho chế độ ngày càng tốt đẹp. Những lời phê phán chân thành của bầu bạn, chúng ta cảm ơn thành thật. Còn những lời vu khống xuyên tạc, ta cần cảnh giác. Ta không như các nhà tư tưởng tư sản, đem đối lập quyền làm người của cá nhân với sự tiến lên của xã hội, tách cuộc sống của cá nhân ra khỏi tất cả các điều kiện lịch sử xã hội. Chính chế độ của các nước tư bản phát triển nhất, như Hoa-kỳ, đâu có bảo đảm quyền làm người cho mấy chục triệu người

da đen, cho các dân tộc thiểu số, và rộng hơn là các dân tộc bị lệ thuộc Hoa-kỳ về mặt này hay mặt khác. Muốn bảo vệ quyền con người thì phải kiên quyết đấu tranh chống đế quốc cùng bọn phản động quốc tế cho đến ngày không còn bọn chúng nữa. Khi chủ nghĩa đế quốc và phản động quốc tế đã biến đi, chủ nghĩa thực dân cũ và mới không còn nữa, thì các căn bản khác như chủ nghĩa a-pác-thai, chủ nghĩa xi-ôn và hết thảy mọi thế lực đen tối sẽ tàn lụi. Loài người sẽ bước lên con đường tiến bộ xã hội. Quyền con người trên hành tinh này sẽ không còn nguy cơ bị đe dọa.

Những người cầm quyền và báo chí các nước đế quốc muốn xoay mũi nhọn đấu tranh đang chĩa vào họ sang các nước xã hội chủ nghĩa và các dân tộc đang đấu tranh để tự giải phóng. Việt-nam vừa là một nước thuộc địa cũ đã giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, vừa là một nước xã hội chủ nghĩa. Không những Việt-nam nêu một tấm gương cho các dân tộc thuộc thế giới thứ ba, mà còn tác động đến cả nhân dân các nước tư bản phát triển. Ở các nước ấy đang diễn ra một cuộc đấu tranh giai cấp gay gắt. Những tổ chức chính trị và hệ tư tưởng tư sản không còn vững chãi như trước. Nhiều người trong các giai cấp và tầng lớp xã hội khác nhau như công nhân, trí thức, thanh niên đang tìm tòi một đường đi, một giải pháp cải tạo xã hội. Cuộc đấu tranh của Việt-nam làm cho nhiều người suy nghĩ, rồi dần dần từ đó họ tiến lên có những quan điểm chính trị xã hội tiến bộ hoặc cách mạng. Bọn đế quốc và phản động quốc tế nhận thấy xu hướng đó rất không có lợi cho tiền đồ đen tối của chúng. Chúng tìm mọi cách xóa nhòa ảnh hưởng chính trị của Việt-nam trên trường quốc tế, cũng như trong nhân dân nước chúng. Phải bồi nhọ Việt-nam, đưa ra một hình ảnh Việt-nam rùng rợn, đen tối, làm cho mọi người phân vân, hết tin

tưởng ở cách mạng và ngay cả khả năng tiến lên của loài người.

Đề tô vẽ bức tranh ấy, cũng không có gì khó lắm. Một trăm năm thực dân cũ, 20 năm thực dân mới, 30 năm chiến tranh, lụt bão tạo nên một hoàn cảnh hết sức khó khăn và phức tạp. Đến đâu cũng gặp khó khăn, đâu cũng có những thiếu sót, và nhất là ở đâu cũng gặp những di hại của chế độ cũ, những con người bị chế độ cũ dày đọa, làm mất hết phẩm chất. Ngoài những thành phố, làng mạc bị tàn phá, những người bị tàn phế vì bom đạn, chúng ta không bao giờ quên được một trong những tội ác lớn nhất của Mỹ, là đã dùng bom đạn, chất độc hóa học và chiến tranh tâm lý bóc hàng 10 triệu người ở nông thôn miền Nam đưa về các thành phố và các nơi tập trung. Trong bao nhiêu năm, người thì buộc phải làm lính, canh sát, người thì đâm ra trộm cướp, người thì xoay ra buôn bán đầu cơ, biết bao nhiêu đàn bà buộc phải bán mình, thanh niên thì sa vào nạn ma túy. Còn những tên mặt vụ, những nhân viên ngục quyền, cán bộ các tổ chức phản động, và những người lợi dụng đến cả tôn giáo để làm tiền với Mỹ thì không kể hết.

Chính sách của chúng ta đối với tất cả những người do chế độ cũ để lại hết sức rõ ràng. Đại đa số, kể cả những binh lính, canh sát, trong đó nhiều người đã giết hại đồng bào, đốt phá làng xóm, đều được tự do làm ăn, và Nhà nước hết sức tìm công việc làm cho họ. Nhiều quan chức cao cấp của ngục quyền, ngục quân trước đây như tổng thống, phó tổng thống, phó thủ tướng, nhiều tổng trưởng, tướng tá, được sống tự do ở thành phố hoặc quê hương của họ ngay từ ngày mới giải phóng cho đến nay. Trong lịch sử, chưa bao giờ có những người thắng trận mà lại rộng lượng như vậy. Tôi còn nhớ ở Pháp sau giải phóng năm 1944, người

ta xử bắn khá nhiều người đã hợp tác với Đức. Một số chị em có quan hệ với Đức bị cạo đầu đưa đi bêu riếu qua các phố. Đó là nước Pháp chỉ bị chiếm trong bốn năm. Giá thử Đức chiếm trong 20 năm, thì việc trả thù những người đi với địch sẽ diễn ra với một quy mô lớn biết bao nhiêu.

Lẽ tự nhiên hiện nay chúng ta tạm thời chưa thể trả tự do cho một số như những sĩ quan phản động ngoan cố, nếu thả ra là có khả năng tham gia chỉ huy những hoạt động phá hoại, thậm chí gây nội chiến; những kẻ làm tay sai cho nước ngoài vẫn ngoan cố tiếp tục hoạt động phá hoại, những tên trộm cướp lưu manh chuyên nghiệp không chịu quay trở lại cuộc đời làm ăn lương thiện.

Để quốc Mỹ rút khỏi nước ta còn để lại một lớp người khá đông đảo quen với lối sống thực dân mới của Mỹ. Họ đã quen sống trên mồ hôi và xương máu của kẻ khác. Tuy có một số đã tỏ ra cố gắng, nhưng không phải tất cả những người này đều có thể hòa nhập dễ dàng vào một chế độ xã hội trong đó mọi người đều phải sống với thành quả lao động của chính mình.

Điều khó là chuyển cả mấy triệu người trước kia quen thói buôn bán làm các nghề gọi là « dịch vụ », trở lại thành những người lao động. Đa số dần dần cũng đi theo con đường ấy thôi, nhưng không phải tất cả ai cũng đã làm như vậy. Một số sẵn vàng bạc trong tay, bị một bọn gian tà quyến rũ, nộp tiền « mại lộ » cho chúng để tìm cách trốn ra nước ngoài tiếp tục nghề buôn bán. Quyền con người của họ trước đây đã quen với việc hầu hạ trực tiếp hoặc gián tiếp cho bọn thực dân mới và tay sai; họ được trả giá bằng một cuộc sống tạm gọi là no đủ. Họ đã quen sống như vậy. Xã hội mới trao quyền con người lao động chân chính cho họ, họ chưa quen. Họ giống như già

«Giả-quế trong chùa pháp môn», người ta mời ngồi, gã nói đứng đã quen! Họ xô nhau lên lút ra đi, bắt chắp ngăn cấm. Có kẻ đã sang đến nước này nước khác, cũng có người lênh dênh mặt biển bị bọn kia lừa lọc mất hết vốn liếng, sống đời phiêu dạt, vô cùng khốn khổ. Đây chỉ là những nạn nhân của chế độ cũ, những con người đáng thương hơn là đáng trách. Trong 10 triệu người bị chiến lược tàn ác của Mỹ bóc đi khỏi quê hương trong thời chiến tranh, nay sót lại mấy chục nghìn không chịu trở về làm ăn bình thường — Con số này cũng không phải nhiều lắm. Tuyệt đại đa số nhân dân miền Nam đều đặt tình làng nghĩa nước cao hơn cuộc sống vật chất về tình vô nghĩa ở chốn tha hương. Ra đến nước ngoài, đa số tìm được nơi ăn chốn ở rồi cũng hướng về Tổ quốc. Chỉ có một số bán rẻ nhân phẩm, biến thành tay sai của đế quốc, xây dựng tổ chức

phản động và cung cấp tin tức xuyên tạc cho báo chí tư sản.

Một trăm năm thực dân cũ, nhất là 20 năm can thiệp tàn bạo của Mỹ đã để lại cho xã hội miền Nam nước ta rất nhiều bệnh tật, nay cần chăm chữa một cách hợp lý hợp tình. Đơn thuốc có hiệu nghiệm nhất vẫn là kiên quyết tiến lên chủ nghĩa xã hội, càng do dự lại càng kéo dài đau khổ.

Những người bạn chân chính của ta đã giảng trả cho bọn vu khống và xuyên tạc những đòn địch đáng. Ngay ở Pa-ri, trung tâm tòa ra những tin « vệt » nhiều nhất chống Việt-nam, Đảng cộng sản Pháp và báo *Nhân đạo* của Đảng đã vạch rõ mưu đồ đen tối của các báo chí tư sản.

Qua vụ này, càng thấy rõ tình đoàn kết giữa dân tộc Việt-nam và các lực lượng tiến bộ khắp nơi là một yếu tố quan trọng của thời đại.

CU-BA, MỘT TẤM GƯƠNG SINH ĐỘNG VỀ CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ VÔ SẢN

NGUYỄN-MINH-PHƯƠNG

DỐI với nhân dân Cu-ba, ngày 1 tháng 1 có một ý nghĩa đặc biệt. Ngày đó chẳng những là ngày mở đầu năm mới, mà còn là ngày kỷ niệm thắng lợi vẻ vang của nhân dân Cu-ba lật đổ chế độ độc tài Ba-ti-xta, tay sai của đế quốc Mỹ, lập nên Nhà nước công nông đầu tiên ở Tây bán cầu.

Năm nay, nhân dân Cu-ba anh hùng cùng với anh em và bầu bạn khắp năm châu, kỷ niệm lần thứ 20 ngày lịch sử vẻ vang của mình với một niềm phấn khởi tự hào. Mọi mưu ma, chước quỷ của tên đế quốc đầu sỏ và bọn phản động tay sai hòng dập tắt ngọn đèn pha của chủ nghĩa xã hội ở Tây bán cầu đã bị thất bại. Nước Cu-ba xã hội chủ nghĩa đã trở thành một thực tế lịch sử không thể đảo ngược. Bằng chủ nghĩa anh hùng cách mạng và lao động cần cù, sáng tạo, nhân dân Cu-ba đã liên tiếp chiến thắng thù trong, giặc ngoài, không ngừng đạt được những thành tích kỳ diệu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng trên toàn thế giới.

Cu-ba đã giành được một vị trí

đặc biệt trong trái tim của anh em, bầu bạn khắp năm châu.

Chúng ta yêu mến, cảm phục và biết ơn Cu-ba, không những vì nhân dân Cu-ba anh hùng và sáng tạo đã làm nên những chiến công kỳ diệu, mà còn vì Cu-ba là một biểu tượng đẹp đẽ của thời đại, tấm gương sinh động về chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Những ai đã có dịp sang thăm Cu-ba, hoặc tiếp xúc với người Cu-ba, đều nhận thấy tinh thần quốc tế vô sản là một tình cảm sâu đậm, tự nhiên trong mỗi con người của hòn đảo tự do này. Tình cảm ấy có cội rễ sâu xa trong lịch sử Cu-ba, là kết quả của cả một quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài của nhân dân Cu-ba.

Cu-ba là một bộ phận hợp thành của châu Mỹ la-tinh, nơi vốn có truyền thống đoàn kết quốc tế, với những vị anh hùng kiệt xuất như Xi-môn Bô-li-va (1), Xan Mác-tin (2) đã phát cở

(1) Xi-môn Bô-li-va (1783 — 1830), người Vê-nê-xu-ê-la, đã lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng Vê-nê-xu-ê-la, Cô-lôm-bi-a, E-cu-a-do, Bô-li-vi-a và một phần Pê-ru.

(2) Xan Mác-tin (1778 — 1850), người Ác-hen-ti-na, đã có công giải phóng Ác-hen-ti-na, U-ru-goay, Pa-ra-goay, một phần Pê-ru và Chi-lê.

khởi nghĩa, cầm quân giải phóng lực địa này khỏi ách thống trị thực dân phong kiến Tây-ban-nha trong những năm 1810 — 1825. Là chương cuối trong bản anh hùng ca giải phóng dân tộc, chống ách thống trị thực dân Tây-ban-nha, cách mạng Cu-ba hồi thế kỷ XIX đã kế thừa và phát huy truyền thống đó. Trong suốt hai cuộc chiến tranh chống ách thống trị của ngai vàng Ma-drít vào những năm 1868 — 1878 và 1895 — 1898, trong hàng ngũ nghĩa quân Cu-ba có người Vê-nê-xu-ê-la, Cô-lôm-bi-a, Đô-mi-ni-ca, và có cả người Ba-lan, Đức, Tiệp... Hô-xê Mác-ti, lãnh tụ của cuộc chiến tranh giải phóng Cu-ba lần thứ hai, người đã sáng lập ra nền độc lập của Cu-ba, ngay từ thuở niên thiếu đã có tư tưởng vượt ra ngoài biên giới dân tộc chật hẹp. Đối với ông, từ sông Bra-vô đến thảo nguyên Pa-ta-gô-ni-a (3), chỉ có một dân tộc, một Tổ quốc. Hô-xê Mác-ti đã tổ chức ra Đảng cách mạng Cu-ba (1892) nhằm "giải phóng cả Cu-ba và Pu-éc-tô Ri-cô". Ông đã trở thành nhà cách mạng vĩ đại không chỉ của Cu-ba, mà của cả châu Mỹ la-tinh.

Trong hơn nửa thế kỷ thay thế thực dân Tây-ban-nha thống trị Cu-ba, đế quốc Mỹ đã giở đủ mọi thủ đoạn nhưng vẫn không sao dập tắt được tinh thần đấu tranh cách mạng và tinh thần quốc tế của nhân dân Cu-ba. Lịch sử đã ghi lại nhiều biểu hiện về tinh thần quốc tế cao đẹp của nhân dân Cu-ba trong thời gian sau Cách mạng tháng Mười. Để chào mừng và tổ tình đoàn kết với nước Nga xô-viết, nhân dân Cu-ba đã lấy tên Lê-nin để đặt cho một ngọn đồi ở thủ đô La Ha-ba-na, đã tổ chức mít-tinh phản đối cuộc can thiệp vũ trang của 14 nước vào Nga xô-viết... Tháng 8-1925, khi chiếc tàu chở hàng đầu tiên của Liên-xô đến cảng La Ha-ba-na, Hu-li-ô An-tô-ni-ô Mê-gia, một trong những người sáng lập Đảng cộng sản đầu tiên của Cu-ba, đã không

quần sóng gió, bơi hàng nghìn mét ra tận con tàu, để chào mừng các thủy thủ xô-viết, bày tỏ tình cảm nồng nhiệt của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Cu-ba đối với quê hương Cách mạng tháng Mười.

Cùng với nhân dân nhiều nước khác, nhân dân Cu-ba đã sôi nổi tham gia phong trào quốc tế đoàn kết với cuộc đấu tranh của nhân dân Tây-ban-nha chống chế độ phát-xít Phô-răng-cô trong những năm 1936 — 1939. Hơn 1000 người con ưu tú của nhân dân Cu-ba đã tình nguyện sang Tây-ban-nha cùng các chiến sĩ dân chủ ở đây cầm súng chiến đấu bảo vệ chế độ cộng hòa. Nhiều người đã hiến dâng cả xương máu của mình (4), tỏ thêm truyền thống quốc tế về vang của nhân dân Cu-ba anh hùng.

Người du kích anh hùng Chê Ghe-va-ra là hình ảnh tiêu biểu về tinh chất quốc tế của cách mạng Cu-ba trước và sau ngày lật đổ chế độ độc tài Ba-ti-xta. Là một bác sĩ người Ác-hen-ti-na, Chê đã tham gia nghĩa quân Cu-ba do Phi-đen Ca-xtơ-rô lãnh đạo để giải phóng Cu-ba khỏi ách thống trị thực dân mới của đế quốc Mỹ, rồi sau đó lại sang Bô-li-vi-a giúp đỡ nghĩa quân ở đây... Dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác — Lê-nin, người thầy thuốc Ác-hen-ti-na ấy sớm hiểu rằng, để giúp đỡ nhân dân các nước trên lục địa chiến thắng các bệnh tật, thì trước hết phải giúp đỡ họ chiến thắng bóc lột, áp bức và nghèo đói đã.

Sau ngày cách mạng Cu-ba thắng lợi, với truyền thống quốc tế sẵn có,

(3) Lối nói các nhà yêu nước và cách mạng Mỹ la-tinh thường dùng để chỉ chung châu Mỹ la-tinh, phân biệt với nước láng giềng không là phương bắc là đế quốc Mỹ. Sông Bra-vô là sông ngăn cách Liên bang Mê-hi-cô và Mỹ, còn thảo nguyên Pa-ta-gô-ni-a là thảo nguyên nằm ở phần cực nam châu Mỹ.

(4) Tiêu biểu cho những người này là Pa-blô đê la Tô-ri-en-tê Bo-rau, nhà văn, người chiến sĩ cộng sản, người con ưu tú của nhân dân Cu-ba.

tại được sự quan tâm giáo dục và bồi dưỡng thường xuyên của Đảng cộng sản và đồng chí Phi-den Ca-xơ-rô kính mến, tư tưởng, tình cảm quốc tế cao đẹp đã thật sự thấm sâu vào trái tim, khối óc của mỗi người dân Cu-ba. Cu-ba ngày nay đã thật sự trở thành một biểu tượng sinh động về chủ nghĩa quốc tế vô sản: trong mỗi thắng lợi của Cu-ba có sự đóng góp của sức mạnh đoàn kết quốc tế, và ngược lại, Cu-ba đã và đang cống hiến phần quan trọng vào sự nghiệp cách mạng của nhiều dân tộc khác.

Cách mạng Cu-ba đã giành được thắng lợi ngay trên một hòn đảo nhỏ với chưa đầy 7 triệu dân và chỉ cách Mỹ có 90 dặm, vốn là nơi ăn chơi phê phỡn của bọn tỷ phú Mỹ. Cách mạng Cu-ba đã phá tan mắt xích đầu tiên trong hệ thống thuộc địa kiểu mới của đế quốc Mỹ ở Tây bán cầu, nơi vẫn được coi là sân sau an toàn của nó. Điều đó đã làm cho đế quốc Mỹ tức tối điên cuồng. Chúng đã không từ một thủ đoạn độc ác nào hòng bóp chết nước Cộng hòa trẻ tuổi. Nhưng dựa vào sức mình, dựa vào tình đoàn kết quốc tế, dựa vào hệ thống xã hội chủ nghĩa, trước hết là Liên-xô, nhân dân Cu-ba anh hùng đã vượt qua được mọi thử thách do đế quốc Mỹ gây ra. Chúng ta còn nhớ: ngày 5-7-1960 Mỹ đình chỉ việc mua 700 nghìn tấn đường, sản phẩm xuất khẩu chủ yếu của Cu-ba, thì chỉ bốn ngày sau, Liên-xô đã nhận mua hết số đường đó. Trước sự bao vây toàn diện của Mỹ đối với Cu-ba, Liên-xô đã kịp thời cung cấp cho Cu-ba nhiên liệu, lương thực, thực phẩm, máy móc, thiết bị phụ tùng... Cu-ba đã nhận được viện trợ không hoàn lại của Liên-xô về các loại vũ khí, khí tài hiện đại. Từ đất nước của Lê-nin vĩ đại, hàng chục nghìn chuyên gia các ngành đã đem đến cho nhân dân Cu-ba những biểu hiện cụ thể của tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân xô-viết. Các nước xã hội chủ nghĩa

khác, tùy điều kiện và hoàn cảnh cụ thể, cũng đã tham gia sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên ở Tây bán cầu.

Cùng với nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa, đồng đảo quần chúng ở Mỹ la tinh và trên toàn thế giới đã nhiệt liệt hưởng ứng khẩu hiệu « Ủng hộ Cu-ba, đả đảo Mỹ! » nhất là trong những lúc Cu-ba trải qua những thử thách nặng nề nhất: Mỹ phong tỏa Cu-ba về mọi mặt, Mỹ cho lính đánh thuê xâm nhập lãnh thổ Cu-ba ở bãi biển Hi-rôn (4-1961), Mỹ đe dọa trực tiếp can thiệp quân sự trong vụ khủng hoảng tên lửa (10 - 1962)... Ngay tại nước Mỹ, phong trào ủng hộ Cu-ba chống những hành động tội ác của nhà cầm quyền Mỹ cũng đã diễn ra dưới nhiều hình thức. Nổi bật là việc những người Mỹ tiến bộ tổ chức những đội sang Cu-ba tham gia xây dựng các công trình của chủ nghĩa xã hội.

Có thể nói, cách mạng Cu-ba là một trong những cuộc cách mạng đã được sự ủng hộ quốc tế rộng rãi, to lớn và mạnh mẽ. Đánh giá ý nghĩa của sự ủng hộ đó, đồng chí Phi-den Ca-xơ-rô, Bí thư thứ nhất Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước và Hội đồng bộ trưởng Cu-ba, đã khẳng định trong Báo cáo chính trị đọc trước Đại hội lần thứ nhất của Đảng, tháng 12-1975: « Chúng ta vừa nói tới những thành tựu của nhân dân ta, nhưng không thể có được những thành tựu đó nếu không có vai trò nổi bật của tình đoàn kết quốc tế. Không có sự giúp đỡ kiên định và hào hiệp của nhân dân Liên-xô, Tổ quốc ta đã không thể tồn tại trước chủ nghĩa đế quốc... Cố gắng của Liên-xô đã được các nước xã hội chủ nghĩa khác góp sức thêm tùy theo khả năng của mình ».

Qua kinh nghiệm bản thân, thẩm thía hơn ai hết thế nào là giá trị của tình đoàn kết quốc tế, Đảng và Nhà nước Cu-ba, đứng đầu là đồng chí

Phi-den Ca-xơ-rô kính mến, đã đề ra và không ngừng thực hiện một đường lối đối ngoại sáng ngời những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản : đoàn kết chặt chẽ với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, đoàn kết với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, đoàn kết với phong trào giải phóng dân tộc, phong trào không liên kết, tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh chung chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa xi-ôn, a-pác-thai, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội...

Đảng cộng sản Cu-ba và đồng chí Phi-den Ca-xơ-rô luôn luôn quan tâm giáo dục tinh thần quốc tế cho nhân dân Cu-ba. Ngày 3-10-1965, phát biểu trong buổi lễ long trọng giới thiệu Ban chấp hành trung ương Đảng vừa thành lập, đồng chí Phi-den Ca-xơ-rô đã nói : « Chúng ta cần phải giáo dục cho nhân dân ta ý thức đối với nghĩa vụ quốc tế. Đảng ta đã làm tốt nhiệm vụ đó... Trong trái tim mỗi người con của đất nước này đang lớn lên tư tưởng coi những dân tộc khác bị đế quốc bóc lột và áp bức trên thế giới, là những người anh em ruột thịt của mình... ».

Thật vậy, chủ nghĩa quốc tế vô sản cao đẹp đã trở thành một nội dung giáo dục hằng ngày trong toàn xã hội Cu-ba. Tinh yêu Tổ quốc, chủ nghĩa xã hội, lòng tự hào dân tộc, luôn luôn được bồi dưỡng gắn liền với tinh thần quốc tế vô sản. Những công dân của nước Cộng hòa Cu-ba đã được tiếp thụ nền giáo dục đó ngay từ khi còn ở tuổi nhà trẻ. Lớn lên, ở nhà trường hay ở đường phố, ở cơ quan hay ở cơ sở sản xuất, ở đơn vị quân đội hay trong các đoàn thể quần chúng, ở đâu người Cu-ba cũng được quan tâm bồi dưỡng theo tinh thần ấy. Trên đất nước tràn ngập nhiệt tình cách mạng này, hầu như không có một phong trào, một hoạt động

lớn nào lại không mang nội dung tinh thần quốc tế. Ngược lại, không một hoạt động đoàn kết quốc tế nào ở trong nước lại không góp phần thúc đẩy sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Người Cu-ba ở trong nước khi làm bất cứ việc gì, kể cả lúc học tập ở nhà trường, đều làm với ý thức không phải chỉ vì dân tộc mình mà còn vì các dân tộc anh em khác. Còn người Cu-ba khi đi làm nghĩa vụ quốc tế, họ luôn luôn hiểu rằng giúp đỡ các dân tộc khác cũng chính là giúp đỡ dân tộc mình. Cho nên, có thể khẳng định, tình cảm quốc tế đã thật sự trở thành một tiêu chuẩn đạo đức, một động lực mạnh mẽ trong mỗi con người Cu-ba. Chính vì vậy, chúng ta có thể hiểu được vì sao nhân dân Cu-ba lại khảng khái, hào hiệp, vui vẻ tự nguyện rút bớt khẩu phần lương của mình để tặng nhân dân Chi-lê anh em ; vì sao cả một biên người ở Quảng trường cách mạng Hồ-xê Mác-ti trong cuộc mít-tinh trọng thể chào mừng Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ ta do Thủ tướng Phạm-Văn-Đồng dẫn đầu sang thăm Cu-ba tháng 3-1974, đã nhất tề giơ cao tay tỏ ý xin được đi, khi đồng chí Phi-den Ca-xơ-rô hỏi những ai muốn sang giúp Việt-nam xây dựng lại đất nước mười lần to đẹp hơn ; vì sao mỗi lần cần có những người thực hiện một nhiệm vụ quốc tế nào đó, người ta đã phải lựa chọn, bình bầu đôi khi khá « gay go », vì số người tình nguyện bao giờ cũng nhiều hơn gấp bội so với số người cần thiết. Và hai chục năm nay, kể từ ngày cách mạng Cu-ba thành công, biết bao người con ưu tú của nhân dân Cu-ba đã ra đi như vậy, đem mồ hôi, xương máu của mình góp phần vào sự nghiệp cách mạng và xây dựng ở các nước như Chi-lê, Bô-li-vi-a, Cô-lôm-bi-a, An-giê-ri, Ghi-nê, Công-gô, Cáp ve, Mô-dâm-bích, Ghi-nê Bít-xao, Ăng-gô-la, Ê-ti-ô-pi-a, Nam Yê-men... Tinh đoàn kết chiến đấu, sự ủng hộ mạnh mẽ, kịp thời, sự giúp đỡ to lớn,

toàn diện và có hiệu quả của Cu-ba đối với Ăng-gô-la, Ê-ti-ô-pi-a, là một nhân tố rất quan trọng góp phần làm cho cách mạng các nước này tiến tới thắng lợi rực rỡ như ngày nay. Rồi đây, lịch sử chắc chắn sẽ ghi lại với những dòng chữ vàng chói lọi, những chiến công vẻ vang của các chiến sĩ quốc tế Cu-ba anh hùng, những người đã làm rạng rỡ thêm ngọn cờ chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Nói đến tinh thần quốc tế vô sản trong sáng của nhân dân Cu-ba, chúng ta không thể không nói đến tình đoàn kết chiến đấu và sự giúp đỡ hết lòng mà Đảng, Chính phủ, nhân dân Cu-ba, và đặc biệt là đồng chí Phi-den Ca-xtơ-rô kính mến, đã dành cho nhân dân Việt-nam chúng ta. Chúng ta mãi mãi ghi nhớ với lòng biết ơn vô hạn Cu-ba là nước đầu tiên trên thế giới đã công nhận Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt-nam, là nước đầu tiên trên thế giới đã thành lập Ủy ban đoàn kết với Việt-nam trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước. Cu-ba đã thật sự góp phần quan trọng thúc đẩy phong trào thế giới đoàn kết với Việt-nam. Cùng với hoạt động kịp thời ủng hộ mạnh mẽ Việt-nam trên phạm vi quốc tế, Cu-ba có cả một phong trào quần chúng sâu rộng ở cơ sở với hơn 25 000 tổ nghiên cứu về Việt-nam đã liên tục hoạt động trong mười mấy năm. Chúng ta mãi mãi không quên những thầy thuốc, những thủy thủ, những kỹ sư, công nhân từ quê hương của Hô-xê Mác-ti và Phi-den Ca-xtơ-rô, với tinh thần « vì Việt-nam, Cu-ba sẵn sàng hiến dâng cả máu của mình » (Phi-den Ca-xtơ-rô, ngày 2-1-1966), đã đến công tác bên cạnh chúng ta ngay trong những ngày cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ diễn ra ác liệt nhất vào năm 1972! Mặc dù còn phải trải qua nhiều khó khăn do chính sách bao vây và phá hoại của đế quốc Mỹ, Đảng và Chính phủ Cu-ba vẫn dành cho chúng ta sự giúp đỡ vô cùng quý báu trong công cuộc xây dựng cơ sở vật chất kỹ

thuật của chủ nghĩa xã hội. Đặc biệt, các công trình do « Đoàn xây dựng quốc tế Hồ-Chí-Minh » và các cơ sở kinh tế khác của Cu-ba giúp ta, mãi mãi là những bông hoa tươi thắm của mối tình hữu nghị, đoàn kết anh em Cu-ba - Việt-nam. Ngày nay, trong tình hình mới, trước chính sách bành trướng và bá quyền nước lớn của bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh, theo sáng kiến của đồng chí Phi-den Ca-xtơ-rô, Ủy ban Cu-ba đoàn kết với Việt-nam đã được lập lại. Bởi vì, như đồng chí Phi-den Ca-xtơ-rô đã nhấn mạnh, « Việt-nam, Tổ quốc của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh kính mến không thể nào quên, nhà mác-xít - lê-ni-nít khiêm tốn và triệt để nhất trong thời đại chúng ta, Việt-nam, một dân tộc nghìn lần anh hùng mà những chiến công yêu nước và cách mạng đã làm thế giới phải kinh ngạc, nay cũng là nạn nhân của sự tiến công và sự phân bội của Trung-quốc ». Đồng chí Phi-den Ca-xtơ-rô còn vạch rõ: « Trong những tội ác của giới lãnh đạo Trung-quốc thì tội ác ghê tởm nhất là thái độ thù địch của họ đối với Việt-nam ». « Nếu không kịp thời ngăn chặn bàn tay tội ác đó thì chúng ta sẽ là những người chứng kiến các cuộc khiêu khích và sự xâm lược quan trọng nhất của Trung-quốc chống nhân dân Việt-nam anh hùng. Vì vậy chúng ta cần phải dành cho nhân dân Việt-nam tình đoàn kết và sự ủng hộ kiên quyết nhất » (26-7-1978).

Không phải ngẫu nhiên, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế đang điên cuồng công kích Cu-ba. Chúng căm tức trước ảnh hưởng ngày càng tăng của nước Cu-ba xã hội chủ nghĩa trên trường quốc tế, nhất là sau một loạt sự kiện ở Ăng-gô-la, Ê-ti-ô-pi-a, Việt-nam... Nhưng càng công kích Cu-ba, chúng chỉ càng làm cho loài người tiến bộ thêm tự hào về những thành tích kỳ diệu mà Cu-ba đã đạt được. Trong 20 năm qua, trước mọi sức ép của chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động, Cu-ba không những đứng

vững mà còn lớn mạnh không ngừng. Nhân dân Cu-ba không những giành được những thắng lợi to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, mà còn thực hiện xuất sắc nghĩa vụ quốc tế của mình, góp phần thúc đẩy bánh xe lịch sử tiến lên.

Không nghi ngờ gì nữa, đúng như Đảng và Nhà nước Cu-ba luôn luôn nhấn mạnh, những thắng lợi của cách mạng Cu-ba cũng chính là những thắng lợi của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản. Xuất phát từ nhận thức đúng đắn coi cách mạng Cu-ba là một bộ phận của cách mạng thế giới, Đảng cộng sản Cu-ba do đồng chí Phi-đen Ca-xtơ-rô đứng đầu, luôn luôn nêu cao tinh thần độc lập tự chủ kết hợp chặt chẽ với chủ nghĩa quốc tế trong mọi đường lối, chủ trương. Nắm vững chân lý của thời đại là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, Đảng và Nhà nước Cu-ba ngay từ đầu đã dựa hẳn vào hệ thống xã hội chủ nghĩa, trước hết là Liên-xô, trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, chống kẻ thù trực tiếp và cũng là kẻ thù chung và chủ yếu của loài người tiến bộ là đế quốc Mỹ. Và cũng chính vì vậy, Cu-ba đã tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ rộng rãi của loài người tiến bộ, sử dụng được sức mạnh của ba đồng minh cách mạng của thời đại. Sức mạnh dân tộc cộng với sức mạnh thời đại được phát huy

đến mức cao nhất, đó chính là nguồn gốc của những thắng lợi to lớn mà cách mạng Cu-ba đã giành được trong 20 năm qua.

Dưới sự lãnh đạo đúng đắn và sáng tạo của Đảng cộng sản Cu-ba do đồng chí Phi-đen Ca-xtơ-rô đứng đầu, trên cơ sở những thắng lợi to lớn đã giành được, nhân dân Cu-ba nhất định sẽ giành được những thắng lợi to lớn hơn nữa trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới, làm rạng rỡ hơn nữa những tư tưởng vĩ đại của chủ nghĩa Mác-Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 20 ngày cách mạng Cu-ba thành công, chúng ta vô cùng phấn khởi được chia sẻ niềm vui với nhân dân Cu-ba anh em về những thắng lợi to lớn đã đạt được. Từ đáy lòng, chúng ta xin bày tỏ một lần nữa, lòng biết ơn sâu sắc đối với sự ủng hộ và giúp đỡ chí tình trên tinh thần quốc tế vô sản trong sáng mà Đảng, Chính phủ và nhân dân Cu-ba đã và đang dành cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Chúng ta tin tưởng vững chắc rằng mối quan hệ anh em Việt-nam - Cu-ba được tôi luyện qua thực tế đấu tranh vĩ đại chống kẻ thù chung, vì thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, sẽ ngày càng nở hoa, kết trái và đời đời tươi thắm!

КОММУНИСТИЧЕСКИЙ ЖУРНАЛ № 1—1979г.

ПЕРЕДОВАЯ — Успешно осуществить революционные задачи 1979г
КОММУНИСТИЧЕСКИЙ ЖУРНАЛ — Великая победа героического
кампучийского народа. ЛЕ—ЗУАН—Продолжать изучение и создание
военной теории вьетнама. ТО — ХЫУ — Приложить все силы чтобы
партийные конференции всех уровней достигли наилучшего результата.
+ ТХАО—ХИЕН — Что получают зачинщики войны? + НГУЕН —
КХАК—ВЬЕН — Суть вопроса прав человека. + НГУЕН — МИНЬ —
ФЫОНГ — Куба — живой пример пролетарского интернационализма.

• • •

REVIEW OF COMMUNISM № 1 — 1979

Editorial — Fulfil the revolutionary tasks of 1979. **Review of Communism** — The great victory of the heroic Kampuchean people. *LÊ-DUÂN* — Let us continue our studies to elaborate a Vietnamese military theory. *TỔ-HỮU* — Strive to bring the best results to congresses of Party committees at all levels. *THAO-HIÊN* — What results have they reaped since they took matters in hand directly? *NGUYỄN-KHẮC-VIỆN* — The gist of the human rights problem. *NGUYỄN-MINH-PHƯƠNG* — Cuba, a vivid example of proletarian internationalism

• •

REVUE DU COMMUNISME № 1 — 1979

Editorial — Efforçons — nous de mener à bonne fin les tâches politiques de 1979. **Revue du Communisme** — Victoire grandiose du peuple kampuchéen héroïque. *LÊ-DUÂN* — Poursuivons des recherches en vue d'édifier la théorie militaire vietnamienne. *TỔ-HỮU* — Luttons pour la pleine réussite des conférences du Parti à tous les échelons. *THAO-HIÊN* — Qu'espèrent — ils obtenir en passant directement à l'action? *NGUYỄN-KHẮC-VIỆN* — L'essence du droit de l'homme. *NGUYỄN-MINH-PHƯƠNG* — Cuba — exemple vivant de l'internationalisme prolétarien.

• • •

REVISTA DEL COMUNISMO № 1 — 1979

Editorial — A cumplir optimamente las tareas revolucionarias del año 1979. **Revista del Comunismo** — Grandiosa victoria del heroico pueblo de Kampuchea. *LÊ-DUÂN* — Seguir ahondando en el estudio y la elaboración de la teoría militar de Viet-nam. *TỔ-HỮU* — Dar esfuerzo por lograr mejores resultados en los Congresos del Partido de todas las instancias. *THAO-HIÊN* — Qué han ganado a partir de su directa actuación? *NGUYỄN-KHẮC-VIỆN* — La esencia del problema «Derecho del hombre». *NGUYỄN-MINH-PHƯƠNG* — Cuba, un vivo ejemplo sobre el internacionalismo proletario.

• • •

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 1

1979

NĂM THỨ XXV (277)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :

1, Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Điện thoại: 52061, 52062

TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRƯỞNG
TẠI MIỀN NAM :

40, Trần - Cao - Vân, TP Hồ-Chí-Minh

Điện thoại: 20060, 25768

MỤC LỤC

Xã luận – Hãy làm tốt những nhiệm vụ cách mạng của năm 1979	1
★ ★ ★ – Thắng lợi vĩ đại của nhân dân Cam-pu-chia anh hùng	10
LÊ-DUẦN – Tiếp tục nghiên cứu xây dựng lý luận quản sự Việt-nam	13
TỔ-HỮU – Phấn đấu đề Đại hội đảng bộ các cấp đạt kết quả tốt nhất	23
CHẾ-VIỆT-TẤN – Dùng hết lao động và đất đai đưa nền kinh tế nước ta tiến lên trong năm 1979	37
BÙI-SAN – Bình-trị-thiên bước đầu cải tiến công tác lãnh đạo và tổ chức chỉ đạo thực hiện	45
PHẠM-ĐÌNH-TẤN – Thực hiện đúng đắn chế độ quản lý bảo đảm quyền làm chủ tập thể của các hợp tác xã nông nghiệp	53
Nghiên cứu ★ HỒNG GIAO – Về tình hình sở hữu ruộng đất, máy móc và cơ cấu các tầng lớp xã hội ở nông thôn Nam-bộ	61
THAO-HIỀN – Họ được gì từ khi trực tiếp ra tay?	72
NGUYỄN-KHẮC-VIỆN – Thực chất vấn đề quyền con người	77
NGUYỄN-MINH-PHƯƠNG – Cu-ba, một tấm gương sinh động về chủ nghĩa quốc tế vô sản	83

710217 流通圖書公司
PRINTING SERVICE

Tìm đọc:

LÊ - DUẤN

Về xây dựng Đảng



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Chi số: 12651

Giá: 0đ. 0

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT - NAM

AIN/UC-B



2

2.1979

LỜI HỒ CHỦ TỊCH

Với tất cả tinh thần khiêm tốn của người cách mạng, chúng ta vẫn có quyền nói rằng: Đảng ta thật là vĩ đại.

Đảng ta có thể tự hào là người kế tục những truyền thống vẻ vang của dân tộc ta, là người mở đường cho nhân dân ta tiến lên một tương lai rực rỡ.

Thành công của Đảng ta là ở nơi Đảng ta đã tổ chức và phát huy lực lượng cách mạng vô tận của nhân dân, đã lãnh đạo nhân dân phấn đấu dưới lá cờ tất thắng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin.

Đảng ta là đảng cách mạng, là đảng lãnh đạo. Ngoài lợi ích của nhân dân và của giai cấp công nhân, Đảng ta không có lợi ích nào khác.

Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở các tỉnh miền Nam

VÕ-CHÍ-CÔNG

I

 ĐẾN nông nghiệp nước ta, trong hơn hai mươi năm qua, phát triển trong một hoàn cảnh đặc biệt. Ở miền Bắc, nông nghiệp đã đi vào con đường hợp tác hóa từ lâu, tiến dần lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Trong khi đó, ở miền Nam, nông nghiệp cũng trải qua những biến đổi quan trọng và bắt đầu phát triển dưới ảnh hưởng của chủ nghĩa thực dân mới. Chế độ sở hữu phong kiến về ruộng đất đã bị xóa bỏ về cơ bản trong quá trình kháng chiến và sau khi miền Nam được giải phóng. Kinh tế hàng hóa nhỏ của nông dân có điều kiện phát triển. Sản xuất nông nghiệp ở một số vùng bắt

dầu chuyên môn hóa và sử dụng máy móc, gắn liền với sự ra đời và phát triển của quan hệ tư bản chủ nghĩa ở nông thôn. Tuy vậy, nhìn chung, nông nghiệp miền Nam chủ yếu vẫn là sản xuất nhỏ.

Sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, việc xây dựng chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động và việc đưa nông nghiệp tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa gặp phải trở ngại là chế độ sở hữu cá thể về ruộng đất và sự bóc lột trong nông thôn.

Thực tiễn chỉ rõ rằng nền kinh tế cá thể của nông dân miền Nam ngày càng bộc lộ những mặt tiêu

cực của nó. Việc tổ chức lại sản xuất nông nghiệp, làm thủy lợi, áp dụng khoa học kỹ thuật, kế hoạch hóa, làm quy hoạch v.v. đang gặp những trở ngại là chế độ tư hữu nhỏ của nông dân. Bởi vì chế độ tư hữu nhỏ ngăn cản việc tập trung ruộng đất, tiến hành sản xuất tập thể quy mô lớn đi lên theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Rõ ràng những trở ngại trên đây chỉ có thể khắc phục bằng việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, đưa nông dân đi vào con đường hợp tác hóa, và việc này phải được tiến hành một cách tích cực, khẩn trương. Nếu vẫn duy trì quan hệ sản xuất cũ thì những mặt tiêu cực sẽ càng phát triển, nông thôn miền Nam sẽ đi theo con đường tự phát tư bản chủ nghĩa. Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp miền Nam, vì vậy, là *yêu cầu khách quan và cấp bách*.

Cần nhận thức sâu sắc rằng, sau khi thoát khỏi quan hệ thực dân và phong kiến, nông dân đã có ruộng đất và trở thành người chủ nông thôn, thì không thể dừng lại một thời gian để phát triển kinh tế tiểu nông, càng không thể để tự phát tiến theo con đường tư bản chủ nghĩa. Điều kiện lịch sử đã cho phép và đòi hỏi phải đưa ngay nông dân tiến lên chủ nghĩa xã hội, đưa nông nghiệp tiến thẳng lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Đó là vấn đề có tính quy luật của quá trình

từ sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, chính quyền đã về tay nhân dân lao động và chuyển sang làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản, thì không thể không chuyển ngay từ làm chủ về chính trị tiến lên *làm chủ tập thể về kinh tế*. Do đó, phải tiến hành ngay cải tạo xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ bóc lột, cải tạo chế độ sở hữu cá thể của nông dân, xác lập chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. Nếu do dự và dừng lại trước ngưỡng cửa của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, thậm chí muốn duy trì và phát triển kinh tế hàng hóa nhỏ của nông dân, thì sẽ rơi vào tư tưởng cách mạng nửa vời.

Xuất phát từ sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, phải tiến hành *công nghiệp hóa* để đưa nền kinh tế từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Cũng vì vậy, phải gấp rút *đưa nông nghiệp tiến lên sản xuất lớn, làm cơ sở để phát triển công nghiệp và đáp ứng nhu cầu cấp bách về đời sống của nhân dân*. Chậm cải tạo nông nghiệp là kìm hãm nông nghiệp trong tình trạng sản xuất nhỏ. Chậm tiến hành cải tạo nông nghiệp thì nông dân sẽ tiếp tục bị phân hóa. Lê-nin đã chỉ rõ: « Muốn cứu nông dân mà lại di bảo vệ kinh tế tiểu nông và chế độ tư hữu chống lại sự

xâm nhập của chủ nghĩa tư bản, tức là tri hoãn một cách vô ích sự tiến hóa xã hội, là lừa dối nông dân bằng cách làm cho họ tưởng có thể sống sung sướng được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, là chia rẽ các giai cấp cần lao bằng cách bảo đảm cho một số ít người được hưởng đặc quyền, đặc lợi, trên lưng của đa số (1).

Con đường duy nhất để hoàn toàn giải phóng nông dân và nông nghiệp là đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ mọi hình thức bóc lột, tiến hành hợp tác hóa, đưa nông dân tiến lên chủ nghĩa xã hội, đưa nông nghiệp tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Đó là con đường đưa nông nghiệp miền Nam thoát ra khỏi nghèo nàn, lạc hậu, đồng thời tránh cho nông dân thoát khỏi con đường tự phát tư bản chủ nghĩa.

Đương nhiên, không thể tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp, nếu trước hết không giải phóng nông nghiệp thoát khỏi các quan hệ bóc lột. Ở nông thôn miền Nam, có những vùng vẫn tồn tại quan hệ bóc lột. Bởi vì chế độ chiếm hữu của địa chủ phong kiến về ruộng đất chưa có điều kiện xóa bỏ triệt để, do đó ở nông thôn còn có những tàn dư của chế độ chiếm hữu ruộng đất và bóc lột của địa chủ phong kiến. Mặt khác, trên cơ sở kinh tế hàng hóa, chủ nghĩa tư bản đã bước đầu phát triển ở nông thôn đi đôi với việc đưa máy móc vào nông nghiệp. Vì vậy, bên cạnh nông

dân lao động mà đa số là trung nông, có một số phú nông và tư sản nông thôn. Số này tuy ít, nhưng có thể lực về kinh tế. Ở những vùng có nhiều phú nông và tư sản nông thôn, một phần quan trọng ruộng đất và hầu hết các máy móc nông nghiệp lớn, một số trâu bò cày kéo, phần lớn nông sản hàng hóa nằm trong tay họ. Với mức độ khác nhau ở từng nơi, nhất là ở nơi tập trung nhiều máy móc nông nghiệp lớn, họ đang chi phối sản xuất và bóc lột nông dân lao động. Nói chung, phú nông và tư sản nông thôn có nhiều phản ứng tiêu cực đối với việc thi hành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Phú nông và tư sản nông thôn là thế lực duy trì con đường phát triển tư bản chủ nghĩa, là trở ngại lớn nhất đối với phong trào hợp tác hóa nông nghiệp hiện nay. Trong điều kiện đó muốn hợp tác hóa nông nghiệp thì phải xóa bỏ sự bóc lột của phú nông và tư sản nông thôn, nếu không, thì như Lê-nin đã chỉ rõ: «hợp tác xã ấy, chỉ là ảo tưởng, lãng mạn, thậm chí tầm thường, bởi vì nó mơ mộng biến kẻ thù giai cấp thành người bạn giai cấp, biến đấu tranh giai cấp thành hòa bình giai cấp (thành một thứ hòa bình bên trong, như người ta từng gọi), bằng biện pháp đơn giản tập hợp

(1) V. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1962, tập 4, trang 541.

nhân dân trong các hợp tác xã» (2). Cho nên cần xác định lập trường quan điểm giai cấp công nhân cho cán bộ và đảng viên. Đây là một nhân tố rất quan trọng. Vì có xác định lập trường quan điểm của giai cấp công nhân thì mới xóa bỏ được sự bóc lột ở nông thôn và làm cho phong trào hợp tác hóa nông nghiệp phát triển. Thực tiễn ngày càng chỉ rõ rằng không kiên quyết xóa bỏ bóc lột ở nông thôn thì không thể phát huy quyền làm chủ tập thể của nông dân lao động để tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp. Vì vậy, cần phải thấu suốt và thực hiện nghiêm chỉnh chủ trương của Trung ương Đảng về việc «*Nắm vững và đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp miền Nam*» (chỉ thị số 43/CT-TU). Nhiệm vụ trước mắt ở nông

thôn các tỉnh miền Nam hiện nay là: «*Phải tiếp tục tiến hành cách mạng ở nông thôn, kiên quyết xóa bỏ bóc lột của phú nông và tư sản nông thôn, triệt để xóa bỏ tàn dư bóc lột của địa chủ phong kiến; thật sự phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động; đẩy mạnh công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, mở rộng xây dựng các tập đoàn sản xuất, làm thí điểm và từng bước mở rộng xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp; đẩy mạnh sản xuất, từng bước nâng cao đời sống của nông dân và tích cực làm mọi nghĩa vụ đối với Nhà nước; chấn chỉnh và củng cố các tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng, bảo đảm trật tự an ninh ở nông thôn miền Nam*» (Chỉ thị số 57-CT/TU).

II

Sự tồn tại của các quan hệ bóc lột ở nông thôn dựa trên cơ sở chế độ chiếm hữu phong kiến và tư bản chủ nghĩa về ruộng đất. Xóa bỏ những tàn dư của chế độ chiếm hữu phong kiến về ruộng đất là nhằm xóa bỏ hoàn toàn ách áp bức bóc lột của giai cấp địa chủ đối với nông dân, thực hiện triệt để khẩu hiệu «*người cày có ruộng*» đưa toàn bộ ruộng đất về tay nông dân lao động. đương nhiên đó chưa phải là cách mạng xã hội chủ nghĩa mà là tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ

của cách mạng dân chủ trong điều kiện cách mạng đã chuyển sang giai đoạn xã hội chủ nghĩa. Nhiệm vụ đó càng sớm hoàn thành và hoàn thành triệt để thì càng có điều kiện thuận lợi để đưa nông dân tiến lên chủ nghĩa xã hội. Sự chuyển biến nhanh chóng và mạnh mẽ của phong trào hợp tác hóa ở một số tỉnh miền Nam là do ngay từ đầu đã kịp thời xóa

(2) V. Lê-nin: *Bàn về chế độ hợp tác*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1955, trang 16.

bỏ tàn dư phong kiến, xóa bỏ sự bóc lột của phú nông và tư sản nông thôn, đưa nông dân đi ngay vào làm ăn tập thể. Nhờ đó phong trào hợp tác hóa ở đây phát triển tốt. Hiện nay, việc xóa bỏ những tàn dư bóc lột phong kiến ở một số nơi tiến hành chưa triệt để. Vì vậy, cần phải kiểm tra lại đề *giải quyết hết ruộng đất của địa chủ phong kiến hiện còn phát canh thu tô*, kê cả những cơ sở tôn giáo còn chiếm giữ nhiều ruộng đất, chấp hành đúng chính sách của Chính phủ về ruộng đất để lại cho tôn giáo.

Chế độ chiếm hữu về ruộng đất của *phú nông và tư sản nông thôn* là cơ sở của phương thức kinh doanh và bóc lột tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp. Phú nông và tư sản nông thôn là những người chiếm hữu nhiều ruộng đất và các tư liệu sản xuất khác, tuy họ có trực tiếp lao động, song nguồn thu nhập của họ chủ yếu dựa vào thuê mướn nhân công, kinh doanh theo phương thức tư bản chủ nghĩa. Số ruộng đất chiếm hữu vượt quá nhiều so với sức lao động của gia đình họ, đã trở thành công cụ bóc lột. Còn những nông dân lao động vì không có hoặc thiếu ruộng đất đã phải làm thuê cho họ và bị bóc lột. Vì vậy cần phải xóa bỏ phần ruộng đất chiếm hữu tư bản chủ nghĩa của phú nông và tư sản nông thôn nhằm xóa bỏ bóc lột giai cấp ở nông thôn, mở đường cho phú nông và tư sản nông thôn trở

thành người nông dân lao động và lao động tập thể.

Ruộng đất do kết quả xóa bỏ bóc lột đem lại thì đem chia cho những hộ nông dân không có hoặc thiếu ruộng đất sử dụng hoặc những hộ làm nghề khác nay tự nguyện lao động nông nghiệp. Đương nhiên, việc chia cấp ruộng đất cho nông dân không có nghĩa là duy trì và phát triển chế độ tư hữu về ruộng đất, khuyến khích làm ăn cá thể. Trái lại, đó là một bước cần thiết điều chỉnh lại ruộng đất, xóa bỏ hoặc giảm bớt mức chênh lệch về sở hữu ruộng đất trong nội bộ nông dân lao động, tạo điều kiện thuận lợi để tiến hành tập thể hóa ruộng đất. Vì vậy, số ruộng đất chia cho từng hộ cần được công bố rõ ràng, đồng thời vận động mọi người *đi ngay vào làm ăn tập thể, thành lập ngay các tập đoàn sản xuất hoặc hợp tác xã nông nghiệp, không hề chậm và không nên dừng lại ở tổ đoàn kết sản xuất*. Như vậy là tiếp ngay sự chuyển biến từ người nông dân làm thuê thành người nông dân tự do là bước nhảy vọt từ người nông dân cá thể thành người nông dân tập thể, xác lập chế độ sở hữu tập thể xã hội chủ nghĩa về ruộng đất.

Máy móc nông nghiệp thuộc sở hữu của phú nông và tư sản nông thôn là cơ sở kỹ thuật của phương thức sản xuất kinh doanh tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp. Tầng lớp phú nông và tư sản

nông thôn nắm giữ hầu hết những máy móc lớn và chi phối quá trình sản xuất nông nghiệp và bóc lột nông dân lao động. Vì vậy xóa bỏ chế độ chiếm hữu tư bản chủ nghĩa về máy móc nông nghiệp là vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với việc xóa bỏ chế độ bóc lột tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp. Việc thực hiện chính sách xóa bỏ phương thức kinh doanh tư bản chủ nghĩa về máy móc nông nghiệp của phú nông và tư sản nông thôn phải gắn liền với tập thể hóa máy móc nông nghiệp của nông dân lao động và *tổ chức thành các đơn vị chuyên doanh máy móc nông nghiệp*, thu hút những người lao động lái máy và sửa chữa máy vào các đơn vị chuyên doanh máy.

Các đơn vị chuyên doanh máy móc nông nghiệp là *tổ chức tập thể* của những người lao động lái máy, sửa chữa máy, có nghiệp vụ quản lý máy móc, kể cả chủ máy sau khi đã trở thành người lao động tập thể. Tổ chức này mua lại máy của chủ máy để kinh doanh chung, quyền sở hữu máy thuộc về tập thể, thực hiện phân phối theo lao động. Nơi chưa có điều kiện thì có thể thành lập *tổ hợp máy* của những người chủ máy kinh doanh chung, có sự chỉ đạo chặt chẽ của Nhà nước và chuyển dần lên hình thức sở hữu tập thể. Đối với những đơn vị chuyên doanh máy móc lớn tổ chức theo từng xã hoặc liên xã do huyện trực tiếp quản lý, sau

này sẽ chuyển thành tổ chức quốc doanh. Đối với những máy vừa và nhỏ, kể cả trâu bò cày kéo thì tổ chức thành các đội chuyên doanh tập thể trực thuộc cấp xã hoặc ban quản lý các tập đoàn sản xuất, sau này sẽ trở thành đội chuyên môn của hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Cần xây dựng và củng cố các trạm máy kéo quốc doanh — trạm sửa chữa ở huyện làm nhiệm vụ chỉ đạo hướng dẫn và kiểm soát các tổ chức chuyên doanh máy, tổ chức và quản lý tốt các đơn vị chuyên doanh máy.

Trong việc xóa bỏ chế độ chiếm hữu tư bản chủ nghĩa về ruộng đất của phú nông và tư sản nông thôn, cần áp dụng đúng đắn chính sách của Đảng và Nhà nước. Đối với số ruộng đất thừa so với lao động của gia đình họ, chủ yếu là vận động thuyết phục cho họ *hiến*, trong trường hợp họ không chịu hiến thì *mua*. Đối với máy móc nông nghiệp của phú nông và tư sản nông thôn thì vận động thuyết phục để họ *bán lại* cho tổ chức kinh doanh tập thể trong đó có họ tham gia, trong trường hợp họ không chịu thì mới dùng biện pháp *trưng mua*. Đối với những hộ phú nông và tư sản nông thôn có vấn đề chính trị phản động, hoặc nguồn gốc của ruộng đất, máy móc là do chiếm đoạt, thì *tịch thu* hoặc *trưng thu*.

Cần phân biệt rõ, tránh nhầm lẫn giữa trung nông lớp trên với phú nông và tư sản nông thôn. *Trung*

nông lớp trên là những người tuy có phần thu nhập bằng thuê mướn nhân công hoặc kinh doanh máy móc nông nghiệp, trâu bò cày kéo, nhưng nguồn thu nhập của họ dựa vào sức lao động tự làm là chính. Họ là nông dân lao động, vì cơ bản họ là người lao động, nhiều người vốn là nông dân nghèo được cách mạng đem lại ruộng đất và gắn bó với cách mạng. Đối với số ruộng đất không

đủ sức tự làm của họ thì cần vận động thương lượng để họ nhường bớt số ruộng đó; về máy móc thì vận động thuyết phục họ đưa vào kinh doanh tập thể, hoặc để họ tham gia tổ chức kinh doanh chung của các chủ máy.

Đi đôi với việc xóa bỏ bóc lột dựa trên chế độ chiếm hữu về ruộng đất và máy móc, cần xóa bỏ tình trạng *cho vay nặng lãi* ở nông thôn.

III

Hợp tác hóa nông nghiệp ở miền Nam *phải đi từ thấp đến cao, từ nhỏ đến lớn, thích hợp với từng vùng, bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi, quản lý dân chủ và phải phát huy quyền làm chủ tập thể của nông dân lao động*. Khi bắt đầu, nông nghiệp còn là sản xuất cá thể, phân tán và tự phát thì cần có hình thức quá độ, đơn giản, dễ tập hợp đông đảo nông dân vào tổ chức, qua đó mà tiến hành giáo dục và hướng dẫn nông dân bắt đầu làm quen với lao động tập thể, sản xuất theo yêu cầu của kế hoạch chung và đặt quan hệ với Nhà nước trong việc mua vật tư và bán nông sản. Kinh nghiệm nhiều địa phương đã tổ chức những hình thức tổ đoàn kết sản xuất, tổ đổi công, để làm ăn tập thể phù hợp với lúc bắt đầu hợp tác hóa nông nghiệp. Hình thức đó là bước tập dượt quần chúng, đào tạo cán bộ, thúc đẩy sản xuất và

chuẩn bị cho việc hợp tác hóa nông nghiệp. Tuy nhiên, hình thức trên đây chỉ có tác dụng lúc ban đầu. Nếu duy trì, kéo dài hình thức này mà không tiến lên lập đoàn sản xuất hay hợp tác xã thì chỉ có lợi cho người nhiều ruộng đất, có máy móc, thậm chí bị lũng đoạn bởi bọn bóc lột, đầu cơ. Mặt khác, cần thấy rằng đây là hình thức quá độ đi tới giải quyết mâu thuẫn giữa sở hữu cá thể và sở hữu tập thể, do đó phải tích cực, khẩn trương chuẩn bị tiến lên tập đoàn sản xuất hoặc hợp tác xã, không thể chần chừ.

Ở những vùng mà ruộng đất chủ yếu là ruộng đất công chia cho nông dân sử dụng, hoặc ruộng đất tư nhân qua chiến tranh không còn ranh giới nay phải sử dụng lao động chung để phục hóa hoặc đất khai hoang để xây dựng vùng kinh tế mới, thì không nên chia cấp ruộng đất cho từng hộ nông dân, mà cần phân

phối cho từng tập thể nhỏ dễ đi ngay vào tổ chức sản xuất tập thể. Hình thức tập đoàn sản xuất như huyện Đức-linh đã làm là sự vận dụng sáng tạo, phù hợp với điều kiện nói trên. Ở miền núi Tây-nguyên, kết hợp với cuộc vận động định canh, định cư và khai hoang xây dựng vùng kinh tế mới có thể đi ngay vào tập đoàn sản xuất hoặc hợp tác xã. Ngay ở những nơi phổ biến ruộng đất là của riêng, nhưng sở hữu ruộng đất của nông dân ít chênh lệch thì cũng có thể nhanh chóng vượt qua hình thức đổi công, tiến lên hình thức tập đoàn sản xuất hoặc hợp tác xã.

Tập đoàn sản xuất là tổ chức kinh tế xã hội chủ nghĩa quy mô nhỏ, thực chất là hợp tác xã nhỏ. Với hình thức đó, ruộng đất và lao động thật sự được xã hội hóa, do đó có thể hoàn toàn sử dụng theo kế hoạch tập thể. Hình thức đó là sự nhảy vọt từ cá thể lên tập thể, song vì là hình thức hợp tác giản đơn, vì quy mô nhỏ chưa đủ điều kiện phân công lao động, tổ chức lại sản xuất cho nên chưa có thể gọi là hình thức hợp tác có phân công. Tiền đề để xây dựng tập đoàn sản xuất là phải xóa bỏ triệt để các hình thức bóc lột và phải trên cơ sở điều chỉnh tốt ruộng đất, tổ chức quản lý tốt máy móc với tinh thần tự nguyện của nông dân. Xã có nhiều tập đoàn sản xuất thì có Ban quản trị tập đoàn ở xã (xã có quy mô trên dưới 1000 ha). Tập đoàn

sản xuất tất yếu phải tiến lên hợp tác xã hoặc tập đoàn sản xuất với quy mô lớn hơn. Do đã thực hiện bước chuyển biến từ cá thể lên tập thể, cho nên bước tiến từ tập đoàn sản xuất lên hợp tác xã là bước mở rộng quy mô của tổ chức kinh tế tập thể.

Xây dựng *hợp tác xã sản xuất nông nghiệp* là tiến hành tập thể hóa triệt để và dứt khoát các tư liệu sản xuất chủ yếu (ruộng đất, máy móc, trâu bò...) và tập thể hóa lao động, thu hút hầu hết hoặc đại bộ phận nông dân từng ấp vào hợp tác xã. Trên cơ sở đó thật sự xác lập chế độ sở hữu tập thể xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành tổ chức lại sản xuất, phân công lại lao động trên quy mô lớn, thực hiện chế độ quản lý, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật nhằm phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động, tăng thu nhập. Quy mô hợp tác xã lúc đầu không thể tùy tiện tổ chức quá lớn, vượt quá các điều kiện cho phép, gây khó khăn cho việc tổ chức và quản lý. Việc xác định quy mô hợp lý ban đầu của hợp tác xã là căn cứ vào những điều kiện chuẩn bị, nhất là về cơ sở vật chất kỹ thuật và trình độ cán bộ quản lý, đồng thời phải đạt tới yêu cầu cho phép tổ chức lại sản xuất, phân công lại lao động trong nội bộ hợp tác xã và chuyên môn

hóa sản xuất trên địa bàn huyện. Việc mở rộng quy mô hợp tác xã sau này là kết quả của sự mở rộng tích tụ và tập trung sản xuất trên cơ sở không ngừng mở rộng phân công lao động với cơ sở vật chất kỹ thuật ngày càng tăng và phù hợp với trình độ quản lý của cán bộ.

Việc xây dựng hợp tác xã phải dựa trên những điều kiện đã được *chuẩn bị* và tiến hành *từng bước*. Trước hết phải tiến hành làm thử, tạo ra mô hình mới, thể hiện rõ tính ưu việt của kinh tế tập thể, có sức thu hút nông dân, từ đó mà rút kinh nghiệm để mở rộng việc xây dựng hợp tác xã. Do đó, trong bước đầu không thể nhất loạt xây dựng hợp tác xã ở tất cả mọi nơi, và cũng không thể kéo dài tình trạng làm ăn cá thể. Nôn nóng làm lướt hoặc chần chừ đều không đúng. Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy rằng: bước đi vừa tích cực, khẩn trương, vừa vững chắc là *mở rộng xây dựng các tập đoàn sản xuất* để đẩy nhanh quá trình tập thể hóa tư liệu sản xuất, đi đôi với mở rộng xây dựng hợp tác xã, trên cơ sở đó chuẩn bị điều kiện đưa tập đoàn sản xuất tiến lên hợp tác xã. Các tập đoàn sản xuất cần được tổ chức theo quy hoạch xây dựng hợp tác xã, phù hợp với từng đội sản xuất của hợp tác xã sau này; bên trên các tập đoàn sản xuất nằm trong phạm vi một hợp tác xã sẽ được xây dựng, cần thành lập *ban quản*

lý các tập đoàn sản xuất để chỉ đạo chung và sau này sẽ trở thành cơ quan quản lý hợp tác xã. Khi có điều kiện thì tích cực chuyển lên hợp tác xã. Với cách tổ chức đó có thể bước đầu thực hiện ngay việc tổ chức lại sản xuất, phân công lại lao động và xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật theo phương hướng của quy hoạch xây dựng hợp tác xã và tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện. Quá trình đó diễn ra cùng với việc đẩy mạnh xây dựng thử hợp tác xã, củng cố và phát triển các hợp tác xã đã xây dựng, và từng bước mở rộng phong trào hợp tác hóa.

Việc xây dựng hợp tác xã không phải chỉ dựa vào sự nỗ lực của nông dân, vào kết quả việc chuẩn bị của cơ sở, mà còn dựa vào sự chuẩn bị và *tác động của Nhà nước từ trên xuống mà trực tiếp là cấp huyện*. Do đó, cần tích cực chuẩn bị và triển khai quy hoạch của huyện (dựa trên quy hoạch của tỉnh và của các ngành trung ương), chuẩn bị xây dựng các cơ sở vật chất kỹ thuật, các tổ chức kinh tế quốc doanh trên địa bàn huyện, củng cố hệ thống quản lý, đề kịp thời tác động một cách có hiệu lực xuống cơ sở, thúc đẩy việc cải tạo và tổ chức lại sản xuất theo quy hoạch của huyện, kết hợp xây dựng các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã với xây dựng kinh tế huyện.

Tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ các quan hệ bóc lột và đưa nông dân đi vào làm ăn tập thể là sự chuyển biến cách mạng vô cùng sâu sắc, xóa bỏ tận gốc chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, xác lập chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa, đưa nông thôn miền Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, nông nghiệp của ta chủ yếu còn là sản xuất nhỏ, cho nên cải tạo nông nghiệp không chỉ nhằm xác lập quan hệ sản xuất mới mà còn nhằm mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển, tiến lên sản xuất lớn. Do đó phải *kết hợp cải tạo với xây dựng*, phải nhằm vào việc đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn mà tiến hành cải tạo nông nghiệp. Bởi vì chỉ có đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa thì mới có cơ sở để thực hiện công nghiệp hóa và cải thiện đời sống của nhân dân, mới tạo cơ sở vững chắc cho chế độ làm chủ tập thể, mới xóa bỏ tận gốc nghèo nàn, lạc hậu và mọi nguồn gốc sinh ra bóc lột. Đảng ta đã chỉ rõ mục đích cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp miền Nam: « Mục đích cải tạo xã hội chủ nghĩa là đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ bóc lột và nguồn gốc sinh ra bóc lột, tăng năng suất lao động, phát triển sản xuất, xây dựng cuộc sống mới ở nông thôn » (3).

Cải tạo xã hội chủ nghĩa trước hết là cải tạo chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất. Đó là vấn đề then chốt của cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất. Tuy vậy, chỉ riêng việc thay đổi chế độ sở hữu chưa đủ để xây dựng chế độ làm chủ tập thể về kinh tế. Do đó, gắn liền với sự thay đổi về chế độ sở hữu, phải tiến hành *tổ chức lại sản xuất*, tạo ra quan hệ mới, xã hội chủ nghĩa giữa người với người trong quá trình sản xuất và phân phối. Mặt khác, sự ra đời của chế độ sở hữu tập thể xã hội chủ nghĩa gắn liền với sự tập trung ruộng đất và các tư liệu sản xuất khác, biến lao động riêng lẻ thành lao động tập thể. Tuy vậy, chỉ riêng việc tập trung ruộng đất và lao động chưa đủ làm thay đổi cơ cấu sản xuất nhỏ. Thật là sai lầm nếu nghĩ rằng đưa được nông dân vào hợp tác xã là căn bản hoàn thành hợp tác hóa! Bởi vậy, phải tiến hành ngay việc tổ chức lại sản xuất, phân công lại lao động đi đôi với xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật mới trong từng đơn vị và trên phạm vi từng vùng trong cả nước, đưa nông nghiệp đi vào sản xuất tập trung, chuyên canh và thâm canh, hình thành hệ thống sản xuất của nền nông nghiệp lớn. Nếu chậm tổ chức

(3) Nghị quyết Hội nghị lần thứ II của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa IV).

lại sản xuất thì sẽ kìm hãm nông nghiệp trong tình trạng sản xuất phân tán và không tránh khỏi phát sinh tình phương hội trong kinh tế tập thể. Như vậy, việc xác lập chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa — do đó tập trung tư liệu sản xuất và lao động — cấp bách đòi hỏi và mở đường cho việc tổ chức lại sản xuất. Trên cơ sở tổ chức lại sản xuất, cơ cấu của nền nông nghiệp lớn được hình thành, đồng thời quan hệ xã hội chủ nghĩa trong sản xuất và lưu thông, phân phối được xác lập, bảo đảm cho nhân dân lao động thật sự làm chủ tập thể về kinh tế và phát huy rõ rệt tính ưu việt của kinh tế tập thể. Chính trên tinh thần đó, Trung ương Đảng nhấn mạnh: « Mục đích, yêu cầu của cải tạo nông nghiệp không chỉ nhằm thay đổi chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất mà chính là nhằm tổ chức lại sản xuất và phát triển sản xuất, tổ chức và phân công lại lao động, nâng cao năng suất lao động, cải thiện đời sống, tăng tích lũy, tăng xuất khẩu » (4).

Quá trình tổ chức lại sản xuất và phân công lại lao động trên cơ sở sản xuất tập thể tạo ra những tiền đề thuận lợi về kinh tế — xã hội cho việc đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật. Ngược lại, chính trình độ cơ sở vật chất kỹ thuật quyết định quy mô tổ chức sản xuất và tốc độ phát triển sản xuất. Vì vậy, hợp tác hóa phải gắn chặt với thủy lợi hóa, từng bước cơ khí hóa và áp dụng khoa học kỹ thuật

mới vào nông nghiệp. Trong điều kiện sản xuất chủ yếu còn dựa trên lao động thủ công, phải kết hợp tốt sử dụng lao động thủ công và máy móc. Muốn vậy, phải phát huy sức mạnh của chế độ hợp tác và lao động tập thể, áp dụng mọi hình thức tổ chức lao động, với quy mô lớn, vừa, nhỏ, và mọi phương tiện, cơ khí, nửa cơ khí và thủ công, để xây dựng nhanh cơ sở vật chất kỹ thuật, nhất là thủy lợi, để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp. Đó cũng là cách tốt nhất để không ngừng củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới trong nông nghiệp, mở rộng sự phân công lao động và tổ chức lại sản xuất trên quy mô ngày càng lớn.

Quá trình phân công lao động và xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, đưa nông nghiệp tiến lên sản xuất lớn đòi hỏi sự tác động của công nghiệp. Do đó, hợp tác hóa phải kết hợp với công nghiệp hóa, từng bước xây dựng cơ cấu nông — công nghiệp theo hệ thống ngành và vùng, địa phương và trong từng đơn vị cơ sở. Quá trình xây dựng cơ cấu nông — công nghiệp cũng là quá trình kết hợp sản xuất với lưu thông, phân phối và tổ chức đời sống, kết hợp đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn với xây dựng nông thôn mới.

(4) Chỉ thị số 43 của Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng « Về việc nắm vững và đẩy mạnh công tác cải tạo nông nghiệp ở miền Nam ».

tăng cường lực lượng quốc phòng. Toàn bộ các quá trình trên đây chỉ có thể được triển khai thuận lợi khi kết hợp chặt chẽ các mặt với nhau, tạo ra sự phát triển tổng hợp để đưa nông nghiệp tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, trong đó *xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông - công nghiệp* và tăng cường cấp huyện là vấn đề mấu chốt. Vì vậy, quá trình cải tạo nông nghiệp phải bắt đầu từ quy hoạch và kế hoạch xây dựng huyện nằm trong quy hoạch và kế hoạch của tỉnh và của cả nước. Phải trên cơ sở tổ chức lại sản xuất và phân công lại lao động trên địa bàn huyện mà tiến hành cải tạo nông nghiệp tổ chức các đơn vị kinh tế cơ sở, kết hợp xây dựng hợp tác xã với nông trường quốc doanh, kết hợp xây dựng hợp tác xã với xây dựng huyện.

Cải tạo nông nghiệp miền Nam theo phương hướng trên đây là thể hiện những quan điểm cơ bản mà Đại hội lần thứ IV của Đảng đã chỉ ra: « Đối với *nông nghiệp miền Nam*, con đường tốt nhất để tiến nhanh lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa là kết hợp chặt chẽ cải tạo với xây dựng, tiến hành hợp tác hóa đi đôi với thủy lợi hóa và cơ khí hóa; coi trọng cả xây dựng hợp tác xã với xây dựng nông trường quốc doanh; gắn liền xây dựng hợp tác xã với xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông - công nghiệp » (5).



Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp là cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt và triệt để ở nông thôn, là tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng, kết hợp cải tạo xã hội chủ nghĩa với xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nông thôn miền Nam. Muốn bảo đảm thắng lợi trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa thì điều kiện tiên quyết là phải *nam vững chuyên chính vô sản phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động*. Phải làm tốt việc chấn chỉnh và kiện toàn các tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng ở nông thôn làm chỗ dựa vững chắc cho việc thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Phải làm cho các *tổ chức cơ sở của Đảng thật sự trong sạch và vững mạnh*, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, xác định và củng cố lập trường quan điểm giai cấp công nhân cho cán bộ và đảng viên. Mỗi đảng viên phải nêu cao vai trò tiên phong gương mẫu, đi đầu trong việc thực hiện nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Chấn chỉnh và củng cố tổ chức chính quyền ở cơ sở thật sự trở thành công cụ bảo đảm thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Cần ra sức

(5) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV.

đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xã, ấp, vừa nâng cao trình độ chính trị, năng lực tổ chức quản lý của cán bộ lãnh đạo ở cơ sở, vừa nhanh chóng lựa chọn đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật và nghiệp vụ bảo đảm xây dựng và quản lý tốt các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã.

Ngày nay, nhân dân ta đang đứng trước nhiệm vụ trọng đại là đẩy mạnh xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Do đó, công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở các tỉnh miền Nam, đưa nông nghiệp cả nước tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, càng cấp bách. Trên cơ sở những kết quả đã đạt được trong ba năm qua và những bài học rút ra từ trong thực tiễn, công tác cải tạo xã hội chủ

nghĩa đối với nông nghiệp ở các tỉnh miền Nam gần đây có những chuyển biến tốt. Các cấp lãnh đạo ở miền Nam và các ngành ở trung ương cần nắm vững và tiếp tục đẩy mạnh công tác cải tạo nông nghiệp ở các tỉnh miền Nam gắn với xây dựng tổ chức và phát triển sản xuất nông nghiệp, coi đó là *nhiệm vụ trọng tâm* để thúc đẩy mọi mặt hoạt động ở miền Nam. Phải thực hiện sự tập trung thống nhất lãnh đạo để đẩy mạnh công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa và tổ chức lại sản xuất nông nghiệp nhằm tạo ra bước phát triển vượt bậc về sản xuất nông nghiệp, đáp ứng kịp thời những yêu cầu ngày càng to lớn và cấp bách của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

BÀN VỀ XÂY DỰNG THỂ CHIẾN LƯỢC MỚI ĐỂ GIỮ NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

HOÀNG-MINH-THẢO



UỐN xây dựng thể chiến lược mới để giữ nước trong tình hình mới, chúng ta dựa vào mấy đặc điểm chủ yếu sau đây:

1—Trong khi chúng ta đang tập trung sức để khôi phục và phát triển nền kinh tế, xây dựng đất nước về mọi mặt sau hơn 30 năm chiến tranh, và đã thu được những kết quả bước đầu, đáng phấn khởi, thì một trở ngại mới đang biến thành khó khăn lớn nhất hiện nay xộc tới. Đó là âm mưu và hành động đê tiện và gian ác của tập đoàn phản động theo chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn trong giới cầm quyền Bắc-kinh, câu kết với chủ nghĩa đế quốc phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta và xâm phạm lãnh thổ nước ta. Đây là một đặc điểm nổi bật trong sự phát triển của tình hình mới.

2—Chúng ta xây dựng kinh tế, củng cố quốc phòng trong điều kiện nền kinh tế của ta đang ở trong quá trình biến đổi liên tục, sâu sắc, toàn diện, từ sản xuất nhỏ tiến lên sản

xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Điều xuất phát mà chúng ta đi lên rất thấp, nhưng yêu cầu xây dựng lại ở trình độ cao và chỉ được diễn ra trong một thời gian lịch sử tương đối ngắn.

Hơn nữa, để xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, chúng ta chẳng những phải tuân theo những quy luật kinh tế, mà còn phải giải quyết thật tốt quan hệ giữa kinh tế với quốc phòng, tính toán chu đáo sự tác động của những quy luật chiến tranh theo tính chất, mức độ và tình hình diễn biến khác nhau.

3—Nếu kẻ thù buộc chúng ta phải tiến hành một cuộc chiến tranh để bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, cuộc chiến tranh đó sẽ diễn ra trên một đất nước có truyền thống toàn dân đánh giặc, đánh thắng những kẻ thù đầu sỏ và hung bạo nhất, một đất nước mà từng người dân là chiến sĩ, «thà hy sinh tất cả chứ không chịu mất nước», lại được cả loài người tiến bộ yêu mến, ủng hộ, một đất nước mà lãnh thổ khá dài nhưng lại hẹp, có bờ biển và thềm lục địa rất dài và rộng, có biên giới tiếp giáp với các

nước láng giềng hàng mấy nghìn ki-lô-mét, có 3/4 diện tích là rừng núi, có hệ thống sông ngòi chằng chịt... Trên một đất nước có con người và thiên nhiên như vậy, chắc chắn sẽ nảy sinh biết bao điều kỳ lạ trong cuộc chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, nếu mỗi người chúng ta biết phát huy hết sức mạnh của mình và sức mạnh của cả dân tộc Việt-nam ta.

Vì vậy, việc xây dựng thế chiến lược mới để giữ nước trong giai đoạn hiện nay của chúng ta nhằm đạt những yêu cầu:

1-Khai thác được tất cả những mặt mạnh của con người và thiên nhiên Việt-nam để xây dựng đất nước ta về mọi mặt. Gắn liền với xây dựng đất nước về mọi mặt là việc tổ chức lại toàn bộ đất nước và từng địa phương sẵn sàng chống xâm lược theo tinh thần *phát huy sức mạnh tổng hợp lớn nhất ngay từ đầu để đập tan quân xâm lược, bảo vệ lãnh thổ từ tuyến đầu; đánh thắng nhanh đồng thời chuẩn bị để có thể đánh lâu dài chống những đối tượng chiến lược đã xác định*, nếu chúng liều lĩnh phát động cuộc chiến tranh xâm lược nước ta.

2-Tạo cho được một cuộc sống xã hội trong đó mỗi công dân, mỗi tập thể vừa có tinh thần làm chủ tập thể, tư lực tự cường cao, ý chí cách mạng vững vàng, ý thức cảnh giác nhạy bén, kỷ luật nghiêm minh, tinh thần chủ động sáng tạo và có năng lực trong lao động sản xuất, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, vừa có tổ chức chặt chẽ, khoa học thích ứng với mọi tình huống, phù hợp với yêu cầu vừa sản xuất vừa chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu trên quy mô cả nước.

THẾ CHIẾN LƯỢC CỦA KINH TẾ KẾT HỢP VỚI QUỐC PHÒNG

Xưa nay kinh tế với quốc phòng của bất cứ nước nào cũng có mối quan

hệ gắn bó chặt chẽ với nhau. Mỗi quan hệ đó đã được học thuyết Mác - Lê-nin nêu thành quy luật. Đó là quy luật về sự lệ thuộc của chiến tranh đối với kinh tế; một quy luật phổ biến, không cứ là ở thời đại nào, trong chế độ xã hội nào hay với đặc điểm dân tộc nào. « Vũ trang, biên chế, tổ chức, chiến lược, chiến thuật phụ thuộc trước hết vào trình độ mà sản xuất đạt được trong từng trường hợp; và cũng phụ thuộc cả vào đường sá giao thông nữa » (1).

Kinh tế có mạnh, quốc phòng mới mạnh. Đây là mặt thống nhất. Tuy nhiên không phải bề kinh tế mạnh là quốc phòng mạnh. Giữa hai mặt ấy còn có mặt không thống nhất do kinh tế và quốc phòng thuộc hai lĩnh vực khác nhau. Mỗi lĩnh vực có những quy luật vận động, phát triển riêng của nó. Nếu trong đời sống kinh tế, một nền kinh tế muốn phát triển, phải thực hiện tái sản xuất mở rộng, muốn tái sản xuất mở rộng, phải tích lũy, thì trong đời sống quốc phòng có đặc điểm cơ bản là tiêu phí những sản phẩm của xã hội do kinh tế tạo ra. Đối với quốc phòng, số lượng càng nhiều, chất lượng càng cao thì nó càng mạnh.

Trong đời sống xã hội của chúng ta hiện nay, cả tích lũy lẫn tiêu dùng, cả kinh tế lẫn quốc phòng đều có những nhu cầu cấp bách. Nhận thức được nó và đặt thành vấn đề để giải quyết nó trong đường lối kinh tế xã hội chủ nghĩa của chúng ta, đó là một vấn đề hết sức quan trọng. Đặt mối quan hệ kinh tế kết hợp với quốc phòng nằm trong cơ cấu của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, tức là xác định một mối quan hệ rất cơ bản, nội tại không thể thiếu được mà bản thân nền kinh tế xã hội chủ nghĩa phải giải quyết. Nếu không giải quyết tốt thì không thể có sự bảo đảm chắc chắn cho một nền kinh tế phát triển cao, không thể có

(1) F. Ăng-ghen : *Chống Duy-rinh*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, trang 280.

tiềm lực dồi dào cho một nền quốc phòng vững mạnh.

Điều đó giải thích vì sao chúng ta chủ trương *kinh tế kết hợp với quốc phòng, quốc phòng kết hợp với kinh tế*. Sự kết hợp theo hai chiều nhằm làm cho kinh tế và quốc phòng thống nhất với nhau, nương tựa vào nhau, thúc đẩy nhau cùng phát triển

Nhìn vào thực tế, ta có thể thấy rõ điều đó. Bằng việc tổ chức và cải tạo lại đồng ruộng, trồng cây, làm thủy lợi, làm giao thông nông thôn, Vũ-thắng (Thái-bình) đã trở thành một điển hình thâm canh lúa. Đồng thời cũng nhờ vào những việc làm đó, Vũ-thắng có nhiều vật che khuất đề nguy trang, nhiều vật chướng ngại, đặc biệt là có giao thông liên hoàn, từ đó có những điều kiện mới tốt hơn trước để tổ chức làng xã chiến đấu. Hiện nay, Vũ-thắng đang đặt vấn đề rất đúng là, muốn đưa phương tiện cơ giới vào đồng ruộng và tham gia chiến đấu ở địa phương, thì phải làm đường rộng hơn và rải đá.

Trong thời đại ngày nay, chiến tranh là thử thách toàn diện đối với mỗi nước, mỗi dân tộc, tác động sâu sắc đến toàn bộ đời sống xã hội, đặc biệt đối với kinh tế. Do đó, kinh tế của bất cứ nước nào cũng không thể phát triển yên ổn nếu bất chấp các quy luật của chiến tranh, không chú ý đến những dự kiến của chiến lược quân sự, đến việc sử dụng các nguồn dự trữ chiến lược phục vụ mục đích quốc phòng. Chiến tranh càng hiện đại, tính bất ngờ, sự tàn phá càng cao, thời gian cho phép để tổ chức lại nền kinh tế càng eo hẹp. Do đó ngay trong việc tổ chức và xây dựng nền kinh tế thời bình, bao giờ cũng phải tính đến yêu cầu tổ chức lại nền kinh tế theo thời chiến, đến những yếu tố thích nghi với thời chiến.

Tùy theo tổ chức kinh tế xã hội, những đặc điểm và truyền thống của mỗi nước, việc tổ chức lại nền kinh tế theo thời chiến của mỗi nước có

sự khác nhau. Song, hầu như không một nước nào lại không phải giải quyết các vấn đề sau đây (loại trừ trường hợp tiến hành chiến tranh dựa vào tiềm lực kinh tế của nước ngoài ở mức độ này hay mức độ khác):

— Huy động lực lượng công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, thông tin, bưu điện.

— Mở rộng việc xây dựng những khu công nghiệp mới, sơ tán những khu công nghiệp trong vùng bị uy hiếp.

— Xây dựng bổ sung mạng lưới đường sá, giao thông.

— Động viên sức người cho tiền tuyến, tổ chức lại sức người ở hậu phương, đào tạo đội ngũ cán bộ điều hành sản xuất mới.

— Động viên mọi nguồn lương thực và định ra chính sách tiêu dùng lương thực nghiêm ngặt thời chiến.

— Áp dụng những biện pháp tài chính mới.

— Xây dựng lại và điều chỉnh lưu thông ngoại thương.

— Tổ chức lại việc quản lý kinh tế thời chiến.

Những khối lượng công việc đồ sộ và phức tạp ấy đòi hỏi người ta phải tính toán và trú liệu trước. Trong việc này, ai biết trú liệu sớm, nhìn ra vấn đề sắc sảo hơn và giải tổ chức hơn, người đó sẽ nắm được ưu thế.

Trải qua nhiều thế kỷ, dân tộc Việt-nam đã từng phải suy nghĩ để giải quyết vấn đề này. Tổ tiên ta đã từng giải quyết thành công mối quan hệ giữa kinh tế và quốc phòng, giữa thời bình và thời chiến, đã xây dựng được những thế chế khá hoàn chỉnh, tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý, cần được khai thác.

Trong lịch sử hiện đại, chúng ta đã từng đương đầu với bọn đế quốc có tiềm lực kinh tế và quân sự mạnh. Phải tiến hành chiến tranh trong điều kiện nền kinh tế còn nghèo nàn, lạc hậu, chúng ta đã giải quyết thành

công việc sử dụng với hiệu quả cao khả năng của nền kinh tế ấy. Chúng ta đã có những kinh nghiệm trong việc xây dựng kinh tế và củng cố quốc phòng, chuyển nền kinh tế từ thời bình sang thời chiến, xây dựng và phát triển kinh tế trong chiến tranh; kết hợp khả năng kinh tế trong nước với tranh thủ viện trợ kinh tế của nước ngoài. Những kinh nghiệm này cũng cần được tổng kết để vận dụng vào hoàn cảnh mới. Tuy nhiên, những kinh nghiệm cũ không thể đáp ứng đầy đủ những đòi hỏi mới. Vì vậy, cần học hỏi, tham khảo kinh nghiệm của các nước anh em, đồng thời phải suy nghĩ, sáng tạo ra những cách làm mới.

THẾ CHIẾN LƯỢC CỦA XÂY DỰNG TIỀM LỰC QUỐC PHÒNG MỌI MẶT TRONG THỜI BÌNH VÀ SỬ DỤNG SỨC MẠNH TỔNG HỢP TRONG CHIẾN TRANH

Nền quốc phòng toàn dân hiện đại của Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa dựa trên tiềm lực ngày càng lớn mạnh của đất nước. Tiềm lực đó được tạo nên bởi nhiều yếu tố về chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, khoa học và nghệ thuật quân sự, cơ sở vật chất kỹ thuật của xã hội xã hội chủ nghĩa. Tiềm lực đó là thành quả của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội mà chúng ta đang tiến hành.

Quốc phòng là một mặt quan trọng trong đời sống xã hội. Việc xây dựng quốc phòng trong thời bình thường ở dưới dạng tiềm lực — tiềm lực mọi mặt của đất nước để chống xâm lược. Khi đất nước có chiến tranh, những tiềm lực đó được chuyển hóa thành sức mạnh trực tiếp để tiến hành chiến tranh, đánh thắng kẻ thù. Sự chuyển hóa đó được thực hiện bằng công tác động viên chiến tranh và việc tổ

chức lại toàn bộ cuộc sống xã hội theo yêu cầu thời chiến. Còn sức mạnh tổng hợp lại là một khái niệm khác. Sức mạnh tổng hợp tuy trước hết cũng do nhiều yếu tố tạo thành, nhưng nó còn nhờ tính năng động chủ quan của con người tạo ra, nhờ ở việc biết *hay động và sử dụng mọi yếu tố tạo thành ưu thế trong một thời điểm nhất định để chiến thắng kẻ thù*.

Như vậy là, không xây dựng được tiềm lực quốc phòng mọi mặt thì không thể có sức mạnh trực tiếp để giành thắng lợi trong chiến tranh. Đã có sức mạnh rồi mà không có nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh tài giỏi thì cũng không thể có sức mạnh tổng hợp, tạo được ưu thế để chiến thắng kẻ thù. Không nên lẫn lộn khái niệm quốc phòng với khái niệm chiến tranh, tiềm lực quốc phòng mọi mặt với sức mạnh tổng hợp của chiến tranh. Cần không nên lẫn lộn những vấn đề đó trong hành động và trong tổ chức thực hiện. Điều này có ý nghĩa rất quan trọng, vì trong khi một số bộ phận đất nước bị chiến tranh uy hiếp, thì đại bộ phận đất nước vẫn ở trạng thái hòa bình xây dựng, nhưng trên mức độ nào đó, vẫn chịu sự tác động của những quy luật chiến tranh. Trong tình hình ấy, ở đâu và lúc nào có yêu cầu động viên chiến tranh và động viên đến mức nào, thì phải động viên tới mức đó. Trái lại, ở nơi khác hay vào lúc khác, nếu không có yêu cầu của chiến tranh trực tiếp, thì ở đó phải trả lại cho xã hội và con người cuộc sống bình thường để lao động và xây dựng.

Chúng ta nhớ lại những hình ảnh « tay cày tay súng, tay búa tay súng » đã nảy sinh như một sự tích anh hùng của Việt-nam thời kỳ chống Mỹ, cứu nước. Miền Bắc xã hội chủ nghĩa vừa trực tiếp đánh trả máy bay, tàu chiến Mỹ, vừa sản xuất và chi viện sức người sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam. Cùng với nếp sống đó, chúng ta có nhiều kinh nghiệm

quý về lãnh đạo và tổ chức thực hiện. Ở nhiều nơi nhờ chuẩn bị chiến đấu tốt, cho nên vừa sản xuất vừa chiến đấu, phục vụ chiến đấu, chi viện tiền tuyến tốt.

Giữa các địa phương trong nước, tình hình chuyển biến giữa hòa bình và chiến tranh, giữa hậu phương và tiền tuyến không giống nhau, thì quy luật của chiến tranh cũng tác động không giống nhau đến các địa phương, và không thể áp dụng như nhau ở các nơi công tác động viên thời chiến và tổ chức lại cuộc sống theo thời chiến. Nhưng về nguyên tắc, ở đâu có chiến tranh trực tiếp thì ở đó phải trở thành tiền tuyến, phải tổng động viên và áp dụng mọi biện pháp cần thiết để chiến thắng. Cả nước phải làm nhiệm vụ của hậu phương, phải có nghĩa vụ chi viện mọi mặt để tiền tuyến đánh thắng theo tinh thần mỗi địa phương vì cả nước, cả nước vì mỗi địa phương. Trong hậu phương lại phải phân biệt hậu phương trực tiếp và hậu phương lớn, để xác định mức độ khẩn trương khác nhau, có sự ưu tiên khác nhau giữa kinh tế và quốc phòng cho phù hợp với từng nơi, từng lúc.

Tình hình mới còn đặt ra những yêu cầu mới về mặt tổ chức và quản lý kinh tế cũng như xã hội. Tổ chức phải vừa phù hợp với sản xuất vừa phù hợp với chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, tổ chức phải chặt chẽ nhưng cũng phải thật uyển chuyển, linh hoạt có tác dụng thích nghi với mọi tình huống. Thí dụ, khi tổ chức ra một đơn vị tự vệ, ta phải tính: đơn vị đó sẽ phải đánh với đối tượng nào, đánh ở đâu, có thể có những tình huống nào để quyết định biên chế, tổ chức, trang bị và huấn luyện. Song tự vệ (cũng như dân quân) là lực lượng vũ trang quần chúng, không thoát ly sản xuất, chiến đấu cũng là để bảo vệ sản xuất. Do đó, còn phải tính tổ chức nó như thế nào để phù hợp với những đặc điểm; điều kiện và quy

luật của tổ chức sản xuất. Cái quan trọng nhất là hiệu lực của mỗi tổ chức đối với sản xuất, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu. Phải phải không lối phò trương hình thức, tốn phí thời gian, sức lực và tiền của.

Đối với chúng ta ngày nay, mỗi tổ chức từ cơ sở trở lên, thuộc các xí nghiệp, công trường, nông trường, lâm trường, hợp tác xã, cơ quan, trường học, các đội giao thông, các đoàn (đội) làm công tác thăm dò, khảo sát, các đơn vị đánh bắt cá trên sông, trên biển... cần phải tổ chức như những đơn vị chiến đấu: có chỉ huy, có trang bị vũ khí và thông tin cần thiết, có phương án chiến đấu và được luyện tập chiến đấu theo các tình huống dự kiến. Kinh nghiệm có ý nghĩa phổ biến là, tổ chức nếp sống quân sự hóa một cách khoa học thì không bao giờ làm suy yếu sản xuất, mà trái lại càng thúc đẩy sản xuất. *Lao động sản xuất để xây dựng kinh tế, củng cố quốc phòng, làm cho nước ta ngày một giàu mạnh, là điều kiện sống còn của chúng ta. Trước những âm mưu và hành động của kẻ thù hiện nay, chúng ta không thể sản xuất và xây dựng được nếu chúng ta không chuẩn bị chiến đấu và chiến đấu tốt.*

THỂ CHIẾN LƯỢC CỦA SỨC MẠNH TẠI CHỖ

Để sẵn sàng chiến đấu chống những hình thái mới của cuộc chiến tranh do kẻ thù gây ra, việc xây dựng thể chiến lược của sức mạnh tại chỗ là hết sức quan trọng. Sức mạnh tại chỗ bao gồm những yếu tố: những con người đã đứng trên chủ vận mệnh của mình, có ý thức độc lập, chủ, tự lực tự cường sâu sắc; những cơ sở vật chất dồi dào đảm bảo hậu cần tại chỗ và có thể liên hoàn «làng - nước» tại chỗ. Các yếu tố đó được chuẩn bị theo một ý đồ chiến lược và những tư tưởng chỉ đạo thống nhất, phù hợp với những điều kiện của

« thiên — thời, địa lợi, nhân hòa » trên từng địa bàn và trên tất cả các địa bàn của cả nước. Đó là sức mạnh to lớn nhất để tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân tất thắng bảo vệ Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

Tư tưởng về xây dựng sức mạnh tại chỗ của Đảng ta chứa đựng một nguyên lý cách mạng vĩ đại là bồi dưỡng và khai thác nguồn sức mạnh vô tận của quần chúng cách mạng, thực hiện toàn dân xây dựng đất nước và bảo vệ đất nước, toàn dân làm quốc phòng, toàn dân tiến hành chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Tư tưởng đó là sự kế thừa những truyền thống và di sản quân sự lâu đời của dân tộc ta, phù hợp với những phẩm chất tốt đẹp của con người Việt-nam. Tư tưởng đó cũng là cơ sở lý luận để giải thích vì sao Đảng ta chủ trương: *« vừa xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất »* (2); *« xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông — công nghiệp »* (3); biến mỗi cơ sở là một trận địa, mỗi huyện là một pháo đài, mỗi tỉnh (thành phố) là một đơn vị chiến lược; mỗi công dân vừa là người lao động sản xuất giỏi vừa là người chiến sĩ bảo vệ Tổ quốc kiên cường.

Để xây dựng sức mạnh tại chỗ, chúng ta cần tập trung giải quyết tốt những vấn đề vừa cấp bách vừa cơ bản sau đây:

1 — Xóa bỏ sự mất cân đối trong cơ cấu kinh tế, trong phân bố dân cư, trong cơ cấu ~~kinh tế~~ vận tải ~~đang bị suy thoái~~ xấu từng ngày, từng giờ đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Ra sức phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và một số ngành trực tiếp phục vụ nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp nhằm bảo đảm yêu cầu về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, tạo nguyên liệu cho công nghiệp, tăng nhanh

hàng xuất khẩu, tăng nhanh sức mạnh tại chỗ cho các tỉnh, huyện trong cả nước, tạo điều kiện từng bước cải thiện đời sống cho nhân dân và bảo đảm hậu cần tại chỗ cho các lực lượng vũ trang. Đồng thời nhanh chóng phát triển giao thông vận tải và thông tin bưu điện nhằm đáp ứng mau lẹ yêu cầu sản xuất, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống.

Một nền kinh tế đang từ sản xuất nhỏ, từ một nền nông nghiệp lạc hậu đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, lại bị địch họa và thiên tai liên tiếp, một nền kinh tế như vậy bị mất cân đối và khó khăn nhiều mặt, là điều dễ hiểu. Song, không vì thế mà chúng ta không nghiêm khắc kiểm điểm để thấy những khuyết điểm, nhược điểm của chúng ta trong việc chỉ đạo phát triển nông nghiệp. Trước tình hình và nhiệm vụ mới của cách mạng, nếu không có những nỗ lực phi thường của cả nước, của tất cả các ngành, các cấp, của cả kinh tế và quốc phòng thì khó có thể thúc đẩy nền nông nghiệp xã hội chủ nghĩa ở nước ta phát triển mạnh mẽ, vững chắc.

2 — Địa lý tự nhiên, đất đai, khí hậu và tài nguyên của nước ta vừa ảnh hưởng lớn đến các hoạt động đấu tranh vũ trang, đến sự phát triển của khoa học và nghệ thuật quân sự, vừa là những yếu tố căn bản ảnh hưởng đến việc xây dựng kinh tế.

Việc quy hoạch, phân vùng kinh tế và quốc phòng, khai thác ~~kinh tế~~ yếu tố nói trên phải làm sao tạo thành thế chiến lược liên hoàn của sức mạnh tại chỗ, và phải đạt được hai yêu cầu: 1) có thể khai thác được mọi ưu thế về tài nguyên thiên nhiên để phát triển kinh tế toàn diện và cũng có quốc phòng vững mạnh; 2) bảo đảm duy trì và phát triển được hoạt động kinh tế trong điều kiện đất nước có

(2), (3) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 30, 33.

chiến tranh. Trong cuộc chiến tranh hiện đại, dịch sử dụng vũ khí tầm xa, có sức phá hoại lớn, cho nên các cơ sở kinh tế càng trở thành đối tượng đánh phá của chúng.

Phân bố dân cư và cần đổi sức người.

Mật độ dân cư nước ta rất cao ở vùng đồng bằng, đô thị. Trong khi đó ở nhiều vùng rừng núi, vùng biển, hải đảo, mật độ dân cư rất thấp. Đó là tình trạng không có lợi đối với đời sống kinh tế cũng như quốc phòng của nước ta trong tình hình mới. Đảng ta chủ trương điều dân ở những vùng đông dân đi xây dựng các vùng kinh tế mới. Đó là một chủ trương đúng đắn, xuất phát từ lợi ích kinh tế cũng như quốc phòng của nước ta. Thực hiện chủ trương này, chúng ta đã đạt được những kết quả bước đầu, thu được một số kinh nghiệm tốt. Song kết quả đạt được còn thấp so với yêu cầu. Với công tác có tầm chiến lược này, nếu tất cả các ngành, các cấp, các đoàn thể không có sự cố gắng lớn và hợp tác chặt chẽ thì không thể làm tốt được. Cùng với công tác tư tưởng, phải coi trọng công tác tổ chức và công tác chính sách nhằm khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho những người đi xây dựng vùng kinh tế mới. « Đi có tổ chức, đi có một tổ chức đồng bộ »; « Cán bộ, đảng viên gương mẫu, thanh niên trẻ khỏe làm đầu tàu »... Đó là những kinh nghiệm tốt để thực hiện thắng lợi chủ trương xây dựng các vùng kinh tế mới, những cứ điểm quốc phòng mới, thể hiện tư tưởng xây dựng sức mạnh tại chỗ của Đảng.

Cùng với việc phân bố lại dân cư, việc cần đổi sức người cũng đang đặt ra những vấn đề mới. Sức người của một nước bao giờ cũng được coi là nhân tố quan trọng hàng đầu của tiềm lực kinh tế và quốc phòng của nước đó. Khi đánh giá vai trò sức người, phải xem xét cả số lượng và chất

lượng. Nước ta ngày nay có hơn 50 triệu dân. Đây là số dân của một nước lớn. Trong những chỉ tiêu về chất lượng, người Việt-nam chúng ta có những phẩm chất « tuyệt vời » được hun đúc trong cả chiều dài của lịch sử văn minh dân tộc. Nhân dân ta có truyền thống bất khuất trước giặc ngoại xâm, mỗi khi Tổ quốc lâm nguy thì triệu người như một, đoàn kết để giết giặc, cứu nước; trong chiến đấu thì dũng cảm ngoan cường mưu trí; trong lao động thì cần cù, sáng tạo.

Ngày nay, nhân dân ta lại có nguồn sức mạnh mới. Đó là sức mạnh của tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, sức mạnh của chính nghĩa, của tinh thần yêu chuộng hòa bình, yêu quý nền độc lập tự do của dân tộc mình và yêu quý nền độc lập tự do của các dân tộc khác; chiến đấu vì lợi ích sống còn của dân tộc mình và cũng vì lợi ích sống còn của các dân tộc khác; chiến đấu vì hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Việt-nam và vì cách mạng thế giới.

Tuy nhiên, tiến hành chiến tranh bao giờ cũng phải tính toán cẩn thận. Đất nước có chiến tranh đòi hỏi phải huy động một khối sức người rất lớn để chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Nếu năng suất lao động xã hội càng thấp thì khối sức người phải huy động càng cao. Khi động viên sức người cho chiến tranh, nhất thiết phải cân đối giữa tiền tuyến và hậu phương, bảo đảm cho tiền tuyến đánh thắng, đồng thời hậu phương vẫn duy trì cuộc sống sản xuất, chiến đấu, phục vụ chiến đấu và chi viện cho tiền tuyến.

Khái niệm « sức người » ngày nay không thể hiểu như là « nhân công » một cách chung chung. Chiến đấu cũng như sản xuất ngày nay đều là lao động có chuyên môn kỹ thuật cao, theo ngành, nghề rất khác nhau. Việc đào tạo và sử dụng sức người trong thời bình và thời chiến, trong quân

đội và ngoài xã hội phải đồng bộ, ăn khớp. Việc đăng ký và quản lý các lực lượng hậu bị của sản xuất và chiến đấu và việc động viên những lực lượng ấy theo nhu cầu chiến tranh phải chặt chẽ, chính xác.

Dù cho chúng ta có làm tốt tất cả những việc nói trên thì cũng chỉ làm giảm nhẹ chứ không thể làm mất đi cái mâu thuẫn về sức người trong chiến tranh. Không có con đường nào khác, ngay từ bây giờ *vừa phải thu hút thêm sức người vào lao động sản xuất, vừa phải không ngừng tăng năng suất lao động xã hội* (4). Điều đó chứng tỏ chủ trương thu hút « trai tráng đến tuổi lao động, làm nghĩa vụ quân sự » : « quân đội là trường học lớn để đào tạo những công dân trở thành người chiến sĩ tốt, người lao động giỏi », là đúng đắn.

Chúng ta còn nhiều thiếu sót trong công tác quản lý và sử dụng sức lao động. Các lực lượng vũ trang nhân dân ta nên nghiêm khắc xem lại việc quản lý và sử dụng lực lượng của mình. Hiện tượng « nước sông, công lính » do sự yếu kém trong tổ chức, chỉ huy gây ra vẫn còn. Quân đội ta đang quản lý một khối lớn sức người hạng nhất của đất nước - một tiềm lực quý nhất để chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu và xây dựng kinh tế. Thước đo quan trọng nhất để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ là hiệu suất chiến đấu, chất lượng sẵn sàng chiến đấu, hiệu quả kinh tế trong lao động sản xuất. Đã đến lúc kiến thức kinh tế phải được gắn liền với kiến thức quân sự và ngược lại, kiến thức kinh tế của cán bộ quân đội ta ngày nay.

Đẩy mạnh công tác tổng kết và nghiên cứu khoa học và nghệ thuật quân sự Việt-nam.

Trong tình hình hiện nay, nhiều vấn đề lý luận về khoa học và nghệ thuật quân sự đang được đặt ra. Vì vậy, tăng cường công tác tổng kết những

kinh nghiệm phong phú và quý báu trước đây về mặt quân sự, đồng thời đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận quân sự, làm cho khoa học và nghệ thuật quân sự thật sự đóng góp vào sự nghiệp xây dựng nền quốc phòng toàn dân, hiện đại, vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, là điều rất quan trọng và thiết thực.

Khoa học và nghệ thuật quân sự Việt-nam trong tình hình hiện nay cần quán triệt những tư tưởng chiến lược của Đảng là *làm chủ lại chỗ ở, tiêu diệt địch, tiêu diệt địch để làm chủ; tiến công, đánh thắng trận đầu, ngay từ thời gian đầu, ở địa đầu của Tổ quốc và trên địa đầu của mỗi địa phương; đập tan quân xâm lược bằng sức mạnh tổng hợp lớn nhất ngay từ đầu, kiên quyết bảo vệ từng tấc đất của Tổ quốc, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân ta.*

Những tư tưởng chiến lược đó của Đảng hoàn toàn phù hợp với những điều kiện ngày nay của đất nước ta và thế giới. Nhìn vào sự so sánh thế và lực tổng hợp của ta và quân xâm lược trên đất nước ta, chúng ta có điều kiện đánh địch trên thế và lực mạnh hơn, dù kẻ địch có huy động số rất lớn quân vào xâm lược nước ta.

Khoa học và nghệ thuật quân sự cần tìm ra *cách đánh* cho từng người, từng nhóm người đến cách đánh cả nước, cả dân tộc, ~~đang lên giải quyết~~ *giải quyết* vấn đề Tổ quốc thân yêu. Đồng thời nó phải giải quyết vấn đề kết hợp tác chiến tại chỗ của chiến tranh nhân dân phát triển cao ở khắp nơi trên đất nước ta với tác chiến tập trung - cơ động của các binh đoàn chủ lực của các cấp. Những binh

(4) Nếu chúng ta thực hiện cơ giới hóa lao động nông nghiệp 70 - 80% cho vùng đồng bằng sông Hồng, chúng ta có thể đòi ra mấy triệu lao động.

đoàn chủ lực này gồm những quân tinh nhuệ, có các loại quân chủng, binh chủng được trang bị mạnh và rất mạnh, được huấn luyện tốt, chỉ huy giỏi. Những «quả đấm» chủ lực này được «tự do» hoạt động trên nền tảng của chiến tranh nhân dân phát triển rất cao ở khắp nơi. Nó chỉ tiến hành các chiến dịch phòng ngự trên những hướng cần thiết, bằng những lực lượng cần thiết. Phương thức tác chiến chủ yếu của nó là thực hiện những chiến dịch phản công và tiến công, đánh tiêu diệt lớn những lực lượng chiến lược của địch.

Cùng với cách đánh của các binh đoàn chủ lực, phải rất coi trọng cách đánh của các lực lượng vũ trang địa phương tác chiến tại chỗ. Đó là cách đánh đề giam chân, làm suy yếu và tạo ra thế chia cắt quân địch, tạo thuận lợi cho các lực lượng cơ động — tập trung thực hiện đánh tiêu diệt lớn, dứt điểm. Đó còn là cách đánh của các lực lượng vũ trang địa phương được tổ chức và trang bị mạnh, sử dụng một cách phổ biến vũ khí và phương tiện tương đối hiện đại và hiện đại. Cách đánh ấy dựa trên cơ sở sức mạnh tại chỗ, làm chủ tại chỗ về mặt; dựa trên kết quả của công tác chuẩn bị cho đất nước chống xâm lược đã được thực hiện nghiêm túc, toàn diện từ thời bình. Vì vậy cần đặc biệt coi trọng việc chuẩn bị về kinh tế, về lực lượng, về chiến trường, về dự trữ chiến tranh và bảo đảm hậu cần tại chỗ của tất cả các địa phương trong cả nước.

Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc trước hết được thể hiện ở việc bảo vệ từng địa phương. Cho nên, cần coi trọng công tác tổ chức phòng thủ khu vực và sẵn sàng chiến đấu trong từng khu vực, theo quan điểm phòng thủ «liên hoàn», nghĩa là trận địa nối liền trận địa trong các làng, xã chiến đấu; các xã trong địa bàn huyện; các huyện trong địa bàn tỉnh; các tỉnh trong địa bàn quân khu; từ nội địa

đến biên giới, từ đất liền tới vùng biển và hải đảo... Mỗi cấp từ xã trở lên quân khu phải có lực lượng cơ động trong tay, tổ chức những khu phòng thủ then chốt. Đồng thời biết khai thác và lợi dụng địa thế «thiên hiểm» của mình, kết hợp với sự khéo léo về tổ chức hỏa lực, tạo thành một hệ thống công sự — vật chướng ngại vững chắc với hệ thống hỏa lực mạnh mẽ, nhằm tiêu diệt địch, bảo vệ địa phương một cách kiên quyết, vững chắc. Trên tất cả các địa phương, còn phải lo tạo thế đứng chân và tác chiến của quân chủ lực. Như vậy cần có sự phối hợp và hiệp đồng chặt chẽ về sử dụng lực lượng, tổ chức hỏa lực, tổ chức chỉ huy và tổ chức bảo đảm theo kế hoạch chiến lược, phương án tác chiến chiến dịch và chiến đấu đã được phê chuẩn. Và đề phối hợp, hiệp đồng tốt, đồng thời bổ sung và hoàn chỉnh các phương án tác chiến, cần tổ chức diễn tập từ thấp lên cao.

THẾ CHIẾN LƯỢC CỦA HẬU PHƯƠNG VÙNG MẠNH TOÀN DIỆN VÀ HẬU CẦN TẠI CHỖ HÙNG HẬU

Học thuyết quân sự Mác-Lê-nin đã khẳng định vai trò của hậu phương trong chiến tranh, coi hậu phương là nhân tố thường xuyên quyết định thắng lợi của chiến tranh. Thực tiễn chiến tranh cách mạng ở nước ta cũng đã chứng minh điều đó: «Không thể nào có thắng lợi của sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nếu không có miền Bắc xã hội chủ nghĩa» (5).

Đó là một trong những kinh nghiệm lịch sử lớn nhất trong chiến tranh. Kinh nghiệm đó khẳng định tính tất yếu của vấn đề cách mạng cả nước ta phải đi lên chủ nghĩa xã hội. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới bảo đảm cho

(5) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1977, trang 28.

Tổ quốc ta hùng mạnh, bảo đảm cho đất nước ta mãi mãi độc lập tự do, nhân dân ta ấm no, hạnh phúc. Ngày nay, với đối tượng chiến lược mới, chắc chắn các loại hình của chiến tranh, các phương thức và các thủ đoạn chiến tranh cũng sẽ có sự phát triển mới. Kẻ địch khi đã sai lầm về đường lối thì khó tránh khỏi sai lầm về chiến lược: khi tham vọng quá lớn nhưng khả năng có hạn, thì khó tránh khỏi phiêu lưu, tàn bạo. Trước đối tượng như vậy, ta không được phép loại trừ khả năng xảy ra một cuộc tiến công xâm lược lớn, nhằm thôn tính nước ta. Đó là một hình thái chiến tranh xâm lược quy mô lớn. Thực tế hiện nay, chúng đã dùng hình thái chiến tranh hạn chế, chiến tranh biên giới, xâm lấn hải đảo, vùng biển, nhằm tiêu hao sức mạnh của ta, phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta. Rồi đây, trong tương lai có thể nảy sinh ra những hình thái mới khác nữa. Vì thế, việc chú trọng theo sát diễn biến của tình hình, sớm dự kiến và xác định được những hình thái chiến tranh có thể xảy ra là điều đặc biệt quan trọng. Có làm được như vậy, mới giúp ích cho việc chuẩn bị đầy đủ và toàn diện, bảo đảm lúc nào, tình huống nào cũng giành được thế chủ động và chắc thắng.

Trong điều kiện chiến tranh ngày nay, với những phương tiện hiện đại dồi dào bằng đường không, đường biển, đường sông, với những vũ khí tầm xa, có sức phá hủy lớn mà địch có thể dùng, trong điều kiện đất nước ta ít có chiều sâu lãnh thổ, không một địa phương nào được phép cho rằng mình chỉ là hậu phương hoặc chỉ phải trực tiếp đối phó với một hình thái chiến tranh nào đó. Cho nên từng địa phương, từng khu vực, phải chuẩn bị toàn diện, dự kiến mọi tình huống, kể cả tình huống xấu nhất. Dĩ nhiên, về mặt chiến lược và kế hoạch chiến lược, cần có sự phân biệt giữa vùng này với vùng khác để chỉ

đạo công tác chuẩn bị cụ thể, đối phó với một cuộc chiến tranh cụ thể trên cơ sở những dự đoán khoa học, để có sự ưu tiên khác nhau, phân biệt và xác định thứ tự công việc khác nhau.

Cả nước và từng địa phương chuẩn bị chống chiến tranh xâm lược, phải đặc biệt coi trọng công tác chuẩn bị kinh tế để bảo đảm hậu cần tại chỗ. Mọi người đều biết, chiến tranh càng hiện đại, những hoạt động đánh phá của địch nhằm tiêu diệt nguồn sản xuất và nguồn vận tải tiếp tế càng ác liệt, xảo quyệt, thì khối lượng vật chất kỹ thuật được sử dụng càng lớn, càng phức tạp. Vì vậy công tác bảo đảm hậu cần cho chiến tranh ngày nay chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng.

Đối với chúng ta, với thế trận tại chỗ, rộng khắp của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, công tác hậu cần của đất nước, của quân đội cũng phải được chuẩn bị và triển khai một cách tương ứng. Đó là việc phải dự trữ chiến lược các nguồn của cải vật chất theo những yêu cầu của kế hoạch chiến lược để phân chia lượng dự trữ ấy cho các hướng, các chiến trường khác nhau; phải tính tới việc xây dựng hệ thống giao thông, vận tải, hệ thống kho tàng, hệ thống những cơ sở sửa chữa vũ khí, phương tiện và hoạt động của chúng trong chiến tranh. Đặc biệt, phải coi trọng công tác dự trữ tại chỗ, hậu cần tại chỗ của các cấp, đặc biệt là cấp tỉnh và quân khu, để giảm nhẹ cho công tác vận chuyển trong điều kiện khắc nghiệt của chiến tranh, hoặc trong hoàn cảnh tạm thời bị bao vây, bị đứt đường giao thông, tạm thời bị chia cắt chiến lược.

Một công việc mới mẻ và phức tạp là công tác chuẩn bị, dự tính cho được nhu cầu mọi mặt trong thời gian đầu của chiến tranh, và việc tổ chức huy động toàn bộ nền kinh tế quốc dân: công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, thông tin bưu điện... nhằm cung ứng cho nhu cầu trong thời gian

tiếp theo của chiến tranh. Chúng ta chỉ có thể làm tốt công tác phức tạp ấy bằng việc nắm chắc tiềm lực mọi mặt của đất nước, của từng địa phương trong thời bình; đăng ký, quản lý chặt chẽ và đặt các ngành kinh tế vào kế hoạch động viên cho sát với khả năng thực tế từng lúc, từng nơi. Muốn tạo nên thế trận tại chỗ, rộng khắp, nhưng liên hoàn, ngoài việc phải thống nhất về tư tưởng, tổ chức, kế hoạch, nhất thiết phải có cơ sở vật chất, có cấu trúc hạ tầng để bảo đảm. Đó là hệ thống giao thông, vận tải và thông tin, bưu điện phát triển, tức là có trục giao thông chiến lược xuyên suốt, vững mạnh nối thông từ Bắc xuống Nam, từ Đông sang Tây, được tổ chức «kép» gồm cả đường ống, đáp ứng yêu cầu của các tuyến phòng thủ ở những vùng biên giới, hải đảo; có các tuyến đường ngang dọc nối liền các trục giao thông chiến lược, bảo đảm cho việc vận chuyển bằng cơ giới của các binh đoàn chủ lực tác chiến. Đồng thời, hệ thống thông tin, bưu điện phải bảo đảm thông suốt nhanh chóng, chính xác đến tận các cơ sở, nhất là các vùng xung yếu.

Đã đến lúc lý luận về hậu cần quân sự phải trở thành một bộ môn lý luận của khoa học quân sự hiện đại. Lý luận đó mang tính chất kinh tế — kinh tế quân sự. Nếu không có lý luận đó thì khó có thể chỉ đạo tốt công tác chuẩn bị trong thời bình, chuẩn bị ngay trong quá trình xây dựng kinh tế với củng cố quốc phòng trong thời bình, trực tiếp góp phần giải quyết việc bảo đảm về mặt vật chất kỹ thuật cho các lực lượng vũ trang và toàn dân chiến đấu.



Trong thử thách mới, mỗi người Việt-nam yêu nước xã hội chủ nghĩa đều sẵn sàng xả thân vì Tổ quốc. Vấn đề then chốt đang đặt ra trước mỗi người chúng ta là *phải biết quý trọng thời gian*, vì thời gian đối với chúng ta lúc này chính là lực lượng. Chúng ta chỉ có hai sự lựa chọn. Hoặc để cho thời gian trôi qua một cách vô ích, không ra sức khắc phục những khó khăn, nhược điểm, khuyết điểm về quản lý kinh tế, quản lý xã hội và những hiện tượng tiêu cực khác trong đời sống xã hội, không thật sự tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động, không tìm mọi cách với ý thức tự lực tự cường cao, đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng, cải thiện đời sống nhân dân. Hoặc là, vươn lên như «Phù Đổng» trong cao trào hành động cách mạng của hàng chục triệu quần chúng để xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, giành lấy cuộc sống ấm no, văn minh và hạnh phúc cho toàn dân và một nền hòa bình, độc lập, tự do bền vững cho đất nước, góp phần vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân lao động trên thế giới.

Xây dựng cho được một thế chiến lược mới để giữ nước trong tình hình hiện nay thực chất là vấn đề tổ chức lại toàn bộ đất nước để tạo ra sức mạnh to lớn nhất, đủ sức đập tan quân xâm lược mới, nếu chúng dám liều lĩnh mở cuộc tiến công quân sự quy mô lớn vào nước ta, đồng thời cũng là để bảo đảm cho chúng ta xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội bất chấp mọi sự phá hoại của kẻ thù.

Người mở đường giải quyết cuộc khủng hoảng lịch sử của dân tộc

HỒNG-QUANG

“ **V**ào những năm 20 của thế kỷ này, sau khi các cuộc khởi nghĩa của Cần vương bị dập tắt, phong trào giải phóng sôi nổi của nhân dân ta đứng trước một cuộc khủng hoảng sâu sắc về đường lối ”.

Đoạn nhận xét trên đây trong phần mở đầu cuốn *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới* của đồng chí Lê-Duẩn, đã miêu tả một cách khái quát tình hình thực tế nước ta hồi đầu thế kỷ 20 nhất là từ năm 1921 đến năm 1929.

Đây mới chỉ nói đến cuộc khủng hoảng đường lối ở giai đoạn sâu sắc. Thực ra, cuộc khủng hoảng này bắt đầu diễn ra ngay từ khi thực dân Pháp nổ tiếng súng xâm lược nước ta, và từ khi nhân dân ta nổi dậy cầm vũ khí chống

bọn xâm lược cho đến khi Đảng của giai cấp công nhân Việt-nam ra đời. Trong thời gian đó, cách mạng nước ta thực tế đều nằm trong tình trạng « đen tối như không có đường ra ». Dù có lúc, có phong trào giành được một thắng lợi nào đó nhưng rồi cuộc đều bị thực dân Pháp dập tắt. Thất bại của các cuộc khởi nghĩa đó đều bắt nguồn từ nguyên nhân cơ bản là thiếu đường lối đúng.

Vào những năm 20, cuộc khủng hoảng về đường lối đã lên tới đỉnh cao. Sau khi cuộc đấu tranh giải phóng dưới ngọn cờ « phò vua cứu nước » bị phá sản, sự nghiệp giải phóng lại được tiếp tục dưới ngọn cờ mới — ngọn cờ dân chủ tư sản, nhưng cũng không thu được kết quả gì hơn. Cuộc khủng hoảng về đường lối không những không được giải quyết, mà lại còn trầm trọng hơn.

Vì sao vậy ?

Là vì cả trong thời kỳ trước và thời kỳ sau, những người yêu nước đều bị hạn chế về điều kiện lịch sử, hạn chế về nhận thức, không thể nào hiểu được rằng thời đại cũ đã qua rồi, thời đại mới đã xuất hiện với những đặc điểm hoàn toàn khác hẳn. Những đường lối cứu nước trước đó đã không còn thích hợp nữa. Những người lãnh đạo phong trào chống Pháp dưới ngọn cờ « phò vua cứu nước » không thể cất nghĩa nổi vì sao ông cha ta xưa kia phò vua cứu nước chống Nguyên, chống Thanh, chống Minh thắng lợi, mà lúc này thì phò vua cứu nước chống Pháp lại không giành thắng lợi.

Kinh nghiệm lịch sử của nước ta nửa thế kỷ qua và cũng là kinh nghiệm lịch sử của thế giới hiện đại chứng minh rằng, chỉ có xem xét và đánh giá đúng đắn đặc điểm của thời đại thì mới hiểu được sâu sắc đặc điểm của từng nước, và mới định ra được đường lối đúng đắn.

« Chỉ có xem xét những đặc điểm chủ yếu của những « thời đại » khác nhau (chứ không phải là những giai đoạn lịch sử cá biệt ở mỗi nước) thì chúng ta mới có thể định ra đúng đắn sách lược của chúng ta; và chỉ có hiểu biết những đặc điểm căn bản của một thời đại, chúng ta mới có thể tiến đến những đặc điểm chi tiết của nước này hay nước nọ » (1).

Trong « mỗi thời đại, phải biết xem xét giai cấp nào là *giai cấp đứng ở trung tâm của thời đại và quyết định nội dung căn bản, phương hướng phát triển chính của thời đại đó*.

Ăng-ghe-n cũng nói rằng đã có thời kỳ giai cấp chủ nô, giai cấp phong kiến quý tộc, giai cấp tư sản là những thành phần xã hội « không thể thiếu được » và « cần thiết » « với tư cách là động lực của tiến bộ loài người », là « chính đáng đối với một thời kỳ có hạn nào đó của lịch sử » (2), nhưng sự cần thiết đó, tư cách động lực và

tính chính đáng đó đã mất đi khi những giai cấp ấy đã nắm độc quyền thống trị, bóc lột, trở thành chướng ngại cho sự phát triển của xã hội và trở thành phản động. Đó là cách xem xét vấn đề thời đại của các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học.

Ở nước ta, quá trình phát triển xã hội có những điều kiện lịch sử riêng biệt, cho nên sự xuất hiện giai cấp và vai trò của các giai cấp cũng có những nét riêng biệt. Điểm khác nhau rõ ràng ở đây là xã hội Việt-nam chưa trải qua thời kỳ phát triển tư bản chủ nghĩa, tuy đã có những mầm mống tư bản. Trong khi chế độ phong kiến nước ta đã hết vai trò lịch sử, chủ nghĩa tư bản chưa ra đời, thì ở phương Tây, chủ nghĩa tư bản đã chuyển từ tiến bộ sang phản động. Giai cấp tư sản đã mất hết tư cách là động lực tiến bộ, không còn là giai cấp trung tâm của thời đại nữa. Giai cấp tư sản Pháp nổi lên từ cuộc cách mạng 1789 đã trở thành giai cấp tư sản bóc lột, thoái nát, phản động. Giai cấp tư sản nước ta sinh ra trong thời đại ấy, với vị trí kinh tế và chính trị nhỏ bé, thấp kém của nó, đã không có cơ sở khách quan để có tư cách là giai cấp trung tâm của xã hội Việt-nam, cũng không thể có tác dụng là động lực tiến bộ như giai cấp tư sản Pháp ở thời đại đang đi lên. Nhưng vai trò của giai cấp phong kiến do điều kiện lịch sử ổn định của nó, thì lại nằm trong quy luật phát triển chung của xã hội loài người như Ăng-ghe-n đã khẳng định. Giai cấp phong kiến nước ta trong giai đoạn đầu, ở thời đại trung cổ, đã có những tác dụng tiến bộ nhất định đối với sự phát triển xã hội, nhất là về mặt giành và giữ độc lập

(1) Lê-nin: Toàn tập, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 21, tr. 157.

(2) Các tác gia kinh điển của chủ nghĩa Mác bàn về khoa học lịch sử, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, trang 314.

dân tộc, chống ách xâm lược nước ngoài.

Thời đại mà Lý-Thường-Kiệt, Trần-Quốc-Tuấn, Nguyễn-Trãi, v.v. lập được những chiến tích phi thường đánh tan quân xâm lược, giành và giữ độc lập cho đất nước là thời đại mà ở nước ta giai cấp phong kiến còn tiến bộ, là thời đại của những phong trào dân tộc, các cuộc kháng chiến và nổi dậy chống xâm lược đều nằm trong quỹ đạo của giai cấp phong kiến là trung tâm của xã hội. Chính vì giai cấp phong kiến lúc ấy còn có tác dụng tiến bộ, cho nên lợi ích của giai cấp ấy có chừng nào phù hợp với lợi ích của dân tộc, những người đại biểu của giai cấp ấy đã đề ra được đường lối sáng suốt như «vua tôi đồng tâm, anh em hòa thuận, cả nước một lòng», «khoan thư sức dân», «hòa rượu cùng uống, binh sĩ một dạ cha con», «lấy yếu chống mạnh, lấy ít địch nhiều»... là những đường lối chiến lược đúng đắn đã đưa cuộc kháng chiến chống ngoại xâm tới thắng lợi.

Nhưng từ thế kỷ 16 trở đi, giai cấp phong kiến nước ta đã có những biểu hiện xuống dốc, đang ở vào quá trình từ tiến bộ chuyển dần từng bước thành phản động. Vì thế mà có tình trạng Trịnh — Nguyễn phân tranh chia cắt đất nước 200 năm. Lê-Chiêu-Thống bán nước, Nguyễn-Ánh cầu cứu thực dân Pháp, dọn đường cho chúng xâm lược nước ta. Dù nhân dân vẫn cứ nổi dậy, và có lúc nổi dậy rất anh hùng, rất vĩ đại, phản ánh truyền thống kiên cường bất khuất của dân tộc, nhưng trong thời đại mới con đường giải phóng theo quan điểm của giai cấp phong kiến không thể cứu nước được nữa.

Trong thời đại mới, khi phương thức sản xuất phong kiến đã trở thành cái chướng ngại lớn trên con đường phát triển của xã hội, thì hiển nhiên là «giai cấp đứng ở trung tâm» thời đại không phải là giai cấp phong kiến

bán nước, đàn áp nhân dân. Chính vì thế, ngọn cờ cứu nước theo quan điểm phong kiến đã mất hết sức hấp dẫn, đã trở thành rách nát. Khẩu hiệu «phò vua cứu nước» không còn ý nghĩa gì khi nhà vua là tượng trưng của đất nước đã trở thành kẻ bán nước. Nhân dân ta phải chiến đấu ròng rã 38 năm (1858 — 1896) dưới ngọn cờ đó, phải trả bằng những giá quá đắt, mới rút ra được kết luận bỏ đi. Hệ tư tưởng phong kiến là nguồn gốc làm cho nhân dân ta lạc hậu và làm cho ta mất nước.

«Lêu chống hại ta, tóc bạc da mồi mới biết». Đó là di chúc của Lương-Văn-Can, người trí thức phong kiến yêu nước nổi tiếng, lãnh tụ của nhóm Đông kinh nghĩa thực. Di chúc của Lương-Văn-Can cũng là kết luận của tất cả những người trí thức phong kiến nước ta, đầu thế kỷ 20. Từ «lêu chống» mà Lương-Văn-Can nói đây không chỉ biểu hiện chế độ thi cử phong kiến mà chính là biểu hiện toàn bộ chế độ phong kiến, không chỉ làm hại riêng cuộc đời Lương-Văn-Can, mà còn làm hại cả một dân tộc.

Sau khi đoạn tuyệt với lý luận phong kiến, những người yêu nước Việt-nam đi tìm con đường cứu nước mới. Đó là con đường cứu nước dựa trên lý luận dân chủ tư sản qua tác phẩm dịch của Lương-Khải-Siêu, Khang-Hữ-Vi, qua con đường nước Nhật-bản duy tân, qua cách mạng tư sản Tân Hợi Trung-quốc, qua chế độ nghị viện tư sản ở các nước phương Tây.

Trường Đông kinh nghĩa thực mới mở được 9 tháng thì thực dân Pháp đã ra lệnh đóng cửa trường, bắt bỏ tù Lương-Văn-Can và những người theo ông, và đẩy họ đi Côn-đảo. Phong trào chống thuế Trung-kỳ bị đàn áp. Phan-Chu-Trình cũng bị đày đi Côn-đảo. Phan-Bội-Châu và lưu học sinh Việt-nam bị đuổi ra khỏi nước Nhật. Cách mạng Tân Hợi thất bại, Phan-Bội-Châu bị bọn quân phiệt Trung-

quốc bất giam. Phan-Bội-Châu thất vọng đối với nước Nhật-bản duy tân mà trước kia ông vô cùng khâm phục, ông không thể hiểu nổi vì sao nước Nhật duy tân lại không muốn dung nạp những người theo con đường duy tân. Phan-Chu-Trinh mấy lần bị Pháp bỏ tù nhưng cũng không hiểu nổi vì sao nước Pháp có chế độ nghị viện tư sản nổi tiếng châu Âu lại không muốn cho nước thuộc địa có chế độ nghị viện tư sản, hơn nữa còn đàn áp thẳng tay những người Việt-nam muốn nhờ Pháp giúp cho chế độ nghị viện tư sản.

Tất cả các nhà yêu nước đã chuyển sang lập trường dân chủ tư sản đó không hiểu được rằng trong thời đại mới, giai cấp đứng ở trung tâm quyết định phương hướng, nội dung phát triển của thời đại đã không những không phải là giai cấp phong kiến, mà cũng không phải là giai cấp

tư sản nữa. «Giai cấp tư sản, trước kia là một giai cấp tiên tiến và đang lên, thì hiện nay đã trở thành một giai cấp suy đồi, tàn tạ, hấp hối, phản động» (3). Các ông đã không hiểu được rằng «một giai cấp hoàn toàn khác đã trở thành giai cấp đang lên, trong một phạm vi lịch sử rộng lớn» (4). Đó là giai cấp vô sản.

Chính vì thế, học thuyết dân chủ tư sản đã không thể là thứ lý luận cách mạng có thể giải phóng các dân tộc bị áp bức và nhân loại cần lao. Cho nên, sự thất bại của Phan-Bội-Châu, Phan-Chu-Trinh cũng có nghĩa là sự phá sản và bất lực của lý luận dân chủ tư sản ở nước ta.

Trước năm 1920, đất nước ta quả thực là đang ở trong cơn khủng hoảng sâu sắc về đường lối cứu nước. *Thực chất cuộc khủng hoảng ấy là khủng hoảng về vai trò lãnh đạo của giai cấp tiên tiến trong xã hội.*

II

Trong cơn bế tắc, giữa lúc «tình hình đen tối như không có đường ra», đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc tức Chủ tịch Hồ-Chí-Minh kính mến, bằng thiên tài trí tuệ và hoạt động thực tiễn của mình, đã kịp thời đáp ứng nhu cầu bức thiết của lịch sử.

Không chịu sự hạn chế của những người yêu nước đương thời, Nguyễn-Ái-Quốc ra đi tìm một con đường cứu nước khác, trên cơ sở phân tích một cách chính xác về những con đường cứu nước đã bị thất bại. Sự phân tích đó, sau này, ta được nghe kể lại như sau: Cụ «Phan-Chu-Trinh chỉ yêu cầu người Pháp thực hiện cải lương... chẳng khác gì đến xin giặc rủ lòng thương».

«Cụ Phan-Bội-Châu hy vọng Nhật giúp đỡ để đuổi Pháp. Điều đó rất nguy hiểm, chẳng khác gì «đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau».

«Cụ Hoàng-Hoa-Thám còn thực tế hơn, vì trực tiếp đấu tranh chống Pháp. Nhưng theo lời người ta kể thì Cụ còn nặng cốt cách phong kiến» (5).

Năm 1911, khi bắt đầu cuộc hành trình tìm đường cứu nước, Nguyễn-Ái-Quốc chưa thể có điều kiện đầy đủ

(3), (4) Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 21, trang 161.

(5) Trần-Dân-Tiên: *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1975, trang 12, 13.

đề bắt gặp ngay lý luận chủ nghĩa Mác—Lê-nin. Ở châu Âu, chủ nghĩa Mác ra đời đã hơn 60 năm (1847 — 1911) nhưng trên thế giới chưa có cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa nào giành được thắng lợi. Những nơi mà Nguyễn-Ái-Quốc đặt chân đến (Mỹ, Anh, Pháp...) chưa có đảng cộng sản. Trước 1919, Quốc tế cộng sản chưa ra đời. Trong điều kiện đó, Nguyễn-Ái-Quốc bắt tay vào nghiên cứu những cuộc cách mạng đã giành thắng lợi ở những nước tư bản phát triển nhất. Đó là cuộc cách mạng Mỹ năm 1776 và cách mạng Pháp năm 1789. Nguyễn-Ái-Quốc rất khâm phục ý chí giành độc lập tự do của nhân dân Mỹ, nhưng Nguyễn-Ái-Quốc thấy không thể đi theo cuộc cách mạng này được vì cách mạng đã thành công hơn 150 năm mà công nông vẫn cứ cực khổ, vẫn lo tính cuộc cách mạng lần thứ hai. Nguyễn-Ái-Quốc cũng khâm phục tinh thần cách mạng Pháp, nhưng không đi theo con đường đó, vì cách mạng Pháp cũng như cách mạng Mỹ, nghĩa là cách mạng tư bản, là “cách mạng không đến nơi”.

Lúc đó, tuy chưa đứng vào hàng ngũ của giai cấp tiên phong thời đại, nhưng Nguyễn-Ái-Quốc đã thấy được giai cấp tư sản không còn là giai cấp tiến bộ của thời đại nữa.

Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ, càng phơi bày tận gốc tính chất tàn bạo, thối nát và rẫy chết của chủ nghĩa tư bản. Đây là thực tế sinh động nhất giúp Nguyễn-Ái-Quốc hiểu được bộ mặt thật của chủ nghĩa tư bản.

Năm 1917, trở lại Pháp, Nguyễn-Ái-Quốc tham gia phong trào công nhân Pháp. Tháng 11 năm đó, diễn ra một sự kiện rung chuyển toàn thế giới, đánh dấu bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử xã hội loài người: Cách mạng tháng Mười Nga thắng lợi. Cách mạng tháng Mười đã mở đầu một thời đại

mới trong lịch sử, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Cách mạng tháng Mười cũng mở ra bước ngoặt trong phong trào giải phóng dân tộc, đã gắn độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội làm một với khẩu hiệu chiến đấu vang dội của Lê-nin: “Vo sân tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại!” Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười đã làm lung lay tận gốc chủ nghĩa cải lương của Quốc tế thứ hai, dẫn đến việc thành lập Quốc tế cộng sản — đội tiên phong cách mạng của giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức toàn thế giới. Từ đó, phong trào công nhân quốc tế diễn ra một sự phân hóa sâu sắc: theo Quốc tế thứ hai đã phá sản và phản bội hay theo Quốc tế thứ ba cách mạng? Tất cả những sự kiện quan trọng này của đời sống chính trị thế giới đã ảnh hưởng trực tiếp và quyết định đến con đường cách mạng của Nguyễn-Ái-Quốc. Sau một thời gian ngắn tìm hiểu và nghiên cứu, Nguyễn-Ái-Quốc đã không do dự *đứng hẳn về con đường của Cách mạng tháng Mười, đứng hẳn về chủ nghĩa Mác — Lê-nin và đứng hẳn về Quốc tế cộng sản.*

Lập trường dứt khoát này của Nguyễn-Ái-Quốc được đánh dấu bằng hành động có ý nghĩa lịch sử trong Đại hội Đảng xã hội Pháp ở thành phố Tua tháng 12 năm 1920. Trong Đại hội đó, Nguyễn-Ái-Quốc đã bỏ phiếu tán thành Quốc tế cộng sản, bỏ phiếu tán thành lập ra Đảng cộng sản Pháp.

Lập trường dứt khoát đi theo con đường Cách mạng tháng Mười Nga, được Nguyễn-Ái-Quốc ghi lại trong cuốn “Đường khách mệnh” viết 5 năm sau khi tham gia sáng lập Đảng cộng sản Pháp.

« Trong thế giới bây giờ chỉ có khách mệnh Nga là đã thành công, và thành công đến nơi, nghĩa là dân

chúng được hưởng cái hạnh phúc, tự do thật... Khách mệnh Nga đã đuổi được vua, tư bản, địa chủ, rồi lại ra sức cho công nông các nước và dân tộc bị áp bức các thuộc địa làm khách mệnh để đập đổ tất cả đế quốc chủ nghĩa và tư bản trong thế giới ».

Lập trường dứt khoát của Nguyễn-Ái-Quốc đứng hẳn về chủ nghĩa Mác - Lê-nin được ghi rõ :

« Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, khách mệnh nhất là chủ nghĩa Lê-nin. »

« Khách mệnh Nga dạy cho chúng ta rằng... phải theo chủ nghĩa Mác và Lê-nin ».

Lập trường dứt khoát đứng hẳn về Quốc tế cộng sản của Nguyễn-Ái-Quốc cũng được ghi rõ trong cuốn sách đó : « Việt-nam muốn khách mệnh thành công thì tất phải nhờ Đệ tam quốc tế ».

Cái gì đã đưa Nguyễn-Ái-Quốc đến chủ nghĩa Mác - Lê-nin nhanh chóng và dứt khoát như vậy ?

Nguyễn-Ái-Quốc trả lời :

« Lúc đầu, chính là chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lê-nin, tin theo Quốc tế thứ ba. Từng bước một, trong cuộc đấu tranh, vừa nghiên cứu lý luận Mác - Lê-nin, vừa làm công tác thực tế, dần dần tôi hiểu được rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ » (6).

Từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa cộng sản, đó là con đường Nguyễn-Ái-Quốc đã đi qua. Đó cũng là con đường mà nhân dân Việt-nam đã đi qua.

Chúng ta hiểu chủ nghĩa yêu nước mà Nguyễn-Ái-Quốc nói đây là chủ nghĩa yêu nước của giai cấp vô sản.

Nó khác với chủ nghĩa yêu nước trước Nguyễn-Ái-Quốc.

Kinh nghiệm lịch sử hơn một trăm năm của cách mạng Việt-nam và kinh nghiệm lịch sử của thế giới cận hiện đại đã chứng minh không phải bất cứ chủ nghĩa yêu nước nào cũng có thể dẫn đến chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa yêu nước của Phan-Bội-Châu và của Phan-Chu-Trinh không dẫn hai ông tới chủ nghĩa cộng sản mặc dù có lúc Phan-Bội-Châu đã viết một cuốn sách về chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa yêu nước của Găng-di, Xu-các-nô, Tôn-Dật-Tiên... cũng không dẫn các ông đến chủ nghĩa cộng sản, mặc dù có lúc có ông đã bắt tay với cộng sản.

Chủ nghĩa yêu nước của Nguyễn-Ái-Quốc đoạn tuyệt hẳn với lập trường yêu nước của giai cấp phong kiến và của giai cấp tư sản. Đức kết tinh hoa yêu nước của nhân dân và dân tộc, đồng thời thông cảm sâu sắc với những cảnh mất nước, với những nỗi bất công, những nạn bắn cung của nhân dân lao động các nước mà Nguyễn-Ái-Quốc đã từng sống, đã được nghe, Nguyễn-Ái-Quốc đã nhanh chóng bắt gặp và tiếp thu quan điểm yêu nước của giai cấp vô sản. Chính vì thế mà Nguyễn-Ái-Quốc đã có những quan điểm yêu nước rất đúng đắn. Đó là quan điểm cách mạng thẳng lợi rồi, quyền làm chủ phải nằm trong tay đại đa số nhân dân, chứ không phải trong tay số ít người. Đó là quan điểm yêu nước mình đồng thời cũng tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân các nước khác, vì thế mà có sự liên minh giữa cách mạng giải phóng dân tộc các nước thuộc địa với cách mạng vô sản ở các nước tư bản chủ nghĩa. Đó là quan điểm đoàn kết với tất cả những người yêu nước trên thế giới trong một mặt trận thống

(6) Hồ-Chí-Minh : *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 229.

nhất chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc.

Xu thế tất yếu của thời đại, cũng là xu thế tất yếu của Việt-nam trong điều kiện mới, là khi giai cấp phong kiến và giai cấp tư sản đã vứt bỏ ngọn cờ yêu nước của nó, thì chủ nghĩa yêu nước chân chính tất phải bắt gặp chủ nghĩa xã hội, những người yêu nước chân chính không còn con đường nào khác để triệt để giải phóng cho dân tộc ngoài con đường của chủ nghĩa xã hội. Xu thế đó có thể đến nhanh hay chậm với những người yêu nước chân chính là do điều kiện lịch sử cụ thể quy định, nhưng đó là một quy luật khách quan.

Ở Việt-nam, những người yêu nước chân chính đều đứng dưới ngọn cờ của chủ nghĩa xã hội. Nguyễn-Ái-Quốc là người yêu nước Việt-nam đầu tiên đã dẫn đầu trào lưu đó.

Nguyễn-Ái-Quốc đi theo chủ nghĩa Mác — Lê-nin đã kéo theo cả một lớp người yêu nước Việt-nam đi theo chủ nghĩa xã hội, và đó là một dòng chảy rộng lớn ở Việt-nam trong những năm 20 của thế kỷ này.

Sự kiện Nguyễn-Ái-Quốc tham gia thành lập Đảng cộng sản Pháp năm 1920 chẳng những là một bước ngoặt vĩ đại trong đời hoạt động của Người mà còn là sự mở đường dẫn đến *bước ngoặt vĩ đại của lịch sử cách mạng Việt-nam*. Đó là bước ngoặt mở đầu thời kỳ phong trào yêu nước Việt-nam gắn với chủ nghĩa cộng sản, mở đường cho chủ nghĩa Mác — Lê-nin thâm nhập vào Việt-nam.

Ở nước Nga, Lê-nin nói, chủ nghĩa Mác phải trải qua nửa thế kỷ đầy thống khổ và hy sinh ghê gớm, một nửa thế kỷ anh dũng cách mạng vô song, phát huy nghị lực chưa từng có, quên mình trong việc tìm tòi và nghiên cứu, một nửa thế kỷ trải qua những kinh nghiệm thực tiễn, những thất vọng, trải qua sự khảo nghiệm,

liên hệ với kinh nghiệm ở châu Âu, mới giành được thắng lợi. Ở Việt-nam, con đường ấy cũng phải trải qua đau khổ và hy sinh trên 60 năm tính từ lúc Việt-nam bị đế quốc Pháp xâm lược đến khi Nguyễn-Ái-Quốc tìm thấy chủ nghĩa Mác — Lê-nin, và trên 70 năm tính đến khi Đảng cộng sản Việt-nam ra đời. Con đường ấy cũng đã phải trải qua khảo nghiệm những sai lầm và thất vọng của lý thuyết cách mạng trong nước, qua khảo nghiệm kinh nghiệm cách mạng mới nhất của châu Âu, châu Mỹ, qua quá trình tìm tòi và nghiên cứu quên mình của Nguyễn-Ái-Quốc và các bạn chiến đấu của Người, và cuối cùng là qua tấm gương của Cách mạng tháng Mười Nga.

Quy luật phát triển của thời đại là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Quy luật ấy chậm đến hoặc không đến được với những người yêu nước trước Nguyễn-Ái-Quốc. Nhưng quy luật ấy đã sớm đến với Nguyễn-Ái-Quốc.

Điều đó có liên quan đến hoàn cảnh lịch sử khách quan trong đó Nguyễn-Ái-Quốc đã sống, đồng thời cũng có liên quan đến bản thân Nguyễn-Ái-Quốc và tất cả những người yêu nước cùng thời.

Nguyễn-Ái-Quốc sinh ra và hoạt động trong *thời đại mới*. Thời đại đó là thời đại sụp đổ của chủ nghĩa đế quốc, là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, là thời đại độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Giai cấp đứng ở vị trí trung tâm của thời đại, không phải là giai cấp tư sản mà là giai cấp công nhân.

Trong thời đại mới, cách mạng giải phóng dân tộc và xóa bỏ chế độ phong kiến chỉ có thể giành thắng lợi triệt để nếu có sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, « một giai cấp luôn luôn đứng ở mũi nhọn của cuộc chiến

dấu trong tất cả các thời kỳ, một giai cấp mà bản chất cách mạng càng tỏ rõ hơn bao giờ hết khi con thuyền cách mạng gặp bước hiểm nghèo, phải qua những đoạn đường gặp ghềnh khúc khuỷu, hoặc khi đất nước đương đầu với những thử thách nghiêm trọng, phải vật lộn với những khó khăn chưa từng thấy » (7)... một giai cấp « trước sau vẫn đứng ở trung tâm các sự kiện lịch sử của đất nước (8).

Nguyễn-Ái-Quốc là người cách mạng Việt-nam đầu tiên sớm tìm thấy chân lý đó. Nguyễn-Ái-Quốc khẳng định:

« Chỉ có *giai cấp công nhân* là dũng cảm nhất, cách mạng nhất, luôn luôn gan góc đương đầu với bọn đế quốc thực dân » (9) Trong thời đại mới, cách mạng dân tộc và dân chủ không thể giành thắng lợi nếu không có sự tham gia của công nhân và nông dân, hai lực lượng chính của cách mạng. Nguyễn-Ái-Quốc đã sớm tìm thấy chân lý đó, sớm tìm thấy điều mà Lê-nin gọi là « kỳ diệu nhất trên đời này ».

Ở Việt-nam, giai cấp phong kiến đã trở thành phản động. Giai cấp tư sản non yếu và bất lực. Lý luận của cả giai cấp phong kiến và giai cấp tư sản đều đã bị phá sản. Với kinh nghiệm của bản thân mình trong hơn nửa thế kỷ, nhân dân Việt-nam đã mất lòng tin ở hai lý luận đó và ngày đêm trông chờ một lý luận giải phóng mới.

Hiểu được sâu sắc yêu cầu của lịch sử và nguyện vọng của nhân dân, Nguyễn-Ái-Quốc đã quyết tâm tìm đến lý luận mới nhất và đúng đắn nhất.

Nguyễn-Ái-Quốc ra đi giữa lúc chủ nghĩa tư bản đã phơi bày đầy đủ bản chất xấu xa và thối nát trong giai đoạn rã chết của nó và trong chiến tranh.

Chiến tranh đế quốc (1914 - 1918) đã vạch trần tận gốc sự bịp bợm của

khẩu hiệu « tự do, bình đẳng, bác ái » của giai cấp tư sản. Qua 10 năm mất thấy, tai nghe và nghiên cứu tại chỗ. Nguyễn-Ái-Quốc đã sớm nhìn rõ đường sau các khẩu hiệu « tự do, bình đẳng, bác ái » đó bao nỗi bất công và sự giả dối. Giai cấp tư sản châu Âu và châu Mỹ đã chà đạp lên quyền con người và quyền bình đẳng của các dân tộc.

Chính bối cảnh lịch sử đó đã giúp Nguyễn-Ái-Quốc sớm kết luận được chỗ lạc hậu và phần tiến bộ của các cuộc cách mạng tư sản Mỹ và cách mạng tư sản Pháp trong điều kiện bấy giờ và dẫn Nguyễn-Ái-Quốc sớm đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Nguyễn-Ái-Quốc tự giác đi vào con đường của những người lao động bị áp bức bóc lột để hoạt động cách mạng và đây là một điểm quan trọng để giải thích tại sao Người đã nhanh chóng bắt gặp chủ nghĩa Mác - Lê-nin, trở thành người mác-xít đầu tiên của Việt-nam. Năm 1960, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 40 ngày thành lập Đảng cộng sản Pháp, đồng chí Hồ-Chí-Minh kể lại:

« Riêng về cá nhân tôi, từ lúc đầu nhờ được học tập truyền thống cách mạng oanh liệt và được rèn luyện trong thực tế đấu tranh anh dũng của công nhân và của Đảng cộng sản Pháp, mà tôi đã tìm thấy chân lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đã từ một người yêu nước tiến bộ thành một chiến sĩ xã hội chủ nghĩa » (10).

Thời gian hoạt động trong phong trào công nhân Pháp cũng là thời gian Nguyễn-Ái-Quốc đã từng bước nghiên cứu lý luận Mác - Lê-nin, bắt đầu từ việc nghiên cứu quan điểm của chủ

(7), (8) Lê-Duẩn: Phát biểu tại Đại hội công đoàn toàn quốc lần thứ IV, 9-5-1978.

(9) Hồ-Chí-Minh: *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 210.

(10) *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1962, tập 6, trang 135.

nghĩa Mác - Lê-nin về vấn đề giải phóng dân tộc. Nhưng khi đã tiếp thu chủ nghĩa xã hội khoa học và trở thành chiến sĩ xã hội chủ nghĩa thì Nguyễn-Ái-Quốc không chỉ thấy trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc mà còn thấy trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp chung của cách mạng thế giới. Chủ nghĩa yêu nước của Nguyễn-Ái-Quốc đã kết hợp với chủ nghĩa quốc tế vô sản một cách chặt chẽ. Ngay từ cuốn sách đầu tiên. Người đã chỉ cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động phải biết gắn liền cách mạng thuộc địa với cách mạng vô sản ở nước đế quốc như hai cánh của một con chim, phải coi cách mạng Việt-nam là một bộ phận của cách mạng thế giới.



Qua mười năm chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin, xác định quan điểm, đường lối cách mạng đúng đắn, đấu tranh chống các loại quan điểm và đường lối chính trị của giai

cấp tư sản và tiểu tư sản, ngày 3-2-1930, Đảng cộng sản Việt-nam ra đời.

Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt-nam với bản cương lĩnh cách mạng đúng đắn, với một hệ thống tổ chức chặt chẽ trong cả nước, là bước ngoặt vĩ đại của lịch sử cách mạng Việt-nam. Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt-nam đánh dấu sự chấm dứt thời kỳ cách mạng nước ta ở trong tình trạng không có đường ra, chấm dứt cuộc khủng hoảng về đường lối kéo dài hai phần ba thế kỷ. Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt-nam đã mở ra một *thời đại mới* trong lịch sử nước ta, thời đại giai cấp công nhân là giai cấp đứng ở trung tâm kết hợp các dòng thác cách mạng, giai cấp quyết định nội dung và phương hướng phát triển chính của xã hội; thời đại nhân dân ta làm ra lịch sử một cách tự giác và có tổ chức; thời đại nhân dân ta tham gia vào sự nghiệp vĩ đại giải phóng loài người khỏi mọi chế độ áp bức và bóc lột.

Trong việc chấm dứt thời đại cũ cũng như trong việc mở ra thời đại mới, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc lúc nào cũng là người đi đầu.

Giới thiệu sách

Cuốn sách ảnh đầu tiên về

«NHÂN DÂN TA RẤT ANH HÙNG, ĐẢNG TA THẬT LÀ VĨ ĐẠI!»

ĐÀO-TÙNG

«**N**HÂN dân ta rất anh hùng. Đảng ta thật là vĩ đại!».

Lời nói đó của Chủ tịch Hồ-Chi-Minh là chủ đề xuyên suốt cuốn sách ảnh «Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng» do Thông tấn xã Việt-nam xuất bản năm 1976 chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (in lần thứ nhất) và in lại lần thứ hai nhân kỷ niệm lần thứ 49 ngày Đảng ta ra đời (1979).

Vào dịp kỷ niệm lần thứ 49 này, cuốn sách ảnh đã được phát hành tới tận các đảng bộ cơ sở. Đây là lần đầu tiên, lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng ta được minh họa bằng ảnh thành một cuốn sách vừa có tính chính luận, vừa có tính nghệ thuật, do công nhân ta in ở trong nước đạt tiêu chuẩn kỹ thuật cao.

Tổ quốc Việt-nam ta đã được xây dựng qua hàng nghìn năm lao động cần cù và đấu tranh anh dũng của nhân dân ta.

Sau tám ảnh mở đầu thay cho lời nói đầu, là chương I giới thiệu truyền

thống đấu tranh anh hùng dựng nước và giữ nước của ông cha ta. Ảnh đền thờ các vua Hùng và ảnh trống đồng Ngọc-lũ gợi lên một trong những nền văn minh sớm nhất của loài người mà dân tộc ta đã dày công xây dựng nên trên mảnh đất thiêng liêng của Tổ quốc mình. Những lần đương đầu thắng lợi với những cuộc xâm lăng tàn bạo của các thế lực phong kiến phương Bắc như còn tỏa hừng hực trong những bức ảnh lịch sử về Hai Bà Trưng, bà Triệu, Ngô-Quyên, Lý-Thường-Kiệt, Trần-Hưng-Đạo, Lê-Lợi, Nguyễn-Huệ. Những ảnh đền thờ các vị anh hùng dân tộc với kiến trúc khác nhau, chân chất tinh dân tộc, trông thật nền nã mà trang nghiêm, cổ kính và giản dị.

Khi chưa có Đảng.

Với tám ảnh tàu chiến Pháp bắn vào Đà-nẵng (31-8-1858), bắt đầu thời kỳ xâm lược và thống trị của chủ nghĩa thực dân, để quốc trên đất nước ta. Nhưng «*đại bác của bọn đế quốc*

không thề át tiếng nói yêu nước của nhân dân Việt-nam. Trong suốt gần một thế kỷ thống trị của thực dân Pháp, phong trào cách mạng giành giải phóng dân tộc ở Việt-nam không ngừng phát triển, kể trước ngã, người sau đứng dậy». Lời nói bình dị mà kiên nghị đó của Bác Hồ như âm vang trên các bức ảnh về cuộc khởi nghĩa của Trương-Công-Định, Trần-Xuân-Soạn, phong trào Cần Vương với Phan-Đình-Phùng, khởi nghĩa Yên-thế với Hoàng-Hoa-Thám, phong trào Đông du và Việt-nam Quang phục hội với Phan-Bội-Châu. « Nhưng tất cả những cuộc khởi nghĩa yêu nước ấy đã bị chìm trong máu » (ảnh thực dân Pháp đàn áp đã مان cuộc khởi nghĩa Ba-dinh — 1887 và binh lính Việt-nam yêu nước trong quân đội thực dân Pháp — 1908). Xem hết chương II, tự nhiên thấy phảng phất « trong mây mười năm chưa có Đảng, tình hình đen tối như không có đường ra. »

***Nhân dân ta rất anh hùng,
Đảng ta thật là vĩ đại.***

Đảng của nhân dân ta ra đời. Một lối thoát ! Hơn thế nữa, một con đường mới đã mở ra. Chương III với 71 ảnh, đây 62 trang, minh họa giai đoạn lịch sử từ ngày Đảng cộng sản Việt-nam ra đời đến khi bắt đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Những hình ảnh tiêu biểu đánh dấu sự kiện và giai đoạn : cạnh ảnh các lãnh tụ của Đảng : Hồ-Chí-Minh, Trần-Phú, Lê-Hồng-Phong, Nguyễn-văn-Cừ, Trường-Chinh, Lê-Duẩn, ảnh Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai (1951) và lần thứ ba (1960) của Đảng là ảnh ghi lại những cuộc đấu tranh cách mạng sôi nổi, liên tục của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng (Xô-viết Nghệ-tĩnh, phong trào Mặt trận dân chủ Đông-dương, đấu tranh giành chính quyền tháng 8-1945), ảnh về những cuộc chiến đấu kiên cường và thắng lợi vẻ vang (đội du kích đầu tiên do Đảng ta lãnh

đạo ra đời ở Bắc-sơn. Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt-nam dân chủ cộng hòa ra đời, toàn quốc kháng chiến, chiến dịch biên giới, cải cách ruộng đất, chiến thắng Điện-biên-phủ, tiếp quản thủ đô Hà-nội, tên lính thực dân cuối cùng rời khỏi nước ta ...) Ảnh dựng lại một thời kỳ lịch sử oai hùng ba mươi năm, đặc biệt là cuộc đấu tranh chính trị và vũ trang gian khổ nhưng vô cùng anh dũng của nhân dân ta trong chín năm kháng chiến thần thánh dưới sự lãnh đạo của Đảng và Hồ Chủ tịch. Đó là một chương ảnh đậm đà, phong phú, cố gắng minh họa câu nói của Hồ Chủ tịch ghi ở đầu chương : « Từ ngày mới ra đời, Đảng ta liền giương cao ngọn cờ cách mạng, đoàn kết và lãnh đạo toàn dân ta tiến lên đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp. Máu cờ đỏ của Đảng chói lọi như mặt trời mới mọc, xé tan cái màn đen tối, soi đường dẫn lối cho nhân dân ta vững bước tiến lên con đường thắng lợi ».

***Đánh cho Mỹ cút, đánh cho
ngụy nhào.***

Dân tộc Việt-nam đấu tranh liên tục. Cách mạng Việt-nam tiến lên không ngừng. Trong khi đồng bào miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội thì đồng bào miền Nam tiến hành đấu tranh chính trị để thống nhất nước nhà. Liên tiếp bị thất bại trong chính sách « bình định » và « chiến tranh đặc biệt », từ cuối năm 1964, đế quốc Mỹ vội vã đưa lực lượng chiến đấu của Mỹ và chư hầu vào miền Nam trực tiếp đánh lại nhân dân ta. *Giặc Mỹ đến kia rồi, quê nhà ta máu chảy, nước Nam ta lửa cháy...* Giữa những bức ảnh điển hình về tội ác của Mỹ giết người, đốt nhà, hãm hiếp, dày ải ở Mỹ-lai, Côn-dảo... hiện lên nổi bật « Người chôn chúng là Anh — anh giải phóng quân mũ tai bèo, chân đất ». Cảnh nổi dậy phá « ấp chiến lược ».

cảnh đấu tranh chính trị quyết liệt của các «đội quân tóc dài», của công nhân, học sinh và các tầng lớp đồng bào... làm sống lại một thời kỳ oanh liệt với những Nguyễn-Văn-Trỗi, Út Tịch, Võ-Thị-Sáu, v.v. ở miền Nam thành đồng. Cảnh đây là những hình ảnh miền Bắc đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ với những Nguyễn-Việt-Xuân, mẹ Suốt, các lão dân quân Thanh-hóa, các nữ pháo binh Ngư-thủy. Nổi lên hai miền là con đường Hồ-Chí-Minh xuyên qua dãy Trường-sơn hùng vĩ với ngã ba Đồng-lộc, một trong những điểm son chói lọi của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt-nam. Bức ảnh này ở đây sống động lạ thường. Và cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ dữ dội có một không hai trong lịch sử xâm lược của chủ nghĩa thực dân đế quốc đã bị đánh bại!

Tiếp sau chương IV là chương V với những hình ảnh về các cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1968, 1972 và 1975 đưa tới xóa bỏ hoàn toàn chế độ thực dân mới do Mỹ dựng nên và ra sức bảo vệ, đã miêu tả hoàn chỉnh cả một sự nghiệp giải phóng dân tộc của cả nước ta. Đặc biệt, có hai bức ảnh màu rất lý thú: đôi dép cao-su anh Giải phóng quân dẫm lên trang bị chiến tranh Mỹ và cờ ba que ngụy, và cảnh hàng trăm nghìn nhân dân Sài-gòn phát cờ hoan hô thắng lợi, vừa kết thúc chương này vừa phác họa nên bước đi và đáng đứng Việt-nam muốn thuở không phai. Bức ảnh làm nhớ lại da diết lời đồng chí Lê-Duẩn: *«Trong lịch sử bốn nghìn năm của dân tộc, không có lúc nào đất nước ta tươi sáng như ngày nay và cũng không có lúc nào dân tộc Việt-nam ta vui mừng phấn khởi như ngày nay! Những thắng lợi to lớn hơn bao giờ hết đang chờ đón chúng ta»*.

Bắc Nam sum họp xuân nào vui hơn!

Thắng lợi hoàn toàn rồi: đây là cảnh cả Hà-nội đổ ra đường mừng toàn thắng, ảnh mít-tinh quần chúng lớn ở Sài-gòn mừng chính quyền cách mạng, cảnh đón Chủ tịch Tôn-Đức-Thắng, người công nhân xướng đồng tàu Ba-son năm xưa, người chiến sĩ cách mạng đã từng ở tù Côn-đảo lâu nhất, nay trở về vui niềm vui chiến thắng với đồng bào thành phố Hồ-Chí-Minh. Cảnh đó là cảnh đón những người chiến sĩ cộng sản từ chuồng cọp Côn-đảo chiến thắng trở về, cảnh gặp mặt xúc động ở cảng thành phố Hồ-Chí-Minh khi con tàu Thống nhất từ Hải-phòng vào cập bến. Chiến sĩ và đồng bào miền Nam vui sướng biết bao được gặp các đồng chí Lê-Duẩn, Trường-Chinh, Phạm-Văn-Đồng vào thăm. Tiếp đến là những hình ảnh về cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung cả nước và kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VI hoàn thành thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước, mở ra triển vọng mới cho nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam. Miền Nam giải phóng hoàn toàn. Tổ quốc thống nhất sau 30 năm trời chia cắt. Một chương ảnh làm chúng ta nhiều lần mừng vui đến rơi nước mắt.

Sách ảnh dành vị trí xứng đáng cho tinh đoàn kết quốc tế đối với nhân dân ta. Đáp ứng nguyện vọng thiết tha của toàn dân ta và điều mong muốn cao đẹp của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh kính mến trong Di chúc của Người, đồng chí Lê-Duẩn và đồng chí Phạm-Văn-Đồng thay mặt Đảng và Chính phủ ta đã đi thăm các nước xã hội chủ nghĩa và một số nước khác trên thế giới, bày tỏ tình cảm thân thiết, lòng biết ơn của Đảng, Chính phủ, nhân dân ta đối với các nước anh em và bầu bạn khắp nơi đã tận tình giúp đỡ và ủng hộ sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta, Sách

ảnh đã nói lên ở đây tình sâu nghĩa nặng của nhân dân ta đối với anh em, bầu bạn, xa gần năm châu bốn biển.

Đường lên hạnh phúc rộng thênh thênh.

Ảnh mở đầu chương này ghi cảnh liên hoan xếp chữ « Việt-nam xã hội chủ nghĩa » tại sân vận động Hàng Đẫy (Hà-nội) với lời của đồng chí Lê-Duẩn: « *Đối với mỗi người Việt-nam chúng ta, yêu nước ngày nay là yêu chủ nghĩa xã hội và đem hết nhiệt tình, sức lực, trí tuệ và tài năng để xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa* ». Lời nói đó của Đảng ta biến thành hành động thực tế: hình ảnh nhân dân cả nước hăng hái thi đua lao động, sản xuất nhằm phát triển kinh tế, xây dựng cuộc sống mới. Cảnh ngày hội non sông năm 1975: (lễ kỷ niệm Quốc khánh 2-9-1975 tại Thủ đô Hà-nội và thành phố Hồ-Chí-Minh) như là dấu son của một thời kỳ thắng lợi vô cùng vẻ vang của toàn dân tộc ta.

Sách mở đầu bằng ảnh sông Sài-gòn đêm hội mừng miền Nam hoàn toàn giải phóng gợi lại nơi Bác đã ra đi tìm đường cứu nước. Và sách kết thúc bằng ảnh rước chân dung Bác Hồ trong ngày hội chiến thắng gợi lên ý nghĩ: Chủ tịch Hồ-Chí-Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta.

Tính chính luận và tính nghệ thuật của cuốn sách.

Tuy còn thiếu ảnh từ năm 1930 trở về trước, sách đã có đủ ảnh, nhiều

ảnh quý và đẹp từ ngày Đảng ta ra đời đến nay. Ảnh thời sự được chụp theo phương pháp phóng sự chân thật và sinh động.

Thông tấn xã Việt-nam đã khăn trương hoàn thành cuốn sách ảnh này trong thời gian hai tháng để kịp chào mừng Đại hội lần thứ IV của Đảng. Với 337 ảnh đen và màu chọn từ những ảnh của hơn 100 tác giả ảnh trong và ngoài nước, sách ảnh minh họa lịch sử của Đảng, cho nên từ tên sách, tên các chương, lời mở đầu các chương, các mốc giai đoạn và sự kiện lớn đều trích từ các văn kiện chính thức của Đảng, các bài viết, bài nói của Hồ Chủ tịch, của các đồng chí Lê-Duẩn, Trường-Chinh, Phạm-Văn-Đồng... Lời trích ngắn mà tiêu biểu, các câu thơ hay được đặt đúng chỗ. Nhiều câu chú thích khá đắt, kết hợp nội dung ảnh với những lời nói sâu sắc có tính chiến lược của Bác Hồ và các đồng chí lãnh đạo khác của Đảng ta.

Tính nghệ thuật của nhiều bức ảnh cũng góp phần làm cho tính chính luận đi vào lòng người êm ái mà sâu sắc, đầy thuyết phục và để lại ấn tượng lâu bền.

Có thể nói, với những bức ảnh ấy, sách ảnh « Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng » là một tác phẩm sinh động giúp cho bạn đọc hiểu thêm sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng ta là nguồn gốc của mọi thắng lợi của nhân dân ta, hiểu thêm cái đẹp hào hùng của đất nước ta và sức mạnh vô địch làm cho nước ta, dân tộc ta có vị trí xứng đáng trên thế giới.

ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN KỶ DẬU (1789)

PHAN-HUY-LÊ



ÙA xuân Kỷ Dậu (1789), cách đây 190 năm, dân tộc Việt-nam ta đã lập nên một chiến công hiển hách tó thảm thiên anh hùng ca của bốn nghìn năm giữ nước.

Cả năm ngày đêm đầu xuân ấy, từ đêm giao thừa đến ngày mồng 5 Tết, quân đội Tây-sơn cùng với toàn dân, dưới sự lãnh đạo của anh hùng Quang-Trung (Nguyễn-Huệ), đã mở cuộc tiến công vũ bão, thần tốc, đại phá 29 vạn quân xâm lược Mãn-Thanh và vài vạn quân của bè lũ bán nước Lê-Chiêu-Thống.

Trên hướng tiến công chủ yếu, đạo quân chủ lực do Quang-Trung đích thân chỉ huy, đón giao thừa bằng trận tiêu diệt đồn tiền tiêu của giặc ở Gián-khâu, mở màn cho toàn bộ cuộc phản công chiến lược của quân đội Tây-sơn. Và bốn ngày sau, quân Tây-sơn đã phá tan hệ thống phòng thủ dày đặc dài khoảng 90 km của quân Thanh, đề mở sáng ngày mồng 5 Tết,

mở trận công phá đồn Ngọc-hồi. Đây là cứ điểm then chốt bảo vệ cửa ngõ phía Nam Thăng-long do khoảng 3 vạn quân tinh nhuệ của địch đóng giữ. Chỉ trong nửa buổi sáng hôm đó, quân Tây-sơn đã san bằng đồn lũy giặc, tiêu diệt toàn bộ quân địch, trong đó có tướng chỉ huy mặt trận phía Nam là đề đốc Hứa-Thế-Hanh và các tổng binh Trương - Triều - Long, Thượng-Duy-Thăng.

Trên hướng tiến công phối hợp, một đạo quân Tây-sơn khác do đô đốc Đặng-Tiến-Đông (có sách chép là Long) chỉ huy, hành quân bí mật theo hướng núi, đề mở sáng ngày mồng 5 cùng bất ngờ tiến công đồn Đông-da, một đồn lũy quan trọng của địch bảo vệ cửa tây-nam thành Thăng-long. Chỉ sau mấy giờ chiến đấu, quân Tây-sơn đã diệt gọn đồn giặc. Tướng giặc Sâm-Nghi-Đông phải thất cổ tự tử ngay tại sở chỉ huy. Thừa thắng, đội kỵ binh tiên phong của đạo quân này lao thẳng vào thành Thăng-long, uy hiếp trực tiếp đại bản doanh của

Tôn-Sĩ-Nghị tại cung Tây-long bên bờ sông Nhị.

Hai hướng tiên công chủ yếu của quân đội Tây-sơn tạo thành một thế trận hết sức lợi hại, nguy hiểm, buộc Tôn-Sĩ-Nghị trong tay còn có một lực lượng quân sĩ khá đông, nhưng đành tháo chạy trong cảnh hoảng loạn.

Trưa ngày mồng 5 Tết, Quang-Trung cùng với đoàn quân chiến thắng tiến vào giữa kinh thành giải phóng, trong niềm hân hoan đón mừng của nhân dân 36 phố phường. Tắm chiến bào của người anh hùng hôm đó qua 5 ngày đêm chiến đấu ác liệt, đã nhuộm đen khói súng. Ngô-Ngọc-Du, một nhà thơ yêu nước được vinh dự chứng kiến giờ phút lịch sử ấy, ghi lại như sau:

*...Ba quân đội ngũ chỉnh tề tiến,
Trăm họ chật đường vui tiếp nghênh.
Mây tạnh mù tan trời lại sáng,
Đầy thành già trẻ mặt như hoa,
Chen vai thích cánh cùng nhau nói:
Kinh đô vẫn thuộc núi sông ta.*



Chiến công mùa xuân Kỷ Dậu (1789) thật hào hùng, kỳ diệu.

Chỉ một trận, trận quyết chiến Ngọc-hồi — Đống-da, quân đội Tây-sơn được nhân dân hết lòng ủng hộ, đã đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược quy mô, lớn của đế chế Mãn-Thanh, giữ vững nền độc lập thiêng liêng của dân tộc.

Mãn-Thanh là một triều đại phong kiến Trung-quốc thành lập sau cuộc chinh phục của tộc Nữ Chân đối với Trung-quốc. Người Nữ Chân ở đông-bắc Trung-quốc, năm 1616 lập nên nước Kim, rồi năm 1636 đổi quốc hiệu là Thanh. Nhân lúc triều Minh suy yếu trước làn sóng đấu tranh của nông dân Trung-quốc, Mãn-Thanh đánh chiếm Bắc-kinh năm 1644, rồi lần lượt chiếm toàn bộ Trung-quốc. Triều Mãn-Thanh đã trấn áp phong trào phản kháng của người Hán và lần lượt chinh phục các dân tộc Mông-cổ, Uy-gua, Tây-tạng, Hồi, Mèo... Sự thống trị của triều Mãn-Thanh là sự thống trị của quý tộc người Mãn cầu kết với phong kiến Hán tộc. Dưới ách thống trị đó, các mâu thuẫn giai cấp và dân tộc ở Trung-quốc phát triển gay gắt, phức tạp.

Vào nửa sau thế kỷ XVIII, dưới triều Càn-Long tức Thanh-Cao-Tông (1736 — 1793), đế chế Mãn-Thanh đạt đến giai đoạn thịnh đạt nhất và trở thành một đế chế lớn mạnh ở phương Đông. Vua Thanh rất tự hào về những « *vũ công chinh phạt* » của mình và đã từng tuyên bố một cách ngạo nghễ: « *Nước ta bờ cõi bao la, từ xưa đến nay chưa từng có. Trăm trị vì đã được năm mươi năm, bình định những xứ Y-lê, Hồi-bộ và hai đất Kim, Tuyền, mở rộng đất đai hơn hai vạn dặm. Vũ công oanh liệt biết là nhường nào.* » (Đại Thanh thực lục, Q.I. 319).

Tiếp nối chủ trương « *bình thiên hạ* » của các đế chế Trung-quốc ngày trước, triều Thanh nuôi tham vọng bành trướng xuống khu vực Đông Nam Á. Thực hiện tham vọng đó, nhà Thanh đã nhiều lần xâm lược Miên-diên và cuối năm 1782, lợi dụng hành động xin cứu viện của Lê-Chiều-Thống, cướp nước ta.

Tổng đốc Lương Quảng là Tôn-Sĩ-Nghị được phong làm Chinh Man đại

tướng quân thống lĩnh 29 vạn quân (1) điều động từ bốn tỉnh phía nam: Quảng-dông, Quảng-tây, Vân-nam, Quý-châu. Dưới trướng của Tôn-Sĩ-Nghị có nhiều võ tướng cao cấp như đề đốc phó tướng Hứa-Thế-Hạnh, đề đốc Ô-Đại-Kinh, phó tướng Khánh-Thành, phó tướng Linh-Đôn-Hạnh và một loạt tổng binh, tham tướng... Riêng việc vận chuyển quân lương, nhà Thanh phải điều động đến hàng chục vạn dân phu và giao cho tổng đốc Vân-quý là Phú-Cương cùng tuần phủ Quảng-tây là Tôn-Vinh-Thanh lo liệu. Cả một lực lượng viễn chinh lớn và một bộ máy quân sự, hậu cần đồ sộ được sử dụng để thực hiện dã tâm xâm lược nước ta.

Trong cuộc chiến tranh xâm lược này, nhà Thanh còn áp dụng nhiều âm mưu, thủ đoạn rất thâm hiểm.

Nhà Thanh một mặt che đậy bộ mặt xâm lược dưới những chiêu bài giả nhân giả nghĩa như « *phù Lê diệt Tây-sơn* », « *Hưng diệt kế tuyệt* », mặt khác sử dụng bè lũ Lê-Chiêu-Thống và các thế lực phong kiến phản động ở nước ta làm lực lượng nội ứng, tiếp tay.

Nhà Thanh còn tìm cách mua chuộc, lôi kéo các thổ tù miền núi và nhất là dụ dỗ, sử dụng một số người Hoa sinh sống ở nước ta.

Vua tôi nhà Thanh còn bản tính đến thủ đoạn xúi giục vua Xiêm đánh vào Quảng-nam và kích động người Chăm nổi dậy chống đối để phá rối hậu phương phía nam, chia xẻ lực lượng kháng chiến của ta.

Thế mà, chỉ sau 5 ngày đêm đổ sức, toàn bộ « *bình hùng tướng mạnh* » của « *thiên triều* » cùng với mộng bành trướng và các thủ đoạn xảo quyệt của hoàng đế Càn-Long đã sụp đổ tan tành. Bại tướng Tôn-Sĩ-Nghị tháo chạy về nước trong cảnh nhục « *dối cơm, khát nước, không kiếm dầu*

ra được ăn uống, cứ phải đi suốt 7 ngày 7 đêm mới đến Trấn Nam Quan », như viên sĩ quan hầu cận Trần-Nguyên-Nhiếp đã ghi lại trong tập hồi ký *An-nam quân doanh kỷ yếu*. Trên đường truy kích tàn quân địch, quân đội Tây-sơn nghiêm chỉnh dừng lại trước cửa ải biên thủy, nhưng thanh thế chiến thắng vang dội làm cho — như sử triều Nguyễn đã chép — « *người Thanh sợ hãi lắm, từ cửa ải trở về bắc trai gái già trẻ dắt diu nhau chạy, khoảng vài trăm dặm tuyệt không có bóng người* ». (*Đại Nam chính biên liệt truyện*, sơ tập, q. 30).

Vua Càn-Long viết hai bài *An-nam kỷ sự* và *An-nam thủy mật ký* ra sức biện hộ cho thất bại ở nước ta để vớt vát thể diện của triều Thanh. Nhưng chính Càn-Long cũng phải đau đớn thừa nhận: « *Quốc thể không đến nỗi bị tổn thương, nhưng uy danh lẫm liệt cũng bị sút kém* » (*Đại-Thanh thực lục* q. I, 321).

Âm mưu xâm lược, bành trướng của đế chế Mãn-Thanh đã bị trừng phạt đích đáng bằng một trận đại thắng mùa xuân của dân tộc ta.

Phải trở lại bối cảnh lịch sử những năm 80 của thế kỷ XVIII, mới thấy được ý nghĩa trọng đại của chiến thắng mùa xuân Kỷ Dậu (1789).

Lúc bấy giờ chế độ phong kiến nước ta đang tàn tạ. Trật tự phong kiến đã trở nên lỗi thời, kim hãm mọi tiến bộ xã hội. Chế độ áp bức bóc lột phong kiến đè nặng lên cuộc sống của các tầng lớp nhân dân lao động. Kinh tế suy sụp, nạn mất mùa, đói kém xảy ra nghiêm trọng. Các tập đoàn phong kiến phản động lại đi vào con đường phản bội lợi ích dân tộc, gây họa chia cắt đất nước và cầu

(1) Theo *Chiếu phát phát hàng binh nội địa* của Quang-Trung và thư từ trong *Nhật ký của Hội truyền giáo Đàng ngoài*.

kết với giặc ngoài để chống lại nhân dân.

Phía nam, Nguyễn-Ánh hết câu cứu vua Xiêm dẫn quân giặc vào tàn phá đất Gia-dịnh (Nam-bộ ngày nay), lại mở đường cho sự can thiệp của chủ nghĩa tư bản phương Tây.

Phía bắc, Lê-Chiều-Thống rước quân Thanh vào chiếm đóng kinh thành Thăng-long.

Trong lúc đó, một giai cấp mới tiêu biểu cho một phương thức sản xuất mới lại chưa ra đời. Điều kiện lịch sử như vậy rất dễ làm cho đất nước rã rời và trở thành miếng mồi ngon của bọn xâm lược.

Lợi dụng hoàn cảnh ấy, nhiều kẻ thù đã nhảy vào âm mưu can thiệp và thôn tính nước ta. Ngoài mưu đồ lâu dài của chủ nghĩa tư bản phương Tây, lúc bấy giờ, nạn bành trướng của đế chế Mãn-Thanh ở Trung-quốc và nạn xâm lấn của Vương triều Cha-kri ở Xiêm là mối đe dọa nguy hiểm đối với độc lập dân tộc của nước ta cũng như nhiều nước khác ở bán đảo Đông-dương và khu vực Đông Nam Á. Hồi đó, Vương triều Cha-kri đã thôn tính một số tiểu vương quốc phía bắc bán đảo Mã-lai, đang lấn đất Miến-điện, khống chế và xâm lấn đất đai của các vương triều Cao-miên, Lào

Thù trong giặc ngoài từ nhiều phía uy hiếp độc lập dân tộc và vận mạng đất nước ta. Có thể nói, cho đến cuối thế kỷ XVIII, đây là lần đầu tiên trong lịch sử, dân tộc ta phải đồng thời đối phó với nhiều kẻ thù trong một tình thế phức tạp như vậy.

Trước sóng gió và thử thách của lịch sử, phong trào Tây-sơn đã cõ vũ cả dân tộc ta đứng dậy, đánh bại thù trong giặc ngoài, kiên quyết bảo vệ độc lập dân tộc.

Bằng thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Xiêm đầu năm 1785, rồi tiếp theo đó, thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Thanh đầu năm 1789, dân

tộc ta đã đập tan hai nạn xâm lược từ hai phía bắc, nam của Tổ quốc. Sau đấy, quân đội Tây-sơn được nhân dân yêu nước Cao-miên và Lào đồng tình, ủng hộ, còn đánh đuổi quân Xiêm và làm sụp đổ sự khống chế của Vương triều Cha-kri tại hai nước láng giềng này, ghi lại mối quan hệ đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung của ba dân tộc trên bán đảo Đông-dương. Một bài ca dân gian của người Lào ở vùng Viêng-chăn đã phản ánh và xác nhận sự kiện lịch sử trên.

Thắng lợi oanh liệt trong sự nghiệp chống ngoại xâm của nhân dân ta hồi cuối thế kỷ XVIII và đỉnh cao là cuộc đại phá quân Thanh mùa xuân Kỷ Dậu (1789) không những đã *bảo vệ vững chắc chủ quyền của nước ta, mà còn có tác dụng ngăn chặn sự bành trướng của đế chế Mãn-Thanh xuống Đông Nam Á và hạn chế sự hoành hành của Vương triều Cha-kri ở khu vực này*. Địa vị, ảnh hưởng của nước ta vì thế được nâng cao Miến-điện lúc bấy giờ đang bị Trung-quốc xâm lược ở phía bắc và Xiêm lấn đất ở phía nam, đã hai lần cử sứ giả đến giao hiếu với chính quyền Tây-sơn. Phan-Huy-ích là người được cử ra đón tiếp sứ bộ Miến-điện còn ghi lại trong *Dụ Am thi tập* của mình, hai bài thơ cùng với lời chú giải cụ thể về hai lần đón tiếp đó.



Chiến thắng Ngọc-hồi — Đống-da chứng tỏ *sức mạnh quật khởi lớn lao của nhân dân ta, sức sống phi thường của dân tộc ta trong một thời kỳ bão táp của lịch sử*.

Phong trào Tây-sơn xuất phát là một cuộc khởi nghĩa nông dân, một cuộc đấu tranh giai cấp của những người dân nghèo khổ đòi cơm áo và ruộng đất. Khẩu hiệu đấu tranh của nghĩa quân được ghi trong bài hịch

Tây-sơn là : « *Tuổi mưa dầm khi hạn, kéo cùng dân ra khỏi chốn lầm than* ». Nhưng rồi trước họa chia cắt và nạn xâm lược, phong trào Tây-sơn đã nhanh chóng phát triển thành một phong trào dân tộc rộng lớn, đảm đương sứ mạng thống nhất đất nước và bảo vệ độc lập dân tộc.

Dưới sự lãnh đạo của Quang-Trung (Nguyễn-Huệ), người thủ lĩnh kiệt xuất nhất, người anh hùng nông dân và anh hùng dân tộc vĩ đại thuở đó, phong trào Tây-sơn đã đẩy lên được sức mạnh quật khởi như nước vỡ bờ của quần chúng nhân dân kết hợp với sức mạnh yêu nước, đoàn kết của cả dân tộc. Vì vậy, phong trào càng phát triển, nhiệm vụ dân tộc càng bức thiết và nặng nề thì *tinh dân tộc càng trở nên bao trùm, đồng thời tinh thần dân càng sâu sắc*. Đây chính là nguyên nhân thành công cơ bản của phong trào Tây-sơn và là nguồn gốc tạo nên sức mạnh chiến thắng mùa xuân Kỷ Dậu (1789).

Giương cao ngọn cờ yêu nước, phong trào Tây-sơn không những vẫn tiếp tục phát huy tinh thần đấu tranh của nông dân và các tầng lớp bị áp bức, mà còn nâng cao khí thế của phong trào lên một trình độ mới trên cơ sở kết hợp với lòng yêu nước, ý thức dân tộc. Sức mạnh tinh thần đó biểu thị rõ rệt trong cuộc kháng chiến chống Thanh và được kết tinh lại trong những bài hịch, những lời tuyên bố của Quang-Trung. Lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc cùng với tất cả truyền thống anh hùng và những bài học kinh nghiệm quý giá của nó, như tiếp thêm sức mạnh cho quần đội Tây-sơn.

Trong lễ duyệt binh ở Nghệ-an, Quang-Trung đã nhắc lại những trang sử đó với niềm tự hào sâu sắc :

« *Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao nấy, đều đã phân biệt rõ ràng : phương*

Nam, phương Bắc chia nhau mà cai trị. Người phương Bắc không phải là nơi giống ta, bụng dạắt khác. Từ đời Hán đến nay, chúng đã mấy phen cướp nước ta, giết hại nhân dân, vơ vét của cải, dân ta không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng đi.

Đời Hán có Trưng Nữ Vương, đời Tống có Đinh-Tiên-Hoàng, Lê-Đại-Hành, đời Nguyên có Trần-Hung-Đạo, đời Minh có Lê-Thái-Tổ, các Ngài không nở ngồi nhìn chúng làm điều tàn bạo, nên đã thuận lòng người dậy quân nghĩa, đều chỉ đánh một trận là thắng và đuổi được chúng về phương Bắc».

Có thể coi bài hịch là một sự tổng kết lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc cho đến cuối thế kỷ XVIII. Kháng chiến chống Thanh thắng lợi là sự kế thừa và phát huy dòng lịch sử oai hùng đó trong một hoàn cảnh mới của đất nước, trong thế kỷ nông dân khởi nghĩa.

Tại lễ thệ sư ở Thọ-hạc (Thanh-hóa), Quang-Trung lại cùng với toàn thể nghĩa quân thệ quyết tâm : « *Đánh cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ* » (nghĩa là : đánh cho biết rằng nước Nam anh hùng và có chủ). Lời thệ là sự đúc kết cao độ ý chí độc lập tự chủ mãnh liệt của dân tộc ta.

Giương cao ngọn cờ yêu nước, phong trào Tây-sơn không những vẫn tiếp tục tập hợp đông đảo nông dân và các tầng lớp bị áp bức, mà còn đoàn kết được tất cả lực lượng yêu nước trong các thành phần giai cấp và dân tộc, kể cả giai cấp phong kiến. Chỉ một bộ phận phong kiến phản động hoặc có quyền lợi gắn chặt với các vương triều đã bị đánh đổ, hoặc quá mang nặng ý thức trung quân bảo thủ của hệ tư tưởng Nho giáo, mới đứng về phía trận tuyến thù địch, còn tuyệt đại đa số nhân dân đều đoàn kết dưới lá cờ « *giúp dân dựng nước* » (Lê-Ngọc-Hàn, *Ái tư văn*)

của phong trào Tây-sơn. Vì thế, cuộc đấu tranh xã hội quyết liệt trong nước không làm rã rời hàng ngũ dân tộc, mà trái lại, dẫn đến sự đoàn kết dân tộc trên một cơ sở mới trong yêu cầu chống thù trong giặc ngoài, bảo vệ độc lập dân tộc.

Trong hàng ngũ quân đội Tây-sơn lập nên chiến công Ngọc-hồi — Đống-da bên kinh thành Thăng-long, có những nghĩa quân đã dựng cờ khởi nghĩa ở đất Tây-sơn từ năm 1771, có những chiến sĩ tượng binh người Thượng của núi rừng Tây-nguyên, có đông đảo nông dân người Kinh và các dân tộc thiểu số từ cả nước tập hợp lại và đã từng đánh giặc trên cả nước. Dấu chân chiến đấu và chiến thắng của họ, trong cuộc trường chinh đánh bại thù trong giặc ngoài, từ năm 1771 đến năm 1789, đã hằn in trên mọi miền của đất nước, từ Bạch-gầm, Xoài-mút của đồng bằng sông Cửu-long phía nam, cho đến Phú-xuân của đất Thuận — Quảng miền Trung, cho đến Thăng-long và đồng bằng sông Nhị phía bắc.

Trong hàng ngũ những tướng soái và nhân vật có công của cuộc kháng chiến chống Thanh, có người xuất thân từ nông dân nghèo khổ như đô đốc Nguyễn-Văn-Lộc thuở nhỏ đi ở chân bò bên núi Kỳ-sơn (Nghĩa-bình), đô đốc Nguyễn-Văn-Tuyết trước lúc tham gia khởi nghĩa bị coi là “kẻ vô lại”, có phụ nữ tài ba mưu lược như nữ tướng Bùi-Thị-Xuân chỉ huy đội tượng binh nổi tiếng trong đạo quân chủ lực của Quang-Trung, có những quan chức cũ của chính quyền Lê-Trịnh như đô đốc Đặng-Tiền-Đông, có cả những ông nghề triều Lê như tiên sĩ Ngô-Thị-Nhậm, những danh sĩ đương thời như La-Sơn phu tử Nguyễn-Thiếp.

Cùng với quân đội Tây-sơn, các tầng lớp nhân dân đã góp phần tạo nên thắng lợi của cuộc kháng chiến

dưới nhiều hình thức phong phú như tham gia nghĩa quân, ủng hộ lương thực nuôi quân, phục vụ các cuộc hành quân chiến đấu, có khi trực tiếp tham gia chiến đấu. Nhân dân Thăng-long thuở phá Thanh cũng đã có nhiều cống hiến xuất sắc. Đặc biệt, nhân dân chín làng xã quanh đồn Đống-da đã lập nên trận rừng lửa vây hãm quân thù, tạo điều kiện cho nghĩa quân nhanh chóng diệt đồn giặc.

Trên cơ sở đẩy lên được sức mạnh đoàn kết quật khởi của toàn dân và phát huy được cao độ khí thế anh hùng của dân tộc, xây dựng được ý chí quyết chiến quyết thắng ngoan cường cho quân đội, Quang-Trung đã đưa cuộc kháng chiến chống Thanh phát triển lên một trình độ mới của chiến tranh nhân dân yêu nước chống ngoại xâm và đưa nghệ thuật quân sự truyền thống đạt tới đỉnh cao, trong đó nổi bật là *tinh thần tiến công liên tục, mạnh mẽ và lối đánh hết sức thần tốc táo bạo*.

Tại Phú-xuân, ngày 24 tháng 11 năm Mậu Thân, Nguyễn-Huệ được tin cấp báo quân Thanh đã tràn vào Thăng-long. Ngay ngày hôm sau, ngày 25 tháng 11, Nguyễn-Huệ lên ngôi hoàng đế và làm lễ xuất quân tại Bàn-sơn (một ngọn đồi phía tây — nam núi Ngự-bình, thành phố Huế). Chỉ có 35 ngày, từ 25 tháng 11 đến 30 tháng 12 âm lịch, Quang-Trung vừa thống lĩnh đại quân ra Bắc diệt giặc, vừa trên đường hành quân, chuẩn bị tất cả mọi việc cho cuộc phản công chiến lược quy mô lớn đại phá hàng chục vạn quân xâm lược.

Nào là tuyển thêm quân, phiên chế đội ngũ, huấn luyện tân binh để có thể đưa ngay vào chiến đấu.

Nào là nâng cao tâm vóc của quân đội lên ngang với yêu cầu của nhiệm vụ lịch sử, trước hết là bồi dưỡng ý thức chiến đấu vì độc lập dân tộc và tinh thần quyết chiến quyết thắng.

Nào là động viên, cổ vũ cả dân tộc đứng dậy đuổi giặc, cứu nước.

Nào là nghiên cứu mọi mặt tình hình của ta và địch, xác lập đúng ý đồ chiến lược và định kế hoạch bài binh bố trận...

Nói làm sao hết lao động khần trương của một vị thống soái, công việc chuẩn bị cực kỳ phức tạp, nặng nề của một cuộc chiến đấu quy mô lớn. Thế mà Quang-Trung đã hoàn tất trong 35 ngày trên đường hành quân từ Phú-xuân ra Tam-diệp. Tại khu vực tập kết ở Tam-diệp, vào một ngày trước Tết, Quang-Trung làm lễ khao quân và tuyên bố: *«Lần này, ta thân hành cầm quân, phương lược tiến đánh đã tính sẵn. Chẳng qua mười ngày là đuổi được quân Thanh»* (Hoàng Lê nhất thống chí).

Cuộc đại phá quân Thanh tại kinh thành Thăng-long được chuẩn bị trong 35 ngày và thực hiện trong 5 ngày. Đó là 5 ngày đêm chiến đấu liên tục, thân tộc với khí thế áp đảo quân thù, với lối đánh bất ngờ táo bạo. Trên hướng tiến công chủ yếu đánh vào hệ thống phòng thủ mạnh nhất của địch ở phía nam Thăng-long, từ đồn tiền tiêu Gián-khâu đến Thăng-long dài khoảng 90km, quân đội Tây-sơn, dưới sự chỉ huy trực tiếp của Quang-Trung, đã phá tan toàn bộ phòng tuyến của địch chỉ trong 4 ngày rưỡi, tính từ đêm giao thừa đến trưa ngày mùng 5 Tết. Tốc độ tiến quân trung bình là 20km/ngày. Với phương tiện giao thông thô sơ hồi bấy giờ, đây là một tốc độ tiến quân rất cao chứng tỏ lối đánh hết sức thần tốc của quân đội Tây-sơn.

Trước lối đánh đó, chủ soái quân Thanh là Tôn-Sĩ-Nghị đã phải kinh hoàng thét lên: *«Sao mà thần đến thế!»* và cuối cùng phải tháo chạy trong tâm trạng *«sợ mất mặt, bần rùn cả chân tay»* (Hoàng Lê nhất thống chí).

Kẻ thù phải thừa nhận, thế xung trận của quân Tây-Sơn *«mạnh như nước triều dâng»* (An-nam quân doanh kỷ yếu) và cách đánh *«Ẩn hiện như quỷ thần», «tướng như trên trời xuống, quân như dưới đất chui lên», «hành binh như bay, tiền quân rất gấp, đi lại mau chóng vùn vụt như thần, chống không thể được, đuổi không thể kịp»* (Hoàng Lê nhất thống chí).

Quang-Trung (Nguyễn-Huệ), người đã tổ chức và lãnh đạo quân dân ta lập nên đại thắng mùa xuân Kỷ Dậu (1789), là một thiên tài quân sự độc đáo. Từ 18 tuổi theo anh khởi nghĩa, 32 tuổi lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Xiêm, 33 tuổi lãnh đạo sự nghiệp thống nhất đất nước, đến 36 tuổi lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Thanh, cuộc đời của người anh hùng đó là cả một bản hùng ca tiêu biểu cho sức mạnh và trí tuệ của dân tộc ta thời bấy giờ. Trong sự nghiệp chiến đấu ấy, Quang-Trung (Nguyễn Huệ) chỉ có tiền không hề lùi, chỉ có thắng không hề bại.



Chiến công mùa xuân Kỷ Dậu (1789) không những biểu thị sức mạnh của một dân tộc anh hùng mà còn chiếu sáng nhiều đạo lý tốt đẹp của nhân dân ta.

Trong lễ thệ sự ở Thọ-hạc, Quang-Trung đã kêu gọi quân sĩ:

Đánh cho nó chích luân bất phản,

Đánh cho nó phiến giáp bất hoàn,

(Nghĩa là: Đánh cho nó chiếc xe không trở về,

Đánh cho nó mảnh giáp không còn).

Đó là quyết tâm đánh tiêu diệt, là thái độ và hành động kiên quyết của dân tộc ta đối với quân xâm lược dù chúng đến từ phương trời nào và với bất cứ danh nghĩa gì. Đó là biểu hiện của *chủ nghĩa yêu nước chân chính, ý chí độc lập tự chủ và khí phách anh hùng* của dân tộc ta mà lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước đã tôi luyện nên. Đó cũng là đạo lý cơ bản nhất của nhân dân ta.

Nhưng mỗi khi kẻ đi xâm lược đã chịu từ bỏ dã tâm cướp nước, quân thù đã hạ vũ khí, thì dân tộc ta lại đối xử một cách độ lượng, khoan hồng, biểu hiện *ý chí hòa bình tha thiết và lòng nhân đạo cao cả của dân tộc ta*.

Hàng vạn hàng binh, tù binh quân Thanh được bao dung, nuôi dưỡng tử tế. Trong một bài chiếu gửi cho họ, Quang-Trung nói rõ:

*« Việc binh là cái độc của thiên hạ,
Lúc chinh phạt, gặp giặc thì giết,
đó là lẽ thường,
Bắt được mà tha, từ xưa chưa
từng có.*

... Những kẻ trận tiền bị bắt hoặc thể bách xin hàng, đáng lẽ phải theo quân luật mà chém để làm răn cho kẻ khác. Song vì thể đức hiếu sinh của thượng đế và lấy lượng cả bao dung, Trẫm tha tính mệnh cho các người. Trẫm ban chiếu xuống, cho sung bổ các người vào quán ngũ, chỉ cấp lương ăn, để các người khỏi bị khổ gồng cùm đánh đập (Hàn các anh hoa).

Hàng vạn quân giặc bị chết trận, xác nằm ngổn ngang trên khắp chiến

trường. Quang-Trung ra lệnh thu nhặt hài cốt chôn thành những nấm mồ lớn (sau nhân dân ta gọi chung là gò Đống-đa), Quang-Trung còn sai lập đàn bên sông cúng tế và sai nhà văn Võ-Huy-Tấn soạn bài văn tế.

Bài văn tế, một mặt lên án mạnh mẽ nhà Thanh và Tôn-Sĩ-Nghị đã vô cớ gây binh đao với nước láng giềng, xô đẩy quân sĩ Trung-quốc vào chỗ chết chóc thảm thương, mặt khác, nói lên tấm lòng nhân ái rộng lớn của Quang-Trung:

« Nay ta,

*Sai tha nhất xương cốt chôn vùi,
Bảo lập dân bên sông cúng tế.*

*Lòng ta thương chẳng kẻ người
phương Bắc, xuất của kho mà đắp diêm
đống xương khô.*

*Hồn các người không vương trần trời
Nam, hãy mau mau mà quay về nơi
hương chỉ.*

*Nên kinh ngưỡng ta đây là chủ,
chan chứa lòng thành,*

*Những mong sao đáp lại đạo trời,
đạt dào lẽ sống ».*

Thật là những cử chỉ cao thượng của người chiến thắng phần chiếu phạm giả của một dân tộc anh hùng có truyền thống văn hóa lâu dài rạn rờ. Cử chỉ đó trái ngược hoàn toàn với những hành động cướp phá tàn bạo của quân xâm lược Thanh và những thủ đoạn trả thù hèn mạt của Nguyễn-Ánh, của triều Nguyễn sau này đối với Tây-sơn.



Chiến thắng vô cùng oanh liệt của cuộc đại phá quân xâm lược Thanh mùa xuân Kỷ Dậu (1789) ghi vào lịch

sử dân tộc một vũ công hào hùng liêu biểu cho sức mạnh vật chất và tinh thần, nghị lực và đạo lý của dân tộc ta trước một thử thách hiểm nghèo của lịch sử.

Từ đại thắng mùa xuân lịch sử đó, chúng ta càng hiểu, càng tự hào, càng tin tưởng sức mạnh giữ nước vĩ đại của dân tộc ta ngày nay, của Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa, vì sức mạnh giữ nước ngày nay vừa kế thừa sức mạnh giữ nước từ ngàn xưa, vừa khắc phục những hạn chế của quá khứ, vừa nâng cao lên một chất lượng mới trên cơ sở chủ nghĩa xã hội và kết hợp với sức mạnh của thời đại.

Từ đại thắng mùa xuân lịch sử đó, chúng ta có thể rút ra những bài học kinh nghiệm bổ ích cho cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc Việt-nam xã hội

chủ nghĩa ngày nay, kiên quyết đập tan mưu toan và hành động của những kẻ đang ôm mộng bành trướng của các đế chế Tần, Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh ngày trước đối với nước ta.

190 năm đã qua kể từ mùa xuân diệt giặc ấy.

Nhưng dòng thời gian không bao giờ làm mờ đi, trái lại càng ngày càng rạng chiếu chiến công hiển hách đã đưa đất nước ta vượt qua một chặng đường đầy gian nan thử thách và góp phần tạo nên lịch sử anh hùng của dân tộc ta.

Như sức sống bất tận của mùa xuân, đại thắng xuân Kỷ Dậu (1789) sống mãi trong ký ức bất diệt của nhân dân ta và trong lịch sử quang vinh của dân tộc Việt-nam ta

Thảo luận

LÀM CHỦ TẬP THỂ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Lời Bộ biên tập— Vừa qua Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản đã tổ chức cuộc thảo luận về làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Tham gia cuộc thảo luận này có các cán bộ nghiên cứu và cán bộ lãnh đạo ở một số ngành và địa phương.

Trong mục này, chúng tôi lần lượt đăng một số bài phát biểu của các đồng chí đã tham gia cuộc thảo luận nói trên.

LÀM CHỦ TẬP THỂ CỦA NHÂN DÂN LAO ĐỘNG LÀ BẢN CHẤT CHUNG, NHẤT QUÁN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

LÊ - THI



RÈN thế giới hiện nay, nhân dân lao động nhiều nước đã đứng lên nắm quyền làm chủ xã hội, làm chủ cuộc sống của bản thân. Đó là bước đi tất yếu của loài người

thế kỷ XX này. Dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, không ngừng mở rộng và củng cố quyền làm chủ của nhân dân, bảo đảm cho họ ngày càng có điều kiện phát huy tính tự giác cách mạng là một nguyên tắc, một

vấn đề có tính quy luật của các nước đang đi lên chủ nghĩa xã hội. Đây cũng là sự quan tâm hàng đầu của các đảng mác-xít - lê-ni-nít đang lãnh đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước đó.

Mục đích cao nhất của chủ nghĩa xã hội là đem lại ấm no hạnh phúc cho toàn thể những người lao động, là đưa họ lên làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân. Chính Mác và Ăng-ghe-n, những người sáng lập ra chủ nghĩa cộng sản khoa học, đã cống hiến cả đời mình nhằm thực hiện nguyện vọng tha thiết nhất là chỉ ra cho nhân dân lao động con đường đấu tranh thoát cảnh bị áp bức, bóc lột, giành lại chủ quyền thật sự và thực hiện ý chí tự do của họ. Khi nói về *xã hội cộng sản*, Mác và Ăng-ghe-n cũng thường mô tả đó là một cộng đồng thật sự gồm *những cá nhân tự do và tự nguyện liên hợp lại* và con người của xã hội cộng sản là con người *làm chủ tập thể*, hành động tự do trên cơ sở nhận thức được cái tất yếu, là chủ thể sáng tạo ra lịch sử một cách tự giác.

Như vậy, tinh thần cơ bản của chủ nghĩa cộng sản khoa học là nhằm xây dựng một xã hội trong đó nhân dân lao động trở thành những chủ nhân chân chính, tự nguyện liên hợp lại và hoạt động một cách tự giác. Xây dựng chế độ làm chủ tập thể, do đó trở thành vấn đề thuộc *bản chất của chủ nghĩa xã hội*, do chính các quy luật của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa quy định.

Một trong các quy luật phổ biến đã được Hội nghị các đảng cộng sản và công nhân hợp ở Mát-xcơ-va năm 1960 khẳng định là : « Thủ tiêu sở hữu tư bản chủ nghĩa và xác lập sở hữu có tính xã hội về các tư liệu sản xuất chủ yếu ». Nội dung quy luật này quyết định tính chất của chế độ mới là chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Bởi vì một khi xã hội đã tự mình nắm lấy toàn bộ các tư

liệu sản xuất để đem dùng chung cho toàn thể xã hội theo một kế hoạch chung thì đã hủy bỏ được tình trạng con người bị nô dịch bởi các tư liệu sản xuất của chính họ. Người lao động sẽ làm chủ trong việc tổ chức sản xuất và phân phối sản phẩm làm ra. Quyền làm chủ về kinh tế lại là cơ sở để xây dựng và phát triển quyền làm chủ về chính trị, văn hóa, tư tưởng của toàn thể người lao động.

Cùng với quy luật trên, hàng loạt các quy luật khác như : từng bước cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, phát triển có kế hoạch nền kinh tế quốc dân, thực hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực tư tưởng và văn hóa, thủ tiêu ách áp bức dân tộc và xác lập quyền bình đẳng và hữu nghị anh em, giữa các dân tộc, v.v. đều góp phần xây dựng và củng cố quyền làm chủ của nhân dân trên các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa.

Nhưng xây dựng chế độ làm chủ tập thể không chỉ là *mục tiêu* cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa mà còn là *động lực* hết sức quan trọng bảo đảm đưa sự nghiệp đó đến toàn thắng.

Dựa nhân dân lao động lên làm chủ xã hội, phát huy khả năng sáng tạo của họ đóng góp cho việc xây dựng xã hội mới, đó cũng là quan điểm rất cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử. Những người lao động là chủ nhân thật sự tạo nên các giá trị vật chất và tinh thần của xã hội, từ xưa đến nay. Những việc làm của họ trước đây thường là tự phát, do nhu cầu cuộc sống thúc đẩy. Ngày nay dưới chủ nghĩa xã hội, họ ngày càng trở thành chủ thể sáng tạo ra xã hội mới một cách hoàn toàn tự giác. Vì vậy sức mạnh và tài năng của họ được tăng lên gấp bội. Đây là sức mạnh của những con người tự do, chủ động, nắm chính quyền cách mạng và nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, tiếp

thu được những thành tựu văn hóa, khoa học tiên tiến để đi vào cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Như Lê-nin đã nói, «Tinh chủ động sáng tạo của quần chúng, đó là nhân tố cơ bản của xã hội mới... Chủ nghĩa xã hội không phải là kết quả của những sắc lệnh từ trên ban xuống. Tính chất máy móc hành chính và quan liêu không dung hợp được với tinh thần chủ nghĩa xã hội; chủ nghĩa xã hội sinh động, sáng tạo là sự nghiệp của bản thân quần chúng nhân dân» (1).

Xây dựng chế độ làm chủ tập thể chính là tạo điều kiện thuận lợi nhất để quần chúng phát huy đầy đủ tính năng động sáng tạo của mình để đóng góp hiến cho sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nhưng quần chúng lại chỉ có thể biến khả năng tiềm tàng của họ thành hiện thực phong phú trên cơ sở nhận thức và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của xã hội. Trách nhiệm của các đảng cộng sản, đội tiên phong của giai cấp công nhân, người lãnh đạo cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, là động viên, khơi gợi nguồn sức mạnh ở quần chúng, kết hợp được chặt chẽ *tinh cách mạng* với *tinh khoa học* trong hoạt động của họ. Xã hội xã hội chủ nghĩa chỉ có thể là sản phẩm của sự hoạt động có ý thức, có tổ chức, đầy tính chủ động sáng tạo của hàng triệu người lao động, *dưới sự lãnh đạo của đảng của giai cấp công nhân*.

Xây dựng chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, theo lập trường của giai cấp công nhân, do đó vừa là *mục tiêu* vừa là *động lực*, là *nguyên nhân* đồng thời là *kết quả* của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó là vấn đề thuộc bản chất của chế độ mới. Đó «là bản chất chung, nhất quán của chế độ mới, nằm trong cơ chế của xã hội mới» (2).

Thực tiễn cách mạng cũng chứng tỏ rằng quyền làm chủ của nhân dân được tổ chức như thế nào, thông qua những hình thức gì, điều đó là tùy

tình hình cụ thể ở từng nước xã hội chủ nghĩa, ở đó quần chúng sáng tạo ra nhiều hình thức phong phú, linh hoạt để thực hiện quyền làm chủ của mình. Rõ ràng là nền dân chủ xã hội chủ nghĩa được thực hiện một cách toàn diện và ngày càng được nâng cao trên các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa ở các nước xã hội chủ nghĩa anh em đã có ý nghĩa lớn lao đối với việc đưa nhân dân lên làm chủ xã hội, huy động khả năng to lớn của họ vào việc hoàn thành có kết quả những nhiệm vụ của thời kỳ quá độ, chuyển sang xây dựng chủ nghĩa xã hội phát triển, tiến lên chủ nghĩa cộng sản. Quá trình dân chủ hóa sinh hoạt mọi mặt của đất nước làm tăng thêm tinh thần trách nhiệm của người lao động đối với công việc chung, tăng cường kỷ luật tự giác, tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa trong các hoạt động xã hội, tăng cường việc kiểm soát của quần chúng đối với bộ máy Nhà nước.

Như vậy là việc đưa nhân dân lao động lên làm chủ xã hội dưới hình thức này hay hình thức khác là một vấn đề có tính quy luật phổ biến, cơ bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước. Tuy nhiên cũng cần thấy rõ rằng: Đảng ta vận dụng sáng tạo tư tưởng cơ bản chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đã coi việc xây dựng chế độ làm chủ tập thể là *một nội dung quan trọng nhất* trong đường lối chung tiến lên chủ nghĩa xã hội của Việt-nam. Đây chính là xuất phát từ điều kiện, yêu cầu của cách mạng nước ta. Cho nên muốn hiểu được quan điểm của Đảng ta, phải xem xét vấn đề trong bối cảnh lịch sử và trong những điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội của nước ta.

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, bản tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 26, trang 327.

(2) Lê-Duẩn: «*Làm chủ tập thể là bản chất và bản lĩnh của giai cấp công nhân*». *Tạp chí Cộng sản*, số 5-1978, trang 15.

Suốt quá trình vận động cách mạng từ 1930 đến nay, Đảng ta thường nhấn mạnh vấn đề *đoàn kết dân tộc*, đoàn kết các tầng lớp nhân dân lao động mà nòng cốt là liên minh công nông, để giành quyền làm chủ đất nước. Từ 1954 miền Bắc đi vào cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa cho đến nay cả nước cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội. đi đôi với việc thực hiện nghiêm chỉnh các nhiệm vụ của chuyên chính vô sản, củng cố sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, Đảng ta rất coi trọng việc xây dựng chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Đường lối quan trọng này là do đặc điểm cuộc đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc ở nước ta quy định.

Tình hình phong trào cách mạng, cũng như lực lượng so sánh giữa các giai cấp đối địch ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển thời Mác và Ăngghen, cũng như trong Cách mạng tháng Mười Nga đã khiến cho cuộc đấu tranh giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản để giành và giữ chính quyền trở nên hết sức gay gắt và quyết liệt. Thực tế đó đòi hỏi các nhà kinh điển phải nhấn mạnh sự thống trị về chính trị của giai cấp công nhân khi giành được chính quyền về tay mình, và coi chuyên chính vô sản là giai cấp công nhân được tổ chức thành giai cấp thống trị. Quan điểm này là hoàn toàn đúng đắn, cần thiết và không ngoài mục đích bảo đảm cho giai cấp công nhân giữ vững được chính quyền, chống lại sự phá hoại của giai cấp tư sản và các phần tử phản cách mạng khác, lãnh đạo được các tầng lớp nhân dân lao động đi vào con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Ở Việt-nam, một nước vốn là thuộc địa và nửa phong kiến, chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, đã hình thành một so sánh lực lượng có lợi cho giai cấp vô sản. Giai cấp tư sản dân tộc ra đời muộn, kém phát triển, lực lượng kinh tế, chính trị không có gì đáng kể. Giai cấp vô sản

tuy nhỏ bé nhưng sớm giác ngộ và tổ chức được đội tiền phong của mình là Đảng cộng sản, Đảng lại có đường lối đúng đắn ngay từ những buổi đầu vận động cách mạng. Các giai cấp trung gian, nông dân, tiểu tư sản, bị chủ nghĩa đế quốc và phong kiến bóc lột, chèn ép nên sớm tỏ rõ thái độ ủng hộ cách mạng và đứng về phía giai cấp công nhân. Vì vậy từ năm 1930 đến nay, Đảng cộng sản Việt-nam đã nắm vững quyền lãnh đạo cách mạng; mặt trận đoàn kết dân tộc rộng rãi, lấy liên minh công nông làm nòng cốt, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã sớm ra đời và ngày càng được củng cố, mở rộng, đoàn kết nhân dân đấu tranh chống áp bức, bóc lột, giành độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, đưa toàn thể những người lao động lên làm chủ đất nước, làm chủ cuộc sống của bản thân mình.

Tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân ta bắt nguồn từ truyền thống yêu nước của dân tộc đồng thời lại do yêu cầu của cuộc đấu tranh cách mạng thúc đẩy. Ở nước ta cuộc *đấu tranh giai cấp* giữa các giai cấp bóc lột và các giai cấp bị bóc lột, giữa lực lượng cách mạng và lực lượng phản cách mạng luôn luôn gắn liền với cuộc *đấu tranh giải phóng dân tộc*. Từ 1930 đến nay cuộc đấu tranh đã diễn ra giữa một bên là nhân dân Việt-nam, đứng đầu là giai cấp công nhân với một bên là chủ nghĩa đế quốc (bọn thực dân cũ và mới) cùng bè lũ tay sai của chúng là giai cấp phong kiến, tư sản mại bản và bọn phản cách mạng các loại. Đây cũng là cuộc đấu tranh giai cấp của các giai cấp bị thống trị, bị áp bức bóc lột (công nhân, nông dân, tiểu tư sản và các tầng lớp lao động khác) chống các giai cấp đi áp bức bóc lột (địa chủ, tư sản); cuộc đấu tranh giai cấp giữa các lực lượng xã hội chủ nghĩa yêu chuộng hòa bình, dân chủ với các lực lượng chống chủ nghĩa xã hội, hiếu chiến, phản động.

Trong cuộc đấu tranh này, ở giai

đoạn cách mạng dân tộc dân chủ, giai cấp tư sản dân tộc đã đứng trong mặt trận dân tộc chống đế quốc và phong kiến. Đến giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, họ là đối tượng của cách mạng; thế yếu, họ chịu tiếp thu cải tạo xã hội chủ nghĩa, tuy có chống đối ít nhiều, nhưng không thể gây được trở ngại lớn cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trái lại, trong quá trình cách mạng từ 1930 đến nay, *kẻ thù nguy hiểm nhất*, đã và đang còn cản trở sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta là bọn đế quốc, thực dân cũ và mới, bọn bá quyền nước lớn và bè lũ tay sai của chúng.

Vì vậy *mũi nhọn* của chuyển chính vô sản nước ta phải tập trung vào một nhóm bọn phản cách mạng, tay sai của chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc, bọn phá hoại chủ nghĩa xã hội Việt-nam. Ngược lại, *cơ sở quần chúng của chính quyền vô sản*, cải tạo nên sức mạnh to lớn của nó, lại hết sức rộng rãi, bao gồm giai cấp công nhân, nông dân, trí thức xã hội chủ nghĩa và các tầng lớp lao động khác. Trong điều kiện cụ thể của Việt-nam, Đảng nắm vững quyền lãnh đạo cách mạng thì việc tăng cường tinh thần dân, tinh thần quần chúng rộng rãi của bộ máy chính quyền, việc phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân trên mọi mặt hoạt động là hết sức cần thiết, hợp lý, và có lợi cho sự nghiệp chung, cũng có nghĩa là có lợi cho chính bản thân giai cấp công nhân.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta trong nhiều năm đã hy sinh xương máu để xây dựng chính quyền cách mạng cho nên rất thiết tha với sự tồn tại và phát triển của chính quyền này. Ngày nay chủ nghĩa xã hội không chỉ là mục tiêu đấu tranh của giai cấp công nhân mà còn là lý tưởng phấn đấu của các tầng lớp lao động khác. Trong cách mạng dân tộc dân chủ trước đây và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa hiện nay, mọi công dân

Việt-nam: công nhân, nông dân, trí thức, gái, trai, các dân tộc đều *bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ* đối với Tổ quốc, đối với sự nghiệp cải tạo và xây dựng đất nước. Điều này đã được ghi rõ trong bản Hiến pháp đầu tiên của nước ta ban hành năm 1960 cũng như Hiến pháp xã hội chủ nghĩa ban hành sau này. Đúng như Hồ Chủ tịch đã chỉ rõ: “Nhân dân lao động là những *người chủ tập thể* của tất cả những của cải vật chất và văn hóa, đều *bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ*”(3).

Xuất phát từ điều kiện lịch sử và đặc điểm của cách mạng Việt-nam, từ trước đến nay, Đảng ta luôn luôn nắm vững hai mặt cơ bản của đường lối cách mạng là: giữ vững sự lãnh đạo của giai cấp công nhân và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Tiến lên một mức độ cao hơn, Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã coi điều kiện quyết định thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay là phải nắm vững và không ngừng tăng cường chuyển chính vô sản, thực hiện và không ngừng phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Nhấn mạnh việc *nắm vững chuyển chính vô sản*, đồng thời *tích cực xây dựng chế độ làm chủ tập thể* của nhân dân lao động, đó là Đảng ta đã vận dụng sáng tạo học thuyết chuyển chính vô sản vào hoàn cảnh Việt-nam. Đồng chí Trường-Chinh đã chỉ rõ: “Tinh thần chuyển chính vô sản thể hiện ở mục đích cách mạng phải đạt, ở đường lối cách mạng phải đi, ở quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân và đảng tiên phong của mình đối với toàn dân đấu tranh theo đường lối đó để đạt mục đích đó” (4). Cho nên bản

(3) Hồ-Chí-Minh: *Nói về dân chủ, kỷ luật và đạo đức cách mạng*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1967, trang 41—42.

(4) Trường-Chinh: “Nắm vững chuyển chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới”. *Tạp chí Cộng sản*, số 1—1977, trang 12.

chất của chuyên chính vô sản thể hiện ở sự liên minh giữa giai cấp công nhân và tất cả những người lao động khác cùng nhau xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đối với Đảng ta, thiết lập chuyên chính vô sản là điều kiện tiên quyết để có thể xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, đồng thời càng phát huy đầy đủ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động thì càng tạo điều kiện tốt để hoàn thành các nhiệm vụ của chuyên chính vô sản. Do đó việc đưa nhân dân lao động lên làm chủ xã hội thể hiện bản chất của chuyên chính vô sản, và việc thực hiện và phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa là nằm trong nội dung nắm vững chuyên chính vô sản. «Ta không những nói chuyên chính vô sản mà còn nhấn mạnh vai trò làm chủ tập thể của nhân dân lao động, như thể đề *làm rõ mục đích và động lực của chuyên chính vô sản*: bởi vì mục đích của chuyên chính vô sản là xóa bỏ giai cấp tư sản, xây dựng quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, và việc nhân dân lao động lên làm chủ tập thể xã hội là sức mạnh, là lực đẩy của chuyên chính vô sản» (5).

Phát huy tinh năng động sáng tạo của quần chúng, lực đẩy của chuyên chính vô sản, trong bất cứ cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa nào cũng đều có ý nghĩa hết sức lớn lao. Xuất phát từ hoàn cảnh lịch sử, điều kiện kinh tế, chính trị hiện nay của nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta càng nhận rõ tầm quan trọng của việc phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Về chính trị, quân sự, tiếp theo hai cuộc chiến tranh ác liệt chống các đế quốc Pháp và Mỹ, ngày nay chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh phải tiếp tục chống âm mưu và hành động chống phá nước ta của chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn của thế lực phản

cách mạng trong giới cầm quyền Trung-quốc cùng bọn tay sai của nó. Về kinh tế, nước ta nghèo nàn, lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Chúng ta bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa tiến lên chủ nghĩa xã hội, từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Cùng một lúc nhân dân ta phải đồng thời xây dựng cả lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất mới, hạ tầng cơ sở và thượng tầng kiến trúc mới, đời sống vật chất và đời sống tinh thần mới. Những nhiệm vụ nặng nề, những cải biến cách mạng vĩ đại như thế chỉ có thể thực hiện được với bàn tay và khối óc của những con người lao động sáng tạo và tự giác của nước ta, những con người thật sự làm chủ tập thể—làm chủ bản thân, làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên. Như Lê-nin đã từng nói: «Đối với chúng ta, một nước mạnh là nhờ ở sự giác ngộ của quần chúng. Nước mạnh là khi nào quần chúng biết rõ tất cả mọi cái, quần chúng có thể phán đoán được về mọi cái và đi vào hành động một cách có ý thức» (6).

Quán triệt quan điểm cơ bản đó của Lê-nin, Đảng ta cho rằng vấn đề không chỉ đơn giản là ban hành các quyền tự do, dân chủ, quần chúng thụ động tiếp nhận và hưởng thụ các quyền dân chủ đó. Ngược lại *quần chúng có ý thức sâu sắc về nghĩa vụ và quyền lợi làm chủ của mình, ý thức đó trở thành tình cảm và lý trí thúc họ chủ động tự giác đóng vai trò người chủ xã hội*. Như đồng chí Lê-Duẩn đã nói, «Trong chế độ làm chủ tập thể, mọi người lao động không thụ động tiếp nhận và hưởng thụ các quyền dân chủ từ một quyền lực bên

(5) Lê-Duẩn: «Nhân dân lao động làm chủ tập thể là sức mạnh, là lực đẩy của chuyên chính vô sản». Báo nhân dân ngày 3-5-1977.

(6) V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, bản tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 26, trang 290.

ngoài nào mang đến, mà tự giác và chủ động đóng vai người chủ thật sự về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội » (7).

Đứng trên tinh thần đó, khi nói về sứ mạng lịch sử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, đồng chí Phạm-Văn-Đồng đã nhấn mạnh: « Điều quan trọng nhất ở đây là xây dựng ở cả nước ta một chế độ mới, chế độ xã hội chủ nghĩa về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, một chế độ thể hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động và từ đó mà phát huy một cách triệt để nhất nhiệt tình cách mạng, sức lao động dồi dào, lòng dũng cảm, trí thông minh và tài năng sáng tạo của năm mươi triệu người Việt-nam » (8).

Do cách đặt vấn đề và xem xét vấn đề như vậy, bắt đầu từ việc quan tâm xây dựng ý thức làm chủ của người lao động, Đảng ta ngày càng nhận thức rõ ràng: vấn đề quan trọng không chỉ là phát động quần chúng đứng lên làm chủ mà phải tổ chức, xây dựng thành một chế độ mới, chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Nghĩa là nhân dân lao động phải tự mình thực hiện quyền làm chủ của mình bằng việc xây dựng ngày càng hoàn chỉnh một hệ thống các quan hệ xã hội mới thể hiện quyền lợi và nghĩa vụ làm chủ của họ trên mọi mặt của đời sống xã hội, bảo đảm được sự nhất trí về lợi ích giữa cá nhân và tập thể trong chế độ mới, dựa trên cơ sở một cơ cấu tổ chức hợp lý, một chế độ sản xuất và phân phối hợp lý.

Muốn xây dựng chế độ làm chủ, như Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ, « trước hết phải xây dựng một hệ thống các quan hệ đúng đắn giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân ». Đứng về kết cấu bên trong mà xét, chế độ làm chủ tập thể là một hệ thống hoàn chỉnh các quan hệ xã hội, trong đó các vòng khâu cơ bản xoay quanh mối quan hệ giữa

Đảng, Nhà nước và nhân dân. Ba yếu tố này chỉ phát huy đầy đủ sức mạnh của chúng trong mối quan hệ gắn bó hết sức chặt chẽ của một tổng thể. Do đó động lực bên trong thúc đẩy sự vận động, phát triển của chế độ làm chủ chính là sự hoạt động đều đặn và đồng bộ, ăn khớp và nhịp nhàng giữa Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý, tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn đưa xã hội nước ta tiến lên.

Tóm lại, xây dựng chủ nghĩa xã hội là xây dựng một xã hội trong đó nhân dân lao động là người chủ chân chính, ở dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân; đó là tư tưởng cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, là vấn đề thuộc bản chất chung, nhất quán của chế độ xã hội chủ nghĩa. Đó chính là một quy luật phổ biến, cơ bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở tất cả các nước.

Đảng ta đã quán triệt tư tưởng cơ bản đó, tham khảo kinh nghiệm của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, đồng thời dựa vào thực tiễn sinh động của 20 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội miền Bắc để xem xét một cách toàn diện những vấn đề lớn của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Do đó đã hình thành ngày càng rõ nét mô hình về chủ nghĩa xã hội, về chế độ mới, chế độ làm chủ tập thể mà chúng ta chủ trương xây dựng ở Việt-nam. Từ chỗ quan tâm đến việc phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng ý thức làm chủ cho nhân dân lao động, chúng ta đi tới quyết định lấy việc xây dựng chế độ làm chủ tập thể làm nội dung quan trọng nhất trong đường lối tiến lên chủ nghĩa xã hội, làm sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình cách mạng xã hội chủ

(7) Lê-Duẩn: « Làm chủ tập thể là bản chất và bản lĩnh của giai cấp công nhân », Tạp chí Cộng sản, số 5-1978, trang 15.

(8) Diễn văn đọc tại cuộc mít tinh kỷ niệm ngày 2-9-1976. Báo Nhân dân ngày 4-9-1976.

nghĩa Việt-nam. là hoàn toàn đúng đắn và phù hợp với yêu cầu của cách mạng Việt-nam. Nó vừa thể hiện tính

quy luật chung vừa bao hàm tính đặc thù của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

CHUYÊN CHÍNH VÔ SẢN, DÂN CHỦ VÔ SẢN VÀ QUYỀN LÀM CHỦ TẬP THỂ CỦA NHÂN DÂN LAO ĐỘNG

PHẠM - THÀNH



GHỊ quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng chỉ rõ: «Đề đưa cách mạng xã hội chủ nghĩa đến toàn thắng, điều kiện quyết định trước tiên là phải thiết lập và không ngừng tăng cường chuyên chính vô sản, thực hiện và không ngừng phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động». Như vậy chuyên chính vô sản và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động là những vấn đề cơ bản hàng đầu trong đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng ta. Đề quán triệt đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng trong nhận thức cũng như trong thực tiễn, không thể không tìm hiểu quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và của Đảng về chuyên chính vô sản và dân chủ vô sản, về mối quan hệ giữa chuyên chính vô sản và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.



Từ sản xuất nhỏ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, chúng ta phải tiến hành một cuộc cách mạng sâu sắc nhất và triệt để nhất nhằm cải biến

từ gốc đến ngọn mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Đồng chí Lê-Duẩn nói: «Đó là quá trình kết hợp cải tạo với xây dựng, cải tạo để xây dựng, xây dựng để cải tạo, trong cải tạo có xây dựng, trong xây dựng có cải tạo, mà xây dựng là chủ yếu. Đó là quá trình vừa xóa bỏ cái cũ, vừa xây dựng cái mới từ gốc đến ngọn. Phải tạo ra cả lực lượng sản xuất mới lẫn quan hệ sản xuất mới; tạo ra cả cơ sở kinh tế mới lẫn kiến trúc thượng tầng mới; tạo ra cả đời sống vật chất mới lẫn đời sống tinh thần và văn hóa mới» (1). Hoàn thành cuộc cách mạng toàn diện và vĩ đại nói trên trong thời gian 20 năm như Đại hội đã quyết định, có nghĩa là thực hiện một bước nhảy vọt kép vĩ đại bao trùm hai thời đại lịch sử mà trong điều kiện bình thường nhân loại phải vượt trong vài ba trăm năm.

Không nghi ngờ gì cả, để thực hiện cuộc cách mạng vô cùng khó khăn ấy, nhân dân ta phải phát huy cao độ tinh chủ động, sáng tạo và tự giác

(1) Lê-Duẩn: Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 49.

trong mọi hoạt động của mình, vừa phải có tinh thần cách mạng triệt để, vừa phải có đầu óc khoa học nghiêm túc. Điều kiện quyết định của tinh chủ động sáng tạo và tự giác ấy là thiết lập và không ngừng tăng cường chuyên chính vô sản, tức sự lãnh đạo chính trị của giai cấp công nhân, giai cấp duy nhất — do địa vị kinh tế — xã hội của nó — kết hợp được trong bản thân tinh cách mạng triệt để với khoa học cách mạng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin.

Một quan niệm khá phổ biến, mà bọn đế quốc và mọi loại kẻ thù của chủ nghĩa xã hội tàn dương và nuôi dưỡng, là chuyên chính vô sản đồng nhất với bạo lực. Không có gì sai lầm và nguy hại bằng một quan niệm thô lỗ như thế. Dành rằng chuyên chính vô sản, cũng như mọi nền chuyên chính khác, bao hàm bạo lực. Nhưng ngay cả trong nội dung này, chuyên chính vô sản cũng đã khác về căn bản nền chuyên chính của các giai cấp bóc lột. Chuyên chính của các giai cấp bóc lột dù che đậy dưới bất cứ nhãn hiệu hào nhoáng nào — « mệnh trời », « cộng hòa » hay « dân chủ », v.v. cũng là bạo lực của thiểu số đối với đa số, của một nhóm bọn bóc lột đối với quần đại quần chúng nhân dân lao động. Trái lại chuyên chính vô sản là nền dân chủ rộng rãi nhất chưa từng có trong lịch sử, một nền dân chủ dân chủ gấp triệu lần nền dân chủ tư sản. Lê-nin nói: « Chủ nghĩa xã hội đưa đến chỗ *mọi* Nhà nước đều tiêu vong và do đó đến chỗ mọi chế độ dân chủ đều tiêu vong, nhưng không thể có cách nào khác thực hiện được chủ nghĩa xã hội, nếu không *thống qua* nền chuyên chính vô sản, kết hợp việc dùng bạo lực để trấn áp giai cấp tư sản, tức thiểu số trong nhân dân, với việc phát triển dân chủ *một cách đầy đủ*, nghĩa là với việc làm cho *toàn thể* quần chúng nhân dân tham gia thật sự bình đẳng và thật sự

rộng rãi vào mọi công việc của *Nhà nước* và vào mọi vấn đề phức tạp về việc tiêu diệt chủ nghĩa tư bản » (2). Luận chứng về nền dân chủ vô sản coi như đồng nhất với chuyên chính vô sản, Lê-nin còn đi xa hơn để tìm ra bản chất của nền dân chủ ấy. Người nói: « Giai cấp vô sản cần có một nền dân chủ *không phải* như nền dân chủ hiện nay, không phải nền dân chủ tư sản, mà là nền dân chủ *khác* nền dân chủ tư sản, có khả năng trở thành một hình thức của cách mạng xã hội chủ nghĩa, cũng như trở thành công cụ của cuộc cách mạng đó. Chúng khác nhau ở chỗ nào? Về mặt kinh tế, sự khác nhau là ở chỗ nền dân chủ tư sản là một nhãn hiệu giả dối, v.v. »

Về mặt chính trị, sự khác nhau là ở chỗ (1) nền dân chủ vô sản thì *đầy đủ*, có tính chất phổ biến, không bị hạn chế (lượng biến thành chất: nền dân chủ đầy đủ nhất *sẽ khác về chất* so với nền dân chủ không đầy đủ); (2) không phải là một cơ quan đại nghị mà là cơ quan « hành động »: « hành động » hiểu theo ý nghĩa nào? (α) về mặt kinh tế: những người lao động là thành viên của nó; (β) về mặt chính trị: không phải là « nơi đề tán suông » mà là cơ quan hành động, không phải là tách ra mà là kết hợp lại. (3) Kết hợp những chức năng lập pháp và hành pháp = **chuyên sang thủ tiêu Nhà nước** hiểu theo ý nghĩa là việc lãnh đạo các công việc của Nhà nước *không phải* do một hay nhiều cơ quan đặc biệt đảm đương, mà là do *toàn thể* các thành viên của Nhà nước đảm nhiệm. Bằng cách nào? Đó là « chế độ lập pháp nhân dân trực tiếp » thuộc một kiểu riêng, kiểu *mới*, mà Ăng-ghe-n đã bác bỏ dưới chế độ tư bản. Ngày nay cần phải *kết hợp* « việc quản lý » với lao động *chân tay, thay đổi* không những lao động công xưởng,

(2) Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 23, trang 25.

mà còn thay đổi từ lao động công xưởng (lao động nông nghiệp, lao động chân tay nói chung) sang quân lý» (3). Sau khi hình dung nền dân chủ vô sản, khác về chất so với nền dân chủ tư sản như vậy, Lê-nin dự kiến đó là «nền dân chủ «nguyên thủy» trên một nền tảng khác cao hơn nhiều» (4).

Thực tiễn cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta từ trước tới nay không chỉ xác nhận rằng những dự kiến thiên tài của Lê-nin là hoàn toàn đúng đắn mà còn cho phép chúng ta rút ra những kết luận mới làm phong phú thêm luận điểm của Lê-nin.

Với việc thiết lập chuyên chính vô sản và việc chuyển những tư liệu sản xuất chủ yếu vốn thuộc quyền sở hữu tư nhân vào trong tay xã hội, nhân dân lao động, bao gồm công nhân, nông dân, trí thức và các tầng lớp nhân dân lao động khác từ chỗ là người nô lệ trở thành người làm chủ mọi mặt của đời sống xã hội. Lần đầu tiên trong lịch sử, quyền bình đẳng giữa nam và nữ, giữa các dân tộc khác nhau trong đại gia đình Việt-nam được thực hiện trong thực tế. Quyền lợi gắn liền với nghĩa vụ. Những nghĩa vụ quang vinh mà mỗi người lao động có trách nhiệm phải làm tròn là nghĩa vụ lao động, nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, nghĩa vụ bảo vệ của công, nghĩa vụ học tập, nghĩa vụ tuân theo pháp luật, v.v. Những nghĩa vụ này là những nghĩa vụ của người làm chủ có đầy đủ ý thức trách nhiệm đối với xã hội cũng như đối với bản thân. Những quyền lợi và nghĩa vụ nói trên không chỉ được khẳng định bằng pháp luật mà còn được bảo đảm bằng những điều kiện vật chất ngày càng vững chắc do sự phát triển của kinh tế tạo ra và bằng cả một cơ cấu tổ chức bao gồm các cơ quan chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, bằng cả một chế độ được xây dựng theo nguyên tắc: nhân dân lao động là người làm chủ tập thể.

Toàn bộ tình hình thực tế nói trên chỉ ra rằng cái «nền dân chủ đầy đủ nhất», «khác về chất so với nền dân chủ không đầy đủ», cái «nền dân chủ «nguyên thủy» trên một nền tảng khác cao hơn nhiều», cái nền dân chủ vô sản «dân chủ gấp triệu lần nền dân chủ tư sản», mà Lê-nin đã nhiều lần nói đến rõ ràng không còn là một nền dân chủ hiểu theo nghĩa thông thường nữa. Nội dung đã vượt quá hình thức, lượng đã biến thành chất. Căn cứ vào thực tế đó và có tham khảo thực tế các nước xã hội chủ nghĩa khác, Đảng ta đã đi tới một tổng kết về mặt lý luận làm phong phú thêm định nghĩa của Lê-nin về chuyên chính vô sản và về dân chủ vô sản hay dân chủ xã hội chủ nghĩa: «*Quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, mà nông cốt là liên minh công nông, thực hiện bằng Nhà nước dưới sự lãnh đạo của đảng tiên phong của giai cấp công nhân, đó là chuyên chính vô sản. Nhà nước ta, vì vậy, là Nhà nước chuyên chính vô sản*» (5).

Ở đây không phải chỉ là dân chủ chính trị, «không phải giản đơn là quyền của từng công dân riêng lẻ, càng không phải là những quyền được ban bố từ bên trên mà chính nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, thật sự làm chủ bằng một cơ cấu xã hội, một hệ thống các quan hệ tổ chức về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa» (6). Công thức của Lê-nin «chuyên chính vô sản là dân chủ vô sản» dưới ánh sáng kinh nghiệm 50 năm tồn tại của chủ nghĩa xã hội được đồng chí Lê-Duẩn phát triển thêm như sau:

(3), (4) Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mạc-tư-khoa, 1976, tập 33, trang 322 và 323.

(5) Lê-Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976, tập II, trang 725.

(6) Lê-Duẩn: «*Cách mạng tháng Mười với cuộc đấu tranh của nhân dân Việt-nam vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*». *Tạp chí Cộng sản*, số 11-1977, trang 16.

« Chuyên chính vô sản về thực chất là quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động mà nòng cốt là khối liên minh công nông dưới sự lãnh đạo của đảng của giai cấp công nhân thông qua Nhà nước, một Nhà nước do chính nhân dân lập ra và tự mình nắm quyền điều khiển » (7). Với định nghĩa này, Đảng ta đã vạch rõ được thực chất của chuyên chính vô sản cũng là thực chất của dân chủ vô sản, làm sáng rõ thêm nội dung của chuyên chính vô sản.

Không phải ngẫu nhiên mà Đảng ta, một đảng hoạt động ở một nước lạc hậu về mặt phát triển kinh tế, chỉ mới ở trong bước đầu của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, lại phát hiện ra các bản chất này của dân chủ dưới chủ nghĩa xã hội. Ở đây có lý do lịch sử và lý do về hoàn cảnh đặc thù của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Dân tộc Việt-nam ta đã có 4000 năm lịch sử xây dựng và bảo vệ đất nước. Trước thiên nhiên khắc nghiệt của vùng nhiệt đới gió mùa cũng như trước những kẻ thù lớn mạnh và hung hãn, dân tộc ta, tuy đã chuyển sang chế độ phong kiến cách đây hàng nghìn năm, vẫn duy trì những truyền thống của cộng đồng « là lành đùm lá rách », « nhiều điều phủ lấy giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng » và những tập quán « dân chủ nguyên thủy ». Những truyền thống và tập quán ấy được truyền lại cho đến ngày nay là một nét rất độc đáo trong tâm hồn Việt-nam khiến chúng ta trong thực tiễn nhanh chóng hợp quần lại, lấy sức mạnh của tập thể để chiến thắng những khó khăn dù to lớn đến đâu do thiên nhiên hoặc kẻ thù xâm lược gây ra; trong tình cảm và cả trong lý trí sẵn sàng tiếp thụ những gì là phù hợp với tính cộng đồng và tinh thần « dân chủ nguyên thủy » vốn có của dân tộc ta.

Bước vào cách mạng xã hội chủ nghĩa, bên cạnh khó khăn do nền kinh

tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ gây ra, đặc điểm chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa lại khiến chúng ta không bị những truyền thống và tập quán dân chủ tư sản — thứ dân chủ đề cao tự do cá nhân, lấy chủ nghĩa cá nhân làm cơ sở tư tưởng — chi phối, cũng như không bị những thiên kiến và ảo tưởng của thứ dân chủ giả dối, què quặt và cắt xén ấy, thứ dân chủ không đầy đủ ấy mê hoặc và cầm tù.

Với truyền thống lịch sử của dân tộc và đặc điểm của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta như vậy, chúng ta đã dễ dàng quay trở lại « nền dân chủ nguyên thủy trên một nền tảng khác cao hơn nhiều ». Chúng ta đã thực hiện được một cách thuận lợi trên lĩnh vực chính trị điều tiên đoán của Ăng-ghe-n về khả năng « chuyển biến của công xã nông thôn Nga, cái hình thức tan rã ấy của chế độ công hữu ruộng đất nguyên thủy » « sang hình thức cộng sản cao về sở hữu ruộng đất ». Ngay từ khi mới thành lập, trong thực tiễn chuyên chính vô sản ở nước ta đã thể hiện được thực chất của nó là quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Ngay từ năm 1958, Hồ Chủ tịch đã dạy : « Trong chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa là chế độ do nhân dân lao động làm chủ, thì mỗi người là một bộ phận của tập thể, giữ một vị trí nhất định, và đóng góp một phần công lao trong xã hội. Cho nên lợi ích cá nhân là nằm trong lợi ích của tập thể, là một bộ phận của lợi ích tập thể. Lợi ích chung của tập thể được bảo đảm thì lợi ích riêng của cá nhân mới có điều kiện để được thỏa mãn » (8). Tư tưởng sáng suốt đó

(7) Lê-Duẩn : « Cách mạng tháng Mười với cuộc đấu tranh của nhân dân Việt-nam vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội », *Tạp chí Cộng sản*, số 11-1977, trang 16.

(8) Hồ-Chí-Minh : *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 187.

của Hồ Chủ tịch đã chỉ đạo Đảng ta trong việc vận dụng vào thực tiễn quan điểm của Lê-nin về chuyên chính vô sản.

Quan điểm của Đảng ta về chuyên chính vô sản như đã trình bày ở trên không mấy may làm lu mờ bản chất giai cấp của chính quyền Nhà nước. Trái lại nó tổng hợp được tất cả những phương diện căn bản của chuyên chính vô sản mà Lê-nin đã nêu ra, trong đó nổi bật lên tính giai cấp nghiêm khắc và tính nhân dân rộng rãi của Nhà nước chuyên chính vô sản.

Lê-nin định nghĩa «chuyên chính vô sản... có nghĩa là: chỉ có một giai cấp nhất định, — tức là công nhân thành thị, và nói chung là công nhân nhà máy, công nhân công nghiệp, — mới có khả năng lãnh đạo (tôi nhấn mạnh — PT) được toàn thể quần chúng lao động và những người bị bóc lột trong cuộc đấu tranh để lật đổ ách của tư bản, ngay cả trong quá trình lật đổ ách đó nữa, trong cuộc đấu tranh để duy trì và củng cố thắng lợi, trong sự nghiệp sáng tạo ra một trật tự xã hội mới, trật tự xã hội chủ nghĩa, trong toàn bộ cuộc đấu tranh để hoàn toàn xóa bỏ giai cấp» (9). Trong định nghĩa này, Lê-nin nhấn mạnh sự lãnh đạo của giai cấp vô sản, coi đó là thực chất của chuyên chính vô sản. Năm vững quan điểm đó của Lê-nin, Đảng ta coi sự lãnh đạo của giai cấp công nhân mà đại biểu là đảng tiên phong theo chủ nghĩa Mác — Lê-nin, là nhân tố quyết định của chuyên chính vô sản. Mặc dù vốn từ lâu đã có ước mơ về một xã hội tốt đẹp, bốn biển đều là anh em, nhân dân lao động gồm nhiều giai cấp và tầng lớp có cơ sở kinh tế khác nhau, tự họ không thể đi tới làm chủ tập thể được. Chỉ dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, giai cấp duy nhất tiêu biểu cho chế độ làm chủ tập thể, nhân dân lao động mới vươn tới ý thức làm chủ tập thể, xây dựng, bảo

vệ và phát huy được quyền làm chủ tập thể của mình

Lê-nin còn định nghĩa chuyên chính vô sản là một hình thức đặc biệt của liên minh giai cấp giữa giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động, chủ yếu là liên minh giữa giai cấp công nhân và nông dân trong đó giai cấp công nhân giữ độc quyền lãnh đạo. Phát triển tư tưởng này của Lê-nin, Đảng ta khẳng định rằng liên minh công nông là nông cốt bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân lao động. Chuyên chính vô sản không phải là quyền làm chủ của riêng giai cấp công nhân. Đó là quyền làm chủ của toàn thể nhân dân lao động, chủ yếu là của giai cấp công nhân và nông dân tập thể. Hai giai cấp cùng liên minh với nhau để cùng làm chủ. Giữa hai giai cấp đó không có sự khác nhau nào về địa vị làm chủ. Sự khác nhau duy nhất là ở chỗ giai cấp công nhân ở vào địa vị lãnh đạo. Sự liên minh để cùng làm chủ giữa giai cấp công nhân và giai cấp nông dân tập thể với điều kiện bảo đảm vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân là nền tảng của mọi quyền lực của nhân dân lao động.

Lê-nin còn định nghĩa chuyên chính vô sản là một Nhà nước kiểu xô-viết hoặc công xã Pa-ri bao gồm toàn thể nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân. Phát triển tư tưởng đó của Lê-nin, Đảng ta chỉ rõ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động được thực hiện chủ yếu bằng Nhà nước mà thực chất là bản thân nhân dân lao động tự tổ chức lại thực hiện «việc quản lý nhân dân do nhân dân đảm nhiệm» dưới sự lãnh đạo của Đảng. Khác với Nhà nước cũ của bọn bóc lột là một bộ máy trấn áp đặc biệt tách khỏi xã hội, nằm bên trên xã hội, Nhà nước chuyên chính vô sản tiêu biểu cho quyền làm chủ

(9) Lê-nin: *Tuyên tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959, tập II, phần II, trang 206.

tập thể của nhân dân lao động, nằm ngay trong nhân dân lao động và thâm nhập vào mọi lĩnh vực hoạt động của xã hội, là Nhà nước thật sự của dân, do dân và vì dân.

Quan điểm của Đảng ta về chuyên chính vô sản bao hàm những định nghĩa cơ bản của Lê-nin về chuyên chính vô sản, nhưng không chỉ là sự tổng hợp giản đơn những định nghĩa ấy. Đó là một sự tổng kết thực tiễn, phản ánh một cách sâu sắc thực tế chuyên chính vô sản phong phú của nước ta và của các nước anh em. Do đó về từng phương diện cũng như trong tính tổng hợp của nó, quan điểm ấy là sự phát triển sinh động và sáng tạo những luận điểm khoa học của Lê-nin về chuyên chính vô sản.



Xuất phát từ quan điểm đã trình bày ở trên về chuyên chính vô sản và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, Đảng ta coi "năm vững chuyên chính vô sản và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động" là điều kiện quyết định để phát huy cao độ tính chủ động sáng tạo và tự giác của nhân dân ta trong việc thực hiện đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng, đưa sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa đến thắng lợi hoàn toàn.

Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng chỉ rõ: "Năm vững chuyên chính vô sản là năm vững đường lối của Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, thực hiện và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, xây dựng Nhà nước vững mạnh, tập hợp các tầng lớp nhân dân đông đảo chung quanh giai cấp công nhân, đề tiên hành ba cuộc cách mạng, xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xóa bỏ nghèo nàn và lạc hậu, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội; củng cố

và tăng cường lực lượng quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội, đập tan mọi sự phản kháng và mọi hành động xâm lược của kẻ thù; củng cố và phát triển quan hệ hợp tác tương trợ với các nước xã hội chủ nghĩa anh em; cùng nhân dân thế giới tích cực đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội".

Không nghi ngờ gì cả, chuyên chính vô sản ở nước ta là một nền chuyên chính vô sản vững mạnh và đã được thử thách. Bằng chứng hùng hồn là nhân dân ta đã chiến thắng đế quốc Mỹ một cách oanh liệt trong một cuộc đụng đầu lịch sử hiếm có ngay cả trên phạm vi thế giới. Vạch rõ sự vững mạnh của nền chuyên chính vô sản qua cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đồng chí Lê-Duẩn đã nói: "Ta kháng chiến thắng lợi là nhờ có chế độ làm chủ đó. Có thể nói mọi gia đình đều đánh giặc, chống ra mặt trận, vợ ở nhà đảm đang sản xuất, phụng dưỡng cha mẹ, nuôi dạy con cái và tham gia kháng chiến ở địa phương. Mọi người sẵn sàng gánh vác nghĩa vụ đối với Tổ quốc, chịu đựng mọi gian khổ hy sinh, ngày đêm suy nghĩ việc đánh giặc, cứu nước. Điều đó chứng tỏ Nhà nước ta là một Nhà nước cách mạng, một Nhà nước rất mạnh" (10).

Trong nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa, một nhiệm vụ cực kỳ khó khăn đối với một nước từ sản xuất nhỏ tiến lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, nền chuyên chính của chúng ta về cơ bản cũng đã tỏ rõ sự vững vàng của nó. Sự vững vàng đó thể hiện trong đường lối độc lập, tự chủ, sáng tạo của Đảng ta, đường lối này phản ánh quy luật của nước ta từ sản xuất nhỏ lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ

(10) Lê-Duẩn: "Phát động quần chúng xây dựng quyền làm chủ tập thể". *Tạp chí Cộng sản* số 4, 1978, trang 11.

nghĩa; trong tính chất giai cấp và tính chất nhân dân sâu sắc của Nhà nước chuyên chính vô sản của chúng ta, một Nhà nước thật sự của dân, do dân và vì dân, và do đó cũng là Nhà nước duy nhất có khả năng động viên, tổ chức mọi lực lượng to lớn và tiềm tàng của đất nước để chiến thắng mọi khó khăn trở ngại và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội; trong sức mạnh to lớn của đồng đội quần chúng nhân dân lao động tuyệt đối tin tưởng ở Đảng, ở Nhà nước, có ý thức làm chủ tập thể, và đang phát huy năng lực sáng tạo vô tận của mình để tiến hành ba cuộc cách mạng, xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

Phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng nhân dân lao động có nghĩa là: làm cho quần chúng hiểu rõ và biết sử dụng quyền làm chủ của mình, hiểu rõ và tự giác làm tròn nghĩa vụ làm chủ của mình; tạo điều kiện cho họ sử dụng quyền làm chủ và thực hiện nghĩa vụ làm chủ một cách có hiệu quả nhất. Toàn bộ sức mạnh của chuyên chính vô sản và bí quyết thành công của cách mạng chính là ở chỗ đó. Đồng chí Lê-Duẩn đã nói: Làm chủ tập thể là sức mạnh và lực đẩy của chuyên chính vô sản.

Do chính ngay bản chất của nó, chế độ của chúng ta là chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Đó là nguyên nhân căn bản khiến nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng luôn luôn vững bước tiến lên trên con đường cách mạng đầy khó khăn và phức tạp. Bất chấp những hậu quả nặng nề do 30 năm chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa đế quốc để lại, bất chấp hoàn cảnh khó khăn của nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ, bất chấp cả những khó khăn do thiên tai bất ngờ và liên tiếp gây ra, nhân dân ta trên mọi miền đất nước vẫn đang lao vào trận chiến đấu mới chống nghèo nàn và lạc hậu

với một tinh thần chịu đựng và hy sinh vô bờ bến.

Tuy bản chất của chế độ tự nó đã có sức động viên quần chúng rất lớn, nhưng nếu không biết phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động thì sức động viên đó vẫn bị hạn chế.

Ở những địa phương và đơn vị tiên tiến, chúng ta càng thấy rõ những kết quả kỳ diệu của việc phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Ở đây, quyền làm chủ tập thể về chính trị, kinh tế, văn hóa của quần chúng được tôn trọng. Người dân tự giác bầu những người đại biểu xứng đáng của mình vào các cơ quan lãnh đạo, có ý thức kiểm tra các đại biểu ấy và ủng hộ các đại biểu ấy trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, kịp thời biểu dương hoặc phê phán những hành động của họ. Ở đây, những đại biểu do dân bầu ra thật sự là người đầy tớ trung thành của nhân dân. Họ tận tụy làm việc vì dân, chăm lo lợi ích của dân, không tham ô, lãng phí, không quan liêu hách dịch, không gây phiền hà cho dân. Mọi chủ trương có quan hệ đến lợi ích của dân họ đều đưa ra cho dân bàn. Trong quá trình thực hiện các chủ trương đó, họ lắng nghe ý kiến của dân, tâm trạng của dân. Đó là một ý kiến, họ cũng nghiên cứu, tìm hiểu để tiếp thu nếu đúng hoặc uốn nắn, giải thích nếu sai. Dễ xứng đáng là đại biểu của dân, họ luôn luôn thực hành tự phê bình và phê bình. Ở đây, người dân biết mình có quyền lợi gì, có nghĩa vụ gì. Họ biết phải làm gì và làm như thế nào, kết quả việc làm của họ sẽ ra sao. Họ luôn luôn lạc quan, tin tưởng, phấn khởi, háng say lao động và công tác. Bởi vì họ biết rằng kết quả công việc của họ, một phần họ đóng góp vào sự nghiệp xây dựng đất nước, làm giàu cho Tổ quốc, cho tập thể, một phần họ được hưởng qua phân phối theo lao động, qua phúc lợi xã hội và phúc lợi tập thể, chứ không lọt vào túi những kẻ

tham ô không bị lãng phí vô ích. Ở đây phong trào quần chúng sôi nổi, sản xuất phát triển, bộ mặt xã hội đổi mới, đời sống vật chất ngày càng được cải thiện, đời sống tinh thần tươi vui, lành mạnh, mọi người sống trong tình thương yêu đoàn kết.

Chúng ta cũng thấy không ít nơi, không ít trường hợp quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động chưa được phát huy, thậm chí chưa được tôn trọng, có khi còn bị vi phạm nặng nề. Ở đây có những người còn bị trừ dập, quyền lợi chính đáng của họ bị cắt xén hoặc không được chú ý giải quyết, thành quả lao động của họ bị lãng phí, găm nhảm, rơi vào túi những kẻ tham ô. Ở đây nhiều người cảm thấy mình không có quyền, họ lao động không tự giác, họ cho rằng công việc của cơ quan, xí nghiệp hay hợp tác xã tốt hay xấu không phải là trách nhiệm của họ mà là trách nhiệm của « mấy ông cán bộ », của giám đốc hay của chủ nhiệm và ban quản trị. Ở đây, công tác và sản xuất trì trệ, không khí buồn tẻ, quần chúng thất vọng, phong trào cách mạng không có khí thế, có thể nói là ở đây không có phong trào cách mạng của quần chúng.

Chúng ta không may mắn có ảo tưởng rằng chúng ta có thể trong chốc lát thực hiện được đầy đủ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Trong việc xây dựng quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động chúng ta gặp nhiều trở ngại to lớn, do tư tưởng, tâm lý và tập quán sản xuất nhỏ, điều kiện kinh tế nghèo nàn và lạc hậu cũng như do trình độ tổ chức và quản lý thấp kém, v.v. gây ra. Chỉ đến khi nào cùng với việc xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, chế độ làm chủ tập thể đã được xây dựng xong với một cơ chế hoàn chỉnh dựa trên một cơ cấu kinh tế thích hợp thì khi đó quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động mới được thật sự bảo đảm vững chắc. Nhưng là

những người cách mạng, chúng ta không chịu bó tay trước những khó khăn khách quan. Đồng chí Lê-Duẩn nói: « Chúng ta biết rằng xây dựng quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động là một việc khó. Nhưng dù khó đến đâu, chúng ta cũng phải làm cho kỳ được bởi vì chỉ có làm cho nhân dân lao động làm chủ thì mới bảo đảm được sức mạnh của chế độ ta ». Trong khi chưa có điều kiện khách quan để bảo đảm đầy đủ và vững chắc quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, chúng ta phải dựa vào sức mạnh của tổ chức do nhân tố chủ quan tạo ra một cách hợp với quy luật, sức mạnh nằm trong cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ. Nhà nước quản lý, đề thực hiện cho kỳ được quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ điều đó: « *Chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa thể hiện một cách tập trung ở sự làm chủ tập thể của nhân dân lao động (mà nòng cốt là liên minh công nông) chủ yếu bằng Nhà nước xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của đảng tiên phong của giai cấp công nhân*. Vì vậy, việc xây dựng chế độ làm chủ tập thể đòi hỏi, trước hết phải xây dựng một hệ thống các quan hệ đúng đắn giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân ». Đó cũng là bài học thành công của các điển hình tiên tiến trong việc phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.



Chuyên chính vô sản và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động là một thể không thể tách rời của chế độ ta. Năm vững chuyên chính vô sản bao hàm nội dung phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Ngược lại, muốn phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động tất yếu phải tăng cường chuyên chính vô sản. Sức mạnh của

chế độ bắt nguồn từ trong sự tác động qua lại giữa hai mặt đó. Mọi thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa cũng bắt nguồn từ đó. Đồng chí Lê-Duẩn đã khẳng định điều đó như sau :
 “Thực hiện được quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động bằng Nhà nước xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng thì nhất định sẽ phát huy cao độ vai trò chủ động và trí sáng tạo không bờ bến của nhân dân lao động, làm cho phong trào cách mạng nối tiếp phong trào cách mạng.

làm cho hoạt động của nhân dân lao động biến thành hoạt động có tổ chức cao trên quy mô toàn xã hội và phù hợp với những quy luật khách quan, do đó mà thống nhất được tính cách mạng và tính khoa học, tạo nên một sức mạnh dõn non lấp biển, khắc phục mọi khó khăn, đập bằng mọi trở ngại, từng phút, từng giây, ở mọi nơi, mọi mặt của đời sống, phá bỏ cái cũ, tạo ra cái mới, làm cho lịch sử phát triển với nhịp điệu xưa nay chưa từng thấy ở nước ta”(11).

HẢI-HẬU RA SỨC PHÁT HUY QUYỀN LÀM CHỦ TẬP THỂ CỦA NHÂN DÂN LAO ĐỘNG

HOÀNG-MẠNH-TÂN

Bi thư huyện ủy Hải-hậu



HẢI-HẬU là một huyện ven biển và là một trong những huyện trọng điền lúa và lợn của tỉnh Hà-nam-ninh. 255 000 dân Hải-hậu đang làm chủ tập thể những tiềm năng giàu có của mình: 17 688 héc-ta đất canh tác, trong đó diện tích cấy hai vụ lúa là 12 500 héc-ta; 32 ki-lô-mét bờ biển với một vùng biển rộng có nhiều hải sản. Gần 120 000 lao động đã được tổ chức lại trong 38 hợp tác xã sản xuất nông

ng nghiệp quy mô toàn xã với diện tích bình quân 465 ha canh tác và trên 2 000 lao động; 9 hợp tác xã nghề muối mỗi năm khai thác hàng chục nghìn tấn muối, 9 hợp tác xã khai thác cá biển và 19 hợp tác xã thủ công nghiệp. Cơ sở vật chất kỹ thuật của huyện chưa có nhiều. Nhưng do biết phát huy quyền làm chủ tập thể

(11) Lê-Duẩn : *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976, tập II, trang 724—725.

của nhân dân, Hải-hậu đã khắc phục được nhiều khó khăn, thiếu thốn, vượt qua được nhiều thử thách, giành được những thắng lợi bước đầu tương đối vững chắc trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Tham gia cuộc thảo luận trên Tạp chí Cộng sản về vấn đề « Làm chủ tập thể của nhân dân lao động » Hải-hậu muốn trình bày với bạn đọc một số hiểu biết của mình về một vấn đề vô cùng quan trọng trong đường lối của Đảng cũng như sự vận dụng đường lối đó vào công tác của địa phương trong những năm qua.

Làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, như nghị quyết của Đảng đã nói, bao gồm nhiều mặt: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; làm chủ trong phạm vi cả nước, trong từng địa phương, từng đơn vị, từng xã và hợp tác xã.

Làm chủ về chính trị là tiền đề và là điều kiện của chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Xây dựng chế độ làm chủ tập thể về chính trị là thiết lập quyền lực của nhân dân lao động trên mọi mặt đời sống xã hội.

Nhân dân thấy rõ rằng Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng. Vận mệnh của họ từ lâu đã gắn chặt với Đảng. Làm cho Đảng mạnh, đảng viên tốt, đó là điều bảo đảm vô cùng quan trọng cho cuộc sống hạnh phúc hiện tại và tương lai của họ. Trong việc phát huy quyền làm chủ tập thể về chính trị, chúng tôi đặc biệt coi trọng việc tổ chức cho nhân dân tham gia ý kiến vào công tác xây dựng Đảng, quần chúng thông qua các tổ chức của mình đã nhiệt tình góp ý kiến, phê bình đảng viên và giới thiệu những người lao động ưu tú để tổ chức Đảng xem xét bồi dưỡng và kết nạp họ vào Đảng.

Qua những cơ sát hằng ngày trong sản xuất và công tác, quần chúng hiểu

rõ từng đảng viên và tổ chức của Đảng, cho nên những ý kiến của họ đóng góp với Đảng, cơ bản là đúng. Chúng tôi trân trọng những ý kiến đó. Chúng tôi biết rằng trong Đảng, bên cạnh đa số đảng viên tốt xứng đáng với vai trò người lãnh đạo và người đẩy tố trung thành của nhân dân, không tránh khỏi có một số phần tử cơ hội vào Đảng để mưu cầu lợi ích cá nhân, và một số ít đảng viên bị thoái hóa biến chất. Dựa vào ý kiến của quần chúng và kết hợp với nhiều mặt công tác khác của đảng bộ, chúng tôi đã loại dần được những phần tử đó ra khỏi Đảng. Dựa vào quần chúng để xây dựng Đảng, để kiểm tra công tác của đảng bộ, kiểm tra tư cách cán bộ, đảng viên, cho nên chất lượng của tổ chức cơ sở, chất lượng cán bộ, đảng viên ở đảng bộ chúng tôi được nâng lên rõ rệt. Đội ngũ cán bộ trưởng thành nhanh chóng. Tổng kết việc thực hiện nghị quyết 23 của Trung ương Đảng, số đảng bộ cơ sở của Hải-hậu phần đầu tốt chiếm tới 92,5%, số đảng viên đủ tiêu chuẩn theo quy định của Đảng là 83,3%, số đảng viên thuộc diện phải xem xét chỉ còn 4,5%. Tổ chức cơ sở của Đảng được củng cố, đảng viên được kiểm tra, phê bình, giáo dục tốt, cho nên việc quán triệt đường lối, chính sách của Đảng trong nhân dân làm được tốt hơn; tệ quan liêu, cửa quyền giảm đi rõ rệt. Do đó quyền làm chủ về chính trị của nhân dân ngày càng được bảo đảm và nâng lên.

Qua thực tiễn mấy năm gần đây của Hải-hậu, chúng tôi thấy rõ rằng có xây dựng Đảng mạnh mới phát huy được quyền làm chủ tập thể của nhân dân, ngược lại, quyền làm chủ tập thể của nhân dân có được phát huy mạnh mẽ thì mới có một trong những điều kiện quan trọng nhất để xây dựng Đảng mạnh. Hai vấn đề này có mối quan hệ chặt chẽ và tác động qua lại với nhau.

Cùng với việc tổ chức cho nhân dân góp ý kiến với Đảng về công tác xây dựng Đảng, chúng tôi cũng rất coi trọng việc tổ chức cho nhân dân phát huy quyền làm chủ tập thể của mình trong việc xây dựng và củng cố chính quyền. Chúng tôi đã tổ chức, hướng dẫn nhân dân nắm vững tiêu chuẩn để lựa chọn và bầu những đại biểu ưu tú của họ vào Hội đồng nhân dân, cơ quan quyền lực của địa phương. Nhiều đảng viên của Đảng được quần chúng tín nhiệm bầu vào các cơ quan chính quyền từ huyện đến xã. Mọi người đều hiểu rằng chính quyền là của dân, do dân và vì dân. Chính quyền chăm lo đến đời sống của nhân dân, bảo vệ lợi ích của nhân dân. Vì vậy, nhân dân đã đóng góp nhiều ý kiến vào công việc của chính quyền.

Việc phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân trong việc bầu cử cơ quan quản lý hợp tác xã cũng được đặc biệt chú ý làm cho hợp tác xã thật sự là tổ chức kinh tế tập thể của nông dân lao động. Các hợp tác xã trong huyện đều tổ chức đều kỳ đại hội xã viên để mọi người bàn về cách làm ăn của hợp tác xã, của cán bộ, đề ai cũng có dịp kiểm tra, phê bình những việc làm không tốt của Ban quản trị như lãng phí vật tư, tiền vốn, thực hiện thiếu nghiêm túc những điều đại hội xã viên đã quy định. Trong các lần bầu cử cơ quan quản lý hợp tác xã nông nghiệp, thường có tới 96,7% số xã viên đi bầu. Nói chung xã viên đã lựa chọn được những cán bộ, xã viên tốt, dám nghĩ, dám làm giàu cho tập thể để bầu vào ban quản trị hợp tác xã. Hầu hết các chủ nhiệm hợp tác xã đã qua lớp đào tạo về quản lý kinh tế nông nghiệp, 81% số đồng chí có trình độ văn hóa cấp II trở lên. Đội ngũ cán bộ này không những có tác dụng lãnh đạo, cùng nhân dân đưa sản xuất đi lên mà còn biết phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trên các lĩnh vực. *

Phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động về mặt kinh tế, đối với chúng tôi, là một vấn đề mới mẻ và phức tạp; chúng tôi vừa làm vừa rút kinh nghiệm. Ngoài việc bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân về ruộng đất và các công cụ lao động chủ yếu, trong những năm vừa qua chúng tôi thực hiện tương đối tốt việc dân chủ hóa kế hoạch hằng năm, hàng vụ chúng tôi phát động các hợp tác xã xây dựng kế hoạch về sản xuất, kỹ thuật, tài chính, lao động, phân phối, đóng góp với Nhà nước, xây dựng những quy ước về quản lý kinh tế, bảo vệ tài sản, bảo vệ sản xuất, bàn định về việc thực hiện nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động, về giá trị ngày công... Mọi việc đều được đại hội xã viên bàn bạc và quyết định. Kế hoạch của huyện được xây dựng trên cơ sở tổng hợp kế hoạch của các xã và hợp tác xã đã được nhân dân xây dựng. Vì vậy, nhân dân coi việc thực hiện kế hoạch sản xuất của tập thể, của Nhà nước như làm việc cho gia đình mình. Do các hợp tác xã biết dựa vào các tổ chức quần chúng như Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, dân quân, v.v. mà các nhiệm vụ quản lý kinh tế và áp dụng các biện pháp kỹ thuật mới trong sản xuất như: làm thủy lợi, thả bèo dậu, cấy dầy, chăm bón lúa được thực hiện tích cực và chu đáo. Phong trào «cắm biển nhận ruộng», «chăm lúa như chăm con thơ», «diệt cỏ như diệt giặc», v.v. được quần chúng tự giác hưởng ứng cho nên chất lượng công việc làm ngày càng tốt hơn và giá trị tổng sản lượng ngày càng tăng. Năm 1970 xã viên làm cho hợp tác xã được 8965 000 công, năm 1977 làm tới 20 658 000 công, tăng 130%. Thu nhập thực tế của hợp tác xã nông nghiệp từ 12 172 000 đồng năm 1970 lên 18 495 000 đồng năm 1977.

Trong việc phát huy tinh thần làm chủ tập thể của nhân dân về mặt kinh tế, chúng tôi rất chú ý đẩy mạnh

phong trào thi đua sản xuất. Qua phong trào thi đua đua kịp và vượt hợp tác xã Hải-quang, phong trào thi đua thực hiện chiến dịch Hà-nam-ninh đợt 1, đợt 2, đợt 3, phong trào thi đua « Nổi sóng Bạch-dăng, phát cờ đại thắng », tinh thần làm chủ tập thể của quần chúng trong lao động sản xuất, trong thâm canh được nâng lên rõ rệt. Việc đưa giống mới vào sản xuất đại trà, việc làm thủy lợi, nhận thả bèo hoa dâu, gieo trồng điền thanh, cấy dày, được quần chúng nhiệt liệt hưởng ứng. Để đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất một cách liên tục, bền bỉ và đưa phong trào không ngừng tiến lên hết đợt này đến đợt khác, chúng tôi luôn luôn định rõ nội dung và mục tiêu kinh tế cụ thể của phong trào thi đua và thường kết hợp chặt chẽ ba biện pháp : kinh tế, tư tưởng và hành chính, đồng thời chủ ý giải quyết một cách hợp lý, kịp thời những điều kiện vật chất cần thiết cho sản xuất của các hợp tác xã.

Nội dung và mục tiêu kinh tế cụ thể của phong trào thi đua trong từng thời gian đều hướng vào thực hiện thắng lợi những chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước. Trong quá trình thi đua, chúng tôi cố gắng vận dụng đúng đắn các đòn bẩy kinh tế, nhằm khuyến khích tinh tích cực của người lao động, hạn chế những hành động tiêu cực. Chúng tôi khen thưởng thích đáng về mặt vật chất cho những tập thể và cá nhân làm bèo giỏi, cấy giỏi, làm phân giỏi. Mặt khác, chúng tôi đề cao pháp chế xã hội chủ nghĩa và kỷ luật lao động, yêu cầu mọi người lao động phải làm đúng luật lệ, chế độ, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, thực hiện nội quy của hợp tác xã. Ai làm tốt thì được khen thưởng, khuyến khích, ai làm tồi thì phải phạt theo những quy định của hợp tác xã.

Kết hợp với hai loại biện pháp kinh tế và hành chính, biện pháp tư tưởng

có tác dụng rất to lớn. Chúng tôi thường xuyên chăm lo nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa, ý thức tổ chức và kỷ luật, động viên khi thể cách mạng của quần chúng, kịp thời biểu dương người tốt, việc tốt, cho nên phong trào thi đua lao động sản xuất ở Hải-hậu phát triển tương đối bền vững.

Chúng tôi rất coi trọng kinh tế tập thể, nhưng cũng không xem nhẹ kinh tế phụ của gia đình xã viên. Trong chỉ đạo sản xuất, chúng tôi thường tập trung dứt điểm từng khâu, từng việc của tập thể, sau đó dành một phần thời gian thích đáng để xã viên làm kinh tế phụ gia đình như : trồng rau màu, chăn nuôi. Vì vậy không những phong trào sản xuất ở hợp tác xã tốt, mà phong trào sản xuất của gia đình trên đất 5% cũng tốt. Các bờ vùng, bờ thửa, bờ kênh mương được tận dụng trồng khoai nước và cây thức ăn cho chăn nuôi, do đó trong điều kiện còn nhiều khó khăn về thức ăn cho gia súc, chăn nuôi ở Hải-hậu vẫn được giữ vững và không ngừng phát triển cả về số lượng và chất lượng.

Nhân dân Hải-hậu không những làm chủ tốt tư liệu sản xuất, công cụ lao động và kế hoạch sản xuất, kinh doanh, mà còn làm chủ tốt việc phân phối sản phẩm làm ra. Trên cơ sở nắm chắc sản phẩm làm ra, đại hội xã viên bàn bạc và quyết định mức phân phối làm sao vừa bảo đảm đời sống của xã viên, vừa có tích lũy cho tái sản xuất mở rộng của hợp tác xã, vừa hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước. Theo đúng nguyên tắc phân phối theo lao động, người làm nhiều phải được hưởng nhiều, các hợp tác xã đã khuyến khích được xã viên tích cực lao động cho tập thể. Hằng vụ, hằng năm, Hải-hậu đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức huy động lương thực cho Nhà nước.

Đi liền với làm chủ tập thể về chính trị và kinh tế, chúng tôi cũng rất

quan tâm đến việc thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động về văn hóa xã hội, trước hết là quan tâm đến việc học tập, chữa bệnh, xây dựng các công trình phúc lợi tập thể cho những người lao động là người làm chủ hiện tại và cho các cháu nhỏ, người chủ tương lai của đất nước.

Sau khi hoàn thành thanh toán nạn mù chữ cho nhân dân, Hải-hậu đẩy mạnh phong trào bồ túc văn hóa đề không ngừng nâng cao trình độ văn hóa cho người lao động, trước hết là cho thanh niên và cán bộ. Các trường vừa học, vừa làm ở các xã được thành lập và hoạt động tương đối tốt. Tiêu biểu cho phong trào bồ túc văn hóa là xã Hải-cường, là cờ đầu của phong trào bồ túc văn hóa toàn miền Bắc, đã được Quốc hội và Chính phủ tặng thưởng huân chương Lao động hạng ba. Huyện còn mở trường bồ túc văn hóa tập trung để giúp cán bộ chủ chốt huyện và xã nâng cao trình độ văn hóa. Các trường học phổ thông cũng được Ủy ban hành chính huyện, xã và nhân dân quan tâm chăm sóc. Đến nay toàn huyện có ba trường cấp III, 16 trường cấp II, ở nhiều xã, nhân dân đã góp công sức cùng Nhà nước xây dựng những trường sở cao 2 - 3 tầng. Hiện nay ở Hải-hậu có trên 70 nghìn học sinh, bằng 29,6% số dân. Nhờ công tác văn hóa, giáo dục phát triển, cho nên đến nay trình độ văn hóa của những người lao động cả lương lẫn giáo ở Hải-hậu được nâng lên rõ rệt, 4% có trình độ văn hóa cấp III, 33% có trình độ văn hóa cấp II và 63% có trình độ văn hóa cấp I. Đó là điều kiện rất thuận lợi để mọi người lao động làm chủ về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, làm chủ khoa học, kỹ thuật, làm chủ thiên nhiên và làm chủ bản thân.

Nhà bảo tàng, thư viện, nhà triển lãm kinh tế của huyện cũng do nhân dân và cán bộ, nhân viên các cơ quan Nhà nước (được sự giúp đỡ một phần

về vốn của Nhà nước) xây dựng. « Nội dung bên trong » của các công trình này cũng chủ yếu do nhân dân cung cấp. Nhân dân tự nguyện góp sách, báo cho thư viện và sưu tầm hiện vật đưa vào nhà bảo tàng và triển lãm kinh tế. Vì vậy, các công trình này vừa đẹp về hình thức, vừa phong phú về nội dung, phát huy tác dụng thiết thực phục vụ nhân dân. Thư viện huyện ban đầu có 5 000 cuốn sách, đến nay đã có trên 13 nghìn cuốn, 50 loại báo chí. Cùng với các công trình khác ở huyện, đến năm 1977 các hợp tác xã trong huyện đã xây dựng được 72 nhà câu lạc bộ, 30 phòng đọc sách, 12 thư viện xã và cơ quan, 3 nhà bảo tàng xã, tiêu biểu là nhà bảo tàng xã Hải-trung. Các xã trong huyện đều có đội văn nghệ, trong đó có 23 đội mạnh, 40 đội thông tin lưu động, 76 cụm 'cô động với 637 pa-nô vải, 49 trạm thông tin, 23 tủ ảnh. Hầu hết các xã đều có trạm truyền thanh dân lập. Nhân dân thường xuyên được nghe tin tức theo hệ truyền thanh bốn cấp.

Phong trào xây dựng nếp sống mới, gia đình văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa phát triển tương đối tốt. Nhiều thói hư tật xấu, tệ nạn xã hội cũ kìm hãm người dân Hải-hậu từ bao đời, đã được xóa bỏ dần. 25 196 gia đình đã tự nguyện đăng ký phấn đấu trở thành gia đình văn hóa mới. Các quy ước mới về ma chay, cưới xin, quy ước về nếp sống mới đang hình thành. Trên cơ sở đường lối chính sách của Đảng, chúng tôi còn phát động và tổ chức cho nhân dân vùng theo đạo Thiên chúa xây dựng những quy ước hoạt động tôn giáo. Các tệ tục tôn giáo lạc hậu được quần chúng giáo dân tự giác xóa bỏ. Nhân dân theo đạo Thiên chúa ở nhiều xã đã bàn bạc với linh mục để định giờ làm lễ, giờ kéo chuông nhà thờ sao cho thích hợp, để khỏi gây trở ngại cho sản xuất và bảo đảm được sức khỏe của người lao động. Một số

hội đoàn của tôn giáo trước đây mang màu sắc chính trị phản động đã được quần chúng giáo dân tự giác giải thể. Nhân dân đã chuyển những "dội kèn" sang tham gia phong trào văn nghệ vui tươi, lành mạnh của thôn, xã. Nhiều xã có đông người theo đạo cũng có đội văn nghệ hoạt động tốt như Hải-toàn, Hải-hòa, Hải-châu. Trục-dại... Do đó, những ngày hội xuân đông đảo sản xuất, ngày hội mừng công, kỷ niệm những ngày lễ lớn, xã đã huy động được hàng vạn dân, giáo cũng như lương, đến tham gia sôi nổi các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin ở khu trung tâm của huyện. Các hoạt động này vừa gây không khí vui tươi trong quần chúng, vừa tác động tốt đến tư tưởng, tình cảm của giáo dân. Nhiều cụ già đã nói: "Mấy chục năm tôi đã quý mỗi gỏi dề cầu Chúa cho lên "thiên đàng" nhưng "thiên đàng" thì chẳng thấy mà khổ vẫn hoàn khổ. Ngày nay, đi theo chủ nghĩa xã hội, theo Đảng và Chính phủ, lao động vui tươi với tư thế làm chủ, tôi thấy cuộc đời vô cùng hạnh phúc ngay trên quê hương thân yêu."

Việc xây dựng bệnh viện, trạm y tế, nhà trẻ, lớp mẫu giáo, cũng được đẩy mạnh. Một số xã như Hải-thịnh, Hải-tân... đã có trạm y tế xã và nhà trẻ theo mẫu xây dựng của Bộ y tế và được trang bị tương đối đầy đủ tiện nghi. Nhiều xã đã tổ chức cho các cháu ở nhà trẻ ăn bữa trưa hoặc ăn cả ba bữa mà bố mẹ các cháu không phải góp tiền. Những người già yếu, neo đơn không nơi nương tựa được các hợp tác xã trợ cấp hoàn toàn. Một số xã như Hải-thịnh, Hải-vân, Hải-bắc, Hải-cường đã xây dựng được nhà nuôi dưỡng các cụ già. Bệnh viện huyện đang từng bước được mở rộng. Xã nào cũng có trạm y tế. Phong trào trồng và sử dụng thuốc nam được phát động rộng rãi ở tất cả các xã và được đông đảo nhân dân từ các cụ già đến

các cháu nhỏ tích cực tham gia. Các trạm y tế xã Hải-thịnh, Hải-vân, Trục-dại đã tự bào chế được nhiều loại thuốc nam có giá trị chữa bệnh và bồi dưỡng sức khỏe cho nhân dân. Trạm y tế các xã Hải-thịnh, Hải-vân đã sản xuất ra chín loại thuốc nam chữa bệnh cho nhân dân trong xã không lấy tiền. Công tác quản lý sức khỏe toàn dân cũng đang được triển khai rộng rãi ở các xã trong huyện. Phong trào xây dựng ba công trình vệ sinh (giếng nước, nhà tắm, hố xí) được nhân dân nhiệt liệt hưởng ứng.

Hầu hết các công trình phúc lợi công cộng từ huyện đến xã đều do nhân dân xây dựng. Nhân dân cũng bàn bạc tự nguyện góp tiền, ngày công và các vật liệu chủ yếu như vôi, gạch, cát với hợp tác xã, và được Nhà nước giúp đỡ về những vật tư quan trọng như sắt thép, xi-măng. Con em nhân dân Hải-hậu công tác ở các ngành xây dựng của Nhà nước tranh thủ những ngày nghỉ thiết kế các công trình, góp phần xây dựng quê hương giàu đẹp. Nhờ thế cho nên các công trình đều hoàn thành nhanh, sớm đưa vào sử dụng chất lượng bảo đảm, giá thành hạ.

Các hoạt động thể dục thể thao được đẩy mạnh. Chơi bóng chuyền, bóng bàn đã trở thành phong trào quần chúng rộng rãi trong thanh niên, thiếu niên ở hầu hết các xã. Huyện thường tổ chức các cuộc thi đấu thể thao và duy trì phong trào.

Các tổ chức quần chúng tăng cường hoạt động nhằm qua đó phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng, bên cạnh chi đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chi-Minh, chi hội phụ nữ, các tổ mặt trận, tổ hòa giải, tổ an ninh nhân dân đã được thành lập và đi vào hoạt động. Qua

các tổ chức trên, nhân dân giúp đỡ nhau trong sản xuất, công tác, giải quyết những vướng mắc về kinh tế, chính trị, về tình cảm trong gia đình và ngoài xã hội, tự giác cùng nhau giám sát mọi hoạt động xã hội trong địa bàn quy định. Vì vậy tình cảm trong gia đình, ngoài xã hội luôn luôn được chăm lo, tình làng, nghĩa nước được phát huy; trên cơ sở đó mọi người giúp đỡ nhau khắc phục khó khăn trong sản xuất, tổ chức đời sống, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong địa phương. Khi mùa màng thất bát, đời sống nhân dân gặp khó khăn, các đoàn thể quần chúng vận động nhân dân tiết kiệm lương thực, thực phẩm để giúp nhau.

Vụ mùa này, do bị ảnh hưởng xấu của thời tiết, năng suất lúa của Hải-hậu không đạt mức kế hoạch. Nhưng trước tình hình khó khăn về lương thực chung của cả nước, nhân dân Hải-hậu càng tỏ rõ tinh thần làm chủ, ý thức trách nhiệm của mình đối với tập thể và Tổ quốc, đã tận thu từng bông lúa, hạt thóc, tự nguyện nhận mức ăn thấp hơn so với kế hoạch, để dành nhiều thóc đóng góp cho Nhà nước.

Rõ ràng làm chủ tập thể của nhân dân lao động là một động lực vô cùng to lớn thúc đẩy cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa của chúng ta tiến lên. Điều đó thể hiện cụ thể ở huyện chúng tôi. Là huyện trọng điểm trồng lúa của tỉnh, Hải-hậu đã sớm tăng mạnh phong trào thâm canh, tăng vụ và mở rộng diện tích, thực hiện tương đối tốt các biện pháp kỹ thuật, cho nên đã tạo được bước phát triển mới về năng suất lúa. Năm 1967 Hải-hậu vượt qua « cửa ải » 5 tấn/ha và liên ba năm gần đây đạt năng suất trên 6 tấn. Sản xuất vụ đông từng bước được mở rộng, do đó sản lượng lương thực hằng năm đạt trên dưới 100 000 tấn.

Đàn lợn của Hải-hậu không ngừng phát triển ở cả khu vực tập thể và khu vực gia đình xã viên. Năm 1978 là năm Hải-hậu có đàn lợn cao nhất từ trước đến nay. Chăn nuôi gia súc, gia cầm, nhất là việc nuôi cá được đẩy mạnh. Sản xuất muối, khai thác cá biển, sản xuất tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp ngày càng phát triển.

Nếu lấy mức bình quân hằng năm của hai năm 1977 - 1978 so với mức bình quân hằng năm của hai năm 1975 - 1976 thì chỉ trừ chỉ tiêu kén tằm giảm 7% còn tất cả các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu khác của Hải-hậu đều tăng: giá trị tổng sản lượng nông công nghiệp tăng 8%, riêng giá trị tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp tăng 33%, hàng xuất khẩu tăng 128%, sản lượng lương thực tăng 7%, trong đó sản lượng màu quy thóc tăng 47%, đàn lợn tăng 2%, trong đó lợn tập thể tăng 12%, sản xuất muối tăng 10%, sản xuất cá biển tăng 71%.

Sản xuất tăng, cho nên việc đóng góp của Hải-hậu cho Nhà nước cũng tăng: thóc tăng 3%, thịt lợn hơi tăng 3%, muối tăng 10%, cá biển tăng 172%, cói chẻ tăng 28%.

Từ năm 1965 đến nay, Hải-hậu đã bán cho Nhà nước 206 160 tấn thóc, 14 104 tấn thịt lợn, 806 615 tấn muối, 9 727 tấn cá biển, 19 736 tấn cói chẻ, 990 tấn kén tằm... Những năm được mùa (1972, 1974, 1976), mỗi năm Hải-hậu bán cho Nhà nước trên hai chục nghìn tấn thóc, bình quân trên một héc-ta bán 1,9 tấn. Năm 1976 hợp tác xã Hải-quang đã bán cho Nhà nước 1 505 tấn thóc, bình quân 3,1 tấn/ha. Hợp tác xã Hải-thịnh bán cho Nhà nước gần 100 tấn thịt lợn/năm.

Hải-hậu thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước với khẩu hiệu « thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người ». Năm nào Hải-hậu giao quân cũng vượt chỉ tiêu kế hoạch, bảo đảm chất lượng, đúng chính sách. Hằng

chục nghìn gia đình có người đi bộ đội, trong đó nhiều gia đình có từ 5 đến 6 con xung phong nhập ngũ. Phát huy truyền thống tốt đẹp của cha anh, nhiều thanh niên Hải-hậu đã lập được thành tích xuất sắc, được Quốc hội và Chính phủ tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua. Nhiều đơn vị được công nhận là lá cờ đầu của tỉnh, nhiều điển hình tiên tiến toàn diện và từng mặt được tặng thưởng huân chương.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Hải-hậu ngày càng phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của mình để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã

hội chủ nghĩa, xây dựng quê hương giàu đẹp.

Rút kinh nghiệm thời gian qua của huyện nhà, học tập kinh nghiệm của các huyện khác trong cả nước, Hải-hậu quyết phát huy mạnh mẽ hơn nữa quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động để thực hiện bằng được những chỉ tiêu kế hoạch của hai năm 1979 – 1980 mà Đại hội đại biểu đảng bộ huyện lần thứ 17 đề ra: 131 000 tấn lương thực, trong đó có 100 000 tấn thóc; 90 000 đến 95 000 con lợn với trọng lượng xuất chuồng là 40 kg/con; 100 000 tấn muối... xây dựng Hải-hậu thành một trong những pháo đài vững chắc của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam quang vinh.

DÂN CHỦ VÀ QUYỀN CON NGƯỜI

LÊ-VĂN

CHÚNG HOÀN TOÀN KHÔNG CÓ TƯ CÁCH GÌ ĐỀ NÓI VỀ DÂN CHỦ VÀ QUYỀN CON NGƯỜI

 HỮU nghĩa Mác — Lê-nin đã khẳng định rằng, khi ra đời, giai cấp tư sản đã thực hiện được một cuộc cách mạng có ý nghĩa lịch sử toàn thế giới trong mọi mặt đời sống của xã hội. Về vấn đề dân chủ và quyền con người, với việc lật đổ chế độ phong kiến, giai cấp tư sản cũng đã có những đóng góp nhất định. Nhưng mặt khác, chủ nghĩa Mác — Lê-nin cũng đã từng chỉ rõ một cách hoàn toàn có căn cứ rằng giai cấp tư sản không bao giờ và cũng không thể giải quyết vấn đề dân chủ và quyền con người một cách triệt để. Vì một lẽ rất đơn giản; nó là giai cấp bóc lột. Khi nhận định con người đề đặt vấn đề dân chủ và quyền con người, giai cấp tư sản chỉ nhằm vào bản thân nó. Con người mà nó nêu ra thật sự chỉ là con người tư sản, chứ không thể là một con người nào khác. Là giai cấp bóc lột, khi nó chỉ nhằm đem lại lợi ích cho bản thân nó thì nhất định nó hy sinh một cách không thương tiếc lợi ích của tất cả những người lao động (lao động trí óc và lao động chân tay) mà nó xem là đối tượng

cho nó áp bức bóc lột để xây dựng sự giàu sang của nó. Nó chỉ có thể tồn tại và phát triển bằng cách biến tuyệt đại đa số người trong xã hội mà nó thống trị thành những người nô lệ làm thuê, những món hàng hóa. Nó hy sinh một cách có hệ thống và triệt để những quyền sống cơ bản và tối thiểu của họ. Chủ nghĩa tư bản càng phát triển, giai cấp tư sản càng giàu có thì ách áp bức, bóc lột của nó đối với nhân dân lao động trong nước nó thống trị càng nặng nề, tàn khốc. Sau khi giành được quyền thống trị, nó đã lập tức câu kết chặt chẽ với thế lực phong kiến còn lại để áp bức, bóc lột nhân dân một cách cực kỳ dã man. Tất cả những cuộc đấu tranh của nhân dân lao động đòi tự do, dân chủ và quyền con người đã bị nó thẳng tay đàn áp, dập trong biển máu. Nói tóm lại, ngay cả khi còn có tác dụng tiến bộ nhất định trong lịch sử, giai cấp tư sản đã bóc lột rõ bản chất cực kỳ hung ác của nó, bản chất thù địch với toàn thể nhân dân lao động, nó đã dày xéo một cách không thương tiếc tự do, dân chủ và quyền con người của họ. Cả lịch sử ra đời và phát triển

của giai cấp tư sản là một chuỗi dài những tội ác chưa từng có trong lịch sử đối với con người, đối với nhân dân lao động. Giai cấp tư sản đã tỏ rõ là giai cấp bóc lột, thống trị có nhiều nợ máu nhất đối với nhân dân. Chế độ tư bản chủ nghĩa là chế độ đầy xẻo, chà đạp con người lao động tàn khốc hơn bất cứ chế độ nào đã tồn tại trước nó. Khi giai cấp tư sản đã trở thành giai cấp tư sản độc quyền, khi chủ nghĩa tư bản đã trở thành chủ nghĩa tư bản lũng đoạn thì nó vừa áp bức bóc lột nhân dân trong nước tàn khốc hơn bao giờ hết, vừa mở rộng diện áp bức bóc lột ra cả nhân dân các nước mà nó đã dùng chiến tranh xâm chiếm, biến thành thuộc địa hoặc dùng những thủ đoạn chính trị, kinh tế... biến thành nước phụ thuộc vào nó. Giai cấp tư sản đế quốc đã biến 2/3 nhân loại thành nô lệ làm thuê. Thủ hồi đối với những người bị nó áp bức, bóc lột, làm nhục, tàn sát không ghê tay và phải sống một cuộc đời không hơn gì thú vật, thì còn gì là dân chủ và quyền con người? Thủ hồi trong lịch sử đã có giai cấp bóc lột nào hung bạo bằng giai cấp tư sản? Có chế độ nào thù địch với người lao động như chế độ tư bản? Ai đã gây nên những cuộc chiến tranh thế giới làm chết và bị thương hàng trăm triệu người, gây nên những tàn phá không thể tưởng tượng được trên khắp mặt đất? Ai đã thi hành chính sách diệt chủng có hệ thống đối với nhân dân da đỏ, da đen? Ai đã dùng những vũ khí hiện đại giết người hàng loạt một cách kinh khủng như vũ khí nguyên tử, vũ khí hóa học, vũ khí vi trùng v.v.? Ai đã hủy diệt từng nền văn minh của một số dân tộc đã tồn tại hàng nghìn năm ở khắp các châu Á, Phi, Mỹ, Úc...? Và ngày nay, ai là kẻ trực tiếp hay gián tiếp gây ra những cuộc chiến tranh xâm lược ở nơi này hay nơi khác trên trái đất, ai đang hô hào chạy đua vũ trang, ai đang tìm cách chế tạo bom nơ tơ rôn để có thể giết được nhiều người

mà vẫn giữ nguyên vẹn của cải để chiếm đoạt.

Một giai cấp đã có một lịch sử tội ác hàng trăm năm và cho đến bây giờ vẫn tiếp tục những tội ác ấy một cách có hệ thống trên quy mô toàn thế giới như vậy lại đang trơ trẽn vô ngược tự xưng là bảo vệ, tôn trọng dân chủ và quyền con người! *Bọn tư sản đế quốc, bọn phản động quốc tế và những kẻ đi theo chúng hoàn toàn không có tư cách gì để nói đến dân chủ và quyền con người. Ngọn cờ dân chủ và quyền con người mà lịch sử đã tạm thời giao cho giai cấp tư sản đã bị nó vứt đi từ lâu rồi. Thời kỳ mà nó có thể khua môi múa mép về dân chủ và quyền con người đã vĩnh viễn qua rồi.*

Bọn chủ mưu gây ra chiến dịch quyền con người hiện nay là ai vậy? Đó là đế quốc Mỹ! Chúng đang tự xưng là kẻ bảo vệ, tôn trọng dân chủ và quyền con người. Nhưng cả loài người ai mà không biết chúng là kẻ vừa gây nên chiến tranh xâm lược hủy diệt man rợ chưa từng có chống nhân dân Việt-nam. Chúng tưởng rằng loài người đã nhanh chóng quên mất những tội ác trời không dung dật không tha của chúng ở Việt-nam à? Không! Loài người sẽ còn nhớ mãi những tội ác man rợ nhất trong lịch sử mà chúng đã gây ra. Nhớ đề vạch mặt, chỉ tên chúng, tiến công chúng đề trên trái đất này vĩnh viễn không còn nanh vuốt dâm máu của chúng. Nhìn vào chính nước Mỹ, nơi mà bọn cầm quyền đế quốc đang luôn luôn hô hét về dân chủ và quyền con người, ta thấy dân da đỏ đang bị diệt chủng và hiện vẫn còn bị săn đuổi, giết hại chẳng khác gì những thú rừng. 25 triệu người da đen đang bị đầy dọa, bị làm nhục. Nước Mỹ là nước quân quân về tội phạm và tệ nạn xã hội, là nơi mà bọn tư bản thu hàng tỷ đô-la lợi nhuận bằng cách tuyên truyền rộng rãi mạnh khỏe giết người, cướp của, bán dâm, hiếp dâm. Theo tạp chí *Châu Phi trẻ* số 928

ngày 18-10-1978 thì ở nước Mỹ và các nước phương Tây việc tuyên truyền về «dâm dục đã thành một hiện tượng kinh tế, có một quy mô to lớn». Theo Bộ tư pháp Nhà nước của bang Ca-li-pho-ni-a thì doanh số thế giới của ngành kỹ nghệ này mỗi năm đã lên đến bốn tỷ đô-la. Ở nước Mỹ, mọi phong trào tiến bộ đều bị đàn áp khốc liệt; phụ nữ không có quyền bình đẳng với nam giới. Hàng triệu người thất nghiệp phải sống nhếch nhác bằng trợ cấp. Nước Mỹ là nơi mà những thủ lĩnh đề hèn, xấu xa nhất đều được cồ vũ, khuyến khích; là nơi mà ngay ở các thành phố lớn, tới đến không ai dám ra đường, vì sợ bọn cướp của, giết người, hiếp dâm. Đế quốc Mỹ ủng hộ, giúp đỡ, nặn ra những chế độ phát-xít ở khắp nơi như: bọn Pi-nô-chê, Xa-mô-xa, bọn cầm quyền I-xra-en; bán vũ khí cho những bọn phản động cầm quyền ở nhiều nước để chống lại nhân dân, chống cách mạng, chống các nước xã hội chủ nghĩa. Chúng đang nghiên cứu chế tạo, hoàn thiện các thứ vũ khí giết người hàng loạt. Chúng sẽ còn gây nên nhiều tội ác hơn nữa, nếu loài người mất cảnh giác, không kiên quyết đấu tranh làm thất bại những âm mưu, kế hoạch gây chiến của chúng. Chúng đang ngày càng cấu kết chặt chẽ với bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh để thi hành những âm mưu, kế hoạch đó.

Chiến dịch quyền con người chính là một khâu quan trọng trong toàn bộ âm mưu, kế hoạch này của chúng. Vì vậy không phải ngẫu nhiên mà bọn phản động, bọn bành trướng đại dân tộc đang phụ họa với chúng hàng loạt nhọ chúng ta, làm giảm uy tín của chúng ta, làm suy yếu chúng ta.

Nhân dân thế giới không bao giờ mắc mưu chúng. Trái lại, sự giẫy giụa điên cuồng, luẩn độn vu khống, xuyên tạc hèn hạ của chúng, hành vi độc ác xảo quyệt của chúng, những

lời ba hoa của chúng về dân chủ và quyền con người chỉ càng bộc lộ rõ hơn nữa bản chất, ý đồ và những âm mưu, kế hoạch tội ác chống con người, chống loài người của chúng mà thôi. Cả loài người sẽ kiên quyết vạch mặt chúng, đấu tranh chống lại chúng mạnh mẽ hơn nữa để làm thất bại mọi tính toán hiểm độc của chúng.

Đế quốc Mỹ và bè lũ phát động chiến dịch quyền con người nhằm mục đích gì?

Thoạt đầu, có lẽ có người không hiểu tại sao bọn tội phạm hung ác nhất trong tất cả các thời đại ấy lại cả gan phát động chiến dịch về dân chủ và quyền con người như vậy. Nhưng nghĩ kỹ thì không có gì là khó hiểu cả.

Chúng ta đang ở vào một thời kỳ đặc biệt của cuộc đấu tranh quyết liệt giữa cách mạng và phản cách mạng trên toàn thế giới. Đó là thời kỳ sau Việt-nam.

Thời kỳ sau Việt-nam, đế quốc Mỹ, kẻ cầm đầu, chỗ dựa, nguồn sức mạnh, hy vọng của tất cả bọn đế quốc, phản động quốc tế và bè lũ tay sai, đã suy yếu một cách chưa từng thấy trên tất cả mọi lĩnh vực; cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản gay gắt hơn, sâu rộng hơn, trận địa của chủ nghĩa tư bản đã bị sụp đổ nhiều nơi, và phần còn lại đang bị rung chuyển mạnh. Những chia rẽ xung đột công khai hay ngầm ngấm đang diễn ra trong hàng ngũ bọn đế quốc, phản động. Trong khi đó thì cách mạng đang phát triển mạnh mẽ ở khắp nơi trên thế giới, đang dồn dập tiến công chúng với một thế và lực mạnh mẽ hơn bất cứ một thời kỳ nào trước đây. Cả loài người hàng trăm năm bị chúng dày xéo, áp bức đang vùng dậy, quyết sống mái với chúng. Ngọn cờ cách mạng đang được những người

cộng sản chân chính và các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới gương cao, ngọn cờ của hòa bình, độc lập, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, ngọn cờ của dân chủ và quyền con người chân chính đang phản phát tung bay trước bão táp cách mạng, lôi cuốn hàng trăm triệu người ở khắp nơi trên mặt đất ào ào tiến quân vào cuộc chiến đấu anh hùng lớn lao nhất của thế kỷ thứ XX và cũng là cuộc chiến đấu lớn lao nhất trong tất cả các thời đại. Chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa Mác - Lê-nin ngày càng tranh thủ được trái tim và khối óc của những người bị áp bức, bị bóc lột, đang thức tỉnh họ, khơi lên nguồn sức mạnh vô địch đang tiềm tàng trong họ, tổ chức và hướng dẫn họ bước lên con đường đấu tranh cho hòa bình, độc lập, dân chủ và sự giải phóng toàn diện, triệt để của những người lao động, cho hạnh phúc thật sự và vĩnh viễn của họ, cho dân chủ và quyền con người chân chính. Các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới là những tấm gương chói lọi đem lại cho nhân dân các dân tộc niềm tin ở sức mình, niềm tin ở sự tất thắng của mình.

Như những con thú dữ đang bị nhân dân cách mạng thế giới dồn đến bước đường cùng, bọn đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ, bọn phản động quốc tế và bè lũ tay sai của chúng vô cùng hoảng sợ, phát điên lên trước khí thế đấu tranh sôi nổi, mạnh mẽ đó của cả nhân loại cần lao và tiến bộ. Chúng tụ tập nhau lại. Những tên gian manh nhất từ lâu vẫn núp dưới chiêu bài cách mạng, cộng sản cũng cảm thấy không còn hoạt động lên lút được nữa mà phải rút bỏ bộ mặt giả nhân giả nghĩa, lộ hẳn nguyên hình là bọn phản bội nhân dân, phản bội cách mạng, bành trướng xâm lược, và nhanh chóng cấu kết với bọn đế quốc, lập

nên cái liên minh ma quỷ hòng chống Việt-nam, chống các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, chống lại ba dòng thác cách mạng của thời đại, chống nhân dân nước chúng. Âm mưu, kế hoạch phản cách mạng của bọn đế quốc, phản động bao gồm nhiều mặt, trong đó có vấn đề dân chủ và quyền con người mà chúng chắc chắn là khi chúng đặt ra và phát động thành một chiến dịch rộng lớn sẽ là một đòn chí mạng đánh vào uy tín lớn lao của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, của những người cộng sản chân chính, của các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, trong đó có Việt-nam và nhất là Việt-nam.

Bằng cách vu khống, bôi nhọ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chủ nghĩa xã hội khoa học, những người cộng sản chân chính, các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, chúng nhằm chia rẽ ba dòng thác cách mạng, trước hết chia rẽ phong trào cách mạng giải phóng dân tộc với người đồng minh tự nhiên, chỗ dựa mạnh mẽ và hoàn toàn đáng tin cậy là các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, chia rẽ nhân dân các nước tư bản chủ nghĩa với những người cộng sản. Mặt khác, chúng muốn kích động, bắt mỗi, tập hợp bọn bất mãn, bọn bất lương trong con cháu của giai cấp bóc lột ở các nước xã hội chủ nghĩa tiếp tay cho sự can thiệp và những hoạt động phản động của chúng, tiến tới những cuộc bạo động, lật đổ từ bên trong, để phối hợp với sự tiến công từ bên ngoài.

Phát động chiến dịch dân chủ và quyền con người, đế quốc Mỹ và bè lũ còn muốn tô điểm cho cái chế độ đang ruồng nát của chúng, làm cho người ta tin rằng trong thời đại ngày nay, chúng mới là người thật sự bảo vệ dân chủ và quyền con người.

NGỌN CỜ DÂN CHỦ VÀ QUYỀN CON NGƯỜI CHÂN CHÍNH ĐÁ HOÀN TOÀN THUỘC VỀ NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN CHÂN CHÍNH VÀ CÁC NƯỚC TRONG HỆ THỐNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA THẾ GIỚI

1 — *Khái niệm con người, dân chủ, quyền con người của những người cộng sản chân chính là khái niệm duy nhất khoa học, duy nhất đúng.*

Hoàn toàn đối lập với khái niệm con người, dân chủ và quyền con người trừu tượng chung chung và thật ra là con người tư sản, dân chủ tư sản, quyền con người tư sản, khái niệm của những người cộng sản chân chính là khái niệm cụ thể. Đó là người lao động; là dân chủ đối với nhân dân lao động; là quyền của con người lao động.

Bản thân việc đem lại cho những khái niệm đó một nội dung hoàn toàn mới, hoàn toàn khác với nội dung của giai cấp tư sản đã là một cuộc cách mạng thật sự trong lịch sử tư tưởng của nhân loại. Hơn nữa, nó bảo hiệu một cuộc cách mạng lớn lao, triệt để và vĩnh viễn xóa bỏ mọi giai cấp bóc lột, mọi chế độ bóc lột, lập nên một chế độ hoàn toàn mới, chế độ của những người lao động đã giành lại quyền làm chủ lịch sử, làm chủ xã hội, làm chủ vận mệnh của mình. Giai cấp tư sản không bao giờ và cũng không thể thừa nhận nội dung đó vì như thế là tự sát đối với nó.

Vì bọn tư bản là những kẻ bóc lột và áp bức hung ác nhất trong lịch sử nhân loại, vì áp bức, bóc lột người lao động là lẽ sống, là mục đích của mọi suy nghĩ, lời nói, việc làm của chúng, cho nên chúng không thể không coi là trái với dân chủ và quyền con người khi nhân dân lao động đứng lên làm cách mạng, giành lại quyền làm chủ vận mệnh của mình. Ngược lại, chúng muốn nhân dân lao động phải nghĩ như chúng

rằng chúng bóc lột, đàn áp cực kỳ tàn khốc nhân dân lao động nước chúng và thi hành chính sách diệt chủng đối với các dân tộc khác ở khắp nơi trên thế giới như chúng đã làm ở châu Á, châu Phi, châu Úc, châu Mỹ la-tinh, như thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đã làm ở Việt-nam trước đây, là hợp với dân chủ và quyền con người! Từ sự thật rất đơn giản đó — một sự thật đã được toàn bộ lịch sử mấy trăm năm của chủ nghĩa tư bản chứng minh một cách hết sức tỉ mỉ, cụ thể và đầy đủ — bất cứ một người có chút ít thông minh, có lương tâm, và biết tự trọng trên trái đất này đều có thể thấy rằng:

a) Bọn đế quốc và phe lũ hoàn toàn phủ nhận quyền sống, quyền làm người chân chính của nhân dân lao động và tất cả các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Chúng chống lại đến cùng tất cả những ai không nghĩ và làm theo chúng. Chúng phát động chiến dịch về quyền con người hiện nay là chúng tự khẳng định trước nhân dân cách mạng toàn thế giới rằng chúng là kẻ tử thù của họ, cực kỳ căm ghét họ, căm ghét cuộc sống hòa bình, hạnh phúc mà họ đã thật sự xây dựng được trong các nước thuộc hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, và chúng sẽ không từ một thủ đoạn nào để phá hoại cuộc sống đó, phá hoại phong trào cách mạng đang phát triển mạnh mẽ trên thế giới.

b) Với chiến dịch về quyền con người, chúng tưởng rằng sau hàng trăm năm gây những tội ác chồng chất, chúng vẫn có thể mê hoặc, ru ngủ nhân dân thế giới bằng những lời lẽ đường mật của chúng như năm — sáu mươi năm trước đây.

c) Với chiến dịch về quyền con người, chúng ta tưởng có thể cướp lấy ngọn cờ dân chủ và quyền con người trong tay những người cộng sản chân chính và các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới và qua đó tạo những điều kiện thuận lợi cho chúng ta lấn tới phá hoại ba dòng thác cách mạng, khuất phục nhân dân thế giới, khôi phục lại ách thống trị của chúng ta như xưa.

Nói tóm lại, với chiến dịch về quyền con người, một lần nữa bọn đế quốc và phe lũ tự vạch mặt là những con rắn độc mà miệng thì phun ra những lời ngon ngọt.

Nếu như bọn đế quốc và phe lũ chính là những kẻ triệt để chống nhân dân lao động và tất cả các dân tộc trên thế giới đang đấu tranh tự giải phóng thì những người cộng sản chân chính và các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới trái lại đang triệt để phục vụ sự nghiệp cách mạng cao cả của họ. Nhân dân lao động chiếm tuyệt đại đa số dân cư trên trái đất là những người đã làm ra lịch sử, làm ra xã hội loài người. Nói đến con người mà không nói đến họ, nói đến dân chủ và quyền con người mà không nói đến quyền sống, quyền hưởng tự do, độc lập, xây dựng hòa bình, hạnh phúc của họ, lại nhằm mục đích duy nhất là chống lại họ thì làm sao có thể gọi là có thiện ý đối với con người được? Dù cho bọn đế quốc và phe lũ có diễn cuồng lông lộn, hô hét dân chủ và quyền con người đến thế nào thì miệng lưỡi giả nhân giả nghĩa của chúng cũng không che giấu được tâm địa lang sói của chúng đối với con người. Nhân dân thế giới ngày càng thấy rõ chỉ có những người cộng sản chân chính mới thật sự tôn trọng con người, tôn trọng dân chủ và quyền con người.

2- *Cách mạng do những người cộng sản chân chính lãnh đạo là nhằm hoàn*

toàn và triệt để thực hiện dân chủ và quyền con người đối với nhân dân lao động.

Cách mạng theo đường lối của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, do những người cộng sản chân chính lãnh đạo chỉ có một mục đích duy nhất là: thủ tiêu hoàn toàn, triệt để và vĩnh viễn mọi chế độ áp bức, bóc lột, giải phóng hoàn toàn, triệt để, vĩnh viễn nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức, đem lại cho họ một cuộc sống tự do, hạnh phúc, biến họ từ những kẻ nô lệ thành những người chủ chân chính của xã hội loài người. Đó chẳng phải là giải quyết từ gốc vấn đề dân chủ và quyền con người, thực hiện triệt để dân chủ và quyền con người hay sao?

Đối với những người cộng sản chân chính, nói đến dân chủ và quyền con người, vấn đề căn bản trước tiên, vấn đề của mọi vấn đề là quyền làm chủ thật sự của nhân dân lao động đối với xã hội, quyền của các dân tộc tự quyết định lấy vận mệnh của mình, của đất nước mình. Nếu không giải quyết được vấn đề cơ bản đó thì tất cả những lời nói huênh hoang, hoa mỹ về dân chủ và quyền con người chỉ là giả dối.

Dân chủ và quyền con người đối với nhân dân lao động cụ thể là gì? Là những quyền căn bản như sau:

1 - Triệt để chống lại và xóa bỏ tận gốc, mọi áp bức giai cấp và dân tộc, thật sự làm chủ xã hội, làm chủ vận mệnh mình, xây dựng một chế độ thật sự là của mình, hoàn toàn phục vụ không điều kiện lợi ích của mình.

2 - Chống lại và tiêu diệt mọi kẻ thù bên trong và bên ngoài định khôi phục lại chế độ áp bức, bóc lột của chúng. Chống lại và tiêu diệt tất cả những thế lực phản động nhân danh

nhân dân lao động đề áp bức họ, phản bội lại lợi ích của họ, phản bội lại cách mạng.

3 - Lao động xây dựng đất nước và cuộc sống hạnh phúc của mình, bảo vệ hòa bình, an ninh của đất nước phục vụ cho sự nghiệp xây dựng nói trên. Chống lại và đập tan mọi âm mưu, kế hoạch tội ác của bọn đế quốc và phản động quốc tế gây chiến tranh, gây xung đột, chia rẽ và thù hằn giữa nhân dân các nước, thực hiện chính sách bình đẳng đại dân tộc và bá quyền nước lớn; bảo vệ và tăng cường đoàn kết giữa các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, đấu tranh cho tình hữu nghị và hợp tác quốc tế.

Nói tóm lại, dân chủ và quyền con người chân chính là quyền làm chủ của nhân dân lao động trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản - lý tưởng và nguồn hạnh phúc của họ.

3 - *Các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới đang nêu tấm gương sinh động, chói lọi về việc thực hiện dân chủ và quyền con người chân chính.* Ở các nước đó, nhân dân lao động đã xóa bỏ triệt để và vĩnh viễn mọi áp bức, bóc lột, giành quyền làm chủ thật sự đối với xã hội, đang thu được những thành tựu lớn lao trong sự nghiệp xây dựng cuộc sống thật sự hạnh phúc và tự do cho mình và con cháu mình. Toàn bộ sự nghiệp xây dựng và chiến đấu chống thù trong giặc ngoài của họ là một tấm gương sinh động và chói lọi về việc thực hiện dân chủ và quyền con người chân chính. Nó chỉ cho nhân dân lao động toàn thế giới và các dân tộc đang bị chủ nghĩa đế quốc áp bức, bóc lột thấy rằng nhân dân lao động hoàn toàn có thể đập tan bất cứ ách áp bức giai cấp và dân tộc nào, hoàn toàn có thể làm chủ xã hội, hoàn toàn có thể xây dựng cho mình một cuộc sống tốt đẹp mà hàng nghìn năm nay, từ thế hệ này qua thế hệ khác họ đã

từng mơ ước. Mỗi một việc làm trong các nước thuộc hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới đều là một bước tiến trong quá trình thực hiện triệt để dân chủ và quyền con người chân chính. Sự ra đời của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử thế giới, kỷ nguyên mà cách mạng liên tục tiến công và liên tục thắng lợi, kỷ nguyên của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Chỉ từng ấy thôi cũng đã là một cống hiến vô giá vào quá trình đấu tranh giành lại quyền làm chủ của nhân dân lao động toàn thế giới và của các dân tộc bị áp bức, vào quá trình thực hiện dân chủ và quyền con người chân chính trên phạm vi toàn thế giới.

Nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới ra đời đến nay mới được hơn 60 năm. Đó là một thời gian rất ngắn so với hàng nghìn năm của các chế độ áp bức bóc lột - từ chế độ nô lệ đến chế độ tư bản. Thế mà chủ nghĩa xã hội đã đem lại cho nhân dân lao động các nước cách mạng đã thành công và cả nhân dân lao động các nước khác, những điều rất cơ bản, rất to lớn mà trước đó họ chưa bao giờ có. Thực tế sinh động và vô cùng phong phú của các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới chỉ cho nhân dân lao động toàn thế giới thấy thế nào là dân chủ và quyền con người chân chính, đồng thời vạch rõ thực chất của mọi luận điệu tuyên truyền bịp bợm của giai cấp tư sản và bè lũ về dân chủ và quyền con người.

Bọn đế quốc và tay sai thường vô ngược tự xưng là tôn trọng, bảo vệ và phát huy đến mức cao nhất tự do cá nhân của con người.

Thử hỏi, khi nhân dân lao động còn là những người nô lệ làm thuê, còn bị chúng bóc lột và áp bức ngày càng nặng nề thì làm sao có tự do cá nhân? Khi các dân tộc còn bị chủ nghĩa thực dân thống trị thì làm gì có tự do cá

nhân? Hàng chục triệu người thất nghiệp ở Mỹ và ở các nước tư bản khác, hàng chục triệu người sống dưới mức tối thiểu ở Mỹ, chen chúc trong những ổ chuột bên cạnh sự xa hoa cùng cực của bọn trùm tư bản và tay chân của chúng, hàng chục triệu người da đen ở Mỹ, nạn nhân của bọn phân biệt chủng tộc, của bọn 3K, nhân dân da đỏ ở Mỹ đang bị săn đuổi, chết dần chết mòn, hàng triệu thanh niên nam nữ bị dồn vào cảnh lâm đĩ, nghiện ngập, lưu manh, trộm cướp, làm gì có quyền tự do cá nhân. Hàng chục vạn thanh niên Mỹ bị bắt đi lính sang Việt-nam, bị đẩy vào những hành động man rợ, ô nhục, bị thương tật, bị ngã xuống trong sự nguỵên rủa của nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới. kẻ còn sống sót trở về thì thân tàn ma dại, bị xua đuổi, bị khinh rẻ, không tìm ra công ăn việc làm, đối với họ làm gì có tự do cá nhân. Ở cái nước Mỹ khoe giàu, khoe mạnh và tự xưng là dân chủ nhất, chỉ có một thứ tự do được bọn tư bản khuyến khích, cổ vũ là tự do hành động theo những bản năng thấp hèn nhất, tự do đi theo những thú tính man rợ nhất mà thôi. Thứ tự do ấy là tai họa mà bọn tư bản độc quyền đưa đến cho nhân dân lao động Mỹ. Nhân dân toàn thế giới đang vô cùng ghê tởm và nguỵên rủa thứ tự do kiểu Mỹ ấy. Vụ tự sát tập thể (tự sát và bị giết) của cả nghìn người trong đó có nhiều trẻ em, phụ nữ ở Giô-nét-tao (Jonestown) do giáo phái « đền thờ của nhân dân » ở Mỹ mà tên cầm đầu là Jim Jones vừa gây ra là một bằng chứng hùng hồn về cái gọi là văn minh Mỹ, tự do dân chủ Mỹ.

QUYẾT ĐẬP TAN CHIẾN DỊCH VỀ QUYỀN CON NGƯỜI MÀ BỌN ĐẾ QUỐC VÀ TAY SAI ĐANG PHÁT ĐỘNG NHẪM BÔI NHỌ, CHỐNG NHÂN DÂN TA

Dưới cái gậy chỉ huy của đế quốc Mỹ, tên tội phạm chiến tranh lớn

Đáng chú ý là bọn người điên loạn ấy đã được vợ chồng Ca-tơ, kẻ phát động chiến dịch quyền con người hiện nay trên thế giới cho giấy giới thiệu từ Mỹ sang Guy-a-na để làm cái việc khủng khiếp đó.

Từ khi Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười thắng lợi đến nay, bọn đế quốc và phe lũ không một giây phút nào không tìm trăm phương nghìn kế để phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, phá hoại đời sống hòa bình, hạnh phúc của nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa, hòng khôi phục lại chế độ tư bản ở các nước ấy. Một tên đầu sỏ của chủ nghĩa đế quốc là Sóc-sin, cựu thủ tướng nước Anh, đã từng nói ở Liên hợp quốc là nó tiếc rằng không tiêu diệt được Cách mạng tháng Mười ngay từ trong nôi. Và cũng chính bọn đế quốc Mỹ và phe lũ đã cõ vũ, khích lệ, giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi cho bọn phát xít Hít-le gây ra cuộc chiến tranh thế giới thứ hai, gieo biết bao nhiêu tai họa cho loài người, cho nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới. Cả ngày nay nữa, chúng cũng đang trù mưu, tính kế chia rẽ, phá hoại làm suy yếu các nước xã hội chủ nghĩa. Trong khi đó thì nhân danh quyền con người, chúng lôi kéo, mua chuộc, kích động, tập hợp và chỉ huy một số phần tử lạc hậu hoạt động chống Tổ quốc, chống nhân dân hòng thực hiện những âm mưu đen tối của chúng như trên kia đã nói. Vậy thì, có ai còn chút lương tri trên trái đất này lại có thể mơ hồ về cái gọi là thiện chí, lòng nhân đạo của những tên « miệng nam vô, bụng bồ dao găm » ấy.

nhất trong tất cả các thời đại, kẻ đã mưu toan thực hiện một cuộc chiến

tranh xâm lược diệt chủng toàn diện chưa từng có trên đất nước ta, bọn đế quốc và bè lũ tay sai đang phát động một chiến dịch về quyền con người nhằm bôi nhọ, chống nhân dân ta. Đảng cộng sản Pháp đã vạch rõ: những kẻ đang phát động chiến dịch ấy chính là những kẻ đã trực tiếp tham gia, đã ủng hộ các cuộc chiến tranh xâm lược vô cùng tàn bạo của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đối với đất nước Việt-nam. Chỉ chừng ấy thời cũng đủ để mọi người thấy rằng chúng định làm gì với cái chiến dịch ấy.

Chúng nêu ra một số việc với cái lối trình bày xuyên tạc, bóp méo theo ý đồ đen tối của chúng. Chúng bịa ra rất nhiều chuyện hòng làm cho nhân dân Pháp và nhân dân các nước hoài nghi về bản chất tốt đẹp của chế độ ta, về đường lối chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta.

Chúng ta hỏi chúng: Giữa một bên là những người cộng sản lãnh đạo toàn thể dân tộc Việt-nam vượt qua những khó khăn gian khổ to lớn nhất, chịu đựng những hy sinh mất mát mà chưa có dân tộc nào trải qua, để đánh bại các cuộc chiến tranh xâm lược vô cùng tàn bạo, giành lại độc lập hoàn toàn và thống nhất cho Tổ quốc, làm cho nhân dân Việt-nam, những người nô lệ mất nước và mất hết mọi quyền sống tối thiểu của con người trở thành người làm chủ chân chính của đất nước, của xã hội, với một bên là bọn đế quốc và tay sai đã từng cướp nước ta, thống trị dân tộc ta trong hơn một thế kỷ, đã gây nên những cuộc chiến tranh tàn khốc mà cả loài người chống lại và phi nhò, ai là người tôn trọng và bảo vệ quyền con người, ai là kẻ chống lại và chà đạp quyền con người?

Trước khi chiến tranh kết thúc, đế quốc Mỹ và bè lũ ra sức tuyên truyền về « một cuộc tắm máu » do chúng bịa

đặt ra nhằm làm cho nhiều người khiếp sợ để chúng dễ bề thi hành chính sách ác độc là lôi kéo người ta chạy theo chúng hoặc chạy ra các nước khác với cái nhãn hiệu « tị nạn cộng sản » mà chúng gán cho, nhằm vu khống chúng ta, bôi nhọ, làm mất uy tín chúng ta. Nhưng sự thật đã rõ ràng là hoàn toàn không có một cuộc tắm máu nào cả, không có một cuộc trả thù, trả oán nào cả. Thử hỏi những kẻ thực hiện cái kế hoạch đen tối ấy, là những kẻ tôn trọng và bảo vệ quyền con người chăng? Thử hỏi, ở ngay các nước tư bản phương Tây, sau chiến tranh, có Nhà nước tư bản nào có một chính sách đầy nhân đạo, hoàn toàn không có trả thù, trả oán như chính sách của Đảng và Nhà nước ta. Đối với hàng triệu nạn nhân và nhân viên nạn nhân quyền là những người ít nhiều đều có tội với Tổ quốc, với nhân dân, chúng ta không làm nhục, không trả thù họ, không phân biệt đối xử, lại cho họ học tập để hiểu được chính sách khoan hồng đầy nhân nghĩa của Nhà nước ta, để thấy rõ sai lầm trước đây của họ, thật sự hối cải trở lại làm người dân lương thiện, góp phần vào công cuộc xây dựng lại quê hương, đất nước. Thử hỏi, giữa bọn đế quốc và tay sai đã biến họ thành những kẻ chống lại Tổ quốc và dân tộc với chúng ta là những người giáo dục họ, đưa họ trở lại làm người công dân lương thiện, người con chân chính của đất nước và dân tộc, ai chống lại, chà đạp quyền con người, ai tôn trọng và bảo vệ quyền con người?

Chúng ta đã mở những trường « phục hồi nhân phẩm » cho phụ nữ để chữa bệnh, dạy văn hóa, giáo dục chính trị, dạy nghề cho hàng trăm nghìn phụ nữ đã bị Mỹ - ngụy biến thành di dân, đưa họ trở lại cuộc đời lương thiện, có nghề sinh sống, giúp họ xây dựng gia đình, v.v. Thử hỏi, giữa đế quốc Mỹ và chúng ta ai, chòng

lại, chà đạp quyền con người, ai tôn trọng và bảo vệ quyền con người?

Chúng ta đã tổ chức cứu chữa cho hàng vạn thanh niên, thiếu niên nam nữ bị Mỹ - ngụy dầy vào con đường nghiện ngập xì ke ma túy, sống dở chết dở, trộm cắp, giết người; chúng ta lại dạy văn hóa, dạy nghề cho họ, giúp họ trở lại cuộc sống bình thường, góp phần vào công cuộc xây dựng đất nước. Thử hỏi giữa bọn Mỹ - ngụy và chúng ta, ai chống lại, chà đạp, quyền con người, ai tôn trọng và bảo vệ quyền con người?

Chúng ta đã tập hợp, nuôi dưỡng, dạy dỗ hàng trăm nghìn trẻ em mà Mỹ - ngụy đã biến thành « bụi đời » làm cho các em trở thành những trẻ em lành mạnh, được học hành, có một cuộc sống yên lành trong tình thương yêu, dùm học của nhân dân. Thử hỏi, giữa bọn Mỹ - ngụy và chúng ta, ai chống lại, chà đạp quyền con người, ai tôn trọng và bảo vệ quyền con người?

Chúng ta đã đưa hàng triệu nông dân bị chính sách bình định, dò thị hóa cưỡng bức của Mỹ - ngụy làm cho tan nhà nát cửa phải lìa bỏ quê hương, bỏ cả mồ mả tổ tiên, bị dồn vào các ấp chiến lược hoặc lang thang ở các thành phố, trở về làng cũ làm ăn, xây dựng lại cuộc đời yên lành, no ấm, tự do. Thử hỏi, giữa bọn Mỹ - ngụy và chúng ta, ai chống lại, chà đạp quyền con người, ai tôn trọng và bảo vệ quyền con người?

Chúng ta đưa hàng trăm nghìn người lao động sống nhoe nhóc ở các thành phố đi khai hoang, xây dựng kinh tế ở các vùng đất phì nhiêu mà trước đây Mỹ - ngụy đã dùng hàng vạn tấn bom đạn và chất độc hóa học để phá sạch cây cỏ, mùa màng biến thành vùng đất chết. Thử hỏi giữa bọn Mỹ - ngụy và chúng ta, ai chống lại, chà đạp quyền con người, ai tôn trọng, bảo vệ quyền con người?

Chúng ta cho hàng trăm nghìn nhân viên nguy quyền, nguy quân cũ đi học tập, và đối xử tử tế với họ. Còn Mỹ - ngụy trước đây đã dầy dụa tàn sát hàng chục nghìn người dân vô tội và những người cách mạng trong các nhà tù, trong những chuồng cọp khét tiếng, với đủ kiểu tra tấn, giết hại, kể cả mổ bụng, moi gan, ném từ trên máy bay lên thẳng xuống biển, xuống rừng, v.v. Thử hỏi, giữa bọn chúng và chúng ta, ai chống lại, chà đạp quyền con người, ai tôn trọng và bảo vệ quyền con người?

Từ sau khi miền Nam được giải phóng, trong những điều kiện cực kỳ khó khăn, phức tạp do chủ nghĩa thực dân mới và gần 30 năm chiến tranh xâm lược của đế quốc gây ra, chúng ta đã ổn định đời sống cho hàng chục triệu người, phát triển giáo dục, y tế bãi trừ các tệ nạn xã hội, làm cho sau một thời gian ngắn cuộc sống của nhân dân miền Nam đã có những biến đổi lớn lao. Thử hỏi ở các nước tư bản phát triển, sau chiến tranh mặc dù với những điều kiện thuận lợi gấp nhiều lần so với chúng ta, có nước tư bản nào làm được một phần nhỏ những việc mà chúng ta đã làm?

Bọn đế quốc và tay sai rêu rao rằng hiện nay chúng ta đang giam giữ một số người là vi phạm quyền con người. Những người đó là ai? Đó là một số rất ít tên làm tay sai đắc lực cho địch, có nhiều nợ máu với nhân dân, chưa chịu thực tâm hối cải, chưa muốn trở lại làm những người dân lương thiện. Thử hỏi, sau chiến tranh có nước tư bản nào không xử tử hàng loạt tên làm tay sai cho địch, không giam giữ lâu dài hàng loạt tên khác? Đối với những kẻ có tội như vậy đối với Tổ quốc, đối với nhân dân mà chưa hối cải, mặc dù Nhà nước ta đã có chính sách khoan hồng với chúng và mong muốn chúng cải tà quy chính, trở lại với dân tộc, với nhân dân, thì đề chúng

tự do tiếp tục chống lại Tò quốc, chống lại nhân dân là tôn trọng, bảo vệ quyền con người hay giữ lại, tiếp tục giáo dục và trả tự do dẫn cho những người thật sự ăn năn hối cải là tôn trọng và bảo vệ quyền con người?

Bọn đế quốc và tay sai nêu ra những khó khăn, thiếu thốn hiện nay của nhân dân ta hòng bôi nhọ chúng ta. Nhưng thử hỏi, nếu từ năm 1915 hay ít nhất từ năm 1954 đến nay, thực dân Pháp và đế quốc Mỹ không gây ra những cuộc chiến tranh xâm lược tàn phá đất nước ta thì ngày nay đất nước ta đâu còn nghèo nàn, thiếu thốn như ngày nay. Những kẻ gây ra vô vàn tai họa và khó khăn, thiếu thốn cho nhân dân ta, phải chịu trách nhiệm về những khó khăn, thiếu thốn

và tai họa đó, hay chúng ta, nạn nhân của chúng, phải chịu trách nhiệm? Giữa chúng nó và chúng ta, ai chống lại, chà đạp quyền con người, ai tôn trọng và bảo vệ quyền con người?

Có thể kể ra rất nhiều điều cụ thể nữa để vạch trần bộ mặt xấu xa và ý đồ đen tối của những kẻ đang phát động chiến dịch về quyền con người nhằm chống lại chúng ta. Nhưng, chừng ấy cũng đủ.

Chỉ cần nói thêm rằng khi phát động chiến dịch này ở nước Pháp, bọn đế quốc và tay sai không tìm được nhân vật nào đề tồ diêm cho nó hơn là tổng thống « Oa-tơ-ghết »! Thật là khôi hài hết sức. Chỉ điều ấy thôi cũng đủ cho mọi người có lương tri trên thế giới thấy rõ việc làm của chúng dơ bẩn, dè tiện và thâm hại đến mức nào!

THÀNH-TÍN

Những điều tiết lộ phơi bày bản chất

7 HÁNG 7 năm 1978 vừa qua, thị trường sách châu Âu nhận nhạo hân lên do sự xuất hiện cuốn Hồi ký của nguyên tổng thống Mỹ Ri-sốt Ních-xơn. Các hãng quảng cáo hàng hóa Mỹ ở đại lộ Mê-di-xơn, Niu Oóc, đã làm rùm beng về cuốn sách này từ cuối năm 1977, mặc dù đến tháng 3-1978 nó mới được biên soạn xong.

« *Tập hồi ký của Ri-sốt Ních-xơn* » (1) khổ rộng, dày đến 1120 trang, chưa kể hơn 30 trang ảnh gồm 89 bức ảnh, từ ảnh Ních-xơn mới lên ba cho đến bức ảnh chiếc trực thăng của hải quân Mỹ mang số hiệu « *Hải Quân Một* » vừa cất mình khỏi sân Nhà trắng trưa thứ sáu 9-8-1974 đưa Ních-xơn về vườn ở Ca-li-phoóc-ni-a, kết thúc bi đát cuộc đời chính trị ba chìm bảy nổi của ngài tổng thống Mỹ thứ 37.

« *Tập hồi ký của Ri-sốt Ních-xơn* » là cuốn tự thuật, là bức chân dung tự họa, có nhiều tư liệu lịch sử, nhiều đoạn trích từ những văn kiện của Nhà trắng và nhất là nhật ký của Ních-

xơn thường ghi hằng ngày. Nhà xuất bản Grô-xét Đôn-lap giới thiệu rằng cuốn sách kể lại cuộc đời chính trị của Ních-xơn, « *một cuộc đời có những niềm hạnh phúc tuyệt đỉnh và những niềm tủi nhục đến cùng cực, có những thắng lợi huy hoàng và những thất bại cay đắng* ».

Sau khi cuốn sách được tung ra thị trường, dư luận phương Tây bàn tán rằng tập hồi ký này quả thật là ly kỳ; nó vén thêm bức màn về vụ xấu xa Oa-tơ-ghết và đặc biệt tả lại khá tỉ mỉ cuộc tình duyên bất chính Oa-sinh-ton — Bắc-kinh được tiến hành vụng trộm từ năm 1972 ra sao. Cuốn sách này phơi bày trước người đọc mỗi liên minh ma quỷ ấy trong lúc khởi đầu, làm rõ thêm bản chất cực kỳ xấu xa của tập đoàn phản động trong giới cầm quyền ở Bắc-kinh. Cuốn sách cũng cho chúng ta thấy rõ thêm nhiều khía cạnh về bản chất thối nát của chủ nghĩa đế quốc.

(1) The memoirs of Richard Nixon. Grosset Dunlap. New York.

GIÁ TRỊ CỦA MỘT ĐỒNG RÁC

Từ khi buộc phải từ chức, Ních-xơn không ngồi yên. Về Xan Clê-men-tê bên bờ biển Thái-bình-dương, Ních-xơn cùng gần một chục bộ hạ thân cận vốn là quan chức trong Nhà trắng lao vào viết hồi ký.

Trong « sự nghiệp văn chương » này, Ních-xơn tận dụng hơn hai chục nghìn trang tài liệu chính thức của tổng thống đã trở thành tài sản cá nhân, làm cho tập hồi ký khá phong phú và hấp dẫn người đọc. Làm cái việc kể lại tỉ mỉ cuộc đời chính trị sóng gió trong hơn 30 năm, Ních-xơn có hai ý đồ rõ rệt : một là, cố gắng vớt vát thể diện, thanh minh trước dư luận về vụ bê bối Oa-tơ-gheét, nhấn mạnh một số thành tích đối ngoại của cá nhân mình, nhất là thành tích khai phá con đường kết bạn với lập đoàn phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc, nhằm khẳng định một chỗ đứng tích cực trong lịch sử, sau khi lùi thối về vườn một cách nhục nhã như một tên tội phạm. Hai nữa, việc viết hồi ký ở đây trở thành một mối kinh doanh có cơ phát to. Cuốn sách in hàng triệu cuốn, đồng thời được phát hành ở Mỹ và ở Ca-na-đa, sau đó bán rộng rãi ở phương Tây, đã được in lại lần thứ hai. Nó được dịch ngay sang nhiều thứ tiếng. Những cuốn sách bọc da, giấy hảo hạng, có chữ ký của chính Ních-xơn, được bán với giá rất cao là 500 đô-la, trong khi một cuốn bình thường giá chỉ 19,95 đô-la. Nhà xuất bản *Gró-xét Đơn-láp* đã trả ngay cho Ních-xơn, theo kiểu tiền trao cháo cháo mức khi nhận được đầy đủ tập bản thảo, một số tiền là hai triệu đô-la. Giới tài chính Mỹ liền nhận xét rằng số tiền này bằng gần mười năm tiền lương của tổng thống Mỹ tại chức. Nhiều cận thần của Ních-xơn như Han-đơ-man, E-lich-man Hân-tơ, Con-xơn, Gion Đin... đều là thủ phạm trong vụ xấu xa Oa-tơ-gheét, cũng lao vào công việc kinh

doanh hồi ký theo gương ông chủ Ních-xơn đề kiểm soát. Quả thật kinh doanh về « rác rưởi » đang là một cuộc kinh doanh có lãi lớn trên đất Mỹ. Đồng rác Oa-tơ-gheét được khơi lại trở thành một kiểu tiêu thuyết trình thám ly kỳ, với nhiều pha giạt gân. Giữa lúc giới cầm quyền Mỹ ba hoa về quyền con người, cuốn hồi ký của Ních-xơn trình bày khá nhiều nét về sự lem nhem bản thủ của chính giới Mỹ, phơi bày những đồng rác không lồ, gắn chặt với bản chất thối nát của chế độ tư bản chủ nghĩa. Ních-xơn không ngần ngại nhắc đến cuộc bầu cử tổng thống Mỹ năm 1960, Ních-xơn bị Ken-nơ-di đánh bại bằng tỷ lệ sát nút là năm phần nghìn số phiếu ; Ních-xơn tố cáo hàng loạt vụ bê bối gian lận trong cuộc bầu cử đó, như ở một đơn vị bỏ phiếu thuộc bang Têch-dớt, tổng số cử tri chỉ có 4 895 người mà số phiếu bầu đếm được lên tới 6 138 ! Tả lại quang cảnh ảm đạm của phủ tổng thống Mỹ suốt trong năm 1973 và nhất là nửa đầu năm 1974, Ních-xơn cho thấy bộ máy hầu như tê liệt, vì từ tổng thống đến bộ tham mưu Nhà trắng chỉ chuyên lo đối phó với những cuộc điều tra về vụ bê bối Oa-tơ-gheét : vì lần lượt hết ngài cố vấn này đến vị trợ lý kia của tổng thống mất chức, bị tạm giam hoặc vào tù, rồi đến chính tổng thống Mỹ mất ăn, mất ngủ, có đêm trằn trọc rồi thức trắng, chỉ đề nghị ra mưu kế chống lại cơ quan điều tra, chống lại luật pháp của nước Mỹ ! Ních-xơn tả lại khá sinh động cuộc đấu tranh rất bị dặt trong nội tâm mình, tinh thần bị xâu xé bởi hai chiều hướng trái ngược : chống lại cuộc điều tra hay chịu khuất phục cuộc điều tra ? Chiến đấu đến cùng chống lại bộ máy tư pháp hay chịu bỏ cuộc và đầu hàng ? Có chịu nộp hàng chục rồi hàng trăm băng ghi âm cho cơ quan điều tra đặc biệt hay ngoan cố vin cơ vào quyền hành pháp tối cao của tổng thống Mỹ để từ chối việc giao nộp ấy ?... Tất cả bản chất

ngoan cố, lì lợm, tham lam quyền lực và danh vọng cá nhân đến điên cuồng được phơi bày khá đầy đủ, cho đến khi Ních-xơn bị kẹt cứng bởi những lực lượng chống ông ta, nhất là trước ý định trả thù đến cùng của cơ quan lãnh đạo Đảng dân chủ Mỹ đã bao vây chặt chẽ Nhà trắng. Ních-xơn bị dồn đến bước đường cùng: khuất phục cuộc điều tra thì cuối cùng trước tung chứng rành rành là phạm pháp, ắt sẽ bị truy tố trước một tòa án đặc biệt của nước Mỹ trong một phiên tòa kéo dài sáu tháng trời; còn chống lại thì càng bị truy đến cùng và không sao thoát tội. Sau mấy tháng suy nghĩ bi thảm, chỉ khi lâm vào thế đã hoàn toàn tuyệt vọng, Ních-xơn mới đau đớn quyết định từ chức để cố tìm ra một lối thoát ít nhục nhã hơn cả vào cái đêm thức trắng 30-7-1974. Những ngày từ 1-8 đến 9-8-1974 là những ngày tang tóc đầy nước mắt của chính Ních-xơn, của vợ, con gái, con rể Ních-xơn, của Kít-xinh-giơ và các cận thần khác, của nhiều nghị sĩ Mỹ... Cảnh suy đồi chưa từng có của chính phủ Mỹ phơi bày trước toàn thế giới. Một điều đáng chú ý là suốt trong quá trình dẫn vật kéo dài hằng năm, Ních-xơn không bao giờ nghĩ đến lương tâm, đến lẽ phải, đến nền dân chủ dù chỉ là hình thức, mà ông ta chỉ chịu rút lui khi cơ quan điều tra và dư luận bất bình của nhân dân như một guồng máy của định mệnh quay một cách không thương tiếc đe dọa nghiền nát cuộc đời chính trị của đương kim tổng thống Mỹ, và Ních-xơn chẳng còn có cách gì ngăn nổi được nữa.

Một điều khá lý thú là trong cơn tuyệt vọng, Ních-xơn nhiều lần luyện tiếc các bạn đồng minh của Mỹ, và cũng nhiều lần nghĩ đến những người lãnh đạo ở Bắc-kinh, tiếc ngàn tiếc ngàn rằng cuộc tình duyên lớn này có thể bị trắc trở và bản thân không còn có khả năng trực tiếp thực hiện đến cùng sự móc ngoặc lịch sử này.

Ai cũng biết đó là sự móc ngoặc giữa những thế lực của chủ nghĩa đế quốc với những thế lực phản động bành trướng đại dân tộc trong giới cầm quyền ở Bắc-kinh, nhằm chống lại ba dòng thác cách mạng hùng vĩ của thời đại ngày nay.

Khởi lại những đồng rác cũ trên đây, quả thật Ních-xơn đã phát to. Đối với nhân dân thế giới, cuốn hồi ký của Ních-xơn cung cấp một kho tư liệu phản diện sinh động, phơi bày sự thối nát đến cùng cực của các thế lực phản động quốc tế.

CUỘC LIỆC TÌNH TỘI ÁC QUA THÁI-BÌNH-DƯƠNG

Ních-xơn kể lại rằng mối quan hệ mới giữa Oa-sinh-ton và Bắc-kinh đã được chuẩn bị từ lâu.

Đầu năm 1967, trong tạp chí Mỹ *Công việc ngoại giao* (Foreign Affairs), Ních-xơn đã viết một bài mong muốn rằng "*Trung-hoa lục địa không nên bị bỏ quên mãi ở ngoài lề của đời sống chính trị thế giới*". Đây là lời đánh tiếng ve vãn đầu tiên.

Ngay sau khi trúng cử tổng thống, tháng 1-1969, trong diễn văn nhậm chức, Ních-xơn lại nhắc đến ý định của Mỹ là « mở ra một khả năng đi đến mối quan hệ mới đối với Trung-quốc ». Đó là cái liếc tình tiếp theo, giữa lúc Trung-quốc đang lao mạnh vào cuộc cách mạng văn hóa đầy biến động.

Tháng 2-1970, trong báo cáo về chính sách đối ngoại của tổng thống đọc trước Quốc hội Mỹ, Ních-xơn lại hé cho thấy Mỹ có ý đồ tạo điều kiện mở ra mối quan hệ mới nói trên. Đó là cái mà báo Mỹ từng gọi là nụ cười tình vượt qua Thái-bình-dương. Ngay sau đó Ních-xơn nói giảm những hạn chế về du lịch sang Trung-quốc đối với người Mỹ, hủy bỏ một số hạn chế về buôn bán giữa hai nước.

Đến tháng 10-1970, trả lời phỏng vấn của tờ *Thời báo Mỹ*, Ních-xơn đột nhiên bản tin: *«Tôi muốn sang thăm Trung-quốc trước khi chết. Nếu ý muốn trên của tôi chẳng may không thực hiện được thì tôi tin rằng con tôi sẽ thực hiện điều ấy»*. Đây là cái gõ cửa khá táo bạo, sau khi thấy rõ hành động quân sự của Mỹ tiến vào xâm lược Cam-pu-chia không gây nên phản ứng gì đáng kể ở Bắc-kinh cả.

Tháng 12-1970, người lãnh đạo của Đảng cộng sản Trung-quốc khi nói chuyện với Ét-ga Xnao, tuyên bố: *«Ních-xơn sẽ được hoan nghênh ở Trung-quốc»*. Đó là cái liếc tình đáp lại.

Tháng 2-1971, Ních-xơn trong báo cáo về công tác đối ngoại của Mỹ nói rõ ý định của chính phủ Mỹ là đề nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa vào Liên hợp quốc. Tháng 4-1971 Bắc-kinh mời đội bóng bàn Mỹ sang thăm Trung-quốc, mở ra cái gọi là nền ngoại giao bóng bàn khá rùm beng. Ních-xơn kể lại rằng lúc ấy Mỹ rất lo ngại cuộc hành quân Lam-sơn 719 vào Nam Lào sẽ làm hỏng tất cả, thế nhưng Bắc-kinh đã cản cầu nên cuộc móc ngoặc lớn vẫn tiếp tục.

Đầu tháng 7-1971 cuộc công du đây bí ẩn và ly kỳ mang tên Kế hoạch Pô-lô (theo tên của nhà thám hiểm Mác-cô Pô-lô) của Kít-xinh-giơ được thực hiện. Ních-xơn quy ước với Kít-xinh-giơ rằng nếu cuộc mặc cả thuận lợi thì chỉ điện về Nhà trắng một chữ: *Ơ-rơ-ka*. Ních-xơn ngày đêm mong chờ bức điện mang chữ ấy và đã nhận được đêm 11-7: Theo lời Ních-xơn, câu chuyện Kít-xinh-giơ kể về chuyến đầu tiên sang thăm Trung-quốc, gặp gỡ những người lãnh đạo cao nhất của Trung-quốc, và được đón tiếp vô cùng là nồng nhiệt — cuộc đi thật là mê ly ấy đã làm cho chính Ních-xơn nao nức thêm muốn. Cuộc tình duyên thế là đã thành. Sáng 15-7-1971, Nhà trắng chính thức loan báo tin: tổng thống Ních-xơn sẽ sang thăm

Trung-quốc theo lời mời của các nhà lãnh đạo Trung-quốc vào mùa xuân năm 1972.

20-10-1971 Kít-xinh-giơ lại sang Trung-quốc, thực hiện kế hoạch Pô-lô II trao đổi về dự thảo thông cáo chung Trung — Mỹ và thu xếp cho chuyến đi Bắc-kinh của Ních-xơn. Sau khi gặp người cầm đầu chính phủ Trung-quốc, Kít-xinh-giơ báo cáo cho Ních-xơn rằng: những nhà lãnh đạo Trung-quốc lo rằng sau những cuộc gặp gỡ thân thiết có tính chất mở đầu này, Trung-quốc sẽ khó khăn thật sự nếu như Ních-xơn không cầm quyền nữa và người cầm đầu chính phủ Trung-quốc *«tán thành điều mà ông ta mô tả là nguyện vọng của ngài (Ních-xơn) được chủ tọa lễ kỷ niệm lần thứ 200 ngày ra đời của nước Mỹ»* (vào năm 1976). Sự móc ngoặc đã khá chặt từ đây, năm ngày sau, Liên hợp quốc bỏ phiếu nhận nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa vào Liên hợp quốc.

17-2-1972 Ních-xơn lên đường sang Trung-quốc. Đến Bắc-kinh, vừa về nghỉ ở nhà khách Ních-xơn được lập tức mời đến gặp người cầm đầu Đảng cộng sản — điều đó vượt quá sự mong đợi của phía Mỹ. Ních-xơn kể rằng: lúc ấy tôi xúc động thật sự vì ông ta nắm tay tôi rất chặt và giữ tay tôi lại lắc lắc đến hàng phút đồng hồ.

Trong cuộc tình duyên bất chính Oa-sinh-ton — Bắc-kinh lúc ấy, nhằm tri hoãn thất bại triệt để của Mỹ ở Việt-nam và Đông-dương, hồng ngăn chặn sự hình thành một nước Việt-nam thống nhất và hùng mạnh — một trở ngại cho việc thực hiện giấc mộng bành trướng nước lớn của Bắc-kinh —, có lúc Ních-xơn phân vân và lo ngại vì chuyến bay của Ních-xơn cùng chiều với hàng trăm, hàng nghìn chuyến bay của máy bay Mỹ rải bom trên đất Việt-nam, vì Thái bình-dương là một đại dương, gần chặt với tội ác tày trời của Mỹ. Thế nhưng Ních-xơn

vẫn được các ông bạn Bắc-kinh săn đón một cách đặc biệt. Vợ con Ních-xơn được chiều chuộng hết mức. Cuộc liếc tình tội ác qua đại dương đã đi đến cái bắt tay khá chặt và kéo dài. Tháng 11-1978, khi được bốn chống cộng mời sang Pa-ri tham gia chiến dịch chống Việt-nam, Ních-xơn đã bộc lộ rằng y rất tiếc là đã bắt tay với Bắc-kinh quá muộn; nếu cuộc tình duyên này bắt đầu sớm hơn thì có thể đã chặn đứng được Việt-nam, chứ đâu đến nỗi ! Chúng ta có thể trả lời cho những kẻ cay cú vì thất bại ở Việt-nam rằng: bắt tay với Bắc-kinh sớm thì cũng chẳng tránh khỏi thất bại ở Việt-nam.

NHỮNG ĐIỀU TIẾT LỘ PHƠI BÀY BẢN CHẤT

Ních-xơn kể rằng phía Trung-quốc rất lo ngại rằng tổng thống Mỹ và cố vấn an ninh quốc gia Mỹ dễ lộ những điều đã được trao đổi và thảo luận tuyệt mật ở Bắc-kinh. Họ sợ ánh sáng của dư luận là phải, vì bụng dạ họ đen tối. Phía Trung-quốc nhiều lần tỏ ý e ngại về vụ tài liệu của Lầu năm góc cơ mật là thế mà cũng bị phơi bày hết trước dư luận. Ních-xơn cố gắng trấn an các vị chủ nhà.

Trong hồi ký của mình, Ních-xơn chẳng còn e ngại gì hết nữa; vì động cơ lợi nhuận, vị khách quý của Bắc-kinh không ngần ngại tiết lộ nhiều điều « cơ mật » trong những cuộc đàm đạo riêng tây.

Ngay trước khi sang Bắc-kinh, Ních-xơn mời nhà văn lão thành Pháp Man-rô sang Oa-sinh-tơn để « dò trước xem con suối nông sâu ra sao ». Man-rô (Malraux) đã từng gặp những nhà lãnh đạo Trung-quốc. Ních-xơn khi trở về rất tâm đắc về những lời nhận xét và khuyên răn khá là sâu sắc của Man-rô. Ních-xơn kể rằng nhà văn

70 tuổi rất sành sỏi này cho rằng : « *Việc Trung-quốc ủng hộ Việt-nam chỉ là giả vờ thôi. Trung-quốc chẳng hề thật sự giúp một ai cả. Chính sách đối ngoại của Trung-quốc chỉ là một sự lừa dối tài tình. Họ chỉ tin ở Trung-quốc, tin ở họ thôi !* ». Man-rô ghé vào tai Ních-xơn nói thêm : « *Trung-quốc tự cho là cả một lục địa : đối với họ chỉ Trung-quốc là đáng kể thôi* ». Thì Trung-quốc chẳng phải nghĩa là nước ở giữa, là trung tâm của thế giới là gì !

Man-rô còn tiết lộ rằng chính người đứng đầu Đảng cộng sản Trung-quốc đã nghiêm nghị và thích thú khẳng định rằng : « *Lẽ dĩ nhiên tôi là người thừa kế sự nghiệp của những vị hoàng đế của Trung-quốc hồi thế kỷ thứ XVI* ». Thế là rõ; người ta tự hào về cái thời đại phong kiến của đại đế chế Trung-hoa đến thế đó ! Chính Ních-xơn còn kể rằng trong khi vui chuyện, vị « lãnh tụ vĩ đại » của Đảng cộng sản Trung-quốc — còn đưa mắt cười tình với Ních-xơn mà rằng : « *Tôi đã bỏ phiếu cho ngài trong cuộc bầu cử tổng thống Mỹ lần trước* (tức là hồi cuối năm 1968) *đấy nhé !* ».

Cùng vẫn theo lời kể của Ních-xơn, thế rồi ý hợp tâm đầu, sa đà trong cuộc tình duyên đã bén, vị lãnh tụ của Trung-quốc thốt lên. « *Tôi thích những người phái hữu. Ngài là người phái hữu. Đảng cộng hòa là phái hữu. Thủ tướng Anh Hít là phái hữu. Người ta nói Đảng dân chủ cơ đốc ở Cộng hòa liên bang Đức là đảng phái hữu. Tôi thấy vui mừng khi những người như vậy thuộc phái hữu lên cầm quyền* ». Đấy, những nhà cách mạng ăn nói như vậy đó ! Họ dốc bầu tâm sự như vậy đó. Đầu mắt rồi, những lời hồ hê tự vỗ ngực : ta là phái cách mạng, ta là phái tả ? v.v. và v.v.

Ái cũng biết lúc Ních-xơn sang thăm Trung-quốc, cái ghê tổng thống của y đã lung lay khá dữ dội vì những tội ác tàn bạo của quân xâm lược Mỹ ở Việt-nam và vì những vụ bê bối

lớn của Đảng cộng hòa. Phía Trung-quốc cũng cảm thấy sự móc ngoặc với cá nhân Ních-xơn và Kít-xinh-giơ có thể mong manh. Người lãnh đạo Trung-quốc ra sức củng cố vị trí của Ních-xơn và tuyên bố thắng với Ních-xơn rằng: « *Không nên lật đổ các ông. Nếu ông và ông bạn Kít-xinh-giơ đây mà bị lật đổ thì chúng tôi chẳng còn có nhiều bạn nữa ! Tôi cho rằng các ông không ở trong diện những người cần bị lật đổ...* ». Thật là rõ. Sự sắp xếp lực lượng bạn, thù là như vậy. Chả trách khi Ních-xơn lui thủ về vườn, báo chí Trung-quốc tỏ ra rất dè dặt, không đưa tin bình luận và các nhà lãnh đạo Bắc-kinh thì càng buồn bã lo âu thật sự.

Đó, những điều Ních-xơn tiết lộ đã sớm phơi bày hết bản chất xấu ra của các lực lượng phản động trong giới lãnh đạo Trung-quốc. Họ những tưởng đó là những lời thổ lộ tâm huyết, những tưởng rằng Ních-xơn sẽ sống đề dạ chết mang đi, thế nhưng vì lợi ích riêng của mình, Ních-xơn đã tương tất cả ra công khai, thành giấy trắng mực đen, làm « *đẹp mặt* » những người miệng thì nói cách mạng nhưng thực tế đã đi ngược lại con đường cách mạng từ lâu.

VIỆT-NAM, NIỀM CAY ĐẢNG ẤY !

Không phải ngẫu nhiên mà trong cuốn sách dày hơn một nghìn trang, Ních-xơn đã đề hàng vài trăm trang đề nói về Việt-nam. Việt-nam có mặt ở gần như khắp các chương, vì Việt-nam đã làm chấn động thường xuyên nước Mỹ, làm lung lay nghiêng ngã Nhà trắng, giáng những đòn nên thân vào bản chất mù quáng ngoan cố của những con điều hầu Bắc Mỹ.

Ních-xơn tự bộc lộ niềm thất vọng chua chát khi tập đoàn cú diêm Điện-biên-phủ của thực dân Pháp thất thủ.

Hắn thú nhận công khai rằng những tên điều hầu là kẻ chủ mưu vạch ra kế hoạch « *Điều hầu* » dùng vũ khí nguyên tử để hồng cứu văn linh viễn chinh Pháp, nhưng tổng thống Ai-xen-hao đã từ chối lời kiến nghị của phó tổng Ních-xơn vì sợ dư luận, sợ thất bại và vì không thuyết phục nổi ông bạn Anh cùng lao vào tội ác tày trời này.

Ních-xơn tả tỉ mỉ sự hình thành chủ trương dùng pháo đài bay B52 đánh phá Hà-nội - Hải-phong 12 ngày cuối năm 1972, vai trò của hắn đích thân ra lệnh, chỉ đạo hằng ngày bộ máy quân sự Mỹ leo lên những đỉnh cao của tội ác, và nói lên nỗi lo sợ của hắn trước sự lên án và xỉ vả của dư luận Mỹ và thế giới. Ních-xơn kể rằng hắn đã nổi trận lôi đình khi những cuộc ném bom B52 không có hiệu quả và điện cho viên dò đốc Mu-rơ, tư lệnh các lực lượng quân sự Mỹ ở Thái-bình-dương rằng: « *Từ nay tôi không muốn phải bức mình để nghe ông báo cáo rằng chúng ta đã không đánh trúng được mục tiêu này hay mục tiêu khác của Bắc Việt-nam. Đây là cơ hội chúng ta dùng sức mạnh quân sự của nước Mỹ một cách có hiệu quả để giành chiến thắng trong cuộc chiến-tranh này. Tôi coi ông là người phải chịu trách nhiệm thực hiện ý đồ này của chúng ta* ». Con điều hầu hung hãn trong Nhà trắng kể rằng lúc ấy hắn cố mím môi mím lợi giáng đòn quyết định, vận dụng cầu châm ngôn của Séc-sin nước Anh trong chiến tranh thế giới thứ hai là: « *Có thể có chính sách táo bạo, cũng có thể có chính sách thận trọng chỉ đạo chiến tranh; nhưng không bao giờ được theo đuổi một chính sách nửa vời, vừa táo bạo, vừa thận trọng; chính sách ấy sẽ dẫn đến thảm họa* ». Ngay tiếp đó, Ních-xơn than thở rằng: « *Lệnh ném bom trở lại trong tuần lễ trước Thiên chúa giáng sinh 1972 là quyết định khó khăn nhất của tôi trong suốt cả cuộc chiến tranh Việt-nam* », và

«mỗi lo âu của tôi trong những ngày đầu ném bom trở lại ấy không phải là về những làn sóng phản đối và phê phán nghiêm khắc trong nước và trên thế giới; mỗi lo sợ chính của tôi là mức độ tổn thất về máy bay B52 là quá cao! Riêng ngày 20-12, Mỹ mất đến 6 chiếc B52...

Có thể nói thất bại của Mỹ ở Việt-nam là một điệp khúc bi đát trở đi trở lại đều đặn trong cuộc đời chính trị sống gió của Nich-xơn. Thật là xúi quẩy cho những kẻ theo đuổi mộng bành trướng nước lớn vì viên kiến trúc sư chủ yếu của mối bang giao Trung — Mỹ đã bị cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam và vụ bê bối Oa-tơ-ghết vứt vào sọt rác của lịch sử.

Dù sao, cuốn hồi ký dày của Nich-xơn có thể trở thành cuốn sách phản diện tốt cho giới phản động cầm quyền ở Bắc-kinh, nếu như họ thực

tâm suy nghĩ lại để tránh cái số phận bi đát kiểu Nich-xơn.

Việt-nam nêu cao chân lý của thời đại: *Không có gì quý hơn độc lập, tự do*, đã làm phá sản mọi chủ trương, chiến lược, chiến thuật, mọi kiểu chiến tranh của chủ nghĩa đế quốc Mỹ, làm điều đứng kiệt quệ cả về vật chất và tinh thần nước Mỹ cường quốc đế quốc số một. Ngày nay Việt-nam lại nêu cao chân lý của thời đại, đương đầu với những thế lực bành trướng nước lớn giữa sự cổ vũ đầy lòng mến yêu của cả loài người tiến bộ.

Cuộc sống có quy luật tất yếu của nó. Số phận của Nich-xơn, thất bại ê chề của chủ nghĩa đế quốc Mỹ ở Việt-nam luôn luôn là một tấm gương tàn liếp cho mọi lực lượng phản động điên cuồng chống Việt-nam — lương tâm của thời đại.

КОММУНИСТИЧЕСКИЙ ЖУРНАЛ № 2—1979г.

ВО ТИ КОНГ: — Стимулировать социалистическое преобразование сельского хозяйства в южных провинциях Вьетнама. ХОАНГ МИНЬ ТХАО: — О разработке новой стратегии для защиты родины на новом этапе. ХОНГ КУАНГ: — Партия выводит нацию из исторического кризиса. ФАН ХЮИ ЛЕ: — Великая победа весной 1789г. ДИСКУССИИ: О социалистической системе коллективного хозяйствования. ЛЕ ВАИ: — Демократия и права человека.

REVIEW OF COMMUNISM № 2 — 1979

VÕ-CHÍ-CÔNG — Push forward the socialist transformation of agriculture in the southern provinces. *HOÀNG-MINH-THẢO* — On the building of the new strategic posture for the defence of the country in the new stage. *HỒNG-QUẢNG* — The pioneer opening up the way to a solution of the nation's historic crisis. *PHAN-HUY-LÊ* — The great victory of the spring of the year Kỷ Dậu (1789). **Debate** — On socialist collective mastery. *LÊ-VĂN* — Democracy and human rights.

REVUE DU COMMUNISME № 2 — 1979

VÕ-CHÍ-CÔNG — Activer la transformation socialiste de l'agriculture dans les provinces du Sud. *HOÀNG-MINH-THẢO* — Sur l'édification d'une nouvelle stratégie de défense nationale dans la nouvelle étape. *HỒNG-QUẢNG* — Le Parti: le promoteur d'une solution à la crise historique de la nation. *PHAN-HUY-LÊ* — La grande victoire du printemps de l'année Kỷ Dậu (1789). **Débats** — Sur le droit de maître collectif socialiste. *LÊ-VĂN* — Démocratie et droit de l'homme.

REVISTA COMUNISTA № 2 — 1979

VÕ-CHÍ-CÔNG — Llevar adelante la transformación socialista de la agricultura en las provincias meridionales. *HOÀNG-MINH-THẢO* — Acerca de la creación de la nueva posición estratégica por la defensa nacional en la nueva etapa. *HỒNG-QUẢNG* — El Partido, promotor de la solución de la crisis histórica de la nación. *PHAN-HUY-LÊ* — Gran victoria de la primavera Kỷ Dậu (1789). **Debates** — Sobre el derecho de dueño colectivo socialista. *LÊ-VĂN* — Democracia y derecho del hombre.

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 2

1979

NĂM THỨ XXV (278)

TRỤ SỞ B. BIÊN TẬP :

1. Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Điện thoại: 52061, 52077

**TRỤ SỞ CƠ QUAN THUỐC LÁ RỪNG
TẠI MIỀN NAM :**

40, Trần-Cao-Vân, TP Hồ-Chí-Minh

Điện thoại: 20060, 25768

MỤC LỤC

VÕ-CHÍ-CÔNG — Đây mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở các tỉnh miền Nam	2
HOÀNG-MINH-THẢO — Bàn về xây dựng thể chiến lược mới để giữ nước trong giai đoạn mới	15
HỒNG-QUẢNG — Người mở đường giải quyết cuộc khủng hoảng lịch sử của dân tộc	26
Giới thiệu sách ★ ĐÀO-TÙNG — Cuốn sách đầu tiên về “Nhân dân ta rất anh hùng, Đảng ta thật là vĩ đại!”	35
PHAN-HUY-LÊ — Đại thắng mùa xuân Kỷ Dậu (1789)	39
Thảo luận — Về làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa ★ LÊ-THI — Làm chủ tập thể của nhân dân lao động là bản chất chung, nhất quán của chủ nghĩa xã hội ★ PHẠM-THÀNH — Chuyên chính vô sản, dân chủ vô sản và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ★ HOÀNG-MANH-TÂN — Hải-hậu ra sức phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động	48
LÊ-VĂN — Dân chủ và quyền con người	71
Đọc sách ★ THÀNH-TÍN — Những điều tiết lộ phơi bày bản chất	82

64

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

i

From:

交流圖書公司
CHIAO LIU PUB. SERVICE

KỶ NIỆM LẦN THỨ 49 NGÀY THÀNH LẬP
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM
(3-2-1930 — 3-2-1979)

Tim đọc:

HỒ-CHÍ-MINH

VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG

LÊ-DUẦN

VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Chi số : 12651

Giá : 0

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

MAIN/UC-B



3

3. 1979

LỜI KÊU GỌI

Hỡi đồng bào và chiến sĩ cả nước!

Từ ngày 17 tháng 2 năm 1979, bọn cầm quyền phản động Trung-quốc đã huy động nhiều quân đoàn với 50 vạn quân, nhiều xe tăng và máy bay, ồ ạt đánh sang nước ta trên toàn tuyến biên giới, từ tỉnh Quảng-ninh đến tỉnh Lai-châu. Chúng đã bắn phá bờ bãi, cướp của, giết hại đồng bào ta, cả phụ nữ và trẻ em, gây nhiều tội ác rất dã man.

Quân và dân ta chiến đấu vô cùng anh dũng, chặn đánh các cánh quân xâm lược, tiêu diệt hàng vạn tên, bắn cháy hàng trăm xe tăng, phá hủy nhiều vũ khí của địch. Mặc dù bị tổn thất nặng nề, quân địch vẫn hung hăng mở rộng chiến tranh. Chiến sự đang tiếp diễn quyết liệt. Quân và dân ta quyết giữ từng tấc đất của Tổ quốc. Đồng bào và chiến sĩ ta trong cả nước sôi sục khí thế chiến đấu, quyết đánh thắng bọn bành trướng Trung-quốc.

Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em, các Đảng cộng sản và công nhân, nhân dân tiến bộ trên thế giới đều căm phẫn, cực lực tố cáo tội ác của bọn xâm lược, nhiệt liệt ủng hộ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam.

Từ lâu, bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh câu kết với đế- quốc Mỹ, mưu toan thôn tính nước ta, thực hiện chính sách bành trướng đại dân tộc. Năm 1974, chúng ngang nhiên chiếm đảo Hoàng-sa của Việt-nam. Mấy năm gần đây, chúng đưa nhiều quân áp sát biên giới phía bắc Việt-nam, hằng ngày khiêu khích, lấn chiếm đất đai, ráo riết chuẩn bị chiến tranh trên quy mô lớn. Chúng dùng bọn phản động phát-xít diệt chủng Pôn Pốt — lêng Xa-ry gây chiến tranh lấn chiếm biên giới tây — nam Tổ quốc ta hòng bao vây ta từ hai phía. Chúng ra sức kích động, lôi kéo người Hoa gây rối bên trong nước ta.

Sự thất bại nhục nhã của chủ nghĩa bành trướng Trung-quốc ở Cam-pu-chia làm cho chúng càng điên cuồng phát động chiến tranh xâm lược Việt-nam

Sự thật đã rõ là bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh đang thực hiện âm mưu độc ác thôn tính nước ta, từng bước thực hiện chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn ở bán đảo Đông-dương và khu vực Đông — Nam châu Á.

Hiện nay, bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh là kẻ thù trực tiếp và nguy hiểm của nhân dân ta.

Xâm lược Việt-nam, chúng vứt bỏ hoàn toàn mặt nạ cách mạng giả hiệu, nhục nhã câu kết với bè lũ đế quốc và các thế lực phản động nhất ngày nay. Chính sách hiếu chiến và xâm lược của chúng đã xâm phạm hết sức trắng trợn quyền độc lập, tự do thiêng liêng của dân tộc Việt-nam, phá hoại tình hữu nghị truyền thống giữa nhân dân hai nước Việt-nam và Trung-quốc, phản bội hoàn toàn sự nghiệp cách mạng, lợi ích và lương tri của nhân dân Trung-quốc. Chúng đã trở thành kẻ thù nguy hiểm của toàn bộ hệ thống xã hội chủ nghĩa, phong trào độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình ở châu Á và trên thế giới.

Lương tri loài người một lần nữa lại bị thách thức. Tinh thần cảnh giác của loài người một lần nữa được báo động. Bằng những thủ đoạn dè hèn, bọn xâm lược đang cố đánh lừa dư luận thế giới nhằm che đậy mưu đồ đen tối và những tội ác xâm lược dã man của chúng, nhưng cả thế giới đang kịch liệt lên án chúng và nhiệt liệt tố tình đoàn kết, ủng hộ nhân dân Việt-nam anh hùng chống bọn phản động Trung-quốc xâm lược.

Hỡi đồng bào và chiến sĩ yêu quý!

Quân thù đang giày xéo non sông, đất nước ta. Độc lập, tự do, chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta đang bị xâm phạm. Hòa bình và ổn định ở Đông — Nam châu Á đang bị đe dọa.

Dân tộc Việt-nam ta phải ra sức chiến đấu để tự vệ. Cuộc kháng chiến chống bọn phản động Trung-quốc xâm lược đã diễn ra!

Toàn thể đồng bào các dân tộc anh em trong cả nước, các tôn giáo, các đảng phái, già, trẻ, gái, trai hãy phát huy truyền thống Diên-hồng, triệu người như một, nhất tề đứng lên bảo vệ Tổ quốc!

Quân và dân ta ở vùng biên giới từ tỉnh Quảng-ninh đến tỉnh Lai-châu đã nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, chiến đấu rất dũng cảm, hãy thừa thắng xông lên, đoàn kết một lòng diệt giặc lập công, phối hợp ba thứ quân, tiến công mạnh, bao

vây chặt, tiêu diệt thật nhiều sinh lực địch! Hãy tích cực bảo vệ tinh mạng và tài sản của nhân dân; giữ vững an ninh ở mọi địa bàn. Nhiệm vụ vẻ vang của quân và dân ta trên tuyến đầu Tổ quốc lúc này là quét sạch bọn xâm lược ra khỏi bờ cõi, giữ vững biên cương của Tổ quốc.

Đồng bào và chiến sĩ cả nước hãy phát huy khí thế cách mạng, hăng hái thi đua lao động sản xuất với kỷ luật chặt chẽ và năng suất cao, chi viện nhiều nhất cho tiền tuyến, hăng hái luyện tập quân sự, nâng cao cảnh giác, sẵn sàng đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của địch trong mọi tình huống! Trước mỗi lần thử thách của lịch sử, cả dân tộc Việt-nam đều lớn mạnh lên, phát huy cao độ lòng dũng cảm, trí thông minh và tài sáng tạo trong sản xuất và chiến đấu; tăng cường lực lượng vật chất và tinh thần để chiến thắng quân thù.

Mỗi bản làng, xí nghiệp, hợp tác xã, thị xã, quận, huyện là một pháo đài kiên cường chống giặc. Mỗi tỉnh, thành là một chiến trường, cả nước là một chiến trường. Bất cứ nơi nào trên đất nước ta cũng thành những Chi-lăng, Đổng-đa; sông biển ta đều là những Bạch-đăng, Hàm-lử.

Đảng viên và Đoàn viên thanh niên cộng sản có trách nhiệm và vinh dự đi hàng đầu trên mọi mặt sản xuất, chiến đấu, công tác và học tập, hãy xứng đáng với lòng tin cậy của nhân dân!

Kiên bảo ở nước ngoài hãy phát huy lòng yêu nước và tinh thần đoàn kết, phát triển tình hữu nghị với nhân dân các nước, góp phần vào cuộc kháng chiến thiêng liêng của dân tộc!

Chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn của Bắc-kinh không những gây tai họa cho nhân dân Việt-nam, mà còn nguy hại cho hòa bình, độc lập, tự do và tiến bộ xã hội của các nước Đông - Nam châu Á và cả thế giới. Đảng cộng sản Việt-nam khẩn thiết kêu gọi các Đảng cộng sản và công nhân trên thế giới, các phong trào cách mạng và các tổ chức dân chủ quốc tế, nhân dân và chính phủ các nước, hãy vì hòa bình và công lý, kiên quyết lên án bọn phản động-Trung-quốc xâm lược, hành động kịp thời, chặn đứng chính sách phiêu lưu chiến tranh cực kỳ nguy hiểm và đầy tội ác của bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh, không cho phép chúng lừa dối và chà đạp dư luận thế giới hòng che đậy tội ác xâm lược dã man của chúng đối với nhân dân Việt-nam!

Vì hòa bình và tình hữu nghị truyền thống Việt-nam - Trung-quốc, chúng tôi khẩn thiết kêu gọi những người cộng sản chân chính và nhân dân Trung-quốc kịch liệt phản đối, ngăn chặn kịp thời chính

sách phản động và cuộc chiến tranh phi nghĩa của giới cầm quyền phản động Trung-quốc!

Đảng cộng sản Việt-nam và nhân dân Việt-nam chân thành cảm ơn anh em, bầu bạn khắp nơi đã ủng hộ kiên quyết, kịp thời và mạnh mẽ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt-nam.

Nhân dân Việt-nam nhận thức rõ: kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn vì độc lập, tự do của Tổ quốc mình, cũng là chiến đấu vì sự nghiệp hòa bình của tất cả các dân tộc.

Đánh thắng bọn phản động Trung-quốc xâm lược lần này, là nghĩa vụ dân tộc vẻ vang, đồng thời là nghĩa vụ quốc tế cao cả của nhân dân Việt-nam.

Hỡi đồng bào và chiến sĩ cả nước!

Một lần nữa, cả dân tộc ta lại nhất tề đứng lên chống giặc ngoại xâm. Tổ tiên anh hùng của chúng ta đã từng đánh thắng quân xâm lược Tần, Hán, Tống, Nguyên, Minh, Thanh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt-nam, nhân dân ta đã đánh thắng oanh liệt các đế quốc xâm lược Pháp, Mỹ. Ngày nay, chúng ta có sức mạnh vĩ đại hơn bao giờ hết, sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc và của ba dòng thác cách mạng của thời đại.

Bọn phản động Trung-quốc xâm lược càng mở rộng và kéo dài chiến tranh thi quân và dân cả nước ta càng đánh càng mạnh và nhất định sẽ giành được thắng lợi hoàn toàn.

Lời dạy của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh vĩ đại luôn luôn cổ vũ nhân dân ta: **Không có gì quý hơn Độc lập, Tự do!**

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đoàn kết một lòng, anh dũng tiến lên, quyết chiến và quyết thắng!

Bọn phản động Trung-quốc xâm lược nhất định thất bại!

Nhân dân Việt-nam nhất định thắng lợi!

Hà-nội, ngày 4 tháng 3 năm 1979

**BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN
VIỆT-NAM**

Xả luận

KIỆN QUYẾT ĐÁNH BẠI CUỘC CHIẾN TRANH XÂM LƯỢC CỦA BỌN PHẢN ĐỘNG TRUNG-QUỐC



GẦY 17-2-1979, bọn xâm lược Trung-quốc đã vô cớ dùng lực lượng lớn quân đội liên công nước ta trên toàn tuyến biên giới giữa hai nước. Bọn xâm lược đã dùng pháo tầm xa bắn bừa bãi vào các thị xã, thị trấn, các vùng đông dân cư, các làng, bản, đề mở đường cho thiết giáp, bộ binh đánh sâu vào đất ta. Chúng đã gây nhiều thiệt hại về người và của cho nhân dân ta. Cuộc chiến tranh xâm lược của bọn phản động Trung-quốc chống Việt-nam đã bắt đầu.

Vì sao bọn phản động Trung-quốc phát động cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam? Đó là vì chúng mưu đồ thực hiện chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn. Chúng coi nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam có chính sách đối nội và đối ngoại độc lập, tự chủ là trở ngại lớn nhất đối với mưu đồ bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn của chúng ở Đông Nam châu Á.

Hơn ba năm qua, tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh không ngừng leo thang trong âm mưu và hành động chống phá cách mạng Việt-nam. Chúng đã xúi giục, chỉ viện và chỉ huy bọn Pôn Pốt – lêng Xa-ry ở Cam-pu-chia gây ra cuộc chiến tranh ở biên giới tây-nam nước ta. Chúng đã gây nhiều vụ xung đột và lấn chiếm vùng biên giới phía bắc nước ta. Chúng đã kích động người Hoa ở Việt-nam gây bạo loạn. Lợi dụng lúc Việt-nam gặp khó khăn do thiên tai, chúng cắt viện trợ, rút chuyên gia hồng buộc nhân dân Việt-nam phải khuất phục. Chúng tìm cách bao vây kinh tế Việt-nam, hồng làm

chậm trễ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân Việt-nam. Chúng âm mưu kìm hãm Việt-nam, làm cho Việt-nam suy yếu.

Những âm mưu và hành động chống phá Việt-nam của tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc liên tiếp bị phá sản. Cuộc chiến tranh tội lỗi mà bè lũ Pôn Pốt – Iêng Xa-ry theo lệnh của Bắc-kinh tiến hành ở biên giới tây-nam nước ta đã bị thất bại thảm hại. Chỗ độ diệt chủng của bè lũ Pôn Pốt – Iêng Xa-ry, tay sai Trung-quốc, đã bị nhân dân Cam-pu-chia nổi dậy đập tan.

Bị thất bại liên tiếp trong chính sách thù địch chống Việt-nam, bọn phản động Trung-quốc đã đi theo con đường cũ của bọn phong kiến Trung-quốc và bọn đế quốc thực dân, tiến hành chiến tranh xâm lược Việt-nam, một nước độc lập, có chủ quyền.

Phát động chiến tranh xâm lược Việt-nam, bọn thống trị ở Trung-quốc bộc lộ bản chất phản cách mạng của chúng. Chúng tự phơi bày bộ mặt thật của chúng là phản bội chủ nghĩa Mác – Lê-nin, chống chủ nghĩa xã hội, chống phong trào độc lập dân tộc, phá hoại hòa bình và ổn định ở Đông Nam Á và trên thế giới.

Xâm lược Việt-nam, bọn phản động Trung-quốc hoàn toàn phơi bày chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn của chúng. Chúng đã đi ngược lại lợi ích chân chính của nhân dân Trung-quốc, phá hoại tình hữu nghị truyền thống giữa nhân dân hai nước Việt-nam và Trung-quốc.

Xâm lược Việt-nam là nước đã từng kiên quyết chống sự xâm lược của chủ nghĩa đế quốc, bọn phản động Trung-quốc đã bộc lộ sự phản trắc bỉ đĩ của chúng.

Xâm lược Việt-nam, bọn phản động Trung-quốc đã chà đạp thô bạo các nguyên tắc cơ bản nhất trong quan hệ quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc. Đây là một thách thức lão xược đối với những người yêu chuộng hòa bình và công lý trên toàn thế giới.



ĐỪNG trước cuộc chiến tranh xâm lược của bọn phản động Trung-quốc, nhân dân ta không có con đường nào khác phải dùng quyền tự vệ kiên quyết đánh trả bọn xâm lược.

Bọn phản động Trung-quốc mưu đồ kiểm soát và thôn tính nước ta. Chúng đem quân đánh nước ta hòng thực hiện dã tâm bắt nhân

dân ta làm nô lệ cho chúng. Cuộc tiến công xâm lược của chúng vào nước ta đã gây ra một cuộc nổi bùng phản nộ và căm thù của toàn dân ta. Để bảo vệ đất nước và toàn vẹn lãnh thổ, nhân dân ta đoàn kết chiến đấu, quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của chúng. »

Dân tộc Việt-nam ta vốn có truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm vô cùng anh dũng. Dân tộc ta đã từng bị bọn phong kiến Trung-quốc thống trị hơn một nghìn năm. Trong hơn một nghìn năm bị đô hộ đó, dân tộc ta không ngừng chiến đấu dũng cảm, cuối cùng đánh đuổi được quân xâm lược Trung-quốc, giành lại độc lập, tự do. Không cam chịu thất bại, bọn phong kiến Trung-quốc, hết triều đại này đến triều đại khác, vẫn ấp ủ tham vọng thôn tính nước ta. Chúng đã nhiều lần đem quân sang đánh Việt-nam, nhưng đều bị dân tộc Việt-nam ta đánh bại. Dưới sự chỉ huy của các vị anh hùng dân tộc Lê-Hoàn, Lý-Thường-Kiệt, Trần-Quốc-Tuấn, Lê-Lợi, Nguyễn-Huệ..., dân tộc Việt-nam ta đã chiến đấu anh dũng, mưu trí, lập những chiến công oanh liệt, đánh đuổi quân xâm lược Tống, Nguyên, Minh, Thanh, bảo vệ được nền độc lập của Tổ quốc.

Giữa thế kỷ 19, do sự thối nát của triều đình nhà Nguyễn, nước ta lại bị mất vào tay giặc Pháp. Suốt gần một thế kỷ dưới ách thống trị của thực dân Pháp, nhân dân ta không ngừng đấu tranh để giải phóng dân tộc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng ta do Hồ Chủ tịch sáng lập và lãnh đạo, nhân dân ta cảm vũ khí nổi dậy và đã giành được thắng lợi trong Cách mạng tháng Tám (năm 1945) lập nên nước Việt-nam dân chủ cộng hòa (ngày nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam). Để bảo vệ chủ quyền đất nước, nhân dân ta phải tiến hành hai cuộc chiến tranh cách mạng chống đế quốc Pháp và chống đế quốc Mỹ. Dưới ngọn cờ vẻ vang của Đảng và của Hồ Chủ tịch, nhân dân ta đã đánh thắng đế quốc Mỹ, tên sên đầm quốc tế, giành lại thống nhất và độc lập hoàn toàn cho Tổ quốc. Một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa, mở ra trên đất nước Việt-nam ta.

Trước tiên đờ rục rở của Tổ quốc ta, bọn phản động Trung-quốc đã bộc lộ dã tâm của chúng. Đi theo con đường chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn của các hoàng đế Trung-quốc trước kia, ngày nay chúng phát động chiến tranh xâm lược nước ta. Một lần nữa dân tộc Việt-nam ta lại bị bọn phản động thống trị Trung-quốc xâm lược. Nhân dân cả nước ta, triệu người như một, kiên quyết chiến đấu tiêu diệt quân xâm lược mới, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ và nền độc lập của nước nhà.

Chúng ta phân biệt nhân dân Trung-quốc với tập đoàn phản động cầm quyền ở Trung-quốc. Giải cấp công nhân và các tầng lớp nhân

dân lao động khác ở Trung-quốc vốn có truyền thống cách mạng vẻ vang, đã từng tiếp thụ chủ nghĩa Mác – Lê-nin, lại có truyền thống hữu nghị lâu đời với nhân dân Việt-nam. Nhân dân Trung-quốc đã từng kề vai sát cánh với nhân dân Việt-nam trong cuộc đấu tranh chung chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động. Nhân dân Trung-quốc nhất định không chịu làm bia đỡ đạn cho bọn phản động cầm quyền ở Trung-quốc đi xâm lược Việt-nam.

Là những người có tình nghĩa thủy chung, nhân dân Việt-nam kiên trì hữu nghị với nhân dân Trung-quốc, kiên quyết bảo vệ độc lập dân tộc của mình chống sự xâm lược của bọn phản động cầm quyền ở Bắc-kinh. Nếu cao chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế vô sản cao cả, nhân dân Việt-nam tăng cường đoàn kết với nhân dân Trung-quốc trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung của nhân dân hai nước là tập đoàn phản động cầm quyền Trung-quốc cấu kết với đế quốc Mỹ.



Cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của nhân dân Việt-nam chống bọn phản động Trung-quốc nhất định thắng lợi. Chúng ta có sức mạnh lòng hợp của một nước hoàn toàn độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa. Chúng ta có chính nghĩa. Dân tộc ta có truyền thống anh hùng, bất khuất, đoàn kết chống ngoại xâm, đã đánh thắng nhiều đế quốc to, kẻ cả đế quốc đầu sỏ là Mỹ. Chúng ta có sức mạnh của nền chuyên chính vô sản và chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Chúng ta có đường lối cách mạng đúng đắn và sáng tạo. Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đoàn kết, nhất trí. Chúng ta lại có sức mạnh đoàn kết của ba dân tộc anh em trên bán đảo Đông-dương. Nhân dân Lào đã giành được thắng lợi hoàn toàn và đang xây dựng nước nhà phồn vinh. Nhân dân Cam-pu-chia đã giành được thắng lợi trong cuộc nổi dậy lật đổ chế độ diệt chủng của bè lũ Pôn Pốt – lừng Xa-ry, tay sai của Trung-quốc, và đang xây dựng lại đất nước. Chúng ta có sức mạnh vĩ đại của ba dòng thác cách mạng trên thế giới. Chúng ta có sức mạnh của khối đoàn kết giữa nước ta và Liên-xô cùng các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác. Chúng ta có sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới, kẻ cả nhân dân Trung-quốc.

Bọn phản động Trung-quốc nhất định thất bại. Vì chúng vấp phải sự đánh trả quyết liệt của quân và dân Việt-nam. Nhân dân thế

giới, nhân dân Trung-quốc kiên quyết phản đối chúng. Chúng nhất định thất bại vì cuộc chiến tranh xâm lược của chúng là phi nghĩa. Chúng nhất định thất bại, vì bộ mặt phản bội xấu xa của chúng đã bị phơi bày và chúng bị cả loài người liến bộ phi nhò. Bản thân chúng suy yếu, vì nội bộ chúng chia rẽ ; chúng đang gặm ghè thanh toán lẫn nhau. Tiềm lực kinh tế và quốc phòng của chúng còn thua kém nhiều nước, lại bị tàn phá nặng nề trong những năm « đại cách mạng văn hóa vô sản » chưa phục hồi lại được. Không chịu nổi sự bóc lột và đàn áp của chúng, nhân dân Trung-quốc đang đấu tranh chống lại chúng. Ở trong nước cũng như ở ngoài nước, bọn phản động Trung-quốc bị cô lập hơn bao giờ hết.

Tiếp theo hai cuộc kháng chiến vĩ đại chống đế quốc Pháp và đế quốc Mỹ, ngày nay dân tộc Việt-nam ta lại tiến hành cuộc kháng chiến vĩ đại thứ ba chống bọn bành trướng Trung-quốc. Cuộc kháng chiến chống Trung-quốc của nhân dân ta ngày nay là một cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc vĩ đại. Chúng ta quyết tâm giành toàn thắng trong cuộc chiến tranh này để bảo vệ những thành quả cách mạng của nhân dân ta và tiếp tục xây dựng nước Việt-nam xã hội chủ nghĩa phồn vinh.

Cuộc kháng chiến chống phản động Trung-quốc của nhân dân Việt-nam là một bộ phận trong cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi của cuộc kháng chiến đó sẽ có tác dụng thúc đẩy to lớn đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới. Nó sẽ góp phần to lớn phát triển thế tiến công của ba dòng thác cách mạng trên thế giới, bảo vệ chủ nghĩa Mác – Lê-nin, nêu cao tinh thần chủ nghĩa quốc tế vô sản, khôi phục và tăng cường sự đoàn kết trong hệ thống xã hội chủ nghĩa và trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của bọn phản động Trung-quốc là sứ mệnh lịch sử của nhân dân Việt-nam chúng ta ngày nay. Đánh bại bọn xâm lược Trung-quốc, chúng ta không những làm tròn nghĩa vụ dân tộc thiêng liêng đối với Tổ quốc ta mà còn thực hiện nghĩa vụ quốc tế cao cả đối với giai cấp công nhân và nhân dân các nước trên thế giới, trước hết là đối với nhân dân các nước Đông Nam châu Á.

Quen thói hung hăng kiêu ngạo, bọn phản động Trung-quốc trắng trợn xua quân sang đánh nước ta. Chúng đã bị quân và dân ta trên tiền tuyến biên giới cầm thù cao độ đánh trả địch đáng.

Nêu cao tinh thần yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng, quân và dân ta đã dũng cảm chiến đấu tiêu diệt nhiều quân giặc. Từ 17-2 đến 5-3-1979, hơn 45 000 tên giặc đã bị tiêu diệt; hơn 400 xe quân sự (trong đó có 273 xe tăng và xe bọc thép) đã bị phá hủy. Quân xâm lược đã bị giáng những đòn nặng nề.

Cả loài người phản nộ nghiêm khắc lên án Trung-quốc xâm lược Việt-nam. « Không được đụng đến Việt-nam! ». Hàng triệu người ở nhiều nước trên thế giới đã xuống đường hô to khẩu hiệu đó để tỏ lòng đoàn kết với Việt-nam. Một mặt trận rộng rãi của nhân dân thế giới đoàn kết với Việt-nam chống chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn Trung-quốc đang hình thành.

Vì lợi ích sống còn của dân tộc, vì độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội, vì nghĩa vụ đối với nhân dân Đông Nam châu Á và nhân dân thế giới, chúng ta kiên quyết đánh bại bọn xâm lược Trung-quốc.

Hồ Chủ tịch đã nói: « Không có gì quý hơn độc lập tự do ». « Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ ». Tuân theo lời dạy của Hồ Chủ tịch, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta tăng cường đoàn kết, nâng cao cảnh giác, nhất định đánh bại hoàn toàn bọn xâm lược Trung-quốc!

Tiêu diệt bọn xâm lược Trung-quốc!

Dưới lá cờ bách chiến bách thắng của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh vĩ đại, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta anh dũng tiến lên!

Nhân dân Việt-nam nhất định thắng lợi, giặc Trung-quốc xâm lược nhất định thất bại

Đại tướng VÕ-NGUYỄN-GIÁP

 UỘC kháng chiến cứu nước thân thành chống giặc Trung-quốc xâm lược, bảo vệ Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa đang diễn ra quyết liệt ở các tỉnh biên giới phía bắc của nước ta.

Ngày 17 tháng 2 năm 1979, bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh đã phát động cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn chống nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam.

Từ những ngày đầu, quân và dân ta ở các tỉnh biên giới, từ Lai-châu, Hoàng-liên-sơn, đến Cao-bằng, Lạng-sơn, Quảng-ninh đã nêu cao tinh thần quyết chiến quyết thắng, chiến đấu

cực kỳ anh dũng bảo vệ từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc, gây cho quân giặc những tổn thất nặng nề.

Hưởng ứng Lời kêu gọi của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt-nam, nhân dân ta từ Bắc chí Nam, ức triệu người như một, nhất tề đứng lên, chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Cả nước ta đang hướng về tiền tuyến phía bắc, sôi sục căm thù, tăng cường sẵn sàng chiến đấu, ra sức lao động quên mình, quyết tâm đánh thắng hoàn toàn giặc Trung-quốc xâm lược.

Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam đã công bố lệnh tổng động viên trong cả nước, đề bảo vệ

Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa ; chủ trương quân sự hóa toàn dân, vũ trang toàn dân đang được khẩn trương

thực hiện để đánh thắng hoàn toàn cuộc chiến tranh xâm lược của bọn bành trướng và bá quyền Trung-quốc.

I

Cuộc chiến tranh xâm lược do bọn cầm quyền phản động Trung-quốc gây ra đã ngang nhiên xâm phạm độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, chà đạp lên mọi tiêu chuẩn của luật pháp quốc tế và những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước độc lập có chủ quyền.

Tập đoàn phản động Bắc - kinh đã phát động một cuộc chiến tranh xâm lược không tuyên bố, mở những cuộc tiến công quy mô lớn vào các tỉnh biên giới ở phía bắc nước ta. Trong lúc đó, chúng rêu rao là đang tiến hành cái gọi là « một cuộc phản công tự vệ ».

Chúng đã tung ra trên chiến trường một lực lượng quân sự trên nửa triệu quân gồm nhiều quân đoàn và sư đoàn, với nhiều đơn vị xe tăng, pháo binh và không quân, ồ ạt đánh sang nước ta trên toàn tuyến biên giới. Chúng đã bị tiêu diệt hàng vạn sinh lực, hàng trăm xe tăng và nhiều phương tiện chiến tranh khác; mặc dù đã bị tổn thất nặng nề, chúng vẫn hung hăng tiếp tục chiến tranh. Trong lúc đó, chúng lại rêu rao là đang tiến hành cái gọi là « những hành động quân sự có tính chất hạn chế về không gian và thời gian » với những lực

lượng được gọi là « bộ đội biên phòng ».

Chúng đốt phá làng bản, cướp bóc của cải, giết người già, trẻ em, hãm hiếp phụ nữ, gây ra những tội ác trời không dung, đất không tha. Chúng đến đâu cũng bị đồng bào và chiến sĩ ta đánh trả mãnh liệt. Thế mà, chúng lại rêu rao về cái gọi là thái độ « hữu nghị » với nhân dân địa phương.

Vì sao bọn giặc Trung-quốc xâm lược lại phải bung bít giấu giếm hành động xâm lược bỉ ổi của chúng như vậy, lại phải lừa dối dư luận bằng những luận điệu đồi trụy thay đen như vậy ?

Đó là vì, *cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam do chúng gây ra là một trong những cuộc chiến tranh phi nghĩa, tàn bạo nhất trong lịch sử*. Cuộc chiến tranh ấy là một cuộc chiến tranh bẩn thỉu và hèn hạ chống lại nhân dân một nước xã hội chủ nghĩa, một nước từ lâu đã từng là người bạn chiến đấu của nhân dân cách mạng Trung-quốc. Cuộc chiến tranh ấy đã xâm phạm độc lập và chủ quyền của một nước đã được thế giới coi là biểu tượng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, một nước đã từng hy sinh tất cả vì độc lập, tự do của Tổ quốc mình, vì sự nghiệp cách mạng và hòa

binh của nhân dân các dân tộc trên thế giới, trong đó có nhân dân Trung-quốc.

Đó là vì, *cuộc chiến tranh xâm lược nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam là biểu hiện tập trung bản chất phản bội, độc ác và nham hiểm của bọn cầm quyền phản động Trung-quốc*. Cuộc chiến tranh ấy chính là sản phẩm của sự cấu kết giữa tập đoàn phản bội Trung-quốc với các giới chống cộng khét tiếng ở Mỹ và các giới quân phiệt phản động ở Nhật.

Trong lịch sử phong trào cộng sản quốc tế, cũng đã từng có những bọn phản bội đội lối chủ nghĩa Mác để chống lại chủ nghĩa Mác, làm tay sai cho chủ nghĩa đế quốc để phá hoại phong trào cách mạng. Đặc điểm nổi bật của các thế lực phản bội Bắc-kinh là chúng đang lũng đoạn quyền binh trong một nước đất rộng người đông, có sẵn trong tay một tiềm lực kinh tế và quân sự đáng kể. Chúng luôn luôn nói đến chủ nghĩa Mác - Lê-nin để chống chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đội lối cách mạng để chống phá cách mạng. Chẳng thế mà chúng không ngớt hô hét chiến tranh, tự hào là NATO ở phương Đông, là « người bạn nghèo » của chủ nghĩa đế quốc Mỹ và chủ nghĩa tư bản phương Tây. Chúng điên cuồng chống Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, chống phong trào giải phóng dân tộc, phá hoại hòa bình thế giới. Với hành động phiêu lưu quân sự « xâm lược Việt-nam, chúng đã nghiêm nhiên trở thành một thứ sen đầm quốc tế mới, một tên lính xung kích của chủ nghĩa đế quốc quốc tế.

Chính vì vậy, *mà bọn cầm quyền phản động Trung-quốc là bọn phản bội lớn nhất của thời đại. Chúng là kẻ thù trực tiếp và nguy hiểm của nhân dân ta, đồng thời là kẻ thù nguy hiểm của toàn bộ hệ thống xã hội chủ nghĩa, của phong trào độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình ở châu Á và trên thế giới*.

Đối với nước Việt-nam ta, thì *chính sách xâm lược tàn bạo của chúng chính là sự kế tục ở một thời kỳ mới của chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc đã từng ngự trị trong lịch sử lâu đời của các triều đại phong kiến Trung-quốc*. Chính sách ấy là sự biểu hiện tập trung của tất cả những gì là phản động nhất, độc ác và nham hiểm nhất trong quốc sách thôn tính nước ta mà bọn hoàng đế Trung-quốc đã từng theo đuổi qua mấy nghìn năm. Và cũng suốt mấy nghìn năm, trước chỉ khi quét cường của dân tộc ta, quốc sách ấy đã bị dập nát tan tành.

Cũng cần nói rằng, chúng ta đã sớm phát hiện dã tâm của các thế lực bành trướng ngày nay, từ lúc chúng chưa có điều kiện xuất đầu lộ diện một cách trắng trợn, ngay trong những năm tháng nhân dân ta còn đang kẻ vai sát cánh với nhân dân cách mạng Trung-quốc, cùng nhau chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc quốc tế. Dã tâm của bọn chúng là luôn luôn tìm mọi cách làm cho nước ta suy yếu, buộc nhân dân ta phải thần phục chúng, đi vào quỹ đạo của chúng.

Ngay lúc đế quốc Mỹ mới phát động chiến tranh phá hoại bằng không quân đánh phá miền Bắc nước ta, nhân dân Trung-quốc đang ủng hộ và

giúp đỡ nhân dân ta chiến đấu, thì giới cầm quyền Trung-quốc đã từng nói cho Mỹ biết: hễ Mỹ không đụng đến Trung-quốc thì Trung-quốc không đụng đến Mỹ. Nói một cách khác, Mỹ có thể yên tâm đánh phá Việt-nam.

Đến lúc nhân dân ta vừa giành được thắng lợi vang dội, quân đội viễn chinh Mỹ đang lâm vào thế bị suy sụp thì giới cầm quyền Bắc-kinh đã vội vã đón tiếp Ních-xon, lợi dụng thắng lợi của ta để gây dựng nên cái gọi là « kỷ nguyên mới » trong quan hệ Trung — Mỹ, một điều mà họ đã từng ước mơ từ lâu.

Tiếp đó, với sự thỏa thuận ngầm của Mỹ, họ đã thừa lúc ta còn phải dồn sức vào kháng chiến, ngang nhiên đánh chiếm quần đảo Hoàng-sa của nước ta.

Mùa xuân năm 1975, nhân dân ta phát động cuộc Tổng tiến công và nổi dậy, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, thì trong giới cầm quyền Bắc-kinh lại có những kẻ trách cứ chúng ta không làm theo lời khuyên của họ: nên đề công việc thống nhất nước nhà lại cho các thế hệ con cháu mai sau. Họ đã coi thắng lợi vĩ đại của nhân dân ta là thất bại thảm hại của đế quốc Mỹ, đồng thời là thất bại nghiêm trọng của chính bản thân họ.

Với thắng lợi hoàn toàn và trọn vẹn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam ra đời; ước mơ lâu đời của nhân dân ta đã biến thành hiện thực. Anh em bè bạn khắp năm châu đều đón mừng sự kiện vĩ đại ấy, coi đó là biểu tượng sức mạnh vô địch

của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, của chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Thế nhưng, đối với bọn bành trướng Trung-quốc thì lại khác. Chúng cho rằng, *một nước Việt-nam xã hội chủ nghĩa ngày càng giàu mạnh, có đường lối cách mạng Mác — Lê-nin chân chính, độc lập và tự chủ là một trở ngại to lớn đối với cuồng vọng của chúng*, là một nguy cơ không cho phép chúng dễ dàng bành trướng xuống các nước ở Đông — Nam châu Á.

Chính vì vậy, mà ngay từ những ngày đầu nhân dân ta giành được toàn thắng, các thế lực bành trướng Bắc-kinh ngày càng công khai theo đuổi một chính sách thù địch có hệ thống đối với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam.

Chúng không ghê tay sử dụng một bọn đồ tể man rợ là bọn Pôn Pốt — Iêng Xa-ry để tàn sát cho hết những người dân yêu nước Cam-pu-chia, biến nước này thành nước chư hầu và căn cứ quân sự của chúng, gây ra cuộc chiến tranh biên giới ngày càng đẫm máu ở tây — nam nước ta. Trong lúc đó, chúng xúc tiến mọi mưu đồ nham hiểm, dựng nên cái gọi là « nạn kiều », mượn cớ cắt hết viện trợ, gây ra tình hình căng thẳng ở biên giới phía bắc, chuẩn bị thế trận thôn tính nước ta từ hai hướng, buộc nước ta phải khuất phục chúng.

Nhân dân ta hết sức bình tĩnh, vững vàng, quyết không rời bỏ con đường cách mạng chân chính của mình. Tiếp theo sự vùng lên đấu tranh thắng lợi của nhân dân Cam-pu-chia anh em, trận đồ bát quái của chúng đã bị phá vỡ. Tập đoàn phản bội Trung-quốc

bền kiên cường phát động chiến tranh xâm lược nước ta hông thực hiện mưu đồ đen tối của chúng.

Cuộc xâm lược quy mô lớn vào nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam đã làm cho tập đoàn phản động Trung-quốc lộ rõ nguyên hình. Chúng là bọn phản bội lớn nhất của thời đại, phản cách mạng, phản chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Chúng là một « bầy quạ đội lốt công », đã phải vứt bỏ cái mặt nạ giả danh cách mạng. Cuộc chiến tranh xâm lược nước ta thực chất là một bộ phận của chiến lược bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn của chúng, của chiến lược toàn cầu phản cách mạng của chúng, đồng thời là một bộ phận của chiến lược toàn cầu phản cách mạng của chủ nghĩa đế quốc quốc tế.

Chúng là những tên tội phạm chiến tranh độc ác hơn cả Hit-le, gây ra những tội ác tày trời trên đất nước ta, coi thường xương máu của bản thân nhân dân nước chúng. Chúng đang ra sức kế tục và hoàn thiện hơn nữa cái thứ đạo đức kinh tởm mà một nhà văn vô sản vĩ đại Trung-quốc đã từng mệnh danh là « đạo đức ăn thịt người » của các triều đại phong

kiến (1). Chúng đã làm ô nhục truyền thống và thanh danh của nhân dân cách mạng Trung-quốc và của những người cộng sản Trung-quốc chân chính. Chúng muốn biến nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa, thành quả cách mạng của nhân dân Trung-quốc thành dinh lũy của một tập đoàn phát xít hiếu chiến, biến quân giải phóng nhân dân Trung-quốc thành một công cụ bành trướng xâm lược,

Các thế lực phong kiến phương Bắc cũng như các nước đế quốc đã mang quân xâm lược nước ta đều đã phạm sai lầm chiến lược, do đó mặc dù hung hăng, tàn bạo đến đâu, cuối cùng đều đi đến thất bại nhục nhã.

Tập đoàn phản động Bắc-kinh hãy coi chừng. Chúng hẳn chưa lường được hết những thất bại thảm hại trước mắt và cả lâu dài đang chờ đợi chúng.

Tổ quốc Việt-nam anh hùng đã từng là mồ chôn của tất cả mọi kẻ thù xâm lược. Bọn bành trướng ngày nay nhất định không thể nào thoát khỏi quy luật của lịch sử. Chúng sẽ cùng chung một số phận sẽ chuốc lấy thất bại hoàn toàn.

II

Dân tộc Việt-nam là một dân tộc độc lập, có hơn bốn nghìn năm văn hiến, một quốc gia có chủ quyền từ thuở xa xưa. Với một sức sống và chiến đấu mãnh liệt, nhân dân ta đã

sớm cùng nhau chung lưng đấu cật,

(1) Lỗ-Tán : « Mồ lịch sử ra tra thù... Chỉ thấy trên mỗi tờ viết xiêu xiêu những chữ nhân, nghĩa, đạo, đức... mà nhìn thấu đến giữa những dòng chữ thì ra cả cuốn đều chép rập có ba chữ : « Ăn thịt người !... ».

dem hết sức lực và trí tuệ để dựng nước và giữ nước, rèn luyện nên một khí phách kiên cường, một truyền thống đấu tranh bất khuất chống mọi kẻ thù xâm lược.

Qua các thế hệ, chúng ta đã biết bao phen đứng lên chiến đấu và chiến thắng bọn phong kiến xâm lược phương Bắc, giữ gìn độc lập, chủ quyền của Tổ quốc. **Hết diệt Tần, chống Hán, phá Đường, lại đánh Tống, thắng Nguyên, bình Ngô, phá Thanh.** Dân tộc ta có thể tự hào rằng, vào thế kỷ XIII, nước Đại Việt đã đánh thắng giặc Nguyên là kẻ xâm lăng hung bạo nhất lúc bấy giờ, không những bảo vệ được nền độc lập của mình mà còn góp phần quan trọng ngăn chặn giặc Nguyên tràn xuống Đông - Nam châu Á.

Bước vào thời kỳ lịch sử hiện đại, dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, nhân dân Việt-nam đã tiến hành cuộc đấu tranh chống ngoại xâm oanh liệt nhất trong lịch sử của dân tộc. Nhân dân ta có thể tự hào rằng, trải qua ba mươi năm chiến tranh giải phóng và chiến tranh giữ nước, dân tộc ta đã lần lượt đánh đổ chủ nghĩa phát-xít Nhật, đánh thắng chủ nghĩa đế quốc Pháp, đánh thắng chủ nghĩa đế quốc Mỹ là tên đế quốc đầu sỏ có tiềm lực kinh tế và quân sự hết sức to lớn.

Ngày nay, đi theo vết xe cũ của bọn phong kiến Trung-quốc và bọn đế quốc thực dân, tập đoàn phản động Bắc-kinh lại ngang nhiên phát động chiến tranh quy mô lớn hòng thôn tính nước ta, nô dịch nhân dân ta. Chúng ta đang đứng trước một **sứ mệnh lịch sử** mới, một **nhệm vụ trọng**

đại không những có ý nghĩa quyết định đối với vận mệnh của dân tộc ta, mà còn có ý nghĩa thời đại sâu sắc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt-nam, toàn dân ta cả nước một lòng đứng lên tiến hành **cuộc kháng chiến thần thánh cứu nước** nhằm bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nước ta. Cuộc kháng chiến của nhân dân ta còn mang tính chất một **cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt** nhằm đánh bại kẻ thù nguy hiểm của hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Trong cuộc dựng dẫu lịch sử mới giữa chính nghĩa với phi nghĩa, giữa văn minh với bạo tàn, giữa cách mạng với phản cách mạng, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt-nam, nhân dân Việt-nam ta nhất định thắng lợi, giặc Trung-quốc xâm lược nhất định thất bại.

Chúng ta nhất định thắng, bởi vì chúng ta chiến đấu cho hòa bình, cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Chúng ta có đường lối Mác - Lê-nin đúng đắn và sáng tạo của Đảng ta. Chúng ta có sức mạnh của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, của nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta nhất định thắng, bởi vì chúng ta có sức mạnh tổng hợp vô địch của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc và của nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, có lực lượng vũ trang nhân dân anh hùng, có khoa học giữ nước ưu việt và nghệ thuật quân sự sáng tạo.

Chúng ta nhất định thắng, bởi vì chúng ta có sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ quốc tế to lớn và có hiệu lực của Liên-xô, của các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, của nhân dân các nước yêu chuộng hòa bình và công lý trên thế giới, kể cả nhân dân cách mạng Trung-quốc. Chúng ta có sức mạnh to lớn của cả dân tộc kết hợp với sức mạnh của ba dòng thác cách mạng của thời đại.

Không kể tập đoàn phản động Bắc-kinh gây ra chiến tranh xâm lược với quy mô nào, sử dụng lực lượng và phương tiện vũ khí như thế nào, không kể mưu mô và thủ đoạn của chúng tàn bạo và nham hiểm như thế nào, nhân dân ta quyết đứng lên giết giặc cứu nước, quyết đưa cuộc kháng chiến thần thánh chống giặc Trung-quốc xâm lược đến thắng lợi hoàn toàn, làm tròn *nghĩa vụ dân tộc* vẻ vang và *nghĩa vụ quốc tế* cao cả của mình trong giai đoạn mới của cách mạng.

Phải chăng giặc Trung-quốc xâm lược cho rằng, nước chúng lớn, dân chúng đông, quân chúng nhiều thì nhân dân Việt-nam phải sợ chúng, phải khuất phục chúng?

Tập đoàn phản động Bắc-kinh phải biết rằng: Dân tộc Việt-nam không hề biết sợ. Ngay từ thuở xa xưa, khi số dân nước ta mới trên dưới một triệu người, dân tộc ta đã từng đứng lên chiến đấu thắng lợi, lật đổ ách thống trị của bọn phong kiến phương Bắc. Với số quân ít hơn địch, chúng ta đã từng chiến thắng oanh liệt những đội quân đông hơn mình gấp nhiều lần, từ những đội quân xâm

lược của các triều đại phong kiến Trung-quốc cho đến những đội quân xâm lược của các nước đế quốc.

Bọn xâm lược Trung-quốc phải biết rằng: *đất chúng rộng, người chúng nhiều, nhưng sức chúng nào có mạnh; quân chúng đông mà lại gầy.* Đó là vì sức mạnh kháng chiến của cả một dân tộc, cả nước đứng lên chiến đấu, đứng cầm và thông minh, quyết đánh và biết đánh, bao giờ cũng là một sức mạnh vô địch. Đó là vì cuộc chiến tranh chúng gây ra là phi nghĩa, lòng dân ly tán, nội bộ lục đục, làm sao có đủ sức đề cướp nước ta. Đó là vì đất nước Việt-nam ta là có chủ; non sông Việt-nam là của người Việt-nam; bất cứ kẻ thù nào đến xâm phạm, nhất định nhân dân Việt-nam ta đánh bại.

Phải chăng tập đoàn phản động Bắc-kinh cho rằng, với đường biên giới chung dài trên một nghìn ki-lô-mét — một đường biên giới mà nhân dân hai nước bao giờ cũng mong muốn xây dựng thành đường biên giới hữu nghị — chúng có thể lợi dụng địa thế nước ta ở gần nước chúng mà mang quân ồ ạt đánh chiếm nước ta, buộc ta phải khuất phục chúng?

Bọn chúng hẳn còn nhớ: 600 năm trước đây, giặc Nguyên đã từng cho rằng, nước Nam ở gần như trong lòng bàn tay, còn Gia-va thì xa hơn như ở đầu ngón tay, vì vậy cần phải xâm lược nước Nam trước để mở đường tràn xuống các nước khác sau. Và chúng đã ba lần phát động chiến tranh xâm lược nước Nam, đã ba lần bị đánh bại hoàn toàn. Xưa

nay, nước ta vẫn ở gần Trung-quốc, nhưng điều kiện địa lý ấy nào có cứu vãn được cho các đạo quân xâm lược đông đảo từ đời Tần, đời Tống, cho đến đời Nguyên, Minh, Thanh tránh khỏi số phận bị nhân dân ta đánh bại. Chúng ta càng thấy rõ, nhân tố quyết định thắng bại trong chiến tranh đâu phải là đường đất xa gần; bọn xâm lược bao giờ cũng là kẻ thù địch, xa lạ đối với nhân dân ta, đất nước ta. Vì vậy, chúng làm thế nào lường được hết sức mạnh to lớn của dân tộc ta trong thời đại mới khi vùng lên chiến đấu vì đại nghĩa. Chúng làm thế nào hiểu được núi sông, cây cỏ, bầu trời và vùng biển của Việt-nam, làm thế nào hiểu được cái thế thiên hiểm của địa hình Việt-nam. « Bất cứ nơi nào trên đất nước ta cũng là những Chi-lăng, Đống-đa; sông biển ta đều là những Bạch-dăng, Hàm-tử ».

Phải chăng tập đoàn phản động Bắc-kinh đang muốn diễn lại thế trận xâm lược Việt-nam của các thế lực bành trướng phương Bắc dưới thời phong kiến?

Chúng ta đều biết rằng mỗi khi muốn đánh nước ta thì bọn phong kiến phương Bắc thường đánh chiếm Lâm-áp, Chiêm-thành để tạo nên thế trận bao vây từ hai hướng. Ngày nay, để chuẩn bị xâm lược Việt-nam, tập đoàn phản động Bắc-kinh lại ra sức biến Cam-pu-chia thành căn cứ quân sự vững chắc của chúng, vừa dễ phối hợp với quân của chúng từ phía bắc đánh xuống, vừa dễ chuẩn bị cho cuộc chinh phục Đông-Nam châu Á sau này. Thế nhưng, nhân dân Cam-pu-chia đã vùng lên làm chủ vận mệnh của mình, khởi

phục tình hữu nghị lâu đời với nhân dân Việt-nam anh em, giáng cho bọn bành trướng một đòn chí mạng. Thế trận nham hiểm của chúng đã bị phá vỡ.

Phải chăng tập đoàn phản động Bắc-kinh cho rằng, chúng là tập đoàn cầm quyền ở một nước lớn đang đội lốt Mác - Lê-nin, lại cấu kết chặt chẽ với chủ nghĩa đế quốc quốc tế và mọi loại phản động tồi tệ nhất trên thế giới, thì chúng đã có vậy cảnh hơn trước, cho nên đã đủ sức đề phát động chiến tranh xâm lược quy mô lớn thôn tính nước ta, buộc nhân dân ta phải khuất phục?

Ngang nhiên xâm lược nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, chúng đã lộ rõ bộ mặt phản cách mạng trước dư luận tiến bộ toàn thế giới. Không những nhân dân ta đang quyết tâm chống lại chúng, đánh bại chúng, mà nhân dân Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, nhân dân tiến bộ cả thế giới đều đứng lên chống lại chúng; những người cộng sản chân chính và phong trào cộng sản và công nhân khắp trái đất đang kiên quyết chống lại chúng. Ngay nhân dân cách mạng Trung-quốc và những người cộng sản Trung-quốc chân chính cũng đang đứng lên và sẽ đứng lên ngày càng đông đảo chống lại chúng. Chúng không nghe thấy tiếng thét phản nộ của giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới nguyện rửa chúng, lên án chúng đó sao?

Hơn thế nữa, những kẻ đồng minh của chúng là chủ nghĩa đế quốc quốc tế và mọi loại phản động hiện đang trên con đường suy yếu, nội bộ

đầy mâu thuẫn, làm sao có thể há hơi tiếp sức để cứu vớt chúng khỏi cảnh cô lập. Còn ba dòng thác cách mạng của thời đại thì đang ở trên thế tiến công mạnh mẽ. Hệ thống xã hội chủ nghĩa ngày nay mạnh hơn bao giờ hết, không ngừng phát huy tác dụng là nhân tố chủ yếu quyết định sự phát triển của xã hội loài người trong thời đại mới, bất chấp sự phản bội của các thế lực bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn câu kết với chủ nghĩa đế quốc, bất chấp

sự giãy giụa điên cuồng của chủ nghĩa đế quốc liên minh với các thế lực bành trướng và bá quyền nước lớn.

Chúng phải biết rằng, chỉ có chủ nghĩa Mác — Lê-nin chân chính, chỉ có lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, chỉ có nhân dân cách mạng và những người cộng sản chân chính mới có sức mạnh vô địch. Sức mạnh đó nhất định sẽ đánh bại tất cả mọi thế lực phản động, kể cả bọn phản động Trung-quốc xâm lược.

III

Tổ quốc ta một lần nữa đang đứng trước nguy cơ còn mất.

Toàn quân và toàn dân ta hưởng ứng Lời kêu gọi của Trung ương Đảng, với niềm tin vô hạn, với tinh thần quyết chiến quyết thắng cao nhất, đang anh dũng lên đường ra trận, giáng cho quân xâm lược Trung-quốc những đòn chí mạng.

Tiếp theo cuộc chiến tranh giải phóng chống đế quốc Pháp và đế quốc Mỹ, cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc chống giặc Trung-quốc xâm lược là một cuộc *chiến tranh toàn dân* phát triển đến những đỉnh cao mới.

Trong lịch sử chống ngoại xâm, chúng ta đã từng lấy nhân nghĩa thắng bạo tàn, lấy chính nghĩa thắng phi nghĩa, lấy những giá trị cao quý nhất của con người mà thắng sức mạnh của sắt thép.

Ngày nay, vì độc lập, chủ quyền của đất nước, vì sự sống còn của dân tộc, vì chủ nghĩa xã hội, vì sự trong sáng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, chúng ta nhất định đánh thắng hoàn toàn chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn, đánh thắng hoàn toàn cuộc chiến tranh xâm lược của bọn cầm quyền phản động Trung-quốc.

Bí quyết bách chiến, bách thắng của dân tộc ta là cả nước chung sức lại, toàn dân đoàn kết chiến đấu, *phát động và tổ chức chiến tranh toàn dân*, phát huy đến trình độ cao sức mạnh của cả nước đánh giặc, thì không đội trời chung với kẻ thù xâm lược. Từ miền biên cương đến các hải đảo, từ thành thị đến nông thôn, toàn thể đồng bào các dân tộc trong cả nước, các tôn giáo, các đảng phái, bất

luận già, trẻ, gái, trai, hễ là người dân Việt-nam thì đều kiên quyết đứng lên giết giặc, cứu nước; năm mươi triệu đồng bào từ Bắc chí Nam kết thành đội ngũ chiến đấu là 50 triệu dũng sĩ giết giặc Trung-quốc xâm lược.

Hơn lúc nào hết, sự nghiệp giữ nước vĩ đại đòi hỏi ở mỗi người chúng ta **những hy sinh lớn lao**. Trên con đường đi đến thắng lợi, khó khăn gian khổ còn nhiều. Tuy nhiên, **sức mạnh giữ nước của dân tộc ta ngày nay lớn mạnh hơn bao giờ hết**, chúng ta có những điều kiện thuận lợi cơ bản hơn bao giờ hết.

Đã qua rồi những ngày mà nhân dân ta chưa có một tấc đất tự do, chưa có một tấc sắt trong tay, trong khi nhiệm vụ đề ra là phải chớp lấy thời cơ đưa Tổng khởi nghĩa tháng Tám đến thắng lợi. Cũng đã qua rồi những năm tháng của hai cuộc kháng chiến thần thánh, lúc đầu còn phải chiến đấu với gậy tầm vông và súng kíp, về sau cũng chỉ mới có nửa nước được giải phóng làm hậu phương.

Bước vào kỷ nguyên mới, đất nước ta đã thay đổi khác xưa. Cả nước Việt-nam đã hoàn toàn độc lập và thống nhất, đang vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở chế độ xã hội mới, với sự nhất trí chính trị và tinh thần, với lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa và tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa ngày càng cao, chúng ta đã xây dựng được một nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, một lực lượng vũ trang nhân dân hùng mạnh hơn bao giờ hết.

Cả nước một lòng, phát huy truyền thống đấu tranh bất khuất chống ngoại

xâm của dân tộc, nhân dân ta quyết nâng cao hơn nữa những kinh nghiệm đánh giặc, cứu nước, phát triển hơn nữa khoa học và nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

Ngày nay, chiến tranh nhân dân ở các địa phương trên mọi miền đất nước đã có một bước phát triển mới, một sức mạnh chiến đấu mới hết sức to lớn. Mỗi một người dân là một chiến sĩ. Mỗi bản làng, xí nghiệp, nông trường, hợp tác xã, thị xã, quận, huyện, là một pháo đài kiên cường chống giặc. Mỗi tỉnh, thành là một đơn vị chiến lược có đủ sức mạnh tiêu diệt hàng vạn quân địch. Cả nước ta là một chiến trường rộng lớn. Thực tế đó đã được chứng minh ngay từ những ngày đầu kháng chiến khi giặc Trung-quốc xâm lược đặt chân lên mảnh đất biên cương của Tổ quốc ta. Trong cuộc đọ sức với dân quân tự vệ và bộ đội địa phương của ta, quân đội chính quy của chúng đã bị giáng trả những đòn trừng phạt nặng nề. Mỗi một ngọn đồi ở biên cương là một Chi-lăng chông chát xác thú. Mỗi một con suối, dòng sông là một Bạch-đăng nhuộm đỏ máu giặc. Ý nghĩa quan trọng của những thắng lợi đầu tiên của quân và dân ta là ở chỗ đó.

Ngày nay, quân đội ta đã có những binh đoàn chủ lực hùng mạnh, có sức đột kích lớn, khả năng cơ động cao, sức chiến đấu mạnh, đã từng tiêu diệt hàng chục vạn quân địch trong một trận tiến công, dù kẻ địch đông như thế nào, hung hãn và được trang bị như thế nào. Trước họa xâm lăng, phối hợp chặt chẽ với cuộc chiến đấu tại

chỗ của nhân dân, cả ba thứ quân đều đánh giỏi. Lục quân, hải quân, không quân đều đánh giỏi. Bộ đội thường trực phải thật tinh, lực lượng hậu bị phải thật mạnh. Vừa chiến đấu vừa rèn luyện, nêu cao tinh thần quyết chiến quyết thắng, nâng cao kỷ luật trong toàn quân, làm chủ mọi thứ binh khí kỹ thuật hiện đại, nâng cao trình độ hiệp đồng tác chiến, tạo nên chất lượng chiến đấu thật cao, sức mạnh và hiệu lực chiến đấu thật lớn. Các lực lượng vũ trang nhân dân Việt nam quyết làm tròn xuất sắc mọi nhiệm vụ, phát huy tác dụng to lớn trên chiến trường, tiêu diệt quân giặc Trung-quốc xâm lược.

Trong cuộc kháng chiến thần thánh bảo vệ Tổ quốc hiện nay, với ý chí chiến đấu cao, với những kinh nghiệm sẵn có, với những tổ chức đã được hình thành, với những thế trận đã được bố trí, quân và dân ta nhất định phát huy lên một trình độ mới khả năng chủ động và sáng tạo của mình, đánh bại hoàn toàn quân xâm lược. Nhanh chóng phát hiện và nắm vững quy luật của chiến tranh, bám sát và nắm chắc quân địch, nhanh chóng phát hiện chỗ yếu cơ bản và chỗ mạnh tạm thời của địch, lấy đó làm cơ sở để thực hiện chiến lược làm chủ đất nước để tiêu diệt địch, tiêu diệt địch để giữ vững quyền làm chủ đất nước. Làm chủ chiến trường trong từng trận chiến đấu, trong từng hướng chiến dịch cũng như trong toàn bộ cuộc chiến tranh. Luôn luôn chủ động, luôn luôn quán triệt tư tưởng tiến công. Kiên quyết và linh hoạt, giỏi đánh địch bằng mọi

hình thức. Tiến công dũng mãnh, phản công kiên quyết, phòng ngự ngoan cường. Bất luận trong tình hình so sánh lực lượng như thế nào, quy mô tác chiến như thế nào, điều kiện và phương tiện vũ khí như thế nào cũng đều phải tạo nên sức mạnh tổng hợp áp đảo, đánh địch trên thế mạnh, giành chủ động về ta, dồn địch vào thế bị động. Đó chính là biểu hiện cao nhất của tư tưởng cách mạng tiến công, là biểu hiện tập trung của tinh thần làm chủ tập thể ở trên chiến trường.

Cuồng vọng của bọn bành trướng Trung-quốc là vô hạn độ. Mưu đồ độc ác và nham hiểm của chúng là trường kỳ tiêu hao lực lượng của ta, trường kỳ phá hoại công cuộc hòa bình xây dựng đất nước ta. Mục đích sâu xa mà chúng theo đuổi là dùng trăm phương nghìn kế làm sao cho nước Việt-nam ta không thể trở nên một nước xã hội chủ nghĩa giàu mạnh để chúng dễ dàng khuất phục, dễ dàng thôn tính.

Chính vì vậy, mà trong lúc tập trung sức lực ra chiến trường để tiêu diệt chúng, quét sạch chúng ra khỏi bờ cõi, bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước ta, thì nhân dân ta phải ra sức phấn đấu, vừa chiến đấu, vừa xây dựng, hoàn thành xuất sắc những nhiệm vụ cấp bách mà Trung ương Đảng đề ra, thực hiện kỳ được phương sách giữ nước và dựng nước về lâu dài.

Trên mặt trận, đồng bào và chiến sĩ ta phải chiến đấu kiên cường dũng cảm, đánh bại quân xâm lược. Ở hậu phương, khắp cả nước, đồng bào và chiến sĩ ta phải luôn luôn sẵn sàng

chiến đấu, chỉ viện cho tiền tuyến và ra sức xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa, ổn định đời sống của nhân dân. Lao động quên mình với năng suất cao, luyện tập quân sự đề sẵn sàng ra trận. Giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong cả nước phải có sự cố gắng vượt bậc về mọi mặt, *kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, thực hiện càng đánh càng thắng, càng đánh càng mạnh.*

Đề bảo vệ độc lập, chủ quyền của Tổ quốc, chỉ có một con đường là tiêu diệt hoàn toàn giặc Trung-quốc xâm lược. Đề làm cho nước ta ngày càng giàu mạnh lên, chỉ có một con đường là *vừa giành thắng lợi trên mặt trận, vừa giành thắng lợi trong lao động sản xuất, chăm lo đời sống cho chiến sĩ và đồng bào ta trong cả nước.* Đó là nhiệm vụ cao nhất mà Đảng và Tổ quốc đề ra cho các chiến sĩ của lực lượng vũ trang nhân dân, cho giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể, tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa, cho mỗi một người công dân yêu nước trong lúc này. Hơn lúc nào hết, với tinh thần quyết chiến quyết thắng, với tinh thần tự lực tự cường cao nhất, với một nghị lực sáng tạo phi thường, toàn dân và toàn quân ta nhất định sẽ lập nên những chiến công vang dội trên tiền tuyến, đồng thời lập nên những chiến công to lớn trong công cuộc xây dựng kinh tế, xây dựng đất nước.

Trước tình hình mới, chúng ta cần ra sức biến tiềm lực mọi mặt của đất nước thành sức mạnh quân sự trên chiến trường, chuyển sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng toàn dân

thành sức mạnh lớn nhất của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Muốn vậy, cần căn cứ vào kế hoạch đã được chuẩn bị và tình hình diễn biến thực tế của chiến tranh mà nhanh chóng động viên sức người, sức của phục vụ tốt nhất cho chiến tranh và quốc phòng, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh sản xuất, bảo đảm đời sống của nhân dân.

Đây là một công tác tổ chức thực tiễn cực kỳ quan trọng, có liên quan đến mọi mặt đời sống của xã hội. Chúng ta phải làm thật tốt công tác tổ chức thực tiễn ấy, vừa tập trung lực lượng để đánh thắng quân xâm lược, vừa tăng cường quản lý kinh tế — xã hội, nâng cao kỷ luật lao động và hiệu quả kinh tế trong tất cả các ngành, các địa phương. Có làm được như vậy, chúng ta mới phát huy được tinh ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, động viên được mạnh mẽ và kịp thời sức người, sức của cho tiền tuyến, thực hiện « Tất cả để đánh thắng giặc Trung-quốc xâm lược », đồng thời bảo vệ tính mệnh, tài sản của nhân dân, xây dựng hậu phương ngày càng vững mạnh.

Trong những thế kỷ trước đây, trước họa xâm lăng, chúng ta chưa hề có những bạn đồng minh lớn mạnh như bây giờ. Tuy vậy, dân tộc ta đã nêu cao tinh thần chiến đấu bất khuất, tự lực tự cường và tài thao lược kiệt xuất, đánh thắng các cuộc chiến tranh xâm lược của các thế lực bành trướng thống trị ở Trung-quốc lúc bấy giờ.

Ngày nay, trong thời đại mới, sự nghiệp chiến đấu chính nghĩa của nhân dân Việt-nam ta có một ý nghĩa

quốc tế to lớn. Đứng lên chiến đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, dân tộc Việt-nam đã được coi như lương tri và trái tim của cả loài người. *Dựa vào sức mình là chính, chúng ta có cả loài người tiến bộ cổ vũ và ủng hộ mạnh mẽ. Chúng ta có sự ủng hộ và giúp đỡ to lớn và có hiệu lực của Liên-xô — nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên trái đất — và của các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác. Chúng ta có tinh đoàn kết chiến đấu keo sơn của nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia anh em. « Hết lòng ủng hộ Việt-nam », « không được đụng đến Việt-nam », đó là ý chí và hành động của mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt-nam chống Trung-quốc xâm lược. Trong lịch sử của dân tộc, chưa bao giờ bằng lúc này, kể cả trong những năm kháng chiến chống Mỹ, nhân dân Việt-nam ta lại được sự đồng tình, ủng hộ quốc tế mạnh mẽ, rộng rãi, kịp thời và kiên quyết như ngày nay.*

« Không có gì quý hơn độc lập, tự do ».

Tổ quốc kêu gọi.

Cả nước lên đường ra trận.

Giương cao ngọn cờ của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh vĩ đại, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt-nam quang vinh đứng đầu là đồng chí Lê-Duẩn kính mến, với quyết tâm cao, với niềm tin lớn, quân và dân ta kiên quyết tiến lên, đánh thắng cuộc chiến tranh phi nghĩa của giặc Trung-quốc xâm lược, đưa sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc Việt-nam đến toàn thắng, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Bọn phản động Trung-quốc xâm lược nhất định thất bại!

Nhân dân Việt-nam nhất định thắng lợi!

Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa muôn năm!

CHIẾN THẮNG OANH LIỆT

NÊU cao tinh thần yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng, quân và dân ta ở các tỉnh tiền tuyến biên giới phía bắc đã chiến đấu vô cùng anh dũng và giành thắng lợi vẻ vang. Bọn phản động cầm quyền ở Bắc-kinh đã buộc phải tuyên bố rút quân đội xâm lược của chúng ra khỏi nước ta. Vấp phải sự giáng trả quyết liệt của quân và dân ta, cuộc chiến tranh xâm lược nước ta của bọn phản động Trung-quốc đã thất bại thảm hại. Đây là chiến thắng oanh liệt của quân và dân Việt-nam anh hùng.

Dem nửa triệu quân tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta, bọn phản động Trung-quốc tưởng có thể khuất phục được nhân dân ta. Nhưng chúng đã lầm to. Chúng đã gặp phải sự đánh trả kiên cường và dũng cảm của quân và dân ta. Đồng bào các dân tộc anh em và các lực lượng vũ trang nhân dân các tỉnh Quảng-ninh, Lạng-sơn, Cao-bằng, Hà-tuyên, Hoàng-liên-sơn, Lai-châu đoàn kết một lòng, chiến đấu anh dũng, bảo vệ từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc.

Tiến vào nước ta, đội quân xâm lược của bọn phản động Trung-quốc

đã sa vào thế trận « thiên la địa võng » của quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân Việt-nam. Bọn xâm lược bị vây hãm, chia cắt, bị đánh cả phía trước lẫn phía sau, bị cắt giao thông, triệt tiếp tế, vô cùng khốn đốn và tổn thất nặng nề. Đúng như báo chí phương Tây đã đưa tin, tiến vào Việt-nam, quân đội xâm lược của bọn phản động Trung-quốc đã « bị sa lầy », « vấp phải tổ ong vô vế », « trả giá đắt » mà « không đạt mục đích » và « thất bại ».

Với số quân đông, có sự chuẩn bị chiến tranh xâm lược từ lâu, lại được sự đồng lõa của chủ nghĩa đế quốc, bọn phản động Trung-quốc tưởng có thể đánh nhanh thắng nhanh trong cuộc chiến tranh xâm lược nước ta. Nhưng chúng đã vấp phải những đòn trừng trị đích đáng và bị tổn thất nặng nề. Hàng vạn quân địch đã bị tiêu diệt, hàng trăm xe tăng địch đã bị phá hủy; nhiều tiểu đoàn địch bị loại ra ngoài vòng chiến đấu.

Khắp cả nước ta bừng bừng khí thế đánh đuổi quân Trung-quốc xâm lược, bảo vệ Tổ quốc. Từ Bắc đến Nam, đồng bào và chiến sĩ ta sôi sục căm thù,

vững vàng, bình tĩnh, đoàn kết một lòng, hướng về tiền tuyến, quyết tâm đánh thắng bọn phản động Trung-quốc xâm lược.

Trên thế giới, Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, các đảng cộng sản và công nhân, các tổ chức dân chủ quốc tế và chính phủ nhiều nước đã kịp thời lên tiếng, nghiêm khắc lên án bọn cầm quyền Bắc-kinh, nhiệt liệt ủng hộ và bảo vệ Việt-nam.

Tiến hành chiến tranh xâm lược Việt-nam, bọn phản động cầm quyền ở Bắc-kinh tìm cách bung bít và lừa dối nhân dân Trung-quốc. Chiến tranh càng kéo dài, nhân dân Trung-quốc càng phản đối chúng. Chiến tranh xâm lược càng đánh càng thua, nội bộ bọn cầm quyền Trung-quốc càng lúng lúng.

Bọn phản động cầm quyền ở Bắc-kinh hung hăng, hiếu chiến, nhưng chúng có những chỗ yếu rất cơ bản, đường lối của chúng là phản động, chiến tranh của chúng là phi nghĩa, chính sách của chúng là phiêu lưu, tính toán của chúng sai lầm, cho nên chúng luôn luôn bị động, đi từ thất bại này đến thất bại khác.

Dem quân xâm lược nước ngoài, bọn phản động Trung-quốc gặp khó khăn lớn về hậu cần. Chúng lại phải đương đầu với cả một dân tộc và một đội quân thiện chiến, có tinh thần quyết chiến quyết thắng rất cao, chiến đấu tại chỗ ngay trên đất nước của mình. Nếu dây quân đội xâm lược của chúng tiến sâu thêm nữa vào nước ta, bọn phản động Trung-quốc sẽ gặp khó khăn lớn hơn và sẽ bị thiệt hại lớn hơn nữa.

Bị thất bại liên tiếp và gặp những khó khăn không thể vượt nổi, bọn phản động Trung-quốc buộc phải lùi một bước, tuyên bố rút quân. Nhưng do bản chất phản động của chúng, bọn phản động cầm quyền ở Bắc-kinh vẫn tiếp tục vu khống « Việt-nam xâm lược Trung-quốc » (1) và đe dọa « giành quyền đánh trả ». Chúng vẫn chưa từ bỏ âm mưu bành trướng bá quyền nước lớn, ráo riết chuẩn bị lực lượng uy hiếp độc lập, chủ quyền của Tờ quốc ta. Bởi vậy, trong khi chấp nhận cho địch rút quân, chúng ta phải luôn luôn nêu cao cảnh giác, tăng cường quốc phòng, sẵn sàng giáng trả địch đáng nếu chúng lật lọng, trở lại tiến công xâm lược nước ta.

Âm mưu cơ bản của bọn phản động Trung-quốc là thôn tính nước ta, khuất phục nhân dân ta, dùng nước ta làm bàn đạp và nhân dân ta làm bia đỡ đạn để thôn tính các nước Đông — Nam châu Á và làm bá chủ thế giới. Chừng nào tập đoàn phản động cầm quyền ở Bắc-kinh vẫn còn theo đuổi chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn, âm mưu của chúng thôn tính nước ta vẫn chưa bị đập tắt, thì sau một thời gian chuẩn bị tích cực, chúng có thể lại tiến công xâm lược nước ta lần nữa. Vì vậy, chúng ta phải nắm vững phương hướng được vạch ra trong Lời kêu gọi ngày 4-3-1979 của Ban chấp hành trung ương Đảng, khẩn trương tiếp tục làm tốt nhiệm vụ phòng thủ đất nước, luôn luôn sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tờ quốc, đập tan bọn xâm lược, theo Lệnh tổng động viên của Nhà nước và kế hoạch của Bộ quốc phòng.

Ở các địa phương tiền tuyến biên giới, quân và dân ta phải giết vững trận địa, nắm chắc tay súng, làm chủ chiến trường. Những nơi quân địch đã rút, phải kịp thời động viên khí thế chiến thắng, nhanh chóng thanh toán hậu quả chiến sự, khôi phục sản xuất, ổn định đời sống nhân dân; đồng thời củng cố và xây dựng công sự chiến đấu, nâng cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu. Ở các địa phương phía sau, cần phát huy khí thế chiến thắng, động viên tinh thần bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh sản xuất, xúc tiến các công việc phòng thủ đất nước theo kế hoạch của Nhà nước.

Về mặt đối ngoại, chúng ta nêu cao chính nghĩa của ta là bảo vệ độc lập tự do của Tổ quốc và bảo vệ hòa bình, ra sức đoàn kết với các lực lượng cách mạng và hòa bình trên thế giới, chống chính sách hiếu chiến và xâm lược của Trung-quốc. Chúng ta tăng cường đoàn kết với Liên-xô và các

nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, với phong trào cộng sản và công nhân, với phong trào độc lập dân tộc và giải phóng dân tộc, với phong trào dân chủ và hòa bình, cùng đấu tranh chống bọn phản động Trung-quốc. Chúng ta đặc biệt coi trọng việc tăng cường quan hệ đoàn kết và hữu nghị giữa nước ta với hai nước Lào và Cam-puchia trong cuộc đấu tranh chung để bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước, chống mọi âm mưu xâm lược và phá hoại của bọn phản động Trung-quốc.

Nhân đà chiến thắng, đồng bào và chiến sĩ cả nước ta hãy phấn khởi tiến lên, tăng cường sự nghiệp phòng thủ đất nước, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm thất bại mọi âm mưu và thủ đoạn xâm lược và phá hoại nước ta của bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh.

TẠP CHÍ CỘNG SẢN



A. Q. : - *Tôi thắng Việt-nam !*

GIÒN BUN : - *Vâng đúng !! Ông thắng Việt-nam !!*

A. Q. : - *Thế thì ta thắng Việt-nam thật rồi ! ...*

Thực hiện tốt nhiệm vụ quân sự, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa

Thiếu tướng NAM-LONG

Với thắng lợi trọn vẹn của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975, cách mạng nước ta đã bước sang giai đoạn mới, giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước Việt-nam thống nhất và hoàn toàn độc lập. Bốn năm qua, nhân dân ta đã vượt qua những khó khăn rất lớn do hậu quả của chiến tranh ác liệt lâu dài gây ra, và đã hoàn thành về cơ bản công cuộc khôi phục kinh tế, giành được những thành tựu bước đầu rất quan trọng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đồng thời chúng ta thực hiện tốt chính sách đối ngoại độc lập tự chủ, chính sách đối ngoại hòa bình, hữu nghị và hợp tác quốc tế rộng rãi.

Những nỗ lực đó làm cho nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam trở thành một nước có triển vọng phát triển mạnh mẽ và có uy tín ngày càng lớn ở Đông Nam châu Á và trên thế giới.

Thắng lợi của cách mạng Việt-nam là thắng lợi của chủ nghĩa Mác - Lênin tại một khu vực có vị trí chiến lược rất quan trọng. Chính vì thế các

thế lực phản cách mạng cầu kết cùng nhau để chống phá cách mạng Việt-nam.

Trước thắng lợi của cách mạng Việt-nam, bọn phản động theo chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc trong giới cầm quyền Trung-quốc đã bộc lộ dã tâm của chúng. Chúng coi nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam là trở lực lớn nhất đối với mưu đồ bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn của chúng ở Đông Nam châu Á. Nhằm chống lại cách mạng Việt-nam, làm chậm trễ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta, chúng đã chỉ đạo và giúp đỡ về mọi mặt bè lũ Pôn Pốt - lêng Xa-ry ở Cam-pu-chia gây ra cuộc chiến tranh ở biên giới tây - nam Việt-nam, kích động người Hoa ở Việt-nam gây bạo loạn, cắt viện trợ, rút chuyên gia hàng buộc Việt-nam phải khuất phục.

Những âm mưu và hành động chống phá nước ta của bọn phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc đã gây ra nhiều tổn hại về người và của cho nhân dân ta, tạo ra nhiều khó khăn cho công cuộc xây dựng lại đất nước của chúng ta. Song những hành động điên cuồng chống phá nước ta của

bọn phản động Trung-quốc không làm cho nhân dân ta chùn bước. Phát huy truyền thống đoàn kết chống ngoại xâm, nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhân dân các dân tộc và lực lượng vũ trang nhân dân ta đã kiên quyết chiến đấu, liên tiếp làm thất bại những âm mưu của địch, giành những thắng lợi bước đầu rất quan trọng. Chúng ta đã làm thất bại âm mưu chiến lược của bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh sử dụng bè lũ Pôn Pốt - lêng Xa-ry tiến hành chiến tranh biên giới chống nước ta, bảo đảm cho đồng bào ở các địa bàn tây - nam nước ta có hoàn cảnh hòa bình để xây dựng đất nước. Chúng ta đã làm thất bại âm mưu của chúng dựng lên « vấn đề người Hoa » để gây rối về chính trị ở các thành phố lớn và ở các vùng biên giới phía bắc và đông - bắc nước ta. Chúng ta đang từng bước khắc phục những khó khăn do việc chúng cắt viện trợ kinh tế gây ra trong một số ngành sản xuất. Đề tăng nhanh khả năng phòng thủ đất nước, chúng ta đã thực hiện một số chính sách nhằm động viên lực lượng cả nước vừa xây dựng, vừa chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu.

Bị thất bại liên tiếp trong âm mưu và hành động chống phá Việt-nam, bọn phản động Trung-quốc đã đi theo con đường cũ của bọn vua chúa Trung-quốc ngày trước, phát động chiến tranh xâm lược nước ta. Ngày 17-2-1979, chúng đã ngang nhiên dùng lực lượng lớn quân đội tiến công trên toàn tuyến biên giới phía bắc nước ta. Chúng đã gây ra tội ác tày trời cho đồng bào các dân tộc của chúng ta. Dứng trước sự xâm lược của bọn phản động Trung-quốc, lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc ta không có con đường nào khác là đoàn kết vững chắc thành một khối, kiên quyết đánh trả bọn xâm lược để bảo vệ Tổ quốc. Cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa

chống bọn xâm lược Trung-quốc của quân và dân ta đã bắt đầu. Dưới sự lãnh đạo tài tình của Đảng, toàn quân, toàn dân ta kiên quyết chiến đấu, tiêu diệt bọn xâm lược, bảo vệ vững chắc lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc Việt-nam thân yêu.



Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp của toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Cần nắm vững tính chất toàn dân của sự nghiệp đó để ra sức xây dựng sức mạnh tổng hợp của nhân dân làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa nhằm đánh bại quân xâm lược.

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là một cuộc đấu tranh vũ trang của toàn dân với những phương thức tiến hành chiến tranh, những hình thức chiến đấu hết sức phong phú diễn ra trên các khu vực của đất nước bao gồm cả mặt đất, trên không và trên biển. Tính chất toàn dân trong cuộc đấu tranh vũ trang đó hết sức sâu sắc do những biến đổi cách mạng của nền kinh tế và của xã hội trong cả nước tạo nên.

Trên cơ sở của tính chất toàn dân rộng lớn đó, chúng ta tạo ra sức mạnh tổng hợp về quân sự để đánh bại quân xâm lược, dù cho chúng có số lượng đông đến bao nhiêu, bất kể chúng dùng loại vũ khí nào và tàn bạo đến đâu. Trong cuộc chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, về chỉ đạo chiến lược, chúng ta phải quán triệt tư tưởng cách mạng tiến công; trên cơ sở tổ chức phòng thủ vững chắc mà tiến hành phản công, tiến công tiêu diệt quân xâm lược. Sức mạnh đánh địch nhanh nhất là sức mạnh tại chỗ tiêu diệt địch, làm chủ từng địa bàn, làm chủ cả nước. Sức mạnh đó có nguồn gốc ở chế độ xã hội ưu việt, ở cơ sở kinh tế xã hội chủ nghĩa, ở con người mới của kỷ nguyên độc lập, thống nhất và xã hội

chủ nghĩa của Việt-nam. Sức mạnh đó không ngừng được tăng cường khi chúng ta phát huy được quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động, của các dân tộc, của toàn quân, làm chủ thiên nhiên, làm chủ xã hội, làm chủ công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa đó vừa là mục đích, vừa là động lực thúc đẩy ba cuộc cách mạng trong xã hội ta hiện nay, tạo ra cơ sở vật chất và tư tưởng làm nên sức mạnh vô địch của nền quốc phòng toàn dân. Nói riêng trong các lực lượng vũ trang nhân dân, nhất là trong quân đội nhân dân, lực lượng công an nhân dân vũ trang, chúng ta có đầy đủ điều kiện để phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa bằng tổ chức của lực lượng vũ trang nhân dân.

Kết hợp kinh tế với quốc phòng là một trong những quy luật của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong tình hình hiện nay, bọn phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc ra sức phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta, trắng trợn tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta, chúng ta càng phải kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng. Nền kinh tế nước ta đang chuyển từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Yêu cầu của nhiệm vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, tăng cường khả năng phòng thủ trên các địa bàn chiến lược rất lớn, có những nơi rất khẩn trương, cấp bách. Tình hình đó đặt ra những yêu cầu rất mới cho hai nhiệm vụ xây dựng kinh tế và củng cố quốc phòng. Trên quy hoạch chung của cả nước về kinh tế và quốc phòng, kế hoạch xây dựng và phát triển các vùng kinh tế phải ăn khớp với kế hoạch xây dựng lực lượng và bố trí chiến lược, với phương án tăng cường khả năng phòng thủ, nhằm tạo được thế làm chủ của nhân dân ta ở những địa bàn chiến lược và những vùng xung yếu.

Ở mỗi đơn vị chiến lược (tỉnh) cho đến từng địa bàn (huyện), từng cơ sở (xã), các kế hoạch về tổ chức sản xuất và tổ chức đời sống nhân dân khi chiến tranh chưa lan tới phải phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng chiến đấu tại chỗ có đủ khả năng tiêu diệt địch khi chúng xâm phạm đến địa phương của mình. Ngược lại, trong khi chuẩn bị cho địa phương những phương án sẵn sàng đánh bại các cuộc tiến công xâm lược của kẻ thù, chúng ta cần nghiên cứu chủ động tìm ra phương hướng tổ chức và những biện pháp kết hợp được hai nhiệm vụ: vừa đẩy mạnh sản xuất vừa sẵn sàng chiến đấu cao phù hợp với những yêu cầu xây dựng kinh tế trong giai đoạn hiện nay, và khẩn trương chuẩn bị để có đầy đủ khả năng đánh bại mọi cuộc tiến công của kẻ thù vào địa phương của mình.

Trong tình hình hiện nay, nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân hùng mạnh, tăng cường nền quốc phòng toàn dân và tiến hành chiến tranh nhân dân, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ cấp bách, lớn lao của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta.

Trong công cuộc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân cần nắm vững khoa học về tổ chức. Cần kết hợp con người Việt-nam trong giai đoạn mới với trang bị kỹ thuật hiện đại.

Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân hùng mạnh là vấn đề then chốt trong công cuộc xây dựng tiềm lực quốc phòng, tăng cường khả năng phòng thủ đất nước. Nhiệm vụ của lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới cao hơn hẳn so với những giai đoạn xây dựng và chiến đấu trước đây: từ chỗ chủ yếu làm nhiệm vụ chiến đấu giải phóng dân tộc, ngày nay tiến lên làm nhiệm vụ bảo vệ và xây dựng Tổ quốc Việt-nam độc lập, thống nhất, xã hội chủ nghĩa.

Trong cuộc chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, lực lượng vũ trang nhân dân phải khẩn trương chuẩn bị sẵn sàng về mọi mặt để nắm chắc thế chủ động, giáng cho kẻ thù xâm lược những đòn sấm sét ngay từ đầu, dù chúng dùng phương tiện chiến tranh gì, với bất cứ quy mô nào. Lực lượng vũ trang nhân dân phải có khả năng đánh địch trên thế mạnh, phải đánh thắng địch ngay từ thời kỳ đầu, phải đánh thắng trận đầu và ngay tại tuyến đầu, phải đập tan đội quân xâm lược của địch.

Muốn làm được như vậy, cần phải khẩn trương xây dựng và rèn luyện bộ đội chủ lực tinh nhuệ và cơ động; tăng cường trang bị và nâng cao năng lực chỉ huy cho bộ đội địa phương; chuẩn bị lực lượng dự bị hùng hậu; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ rộng khắp có chất lượng chiến đấu và phục vụ chiến đấu cao.

Lực lượng vũ trang nhân dân phải được xây dựng trên những cơ sở mới, phát triển cao hơn so với các giai đoạn trước đây. Trước mắt, phải thực hiện tốt cuộc vận động lớn « phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân » do Ban bí thư Trung ương Đảng phát động. Cuộc vận động này nhằm tập trung mọi cố gắng, phấn đấu nâng cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân, nâng cao chất lượng mọi mặt của cán bộ, chiến sĩ, của tất cả các đơn vị, trong mọi ngành công tác, trên mọi lĩnh vực hoạt động, trong cả ba thứ quân, cả tuyến trước và tuyến sau, để tạo thành sức mạnh tổng hợp, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu, lao động sản xuất của các lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới. Đồng thời phát huy bản chất, truyền thống cách mạng của các lực lượng vũ trang nhân dân, nêu cao tinh thần kỷ luật tự giác, nghiêm minh, tăng cường đoàn kết nội bộ,

đoàn kết quân dân, thực hiện toàn quân là một ý chí, quân với dân là một ý chí, xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, làm tốt nghĩa vụ quốc tế được giao.

Thông qua cuộc vận động này, chúng ta xây dựng và bồi dưỡng những con người mới trong các lực lượng vũ trang nhân dân Việt-nam. Đó là những con người có ý thức đầy đủ về vị trí và vai trò của mình trong sự nghiệp xây dựng đất nước xã hội chủ nghĩa và bảo vệ vững chắc đất nước đó; biết làm chủ xã hội, nắm được quy luật xã hội để đưa xã hội Việt-nam tiến lên, đồng thời biết làm chủ khoa học kỹ thuật, nắm được quy luật của khoa học và kỹ thuật để thúc đẩy khoa học và kỹ thuật quân sự Việt-nam tiến lên, tạo ra sức mạnh vô địch đánh thắng kẻ thù xâm lược. Lực lượng vũ trang nhân dân Việt-nam, dưới sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối và toàn diện của Đảng cộng sản Việt-nam, đã được rèn luyện, trưởng thành trong hai cuộc chiến tranh chống đế quốc Pháp và chống đế quốc Mỹ, ngày nay lại được xây dựng, thử thách và rèn luyện trong cuộc chiến tranh yêu nước chống bọn xâm lược Trung-quốc, vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì hòa bình và hữu nghị giữa các dân tộc, là trường học tốt để đào tạo và bồi dưỡng những con người mới đó.

Đứng về mặt tổ chức lực lượng mà nói, một điều kiện hết sức cần thiết để tạo nên sức mạnh quân sự là thực hiện được sự kết hợp giữa con người và vũ khí, trang bị kỹ thuật. Sự kết hợp đó hiện đang đòi hỏi phát triển theo những yêu cầu cao hơn và mới hơn so với trước đây về nhiều mặt.

Sự kết hợp đó bảo đảm cho người chiến sĩ (hoặc một tập thể chiến sĩ) cùng với vũ khí, trang bị kỹ thuật tạo thành một thể thống nhất cả về tổ chức và chức năng, trong đó người

chiến sĩ làm chủ được vũ khí, trang bị kỹ thuật có trong tay, phát huy được cao độ sức mạnh chiến đấu của mình, tạo ra những phương pháp chiến đấu có hiệu suất cao để giải quyết được tốt nhất những nhiệm vụ chiến thuật, chiến dịch của cuộc chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Trên cơ sở những kinh nghiệm của công tác tổ chức lực lượng quân sự trong hai cuộc chiến tranh giải phóng chống Pháp và chống Mỹ đã qua, chúng ta cần phấn đấu làm cho việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới kết hợp được đầy đủ những tri thức tiên tiến về khoa học tổ chức với những đặc điểm về địa lý tự nhiên của đất nước và những đặc điểm của con người Việt-nam trong giai đoạn hiện nay.

Đi đôi với việc chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang thường trực thật tinh nhuệ, chúng ta cần chú trọng tổ chức lực lượng hậu bị hùng hậu theo những quy củ phù hợp với điều kiện tổ chức sản xuất, tổ chức đời sống của nhân dân hiện nay trên cả nước và trong các khu vực khác nhau về địa lý, về vị trí chiến lược, có kế hoạch và biện pháp động viên nhanh chóng, bảo đảm yêu cầu mở rộng lực lượng vũ trang khi chiến tranh lan tới.

Làm được như vậy cũng là định ra được tỷ lệ tối ưu giữa lực lượng thường trực và lực lượng hậu bị nhằm bảo đảm vững chắc hai nhiệm vụ chiến lược hiện nay là vừa xây dựng, vừa chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, nâng cao tiềm lực kinh tế, tăng cường sức mạnh phòng thủ đất nước, nhằm đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của bọn phản động Bắc-kinh.

Đường lối quân sự của Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Cần làm cho mọi chiến sĩ, mọi người dân thấu suốt đường lối quân sự của Đảng.

Để thực hiện sự nghiệp toàn dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, ở những địa phương đang chiến đấu chống bọn xâm lược Trung-quốc phải kịp thời rút kinh nghiệm về tổ chức toàn dân chiến đấu làm chủ địa bàn tiêu diệt địch cũng như kinh nghiệm về tổ chức sản xuất, tổ chức đời sống của nhân dân trong thời chiến. Ở những nơi chiến tranh xâm lược chưa lan tới phải tổ chức nghiên cứu, học tập những kinh nghiệm đó, nhằm nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu và khả năng chiến đấu của nhân dân. Kiến thức quân sự là một bộ phận của văn hóa Dân tộc ta, trong nhiều thời kỳ lịch sử và trong gần nửa thế kỷ vừa qua dưới sự lãnh đạo của đảng tiên phong của giai cấp công nhân Việt-nam, đã phải tiến hành cuộc đấu tranh vũ trang để giành lại non sông và để bảo vệ độc lập dân tộc, chủ quyền đất nước. Từ trong thực tiễn của những cuộc đấu tranh vũ trang đó, chúng ta đã xây dựng nên một nền khoa học quân sự và nghệ thuật quân sự ưu việt. Đó là một bộ phận hết sức quý báu trong nền văn hóa của dân tộc. Ngày nay, trong công cuộc xây dựng văn hóa và tư tưởng, cùng với việc nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa của nhân dân, cần phải làm cho từng chiến sĩ, từng công dân thấu suốt những tư tưởng chiến lược, chiến thuật quân sự của Đảng.

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh và xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân hùng mạnh là nhiệm vụ cơ bản lâu dài, đồng thời là yêu cầu cấp bách trước mắt của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta.



Bọn phản động Trung-quốc tiến hành chiến tranh xâm lược nhằm thôn tính nước ta, bắt nhân dân ta làm nô lệ cho chúng. Chúng âm mưu dùng nước ta làm bàn đạp và dân ta

làm bia đỡ đạn dễ xâm chiếm vùng Đông Nam châu Á, phá hoại hòa bình thế giới. Đánh bại bọn xâm lược Trung-quốc, quân và dân ta không những làm nhiệm vụ dân tộc thiêng liêng mà còn thực hiện nghĩa vụ quốc tế cao cả đối với nhân dân Đông Nam châu Á và nhân dân thế giới.

Cuộc chiến tranh xâm lược của bọn phản động Trung-quốc làm dấy lên trong lòng toàn quân và trong các dân tộc trong đại gia đình Tộc quốc Việt-nam lòng căm thù cao độ và ý chí quyết chiến, quyết thắng mãnh liệt. Nêu cao lòng yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng, quân và dân ta đã giáng trả quyết liệt quân địch. Từ 17-2 đến 5-3-1979, hơn 45.000 tên giặc đã bị tiêu diệt; hơn 400 xe

quân sự (trong đó có 273 xe tăng và xe bọc thép) đã bị phá hủy. Thành tích oanh liệt bước đầu đó có ý nghĩa đặc biệt to lớn vì nó giáng đòn phủ đầu vào thói ngạo mạn hung hăng của bọn phản động Trung-quốc, cổ vũ toàn quân và nhân dân các dân tộc chúng ta dũng cảm xông lên giết giặc lập công, quét sạch quân xâm lược ra khỏi đất nước thân yêu của chúng ta.

Nói gương các chiến sĩ và đồng bào ở tiền tuyến, chiến sĩ và đồng bào trong cả nước ta quyết tâm tăng cường đoàn kết, nâng cao cảnh giác, thực hiện tốt nhiệm vụ quân sự mà Đảng ta đã đề ra trong giai đoạn mới, bảo vệ vững chắc Tộc quốc xã hội chủ nghĩa của chúng ta.



DẶNG : — Tôi đã cho nó một bài học.

CHU SAM : — Họ đã học chưa ?

DẶNG : / ? /

THẮNG LỢI MỚI CỦA TÌNH ĐOÀN KẾT CHIẾN ĐẤU VIỆT-NAM – CAM-PU-CHIA

GIA LÚC cả loài người tiến bộ cùng với nhân dân Cam-pu-chia chia sẻ niềm vui chiến thắng. Đoàn đại biểu chính phủ ta, do Thủ tướng Phạm-Văn-Đồng dẫn đầu, đã đi thăm hữu nghị chính thức nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia từ ngày 16 đến ngày 18 tháng 2-1979. Với sự nhất trí quan điểm về tất cả các vấn đề thảo luận, với việc ký kết các văn kiện lịch sử, cuộc gặp gỡ cấp cao Việt-nam – Cam-pu-chia đã thành công rực rỡ.

Những ngày Đoàn ở thăm đất nước Cam-pu-chia là những ngày chan chứa tình cảm thân thiết, đậm đà tình nghĩa anh em. Nhân dân Cam-pu-chia đã dành cho Đoàn một sự đón tiếp hết sức nồng nhiệt. Tại các cuộc hội đàm, trong các buổi chiêu đãi, các cuộc mít-tinh cũng như trong Tuyên bố chung ký kết giữa hai nước, các vị lãnh đạo hai nước đã nói lên tình nghĩa cao đẹp, thủy chung hiếm có giữa nhân dân hai dân tộc anh em đã ba lần cùng đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung, cùng giành thắng lợi vẻ vang. Chủ tịch Heng Xom-rin thay mặt nhân dân Cam-pu-chia đã đánh giá cao tinh thần quốc tế cao cả và sự đóng góp hết sức quan trọng của nhân dân Việt-nam vào cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân Cam-pu-chia, đánh giá cao sự giúp đỡ của nhân dân

Việt-nam đối với nhân dân Cam-pu-chia trong cuộc đấu tranh chống tập đoàn diệt chủng Pôn Pốt lừng Xa-ry, công cụ tệ hại của chủ nghĩa bành trướng Bắc-kinh. Chủ tịch nêu rõ: “Trung thành với truyền thống hữu nghị với làng giếng, thủy chung với anh em bè bạn, nhân dân Cam-pu-chia sẽ cùng với nhân dân Việt-nam và nhân dân Lào khôi phục và tăng cường tình đoàn kết chiến đấu đã được tôi luyện trong suốt 30 năm kẻ vai sát cánh cùng đấu tranh vì độc lập, tự do” (1). Đó chính là tình cảm tự nhiên, là mệnh lệnh của trái tim, là ý chí mãnh liệt, nguyện vọng chân thành và tha thiết của nhân dân Cam-pu-chia, như xã luận của báo *Cam-pu-chia* số ra ngày 20-2-1979 đã nói. Về phần mình, Thủ tướng Phạm-văn-Đồng đã thay mặt nhân dân Việt-nam chào mừng thắng lợi lịch sử của nhân dân Cam-pu-chia, bày tỏ lòng khâm phục và sự kính trọng của nhân dân Việt-nam đối với nhân dân Cam-pu-chia, chân thành cảm ơn nhân dân Cam-pu-chia về sự ủng hộ, giúp đỡ quý báu đối với sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt-nam. Thủ tướng nói lên ý chí của nhân dân Việt-nam quyết tâm giữ gìn tình đoàn kết chiến đấu và tình hữu nghị cổ

(1) Bài nói tại buổi chiêu đãi trọng thể tối 16-2.

truyền Việt-nam - Cam-pu-chia như giữ gìn con người của mắt mình.

Những lời nói của hai vị lãnh đạo Nhà nước biểu hiện rõ rệt một chân lý mà vì nó, biết bao nhiêu chiến sĩ và người con của hai nước đã phải ngã xuống để bảo vệ và tô thắm tình đoàn kết chiến đấu giữa hai nước Việt-nam - Cam-pu-chia cũng như giữa ba nước Việt-nam - Cam-pu-chia - Lào là một nhân tố thắng lợi, một yêu cầu khách quan và quy luật phát triển của cách mạng mỗi nước. Chân lý đó xuất phát từ chỗ ba nước sống trên bán đảo Đông-dương cũng có một hoàn cảnh địa lý và lịch sử như nhau, cùng có những kẻ thù chung và cùng gắn bó với nhau trong cuộc đấu tranh chống những kẻ thù vì lợi ích sống còn của mỗi dân tộc. Trong quá trình ấy, nhân dân ba nước luôn luôn nương tựa vào nhau, ủng hộ và giúp đỡ lẫn nhau, đồng cam cộng khổ, chia ngọt sẻ bùi, thương yêu quý mến nhau, dựa trên tình thần quốc tế vô sản trong sáng và trên nguyên tắc nhất quán là tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

Chính vì vậy mà trong lịch sử bao nhiêu năm qua, kẻ thù của nhân dân ba nước trong khi xâm lược, thôn tính, nô dịch nước này thì cũng đồng thời phá hoại độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nước kia, đẩy dân tộc này chống dân tộc kia, chia rẽ ba dân tộc để dễ bề thống trị. Nhưng từ đế quốc Pháp, đế quốc Mỹ đến bọn bành trướng đại dân tộc Bắc-kinh đều đã thất bại thảm hại trong mưu mô này. Lừa thử vàng, gian nan thử sức, sức mạnh đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước càng tăng lên gấp bội, càng trở nên vững vàng, không gì phá vỡ nổi. Sức mạnh đó phục vụ lợi ích của nhân dân mỗi nước, đồng thời là một nhân tố hòa bình và ổn định ở Đông Nam Á và trên thế giới.

Với chiến thắng huy hoàng của nhân dân Cam-pu-chia đánh đổ bè lũ Pôn Pốt lộng Xa-ry, xóa bỏ chế độ thuộc địa kiểu mới của Bắc-kinh, nhân tố phá hoại, chia rẽ Việt-nam - Cam-pu-chia đã bị gạt bỏ, cuộc chiến tranh biên giới đẫm máu do bọn tay sai của chủ nghĩa bành trướng gây ra, đã chấm dứt, mây mù bao phủ tình hữu nghị giữa hai dân tộc đã bị xóa tan.

Một giai đoạn mới trong tình đoàn kết chiến đấu và sự hợp tác anh em lâu dài, toàn diện, vững chắc giữa nhân dân hai nước đã được mở ra. Đánh dấu giai đoạn ấy là bản Hiệp ước hòa bình, hữu nghị và hợp tác có giá trị trong hai mươi lăm năm và một số hiệp định về hợp tác kinh tế, kỹ thuật, văn hóa, giáo dục, y tế và khoa học vừa được ký kết ở Phnôm Pênh. Bản Hiệp ước nêu rõ: hai bên cam kết làm hết sức mình để bảo vệ và phát triển không ngừng truyền thống đoàn kết chiến đấu, quan hệ hữu nghị hợp tác anh em Việt-nam - Cam-pu-chia, lòng tin cậy và sự giúp đỡ lẫn nhau về mọi mặt trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau, tôn trọng lợi ích chính đáng của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi; hai bên cam kết hết lòng ủng hộ và giúp đỡ lẫn nhau về mọi mặt và bằng mọi hình thức cần thiết nhằm tăng cường khả năng bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và công cuộc lao động hòa bình của nhân dân mỗi nước, chống mọi âm mưu và hành động phá hoại của lực lượng đế quốc và phản động quốc tế; hai bên sẽ tăng cường quan hệ trao đổi và hợp tác anh em cùng có lợi và giúp đỡ nhau về các mặt kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học, kỹ thuật, đào tạo cán bộ và trao đổi chuyên gia, trao đổi kinh nghiệm xây dựng đất nước về mọi mặt; hai bên sẽ đàm phán để ký một hiệp ước hoạch

định biên giới quốc gia giữa hai nước trên cơ sở đường biên giới hiện tại, quyết tâm xây dựng đường biên giới này thành biên giới hòa bình, hữu nghị lâu dài giữa hai nước; hai bên kiên trì chính sách đối ngoại độc lập, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và không liên kết...

Các bản hiệp ước và hiệp định nói trên thể hiện trên pháp lý quốc tế mối quan hệ anh em gắn bó giữa nhân dân hai nước. Nhân dân ta hết sức vui mừng trước sự kiện lớn lao đó. Từ nay hai dân tộc anh em Việt-nam - Cam-pu-chia có điều kiện mãi mãi sống bên nhau trong tình sâu nghĩa nặng, sẽ ủng hộ và giúp đỡ nhau bảo vệ độc lập chủ quyền một cách vững chắc, xây dựng cuộc sống hạnh phúc, phồn vinh theo con đường mà mỗi nước tự vạch ra.

Tuy nhiên, kẻ thù của tình bạn chiến đấu, tình hữu nghị anh em Việt-nam - Cam-pu-chia hãy còn đó. Bọn phản động cầm quyền ở Bắc-kinh vẫn ôm ấp dã tâm chia rẽ, xâm lược,

bành trướng. Chúng tiếp tục nuôi dưỡng tàn quân của Pôn Pốt lừng Xa-ry để chống phá cách mạng Cam-pu-chia. Chúng đã ngang nhiên phát động cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam trên toàn tuyến biên giới phía bắc nước ta, tạo ra một tình hình đầy hiểm họa cho độc lập, tự do, cho hòa bình và an ninh ở Đông-dương, Đông Nam châu Á và trên thế giới.

Nhưng sức mạnh của nhân dân Việt-nam, sức mạnh của tình đoàn kết giữa Việt-nam - Cam-pu-chia cũng như giữa Việt-nam - Cam-pu-chia - Lào cộng với sức mạnh của thời đại là to lớn hơn bao giờ hết, đó là bảo đảm chắc chắn cho thắng lợi chung trong sự nghiệp đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa bành trướng Bắc-kinh.

Không một sức mạnh tàn bạo nào, không một âm mưu nham hiểm và thủ đoạn thâm độc nào lay chuyển nổi tình đoàn kết chiến đấu và tình hữu nghị anh em giữa Việt-nam và Cam-pu-chia!

VỀ CHỦ NGHĨA QUÂN PHIỆT CỦA TẬP ĐOÀN PHẢN ĐỘNG TRONG GIỚI CẦM QUYỀN TRUNG-QUỐC

Thiếu tướng LÊ-TỰ-ĐỒNG



TRONG thời kỳ đế quốc phong kiến Trung-hoa, chủ nghĩa sô-vanh nước lớn và chủ nghĩa quân phiệt gắn chặt với nhau như là hai mặt của cùng một trào lưu tư tưởng và chính trị phản động. Chúng quy định lẫn nhau và làm điều kiện cho nhau. Với tính cách như là một mục tiêu chính trị, chủ nghĩa sô-vanh nước lớn kích thích sự phát triển tất yếu của chủ nghĩa quân phiệt như là phương tiện và con đường không thể thiếu để thực hiện mục tiêu đó. Mặt khác, sự phát triển của chủ nghĩa quân phiệt lại tác động trở lại chủ nghĩa sô-vanh nước lớn, tạo điều kiện cho nó, kích thích nó thực hiện những tham vọng bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn.

Từ trước đến nay, chủ nghĩa quân phiệt với tính cách là một trào lưu chính trị và một cơ chế xã hội, bao giờ cũng là sản phẩm của xã hội có đối kháng giai cấp, và thường gắn liền với tập đoàn phản động nhất trong xã hội đó.

Trong thời đại tư bản chủ nghĩa, chủ nghĩa quân phiệt xuất hiện một cách phổ biến trong giai đoạn đế quốc

chủ nghĩa, khi những mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản đã trở nên hết sức gay gắt.

Từ cuối thế kỷ XIX, bước sang đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh chuyển thành chủ nghĩa tư bản lũng đoạn, những mâu thuẫn trong lòng chủ nghĩa tư bản gay gắt cực độ. Sự phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản dẫn đến chiến tranh đế quốc và sự phân chia lại thị trường thế giới; sự xuất hiện của Liên-xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa trên vũ đài quốc tế; chính sách chiến tranh, chiến tranh lạnh và chiến tranh nóng; chính sách bèn miệng hồ chiến tranh và các cuộc chiến tranh xâm lược; việc chuyển từ chế độ dân chủ tư sản truyền thống sang chế độ phát-xít; chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước và hiện tượng quân sự hóa nền kinh tế, sự gắn bó của giới quân nhân với bọn tư bản tài chính, đưa đến hình thành các tổ hợp công nghiệp quân sự, v.v. Đó là bối cảnh và những điều kiện cho sự xuất hiện chủ nghĩa quân phiệt của chế độ tư bản chủ nghĩa, của chế độ phát xít Đức, Ý, Nhật trước đây và chủ nghĩa quân phiệt Mỹ ngày nay.

Chủ nghĩa quân phiệt bao giờ cũng là sự « phản động hóa » trên cả lĩnh vực đối nội và đối ngoại, và hai lĩnh vực đó lại ràng buộc và quy định lẫn nhau. Lê-nin viết : « Chủ nghĩa quân phiệt hiện đại là kết quả của chủ nghĩa tư bản. Trong cả hai hình thức, nó là « sự biểu hiện một cách sinh động » của chủ nghĩa tư bản : một hình thức là lực lượng vũ trang mà các nước tư bản chủ nghĩa dùng trong những cuộc xung đột với nước ngoài, và một hình thức là vũ khí mà các giai cấp thống trị nắm trong tay để đàn áp mọi phong trào (kinh tế và chính trị) của giai cấp vô sản » (1).

Chủ nghĩa quân phiệt của tập đoàn phản động theo chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn trong giới cầm quyền Trung-quốc cũng giống với mọi chủ nghĩa quân phiệt mà những nét đặc trưng đã được Lê-nin chỉ ra trên đây. Tuy nhiên, chủ nghĩa quân phiệt của tập đoàn phản động cầm quyền ở Bắc-kinh lại mang tính đặc thù của nó với những nội dung và hình thức biểu hiện riêng biệt. Nó ra đời trong những điều kiện lịch sử và xã hội đặc thù Trung-quốc và trong những hoàn cảnh đấu tranh giai cấp rất phức tạp trong thời đại ngày nay.

Từ những quan điểm thô thiển đầu tiên về bạo lực, như coi ý chí và nghị lực mạnh mẽ của cá nhân cũng như sự cường tráng của thân thể là nguồn gốc sức mạnh của Trung-hoa, đến những quan điểm tổng quát hơn về con đường của Trung-hoa tiến lên trở thành mạnh và đứng ra gánh vác trọng trách thế giới, chúng ta đều thấy ở tập đoàn phản động cầm quyền ở Trung-quốc xu hướng tuyệt đối hóa, cường điệu vai trò của bạo lực, đặc biệt là của bạo lực vũ trang. Đó là mầm mống tư tưởng đưa đến việc tiếp thu di sản chủ nghĩa quân phiệt Trung-hoa.

Từ hàng nghìn năm nay, chế độ phong kiến Trung-quốc là một chế độ

phong kiến quân phiệt điển hình ở phương Đông. Xã hội Trung-quốc dù trong trạng thái tập quyền hay cát cứ bao giờ cũng vẫn là xã hội của chủ nghĩa quân phiệt, bao giờ cũng có xu hướng tạo ra một đội quân hùng mạnh, tạo ra một thiết chế xã hội quân sự hóa để tiến hành chiến tranh, hoặc là chiến tranh giữa các tập đoàn quân phiệt với nhau hoặc là chiến tranh xâm lược, bành trướng và nô dịch các dân tộc khác.

Chế độ phong kiến quân phiệt đó đã xây dựng nên cả một hệ thống lý luận nhằm giải quyết vấn đề làm thế nào để trở nên hùng mạnh, cai trị được chặt chẽ đất nước và thôn tính, chinh phục được các nước chung quanh. Điều đó tạo nên một thế giới quan và phương pháp luận quân phiệt. Chủ nghĩa quân phiệt của tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc là sự thừa kế trực tiếp truyền thống quân phiệt cổ điển Trung-quốc. Nó có cả một hệ thống lý thuyết làm căn cứ. Lý thuyết này chẳng phải là cái gì mới, chỉ thừa hưởng và sao chép lại tất cả cái kho tàng trí tuệ quân phiệt của giai cấp phong kiến Trung-quốc xưa kia mà thôi.

Nếu nói tư tưởng thống trị trong một xã hội là tư tưởng của giai cấp thống trị thì trong nước Trung-hoa cũ, hệ tư tưởng quân phiệt cũng là hệ tư tưởng thống trị. Tư tưởng quân phiệt xâm nhập vào ý thức xã hội Trung-quốc, trở thành một tâm lý và phong cách trong xã hội. Cũng như trong bất cứ xã hội phong kiến nào, nông dân Trung-quốc đã liên tục nổi dậy chống áp bức tàn bạo của địa chủ phong kiến. Những cuộc nổi dậy đó diễn ra dưới hình thức chiến tranh nông dân, có khi phát triển với quy mô rộng lớn. Tuy nhiên, do sự hạn chế của điều

(1) Lê-nin : *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1972, tập 15, trang 267.

kiến lịch sử, do chưa có giai cấp mới tiêu biểu cho phương thức sản xuất mới, các cuộc nổi dậy của nông dân và chiến tranh nông dân đó đều do những người chịu ảnh hưởng của hệ tư tưởng phong kiến lãnh đạo. Trước đây, xã hội Trung-quốc có hẳn một lớp người giang hồ mãi võ, lấy việc bán võ nghệ của mình làm nghề nghiệp sinh sống. Lớp người này tạo ra tâm lý lấy máu để trả nợ máu, tạo ra tinh thần hiếu sát và thói tàn bạo. Những tay giang hồ mãi võ đó chính là lực lượng hậu bị của chủ nghĩa quân phiệt. Trong lịch sử, những cuộc hỗn chiến quân phiệt và xâm lược của Trung-quốc đã diễn ra một cách dầm dẫm.

Bước sang đầu thế kỷ XX, hệ tư tưởng và tâm lý quân phiệt này còn tồn tại nguyên vẹn trong xã hội Trung-quốc. Cuộc cách mạng tư sản dân chủ đã ít nhiều thổi vào xã hội Trung-quốc một luồng gió mới. Nhưng Quốc dân đảng Trung-quốc đã nhanh chóng phản bội cách mạng và đã thực hành một cách phổ biến chủ nghĩa quân phiệt. Chủ nghĩa quân phiệt này một mặt là sự kế thừa trực tiếp truyền thống mấy nghìn năm của Trung-quốc. Mặt khác là sự hấp thu những yếu tố của chủ nghĩa quân phiệt mới của thời đại tư bản chủ nghĩa đang bước vào giai đoạn thoái nát và giãy chết.

Là sự tổng hợp những truyền thống quân phiệt trong nước và ngoài nước, quan điểm bạo lực của chủ nghĩa quân phiệt của tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc đối lập hoàn toàn với quan điểm bạo lực cách mạng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Nó coi bạo lực là tất cả, là phương thức vạn năng để giải quyết mọi vấn đề của Trung-quốc cũng như thế giới. Ở quan điểm bạo lực của chủ nghĩa quân phiệt của tập đoàn phản động cầm quyền ở Bắc-kinh chúng ta thấy ảnh hưởng hết sức sâu sắc của hệ tư tưởng bạo

lực cò đại của phái pháp gia và tất cả bọn quân phiệt trong lịch sử Trung-quốc. Ở đây ta thấy cái mộng tưởng về một nước Trung-hoa hùng mạnh đủ sức làm bá chủ thế giới và con đường cơ bản là dùng « pháp », « thuật » và « thế », tức là chủ yếu dùng bạo lực, để đạt tới mục tiêu đó. Cái quan điểm dùng bạo lực đó đồng thời đã coi công cụ bạo lực chỉ là quân đội, để rất cao vai trò của quân đội.

Nó khẳng định rằng quân đội có thể tạo ra đủ thứ, có thể đóng vai trò *kiến tạo nên một xã hội mới*. « Súng có thể tạo ra đảng. Bất lộ quân đã tạo ra một đảng lớn ở Hoa-bắc, lại có thể tạo ra cán bộ, tạo ra trường học, tạo ra văn hóa, tạo ra phong trào quần chúng. Mọi sự ở Diên-an đều do súng tạo ra cả. Đầu ngọn súng sinh ra đủ thứ ». Ở đây, bạo lực quân sự không còn là một bà đỡ, một phương tiện cần thiết cho sự ra đời của xã hội mới nữa mà *trở thành hầu như một mục đích, một sự tự thân vận động của chính công cụ bạo lực thành xã hội mới*.

Bất cứ chủ nghĩa quân phiệt nào cũng đều chứa đựng trong nội dung của nó chính sách bành trướng và thôn tính. Chủ nghĩa quân phiệt của tập đoàn phản động cầm quyền ở Bắc-kinh cũng là chính sách khiêu khích chiến tranh một cách nhất quán, là âm mưu xâm lược và thôn tính các nước láng giềng, là mối hiểm họa đối với hòa bình và an ninh của các dân tộc.

Tuy nhiên, mỗi chủ nghĩa quân phiệt lại có những đặc điểm phản ánh những điều kiện lịch sử và xã hội cụ thể của nó. Cũng là chủ nghĩa quân phiệt của chủ nghĩa tư bản nhưng chủ nghĩa quân phiệt của nước Đức Hít-le khác chủ nghĩa quân phiệt Mỹ hiện nay ngay trong những chính sách cụ thể về chiến tranh. Chủ nghĩa quân phiệt của bọn phản động Bắc-kinh có những đặc điểm riêng biệt của nó.

Chính sách gây chiến và xâm lược của chủ nghĩa quân phiệt của bọn phản động Trung-quốc gắn liền với chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn. Ngay từ đầu, bọn phản động cầm quyền ở Trung-quốc đã có hoài bão kế nghiệp các hoàng đế Trung-hoa thuở trước, muốn khôi phục lại nước Trung-hoa xưa kia, để quốc trung tâm của thế giới với lãnh thổ của bản thân nó cộng với những nước chung quanh bị nó thôn tính. Ban đầu đó là một, tham vọng ấp ủ sâu kín. Sau khi nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa ra đời, tham vọng đó biến thành hành động. Từ hơn mười năm nay, tham vọng đó thực tế đã trở thành một kế hoạch chiến lược toàn cầu phản cách mạng.

Chủ nghĩa quân phiệt của bọn phản động Bắc-kinh mang tính chất hết sức hiếu chiến và là một nguy cơ thật sự đối với loài người. Tuy nhiên, trong học thuyết cũng như trong hành động người ta thấy trong cả một thời gian dài, bọn phản động Bắc-kinh xúi giục người ta đánh nhau hơn là chính chúng đánh nhau với người khác, và trên lĩnh vực xúi nguyên giục bị này chúng đã đạt tới "nghệ thuật bậc thầy". Chúng cổ vũ, hô hét chiến tranh, khuyến khích các hành động chiến tranh, kể cả chiến tranh nguyên tử, nhất là chiến tranh nguyên tử giữa Liên-xô và Mỹ. Nhưng đó là chiến tranh của người khác, chiến tranh của thiên hạ, chiến tranh ở xa lãnh thổ của chúng. Chúng làm như vậy theo một ý đồ hết sức thâm độc, nhằm tạo ra cơ hội thuận lợi nhất, khi thiên hạ đã kiệt sức rồi thì chúng sẽ nhảy vào vòng chiến và thu lợi. Việc bọn phản động Bắc-kinh nuôi dưỡng và xúi giục bọn Pôn Pốt - lêng Xa-ry gây chiến tranh xâm lược ở biên giới tây - nam nước ta là một chứng cứ hùng hồn về mặt này.

Hơn bất cứ tập đoàn phản động nào, thậm chí hơn cả bọn đế quốc hiếu chiến nhất, bọn phản động cầm quyền

ở Bắc-kinh đang ráo riết khiêu khích và chuẩn bị chiến tranh, tạo ra một nguy cơ nghiêm trọng cho sự ổn định và hòa bình ở khu vực Đông Nam châu Á và thế giới. Tai họa mà chúng sẽ đem đến cho nhân loại ghê gớm không thể lường được nếu nhân dân cách mạng thế giới không cảnh giác và ra sức đánh bại chiến lược toàn cầu phản cách mạng của chúng.

Chiến lược toàn cầu phản cách mạng của bọn phản động cầm quyền ở Bắc-kinh không phải chỉ có nội dung xúi giục cho thiên hạ đại loạn, xúi giục và cổ súy chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ tiến công Liên-xô để chúng thu lợi, đợi thời xưng bá trên thế giới. Chiến lược đó còn bao gồm kế hoạch thực hiện ngay bây giờ chủ nghĩa bá quyền và bành trướng tại vùng Đông Nam châu Á. Chính sách chống phá Việt-nam mấy năm qua và cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam mà Bắc-kinh vừa phát động ngày 17-2-1979 là một khâu chủ yếu trong kế hoạch đó. Xu hướng bành trướng vốn là bản chất của chủ nghĩa quân phiệt Trung-quốc. Phát động chiến tranh thôn tính hoặc lấn chiếm các nước chung quanh là hành động quán xuyến mấy nghìn năm nay của bọn cầm quyền ở Trung-quốc. Từ những năm 50 đến nay, bọn phản động Trung-quốc đã tiến công lấn chiếm đất đai của các nước láng giềng. Năm 1956 chúng đã lấn chiếm của Miến-diệp 170 000 ki-lô-mét vuông. Năm 1959 chúng đã đánh chiếm của Ấn-độ 130 000 ki-lô-mét vuông. Năm 1969 chúng đã tiến công Liên-xô. Năm 1974 chúng đã đánh chiếm đảo Hoàng-sa của Việt-nam. Cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam hiện nay của tập đoàn phản động Bắc-kinh cũng nhằm chiếm đất đai của Việt-nam, giống như các cuộc chiến tranh của bọn phong kiến Trung-quốc xâm lược nước ta ngày trước, từ Mã-Viên, Hoàng-Thao, Quách-Quyển đến Thoát-Hoan, Liễu-Thắng, Tôn-Sĩ-Nghị.

Chủ nghĩa quân phiệt Hit-le, cùng với tiền thân của nó là chủ nghĩa quân phiệt Phổ, dựa trên tiềm lực công nghiệp và quân sự, dựa vào lòng cuồng tín về « dân tộc thượng đẳng », dựa vào trình độ tổ chức và kỷ luật phát-xít, hết sức nghiêm ngặt để tiến công quân sự liên tục và chớp nhoáng nhằm chinh phục các nước khác. Chủ nghĩa quân phiệt của bọn phản động Trung-quốc lại có những đặc tính khác. Đó là một chủ nghĩa quân phiệt xảo quyệt, một chủ nghĩa quân phiệt kết hợp thủ đoạn bạo lực quân sự hết sức tàn bạo với những mưu ma chước quỷ của loài rắn độc. Khác với chủ nghĩa quân phiệt Hit-le, chủ nghĩa quân phiệt của bọn phản động Bắc-kinh là chủ nghĩa quân phiệt mang nhiều tính chất « thủ thế chờ thời ». Nó có thể biết kiên nhẫn nằm đợi thời, kiên nhẫn « ném đá », « trộn cát » và « đào chân tường » hàng chục năm để tạo cơ hội làm ăn. Và đến lúc nó lao vào vòng chiến thì nó rất hung dữ và tàn bạo, gây nên vô vàn tội ác. Chẳng phải là trong lịch sử, chủ nghĩa quân phiệt Trung-quốc đã từng nổi tiếng với hàng loạt những cuộc thảm sát, làm cỏ cả những thành phố, những quốc gia đông hàng chục vạn người đó sao? Không phải ai khác, chính Lỗ-Tấn đã mượn lời một người diên đề tổng kết những đặc tính hết sức trái ngược nhau của giai cấp phong kiến Trung-quốc: « hung ác như sư tử, khiếp nhược như thỏ, giảo quyệt như hồ ly ». Âm mưu và thủ đoạn mà chúng đã dùng ở Cam-pu-chia cũng như hành động xâm lược Việt-nam hiện nay của chúng là những thí dụ điển hình về tính chất vừa xảo quyệt, vừa tàn bạo của chủ nghĩa quân phiệt Trung-quốc. Chúng ta phải cảnh giác với cả hai mặt tàn bạo và nham hiểm đó, thấy cho hết những âm mưu và thủ đoạn nhiều mặt của chúng để đối phó một cách chủ động và có hiệu quả. Chúng ta phải quyết tâm đánh thắng cuộc chiến tranh xâm

lược của chúng đối với nước ta, đồng thời làm thất bại những âm mưu và thủ đoạn hiểm độc của chúng nhằm phá hoại kinh tế, gây bạo loạn, sử dụng đội quân thứ năm, v.v. để làm cho chúng ta suy yếu, bóp nghẹt dần dần dân tộc ta.

Chủ nghĩa quân phiệt bao giờ cũng tiến công điên cuồng vào những lực lượng tiến bộ trong xã hội. Chế độ phát-xít Hit-le là kẻ thù không đội trời chung của loài người, nó đã thủ tiêu hàng loạt đảng viên cộng sản bằng súng đạn và dây ai, làm cho họ chết dần chết mòn trong các trại tập trung. Về thực chất, chủ nghĩa quân phiệt Trung-quốc cũng làm như vậy! Sự khác nhau chẳng qua là ở những biểu hiện bên ngoài. Trong khi Hit-le nhân danh đảng quốc xã và luật phát-xít cấm Đảng cộng sản Đức tồn tại thì việc thủ tiêu đảng cộng sản và những lực lượng tiến bộ của xã hội Trung-quốc lại diễn ra như là một cuộc đấu tranh giữa hai đường lối trong đảng cộng sản.

Trong cuộc đấu tranh này, bao giờ người ta cũng coi việc nắm lấy quyền lực trong quân đội là có ý nghĩa hàng đầu để nắm quyền lực trong Đảng, nắm quyền lực Nhà nước, thậm chí để nắm quyền lực tinh thần trong xã hội nữa. Trước đây, trong thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ, quân giải phóng Trung-quốc đã có thành tích trong việc giải phóng lực địa Trung-hoa khỏi ách thống trị của Tưởng-Giới-Thạch. Nhưng sau đó, quân đội này đã biến thành công cụ của bọn phản động cầm quyền để thực hiện các mục tiêu phản động của chúng.

Trong việc đàn áp các lực lượng tiến bộ, chủ nghĩa quân phiệt Trung-quốc không chỉ sử dụng quân đội mà còn tạo nên và sử dụng một lực lượng chính trị phản động hết sức « độc đáo » là lực lượng « tạo phản » của thanh niên và thiếu niên. Đó là một công cụ bạo lực phản cách mạng mà hoạt động của nó mang tính chất phá

hoại rất lớn. Nó là hiện tượng của chủ nghĩa vô chính phủ, của thói tùy tiện độc đoán, của sự hỗn loạn, sự dă man và tàn bạo thời trung cổ phát triển đến mức không có giới hạn, là một trào lưu cực kỳ phản động, nhưng lại muốn ngự trang dưới chiêu bài cách mạng. Chủ nghĩa quân phiệt Trung-quốc rất cần làm cho cuộc đảo chính phản cách mạng của nó được biểu hiện như một phong trào cách mạng long trời lở đất của quần chúng, một cuộc "cách mạng cướp chính quyền ngay trong nền chuyên chính vô sản". Nó đã lợi dụng sự ngây thơ và nhẹ dạ của tầng lớp thanh niên và thiếu niên, lừa phỉnh và kích động những bản năng tự phát vô chính phủ, phá hoại và tàn bạo của đám quần chúng đó, sử dụng họ vào mục đích xấu xa của nó. Trước đây, chủ nghĩa quân phiệt Hitler cũng đã kích động đám quần chúng tiêu tư sản, kích động tinh cuồng nhiệt chủng tộc chủ nghĩa của họ, lợi dụng họ để tổ chức những cuộc khùng bố người Do-thái, săn lùng những người cộng sản. Tuy nhiên, đó là chủ nghĩa quân phiệt của một nước tư bản công nghiệp. Nó sử dụng quyền lực của một Nhà nước phát-xít để cai trị và đàn áp quần chúng. Chỉ có chủ nghĩa quân phiệt Trung-quốc mới kích động lớp người vị thành niên, kích động cái yếu tố dă man và cuồng bạo thời trung cổ để tàn sát lực lượng tiến bộ gây thiệt hại không kể xiết cho nhân dân và đất nước. Chủ nghĩa quân phiệt Trung-quốc thể hiện đặc tính của một xã hội nông nghiệp và phong kiến. Chúng ta không cần dẫn chứng thêm nữa về những căn lộn vừa qua ở Trung-quốc. Chế độ phát-xít ở Cam-pu-chia của tập đoàn phản động Pôn Pốt—Iêng Xa-ry trong những năm qua là sự vận dụng tại nước ngoài độc nhất những đặc tính trên đây của chủ nghĩa quân phiệt Trung-quốc, một sự chuyển chế không cần đến cả nhà tù, không cần tòa án, không cần xét xử, vứt bỏ hết thảy

pháp chế, chỉ cần những nhát cuốc đập lên sọ người một cách đơn giản.

Chủ nghĩa quân phiệt bao giờ cũng gắn liền với chính sách ngu dân, với sự nhồi sọ và làm ngu muội quần chúng. Việc cấm đoán bưng bít sự thật, thuật tuyên truyền nói láo, mê hoặc quần chúng bằng sự sùng bái lãnh tụ, v.v. đều là đặc trưng chung cho chủ nghĩa quân phiệt Hitler và chủ nghĩa quân phiệt Trung-quốc. Tuy nhiên trong khi chủ nghĩa quân phiệt Hitler thực hiện chính sách ngu dân về mặt tư tưởng xã hội nhưng vẫn coi trọng trí thức khoa học, kỹ thuật và biết tận dụng nó để phục vụ cho mình, thì chủ nghĩa quân phiệt Trung-quốc có thời gian đã thực hiện chính sách ngu dân tuyệt đối và cổ lỗ, gạt bỏ mọi trí thức và văn hóa nói chung, bãi bỏ các trường đại học, cho rằng càng đọc sách càng đốt nát, thù ghét và trấn áp những người lao động trí óc. Điều đó cũng biểu hiện ra trong cái khuôn mẫu xã hội của chủ nghĩa quân phiệt Trung-quốc được tái hiện ở Cam-pu-chia.

Chính sách kinh tế của chủ nghĩa quân phiệt đó là quân sự hóa nền kinh tế, là tiến công vào mức sống của nhân dân lao động, là thực hiện chế độ lao động kiểu khổ sai và trại lính. Trong thời đại ngày nay, muốn thực hiện bá quyền nhất thiết phải có tiềm lực kinh tế và quân sự. Đã có một lúc, người ta có ảo tưởng rằng có thể công nghiệp hóa bằng một lực lượng nông dân đông đảo và cuồng tín, làm gang thép giữa sân nhà của nông dân, bất cần kỹ thuật hiện đại. Ảo tưởng đó đã tan vỡ. Ngày nay để tạo ra tiềm lực công nghiệp quân sự, người ta nhấn mạnh xu hướng ngược lại, xu hướng dựa vào kỹ thuật của chủ nghĩa đế quốc để thực hiện « bốn hiện đại hóa », thực chất là hiện đại hóa sức mạnh quân sự theo chủ nghĩa quân phiệt.

Việc quân sự hóa nền kinh tế, việc tăng chi phí quân sự đạt đến một tỷ lệ hiếm thấy trong ngân sách, đặc

biệt là việc chi tiêu cho sản xuất vũ khí hạt nhân và tên lửa v.v. là một gánh nặng ghê gớm đối với nền kinh tế của một nước đang phát triển. Trong tình hình đó, việc chạy đua vũ trang, hiện đại hóa về quân sự chỉ có thể đạt được bằng cách hy sinh những nhu cầu tối thiểu trong đời sống quần chúng, hy sinh sự phát triển hết sức cần thiết của nền sản xuất dân sự. Chính sách hiện đại hóa của chủ nghĩa quân phiệt tất yếu gắn liền với xu hướng bản cùng hóa nhân dân lao động và sẽ làm cho cái hố ngăn cách giữa nhân dân lao động và tập đoàn quan liêu quân phiệt càng quằn thêm sâu sắc, và làm cho những mâu thuẫn xã hội càng gay gắt thêm.

Như vậy rõ ràng là có một chủ nghĩa quân phiệt Trung-quốc. Nó vừa có những đặc điểm chung của mọi chủ nghĩa quân phiệt, đồng thời lại có những đặc tính riêng biệt hết sức độc đáo. Nó là sự gặp gỡ giữa một truyền thống phản động nhất mà lịch sử Trung-quốc để lại với những trào lưu chính trị và tư tưởng phản động nhất trong thời đại ngày nay.

Nhiều người cũng đã chứng minh sự giống nhau giữa các chủ trương và biện pháp của bọn Hít-le và bọn quân phiệt cầm quyền ở Bắc-kinh trong chính sách đối nội và đối ngoại. Trên con đường phản động hóa toàn diện, thực hành chủ nghĩa quân phiệt, tập đoàn phản động cầm quyền ở Bắc-kinh nhất định phải học tập tất cả những kinh nghiệm và bài học của bọn phản động thế giới, trong đó có kinh nghiệm thống trị của đế quốc Mỹ, của bọn phục thù Tây Đức, và những bọn quân phiệt khác, kể cả bọn quân phiệt I-xra-en, để phục vụ cho việc thực hiện mục tiêu và chính sách của nó. Đây cũng đồng thời là quá trình liên minh và hành động chung giữa bọn phản động Bắc-kinh với chủ nghĩa đế quốc, là quá trình cầu kết giữa bọn phản động Trung-quốc và bọn đế quốc để chống lại cách mạng

Trung-quốc và cách mạng thế giới. Với chủ nghĩa sô-vanh và quân phiệt, tập đoàn quân phiệt Bắc-kinh đang mong muốn trở thành bạn đồng minh đáng tin cậy của chủ nghĩa đế quốc, đang tiến công một cách điên cuồng vào chủ nghĩa xã hội và cách mạng thế giới, điên cuồng chống Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, thực hiện chính sách xâm lược và nô dịch các dân tộc khác, xô đẩy loài người vào thảm họa chiến tranh và hủy diệt. Sự phát triển đó của chủ nghĩa quân phiệt Trung-quốc, một mặt nói lên tính chất ngày càng phản động của nó. Mặt khác, với xu hướng « phản động hóa » đó, nó cũng đang tự đào mồ chôn nó, giống hệt như số phận của hết thảy bọn quân phiệt trong lịch sử.

Chủ nghĩa quân phiệt Trung-quốc yếu chứ không mạnh, sự sụp đổ và diệt vong của nó là tất yếu. Chỗ yếu cơ bản của nó bắt nguồn từ bản chất phản động của nó, ở tính chất phi nghĩa đi ngược lại quy luật khách quan của lịch sử, đi ngược lại quyền lợi chân chính của nhân dân Trung-quốc và nhân dân thế giới. Hiện nay, chủ nghĩa quân phiệt vẫn tiếp tục che đậy những hành động phản cách mạng của nó, bằng cách khoác áo Mác - Lê-nin và xã hội chủ nghĩa, ra sức thực hiện ngu dân và mị dân. Nó còn có thể lừa gạt được ở một mức độ nào đó nhân dân trong nước và một bộ phận nhân dân thế giới. Nhưng thực tế cuộc sống sẽ nhanh chóng làm bộc lộ rõ rệt bộ mặt phản động toàn diện của nó.

Chủ nghĩa quân phiệt Trung-quốc đang muốn tạo ra tiềm lực kinh tế và quân sự bằng chương trình bản hiện đại hóa. Trước kia, chủ nghĩa quân phiệt của Hít-le nảy sinh trên một cơ sở tiềm lực công nghiệp phát triển cao, nhưng cuối cùng đã sụp đổ thảm hại, mặc dù lúc đó, ba đồng thạc cách mạng trên thế giới còn chưa mạnh như ngày nay. Trong điều kiện

hiện nay, chủ nghĩa quân phiệt Trung-quốc vừa yếu về chính trị vừa thiếu cơ sở kinh tế cần thiết, đứng trước cuộc tiến công mạnh mẽ của ba dòng thác cách mạng, nhất định sẽ bị đánh bại.

Với mục tiêu bốn hiện đại hóa, trong đó hiện đại hóa về quân sự là chủ yếu, tâm lý sô-vanh nước lớn có thể tạm thời lừa bịp được một số người. Nhưng, xây dựng tiềm lực quân sự bằng chủ nghĩa quân phiệt, với thái độ thù địch đối với chủ nghĩa xã hội, với sự câu kết chặt chẽ với chủ nghĩa đế quốc, với sự bần cùng hóa nhân dân và ngu dân, với chế độ chuyên chế quan liêu quân phiệt v.v. tất cả những cái đó chắc chắn sẽ dẫn đến những mâu thuẫn đối kháng nội bộ gay gắt.

Mặc dù trước mắt có sự liên minh giữa chủ nghĩa quân phiệt Trung-quốc và chủ nghĩa đế quốc, nhưng đây không phải là sự liên minh giữa hai lực lượng có sức mạnh ngang nhau. Bọn đế quốc thì lợi dụng bọn phản động Trung-quốc để quay trở

lại bóc lột nhân dân Trung-quốc. Bọn phản động Trung-quốc thì lợi dụng bọn đế quốc để thực hiện tham vọng bá quyền của chúng. Mâu thuẫn giữa hai bên không thể điều hòa được. Một ngày kia, mâu thuẫn đó nhất định sẽ bùng nổ.

Để thực hiện tham vọng bá quyền của chúng, bọn quân phiệt Trung-quốc phải tăng cường bóc lột nhân dân trong nước. Nhân dân Trung-quốc nhất định sẽ nổi dậy đánh đổ chúng.

Như vậy, mầm mống diệt vong nằm ngay trong lòng chủ nghĩa quân phiệt. Đúng như Ăng-ghe-nhận xét : « Chủ nghĩa quân phiệt đó cũng mang trong lòng nó mầm mống của sự tiêu vong » và « điều đó có nghĩa là chủ nghĩa quân phiệt bị nổ tung từ trong nội bộ của nó » (2), chủ nghĩa quân phiệt Trung-quốc nhất định sẽ bị nổ tung chính vì sự phát triển của nó thúc đẩy những mâu thuẫn của nó tiến đến những giới hạn cuối cùng.

(2) Ăng-ghe-nh : *Chống Duy linh* Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, trang 290.

Bắc-kinh câu kết với chủ nghĩa đế quốc và các loại phản động chống ba trào lưu cách mạng thế giới

TRÚC - XUYỀN



Ở đầu năm 1978, sau khi đã tạm thời sắp xếp nội bộ, Bắc-kinh ráo riết tiến hành những hoạt động đối ngoại với nhịp điệu và quy mô chưa từng có. Theo thống kê chưa đầy đủ, tính đến ngày 15-12-1978, Bắc-kinh đã cử 441 đoàn Trung-quốc đi thăm nước ngoài và đã đón tiếp 855 đoàn khách nước ngoài đến thăm Trung-quốc.

Chưa bao giờ những nhà lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước Trung-quốc hoạt động dồn dập như năm qua: Chủ tịch Đảng và 3 trong số 4 Phó chủ tịch, 9 trong số 13 Phó thủ tướng, 6 trong số 8 Phó tổng tham mưu trưởng và nhiều tướng lĩnh và bộ trưởng, trong số đó có Bộ trưởng ngoại giao, liên tiếp đi thăm nhiều nước, nhất là các nước Tây Âu, Nhật-bản. Trong tổng số 411 đoàn đi thăm

nước ngoài, có 232 đoàn đi thăm các nước Tây Âu, Nhật-bản, Mỹ.

Số đoàn trao đổi với Nhật vẫn chiếm hàng đầu. Trung-quốc đã cử đi Nhật 61 đoàn, và đón 385 đoàn Nhật; cử đi Tây Âu 146 đoàn và đón 370 đoàn của các nước Tây Âu; cử đi Mỹ 25 đoàn và đón 180 đoàn từ Mỹ đến.

Mặc dù Trung-quốc luôn miệng nói thế giới thứ ba là quân chủ lực của cách mạng thế giới, tự xưng là thuộc về thế giới thứ ba, nhưng là cơ «chống chủ nghĩa bá quyền» và rêu rao rằng họ bảo vệ lợi ích của các nước thuộc thế giới thứ ba, nhưng thực tế hành động của Trung-quốc lại chứng minh rằng họ đang câu kết với chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân, chống lại phong trào giải phóng dân tộc và độc lập dân tộc, chống lại xu thế tiến lên chủ nghĩa xã hội của

các nước châu Á, châu Phi và châu Mỹ la-tinh.

Nhà cầm quyền Bắc-kinh không hề giấu giếm nguyện vọng tha thiết của họ muốn liên minh với Nhật, với Mỹ. Họ tự hào được coi là NATO (1) ở phương Đông, yêu cầu Mỹ phải có cái gì để trả công cho việc họ cầm chân được 40 sư đoàn của quân đội Xô-viết ở phía Đông để đỡ gánh nặng

cho Mỹ ở phía Tây. Hai nhà báo Mỹ Hâu-len I-ven và Rô-béc Xô-vác (Howland Evans và Roberd Novak) mới đi thăm Trung-quốc về đã viết trên tờ *Diễn đàn thông tin quốc tế* rằng Đặng-Tiêu-Bình rất muốn câu kết với Mỹ để chống lại Liên-xô, « đó là một điều thành thật, thậm chí tới mức Đặng đã có thể gạt vắn đề Đài-loan xuống hàng thứ yếu ».

NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG MỐC NỔI

Quá trình các nhà cầm quyền Bắc-kinh tìm cách móc nối quan hệ với Mỹ, là cả một chặng đường đầy mưu mô, thủ đoạn, mà đặc trưng là chống Liên-xô, chống các trào lưu cách mạng trên thế giới, tìm cách câu kết với Mỹ trên lưng các dân tộc khác. Cùng với Mỹ họ chống cách mạng, chống cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Ngay từ năm 1937, qua tiếp xúc với nhà lãnh đạo chủ yếu của Đảng cộng sản Trung-quốc, một nhà báo Mỹ đã thấy rõ khuynh hướng chống Liên-xô của nhà lãnh đạo này. Chính nhà lãnh đạo ấy năm 1945 đã nói với một cán bộ ngoại giao Mỹ rằng: Mỹ không những là nước thích hợp nhất mà còn là nước duy nhất hoàn toàn đủ khả năng để giúp đỡ Trung-quốc phát triển kinh tế.

Từ đầu những năm 1960, các nhà cầm quyền Bắc-kinh đã đẩy mạnh hoạt động để chia rẽ các nước xã hội chủ nghĩa, chia rẽ phong trào cộng sản quốc tế. Họ đưa ra một đường lối quốc tế riêng của Đảng cộng sản Trung-quốc, phủ nhận vai trò quyết định của các lực lượng xã hội chủ nghĩa đối với sự phát triển của xã hội loài người; họ giả vờ ủng hộ

phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Á, châu Phi, châu Mỹ la-tinh, hô rất to khẩu hiệu triệt để đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ, tự suy tôn mình là lãnh tụ của các nước và nhân dân bị áp bức nhằm chia rẽ phong trào giải phóng dân tộc với hệ thống xã hội chủ nghĩa, lừa gạt nhân dân các nước châu Á, châu Phi, châu Mỹ la-tinh, lợi dụng cuộc đấu tranh của nhân dân các nước này để tạo thế mạnh cho mình trong cuộc mà cả với Mỹ mà Trung-quốc đã bắt đầu từ năm 1955.

Còn Mỹ thì theo dõi sát sao từng cử chỉ, lời nói của Bắc-kinh để quyết định thái độ đối với Trung-quốc. Cuối năm 1962, Mỹ đã nhận xét: mâu thuẫn Trung - Xô rất sâu sắc, không biết đến bao giờ mới giải quyết được. Khi Mỹ mưu toan phát động chiến tranh xâm lược ở Việt-nam, ô ạt đưa quân Mỹ vào miền Nam và ném bom miền Bắc Việt-nam, phương châm do các nhà lãnh đạo Trung-quốc đưa ra: « mi không đụng đến ta thì ta không đụng đến mi », đã làm cho những người cầm quyền Mỹ yếm lòng. Tuy nhiên lúc đó do nhiều nhân tố khác

(1) Khối quân sự xâm lược Bắc Đại-tây-dương.

nữa, trong đó có một nhân tố khá quan trọng là sự bất đồng ý kiến trong nội bộ ban lãnh đạo Trung-quốc, cho nên Mỹ còn phải tiếp tục thăm dò. Tới khi Trung-quốc công khai phản đối việc thống nhất hành động với Liên-xô để ủng hộ Việt-nam (cuối năm 1965) rồi phát động cuộc cách mạng văn hóa để thanh toán lẫn nhau, thì Mỹ hoàn toàn yên tâm. Nhưng vì sao các nhà lãnh đạo Trung-quốc hồi đó vẫn giương cao ngọn cờ ủng hộ Việt-nam, chống Mỹ, khiến cuộc hội đàm Trung-Mỹ cấp đại sứ phải tạm thời đình chỉ? Bắc-kinh đầu tư vào cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt-nam, với mưu đồ không chừa Việt-nam, lợi dụng Việt-nam để tạo ra cái thế mạnh để mà cạ với Mỹ. Trung-quốc đã gây trở ngại không ít cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt-nam. Bắc-kinh phản đối Việt-nam đàm phán với Mỹ, kêu gọi Việt-nam đánh đến cùng, để kéo dài thời gian, chờ Trung-quốc tiến hành xong cuộc cách mạng văn hóa, đồng thời làm cho Mỹ sa lầy, tốn thất nặng nề, phải nhờ đến sự « giúp đỡ » của Trung-quốc.

Từ sau khi ký thông cáo chung Thượng-hải với Nêch-xơn năm 1972, các nhà cầm quyền Bắc-kinh rất nóng lòng muốn đi tới bình thường hóa quan hệ với Mỹ, ký hòa ước với Nhật, kết thành liên minh với Mỹ và Nhật. Để đạt yêu cầu đó, họ không từ bất cứ việc làm xấu xa nào nhằm làm vữa lòng Mỹ, từ việc im lặng trước hành động tàn bạo của Nêch-xơn - Kit-xinh-giơ dùng B52 ném bom Hà-nội, Hải-phòng hồi cuối năm 1972, ra sức giúp Mỹ giữ chính quyền Nguyễn-Văn-Thiệu và giữ nguyên trạng ở Đông-duơng để dời lấy việc Mỹ rút quân

khỏi Đài-loan và bình thường hóa quan hệ với Trung-quốc, đến việc ủng hộ tên độc tài sát nhân khét tiếng Pi-nô-chê ở Chi-lê, ủng hộ bọn tay sai của CIA, phối hợp với bọn phân biệt chủng tộc Nam Phi để điên cuồng chống lại cách mạng Ăng-gô-la do MPLA lãnh đạo.

Đế quốc Mỹ rất hài lòng với chính sách của Trung-quốc coi Liên-xô là kẻ thù chủ yếu, tập trung bộ máy tuyên truyền không lồ để kích Liên-xô, chống phá chính sách ngoại giao của Liên-xô ở bất cứ khu vực nào trên thế giới và trên bất cứ vấn đề quốc tế lớn nào. Nhưng điều làm cho Mỹ do dự là liệu Trung-quốc có thể thay đổi chính sách chống Liên-xô, đi với phương Tây không, và liệu tình hình nội bộ Trung-quốc có ổn định không? Mỹ đã theo dõi sát sao cuộc đấu tranh nội bộ của Trung-quốc. Khi Bắc-kinh cử hành lễ tang Mao Trạch-Đông thì Sơ-le-xinh-giơ, lúc đó là Bộ trưởng quốc phòng Mỹ, đang ở thăm Bắc-kinh, tham dự lễ tang. Y đã được các nhà lãnh đạo Bắc-kinh hết sức trọng thị, đưa đi thăm những vùng tiếp giáp với Liên-xô, kể cả Tân-cương là khu vực cấm đối với khách nước ngoài. Sau khi tập đoàn Giang-Thanh bị đánh đổ, Bắc-kinh đã liên tiếp đưa ra những lời lẽ và khẳng định không có khả năng cải thiện quan hệ Trung - Xô nhằm làm yên lòng Mỹ, khuyến khích Mỹ mau chóng bình thường hóa quan hệ với Trung-quốc. Sau khi chính thức đặt quan hệ ngoại giao với Mỹ, Đặng-Tiêu-Bình vội vã đi Mỹ, công khai kêu gào thành lập liên minh giữa Trung-quốc với Mỹ - Nhật - Tây Âu để chống Liên-xô và phong trào cách mạng thế giới.

MỘT SỰ BUÔN BÁN CHÍNH TRỊ

Quan hệ giữa Bắc-kinh với Mỹ thực chất là quan hệ buôn bán chính trị, lợi dụng lẫn nhau.

Về phía Mỹ, chính quyền Ca-tơ lúc đầu, khi mới lên cầm quyền, đã đặt vấn đề quan hệ với Trung-quốc xuống

hàng cuối cùng trong chương trình hoạt động đối ngoại của ông ta. Nhưng trước sự phát triển thắng lợi của các lực lượng cách mạng, trước những thất bại không thể cứu vãn được của các lực lượng phản động ở châu Phi và Nam Á trong mấy năm gần đây, trước nguy cơ chủ nghĩa đế quốc bị đẩy lùi từng bước, đánh đổ từng bộ phận, đế quốc Mỹ đã tích cực sử dụng con bài Trung-quốc để chống Liên-xô, chống lại cuộc tiến công của các lực lượng cách mạng thế giới.

Về phía Trung-quốc, tập đoàn phản động cầm quyền ở Bắc-kinh với bản chất phản động, rất lo sợ trước sự lớn mạnh của Liên-xô và sự phát triển của các lực lượng cách mạng trên thế giới, nó coi Liên-xô là trở ngại chủ yếu và lâu dài cho mưu đồ làm bá chủ thế giới của chúng.

Từ giữa những năm 50, sau khi hoàn thành kế hoạch 5 năm lần thứ nhất do Liên-xô giúp đỡ rất lớn về thiết bị, kỹ thuật, một số người trong giới lãnh đạo ở Bắc-kinh đã đề ra mục tiêu đuổi kịp và vượt Liên-xô. Lúc đó họ chủ trương dựa vào lòng hăng hái của 600 triệu nhân dân Trung-quốc đang phấn khởi trước những thành tựu bước đầu nhưng vô cùng quan trọng của công cuộc xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội. Nhưng bước đại nhảy vọt mà họ mơ tưởng đã thất bại, gây ra những tổn thất rất lớn về kinh tế, đưa đến sự tranh cãi gay go trong nội bộ giới lãnh đạo, dẫn đến những mâu thuẫn và biến động về chính trị mà đỉnh cao là cuộc « Đại cách mạng văn hóa vô sản » kéo dài 12 năm kể từ cuối năm 1965.

Sau khi tuyên bố kết thúc cuộc « Đại cách mạng văn hóa vô sản » giới cầm quyền Bắc-kinh đề ra một kế hoạch đầy tham vọng nhằm đẩy nhanh tốc độ thực hiện hiện đại hóa nông nghiệp, công nghiệp, quốc phòng và khoa học kỹ thuật, đưa Trung-quốc lên thành

cường quốc bậc nhất vào cuối thế kỷ này, tiến tới làm bá chủ thế giới.

Rút kinh nghiệm những bước thăng trầm của nền kinh tế Trung-quốc trong 30 năm qua bị « ba ngọn cờ hồng » và cuộc « Đại cách mạng văn hóa vô sản » làm cho điên đảo, họ không còn nhấn mạnh yếu tố chính trị, tinh thần của quần chúng nhân dân mà chủ trương tìm kiếm vốn và khoa học kỹ thuật của các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, lấy đó làm đòn bẩy để hiện đại hóa nền kinh tế và quốc phòng Trung-quốc.

Về nhu cầu cụ thể, giữa Bắc-kinh và Mỹ cùng các nước đế quốc khác cũng có những điểm gặp nhau :

Bắc-kinh cần mở rộng cửa thị trường Trung-quốc cho các nước đế quốc đầu tư, thu hút vốn và kỹ thuật của chúng để thực hiện hiện đại hóa kinh tế và quốc phòng. Còn các nước đế quốc, giãy giụa trong cuộc khủng hoảng kinh tế triền miên, đang rất cần và rất thích thú được nhảy vào thị trường béo bở của Trung-quốc để vừa có thể bán được hàng, mua được nguyên liệu, nhiên liệu, lại vừa xuất khẩu được tư bản, kỹ thuật.

Mỹ và các nước đế quốc khác tìm mọi cách ngăn chặn và phản kích ba trào lưu cách mạng, bám lấy những địa bàn quan trọng về kinh tế, quân sự mà chúng đang chiếm giữ trái phép ở một số nước chưa thoát khỏi sự khống chế của chủ nghĩa thực dân mới ; còn Bắc-kinh thì muốn làm vừa lòng bọn đế quốc, đồng thời kiếm thêm bộn bề trong bộn bề cầm quyền phản động ở những nước còn phụ thuộc vào chủ nghĩa đế quốc ; cho nên tích cực phối hợp và ủng hộ những hành động phi pháp đó của chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân mới.

Mỹ và các nước đế quốc khác tìm cách gây sức ép với Liên-xô, nhằm buộc Liên-xô phải nhượng bộ trong các cuộc đàm phán với chúng ; còn

Bắc-kinh thì muốn cho cân cân nghiêng về phía các nước dễ quốc, làm cho Liên-xô yếu thế.

Mỹ và các nước dễ quốc khác cố tìm mọi cách phá vỡ sự đoàn kết giữa Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, giữa các nước xã hội chủ nghĩa và các nước dân tộc độc lập : còn Bắc-kinh thì muốn đóng vai trò xung kích hoạt động chia rẽ ba trào lưu cách mạng, chia rẽ các nước xã hội chủ nghĩa, các đảng cộng sản, để tập hợp những lực lượng phản bội cách mạng đứng về phía tập đoàn phản động Trung-quốc.

Trong bối cảnh đó, Brê-din-sky, cố vấn an ninh của Tổng thống Mỹ, đã đến Bắc-kinh (tháng 5-1978) hội đàm với phó thủ tướng Trung-quốc Đặng-Tiểu-Binh để củng cố mối quan hệ. Đó là một cái mốc quan trọng thúc đẩy quan hệ giữa Trung-quốc và Mỹ cùng các đồng minh của Mỹ. Brê-din-sky đã tuyên bố tại Bắc-kinh : Một nước Trung-hoa an toàn và mạnh mẽ là phù hợp với lợi ích của Mỹ ; một nước Mỹ hùng cường và cam kết toàn cầu là phù hợp với lợi ích của Trung-quốc.

Cũng trong thời gian này, bọn phản động Trung-quốc đã đẩy mạnh những hoạt động thù địch chống Việt-nam. Chúng hy vọng cô lập và đè bẹp Việt-nam, làm cho ngọn cờ độc lập tự chủ của Việt-nam ngã nghiêng và sụp đổ, buộc Việt-nam phải khuất phục Trung-quốc. Hoặc anh là chủ hầu của tôi, hoặc anh là kẻ thù của tôi, đó là phương châm đối xử với các nước láng giềng của nhà cầm quyền Trung-quốc. Nếu khuất phục được Việt-nam, Trung-quốc sẽ có địa bàn thuận lợi để thiết lập quyền bá chủ ở toàn bộ Đông - Nam Á. Coi Việt-nam là thù, Trung-quốc hy vọng kiếm thêm được nhiều bạn mới trong những thế lực phản động ở các nước dễ quốc. Nhưng qua

một năm thì hành chính sách thù địch đối với Việt-nam, Bắc-kinh đã không khuất phục được Việt-nam mà càng làm cho nhân dân Việt-nam tăng cường đoàn kết, quyết tâm đẩy lùi và làm thất bại những âm mưu thâm độc của giới cầm quyền phản động Trung-quốc. Bắc-kinh muốn ly gián các nước Đông - Nam Á với Việt-nam, nhưng nhân dân các nước này ngày càng nhận rõ bộ mặt lật lọng, đã tâm làm bá chủ Đông - Nam Á của Bắc-kinh. Chuyển đi thăm ba nước : Thái-lan, Ma-lai-xi-a, Xanh-ga-po của Đặng-Tiểu-Binh đã cho Bắc-kinh thấy được phản ứng mạnh mẽ của nhân dân Đông-Nam Á căm ghét chủ nghĩa bá quyền nước lớn của Trung-quốc như thế nào.

Do liên tiếp bị thất bại trong chính sách thù địch chống Việt-nam, đặc biệt là thất bại trong việc dùng Cam-pu-chia xâm lược Việt-nam, ngày 17-2-1979 những người cầm quyền Trung-quốc đã ngang nhiên tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam, hoàn toàn phớt bậy chủ nghĩa bành trướng, bá quyền nước lớn và chính sách phản động của chúng. Nhưng chúng đã bị quân và dân Việt-nam giáng cho những đòn trừng trị đích đáng ngay từ trận đầu. Nhân dân Việt-nam quyết tâm đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của chúng. Đường lối quốc tế đúng đắn của Việt-nam, cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt-nam chống chính sách bành trướng đại dân tộc của Trung-quốc ngày càng được sự đồng tình và ủng hộ rộng rãi của nhiều nước, nhiều tổ chức quốc tế và của nhân dân yêu chuộng hòa bình và tiến bộ trên thế giới, kể cả nhân dân Trung-quốc.

Cùng với những hành động công khai thù địch với Việt-nam, Trung-quốc cắt hết mọi viện trợ cho An-ba-ni. Hành động này đã hoàn toàn lột trần bộ mặt giả nhân giả nghĩa của giới cầm quyền Bắc-kinh dùng cái

gọi là « viện trợ vô tư » để thực hiện âm mưu đen tối chia rẽ các lực lượng xã hội chủ nghĩa, chống lại ba trào lưu cách mạng, buộc các nước nhận viện trợ phải đi theo đường lối phản động của Bắc-kinh.

Hàng loạt hoạt động đối ngoại khàn trương, rầm rộ của Bắc-kinh từ sau cuộc gặp gỡ giữa Đặng-Tiểu-Binh và Brê-din-xky càng làm cho vai trò buôn bán chính trị của bọn phản động Trung-quốc càng thêm nổi bật.

Bắc-kinh đã ủng hộ sự can thiệp quân sự của bọn đế quốc thực dân phương Tây vào nội trị Da-ia, đàn áp cuộc nổi dậy của nhân dân vùng Xa-ba, coi đó là « chính sách nghiêm chỉnh ». Phóng viên báo *Thế giới* (Pháp) đã nhận xét : đối với Bắc-kinh, thực tế có sự can thiệp « tốt » và sự can thiệp « xấu », « tốt » là chống Liên-xô và « xấu » là ngược lại. Theo tin phương Tây, Trung-quốc giúp chế độ độc tài ở Da-ia xây dựng quân đội, trang bị xe tăng, tàu chiến và xưởng sửa chữa xe tăng... Phó thủ tướng Trung-quốc Đặng-Tiểu-Binh ca ngợi cuộc đàn áp nhân dân Xa-ba của chính quyền độc tài Mô-bu-tu là « chính nghĩa, đúng đắn », « Trung-quốc kiên quyết ủng hộ Da-ia, trên thế giới ai ủng hộ Da-ia cũng đều đúng đắn » (!).

Bắc-kinh đứng về phía các thế lực phản động A-rập chống lại cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Ê-ti-ô-pi-a. Họ tung ra biết bao nhiêu luận điệu thô bỉ để xuyên tạc tình hình, vu cáo các nước xã hội chủ nghĩa khác, hạ thấp ý nghĩa thắng lợi và ảnh hưởng của cách mạng Ê-ti-ô-pi-a. Bắc-kinh cũng đã sốt sắng ủng hộ đế quốc Mỹ cầu kết với chủ nghĩa Xi-ôn-nít và bọn phản động A-rập, chấp và một hiệp ước hòa bình riêng rẽ chống lại lợi ích dân tộc cơ bản của nhân dân Pa-le-xtin.

Để xoa dịu sự căm giận của nhân dân các nước châu Phi và Trung Đông,

Bắc-kinh đã cử nhiều đoàn đại biểu chính trị, kinh tế, quân sự đủ các cỡ : Phó chủ tịch đảng, Phó thủ tướng, Phó chủ tịch Quốc hội, Bộ trưởng ngoại giao, Phó Tổng tham mưu trưởng... đến thăm hầu hết các nước châu Phi và Trung Đông. Nhưng những lời lẽ đường mật, những thủ đoạn đạo đức giả của bọn phản động Bắc-kinh chẳng che lấp được những tội ác của chúng, chẳng lừa gạt được nhân dân châu Phi và các nước A-rập, chẳng làm dịu bớt được mâu thuẫn cơ bản giữa nhân dân các nước trong khu vực này với chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân đang hằng ngày uy hiếp nền độc lập của họ, can thiệp vào công việc nội bộ của họ, tước đoạt tài sản của họ.

Ở châu Mỹ-la-tinh, bọn phản động Bắc-kinh tiếp tục củng cố tình hữu nghị quý báu của chúng đối với bọn phát-xít Pi-nô-chê. Tại một cuộc họp báo ở Xan-chi-a-gô hồi tháng 8 năm 1978, Viên đại sứ Trung-quốc ở Chi-lê nói : Trung-quốc đang chú ý tăng cường quan hệ với Chi-lê, quan hệ giữa chúng ta ở mức cao rồi, nhưng hiện nay chính phủ Trung-quốc muốn có quan hệ chặt chẽ hơn trong mọi lĩnh vực... Tháng 10 năm 1978, Bộ trưởng ngoại giao Chi-lê đến thăm Trung-quốc. Trong dịp này, đài BBC phân tích vì sao nhiều nước trên thế giới không công nhận Chính phủ Pi-nô-chê mà Trung-quốc lại tăng cường quan hệ với nó, cam chịu bị tố cáo là vô đạo lý và vô liêm sỉ. Đài này nêu ra mấy lý do : vì điều đó phù hợp với thuyết « ba thế giới » của Trung-quốc, vì Chi-lê cho Trung-quốc một chỗ đứng ở Nam Mỹ, vì Chi-lê chống Liên-xô rất kịch liệt, vì quan điểm của Trung-quốc là : « kẻ thù của kẻ thù là bạn ». Cũng cần bổ sung thêm một lý do về kinh tế : vì Chi-lê có nhiều mỏ đồng. Đối với tham vọng bá quyền của Bắc-kinh, câu « thời tham cử thấy hơi đông là mẹ » vận dụng vào đây cũng khá thích hợp. Do động cơ và

muờu đờ bá quyền xấu xa, do bị thối tham làm mờ mắt, Bắc-kinh đã bắt chấp cả dư luận. Chính vì vậy những cuộc viếng thăm nhiều nước châu Mỹ la-tinh của Cơ-Băng-Phi, Cảnh Tiêu, Hoàng-Hoa trong nửa cuối năm 1978 đã chẳng đem lại kết quả mong muốn; ngược lại họ đã bị dư luận coi như những kẻ đi gây chia rẽ, gieo rắc chiến tranh lạnh.

Ở châu Âu, Bắc-kinh muốn có một Tây Âu đoàn kết và hùng mạnh gần bó chặt chẽ với Mỹ, ngược lại muốn các nước xã hội chủ nghĩa phân hóa. rõ ràng, các đảng cộng sản đi vào con đường chủ nghĩa dân tộc số vanh. Những người cầm quyền Bắc-kinh đón tiếp rất trọng thể và ân cần những chính khách cực hữu các nước Tây Âu nhằm thông qua họ, tác động vào chính sách đối ngoại của những nước này, chia mũi nhọn đả kích vào Liên-xô, ủng hộ công cuộc hiện đại hóa kinh tế và quân đội của Trung-quốc. Bắc-kinh đã cử rất nhiều đoàn đại biểu chính trị, kinh tế, quân sự đi thăm nhiều nước Tây Âu để tìm mua

thiết bị, kỹ thuật và vũ khí hiện đại.

Mùa thu năm 1978 Chủ tịch Đảng cộng sản kiêm Thủ tướng Quốc vụ viện Trung-quốc Hoa-Quốc-Phong thân chinh đến một số nước vùng Ban-căng hùng kích động, làm căng thẳng quan hệ giữa những nước này với Liên-xô. Dư luận báo chí phản động phương Tây không ngớt lời tàn dương, coi đó như một hành động chống Liên-xô dửng dưng, tuyệt vời. Bắc-kinh không bỏ một cơ hội nào để đả kích tổ chức Hội đồng tương trợ kinh tế và khối Hiệp ước Vác-xô-vi, hòng ly gián các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu với Liên-xô. Bắc-kinh lái nhải luận diềm « chiến tranh thế giới không thể tránh khỏi », « trọng diềm giành giật giữa hai cường quốc Xô — Mỹ là châu Âu », nhằm thúc dẩy các nước Tây Âu chạy đua vũ trang, kích động các nước Tây Âu gây chiến tranh chống Liên-xô. Và như thế bọn phản động Bắc-kinh « sẵn sàng chiến đấu chống người Nga đến người lính Pháp và Anh cuối cùng » như một tờ báo Anh đã nhận định.

NGƯỜI PHẢI CHỊU CÁNH NẶNG LÀ NHÂN DÂN TRUNG - QUỐC

Trong mối quan hệ buôn bán chính trị này, kẻ mạnh không phải là Trung-quốc, kẻ chịu thiệt không phải là Mỹ và các nước đế quốc khác. Với việc triển khai diềm cường chính sách phản động kể trên, bọn phản động Bắc-kinh đã đạt được một số yêu cầu nào đó về chính trị, kinh tế, khoa học kỹ thuật. Chúng đã ký được hòa ước với Nhật, ký với khối Thị trường chung châu Âu một hiệp định buôn bán 3 tỷ rưỡi đô-la Mỹ trong 5 năm, ký với Nhật

một hiệp định buôn bán 20 tỷ đô-la từ năm 1978 đến năm 1985 và có thể còn tăng lên 60 tỷ đô-la tính đến năm 1990, ký với Pháp một hiệp định buôn bán khoảng 13 tỷ đô-la tính đến năm 1985, ký với Tây Đức những hợp đồng vay tiền và hợp tác xây dựng trị giá tới gần 20 tỷ đô-la và ký hiệp định hợp tác khoa học kỹ thuật với Anh, Tây Đức, Pháp.

Để triển khai việc mở thị trường Trung-quốc cho các nước tư bản phát

triển, Bắc-kinh đã hủy bỏ các nguyên tắc trước đây như « không vay nợ của nước ngoài », « không hợp doanh với nước ngoài »..., tranh thủ thời cơ chủ nghĩa đế quốc đang khủng hoảng, kích thích các bọn đế quốc cạnh tranh với nhau trên thị trường Trung-quốc.

Đề đòi lấy thiết bị kỹ thuật hiện đại, Trung-quốc hứa hẹn bán ra, với số lượng ngày một tăng, dầu mỏ, than đá, các khoáng sản quý mà nền công nghiệp phương Tây rất cần. Nhưng, muốn mau chóng hiện đại hóa kinh tế và quân đội, Trung-quốc cần phải phát triển quan hệ với Mỹ là nước có kỹ thuật cao hơn so với các nước tư bản phát triển khác về nhiều mặt như kỹ thuật khoan dầu ở biển sâu, điện tử, vũ trụ, hàng không, v.v. Mỹ cũng còn nắm quyền cho hay không cho phép các nước phương Tây bán cho Trung-quốc vũ khí và một số thiết bị kỹ thuật quan trọng khác như máy tính điện tử, thiết bị sản xuất năng lượng hạt nhân, v.v. Vì vậy vấn đề bình thường hóa quan hệ với Mỹ là vấn đề cấp thiết và mấu chốt đối với Trung-quốc. Để giải quyết vấn đề này, ngoài việc triển khai chính sách đối ngoại phản động để tranh thủ lòng tin của Mỹ, lấy chính trị đòi lấy kinh tế, khoa học kỹ thuật. Trong vấn đề Đài-loan, Bắc-kinh đã nhân nhượng Mỹ, đề cho Mỹ tiếp tục duy trì quan hệ kinh tế, văn hóa và nhất là tiếp tục bán vũ khí cho Đài-loan, thay khẩu hiệu « quyết tâm giải phóng Đài-loan » bằng khẩu hiệu « đưa Đài-loan trở về với Tổ quốc », thực chất là thừa nhận công thức « một Trung-quốc, một Đài-loan » mà trước đây Trung-quốc vẫn lớn tiếng phản đối.

Ký được hóa ước với Nhật, bình thường hóa được quan hệ với Mỹ, Trung-quốc hy vọng mở ra một bước phát triển mới, to lớn trong quan hệ hợp tác về nhiều mặt với Mỹ, Nhật.

Nhưng giữa Mỹ, Nhật, các nước đế quốc khác và Trung-quốc vẫn còn nhiều mâu thuẫn.

Bắc-kinh muốn phá hòa hoãn Đông - Tây, chủ yếu là hòa hoãn Mỹ - Xô để Liên-xô phải tiếp tục chạy đua vũ trang với chủ nghĩa đế quốc nhưng Mỹ lại cần hòa hoãn để giảm nguy cơ lạm phát và thâm hụt cán cân thanh toán.

Bắc-kinh không muốn các nước Mỹ, Nhật, Tây Âu và Liên-xô phát triển các mối quan hệ kinh tế, khoa học kỹ thuật, tài chính cần thiết và có lợi cho cả đôi bên, nhưng các nước đế quốc hiện đang làm ăn với Liên-xô nhiều hơn là với Trung-quốc, họ không muốn và không thể vì làm ăn với Trung-quốc mà giảm bớt việc làm ăn với Liên-xô.

Ở trong nước, chính sách đối ngoại phản động của Bắc-kinh đang vấp phải sự phản đối của nhân dân Trung-quốc. Trong cuộc buôn bán chính trị giữa bọn phản động cầm quyền Bắc-kinh với đế quốc Mỹ và các đế quốc khác, Mỹ và các đế quốc khác có dịp dựa vào thị trường rộng lớn và nguồn tài nguyên của Trung-quốc để tìm lối thoát, giảm bớt khó khăn kinh tế nghiêm trọng hiện nay, trút bớt gánh nặng của cuộc khủng hoảng toàn diện, trầm trọng, kéo dài của chúng. Và người phải gánh lấy gánh nặng ấy cùng tất cả những hậu quả của chính sách đối ngoại phản động, của bọn cầm quyền theo chủ nghĩa bánh trưởng đại dân tộc chính là nhân dân lao động Trung-quốc. Đề đòi lấy một số lợi ích kinh tế nhất thời, bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh đã vứt một số nguyên tắc chính trị, làm cho những mâu thuẫn trong xã hội Trung-quốc ngày càng phức tạp và gay gắt thêm, tình trạng không ổn định triển miên từ mấy chục năm nay ở Trung-quốc khó chấm dứt được. Điều này lại làm cho các nước đế quốc muốn đẩy mạnh việc đầu tư vào Trung-quốc lo ngại. Mặt khác các nước này còn hoài nghi khả năng thanh toán của Trung-quốc mà dự trữ ngoại tệ

hiện nay, theo tính toán của phương Tây, chỉ bằng 1% nhu cầu vốn đề nhập thiết bị kỹ thuật từ nay đến năm 1985. Mặc dù trong cuộc di thăm Mỹ, Đặng-Tiêu-Bình ra sức nịnh hót Mỹ, giữa Oa-sinh-ton và Bắc-kinh còn tồn tại nhiều điểm bất đồng, phía Trung-quốc phải nhượng nhiều nhưng chẳng kiếm chác được bao nhiêu.

Điều quan trọng bậc nhất là chính sách câu kết với chủ nghĩa đế quốc của Bắc-kinh di ngược lại lợi ích của ba trào lưu cách mạng của thời đại trong năm qua đã vấp phải những thất bại bước đầu nhưng rất nghiêm trọng. Bộ mặt phản động của bọn theo chủ nghĩa bành trướng ở Bắc-kinh đã bị lột trần trước con mắt của nhân dân thế giới. Chúng bị cô lập vì chúng trở thành kẻ khiêu khích chiến tranh trơ trẽn và nguy hiểm nhất, chống lại nguyện vọng hòa bình và tiến bộ của nhân loại. Chúng đã tiến hành chiến tranh bằng tay người khác và dùng những thủ đoạn gây áp lực đè bẹp nhất, cuối cùng trực tiếp tiến hành chiến tranh xâm lược Việt-nam,

hòng làm suy yếu và đè bẹp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam là nước đang xây dựng lại đất nước sau hơn 30 năm chiến đấu chống các cuộc chiến tranh xâm lược của bọn thực dân và đế quốc. Chúng bị cô lập vì chúng tìm đồng minh trong những thế lực phản động nhất ở các nước đế quốc và những phần tử phản bội dân tộc khét tiếng nhất trong các nước thuộc thế giới thứ ba. Tuy chúng dùng bộ máy tuyên truyền đồ sộ, thế nước lớn và bả kinh tế lừa gạt được một số người nào đó, nhưng lịch sử tiếp tục phát triển, ba dòng thác cách mạng tiếp tục dâng cao, bàn bệ của chúng ngày càng ít, bọn phản động Bắc-kinh ngày càng bị cô lập hơn nữa. Người phân xét cuối cùng đối với bọn phản động Bắc-kinh là nhân dân Trung-quốc vốn giàu tinh thần đấu tranh cách mạng.

Câu kết với bọn đế quốc và các loại phản động chống lại ba trào lưu cách mạng của thời đại, bọn phản động Bắc-kinh nhất định sẽ thất bại nhục nhã.

CHỦ NGHĨA BÀNH TRƯỚNG CỦA PHONG KIẾN TRUNG-HOA VÀ SỰ THẤT BẠI CỦA NÓ Ở VIỆT-NAM

VĂN-TÂN

I — MẤY NÉT VỀ CHỦ NGHĨA BÀNH TRƯỚNG CỦA PHONG KIẾN TRUNG-HOA

Ở Trung-quốc, chủ nghĩa bành trướng đã xuất hiện và hình thành rất sớm, có lý luận hẳn hoi.

Người Hán định cư rồi phát triển ở lưu vực sông Hoàng-hà rộng chừng 320 000km². Ở đây có chừng 260 000km² do đất phù sa màu mỡ bồi nên. Miền châu thổ Hoàng-hà là đất lý tưởng cho nông nghiệp, cho nên ở đây nông nghiệp đã ra đời và phát triển rất sớm. Đời sống của người Hán ở những mặt nhất định cao hơn các tộc chung quanh. Bọn thống trị Hán tộc đã lợi dụng ưu thế của họ để xâm lược các tộc láng giềng. Họ tự tôn là Hoa Hạ, tức một tộc lớn có văn hóa, có lễ nghĩa hơn các tộc khác. Sách *Truyện* của Trung-quốc xưa có viết : « Áo mũ rực rỡ, đẹp để gọi là Hoa, nước lớn gọi là Hạ ». Thế là ngay từ khi dựng nước, bọn thống trị Hán tộc đã tự coi mình là nước lớn, các dân tộc khác đều là man di.

Nho giáo cũng tuyên truyền tư tưởng nước lớn của người Hoa. Khổng-Tử nói : « Di không loạn được Hoa ». Mạnh-Tử nói thêm : « Ta chỉ nghe nói dùng đạo lý của người Hoa Hạ để sửa đổi lễ thói của Man Di, chứ chưa hề nghe nói dùng lễ thói của Man Di để sửa đổi đạo lý của người Hoa Hạ bao giờ ». Thiên *Vương-Chế* sách *Chu-Lễ* ghi : « Di là tộc ở phương Đông. Nhung là tộc ở phương Tây. Man là tộc ở phương Nam, Địch là tộc ở phương Bắc ». Di, Địch, Khuyển Nhung, Hung Nô, Man Mịch là những từ bọn phong kiến Hán tộc dùng để chỉ các dân tộc không phải là Hoa Hạ. Chữ *Man* (蠻) có bộ *trùng* (虫), mà trùng là loại sâu bọ. Chữ *Địch* (狄) có bộ *Khuyển* (犬) ở bên, mà Khuyển nghĩa là chó. Bọn chúng tự coi mình là trung tâm của vũ trụ, đặt tên nước mình là Trung-quốc, gọi một cách khinh bỉ các dân tộc ở chung quanh là « Từ Di ».

Tư tưởng coi khinh các dân tộc biểu hiện rất rõ ở bọn phong kiến Trung-hoa trong tất cả các thời kỳ lịch sử. *Hán thư, Hung nô truyện* có đoạn viết: « Xuân thu là trong Hoa Hạ mà ngoài Di Địch. Người Di Địch tham lam và thích lợi, xõa tóc, tà áo bèn tả, mặt người dạ thú; họ với Trung-quốc điển chương áo mũ khác nhau, phong tục tập quán khác nhau, cho nên trời đất tuyệt dứt trong ngoài ». Nhà tư tưởng chính trị thời Hán, Giả Nghị viết trong *Trị an sách*: « Thiên tử là đầu của thiên hạ. Sao vậy? Vì thiên tử ở trên. Man Di là chân của thiên hạ. Sao vậy? Vì họ ở dưới... » (*Hán thư, Giả-Nghị truyện*). *Hán thư* có đoạn chép về một dân tộc mà bọn phong kiến Hán tộc gọi là Tiên Ti như sau: Tiên Ti ở cách phía bắc sa mạc như chó dê một bữa, không có quản, không có trưởng để làm thầy. Họ sống lộn xộn, tính khí tham lam, tàn bạo, chẳng theo lễ nghĩa ».

Tư tưởng coi khinh các dân tộc khác đã đưa bọn phong kiến Hán tộc đi rất xa trong chính sách bành trướng của họ. Họ đã gây chiến với tất cả các nước chung quanh.

Từ năm 230 đến năm 221 trước Công nguyên, Tần-Doanhi-Chính lần lượt tiêu diệt sáu nước Tề, Sở, Yên, Hàn, Triệu, Ngụy, chiếm lĩnh cả Trung-quốc rồi lên ngôi Thủy hoàng đế, Tần-Thủy-Hoàng bành trướng xuống phía Nam, sai hiệu úy là Đồ-Thư mang 50 vạn quân đánh vào Bách Việt, « lấy đất Bách Việt lập thành Quế-lâm. Tượng-quận. Vua của Bách-Việt cúi đầu, buộc cổ nộp tính mạng cho quan coi ngục » (Tư-Mã-Thiên : *Sử ký*).

Tần-Thủy-Hoàng cai trị cứng rắn, nghiêm khắc. Mọi việc đều dùng pháp luật để quyết định, không dùng ân đức, nhân nghĩa, trong một thời gian dài không tha tội cho ai. Tần-Thủy-Hoàng đòi « Hãy làm cho pháp luật thành nghiêm, hình phạt thành tàn khốc, khiến cho kẻ có tội liên quan

tới người khác, kẻ có tội bị bắt cả họ ». Cho nên « ở ngoài đường số người bị hình phạt chiếm một nửa, ngoài chợ người chết chổng chắt. Ai giết nhiều là tội trung » (Tư-Mã-Thiên : *Sử ký*). Cho rằng trí thức hay bình luận việc triều đình, Tần-Thủy-Hoàng ra lệnh đốt sách và chôn sống 460 nho sĩ. Đối nội thì độc tài tàn bạo hết mức, đối ngoại thì xâm lược bành trướng dã man, Tần-Thủy-Hoàng tưởng rằng chế độ nhà Tần như vậy có thể tồn tại muôn đời. Nhưng chế độ ấy chỉ đứng được có 15 năm, Tần-Thủy-Hoàng chết được hơn một năm thì nhà Tần cũng sụp đổ.

Sau khi nhà Tần đổ, Hạng-Vũ và Lưu-Bang đánh nhau từ năm 206 đến năm 202 trước Công nguyên. Lưu-Bang thắng, lập ra nhà Hán. Hán « thừa kế những điều tệ hại của Tần » (Tư-Mã-Thiên : *Sử ký*), buổi đầu chưa đủ sức với tay ra nước ngoài, nhưng đến đời Hán-Vũ-Đế lại tiếp tục mưu đồ bành trướng. Trương-Khiêm « đi sứ » các nước Tây-vực 10 năm (138 — 128 trước Công nguyên). Năm được tình hình các nước Tây-Vực qua Trương-Khiêm, Hán-Vũ-Đế sai Vệ-Thanh và cháu Vệ-Thanh là Hoắc-Khử-Bệnh mang quân vượt sa mạc Gô-bi đánh vào miền Tây Cam-túc, điếm đầu của con đường tơ lụa. Năm 119 trước Công nguyên, hai tướng Hán đem 50 000 kỵ binh tiến vào Thượng-Tu-la. Năm 45, vua Quang-Vũ sai Mã-Viên vừa đánh bại Hai Bà Trưng ở Việt-nam về mang quân lên phía Bắc đánh người Hung-nô, chiếm được miền đất nằm giữa sa mạc Gô-bi và đồng bằng miền Đông Bắc. Năm 73, vua Minh-Đế sai Cảnh-Bính và Đậu-Cổ mang quân chia đường đánh Bắc Hung nô. Sau khi lập được nhiều chiến công, Đậu-Cổ sai Ban-Siêu mang quân đi sâu vào các nước Tây-vực, Ban-Siêu chinh phục và thuyết hàng hơn 50 nước Tây-vực.

Đến thế kỷ VII, Đường-Thai-Tôn và con là Đường-Cao-Tôn cũng tung quân ra đánh chiếm các nước láng

giêng. Năm 640, sau khi đánh chiếm được Cao-Xương (nay là một huyện ở Tân-Cương), đế quốc Đường trở thành rộng lớn chưa từng thấy: Đông giáp biển, Tây đến Yên-kỳ (nay là huyện Yên-kỳ, tỉnh Tân-Cương), Nam đến Lâm-áp, Bắc đến sa mạc Gô-bi. Tất cả đất đai chiếm được đều trở thành quận, huyện của nước Đường. Đường-Thái-Tôn đã kiêu hãnh nói với các triều thần: « Những người xưa kia chinh phục các rợ là Tần-Thủy-Hoàng và Hán-Vũ-Đế. Thanh-gươm ba thước ở tay ta đã chinh phục 200 vương quốc, làm cho bốn biển phải nín hơi, các tộc ở xa xôi lần lượt phải đến thần phục ». Năm 645, Đường-Thái-Tôn thân cầm quân đi đánh Cao-ly, đem theo một viên tướng có tài là Tiết-Nhân-Quý. Quân Đường đánh thành An Thị rất dữ, nhưng không chiếm được, phải rút về. Đường-Thái-Tôn chết. Đường-Cao-Tôn nối chí cha, lại cho quân đi đánh Cao-ly từ năm 660 đến năm 665 thì chiếm được. Đế quốc Đường đã lớn rộng, lại càng lớn rộng hơn trước.

Năm 960, Triệu-Khuông-Dận lập ra nhà Tống, nhưng nhà Tống không phải là một triều đại hùng mạnh, không đuổi được người Mông-cổ ở miền Bắc, nên phải định đô ở Khai-phong. Bấy giờ, nhân lúc các triều đại ở Trung-quốc suy yếu, các dân tộc ở phía Đông, phía Bắc và phía Tây theo nhau vùng dậy giành lại độc lập. Năm 1211, Thành-Cát-Tư-Hãn đem quân Mông-cổ tiến vào miền Bắc Trung-quốc đánh nước Kim và chiếm được Trung-dó (tức Bắc-kinh). Năm 1225, quân Mông-cổ đánh Tây Hạ. Năm 1253, Hốt-Tát-Liệt mang quân diệt nước Đại-lý của người Điền-Việt. Và năm 1279 Hốt-Tát-Liệt chiếm toàn bộ Trung-quốc. Giai cấp phong kiến Hán tộc nhanh chóng đầu hàng quân xâm lược, nhận kẻ xâm lược làm hoàng đế của Trung-quốc, coi nhà Nguyên cai trị Trung-quốc hơn 100 năm là một triều đại của Trung-

quốc, và cùng với nó tiếp tục chính sách bành trướng, xâm lược.

Năm 1368, Chu-Nguyên-Chương đánh bại nhà Nguyên, lập ra nhà Minh. Năm 1402, Chu-Đệ, em Chu-Nguyên-Chương, đánh đổ vua Huệ-Tôn rồi lên ngôi, lấy hiệu là Minh-Thành-Tổ. Minh-Thành-Tổ cho người lên phía Bắc xúi các bộ lạc Mông-cổ đánh lẫn nhau, tiến xuống phía Nam xâm lược Việt-nam, và ra sức phát triển hải quân, cho hải quân đánh xuống Chiêm-thành, đến vịnh Xiêm-la, đến bán đảo Ma-lai-xi-a, đảo Gia-va, đảo Xu-ma-tơ-ra rồi vào Ấn-độ-dương đến đảo Xi-lan (tức nước Xry-lan-ca bây giờ). Nhưng nam tiến không thành công, còn chính sách xúi các bộ lạc Mông-cổ đánh lẫn nhau quay trở lại làm hại cho chính bản thân nhà Minh. Một bộ lạc Mông-cổ được Minh-Thành-Tổ ủng hộ, trở nên hùng mạnh. Khi Minh-Thành-Tổ chết, một hãn Mông-cổ là Y-ê-xen một cô sú đến Bắc-kinh xin vua Minh một cô công chúa làm vợ. Bị từ chối, Y-ê-xen mang quân đánh vào Sơn-tây và Hà-bắc. Minh-Anh-Tôn cùng một hoạn quan mang quân ra chống cự. Quân Minh bị phục kích, vua Anh-Tôn bị bắt sống, 10 vạn quân Minh bị giết và bị bắt.

Năm 1644, một lần nữa bọn phong kiến Hán tộc lại rước quân xâm lược vào làm hoàng đế Trung-quốc. Nhà Thanh cai trị Trung-quốc 268 năm. Giai cấp phong kiến Hán tộc muốn làm tôi tớ cho kẻ ngoại xâm thậm chí còn dè cả bím tóc y như người Mãn. Nhưng, bằng việc làm, chúng tỏ ra nhất trí với kẻ xâm lược về quyền lợi và nguyện vọng. Nhờ sự hợp tác tích cực của chúng, nhà Thanh đã vơ vét được sức người sức của của nhân dân Trung-quốc ném vào các cuộc chiến tranh xâm lược, theo đuổi chính sách bành trướng. Năm 1682, Khang-Hy chiếm Đài-loan, Nội-Mông. Năm 1690, Khang-Hy lại tung quân đội có pháo do các giáo sĩ

phương Tây chế tạo dành Ngoại Mông (nay là nước Cộng hòa nhân dân Mông-cổ), nhưng không được. Năm 1695, Khang-Hy lại tự mang quân đánh Ngoại Mông lần nữa và đã thắng trận ở bờ sông Tu-la. Năm 1731 và năm 1734, Ung-Chính hai lần cho quân đi đánh Đan-ga-ry (một miền ở Tân-cương), nhân dân Đan-ga-ry bị tàn sát rất dã man: 60 vạn người bị chọc cổ cho đến chết. Năm 1758 quân Thanh đánh Cát-ga-ri, chiếm xứ này và đổi thành Tân-cương (tức tỉnh biên giới mới). Năm 1751, Kiền-Long can thiệp vào Tây-tạng, buộc xứ này phải nhận sự đô hộ của nhà Thanh. Thừa thắng, quân Thanh lại đánh Nê-pan. Năm 1775, Kiền-Long đánh xuống miền Nam Trung-quốc, tàn sát khủng khiếp dân tộc Mèo từ lâu trốn tránh sự áp bức phong kiến Hán tộc, sống ở rừng núi

tỉnh Quý-châu. Các thủ lĩnh Mèo bị giải lên Bắc-kinh, chịu cực hình rồi bị bêu đầu ở chợ. Năm 1788, Kiền-Long sai Tôn-Sĩ-Nghị đánh Việt-nam để mở đường bành trướng xuống Đông - Nam châu Á...

Từ Tần-Thủy-Hoàng đến năm 1796, khi Kiền-Long hoàn toàn chinh phục được người Mèo ở Quý-châu, trong hơn 2000 năm lịch sử đó, bọn phong kiến Trung-hoa đã luôn luôn bành trướng ra nước ngoài, ôm mộng làm bá chủ cả thiên hạ. Đế quốc Trung-hoa phát triển lên, từ một miền đất ở lưu vực sông Hoàng-hà rộng 324 000km², đến năm 1796, đã trở thành một lục địa rộng gần 10 triệu km². Trong lục địa gần 10 triệu km² đó, mấy trăm vương quốc đã bị xóa, mấy chục dân tộc đã bị đồng hóa và bị tiêu diệt.

II - CHỦ NGHĨA BÀNH TRƯỚNG CỦA PHONG KIẾN TRUNG-HOA THẤT BẠI Ở VIỆT-NAM

Tất cả các triều đại phong kiến Trung-quốc từ Tần, Hán, Ngô, Tấn, Lương, Tùy, Đường, Nam Hán đến Tống, Nguyên, Minh, Thanh, không triều đại nào không xâm lược Việt-nam.

Năm 221 trước Công nguyên, Đỗ-Thư theo lệnh Tần-Thủy-Hoàng mang 50 vạn quân đánh Bách Việt, chiếm Phúc-kiến, Quảng-dông, Quảng-tây, rồi tiến vào nước Văn-lang bấy giờ chỉ có khoảng một triệu người. Nhưng nhân dân Văn-lang không chịu làm nô lệ, cả nước đã đứng lên kháng chiến. Cuộc chiến đấu kéo dài cho đến lúc giết được Đỗ-Thư, "quân Tần thấy phơi máu chảy mấy chục vạn người". Chính sách bành trướng của vua Tần lên Việt-nam đã bị phá sản. Đây là lần đầu tiên Tần-Thủy-Hoàng bại trận, và việc bại trận này làm cho nhà Tần nhanh chóng đi đến sụp đổ.

Năm 180 trước Công nguyên, Triệu-Đà dùng kế nòng nhàn đánh chiếm nước Âu-lạc. Từ đấy cho đến năm 905, nước ta bị phong kiến Trung-hoa đô hộ. Nhưng, nhân dân ta vẫn không ngừng đấu tranh đánh đổ ách đô hộ của phong kiến Trung-quốc. Thời gian hơn 1000 năm ấy luôn luôn bị cắt quãng bởi các cuộc khởi nghĩa chống ngoại xâm, tiêu biểu là khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý-Bôn, Triệu-Quang-Phục, Mai-Thức-Loan, Phùng-Hưng, v.v. Năm 905, nhân nhà Đường lao đao vì nội loạn, Khúc-Thừa-Dụ đã đánh đuổi được quân Đường, giành độc lập cho dân tộc.

Năm 930, chúa Nam Hán sai đem quân xâm lược Việt-nam, bắt Khúc-Thừa-Mỹ đưa về Quảng-châu và cử Lý-Tiến sang làm thứ sử Giao-châu. Dương-Đĩnh-Nghệ, tướng của họ Khúc, đem quân từ châu Ái ra đánh

Lý-Tiến. Lý-Tiến bỏ chạy. Chúa Nam Hán sai Trần-Bảo mang quân sang đánh Dương-Đĩnh-Nghệ. Trần-Bảo bị Đĩnh-Nghệ giết chết. Năm 937, nhân việc Kiều-Công-Tiến âm hại Dương-Đĩnh-Nghệ, chúa Nam Hán lại sai con là Hoảng-Thao mang thủy quân sang xâm lược Việt-nam. Ngô-Quyền đã từ châu Ái ra Đại-la giết Kiều-Công-Tiến rồi đánh bại thủy quân Nam Hán ở sông Bạch-dăng, giết chết Hoảng-Thao tại trận. Đó là chiến thắng Bạch-dăng lần thứ nhất, năm 938.

Tháng 8 năm 980, nhân việc Đĩnh-Tiên-Hoảng và con trưởng là Đĩnh-Liên bị sát hại, nhà Tống vừa cho quân sang xâm lược Việt-nam, vừa cho mang chiếu thư sang dọa dẫm Lê-Hoàn. Chiếu thư huênh hoang đến nực cười: “Thánh triều ta lòng nhân trum muốn nước, cơ nghiệp thái bình kẻ cũng đã thịnh, diên lễ phân phong đã sắp sửa làm, mong người đến châu cho mình ta được vui khỏe, đề người khỏi cái tủi úp mặt vào góc nhà mà làm rầy cho ta, khiến ta phải dùng đến kẻ chặt xác băm xương, làm cỏ nước người. Lúc ấy hối sao kịp! Dù là biển của người có ngọc trai, ta ném xuống suối, núi của người sản ra vàng, ta quăng vào bụi, không phải là ta tham của báu của người. Dân của người bay và nhảy, ta có ngựa xe. Dân của người uống bằng mũi, ta có cơm, rượu đề đãi phong tục nước người... Cối nóng oi ả, mù khói hấp hơi, ta thả mây của vua Nghiêu, tưới cho nước ngọt; khí biển dùn dùn, mây chảy đá tan, ta gãy đàn của vua Thuấn, thổi cơn gió mát... Người có theo về không? Chớ rước lấy tội lỗi. Ta đang chinh bị xe ngựa quân lính, sắp sửa các thứ chiêng trống, nếu quy phục thì ta tha cho, nếu trái mệnh thì ta quyết đánh...”.

Sau khi được các tướng lĩnh và các triều thần đưa lên kế vị Đĩnh-Tiên-Hoảng, Lê-Hoàn mang quân đánh Tống. Chỉ trong vòng một tháng, ông đã cả phá quân xâm lược trên ba mặt

trận: ở Chi-lăng, diệt toàn bộ bộ binh Tống, bắt sống Hầu-Nhân-Bảo; ở cửa Bạch-dăng, đánh bại thủy quân của Lưu-Trùng; trên sông Hồng, giết đến quá nửa quân của Trần-Khâm-Tô. Nghe tin, Tống-Thái-Tôn bàng hoàng, vừa buồn vừa thẹn. Buồn vì mấy vạn quân Tống đã bị diệt gọn trong một thời gian ngắn. Thẹn vì thấy lời lẽ của chiếu thư gửi cho Lê-Hoàn quả là lời lẽ của một kẻ khoe lúc, ba hoa.

Nền độc lập của Việt-nam, với chiến thắng của Lê-Hoàn được củng cố thêm một bước.

Năm 1069, Tống - Thần - Tôn với Vương-An-Thạch về làm lễ tượng đề thi hành tân pháp, nhằm đưa nước Tống ra khỏi cơn khủng hoảng kinh tế tài chính đang làm rung chuyển cơ đồ họ Triệu. Tân pháp bị phái quan liêu thủ cựu và các địa chủ phản đối. Đề bạt miệng họ, Vương-An-Thạch thấy cần có một chiến thắng quân sự ở Việt-nam, cho nên y ra sức chuẩn bị đánh Việt-nam.

Lý-Thường-Kiệt dò biết âm mưu xâm lược của Vương-An-Thạch, cho nên cuối năm 1075, ông mang quân sang đánh phá các căn cứ quân Tống tập kết ở Quảng-tây và Quảng-dông, rồi chủ động rút về nước, lập phòng tuyến ở bờ Nam sông Cầu để chặn giặc. Đầu năm 1077, Quách-Quy và Triệu-Tiết dẫn 10 vạn quân và một vạn ngựa đến bờ Bắc sông Cầu, đánh hơn hai tháng, bị tổn thất nặng nề mà vẫn không sang được bờ Nam. Cuối tháng 2 năm 1077, Quách-Quy cực chẳng đã phải nhận các điều kiện đình chiến do Lý-Thường-Kiệt đưa ra đề được rút quân về nước.

Đến thế kỷ XIII, khi quân Mông-cò đã tung hoành khắp Á, Âu, năm 1258 Hốt-Tất-Liệt sai Ngột-Lương-Hợp-Thai đem quân đánh Việt-nam. Nhà Trần rút khỏi Thăng-long. Quân Mông-cò chiếm được Thăng-long và vùng lân cận vườn không nhà trống. Thiếu lương ăn, giặc phải rút. Một trận lớn

đã diễn ra ở Đông-bộ-dầu, quân nhà Trần thắng to. Trên đường rút chạy, giặc lại bị dân quân trại Quy-hóa do Hà-Bồng chỉ huy chặn đánh.

Sau khi chinh phục xong toàn bộ Trung-quốc và làm hoàng đế Trung-quốc từ tháng 2 năm 1279, Hốt-Tát-Liệt lại nhiều lần đòi vua nhà Trần cho mượn đường đi đánh Chiêm-thành, nhà Trần đều từ chối. Cuối năm 1282, Toa-Dô đem 10 vạn quân từ Quảng-châu vượt biên xuống đánh Chiêm-thành. Vua Trần đã cho quân vào giúp Chiêm-thành kháng chiến. Chiến tranh xâm lược Chiêm-thành đang tiếp diễn thì đầu năm 1285, Hốt-Tát-Liệt sai Thoát-Hoan mang 50 vạn quân đánh Đại Việt, lại ra lệnh cho Toa-Dô từ Chiêm-thành đem quân ra phối hợp. Nhân dân Đại Việt đoàn kết chung quanh nhà Trần, cùng đứng lên đánh giặc giữ nước. Ở tất cả các nơi bị quân Nguyên chiếm đóng, nhân dân đều làm vườn không nhà trống và ngày đêm đánh đường giao thông tiếp tế của địch. Khi địch phải dần mỏng lực lượng ra, quân chủ lực do Trần-Quốc-Tuân chỉ huy bắt đầu hành động và thắng lợi liên tiếp. Thoát-Hoan hoảng sợ phải bỏ Thăng-long chạy sang bờ Bắc sông Hồng. Ở các miền bị địch chiếm đóng, chiến tranh nhân dân phát triển mạnh mẽ. Giặc khốn đốn về lương thực, cuối cùng Thoát-Hoan phải ra lệnh rút quân về nước. Trên đường tháo chạy, bị quân và dân ta phục kích, chúng chết và bị bắt rất nhiều. Thoát-Hoan phải chui vào một cái thùng đồng cho người khiêng đi mới thoát được về bên kia biên giới. Còn Toa-Dô thì bị chém đầu. Cuối tháng 6 năm 1285, vua tôi nhà Trần lại trở về Thăng-long sau gần hai tháng phản công tiêu diệt nốt 60 vạn quân Nguyên.

Tháng 12 năm 1287, như một cơn bực khát nước, Hốt-Tát-liệt lại cho quân sang xâm lược Việt-nam lần thứ ba. Lần này, ngoài hai đạo bộ binh do Thoát-Hoan trực tiếp chỉ

huy, còn có một đạo thủy quân gồm 500 thuyền chiến do Ô-Mã-Nhi điều khiển. Nhà Trần lại bỏ Thăng-long như hai lần trước và nhân dân lại làm vườn không nhà trống, lại đánh vào các đường giao thông tiếp tế của địch. Ô-Mã-Nhi chỉ huy chiến thuyền vượt biên vào sông Bạch-dăng. Đoàn thuyền lương chở 70 vạn thạch do Trương-Văn-Hổ chỉ huy theo sau, bị Trần-Khánh-Dur chặn đánh và bị tiêu diệt hoàn toàn ở Vân-dồn. Chiến thắng Vân-dồn cắt hết nguồn lương thực của giặc. Cho nên, đến tháng 3 năm 1288, Thoát-Hoan lại bỏ Thăng-long rút về Vạn-kiếp. Ở Vạn-kiếp được ít lâu, y ra lệnh cho toàn quân rút về nước, thủy binh được lệnh đi trước. Ngày mà Trần-Quốc-Tuân và vua Trần chờ đợi đã đến: ngày 9-4-1288, trận phục kích lịch sử đã diễn ra ở sông Bạch-dăng tiêu diệt hoàn toàn 500 thuyền chiến địch, bắt sống tướng Ô-Mã-Nhi và nhiều tướng khác.

Đây là lần thứ ba quân và dân Việt-nam thắng lợi lớn ở sông Bạch-dăng. Chiến thắng Bạch-dăng lần này kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Nguyên rã ra trong 30 năm. Chiến thắng này không những tăng uy thế của nước Đại Việt mà còn chấm dứt hẳn thời kỳ quân Nguyên đi xâm lược các nước ở phía Nam.

Năm 1406, vua nhà Minh mượn cớ lấy nước trả lại cho con cháu nhà Trần, sai Chu-Năng và Trương-Phụ mang quân sang xâm lược Việt-nam. Minh-Thành-Tổ đã xuống chiếu như sau: «... Một khi quân vào đất An-nam, trừ những kinh bản kinh văn về đạo Phật, đạo Lão không kể, còn tất cả các sách, các chữ cho đến các sách dạy trẻ học vỡ lòng, thì một màu giấy, một chữ đều đem đốt đi hết. Trong đất đó, phàm những bia do Trung-quốc xưa kia dựng ra thì dỡ lại, còn các bia do An-nam dựng ra thì một chữ cũng không để ». Khi Trương-Phụ vào nước Việt-nam rồi, ngày 26 tháng 6 năm 1407 Minh-Thành-Tổ lại xuống

chiếu dẫn bọn Trương-Phụ phải đón
đốc binh sĩ Minh thiêu hủy cho kỷ hết
các sách vở của Việt-nam.

Chính sách đồ hồ vô cùng đã man
tàn ác của quân Minh

“Thui dân đen trên lò bạo ngược.

Vùi con đỏ dưới hố tai ương...”

đã được Nguyễn Trãi kết tội trong
Bình Ngô đại cáo. Bọn xâm lược tưởng
làm như vậy có thể bẻ gãy được ý
chí đấu tranh của dân tộc Việt-nam,
nhưng chúng đã làm to! 20 năm
thuộc Minh là 20 năm nhân dân Việt-
nam kiên cường đấu tranh liên tục.
cuối cùng quân và dân Việt-nam dưới
sự lãnh đạo của Lê-Lợi đã buộc quân
Minh phải đầu hàng, rút về nước. Đây
là một đòn mạnh giáng vào triều
Minh khiến cho triều đại này không
còn đủ sức mở những cuộc phiêu lưu
bành trướng mới.

Nhà Thanh là triều đại mạnh ở
Trung-quốc Khang-Hy chiếm Đài-
loan, Nội Mông, đánh Tàn-cương, Kiền-
long đánh Tây-tạng, Nê-pan và đang
muốn qua Việt-nam bành trướng xuống
các nước khác ở Đông - Nam châu Á.
Nhân có tên vua bán nước Lê-Chiều-
Thông chạy sang cầu cứu, Kiền-Long
liên sai Tôn-Sĩ-Nghị đem 20 vạn chiến
binh và 60 vạn công binh chia làm
bốn đạo tiến vào xâm lược Việt-nam.
Được các nguồn tin tình báo cho biết,
hễ quân Thanh vượt biên giới thì mấy
nghìn người Hoa làm trong các mỏ ở
Cao-bằng, Thái-nguyên sẽ nhất tề nổi
dậy làm nội ứng (1), Tôn-Sĩ-Nghị
chắc mẫm y sẽ chiếm được Việt-nam
đổ như thò tay vào túi lấy đồ vật.

Ngày 25 tháng chạp năm Mậu Thân.
Tôn-Sĩ-Nghị kéo quân vào Thăng-
long không mất một mũi tên. Ở Bắc-
kinh, Kiền-Long được tin, nức nở
khen Tôn-Sĩ-Nghị là một “đại thần
toàn tài”, “không đầy một tháng mà đã
thành công, thật xứng đáng với sự
ủy nhiệm của trẫm”. Lúc Kiền-Long
đang lạc quan chờ tin thắng lợi cuối
cùng thì Hứa-Xương-Nghĩa, một võ

quan tuấn dương của nhà Thanh ở
tỉnh Quảng-dông, bị bão dạt vào bờ
biển Nghệ-an. Ở đây, Xương-Nghĩa
đã có dịp trông thấy lực lượng hùng
mạnh của quân đội Tây-sơn: binh sĩ
có ý chí chiến đấu cao, lại có vũ khí
lợi hại. Được quân đội Tây-sơn tiếp
đãi tử tế rồi đầu tháng 12 năm 1788
đưa về Quảng-dông, Xương-Nghĩa
báo cáo ngay cho Kiền-Long những gì
y đã trông thấy ở Nghệ-an. Sau mấy
ngày nghiền cứu, cân nhắc kỹ càng,
ngày 16 tháng 1 năm 1789, Kiền-Long
đột nhiên cho ngựa trạm chạy xuống
phía Nam ra lệnh cho Tôn-Sĩ-Nghị
rút ra khỏi Thăng-long (2). Nhưng
không kịp. Chỉ mười ngày sau đó,
quân Tây-sơn được nhân dân hết lòng
giúp đỡ đã tiến đến Thăng-long mạnh
như triều dâng thác đổ, và trong
buổi sáng ngày 5 tháng giêng năm
Kỷ Dậu đã phá tan 20 vạn chiến binh
và 60 vạn công binh nhà Thanh. Tôn-
Sĩ-Nghị phải chạy suốt 7 ngày 7 đêm
lên biên giới.

Chiến thắng ngày 5 tháng giêng
năm Kỷ Dậu đến như sét đánh đối
với nhà Thanh. Sử cũ chép rằng:
“Từ Nam-quan về Bắc, trai gái, già
trẻ (nước Thanh) bồng bế, dắt diu
nhau chạy trốn, suốt vài trăm dặm
lặng ngắt không một bóng người”.

Chiến thắng đầu xuân năm Kỷ Dậu
mà chúng ta vẫn quen gọi là chiến
thắng Đống-đa, biểu thị sức mạnh quật
cường của cả dân tộc quyết tâm đánh
giặc giữ nước làm phá sản hoàn toàn
mưu đồ bành trướng của nhà Thanh.
Trong hồi ký gọi là *Thập toàn kỷ*
viết năm 1792, chính Kiền-Long cũng
thú nhận rằng đó là điều rất nhục
nhã đối với nhà Thanh.

(1), (2) Theo Takashi Inoguchi trong “*Thủ
bàn về trật tự thế giới Đông Á truyền thống —
trung tâm là sự can thiệp của Trung-quốc đối
với Việt-nam cuối thế kỷ thứ XVIII*” đăng
trong Tạp chí *Lược quốc tế và ngoại giao*,
tập 73, số 5, trang 36 — 83 (tháng 2 năm
1975).

Tính từ năm 905, năm Khúc-Thừa-Dụ đánh đuổi quân Đường, giành độc lập cho dân tộc, cho đến năm 1789, trong thời gian 884 năm tiếp sau 1000 năm đô hộ đó, bọn phong kiến Trung-

quốc liên tục thi hành chính sách bành trướng của chúng đối với Việt-nam. Nhưng chính sách bành trướng ấy trước sau đều bị nhân dân Việt-nam làm thất bại hoàn toàn.

III — MỘT VÀI NHẬN XÉT

Tại sao nhiều dân tộc ở châu Á đã thất bại đau đớn, bị chủ nghĩa bành trướng của bọn phong kiến Trung-quốc tiêu diệt, mà dân tộc Việt-nam ta lại thành công rực rỡ trong sự nghiệp bảo vệ đất nước chống chủ nghĩa bành trướng Trung-quốc?

Ở đây không thể có câu trả lời thật đơn giản.

Trước hết là do giai cấp phong kiến Hán tộc rất tham lam và hiềm độc. Lợi dụng những điều kiện tự nhiên thuận lợi và những ưu thế ban đầu, chúng cứ mở rộng dần đất đai của chúng ra mãi, mãi cũng không vừa, khi nào không phát triển được sang phía Tây thì phát triển sang phía Đông, khi nào không phát triển được lên phương Bắc thì phát triển xuống phương Nam. Nước càng lớn, dân càng đông, của cải vơ vét được càng nhiều, quyền lực của vua chúa phong kiến Trung-quốc càng lớn thì tư tưởng dân tộc lớn, nước lớn, chủ nghĩa bành trướng ở Trung-quốc càng được tuyên truyền rộng rãi. Ý thức « Thiên-quốc », « Thiên triều » ăn sâu mãi vào dân tộc Hán. Giai cấp phong kiến Hán tộc vừa lợi dụng, phỉnh nịnh cái ý thức « dân tộc thượng đẳng » ấy, vừa áp dụng chính sách cai trị hà khắc, hình phạt tàn bạo để xua dân đi xâm lược các nước chung quanh. Giai cấp phong kiến Hán tộc lại không trừ một thủ đoạn dã man, thâm độc nào để thực hiện chủ nghĩa bành trướng của chúng. Chúng trắng trợn xâm lược bằng quân sự. Chúng dùng sức ép, bắt thần phục, cống nạp. Chúng đô hộ trực tiếp. Chúng dùng ngoại giao « thuyết khách », « viên

giao cận còng », gây chia rẽ, hằn thù giữa các dân tộc để đục nước béo cò. Chúng đe dọa, mua chuộc, dụ dỗ, rình mọi cơ hội can thiệp vào công việc nội bộ của các nước, đồng hóa các dân tộc, v.v.

Những nước ở chung quanh dân tộc Hán thời bấy giờ nói chung lại là những nước nhỏ, dân cư thưa thớt. Các nước miền Tây-vực chẳng hạn (ngày nay là tỉnh Cam-túc và tỉnh Tân-cương) chỉ bằng một huyện của nước Hán, nước Đường, hoặc nhỏ hơn nữa. Các nước này lại không biết liên minh với nhau để chống kẻ thù chung. Nhiều nước bị bọn phong kiến Hán tộc dụ dỗ, chia rẽ, trở thành tay sai cho chúng chống lại các nước láng giềng để rồi cuối cùng chính mình cũng bị thôn tính. Thế kỷ II trước Công nguyên, Ban-Siêu đã thành công trong mưu mô chinh phục các nước Tây-vực chính là nhờ áp dụng chính sách dùng người Tây-vực đánh người Tây-vực và luôn luôn làm cho các nước Tây-vực nghi kỵ lẫn nhau. Cho đến thế kỷ VII, Đường-Thái-Tôn vẫn theo chính sách của Ban-Siêu: dò xét nội bộ các nước Tây-vực, dụ dỗ, đây nước nọ chống nước kia để cuối cùng thôn tính cả 200 vương quốc ở đó.

Nước nhỏ, dân ít, ít hơn số dân Trung-quốc mấy chục lần, có khi đến mấy trăm lần, mỗi khi có ngoại xâm, phải đương đầu với giai cấp phong kiến Hán tộc lớn mạnh và nham hiểm, các nước nói trên lại chỉ có quân đội của nhà vua đơn độc đứng ra kháng chiến, cho nên thất bại. Nói khác đi, trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa bành trướng của bọn phong kiến Hán

tộc, các nước bị xâm lược ấy không biết liên kết với nhau, cũng không biết dựa vào nhân dân, tổ chức và phát động chiến tranh nhân dân để đến nỗi bị đè bẹp và trở thành quận, huyện của Trung-quốc.

Còn ở Việt-nam thì chủ nghĩa bành trướng của bọn phong kiến Trung-quốc không những không thành công mà còn bị đánh cho tơi tả. Hòa-Khôn, một sủng thần của Kiền-Long, năm 1789 đã tâu với vua: « Từ trước đến nay, Trung-quốc không bao giờ đắc chí ở phương Nam cả. Tống, Nguyên, Minh rút cục đều thua bại cả. Gương cũ hầy còn sờ sờ ra đó ».

Tại sao vậy? Không phải là mưu mô và thủ đoạn bành trướng của bọn phong kiến Hán tộc xuống Việt-nam ít nham hiểm ít tàn bạo hơn ở các nơi khác, mà trái lại, song chúng vẫn thất bại thảm hại. Đó là do nhiều nguyên nhân, chủ yếu là mấy nguyên nhân chính sau đây:

1 — Dân tộc Việt-nam đã hình thành từ rất sớm, có ý thức dân tộc rất mạnh, là một dân tộc bất khuất, không biết quỳ gối trước bọn ngoại xâm. Vì vậy mà năm 218 trước Công nguyên, dù nước nhỏ, dân ít, Việt-nam vẫn đứng lên kiên cường kháng chiến chống quân Tần đông gấp bội, cuối cùng đã đánh bại chúng. Cũng vì vậy mà hồi thế kỷ XIII, ông cha ta đã nhiều lần đứng lên chống quân Nguyên hùng mạnh và thắng lợi vẻ vang.

2 — Dân tộc Việt-nam có truyền thống đoàn kết, khi bị ngoại xâm đe dọa lại càng đoàn kết chặt chẽ hơn để đấu tranh có hiệu lực chống kẻ thù: đoàn kết giữa các tầng lớp nhân dân, đoàn kết giữa triều đình với dân chúng, đoàn kết trong quân tướng, đoàn kết giữa các dân tộc anh em trong nước, v.v.

3 — Mỗi khi có ngoại xâm, nhân dân Việt-nam đều phát động chiến

tranh nhân dân, khai thác được mọi lực lượng tiềm tàng của dân tộc, do đó mà ít hóa nhiều, yếu thành mạnh, nhấn chìm mọi kẻ thù.

4 — Nhân dân Việt-nam rất nhạy cảm trước nhiệm vụ bảo vệ đất nước và luôn luôn tỉnh táo nhận rõ bạn thù, không bao giờ nhìn bạn ra thù, nhìn thù ra bạn. Cho nên, kẻ thù dù trăm phương nghìn kế vẫn không lừa gạt được nhân dân Việt-nam. Chẳng hạn khi nhà Nam Tống phải dốc lực lượng ra chống Hốt-Tát-Liệt thì chúng ta cho quân đội sang giúp Tống giữ trật tự an ninh ở phía sau. Chúng ta từ chối không cho Hốt-Tát-Liệt « mượn đường » đi đánh Chiêm-thành, mà đưa quân vào giúp nhân dân Chiêm-thành kháng chiến. Ngay đối với Trung-quốc, chúng ta cũng phân biệt kẻ gây ra chiến tranh xâm lược nước ta với nhân dân Trung-quốc bị đẩy vào cuộc chiến, « những người dân vô tội liên năm phải thiệt mạng ở chốn gươm đao » (Nguyễn Trãi: *Quán trung từ mệnh tập*, thư số 28). Chính sách ngoại giao sáng suốt của Lý-Thường-Kiệt, của các vua Trần, của Lê-Lợi, Nguyễn-Trãi, của Quang-Trung cũng góp phần làm thất bại mưu đồ bành trướng của bọn phong kiến Hán tộc xuống Việt-nam.

Với những thắng lợi huy hoàng của cuộc đấu tranh giữ nước chống chủ nghĩa bành trướng của bọn phong kiến Trung-quốc, càng tự hào về dân tộc Việt-nam ta — một dân tộc kiên cường, anh dũng, khảng khái, thông minh, sáng tạo, ngày nay chúng ta càng tin tưởng ở tương lai xán lạn của dân tộc, tin tưởng ở thắng lợi tất yếu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, chống chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn của thế lực phản cách mạng trong giới cầm quyền Trung-quốc.

CUỘC ĐẤU TRANH LÂU DÀI ĐỂ BẢO VỆ NỀN VĂN HÓA DÂN TỘC

TRƯƠNG-CHÍNH



Ở đầu cuốn *Việt-nam văn học sử yếu*, (1) ông Dương - Quảng - Hàm viết: « Dân tộc ta chịu ảnh hưởng của người

Tàu về cả các phương diện: chính trị, xã hội, luân lý, tôn giáo, phong tục. Riêng về đường văn học, dân tộc ta học chữ Nho, theo đạo Nho, thâm nhập dần tư tưởng và học thuật của người Tàu... Các sĩ phu trong nước văn học các kinh truyện, sử sách của Tàu, đọc các thơ văn, tác phẩm của Tàu, rồi đến lúc ngâm vịnh, trừ thuật cũng viết bằng chữ Nho... Ngay trong những tác phẩm viết bằng Việt văn, các tác giả cũng vẫn không thoát ly ảnh hưởng của văn chương Tàu. Trừ mấy thể riêng của ta, phần nhiều các thể văn là phỏng theo của Tàu. Ngay thứ chữ dùng để viết văn tiếng Nam ấy cũng là ghép các bộ phận của chữ Nho mà đặt ra: tục là chữ nôm... ».

Đó là cách nhìn phổ biến của những nhà nghiên cứu thời thuộc Pháp. Do những hạn chế về nhiều mặt, các nhà nghiên cứu này chỉ nhấn mạnh phần tiêu cực, chỉ xét hình thức mà không xét nội dung. Có một điều họ không nhận ra là trong mối quan hệ giữa

hai nền văn hóa phương Bắc và phương Nam, trong khi bọn phong kiến Trung-quốc cố tình dùng văn hóa để « đồng hóa » Việt-nam, nhằm thôn tính Việt-nam, mà nền văn hóa Việt-nam vẫn giữ được bản sắc của mình là đã phải trải qua một cuộc đấu tranh hết sức bền bỉ và cực kỳ gian khổ.

Cuộc đấu tranh ấy bắt nguồn từ sức sống mãnh liệt của dân tộc, trước hết biểu hiện ở ý chí chống xâm lăng. Lịch sử từng cho biết trong cơn đau biến nổi chìm của cuộc cạnh tranh sinh tồn, nhiều dân tộc đã bị tiêu diệt, hoặc bị đẩy lùi lên rừng núi, sống cô đơn ở những nơi heo lánh, khi hậu nghiệt ngã, đất đai khô cằn, rồi hao mòn dần, còn về mặt văn hóa thì bị hãm lại ở thời kỳ sơ khai. Ấy thế mà dân tộc Việt-nam ta, mặc dù bị người Hán đô hộ hàng nghìn năm, vẫn xây dựng được nền tự chủ, vẫn giữ được những nét riêng trong đời sống vật chất và tinh thần của mình. Cuộc đấu tranh của dân tộc

(1) *Việt-nam văn học sử yếu*, Bộ quốc gia giáo dục xuất bản, lần thứ 2, năm 1951.

Việt-nam chống ảnh hưởng của văn hóa Hán tộc từ phương Bắc đến đã diễn ra trong những hoàn cảnh bất lợi, cho nên ở mặt này, mặt khác khi thắng, khi bại. Chỉ ngày nay, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, chúng ta mới có đầy đủ điều kiện để xây dựng nền văn hóa dân tộc theo một đường lối đúng đắn.



Trước khi tiếp xúc với người Hán từ phương Bắc đến, tổ tiên ta đã có một nền văn hóa riêng. Công tác khảo cổ mười mấy năm qua đã khẳng định điều đó. Từ đồ gốm Phùng-nguyên đến trống đồng Đông-sơn, tất cả đều chứng tỏ nền văn hóa của ta đã đạt tới một trình độ khá cao. Tổ tiên ta là những nhà kỹ thuật giỏi đã đúc được những cái trống đồng, cái thạp tinh xảo, và là những nghệ sĩ tài ba, thích nhảy múa, thổi kèn. Tất nhiên có những mặt yếu kém, song những mặt yếu kém ấy nhất định sẽ mất dần, và nền văn hóa ấy sẽ phát triển theo một chiều hướng khác... nếu không đụng độ với người Hán từ phương Bắc đến ở thế kỷ III và thế kỷ II trước Công nguyên. Chính sách đồng hóa của các triều đại Hán, Đường là nhằm tạo ra một sự hỗn chủng, đồng thời thay đổi phong tục tập quán của ta, tiêu diệt nền văn hóa của ta. Sách *Hậu Hán thư* chép: « Phàm đất thuộc bộ Giao chỉ, tuy đã đặt quận, huyện (tức là đã sát nhập vào lãnh thổ Trung-quốc), nhưng ngôn ngữ vẫn khác nhau, phải có thông ngôn mới hiểu. Người như cầm thú, không phân biệt trưởng ấu (tức là không có tôn ti trật tự), búi tóc ở gáy, đi chân không, lấy vải lụa qua đầu làm áo. Sau đó những người tội phạm Trung-quốc đến ở lẫn với họ, mới biết ngôn ngữ, dần dần thấy hóa theo lễ (tức là lễ giáo phong kiến). Đến đời Quang-Vũ trung hưng, Tích-Quang làm thái thú Giao-chỉ, Nhâm-

Diên làm thái thú Cửu-chân, bấy giờ mới dạy cho dân biết cày cấy, biết đội mũ di giày, đặt mỗi lải, dân mới biết hôn nhân (tức là theo nghi lễ của người phương Bắc đặt ra), dựng học hiệu dạy lễ nghĩa... ».

Cũng sách ấy kết luận: « Miền Lĩnh-nam theo phong hóa Trung-quốc là bắt đầu từ hai thái thú ấy ».

Những nhận xét trên thật là chủ quan, xuất phát từ óc phân biệt chủng tộc, và từ ý thức hệ Nho giáo của bọn sĩ đại phu Trung-quốc. Ngày nay chúng ta có đủ bằng chứng để nói rằng thứ « lễ nghĩa » ấy, thứ « phong hóa » ấy chẳng hay ho gì. Trên thế giới các dân tộc khác không theo « lễ nghĩa » ấy « phong hóa » ấy, không phải vì thế mà người ta là « cầm thú ». Phong tục tập quán mỗi dân tộc một khác. Không thể lấy phong tục tập quán của mình làm chuẩn mà mặt sát phong tục tập quán của người; như thế có khác nào chủ AQ thấy người trên huyện gọi « tràng kỷ », không gọi « ghế dài » như dân làng Mũi, thì cho là sai, là đáng cười ! Chẳng những thế mà thôi, chính cái thứ « lễ nghĩa » ấy, « phong hóa » ấy đã kìm hãm lâu dài nhân dân Trung-quốc ở lại giai đoạn trung cổ, không theo kịp những dân tộc không bị những xiềng xích nói trên trói buộc ! Phải chờ đến cuộc vận động Ngũ tứ năm 1919,* nhân dân Trung-quốc mới bắt đầu giẫy giụa để thoát khỏi những « lễ nghĩa », « phong hóa » cổ lỗ kia !

Dân tộc Việt-nam ta giành được độc lập hoàn toàn vào thế kỷ X, nhưng sự việc xảy ra không hoàn toàn như chúng ta mong muốn. Giai cấp thống trị của các triều đại đều

(*) Cuộc « vận động Ngũ tứ » là phong trào yêu nước của học sinh Bắc-kinh nổ ra ngày 4-5. 1919 để chống lại quyết định của Hội nghị hòa bình ở Pa-ri trao lại Sơn-dông (trước do Đức chiếm) cho Nhật, sau khi Đức thất bại trong chiến tranh thế giới thứ nhất. Phong trào này đã lan rộng thành một phong trào chống đế quốc rộng lớn trong cả nước Trung-hoa.

lo giữ vững chiếc ngai vàng của họ, cho nên họ tiếp thu bộ máy Nhà nước và mọi thiết chế mà người phương Bắc để lại. Đặc biệt, họ lấy văn hóa Trung-quốc làm khuôn vàng thước ngọc. Vua Hán, vua Đường, vua Tống, vua Nguyên, vua Minh, vua Thanh làm thế nào, họ bắt chước làm thế ấy. Chế độ chính trị, tổ chức xã hội, tôn giáo, tín ngưỡng, chế độ giáo dục, chế độ khoa cử... đều phỏng theo Trung-quốc cả. Thậm chí, họ lấy chữ Hán làm văn tự quốc gia, bởi vì chữ Hán gắn liền với Nho học, mà *Nho học là học thuyết làm cho địa vị của họ trở thành vĩnh cửu*, truyền từ đời này sang đời khác. Có thể nói không mâu thuẫn rằng giai cấp cấp thống trị phong kiến Việt-nam có một tinh thần dân tộc rất cao trong việc bảo vệ lãnh thổ, bảo vệ nền tự chủ của quốc gia, và đã từng đóng một vai trò tích cực trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm; nhưng trong việc xây dựng nền văn hóa dân tộc, thì nói chung, họ lại có óc sùng bái nước ngoài. Thành thử ảnh hưởng văn hóa Trung-quốc trong thời nước ta bị Trung-quốc đô hộ đã sâu nặng, mà trong thời nước ta được độc lập cũng không hề phai nhạt.

Để giữ gìn và phát triển bản sắc dân tộc của nền văn hóa Việt-nam, ông cha ta, chủ yếu là tuyệt đại đa số nhân dân lao động và những trí thức yêu nước, đã phải đấu tranh quyết liệt chống sự xâm nhập của văn hóa Hán tộc phương Bắc, và sự sùng bái văn hóa Trung-hoa của các thế lực phong kiến thống trị ở Việt-nam trước đây.

Trước hết về *tiếng nói*. Mỗi dân tộc có một tiếng nói riêng. Nhiều dân tộc khi mất nước là mất luôn cả tiếng nói, bởi vì khi dân tộc bị chinh phục thì ngôn ngữ cũng bị « chinh phục » nốt, có khi mất hẳn, nhất là khi dân tộc bị chinh phục chưa ở vào thời kỳ ổn định hoặc khi thời gian bị chinh phục kéo dài hàng thế kỷ.

Đất nước ta rơi vào trường hợp bị đô hộ khá lâu dài, thế mà dân tộc ta vẫn giữ được tiếng nói của mình, không dễ cho ngôn ngữ dân tộc mình bị đồng hóa. trái lại, cứ dần dần phát triển lên bằng cách này hay cách khác. Chính sách đồng hóa của người Hán chỉ dẫn đến chỗ nhập vào tiếng Việt một thành phần tương đối lớn về từ mà thôi, chứ không thay đổi được cơ cấu ngữ pháp của tiếng Việt, nghĩa là tiếng Việt không bị Hán hóa, chẳng hạn như trật tự từ trong câu, người Việt-nam nói *sách trắng*, mà không nói *trắng sách* (bach thư). Đó là một thắng lợi quyết định.

Đã thế, những từ nhập vào, chúng ta cũng Việt hóa đi, bằng nhiều cách. Đó là chưa kể những từ Hán vay mượn luôn ở thế bị đào thải, bị thay thế bằng từ Việt. Nhất là khi có một từ Việt để chỉ cùng một sự vật, một hiện tượng, một khái niệm, thì có sự tranh chấp một mất một còn, một bị đẩy lùi, một thắng thế, mà từ thắng thế nhất định là từ Việt, còn từ bị đẩy lùi là từ Hán.

Chữ viết cũng vậy. Các triều đại phong kiến lấy chữ Hán làm văn tự quốc gia. Nhưng những người có tinh thần dân tộc đều nghĩ rằng phải có một thứ chữ riêng để ghi tiếng nói của dân tộc. Trước kia chưa có thì phải tự tạo lấy. Và trải qua bao nhiêu thế hệ, ông cha ta đã tạo ra chữ nôm, bằng cách chấp vá hết sức phức tạp, không lấy gì làm thuận tiện, nhưng cũng là của ta. Chữ nôm bị đẩy xuống vị trí phụ thuộc, là bởi vì các triều đại phong kiến không chịu thừa nhận nó. Nhưng nó vẫn cứ tồn tại. Thế rồi, từ thế kỷ XIV trở đi, có một cuộc đấu tranh giữa văn nôm và văn chữ Hán để chiếm ưu thế trên văn đàn. Cuộc đấu tranh này khá gay go, vì những người biết chữ nôm đều biết chữ Hán, và sáng tác bằng chữ Hán thì dễ hơn sáng tác văn nôm. Nguyễn Sĩ-Cổ, Chu-Văn-An đời Trần làm thơ « quốc âm », « quốc ngữ », nhưng đều

là những nhà bác học, danh nho. Họ ở vào thời kỳ ta thắng quân Nguyễn xâm lược, cho nên lòng tự hào dân tộc thúc giục họ làm thơ bằng ngôn ngữ dân tộc. Nguyễn-Trãi và các vị trong nhóm Tao đàn dõng Lê cũng thế. Họ lại còn phải vượt qua cái thành kiến "nôm na là cha mách quê". Không phải ngẫu nhiên mà Nguyễn-Trãi viết:

«Thơ dãi tục hiềm câu dãi tục».

Tinh thần dân tộc được tôi luyện trong cuộc kháng chiến chống Nguyễn rồi chống Minh làm cho văn nôm trong giai đoạn từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XV này mầm và phát triển đến nỗi vua chúa, các quan, các bậc đại khoa đời Trần, đời Lê đua nhau làm thơ nôm cả.

Sang giai đoạn sau, từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XVIII, sự phát triển của văn nôm là do cuộc đấu tranh của nhân dân chống sự chi phối của giai cấp phong kiến. Văn nôm như một cái cây đã sớm bén rễ, bây giờ có điều kiện nảy lộc đâm cành. Nó lại được dùng để truyền bá những tư tưởng chống đạo đức, lễ giáo phong kiến, vì vậy giai cấp phong kiến ra tay đàn áp văn nôm như đàn áp các cuộc khởi nghĩa nông dân. Chúng hạ lệnh cấm sáng tác, in khắc, tàng trữ, lưu hành truyện nôm. Nhân dân phản ứng bằng cách cứ in khắc, cứ lưu hành, nhưng không đề tên tác giả. Đó là những truyện nôm mà ngày nay ta gọi là truyện nôm khuyết danh. Chính truyện nôm khuyết danh là tiền đề cho những tác phẩm văn học nổi tiếng của dân tộc ta, như *Chinh phu ngâm* của Đoàn-Thị-Điễm, *Cung oán ngâm khúc* của Nguyễn-Gia-Thiều, *Hoa tiên* của Nguyễn-Huy-Tự, *Truyện Kiều* của Nguyễn-Du.

Nửa đầu thế kỷ XIX chính sách phản động về văn hóa giáo dục của cha con nhà Nguyễn không hạn chế nổi sự trưởng thành của văn nôm. Các tác phẩm nôm vẫn liên tiếp xuất hiện với những tên tuổi được nhiều

người biết: Nguyễn-Huy-Hổ, Nguyễn-Công-Trứ, Hồ-Xuân-Hương, bà huyện Thanh-quan, Phan-Huy-Vĩnh, Vũ-Quốc-Trần... Những người này hoặc phục vụ cho nhà Nguyễn, hoặc không phục vụ cho nhà Nguyễn, nhưng đều không chịu ảnh hưởng của chính sách nhà Nguyễn. Họ sống dưới triều Nguyễn, điều đó càng chứng tỏ văn nôm đã thành thực lắm rồi, đã trở thành ngôn ngữ văn học từ lâu rồi!

Vả chăng, văn chữ Hán của ông cha ta đâu phải hoàn toàn là hư văn cả. Tác phẩm của các cụ đều thấm nhuần tinh thần dân tộc. Thơ Lý-Thường-Kiệt, hịch Trần-Quốc-Tuấn, phú Trương-Hán-Siêu, cáo Nguyễn-Trãi có tác dụng rất lớn đối với các cuộc đấu tranh của dân tộc chống ngoại xâm. Và bao nhiêu tác phẩm khác, viết bằng chữ Hán nhưng đều nhằm góp phần soi sáng đời sống tinh thần, đời sống vật chất của các tầng lớp nhân dân qua các thời đại, tìm hiểu đất nước và con người Việt-nam. Càng nghĩ, chúng ta càng quý những bộ như *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Việt sử thông giám cương mục*, *Đại việt thông sử*, *Dư địa chí*, *Lịch triều hiến chương loại chí*, *Nhất thống dư địa chí*, *Đại nam nhất thống chí*. Lại còn có những bộ ghi lại tri thức của ông cha ta về nhiều mặt: y học, toán học, nông nghiệp, khí tượng, thủy văn...

Rõ ràng, qua nhiều đợt đấu tranh liên tục, mà động lực là tình cảm dân tộc, tinh thần dân tộc, ông cha ta mới bảo vệ được tiếng nói của dân tộc, đặt ra được một thứ chữ viết cho dân tộc, trau dồi ngôn ngữ dân tộc thành ngôn ngữ văn học để xây dựng một nền văn học dân tộc bằng ngôn ngữ dân tộc song song với văn học dân tộc bằng chữ Hán.

Một cuộc đấu tranh như thế cũng từng diễn ra trong lĩnh vực *nghệ thuật*. Giai cấp phong kiến, những kẻ giàu sang vốn sùng ngoại thì thích mô phỏng phương Bắc: còn các nghệ nhân vốn xuất thân từ thành phần

lao động, không do một tô chức nào của Nhà nước phong kiến đào tạo, không qua những kỳ thi nào do Nhà nước phong kiến quy định, lại sáng tác theo tinh thần dân tộc. Họ hoàn toàn học theo lối truyền nghề. Hầu hết họ không chuyên. Trừ một số nghệ nhân mà triều đình phong kiến trưng dụng để chuyên phục vụ cho chúng, như xây cung đình, lăng mộ ngày này qua tháng khác, phần lớn họ đều tham gia sản xuất, trồng lúa, trồng khoai. Có thể nói tác giả những công trình kiến trúc, điêu khắc, chạm trổ, tranh tượng truyền lại đến nay cũng là những người làm ra ngô, khoai, lúa gạo. *Âm nhạc, sân khấu* cũng thế. Nhạc sĩ, diễn viên chèo, tuồng, không ai khác là những người thường dân mặc áo vải, chân lấm tay bùn. Họ hoàn toàn mới có vài người trong giai cấp phong kiến, có nhiệm vụ bảo vệ ngai vàng và chế độ phong kiến nói chung. Thành thử, quan niệm mỹ thuật của các nghệ nhân ta trong quá khứ là quan niệm mỹ thuật của người lao động chính công, ít bị ảnh hưởng của hệ tư tưởng phong kiến hơn các nhà thơ, nhà văn. Vì thế bất cứ môn nghệ thuật nào của ta cũng biểu hiện nhân sinh quan của tầng lớp lao động. Và cũng chỉ khi nào buộc phải phục vụ giai cấp phong kiến, họ mới phải theo thị hiếu của chúng, mô phỏng mẫu mực, đề tài phương Bắc. Như ở cung đình, lăng mộ thì có long, ly, quy, phượng, ở chùa chiền thì có tượng phật, tượng La hán. Không thể khác được. Nhưng những mẫu mực, đề tài ấy vào tay nghệ nhân Việt-nam ít nhiều đã biến dạng. Đặc biệt khi uy thế của giai cấp thống trị bị giảm sút như ở các thế kỷ XVI, XVII, XVIII, thì màu sắc phong kiến mờ nhạt đi, mà màu sắc dân gian đậm nét hơn. Những con vật bình thường như con chó, con trâu được đặt cạnh những long, ly, quy, phượng, mà rồng phượng cũng không oai vệ hùng hổ nữa! Có rồng mẹ,

rồng con; phượng cũng giống gà mẹ: gà con riu rít. Rồi những hình ảnh cuộc sống bình thường, như cảnh uống rượu, đánh cờ, đánh vật, bơi thuyền, hát chèo, đấu võ, làm xiếc... được lấy làm đề tài cho những bức chạm ở đình, chùa. Lại có những bức đá kích giai cấp phong kiến và lễ giáo phong kiến, những cảnh quan ghẹo gái, phụ nữ tắm trướng! Thú vị nhất là trên tấm bia Chùa Ông ở Hải-hung có chạm một phụ nữ ngồi dạng hàng trên cảnh lưỡng long triều nguyệt!

Nhạc thì chỉ có nhạc cung đình là chịu ảnh hưởng phương Bắc. Đầu đời Lê có một cuộc đấu tranh giữa Nguyễn-Trãi và Lương-Đăng về việc chế "nhà nhạc". Nguyễn-Trãi thì muốn dùng âm nhạc dân tộc, âm nhạc dân gian, dùng « bản đồ khánh đá » (2). ông bày tỏ như sau: « Hòa bình là gốc của nhạc, thanh âm là văn của nhạc. Thần vàng chiếu định nhạc, không dám không hết lòng, nhưng học thuật nông cạn, khó hài hòa được thanh âm cho thần diệu, tinh vi, *nguyện xin bề hạ yêu thương, nuôi dưỡng lấy dân chúng, khiến trong xóm làng không có tiếng oán giận, sâu thăm, thế là không làm mất gốc của nhạc* » (Toàn thư).

Còn Lương-Đăng thì muốn bắt chước triều Minh, đặt ra nhiều thể thức phiên toái, phân biệt nhiều thứ nghi lễ, và dùng nhạc cụ phương Bắc. Nhà vua và bọn quyền thần theo đề nghị của Lương-Đăng. Nguyễn-Trãi can gián không được, chán nản, xin lui về núi Côn-sơn.

Hai loại hình nghệ thuật sân khấu phổ biến thời trước là *tuồng* và *chèo*. Tuồng có chịu ảnh hưởng của phương Bắc, song cũng có sự khác biệt đáng kể. Có nhiều trường hợp tác giả tuồng của Việt-nam lấy sự tích Trung-quốc, tên gọi Trung-quốc, song lại phản ánh cuộc sống, con người, xã hội Việt-nam, đó là chưa

(2) Khánh là nhạc cụ của phương Nam, còn phương Bắc không có.

kể đến những vở viết thuần túy về Việt-nam. Còn chèo là hình thức dân gian ưa thích thì rõ ràng không có ảnh hưởng gì của Trung-quốc cả. Nội dung, phong cách, làn điệu đều hoàn toàn Việt-nam.

Như vậy, trong nghệ thuật cũng như trong văn học, cuộc đấu tranh bảo vệ tinh thần dân tộc thường trở thành *cuộc đấu tranh chống ý thức hệ phong kiến của giai cấp thống trị, vốn có tinh thần sùng bái nước ngoài*.

Riêng về các ngành nghề phục vụ đời sống hằng ngày thì cuộc đấu tranh này biểu hiện ở dạng khác. Không phải đấu tranh chống ảnh hưởng phương Bắc nữa, mà chủ yếu là *đấu tranh để khỏi phụ thuộc vào phương Bắc*, ông cha ta đã tự sản xuất lấy đồ dùng với những vật liệu sẵn có trong nước. Trong địa hạt này, giai cấp thống trị trong nước cũng có ý thức tương tự như người dân. Sử chép khoảng thế kỷ XI, nghĩa là thuở dân tộc mới giành được độc lập, Lý-Thái-Tổng gọi thợ khéo từ các địa phương về kinh, dạy cho cung nữ kỹ thuật dệt gấm vóc để có thể tự túc, thay thế toàn bộ gấm vóc mua hàng năm của Trung-quốc. «Tháng hai năm Canh Thìn (1040), nhà vua ra chiếu phát hết gấm vóc của nhà Tống trong phủ làm y phục ban cho quần thần, từ ngũ phẩm trở lên được gấm, cửu phẩm trở lên được vóc, *ấy là để tỏ ra rằng không mặc gấm vóc nước Tống nữa*» (Toàn thư).

Đến năm 1156, Lý-Thái-Tổng còn tăng triều đình Tống 850 tấm đoạn mau vàng thắm thêu hoa và rồng cuốn. Về việc khuyến khích hàng nội hóa Phạm-Dinh-Hồ có viết trong *Vũ trung tùy bút*: «Nếu người cầm quyền được biết nhân các sản vật tự nhân mà khéo dùng nó, chế biến thành các thứ cần dùng, thì so với Trung-hoa, ta cũng chẳng kém gì mấy...». Trong lịch sử dân tộc Việt-nam, các ngành nghề phục vụ đời sống đã ra đời rất lâu. Công tác khảo cổ phát hiện nhiều

thành tựu huy hoàng về thời các vua Hùng, kỹ thuật đúc đồng phát triển từ khi có trống đồng, thạp đồng. Nghề gốm, nghề dệt, nghề mộc, nghề đan... đều do nhu cầu đời sống mà nảy sinh. Bao đời nay, những thế hệ sống trên dải đất này không ngừng đem trí tuệ và bàn tay sáng tạo nên những sản phẩm quý báu cho nhân dân dùng, không đợi người phương Bắc bày vẽ cho mới biết! Nhưng ai có cái gì khéo, hay hơn mình thì mình cứ học, không nề hà.

Đồng thời với việc học tập phương Bắc là chống tư tưởng tự ti. Các sách địa phương chỉ của ông cha ta đều nuôi dưỡng lòng tự hào dân tộc bằng cách nêu cao những thành tựu dân tộc ta đã đạt được qua các thời đại. Nhờ những sách đó, chúng ta mới biết thời Bắc thuộc, các đồ gốm sản xuất ở Việt-nam có màu men trắng ngà không giống loại gốm màu xanh của Hán, do bọn thống trị người Hán đưa vào. Sang đời Lý, thợ Việt-nam lại tạo được thứ men xanh trong như ngọc, hoàn toàn khác men xanh Trung-quốc đời Tống. Thời Bắc thuộc, tổ tiên ta xé thân cây chuối ra sợi mà dệt thành vải, và dâu Công nguyên, nước ta đã trồng bông sớm hơn một số nước láng giềng; trong số công phẩm Sĩ-Nhiếp dâng về triều đình phương Bắc có hàng nghìn tấm vải cát ba mịn của ta. Ở thế kỷ III sau Công nguyên, tổ tiên ta đã làm được thứ giấy thơm bằng gỗ trầm hương gọi là «*giấy mật hương*»; lại có thứ giấy bằng rong, rêu lấy ở biển gọi là «*giấy trúc lý*»... Cuốn *Văn dai loại ngữ* của Lê-Quý-Đôn có dành một phần nói về *phẩm vật*, trong đó ông ghi lại những cây cỏ nước Việt-nam ta, có những sản vật người Việt-nam ta làm ra, cố ý so sánh ta với Trung-quốc, và công kích tư tưởng sùng ngoại của bọn giàu sang, quyền quý. Chẳng hạn như đoạn nói về cây sâm: «*Ở nước ta, các làng Phù-lưu, Tiên-lễ thuộc châu Bố-chánh trấn Nghệ-*

an có sản xuất nhân sâm. Cứ đến tháng 4 tháng 5 sâm nở hoa tím, cắt rễ, rửa qua đem đồ, sao qua, ngày phơi, đem sấy cũng có hoành văn (văn ngang) không khác gì sâm bắc, vị nó thanh ngọt, dùng để chữa bệnh nguy cấp, sinh tân dịch, bổ khí, cũng có công hiệu... Sâm Nghệ-an không đắt lắm, một lạng trị giá chỉ độ 30 hay 40 đồng tiền. Các lái buôn đem sâm bắc từ Trung-quốc sang bán khi chất đã biến hết, mà một lạng giá đến 80 quan, rồi lên giá mãi đến 180 quan: các nhà công hầu, quý thích dốc tiền ra mua về dùng. *Ta bảo như thế có khác gì chán gà nhà mà chuốc cò nội, v.v. ».*

Tư tưởng « chán gà nhà chuốc cò nội » trong lĩnh vực *học thuật*, tư tưởng còn trầm trọng hơn nhiều.

Chính vì vậy mà cuộc đấu tranh gay go nhất là về mặt này. Khi nước Âu-lạc bị người phương Bắc chinh phục, có thể nói trình độ học thuật tư tưởng của tổ tiên ta còn thấp, cho nên thời bấy giờ các hệ tư tưởng của phương Bắc vào nước ta một cách dễ dàng. Đạo Phật, đạo Lão, đạo Nho, cả ba đều được giai cấp thống trị đề cao, vì cả ba đều có tác dụng mê hoặc đại chúng và kìm hãm đại chúng vào địa vị nô lệ. Đến thế kỷ X, nước nhà độc lập, nhưng những hệ tư tưởng ấy vẫn được vua chúa Việt-nam sùng bái, cho nên ảnh hưởng sâu sắc đến toàn bộ đời sống tinh thần của dân tộc ta, từ chính trị, đến xã hội, phong tục tập quán, tôn giáo, tín ngưỡng, đạo đức, giáo dục. Những hệ tư tưởng ấy để ra nhiều điều mê tín, dị đoan kỳ quái, nhiều nghi lễ phiền phức, vô nghĩa. Ví dụ trong việc thờ cúng tổ tiên, bao nhiêu tín ngưỡng, đạo giáo, Phật giáo, Nho giáo trộn lẫn vào nhau làm cho ý nghĩa nhớ ơn sinh thành của tổ tiên mờ nhạt đi, đồng thời những hình thức rắc rối được bày đặt ra, bắt người ta phải theo. Tết, không phải chỉ có tết Nguyên đán, mà còn tết Hàn thực, tết Thanh minh, tết

Đoan ngo, tết Trung thu, tết Trùng cửu, tết Cơm mới, tết Thượng nguyên, tết Trung nguyên, tết Hạ nguyên, ngoài ra, khi có chuyện vui, hay khi có chuyện buồn, đều phải thiết cỗ bàn cáo tổ tiên cả.

Thật ra, chỉ những nhà giàu sang « *phú quý sinh lễ nghĩa* » thì mới có điều kiện theo, còn nhân dân lao động không thể bày vẽ như thế được. Họ đã chống lại những phong tục tập quán kia bằng những câu ca dao đầy ý nghĩa :

Sống thì con chẳng cho ăn.

Chết thì xới thịt làm ván lễ ruồi.

Xét các phong tục tập quán khác trong việc sinh đẻ, dựng vợ gả chồng, ma chay đều pha tạp như thế. Tục ngữ, ca dao là một kho tàng, ở đó chúng ta đã tìm thấy nhiều câu lưu truyền chống lại các thứ lễ nghi mà giai cấp thống trị bày đặt ra.



Đấu tranh để bảo vệ tính dân tộc trong văn hóa *không có nghĩa là bài ngoại*. Tôn trọng tính dân tộc không loại trừ tiếp thu tinh hoa các dân tộc khác. Không phải cái gì của dân tộc khác đều trái với tinh thần dân tộc ta. Ngược lại, cũng không phải những cái gì của dân tộc khác cũng hợp với dân tộc ta. Phải chú ý đến hoàn cảnh nước ta, đặc điểm dân tộc ta. Phản đối là phản đối học đòi, bắt chước. « *ăn sống nuốt tươi* », chứ không phải phản đối sự tiếp thu có chọn lọc.

Nhưng cũng *không phải là phục cổ*. Tinh dân tộc không phải là cố định, nhất thành bất biến, mà thay đổi với thời gian, với lịch sử, với quá trình phát triển của dân tộc. Nhất định con người Việt-nam ngày nay không giống con người Việt-nam cách đây vài chục năm, tất nhiên cũng không giống con người Việt-nam đời Trần, đời Lý, hoặc xa hơn nữa. Lấy một vài nét nào do

ở một thời đại nào đó, rồi nói rằng chỉ những nét ấy mới thật có tính dân tộc, và phải giữ nguyên vẹn, là không đúng. Văn học nghệ thuật của ông cha ta truyền lại nói chung là quý. Ông cha ta đã đem hết trí tuệ tài năng dồn vào đó, chúng ta phải khai thác, tiếp thu, nhưng không có nghĩa là khai thác tiếp thu về mặt hình thức. Phong tục tập quán cũng thế. Phải có tính dân tộc, nhưng phải thích hợp với hoàn cảnh ngày nay.

Tính dân tộc không phải chỉ thể hiện ở bề ngoài, ở hình thức, mà *chủ yếu thể hiện ở nội dung*. Nguồn gốc của nó là *tâm hồn, tình cảm*, cho nên điều kiện tiên quyết để bảo vệ tính dân tộc là phải yêu dân tộc, hiểu lịch sử dân tộc, biết tự hào về quá khứ dân tộc, không sùng bái nước ngoài một cách mù quáng. Những người mà chúng ta gọi là “mất gốc”, “lai căng”, đều không có đầy đủ tình cảm đó.

Tiếp thu truyền thống dân tộc lại phải cảnh giác với những yếu tố của giai cấp thống trị phong kiến truyền lại. Trong xã hội cũ, văn hóa nằm trong tay vua chúa, quý tộc. Chỉ bọn họ mới có uy quyền, tiền bạc tập trung những người tài giỏi trong nước, rồi bắt sáng tác phục vụ họ, vẽ tranh cho họ. Bọn họ sùng bái nước ngoài cho nên họ khuyến khích bắt chước, ít quan tâm đến sáng tạo. Nói như vậy, không có nghĩa là những công trình giai cấp phong kiến để lại đều bỏ đi cả. Dù sao những công trình ấy cũng là sản phẩm của những nghệ sĩ trực tiếp làm ra, nếu là nghệ sĩ chân chính thì nhất định có phần sáng tạo theo cảm xúc thật sự của mình. Người ta nhận xét trong xã hội cũ, văn học dân gian, nghệ thuật dân gian đậm đà màu sắc dân tộc hơn cả.

Nghe được một câu ca dao, xem một bức tranh làng Hồ, từ đáy lòng chúng ta cảm thấy gần gũi thân thương hơn là nghe một bài thơ chữ Hán chông chất điển cố, hay xem một cung điện chạm trổ cầu kỳ. Cho nên muốn tìm hiểu *tính dân tộc thì phải tìm trong dân gian, trong quần chúng lao động*, chứ không phải tìm ở tầng lớp thống trị. Trong một dân tộc, quần chúng nhân dân là số đông, họ mang những nét chung tiêu biểu nhất của dân tộc, và ít phai nhạt nhất.

Có người lầm tưởng rằng tính dân tộc phải là cái gì cổ, càng cổ càng hay. Tất nhiên, những nét đặc sắc nhất của dân tộc phải có sức sống lâu bền truyền từ đời nọ sang đời kia, như thế mới gọi là truyền thống. Nhưng truyền thống lại không phải cái đã chết, cái thuộc về quá khứ. *Nó phải thích ứng với cuộc sống ngày nay của dân tộc*. Không thể đối lập tính dân tộc với tính hiện đại, bởi vì, nói dân tộc thì phải kể cả giai đoạn hiện tại, chứ không phải chỉ dừng lại ở một giai đoạn nhất định nào trong quá khứ. Nhưng hiện đại không có nghĩa đơn thuần là mới, ngày hôm qua chưa có. Như thế là nhìn hình thức bề ngoài. Phải đi sâu vào nội dung, vào cái cơ bản. Hiện đại là trái với lạc hậu, hủ bại. Hiện đại là có tính chất khoa học.

Nhìn lại những thế kỷ đã qua, chúng ta có thể rút ra được những bài học như thế, đặc biệt là bài học về tinh thần đấu tranh của ông cha ta để bảo vệ văn hóa dân tộc trong những điều kiện bất lợi, và cuối cùng đã giành nhiều phần thắng về mình. Cuộc đấu tranh này vẫn còn phải tiếp tục để xây dựng nền văn hóa mới Việt-nam trong hoàn cảnh mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Cả loài người tiến bộ lên án Trung-quốc, ủng hộ Việt - nam

CHƯA bao giờ có một sự kiện mà vừa mới xảy ra đã gây nên một làn sóng dư luận sôi sục khắp năm châu bốn biển, như cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam của bọn phản động cầm quyền ở Bắc-kinh. Không thể kể hết những lời nói và hành động đầy căm phẫn đối với bọn xâm lược Trung-quốc và đầy tình nghĩa đối với nhân dân Việt-nam. Cả loài người tiến bộ đang đứng dậy quyết ngăn chặn bàn tay đẫm máu của bọn bành trướng Bắc-kinh, lên án chúng, phỉ nhổ chúng, đòi chúng phải rút ngay lập tức quân xâm lược ra khỏi Việt-nam, kiên quyết ủng hộ nhân dân Việt-nam đánh bại cuộc xâm lược của chúng. Đó là vì đụng đến Việt-nam là đụng đến cả hệ thống xã hội chủ nghĩa, đến phong trào hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới, thách thức lương tri của cả loài người. Đó là vì cuộc kháng chiến của nhân dân Việt-nam chống cuộc chiến tranh xâm lược của bọn phản động cầm quyền ở Bắc-kinh tiêu biểu cho cuộc đấu tranh của các lực lượng cách mạng chống các lực lượng phản cách mạng, của các lực lượng tiến bộ chống các lực lượng phản động, của các lực lượng hòa bình chống các lực lượng chiến tranh trên toàn thế giới. Loài người tiến

bộ càng sôi sục lên tiếng vì trong cuộc đụng đầu này, kẻ xung kích phản cách mạng là kẻ đã từng khoác áo chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa xã hội nay công khai phản bội chủ nghĩa xã hội, phản bội cách mạng và ồm ồm bành trướng, bá quyền, và người bị xâm lược lại là « một nước đối với cộng đồng quốc tế đã trở thành biểu tượng của cuộc đấu tranh giải phóng, giành độc lập chủ quyền » (Tuyên bố của Chính phủ Ba-lan 20-2), « một dân tộc anh hùng không hề làm gì có hại cho loài người mà đã cống hiến cho loài người một cách quang vinh bằng việc nhận lấy những hy sinh hết sức to lớn về mình, cũng không hề làm gì xấu đối với nhân dân Trung-quốc, mà là bạn của họ » (Xã luận của báo *Tiếng nói nhân dân* An-ba-ni 21-2), « một dân tộc bằng cuộc kháng chiến anh hùng của mình đã đánh bại đế quốc Mỹ góp phần lớn nhất trong những năm gần đây vào cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và tiến bộ xã hội - chính trị, vì thế là một dân tộc được khám phục và mến yêu nhất trên thế giới » (Điện của Đảng cộng sản Bra-xin 19-2).

Chính vì vậy mà, như Chủ tịch Hội đồng hòa bình thế giới R. Chandra đã nói tại Niu Đê-li ngày 22-2-

1979, « phong trào toàn thế giới phản đối Bắc-kinh xâm lược Việt-nam là cực kỳ mạnh mẽ và gây ảnh hưởng chính trị rộng rãi xưa nay chưa từng có. Về mặt chính trị, phong trào đoàn kết với Việt-nam hiện đã có những cơ sở rộng rãi nhất, hơn cả những năm Việt-nam chống xâm lược Mỹ ». Phải nói thêm là những ngày qua dư luận thế giới đã phản ứng hết sức nhanh chóng và kịp thời trước tội ác của Bắc-kinh. Dư luận thế giới đã dùng những lời lẽ mạnh mẽ nhất để lên án bọn xâm lược và đã coi việc ủng hộ Việt-nam là một mệnh lệnh của lương tri, một nhu cầu của trái tim. Từ khắp nơi trên thế giới vang lên những tiếng thét căm thù: « Không được đụng đến Việt-nam! », « Những tên Trung-quốc xâm lược rút khỏi Việt-nam! », « Nhục nhã thay bọn Trung-quốc xâm lược! », « Chủ nghĩa bán trượng Bắc-kinh và chủ nghĩa đế quốc là một », « Trung-quốc, quân phản bội, quân phát-xít, quân xâm lược », và những tiếng nói đoàn kết chân tình: « Vì Việt-nam, chúng tôi sẵn sàng hiến dâng cả máu mình », « Việt-nam, có chúng tôi bên cạnh », « Đoàn kết với Việt-nam lúc này càng cần thiết », « Việt-nam vẫn là sự nghiệp của chúng tôi », « Hồ-Chí-Minh, chúng ta sẽ chiến đấu đến cùng ».

Các nước Liên-xô, Cam-pu-chia, Lào, Cu-ba, Tiệp-khắc, Cộng hòa dân chủ Đức, Bun-ga-ri, Hung-ga-ri, Ba-lan, Mông-cô, An-ba-ni, Ăng-gô-la, Ê-ti-ô-pi-a, Mô-dăm-bích, Nam Y-e-men, Ăp-ga-ni-xtăng... đã lên tiếng vạch trần bản chất cực kỳ phản động của tập đoàn cầm quyền Bắc-kinh phát động chiến tranh xâm lược Việt-nam, kiên quyết đòi chúng phải rút ngay lập tức quân đội của chúng ra khỏi Việt-nam. Liên-xô đã cảnh cáo nghiêm khắc: « Hãy dừng lại trong lúc còn chưa muộn! » và tuyên bố sẽ làm nghĩa vụ theo Hiệp ước Việt — Xô. Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia,

những anh em thân thiết và gần gũi của Việt-nam, đã lên tiếng: Có mặt! Các vị lãnh đạo, các nhà hoạt động chính trị — xã hội, các nhân sĩ tiền bộ nhiều nước khác như Tổng thống, Thủ tướng, Bộ trưởng ngoại giao Ấn-độ, Bộ trưởng ngoại giao Niu Di-lân, Bộ trưởng ngoại giao Pa-na-ma... cũng đã bày tỏ ý kiến lên án những kẻ cầm quyền ở Bắc-kinh đi ngược với lẽ phải, làm trái lòng người, và bày tỏ sự ủng hộ đối với Việt-nam.

Các tổ chức quốc tế và tổ chức khu vực như Hội đồng hòa bình thế giới, Liên hiệp công đoàn thế giới, Liên đoàn thanh niên dân chủ thế giới, Liên đoàn phụ nữ dân chủ thế giới, Hội liên hiệp sinh viên quốc tế, Hội luật gia dân chủ quốc tế, Tổ chức đoàn kết nhân dân Á Phi, các hội hữu nghị với Việt-nam, với Cam-pu-chia, Lào... đều đã cất cao tiếng nói phản đối và bày tỏ quyết tâm động viên rộng rãi dư luận các giới, kêu gọi tổ chức các cuộc biểu tình, mít-tinh và những hoạt động khác đoàn kết với Việt-nam, quyết « làm sống lại phong trào thế giới ủng hộ nhân dân Việt-nam để ủng hộ nhân dân Việt-nam mạnh hơn nữa, toàn diện hơn nữa trong sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa bảo vệ và xây dựng đất nước ».

Các đảng công sản ở hầu hết các nước đều đứng hẳn về phía Việt-nam, vạch mặt bọn phản bội ở Bắc-kinh. Các đảng ấy đều chung một tiếng nói: động viên trở lại tất cả những ai là bạn của Việt-nam để bảo vệ quyền của nhân dân Việt-nam được sống trong độc lập tự do, đồng thời để bảo vệ cách mạng và hòa bình thế giới.

Các đảng phái, các đoàn thể và tổ chức tiên bộ ở các nước tư bản chủ nghĩa, các nước độc lập dân tộc cũng đã có những hoạt động sôi nổi lên án Trung-quốc, ủng hộ Việt-nam, đòi chính phủ nước mình phải có thái độ dứt khoát lên án bọn xâm lược Trung-

quốc hoặc không được cung cấp vũ khí và tài liệu khoa học — kỹ thuật cho Trung-quốc dùng vào mục đích quân sự.

Chỉ với một thời gian ngắn mà chúng ta đã được chứng kiến biết bao nhiêu hình thức phản đối Trung-quốc, ủng hộ Việt-nam hết sức phong phú và đa dạng, những hình thức đã từng có trong thời kỳ nhân dân Việt-nam chống Mỹ, cứu nước nhưng nay biểu hiện với một sức mạnh mới. Lớp lớp người, với khí thế hùng hục, đã xuống đường họp mít-tinh, biểu tình hô khẩu hiệu, gửi kiến nghị, lấy chữ ký, ủng hộ Việt-nam, phản đối Trung-quốc, thậm chí bao vây đại sứ quán Trung-quốc. Những cuộc mít-tinh, biểu tình đó, dù diễn ra dưới trời giá lạnh ở Thụy-diễn, Phần-lan hay ở nơi nóng bỏng như Ăng-gô-la, Ê-ti-ô-pi-a, dù ở châu Á như Ấn-độ, Xơ-ri Lan-ca hay ở châu Mỹ la-tinh xa xôi như Pê-ru, dù được tổ chức trong các nhà máy, công trường, nông trường, đơn vị quân đội, trường học... của các nước xã hội chủ nghĩa hay tại các thành thị các nước tư bản chủ nghĩa Pháp, Nhật, Cộng hòa liên bang Đức, Mỹ, Anh, đều cùng thể hiện một ý chí sắt đá: kiên quyết chặn bàn tay tội ác của bọn bành trướng Bắc-kinh, kiên quyết ủng hộ Việt-nam. Đó là sự bùng nổ của lương tâm thời đại. Có thể nói rằng trái tim của mọi người lương thiện trên trái đất đang hòa cùng một nhịp với nhân dân Việt-nam anh hùng đứng trên tuyến đầu chống chủ nghĩa bành trướng Bắc-kinh. « Hai tiếng «Việt-nam» ngày nay lại vang lên như khẩu lệnh siết chặt hàng ngũ đoàn kết quốc tế, như tiếng chuông báo động kiên quyết chống trả » (Lu-ít Coóc-va-lan, Tổng bí thư Đảng cộng sản Chi-lê).

Chẳng những thế, nhân dân các nước còn có những hành động thiết thực ủng hộ Việt-nam như quyền góp tiền ủng hộ nhân dân Việt-nam, hiến máu cho Việt-nam, làm thêm giờ,

thêm sản phẩm cho Việt-nam, cam kết hoàn thành trước thời hạn những đơn đặt hàng của Việt-nam. Thanh niên nhiều nước đề nghị được sang Việt-nam chiến đấu. Một hành động sáng ngời tinh thần quốc tế: ngày 23-2, công nhân cảng Đem-pia ở Ô-xtrây-li-a quyết định không bốc dỡ hàng cho tàu Trung-quốc neo đậu tại cảng. Đại hội liên hoan phim ngắn quốc tế ở Tam-pê-rê (Phần lan) quyết định không cho chiếu một cuốn phim của Trung-quốc trong lúc Trung-quốc xâm lược Việt-nam. Chắc chắn rằng sẽ còn những biểu hiện đẹp đẽ nữa của tinh đoàn kết quốc tế đối với Việt-nam. Và cùng với nhân dân thế giới, nhân dân Trung-quốc, qua báo tường ở Bắc-kinh, và các hình thức khác đã bắt đầu cất lên tiếng nói phản nộ chống bọn cầm quyền phản bội lợi ích của nhân dân Trung-quốc, phát động chiến tranh xâm lược Việt-nam.

Qua hành động xâm lược Việt-nam của bọn bành trướng Bắc-kinh, dư luận thế giới đã thấy sáng tỏ nhiều vấn đề.

Trước hết, dư luận thế giới thấy rõ bộ mặt ghê tởm của bọn phản động Bắc-kinh, tính chất phản cách mạng của chúng, âm mưu bành trướng và bá quyền nước lớn của chúng, tội ác của chúng đối với nhân dân Việt-nam, sự thách thức của chúng đối với độc lập, chủ quyền các nước, đối với hòa bình và an ninh quốc tế. Sự xâm lược Việt-nam của chúng chứng tỏ chúng chẳng coi luật pháp quốc tế ra gì, chúng bất chấp tất cả các lực lượng yêu chuộng hòa bình và công lý trên thế giới, chúng là một kẻ khiêu khích chiến tranh, đang đẩy thế giới đến miệng hố chiến tranh. « Bắc-kinh đang chơi với ngọn lửa cực kỳ nguy hiểm », « Bắc-kinh tự đặt mình vào cùng một khối với tập đoàn phản động nhất của chủ nghĩa đế quốc », « Hành động của Bắc-kinh xác nhận đường lối xã hội chủ nghĩa giả hiệu của chúng », nhân dân

các nước đang vạch mặt chỉ trần bọn phản động Bắc-kinh. Những luận điệu bịp bợm, giả nhân giả nghĩa của bọn phản động Bắc-kinh, nào là « Trung-quốc không bao giờ tìm kiếm bá quyền, mà là chống « đại bá » và « tiểu bá », « Trung-quốc bênh vực quyền lợi của các nước nhỏ và vừa, là bạn của thế giới thứ ba », « Trung-quốc bảo vệ tình hữu nghị giữa nhân dân Trung-quốc và nhân dân Việt-nam » đã bị lột trần.

Dư luận thế giới đã thấy rõ nguyên nhân thật sự của cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam của tập đoàn phản động Bắc-kinh hoàn toàn không phải là « hành động tự vệ », « phản công hạn chế về thời gian và quy mô », « bảo vệ hòa bình biên giới » như chúng tung hỏa mù để che giấu tội ác, mà là chính sách sô-vanh và bá quyền của chúng. Chúng tiến hành chiến tranh xâm lược Việt-nam là tiếp tục một chính sách thù địch đã được chuẩn bị và thi hành từ trước đối với nước Việt-nam xã hội chủ nghĩa. Đó là chính sách thôn tính Việt-nam đề rồi tiến tới làm bá chủ Đông - Nam Á và thế giới mà chúng đã bắt đầu thực hiện từ trước khi Việt-nam được giải phóng hoàn toàn, qua những hành động gây hấn có hệ thống như: chiếm đảo Hoàng-sa của Việt-nam, dùng bọn Pôn Pốt - lêng Xa-ry thi nghiệm chủ nghĩa bành trướng, đánh phá Việt-nam ngay khi Việt-nam vừa giành được thắng lợi, mình còn đầy thương tích sau bao nhiêu năm chiến tranh, cắt viện trợ cho Việt-nam giữa lúc Việt-nam bị thiên tai liên tiếp, khiêu khích biên giới phía Bắc Việt-nam. Và chính là do không nuốt trôi được những thất bại đau đớn trong mưu đồ của chúng, chúng đã liều mạng. Nhưng gì mà chúng đã không đạt được bằng đe dọa, gây sức ép và khiêu khích thì nay chúng thực hiện bằng xâm lược trực tiếp.

Dư luận thế giới đã vạch trần giọng lười của Bắc-kinh bảo chữa cho cuộc xâm lược của chúng. « Ai cho quyền Bắc-kinh « tiến công trừng phạt »? « Ai cho quyền Đặng-Tiểu-Bình hoạt động như một quan tòa, một hội đồng thẩm phán, một tên đồ tề? » (Báo « Sao mai » của Đảng cộng sản Anh). « Cho Việt-nam một bài học, đó là giọng lười của những kẻ ngạo mạn, chứ không phải lời của một nước xã hội chủ nghĩa » (Tuyên bố của Đảng cộng sản Ca-na-đa 21-2).

Dư luận thế giới cũng phê phán đế quốc Mỹ vào hùa với cuộc phiên lưu mất lý trí và điên rồ này của Bắc-kinh. Chính là tại Mỹ, Đặng-Tiểu-Bình đã công khai nói sẽ « trừng phạt » Việt-nam, còn Mỹ thì « mong muốn Trung-quốc mạnh », Mỹ « không phản đối các nước phương Tây vũ trang cho Trung-quốc » và cả Ca-tô lẫn Đặng đều không úp mở nói là « lợi ích chiến lược và nhiều mục tiêu của hai bên trùng hợp nhau ». Cuộc câu kết Trung - Mỹ thế là rõ. Mỹ đã bật đèn xanh cho Trung-quốc. Như Đảng cộng sản Mỹ đã tuyên bố ngày 29-2. « Bằng cách không phản đối những tuyên bố hiếu chiến của Đặng, Mỹ đã khôn khéo tán thành và khuyến khích những lời tuyên bố đó. Vì vậy, Đặng không cảm thấy bị kiềm chế mà lại thấy được cổ vũ trong việc phát động cuộc xâm lược đẫm máu chống Việt-nam ». Còn về cái gọi là « lập trường cân bằng » của Mỹ và các đế quốc khác đòi « hai bên cùng rút quân » thì ngoài sự vu khống Việt-nam ra, đó chỉ là thủ đoạn đánh lộn sông kẻ xâm lược và người bị xâm lược. Ngay tờ báo tư sản *Le Figaro* của Pháp ngày 20-2 cũng phải nói: « cách lập luận về ngoại giao ấy... là giả nhân giả nghĩa ».

Nếu như dư luận thế giới căm thù bọn Trung-quốc xâm lược bao nhiêu thì lại quyết tâm ủng hộ Việt-nam bấy nhiêu. Như nhiều vị lãnh đạo các

nước đã nói, « không một người cách mạng nào trên thế giới lại không lên án hành động phản cách mạng của Trung-quốc », « Không một người yêu hòa bình nào lại có thể không lên án mạnh mẽ nhất » cuộc tiến công xâm lược của Trung-quốc vào lãnh thổ Việt-nam. Và muốn thế, « phải dành tình đoàn kết lớn nhất và quyết tâm lớn nhất ủng hộ nhân dân Việt-nam anh hùng », « phải có những hành động cấp bách, mạnh mẽ và có hiệu lực, sử dụng mọi hình thức đấu tranh có hiệu quả, phát động một phong trào đấu tranh rộng lớn » chống bọn xâm lược Trung-quốc. Nhân dân thế giới « tin tưởng nhân dân Việt-nam sẽ giáng trả và bảo vệ được Tổ quốc của mình. Đó là một cống hiến to lớn cho hòa bình và an ninh ở Đông - Nam Á và thế giới » (Tuyên bố của Chính phủ Hung-ga-ri, 19-2). Những kẻ đi theo vết xe đổ của các đế quốc Pháp, Nhật, Mỹ nhất định sẽ bị đánh bại như chúng trên mảnh đất Việt-nam anh hùng, vì nhân dân Việt-nam có truyền thống yêu nước, có sức mạnh, có kinh nghiệm chiến đấu, lại không lẻ loi, được sự đồng tình, ủng hộ của anh em bè bạn khắp năm châu. « Bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh sẽ đốt cháy tay mình trong đám lửa do chính chúng nhen lên. Sức mạnh và sự sáng suốt của toàn thể loài người yêu chuộng hòa bình tụ lại trong ánh chớp của lưỡi gươm chính nghĩa của nhân dân Việt-nam » (báo *Mặt trận văn học*, Bun-ga-ri).

Thế trận trên thế giới đã rõ ràng. Cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam của bọn phản động Trung-quốc đã khiến cho cả loài người tiến bộ thấy rõ bản chất phản cách mạng, phản

động, hiếu chiến của ban lãnh đạo Trung-quốc. Những người mới ngày nào còn mơ hồ về bản chất của tập đoàn cầm quyền Bắc-kinh, còn bào chữa cho âm mưu độc ác của chúng ở Cam-pu-chia, còn bênh vực bọn khai máu Pôn Pốt - Iêng Xa-ry tay sai của Trung-quốc, thì nay đã thấy rõ sự thật. Chỉ có bọn đế quốc và phản động là đồng lõa với bọn bành trướng Bắc-kinh. Chỉ có bọn cơ hội là đánh lán con đen, bào chữa cho tội ác của bọn bành trướng Bắc-kinh. Còn thái độ trung lập, thụ động lúc này là vô trách nhiệm, là khuyến khích xâm lược và bành trướng. « Bây giờ là lúc phải xác định rõ đối với tất cả những người nào tự xưng là cách mạng, là tiến bộ và yêu hòa bình, bởi vì bây giờ không phải là lúc do dự hay nước đôi » (Tuyên bố của Chủ tịch Phi-đen Ca-xtơ-rô, 21-2).

Nhân dân ta hết sức cảm kích trước sự ủng hộ mạnh mẽ, to lớn của dư luận thế giới đối với sự nghiệp chính nghĩa của mình. Chúng ta được tiếp thêm sức mạnh bởi sự hình thành nhanh chóng và ngày càng rộng rãi của Mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt-nam.

Một lần nữa, Việt-nam lại trở thành nơi hội tụ của các phong trào cách mạng, tiến bộ, lại trở thành ngọn cờ đoàn kết và đấu tranh của hết thảy những người yêu chuộng hòa bình và tiến bộ.

Đứng trên tuyến đầu đấu tranh chống chủ nghĩa bành trướng Bắc-kinh, nhân dân ta quyết đánh thắng bọn xâm lược Trung-quốc, bảo vệ độc lập, chủ quyền của đất nước, và làm tròn nghĩa vụ quốc tế của mình.

Thảo luận

LÀM CHỦ TẬP THỂ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

QUAN NIỆM VÀ SỰ THỰC HIỆN QUYỀN LÀM CHỦ TẬP THỂ CỦA NHÂN DÂN LAO ĐỘNG

VĂN - QUẢNG

I — MỘT VÀI CÁCH NGHĨ LỆCH LẠC VỀ CHUYÊN CHÍNH VÔ SẢN, VỀ QUAN HỆ GIỮA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VÀ NHÂN DÂN

TRONG cán bộ, đảng viên ta, có một số ít người có một vài cách nghĩ lệch lạc về chuyên chính vô sản.

a) *Mơ hồ về bản chất, chức năng của chuyên chính vô sản.*

Trong ý thức, số đông chỉ này cũng phân biệt được đến một mức nhất định bản chất của chuyên chính vô sản. Họ cũng biết được rằng chuyên chính vô sản là chính quyền của giai cấp công nhân, hoàn toàn không phải là chính quyền của giai cấp bóc lột. Nhưng khi dùng từ giai cấp công nhân là giai cấp thống trị trong xã hội thì họ lại nghĩ rằng với tư cách

là giai cấp thống trị có lẽ giai cấp công nhân cũng thực hành sự cai trị của mình đối với xã hội như các giai cấp khác. Sự liên tưởng theo kiểu lô-gích hình thức như vậy dẫn họ đến chỗ lẫn lộn sự cai trị của các giai cấp bóc lột đối với nhân dân lao động với sự lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với toàn xã hội. Mặc dù giữa sự cai trị của các giai cấp bóc lột và sự lãnh đạo của giai cấp công nhân có sự khác nhau hẳn về bản chất, về nguyên tắc: một bên là tước bỏ, phủ định quyền làm chủ của nhân dân lao động, và một bên tạo điều kiện để bảo đảm triệt để thực hiện quyền làm chủ đó.

Từ cách hiểu không đúng về khái niệm thống trị (quyền thống trị của giai cấp công nhân) đến cách hiểu không đúng về chức năng chủ yếu của chuyên chính vô sản, về biện pháp chủ yếu để thực hiện sự thống trị và chức năng chủ yếu nói trên, không thể không đi đến một nhận thức mơ hồ về bản chất của chuyên chính vô sản: với tư cách là một giai cấp lao động, giai cấp công nhân không bao giờ là một giai cấp đứng lên trên nhân dân lao động, thực hiện sự cai trị của mình đối với xã hội như các giai cấp bóc lột, mà hoàn toàn ngược lại, làm tất cả những gì cần thiết để biến nhân dân lao động từ chỗ là những người nô lệ thành người chủ tập thể chân chính, thật sự của xã hội.

b) Mơ hồ về vai trò của Đảng trong hệ thống chuyên chính vô sản, về quan hệ giữa Nhà nước chuyên chính vô sản và giai cấp công nhân cùng toàn thể nhân dân lao động.

Hệ thống chuyên chính vô sản là hệ thống các tổ chức, các thiết chế cơ bản bảo đảm thực hiện sự lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong hệ thống này, **Đảng** là tổ chức cao nhất, quyết định nhất. Sự mơ hồ về vai trò của Đảng ở một số đồng chí biểu hiện ở chỗ không nhận thức rõ ràng, dứt khoát rằng Đảng là bộ tham mưu chính trị, là bộ óc, là người dẫn đường, là người lãnh đạo chính trị tối cao, chứ không phải là cơ quan quyền lực tối cao, cơ quan chấp hành tối cao, cơ quan quản lý tối cao. Đảng hoàn toàn không có quyền lực hành chính nào cả. Sức mạnh của Đảng là ở chân lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, ở đường lối chính trị và những chính sách cơ bản đúng đắn, sáng tạo của Đảng, ở sức thuyết phục, giáo dục, dẫn dắt quần chúng của Đảng, ở thái độ phục vụ một lòng một dạ, son sắt đến cùng lợi ích của nhân dân,

làm trọn trách nhiệm người lãnh đạo đồng thời là người đầy tớ trung thành của nhân dân như Hồ Chủ tịch đã dạy.

Nhà nước là cơ quan chấp hành, cơ quan quyền lực, cơ quan quản lý. Với tư cách là cơ quan chấp hành, cơ quan quản lý, nó không thể tự ý hành động, không thể làm theo ý mình và cho mình. Vì tự nó, nó không là gì hết. Nó là công cụ của nhân dân, chấp hành ý chỉ, mệnh lệnh của nhân dân. Nó phải hoàn toàn phụ thuộc vào người chủ tập thể chân chính của toàn xã hội là giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Nó phải hoàn toàn phục tùng, hoàn toàn chịu sự sai khiến của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Sự hoàn toàn phụ thuộc, hoàn toàn chịu sự sai khiến, hoàn toàn là người chấp hành, đó là lý do tồn tại của nó, là bản chất của nó, là cơ sở tính hợp pháp của hành động của nó, là nguồn gốc quyền hạn, quyền lực của nó. Đương nhiên nói hoàn toàn phụ thuộc, hoàn toàn chịu sự sai khiến, hoàn toàn là người chấp hành ở đây không có nghĩa là thuần túy bị động tiêu cực, theo kiểu chỉ dẫu đánh đó như một cái máy. Vấn đề ở đây là Nhà nước không có lý do gì để tồn tại, không thể làm được một cái gì hợp pháp, nếu nó tự biến mình thành một lực lượng đứng lên trên giai cấp công nhân và nhân dân lao động, nếu nó không quán triệt được bản chất của nó là cơ quan phục vụ lợi ích trước mắt và lâu dài của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Nó chỉ là người phục vụ và nhân dân yêu cầu nó, buộc nó phải làm trọn nhiệm vụ ấy. Nhân dân lập nó ra chỉ nhằm mục đích ấy. Quan niệm mơ hồ ở đây chính là không nhận thức thật rõ ràng, dứt khoát, triệt để vai trò người phục vụ, chỉ là người phục vụ, thuần túy là người phục vụ nhân dân của Nhà nước, vì có sự lẫn lộn giữa người phục vụ và người cai trị đã nói ở trên.

Một sự mơ hồ khác về quan hệ giữa Nhà nước chuyên chính vô sản với giai cấp công nhân và nhân dân lao động do những mơ hồ nói trên dẫn đến là không nhận thức rõ *nhân dân* là người chủ duy nhất, người chủ tuyệt đối, người chủ cao nhất, người chủ tập thể của toàn xã hội, mà còn mang máng nghĩ rằng nhân dân là người bị cai trị. Thật ra, trong ý thức, có lẽ không một đồng chí nào nghĩ một cách rõ nét rằng nhân dân là người bị trị, nhưng khi đã không nhận thức thật đúng đắn vai trò của Đảng, của Nhà nước thì muốn hay không, dù có ý thức hay không, nhận thức về vai trò của nhân dân cũng không thể hoàn toàn đúng được.

Nhân dân là người chủ tập thể duy nhất, người chủ tuyệt đối, người chủ cao nhất, nhưng đứng về mặt tổ chức và hành động thực tiễn mà xét, không thể trực tiếp, tức khác điều khiển mọi việc như trong một tập thể năm — ba người hoặc vài ba chục người, mà nhất thiết phải thông qua một cơ quan đại diện của mình. Nếu không thường xuyên rèn luyện và

kiểm tra, cơ quan đại diện ấy tự nó có khả năng tha hóa, lộng quyền, tự mình quyết định mọi việc theo ý mình, biến người mà mình đại diện thành người mà mình chỉ phối theo hướng « thay trời trị dân » của Nhà nước phong kiến, hoặc nhân danh con người, nhân danh nhân dân mà cai trị nhân dân, chống lại con người như Nhà nước tư bản. Ta thường nói theo thói quen « Đảng cầm quyền ». Nói như vậy chưa thật đúng lắm. Đảng không cầm quyền. Nhà nước mới là cơ quan cầm quyền. Đảng lãnh đạo chính quyền. Lãnh đạo chính quyền là lãnh đạo về chính trị, lãnh đạo về đường lối, lãnh đạo về tư tưởng, lãnh đạo về tổ chức. Đảng lãnh đạo toàn diện, nhưng Đảng vẫn chỉ là bộ tham mưu chính trị, vẫn là bộ óc, chứ tuyệt đối không phải và không thể là người cầm quyền tối cao, không phải và không thể là cơ quan quyền lực tối cao, không phải và không thể thay nhân dân làm chủ xã hội. Người chủ *tập thể* duy nhất, tuyệt đối của xã hội vẫn là giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

II — VẤN ĐỀ QUYẾT ĐỊNH TRƯỚC MẮT LÀ THỂ CHẾ HÓA QUYỀN LÀM CHỦ TẬP THỂ CỦA NHÂN DÂN LAO ĐỘNG VÀ QUAN HỆ GIỮA NHÂN DÂN LAO ĐỘNG, ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC CHUYÊN CHÍNH VÔ SẢN

Đảng ta đã xác định rõ vấn đề làm chủ tập thể của nhân dân lao động về mặt lý luận, tư tưởng, quan điểm. đương nhiên, chúng ta còn phải tiếp tục đi sâu nghiên cứu đề cụ thể hóa hơn nữa những luận điểm cơ bản của Đảng, phục vụ tốt hơn nữa công tác tuyên truyền giáo dục của Đảng trong cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Nhưng một vấn đề có ý nghĩa quyết định, cấp thiết nhất trước mắt là thể chế hóa. Thể chế hóa

là biến tư tưởng, quan điểm ấy thành những quy định cụ thể, tỉ mỉ, rõ ràng về mặt tổ chức, về mặt pháp lý, đưa vấn đề từ lĩnh vực nhận thức tư tưởng sang lĩnh vực hành động, từ nói đến làm thật, kết hợp chặt chẽ giáo dục, thuyết phục, nâng cao ý thức, tư tưởng với ràng buộc trong hành động thực tế.

Pháp luật có tác dụng giáo dục, động viên, tổ chức và bắt buộc mọi

người phải chấp hành. Nó thể hiện một xã hội có tổ chức.

Luận điểm nổi tiếng của Lê-nin « vấn đề chính quyền là vấn đề cơ bản của cách mạng » có một ý nghĩa thực tiễn cực kỳ sâu rộng. Trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa hiện nay ở nước ta, luận điểm đó dạy chúng ta rằng : sau khi cách mạng thành công, chính quyền đã về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động, Nhà nước chuyên chính vô sản đã được xây dựng thì Nhà nước trở thành trung tâm quyền lực điều khiển mọi hoạt động của toàn xã hội, nhằm thực hiện quyền làm chủ *tập thể* của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nhà nước chỉ có thể và phải thể hiện sự điều khiển ấy bằng pháp luật. Nhà nước hiện đại là Nhà nước quản lý xã hội bằng một hệ thống pháp luật ngày càng tỉ mỉ, cụ thể, chặt chẽ. Vì khái niệm quyền làm chủ phải bao hàm cả nghĩa vụ và quyền lợi, người làm chủ chân chính trước hết là người tự giác thực hiện triệt để nghĩa vụ của mình đối với tập thể, đối với xã hội. Chỉ có thể nói đến quyền lợi chân chính trên cơ sở hoàn thành nghĩa vụ. Không triệt để thực hiện nghĩa vụ thì không thể là người chủ chân chính, không có quyền làm chủ. Vì vậy, muốn bảo đảm cho mỗi công dân thật sự quản trị quyền làm chủ tập thể của mình, Nhà nước phải có pháp luật. Có thể nói Nhà nước và pháp luật là một. Không thể có pháp luật nếu không có Nhà nước và ngược lại, không thể có Nhà nước nếu không có pháp luật. Chỉ có Nhà nước và pháp luật mới thật sự bảo đảm *quyền làm chủ tập thể* của nhân dân. Đảng lãnh đạo Nhà nước xây dựng và hoàn thiện pháp chế xã hội chủ nghĩa. Và sự lãnh đạo ấy cũng phải được thể hiện ở chỗ Đảng là người nêu gương sáng trong việc tuân thủ triệt để nhất pháp chế ấy, trong việc thực hiện quyền bình đẳng trước pháp luật của mọi tổ chức, mọi công

dân, tuyệt đối không có lệ ngoại. Điều cơ bản trước tiên mà pháp chế ấy phải thể hiện và triệt để bảo đảm trong từng điều khoản cụ thể của nó là quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Nó phải triệt để bảo đảm không cho phép những khả năng tha hóa nói trên có cơ hội biến thành hiện thực, kịp thời ngăn chặn, xóa bỏ mọi biểu hiện dù nhỏ nhất, dù chỉ mới ở trạng thái mầm mống của sự tha hóa ấy. Bảo đảm được như vậy là triệt để thực hiện đường lối của Đảng, là thể hiện bản chất tốt đẹp, tinh hơn hẳn của chế độ xã hội chủ nghĩa của chúng ta, là bảo vệ và phát huy sự lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, phát huy vai trò của Nhà nước, bảo vệ và phát huy phẩm chất chính trị, đạo đức của cán bộ, đảng viên, không ngừng vun đắp quan hệ tốt đẹp giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân, tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần của xã hội xã hội chủ nghĩa, tạo nên sức mạnh vô địch của Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Các Mác đã từng nói rằng khi tư tưởng thâm nhập vào quần chúng thì sẽ biến thành lực lượng vật chất. Khi pháp luật đã thâm nhập vào quần chúng thì nó sẽ là một lực lượng vật chất được nhân lên gấp 100, 1000 lần.

Đương nhiên, thể chế hóa là một quá trình lâu dài, phức tạp, vì nó không thể tách rời quá trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa về mọi mặt. Thể chế hóa vừa là nguyên nhân vừa là kết quả của quá trình ấy. Vấn đề là ở chỗ bỏ công sức thích đáng để nghiên cứu và giải quyết cụ thể, kịp thời, liên tục, không để cho sự mất cân đối giữa yêu cầu và đáp ứng yêu cầu tồn tại quá lâu, quá nhiều, gây ảnh hưởng không đáng có đối với bước đi và thắng lợi của sự nghiệp xây dựng xã hội mới về mọi mặt.

Nhân dân là lực lượng quyết định việc triệt để thực hiện pháp chế xã hội chủ nghĩa. Khi pháp luật thâm

nhập vào hàng triệu quân chúng nhân dân thì nó sẽ biến họ thành một lực lượng chiến đấu tích cực từng giờ từng phút, khắp mọi nơi, mọi lúc bảo đảm việc triệt để thực hiện nó.

Đảng có trách nhiệm giáo dục, động viên, cổ vũ, phát huy tính tích cực ấy

của quần chúng bằng cách nêu gương tuân thủ pháp luật, bằng cách kịp thời phát hiện và không bỏ qua bất cứ một hiện tượng vi phạm pháp luật dù nhỏ nào của bất cứ cá nhân nào, tổ chức nào, tức là bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối của mình về mặt này.

LÀM CHỦ TẬP THỂ VỀ KINH TẾ

SONG - LÊ



KINH tế là nền tảng của chính trị. Kinh tế có mạnh thì chính trị mới chắc. Không thể có chế độ chính trị vững vàng khi mà nền kinh tế bị lung lay vì những mâu thuẫn đối kháng. Lịch sử phát triển xã hội loài người đã chứng minh điều đó.

Đối với chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa cũng vậy. Làm chủ về chính trị có phát triển được hay không, điều quyết định là chỗ làm chủ về mặt kinh tế có được củng cố và phát huy mạnh mẽ hay không.

Làm chủ về kinh tế là làm chủ về tư liệu sản xuất, làm chủ trong quá trình sản xuất và làm chủ trong phân phối. Làm chủ trong quá trình sản xuất là kết quả tất nhiên của quyền làm chủ về tư liệu sản xuất, là sự khẳng định quyền làm chủ về tư liệu sản xuất, đồng thời cũng là nhằm tạo ra ngày càng nhiều sản phẩm đáp ứng nhu cầu của người làm chủ. Làm chủ trong phân phối là mục đích cuối cùng của quyền làm chủ về tư liệu sản xuất và quyền làm chủ trong quá

trình sản xuất, đồng thời cũng là điều kiện tất yếu để củng cố hai mặt ấy của quyền làm chủ. Thiếu một trong ba mặt nói trên của quyền làm chủ về kinh tế thì hai mặt còn lại hoặc chỉ là hình thức, hoặc căn bản không thực hiện được.

Ở miền Bắc nước ta, sau khi căn bản hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa, nhân dân ta đã làm chủ các tư liệu sản xuất chủ yếu dưới hai hình thức công hữu: toàn dân và tập thể. Việc củng cố và phát triển không ngừng kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể đã dẫn đến việc ngày càng tăng cường chế độ làm chủ tập thể của nhân dân về mặt kinh tế.

Tuy chúng ta có hai hình thức công hữu khác nhau: toàn dân và tập thể, nhưng quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ở nước ta là thống nhất. Nhân dân lao động là người chủ tập thể toàn bộ tư liệu sản xuất đã xã hội hóa: ruộng đất, nhà máy, hầm mỏ và các công cụ sản xuất chủ yếu khác. Họ làm chủ trên lập trường của giai cấp công nhân chứ không

phải trên lập trường phường hội hay lập trường công đoàn chủ nghĩa, địa phương chủ nghĩa. Tùy theo sự phân công lao động xã hội mà họ tham gia sự nghiệp xây dựng kinh tế ở xí nghiệp hay ở hợp tác xã, nhưng bất cứ ở đâu họ cũng tham gia với tư cách là thành viên của tập thể những người làm chủ đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Với việc xã hội hóa tư liệu sản xuất, chế độ làm chủ tập thể về mặt kinh tế của nhân dân lao động trở thành một tất yếu khách quan, một điều có tính quy luật. Vô luận ý nghĩ chủ quan, thái độ chủ quan của mỗi người như thế nào, tất yếu khách quan đó cũng vẫn ràng buộc mọi người. Không ai có thể tùy tiện coi tư liệu sản xuất chung như của riêng mình dùng vào mục đích phục vụ lợi ích riêng, sử dụng không theo quy định chung của tập thể. Thay thế cho nguyên tắc của chế độ cũ: quyền tư hữu là thiêng liêng và bất khả xâm phạm, nguyên tắc của chế độ làm chủ tập thể là: sở hữu xã hội chủ nghĩa là thiêng liêng và bất khả xâm phạm. Tự giác hay không tự giác, mỗi người trong khi sử dụng tư liệu sản xuất thuộc sở hữu chung đều phải tuân theo một kỷ luật chung của xã hội và đều phục vụ cho lợi ích chung của xã hội trong đó có lợi ích của từng người. Hoạt động sản xuất của mỗi người sử dụng tư liệu sản xuất ấy được điều tiết bởi kế hoạch chung của xã hội. Sản phẩm do mỗi người làm ra đều trở thành tài sản chung của xã hội. Hiện nay, do chưa gạt bỏ được những tàn dư tư tưởng và thói quen của chế độ tư hữu, trong nhân dân lao động có người còn giữ thái độ làm thuê. Những hành vi ăn cắp, lãng phí, không tôn trọng, không giữ gìn của công, xâm phạm tài sản của tập thể, v.v. là những hành vi trái với pháp luật Nhà nước, trái với tinh thần làm chủ tập thể, cần phải nghiêm khắc lên án.

Trong điều kiện nông thôn nước ta hiện nay, bên cạnh kinh tế tập thể của hợp tác xã, mỗi gia đình xã viên còn có kinh tế phụ. Nhưng kinh tế phụ ấy căn bản không thay đổi được bản chất của chế độ làm chủ tập thể, vì kinh tế phụ ấy chỉ chiếm một tỷ trọng nhỏ bé so với kinh tế tập thể và ngày càng giảm đi trong quá trình phát triển của toàn bộ kinh tế quốc dân; phần kinh tế phụ ấy lại chịu sự chỉ đạo và hướng dẫn của kinh tế tập thể. Kinh tế gia đình ấy chỉ có vai trò bổ sung cho kinh tế tập thể.

Muốn củng cố chế độ làm chủ tập thể về mặt kinh tế, trước hết phải củng cố quan hệ sở hữu quốc doanh và quan hệ sở hữu tập thể, và hướng kinh tế phụ gia đình đi vào quỹ đạo của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa thống nhất. Những quyền sở hữu nói trên đã được ghi trong Hiến pháp và nhiều đạo luật quan trọng khác của Nhà nước ta. Đó là cơ sở pháp lý vững chắc bảo đảm cho quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động về mặt kinh tế. Tuy nhiên quan hệ sở hữu xã hội chủ nghĩa không chỉ được củng cố bằng sức mạnh của pháp lý. Trên thực tế, trong những năm vừa qua, nhiều hiện tượng xảy ra chứng tỏ rằng quan hệ sở hữu của chúng ta chưa được củng cố vững chắc. Vật tư, tài sản của Nhà nước, của xí nghiệp quốc doanh còn bị lãng phí, bị lợi dụng, bị lấy cắp. Tài sản của hợp tác xã cũng vậy, nhất là ở những hợp tác xã kém, nát. Tất cả những điều trên cho ta thấy rõ phải ra sức củng cố và hoàn thiện quan hệ sở hữu xã hội chủ nghĩa. Pháp luật của Nhà nước chỉ phát huy được sức mạnh thật sự của nó trên cơ sở giác ngộ về quyền làm chủ của nhân dân lao động. Vì vậy phải kết hợp chặt chẽ việc nắm vững chuyên chính vô sản với phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Làm chủ bằng Nhà nước phải kết hợp chặt chẽ với làm chủ bằng các đoàn thể quần

chúng. Ba mặt Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý phải đồng thời được tăng cường để củng cố chế độ làm chủ tập thể của nhân dân, nhất là về mặt kinh tế hiện nay đang yếu.

Làm chủ về tư liệu sản xuất là điều kiện tiên quyết để nhân dân lao động làm chủ tập thể trong quá trình sản xuất. Khi tư liệu sản xuất còn ở trong tay các giai cấp bóc lột thì nhân dân tham gia lao động với tư cách là người làm thuê. Khi tư liệu sản xuất mạnh mẽ nằm trong tay cả nhân dân lao động thì họ tham gia lao động với tư cách là người làm chủ cả thể. Người làm thuê tham gia sản xuất chỉ nhằm mục đích kiếm cho đủ tiền nuôi sống mình và gia đình mình. Họ sử dụng tư liệu sản xuất không phải của họ, dưới sự điều khiển của người chủ tư liệu sản xuất. Họ không có quyền chủ động đối với quá trình sản xuất. Người làm chủ cả thể tuy có quyền chủ động phần nào đối với quá trình sản xuất riêng lẻ của mình, nhưng đó là một sự chủ động bề ngoài, vì trên thực tế họ bị chi phối bởi tất yếu mù quáng của thị trường tự do, của nền sản xuất vô chính phủ trong xã hội. Chỉ có chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa về kinh tế mới đem lại cho nhân dân lao động khả năng làm chủ thật sự quá trình sản xuất.

Với chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, toàn bộ nền sản xuất xã hội có khả năng và tất yếu phải được tiến hành một cách tự giác, theo một kế hoạch chung, do Nhà nước quy định, nhằm phục vụ lợi ích chung của nhân dân lao động. Như vậy là thông qua Nhà nước của mình, nhân dân lao động tự giác đề ra mục đích, yêu cầu cho nền sản xuất xã hội, vạch ra kế hoạch sản xuất, sử dụng tư liệu sản xuất nằm trong tay mình để hoàn thành kế hoạch sản xuất. Trên thực tế, với tinh thần tự giác ngày càng cao, với ý thức làm chủ tập thể, nhân dân lao động tham gia ngày càng tích

cực hơn vào quá trình sản xuất về cả hai phương diện: một là họ tham gia quản lý sản xuất và hai là họ tự mình lao động với tư cách người làm chủ. Họ làm chủ trong quá trình sản xuất với ý thức rõ rệt rằng tư liệu sản xuất giờ đây đã là của nhân dân lao động, sản phẩm do họ làm ra là thuộc quyền sử dụng của nhân dân lao động trong đó có phần của mỗi người. Quyền làm chủ tập thể và ý thức làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong quá trình sản xuất là những động cơ mạnh mẽ để phát triển sản xuất.

Sau khi tư liệu sản xuất đã được xã hội hóa, chế độ làm chủ tập thể về tư liệu sản xuất đã được xác lập thì việc làm chủ quá trình sản xuất đã trở thành một khả năng thực tế, một tất yếu khách quan. Nhưng việc làm chủ quá trình sản xuất không phải là một hành vi tự phát mà là một hành vi tự giác của người làm chủ vừa có ý thức làm chủ vừa nắm được quy luật vận động của quá trình sản xuất. Hành vi tự giác ấy phải thể hiện ở *cơ quan quản lý*, đại biểu cho quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động cũng như ở *bản thân* những người tham gia lao động với tư cách là thành viên của tập thể những người làm chủ. Hiện nay, do tính tự giác đó chưa mạnh, cho nên việc quản lý nền sản xuất làm chủ tập thể trong quá trình sản xuất còn bị hạn chế. Cơ quan quản lý sản xuất một mặt chưa nắm được đầy đủ các quy luật kinh tế chung cũng như các quy luật riêng biệt của các quá trình sản xuất cho nên chưa có những chủ trương thật phù hợp với những quy luật ấy như trong việc kế hoạch hóa, trong việc tổ chức lao động, trong việc vận dụng nguyên tắc tập trung dân chủ, quy luật tiết kiệm và tăng năng suất lao động, v.v., mặt khác còn mang tác phong quan liêu, mệnh lệnh, quản lý không theo quy luật kinh tế. Người trực tiếp sản xuất

một mặt cũng chưa nhận thức được quy luật kinh tế, chưa có kiến thức đầy đủ về công việc sản xuất của mình, mặt khác còn mang nặng tư tưởng tư hữu, tác phong của người sản xuất nhỏ. Tất cả tình hình đó đều dẫn đến kết quả là hạn chế quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong quá trình sản xuất. Cơ quan quản lý không phát huy được sáng kiến, tài năng của quần chúng, không nâng cao được nhiệt tình lao động của quần chúng, không tổ chức được sự hợp tác và sự phối hợp nhịp nhàng các bộ phận của một chính thể trong quá trình sản xuất để tạo ra được nhiều của cải cho xã hội. Nhiều người không lao động với tư cách làm chủ, mà làm việc một cách thụ động, thiếu sáng kiến, chưa hoàn toàn làm chủ kỹ thuật, không quan tâm đến hiệu quả kinh tế của công việc mình làm, không có tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa, thậm chí còn mang tinh thần làm thuê, làm việc theo lối công chức, làm đến đâu hay đến đấy, làm đôi, làm ầu, v.v. Để khắc phục tình trạng trên đây, một mặt cần giáo dục nâng cao ý thức làm chủ, bồi dưỡng cho người lao động có trình độ kiến thức cao, có tay nghề giỏi, mặt khác cần nâng cao trình độ quản lý của cán bộ và cơ quan quản lý sản xuất.

Một khi đã làm chủ tư liệu sản xuất và làm chủ trong quá trình sản xuất thì nhân dân lao động có thể và phải làm chủ ngay cả sự phân phối sản phẩm nữa. Không có quyền làm chủ trong phân phối thì quyền làm chủ về tư liệu sản xuất và quyền làm chủ trong quá trình sản xuất trở thành vô nghĩa.

Về mặt phân phối, quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động thể hiện trước hết ở chỗ sản phẩm xã hội làm ra được phân phối theo nguyên tắc « làm theo năng lực, hưởng theo lao động » sau khi đã khấu trừ một phần để góp vào quỹ chung của xã hội: quỹ khấu hao, quỹ tích lũy, quỹ dự trữ, quỹ quản lý, quỹ phúc lợi

chung, v.v. Nguyên tắc phân phối này bảo đảm cho nhân dân lao động thật sự làm chủ sản phẩm của mình làm ra chứ không bị bóc lột như trong chế độ cũ nữa. Nó cũng bảo đảm cho mọi người được hưởng thành quả lao động tùy theo sự đóng góp của mình. Nó cũng bảo đảm quá trình tái sản xuất mở rộng nhằm nâng cao không ngừng đời sống nhân dân. Mọi người lao động đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ. Tùy theo sự phát triển của kinh tế, phân phối dùng cho quỹ phúc lợi chung như nhà ăn tập thể, vườn trẻ, trường học, câu lạc bộ, v.v. sẽ không ngừng tăng lên so với phần phân phối cho cá nhân, đồng thời phân phối cho cá nhân vẫn không ngừng tăng thêm về giá trị tuyệt đối để không ngừng cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của mỗi người lao động. Bất kể trong hoàn cảnh nào, phân phối cũng phải bảo đảm công bằng và hợp lý. Đó là điều mấu chốt bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Quyền làm chủ tập thể trong phân phối còn thể hiện ở phương thức phân phối làm chủ. Nhân dân lao động một mặt thông qua Nhà nước là chủ yếu, mặt khác bằng sự tham gia trực tiếp của các đoàn thể quần chúng, của từng đơn vị, từng người mà thực hiện sự phân phối một cách có kế hoạch, công bằng và hợp lý. Việc thực hiện đầy đủ quyền làm chủ tập thể trong phân phối có tác dụng củng cố ý thức làm chủ của nhân dân lao động đối với tư liệu sản xuất cũng như đối với quá trình sản xuất.

Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta mới bước đầu được xây dựng, lại trải qua mấy chục năm chiến tranh, đặc biệt là hai lần chiến tranh phá hoại ác liệt của đế quốc Mỹ, sản phẩm làm ra chưa đủ đáp ứng mọi nhu cầu của nhân dân. Nhưng do biết vận dụng một cách linh hoạt nguyên tắc phân phối xã hội chủ nghĩa, cho nên chúng ta đã bảo đảm được những

nhu cầu bức thiết về đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Chế độ làm chủ tập thể trong phân phối đã tỏ rõ tính ưu việt của nó qua thử thách của cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta. Nó đã góp phần ổn định đời sống nhân dân ta, không để có tình trạng đói kém như thông thường vẫn xảy ra ở các nước khác trong thời kỳ chiến tranh. Nói như thế không có nghĩa là chế độ làm chủ tập thể trong phân phối của chúng ta đã được hoàn thiện, không còn vấn đề gì phải giải quyết. Trước hết, nhận thức của chúng ta về những quy luật có liên quan đến phân phối chưa được đầy đủ, sự vận dụng những quy luật đó vào thực tiễn cũng gặp nhiều lúng túng. Chẳng hạn như trong điều kiện nước ta thì quan hệ giữa sản xuất và phân phối, giữa tích lũy và tiêu dùng, giữa khuyến khích bằng lợi ích vật chất và giáo dục tư tưởng, giữa phân phối chung và phân phối riêng, giữa bảo đảm nhu cầu cơ bản và phân phối theo lao động như thế nào là hợp lý? Đi vào cụ thể có những vấn đề như chế độ tiền lương, vấn đề định mức khoán, vấn đề giá cả, v.v. bao nhiêu vấn đề liên quan đến phân phối chưa được giải quyết thật hợp lý. Bên cạnh đó còn có những tàn dư tư tưởng của xã hội cũ như tư tưởng đặc quyền, đặc lợi, tư tưởng bình quân chủ nghĩa trở ngại cho việc phân phối công bằng, hợp lý. Tất cả những nhược điểm và khuyết điểm trên đây đều hạn chế quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động về mặt phân phối.

Nhìn chung lại, chúng ta thấy chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động về mặt kinh tế đã được xác lập, nhưng chưa được củng cố và hoàn thiện. Chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chưa thật sự được củng cố vững chắc. Trình độ làm chủ của nhân dân lao động trong quá trình sản xuất còn thấp. Quyền làm chủ của nhân dân lao động trong phân phối còn bị hạn

chế. Nguyên nhân chủ yếu có thể quy vào ba điểm sau đây:

Một là, ý thức làm chủ, tinh thần làm chủ của nhân dân lao động chưa cao. Mặc dù tư liệu sản xuất về cơ bản đã thuộc về tay nhân dân lao động, nhưng trong quá trình sản xuất, nhiều người còn giữ thái độ, tác phong, tư tưởng của người làm chủ cá thể, và cả thái độ của người làm thuê. Từ đó nảy sinh một loạt hiện tượng lệch lạc không phù hợp với quyền lợi, nghĩa vụ, tư cách của người lao động trong chế độ làm chủ tập thể: lãng phí, tham ô, không tôn trọng và bảo vệ của công, lười biếng, làm ẩu, làm dối, làm việc cầm chừng, chỉ đầu đánh đấy, thiếu sáng kiến, cống hiến ít nhưng đòi hưởng thụ nhiều, v.v. Một số người chỉ đạo sản xuất và quản lý kinh tế còn mắc tệ quan liêu, mệnh lệnh, độc đoán, thiếu dân chủ, vi phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong sản xuất và phân phối.

Hai là, công tác quản lý kinh tế còn có những nhược điểm và khuyết điểm. Muốn bảo đảm quyền làm chủ tập thể về kinh tế thì chỉ riêng vấn đề giáo dục tư tưởng không đủ, còn phải có một chế độ quản lý, những tổ chức, thiết chế, quy định thích hợp. Về mặt này chúng ta đã có những quy định cơ bản trong Hiến pháp và trong một số đạo luật và sắc lệnh. Cái đó rất quan trọng, nhưng chưa đủ. Quản lý kinh tế là một công tác rất phức tạp, đòi hỏi những quy định thật cụ thể, chính xác, đồng bộ, phản ánh đúng quy luật chung của kinh tế, đồng thời phải phù hợp với trình độ phát triển của kinh tế trong từng thời kỳ. Thế nhưng những quy định như vậy để bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động về kinh tế thì hoặc là chưa có, hoặc là tuy đã có, nhưng không thật thích hợp, không đồng bộ, không có hệ thống. Ngay đối với những quy định đã có, thì việc tổ chức thực hiện cũng còn thiếu sót.

Ba là, chúng ta chưa xây dựng được cơ sở vật chất và kỹ thuật vững chắc cho chế độ làm chủ tập thể. Chúng ta biết rằng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động chỉ có thể là nền công nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa. Vì chưa có nền công nghiệp lớn cho nên thành phần kinh tế quốc doanh chưa phát huy mạnh mẽ vai trò chủ đạo của nó đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân, chưa triệt để cải tạo được toàn bộ nền kinh tế quốc dân, đặc biệt là đối với nông nghiệp. Hiện nay sản xuất tập thể trong nông nghiệp chủ yếu vẫn dựa trên công cụ thủ công, do đó còn mang nặng dấu vết của lối sản xuất nhỏ. Công cụ thủ công không tất yếu đòi hỏi chế độ làm chủ tập thể, không ràng buộc chặt chẽ người sản xuất vào quan hệ sản xuất tập thể. Chế độ làm chủ tập thể trong nông nghiệp vì vậy chưa thể vững chắc. Những tàn dư của chế độ làm chủ cá thể trong nông nghiệp cũng tác động ngay cả vào khu vực kinh tế quốc doanh. Vì chưa có nền công nghiệp lớn cho nên lực lượng sản xuất chưa phát triển mạnh mẽ, sản phẩm chưa được dồi dào để cung cấp ngày càng

nhiều cho nhu cầu của nhân dân, do đó chế độ làm chủ tập thể chưa phát huy được tính ưu việt tuyệt đối của nó so với chế độ làm chủ cá thể, và vì thế chưa làm cho người lao động gắn bó cả về tâm hồn lẫn thể xác với chế độ làm chủ tập thể. Vì chưa có nền công nghiệp lớn có khả năng cải tạo nền kinh tế quốc dân theo hình ảnh của nó, cho nên chế độ quản lý theo nguyên tắc tập trung dân chủ – một nguyên tắc tổ chức và quản lý cơ bản của chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, chưa được hoàn thiện và thực hiện triệt để, tàn dư của cách quản lý theo lối sản xuất nhỏ của người làm chủ cá thể chưa được xóa bỏ.

Từ mấy nguyên nhân chủ yếu trên, chúng ta có thể rút ra kết luận là: muốn xây dựng và củng cố chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động về kinh tế thì tất yếu phải tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học và kỹ thuật là then chốt.

LÀM CHỦ THÔNG QUA TỔ CHỨC VÀ BẰNG CÁC TỔ CHỨC

PHẠM-PHÚ-NHUẬN

 AM chủ tập thể không phải là một khái niệm thuộc phạm trù «tinh thần» mừng lung trừu tượng. Nó là một chế độ tổ chức vừa

cách mạng vừa khoa học. Quân đội là một tập thể xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải có tính thống nhất và tính tổ chức, kỷ luật cao. Quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa trong quân đội

không thể chỉ thực hiện bằng ý chí. Công tác tư tưởng có vị trí rất quan trọng, song nếu chỉ bằng công tác tư tưởng thì không thể thực hiện được làm chủ tập thể.

Trong quân đội chúng ta, đề phát huy quyền làm chủ tập thể của đồng đảo cán bộ, chiến sĩ, công nhân, nhân viên quốc phòng, phải có một cơ chế tổ chức thích hợp.

Trước hết, *phải làm chủ ngay từ trong các tổ chức Đảng các cấp*. Đảng lãnh đạo quân đội tuyệt đối, trực tiếp và về mọi mặt. Đó là nguyên tắc chung. Nhưng muốn phát huy hiệu lực của lãnh đạo thì không thể chỉ dừng ở nguyên tắc chung, mà phải cụ thể hóa những nguyên tắc chung đó thành những nguyên tắc và quy định cụ thể cho từng cấp, từng địa phương, từng cơ quan, đơn vị.

Lãnh đạo vạch ra phương hướng, biện pháp nhằm đạt mục đích chứ không làm thay cho chỉ huy; không những không lấn át chỉ huy mà còn tạo điều kiện cho người chỉ huy phát huy hết tài năng, trí sáng tạo của mình. Người chỉ huy phải biết căn cứ vào phương hướng của lãnh đạo, nhưng không được ý lại, chờ đợi bị động, mà phải biết phát huy sáng kiến, chủ động để đạt những phương án hay nhất, tốt nhất để thực hiện thắng lợi ý đồ của lãnh đạo, góp phần làm cho ý đồ đó được hoàn thiện hơn.

Lãnh đạo với chỉ huy là nhất trí, thống nhất. Lãnh đạo và chỉ huy gắn bó mật thiết với nhau cũng là một biểu hiện của làm chủ tập thể.

Lãnh đạo phát huy quyền làm chủ tập thể là một trong những nhiệm vụ chủ yếu của các tổ chức Đảng các cấp. Muốn làm được việc đó, trước hết *đảng ủy và chi bộ phải thật sự trở thành tổ chức mẫu mực của tập thể xã hội chủ nghĩa*, phải là một tập thể điều hành tiên tiến cả về tư tưởng và tổ chức. Mỗi cấp ủy viên, mỗi đảng

viên phải phát huy đầy đủ quyền làm chủ tập thể của mình trong tổ chức Đảng. *Quyền làm chủ tập thể phải được thực hiện tốt ngay từ trong tổ chức Đảng, trong chi bộ*. Mỗi đảng viên phải đóng góp những ý kiến hay nhất để xây dựng nghị quyết, đồng thời phải miệng nói lay làm, tiên phong gương mẫu hướng dẫn toàn đơn vị đoàn kết một lòng khắc phục khó khăn, hoàn thành xuất sắc những nhiệm vụ chính trị mà Đảng giao cho, lấy đó làm tiêu chuẩn cao nhất trong phương hướng phấn đấu của toàn đảng bộ. Quyền làm chủ tập thể trong đảng bộ có được tôn trọng thì quyền làm chủ trong đơn vị mới được bảo đảm. Trong đảng bộ, trong chi bộ mà không phát huy được quyền làm chủ thì trong đơn vị cũng sẽ không phát huy được quyền làm chủ. Trong đảng bộ mà quyền làm chủ bị vi phạm thì nội bộ Đảng sẽ thiếu nhất trí, nghị quyết của đảng bộ sẽ không có sức mạnh. Sở dĩ đây đó còn có tình trạng không phát huy quyền làm chủ trong Đảng là do có một, hai cán bộ thường hay dựa vào cấp bậc, quân hàm mà áp đặt các vấn đề cho tổ chức Đảng, tạo ra ngôi thứ, đẳng cấp trong tổ chức, vi phạm nguyên tắc lãnh đạo tập thể của Đảng, đặt cá nhân lên trên tập thể, trên tổ chức Đảng, không tôn trọng các đảng viên khác. Họ dự hội nghị với tư cách «cấp trên đến chỉ thị» nhiều hơn là đề bàn bạc, thảo luận. Tình trạng đó đã làm suy yếu sức mạnh lãnh đạo của tổ chức Đảng. Tệ gia trưởng, quan liêu đó hạn chế, thậm chí «thiệt chết» quyền làm chủ tập thể của các đảng viên trong đảng bộ, và đó cũng là một nguyên nhân gây ra tình trạng thiếu tinh thần làm chủ tập thể trong đơn vị.

Do đó, muốn phát huy quyền làm chủ tập thể trong đơn vị, trước tiên phải phát huy cho được quyền làm chủ tập thể trong Đảng. Không làm được việc đó thì làm chủ tập thể chỉ

còn là một khâu hiệu suất chứ không có hiệu lực thực tế.

Hai là, có hệ thống chỉ huy và cán bộ giỏi mới phát huy được mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể. Đi liền với việc tăng cường hiệu lực lãnh đạo của cấp ủy và chi bộ Đảng, phải củng cố hệ thống chỉ huy, đề cao vai trò thủ trưởng các cấp, coi đó là yếu tố rất quan trọng để phát huy quyền làm chủ tập thể.

Quyền làm chủ tập thể của đơn vị phải thể hiện cuối cùng ở việc tổ chức thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chứ không phải ở những cuộc bàn cãi suông. Muốn tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ thì nhất thiết phải có người chỉ huy giỏi. Không có người chỉ huy giỏi thì dù đơn vị có quyết tâm cao, có năng lực hành động giỏi cũng chẳng thể đạt được kết quả tốt, khác nào một dàn nhạc gồm toàn những nhạc công giỏi nhưng thiếu nhạc trưởng, mạnh ai người ấy chơi, trống đánh xuôi, kèn thổi ngược, tạo ra một âm thanh hỗn loạn.

Từ đơn vị nhỏ đến đơn vị lớn, ở đâu có người chỉ huy giỏi thì ở đó sẽ phát huy được quyền làm chủ tập thể, ngược lại ở đâu mà người chỉ huy kém thì ở đó quyền làm chủ tập thể sẽ bị hạn chế. Người chỉ huy giỏi biết sử dụng quyền lực của mình một cách đúng đắn, không lạm dụng và phò trương quyền lực. Tin vào sức mạnh của tập thể, dựa vào tập thể, lắng nghe ý kiến của tập thể, nhưng đồng thời cũng tự tin, biết quyết đoán, độc lập suy nghĩ, không dựa dẫm, không đổ lỗi cho người khác.

Người chỉ huy giỏi không bao giờ bảo thủ, giấu dốt, vì họ biết rằng trong lĩnh vực đấu tranh vũ trang mà giấu dốt là tự sát và làm hại cả đơn vị, do đó rất nhạy bén, nhìn xa trông rộng, thu lượm các lượng thông tin từ mọi phía: từ cấp trên, đồng cấp, cấp dưới, từ đơn vị bạn, từ nhân

dân, trong sách báo tài liệu, v.v. Từ những lượng thông tin đa dạng, muốn hình thành về đó, nhặt ra lượng thông tin nào quan trọng và cần thiết nhất để giúp cho sự nhận định, phán đoán, hạ quyết tâm được chính xác.

Người chỉ huy giỏi khiêm tốn và phần khởi nhận sự biểu dương, khen ngợi của tập thể đồng thời cũng vui vẻ nhận sự phê bình của đồng đội. Anh ta không bao giờ coi thường những sáng kiến nhỏ của anh em, biết trân trọng những sáng kiến đó, ủng hộ và vun xới giúp cho nó phát triển vì biết rằng bất cứ những mầm non nào khi mới sinh ra cũng đều thô sơ, non nớt. Quan tâm giúp đỡ cho những sáng kiến hay phát triển là một biểu hiện cụ thể của ý thức làm chủ tập thể.

Người chỉ huy giỏi được tập thể tin tưởng và tôn trọng. Trong xây dựng, chiến sĩ tin người chỉ huy sẽ nắm vững đường lối, nhiệm vụ, chủ trương, kế hoạch của trên, có đủ kiến thức, năng lực tổ chức, điều khiển, quản lý để điều dắt đơn vị mau trưởng thành. Trong chiến đấu, chiến sĩ tin người chỉ huy của họ sẽ bình tĩnh, sáng suốt, mưu trí, dũng cảm, chỉ huy tốt, đem thắng lợi về cho đơn vị. Trong sinh hoạt, trong cuộc sống hằng ngày, người chỉ huy sẽ là người anh hiền, người bạn thảo, biết thương yêu, nhường nhịn, quan tâm giúp đỡ mọi người. Lòng tin bao giờ cũng gắn liền với lòng yêu mến và phục tùng tự giác. Người chỉ huy giỏi có uy tín thật sự đối với đơn vị.

Ở những đơn vị có người chỉ huy như vậy thì quyền làm chủ tập thể nhất định sẽ được phát huy mạnh mẽ, phong trào thi đua sẽ phát triển ngày một cao, thành tích sẽ ngày một nhiều, chiến công sẽ ngày càng nở rộ. Một bầu không khí lành mạnh, thân ái, đoàn kết, tươi vui sẽ chan hòa trong toàn đơn vị.

Đi liền với vai trò của người chỉ huy là trách nhiệm của những cán bộ trợ lý,

giúp việc những phụ tá của người chỉ huy. Ở cấp càng cao thì vai trò những người trợ lý, phụ tá càng quan trọng. Những người này hằng ngày giúp các thủ trưởng điều hành mọi công việc. Đó là những «chất xám» của thủ trưởng, là tai mắt, cánh tay đắc lực của người chỉ huy. Không có những người này, người chỉ huy không thể hoàn thành được nhiệm vụ.

Những người phụ tá phải là những người có phẩm chất và năng lực tốt, đồng thời phải là những người tâm đắc, gần gũi nhất của người chỉ huy. Không những họ có chung quan điểm và phương pháp suy nghĩ, công tác, mà còn có những nét tâm lý gần nhau. Sự tâm đắc ở đây cần được hiểu đúng với ý nghĩa lành mạnh, tích cực của nó, chứ không phải là sự kéo bè, kéo cánh.

Người trợ lý, phụ tá phải trung thực, không xuyên tạc sự thật, không lợi dụng vị trí gần gũi người chỉ huy để mưu cầu lợi ích cá nhân, không xu nịnh, xu nịnh.

Như vậy, người chỉ huy, người thủ trưởng cùng với các trợ lý, phụ tá gần gũi là những người tiêu biểu cho ý thức và năng lực làm chủ tập thể của toàn đơn vị. Đó là những người vừa biết làm chủ bản thân mình đồng thời biết phát huy quyền làm chủ tập thể của toàn đơn vị. Đây là khâu rất quan trọng trong cơ chế làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa trong quân đội.

Bà là, phải rất coi trọng làm chủ tập thể bằng các tổ chức quần chúng trong quân đội. Hội đồng quân nhân, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh, (và công đoàn trong các xí nghiệp quốc phòng) là những tổ chức quần chúng trong quân đội. Nó thu hút toàn thể cán bộ và chiến sĩ, công nhân, nhân viên quốc phòng vào các hoạt động của các tổ chức đó. Nó cũng là nơi để mọi người thực hiện quyền làm chủ tập thể của mình.

Được lãnh đạo, hướng dẫn tốt, các tổ chức quần chúng sẽ có nhiều hoạt động phong phú, bổ ích và giúp rất nhiều cho công tác lãnh đạo, chỉ huy. Các buổi sinh hoạt ngoài giờ của các «nhóm khoa học», các «tổ văn nghệ không chuyên», các «diễn đàn thanh niên», «câu lạc bộ chiến sĩ», các «đội bóng», «đội diễn kịch», v.v. thu hút rộng rãi quần chúng trong đơn vị. Những hoạt động như vậy rất bổ ích và thiết thực góp phần củng cố, phát triển năng lực làm chủ tập thể của bộ đội. Cán bộ và chiến sĩ của chúng ta rất trẻ, có văn hóa, ham hiểu biết, có nhu cầu muốn hoạt động, đóng góp hết khả năng của mình vào việc xây dựng đơn vị, xây dựng quân đội.

Quyền làm chủ tập thể chỉ có thể thực hiện được bằng tổ chức và thông qua tổ chức, chứ không thể tự phát. Không thể làm chủ tập thể một cách «tự do». Quần chúng giàu năng lực sáng tạo và có đầy đủ khả năng để làm chủ đơn vị, làm chủ cuộc sống; chỉ cần lãnh đạo biết tổ chức họ lại và lãnh đạo, quản lý chặt chẽ thì sẽ có phong trào.

Điều lệnh, điều lệ, kỷ luật quân sự là những đòn bẩy để thực hiện quyền làm chủ. Do đặc điểm về tính chất và nhiệm vụ của quân đội, mọi hoạt động của nó đều phải được quản lý chặt chẽ bằng một hệ thống điều lệnh, điều lệ, quy định. Nói cách khác, mọi hoạt động đều phải được «thể chế hóa». Mọi hoạt động đều phải được điều khiển, có việc thì điều khiển theo hệ thống chỉ huy, có việc thì điều khiển theo tổ chức quần chúng. Đó là một yêu cầu không thể thiếu để bảo đảm sự thống nhất tập trung trong quá trình tiến lên chính quy, hiện đại. Thống nhất, tập trung cao là một điều kiện quan trọng để giành thắng lợi trong chiến tranh hiện đại, hiệp đồng binh chủng quy mô to lớn.

Mỗi quân khu, quân chủng, binh chủng, mỗi đơn vị đều có những nét riêng, song tất cả những nét riêng

đo chỉ tổ chức cho cái chung thêm phong phú chứ tuyệt đối không phá vỡ cái chung, không làm ảnh hưởng đến tính thống nhất của quân đội. Toàn quân đều có chung những nguyên tắc tổ chức, chế độ, điều lệnh, điều lệ, v.v. Tính thống nhất chung của những vấn đề thuộc về nguyên tắc đó là cơ sở để thực hiện toàn quân là một ý chí. Đó là cơ sở sức mạnh của quân đội: mạnh về chính trị, tinh thần, mạnh về cơ sở vật chất kỹ thuật, mạnh cả về tổ chức, chế độ.

Tiến tới tiêu chuẩn hóa cả con người và tổ chức trong phạm vi toàn quân: tiêu chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, tiêu chuẩn hóa các chế độ, chính sách. Vấn đề này rất quan trọng; nó cũng là một trong những điều kiện để phát huy quyền làm chủ tập thể của đồng đảo cán bộ, chiến sĩ. Căn cứ vào tiêu chuẩn, chế độ, chính sách mà xem xét, đánh giá, mà rèn luyện, phấn đấu, mà phân biệt đúng, sai, ngăn chặn được tệ giải quyết tùy tiện, cửa quyền, hoặc không thống nhất, mỗi nơi làm một cách — tình trạng này dễ sinh ra mất đoàn kết, không giữ nghiêm kỷ luật, không cổ vũ được nhiệt tình của bộ đội, không động viên được phong trào thi đua.

Thống nhất điều lệnh, điều lệ, chế độ, và chấp hành nghiêm chỉnh điều

lệnh, điều lệ, chế độ là điều kiện quan trọng để duy trì kỷ luật. Làm chủ tập thể và chấp hành kỷ luật là nhất trí.

Làm chủ tập thể trong quân đội là cụ thể hóa quyền làm chủ tập thể của toàn thể nhân dân lao động trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, là thường xuyên cảnh giác, sẵn sàng xả thân vì sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, đánh thắng bọn bán nước Bắc-kinh, là ra sức xây dựng đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Điều cần đặc biệt nhấn mạnh đối với quân đội là: quân triệt và thực hiện thắng lợi đường lối quân sự, khoa học nghệ thuật quân sự của Đảng, khoa học kỹ thuật quân sự phải trở thành một nội dung quan trọng trong làm chủ tập thể. Làm tốt vấn đề đó là một trong những điều kiện quan trọng để làm chủ trong cả nước, làm chủ mặt đất, làm chủ bầu trời, làm chủ biển cả của Tổ quốc. Quân đội ta đang được Đảng và nhân dân giao phó một nhiệm vụ hết sức nặng nề và vẻ vang là đánh bại hoàn toàn cuộc chiến tranh xâm lược của bọn phản động Bắc-kinh để bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, quân đội ta nhất định hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ vẻ vang đó.

КОММУНИСТИЧЕСКИЙ ЖУРНАЛ № 3—1979

Призыв Центрального Комитета Коммунистической партии Вьетнама **ПЕРЕДОВАЯ** : Решительно нанести поражение агрессивной войне китайских реакционеров. **ВО НГУЕН ЗИАП** : Вьетнамский народ наверняка победит, китайские захватчики наверняка потерпят поражение. **TCCS** : Славные победы. **НАМ ЛОНГ** : С честью выполнить боевые задачи и защитить социалистическую родину. ☆☆☆ : Новая победа в укреплении боевой солидарности народов Вьетнама и Кампучии. **ЛЕ ТЫ ДОНГ** : О милитаризме реакционной группировки в китайских правящих кругах. **ЧУК СУЕН** : Сговор Пекина с империализмом и реакционерами всех мастей против трёх революционных потоков в мире. **ВАН ТАН** : Экспансионизм китайских феодалов и их поражения во Вьетнаме.

REVIEW OF COMMUNISM № 3 – 1979

— Appeal by the Central Committee of the Communist Party of Viet-nam.

Editorial — Resolved to defeat the war of aggression launched by the Chinese reactionaries. **VÕ-NGUYỄN-GIÁP** — The Vietnamese people will certainly win, the Chinese aggressors will certainly be defeated. **TCCS** — Glorious victory. **NAM-LONG** — Properly fulfil our military tasks, firmly defend our socialist fatherland. ☆ ☆ ☆ : New successes of the militant solidarity between Viet-nam and Kampuchea. **LÊ-TỰ-ĐÔNG** — On the militarism of the reactionary group within the Chinese ruling circles. **TRÚC-XUYỀN** — Peking's collusion with imperialism and reactionaries of all kinds in opposing the three currents of world revolution. **VĂN-TÂN** — The expansionism of feudal China and the failures it suffered in Viet-nam.

REVUE DU COMMUNISME № 3 – 1979

— Appel du Comité central du Parti communiste du Vietnam. **Éditorial** —

Résolus à mettre en échec la guerre d'agression déclenchée par les réactionnaires chinois. **VÕ-NGUYỄN-GIÁP** — Le peuple vietnamien sera certainement victorieux et les agresseurs chinois seront certainement vaincus. **TCCS** — Des victoires glorieuses. **NAM-LONG** — Bien réaliser les tâches militaires, défendre avec efficacité notre Patrie socialiste. ☆ ☆ ☆ : Nouveaux succès de la solidarité combattante Vietnam — Kampuchéa. **LÊ-TỰ-ĐÔNG** — Sur le militarisme de la clique réactionnaire au sein des dirigeants chinois. **TRÚC-XUYỀN** — Collusion de Pékin avec l'impérialisme et les autres réactionnaires contre les trois courants révolutionnaires dans le monde. **VĂN-TÂN** — L'expansionnisme des féodaux chinois et ses défaites au Vietnam.

REVISTA DEL COMUNISMO № 3 – 1979

— El llamamiento del Comité Central del Partido Comunista de Viet Nam.

Editorial — Nos decidimos a derrotar la guerra agresiva de los reaccionarios chinos. **VÕ-NGUYỄN-GIÁP** — El pueblo vietnamita vencerá, los agresores chinos serán derrotados. **TCCS** : Las resonantes victorias. **NAM-LONG** — Cumplir óptimamente las tareas militares y defender con resuelto la Patria socialista. ☆ ☆ ☆ : Nuevos éxitos de la solidaridad combativa entre Viet Nam y Kampuchea. **LÊ-TỰ-ĐÔNG** — Acerca del militarismo de la pandilla reaccionaria en el sector dirigente de China. **TRÚC-XUYỀN** — La connivencia de Pekin con el imperialismo y los reaccionarios contra los tres torrentes revolucionarios mundiales. **VĂN-TÂN** — El expansionismo de los feudalistas chinos y sus fracasos en Viet Nam.

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 3

1979

NĂM THỨ XXV (279)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :

1. Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Điện thoại: 52061, 52062

**TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRƯỞNG
TẠI MIỀN NAM :**

40, Trần - Cao - Vân, TP Hồ-Chí-Minh

Điện thoại: 20060, 25768

MỤC LỤC

— Lời kêu gọi của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt-nam	1
Xã luận — Kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của bọn phản động Trung-quốc	5
VÕ-NGUYỄN-GIÁP — Nhân dân Việt-nam nhất định thắng lợi, giặc Trung-quốc xâm lược nhất định thất bại	11
TCCS — Chiến thắng oanh liệt	23
NAM-LONG — Thực hiện tốt nhiệm vụ quân sự, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa	27
★ ★ ★ — Thắng lợi mới của tình đoàn kết chiến đấu Việt-nam — Cam-pu-chia	33
LÊ-TỰ-ĐỒNG — Về chủ nghĩa quân phiệt của tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc	36
TRÚC-XUYẾN — Bắc-kinh câu kết với chủ nghĩa đế quốc và các loại phản động chống ba trào lưu cách mạng thế giới	44
VĂN-TÂN — Chủ nghĩa bành trướng của phong kiến Trung-hoa và sự thất bại của nó ở Việt-nam	53
TRƯƠNG-CHÍNH — Cuộc đấu tranh lâu dài để bảo vệ nền văn hóa dân tộc	62
Cả loài người lên án Trung-quốc, ủng hộ Việt-nam	70
Thảo luận - Về làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa ★ VĂN-QUẢNG — Quan niệm và sự thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ★ SONG-LÊ — Làm chủ tập thể về kinh tế ★ PHẠM-PHÚ- NHUẬN — Làm chủ thông qua tổ chức và bằng các tổ chức	75

81.57-1

om?
交流圖書公司
AD LIU PUB. SERVICE

Tìm đọc:

TẬP LUẬT LỆ HIỆN HÀNH THỐNG NHẤT CHO CẢ NƯỚC

- Những quy định cơ bản của Nhà nước về quản lý vật tư
- Những quy định cơ bản của Nhà nước về lâm nghiệp
- Luật về Viện kiểm sát nhân dân và các văn bản có liên quan
- Lập và chấp hành ngân sách Nhà nước



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

Tạp chí cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRI
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT - NAM

MAIN/UC-B



4

4.1979

754
1995
1995

Xả luận

Ý NGHĨA THẤT BẠI CỦA BỌN PHẢN ĐỘNG TRUNG-QUỐC XÂM LƯỢC

BỌN phản động cầm quyền ở Bắc-kinh hiện nay là tập đoàn phản bội lớn nhất trong lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Từ khi đoạt được quyền không chế Đảng cộng sản và Nhà nước Trung-quốc, bọn phản cách mạng cầm quyền ở Bắc-kinh đã thi hành một đường lối chính trị cực kỳ phản động về mặt đối nội cũng như về mặt đối ngoại.

Ở trong nước, chúng ra sức áp bức và bóc lột giai cấp công nhân và nhân dân lao động, thẳng tay đàn áp những người cộng sản chân chính, những người yêu nước và dân chủ. Hàng chục triệu người con ưu tú của nhân dân Trung-quốc, những người cách mạng lão thành, những người trí thức dân chủ, những người lao động lương thiện, đã bị giết trong các cuộc tàn sát đẫm máu của chúng. Hàng triệu người khác bị giam cầm và chết dần chết mòn trong các nhà tù và các trại tập trung. Dưới ách thống trị độc tài phát xít của chúng, các quyền dân chủ sơ đẳng nhất bị thủ tiêu; các quyền cơ bản của con người bị chà đạp. Chúng thi hành chính sách « đồng hóa » cực kỳ tàn bạo đối với các dân tộc thiểu số ở trong nước. Chúng phục hồi quyền lợi của các nhà tư bản đã bị tịch thu trong quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa trước đây.

Tập đoàn quan liêu quân phiệt cầm quyền ở Bắc-kinh ra sức thực hiện chính sách quân sự hóa nền kinh tế quốc dân để chuẩn bị chiến tranh xâm lược. Chính sách đó đã gây tác hại nghiêm trọng đối với nền kinh tế Trung-quốc và là một đòn nặng nề giáng vào đời sống của nhân dân Trung-quốc. Việc ưu tiên phát triển công nghiệp quốc phòng và các ngành sản xuất quân sự theo phương châm «bom nguyên tử cần hơn cơm áo» đã đem lại những tổn thất to lớn cho các ngành sản xuất dân dụng và gây ảnh hưởng tiêu cực đối với đời sống của nhân dân.

Về mặt đối ngoại, bọn phản động Trung-quốc triển khai chiến lược quốc tế cực kỳ phản động theo thuyết «ba thế giới», nhằm liên minh với mọi thế lực đế quốc, tập hợp mọi thế lực phản động, lừa gạt những nước thuộc cái gọi là «thế giới thứ ba», đề cùng đế quốc Mỹ chống Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, chống phong trào cộng sản và công nhân, chống độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình trên thế giới. Mục tiêu của chiến lược toàn cầu phản cách mạng của tập đoàn phản động Bắc-kinh là chia rẽ và phá các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, thực hiện chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn của Trung-quốc trên thế giới, trước hết là ở Đông Nam châu Á. Bọn phản động Bắc-kinh là thế lực phản cách mạng lớn nhất, đồng minh của đế quốc Mỹ, cùng đế quốc Mỹ chia sẻ vai trò sen đầm quốc tế. Ở Đông Nam châu Á, bọn phản động Bắc-kinh đóng vai trò xung kích phản cách mạng nguy hiểm nhất, trực tiếp chống lại ba dòng thác cách mạng ở Đông Nam châu Á.

Đối với Việt-nam, bọn phản động Trung-quốc thi hành có hệ thống một chính sách tàn bạo và xảo quyệt nhằm khống chế và thôn tính nước ta.



Từ lâu, nhân dân ta đã thấy rõ dã tâm của tập đoàn phản động cầm quyền ở Bắc-kinh đối với Việt-nam. Trong thời gian nhân dân ta kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, Trung-quốc có viện trợ cho ta về quân sự và kinh tế trong chừng mực nhất định, nhằm phá thế bao vây của Mỹ đối với Trung-quốc, đồng thời gây sức ép hòng buộc ta phải từ bỏ đường lối độc lập, tự chủ của mình. Bọn phản động Trung-quốc lợi dụng cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta để mặc cả với đế quốc Mỹ.

Chúng vừa giúp ta vừa hạn chế ta, vì chúng sợ nước ta lớn mạnh nhanh chóng. Chúng vừa giúp ta vừa chuẩn bị điều kiện để bành trướng xuống Đông-dương và Đông Nam châu Á. Với chính sách hai mặt, vừa chống Mỹ vừa tìm cách bắt tay Mỹ, vừa giúp Việt-nam vừa tìm cách hạn chế và kiểm soát Việt-nam, bọn phản động Trung-quốc đã gây ra những tổn thất nghiêm trọng cho nhân dân ta trong thời gian kháng chiến chống Mỹ. Chúng đã gây ra những khó khăn đủ thứ cho việc vận chuyển viện trợ của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác cho Việt-nam. Hành động đó đã làm chậm trễ việc tiếp tế cho liên tuyến và hạn chế khả năng chiến đấu chống Mỹ của quân và dân ta. Bọn phản động Trung-quốc đã phá hoại việc thành lập Mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt-nam chống đế quốc Mỹ; gây sức ép nhằm buộc chúng ta từ chối sự chi viện của Liên-xô để đứng hẳn về phía Trung-quốc chống Liên-xô. Chúng đã tìm cách phá hoại chủ trương của chúng ta đấu tranh trên cả ba mặt trận quân sự, chính trị và ngoại giao, đe dọa sẽ ngừng viện trợ cho ta nếu chúng ta vẫn tiếp tục đàm phán với Mỹ. Với việc mời tổng thống Mỹ Ních-xơn đến Bắc-kinh, nhà cầm quyền Trung-quốc đã phản bội sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt-nam. Trong cuộc buôn bán xấu xa này, bọn phản động Trung-quốc đã thỏa thuận ngầm với Mỹ duy trì chế độ nguỵ quyền Nguyễn-văn-Thiệu và sự có mặt của Mỹ ở miền Nam Việt-nam để đòi lấy ghế ủy viên thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc và việc Mỹ trao trả Đài-loan cho Trung-quốc. Sau chuyển đi thăm Trung-quốc của Ních-xơn, Mỹ đã cho máy bay B.52 ném bom Hà-nội và Hải-phòng, phong tỏa các hải cảng, rải thủy lôi trên các con sông và dọc bờ biển miền Bắc. Tiếp đó, Trung-quốc chiếm đảo Hoàng-sa của Việt-nam.

Bất chấp sự cản trở, phá hoại và phản bội của nhà cầm quyền Trung-quốc, sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt-nam, được sự chi viện to lớn của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân thế giới, đã giành được thắng lợi vẻ vang. Thắng lợi của Việt-nam không những là thất bại của đế quốc Mỹ mà còn là thất bại của bọn phản động Trung-quốc, những kẻ tìm cách kiềm chế và khuất phục Việt-nam.

Sau khi đế quốc Mỹ rút khỏi nước ta, bọn phản động Trung-quốc cho rằng đã đến lúc chúng có thể nhẩy vào thay thế đế quốc Mỹ đặt ách thống trị của chúng lên Việt-nam và các nước khác ở Đông-dương. Chúng đã thực hiện nhiều âm mưu và thủ đoạn thâm độc nhằm phá hoại và thôn tính nước ta. Chúng phá hoại công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam nhằm đưa miền Nam lên chủ nghĩa xã hội, phá hoại công cuộc khôi phục kinh tế và xây dựng chủ

ngành xã hội ở miền Bắc. Chúng đã tìm mọi cách ngăn cản sự nghiệp thống nhất nước Việt-nam, nhằm chia cắt lâu dài nước Việt-nam. Chúng thực hiện một chính sách có hệ thống nhằm chia rẽ ba nước ở bán đảo Đông-dương; lôi kéo và hoạt động lật đổ ở Lào; mua chuộc bọn phản bội Pôn Pốt – Iêng Xa-ry để nắm Cam-pu-chia; cô lập và đánh phá Việt-nam. Sự thật đã chứng tỏ rằng, sau khi quân Mỹ rút khỏi Việt-nam, một nguy cơ mới đe dọa Việt-nam cũng như hai nước Lào và Cam-pu-chia, đó là chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn của tập đoàn phản động cầm quyền ở Trung-quốc.

Trong những năm qua, bọn phản động Trung-quốc không ngừng leo thang trong âm mưu và thủ đoạn phá hoại và thôn tính Việt-nam. Từ ngày 30-4-1975 đến nay, những âm mưu và hành động chống phá Việt-nam của tập đoàn phản động Bắc-kinh có thể chia ra làm ba bước như sau :

Từ 30-4-1975 đến 30-4-1977 : bọn phản động Trung-quốc chủ yếu dùng sức ép về kinh tế, chính trị, ngoại giao hòng buộc Việt-nam từ bỏ đường lối độc lập, tự chủ của mình.

Từ 30-4-1977 đến 17-1-1979 : bọn phản động Trung-quốc tiến hành « chiến tranh gián tiếp » chống Việt-nam bằng cách sử dụng tập đoàn Pôn Pốt – Iêng Xa-ry ở Cam-pu-chia làm tay sai tiến công Việt-nam từ phía tây – nam, đồng thời lợi dụng bọn phản động người Hoa âm mưu gây bạo loạn phản cách mạng ở trong nước ta. Mặt khác, chúng cắt viện trợ, rút chuyên gia, dụ dỗ và cưỡng ép người Hoa về nước để tổ chức và huấn luyện thành những toán gián điệp, biệt kích, dẫn đường, thành lập những binh đoàn để chuẩn bị tiến công xâm lược Việt-nam.

Từ 17-2-1979 trở đi : bọn phản động Trung-quốc tiến hành « chiến tranh trực tiếp » chống Việt-nam bằng cách đưa một đội quân xâm lược lớn từ phía bắc đánh vào Việt-nam.

Mỗi bước leo thang mới chống phá Việt-nam của bọn phản động Trung-quốc lại gặp phải một thất bại nặng nề hơn. Sức ép về kinh tế, chính trị, ngoại giao không khuất phục được nhân dân Việt-nam anh hùng. Cuộc « chiến tranh gián tiếp », bằng bàn tay của bè lũ Pôn Pốt – Iêng Xa-ry đã bị thất bại thảm hại trước cuộc chiến tranh tự vệ của quân và dân Việt-nam phối hợp với cuộc nổi dậy của nhân dân Cam-pu-chia lật đổ chế độ diệt chủng tay sai của Bắc-kinh. Cuộc « chiến tranh trực tiếp » với một đội quân xâm lược lớn cũng đã bị thất bại nhục nhã trước tinh thần chiến đấu ngoan cường của quân và dân Việt-nam.

Liên tiếp bị thất bại và thất bại sau lớn hơn thất bại trước, bọn phản động cầm quyền ở Bắc-kinh, với bản chất phản cách mạng ngoan cố, vẫn không chịu từ bỏ dã tâm xâm lược và thôn tính nước ta. Chúng đang chấn chỉnh đội quân xâm lược, củng cố và tăng cường lực lượng, ráo riết chuẩn bị bước leo thang mới đánh phá nước ta.



CUỘC chiến tranh xâm lược của bọn phản động Trung-quốc chống nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam cho chúng ta thấy rằng bọn cầm quyền Bắc-kinh là một tập đoàn phản động, xâm lược, cực kỳ hiếu chiến. Nó chứng tỏ rằng tập đoàn phản động này đã đẩy nước Trung-hoa dưới ách thống trị của chúng vào hàng ngũ của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế chống lại các lực lượng của chủ nghĩa xã hội, độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình trên thế giới.

Trong thời đại chúng ta, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, đang diễn ra cuộc đấu tranh một mất một còn giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản. Trong cuộc đấu tranh này, nước Trung-hoa đứng về phía nào? Đứng về phía chủ nghĩa xã hội hay là phía chủ nghĩa tư bản? Rõ ràng nước Trung-hoa dưới ách thống trị của tập đoàn phản cách mạng đã đứng về phía chủ nghĩa tư bản chống chủ nghĩa xã hội. Câu kết với chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động khác, tập đoàn quan liêu quân phiệt cầm quyền ở Bắc-kinh đang ra sức chống lại ba dòng thác cách mạng của thời đại chúng ta.

Bọn phản bội cầm quyền ở Bắc-kinh đã làm ô nhục truyền thống cách mạng của nhân dân Trung-quốc và những người cộng sản chân chính ở Trung-quốc. Chúng đã biến nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa, thành quả cách mạng của nhân dân Trung-quốc, thành dinh lũy của tập đoàn phát xít hiếu chiến.

Bọn phản động Trung-quốc đã huy động một lực lượng quân sự 60 vạn tên gồm nhiều quân đoàn chính quy và nhiều sư đoàn độc lập, với hàng trăm xe tăng, hàng nghìn khẩu pháo, ào ạt tiến công Việt-nam trên toàn tuyến biên giới giữa hai nước. Đến đầu giặc Trung-quốc xâm lược cũng phá hủy thị xã, thị trấn, làng, bản, xí nghiệp, cơ quan, bệnh viện, trường học, nhà ở của nhân dân. Chúng cướp

sạch của cải, bắn giết nhân dân, phần lớn là người già, trẻ em, hăm hiếp phụ nữ, gây ra những tội ác cực kỳ tàn bạo trên đất Việt-nam. Xét về nhiều mặt, những tội ác mà bọn giặc Trung-quốc xâm lược đã gây ra ở nước ta ngày nay đã vượt xa những tội ác mà các đội quân xâm lược Trung-quốc thời Tần, Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh đã gây ra ở nước ta. Rõ ràng bọn phản bội cầm quyền ở Bắc-kinh đã biến quân giặc phóng nhân dân Trung-quốc thành một trong những đội quân xâm lược tàn bạo nhất của thời đại.

Với cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam, bọn phản động Trung-quốc đã hoàn toàn phơi bày bản chất của chúng là một tập đoàn bành trướng và bá quyền, một thế lực xâm lược hiếu chiến cực kỳ hung ác, đồng minh của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế. Cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam đã xé toang cái mặt nạ cộng sản và cách mạng giả hiệu của bọn cầm quyền Bắc-kinh, làm bộc lộ chân tướng của chúng là bọn phản cách mạng đê hèn nhất, là kẻ thù nguy hiểm của hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam của bọn cầm quyền Bắc-kinh là một bằng chứng hùng hồn tỏ rõ tập đoàn phản động Bắc-kinh là kẻ thù trực tiếp và nguy hiểm của nhân dân Việt-nam, của nhân dân các nước Đông-dương.

Bọn phản động Trung-quốc cậy mình nước lớn, quân đông, tưởng có thể đè bẹp được Việt-nam. Nhưng chúng đã bị trừng trị đích đáng. Qua 30 ngày đêm chiến đấu cực kỳ anh dũng, từ ngày 17-2 đến ngày 18-3-1979, quân và dân Việt-nam đã loại khỏi vòng chiến đấu 62 500 tên Trung-quốc xâm lược, tiêu diệt và đánh thiệt hại nặng 3 trung đoàn, 18 liên đoàn, bắn cháy và phá hủy 280 xe tăng và xe bọc thép, 270 xe vận tải, phá hủy 115 khẩu pháo và súng cối hạng nặng, thu nhiều vũ khí và đồ dùng quân sự, bắt nhiều tên Trung-quốc xâm lược.

Sự giáng trả quyết liệt của quân và dân ta đã khiến cho cuộc chiến tranh xâm lược của bọn phản động Trung-quốc bị thất bại thảm hại. Thắng lợi oanh liệt của quân và dân ta, thất bại nhục nhã của giặc Trung-quốc xâm lược chứng tỏ rằng quân và dân Việt-nam có đủ sức đánh bại bọn giặc Trung-quốc xâm lược đe bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của mình.

Một tháng chiến đấu chống Trung-quốc xâm lược vừa qua cho chúng ta thấy rằng quân Trung-quốc đông nhưng không mạnh; bọn phản động Bắc-kinh coi rẻ linh mạng của người Trung-quốc, áp dụng chiến thuật «biên người», nhưng chiến thuật tàn bạo đó của chúng

chỉ đem lại kết quả là xua binh lính Trung-quốc vào « cái máy nghiền thịt » mà thôi. Chiến thuật đó không thể đem lại thắng lợi cho bọn Trung-quốc xâm lược.

Trong cuộc chiến tranh xâm lược nước ta, lũ giặc Trung-quốc thất bại vì đường lối của chúng phản động, chiến tranh của chúng phi nghĩa, chính sách của chúng phiêu lưu, tính toán của chúng sai lầm. Chúng thất bại vì chúng đi ngược lại lợi ích của nhân dân Trung-quốc, vì chúng bị cô lập trên thế giới. Nhân dân Trung-quốc chống lại chúng. Cả loài người tiến bộ đứng lên phản đối chúng.

Nhân dân Việt-nam đã thắng lợi vì đường lối của ta đúng đắn, chiến tranh của ta là chính nghĩa, quân và dân ta đoàn kết một lòng, kiên quyết chiến đấu chống ngoại xâm, dân tộc ta có truyền thống đấu tranh kiên cường bất khuất. Chúng ta lại có chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa tốt đẹp. Chúng ta có sức mạnh đoàn kết của nhân dân ba nước Đông-dương. Chúng ta được Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác viện trợ. Nhân dân tiến bộ trên thế giới nhiệt liệt đồng tình và ủng hộ chúng ta. Cuộc hội nghị quốc tế khải cấp ủng hộ Việt-nam đã thắng lợi rực rỡ chứng tỏ mặt trận rộng rãi của nhân dân thế giới đoàn kết với Việt-nam và ủng hộ nhân dân Việt-nam chống Trung-quốc xâm lược đã hình thành và đang trên đà phát triển.

Dân tộc Việt-nam thiết tha yêu chuộng hòa bình và độc lập tự do. Dân tộc ta là một dân tộc anh hùng, không sợ bất cứ kẻ thù nào, quyết đánh và quyết thắng một quân xâm lược. Thất bại của bọn phản động Trung-quốc trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam vừa qua một lần nữa chứng tỏ rằng kẻ nào xâm lược Việt-nam nhất định sẽ thất bại nhục nhã.



THẮNG lợi của nhân dân Việt-nam trong cuộc kháng chiến chống giặc Trung-quốc xâm lược tuy mới là thắng lợi bước đầu, nhưng có ý nghĩa cực kỳ to lớn. Thắng lợi đó không những làm thất bại một bước âm mưu của bọn phản động Trung-quốc thôn tính Việt-nam mà còn ngăn chặn một bước âm mưu bành trướng và bá quyền của chúng đối với các nước ở Đông Nam châu Á. Thắng lợi đó làm thất bại một bước âm mưu của bọn phản

động Trung-quốc kích động chiến tranh, góp phần to lớn vào việc bảo vệ hòa bình thế giới.

Cuộc kháng chiến thắng lợi của Việt-nam chống giặc Trung-quốc xâm lược đã làm cho bộ mặt của tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh bị vạch trần trước nhân dân toàn thế giới. Tập đoàn này đã lộ nguyên hình là một bọn phản bội nhục nhã, một thế lực xâm lược hiếu chiến hung ác hạng nhất, một đồng minh nguy hiểm của chủ nghĩa đế quốc quốc tế. Từ nay, tập đoàn đó không còn có thể dễ dàng dùng cái mặt nạ giả danh cách mạng và các luận điệu cách mạng giả dối để lừa bịp nhân dân các nước. Điều này có tác dụng góp phần thức tỉnh nhân dân thế giới.

Thắng lợi của Việt-nam cũng đang góp phần to lớn vào việc xé toạc bức màn dối trá mà bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh phủ lên trên nhân dân Trung-quốc, giúp cho lương tri của nhân dân Trung-quốc bắt đầu trời dậy. Thắng lợi của Việt-nam còn là một đòn giáng vào kế hoạch đầy tham vọng « bốn hiện đại hóa » dễ chuẩn bị chiến tranh xâm lược cũng như chiến lược bá chủ toàn cầu phản cách mạng của tập đoàn phản động Bắc-kinh. Bị thất bại trong chiến tranh xâm lược Việt-nam, giới cầm quyền Bắc-kinh càng lún sâu vào cuộc khủng hoảng nội bộ. Những mâu thuẫn trong nước Trung-quốc càng gay gắt thêm. Hậu quả của thất bại đó đối với tình hình nội bộ Trung-quốc và quan hệ của Trung-quốc với nước ngoài là không thể lường hết được.

Thắng lợi của Việt-nam trong cuộc kháng chiến chống Trung-quốc xâm lược là một cống hiến to lớn vào việc bảo vệ hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới. Đó là một đóng góp to lớn vào việc bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Thắng lợi đó có tác dụng tích cực đối với việc khôi phục và tăng cường sự đoàn kết trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Thắng lợi đó đang góp phần thúc đẩy ba dòng thác cách mạng của thời đại tiến lên.

Bị tổn thất nặng ở chiến trường và bị phản đối kịch liệt ở khắp nơi trên thế giới, bọn cầm quyền phản động ở Bắc-kinh buộc phải rút quân đội xâm lược của chúng về nước. Nhưng do bản chất phản động của chúng, chúng vẫn không từ bỏ âm mưu bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn. Chúng đang ra sức củng cố và tăng cường lực lượng, ráo riết chuẩn bị những cuộc phiêu lưu quân sự mới hòng thôn tính nước ta.

Âm mưu cơ bản của bọn phản động Trung-quốc là làm suy yếu và thôn tính nước ta. Chừng nào bọn cầm quyền phản động ở Bắc-

kinh còn theo đuổi chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn thì chúng còn tìm mọi cách phá hoại và xâm lược nước ta, hòng thôn tính nước ta, khuất phục nhân dân ta, dùng nước ta làm bàn đạp để xâm chiếm các nước khác ở Đông Nam châu Á, tiến tới thực hiện giấc mộng làm bá chủ thế giới. Vì vậy chúng ta phải luôn luôn nâng cao cảnh giác, tăng cường và củng cố quốc phòng, sẵn sàng giáng trả đích đáng nếu chúng trở lại tiến công xâm lược nước ta.

Nhận rõ bản chất và âm mưu đen tối của bọn phản động Trung-quốc, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta, luôn luôn ở trong tư thế sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Năm vững phương hướng được vạch ra trong Lời kêu gọi ngày 4-3-1979 của Ban chấp hành trung ương Đảng, chúng ta ra sức làm tròn nghĩa vụ quân sự và nghĩa vụ lao động, không ngừng tăng cường tiềm lực kinh tế và tiềm lực quốc phòng, đánh bại mọi âm mưu và hành động chiến tranh xâm lược của bọn phản động Trung-quốc, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, đồng thời thực hiện tốt các nghĩa vụ quốc tế của nhân dân ta.

Phát huy thắng lợi đã giành được trong cuộc kháng chiến chống phản động Trung-quốc xâm lược, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta phấn khởi tiến lên, tăng cường phòng thủ đất nước, đẩy mạnh sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước, sẵn sàng giáng trả những cuộc phiêu lưu quân sự mới của bọn phản động Trung-quốc xâm lược.

KIÊN QUYẾT ĐÁP TAN ÂM MƯU XÂM LƯỢC CỦA BỌN PHẢN ĐỘNG TRUNG-QUỐC

Trung tướng LÊ-TRỌNG-TẤN

NGÀY 17-2-1979, tập đoàn phản động cầm quyền ở Bắc-kinh đã liều lĩnh và ngang nhiên phát động cuộc chiến tranh xâm lược nước ta, phá vỡ mối tình đoàn kết giữa nhân dân hai nước Việt - Trung, chà đạp lên công pháp quốc tế, thách thức dư luận chính trực của loài người tiến bộ, và bôi nhọ danh dự của chính nhân dân Trung-quốc.

Từ lâu, tập đoàn phản động Trung-quốc đã sử dụng nhiều thủ đoạn nham hiểm, nhiều hành động ác độc hòng phá hoại chính sách độc lập và tự chủ của nước ta, kìm hãm sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta, phá vỡ khối đoàn kết của nhân dân các dân tộc trong nước ta và nhân dân ba nước Việt-nam - Lào - Cam-pu-chia, mưu toan thôn tính nước ta, thôn tính các nước khác trên bán đảo Đông-dương, rồi dùng nơi đây làm bàn đạp bành trướng ra toàn khu vực Đông Nam châu Á.

Trong thời gian nhân dân ta tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tập đoàn phản động Trung-quốc, một mặt buộc phải giúp ta nhưng mặt khác lại cấu kết với đế quốc Mỹ

nhằm hạn chế thắng lợi của ta. Chúng hy vọng duy trì sự có mặt của Mỹ ở miền Nam nước ta và vai trò sen đầm quốc tế của Mỹ ở Đông Nam châu Á. Sự kiện trọng đại giải phóng miền Nam và thống nhất Tổ quốc của chúng ta là một thất bại nhục nhã của đế quốc Mỹ. Bọn phản động Trung-quốc coi đó là một thất bại cay đắng của chúng trong mưu đồ khổng chế và thôn tính Việt-nam. Chúng phản ứng quyết liệt, ráo riết hành động, dựng lên tại Cam-pu-chia một chính quyền phản động, dùng bọn Pôn Pốt - lén Xa-ry làm tay sai gây chiến tranh xâm lược nước ta từ phía tây - nam. Ở miền Bắc nước ta, bọn phản động Bắc-kinh dựng lên cái gọi là vụ « nạn kiều » và tiến hành những hành động khiêu khích vũ trang ở biên giới, để phá chúng ta từ hai phía, hòng khuất phục nhân dân ta. Nhưng chúng đã bị thất bại thảm hại.

Gây chiến tranh xâm lược nước ta là hành động liều lĩnh của bọn phản động Trung-quốc sau những thất bại liên tiếp nặng nề của hàng loạt chủ trương, biện pháp chống phá cách mạng Việt-nam, là sự phát triển tất

yếu của một đường lối chính trị cực kỳ phản động, trong điều kiện quyền lực lãnh đạo trong nước tập trung vào một nhóm phản động hung hăng, hiếu chiến, lại được các thế lực phản động quốc tế, trước hết là giới quân phiệt Mỹ và Nhật đồng tình.

Phát động chiến tranh xâm lược nước ta, bọn phản động Trung-quốc nhằm những mục tiêu gì?

1 — Tiêu diệt một bộ phận quan trọng lực lượng vũ trang của ta; phá hoại tiềm lực quốc phòng của nước ta; thu hút một phần lực lượng vũ trang của ta từ Nam ra Bắc hòng hạn chế sự giúp đỡ của ta đối với cách mạng Cam-pu-chia, thực hiện mơ ước của chúng là xóa bỏ danh hiệu bách chiến bách thắng của quân đội ta.

2 — Làm suy yếu Đảng ta và Nhà nước ta, tạo cơ hội cho bọn phản cách mạng trong nước ta nổi dậy, gây những vụ rối loạn về chính trị hòng làm suy yếu chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

3 — Phá hoại các cơ sở kinh tế của ta, cản trở sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta.

4 — Qua thắng lợi « mong đợi » này mà hạ uy tín của Việt-nam trên thế giới và trước hết là ở khu vực Đông Nam châu Á, vừa để gỡ thế diện sau thất bại cay đắng tại Cam-pu-chia vừa để trấn áp các nước khác ở Đông Nam châu Á, lấy đó làm món quà dâng chủ nghĩa đế quốc, trước hết là đế quốc Mỹ, mong đòi lấy kỹ thuật để thực hiện « bốn hiện đại hóa ».

5 — Thăm dò sức mạnh của ta, thăm dò phản ứng của Liên-xô, thăm dò dư luận thế giới, để có thể tiến lên thôn tính toàn bộ nước ta, thôn tính ba nước ở bán đảo Đông-dương, từ đây bành trướng ra toàn bộ khu vực Đông Nam châu Á, thực hiện giấc mơ ngàn đời của bọn vua chúa phong kiến Trung-quốc trước đây.

Rõ ràng âm mưu và ý đồ của chúng là cực kỳ phản động, hành động của

chúng là điên cuồng liều lĩnh, tham vọng của chúng là vô hạn. Say mê với cuồng vọng bành trướng ấp ủ từ lâu, chúng không thể hiểu nổi đối tượng của chúng là nhân dân Việt-nam anh hùng. Ngay từ đầu, cuộc chiến tranh xâm lược phi nghĩa của chúng đã mang trong lòng nó những yếu tố cơ bản của sự thất bại hoàn toàn, đó là kết luận mà lịch sử đã dành cho chủ nghĩa đế quốc và sẽ dành cho chủ nghĩa bành trướng bá quyền Trung-quốc.

Để thực hiện mưu đồ phản động của chúng, bọn phản động cầm quyền Bắc-kinh đã huy động vào cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam một đạo quân 600 000 tên. Nhưng đề che đậy dã tâm xâm lược, đề lừa gạt dư luận quốc tế, ngăn chặn sự phản nộ của nhân dân trong nước chúng và mê hoặc binh lính chúng, bọn phản động cầm quyền Bắc-kinh đã đưa ra một loạt luận điệu bịp bợm : — Đây chỉ là hành động trừng phạt đề tự vệ có hạn chế về không gian và thời gian nhằm khôi phục lại biên giới « hòa bình và ổn định » ; — Trung-quốc không tham một tấc đất nào của Việt-nam ; — Trung-quốc chỉ sử dụng các lực lượng biên phòng, v.v. và v.v.

Chúng ta hãy thử xét xem thành phần của đội quân xâm lược này như thế nào? Gồm những lực lượng gì? Và từ đó xét xem chúng nhằm mục đích gì?

Theo các tài liệu thu được tại chiến trường và các lời khai của tù binh, lực lượng của chúng gồm :

— 9 quân đoàn bộ binh thuộc quân khu Côn-minh, quân khu Quảng-châu, quân khu Thành-dô, quân khu Vũ-hán (gồm một số quân đoàn với phiên hiệu 13, 14, 41, 50, 55...).

— 7 sư đoàn độc lập trong đó có một số sư đoàn sơn cước mà thực chất là những đơn vị biệt kích ác ôn chuyên đánh ở vùng rừng núi

— 550 xe tăng và xe bọc thép (không kể số xe vận tải quân sự).

— Hàng nghìn khẩu pháo, cối hạng nặng.

— 580 máy bay (sẵn sàng trực tiếp tham chiến).

Đây là một đạo quân lớn gồm những quân đoàn và sư đoàn chủ lực được coi như thiện chiến, các đơn vị xe tăng và xe bọc thép chính quy, các đơn vị pháo binh các loại với cỡ nòng từ 105 đến 130 mi-li-mét thuộc các quân khu của quân đội Trung-quốc, với số lượng đông hơn so với đạo quân viễn chinh của Mỹ ở Nam Việt-nam vào lúc chúng leo đến nấc thang cao nhất của cuộc chiến tranh xâm lược. Để bưng bít sự thật, lừa gạt nhân dân thế giới và nhân dân Trung-quốc, chúng tuyên bố rằng đó là những "lực lượng biên phòng" để "phản công", chống lại những hành động của Việt-nam "xâm phạm lãnh thổ Trung-quốc": cuộc chiến tranh được "hạn chế về thời gian và không gian". Nhưng sự thật là bằng chứng đánh thép. Chúng không thể lừa gạt được ai. Bọn chúng đã mở cuộc tiến công ồ ạt trên toàn tuyến biên giới phía bắc nước ta từ tỉnh Quảng-ninh đến tỉnh Lai-châu.

Giống như những đạo quân xâm lược của bọn vua chúa phong kiến Trung-quốc trước kia và bọn đế quốc ngày nay, quân xâm lược Trung-quốc đã bộc lộ rõ rệt tính chất phản động của nó. Đến đâu chúng cũng cướp bóc, tàn phá và bần giết bừa bãi. Chúng cướp đi của nhân dân ta từ quần áo đến dụng cụ gia đình, phương tiện sinh hoạt, chúng dỡ cả nhà của nhân dân ta mang về đất chúng. Chúng tàn phá tất cả các thị xã, thị trấn, bản, làng, xí nghiệp, bệnh viện, trường học, các công trình công cộng phục vụ sinh hoạt tinh thần và vật chất của nhân dân. Chúng tàn sát hết sức dã man nhân dân ta mà phần lớn là người già, phụ nữ và trẻ em. Chúng bần giết trâu bò, đốt phá các kho

lương thực, thực phẩm. Chúng đã kết hợp sự tàn ác man rợ của những Tần-Thủy-Hoàng, Hốt-Tát-Liệt với sự tàn ác "khoa học" của phát xít Hit-le và của đế quốc Mỹ. Chúng muốn biến những khu vực mà chúng đi qua thành những nơi không có sự sống và không có điều kiện để sống. Toàn quân và toàn dân ta hãy ghi sâu những tội ác trời không dung, đất không tha này của bọn xâm lược Trung-quốc.

Với lòng căm thù sâu sắc, với ý chí quyết thắng quân xâm lược, quân và dân ta trên các tỉnh biên giới ngay lập tức đã đứng lên chiến đấu, phát huy cao độ sức mạnh của chiến tranh nhân dân ở địa phương, kiên quyết đánh địch, ngăn chặn từng bước tiến của chúng, đã tiêu hao và tiêu diệt nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của chúng, gây tổn thất nặng nề cho các binh đoàn chủ lực lớn của địch. Dưới sự lãnh đạo của các đảng bộ, các lực lượng vũ trang và nửa vũ trang của ta phối hợp chặt chẽ với nhân dân các dân tộc các tỉnh biên giới đã dùng cầm chân đánh địch, bám chặt địch, tìm địch mà đánh, đánh liên tục, đánh quyết liệt cả ngày lẫn đêm, một người một súng cũng ngăn chặn được địch, cũng bắn cháy được xe tăng địch. Có nhiều đơn vị đã kiên cường giữ vững trận địa như ở Đồng-dăng (Lạng-sơn), có đơn vị đã chốt chặt sau lưng địch như ở Cao-bằng; có đơn vị đã phản công, tiến công quyết liệt và táo bạo, đánh bật địch về bên kia biên giới như ở Lạng-sơn, hoặc đã nhiều lần đuổi địch về đất chúng như ở Quảng-ninh. Các tỉnh phía sau đã nhanh chóng đưa sức người, sức của lên chi viện cho quân và dân ở tiền tuyến biên giới đánh giặc. Đồng bào và chiến sĩ cả nước theo Lời kêu gọi của Ban chấp hành trung ương Đảng và Lệnh tổng động viên của Nhà nước đã nhất tề đứng lên thể căm thù cho Tổ quốc trường sinh, quyết đánh và quyết thắng bọn Trung-quốc xâm lược.

Bị thất bại nặng nề về nhiều mặt, ngày 5-3-1979 bọn phản động Trung-quốc xâm lược buộc phải tuyên bố rút quân về nước. Xuất phát từ tình thần đại nghĩa và vì tình hữu nghị với nhân dân Trung-quốc, quân và dân ta đã dễ cho chúng rút quân.

Qua mấy chục ngày đêm chiến đấu cực kỳ anh dũng, với ưu thế về tinh thần, với thế trận đã được bày sẵn, quân và dân ta bằng lực lượng tại chỗ đã loại khỏi vòng chiến đấu 62 500 tên xâm lược, tiêu diệt và đánh thiệt hại nặng 3 trung đoàn, 18 tiểu đoàn, bắn cháy và phá hủy 550 xe quân sự trong đó có 280 xe tăng và xe bọc thép, phá hủy 115 khẩu pháo và súng cối hạng nặng, thu nhiều vũ khí và đồ dùng quân sự, bắt sống hàng trăm tên Trung-quốc xâm lược. Chúng ta đã làm cho đạo quân xâm lược trên nửa triệu người bị thiệt hại nặng về sinh lực và trang bị vũ khí kỹ thuật, bị sa sút nghiêm trọng về tinh thần, **đã mất sức tiến công** không thực hiện nổi những mục tiêu chiến lược đầy tham vọng của chúng.

Chúng ta đã giành thắng lợi oanh liệt. Qua thắng lợi này, chúng ta có thể khẳng định rằng: giặc Trung-quốc xâm lược tuy đông nhưng không mạnh; đất chúng rộng, người chúng nhiều, nhưng sức chúng có hạn.

Tiến hành cuộc phiêu lưu quân sự chống nước ta lần này, bọn cầm quyền Bắc-kinh đã tự bộc lộ hoàn toàn bản chất phản động và phản bội của chúng. Chúng là đồng minh ghê tởm của bè lũ đế quốc và mọi loại phản động trên thế giới, là kẻ thù nguy hiểm của hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Đánh thắng đội quân xâm lược Trung-quốc, quân và dân ta đã có nhiều kinh nghiệm mới trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc; mặt khác, thắng lợi của nhân dân ta đã góp phần quan trọng tăng cường sức mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa,

sức mạnh của ba dòng thác cách mạng của thời đại, và khẳng định khả năng giữ gìn độc lập, hòa bình, ổn định ở Đông-dương và khu vực Đông Nam châu Á. Thắng lợi này cổ vũ ý chí của đồng bào và chiến sĩ cả nước ta, làm nức lòng bè bạn ta ở khắp năm châu.

Thắng lợi này là do nhiều nhân tố tổng hợp tạo nên:

— Đó là **ý chí kiên cường chống ngoại xâm** của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân bắt nguồn từ truyền thống yêu nước chống ngoại xâm của dân tộc ta. Đó là ý chí « độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội », là tinh thần « thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ », là chân lý « không có gì quý hơn độc lập, tự do ».

— Đó là **đường lối** chính trị và đường lối quân sự đúng đắn và sáng tạo, là **sự chỉ đạo** chiến tranh sáng suốt của Bộ chính trị Trung ương Đảng và Quân ủy trung ương đã chỉ rõ kẻ thù, đã từng bước tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, hình thành sẵn thế trận của chiến tranh nhân dân, kiên quyết đánh địch bằng sức mạnh của chiến tranh nhân dân địa phương, ngăn chặn không cho địch mở rộng chiến tranh, đồng thời chuẩn bị thế trận cho cả nước sẵn sàng đối phó một khi chiến tranh mở rộng, tạo thời cơ thực hiện những trận quyết chiến chiến lược giành thắng lợi hoàn toàn.

— Đó là **sức mạnh của ba thứ quân trong lực lượng tại chỗ, sức mạnh của chiến tranh nhân dân ở địa phương, sức mạnh của hậu phương xã hội chủ nghĩa**. Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa có những hình thái mới và yêu cầu mới so với chiến tranh giải phóng trước kia. Một trong những đặc điểm chủ yếu và cũng là điểm khác nhau cơ bản với chiến tranh

giải phóng trước đây là « tiêu diệt địch đi đôi với bảo vệ nhân dân, bảo vệ đất đai, bảo vệ khu vực ». Đặc điểm này yêu cầu chúng ta phải giữ vững từng tấc đất của Tổ quốc, phải bảo vệ được các khu vực kinh tế và chính trị quan trọng, phải đánh thắng quân xâm lược ngay từ trận đầu, thời gian đầu, tuyến đầu của Tổ quốc, phải bảo vệ được nhân dân.

Trên cơ sở sức mạnh của chiến tranh nhân dân và thế bố trí chiến lược của các lực lượng vũ trang cả nước, phải xây dựng và phát triển sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân ở địa phương, sức mạnh của lực lượng ba thứ quân tại chỗ, sức mạnh của hậu phương tại chỗ, bố trí thành một thể lợi hại nằm trong thể chung vừa sẵn sàng chiến đấu cao và chiến đấu thắng lợi, vừa bảo đảm sản xuất và đời sống của nhân dân, vừa bảo vệ tốt các cơ sở kinh tế và chính trị quan trọng ở địa phương. Thế trận của các địa phương là một bộ phận hợp thành của thế trận chung cả nước nhưng lại có tính độc lập tương đối của nó, vừa thừa hưởng sức mạnh của thế trận chung lại vừa tạo điều kiện và thời cơ cho thế trận chung.

— Đó là **sức mạnh giữ nước của ta gắn liền với sức mạnh của ba dòng thác cách mạng** trên thế giới mà nòng cốt là hệ thống xã hội chủ nghĩa với Liên-xô hùng mạnh đang chia mũi nhọn đấu tranh vào chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa bành trướng và bá quyền Trung-quốc.

Chưa lúc nào vận mệnh của dân tộc ta lại gắn chặt với hệ thống xã hội chủ nghĩa, với ba dòng thác cách mạng, với phong trào độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội như ngày nay. Chưa lúc nào, kể cả trong những năm kháng chiến chống Mỹ, nhân dân ta lại được sự đồng tình ủng hộ quốc tế mạnh mẽ, rộng rãi, kịp thời và kiên quyết như ngày nay. Cũng chưa lúc nào kẻ thù của nhân dân ta —

bọn phản động Trung-quốc xâm lược — lại bị cô lập sớm và triệt để như ngày nay. Toàn thể loài người tiến bộ tập hợp trong mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt-nam chống Trung-quốc xâm lược đã và đang sôi sục đấu tranh dưới những khẩu hiệu « Không được đụng đến Việt-nam », « Hãy bảo vệ Việt-nam », vì Việt-nam đã được loài người tiến bộ coi như một biểu tượng sáng ngời của tình thân yêu nước, của ý chí bất khuất, lòng dũng cảm và tinh kiên trì.



Bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh đã bị thua đau. Nhưng âm mưu cơ bản của chúng vẫn còn. Đối với nước ta, chúng còn có những hành động thù địch, còn chưa từ bỏ âm mưu xâm lược. Trước mắt, chúng có thể tiếp tục phá hoại ta về kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao. Một mặt chúng có thể gây xung đột ở biên giới và hải đảo kết hợp với hoạt động phá hoại trong nước ta, đồng thời tiếp tay cho bọn phản động ở Cam-pu-chia — Lào hùng gây bạo loạn phá hoại cách mạng các nước bạn. Mặt khác bọn phản động Bắc-kinh còn ráo riết chuẩn bị chiến tranh quy mô lớn nhằm thôn tính nước ta và các nước khác trên bán đảo Đông-dương. Lực lượng chúng sử dụng sẽ lớn hơn bao gồm cả các quân chủng và binh chủng kỹ thuật. Phương thức xâm lược là dùng sức mạnh ồ ạt ngay từ đầu, tập trung cao độ binh lực và hỏa lực, nhiều mũi, nhiều thế đội (có những mũi vu hồi chiến lược, chiến dịch, chiến thuật), đánh nhanh, giải quyết nhanh, hòng giành thắng lợi trong một thời gian ngắn.

Hành động của bọn phản động Trung-quốc chống phá nước ta còn có thể sẽ được bọn đế quốc, trước hết là đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác, đồng tình, ủng hộ và phối hợp hành động. Do đó, chúng

ta phải sẵn sàng đối phó với mọi tình huống.

Bọn phản động Trung-quốc đang và sẽ có nhiều khó khăn lớn về nhiều mặt. Nhưng chúng ta phải hết sức cảnh giác, tích cực chuẩn bị đầy đủ, sẵn sàng đánh bại mọi hành động điên cuồng của chúng.

Trước mắt chúng ta cần làm tốt một số công tác cấp bách :

1— Tò chức ngay những đợt tuyên truyền, giáo dục sâu rộng trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân về chiến thắng oanh liệt và toàn diện của quân và dân ta trên tuyến biên giới phía bắc nước ta ; làm cho mọi người thấy rõ chỗ mạnh tạm thời và chỗ yếu cơ bản của địch ; thấy rõ chỗ mạnh cơ bản đồng thời cũng thấy rõ những khuyết điểm và nhược điểm của ta, thấy rõ âm mưu cực kỳ phản động của tập đoàn cầm quyền phản động Bắc-kinh và ý đồ sắp tới của chúng. Qua đợt tuyên truyền, giáo dục này, chúng ta sẽ động viên sâu rộng tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, lòng căm thù địch sâu sắc trong nhân dân ta. Đồng thời thông qua việc học tập những gương chiến đấu dũng cảm của quân và dân ta, chúng ta sẽ phát huy hơn nữa chủ nghĩa anh hùng cách mạng, truyền thống đoàn kết chiến đấu của nhân dân các dân tộc nước ta. Trên cơ sở đó, phát huy mạnh hơn nữa tinh thần làm chủ tập thể của nhân dân ta trong sản xuất, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu.

2 — Khẩn trương chuẩn bị mọi mặt cho cả nước sẵn sàng đánh bại mọi hành động phiêu lưu quân sự và xâm lược của tập đoàn phản động cầm quyền Bắc-kinh dù chúng từ phía nào tới, trong bất cứ thời gian nào, với bất cứ quy mô nào.

Sau thất bại vừa qua, kẻ địch sẽ rút kinh nghiệm và hành động sắp tới của chúng sẽ nguy hiểm hơn. Trên cơ

sở thắng lợi đã giành được, chúng ta cần phát huy ưu điểm, nhanh chóng khắc phục nhược điểm và khuyết điểm, thường xuyên mài sắc cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu cao, thực hiện quân với dân là một ý chí, kiên quyết và kịp thời đánh trả địch những đòn sấm sét ngay từ đầu, đánh bại những âm mưu và thủ đoạn xâm lược mới của chúng.

Cần khẩn trương chuẩn bị về mọi mặt, củng cố và kiện toàn nhanh chóng hệ thống công trình phòng thủ cả tuyến trước và các tuyến sau, hoàn thành tốt công tác phòng thủ của cả nước và của từng địa phương, biến mỗi thôn, ấp, xã, huyện thành một pháo đài, mỗi tỉnh thành một chiến trường, cả nước thành một chiến trường, thực hiện phương châm **làm chủ đất nước, làm chủ chiến trường đề tiêu diệt địch và tiêu diệt địch để làm chủ chiến trường, làm chủ đất nước**. Tăng cường công tác tổ chức và chỉ huy ở tất cả các cấp, các ngành, đặc biệt tăng cường cho các địa phương, cho lực lượng ba thứ quân tại chỗ, cũng là một việc phải làm gấp, đề tạo điều kiện giành thắng lợi lớn hơn nữa.

3 — Cần có kế hoạch khắc phục hậu quả chiến tranh vừa qua, nhanh chóng ổn định đời sống của nhân dân ở những vùng có chiến sự và có điều kiện tiếp tục sản xuất, từng bước khôi phục lại các cơ sở công nghiệp, nông nghiệp và lâm nghiệp quốc doanh và các cơ sở vật chất kỹ thuật của các hợp tác xã. Hậu quả của cuộc chiến tranh vừa qua đã tác động sâu sắc và nhiều mặt đến đời sống của nhân dân ta, cho nên cần giải quyết gấp những yêu cầu trước mắt như : nơi ăn chốn ở của nhân dân, dụng cụ và phương tiện sinh hoạt gia đình, công cụ sản xuất, sức kéo, giống, vốn... Các lực lượng vũ trang phải thực hiện tốt việc tháo gỡ bom mìn do địch gài lại, khẩn trương tiến hành công tác

về sinh môi trường, phòng và chống các bệnh truyền nhiễm, phòng và dập tắt ngay các bệnh dịch.

Chúng ta cần từng bước khôi phục các cơ sở kinh tế của Nhà nước, trước hết là các cơ sở năng lượng như các nhà máy điện, các cơ sở công nghiệp phục vụ nông nghiệp, các xí nghiệp sản xuất, sửa chữa máy móc và công cụ sản xuất nông nghiệp, các nông trường, lâm trường, các công trình phục vụ nông nghiệp như đập nước, hệ thống mương máng, nhanh chóng khôi phục các tuyến đường và các

phương tiện giao thông (trước hết là tuyến đường sắt), củng cố ngay mạng lưới thông tin liên lạc, nhất là ở các khu vực trọng điểm, bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt trong mọi tình huống nhằm phục vụ quốc phòng kinh tế và đời sống...

4 — Tăng cường đoàn kết giữa nhân dân ba nước Việt-nam — Lào — Cam-pu-chia, hợp tác chặt chẽ với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của phong

(Xem tiếp trang 48)



“Miếng mồi” quá sức

Các dân tộc vùng biên giới phía bắc kiên cường chống giặc Trung-quốc xâm lược

HOÀNG-VĂN-KIỀU

NGÀY 17 tháng 2 năm 1979, bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh đã phát động cuộc chiến tranh xâm lược nước ta với quy mô lớn trên toàn tuyến biên giới từ Quảng-ninh đến Lai-châu. Ngay từ phút đầu, quân và dân các tỉnh biên giới phía bắc nước ta đã nhất tề đứng lên chiến đấu cực kỳ anh dũng, giáng cho quân xâm lược những đòn chí mạng để bảo vệ từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc. ¹

Ở các tỉnh biên giới phía bắc, bên cạnh những dân tộc ít người gốc bản địa chiếm từ 70 đến 80% số dân, còn có một số dân tộc hoặc bộ phận dân tộc từ ngoài thiên di vào, từ miền xuôi lên trong các thời kỳ lịch sử khác nhau và trở thành dân bản địa. Các dân tộc hoặc bộ phận dân tộc từ ngoài vào, chủ yếu là từ phương Bắc thiên di xuống vì không chịu nổi ách áp bức, bóc lột của các giai cấp thống trị ở nước họ hoặc vì chiến tranh giành quyền bính xảy ra liên miên giữa các tập đoàn thống trị cho nên họ phải bỏ quê hương sang nước ta lánh nạn, tìm kế sinh nhai. Đến Việt-nam, họ được nhân dân ta thương yêu,

ưu mang đùm bọc, cho nên họ sớm an cư lạc nghiệp và dần dần hòa vào các dân tộc ở địa phương, gắn bó với đất nước Việt-nam. Mấy chục năm nay, nhất là từ sau Cách mạng tháng Tám, số đông bào miền xuôi lên miền núi và các tỉnh biên giới ngày càng đông dề củng cố nhân dân địa phương xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa, củng cố quốc phòng. Nhưng dù thuộc thành phần dân tộc gì, dù đồng người hay ít người, các dân tộc ở các tỉnh biên giới cũng đoàn kết keo sơn với nhau trong mối tình anh em ruột thịt như đồng chí Lê-Duẩn đã nói: «Nét nổi bật đặc sắc của truyền thống đoàn kết của Việt-nam là sự đoàn kết giữa các dân tộc anh em» (1).



Là dân một nước, con một nhà, trong lịch sử mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước, các dân tộc anh em trên dải đất Việt-nam đã kề vai sát cánh cùng đồng mồ hôi, xương máu xây đắp nên non sông gấm vóc Việt-nam. Hàng nghìn năm chống quân

(1) Báo Nhân dân số ra ngày 24-4-1978.

xâm lược phong kiến Trung-quốc không bao giờ thiếu mặt các dân tộc ít người ở các vùng biên giới phía bắc.

Trong lịch sử nước ta, từ khi dựng nước đến nay, trải qua các thời kỳ, các dân tộc anh em ở các tỉnh biên giới phía bắc đều đã góp phần xứng đáng cùng cả cộng đồng dân tộc Việt-nam ta kiên cường đánh bại mọi đội quân xâm lược, làm tròn chức năng « phen giậu » bảo vệ Tổ quốc. Nhất là từ sau khi Đảng cộng sản Việt-nam ra đời, có chính sách dân tộc đúng đắn, thi truyền thống yêu nước, đoàn kết chiến đấu của tất cả các dân tộc được phát huy cao độ. Sự nghiệp cách mạng nước ta đã đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Trong những thành quả cách mạng rực rỡ to lớn đó có phần cống hiến của các dân tộc vùng biên giới phía bắc. Những tên đất như Bắc-sơn, Phai-khắt, Nà-ngân, Bông-lau, Đông-khê, Điện-biên-phủ... đánh dấu những chặng đường vẻ vang của dân tộc Việt-nam ta trong cuộc trường chinh chống giặc ngoại xâm.



Đúng 190 năm sau thất bại thảm hại của đội quân xâm lược Mãn-thanh, đi theo vết xe đổ của Tôn-Sĩ-Nghị và Sầm-Nghi-Đổng, bọn theo chủ nghĩa bành trướng và bá quyền nước lớn trong giới cầm quyền Bắc-kinh lại huy động trên 60 vạn quân ồ ạt tiến công xâm lược nước ta.

Ngang nhiên xâm lược nước ta nhưng bọn phản động cầm quyền ở Bắc-kinh đã đánh lừa dư luận trong nước và dư luận thế giới, chúng dựng lên những lý do giả tạo như: Quân đội Việt-nam đánh vào đất chúng nên chúng phải « phản công tự vệ », phải dùng « bộ đội biên phòng » để tiến hành « những hành động quân sự có tính chất hạn chế về không gian và thời gian », v.v. Song, chúng

không thể lừa dối được ai. Là những người sinh ra và lớn lên trên mảnh đất địa đầu của Tổ quốc Việt-nam này, đồng bào các dân tộc ở đây biết rõ từng bờ suối, lòng sông, từng đỉnh núi, mồm đồi, từng ngọn cỏ, lá cây. Đồng bào biết rất rõ đâu là đất Trung-quốc, đâu là đất Việt-nam, đâu là đường biên giới giữa hai nước. Đồng bào cũng đã chứng kiến biết bao hành động xấu xa, tàn ác do bọn cầm quyền phản động Trung-quốc gây ra cho nên càng căm thù chúng. Trong nhiều năm qua, chúng đã lợi dụng mối quan hệ tình cảm sẵn có giữa nhân dân hai bên biên giới, tung bọn đặc vụ, gián điệp, biệt kích vượt biên giới vào đất ta để do thám, đe dọa, mua chuộc, lôi kéo, chia rẽ các dân tộc nước ta, chia rẽ các dân tộc miền núi với Đảng và Chính phủ ta. Chúng cài những phần tử phản động vào lưng đoàn các tổ chức cơ sở của ta, hòng kích động bạo loạn vũ trang, phá rối trật tự an ninh. Chúng đã dụ dỗ, cưỡng ép người Hoa và đồng bào các dân tộc ít người của ta đi Trung-quốc nhằm gây rối cho ta. Chúng đã gây ra hàng nghìn vụ khiêu khích có vũ trang, bắt cóc, bắn lén một số chiến sĩ, cán bộ và đồng bào ta. Mạnh tâm xâm chiếm các vùng đất có tài nguyên khoáng sản của ta và xâm lấn lãnh thổ nước ta, chúng tìm cách sửa đổi đường biên giới lịch sử giữa hai nước. Lợi dụng sự khan hiếm một số mặt hàng tiêu dùng, chúng đã tung một số hàng xa xỉ, thông qua bọn buôn lậu sang vợ vét cây giống, con giống, nông, lâm, thổ sản quý của ta, mua cả rẻ hời, sừng và da trâu bò để phá ta về kinh tế. Trong lúc đó, chúng lại lu loa rằng lực lượng biên phòng của ta uy hiếp và đánh vào các đội sản xuất của chúng ở bên kia biên giới.

Nhân dân các dân tộc trên toàn tuyến biên giới đã kiên trì đấu tranh chống lại những việc làm bỉ ổi, những hoạt động phá hoại của phía

Trung-quốc. Nhất là từ khi giới cầm quyền Bắc-kinh lộ rõ bộ mặt phần đông chống Việt-nam, nhân dân các dân tộc trên toàn tuyến biên giới phía bắc càng nâng cao cảnh giác và đã kiên quyết chống lại các hành động lấn chiếm đất đai, các vụ khiêu khích có vũ trang và các hoạt động thù địch khác của chúng. Khi bọn phản động Trung-quốc phát động cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn chống nước ta thì quân và dân ở các tỉnh biên giới phía bắc đã ở tư thế sẵn sàng giáng trả địch những đòn đích đáng ngay từ trận đầu.

Đến đầu, bọn Trung-quốc xâm lược cũng tàn sát, bắn giết, mổ bụng moi gan, đập đầu, xé xác từ cụ già, em nhỏ đến các phụ nữ có thai, không từ một dân tộc nào dù là Tày, Nùng, Kinh hay Thái, Mèo, Dao, Giáy... Thế nhưng chúng lại rêu rao chỉ đánh cán bộ, bộ đội, không đánh vào dân, chỉ đánh người Kinh, người Tày, không đánh các dân tộc khác, v.v. Các vụ thảm sát ở xã Bào-lâm, hủy diệt bản Nà-pàn, bắn súng phun lửa và nổ bộc phá đánh sập pháo đài Đồng-dăng giết hàng trăm đồng bào ta sơ tán trong đó, các cuộc thảm sát ở lâm trường Pha-long, bản Máy, bản Pảng và nhiều nơi khác... là những tội ác ghê tởm của bọn phản động Trung-quốc đối với nhân dân các dân tộc ở các tỉnh biên giới phía bắc nước ta. Đến đâu chúng cũng cướp bóc, đốt phá, vơ vét từ thóc, gạo, lợn, gà, nôi niêu, song chảo đến con dao, cái cuốc, hòn tù, bàn ghế và gờ cả ngôi, cạy cả gạch đem đi. Cái gì không cướp đi được thì chúng đập phá tan hoang. Đạn pháo, mìn, bộc phá của chúng đã hủy diệt nhiều làng bản yên vui, san phẳng nhiều thị trấn, thị xã sầm uất. Chúng phá hủy từ các cơ sở kinh tế, nhà máy, nông trường, lâm trường đến các bệnh viện, trường học, thư viện, nhà trẻ, cửa hàng bách hóa... Thua đau buộc phải rút lui, quân Trung-quốc xâm lược đốt phá những

gì chúng không vơ vét được, bỏ thuốc độc vào giếng nước ăn, gài mìn, lựu đạn vào nhà cửa, hòm tù, bàn ghế... để sát hại đồng bào ta khi sơ tán trở về.

Không từ một thủ đoạn dã man tàn ác nào, chúng đã gây ra biết bao tội ác trời không dung, đất không tha đối với nhân dân ở vùng biên giới. Những hành động « hữu nghị của quân đội Trung-quốc đối với nhân dân Việt-nam » mà chúng thường rêu rao là như thế đấy. Nhân dân Việt-nam ghi sâu mỗi thủ này, muôn đời muôn kiếp không quên.



Sắt thép và bạo tàn không khuất phục nổi dân tộc ta nói chung và các dân tộc ít người ở vùng biên giới phía bắc nói riêng. Cầm thù giặc sâu sắc, phát huy truyền thống yêu nước chống ngoại xâm, quân và dân các dân tộc ở các tỉnh biên giới phía bắc tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta, gắn bó chặt chẽ với chế độ ta, đã đoàn kết chặt chẽ một lòng chiến đấu vô cùng dũng cảm, đã trút lên đầu giặc những đòn sấm sét. Ở trận địa nào, đơn vị chiến đấu nào, cũng có những gương chiến đấu, phục vụ chiến đấu sáng ngời chủ nghĩa anh hùng cách mạng của quân và dân các dân tộc vùng biên giới. Các đơn vị dân quân, tự vệ, công an nhân dân vũ trang, bộ đội địa phương bao gồm người của nhiều dân tộc anh em như Tày, Nùng, Kinh, Mèo, Dao, Thái, Giáy, Tù-dí, Hà-nhì, La-hủ, Pa-dí... cho nên chiến công của các đơn vị trên cũng là chiến công của sự đoàn kết chiến đấu của các dân tộc anh em. Dân tộc nào, ở lứa tuổi nào cũng kiên cường bất khuất, già, trẻ, gái, trai đều dũng cảm: dân quân tự vệ, công an nhân dân vũ trang, bộ đội địa phương đều đánh giỏi. Dân quân, tự vệ, bộ đội địa phương các huyện biên giới ở Cao-bằng, Lạng-sơn, phần

lớn là người Tày, người Nùng, đã đánh trả nhiều đợt tiến công, nhiều trận phản kích của hàng trung đoàn, sư đoàn quân Trung-quốc xâm lược, đã bắn cháy nhiều xe tăng, xe bọc thép và tiêu diệt hàng nghìn tên địch. Tham gia dân quân tự vệ ở Hoành-mô, Pô-hên (Quảng-ninh) có người Dao, người Sán-diu...; ở Đồng-văn, Mèo-vạc có người Mèo, người Lô-lô...; ở Mường-khương, Bát-xát có người Giáy, Tu-dí, Pa-di..., ở Giào-san, Phong-thô có người Thái, người Dao; ở A-pa-chải, có người Hà-nhi, La-hủ...; không kể thuộc dân tộc nào, anh chị em dân quân và tự vệ đều đã phối hợp chặt chẽ với bộ đội địa phương và công an nhân dân vũ trang đánh trả quân địch đông hơn gấp nhiều lần, gây cho chúng nhiều tổn thất nặng nề. Em Đàm-Văn-Đức, một thiếu nhi dân tộc Tày ở Hoà-an, Cao-bằng đã giết chết 50 tên xâm lược và thu nhiều vũ khí. Hai chị em họ Khăm (người Nùng), hai chị em họ Hứa (người Hoa), dân quân thị xã Cao-bằng, đã chiến đấu dũng cảm, bẻ gãy nhiều đợt tiến công của địch, tiêu diệt nhiều tên địch, bảo vệ từng tấc đất của quê hương. Anh Trảng-A-Lùng, dân tộc Pa-di ở Mường-khương, một mình quần nhau với địch mấy chục giờ liền, diệt hàng trăm tên. Đồng chí chủ tịch xã Bản-vược Vàng-A-Tin, dân tộc Giáy, vừa chiến đấu giỏi, vừa tổ chức đồng bào sơ tán tốt, đã bảo vệ được hàng trăm đồng bào. Cụ Thào-A-Hoà, dân tộc Mèo ở Sa-pa, cụ Lục-Văn-Vĩnh, dân tộc Nùng, tuy tuổi già sức yếu cũng xung phong đi chiến đấu và phục vụ chiến đấu chống quân xâm lược đầy xéo quê hương. Giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh. Các tự vệ gái đã chiến đấu rất kiên cường. Trong đó, tiêu biểu là hình ảnh cao đẹp của Hoàng-Thị-Hồng-Chiêm ở Quảng-ninh, Vũ-Thị-Chiến ở Hoàng-liên-sơn, Hứa-Tử-Phượng ở Cao-bằng, v.v. Thật xứng đáng là con cháu của Bà Trưng, Bà Triệu.

Chiến đấu dũng cảm, ngoan cường, phục vụ chiến đấu cũng tận tình tận nghĩa. Những người không trực tiếp chiến đấu, từ những cụ già đến các em học sinh đều xung phong làm nhiệm vụ chuyên chở lương thực, tiếp đạn, tải thương, v.v. Đồng bào không tiếc một thứ gì dễ tạo điều kiện cho bộ đội đánh thắng giặc Trung-quốc xâm lược. Có gia đình nhường cả vườn mía cho dân quân, bộ đội giải khát. Nhiều bà mẹ ủng hộ lợn, gà. Nhiều gia đình để lại cả thóc gạo, thực phẩm cho bộ đội ăn no đánh thắng. Chỉ trong một thời gian ngắn, Hội phụ nữ các huyện, các tỉnh biên giới phía bắc đã quyên góp được hàng chục tấn lương thực, thực phẩm, hàng vạn bánh chưng, bánh khảo, hàng vạn suất lương khô... để ủng hộ các lực lượng vũ trang; các mẹ, các chị nhận trách nhiệm chăm sóc thương binh, đi lấy củi giúp bộ đội hoặc thay nhau đun nước lên các chốt cao phục vụ chiến đấu. Và còn biết bao gương chiến đấu, phục vụ chiến đấu xuất sắc không sao kể xiết.

Quyết không đội trời chung với bọn mặt người dạ thú, đồng bào các dân tộc ở cả những vùng cao cũng đi sơ tán khỏi các vùng quân xâm lược có thể mò đến. Đến đầu đông bão sơ tán cũng được đồng bào địa phương đón tiếp niềm nở, nhường cơm sẻ áo, giúp cho từng rổ khoai, gánh sắn. Nhiều nơi chỉ sau vài ngày, đồng bào sơ tán đã được đưa vào các đội sản xuất của hợp tác xã ở nơi mới đến, cho nên sớm ổn định đời sống.

Mấy chục ngày đêm các dân tộc ở vùng biên giới phía bắc, mặt giáp mặt với quân thù, chiến đấu kiên cường dũng cảm, bảo vệ từng tấc đất của Tổ quốc cũng là những ngày đêm mà 50 triệu đồng bào cả nước hướng về biên giới, hết lòng hết sức chi viện cho tiền tuyến. Sự quan tâm chăm sóc tận tình của Trung ương Đảng và Chính phủ, của tất cả các tỉnh hậu phương là một nguồn động viên cổ

vũ vô giá tiếp thêm sức mạnh cho quân và dân các tỉnh biên giới phía bắc trong cuộc chiến đấu một còn một mất với quân Trung-quốc xâm lược.

Như thế là mới đụng vào biên giới Việt-nam, mấy chục vạn quân Trung-quốc xâm lược đã rơi vào cái thiên la địa võng của chiến tranh nhân dân của các dân tộc vùng biên giới phía bắc, và 62500 tên giặc Trung-quốc xâm lược đã bị loại khỏi vòng chiến đấu, 550 xe quân sự, 115 khẩu pháo của chúng bị bắn cháy và phá hủy. Đó là cái giá đầu tiên mà bọn phản động Trung-quốc phải trả cho hành động xâm lược nước ta lần này.

Về mặt an ninh chính trị, chúng kích động các dân tộc để khi ngoài chúng đánh vào thì trong nổi dậy bạo loạn vũ trang cũng đã thất bại nhục nhã. Trên toàn tuyến biên giới từ Quảng-ninh đến Lai-châu, những người không có nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu thì sơ tán về tuyến sau, những thanh niên trai tráng, cán bộ, đảng viên, các lực lượng vũ trang, nửa vũ trang thì ở lại bám trụ chiến đấu. An ninh chính trị và trật tự xã hội vẫn được giữ vững. Tuy nhiên, bọn Trung-quốc xâm lược đã dùng một bọn phản động trong người Hoa và người thuộc các dân tộc ít người khác trước đây đã bỏ đi Trung-quốc để cài vào các đội quân «son cước» luồn rừng, lách núi lợi suối, thọc sâu; có bọn làm thám báo dẫn đường chỉ điểm cho chúng đi đánh phá, cướp bóc. Và ở một vài nơi, chúng đã móc nối, tiếp tay cho một số tên phản động nằm lì tại địa phương ngóc đầu dậy làm tay sai cho chúng, phao tin đồn nhảm, tung ra những luận điệu xằng bậy

hòng gây hoang mang trong nhân dân. Nhưng những tên phản động đã bị vạch mặt và trừng trị đích đáng, những luận điệu chiến tranh tâm lý đã bị đập tan.

Dưới đòn đánh trả quyết liệt của quân và dân các tỉnh biên giới phía bắc, bị thua đau về quân sự, bị thất bại về chính trị, lại bị dư luận thế giới kịch liệt lên án và bị chính nhân dân Trung-quốc phản đối, bọn phản động Trung-quốc đã phải rút quân xâm lược về nước. Bọn xâm lược thua đau vì chúng vấp phải ý chí của cả 50 triệu đồng bào các dân tộc Việt-nam quyết bảo vệ độc lập tự do, bảo vệ từng tấc đất của Tổ quốc. Đó cũng là vì dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt-nam, trong nước Việt-nam xã hội chủ nghĩa, khối đoàn kết giữa các dân tộc đa số và thiểu số, miền núi và miền xuôi, biên giới và nội địa là không gì lay chuyển nổi, là vô địch, truyền thống chiến đấu chống ngoại xâm của các dân tộc trong đại gia đình dân tộc Việt-nam được phát huy đến cao độ, bền cường của Tổ quốc Việt-nam là một bức tường thành kiên cố mà kẻ thù nào đụng vào cũng đập đầu tan xác.

Nhìn lại cả quá trình lịch sử chống ngoại xâm từ trước đến nay, rõ ràng trong cuộc thử lửa vừa qua với quân Trung-quốc xâm lược, các dân tộc vùng biên giới phía bắc nước ta đã có những tiến bộ vượt bậc, đã trưởng thành về nhiều mặt. Đó là thắng lợi rực rỡ của chính sách dân tộc đúng đắn của Đảng ta trong ngót nửa thế kỷ qua. Qua thử thách lần này, khối Cộng đồng dân tộc Việt-nam đã vững chắc càng thêm vững chắc, không một thế lực đế quốc và phản động nào có thể khuất phục nổi.

Trên tiền tuyến chống Trung-quốc xâm lược

LẠNG-SƠN GIANG TRÀ QUYẾT LIỆT QUÂN TRUNG-QUỐC XÂM LƯỢC

HOÀNG-TRƯỜNG-MINH

Bí thư tỉnh ủy Lạng-sơn

LANG-SƠN, với Chi-lăng lịch sử lừng lẫy chiến công chống quân xâm lược phương Bắc, có hơn 250 km đường biên giới với Trung-quốc. Đồng bào các dân tộc trong tỉnh — hiện gồm gần nửa triệu người — đoàn kết chiến đấu rất anh dũng chống bọn phản động Trung-quốc xâm lược, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, đã góp phần cùng quân và dân các tỉnh khác ở biên giới phía bắc làm nên thắng lợi oanh liệt trong những ngày qua.

Với âm mưu bành trướng đại dân tộc, ngày 17-2-1979 bọn phản động Trung-quốc đã tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược nước ta trên toàn tuyến biên giới Việt — Trung với chiến thuật « đánh nhanh thắng nhanh ». Riêng ở Lạng-sơn chúng đã tập trung hơn 10 sư đoàn với nhiều

xe tăng, xe bọc thép, pháo hạng nặng, từ nhiều hướng tiến công ào ạt. Bằng cách đánh kết hợp mũi chính diện với những mũi vu hồi, trên cơ sở chiến thuật « biến người », dựa vào hỏa lực mạnh dồn dập của pháo hạng nặng và sức đột phá của xe tăng, xe bọc thép cộng với bọn phản động mà chúng đã cầm sẵn bên trong, bọn xâm lược hí hửng tưởng rằng chỉ sau 48 tiếng đồng hồ là chiếm được thị xã Lạng-sơn. Nhưng chúng đã vỡ mộng và nếm thất bại thảm hại.

Từ lâu, bọn phản động Trung-quốc đã liên tiếp gây nhiều vụ khiêu khích, xâm lấn biên giới nước ta. Quân và dân Lạng-sơn đã trải qua những cuộc đấu tranh kiên cường mặt giáp mặt với bọn phản bội, bành trướng, khi thâm lạng, lúc đồ máu, cho nên ngày càng thấy rõ âm mưu xảo quyệt và hành động trắng trợn của bọn xâm

lược Trung-quốc đối với nước ta. Nhất là sau khi được học tập Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 của Ban chấp hành trung ương Đảng, quân và dân tỉnh chúng tôi càng hiểu sâu hơn âm mưu cơ bản, lâu dài và trước mắt, bản chất phản động, tàn bạo của bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh, đồng thời nhận rõ nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của các tỉnh biên giới phía bắc nước ta. Quân và dân tỉnh chúng tôi **hoàn toàn nhất trí và nhất trí rất nhanh** với nhận định của Trung ương Đảng, quyết tâm giữ vững từng tấc đất của Tổ quốc, khẳng định dứt khoát bọn phản động Trung-quốc là **kẻ thù trực tiếp và nguy hiểm** của nhân dân ta. Quân và dân các dân tộc trong tỉnh chuẩn bị sẵn sàng thể trận, sắp sẵn các phương án giáng trả bọn xâm lược khi chúng đụng đến biên cương của Tổ quốc. Trong toàn quân, toàn dân dâng lên lòng căm thù sâu sắc, khí thế quyết chiến, quyết thắng bọn phản động Trung-quốc xâm lược. Một lần nữa, hào khí Chi-lương diệt thù lại bốc cao trong lòng quân và dân tỉnh Lạng.

Ngay từ phút đầu khi quân Trung-quốc xâm lược đặt chân lên đất nước ta, quân và dân Lạng-sơn với thể trận được bày sẵn, đã phối hợp đánh địch rất quyết liệt, anh dũng, chặn tất cả các mũi tiến công của chúng. Địch đến bất cứ nơi nào cũng đều bị các lực lượng vũ trang tại chỗ chặn đánh. Bộ đội địa phương, dân quân tự vệ, công an nhân dân vũ trang đã đoàn kết hiệp đồng tác chiến, phát huy sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân, đánh địch cả phía trước lẫn phía sau. Chỉ trong ngày đầu (17-2) Lạng-sơn đã tiêu diệt hơn 1000 tên địch, phá hủy 20 xe tăng. Địch càng lao sâu vào đất nước ta, chúng càng bị tiêu diệt nhiều. Qua mỗi ngày chiến đấu, quân và dân ta lại sáng tạo ra được nhiều cách đánh hay. Các chiến sĩ, các đơn vị thi nhau diệt địch, và ngày càng hiệp đồng chiến đấu tốt.

đạt hiệu suất chiến đấu cao, thắng lớn, bước đầu làm thất bại chiến thuật “biên người” của địch. Qua chiến đấu, ngày càng nảy nở nhiều tập thể, cá nhân chiến đấu giỏi. Đó là do quân và dân ta có tinh thần giác ngộ chính trị cao, thấm nhuần lời dạy của Hồ chủ tịch: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, căm thù địch sâu sắc, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng; trên cơ sở đó, phát huy tinh thần làm chủ và sức mạnh tập thể, kiên quyết tiến công tiêu diệt địch, bám trụ giữ đất, giữ làng dù quân địch rất đông và hết sức hung hăng tàn ác. Dân quân xã Hồng-phong (huyện Văn-lãng) do Trần-Văn-Trung chỉ huy, mưu trí, thông minh, biết dựa vào địa hình thuận lợi đánh địch suốt 3 ngày liền, diệt nhiều địch, bảo vệ và đưa được 400 dân rút ra khỏi vòng vây của địch. Dân quân khu vực bản Sầm, Thanh-lòa (huyện Cao-lộc) dùng mưu biến bãi mìn giáng sẵn thành bãi tha ma dày xác giặc. Các chiến sĩ bộ đội Đoàn 3, Đoàn Tây-sơn cùng cảnh sát và công an nhân dân vũ trang đồn Đồng-dương chiến đấu rất gan dạ, diệt hàng nghìn tên giặc. Địch đánh phá nhiều lần và dùng cả hơi độc phun vào trong pháo đài, anh em vẫn kiên quyết vừa đánh trả địch, vừa chăm lo chôn cất những đồng chí hy sinh, cứu chữa thương binh. Các chiến sĩ trong đồn biên phòng xã Bảo-lâm bị pháo địch bắn rất mạnh, vẫn ngoan cường chiến đấu diệt 147 tên, làm bị thương 41 tên địch. Đồn Nà-hình (huyện Văn-lãng), đồn Pô-mã (huyện Tràng-dĩnh) cũng diệt hàng trăm tên địch, bảo vệ cho hàng vạn dân. Đoàn Thanh-xuyên, đoàn mang tên liệt sĩ Lê-Dinh-Chinh và đoàn Tây-sơn liên tục đánh địch ngay từ ngày đầu, diệt nhiều tên xâm lược, kiên quyết ngăn chặn bước tiến của chúng. Tiểu đoàn 8, bộ đội địa phương huyện Cao-lộc từ ngày 17 đến ngày 23-2 đánh liên tục, diệt 1080 địch; có trung đội đánh

địch từ sáng đến trưa, diệt 150 tên; đại đội nào cũng diệt hàng trăm tên địch. Vấp phải sự đánh trả mãnh liệt và mưu trí của tiểu đoàn 9, bộ đội địa phương huyện Lộc-bình, địch chết như ngã rạ, xác chồng chất đầy lòng suối Bản-thí. Đoàn 6 pháo binh, trong vòng 24 giờ đã 24 lần nhắm đạn trúng trị bọn xâm lược. Bốn trận địa pháo của địch bị hủy diệt, pháo không còn một khẩu, pháo thủ không còn một tên. Chiến sĩ Phạm-Công-Từ noi gương Cụ-Chính-Lan, trèo lên xe tăng địch, dùng lựu đạn diệt 2 chiếc. Nguyễn-Minh-Đức 19 tuổi, vác ĐKZ trên vai bắn liên 11 phát, phá hủy 2 khẩu cối và 2 ụ đại liên, tiêu diệt hàng chục tên địch. Thượng sĩ công an vũ trang Hứa-Trung-Bộ liên tục chiến đấu anh dũng, tiêu diệt nhiều địch, nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Thượng sĩ Lạc-Đình-Trung, bắn hết đạn, một mình ném tiếp 60 quả lựu đạn diệt hàng trăm địch... Chỉ hơn nửa tháng chiến đấu, quân và dân Lạng-sơn đã tiêu diệt hơn một vạn quân địch, diệt và đánh thiệt hại nặng nhiều trung đoàn, tiểu đoàn và đại đội địch, bắn cháy và phá hủy hàng trăm xe quân sự và súng lớn của địch, làm cho chúng mỗi ngày không tiến nổi một ki-lô-mét.

Cùng với các lực lượng vũ trang và lực lượng an ninh, đồng bào các dân tộc trong tỉnh vốn có truyền thống cách mạng kiên cường, đã đoàn kết chặt chẽ, tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, củng cố hậu phương. Bọn Trung-quốc xâm lược tung ra khẩu hiệu thâm độc hòng chia rẽ nhân dân các dân tộc tỉnh chúng tôi. Chúng hy vọng nhiều vào đội quân ngấm của chúng, mong thực hiện một cuộc « ngoại công, nội kích ». Nhưng hy vọng của phỉ rợ cướp nước đã bị tiêu tan, vì chúng tôi đã kiên quyết và kịp thời quét sạch bọn tay sai phản động, bóp chết từ trong trứng những âm mưu, tổ chức phản

cách mạng, diệt trừ bọn thám báo, chỉ điểm, bọn phản bội. Nhân dân các dân tộc Lạng-sơn chúng tôi một lòng theo Đảng, kiên quyết đánh giặc giữ nước, không đội trời chung với bọn xâm lược như bọn, hung tàn.

Tội ác của bọn Trung-quốc xâm lược gây ra tại các xã Bảo-lâm, Mỹ-cao, Cao-lâu, Xuất-lễ, Thanh-lòa, các thị trấn Đồng-đăng, Lộc-bình, Thất-khe, Na-sầm, thị xã Lạng-sơn không sao kể xiết. Chúng đi đến đâu là giết sạch, cướp sạch, phá sạch đến đó. Chúng dùng dao, thaôn, báng súng, lưỡi lê giết một lúc hàng trăm dân thường, phần lớn là đàn bà, trẻ em. Ở Thanh-lòa (huyện Cao-lộc) chúng mổ bụng moi ruột một cụ già, bêu xác trước đường mòn để uy hiếp tinh thần đồng bào ta. Chúng lừa người già, trẻ em xuống ao rồi ném lựu đạn, xả súng bắn chết hết. Chúng thi nhau hãm hiếp phụ nữ, cả những em gái nhỏ, rồi dùng dao đâm chết. Một bà mẹ bị giết ngay cửa hang, đứa con nhỏ còn đang bò tìm vú mẹ... Chúng tàn phá, hủy diệt tất cả những gì nhân dân ta xây dựng nên. Chúng giờ những trò rầy bầy thối, dè tiện, cướp từng cái vẩy rách, đào cả những củ khoai tây còn non ngoài ruộng.

Chúng cũng rất tàn ác đối với đồng đội. Xe tăng của chúng đã nhiều lần nghiền nát cả xác lính và lính bị thương của chúng. Nhiều lính của chúng chết bị lột hết quần áo, bị rạch bụng, ném xuống sông.

Nếu ở những nơi có chiến trận, quân và dân ta nêu cao tinh thần làm chủ, diệt thật nhiều địch, thì ở những nơi chiến sự chưa lan tới, đồng bào các dân tộc, phát huy truyền thống thương yêu đùm bọc nhau, với tinh thần « phía trước không tiếc máu xương, phía sau không tiếc của », đã tích cực giúp đỡ thương binh, gia đình bộ đội, đồng bào sơ tán. Hàng vạn gói kẹo, bánh do các mẹ, các chị ở phía sau lo liệu, được đưa đến tặng các đơn vị bộ đội. Các mẹ, các chị ở

huyện Chi-lăng, Hữu-lũng, Văn-quan hết lòng chăm sóc thương binh: giặt giũ, may vá quần áo, nấu cháo, bón cơm... Chị Nguyễn-Thị-Tề một đêm nấu 5 nồi cháo lớn cho thương binh ăn. Chị Nguyễn-Thị-Sín lấy 4 bộ quần áo của chồng lặt cho thương binh mặc. Có chị suốt đêm đốt than ngồi sấy quần áo để kịp khô cho anh em mặc. Chỉ sau một giờ chị em phụ nữ xã Yên-trạch đã góp được 2 tạ rau, 1 con lợn để tiếp tế cho thương binh. Chị em xã Bình-gia góp 40 mét vải may quần áo cho thương binh. Trước tấm lòng thương yêu nồng hậu của các mẹ, các chị ở hậu phương, các đồng chí thương binh hết sức cảm động, mặc dù vết thương đau đớn vẫn thấy ấm lòng, mong chóng khỏi để trở lại mặt trận chiến đấu giết giặc.

Hào hùng biết mấy cảnh nhân dân thị trấn Mẹt (huyện Hữu-lũng) đứng dọc mấy ki-lô-mét đường hoan hô bộ đội lên đường ra trận. Có bà mẹ vội chuyển lên xe cả mấy vác mía tặng chiến sĩ ăn cho đỡ khát. Các mẹ nói: "Các anh cần gì, bà con chúng tôi sẽ lo đầy đủ. Chỉ mong các anh diệt được thật nhiều tên Trung-quốc xâm lược và nhanh chóng tổng công chúng về bên kia biên giới".

Đồng bào các dân tộc ở các huyện phía sau đã nồng nhiệt giúp đồng bào sơ tán. Nhiều nơi đã giúp chiếu, bát, bán gạo rẻ, thu xếp chỗ ăn ở cho đồng bào sơ tán. Còn đồng bào ở những nơi có chiến sự sơ tán về thì tư thế bình tĩnh, nhanh chóng ổn định chỗ ăn, ở, cùng với đồng bào địa phương bắt tay ngay vào sản xuất. Đó cũng là những hình ảnh đẹp đẽ của mối quan hệ gắn bó giữa nhân dân các dân tộc trong tỉnh chúng tôi.



Bị thất bại nặng nề, bọn Trung-quốc xâm lược buộc phải rút quân về nước. Trước tình hình đó, chúng tôi

đã kịp thời mở ngay các cuộc sinh hoạt chính trị làm cho toàn đảng bộ, các lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc trong tỉnh thấy rõ thắng lợi oanh liệt của ta, thắng lợi mà họ đã có phần đóng góp xứng đáng. Đồng thời làm cho mọi người thấy rõ âm mưu cơ bản và lâu dài của bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh: chúng còn ôm mộng bành trướng, còn muốn thôn tính nước ta, khuất phục nhân dân ta. Cho nên không được thỏa mãn với thắng lợi, phải nêu cao cảnh giác, sẵn sàng đập tan mọi bước phiêu lưu quân sự của chúng.

Quán triệt lời kêu gọi của Trung ương Đảng và Lệnh tổng động viên của Nhà nước, nhận rõ trách nhiệm của tỉnh nhà, một tỉnh địa đầu của Tổ quốc, với khí thế chiến thắng, quân và dân Lạng-sơn đang ra sức củng cố và tăng cường các tuyến phòng thủ, rèn luyện nâng cao sức chiến đấu, bảo vệ vững chắc biên cương của Tổ quốc. Các lực lượng vũ trang trên đất Lạng-sơn nắm chắc tay súng, sẵn sàng tiêu diệt quân xâm lược trong mọi tình huống. Các lực lượng công an được sự cộng tác chặt chẽ của nhân dân, tiếp tục phát hiện, truy quét bọn thám báo và các phần tử phản động, phá hoại khác, làm « trong sạch » địa bàn, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội. Các ngành có trách nhiệm khẩn trương thanh toán hậu quả do bọn xâm lược gây ra, đề sớm khôi phục các mặt hoạt động của nhân dân, nhất là khôi phục sản xuất.

Các cấp, các ngành, các đơn vị chiến đấu, sản xuất, công tác trong toàn tỉnh Lạng-sơn chúng tôi, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình đang nhanh chóng rút kinh nghiệm của những ngày vừa qua để bố trí lại lực lượng chiến đấu, tổ chức lại sản xuất, sắp xếp lại bộ máy, nhằm làm cho mọi mặt công tác, sản xuất, sẵn sàng chiến đấu tiến triển tốt hơn, đáp ứng những yêu cầu của sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc.

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng, lại được sự chi viện hết lòng của cả nước, với sự lãnh đạo ngày càng sát sao của đảng bộ, với tinh thần làm chủ tập thể của nhân dân lao động ngày càng được phát huy mạnh mẽ, với tinh thần

đoàn kết nhất trí đã được thử thách của nhân dân trong toàn tỉnh. Lạng-sơn nhất định sẽ phát huy được những thắng lợi vừa giành được, vượt qua mọi khó khăn, làm tròn nhiệm vụ của một tỉnh địa đầu của Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

CAO-BẰNG QUYẾT THẮNG BỌN TRUNG-QUỐC XÂM LƯỢC

LƯƠNG-ÍCH-LẬP

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao-bằng

TRONG cuộc chiến tranh xâm lược do bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh vừa tiến hành trên đất nước ta, tỉnh Cao-bằng chúng tôi là một trong những tỉnh có chiến sự diễn ra hết sức ác liệt. Sau một thời gian dài dùng nhiều âm mưu, thủ đoạn hòng phá hoại vùng biên giới phía bắc nước ta như dụ dỗ, cưỡng ép người Hoa đang làm ăn yên ổn ở đó chạy về Trung-quốc, đưa quân áp sát biên giới, xây dựng công sự, bố trí trận địa trên các điểm cao suốt dọc biên giới, đưa các lực lượng vũ trang liên tiếp khiêu khích, đột nhập tập kích các trạm gác của dân quân và của công an biên phòng ta, bắn lên, bắt cóc người Việt-nam đưa về Trung-quốc, có lúc cho quân đánh chiếm hẳn một số vùng trong lãnh thổ nước ta, ngày 17-2-1979 bọn phản động Trung-quốc ngang nhiên tiến hành chiến tranh xâm lược trên

toàn tuyến biên giới nước ta. Ở Cao-bằng, các mũi bộ binh, xe tăng, xe bọc thép thuộc hai quân đoàn của bọn Trung-quốc xâm lược hình thành hai cánh quân lớn từ phía tây bắc theo đường Thông-nông đánh xuống và từ phía đông bắc qua Thạch-an, Quảng-hòa đánh lên nhằm hợp điểm ở thị xã Cao-bằng. Chúng định sau 36 giờ hoặc chậm lắm là sau 48 giờ sẽ chiếm thị xã Cao-bằng. Nhưng bộ đội địa phương và dân quân Cao-bằng đã chiến đấu rất anh dũng, kịp thời chặn đánh chúng ở mọi hướng chúng tiến quân. Bị thua đau, chúng co cụm lại ở một số chỗ, đồng thời đưa thêm lực lượng dự bị đánh nòng ra nhiều nơi khác. Với chiến thuật «biên người», coi mạng linh của chúng như rơm róc, chúng xua quân lần chiếm các bản làng, đồi núi của ta. Đi tới đâu, chúng gieo rắc chết chóc, đau thương tới đấy. Chúng trút đạn bừa bãi xuống các khu vực đông dân, Chúng giết hại

đã man cả cụ già, em bé, không kể người Kinh hoặc người các dân tộc khác. Ở xã Hưng-dạo (huyện Hòa-an) chúng giết một lúc 43 đồng bào ta, vứt xác xuống giếng hoặc chặt ra nhiều khúc rải hai bên bờ suối Bần-thìn. Chúng vơ vét, cướp bóc tài sản của dân ta, từ thóc lúa, lợn gà, bàn ghế, đến cả từng manh quần, đôi giày cũ. Thứ gì chúng không mang theo được thì chúng đốt sạch, phá sạch. Trong thị xã Cao-bằng và những huyện lỵ mà chúng liều mạng vào được, toàn bộ nhà cửa, bệnh viện, trường học, công xưởng, xí nghiệp, kho tàng đều bị chúng đốt phá. Ở các bản làng chúng đóng quân, 70% nhà dân bị chúng hủy hoại. Khu bảo tàng lịch sử Pắc-bô, nơi ở và làm việc của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh trong những ngày đầu Người từ nước ngoài về lãnh đạo Cách mạng Việt-nam cũng đã bị chúng phá hủy. Tội ác của chúng thật là "trúc rừng không ghi hết, nước suối không rửa sạch". Tỉnh Cao-bằng chúng tôi đã từng được chứng kiến những tội ác của giặc Pháp, giặc Nhật, của đội quân ô hợp của Tưởng-Giới-Thạch, nhưng chúng tôi chưa thấy bọn nào đã man, tham tàn như đội quân Trung-quốc xâm lược này.

Thấy tận mắt những tội ác trời không dung, đất không tha của chúng, lại sẵn có truyền thống yêu nước nồng nàn, với ý chí sắt thép "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", ngay từ khi bọn xâm lược đặt chân lên địa đầu của tỉnh, quân và dân Cao-bằng đã nhất tề vùng dậy giết giặc, cứu nước. Mỗi người dân trở thành một chiến sĩ, mỗi bản làng, mỗi hợp tác xã, mỗi cơ quan, đơn vị trở thành một pháo đài. Người Tày, người Nùng, người Kinh, người Dao, người Mèo, người Lô-lô, v.v. tất cả sát cánh bên nhau, co súng thì dùng súng, không có súng thì dùng mưu lấy súng địch, ngày đêm trút bão lửa vào đầu bọn xâm lược. Các lực lượng vũ trang của tỉnh, tiêu biểu là Đoàn 567, quyết

xứng đáng với lòng tin cậy và sự nuôi dưỡng, đùm bọc của nhân dân trong tỉnh, đã nhanh chóng triển khai lực lượng và giảng cho quân địch những đòn chí mạng. Ngay từ những ngày đầu, cánh quân tây bắc của địch dựa vào sức đột phá của xe tăng đã bị chặn tại Hòa-an. Cánh quân đông bắc cũng bị đánh quyết liệt ở Thạch-an và Quy-thuần (Quảng-hóa) và bị chặn đứng trên đường số 4. Mũi địch tiến vào Trùng-khánh bị các chiến sĩ dân quân và bộ đội địa phương huyện đánh ngay từ cột mốc số 62 và bị tập kích mất gần hết một tiểu đoàn ở đồi Chông-mu. Mũi đánh vào Trà-lĩnh — Phục-hóa gồm 2 sư đoàn địch bị phân kích, tan vỡ đội hình, phải rút chạy về biên giới, bỏ lại trận địa hàng trăm xác chết và hàng trăm súng. Chiến sự càng lan rộng và kéo dài, sự giảng trả của quân và dân Cao-bằng càng mãnh liệt. Vừa đánh chặn các mũi tiến công chính diện của địch, vừa chuyển lực lượng đánh vào phía sau đội hình của chúng, với cách đánh dũng cảm, mưu trí, các phân đội địa phương của tỉnh luôn lách đánh xen kẽ, chia cắt địch trên đường số 4, đường số 3 diệt hàng trăm xe tăng, xe bọc thép, bằm đánh mạnh bên sườn diệt hàng nghìn tên. Trên trận địa phòng ngự tại đèo Khâu-chĩa, các chiến sĩ ta đã chặn đứng cả một sư đoàn địch trong 12 ngày liền, diệt hơn 4 000 tên. Do bị thua đau, bị thất bại nặng nề về nhiều mặt, bọn cầm quyền Trung-quốc buộc phải tuyên bố rút quân. Ngay khi chúng tuyên bố rút quân, quân và dân Cao-bằng đã cảnh giác theo dõi chặt chẽ việc rút quân của chúng, đã trừng trị kịp thời và đích đáng những hành động phá hoại, cướp bóc và những cuộc đánh nông ra của chúng, đặc biệt là ở Tái-hồ-xin, Nà-bao, Khâu-đôn, Khâu-liêu, diệt thêm hơn 1 000 tên, phá hủy nhiều xe quân sự.

Sau 30 ngày đêm chiến đấu, quân và dân tỉnh chúng tôi đã diệt hơn 18

ngành tên xâm lược, diệt và đánh thiệt hại nặng 7 tiểu đoàn, bắn cháy và phá hủy 134 xe tăng, xe bọc thép và 23 xe quân sự, thu nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng, bắt sống nhiều tù binh. Riêng ngày 14-3-1979, chỉ ở một cứ điểm thuộc huyện N. đã bắt sống 101 tên xâm lược.

Trong những ngày chiến đấu ác liệt vừa qua, hơn bao giờ hết, đảng bộ, quân và dân trong tỉnh chúng tôi đã nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Trong các lực lượng vũ trang, ở mọi lứa tuổi, ở mọi thành phần dân tộc đều xuất hiện những tấm gương dũng cảm mưu trí tuyệt vời. Tiểu đoàn 1 thuộc trung đoàn 567 bộ đội địa phương, ngay ngày đầu chiến đấu, đã diệt 2 tiểu đoàn bộ binh địch, bắn cháy 15 xe tăng, giữ chắc trận địa. Đại đội 10, thuộc tiểu đoàn 9 trong 3 ngày (từ 18 tháng 2 năm 1979 đến 20 tháng 2 năm 1979) diệt 30 xe tăng địch trên đoạn đường từ Hòa-an đi Hà-quảng. Các chiến sĩ đồn công an vũ trang Nà-thìn (Thông-nông) sau ba ngày chiến đấu đã dày lùi nhiều đợt phản công của những lực lượng địch đông gấp nhiều lần, có đại bác, xe tăng yểm hộ, diệt hàng trăm tên địch, khiến địch phải rút chạy và phải dùng 14 xe vận tải chở đầy xác những tên xâm lược mà vẫn chưa hết. Các đơn vị dân quân tự vệ của hai xã N. và Đ. hiệp đồng với bộ đội diệt 1 tiểu đoàn địch. Trung đội tự vệ khu phố Tân-an (thị xã Cao-bằng), kiên cường bám trụ, suốt 5 ngày đêm đánh bại 26 đợt tấn công của hơn một trung đoàn quân Trung-quốc xâm lược có pháo binh yểm trợ, diệt gần 300 tên, bắt sống 2 tù binh, thu nhiều vũ khí. Đồng chí Cơn, bí thư đảng ủy xã M. vừa tổ chức tốt lực lượng nhân dân tiếp tế đạn dược, cơm nước cho các chiến sĩ, vừa trực tiếp chỉ đạo lực lượng dân quân phối hợp chiến đấu cùng bộ đội địa phương rất xuất sắc. Đồng chí

Vương-Quyết-Thành, đảng viên, người dân tộc Mèo, chủ nhiệm hợp tác xã C. (huyện Thông-nông) đã tổ chức đưa bà con ở hợp tác xã mình và bà con người Tày ở hợp tác xã bên cạnh đến nơi sơ tán an toàn rồi trở về lãnh đạo dân quân, du kích phối hợp với bộ đội địa phương tiêu diệt nhiều tên địch. Các cô Ma-Thị-Tĩnh và Lục-Thị-Bình, người dân tộc Tày, mới 16 tuổi, đã xung phong gia nhập đội hình chiến đấu của bộ đội và dân quân, làm mọi việc phục vụ chiến đấu như chuyên đạn, nấu cơm, nước, chuyên cho bộ đội và dân quân dưới làn mưa đạn, góp phần xuất sắc vào thắng lợi của trận đánh. Phát huy truyền thống Kim-Đồng, các em Đàm-Văn-Đức và Bùi-Văn-Tính, học sinh cấp II ở xã Hoàng-tung, huyện Hòa-an đã dũng cảm cùng bộ đội đánh giặc.

Với tinh thần quyết chiến quyết thắng quân xâm lược, sau 30 ngày đêm liên tục chiến đấu, quân và dân Cao-bằng đã góp phần cùng quân và dân các tỉnh biên giới phía bắc nước ta chặn đứng cuộc tiến công đầy tội ác của bọn Trung-quốc xâm lược, giáng cho chúng những đòn trừng phạt đích đáng, khiến chúng phải rút về nước. Lịch sử của Tổ quốc Việt-nam lại ghi thêm những trang oanh liệt. Và tỉnh Cao-bằng chúng tôi lại một lần nữa làm rạng rỡ truyền thống căn cứ địa cách mạng, đáp ứng lòng mong đợi và niềm tin yêu của cả nước. Tỉnh chúng tôi đã vinh dự được đón nhận phần thưởng cao quý: 2 huân chương Quân công hạng nhì, 5 huân chương Quân công hạng ba và nhiều huân chương Chiến công do Chủ tịch nước tặng cho các đơn vị và cá nhân có thành tích chiến đấu xuất sắc.



Chiến thắng oanh liệt của tỉnh chúng tôi bắt nguồn từ nhiều nguyên

nhân, trong đó có truyền thống yêu nước nồng nàn, ý chí kiên cường bất khuất của nhân dân trong tỉnh. Từ xa xưa của lịch sử dân tộc, Cao-bằng cùng với các tỉnh biên giới đã là phen dậu vững chắc của Tổ quốc Việt-nam, đã góp phần đánh tan tác nhiều đội quân xâm lược phương Bắc khiến cho những tềnh sống sót chạy về đến nước chúng « chưa thôi trống ngực ». Cao-bằng cũng đã được coi là cái nôi của cách mạng, là nơi mà Bác Hồ kính yêu từng ở những ngày đầu khi Người từ nước ngoài về trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt-nam. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Cao-bằng là một phần của chiến khu Việt-bắc hùng danh, nơi Bác Hồ, Trung ương Đảng và Chính phủ đặt cơ quan đề chỉ đạo cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc. Chính lòng yêu nước, sự gắn bó thiết tha với cách mạng là động lực mạnh mẽ thúc đẩy mỗi người dân tỉnh chúng tôi vươn lên, vượt mọi khó khăn trong những ngày ác liệt vừa qua. Nói đến chiến tranh, không thể không nói đến những mất mát, hy sinh. Ruộng đồng, nhà cửa bị tàn phá, những người thân và ngay cả bản thân mình có thể ngã xuống, v.v. Song mọi mất mát, hiểm nguy, mọi đau thương, tang tóc không làm cho người dân Cao-bằng nản chí, sờn lòng. Cũng như mọi người Việt-nam, chúng tôi biết rằng có độc lập, tự do là có tất cả. Theo tiếng gọi của Tổ quốc, của trái tim, mỗi người biết gác những suy nghĩ, lo âu riêng tư, tập trung trí tuệ và sức mạnh vào chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Người ra trận xả thân để giết nhiều giặc, người ở tuyến sau quên mình lo việc tiếp tế, hậu cần, các cụ già, các cháu bé yên tâm đi sơ tán, ai vào việc nấy và động viên nhau, giúp đỡ nhau làm tốt nhiệm vụ. Ý chí giết giặc cứu nước ngùn ngụt trong lòng mọi người, tạo nên sức mạnh tinh thần vô địch.

Chiến thắng oanh liệt vừa qua bắt nguồn chủ yếu từ sự lãnh đạo sáng

suốt của Trung ương Đảng. Từ khi tập đoàn cầm quyền Bắc-kinh tự lột mặt nạ là kẻ phản bội, phản cách mạng, điên cuồng chống phá cách mạng nước ta, Trung ương Đảng đã thường xuyên nhắc nhở tỉnh chúng tôi nói riêng và các tỉnh biên giới nói chung về ý thức cảnh giác cách mạng, về trách nhiệm phải bảo vệ tốt biên giới. Đặc biệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 của Trung ương Đảng về tình hình và nhiệm vụ mới đã soi sáng cho chúng tôi về bản chất phản động và âm mưu nham hiểm của kẻ thù, về nhiệm vụ của cả nước ta nói chung và của các tỉnh biên giới nói riêng, nhằm đối phó một cách có hiệu quả với những âm mưu đó. Qua cuộc chiến đấu vừa rồi, chúng tôi thấy rất rõ rằng những nơi nào thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết của Trung ương đều giành thế chủ động, đánh thắng bọn xâm lược ngay từ trận đầu và bảo vệ được mình một cách tốt nhất.

Trong chỉ đạo chiến tranh, đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng ta, đã được thử thách qua kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, đã giúp quân và dân tỉnh chúng tôi bề dày ngay từ đầu chiến thuật « biên người » của bọn Trung-quốc xâm lược. Cây thế đông người, chúng định tiến quân ở ạt một cách liều mạng. Với khẩu hiệu « giặc đến nhà, trẻ già đều đánh », với kinh nghiệm vũ trang toàn dân và phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, của các lực lượng vũ trang, chúng tôi đã tạo ra thế trận rộng khắp, đánh địch ở mọi lúc, mọi nơi. Trừ những người ở trong diện sơ tán, còn tất cả mọi người dân Cao-bằng, thực hiện đường lối chiến tranh nhân dân, đều quyết đánh địch, giữ đất, giữ làng, đánh địch bằng mọi cách, tận dụng mọi địa hình hiểm yếu mà quen thuộc của quê hương để lấy ít thắng nhiều. Một viên đạn súng trường từ một bụi cây kín đáo đã bắn xuyên hai, ba tên địch. Một đồng chí dân

quân với khẩu súng bộ binh, lợi dụng hang đá và cây ngàn quen thuộc, thoát ần, thoát hiện, diệt hàng chục tên địch. Và những điểm chốt như đèo Mã Phục, Cao-bình, Pháo đài thị xã Cao-bằng, Ngã ba Hòa-An, Thông-nông, v.v. với cách đề địch đến gần mà diệt hết tập này đến tập khác, đã gây cho địch lắm nỗi kinh hoàng.

Toàn dân đánh giặc và đánh giặc tại chỗ. Với phương châm đó, chúng tôi quyết tâm làm tốt hơn nữa việc vũ trang toàn dân, quân sự hóa toàn dân, xây dựng lực lượng tại chỗ ở từng cơ sở, ở từng đơn vị, bao gồm việc xây dựng công sự, hầm hào, tích lũy lương thực, vũ khí, đạn dược ở từng nơi dễ sẵn sàng đối phó tốt hơn nữa với mọi âm mưu mới của kẻ địch nham hiểm và tàn bạo. Trong việc xây dựng lực lượng quân sự tại chỗ, một vấn đề hết sức quan trọng đặt ra là phải tăng cường sức mạnh quân sự, kinh tế cho địa bàn huyện, tăng cường cán bộ các ngành cho huyện, tạo điều kiện cho huyện có đủ lực lượng về người, về của, về phương tiện để có thể độc lập tác chiến tốt. Đối với các huyện miền núi, do địa hình phức tạp, có thuận lợi nhưng cũng có khó khăn, khi chiến sự xảy ra có thể lâm vào thế bị bao vây, chia cắt, việc tăng cường sức mạnh chiến đấu cho huyện càng là vấn đề đặc biệt quan trọng và cấp bách. Vừa qua, ở tỉnh chúng tôi, các huyện Trà-lĩnh và Trưng-khánh đã chiến đấu dũng cảm và bền bỉ, bề gây nhiều đợt tiến công của địch, mặc dù có lúc đã bị địch dồn vào thế bị bao vây, chính là nhờ ở đó sức mạnh quân sự của huyện đã bước đầu được tăng cường.

Chiến thắng oanh liệt vừa qua còn bắt nguồn từ chính sách đoàn kết các dân tộc của Đảng ta. Tỉnh chúng tôi là một tỉnh có nhiều dân tộc anh em chung sống với nhau. Khi giặc đến, mọi người nhất tề đứng dậy giết giặc, cứu nước, điều đó không phải là việc ngẫu nhiên tự phát mà là kết quả

của cả một quá trình thực hiện chính sách đoàn kết các dân tộc. Chấp hành các nghị quyết của Trung ương Đảng, đảng bộ tỉnh Cao-lạng trước đây và tỉnh Cao-bằng hiện nay đã hết lòng chăm lo đời sống và sự tiến bộ xã hội của các dân tộc trong tỉnh, làm cho mọi người hiểu biết, thương yêu nhau, xóa bỏ những thành kiến lạc hậu trong quan hệ giữa các dân tộc, phát huy quyền làm chủ tập thể của các dân tộc. Do vậy mà mọi dân tộc trong tỉnh chúng tôi đều thấy được vị trí và tiền đồ về vàng của mình trong cách mạng, hết lòng trung thành với Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Với lòng trung thành đó, khi giặc đến, dân tộc nào cũng một lòng, một dạ đánh giặc và giúp nhau đánh giặc, đã không những làm thất bại thảm hại âm mưu của địch về mặt quân sự mà còn làm thất bại thảm hại âm mưu của chúng về mặt chính trị nhằm ly gián, chia rẽ các dân tộc anh em để dễ bề lợi dụng.

Chiến thắng oanh liệt vừa qua còn bắt nguồn từ lòng thương yêu vô hạn, từ sự chi viện tận tình tận nghĩa của cả nước đối với tỉnh chúng tôi. Chúng tôi biết một cách sâu sắc rằng trong cuộc chiến đấu ác liệt chống bọn xâm lược những ngày vừa qua, hằng ngày, hằng giờ, lòng đồng bào cả nước hướng về chúng tôi, về các tỉnh biên giới phía bắc Tổ quốc, tạo điều kiện cho chúng tôi đánh thắng quân thù. Nhiều tỉnh như Hải-hung, Hà-bắc, Hà-nội, Bắc-thái, v.v. đã nhanh chóng gửi con em của mình đến, sát cánh chiến đấu cùng quân và dân Cao-bằng, đã chi viện cho chúng tôi lương thực, đạn dược, thuốc men, v.v. Nhiều ngành, nhiều đoàn thể ở trung ương đã kịp thời có những việc làm thiết thực, có hiệu quả góp phần tăng cường sức mạnh chiến đấu của chúng tôi. Đảng bộ và nhân dân Bắc-thái đã tận tình giúp đỡ đồng bào lính chúng tôi sơ tán về đó, coi những người sơ tán như người nhà, lo cho từ nơi ăn,

chỗn nghỉ đến công việc làm. Nhiều hợp tác xã nông nghiệp, thủ công nghiệp, nhiều xí nghiệp ở Bắc-thái đã thu nhận người sơ tán của tỉnh chúng tôi vào bộ máy sản xuất để giúp họ có thu nhập. Niềm ưu ái đó đối với những người sơ tán đã góp phần không nhỏ làm cho những người thân của họ yên tâm đánh giặc. Những tình cảm và việc làm cao quý nói trên đã nâng cao thêm khí thế quyết chiến, quyết thắng của quân và dân tỉnh chúng tôi. Vì vậy, chúng tôi coi những chiến thắng oanh liệt đã giành được là chiến công chung của cả nước.



Hành động xâm lược của bọn bành trướng Bắc-kinh vừa qua đã bị quân và dân ta đánh bại. Song, với bản chất cực kỳ phản động, với âm mưu bành trướng đại dân tộc, chúng chưa từ bỏ tham vọng thôn tính nước ta, chúng còn dùng nhiều mưu ma chước quỷ để chống phá cách mạng nước ta, mưu toan đặt nước ta dưới ách «đô hộ» của chúng. Vì vậy, càng phấn khởi với những chiến thắng đã giành được, đảng bộ và nhân dân tỉnh chúng tôi, một tỉnh địa đầu của Tổ quốc, càng ra sức tăng nhanh tiềm lực về

mọi mặt, luôn luôn cảnh giác, kiên quyết bảo vệ từng tấc đất của Tổ quốc.

Trước mắt, chúng tôi ra sức khắc phục hậu quả của chiến tranh, cụ thể là rà gỡ mìn, xử lý môi trường đã bị bọn xâm lược làm ô uế, chăm sóc thương binh, bệnh binh và những người bị tai nạn chiến tranh, cứu trợ những vùng bị địch tàn phá. Đồng thời vừa khôi phục sản xuất ở những vùng vừa qua có chiến sự, vừa đẩy mạnh sản xuất ở những nơi khác, bảo đảm 30 000 héc-ta ngô mùa làm kịp thời vụ, đẩy mạnh trồng khoai, sắn và các loại rau ngắn ngày. Mặt khác, rút kinh nghiệm cuộc chiến đấu vừa qua làm tốt hơn nữa công tác củng cố quốc phòng, quân sự hóa toàn dân, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội.

Phấn khởi và tự hào về thắng lợi đã giành được, với truyền thống và kinh nghiệm sẵn có, lại được sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Trung ương Đảng và sự chi viện tận tình của các ngành ở trung ương và các tỉnh anh em, tỉnh Cao-bằng chúng tôi nhất định sẽ đáp bằng mọi khó khăn, làm tốt mọi nhiệm vụ, mãi mãi xứng đáng là một pháo đài kiên cố ở biên giới phía bắc của Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

TOÀN TỈNH HOÀNG-LIÊN-SƠN NHẤT TỀ BÙNG DẬY BẢO VỆ TỔ QUỐC

DƯƠNG-VIỆT-TIẾN

Bí thư tỉnh ủy Hoàng-liên-sơn



RƯỚC cuộc tiến công xâm lược nước ta của bọn phản động Trung-quốc, quân và dân Hoàng-liên-sơn

đã nhất tề đứng dậy, bất chấp mọi gian khổ hy sinh, quyết tiêu diệt địch, bảo vệ từng tấc đất của Tổ quốc

Đêm 16 rạng ngày 17-2-1979, bọn

cầm quyền phản động Bắc-kinh đã phát động chiến tranh xâm lược nước ta. Một trong những mũi tiến công chủ yếu của chúng nhằm vào tỉnh Hoàng-liên-sơn. Chúng đã tập trung các đơn vị thuộc Dã chiến quân Tây - Nam và một số đơn vị độc lập, trong đó có "sư đoàn sơn cước", tổng cộng 100 000 quân để đánh vào tỉnh chúng tôi. Mưu đồ của chúng là trong một thời gian ngắn chiếm toàn tỉnh Hoàng-liên-sơn, rồi sau đó tiến sâu vào nội địa nước ta.

Từ nửa đêm 16 rạng ngày 17-2-1979, đạn pháo lớn của quân xâm lược Trung-quốc trút xuống một tuyến dài trên 150 km đường biên giới từ huyện Bát-xát qua thị xã Lao-cai đến huyện Mường-khương.

Sáng ngày 17-2, chúng bắc nhiều cầu phao qua sông Hồng và sông Nậm-thì, ở ạt đồ 30 000 quân chiến đấu có xe tăng và xe bọc thép yểm trợ hùng hổ tiến vào đất ta.

Đội quân Trung-quốc xâm lược đã man, khát máu đến kinh tởm. Đặt chân đến chỗ nào chúng cũng phá nhà cửa, giết phụ nữ, người già, trẻ em. Những người bị chúng bắt được, chúng bắt xếp thành hàng rồi xả súng bắn chết, rạch bụng moi thai đàn bà chứa, bắn chết người rồi chặt đầu, băm xác thành nhiều mảnh. Đặc biệt nghiêm trọng, trong ngày 17-2, bọn xâm lược Trung-quốc đã dùng dao chém các em bé tại sân chợ huyện Bát-xát. Khi bị thất bại nặng nề buộc phải tháo chạy, chúng đã tháo dỡ mìn mìn ở các xi nghiệp, gỡ gạch ngói, khung cửa, vơ vét cả nồi niêu soong chảo, tã lót trẻ em, chăn màn quần áo để chở đi. Thứ gì không mang được hoặc không kịp chở đi là chúng phá sạch. Chúng đốt lương thực, chặt phá cây rừng, dân thành hàng ngang đi dẫm đạp nát vườn ươm cây non, trại hạt giống cây, ruộng mạ, ruộng lúa non... phá sập các cầu lớn, cầu nhỏ, phá tung các mối nối đường ray trên đoạn đường sắt từ Phố-lu đến

Phố-mới. Các thị xã, thị trấn Lao-cai, Cam-đường, Phố-lu, khu tập thể công nhân mỏ a-pa-tít, và tất cả những nơi mà quân Trung-quốc xâm lược đi qua chỉ còn là những bãi tro tàn, gạch vụn.



Toàn đảng bộ, toàn quân và dân tỉnh Hoàng-liên-sơn chúng tôi đã theo dõi sát sao mọi âm mưu và hành động của bọn Trung-quốc xâm lược. Cho nên khi chúng vừa đặt chân lên đất ta, cả tỉnh Hoàng-liên-sơn đã kịp thời chống lưới lửa bủa vây, tiến công địch liên tục, ở khắp mọi nơi.

Cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt ngay từ phút đầu. Ở Mường-khương các lực lượng vũ trang của ta đã chặn đánh địch ở các điểm Na-lốc, Nậm-chảy, Pha-long, thị trấn Mường-khương, diệt nhiều quân địch, phá hủy nhiều xe tăng, xe cơ giới địch.

Ở các tiểu khu Duyên-hải, Kim-tân, Phố-mới, Cốc-lếu, Pháo-đài... thuộc thị xã Lao-cai, lực lượng tự vệ, bộ đội địa phương, công an nhân dân, dân quân kiên cường chiến đấu, giữ vững từng mét hào, căn nhà, góc phố.

Ở hữu ngạn sông Hồng, khu vực huyện Bát-xát, Trại-cá, Lều-nương, Quang-kim, điểm cao 340, điểm cao 99, quân và dân ta đã đánh rất mạnh ngay khi quân địch vượt qua sông. Các chốt kiên trì, bám trụ. Pháo binh phối hợp với bộ binh bắn vào đội hình địch vượt sông, bắn địch chuyển quân, bắn vào các đoàn xe, vào các ồ pháo của địch. Dân quân, tự vệ chủ động chặn đánh địch từng bước. Cho đến ngày 20-2, địch vẫn bị chặn ở Bát-xát, chưa thể vào thị xã Lao-cai. Đến ngày 24-2 địch dốc vào mặt trận Hoàng-liên-sơn toàn bộ 2 quân đoàn tăng cường với xe tăng và pháo binh chỉ viện đề cố tiến sâu vào đất ta. Quân và dân ta đánh địch quyết liệt, hợp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng

bộ binh, pháo binh, dân quân, tự vệ của các địa phương, xí nghiệp, lâm trường, hầm mỏ, gây cho địch nhiều thiệt hại.

Tính đến ngày 18-3-1979, quân và dân Hoàng-liên-son đã tiêu diệt trên 11 500 tên địch, phá hủy 255 xe quân sự (có 61 xe tăng và xe bọc thép)...



Thắng lợi vừa qua của nhân dân các dân tộc và các lực lượng vũ trang ta trên mặt trận Hoàng-liên-son trước hết là thắng lợi của đường lối chính trị và đường lối quân sự đúng đắn của Đảng ta. *Nhờ sự giáo dục của Đảng, nhân dân các dân tộc và các lực lượng vũ trang Hoàng-liên-son thấm nhuần tinh thần “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”*, yêu nước nồng nàn, yêu quê hương thấm thiết. Nhân dân Hoàng-liên-son quý trọng tình hữu nghị với nhân dân Trung-quốc, cố gắng hết sức mình giữ gìn quan hệ hữu nghị, láng giềng tốt với nhân dân các dân tộc tỉnh Vân-nam. Nhưng bọn cầm quyền phản động Trung-quốc phản bội nhân dân nước chúng, phá vỡ tình hữu nghị giữa hai nước. Chúng liên tiếp gây khiêu khích vũ trang ở biên giới. Bằng thủ đoạn đe dọa, dụ dỗ, chúng lôi kéo người Hoa đi, rồi lại đẩy họ trở lại. Chúng móc nối với bọn xấu hòng âm mưu gây bạo loạn, chống lại chế độ xã hội chủ nghĩa tươi đẹp của chúng ta. Trước nguy cơ xâm lược của bọn phản động Trung-quốc, các cấp, các ngành trong tỉnh chúng tôi đã có chuyên biến mạnh mẽ về nhận thức và có cố gắng vượt bậc trong việc xây dựng lực lượng sẵn sàng chiến đấu, tăng cường công tác giữ gìn trật tự an ninh. Trong cuộc chiến đấu chống quân Trung-quốc xâm lược, các lực lượng vũ trang đã đóng vai trò nòng cốt của phong trào toàn dân đánh giặc. Đường đầu trước tiên với giặc Trung-quốc xâm lược là các chốt công

an vũ trang và dân quân. Các chốt đã chiến đấu kiên cường mưu trí. Chốt nào cũng tiêu diệt nhiều địch, từ hàng trăm đến hàng nghìn tên, ngăn chặn có kết quả cuộc tiến quân của địch. Gương chiến đấu hy sinh xả thân vì nước của các chiến sĩ giữ chốt đã có tác dụng cổ vũ toàn dân giết giặc bảo vệ quê hương. Các chiến sĩ và đồng bào ta từ hậu cứ băng qua lửa đạn quân thù, tiếp sức không ngừng cho các chiến sĩ giữ chốt, đồng thời sẵn sàng triển khai cuộc chiến đấu ở khắp mọi nơi. Cuộc chiến đấu rất oanh liệt của quân và dân ta đã diễn ra trong mỗi làng, bản huyện Bát-xát, trong các tiểu khu, nhà máy thị xã Lao-cai, trên nông trường Phong-hải, các lâm trường Bản-phiệt, Thanh-bình... với sự phối hợp rất đẹp giữa các thứ quân, các binh chủng của các lực lượng vũ trang. Các lực lượng vũ trang ta đã trụ giữ, đặc biệt là chốt *Nhạc-son* và chốt *Ngũ ba Bản-phiệt*, đã từ xa cơ động chặn đánh địch ở ki-lô-mét 8 trên đường số 10, đánh tạt ngang sườn diệt địch ở Cam-đường... Pháo lớn của đoàn M68 nã đạn chính xác phá hủy cả đoàn 10 xe của địch. Mỗi bước đi của địch đều bị quân và dân ta chặn đánh, tính ra cứ mỗi một ngày 400 tên quân xâm lược bỏ mạng trên đất Hoàng-liên-son. Bọn xâm lược đi đến đâu trên mảnh đất Hoàng-liên-son cũng đều đụng đầu phải những người chủ thuộc mọi lứa tuổi, mọi dân tộc sẵn sàng trừng phạt chúng. Trong cuộc kháng chiến chống Trung-quốc xâm lược, ở Hoàng-liên-son đã xuất hiện nhiều gương chiến đấu dũng cảm, hy sinh, mưu trí, sáng tạo, đạt hiệu suất cao. Đồng chí Tĩnh, đồng chí Tráng-A-Lùng bám trụ kiên cường mỗi người một mình diệt hàng trăm tên giặc trên đất Mường-khương; Hoàng-Hải-Nhi, phó chính trị viên huyện đội Mường-khương chỉ huy giỏi, cùng đơn vị diệt 1 000 tên xâm lược. Đội sản xuất số 2 lâm trường Bản-phiệt chuyển từ thế bị địch vây

chặt dí súng vào từng người, sang thể tiến công diệt địch, bảo vệ mình, kiên trì cuộc chiến đấu cho đến thắng lợi. Chín dũng sĩ chốt số 1 Lao-cai đánh địch dài ngày, tiêu diệt nhiều địch. Ba dũng sĩ thôn Nam-sui, xã Bàn-phiet chủ động tiến công địch. Khu vực thị xã Lao-cai có nhiều gương dân quân đánh giỏi, đặc biệt Đặng-Hồng-Quân, tự vệ đoàn Kiên-cường, mang súng đón đánh địch giữa ngã tư Cốc-lêu diệt 32 tên. Tò dân quân của Trần-văn-Lước bám trụ ở Kim-tán một tuần đánh 12 trận. Hoàng-liên-sơn có nhiều gương cả vợ chồng và cha con cùng đứng trong một chiến hào đánh giặc, như vợ chồng đồng chí Vũ-Thị-Chiến, gia đình đồng chí Nhạ, gia đình đồng chí Nghiên, gia đình đồng chí Tuấn ở thị xã Lao-cai... Những thắng lợi đã giành được không tách rời ý chí quyết chiến quyết thắng của nhân dân các dân tộc Hoàng-liên-sơn. Cuộc chiến tranh giữ nước bắt đầu, từng tổ chức, đoàn thể, đến từng gia đình, cá nhân đều bình tĩnh tổ chức lại nếp sống của mình. Khi địch ồ ạt kéo đến, nhiều người phải tránh đi rồi chọn thể hiểm chận đánh và tiêu diệt địch. Chỉ trong mấy hôm mọi người đều đã chủ động liên lạc với cơ quan lãnh đạo, gia nhập tổ chức chiến đấu của địa phương. Có nhiều người phải tổ chức cho gia đình di sơ tán. Sau khi thu xếp nơi ăn chốn ở cho gia đình, họ lại trở về chiến đấu. Cảm động biết bao: từng đoàn người già và trẻ em dân tộc Mèo dìu dắt nhau từ huyện Mường-khuong băng rừng đi về hậu cứ, để cho những người trẻ khỏe ở lại có điều kiện rành rang chiến đấu.

Thắng lợi của nhân dân các dân tộc và các lực lượng vũ trang Hoàng-liên-sơn thể hiện sinh động sức mạnh tổng hợp, ý chí quyết chiến quyết thắng, quyết tâm của toàn đảng bộ và nhân dân toàn tỉnh bảo vệ từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc. Trong những ngày này, thanh niên càng tỏ ra xứng

đáng là lực lượng xung kích của đất nước. Chỉ trong hai ngày, tỉnh tuyển quân vượt mức quy định. Thanh niên học sinh trong các trường cấp III toàn tỉnh đều đăng ký xin thực hiện nghĩa vụ quân sự, viết đơn tình nguyện đi bất cứ đâu, làm bất cứ việc gì cần cho cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đoàn thanh niên tổ chức thành từng đoàn đi vào những nơi vì chiến sự ác liệt tạm thời không liên hệ được với cơ quan lãnh đạo, để giúp cấp ủy Đảng tổ chức lực lượng chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Cán bộ lãnh đạo công đoàn đi vào cơ sở kinh tế: thương nghiệp, giao thông vận tải, lương thực thực phẩm... kiểm tra, đôn đốc, động viên cán bộ, công nhân đầy mạnh sản xuất phục vụ mặt trận. Phụ nữ các dân tộc, đồng thời với việc vận động chồng con đi chiến đấu giết giặc, tổ chức thành đoàn, tổ, chăm sóc thăm hỏi thương binh từ mặt trận đưa về và cổ vũ chiến sĩ lên đường ra trận.

Bọn phản động Trung-quốc phát động chiến tranh xâm lược nước ta vào lúc tình chúng tôi đang đứng trước những khó khăn to lớn, nhất là về mặt lương thực. Toàn thể anh chị em chiến sĩ trên lĩnh vực này đã vượt khó khăn, tập trung sức và phương tiện, vật tư phục vụ tiền tuyến, bảo đảm cho người chiến đấu có đủ gạo, thực phẩm với tiêu chuẩn cao nhất, tốt nhất. Toàn dân Hoàng-liên-sơn lo cho mặt trận. Từ Mường-khuong đến Cốc-xan, nơi nơi đều nêu cao quyết tâm bảo đảm cho lực lượng chiến đấu ăn no đánh thắng. Huyện Bảo-yên tổ chức quản lý nguồn hàng, chủ động mua các cơ quan có trách nhiệm lên mua để cung cấp cho các chiến sĩ. Nhiều nơi như huyện Bắc-hạ bán chịu thực phẩm cho Nhà nước, nông trường Phú-xuân, trại gà Lao-cai ưu tiên cung cấp hàng chục tấn thịt, hàng chục nghìn con gà và trứng gà cho thương nghiệp phục vụ chiến đấu.

Kỹ sư, công nhân, cán bộ vận tải không kể ngày đêm, vượt qua đạn pháo địch, tập trung sức bắc thêm cầu, đóng thêm phà, mở bến phà mới, mở thêm đường mới cho bộ đội cơ giới, pháo lớn ra trận. Phương tiện vận tải tập trung sẵn sàng phục vụ chiến đấu. Nhờ đó, chỉ trong vòng chưa đến một tuần hàng mấy chục ki-lô-mét đường mới đã được mở thêm. Nhiều tài sản của Nhà nước, tập thể và nhân dân được kịp thời chuyển ra xa mặt trận. Bến phà Phố-lu kịp thời đưa chiến sĩ, dân công ra mặt trận và hàng chục vạn dân đi sơ tán.

Ngành y tế nhanh chóng chuyển từ thời bình sang thời chiến cả về tinh thần, ý thức phục vụ, bảo đảm thuốc chữa bệnh đến tổ chức mạng lưới cấp cứu, chữa chạy, điều trị thương binh. Nhiều đoàn y tế gồm bác sĩ, y sĩ, y tá thuộc nhiều bộ môn lên đường ra ngay mặt trận, vào các bệnh viện. Các bệnh viện Lao-cai, Phố-lu, Yên-bái... đều chuyển sang phục vụ nhu cầu thời chiến. Đội quân y tế phục vụ suốt ngày đêm, các kíp mổ ở bệnh viện Yên-bái làm việc liên trong 24 tiếng đồng hồ.

Các cấp, các ngành, các đơn vị toàn tỉnh Hoàng-liên-son đều kịp thời chuyển hướng phục vụ mặt trận, sắp xếp ổn định đời sống cho nhân dân vùng có chiến sự chuyển về phía sau, bảo đảm bộ máy kinh tế hoạt động, tạo ra nguồn hậu cần tại chỗ, chuẩn bị kiên trì cuộc chiến đấu trong bất kỳ hoàn cảnh nào cho đến toàn thắng.

Dưới sự lãnh đạo của Ban chấp hành trung ương Đảng, cùng với toàn Đảng, *đảng bộ Hoàng-liên-son đã có sự chuyển hướng kịp thời cho phù hợp với tình hình mới.* Khi chiến tranh nổ ra, toàn đảng bộ kịp thời lãnh đạo cuộc chiến đấu ngoan cường đánh trả quyết liệt bọn xâm lược. Các đảng viên trên cương vị của mình đã nêu cao tinh thần gương mẫu, tin tưởng vào đường lối đúng đắn của Đảng, trung thành với sự

nghiệp của dân tộc, bám đất, bám dân, bám chiến hào lãnh đạo chiến đấu và chiến đấu. Toàn đảng bộ đã chứng chạc, chủ động, kịp thời chuyển hướng tổ chức, hình thành bộ máy tiền phương bao gồm các cán bộ Đảng, Nhà nước, đại diện các lực lượng vũ trang địa phương trên địa bàn tỉnh. Nhờ vậy, các thứ quân kết hợp chặt chẽ, chiến đấu có hiệu suất cao, kịp thời rút kinh nghiệm của nhiều địa bàn để có cách đánh ngày càng tốt hơn.

Toàn đảng bộ tiến hành một công tác tổ chức rộng lớn. Những đảng viên ưu tú, len lỏi trong những nơi địch tạm đóng quân, giải thoát cho đồng bào chưa kịp đi sơ tán như đồng chí Tín ở Bản-vược. Chính các đảng viên đã đi đầu băng qua trước mặt giặc, đem nguồn sức mạnh tinh thần, vật chất, sức người, sức của của hậu cứ đến tiếp cho các đơn vị chiến đấu, bảo đảm cho quân và dân ta càng đánh càng mạnh. Năm vững quan điểm của Đảng « làm chủ đề tiêu diệt địch, tiêu diệt địch để làm chủ » đảng bộ đã lãnh đạo quân và dân trong tỉnh chiến đấu ngoan cường chống giặc. Các huyện ủy đều bám được đất, lãnh đạo, tổ chức nhân dân, củng cố nhân dân chiến đấu, bảo vệ làng bản, bảo vệ dân, duy trì và phát triển cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Các huyện ở phía sau đều tổ chức huy động lực lượng lên tiếp sức cho các huyện phía trước.

Cuộc chiến tranh làm thay đổi mọi mặt của đời sống bình thường. Chúng tôi đã tổ chức tốt việc sơ tán hai chục vạn người già và trẻ em, chuyển các cơ sở kinh tế về phía sau tiếp tục sản xuất. Các ngành các cấp từ kinh tế, hành chính đến giáo dục, y tế, văn hóa xã hội đều phải làm việc khẩn trương không kể ngày đêm, không kể đạn pháo địch... Tình hình mới đòi hỏi phải thay đổi nhiều thủ tục, trật tự làm việc cũ, chuyển mọi cái sang thời chiến, nhưng cũng yêu cầu phải tổ chức chặt chẽ hơn, phải

giữ vững nền nếp quân lý. Chúng tôi đã đạt được những tiến bộ bước đầu, đáp ứng được yêu cầu của cuộc chiến đấu chống địch.

★

Với những điều kiện thuận lợi do thắng lợi tạo ra, đảng bộ và nhân dân tỉnh chúng tôi đang ra sức thực hiện Lời kêu gọi của Trung ương Đảng và chấp hành nghiêm chỉnh Lệnh tổng động viên của Nhà nước. Chúng tôi ra sức tăng cường lực lượng quốc phòng. Đồng thời, khẩn trương tổ chức khắc phục hậu quả chiến tranh ở những nơi địch rút chạy. Trước mắt

phải tập trung phát triển sản xuất bù bằng được 3.000 héc-ta diện tích lúa xuân, 10.000 héc-ta ngô mất thời vụ, ổn định đời sống cho hai chục vạn người phải sơ tán do chiến sự. Tiếp tục thực hiện thật tốt việc bảo đảm trật tự an ninh xã hội, tinh thần của nhân dân. Tất cả những công việc đó rất nặng nề. Nhưng với tinh thần làm chủ tập thể, với sự lãnh đạo của Trung ương, sự giúp đỡ của các tỉnh bạn, các ngành trung ương, nhân dân và toàn đảng bộ tỉnh Hoàng-liên-sơn sẽ vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, làm cho Hoàng-liên-sơn luôn luôn là tiền đồn vững chắc bảo vệ biên giới phía bắc của Tổ quốc.

QUÂN VÀ DÂN QUẢNG-NINH ĐÁNH GIẶC GIỎI, THẮNG LỚN

NGUYỄN-ĐỨC-TÂM

Bí thư tỉnh ủy Quảng-ninh

 ÛNG trong ngày bốn phần động Trung-quốc phát động cuộc chiến tranh xâm lược nước ta, ở vùng biên giới thuộc địa phận tỉnh Quảng-ninh, chúng đã đưa hai sư đoàn bộ binh mở hai mũi tiến công, một mũi vào Thán-phún, Pò-hèn thuộc huyện Móng-cái và một mũi khác vào Cao-

ba-lanh thuộc huyện Bình-liều. Đồng thời chúng dồn dập nã hàng vạn quả pháo trong một ngày vào thị xã Móng-cái, Hoành-mô, Đồng-văn. Âm mưu của bọn xâm lược là đánh chiếm Bình-liều rồi tiến lên Tiên-yên, Đình-lập nhằm liên lạc với các cánh quân khác ở Lạng-sơn. Mặt khác, bọn phản động trong số hàng chục vạn người Hoa

trước đây ở Quảng-ninh bị chúng lửa gat, dụ dỗ cưỡng ép về Trung-quốc, đã được huấn luyện và trang bị rồi tung trở lại đất ta phối hợp với lực lượng quân sự gây rối loạn trên các mặt. Nhưng quân và dân Quảng-ninh đã luôn luôn cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu. Quân giặc vừa đặt chân lên đất nước ta, liền bị các lực lượng vũ trang ta đánh trả quyết liệt. Quân địch ý vào thế quân đông, vũ khí nhiều ào ạt tiến lên, nhưng các mũi tiến công của địch đều bị bẻ gãy, chúng không vượt qua được tuyến phòng thủ biên giới của bộ đội địa phương và dân quân tự vệ. Đến ngày 9-3 quân giặc đã bị diệt trên 5000 tên và bị đánh đuổi về bên kia biên giới.



Trong cuộc chiến đấu quyết liệt chống bọn Trung-quốc xâm lược, trên đất Quảng-ninh đã xuất hiện nhiều cách đánh giặc rất hay. Có nhiều gương chiến đấu kiên cường, mưu trí, dũng cảm như: Đại đội 2 tiểu đoàn 130 bộ đội địa phương huyện Bình-liêu, đại đội 6 cơ động Công an nhân dân vũ trang tại Bình-liêu và tiểu đoàn 45 thuộc Đoàn 43 và tự vệ lâm trường Hải-ninh. Thấm nhuần tư tưởng « làm chủ chiến trường để tiêu diệt địch và tiêu diệt địch để làm chủ chiến trường », các đơn vị đó đã chủ động tiến công địch để giữ chốt, phòng thủ nhiều hướng, nhiều tầng, biến mỗi ngọn đồi, khe suối, bụi cây thành cứ điểm đánh địch, khéo kết hợp phòng ngự với tiến công, đánh địch ở mặt trước, đánh địch ở phía sau, bao vây, chia cắt, đập tan chiến thuật « biến người » và lối đánh thọc sườn, luồn phía sau của địch... làm cho quân địch có số lượng đông gấp bội mà không sao vượt qua được chốt của quân ta. Cũng ở đây đã có sự phối hợp rất nhịp nhàng của quân thường trực với dân quân tự vệ, sự liên lạc,

chi viện tốt giữa tuyến trước với tuyến sau. Ở khu vực lâm trường Hải-ninh nổi bật gương dũng cảm của Phạm-Thị-Thanh-Thủy - cô tự vệ trẻ của lâm trường khi làm cứu thương, tải đạn, khi làm cấp dưỡng, khi làm pháo thủ, đã cùng đồng đội diệt nhiều tên xâm lược.

Ở khu vực Hoàn-hồ tổ chiến sĩ 5 người của tiểu đoàn 6, Đoàn 41 đã chiến đấu rất ngoan cường, mỗi chiến sĩ đã sử dụng nhiều thứ vũ khí khác nhau, thứ đánh địch từ xa, thứ đánh địch ở gần, v.v. đánh tan nhiều đợt xung phong của địch, chặn đứng mũi tiến công của một tiểu đoàn địch trong 8 tiếng đồng hồ, cuối cùng đã đánh lui quân giặc, bảo vệ được cứ điểm.

Dân quân hai thôn Mỗ-toòng và Tỉnh-phá (dân tộc Dao) ngay trước mũi súng của địch đã khéo phối hợp chặt chẽ với nhau thành lực lượng mạnh giữ chốt, đánh địch ngay lúc chúng vừa tới, lập chiến công xuất sắc.

Ở khu vực Pò-hèn, các chiến sĩ ta đã chiến đấu rất ngoan cường « một tắc không di một ly không rời », đập tan nhiều đợt xung phong của quân địch. Chính ở chốt này đã nổi lên tấm gương sáng ngời của nhân viên cửa hàng mậu dịch Hoàng-Thị-Hồng-Chiếm - người đoàn viên ưu tú, tuyệt đối trung thành của Đảng, với Tổ quốc xã hội chủ nghĩa Việt-nam, đã chiến đấu kiên cường, hy sinh anh dũng, làm cho quân địch phải khiếp sợ.

Ngoài ra còn nhiều tấm gương dũng cảm chiến đấu, hăng hái tham gia phục vụ chiến đấu của đồng bào các dân tộc ở địa phương, tiêu biểu cho tinh thần yêu nước, ý chí quyết chiến quyết thắng quân Trung-quốc xâm lược của quân và dân tỉnh Quảng-ninh.

Trong cuộc chiến đấu chống quân Trung-quốc xâm lược vừa qua, quân và dân Quảng-ninh đã giành được

thắng lợi lớn. Thắng lợi về mặt hiệu quả chiến đấu, bảo vệ biên giới của Tổ quốc, bảo vệ an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân, kho tàng của Nhà nước, tiêu diệt nhiều quân địch và buộc chúng phải tháo chạy về nước, góp phần xứng đáng của địa phương vào chiến thắng oanh liệt vừa qua của đất nước. Một thắng lợi quan trọng nữa là: qua trận chiến đấu này, lực lượng của quân và dân địa phương đã được thử thách và có điều kiện lớn mạnh nhanh chóng. Thật vậy! Những kế hoạch về xây dựng, bố trí lực lượng, phương châm, phương pháp chiến đấu của địa phương đã được kiểm nghiệm trong thực tế và tỏ ra đúng đắn. Qua trận chiến đấu này, quân và dân địa phương càng nhận thức sâu sắc hơn nữa tính chất của chiến tranh « bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa », tích lũy thêm kinh nghiệm về xây dựng và bố trí lực lượng, trang bị vũ khí, chỉ huy tác chiến, phát huy mạnh mẽ tinh thần chủ động của quân và dân, lợi dụng được mọi ưu thế sẵn có, vận dụng sức mạnh tổng hợp để đánh cho quân giặc xâm lược đông hơn mình gấp nhiều lần những đòn mạnh mẽ hơn nữa.

Cũng qua trận chiến đấu này, quân và dân địa phương càng thêm tin tưởng, phấn khởi, đoàn kết chặt chẽ, hăng hái xây dựng lực lượng. Qua thử thách trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu, đã xuất hiện rất nhiều cán bộ và thanh niên nam nữ ưu tú. Nhờ đó các tổ chức cơ sở của Đảng, các đoàn thể, cơ quan Nhà nước có điều kiện để phát triển mạnh mẽ về số lượng, và chất lượng, cải tiến tổ chức, lề lối làm việc, nâng cao hiệu suất công tác, lao động hơn nữa, v.v.



Những thắng lợi mà địa phương chúng tôi đã giành được một mặt là do tinh thần yêu nước, ý chí quật cường

có truyền thống của quân và dân địa phương; mặt khác là do sự chỉ đạo thi hành một cách nghiêm túc và sáng tạo những nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng vào hoàn cảnh địa phương.

Thời gian qua, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, tỉnh chúng tôi đã khẩn trương tăng cường lực lượng bộ đội địa phương, dân quân tự vệ, đẩy mạnh việc rèn luyện đề sẵn sàng chiến đấu. Mặt khác ra sức giáo dục rộng rãi về nguy cơ xâm lược do bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh gây ra, nâng cao tinh thần yêu nước của nhân dân, động viên nhân dân hăng hái thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Chúng tôi đã phát động một phong trào toàn dân tham gia việc rào biên giới bằng trận địa chông mìn dọc hàng trăm ki-lô-mét giới tuyến. Việc này đã có tác dụng tốt chặn ngăn sự xâm nhập thường xuyên đề dò xét tình hình của địch và hạn chế tốc độ tiến công của quân xâm lược.

Để tạo điều kiện tốt cho chiến đấu và sản xuất, chúng tôi đặc biệt coi trọng việc bảo đảm an ninh chính trị và trật tự xã hội của địa phương, vì trước đây bọn phản động Trung-quốc thường lợi dụng tình cảm dân tộc của người Hoa ở địa phương để tổ chức thám báo, khiêu khích, gây rối... Chúng tôi đã chủ trương kiên quyết trừng trị bọn phản động, bố trí lại các cụm dân cư và vũ trang cho nhân dân trên những địa bàn trọng yếu, phát động nhân dân tham gia bảo vệ trật tự an ninh, v.v. Nhờ làm tốt công tác này, vừa qua địa phương chúng tôi đã ngăn chặn một cách có hiệu quả những hành động xâm nhập, thám báo, gây rối và phá tan âm mưu « nội ứng ngoại hợp » của giặc, làm cho quân xâm lược bị hoàn toàn bất ngờ trong mỗi bước tiến quân.

Đề có thể vừa sản xuất tốt vừa sẵn sàng chiến đấu cao, vừa có lực lượng chiến đấu, vừa có lực lượng sản xuất

và bảo đảm hậu cần tại chỗ. chúng tôi đã chủ trương xây dựng mạng lưới các nông trường, lâm trường và các hợp tác xã dọc các vùng biên giới. Ở những địa điểm thích hợp, xây dựng một mạng lưới đường giao thông vừa phục vụ tốt dân sinh, kinh tế, vừa bảo đảm sự cơ động cho lực lượng chiến đấu khi có chiến tranh. Các nông trường, lâm trường và hợp tác xã đều có những phương án sản xuất và chiến đấu cụ thể. Hợp tác xã H. đã thực hiện rất tốt việc tham gia chiến đấu, đồng thời vẫn bảo đảm diện tích cấy trồng theo kế hoạch từ trước. Các nông trường, lâm trường và hợp tác xã vừa qua đã tỏ ra là những cứ điểm vững chắc, chiến đấu có hiệu quả chống quân xâm lược.

Nhằm bảo đảm hậu cần tại chỗ khi có chiến tranh, chúng tôi đã rất coi trọng sản xuất lương thực, nhất là đẩy mạnh trồng màu ở những nơi thích hợp để tăng nhanh khối lượng lương thực. Nhờ đó đã đưa diện tích trồng sản ở vùng biên giới từ trên dưới 2 000 ha lên tới 6 000 ha và hiện nay đang cố gắng đưa lên tới trên dưới 10 000 ha sản và 10 000 ha khoai lang.

Để bảo đảm cho những chủ trương, kế hoạch nói trên được thực hiện tốt, tỉnh ủy chúng tôi đã rất coi trọng việc tăng cường tổ chức cơ sở. Trong thời gian qua, tỉnh ủy đã đưa 6 000 cán bộ có năng lực xuống cơ sở, nhất là vùng biên giới, hải đảo và các vùng xung yếu khác, làm thất bại âm mưu của bọn phản động Trung-quốc định lôi kéo, mua chuộc, kích động, chia rẽ nhân dân các dân tộc ở biên giới. Chúng tôi đã tổ chức các đội công tác xuống cơ sở vừa giải thích chính sách của Đảng, của Nhà nước, vừa giúp đỡ đồng bào các dân tộc kịp thời đối phó với bọn phản động lên lút; đồng thời phân công mỗi cơ quan Đảng, chính quyền và đoàn thể phụ trách một thôn để giúp đỡ đồng bào

các dân tộc. Nhờ đó khối đoàn kết nhân dân được củng cố, các tổ chức cơ sở đã phát huy được vai trò tích cực trong sản xuất cũng như chiến đấu chống giặc ngoại xâm.

Toàn bộ kế hoạch xây dựng hậu phương, chuẩn bị chiến trường nhằm đánh thắng quân xâm lược ở địa phương đã được thực hiện khẩn trương. Tuy có mặt chưa được thực hiện thật hoàn chỉnh, nhưng nói chung nhờ sự nỗ lực của toàn đảng bộ, của các lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, những điều nói trên đã phát huy tác dụng tốt và trở thành **nguyên nhân chủ yếu** của những thắng lợi lớn mà địa phương chúng tôi đã giành được.



Qua chiến đấu thắng lợi, quân và dân Quảng-ninh lòng tràn đầy phấn khởi, song vẫn nhận thức rằng chừng nào còn bọn phản động cầm quyền ở Bắc-kinh, thì mưu đồ bành trướng của chúng vẫn còn, đất nước ta vẫn còn bị đe dọa xâm lược. Cho nên quân và dân ta phải tiếp tục mài sắc tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Hơn nữa, kế hoạch sản xuất và sẵn sàng chiến đấu vừa qua được kiểm nghiệm trong thực tế, đã bộc lộ một vài mặt chưa thật tốt. Vì vậy, để thực hiện thật tốt Lời kêu gọi của Trung ương Đảng và Lệnh tổng động viên của Nhà nước, tỉnh chúng tôi đang khẩn trương đúc kết kinh nghiệm, bổ sung kế hoạch xây dựng lực lượng chiến đấu và sản xuất nhằm tăng cường nền quốc phòng toàn dân ở địa phương, chuẩn bị một thể trận vững chắc hơn nữa để đánh thắng mọi bước phiêu lưu quân sự của kẻ thù, bảo vệ vững chắc biên giới của Tổ quốc, đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở tỉnh nhà.

HÀ-TUYÊN CHIẾN THẮNG QUÂN PHẢN ĐỘNG TRUNG-QUỐC XÂM LƯỢC

NGUYỄN-ĐỨC

Bí thư tỉnh ủy Hà-tuyên



At sao bọn phản động Trung-quốc, sau khi dẫn do cần nhắc mới đánh Hà-tuyên, mà vẫn bị thất bại?

Đó là vì, cùng với quân và dân các tỉnh anh em trên toàn tuyến biên giới phía bắc nước ta, quân và dân Hà-tuyên đã chiến đấu anh dũng giáng cho quân xâm lược những đòn quyết liệt.

Một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến thất bại ngày nay của bọn cầm quyền phản động Trung-quốc là âm mưu của chúng chia rẽ các dân tộc trong tỉnh chúng tôi đã thất bại thảm hại. Từ trước, bọn phản động Bắc-kinh đã dùng nhiều mưu ma chước quỷ chia rẽ các dân tộc ở tỉnh chúng tôi, nhằm tạo điều kiện đánh chiếm gọn Hà-tuyên. Chúng vừa tiến hành vũ trang lấn chiếm, vừa tiến hành chiến tranh tâm lý, hoạt động gián điệp, kích động các dân tộc chống đối lẫn nhau hòng phá vỡ khối đoàn kết của các dân tộc trong tỉnh, gây bạo loạn để phối hợp với các cuộc tiến công quân sự xâm lược cuối cùng biến các dân tộc trong tỉnh chúng tôi thành nô lệ của chúng.

Chúng đã lợi dụng đặc điểm tình hình các dân tộc thiểu số của Hà-tuyên để phục vụ cho ý đồ xâm lược của chúng. Lợi dụng một thực tế lịch

sử là hai bên biên giới Việt - Trung đều có người Mèo sinh sống, bọn phản động Bắc-kinh luôn luôn tìm cách phá hoại tình thân đoàn kết của các dân tộc mà Đảng ta đã dày công xây dựng. Chúng mua chuộc, lôi kéo một số phần tử dao động, ngả nghiêng trong các dòng họ lớn của người Mèo, hy vọng sẽ sử dụng những người này để khống chế những dòng họ khác.

Chúng xúi người Mèo đánh người Nùng ở xã Sơn-vĩ. Chúng nói: "Trước kia, người Mèo ở bên Trung-quốc bị người Nùng đuổi sang đây. Nay đại quân đã đến. Nhờ đại quân giúp đỡ, người Mèo hãy giết người Nùng đi để lấy ruộng, rồi thành lập công xã với người Mèo ở Trung-quốc, đời sống sẽ ấm no hạnh phúc hơn..." Tất cả những thủ đoạn nham hiểm đó đều bị thất bại. Chúng lại tìm cách biến bọn buôn lậu vượt biên giới thành gián điệp, tay sai, cung cấp tin tức cho chúng, phao tin đồn nhảm. Bằng các biện pháp mua hàng địa phương bằng giá cao, bán hàng Trung-quốc bằng giá rẻ, dần dần chúng biến những kẻ hám tiền này thành tay sai. Khi quân địch tiến vào đất ta, bọn này đã làm chỉ điểm, đưa đường cho giặc, tránh những chỗ ta đặt mìn...

Dùng những thủ đoạn chính trị, kinh tế, chưa đủ, chúng dùng lực lượng vũ trang đánh nhỏ thọc sang

lấn chiếm nhiều nơi trên đất ta, làm hậu thuẫn cho bọn tay sai. Không ăn thua gì, cuối cùng chúng dồn dập tiến công bằng quân sự. Chúng dùng súng lớn bắn tập trung vào các khu dân cư, nhất là những nơi đông người Mèo, hù dọa không bố nhân dân, tạo thời cơ cho bọn xấu ngóc đầu dậy. Đại bác, súng cối lớn, thậm chí cả tên lửa H.12 rầm rầm bắn vào núi đá, đốt cháy làng bản, đốt gianh. Đồng thời chúng tung dư luận: «Không đi theo Trung-quốc thì đại quân trừng phạt. Núi đá thành vôi, đồi núi, ruộng nương thành nước». Ngay những ngôi nhà của những người thuộc dòng họ lớn người Mèo cũng bị ĐKZ của chúng hủy diệt tan tành.



Trước cuộc tiến công xâm lược đầy tội ác của bọn bành trướng Bắc-kinh, các lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc trong tỉnh chúng tôi căm thù giặc sâu sắc, đã ngày đêm đánh địch không mệt mỏi, có thời cơ là đánh, một người cũng đánh, đánh vỡ mặt quân địch, vận động ra sau lưng địch mà đánh, khai thác những sơ hở của địch mà đánh, đánh bằng mọi cách, bằng mọi thứ vũ khí có trong tay, để giữ từng tấc đất của Tổ quốc. Từ tinh thần đó, bừng sáng lên nhiều tấm gương anh hùng cách mạng của nhiều tập thể và cá nhân, trong dân quân tự vệ, bộ đội địa phương, công an biên phòng, cũng như trong mọi tầng lớp nhân dân ở mọi địa bàn của tỉnh.

Chiến thuật «lấy thịt đè người» của chúng bị thất bại thảm hại. Chỉ trước một tay súng của ta ở điểm cao Vị-xuyên, cả một trung đội địch đã bị ghim đầu. Một đơn vị nhỏ ở Lao-chải đã đánh quỵ cả một trung đoàn địch, tiêu diệt 430 tên, đốt cháy kho hậu cần của địch. Nhiều địa danh của Hà-tuyên nổi lên với những chiến công giòn giã như Lũng-lần, Săm-pun

(Mèo-vạc) Bản Păng (Xin-mần), Thanh thủy (Vị-xuyên), các điểm cao 1800 1785, Mỏm đồi xanh...

Nhân dân Hà-tuyên rất tự hào về những người con của các dân tộc tỉnh nhà đã chiến đấu vô cùng dũng cảm. Thượng úy Triệu-Minh-Tân ngày đêm bám sát dân ở Thượng-phùng tạm bị chiếm để bảo vệ nhân dân; đồng chí đã tổ chức 40 dân quân luôn vào sau lưng địch nơi chúng tập trung quân để chuẩn bị tiến công các điểm cao của ta, tập kích vây diệt nhiều tên; cả đơn vị chúng phải tháo chạy vào rừng. Chi phó chủ tịch Giăng-Thị-Xèo, xã Xin-cái đã cùng chồng, con trai chiến đấu rất anh dũng. Dù chồng bị hy sinh, chị và con trai vẫn bám dân bám đất chiến đấu và tổ chức cuộc sống cho bà con sơ tán trong hang núi. Tám cô gái Mèo ở xã Sơn-vĩ, một tập thể phụ nữ gan dạ, ngày ngày vác nước lên cho bộ đội ở chốt, trên núi cao, dưới làn đạn địch.

Khi địch tràn vào xóm Thèn-chá-tả (xã Xin-cái), đồng chí dân quân Phàn-Văn-Chiêu, người dân tộc Dao, một mình ở lại chiến đấu bắn chết 30 tên xâm lược, khiến chúng phải bỏ chạy. Đội tự vệ làm trưởng Mèo-vạc số 789 do đội trưởng Bùi-Kim-Thoa, chính trị viên Nguyễn-Thị-Phó và đội phó Trần-Mạnh-Hà chỉ huy đã ngoan cường giữ chốt đến cùng, bẻ gãy hàng chục đợt xung phong của địch. Trước sức tiến công của hàng nghìn tên xâm lược, 56 chiến sĩ đoàn M. đã chiến đấu trong 9 giờ liên tục bẻ gãy 22 đợt xung phong của địch, diệt 350 tên tại các chốt ở Tây-côn-linh (Lao-chải).

Đồng chí Đảng-Thanh-Bình người dân tộc Sán-diêu quê ở Sơn-dương, chiến đấu trên chốt 1558 Lao-chải, bằng 7 viên đạn CKC đã bắn tía diệt 7 tên trinh sát địch.

Tiểu đội trưởng Lù-Dĩ-Lin, người dân tộc La-chí, đã dũng cảm và mưu trí chỉ huy đơn vị đập tan nhiều đợt tiến công của 2 đại đội địch trong hai

ngày liền ở khu vực núi Hoa-xi-pan (xã Bần-máy, Xin-mần). Riêng một mình đồng chí đã tiêu diệt 50 tên địch.

Hàng vạn dân công hỏa tuyến các huyện vùng thấp lên tiếp tay với đồng bào vùng cao đào đắp hàng chục ki-lô-mét giao thông hào, khăn trương hoàn thành hàng trăm ki-lô-mét đường giao thông phục vụ chiến đấu. Các đội cứu thương, phẫu thuật các huyện vùng thấp lên phục vụ chiến đấu, đã ngày đêm cứu chữa thương binh, tiếp tế lương thực.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn tỉnh chung một ý chí "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", đoàn kết một lòng, đưa người, đưa của ra tiền tuyến đánh giặc, và đã giành được thắng lợi oanh liệt.



Từ thực tiễn lãnh đạo và chỉ đạo chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu và chiến thắng quân Trung-quốc xâm lược trong thời gian qua, chúng tôi thấy nổi lên hai bài học kinh nghiệm lớn :

1 - Trên cơ sở làm cho mọi người thấy rõ âm mưu trước mắt và lâu dài của bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh, phát huy tinh thần làm chủ của các dân tộc trong tỉnh, để họ đoàn kết đứng lên làm chủ vận mệnh của mình, chủ động đấu tranh, thì sẽ làm thất bại mọi thủ đoạn chia rẽ, phá hoại của địch.

2 - Thông qua thực tiễn đấu tranh chính trị, chiến đấu vũ trang, củng cố tổ chức, làm trong sạch, vững chắc hậu phương và không ngừng rèn luyện, bồi dưỡng năng lực chỉ đạo chiến đấu cho cán bộ lãnh đạo và chỉ huy các cấp, rèn luyện, bồi dưỡng ý chí chiến đấu và bản lĩnh chiến đấu cho các lực lượng vũ trang nhân dân, thì sẽ tạo nên thế trận sẵn sàng đánh thắng địch trong mọi tình huống.

Khi bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh phát động chiến tranh xâm lược nước ta, chúng vừa gây nên vô vàn tội ác, lại vừa tuyên truyền lừa bịp trong nhân dân ta. Chúng tôi đã tiếp tục vạch trần những luận điệu tuyên truyền chia rẽ, gây hấn thù, thanh kiến giữa các dân tộc, lấy ngay những tội ác của địch đối với các dân tộc, không trừ một dân tộc nào, mà vạch rõ bản chất của chúng, gây căm thù trong quần chúng làm cho mọi người thấy rõ bộ mặt giả nhân giả nghĩa của chúng. Chúng giết hơn 50 người ở Lũng-làn, đốt nhà dân ở Phó-bằng, cướp hàng đàn trâu ở Mèo-vạc..., chúng có phân biệt dân tộc nào đâu. Cán bộ đã đi sát giải thích cho đồng bào hai dân tộc Mèo, Nùng ở xã Sơn-vĩ, làm cho đồng bào đoàn kết với nhau, thanh lọc những kẻ phá hoại và cùng dân quân, du kích xã đánh thắng địch nhiều trận.

Khi địch mới ồ ạt đánh vào tỉnh, do trình độ tổ chức chiến đấu ở các địa phương chưa đồng đều, nơi có kinh nghiệm thì chiến đấu tốt, nơi chưa từng trải thì lúng túng. Đề kịp thời khắc phục tình hình này, chúng tôi áp dụng nguyên tắc "kèm cặp", người đã quen chiến đấu giúp người chưa quen chiến đấu, lính cũ kèm lính mới, lấy thực tế chiến đấu mà thử thách, rèn luyện cán bộ và các lực lượng vũ trang, rút kinh nghiệm kịp thời sau mỗi trận đánh. Kết quả là sau vài trận, anh em tự tin, thấy mình đủ khả năng thắng giặc. Và từ tưởng cho rằng "dân quân địa phương chỉ đánh được bọn phi thời, không đánh được đại quân có súng lớn" đã bị thực tế bác bỏ. Năng lực chỉ đạo chiến đấu của cán bộ cũng được nâng cao. Huyện đội Mèo-vạc ngày trước chỉ lo công tác phong trào, nay vươn lên đảm nhiệm chức năng chỉ huy một trung đoàn chiến đấu. Ban chỉ huy thống nhất, đứng đầu là bí thư huyện ủy, đã huy động sức mạnh tổng hợp của các ngành, các cơ quan, các

đoàn thề quần chúng, đảng bộ các cấp phục vụ công cuộc kháng chiến chống quân xâm lược. Trong chiến tranh, hàng loạt vấn đề đặt ra phải giải quyết và đã được giải quyết nhanh. Chúng tôi đang khai thác những kinh nghiệm tốt của một số điển hình tiên tiến để bồi dưỡng cho cán bộ các cấp.



Cuộc phiêu lưu quân sự của bọn

phản động Bắc-kinh lần này tuy bị thất bại nhục nhã, nhưng âm mưu bành trướng của chúng vẫn còn.

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng, với lòng yêu nước nồng nàn, lòng căm thù giặc sâu sắc, với quyết tâm cao, toàn Đảng, toàn dân tỉnh Hà-tuyên chúng tôi luôn luôn cảnh giác, chuẩn bị sẵn sàng để đánh cho bọn xâm lược những đòn mãnh liệt hơn nữa.

THẮNG LỢI OANH LIỆT CỦA QUÂN VÀ DÂN LAI-CHÂU

HOÀNG-TINH

Bí thư tỉnh ủy Lai-châu



GÀY 17-2-1979 bọn phản động Trung-quốc đã huy động một lực lượng quân sự lớn để ồ ạt tiến công trên toàn tuyến biên giới phía bắc nước ta. Riêng ở hướng Lai-châu, địch đã huy động hơn 2 sư đoàn cùng lực lượng dân binh, có xe tăng và pháo binh yểm trợ, chia làm 3 mũi đánh vào đất ta trên tuyến dài 60 ki-lô-mét từ bản San-cha (huyện Phong-thò) đến bản Hồ-thầu (huyện Sìn-hồ). Âm mưu của chúng là nhanh chóng chiếm cho được khu vực Nậm-cây, Mỗ-si-cầu rồi tiến lên đánh chiếm huyện lỵ Phong-thò, phát triển về Tam-đường. Bình-lư đề hợp diêm với mũi từ Sa-pa đánh sang. Sau đó nếu có điều kiện thì tiến lên đánh chiếm vùng cao Sìn-hồ và thị xã Lai-châu. Về chính trị, chúng muốn dùng tiếng súng xâm lược làm hiệu lệnh cho bọn phản động địa phương nổi dậy xung

vua, gây bạo loạn. Đi đến đâu chúng cũng đốt phá, cướp bóc chém giết nhân dân ta một cách dã man, tàn bạo, đồng thời ra sức chia rẽ, kích động hằn thù dân tộc hòng phá hoại khối đoàn kết của nhân dân ta. Chỉ tính riêng ở huyện Phong-thò, trong số 17 xã, 43 bản có chiến sự, đã có 1006 hộ bị thiệt hại. Các khu vực đồng dân ở thị trấn Phong-thò, Giào-san, Si-lờ-lầu bị chúng tàn phá rất nặng nề. Chúng đốt phá nhà cửa, trường học, bệnh viện, nhà trẻ; triệt phá hàng nghìn héc-ta hoa màu; cướp và bắn chết hàng nghìn trâu bò, hàng vạn lợn gà; phá hủy hàng chục cầu cống, hàng trăm ki-lô-mét đường giao thông; hủy hoại nhiều công trình kinh tế và văn hóa. Chúng giết chết hàng trăm dân thường, phần lớn là cụ già, phụ nữ và trẻ em. Chúng treo cổ, thiêu phụ nữ, chặt đầu, vằm thit cán bộ, bắn chết trẻ em sơ sinh. Có

gia đình không còn một người nào sống sót. Chúng tưởng rằng với những hành động tàn bạo đó, chúng có thể uy hiếp được tinh thần nhân dân các dân tộc Lai-châu. Nhưng chúng đã lầm to. Ngay từ phút đầu tiên đặt chân lên đất Lai-châu, quân xâm lược đã bị nhân dân và các lực lượng vũ trang Lai-châu đánh trả hết sức mạnh mẽ và quyết liệt.

Trên hướng Ba-nậm-cúm — Mù-sang (Phong-thồ) chúng đã bị lực lượng công an vũ trang đồn Ba-nậm-cúm ghìm chân tại chỗ suốt từ 5 giờ sáng đến 5 giờ chiều, đánh lui 10 đợt xung phong, diệt 600 tên, phá hủy 2 xe bọc thép. Cụm chiến đấu của ta ở Ma-ly-pho và Mù-sang, Tả-phìn đã kiên cường trụ bám suốt từ 4 giờ 30 phút sáng 17-2 đến 22 giờ ngày 20-2, đánh địch trên từng quả đồi, từng khe suối, từng đoạn chiến hào, từng ụ súng, tiêu diệt 1636 tên, đánh lui nhiều đợt tiến công của địch, làm cho chúng không thực hiện được ý đồ đánh nhanh, tiến nhanh vào khu vực Nậm-cây, Mỗ-si-câu.

Trên hướng Huồi-luông — Pa-tần (Sinh-hồ) địch bị sa vào bãi mìn và bị quân và dân ta chặn đánh rất quyết liệt, 400 tên chết. Tại điểm cao 551 và điểm cao 800 chúng bị các lực lượng vũ trang ta tiêu diệt 1200 tên, buộc phải dừng lại cách Pa-tần 4km.

Theo hướng Si-lô-lầu, địch bị ta phát hiện và đánh trả quyết liệt ngay từ đêm 16 rạng ngày 17-2, 600 tên chết. Sang các ngày sau, vì quân địch ở hướng chính bị quân ta chặn đánh mạnh, chúng phải rút bớt quân ở đây về chi viện. Số còn lại gặp nhiều khó khăn, tiến quân không được, ngày 25-2 phải rút nốt.

Từ ngày 23-2 trở đi, địch dồn đội hình, tăng thêm lực lượng, đưa xe tăng và pháo binh vào trực tiếp chi viện, mở đợt tiến công mới hùng mạnh chóng đánh chiếm các mục tiêu quan trọng ở Phong-thồ, Sinh-hồ, đồng thời tiến công vào đồn A-pa-chải và

trạm U-ma-tu-khoàng ở Mường-tè. Nhưng trên tất cả các mũi, các hướng, chúng đều bị quân và dân ta đánh cho tơi tả, cuối cùng buộc phải rút về bên kia biên giới.

Thế là sau hơn 20 ngày chiến đấu vô cùng dũng cảm và ngoan cường, quân và dân tỉnh Lai-châu đã bề gây nhiều đợt tiến công của địch, tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, thu và phá hủy nhiều vũ khí và phương tiện chiến tranh, góp phần cùng quân và dân các tỉnh khác ở biên giới đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của địch. Đây là một thắng lợi oanh liệt của các lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc Lai-châu.

Hòa cùng chiến công của các chiến sĩ ở tiền tuyến, phong trào thi đua lao động sản xuất, sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ trật tự an ninh, giữ vững đời sống của nhân dân ở hậu phương phát triển mạnh mẽ, rộng khắp và thu được những kết quả đáng phấn khởi. Bà con nông dân trong toàn tỉnh đã đẩy mạnh sản xuất, gieo cấy và chăm bón 3668 héc-ta lúa chiêm xuân, tăng hơn cùng thời kỳ này năm ngoài 1,65%. Các huyện Mường-lay, thị xã Lai-châu có tốc độ cấy khá nhanh. Huyện Tủa-chùa cấy vượt kế hoạch về diện tích 20%. Nông trường Điện-biên vượt 13%. Đặc biệt ở huyện Sinh-hồ, nơi có chiến sự ác liệt, tốc độ gieo cấy vẫn tăng hơn 37,2% so với cùng thời gian này năm ngoài. Do có phong trào quần chúng giữ gìn trật tự an ninh tốt, cho nên mọi hoạt động tuyên truyền tâm lý chiến, kích động, phá hoại của địch đã bị trừng trị kịp thời; mọi mưu đồ gây rối, gây bạo loạn của địch đều không thực hiện được.



Thắng lợi của quân và dân Lai-châu là thắng lợi của ý chí quyết đánh và quyết thắng quân Trung-quốc xâm lược để bảo vệ quê hương, bảo vệ từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc. Với tinh

thần “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”. “Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ”, với truyền thống Điện-biên-phủ anh hùng, quân và dân Lai-châu đã đánh địch quyết liệt, kiên cường ngay khi chúng đặt chân vào lãnh thổ nước ta. Một tổ cũng đánh, một người cũng đánh. Đánh bằng mọi lực lượng, mọi thứ vũ khí có trong tay, lấy súng giặc giết giặc. Ở địa bàn nào cũng xuất hiện những gương chiến đấu và phục vụ chiến đấu rất dũng cảm, anh hùng, đạt hiệu suất cao. Chiến sĩ Vũ-Hồng-Ca trong một ngày chiến đấu, diệt hơn 50 tên giặc. Chiến sĩ Trần-Đắc-Chí một mình đảm nhiệm một hướng, sử dụng nhiều loại vũ khí, diệt hơn 100 tên. Hạ sĩ Nguyễn-Tài-Cử chỉ huy tiêu diệt đánh bật hơn 20 lần xung phong của địch trong một ngày, tự mình bắn 11 quả đạn B41 diệt 7 hỏa diễm đại liên và súng cối 60 ly của địch, cùng đồng đội diệt 250 tên. 29 chiến sĩ công an vũ trang phối hợp với 9 dân quân người Dao và Hà-nhì ở trạm U-ma-tu-khoảng đã đây lui 4 đợt tiến công của hai tiểu đoàn địch, diệt 250 tên, làm bị thương nhiều tên khác. Các chiến sĩ Tông-Văn-Kim, Phàng-Tảo, Dương-Sử, Lò-Thành, Giàng-A-Túa, Giàng-Pa-Lý, Lò-Văn-Ban, Tao-Văn-Nỏ... chiến đấu rất xuất sắc. Dân quân bản Si-lờ-lầu, Vàng-ma-chải, Giào-san,... đánh địch rất kiên cường. Tự vệ lâm trường Pa-so, Huồi-luông,... tiếp đạn, tải thương phục vụ chiến đấu rất dũng cảm.

Nhân dân các dân tộc Lai-châu vốn có lòng yêu nước nồng nàn, yêu chủ nghĩa xã hội sâu sắc, tự hào với truyền thống Điện-biên-phủ anh hùng, có nhiều ơn sâu nghĩa nặng với cách mạng, tuyệt đối tin tưởng ở Đảng và Chính phủ, kiên quyết chiến đấu làm thất bại mọi âm mưu đen tối của bọn phản động Trung-quốc xâm lược. Đứng trên mảnh đất Lai-châu, quân Trung-quốc xâm lược đã vấp phạm đến tình cảm thiêng liêng của nhân

dân các dân tộc trong tỉnh, thổi bùng lên trong lòng họ ngọn lửa căm thù quân cướp nước. Ở tất cả các xã, các huyện, từ biên giới đến nội địa, từ tiền tuyến đến hậu phương, đã dấy lên một phong trào toàn dân quyết tâm đánh thắng giặc Trung-quốc xâm lược. Hàng nghìn thanh niên các dân tộc, học sinh các trường phổ thông cấp III, công nhân, viên chức đã tình nguyện tòng quân giết giặc. Nhiều lá đơn được viết bằng máu nói lên lòng yêu nước, căm thù giặc, ý chí quyết đánh và quyết thắng của con em các dân tộc Lai-châu. Ở các huyện, các xã phía sau bưng bưng khi thể xin ra tiền tuyến giết giặc. Anh chị em thanh niên tấp nập đi xây dựng phòng tuyến biên giới. Phong trào đào công sự, vót chông tre phát triển rất nhanh. Ở các cơ quan, xí nghiệp, hợp tác xã, nông trường, lâm trường, công trường, trường học,... mọi người sôi nổi thi đua làm việc thêm giờ, sản xuất thêm ca, luyện tập quân sự, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Có thể nói chưa bao giờ Lai-châu có khí thế hào hùng, trưởng thành nhanh chóng, có tiềm lực quân sự, chính trị, kinh tế mạnh mẽ và vững vàng như ngày nay. Chính đó là điều kiện để nhân dân Lai-châu thực hiện quyết tâm làm chủ đề tiêu diệt địch và tiêu diệt địch để giữ vững quyền làm chủ của mình.

Thắng lợi của quân và dân Lai-châu là thắng lợi của khối đoàn kết vững chắc giữa các dân tộc, đoàn kết quân dân, trên dưới một lòng, tất cả cùng một ý chí giết giặc, giữ nước, giữ nhà.

Tỉnh Lai-châu có 23 dân tộc với những đặc điểm, trình độ, phong tục tập quán khác nhau. Đã từ lâu, bọn thực dân Pháp, và gần đây bọn phản động Trung-quốc ra sức tìm cách chia rẽ, kích động, gây hấn thù giữa các dân tộc, hòng phá ta từ bên trong. Nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân các dân tộc trong tỉnh Lai-châu vẫn giữ vững và ngày càng

phát huy truyền thống đoàn kết, thương yêu đùm bọc lẫn nhau.

Nỗ sức đánh vào Lai-châu, bọn Trung-quốc xâm lược hí hửng tưởng rằng có thể hà hơi tiếp sức cho bọn phản động địa phương do chúng cấy vào từ lâu nổi dậy xưng vua, gây bạo loạn, kích động chia rẽ dân tộc, phá hoại khối đoàn kết giữa các dân tộc, phá hoại tình đoàn kết giữa quân và dân. Nhưng tất cả những âm mưu thâm độc của chúng đều bị thất bại thảm hại. Trong những ngày có chiến sự ác liệt, trật tự an ninh vẫn được giữ vững. Khối đoàn kết toàn dân, hơn bao giờ hết, càng được tăng cường. Nhân dân các dân tộc ở khắp mọi nơi trong tỉnh càng tin theo Đảng, quyết tâm bảo vệ Tổ quốc. Có rất nhiều mẫu chuyện cảm động về các cụ, các mẹ, các gia đình người Nhắng (ở bản Lang, Phong-thồ), người Mèo, người Hà-nhi (ở Huồi-luông, Sin-hồ) đã giúp đỡ cán bộ, bộ đội, che chở cho các cô giáo, thầy giáo người Kinh, chăm sóc tận tình và chu đáo thương binh, cho ngựa đưa thương binh trở về đơn vị. Có gia đình cả ba cha con cùng che giấu, chăm sóc một thương binh. Có những đồng bào sẵn sàng hy sinh cả tính mạng mình để bảo vệ cán bộ. Ở tất cả các xã, các bản đều có phong trào tuyên góp ủng hộ bộ đội, giúp đỡ thương binh, với nhiều hình thức phong phú, nhiều hoạt động sôi nổi. Chỉ tính riêng 17 xã và một số cơ quan ở huyện Điện-biên, trong 5 ngày đã quyên góp giúp bộ đội 87 tấn rau xanh, 108 kg thịt lợn, 17 con trâu, 74 kg mì chính, hơn 3 tạ lạc,... Huyện Mường-lay vận động các gia đình nhường hàng trăm bộ quần áo, chăn màn cho thương binh, góp hàng vạn quả trứng. Nhiều mẹ, nhiều chị mua xà phòng, khăn mặt, thuốc đánh răng gửi cho chiến sĩ. Hầu hết các gia đình đã nấu xôi, gói bánh chưng, góp tiền mua sữa, mua đường, mua đậu xanh, góp gà, góp lợn,... tiếp tế cho bộ đội. Huyện Tuần-giáo gửi tặng các chiến

sĩ 15 nghìn quả trứng vịt, 500 kg gà, 20 nghìn đồng rau quả; đồng bào trong huyện đã bán thêm cho Nhà nước ngoài kế hoạch 67 tấn lương thực, gần 100 con trâu, bò. Huyện Tủa-chùa ở xa vùng có chiến sự cũng chuẩn bị một tiểu đoàn vận tải với 300 con ngựa thồ sẵn sàng đi phục vụ tiền tuyến, và đã ủng hộ bộ đội trên 4 tấn thịt lợn, hơn 1 tấn gạo, 2 tấn thóc, 1863 đồng. v.v.

Giữa các cơ quan trong tỉnh, giữa tỉnh và huyện, giữa huyện và cơ sở đều đoàn kết nhất trí. Giữa cán bộ miền xuôi và cán bộ miền núi, giữa cán bộ tại chỗ và cán bộ tăng cường đều một ý chí. Các ngành trong tỉnh có tinh thần hợp đồng chiến đấu, lập công tập thể. Nhất là các ngành y tế, giao thông vận tải, thương nghiệp, lương thực, bưu điện,... đã có tinh thần hướng ra tiền tuyến, phục vụ chiến đấu rất cao.

Trong những ngày thử lửa ác liệt, quân và dân Lai-châu rất phấn khởi và cảm động được chiến thắng vang dội của các tỉnh khác ở biên giới cổ vũ, và được các tỉnh ở phía sau như Thái-bình, Hà-nam-ninh, Nghệ-tĩnh, Sơn-la, Đồng-tháp, thành phố Hồ-Chí-Minh... động viên cổ vũ. Đặc biệt là Sơn-la đã gửi đến cho Lai-châu cả vũ khí, đạn dược và một số đơn vị chiến đấu. Quân và dân Lai-châu chúng tôi rất vinh dự và tự hào được thay mặt nhân dân cả nước đương đầu và đánh thắng bọn bành trướng Trung-quốc ở mặt trận tây bắc của Tổ quốc.

Thắng lợi của quân và dân Lai-châu là thắng lợi của công tác lễ chúc, chỉ đạo sâu sát, cụ thể, phù hợp với thời chiến, động viên được sức mạnh của toàn dân, toàn hệ thống chuyên chính vô sản.

Trước những hành động vũ trang khiêu khích, lấn chiếm càng ngày càng tăng của bọn cầm quyền phản động Trung-quốc, được Trung ương Đảng chỉ đạo chặt chẽ thường xuyên, tỉnh ủy Lai-châu chúng tôi đã sớm nhận thấy

phải luôn luôn cảnh giác đề phòng những hành động phiêu lưu quân sự của chúng. Nhất là đối với Lai-châu, một tỉnh có vị trí chiến lược rất quan trọng về kinh tế, chính trị và quốc phòng, chúng tôi càng phải hết sức tỉnh táo. Dưới ánh sáng Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Trung ương Đảng, tỉnh ủy chúng tôi đã nhận định toàn diện về tình hình, âm mưu, thủ đoạn của địch, trên cơ sở đó có kế hoạch bố phòng thích hợp và chặt chẽ. Cùng với việc giáo dục sâu rộng trong nhân dân về âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù đề tăng cường đoàn kết, cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu đập tan mọi âm mưu của địch, tỉnh ủy có kế hoạch tăng cường phòng thủ biên giới, tập trung chỉ đạo những địa bàn yếu, khắc phục mọi khó khăn, tổ chức xây dựng lực lượng, xây dựng phòng tuyến, chuẩn bị lương thực, vũ khí, đạn dược, chuẩn bị các phương án tác chiến, phương án sơ tán từng bộ phận nhân dân. Tuy còn có những khó khăn và thiếu sót nhất định, nhưng nói chung, cả bộ máy trong tỉnh đã hoạt động đều và có hiệu quả. Chỉ trong một thời gian ngắn, vượt qua khá nhiều khó khăn về nhiều mặt, tỉnh Lai-châu đã bày xong thế trận sẵn sàng đánh địch. Chính nhờ thế mà khi địch mở cuộc tiến công vào Lai-châu, quân và dân Lai-châu đã không bất ngờ, lúng túng, lập tức quật cho chúng những đòn chí mạng.

Về mặt giữ gìn trật tự an ninh, chúng tôi đã phát động quần chúng nêu cao tinh thần cảnh giác, đoàn kết, phát hiện và truy quét bọn phản động, bọn gián điệp, thám báo, quần thúc chặt chẽ những phần tử có vấn đề chính trị, trấn áp và trừng trị những kẻ có hành động tuyên truyền kích động phá rối trật tự an ninh. Mặt khác, có kế hoạch củng cố các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng, đặc biệt là dân quân tự vệ, công an nhân dân, siết chặt đội ngũ chiến đấu. Ở những khu vực trọng điểm, tỉnh

và huyện có kế hoạch chỉ đạo chặt chẽ, cụ thể, đồng thời cử những tổ công tác về tăng cường, giúp cơ sở phát động quần chúng làm trong sạch địa bàn, tích cực xây dựng lực lượng, đẩy mạnh sản xuất, sẵn sàng chiến đấu.

Tuy còn có khuyết điểm, nhưng nhìn chung, công tác tổ chức, chỉ đạo của tỉnh chúng tôi trong đợt chiến đấu vừa qua có nhiều cố gắng và tiến bộ. Ở tất cả các cấp, các ngành đều có sự chỉ đạo tập trung, thống nhất, sâu sát, cụ thể, theo tác phong quân sự hóa. Bộ chỉ huy quân sự thống nhất tỉnh và các ban chỉ huy quân sự thống nhất huyện hoạt động tốt. Các cán bộ tỉnh, huyện được phái về cơ sở đã kiên trì bám đất, bám dân, lăn lộn ở cơ sở. Đây là nhân tố quan trọng tạo ra sức mạnh trong nhân dân, động viên nhân dân đóng góp sức người, sức của đánh thắng giặc Trung-quốc xâm lược, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự xã hội, giữ vững sản xuất và đời sống của nhân dân.



Tuy đã bị thất bại nặng nề cả về quân sự và chính trị, bọn cầm quyền phản động Trung-quốc vẫn chưa chịu từ bỏ dã tâm của chúng. Chúng còn nhiều mưu ma chước quỷ, còn ôm ấp mộng thôn tính nước ta. Riêng ở hướng Lai-châu, chúng vẫn đang cho quân áp sát biên giới. Vì vậy quân và dân Lai-châu chúng tôi không một phút nào được lơ đãng cảnh giác, buông rời tay súng. Trái lại, càng phải nâng cao cảnh giác hơn, chuẩn bị tích cực hơn, sẵn sàng đập tan mọi hành động diễn biến cuồng, liêu lĩnh của bọn bành trướng Trung-quốc. Cuộc dạo sức vừa qua với quân Trung-quốc xâm lược là một dịp thử thách quân và dân tỉnh chúng tôi ; qua đó chúng tôi thấy rõ mình hơn và có kế hoạch, biện pháp phát huy những mặt mạnh, khắc phục những mặt yếu.

Chúng tôi cũng đang ra sức khắc phục những hậu quả của chiến tranh, truy quét bọn thám báo, bọn chỉ điểm do địch gài lại; rà gỡ mìn, phát hiện những nơi có chất độc hóa học, làm vệ sinh tẩy uế môi trường; khôi phục sản xuất và ổn định đời sống nhân dân. Đây là những công việc khó khăn, phức tạp, đòi hỏi phải có sự nỗ lực và cố gắng chung của toàn đảng bộ và nhân dân trong tỉnh, nhất là phải động viên tinh thần thương yêu đùm bọc lẫn nhau, nhường nhịn nhường nhịn lẫn nhau, tương trợ hợp tác với nhau giữa các dân tộc, giữa quân và dân, giữa hậu phương và tiền tuyến, đồng thời có những biện pháp tổ chức cụ thể và tỉ mỉ. Chúng tôi đang phát động một phong trào thi đua rộng

khắp và sôi nổi nhằm khôi phục và đẩy mạnh sản xuất, tăng cường lực lượng quân sự địa phương, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu giỏi.

Để làm được những nhiệm vụ to lớn và cấp bách đó, vấn đề mấu chốt là chúng tôi phải phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân, nêu cao tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, đoàn kết, cảnh giác, sẵn sàng hy sinh vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội. Đồng thời ra sức củng cố và xây dựng các tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng, rà soát lại đội ngũ của mình, biểu dương những cá nhân, những đơn vị có nhiều thành tích, thanh lọc những phần tử thoái hóa, bạc nhược.

KIÊN QUYẾT ĐẬP TAN ÂM MƯU XÂM LƯỢC...

(Tiếp theo trang 16)

trào cộng sản và công nhân quốc tế và của nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới.

Vận mệnh của nhân dân ba nước trên bán đảo Đông-dương gắn chặt với nhau. Nhân dân Việt-nam, tuân theo lời dạy của Hồ Chủ tịch, kiên quyết làm hết sức mình để tăng cường hơn nữa tinh đoàn kết hữu nghị và làm tốt nghĩa vụ quốc tế của mình với nhân dân hai nước Lào và Cam-pu-chia.

Sự hợp tác, giúp đỡ của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác đối với nước ta đã nhanh chóng tạo cho chúng ta một tiềm lực lớn về kinh tế và quốc phòng. Tuy chúng ta còn có nhiều khó khăn trong xây dựng đất nước, nhưng cũng chưa bao giờ chúng ta lại có sức mạnh to lớn và toàn diện như ngày nay. Với sự ủng hộ rộng rãi và kiên quyết của những người cộng sản và cách mạng chân chính trên khắp thế giới và của cả loài người tiến bộ, nhân dân Việt

nam nhất định làm tròn nhiệm vụ lịch sử của mình.

Bọn Trung-quốc xâm lược bị một đòn giáng trả mãnh liệt của quân và dân ta buộc phải rút về bên kia biên giới, nhưng chúng còn ngoan cố chiếm giữ một số nơi trên lãnh thổ nước ta, lại còn láo xược tuyên bố dùng quyền « đánh trả, trừng phạt » để chuẩn bị cho những bước phiêu lưu quân sự mới chống nước ta.

Nhân dân Việt-nam anh hùng, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng cộng sản Việt-nam, đoàn kết chặt chẽ với nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia, được sự giúp đỡ kịp thời và có hiệu lực của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, lại được sự đồng tình, ủng hộ rộng rãi và kiên quyết của cả loài người tiến bộ, hoàn toàn có đủ điều kiện và khả năng để phát huy đến mức cao nhất sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân, giành thắng lợi ngay ở tuyến đầu, trong thời gian đầu và đánh bại mọi bước phiêu lưu quân sự của chủ nghĩa bán trường và bá quyền Trung-quốc.

THẤT BẠI CỦA CHỦ NGHĨA BÀNH TRƯỚNG TRUNG-QUỐC

PHAN - LANG

 QUỐC chiến đấu kiên cường của quân và dân ta chống cuộc chiến tranh xâm lược của bọn phản động Trung-quốc đã giành được thắng lợi oanh liệt.

Chủ nghĩa bành trướng Bắc-kinh đã bị giáng một đòn trừng phạt nặng nề. Đó là một cái giá rất đắt. Tuy nhiên, đó vẫn chưa phải là tất cả mọi cái giá mà bè lũ xâm lược phải trả cho cuộc phiêu lưu quân sự của chúng.

Mọi người đều biết, chiến tranh là sự thử thách, khảo nghiệm, phân xét một cách nghiêm khắc, toàn diện nhất, đối với các chế độ xã hội, các quân đội của các nước tham chiến. Dưới ánh sáng của những thắng lợi của Việt-nam, thất bại của đội quân xâm lược của Trung-quốc, một loạt sự thật, kết luận lớn đã được soi sáng, phơi bày, làm choáng váng tập đoàn phản động, phản bội, xâm lược Bắc-kinh.



Qua kinh nghiệm đau xót của các hoàng đế Trung-hoa trong mấy nghìn năm lịch sử cũng như qua kinh

ngiệm còn nóng hổi của bản thân chúng, bọn phản động Bắc-kinh biết rõ ràng, phát động chiến tranh xâm lược Việt-nam, là phải đương đầu với một đối thủ không thể xem thường được. Tuy nhiên, chủ quan, mù quáng vốn là căn bệnh cố hữu của mọi tên xâm lược. Bọn phản động Bắc-kinh vẫn cả tin rằng chúng vẫn có khả năng với tới những mục tiêu đầy tham vọng mà «bi quyết thành công» là sử dụng con chủ bài «đồng quân».

Đây là một sự tính toán, một quan điểm quân sự đã từng thống trị từ lâu đời và ngày nay vẫn tiếp tục thống trị ở Trung-quốc, một nước kinh tế, khoa học kỹ thuật lạc hậu nhưng lại có nguồn nhân lực không một nước nào trên thế giới sánh kịp (975 triệu dân ; 4,325 triệu lính chính quy).

«Biên người» trong chiến đấu tiến công và «dự địch tiến sâu vào nội địa khiến địch chết đuối trong đại dương người» trong chiến tranh phòng thủ, là một trong những tư tưởng quân sự lớn nhất, phương châm chỉ đạo chiến tranh chủ chốt của Trung-quốc.

Những tư tưởng, quan điểm trên đã được đem ra áp dụng một cách triệt để trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam.

Trên một chiến trường chính diện hơn 1000km, chiều sâu (chỗ sâu nhất) 30km, bề lũ xâm lược đã tung vào ngay ngày đầu chiến tranh gần 20 sư đoàn bộ binh và sau đó dần dần nâng lên gấp bội. Nếu trong cuộc chiến tranh xâm lược Ấn-độ hồi năm 1962 (kéo dài 33 ngày, chỗ tiến sâu nhất 80km), Bắc-kinh tập trung ở hướng chủ yếu một lực lượng 3 sư đoàn, thì trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam, trên các hướng chính đánh vào Lạng-sơn, Cao-bằng, Hoàng-liên-sơn, chúng đã triển khai hai quân đoàn ở mỗi cánh.

Với việc tập trung ưu thế binh lực tuyệt đối nhằm tạo ra một quả dấm mạnh áp đảo như vậy và trước mắt cũng chỉ mới nhằm « chặt đứt hẳn một ngón tay trong một bàn tay » của đối phương, bọn xâm lược cho rằng phương trình chiến tranh của chúng là có nghiệm số, có cơ sở thực tế để giành thắng lợi.

Diễn biến của cuộc chiến tranh đã nhanh chóng lật nhào mọi tính toán của chúng, những tính toán đều « sai lầm một cách tệ hại » như nhiều giới quân sự thế giới đã vạch ra.

Bọn phản động Trung-quốc xâm lược muốn bất ngờ giáng một đòn nặng, làm cho đối phương « từ nay phải chống nạng mà đi » thì các lực lượng vũ trang ta lại mạnh hơn trước, xét trên tất cả các mặt phát triển lực lượng, tăng cường và cải tiến trang bị, tích lũy kinh nghiệm chiến đấu mới.

Chúng muốn « chớp nhoáng », trong vòng mấy chục tiếng đồng hồ, ngoạm gọn một bộ phận lãnh thổ nước ta thì sau hơn nửa tháng chặt vật chúng phải cuốn cờ, xếp trống, rút quân.

Chúng muốn, qua việc « cho Việt-nam một bài học », xếp đặt lại tình

hình trên bán đảo Đông-dương theo ý chúng, thì sự phát triển cách mạng cũng như tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia chưa bao giờ lại phát triển vững chắc và tốt đẹp như hiện nay.

Trong chiến tranh, không đạt được các mục tiêu đề ra đã là một thất bại cơ bản; thất bại này càng thêm hại nếu như lực lượng tiến hành chiến tranh lại bị tổn thất lớn. Đây chính là trường hợp của đội quân xâm lược của bọn phản động Trung-quốc.

Theo sự thú nhận của giới cầm quyền Bắc-kinh (còn rất xa sự thật) thì chỉ sau một tuần tiến hành chiến tranh, chúng đã mất tới 28 ngàn lính, 1/5 số xe tăng tham chiến. Thực tế trên chiến trường là: 5 ngày sau khi chiến tranh bùng nổ, bọn xâm lược đã phải tung hết lực lượng dự bị chiến dịch vào chiến đấu, để lấy lại thăng bằng cho đội quân xâm lược.

« Quân đội Trung-quốc không thể tác chiến trong một cuộc chiến tranh hiện đại » — lời thú nhận được ghi lại bằng giấy trắng mực đen trong thông tri đề ngày 3-3-1979 của bọn trùm sô tập đoàn phản động Bắc-kinh mà hãng AFP ngày 6-3 đã đưa tin, chính là sự phủ định giá trị của con chủ bài « quân đông ».

Tại sao, với ưu thế về xung lực và với nguyên tắc « tập trung ưu thế binh lực tuyệt đối », trong lịch sử của nó, lực lượng Trung-quốc tuy chưa phải thuộc loại giỏi nhưng cũng đã có lúc giành được thắng lợi (ví dụ như trong nội chiến chống Tưởng-giới-Thạch hoặc như trong chống Mỹ, viện Triều), mà ngày nay, trong chiến tranh xâm lược Việt-nam, thì lại thất bại thảm hại?

Trong lĩnh vực đấu tranh vũ trang, số lượng quân đội là một yếu tố rất quan trọng nhưng không phải là quan trọng nhất. Trên chiến trường Việt-nam, trong những ngày qua,

không hiểm trường hợp hàng trăm lính xâm lược Trung-quốc đã bị tiêu diệt chỉ bởi một tay súng Việt-nam, cả một tiểu đoàn quân Trung-quốc đã bị một chiến sĩ ta chặn đứng. Điều này khẳng định một quân đội tuy đông nhưng nếu chất lượng tồi thì chỉ là «bia thịt» cho đối phương tuy không đông bằng nhưng kiên cường, dày dạn chiến đấu và được trang bị tốt.

Chất lượng của một quân đội không phải là một thứ người ta có thể tùy tiện vẽ ra được. Nó là kết quả tổng hợp của một loạt nhân tố: tinh thần chiến đấu, kỹ năng chiến đấu, trình độ trang bị, trình độ chỉ huy....

Trong hai cuộc chiến tranh xâm lược trước đây của đế quốc Pháp và đế quốc Mỹ hiện tượng phản chiến, suy sụp tinh thần chiến đấu trong đội quân lê dương Pháp, đội quân viễn chinh Mỹ đều đã xuất hiện khi cuộc chiến tranh xâm lược đã trở thành «một đường hầm không lối thoát», thất bại đã rõ ràng. Trong cuộc chiến tranh tội ác chống Việt-nam lần này, hiện tượng này xuất hiện rất sớm trong đội quân xâm lược Trung-quốc.

Đây là một sự kiện rất có ý nghĩa.

Từ chỗ là quân giải phóng có lý tưởng chiến đấu chính nghĩa, nay trở thành công cụ xâm lược, bành trướng của tập đoàn phản động Bắc-kinh — đó là một sự thay đổi hoàn toàn về chất của quân đội Trung-quốc.

Bị bọn bành trướng Bắc-kinh đẩy sang xâm lược Việt-nam trong một cuộc chiến tranh phi nghĩa, quân đội Trung-quốc đã không còn tinh thần chiến đấu của một đội quân làm chức năng chiến đấu giải phóng đất nước khỏi ách nô dịch của chủ nghĩa đế quốc. Nó lại chưa thể có cái hùng hăng đầy đủ của quân đội xâm lược nhà nghề như quân đội của chủ nghĩa phát xít, chủ nghĩa đế quốc, vì bọn giả danh cách mạng ở Bắc-kinh chưa dám công khai đem chủ nghĩa bành trướng

xâm lược kích động binh lính chúng. Chúng còn phải bưng bít sự thật, đi xâm lược nhưng lại nói là «phản kích tự vệ», tiến hành chiến tranh xâm lược lớn nhưng lại phải nói là chiến đấu «bảo vệ biên giới», «hạn chế về không gian và thời gian». Cái lúng túng, đối trá trong công tác tư tưởng, nói một đường làm một nẻo, đã gây ra một sự hỗn loạn về tư tưởng trong binh lính chúng, làm cho những kẻ cầm súng mất hết phương hướng, ý chí chiến đấu.

Cho nên, người ta sẽ không lấy làm lạ trước hiện tượng tinh thần chiến đấu của binh lính Trung-quốc kém, nhiều người không chịu đi sang Việt-nam, đào ngũ hoặc đầu hàng khi vừa chạm phải lực lượng vũ trang ta như thực tế đã diễn ra ngay trong những ngày đầu chiến tranh.

Trên chiến trường Việt-nam, quân Trung-quốc xâm lược còn bộc lộ rất rõ sự non kém về kỹ năng chiến đấu, nhất là trong đội hình chiến đấu hợp đồng binh chủng. Sự tồn thất nặng nề về xe tăng (đến mức một tuần sau khi bắt đầu chiến tranh, chúng chỉ còn dăm tưng xe tăng ra một cách nhỗ giọt) cũng như sự phối hợp loạc choạc giữa bộ binh, pháo binh và xe tăng, nói lên sự yếu kém về nhiều mặt của quân xâm lược. Từ *Thời sự Phran-phước* (Tây-Đức) ngày 2-3 viết: «Trung-quốc bị thiệt hại lớn vì họ phải bỏ theo sơ đồ của những năm 40, nách cấp bộc phá, lần đến gần các công sự».

Với một đội quân đông hàng chục vạn tên, cơ bản là còn mù chữ, chưa ra khỏi kỷ nguyên «bao gao, súng trường», sức chiến đấu của quân xâm lược Bắc-kinh thật ra chỉ có hạn. Chỉ mới vấp phải sức đề kháng của nhân dân và các lực lượng vũ trang tại chỗ, ngay trên cả những hướng chủ yếu mà chúng tập trung ưu thế binh lực, hỏa lực lớn, bọn xâm lược mỗi ngày trung bình vẫn không tiến quân được quá 1km. Điều đó chứng tỏ khả năng đột kích, khả năng cơ động, khả năng

hậu cần của chúng yếu kém rõ rệt. Nhược điểm này, nếu trong chiến đấu phòng thủ tại đất nước chúng thì kết quả có thể khác, song trong chiến đấu tiến công, nhất là trong tiến công xâm lược đòi hỏi phải hành động thật chớp nhoáng để tạo ra một sự việc đã rồi, thì bộc lộ rất rõ sức ý của một đội quân đông mà không mạnh. Một khi chất lượng đã kém thì số lượng đông chỉ càng làm cho thương vong càng lớn, tổn thất càng nặng; và đến lượt nó, hậu quả này lại tác động trở lại tinh thần chiến đấu và sức chiến đấu của đội quân xâm lược. Chính vì vậy mà mặc dù gánh nặng chiến tranh chưa phải đã đến mức làm cho Bắc-kinh không thể chịu nổi, song hàng loạt vấn đề lớn báo hiệu những nguy cơ về chính trị, quân sự, kinh tế, nếu bọn xâm lược tiếp tục tăng cường mở rộng chiến tranh, đã được đặt ra một cách gay gắt, khiến cho bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh không thể không rút quân.

Rõ ràng quân Trung-quốc xâm lược *đông nhưng không mạnh*.



Trong chiến tranh, khi xem xét chất lượng, chỗ mạnh chỗ yếu của một quân đội, bao giờ cũng phải xem xét cụ thể, trong mối quan hệ với một đối phương cụ thể mà quân đội đó phải đương đầu. Những nhược điểm, những chỗ yếu chi tử của quân Trung-quốc xâm lược đã lộ ra ngay từ đầu là vì trong cuộc chạm trán này, nó đã vấp phải một đối phương có những chỗ mạnh hơn hẳn nó.

Không phải ngẫu nhiên mà chỉ trong vài tuần xua quân vào xâm lược Việt-nam, những kẻ cầm quyền phản động Bắc-kinh đã phải ba bốn lần liên tiếp xuất hiện trước dư luận, tung ra những luận điệu, nào là đã « **pha bô** câu chuyện hoang đường về sự bách chiến bách thắng của Việt-nam », nào là Bắc-kinh đã « **sờ mông**

hồ » và « **nhận thấy** quân Việt-nam không phải là quá mạnh ».

Đây không phải chỉ là thủ đoạn che giấu thất bại, mà đây còn là trò chiến tranh tâm lý, nhằm trấn an tinh thần binh lính chúng đang hoang mang trước một đối phương mà, tuy đã có dè chừng song chúng vẫn chưa lường hết sức mạnh.

Một lần nữa, qua cuộc chiến đấu chống quân Trung-quốc xâm lược, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc của ta lại tỏ rõ tính vô địch và sức mạnh mới cao hơn so với chiến tranh nhân dân giải phóng đất nước.

Là những người chủ tập thể của cả nước và của từng địa phương, quân và dân ta đã chiến đấu trên thế mạnh — thế mạnh của cả nước và thế mạnh tại chỗ.

Trước cuộc tiến công ồ ạt, hầu như đồng loạt trong cùng một thời điểm trên toàn tuyến biên giới của hàng chục vạn quân chính quy Trung-quốc, quân và dân ta tại các tỉnh biên giới đã nhất tề đứng lên chiến đấu. Bộ đội và nhân dân cùng đánh, gái, trai, già, trẻ đều đánh. Giặc đi đến bất cứ đâu, là có ngay tiếng súng diệt giặc nổ tại đấy. Chúng càng tiến sâu vào đất ta thì nguy cơ bị tiêu diệt càng lớn.

Cả một dân tộc đã giành được quyền làm chủ và đang tiến lên chủ nghĩa xã hội, cho nên có ý chí chiến đấu rất kiên cường và có sức mạnh chiến đấu bảo vệ Tổ quốc rất cao.

Thực hiện quyền làm chủ để tiêu diệt địch, tiêu diệt địch để giữ vững quyền làm chủ; làm chủ bằng sức mạnh của tổ chức và tinh thần cách mạng triệt để; làm chủ từ tiền tuyến đến hậu phương; làm chủ từng chiến trường và làm chủ cả nước, quân và dân ta đã tạo nên sức mạnh tổng hợp kỳ diệu, to lớn, chẳng những hơn hẳn quân địch về sức mạnh chiến đấu, mà còn hơn quân địch cả về số lượng của hàng vạn, hàng triệu người cầm

súng chiến đấu, dù cho chúng là một đối quân rất đông.

Quy luật thép của chiến tranh là mạnh được yếu thua: bọn Trung-quốc xâm lược đã thua chính là vì ta mạnh, chúng nó đông mà không mạnh.

Chúng ta đã thắng vì chúng ta mạnh — mạnh cả về tinh thần, về sức chiến đấu. Dân tộc ta là một dân tộc anh hùng, có truyền thống chống ngoại xâm rất oanh liệt, được tôi luyện dày dạn trong hai cuộc kháng chiến chống hai đế quốc to, ngày nay cả nước đang cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội cho nên càng có thêm sức mạnh mới.

Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa chứa đựng những nhân tố thắng lợi mới, tạo nên sức mạnh vô địch của nhân dân ta.

Cuộc độ sức trong những ngày vừa qua không chỉ là cuộc độ sức giữa nhân dân ta và bọn Trung-quốc xâm lược, mà trên một ý nghĩa rộng lớn hơn, còn là cuộc độ sức giữa hai thế lực đối lập trong thời đại ngày nay — một bên là các lực lượng cách mạng và hòa bình mà đại diện là Việt-nam và một bên là các thế lực phản cách mạng bao gồm các thế lực đế quốc, bọn phản động, bọn phản cách mạng mà tên linh xung kích hung hăng của chúng là bọn bành trướng Bắc-kinh.

Phát động chiến tranh xâm lược Việt-nam, Bắc-kinh không phải đã không dự liệu sự phản ứng mạnh mẽ của dư luận thế giới.

Song, chúng vẫn tin rằng, khi đã có trong tay sự «bảo lãnh» của Mỹ và Nhật, lại dùng những thủ đoạn vu cáo, xuyên tạc, đánh lừa dư luận, thì chúng cũng có thể làm xong «một chuyện đã rồi», loài người mới kịp lên tiếng.

Mọi người đều biết, trước ngày 17-2, Đặng-Tiêu-Binh đã hối hả tiến hành những hoạt động ngoại giao dồn dập ở Oa-sinh-ton, Tô-ki-ô, đã nhận được sự đồng tình nếu không phải

là sự khuyến khích của Mỹ và Nhật, đối với mưu đồ xâm lược Việt-nam.

Từ sau khi phát động chiến tranh xâm lược nước ta, Bắc-kinh đã không ngớt tung ra luận điệu bịp bợm rằng «đây chỉ là một cuộc xung đột biên giới mang tính chất hạn chế về không gian và thời gian» nhằm thu nhỏ đến mức thấp nhất quy mô to lớn và tính chất cực kỳ nghiêm trọng của cuộc chiến tranh xâm lược, hòng ru ngủ dư luận thế giới, tạo ra một làn khói mù che đậy những hành động tội ác của chúng.

Đối với nhân dân Trung-quốc, bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh thực hiện chính sách bưng tai, bịt mõm, cấm ngặt nhân dân Trung-quốc tìm hiểu, bàn tán, phát biểu ý kiến về cuộc chiến tranh chống Việt-nam.

Song, trên mặt trận này, sự việc diễn biến cũng hoàn toàn bất ngờ đối với bọn xâm lược.

Ngay từ những giờ đầu sau khi cuộc chiến tranh xâm lược nổ ra, người ta đã nghe thấy vang khắp thế giới tiếng thét phản nộ «Không được đụng đến Việt-nam», «Trung-quốc phải chấm dứt ngay cuộc chiến tranh xâm lược và rút quân khỏi Việt-nam».

Một lần nữa, vấn đề Việt-nam lại nổi lên, trở thành vấn đề số 1 của thế giới.

Sự phản ứng của dư luận thế giới lần này còn nhanh, nhạy, rộng khắp hơn so với thời kỳ đế quốc Mỹ đưa quân viễn chinh vào miền Nam và leo thang chiến tranh, dùng không quân đánh phá miền Bắc Việt-nam.

Ngay tại Trung-quốc, dưới lưỡi lê, trước họng súng và các thủ đoạn đàn áp man rợ của Bắc-kinh, những người dân Trung-quốc trung thực đã cất lên tiếng nói phản đối mạnh mẽ cuộc chiến tranh tội ác của giới cầm quyền.

Không còn thủ đoạn xảo trá nào có thể che đậy nổi tính chất cực kỳ nghiêm trọng của cuộc chiến tranh mà Trung-quốc đã phát động chống

Việt-nam. Ngay từ những ngày đầu, nó đã bộc lộ đầy đủ bản chất phản động, phản bội và xâm lược.

Đối với nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa, các đảng cộng sản và công nhân, đây là sự phản bội cách mạng to lớn nhất, ghê tởm nhất trong lịch sử, chống chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản. Nó xé toang chiếc mặt nạ mác-xít giả hiệu mà bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh vẫn và vịu dề che giấu bộ mặt thật bỉ ổi của chúng.

Đối với các nước dân tộc chủ nghĩa, đây là một sự phỉ báng, chà đạp một cách ngạo mạn tất cả mọi pháp lý thông thường nhất về chủ quyền quốc gia và độc lập dân tộc. Người ta đã đặt câu hỏi: "Nếu ngày nay, Trung-quốc chưa hiện đại hóa mà đã tiến hành chiến tranh chống một nước Việt-nam có một tiềm lực quân sự vào loại khá trên thế giới, thì sau này khi Trung-quốc đã hiện đại hóa, họ sẽ đối xử thế nào với các nước nhỏ?" (báo *Pó-li-ti-ca*).

Đối với nhân dân thế giới, đây là một sự khiêu khích, thách thức nghiêm trọng đối với hòa bình và ổn định, làm cho người ta không thể không liên hệ tới luận điểm "chiến tranh thế giới thứ ba là không thể tránh khỏi" và các luận điệu hiếu chiến khác của Bắc-kinh.

Nhân dân thế giới, kể cả nhân dân cách mạng Trung-quốc đều nhận thức rõ ràng rằng Việt-nam chiến đấu chống cuộc chiến tranh xâm lược của Bắc-kinh không phải chỉ vì độc lập, tự do của Tổ quốc mình mà còn vì nghĩa vụ quốc tế, vì lợi ích của cách mạng thế giới, trong đó có lợi ích của chính nhân dân Trung-quốc.

Cuộc chiến tranh xâm lược của Trung-quốc chống Việt-nam là đỉnh cao của sự ngang ngược và hiếu chiến. Chính vì lẽ đó mà ngay các thế lực đế quốc bên trong tuy đồng tình song ngoài mặt vẫn phải làm ra vẻ

tách khỏi những hành động và những luận điệu của Bắc-kinh chung quanh cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam, để tránh cho họ khỏi bị cô lập trên thế giới.

Cùng với thực tế cay đắng nhận được trên chiến trường, Bắc-kinh đã nhận được một thực tế khác cũng không kém phần quan trọng. Đó là sức mạnh không thể xem thường được của nhân dân thế giới, sức mạnh của thời đại ngày nay.

Rõ ràng, trong thời đại ngày nay, khi mà lực lượng của ba đồng thác cách mạng đã vượt hẳn lên trên các lực lượng phản cách mạng, khi mà chủ nghĩa xã hội, độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình đã trở thành những mục tiêu đấu tranh trực tiếp, thành nguyện vọng tha thiết sâu xa của 4 tỷ người trên quả đất, thì không một hành động xâm lược và phản cách mạng nào lại có thể tránh được sự nổi giận, sự trừng phạt của nhân dân thế giới.



Bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh đã phải rút quân xâm lược về nước. Chúng đang đau đớn rút ra những bài học không thể nào quên về bước phiêu lưu quân sự ở Việt-nam. Nhưng mang nặng tư tưởng bành trướng, chúng chưa hẳn đã đủ tỉnh táo để rút ra những kết luận khôn ngoan.

Trong chiến tranh, không phải chỉ cần tính toán trường hợp kẻ địch còn tinh, mà còn phải tính toán cả trường hợp chúng điên. Cho nên nhân dân ta phải hết sức cảnh giác, sẵn sàng các phương án chiến đấu, quyết tâm giáng trả những đòn mãnh liệt hơn nữa, đánh bại hoàn toàn mọi bước phiêu lưu quân sự của chúng.

Mới đương đầu với các lực lượng địa phương và hoạt động cũng chỉ mới trong phạm vi 6 tỉnh, tập đoàn phản động Bắc-kinh đã phải sử dụng tới 60 vạn quân mà vẫn thua đau. Vậy thì đề hoạt động trên phạm vi

(Xem tiếp trang 78)

THẮNG LỢI TO LỚN CỦA LƯỢNG TRÍ VÀ ƯỚC VỌNG CỦA LOÀI NGƯỜI

LUU-QUÝ-KỶ



UÂN Trung-quốc xâm lược sau 30 ngày bị tổn thất nặng, đã phải rút khỏi nước ta.

Một cuộc chiến tranh do tập đoàn bành trướng, bá quyền Bắc-kinh tiến hành, nhằm biến Việt-nam thành một kiểu thuộc địa của Trung-quốc, đã thất bại thảm hại.

Dù cho tập đoàn phản động cầm quyền Trung-quốc còn có âm mưu và hành động mới chống nước Việt-nam xã hội chủ nghĩa mà chúng ta phải rất cảnh giác và sẵn sàng đối phó, lịch sử cũng đã ghi thêm *một thất bại nhục nhã của những thế lực bành trướng Trung-quốc xâm lược* mưu toan thôn tính nước láng giềng phía nam.

Lịch sử cũng ghi thêm *một thắng lợi oanh liệt của nhân dân Việt-nam và của cả loài người tiến bộ* trong cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, chống chủ nghĩa đế quốc và phản động quốc tế.

Đĩ nhiên, đây là cuộc đụng độ trực tiếp giữa Việt-nam và bọn phản động Trung-quốc cho nên *nhân tố quyết định thắng lợi* thuộc về cuộc chiến đấu

kiên cường bất khuất, anh dũng, đầy mưu trí của nhân dân và các lực lượng vũ trang nhân dân Việt-nam dưới sự lãnh đạo đúng đắn, đầy胆 kinh nghiệm và đầy sáng tạo của Đảng cộng sản Việt-nam. Nhưng, do hình thể và tinh chất quốc tế của cuộc chiến tranh Trung - Việt vừa qua (một bên là sự câu kết của tập đoàn phản động Bắc-kinh với đế quốc Mỹ, quân phiệt Nhật-bản và các thế lực phản động quốc tế khác, một bên là sự đoàn kết, hợp tác và hợp đồng đấu tranh của các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên toàn thế giới), chúng ta khẳng định rằng: đánh bại quân Trung-quốc xâm lược ở Việt-nam không phải chỉ là chiến công riêng của nhân dân Việt-nam ta mà còn là *công lao, thành tích, thắng lợi chung của các lực lượng cách mạng và cả loài người tiến bộ trên toàn thế giới*.

Cuộc chiến tranh xâm lược do tập đoàn phản động Bắc-kinh phát động với quy mô lớn (60 vạn quân, hàng trăm xe tăng, thiết giáp, hàng nghìn đại bác...) và với những thủ đoạn bịp bợm, gian ác về chính trị và quân sự,

đã bị thất bại thảm hại và nhanh chóng, trước hết là vì sức mạnh tổng hợp của Việt-nam, và tiếp đó là vì sức mạnh tổng hợp của các lực lượng chống đế quốc và phản động quốc tế trên phạm vi toàn thế giới đã giúp đỡ đắc lực cho Việt-nam.

Dưới đây, chúng ta thử xem xét thắng lợi to lớn này về mặt quốc tế của nó.



Sự phản ứng rất nhanh chóng, mạnh mẽ, rộng khắp của cả loài người tiến bộ đối với cuộc chiến tranh xâm lược của Trung-quốc chống Việt-nam là điều tất yếu trong thời đại ngày nay.

Có thể nói, trong quá trình đấu tranh của loài người nhằm bốn mục tiêu của thời đại ngày nay là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, chưa có lần nào mà nhân dân toàn thế giới đã phản ứng *nhanh chóng, kịp thời, sôi nổi, mạnh mẽ và sâu rộng khắp thế giới* đối với chiến tranh như lần này, khi Trung-quốc phát động chiến tranh xâm lược Việt-nam.

Tập đoàn phản động Bắc-kinh đã chọn một ngày cuối tuần (thứ bảy, 17-2) để phát động chiến tranh xâm lược Việt-nam với ảo tưởng là thế giới đang nghỉ cuối tuần, sự phản ứng quốc tế sẽ chậm vài ngày và Trung-quốc có thể làm được « việc đã rồi ». Nhưng, mặc dù châu Âu và Bắc Mỹ đang ở vào thời tiết rét đậm, đầy băng giá, nhân dân nhiều nước ở đây khi được tin đầu tiên về quân Trung-quốc xâm lược kéo vào toàn tuyến biên giới Việt-nam, đã đổ ra đường ngay ban đêm, kéo đến sứ quán Trung-quốc thét lên sự phẫn nộ của mình. Và sau đó, từ ngày chủ nhật 18-2, liên tục cho đến ngày quân Trung-quốc rút khỏi Việt-nam, nhân dân các nước, bằng nhiều hình thức

khác nhau, liên tục đấu tranh đòi quân Trung-quốc phải « *rút ngay, rút hết, rút không điều kiện khỏi Việt-nam* », đồng thời nêu cao ý chí « *đoàn kết ủng hộ Việt-nam, bảo vệ Việt-nam* ».

Hình thức đấu tranh của nhân dân thế giới chống Trung-quốc xâm lược và ủng hộ Việt-nam chống xâm lược rất *phong phú, mạnh mẽ, thiết thực, đầy hiệu lực*, từ lời nói đến hành động: tuyên bố danh thếp, kiên quyết, dứt khoát của Chính phủ và Đảng các nước xã hội chủ nghĩa; tuyên bố và quyết nghị của các tổ chức dân chủ quốc tế; điện văn, kiến nghị và thư tỏ rõ thái độ; đơn thỉnh nguyện sang chiến đấu bên cạnh Việt-nam; mít-tinh tuần hành biểu dương lực lượng trước các sứ quán Trung-quốc; in và phân phát truyền đơn, áp phích kêu gọi đoàn kết ủng hộ và bảo vệ Việt-nam; thành lập các ủy ban « *ngăn chặn Trung-quốc xâm lược Việt-nam* », lập lại các ủy ban « *đoàn kết với Việt-nam* »; tổ chức hiến máu, góp tiền và hiện vật gửi sang Việt-nam; tẩy chay việc bốc dỡ và chuyển chở hàng hóa cho Trung-quốc; từ chối làm chuyên gia cho Trung-quốc, v.v.

Các nước xã hội chủ nghĩa anh em, trước hết là Liên-xô, thực hiện Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Xô — Việt, đã nhanh chóng phối hợp chặt chẽ trên các mặt đấu tranh và đáp ứng đầy đủ yêu cầu của Việt-nam về vật chất, kỹ thuật và phương tiện cần thiết.

Chính phủ nhiều nước dân tộc chủ nghĩa và các phong trào đấu tranh vì độc lập dân tộc, tùy theo điều kiện và khả năng của mình, đã có những chủ trương và hành động thiết thực để tích cực góp phần ủng hộ Việt-nam và chặn tay bọn Trung-quốc xâm lược.

Hơn một trăm đảng cộng sản và công nhân trên thế giới và các tổ chức, phong trào cách mạng đã nhanh chóng lên án tập đoàn cầm quyền phản động Trung-quốc và tỏ rõ thái độ đoàn kết ủng hộ Việt-nam.

Các lực lượng hòa bình, dân chủ, và toàn thể loài người tiến bộ đều phản nộ trước cuộc chiến tranh xâm lược ghê tởm này.

Đặc biệt là cuộc « Hội nghị quốc tế khản cấp ủng hộ Việt-nam » họp ở Hen-xanh-ki ngày 6-3-1979, trong đó có đại biểu hơn một trăm nước và đoàn thể quốc tế tham gia triệu tập và tiến hành với một nhịp độ nhanh chóng kỷ lục, được xem như một « hội nghị Diên-hồng quốc tế », là bằng chứng hùng hồn về ý chí và quyết tâm của cả loài người tiến bộ đứng bên cạnh nhân dân Việt-nam chống Trung-quốc xâm lược.

Bản tuyên bố được nhất trí thông qua trong Hội nghị Hen-xanh-ki đã nói lên một cách đầy đủ lý do dẫn đến sự phản ứng nhanh chóng, mạnh mẽ và rộng khắp thế giới đối với cuộc chiến tranh xâm lược của Trung-quốc chống Việt-nam:

Đó là vì « cuộc tiến công xấu xa của các nhà cầm quyền Trung-quốc chống Việt-nam khiến mọi người ghê tởm. Nó giày vò lương tri loài người, vi phạm luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc. Nó đem lại chết chóc và tàn phá cho nhân dân Việt-nam... Cuộc chiến tranh xâm lược này là một tội ác nhơ bẩn, một thách thức lão xược đối với cả loài người; đồng thời là một bộ phận của cả âm mưu to lớn của chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động quốc tế chống hòa bình và độc lập dân tộc của các nước ».

Đó là vì cuộc chiến tranh xâm lược này nhằm thôn tính Việt-nam, mà « đất nước Việt-nam xã hội chủ nghĩa là thiêng liêng trong lòng loài người yêu chuộng hòa bình, tự do... Dừng cầm chống quân xâm lược, nhân dân Việt-nam đã bảo vệ danh dự của loài người chống bọn xâm lược và những kẻ xâm phạm tự do ».

Chính vì hai lý do trực tiếp trên đây — bản chất cực kỳ phản động của

cuộc chiến tranh xâm lược bần thiêu của Trung-quốc; tính chất chính nghĩa của cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc của Việt-nam — mà cả loài người lên cơn phản nộ mạnh mẽ chưa từng có, và « nước Việt-nam chiến đấu có bên cạnh mình một đội quân bách chiến bách thắng của dư luận thế giới ».

Cuộc biểu dương lực lượng vĩ đại này ở khắp mặt hành tinh của chúng ta là sự phản ứng tất yếu của lương tri trong thời đại cách mạng ngày nay, bởi vì, đúng như bản Tuyên bố của Chính phủ Liên-xô nhấn mạnh, « Không một người lương thiện nào trên thế giới, không một quốc gia có chủ quyền nào có thể đứng dưng trước việc quân Trung-quốc xâm lược lãnh thổ Việt-nam ».



Cuộc chiến tranh xâm lược của Trung-quốc chống Việt-nam làm cho nhân dân thế giới nhận thức rõ nguy cơ và hiểm họa của chủ nghĩa bành trướng Bắc-kinh.

Cách đây đúng 30 năm, nhân dân thế giới vô cùng phấn khởi chào mừng sự thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa, kết quả cuộc chiến đấu anh dũng của nhân dân Trung-quốc được sự giúp đỡ của cách mạng thế giới. Cả loài người tiến bộ hy vọng và tin tưởng rằng nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa sẽ góp phần to lớn vào sự phát triển của thế giới theo chiều hướng có lợi cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Nhưng, dần dần, niềm tin và hy vọng ấy giảm sút và giảm sút ngày càng nghiêm trọng. Bộ phận nhạy cảm nhất của các lực lượng cách mạng trên thế giới đã sớm nhận thức được những mưu toan xấu xa của các thế lực cầm quyền Trung-quốc nhằm liên minh với bọn đế quốc và phản động

quốc tế, hòng xóa bỏ thành quả cách mạng của nhân dân Trung-quốc, chống phá các phong trào cách mạng thế giới, thực hiện mộng bành trướng dân tộc lớn và bá quyền nước lớn.

“Ba ngọn cờ hồng” phá hoại nền kinh tế của nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa và cuộc “dại cách mạng văn hóa vô sản” giáng một đòn tàn bạo vào Đảng cộng sản, các đoàn thể cách mạng Trung-quốc, và chà đạp lợi ích sống còn của nhân dân Trung-quốc, đã làm cho các lực lượng cách mạng và nhân dân thế giới nhận thức rõ thêm một bước về sự phản bội của thế lực cầm quyền Trung-quốc đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Trung-quốc.

Việc mời Ních-xơn sang Trung-quốc năm 1972, vào thời điểm cao trào tiến công và nổi dậy của nhân dân Việt-nam chống đế quốc Mỹ xâm lược, cùng với sự xuất hiện của bản thông cáo chung Trung - Mỹ ở Thượng-hải năm 1972, đã cung cấp cho nhân dân thế giới thêm bằng chứng về sự cầu kết của tập đoàn cầm quyền Bắc-kinh với các thế lực đế quốc chủ nghĩa nhằm ngăn chặn sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt-nam, và ủng hộ đế quốc Mỹ duy trì chủ nghĩa thực dân mới và căn cứ quân sự của chúng ở Việt-nam, Đông-dương và Đông Nam châu Á.

Khi tập đoàn phản động Bắc-kinh công khai thừa nhận bọn diệt chủng Pôn Pốt - lừng Xa-ry mà cả thế giới nguyên rủa, là đồng minh và bạn bè thân thiết của chúng, và nhất là khi chúng tuyên bố trắng trợn là sẽ đứng bên cạnh bọn Pôn Pốt - lừng Xa-ry trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam từ phía tây - nam, thì thế giới càng nhận rõ thêm mưu đồ bành trướng của tập đoàn cầm quyền Trung-quốc. *Chính tập đoàn này là kẻ đã xâm lược Cam-pu-chia, biến Cam-pu-chia thành thuộc địa của Trung-quốc, dùng bọn Pôn Pốt - lừng Xa-ry làm công cụ để chống Việt-nam, phá*

hoại sự đoàn kết của nhân dân ba nước Đông-dương, — bước đầu của kế hoạch nô dịch và thôn tính Đông Nam châu Á.

Cho đến ngày 17 tháng 2 năm nay, khi mấy chục vạn quân Trung-quốc với hàng trăm xe tăng, hàng nghìn đại bác, kéo vào toàn tuyến biên giới phía bắc Việt-nam, phát động cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam với quy mô lớn, thì tất cả những người cách mạng chân chính, những người yêu chuộng hòa bình, công lý và chính nghĩa, những người còn có lương tri trên toàn thế giới nhận thức được rõ ràng hơn nữa về mối nguy cơ và hiểm họa do chính sách của thế lực phản động đương quyền Trung-quốc đem lại cho loài người.

Với cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam, tập đoàn cầm quyền Trung-quốc đã lộ nguyên hình là *kẻ thù nguy hiểm* của toàn bộ hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, phong trào độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình ở Đông-dương, Đông Nam châu Á và toàn thế giới: là kẻ thù của sự tiến bộ và phồn vinh của các dân tộc.

Lên án cuộc chiến tranh xâm lược của Trung-quốc chống Việt-nam lần này, dư luận thế giới không phải chỉ lên án một cuộc chiến tranh riêng lẻ mà còn đề cập ngày càng nhiều đến tham vọng bành trướng và bá quyền của tập đoàn phản cách mạng đương quyền Trung-quốc. Rõ ràng là tiến công thô bạo và bí hiểm nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, bọn phản động Bắc-kinh đang phối hợp chiến lược với chủ nghĩa đế quốc, trước hết là Mỹ, nhằm thôn tính các nước Đông-dương và Đông Nam châu Á, thiết lập hệ thống thực dân của chúng ở vùng này để phân chia lại khu vực ảnh hưởng của chúng ở châu Á và các nơi khác.

Trong nhiều cuộc biểu tình của nhân dân các nước nhằm ủng hộ và bảo vệ Việt-nam chống quân Trung-

quốc xâm lược, đã vang lên những khẩu hiệu như: « Bề gãy trục Oa-sinh-ton — Bắc-kinh — Tô-ki-ô! », « Trung-quốc là bạn của Pi-nô-chê và Mô-bu-tu! », « Trung-quốc là phát xít và giết người! », « Trung-quốc là kẻ gây chiến và xâm lược! », « Trung-quốc là kẻ thù của hòa bình và chủ nghĩa xã hội! », « Nhục nhã thay bọn Trung-quốc xâm lược! ».

Lên án cuộc chiến tranh của Trung-quốc xâm lược Việt-nam, nhân dân thế giới đã vạch mặt tập đoàn phản động Bắc-kinh là một thế lực đế quốc và phản động quốc tế, là kẻ thù nguy hiểm của hòa bình và độc lập dân tộc; đường lối và chính sách của Bắc-kinh là nguy cơ và hiểm họa mà cả loài người phải nhất tề đứng lên chống lại.

Lên án cuộc chiến tranh xâm lược của Trung-quốc chống Việt-nam cũng là lên án tập đoàn cầm quyền Trung-quốc phá hoại tình hữu nghị lâu đời giữa các dân tộc và giữa nhân dân các nước láng giềng. Cuộc chiến tranh xâm lược của Trung-quốc chống Việt-nam, mặc dù bị Bắc-kinh che giấu, bưng bít, cũng làm cho một bộ phận nhân dân Trung-quốc hiểu được bọn cầm quyền Trung-quốc đã đi ngược lại nguyện vọng, ý chí và lợi ích của họ. Bằng cách này hay cách khác, nhân dân Trung-quốc đã tỏ ra không đồng tình với cuộc chiến tranh xâm lược của bọn phản động Bắc-kinh chống Việt-nam. Mặt khác, do thất bại nặng ở chiến trường, nội bộ những người cầm quyền Trung-quốc, dân sự và quân sự, cũng thêm lung củng.



Phong trào nhân dân thế giới đoàn kết, ủng hộ và bảo vệ Việt-nam chống Trung-quốc xâm lược là sự tập hợp mới của các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên toàn thế giới chống chủ nghĩa đế quốc và phản động quốc tế.

Cuộc chiến tranh xâm lược của Trung-quốc chống Việt-nam, tuy diễn ra ở rừng núi phía bắc Việt-nam, nhưng đã nhanh chóng làm cho nhân dân khắp mặt địa cầu xúc động và hành động. Sở dĩ như vậy là vì nhân dân các nước nhận thức rằng *hòa bình không thể chia xẻ được*. Hòa bình ở Việt-nam, Đông-dương, Đông Nam châu Á cũng như hòa bình ở các khu vực khác đều gắn liền với nhau một cách hữu cơ. Cuộc chiến tranh diễn ra ở nơi này hay nơi kia đều có khả năng lan rộng và có nguy cơ dẫn đến một cuộc chiến tranh trên phạm vi thế giới. Vì vậy, cả loài người đều quan tâm.

Cuộc đấu tranh cho hòa bình lại *gắn liền với cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội*. Chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động quốc tế gây chiến tranh với mưu đồ can thiệp, thôn tính, xâm lược, đã xâm phạm đến độc lập tự do, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của dân tộc khác. Còn các dân tộc tiến hành cuộc chiến tranh giải phóng hay chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, chính là nhằm giành lại và giữ lấy các quyền cơ bản của dân tộc, bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc mình. Vì vậy, một nền hòa bình thật sự và lâu dài chỉ có thể bảo đảm được trên cơ sở của những mối quan hệ bình đẳng giữa các nước, sự tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của các dân tộc, trong đó mỗi dân tộc được tự do chọn lấy lối sống và chế độ xã hội của mình, không có sự can thiệp của nước ngoài.

Nhân dân thế giới ngày càng hiểu rõ rằng tập đoàn cầm quyền Bắc-kinh phát động chiến tranh chống Việt-nam chính là nhằm ép buộc Việt-nam từ bỏ chính sách độc lập tự chủ của mình để đi vào quỹ đạo chính trị phản động của chúng.

Cuộc chiến tranh xâm lược của Trung-quốc chống Việt-nam đã hội tụ đầy đủ và ở mức độ cao những

nhân tố đối kháng với bốn mục tiêu của thời đại, thù địch với tất cả các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên toàn thế giới, đe dọa hòa bình và hạnh phúc của cả loài người. Vì vậy, phong trào rộng lớn, mạnh mẽ của nhân dân thế giới ủng hộ và bảo vệ Việt-nam, chống Trung-quốc xâm lược là sự *tập hợp mới của các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới* trong cuộc đấu tranh gay gắt giữa một bên là các thế lực đế quốc chủ nghĩa và phản động quốc tế với một bên là các lực lượng đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Trước đây, trong thời kỳ nhân dân ta kháng chiến chống Mỹ, cuộc đấu tranh gay gắt ấy đã dẫn đến sự hình thành một mặt trận rộng rãi của nhân dân thế giới ủng hộ Việt-nam chống chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ. Ngày nay, khi chủ nghĩa bành trướng và bá quyền Bắc-kinh công khai trắng trợn câu kết với chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động khác, điên cuồng gây chiến tranh, chà đạp thô bạo luật pháp và những nguyên tắc sơ đẳng trong quan hệ quốc tế, đẩy xéo độc lập tự do của dân tộc khác, xâm lấn lãnh thổ nước khác, gây nhiều tội ác dã man đối với tính mạng và tài sản con người... thì phong trào nhân dân thế giới đoàn kết ủng hộ và bảo vệ Việt-nam lại tiến đến một sự tập hợp mới, rộng lớn hơn, mạnh mẽ hơn, có chất lượng cao hơn của các lực lượng đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và phản động quốc tế.

Trong sự tập hợp mới này, lực lượng đang quyết định nội dung chủ yếu, phương hướng chủ yếu và những đặc điểm chủ yếu của lịch sử phát triển của xã hội loài người, vẫn là *ba dòng thác cách mạng*: hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới; phong trào độc lập dân tộc; phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa.

Thái độ kiên quyết với sức mạnh của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác có một tầm quan trọng đặc biệt, khẳng định trước toàn thế giới một chân lý: Liên-xô và cả hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới là thành trì vững chắc, là chỗ dựa đáng tin cậy của hòa bình và cách mạng thế giới. Nhân dân ba nước Đông-dương đập tan mưu đồ chia rẽ của kẻ thù chung, lại một lần nữa đoàn kết chặt chẽ cùng nhau chiến đấu chống ngoại xâm.

Thêm vào ba dòng thác cách mạng là các tầng lớp nhân dân yêu chuộng hòa bình, chính nghĩa và công lý (với những khuynh hướng, tư tưởng và tín ngưỡng khác nhau); những tập thể và cá nhân chống chủ nghĩa đế quốc, thực dân phát-xít, độc tài quân phiệt, phân biệt chủng tộc và xi-ô-nít... đã tham gia dòng chảy vào cao trào này.

Những điều đáng chú ý trong sự tập hợp mới của các lực lượng chống đế quốc và phản động quốc tế lần này là:

Trước những bằng chứng rõ ràng và cụ thể về bản chất xấu xa của tập đoàn phản động Bắc-kinh, hầu hết các tổ chức, phong trào cách mạng, các đoàn thể dân chủ đã công khai lên án ban lãnh đạo Trung-quốc và tích cực đoàn kết với Việt-nam, ủng hộ và bảo vệ Việt-nam.

Nhiều chính phủ những nước dân tộc chủ nghĩa, trước đây có thái độ dè dặt với Bắc-kinh, thì nay đã lên án mạnh mẽ cuộc chiến tranh xâm lược của Trung-quốc chống Việt-nam

Chính phủ những nước Đông Nam châu Á, trước đây, trong thời kỳ đế quốc Mỹ xâm lược Việt-nam, là thành viên chính thức của khối quân sự Đông Nam châu Á (SEATO) do Mỹ lập ra nhằm chống Việt-nam, trong đó có một số nước đã từng đưa quân sang đánh Việt-nam, thì nay tuy còn điều này điều khác mang tính

chất tiêu cực, nhưng đã tuyên bố công khai là « trung lập » và tỏ ra lo lắng về cuộc chiến tranh xâm lược của Trung-quốc, chống Việt-nam. Với mức độ khác nhau, ở các nước này đã có những tiếng nói phê phán Trung-quốc xâm lược Việt-nam.

Chính phủ nhiều nước tư bản chủ nghĩa tỏ ra lo ngại về nguy cơ chiến tranh rộng lớn do cuộc xâm lược vũ trang của Trung-quốc có thể dẫn đến. Ngay cả một số nước đế quốc chủ nghĩa đã đồng tình với Trung-quốc phát động chiến tranh xâm lược Việt-nam cũng không dám công khai bênh vực Trung-quốc.

Có thể nói rằng về mặt quốc tế, tập đoàn phản động Bắc-kinh hoàn toàn cô lập.



Bị thất bại nặng nề, nhục nhã, nhưng tập đoàn cầm quyền Trung-quốc vẫn chưa từ bỏ mưu đồ bành trướng và bá quyền. Nhân dân thế giới còn cảnh giác và tiếp tục đấu tranh.

Bị tổn thất nặng ở chiến trường, bị cô lập trên thế giới, bị nhân dân Trung-quốc phản đối, tập đoàn cầm quyền phản động Bắc-kinh đã phải rút quân sau 30 ngày tiến hành cuộc chiến tranh bành trướng chống Việt-nam.

Nhưng, chưa có một bằng chứng nào chỉ rõ là chúng đã từ bỏ ý chí xâm lược và mưu đồ bành trướng. Bọn chúng vẫn còn cố chiếm giữ nhiều điền thổ lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, tiếp tục tăng cường lực lượng vũ trang dọc biên giới Việt-nam trên đất liền và trên mặt biển, hòng chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh xâm lược mới. Bọn chúng vẫn tiếp tục nêu ra những đòi hỏi vô lý, không có cơ sở thực tế, đối với một số vùng, một số hòn đảo thuộc lãnh thổ Việt-nam. Đồng thời, bọn chúng triển khai sự uy hiếp đối

với nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào về quân sự và chính trị; ra sức tăng viện cho tàn quân của bè lũ Pôn Pốt — lénh Xa-ry nhằm chống nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia.

Mặt khác, bộ máy tuyên truyền của Bắc-kinh vẫn tiếp tục lừa dối, bịp bợm, xuyên tạc và vu cáo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam nhằm đánh lạc hướng dư luận quốc tế.

Trước tình hình đó, nhân dân Việt-nam, nhân dân toàn thế giới đang tăng cường cảnh giác tăng cường đoàn kết đấu tranh, đòi phía Trung-quốc phải rút hết quân đội rakhỏi lãnh thổ Việt-nam, chấm dứt hoàn toàn và vĩnh viễn mọi hành động xâm lược Việt-nam và các nước khác trên bán đảo Đông-dương.

Thắng lợi to lớn vừa qua của nhân dân Việt-nam và của cả loài người tiến bộ trong cuộc đấu đấu với quân Trung-quốc xâm lược, tuy mới là bước đầu, nhưng có một ý nghĩa quan trọng và chứng minh một cách hùng hồn rằng: cục diện thế giới ngày nay rất tốt đẹp, rất thuận lợi cho sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Ba dòng thác cách mạng và các lực lượng hòa bình, tiến bộ trên toàn thế giới đã mạnh hơn hẳn các thế lực đế quốc chủ nghĩa và phản động quốc tế.

Chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ đã ngày càng suy yếu sau khi Mỹ thất bại hoàn toàn ở Việt-nam. Chủ nghĩa bành trướng và bá quyền Bắc-kinh đã thất bại nặng nề, nhục nhã ở Cam-pu-chia và ở Việt-nam vừa qua. Điều đó chứng tỏ rằng bọn chúng không mạnh và đang đứng trước những khó khăn về chính trị, kinh tế và quân sự không thể vượt qua được. Nguy cơ chiến tranh tuy còn, nhưng đoàn kết đấu tranh kiên quyết và mạnh mẽ, các lực lượng hòa bình và tiến bộ trên thế giới nhất định có thể dập tan những mưu đồ

(Xem tiếp trang 78)

CUỘC XÂM LƯỢC CỦA TRUNG-QUỐC: SỰ PHÂN VAI GIỮA BỌN BÀNH TRƯỞNG BẮC-KINH VÀ BỌN ĐẾ QUỐC

LÊ-QUÝ

NGAY từ đầu, khi bọn bành trướng Trung-quốc xua quân sang xâm lược nước ta trên toàn tuyến biên giới từ Quảng-ninh đến Lai-châu. Đảng ta đã nhận định rằng trong âm mưu này, bọn bành trướng Trung-quốc đã được sự tán thành, khuyến khích và đồng lõa của bọn đế quốc và phản động quốc tế, mà rõ nhất là Mỹ và Nhật.



Cuộc xâm lược của Trung-quốc chỉ bắt đầu sau khi Đặng-Tiêu-Bình đi thăm Mỹ và trên đường về lại ghé thăm Nhật mấy hôm.

Lần này, sự xâm lược của bọn bành trướng Trung-quốc gặp phải sự lên án của dư luận thế giới rất nhanh và rất mạnh. Cho nên bọn đế quốc và các bọn phản động khác trong lòng vui mừng phần khởi, nhưng không dám công khai ra mặt ủng hộ Trung-quốc. Tuy vậy, trên mặt trận tuyên truyền chúng đã ra sức giúp đỡ và khuyến khích bọn Trung-quốc, bằng bước đi lắt léo, được tính toán chỉ li.

Thật vậy, ngay sau khi nói một cách miên cưỡng và qua loa rằng Mỹ

không tán thành « hành động » của Trung-quốc thì Mỹ và các bọn phản động khác vội vàng tìm mọi cách để khuyến khích và bao che cuộc xâm lược của bọn phản động Trung-quốc. Trong khi dư luận thế giới đang phản nộ lên án bọn bành trướng Trung-quốc và đòi các nước trên thế giới phải tỏ thái độ phản đối bọn xâm lược thì Mỹ đã cử bộ trưởng tài chính Blu-măng-tan sang Bắc-kinh để chứng tỏ rằng mặc dù có việc Trung-quốc xâm lược Việt-nam, nhưng đối với Mỹ, coi như không có việc gì xảy ra cả! Người ta nhắc lại rằng Mỹ đã không có thái độ « bình tĩnh và khách quan » như vậy cách đây hai tháng, khi nhân dân Cam-pu-chia nổi dậy đánh đuổi bọn Pôn Pốt — Iêng Xa-ry và Việt-nam tích cực ủng hộ cuộc nổi dậy đó, khi đó, Mỹ đã không cho phép một đoàn nghị sĩ Mỹ sang thăm Việt-nam như kế hoạch đã định trước.

Rồi trong khi bọn bành trướng Bắc-kinh đang nơm nớp lo sợ sự phản ứng của các nước trước hành động ăn cướp của Trung-quốc thì cả Ca-tơ và bộ ngoại giao Mỹ phân bua rằng Mỹ « trung lập » trước việc Trung-quốc xâm lược Việt-nam và đã không ngớt lời kêu gọi « các nước lớn

phải hết sức **tự kiềm chế**, phải **« hết sức thận trọng »** trong phản ứng của họ... Và hình như thấy những lời kêu gọi đó chưa đủ làm yên lòng bọn **bành trướng Bắc-kinh**, họ còn cho một số **phòng viên phương Tây ở Bắc-kinh** tung một tin vịt là **« các đại biểu Trung-quốc, Mỹ và Liên-xô đã tiến hành các cuộc thương lượng bí mật về tình hình khủng hoảng ở Đông-dương »**. Bằng thủ đoạn xảo quyệt này, chúng bồng một mặt trấn an bọn xâm lược Bắc-kinh, mặt khác gieo rắc nghi ngờ trong hàng ngũ đồng đảng những người ủng hộ Việt-nam. Và cái tin đó đã bị báo **Sự thật (Liên-xô)** bác bỏ.

Nhiều nhà quan sát quốc tế nhận xét rằng trong khi Trung-quốc, một nước lớn đang ồ ạt đưa quân xâm lược một nước nhỏ như Việt-nam, mà Mỹ lại tuyên bố là **« trung lập »** và kêu gọi **« các nước khác phải hết sức kiềm chế trong phản ứng của họ »**, thì có khác nào một người thấy một tên còn đồ hung dữ đang cướp của, đốt nhà người láng giềng, mà lại hô hào đừng ai can thiệp vào! Trong trường hợp này thái độ gọi là **« trung lập »** và lời kêu gọi **« tự kiềm chế »** của Mỹ thật là một sự ủng hộ quý báu, một sự tiếp tay đối với bọn Trung-quốc xâm lược vậy.

Ngày 17-2 khi đưa hàng chục vạn quân ồ ạt tiến công xâm lược nước ta, bọn phản động Trung-quốc có ý đồ rõ ràng nhằm đè bẹp sức kháng cự của chúng ta, thực hiện kế hoạch thôn tính nước ta, từ đó chinh phục cả Đông-dương, Đông Nam châu Á và tiến lên làm bá chủ thế giới. Nhưng vừa mới vượt qua biên giới, liền bị ngay quân và dân ta đánh cho những đòn mạnh mẽ, và bị búa rìu dư luận khắp thế giới đập cho tui bụi, bọn **bành trướng Bắc-kinh** thấy ngay Việt-nam là một miếng mồi khó nhá cho nên vài ngày sau chúng đã phải hạ giọng đề hòng làm dịu bớt phản ứng quốc tế, đồng thời từng bước chuẩn

bị cho một cuộc rút lui mà không mất mặt lắm. Chính vì vậy mà từ chỗ hung hăng khoáng lạc: **« cho Việt-nam một bài học »**, **« Đặng-Tiểu-Binh và bè lũ đã phải thanh minh rằng: « Cuộc hành quân này là hạn chế về không gian và thời gian », rằng « mục tiêu cuộc hành quân này là hạn chế », rằng « cuộc hành quân này sẽ không kéo dài »...** Rất nhạy cảm với tình thế khốn quẫn của ông bạn đồng minh Trung-quốc đang bị kẹt trong tò ong vò vẽ Việt-nam, bọn đồng lõa Nhật rồi Mỹ vội vàng hừng ngay cái bài ca **« rút quân »** mà Trung-quốc vừa tung ra. Hãng thông tấn Nhật Ki-ô-đô ngay từ đầu tháng 3-1979, phụ họa luôn: **« Trung-quốc đã quyết định chấm dứt chiến tranh với Việt-nam. Quyết định trên đã được Quân ủy trực thuộc Trung ương Đảng cộng sản Trung-quốc thông qua »**. « Liên sau đó, đài « Tiếng nói Hoa-kỳ » cũng nói thêm: **« Giới lãnh đạo Trung-quốc đã nhắc lại rằng Trung-quốc sẽ rút quân trong một vài ngày nữa... »**.

Trên mặt trận hướng dẫn dư luận vừa qua, giữa bọn **bành trướng Trung-quốc** và bọn **đế quốc**, nhất là Mỹ và Nhật, có một sự phối hợp khá nhịp nhàng và một sự phản công khá tỉ mỉ. Sau khi bị buột lòng phải đưa ra bản hợp xướng **« rút quân »** thì bọn **bành trướng Trung-quốc** và bọn **đế quốc** đã đề lộ ngay tim đen của chúng bằng cách gán ngay vào việc rút quân Trung-quốc một sự mà cả bản thối: **« Trung-quốc rút quân khỏi Việt-nam thì Việt-nam cũng phải rút quân khỏi Cam-pu-chia »**.

Sự mà cả này quá trắng trợn và bao hàm một sự thừa nhận thất bại đau đớn của bọn **bành trướng Bắc-kinh ở Cam-pu-chia**, cho nên lúc đầu Bắc-kinh không dám trực tiếp đưa ra. Sự thật thì đã có Mỹ, Nhật và các nước đế quốc khác đặt vấn đề hộ cho chúng rồi. Ngay khi bọn phản động Trung-quốc mới điều quân xâm lược Việt-nam, thì các nhà cầm quyền Mỹ

và Nhật liền gọi ý ngay là theo họ cách giải quyết tốt nhất là «Trung-quốc phải rút quân khỏi Việt-nam và Việt-nam phải rút quân ngay khỏi Cam-pu-chia».

Bị thất bại thảm hại trên chiến trường và đứng trước đòi hỏi mạnh mẽ và cấp bách của dư luận thế giới, Trung-quốc đã phải tuyên bố rút quân khỏi Việt-nam, nhưng không quên «tỏ lòng mong mỏi rằng dư luận quốc tế cũng sẽ yêu cầu Việt-nam rút quân khỏi Cam-pu-chia». Đáp lại lập tức «lòng mong mỏi» đó của Trung-quốc, ngoại trưởng Nhật Sô-nô-da và một số quan chức ở Tòa nhà trắng đã vội vàng phụ họa: «Trung-quốc đã rút hết quân khỏi Việt-nam thì nay đến lượt Việt-nam cũng phải rút hết quân khỏi Cam-pu-chia»! Đế quốc Mỹ đã gây sức ép và vận động một số nước ở Đông Nam châu Á cũng đưa ra vấn đề đó nhưng dưới một hình thức kín đáo hơn, mập mờ hơn, nào là «yêu cầu phải giải quyết vấn đề xung đột vũ trang ở Đông-dương», nào là «muốn giải quyết tình hình căng thẳng ở vùng này thì phải giải quyết vấn đề Cam-pu-chia», nào là «tất cả các bên liên quan ngừng xung đột và rút quân về...»!

Tất nhiên sự sốt sắng quá mức của bọn đế quốc đối với bọn phản động Trung-quốc không phải là vô tư. Từ báo *Thế giới* của Cộng hòa liên bang Đức, số ra ngày 16-3-1979 đã cho biết: «Đề nghị của Ca-tô về việc «đồng thời rút quân khỏi Cam-pu-chia và khỏi Việt-nam» được đón nhận ở Trung-quốc như một hành động hỗ trợ quốc tế quý báu. Đề nghị đó hiện đang được Trung-quốc trả ơn hậu hĩ».



Ngày nay thì sự câu kết và đồng lõa giữa bọn hành trưởng Trung-quốc và bọn đế quốc, nhất là đế quốc Mỹ,

trong việc Trung-quốc xâm lược Việt-nam không còn là một bí mật gì nữa. Tạp chí *Phi Á* xuất bản ở Pháp số ra ngày 5-3-1979 khẳng định: «Phải nói ngay rằng vụ thảm khốc này (việc Trung-quốc xâm lược Việt-nam) bắt nguồn từ Oa-sinh-ton cũng bằng, nếu không nói là nhiều hơn, từ Bắc-kinh».

Nhiều nhà ngoại giao nước ngoài vạch rõ rằng Bắc-kinh và Oa-sinh-ton đã câu kết với nhau chặt chẽ trong chiến lược xâm lăng này. Chính thượng nghị sĩ Mỹ Các-lốt Póc-xý đã nói rằng: «Giờ đây chúng ta mới hiểu tại sao Trung-quốc lại vội vã bình thường hóa quan hệ với Mỹ như vậy!».

Âm mưu của đế quốc Mỹ lợi dụng Trung-quốc để đánh phá phong trào cách mạng trước hết là ở vùng Đông Nam châu Á này, không phải là mới có ngày một ngày hai. Ngay từ những năm 1972, 1973, khi thấy rõ nguy cơ bị thất bại nặng nề ở Việt-nam, Ních-xon và quân sự của y là Kít-xinh-giơ đã đề ra nhiều âm mưu, thủ đoạn, trong đó có việc «tạo những điều kiện có thể gây ra hoặc xung đột giữa các nước mới được giải phóng hoặc can thiệp quân sự của Trung-quốc chống Việt-nam».

Tạp chí *Phi Á* cũng trong số ra ngày 5-3 đã kể lại sự việc sau đây: «Kít-xinh-giơ đã có lần thân nhiên thủ nhận điều đó với một nhà lãnh đạo một nước châu Âu trung lập: «Còn gì đẹp hơn nếu chúng ta được nhìn thấy cảnh tượng xung đột giữa Liên-xô, Trung-quốc và đồng minh của họ. Và nếu lại là Trung-quốc tiến công Việt-nam thì đối với chúng ta kết quả lại tốt đẹp gấp đôi: Việt-nam sẽ mất máu một lần nữa và Trung-quốc dưới con mắt các dân tộc châu Á và các nước thế giới thứ ba sẽ là một siêu cường quốc quân phiệt, hung hăng, bá quyền và có khả năng áp bức các nước láng giềng nhỏ yếu hơn...».

Ngay sau khi chiến tranh của Mỹ xâm lược Việt-nam chấm dứt, Kít-xinh-giơ đã làm đủ mọi cách để khơi sâu thêm mâu thuẫn Trung - Việt và Kít-xinh-giơ đã gửi gắm nhiều hy vọng của mình vào con ngựa chiến Trung-quốc. Thực tế gần đây đã cho thấy là con ngựa chiến Bắc-kinh đã không phụ lòng tin tưởng của quân sự họ Kít của nó. Điều này cắt nghĩa tại sao trong cuộc đi thăm Mỹ trước khi bắt đầu cuộc xâm lược Việt-nam, Đặng-Tiêu-Bình đã nằng nặc đòi gấp cho được Ních-xơn và Kít-xinh-giơ và đòi phải mời họ dự các buổi chiêu đãi chính thức ở Nhà trắng mặc dù bấy giờ họ không giữ một chức vụ gì trong bộ máy chính quyền Mỹ cả.

Việc Trung-quốc xâm lược Việt-nam đối với Mỹ rõ ràng không phải là một điều bất ngờ. Ngay từ tháng 12-1975, trong một bài đăng trong tạp chí Mỹ *Rt-dơ Đại-giết*, Giô-đép An-xốp, nhà bình luận rất thân cận với Lầu năm góc, đã đưa tin là nhất định Trung-quốc sẽ tiến đánh Việt-nam. An-xốp viết: « Chúng ta ngăm trở thành đồng đội của người Trung-quốc một cách kỳ lạ » Từ đó đến nay Mỹ không phải chỉ « ngăm trở thành đồng đội của người Trung-quốc », Mỹ và Trung-quốc đã công khai câu kết với nhau. Đầu năm 1978, Brê-din-xki, người đứng đầu Hội đồng an ninh quốc gia Mỹ đã thuyết phục Ca-tơ chơi con bài Trung-quốc « đến cùng ». Phái viên đặc biệt này của Ca-tơ khi sang thăm Bắc-kinh còn bảo đảm với Trung-quốc rằng « Mỹ sẽ ủng hộ tất cả những gì Trung-quốc sẽ tiến hành để làm thất bại Việt-nam ».

Khi sang Mỹ, Đặng-Tiêu-Bình đã trình bày rõ với Mỹ về kế hoạch xâm lược Việt-nam và đã được Mỹ « bật đèn xanh » cho làm. Với những chi tiết cụ thể, bài báo của nhà báo Hô-xê Ma-nu-en Na-vát đăng trên tờ *Êt-xen-xi-ô* (Mê-hi-cô) cho thấy chính phủ Mỹ đã biết các kế hoạch của

Trung-quốc tám ngày trước khi phát động cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam. Nhà báo Na-vát viết: « Các cơ quan tình báo Mỹ đã gửi tài liệu chiến lược này - số lượng các sự đoán và các thiết bị mà Trung-quốc sẽ sử dụng trong cuộc xâm lược - cho Lầu năm góc và đã miêu tả một cách chính xác các kế hoạch quân sự của Trung-quốc tám ngày trước khi cuộc tiến công xâm lược nổ ra ». Một số tờ báo còn đề lộ « bí mật » sau đây: Tổng thống Ca-tơ rất khoái chí vì trong những lúc tâm sự với nhau, Đặng-Tiêu-Bình đã thổ lộ rằng Trung-quốc muốn « cho Việt-nam một bài học » cũng là để trả thù Việt-nam đã dám đánh thắng Mỹ năm 1975 làm sụp đổ sự mà cả Trung - Mỹ được ghi trong Thông cáo Thượng-hải năm 1972, khi Ních-xơn và Kít-xinh-giơ đến thăm Trung-quốc. Và thế là rõ ràng: bọn phản động cầm quyền Bắc-kinh đã đóng vai một tên sen đầm của bọn đế quốc là « trừng phạt Việt-nam chỉ vì Việt-nam đã chiến thắng Mỹ hồi 1975 » (báo *Người chính khách mới* (Anh) ngày 29-2-1979).



Vì vậy thất bại của bọn xâm lược Trung-quốc lần này ở Việt-nam là một thất bại chung rất đau đớn của chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động quốc tế. Thất bại này đã làm phá sản một phần cuộc buôn bán bản thân giữa bọn đế quốc và bọn phản động Trung-quốc.

Tuy vậy, đối với bọn này, cũng cần phải nhắc lại nhiều lần nữa lời cảnh cáo đã được ghi trong Thông cáo của Bộ quốc phòng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam ngày 19-3-1979: « Bọn phản động Trung-quốc tàn ác và ngạo mạn và tất cả bọn hiếu chiến xâm lược đồng lõa của chúng hãy nhớ kỹ bài học này: kẻ nào xâm lược Việt-nam nhất định sẽ bị thất bại nhục nhã ».

NHÂN DÂN LÀO KIÊN QUYẾT BẢO VỆ ĐỘC LẬP, CHỦ QUYỀN VÀ TOÀN VỆN LÃNH THỔ CỦA MÌNH

THANH - SƠN

TRONG mưu đồ xâm lược và bành trướng xuống Đông Nam châu Á của bọn cầm quyền phản động ở Bắc-kinh, Lào cũng là một trong những mục tiêu hàng đầu và trực tiếp của chúng.

Các nhà chiến lược bành trướng ở Trung-nam-hải coi Lào là một địa bàn lý tưởng trên bán đảo Đông-dương. Tuy Lào là nước nhỏ, số dân chỉ hơn 3 triệu, nhưng lại có hơn 4700 km biên giới tiếp giáp Việt-nam, Cam-pu-chia, Thái-lan, Miến-diện và Trung-quốc, có nhiều tài nguyên phong phú, đặc biệt là khoáng sản, có vị trí chiến lược quan trọng. Ở Lào lại có mấy vạn Hoa kiều và mấy chục vạn dân tộc ít người vốn có nguồn gốc từ Trung-quốc, cư trú tập trung ở các tỉnh Bắc Lào, đây là đối tượng mà bọn cầm quyền phản động Trung-quốc hy vọng có thể khai thác sử dụng để phục vụ cho âm mưu đen tối của chúng.

Vì thế, từ lâu, những kẻ cầm quyền ở Bắc-kinh đã tìm mọi cách hòng khuất phục và đưa Lào vào quỹ đạo của chúng, hồng liên kết Lào với Cam-pu-chia thành một cái trục đường chiến lược nối cao nguyên Vân-nam

(Trung-quốc) đến bờ vịnh Thái-lan. Năm được Lào, chúng có thể uy hiếp sườn phía tây của Việt-nam và sườn phía đông của Vương quốc Thái-lan. Vì vậy Lào là một đầu cầu rất lợi hại để chúng bành trướng xuống Đông Nam châu Á.

Trong quá trình hơn 20 năm thực hiện ý đồ bành trướng đối với Lào, những kẻ cầm quyền phản động ở Bắc-kinh đã nghiệm thấy rằng nhân dân các dân tộc Lào là một dân tộc nhỏ nhưng kiên cường, Đảng nhân dân cách mạng Lào là một đảng mác xít — lê nin nít chân chính, được tôi luyện dày dạn trong đấu tranh cách mạng, có tinh thần độc lập tự chủ cao, không dễ gì di theo quỹ đạo do Bắc-kinh áp đặt. Vì thế chúng đã xúc tiến mưu đồ của chúng đối với Lào bằng cả hai mặt: vừa viện trợ, tranh thủ, vừa ngấm ngấm chuẩn bị các điều kiện để lật đổ, xâm lược, nếu không lôi kéo được, nhằm buộc Lào phải lệ thuộc và khuất phục chúng. Ý đồ thứ hai này là mặt cơ bản và chủ yếu trong hành động của chúng đối với Lào, và ý đồ thứ nhất cũng là nhằm tạo điều kiện để phục vụ tốt cho ý đồ thứ hai.

Với danh nghĩa giúp Lào giải quyết tình trạng khó khăn, bế tắc về giao thông, từ năm 1963, Trung-quốc đã đưa hàng vạn quân (có lúc lên đến 5 vạn người), nguy trang dưới bộ quần áo công nhân, vào Bắc Lào. Suốt 15 năm, với chi phí trực tiếp khoảng 85 triệu đô la, Trung-quốc đã xây một hệ thống đường ô tô rải nhựa dài khoảng 850 km, tỏa ra năm tỉnh Bắc Lào, nối từ Mường-la của Văn-nam (Trung-quốc) đến bờ sông Mê-công của Xây-nha-bu-ri giáp Thái-lan, kéo về Mường-hiêm (tây nam Săm-nư), đến Mường-khoa (Phong-sa-lý) nối với đường 42 (thông ra Tây-trang — Lai-châu); còn đoạn từ Nậm-bạc xuống Luông-pha-bang thì đang làm dở. Kế hoạch xây dựng mạng đường này không phải chỉ dừng ở đây. Dự luận ở Viên-chấn cho biết, đầu năm 1978, sau khi bàn giao các con đường ở Bắc Lào, Trung-quốc còn gợi ý giúp Lào sửa chữa và mở rộng đường quốc lộ 13 nối từ Luông-pha-bang xuống đến biên giới Cam-pu-chia; cũng cần nhắc lại là trong năm 1976 Trung-quốc còn đưa ra việc sẵn sàng giúp Lào làm đường xe lửa xuyên Lào nối từ Văn-nam xuống Cam-pu-chia ra cảng Công-póng-xôm. Nhưng cả hai « sáng kiến hào hiệp » đó của Trung-quốc đều bị Đảng, Chính phủ và nhân dân Lào từ chối.

Nói về những con đường ở Bắc Lào, từ năm 1963, Gai Xóc-lơ, chuyên viên Mỹ đã viết trong sách « Đế quốc ngai rồng »: « Tuy chưa gầy rặc rồi về biên giới với Lào, nhưng Trung-quốc đã đưa « công nhân » sang xây dựng một mạng lưới đường sá ở Bắc Lào, nối liền với cao nguyên Văn-nam của Trung-quốc. Ngoài mặt, Trung-quốc nói rằng con đường này được sử dụng vào mục đích hòa bình, nhưng nó có ý nghĩa chiến lược đối với Trung-quốc. Bắc-kinh không chỉ nhằm vào tỉnh Phong-sa-lý mà còn nhằm vào toàn bán đảo Đông-dương và cả Đông Nam châu Á. Một nhân tố khác

có thể ảnh hưởng đến suy nghĩ của Bắc-kinh là vị trí khu đệm của Lào đối với miền Bắc Việt-nam ». Mạng đường lộ mà Trung-quốc giúp Lào xây dựng nối liền với hệ thống đường chiến lược của Trung-quốc, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho Trung-quốc dễ điều động quân đội trong trường hợp tiến công xâm lược Lào từ bên ngoài kết hợp với bạo loạn bên trong.

Rõ ràng là ở Lào cũng như nhiều nơi khác trên thế giới, trong các thủ đoạn chuẩn bị cho mưu đồ bành trướng thì việc mở mang mạng lưới đường sá được các nhà chiến lược Bắc-kinh coi là một biện pháp quan trọng. Do đó mà nhiều con đường chiến lược đã ra đời. Từ những con đường xuất phát từ Tây-tạng, Tả-hương của Trung-quốc đến Nê-pan, đến Tây Pa-kit-xtan, tây Ca-so-mia của Ấn-độ, hoặc những con đường mà hiện nay giới báo chí phương Tây đang nhắc đến như con « đường mòn » từ Văn-nam men theo biên giới Miên-diên giáp Lào đến khu « tam giác vàng », trung tâm nổi tiếng về buôn thuốc phiện lậu kèm theo hoạt động tình báo, một con đường đã đem lại cho Bắc-kinh những món lợi kếp sù và những tin tức tình báo quan trọng. Hoặc con đường mà báo chí phương Tây gọi là « con đường Đặng-Tiêu Bình » chạy trên đất Thái-lan men theo biên giới tây-nam Cam-pu-chia mà Bắc-kinh đang sử dụng để tiếp tế cho tàn quân Pôn Pốt — lêng Xa-ry nhằm chống lại nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia. Trong sách « Bóng đen của Trung-quốc trùm lên lục địa châu Á », Cơ-lô-dơ Ác-nun, đại tá người Pháp, đã viết « Tại châu Á, chính sách đường giao thông của Trung-quốc nhằm vào việc xây dựng các con đường chiến lược. Các con đường do kỹ sư và công nhân Trung-quốc xây dựng này không phải chỉ nhằm mục đích đưa các chuyên viên kỹ thuật Trung-quốc đến các khu vực công trình mà còn cho phép di chuyển

quân đội Trung-quốc nhanh chóng và dễ dàng hơn trong trường hợp xảy ra chiến tranh ».

Bên cạnh việc xây dựng hệ thống đường sá để phục vụ mục đích chiến lược lâu dài ở Lào, các lực lượng làm đường của Trung-quốc, dưới sự chỉ đạo của sứ quán và cơ quan tham tán « kinh tế văn hóa » của Trung-quốc ở U-dôm-xây, đã tiến hành các hoạt động lật đổ. Các hoạt động bí mật, nham hiểm này của Bắc-kinh không lọt qua được con mắt cảnh giác của nhân dân các dân tộc Lào. Đi đến các tỉnh ở Bắc Lào, chúng ta sẽ được nghe nhân dân ở đây kể rất nhiều chuyện, và những chuyện đó gần đây báo chí phương Tây cũng bắt đầu nói đến.

Nhân dân Lào ở Luông-pha-bang biết rất rõ việc quân Trung-quốc làm đường ở đây đã bí mật liên hệ và tiếp tế lương thực, vũ khí cho bọn tàn phỉ ở Phu-eum (giáp ranh ba tỉnh Luông-pha-bang, Sầm-nưa, Xiêng-khoảng), hoặc cho bọn tàn phỉ ở Xông-chà, Mốc-phúc (tây nam Nậm-bạc). Tạp chí Kinh tế Viễn đông số ra ngày 23-2-1979 đã kể: « Chính phủ Lào đã bắt được nhiều súng AK47 của bọn phiến loạn người Mèo ở vùng Phu-bia có mang nhãn hiệu « 800 », chứng tỏ rằng những người nổi loạn này được sự ủng hộ của một nước 800 triệu dân là Trung-quốc ». Gần đây, bọn phản động Lào lưu vong ở Thái-lan công khai nói rằng chúng được Bắc-kinh giúp đỡ để chống lại chính phủ Lào. Hiện nay, tại tỉnh Văn-nam, Trung-quốc đang nuôi dưỡng và huấn luyện hơn một nghìn tên phản động thuộc các dân tộc thiểu số ở Lào, do tên Chan Súc, một cựu sĩ quan quân đội phái hữu Lào chỉ huy, nhằm sử dụng vào mục đích xâm lược và phá hoại Lào.

Nhân dân Lào ở các tỉnh phía Bắc còn cho biết là các lực lượng Trung-quốc đã bí mật tổ chức cho một số sĩ quan nguy Viên-chân trốn trại cải tạo,

dưa về nuôi dưỡng ở Trung-quốc, và nhân dân ở đây đã tóm được nhiều tên trên đường đi trốn còn mang theo đầy đủ giấy tờ do Trung-quốc cấp.

Tạp chí Kinh tế Viễn đông số ra ngày 1-9-1978 đã viết: « Trung-quốc âm mưu lôi kéo các bộ tộc ít người hòng gây rối loạn cho các chế độ xã hội chủ nghĩa ở Lào và Việt-nam bởi vì những bộ tộc miền núi này chiếm tới 40% số dân ở Lào và 16% số dân ở Việt-nam. Số dân tộc ít người ở cả hai nước này lại sống rải ra trên một vùng rộng núi non hiểm trở có nhiều nguyên liệu chiến lược. Ở Lào, người Mỹ đã từng lôi kéo nhiều người thuộc bộ tộc Mèo. Tháng 12-1975, sau khi Pa-thét-lào lên nắm chính quyền, có tới 17.000 người Mèo chống cộng sản chạy sang Thái-lan. Căn cứ Loong-cheng, một căn cứ rất quan trọng do CIA giúp xây dựng cho quân phiến loạn Mèo nay đã thuộc quyền kiểm soát của chính phủ Lào. Nhưng có những hoạt động thổ phỉ lại xuất hiện ở Phong-sa-lý là một tỉnh giáp giới với Trung-quốc, là nơi từ lâu Pa-thét-lào vốn nắm giữ và có tới hàng ngàn công binh Trung-quốc đang làm đường từ hơn 14 năm nay ».

Dư luận thế giới đã không ngạc nhiên khi được tin giữa tháng 10-1978, cái chính phủ ma của Phủi Xa-na-ni-con, vừa lộ mặt ra ở miền Nam nước Pháp, đã nêu ra chính sách đối ngoại của mình là thắt chặt quan hệ với nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa! Và trong năm qua, báo chí phương Tây đã nhiều lần tiết lộ là Phu-mi Nô-xa-văn, Coong-te, Vàng Pao đã được mời đến Bắc-kinh, riêng Vàng Pao đã đến Bắc-kinh hai lần. Bọn phản động Mèo lưu vong đã không ngừng tuyên truyền khắp nơi là Trung-quốc sẽ giúp Vàng Pao xây dựng cái gọi là một « nước Mèo tự trị »! Mối quan hệ này vốn có nguồn gốc lịch sử của nó — từ những năm 1960, dư luận phương Tây ở Viên-

chấn đã chú ý đến việc sử quân Trung-quốc bí mật thông qua bọn tư sản Hoa kiều ở Lào, bọn nghị sĩ, bộ trưởng Viên-chấn có quan hệ với Hoa kiều để « tìm hiểu » về các nhân vật phải hữu Lào, kể cả tướng phủ Vàng Pao ! Cũng tạp chí Kinh tế Viễn đông ngày 23-2-1979 đã vạch ra : « Trung-quốc đã và đang huấn luyện các đơn vị biệt kích và nói chung là đang giúp đỡ những người nổi loạn chống chính phủ hoạt động ở các tỉnh Phong-sa-lý, U-dôm-xây, Nậm-thả giáp Trung-quốc ». Dư luận trong nhân dân Lào ở các địa phương đều cho rằng các vụ âm mưu gây rối, bạo loạn mà các lực lượng an ninh Lào phát hiện và đập tan vừa qua ít nhiều đều có bàn tay của đặc vụ Bắc-kinh phối hợp với CIA và bọn tình báo đế quốc khác.

Báo Thế giới ngoại giao của Pháp số ra tháng 2-1979, sau khi nêu một số ý kiến của Đặng-Tiêu-Bình ngấm đe dọa Lào, đã khẳng định : « Trung-quốc không còn lý do gì nữa để không giúp đỡ những người nổi loạn đang đấu tranh chống lại chính phủ Viên-chấn » và báo này cũng cho rằng : « Trung-quốc sẽ tìm cách tạo ra một sự thay đổi chế độ ở Lào ».

Hoạt động lật đổ của bọn cầm quyền phản động Trung-quốc đối với Lào đã quá rõ ràng, làm sao chúng có thể chối cãi được trước sự lên án danh thép của Bộ ngoại giao nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào trong công hàm ngày 15-3-1979 : « Những hoạt động lật đổ của nhà cầm quyền Trung-quốc đối với Lào đã có từ lâu ».

Những ngày gần đây, khi Trung-quốc xua quân xâm lược Việt-nam, thì các hoạt động chống phá và đe dọa xâm lược Lào của bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh càng công khai trắng trợn hơn bao giờ hết. Từ đầu tháng 2-1979, chúng đã huy động nhiều sư đoàn bộ binh, các đơn vị xe tăng, pháo binh, kỵ binh áp sát biên giới Lào, đào công sự, tổ chức diễn tập,

bắn súng lớn.... Binh lính Trung-quốc ở đây tuyên truyền khiêu khích, đe dọa đánh chiếm các tỉnh Bắc Lào. Nhiều toán biệt kích, gián điệp Trung-quốc được tung vào Lào, cả bí mật và công khai dưới dạng những thanh niên người Hoa « trốn bắt lính » xin sang cư trú chính trị ở Lào. Hàng ngàn tàn quân của bọn Coong-íc, Vàng Pao cũng được tập trung ở giáp biên giới Lào. Ngày 7-3 và 10-3-1979, Trung-quốc đã cho quân lấn chiếm sâu vào lãnh thổ Lào ở Bô-ten huyện Nậm-thả và vùng Bản-mương huyện Mường-xinh thuộc tỉnh Luông Nậm-thả. Họ còn ngang nhiên bắt giữ hai cán bộ Lào sang liên hệ với nhà chức trách Trung-quốc để đòi họ rút quân khỏi Lào. Trong khi đó, các đơn vị làm đường của Trung-quốc trên con đường Nậm-bạc — Luông-pha-bang đang làm dở, đình chỉ công việc làm đường, triển khai đi chiếm các cao điểm, bố trí phòng ngự và đào công sự chiến đấu.

Tạp chí Kinh tế Viễn đông số ra ngày 27-2-1979 lại viết : « ... Trung-quốc đã tập trung quân dọc biên giới tại tỉnh Vân-nam và đã đào công sự cố thủ tại vùng gần thị trấn Mường-xinh của Lào. Nhiều nhà quan sát lo ngại rằng vùng Bắc Lào có các đường chiến lược và đường mòn đi Trung-quốc, Miến-diện, Thái-lan, Việt-nam có thể trở thành một bãi chiến trường mới ».

Hành động thù địch, đe dọa quân sự của Trung-quốc đối với Lào không thể che giấu được nữa ; nhưng Tân hoa xã và bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh lại nói : « Trung-quốc luôn luôn tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ Lào », rằng : « Không hề có một người lính Trung-quốc nào ở Lào », và vu không rằng « Lào đã tiến một bước dài trong việc chống Trung-quốc », « Lào đã bị Liên-xô và Việt-nam xúi giục » ! v.v. Rõ ràng bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh đã giở thủ đoạn : « miệng tụng nam

mỏ, tay hươu dao quắm». Nhưng thủ đoạn đó của chúng quyết không lừa gạt được dư luận thế giới, cũng như nhân dân Trung-quốc và cũng không thể đe dọa nổi nhân dân Lào anh hùng, không thể chia rẽ được tình đoàn kết giữa Lào với Việt-nam, Lào với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Chân lý và chính nghĩa luôn luôn thuộc về phía chính phủ và nhân dân Lào, vì như bản Tuyên bố ngày 6-3 của Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào đã nêu rõ: «Lào là một nước nhỏ, chỉ có hơn 3 triệu dân, không thể đe dọa, uy hiếp Trung-quốc, một nước lớn 900 triệu dân.». «Nhân dân Lào rất quý trọng tình hữu nghị giữa nhân dân các nước bầu bạn và chưa hề xâm phạm đến lợi ích của bất cứ nước nào». Hơn nữa, trải qua hơn 30 năm tiến hành cuộc chiến tranh giải phóng đầy hy sinh gian khổ chống những tên đế quốc lớn mạnh giành lại độc lập chủ quyền cho đất nước, nhân dân các dân tộc Lào không có nguyện vọng nào tha thiết hơn là được sống hòa bình để xây dựng lại đất nước, xây dựng lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Cũng chính vì thế mà từ lâu nay trước những hành động thù địch của Trung-quốc đối với Lào, phía Lào đã tự kiềm chế, coi đó là việc nội bộ giữa Lào và Trung-quốc, không muốn đưa ra công khai. Thái độ đó của Đảng, Chính phủ và nhân dân Lào là rất mực đúng đắn, hữu nghị trong việc xử lý mối quan hệ giữa hai nước láng giềng, phù hợp với đạo lý của những người cách mạng chân chính và đúng theo truyền thống ôn hòa, khiêm nhượng, thủy chung của nhân dân các dân tộc Lào.

Nhưng rõ ràng là với bản chất cực kỳ nham hiểm và thái độ sô vanh bá quyền nước lớn, bọn cầm quyền phản động Trung-quốc đã bất chấp cả đạo lý, càng thấy phía Lào tỏ ra tự kiềm chế thì chúng càng hung hăng, lấn

tới. Chúng xử sự theo lối «cả lớn nuốt cả bé», «cả vú lấp miệng em». Chúng quên rằng nhân dân các dân tộc Lào anh hùng, vốn có truyền thống đấu tranh kiên cường, chưa bao giờ chịu khuất phục ai, dù đó là những tên đế quốc thực dân đầu sỏ. Nhân dân các dân tộc Lào đang kiên quyết bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của mình. Mọi âm mưu và thủ đoạn xâm lược, lật đổ của bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh đối với Lào nhất định sẽ bị thất bại.

Nhân dân ba nước Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia đã từng đoàn kết trong cuộc đấu tranh chống bọn thực dân Pháp và đế quốc Mỹ trước đây, ngày nay càng quyết tâm thắt chặt tình đoàn kết hơn nữa trong cuộc đấu tranh chống bọn bành trướng Bắc-kinh.

Toàn thế giới đang đoàn kết và ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ba nước Việt-nam — Lào — Cam-pu-chia.

Chủ nghĩa bành trướng Bắc-kinh đã bị phá sản ở Cam-pu-chia, đã bị thất bại đau ở Việt-nam, đang bị vạch mặt và lên án ở Lào, nhất định sẽ bị thất bại hoàn toàn ở trên bán đảo Đông-dương này. Ba nước xã hội chủ nghĩa ra đời trong khói lửa đấu tranh gian khổ và anh hùng vì độc lập tự do của mỗi nước, đã làm chủ vận mệnh của mình, đang đi vào một kỷ nguyên phát triển rực rỡ, chắc chắn sẽ là thành trì kiên cố của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Nếu bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh liều lĩnh xâm phạm lãnh thổ Lào thì chúng sẽ vấp phải sức mạnh chiến đấu của quân đội và nhân dân Lào, phối hợp với quân và dân Việt-nam và Cam-pu-chia, của nhân dân Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, của các lực lượng độc lập dân tộc, dân chủ, hòa bình và tiến bộ trên toàn thế giới.

Chính sách bành trướng và bá quyền nước lớn của Trung-quốc ở Đông Nam châu Á

VĂN-HIỆN

Từ lâu, những người lãnh đạo Trung-quốc đã có tham vọng xây dựng một nước Trung-hoa hùng cường, rộng lớn gấp nhiều lần so với nước Trung-hoa dưới các triều đại phong kiến ngày trước. Họ thích thú tấm gương của Tần-Thủy-Hoàng là người đã thực hiện việc thống nhất nước Trung-hoa cổ xưa và đã thi hành một chính sách tập quyền, độc tài vô cùng tàn bạo. Ngay trong quá trình đấu tranh giành quyền bính ở Trung-quốc, người lãnh đạo của Đảng cộng sản Trung-quốc đã nhiều lần đề lộ giấc mộng bá quyền đó.

Sau khi nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa thành lập, những người cầm quyền ở Bắc-kinh đã đề ra mục tiêu chiến lược của họ là xây dựng nước Trung-hoa thành cường quốc vĩ đại nhất thế giới, thành trung tâm của thế giới (1).

Vì vậy, trong chính sách đối nội, họ đã dùng những biện pháp đốt cháy giai đoạn, không đếm xỉa đến những quy luật khách quan của sự phát triển của xã hội. Tư tưởng chủ quan đồng thời là tham vọng của họ thể hiện trong chủ trương « đại nhầy vọt »

(1) Một tài liệu của Đảng cộng sản Trung-quốc mang tên *Cách mạng Trung-quốc và Đảng cộng sản Trung-quốc* xuất bản năm 1939 có viết : « Các nước đế quốc, sau khi đánh bại Trung-quốc, đã chiếm các nước phụ thuộc của Trung-quốc : Nhật chiếm Triều-tiên, Đài-loan, Lưu-câu, quần đảo Bành-hồ và Lữ-thuận. Anh chiếm Miến-điện, Bu-tan, Hương-cảng. Pháp chiếm An-nam... ».

Một tập sách giáo khoa của Trung-quốc xuất bản năm 1954 có tám bản đồ vẽ lãnh thổ Trung-quốc bao gồm cả nhiều nước chung quanh, kể cả Đông Nam châu Á và vùng biển Đông. Tháng 9 năm 1959, tại một hội nghị bàn về các vấn đề đối ngoại người đứng đầu Nhà nước Trung-hoa nói : « Chúng ta phải thu phục trái đất. Mục tiêu của chúng ta là cả trái đất... ».

vào cuối những năm 50, cuộc « đại cách mạng văn hóa vô sản » những năm 1966 — 1969, cũng như trong kế hoạch « bốn hiện đại hóa » hiện nay. Cũng do động cơ đó, mặc dù đời sống của nhân dân Trung-quốc rất thấp, họ đã chi phí một số vốn rất lớn để xây dựng lực lượng hạt nhân. Chính sách đối nội của họ luôn xuất phát từ tham vọng của họ, chứ không phải từ lợi ích chân chính của nhân dân Trung-quốc.

Xuất phát từ lợi ích bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn, về đối ngoại, những người cầm quyền ở Bắc-kinh thi hành một chính sách cực kỳ phản động. Họ giương ngọn cờ cách mạng giả hiệu để tập hợp lực lượng, dùng ngọn cờ này làm con bài mà cả, thỏa hiệp và liên minh với các lực lượng đế quốc và phản động quốc tế chống lại cách mạng. Thuyết « ba thế giới » là sự minh họa rõ nét chiến lược đối ngoại hết sức phản động của những người cầm quyền Trung-quốc hiện nay (2). Họ tìm kiếm sự liên minh với đế quốc Mỹ và các đế quốc khác, với các lực lượng phản động nhất, tìm cách nắm các nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi, châu Mỹ la-tinh để tập hợp lực lượng chống Liên-xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, chống lại phong trào hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Họ hy vọng việc làm đó sẽ giúp họ tranh thủ vốn và kỹ thuật của các nước

phương Tây phục vụ cho « bốn hiện đại hóa », trước hết là hiện đại hóa về quân sự. Họ nghĩ rằng, với khối lượng người đông đảo chiếm một phần tư số dân trên trái đất, nếu thực hiện được « bốn hiện đại hóa », Trung-quốc sẽ ngai lên thành cường quốc hạng nhất trên thế giới và họ sẽ thu phục được cả thiên hạ, làm bá chủ thế giới.

Trung-quốc là một nước yếu, thống nhất chậm, kinh tế kém phát triển, không dọ sức nổi với các cường quốc. Vì vậy để thực hiện tham vọng của họ, những người cầm quyền phản động Trung-quốc dùng mọi thủ đoạn để lừa lách. Họ lợi dụng mâu thuẫn, dùng lực lượng này chống lực lượng kia, muốn thế giới « đại loạn » để họ có thể « tọa sơn quan hổ đấu », họ muốn các đối thủ của họ đánh nhau mà suy yếu đi để họ có điều kiện vượt lên, từng bước thực hiện giấc mộng bá quyền. Họ hy sinh lợi ích dân tộc của nước khác để đổi chác với bọn đế quốc, lợi dụng mọi cơ hội để thực hiện mưu đồ bành trướng. Lực lượng cách mạng ngày một mạnh lên, đó là xu thế phát triển tất yếu của tình hình thế giới ngày nay, nhưng đó lại là trở lực lớn nhất đối với tham vọng bành trướng và bá quyền nước lớn của những người cầm quyền phản động Trung-quốc. Vì vậy họ liên minh với các lực lượng đế quốc và phản động quốc tế để chống các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới.



Trong chiến lược toàn cầu của những người cầm quyền phản động Trung-quốc, Đông Nam châu Á có một vị trí cực kỳ quan trọng. Năm 1965, người cầm đầu Nhà nước Trung-quốc đã tuyên bố: « Chúng ta nhất định phải thu hồi vùng Đông Nam châu Á bao gồm Nam Việt-nam, Thái-lan, Miến-điện, Ma-lai-xi-a, Xinh-ga-

po, Đông Nam châu Á là vùng rất

(2) Theo thuyết « ba thế giới ». « thế giới thứ nhất » gồm Liên-xô và Mỹ là hai « siêu cường », nhưng Liên-xô là « kẻ thù số một nguy hiểm nhất » ; « thế giới thứ hai » gồm các nước tự bản phát triển ở châu Âu và các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu trừ Liên-xô ; « thế giới thứ ba » gồm các nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi, châu Mỹ la-tinh, và Trung-quốc thuộc « thế giới » này.

nhiều khoáng sản, rất đáng bỏ công sức ra để thu hồi lại. Trong tương lai, vùng này sẽ rất có lợi cho sự phát triển công nghiệp của Trung-quốc. Như vậy, sẽ có thể bù lại hoàn toàn những tổn thất. Sau khi chúng ta nhận được vùng Đông Nam châu Á, gió Đông sẽ thổi bạt gió Tây ».

Cũng chính nhà lãnh đạo này đã có lúc nói là sẽ làm chủ tịch 300 triệu nhân dân Đông Nam châu Á.

Đông Nam châu Á là khu vực mà Trung-quốc muốn bành trướng ra một cách « tự nhiên » vì họ coi những đất đai, biên, đảo ở đây là « thuộc về Trung-quốc ». Đông Nam châu Á có đất đai màu mỡ, dân đông, tài nguyên phong phú, kể cả dầu mỏ, có một vị trí chiến lược quan trọng, có con đường hàng hải huyết mạch từ Đông sang Tây, nối Bắc Thái-bình-dương với Nam Thái-bình-dương và Ấn-độ-dương. Không thể được khu vực này, họ sẽ có điều kiện để tăng cường sức mạnh, làm bá chủ châu Á, tiến lên làm bá chủ thế giới. Mặt khác, Đông Nam châu Á cũng là khu vực Mỹ bị thua đã phải rút lui và Trung-quốc có khả năng bành trướng hơn cả. Khu vực này chỉ có các nước nhỏ, không như ở phía bắc có Liên-xô và Nhật-bản. Ở phía tây nam bên kia dãy núi Hi-ma-lai-a có Ấn-độ. Hơn nữa, ở đây họ có hai công cụ lợi hại là lực lượng đông đảo Hoa kiều và các tổ chức gọi là « cách mạng » đi theo đường lối Bắc-kinh.

Đối với những người cầm quyền phản động Trung-quốc, Đông Nam châu Á là hướng chủ yếu để mở rộng bờ cõi nước họ; khu vực này nhận phần lớn số viện trợ của Trung-quốc cho nước ngoài. Đông Nam châu Á là khu vực duy nhất Trung-quốc có thể sử dụng làm công cụ để giải quyết quan hệ giữa Trung-quốc với các cường quốc, với các đế quốc Mỹ, Nhật. Những người cầm quyền phản động Trung-quốc còn dùng Đông Nam

châu Á phục vụ cho những yêu cầu đối nội, trong xây dựng kinh tế và trong đấu tranh giành quyền lực trong nước.

Chính sách của Trung-quốc đối với Đông Nam châu Á trong 30 năm qua nói lên vị trí cực kỳ quan trọng của khu vực này trong chiến lược toàn cầu của những người cầm quyền phản động Trung-quốc, đồng thời cho thấy tham vọng bành trướng và bá quyền nước lớn của họ.

Trong những năm 1950 — 1957, trong lúc Trung-quốc phải khôi phục và phát triển kinh tế, tăng cường tiềm lực quân sự, những người cầm quyền Trung-quốc dùng Đông Nam châu Á để bảo đảm an ninh của mình, đề phòng sự uy hiếp của Mỹ. Vì vậy, chủ trương của những người lãnh đạo Trung-quốc lúc đó đối với việc giải quyết vấn đề Đông-dương tại Hội nghị Giơ-ne-vơ năm 1954 là nhằm giữ Pháp ở lại Đông-dương để ngăn chặn Mỹ vào khu vực này, dùng miền Bắc Việt-nam và hai tỉnh Bắc Lào được giải phóng làm khu đệm an toàn ở phía nam Trung-quốc. Đồng thời, họ hòa hoãn với các chính phủ các nước khác ở Đông Nam châu Á: ký kết 5 nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình với một số nước ở vùng này, dự Hội nghị Băng-dung (năm 1955), ép các đảng cộng sản ở Ma-lai-xi-a, Miên-điện ngừng đấu tranh vũ trang và đi vào đàm phán với chính quyền các nước đó. Đồng thời họ đi vào hòa hoãn với Mỹ và hai bên bắt đầu đàm phán từ tháng 8 năm 1955 ở Giơ-ne-vơ và sau đó ở Vác-xa-va.

Trong những năm 1958 — 1965, thực hiện chính sách chống Liên-xô, giành quyền « lãnh đạo cách mạng thế giới », phá hoại quan hệ giữa Liên-xô và Mỹ, những người cầm quyền Trung-quốc tiến hành « đại nhảy vọt » (1958—1959) và sản xuất bom nguyên tử (năm 1964), đồng thời hô hét thực hiện « cách mạng triệt để » chống đế

quốc Mỹ và « chủ nghĩa xét lại », tập hợp lực lượng ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ la-tinh, chủ yếu là ở Đông Nam châu Á. Họ hô hét chống đế quốc Mỹ, nhưng đó chỉ là một chiêu bài giả hiệu. Thực tế họ tiếp tục tìm kiếm sự hòa hoãn với Mỹ ở Đông Nam châu Á: trong khi họ rút quân khỏi Triều-tiên (năm 1958), họ khuyến Việt-nam và Lào « trường kỳ mai phục ». Họ phản đối phong trào đồng khởi năm 1959 — 1960 và cuộc đấu tranh vũ trang của nhân dân ta ở miền Nam Việt-nam. Họ muốn cách mạng Lào sớm đi vào thành lập chính phủ liên hiệp và thực hiện chính sách trung lập (Hội nghị Giơ-ne-vơ năm 1962 về Lào). Họ chủ trương phân chia nước Lào theo chiều ngang thành hai vùng: vùng giải phóng ở phía bắc, vùng do ngụy quyền Viêng-chăn-kiêm, soát ở phía nam. Đó là một âm mưu thâm độc nhằm cô lập cách mạng ở miền Nam Việt-nam và buộc lực lượng cách mạng Lào gần vào Trung-quốc, hòng làm suy yếu khối đoàn kết chiến đấu Lào — Việt. Trong mưu đồ tập hợp lực lượng để giành quyền « lãnh đạo cách mạng thế giới », những người cầm quyền Trung-quốc nêu ra cái gọi là « cương lĩnh » gồm 25 điểm (năm 1963), ra sức vận động hợp « các lực lượng mới nổi dậy » và tổ chức Hội nghị Á — Phi lần thứ hai (năm 1965). Đề xây dựng nông cốt, họ ráo riết vận động hợp 11 đảng cộng sản ở châu Á. Ở Đông Nam châu Á, họ tập trung mọi cố gắng xây dựng cái gọi là « trục Bắc-kinh — Gia-các-ta — Phnôm-pênh — Hà-nội », tìm cách nắm Ấn-đô-nê-xi-a, dùng cả biện pháp tranh thủ lẫn hành động lật đổ (năm 1965). Thực hiện những mưu đồ của họ ở Đông Nam châu Á, những người cầm quyền Trung-quốc gây ra những cuộc xung đột biên giới, đặc biệt là với Ấn-đô và Miến-điện (3). Nhưng những mưu đồ của họ đều thất bại. Thất bại lớn nhất của họ là thất bại trong ý định

hợp 11 đảng cộng sản ở châu Á vì họ vấp phải đường lối độc lập tự chủ và đoàn kết quốc tế của Việt-nam.

Trong những năm « đại cách mạng văn hóa vô sản » (1966 — 1969), những người lãnh đạo Bắc-kinh tung ra những luận điệu « cực tả » nhằm chia rẽ nội bộ, loại trừ những người không ăn cánh, đồng thời chia rẽ phong trào cộng sản quốc tế. « đánh đổ » Liên-xô. Để phục vụ cho mục tiêu đó, ở Đông Nam châu Á, họ kêu gọi và vận động chống các chính quyền tư sản ở khu vực này. Một số đảng cộng sản ở vùng này làm theo mệnh lệnh của Bắc-kinh, đẩy mạnh hoạt động vũ trang, trở thành công cụ phục vụ cho chủ nghĩa bành trướng Trung-quốc. Hoa kiều ở vùng này cũng làm « cách mạng văn hóa », tổ chức « hồng vệ binh », gây ra những vụ rối loạn nghiêm trọng (như ở Cam-pu-chia, Miến-điện, Ma-lai-xi-a...). Đối với Việt-nam, sau khi bắt tin « mi không dụng đến ta thì ta không dụng đến mi » đề Mỹ yên tâm tiến hành chiến tranh xâm lược Việt-nam và Trung-quốc yên tâm làm « cách mạng văn hóa », những người cầm quyền Trung-quốc cũng tìm cách ép Việt-nam ủng hộ « cách mạng văn hóa ». Họ phản đối chủ trương của Việt-nam đấu tranh chống Mỹ trên cả ba mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao, dọa cắt quan hệ về mặt đảng với Việt-nam nếu Việt-nam cứ tiếp tục chủ trương vừa đánh vừa thương lượng, bác bỏ đề nghị của Liên-xô về việc thống nhất hành động của các nước xã hội chủ nghĩa trong việc giúp Việt-nam, gây cản trở cho việc vận chuyển hàng viện trợ của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác qua cảnh Trung-quốc sang Việt-nam. Đó là « quyết tâm của Trung-quốc đánh Mỹ đến người Việt-nam cuối cùng » như một nhà báo Mỹ nhận định. Đó cũng

(3) Trung-quốc đòi 130 000 km² lãnh thổ của Ấn-độ, đòi 170 000 km² lãnh thổ của Miến-điện.

là âm mưu của những người cầm quyền Trung-quốc muốn nắm độc quyền vấn đề Việt-nam để làm con bài mà cả với Mỹ sau này. Mặt khác, họ tìm mọi cách nắm Cam-pu-chia và Lào, ra sức chia rẽ cách mạng ba nước trên bán đảo Đông-dương. Họ thường dùng thủ đoạn cùng một lúc chơi mấy con bài: nắm tập đoàn Pôn Pốt, đồng thời nắm nhóm Lon-non và tranh thủ Xi-ha-núc ở Cam-pu-chia, vừa tranh thủ chính quyền Viêng-chăn vừa can thiệp vào công việc nội bộ lực lượng cách mạng Lào.

Từ năm 1970, để củng cố quyền lực trong nước sau cuộc « cách mạng văn hóa » và thực hiện đường lối của họ, những người cầm quyền Trung-quốc đẩy mạnh việc thực hiện chính sách chống Liên-xô, coi Liên-xô là kẻ thù chính, đồng thời từng bước thỏa hiệp với Mỹ. Ở Đông Nam châu Á, lợi dụng lúc Mỹ thất bại ở Việt-nam buộc phải thực hiện « học thuyết Ních-xơn » và kế hoạch « Việt-nam hóa » chiến tranh, tìm cách thoát ra khỏi cuộc chiến tranh Việt-nam, những người cầm quyền Trung-quốc quay ngoắt 180 độ, chuyển sang tán thành Việt-nam thương lượng với Mỹ. Sau cuộc đảo chính của Lon-non tháng 3 năm 1970 ở Cam-pu-chia, họ thấy Việt-nam ủng hộ Xi-ha-núc, cho nên từ chỗ chống, họ quay sang ủng hộ Xi-ha-núc. Họ hoan nghênh Hội nghị cấp cao nhân dân Đông-dương và ra sức đề cao vai trò của Trung-quốc đối với hội nghị này. Khi Xi-ha-núc đề nghị họp Hội nghị cấp cao nhân dân Đông-dương (tháng 9 năm 1971), họ chủ trương họp Hội nghị « năm nước sáu bên » (4). Mưu đồ của những người cầm quyền Trung-quốc là dùng các vấn đề lớn ở châu Á lúc đó — chủ yếu là vấn đề Việt-nam, Đông-dương — để mà cả, bắt tay với Mỹ. Cuối năm 1971 những người lãnh đạo Bắc-kinh gây sức ép với Việt-nam nhằm buộc Việt-nam rút lui yêu sách đòi Mỹ gạt bỏ Nguyễn-Văn-Thiệu. Năm 1972 họ

dón tiếp nhiệt liệt Ních-xơn, mặc nhiên tán thành việc Mỹ tăng cường ném bom và thả mìn phong tỏa Việt-nam. Thông cáo Thượng-hải tháng 2 năm 1972 là sự thỏa hiệp giữa Trung-quốc và Mỹ về việc giữ nguyên trạng chế độ chính trị ở các nước Đông Nam châu Á (5). Sau khi Hiệp định Pa-ri về Việt-nam được ký kết tháng 1 năm 1973, Trung-quốc liền đình chỉ viện trợ quân sự cho Việt-nam. Trung-quốc khuyến khích sự có mặt về quân sự của Mỹ ở Đông Nam châu Á, tỏ thái độ xoa dịu trong quan hệ của họ với các chính quyền thân Mỹ trong khu vực này, ủng hộ tổ chức ASEAN, giảm bớt hoạt động vũ trang của các tổ chức tay sai của Bắc-kinh trong các nước ASEAN. Mặt khác, đầu năm 1974, với sự thỏa thuận ngầm của Mỹ, Trung-quốc chiếm quần đảo Hoàng-sa của Việt-nam và đòi chiếm cả quần đảo Trường-sa của Việt-nam, nhằm độc chiếm biển Đông.

Từ năm 1975, chính sách của những người cầm quyền phản động Trung-quốc đối với Đông Nam châu Á là nhằm phục vụ cho cuộc tranh giành quyền lực, cho kế hoạch « hỗn loạn đại hóa » và cho chiến lược toàn cầu phản cách mạng dựa trên thuyết « ba thế giới » của họ. Họ tự coi là thành viên của khối quân sự xâm lược NATO

(4) Năm nước là ba nước ở Đông-dương với Trung-quốc và Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều-tiên; sáu bên là: miền Bắc Việt-nam, miền Nam Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia, Trung-quốc và Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều-tiên.

(5) Tháng 7-1971 Kít-xinh-giơ bí mật đến Bắc-kinh thương lượng với Trung-quốc. Thuật lại chuyện đi này, Kít-xinh-giơ nói y rất ngạc nhiên khi được biết rằng Trung-quốc xem Việt-nam, chứ không phải Đài-loan, là trở ngại lớn nhất trên con đường cải thiện quan hệ Trung — Mỹ (sách: « Kít-xinh-giơ » của Ma-vin Cơ-bơ và Béc-na Cơ-bơ (Marvin Kalb và Bernard Kalb). Ngày 1-3-1972, Kít-xinh-giơ nói riêng với các nhà báo rằng, từ nay Kít-xinh-giơ và tổng thống Ních-xơn chỉ còn phải lo việc đương đầu với Mát-xcơ-va và việc nghiền nát Việt-nam (sách: « Kít-xinh-giơ » của Ma-vin Cơ-bơ và Béc-na Cơ-bơ).

ở phương Đông, kêu gọi Mỹ không rút khỏi Đông Nam châu Á mà tiếp tục tăng cường sự có mặt về quân sự ở đây, kêu gọi tăng cường tổ chức ASEAN, gây chia rẽ giữa các nước thuộc tổ chức này với Việt-nam, đề chống Liên-xô, chống Việt-nam (dưới khẩu hiệu chống « bá quyền thế giới » và chống « bá quyền khu vực ») và chống cách mạng ở khu vực này. Họ coi nước Việt-nam độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa có đường lối độc lập tự chủ là trở ngại chủ yếu đối với mưu đồ bành trướng và bá quyền nước lớn của họ. Cho nên họ tìm mọi cách làm suy yếu và thôn tính Việt-nam. Họ âm mưu thôn tính các nước ở bán đảo Đông-dương, dùng

nơi này làm bàn đạp để thôn tính các nước khác ở Đông Nam châu Á. Họ dùng tập đoàn phản động Pôn Pốt — lêng Xa-ry để đặt ách nô dịch của họ ở Cam-pu-chia, thi hành chính sách diệt chủng ở Cam-pu-chia. Họ dùng tập đoàn Pôn Pốt — lêng Xa-ry làm công cụ để tiến hành chiến tranh xâm lược Việt-nam từ phía tây nam. Từ năm 1978 họ gây ra vụ « nạn kiều » ở Việt-nam, cắt viện trợ kinh tế đối với Việt-nam, rút chuyên gia về nước, phá rối quan hệ kinh tế đối ngoại của Việt-nam. Ngày 17-2-1979 họ trực tiếp đem quân xâm lược Việt-nam. Đồng thời, họ tăng cường uy hiếp cách mạng Lào và tìm cách lật đổ ở Lào, ra sức gây chia rẽ giữa Lào với Việt-nam.



Thực hiện chính sách bành trướng và bá quyền nước lớn ở Đông Nam châu Á, những người cầm quyền Trung-quốc đã dùng những thủ đoạn vô cùng thâm độc, xảo quyệt và tàn bạo. Bên cạnh những thủ đoạn mà chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, chủ nghĩa phát-xít thường dùng, họ còn có những thủ đoạn riêng của họ.

Một là, những người cầm quyền Trung-quốc sử dụng lực lượng đông đảo Hoa kiều, các tổ chức gọi là « cách mạng » theo mệnh lệnh của Bắc-kinh, và các lực lượng phản động trong giai cấp tư sản cầm quyền. Đây là thủ đoạn dùng nhiều con bài cùng một lúc. Với số lượng gần 20 triệu người, Hoa kiều (và người gốc Hoa) ở các nước Đông Nam châu Á nắm những vị trí then chốt về kinh tế và quan trọng về chính trị trong các nước này. Những người cầm quyền Trung-quốc tìm cách nắm lực lượng này để phục vụ cho việc xây dựng kinh tế của Trung-quốc (thông qua buôn bán,

dầu tư và chuyên ngoại tệ về nước — đây cũng là một hình thức bóc lột nhân dân các nước ở khu vực này), đồng thời để gây sức ép, can thiệp vào công việc nội bộ của những nước đó; lôi kéo một bộ phận trong giai cấp cầm quyền, gây rối loạn về chính trị và làm vai trò của « đội quân thứ 5 ». Các tổ chức gọi là « cách mạng » theo Bắc-kinh vốn trước đây hình thành từ phong trào yêu nước, chống đế quốc và phong kiến, về sau các tổ chức này bị những người cầm quyền Trung-quốc dùng thủ đoạn lừa bịp, lôi kéo để biến thành tổ chức tay sai của họ. Những người cầm quyền Trung-quốc thậm chí còn dùng thủ đoạn lật đổ những người cách mạng chân chính, thay đổi cơ quan lãnh đạo của các tổ chức đó. Những người cầm quyền Trung-quốc thúc ép các tổ chức đó, khi thì đẩy mạnh đấu tranh vũ trang, khi thì thương lượng với chính quyền, tùy theo yêu cầu của Bắc-kinh là gây sức ép với chính quyền các nước này hoặc mà cả với đế quốc

tập hợp lực lượng chống cách mạng.

Hai là những người cầm quyền Trung-quốc dùng sức mạnh về kinh tế, tài chính, quân sự và thế nước lớn của họ. Đây cũng có thể gọi là chính sách «cái gậy và củ cà rốt». Những người cầm quyền Trung-quốc dùng viện trợ về kinh tế, tài chính, quân sự và sự ủng hộ về chính trị để lôi kéo các nước đi theo quỹ đạo của họ. Khi không lôi kéo được, họ tìm cách làm suy yếu các nước này, hòng khuất phục, thôn tính từng phần, từng bước. Họ dùng các thủ đoạn đe dọa, xâm lấn biên giới, dùng lực lượng tay sai gây rối hoặc trực tiếp đem quân xâm lược, hành động hết sức tàn bạo và gây ra những tội ác ghê gớm; cắt hoặc giảm các quan hệ buôn bán, hợp tác về kinh tế, các khoản viện trợ; gây rối loạn, lật đổ, gây chia rẽ nội bộ các dân tộc và giữa các dân tộc với nhau.

Ba là, những người cầm quyền Trung-quốc lợi dụng mâu thuẫn giữa các nước đế quốc với nhau (chủ yếu là Mỹ, Nhật, Anh, Pháp) và các nước đế quốc với Liên-xô ở Đông Nam châu Á. Họ đã chà đạp lên lợi ích của cách mạng Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia để giữ Pháp ở lại và ngăn chặn Mỹ vào bán đảo Đông-dương (năm 1954). Họ cũng đã làm như vậy để giữ Mỹ ở lại và ngăn chặn ảnh hưởng của Liên-xô ở khu vực này (đầu những năm 70). Đặc biệt là từ chỗ giả danh cách mạng và xã hội chủ nghĩa, họ hết chống đế quốc để thỏa hiệp và tìm kiếm liên minh với đế quốc, những người cầm quyền Trung-quốc đi đến chỗ tự phơi bày bộ mặt phản động, liên minh, hợp đỡ đế quốc để chống cách mạng, chống chủ nghĩa xã hội, chống Liên-xô, chống Việt-nam. Họ dựa vào đế quốc Mỹ, kẻ đã bị đánh bại ở Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia, nhằm ngăn chặn cách mạng và từng bước thay thế đế quốc Mỹ ở khu vực này.

Bốn là, những người cầm quyền

Trung-quốc kết hợp chính sách đối với biên Đông với chính sách đối với các nước ở bán đảo Đông-dương và chính sách đối với các nước khác ở Đông Nam châu Á (Miền-điện và các nước thuộc tổ chức ASEAN). Những người cầm quyền Trung-quốc âm mưu độc chiếm biên Đông để khai thác tài nguyên phong phú, nhất là dầu mỏ ở đây, và để không chệch toàn bộ Đông Nam châu Á (6). Vì vị trí chiến lược của Việt-nam và ảnh hưởng to lớn của cách mạng Việt-nam, họ tập trung mũi nhọn thực hiện chính sách của họ ở khu vực này đối với Việt-nam, mưu nắm Việt-nam để nắm toàn bộ bán đảo Đông-dương, làm cửa ngõ đi xuống Đông Nam châu Á. Chính sách của họ đối với Việt-nam trong 30 năm qua là: dùng cách mạng Việt-nam phá thế bao vây của đế quốc; thỏa hiệp với đế quốc Mỹ kiềm chế cách mạng Việt-nam; lôi kéo Việt-nam chống Liên-xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa.

Năm là, để nắm Việt-nam, làm suy yếu Việt-nam, họ tìm mọi cách phá vỡ khối đoàn kết chiến đấu và sự hợp tác giữa ba nước Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia. Họ dùng mọi thủ đoạn để cô lập Việt-nam, kích động tinh thần chống Việt-nam trong nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia, tuyên truyền vu cáo Việt-nam muốn «thôn tính» hai nước Lào và Cam-pu-chia, dùng vấn đề dân tộc ít người để phá hoại nội bộ mỗi nước. Độc ác nhất là việc họ dùng bọng tay sai Pôn Pốt – Iêng Xa-ry để gây chiến tranh xâm lược Việt-nam từ phía tây nam. Họ còn tìm cách gây ảnh hưởng đối với các nước khác ở Đông Nam châu Á, lôi kéo tổ chức ASEAN hòng cô lập và làm suy yếu Việt-nam, khuất phục và

(6) *Tờ Nhân dân nhật báo* của Trung-quốc ngày 26-6-1977 có bài cho rằng hơn 200 hòn đảo và dải cát ở biển Đông là thuộc Trung-quốc, tạm thời bị mất và cần phải được giải phóng.

thôn tính Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia, dùng Đồng-dương làm bàn đạp

để thôn tính các nước khác ở đồng Nam châu Á.



Thực hiện chính sách bành trướng và bá quyền nước lớn ở Đông Nam châu Á, những người cầm quyền Trung-quốc ý vào thế nước lớn, người đông, đã dùng mọi thủ đoạn xấu xa nham hiểm. Nhưng họ không thể cưỡng lại nổi xu thế phát triển mạnh mẽ của cách mạng. Trong thời đại ngày nay, trước ba dòng thác cách mạng vĩ đại không ngừng lớn mạnh, liên tục phát huy thế tiến công chiến lược, mọi âm mưu đen tối của chủ nghĩa bành trướng, bá quyền nước lớn của Bắc-kinh đều kết với chủ nghĩa đế quốc và các bọn phản động khác, nhất định sẽ bị thất bại.

Các lực lượng cách mạng và tiến bộ ở Đông Nam châu Á, nhất là ở Đồng-dương, nhất định sẽ làm thất bại mọi thủ đoạn xâm lược của bọn bành trướng Bắc-kinh. Nhân dân và Chính phủ các nước ở Đông Nam châu Á ngày càng nhận rõ chân tướng của những người cầm quyền Bắc-kinh, không hề cho họ xâm phạm độc lập, chủ quyền của các nước và đe dọa hòa bình, ổn định ở khu vực này. Mâu thuẫn giữa bọn bành trướng bá

quyền nước lớn Bắc-kinh với bè lũ đế quốc sẽ ngày càng sâu sắc. Nhân dân và những người cách mạng chân chính ở Trung-quốc sẽ ngày càng thấy rõ và chống lại chính sách phản bội của bọn cầm quyền ở nước họ. Chính sách bành trướng và bá quyền nước lớn của Bắc-kinh ở Đông Nam châu Á nhất định sẽ thất bại thảm hại.

Chiến thắng oanh liệt...

(Tiếp theo trang 54)

cả nước ta, chống lại cả dân tộc ta đã sẵn sàng cả về nhận thức, tư tưởng và tổ chức, tập đoàn phản động Bắc-kinh sẽ phải huy động bao nhiêu triệu quân? Liệu chúng có thể làm như vậy không và dù cho chúng có làm được chăng nữa thì liệu có thể nhờ đó mà chúng tránh được thất bại thảm hại hơn không?

Đó là những câu hỏi nghiêm chỉnh mà bè lũ phản động Bắc-kinh không thể không đặt ra.

Thắng lợi to lớn của lương tri...

(Tiếp theo trang 61)

đen tối của bọn gây chiến và xâm lược.

Nhân dân Việt-nam ta, với niềm phấn khởi và lòng biết ơn sâu sắc đối với sự ủng hộ và chi viện to lớn, quý báu của bạn bè ta ở khắp năm châu

bốn biển, với quyết tâm làm tròn nhiệm vụ dân tộc và nghĩa vụ quốc tế của mình, sẽ tiến lên giành thắng lợi cuối cùng trong sự nghiệp đấu tranh chống chính sách bành trướng và bá quyền của tập đoàn cầm quyền phản động hiện nay ở Trung-quốc.

THUYẾT CHIẾN TRANH VẠN NĂNG TRONG TAY TẬP ĐOÀN PHẢN ĐỘNG BẮC-KINH

Thiếu tướng LÊ-XUÂN-LỰU

Ở phương Đông của thế giới, vào những năm cuối thế kỷ XX này, một lò lửa chiến tranh mới nữa đã xuất hiện: chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn Trung-quốc.

Cả loài người biết suy nghĩ đang cảnh giác nhìn về Bắc-kinh, đặc biệt là từ ngày 17-2-1979, khi tập đoàn phản động Trung-quốc, do những nguyên nhân bên trong và bên ngoài thúc đẩy, đã tự lột mặt nạ cách mạng giả hiệu, liều lĩnh phát động cuộc chiến tranh xâm lược với quy mô lớn chống nước-Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, bộc lộ nguyên hình là tên xung kích phản cách mạng, đồng minh tận tụy và kẻ a tòng nhục nhã của chủ nghĩa đế quốc.

Thời đại ngày nay đang đặt ra những vấn đề thời sự nóng hổi là

chiến tranh, hòa bình và cách mạng. Trên những vấn đề cốt tử này của loài người nổi bật lên sự đối lập không thể dung hòa giữa những quan điểm cực kỳ phản động của bọn cầm quyền hiếu chiến Bắc-kinh và những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Trong cuộc đấu tranh chống bọn cầm quyền hiếu chiến Bắc-kinh, không thể không vạch trần tính chất phản động, phản khoa học, chống chủ nghĩa Mác - Lê-nin trong những quan điểm của chúng về chiến tranh và hòa bình. Chính những quan điểm phản động đó đã chỉ đạo những hành động bành trướng và xâm lược của chúng. Có hiểu rõ những quan điểm của chúng mới thấy rõ bọn phản động Bắc-kinh là kẻ thù nguy hiểm đối với hòa bình và an ninh của các dân tộc.

CHÂN TƯỢNG CỦA TẢ THUYẾT CHIẾN TRANH VẠN NĂNG

“Chủ bài của chúng ta là chiến tranh và chuyên chính”. Đây là một

tuyên bố mang tính cương lĩnh của tập đoàn phản động Bắc-kinh.

Thật không phải là ngẫu nhiên.

Chiến tranh luôn luôn là phương thức cuối cùng được ưa chuộng của tất cả mọi loại sô-vanh bánh trứng mà lịch sử đã từng biết.

Trong hệ tư tưởng của tập đoàn phản động Bắc-kinh, thuyết chiến tranh vạn năng giữ một vị trí đặc biệt nổi bật. Thuyết này đã gây nhiều mơ hồ lẫn lộn và đem lại nhiều hậu quả tệ hại nhất cho nhân dân Trung-quốc cũng như cho nhiều dân tộc khác trên thế giới.

Thuyết này không phải được hình thành một lần là xong hẳn. Nó đã trải qua một quá trình thay hình đổi dạng, sửa chữa và bổ sung tùy theo nhu cầu của đường lối và thực tiễn của tập đoàn đó trong từng thời kỳ.

Vì vậy chỉ có thể hiểu rõ thực chất của nó nếu xem xét nó trong mối quan hệ với đường lối bánh trứng, bá quyền và thực tiễn thi hành đường lối ấy của các thế lực cầm quyền ở Trung-quốc.

Ở thời kỳ mà nhiệm vụ chủ yếu của cách mạng Trung-quốc là giành chính quyền, nội dung của thuyết chiến tranh vạn năng tập trung ở tư tưởng sung bái bạo lực và đấu tranh vũ trang, tuyệt đối hóa vai trò của nó. Đầu cơ cách diễn đạt hình ảnh của Mác: bạo lực là bà đỡ của lịch sử, họ đã dựng lên một «chân lý»: «Chính quyền ở đầu ngọn súng, đầu ngọn súng sinh ra đủ thứ». Về thực tiễn thì những năm ấy quá trình cách mạng Trung-quốc đã diễn ra như thế này: các vấn đề quân sự được coi trọng vào bậc nhất, và phương thức đấu tranh vũ trang giữ ưu thế gần như tuyệt đối.

Từ những năm 60 trở đi, trong tình hình đã nằm trong tay một nước lớn và đông dân nhất thế giới, một nước nhờ cách mạng mà đã bắt đầu có uy tín và thanh thế trên trường quốc tế, lại gặp lúc phong trào cộng sản

thế giới gặp bước khó khăn, những người theo chủ nghĩa sô-vanh nước lớn trong giới cầm quyền Trung-quốc đã bộc lộ công khai tham vọng bá quyền, trước hết là bá quyền đối với các nước xã hội chủ nghĩa và phong trào cộng sản quốc tế. Tập đoàn cầm quyền ở Trung-quốc cho rằng thời cơ đã đến để áp đặt hệ tư tưởng của họ thay thế chủ nghĩa Mác - Lê-nin, giành ngọn cờ tiên phong cách mạng, biến Trung-quốc thành trung tâm của cách mạng thế giới, đưa Trung-quốc lên đứng đầu thế giới. Thuyết chiến tranh vạn năng mang cương lĩnh «cách mạng» ghê gớm: «dùng-chiến tranh tiêu diệt chủ nghĩa đế quốc, quét sạch chủ nghĩa đế quốc trên quả địa cầu». Về thực tiễn, họ tập trung sự chú ý vào xây dựng tiềm lực công nghiệp - quân sự, hết gây ra không hoảng giả tạo ở Đài-loan, kích động xung đột Xô - Mỹ, đèn lẩn chiếm bờ cõi Ấn-độ, rồi lại xâm phạm biên giới Liên-xô. Món hàng «chiến tranh nhân dân» kiểu Trung-quốc được bán rao và mang đi thử nghiệm ở nhiều nơi trên quả địa cầu.

Những năm 70 đánh dấu bước chuyển hẳn sang phía chủ nghĩa đế quốc của tập đoàn phản động Bắc-kinh. Bào chữa cho sự liên minh ma quỷ của họ với các thế lực đế quốc chủ nghĩa và các thế lực phản động khác chống ba dòng thác cách mạng của thời đại, tập đoàn cầm quyền phản động Bắc-kinh lại bổ sung vào thuyết chiến tranh vạn năng những «phát hiện» mới: chiến tranh hạt nhân thế giới tất yếu xảy ra, nguồn gốc chiến tranh chủ yếu bây giờ không phải là chủ nghĩa đế quốc mà là Liên-xô, Việt-nam, Cu-ba và các nước xã hội chủ nghĩa chân chính khác! Thật là khớp với cái lô-gích phản động đó, khi tập đoàn cầm quyền phân bội Bắc-kinh giở giọng: các anh đã vậy, chúng tôi phải là NATO phương Đông. Nào hỡi nhân dân «cách mạng» Trung-quốc! Hãy

ra tay! Dành bọn « đại bá » và « tiểu bá »!

Một nền hòa bình bền vững trên trái đất chỉ có thể duy trì với thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, vì chủ nghĩa xã hội là nhân tố tích cực nhất ngăn chặn chiến tranh thế giới. Song, đối với bọn cầm quyền phản động Trung-quốc thì tuyệt đối không có hòa bình lâu dài, hòa bình chỉ được xem như một sách lược tạm thời áp dụng vào mối quan hệ giữa các nước nhằm thay đổi đối sách lực lượng có lợi cho họ: cuối cùng tất phải dùng đến chiến tranh để giải quyết mọi việc. Không khác gì các vương triều ngày xưa ở Trung-quốc, tập đoàn phản động Bắc-kinh đồng nhất hòa bình với quyền bá chủ tuyệt đối của Trung-quốc. Để minh họa cho sự đồng nhất đó, vào năm 1958 họ nói: « Thật ra Thái-bình-dương ngày nay không lấy gì làm thái bình cho lắm. Trong tương lai khi nó chịu sự kiểm soát của ta thì mới có thể coi là thái bình ». Và gần đây họ đã khẳng định: « Đến năm 2000, biên giới Trung-quốc sẽ là biên giới không có hòa bình », « chiến tranh là một thực tiễn » và « nhân dân thế giới sẽ ở trong một cái thế hoàn toàn có lợi, khi chiến tranh nổ ra ». Như vậy, mọi dân tộc ngoài Trung-quốc chỉ còn có một thứ hòa bình: hòa bình nô lệ, hòa bình dưới sự thống trị của chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn Trung-quốc!

Thế đó, thuyết chiến tranh vạn năng của tập đoàn phản động Bắc-kinh không phải là một sự khám phá, một sự tổng kết lý luận hay khoa học nào. Nó mang tính chất thực dụng lộ liễu nhất. Tuy nhiên không nên vì thế mà không thấy nguồn gốc tư tưởng và xã hội — tâm lý sâu xa của nó.

Với đặc trưng là sự sùng bái bạo lực và đấu tranh vũ trang, thuyết chiến tranh vạn năng cũng như hệ tư tưởng mà nó là một bộ phận, có nguồn gốc tư tưởng — chính trị chủ

yếu là chủ nghĩa sô vanh đại dân tộc. Nó còn là sự hỗn hợp chiết trung của nhiều trào lưu tư tưởng phản động khác, từ chủ nghĩa vô chính phủ tiêu tư sản, chủ nghĩa xét lại « tả khuynh » và hữu khuynh, chủ nghĩa tư-rót-kit, đến cả những thuyết xã hội học hết sức phản động như thuyết Man-tuýt, thuyết đấu tranh sinh tồn sinh vật học, cùng với những luận điểm triết học giả danh mác-xít nhưng thực chất là duy ý chí, chủ quan và định mệnh chủ nghĩa.

Nó còn mang nguồn gốc xã hội — tâm lý đặc trưng của mảnh đất đã sinh ra nó. Lịch sử Trung-quốc là lịch sử hàng chục thế kỷ của chủ nghĩa quân phiệt, trong đó luôn luôn tồn tại cái cơ chế: có quân ắt có quyền, có súng thì có thể, có binh quyền là có lý, trong đó bạo lực và chiến tranh đồng nhất với sự tồn vong của triều đại, của chế độ. Việc cai quản bộ máy dân sự và quân sự — do đó quyền định đoạt vận mệnh đất nước — luôn luôn quy về một người. Thần dân sống trong tối tăm, cả xã hội mấy nghìn năm có rất ít truyền thống dân chủ. Cái cơ sở xã hội — tâm lý đó đang được thế lực cầm quyền phản động Bắc-kinh kế thừa và hiện đại hóa trong cái áo Mác — Lê-nin giả hiệu.

Phải lột trần sự xuyên tạc ghê tởm này.

Tập đoàn phản động Bắc-kinh chưa bao giờ am hiểu và giải quyết những vấn đề thực tiễn cách mạng nước họ trên lập trường thật sự mác-xít như vấn đề vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân trong cách mạng, vấn đề phương pháp cách mạng, vấn đề quan hệ dân tộc và quốc tế... Thông qua những người lãnh đạo mang nặng đầu óc dân tộc chủ nghĩa, chủ nghĩa Mác — Lê-nin được truyền bá vào Trung-quốc dưới một hình thức xuyên tạc, bóp méo, « Trung-quốc hóa » và ngày nay chỉ còn là cái vỏ bọc ngoài của

những lý thuyết dân tộc chủ nghĩa sô-vanh phản động nhất.

Thuyết chiến tranh vạn năng của tập đoàn phản động Bắc-kinh là một sự đánh tráo trắng trợn luận điểm Mác — Lê-nin về mối quan hệ giữa chiến tranh và chính trị. **Chủ nghĩa Mác — Lê-nin luôn luôn dạy rằng trước hết phải coi chiến tranh là sự kế tục của đường lối chính trị của giai cấp này hay giai cấp khác bằng những hình thức khác, cụ thể là hình thức đấu tranh vũ trang, tức là bằng cách sử dụng rộng rãi và có tổ chức các loại vũ khí thông qua các hành động quân sự của lực lượng vũ trang. Chủ nghĩa Mác — Lê-nin còn căn dặn nhiều lần rằng nếu xa rời quan điểm giai cấp này thì chẳng những sẽ rơi vào những sai lầm nghiêm trọng mà còn không phải là người xã hội chủ nghĩa nữa!**

Chiến tranh là sự tiếp tục của chính trị bằng thủ đoạn bạo lực, quan điểm đó phải dựa trên cơ sở phân tích tính chất giai cấp của chính trị, từ đó phân tích tính chất của chiến tranh. Muốn hiểu chiến tranh phải hiểu đúng đường lối chính trị của các bên tham chiến, có nghĩa là tìm hiểu mục đích mà mỗi bên tham chiến theo đuổi, tìm xem những giai cấp nào đã chuẩn bị và chỉ huy cuộc chiến tranh đó, từ đó mà xác định thái độ đối với từng cuộc chiến tranh cụ thể. Nhưng không bao giờ và không ở đâu chủ nghĩa Mác — Lê-nin lại đồng nhất chính trị với chiến tranh, cho rằng chính trị và các phương thức thực hiện đường lối chính trị chỉ là chiến tranh, cho chiến tranh là biện pháp duy nhất, là quốc sách, có thể giải quyết ngay một lúc tất cả các vấn đề xã hội. Chính trị là một hiện tượng xã hội muôn hình muôn vẻ và phức tạp hơn nhiều so với chiến tranh. Chiến tranh chỉ là một công cụ, một bộ phận của chính trị. Chiến tranh phi nghĩa vốn thuộc bản chất của chủ

nghĩa đế quốc; nói một cách khác, nguồn gốc của các cuộc chiến tranh phi nghĩa là chủ nghĩa đế quốc. Không phải đối với bất cứ cuộc chiến tranh nào, người cách mạng cũng phản đối. Người cách mạng ủng hộ những cuộc chiến tranh chính nghĩa, tức là những cuộc chiến tranh mà giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động đông đảo phải sử dụng khi không thể thực hiện đường lối chính trị của mình bằng phương thức không chiến tranh. Song người mác-xít không phải là người theo chủ nghĩa bạo lực trong việc giải quyết các quan hệ nội bộ và quốc tế, càng không hiểu bạo lực cách mạng chỉ là đấu tranh vũ trang. Cái bạo lực mà tập đoàn phản động Bắc-kinh sùng bái là cái bạo lực phản cách mạng, xuất phát từ những mục tiêu chống phá cách mạng, bên trong nhằm đàn áp nhân dân, diệt trừ phe phái đối lập, giành quyền lực cho một cá nhân hay một tập đoàn, bên ngoài nhằm mục tiêu bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn. Những cuộc chiến tranh mà chúng đã ủng hộ nhiệt liệt và hò hét phát động đều là chiến tranh phi nghĩa vì lợi ích ích kỷ của một nhóm nhỏ thống trị nhân dân, là chiến tranh mở rộng lãnh thổ, khôi phục lại vương quốc của các triều đại phong kiến cũ, nô dịch các dân tộc khác, là chiến tranh phản lại lợi ích của ngay chính nhân dân nước họ.

Khi họ còn đứng trong hàng ngũ cách mạng thì thuyết sùng bái bạo lực, chiến tranh vạn năng mang nặng tính chất vô chính phủ, tính chất « cách mạng đầu lưỡi »; đến nay, khi những kẻ đề xướng ra nó đã liên kết toàn diện với chủ nghĩa đế quốc và mọi thế lực phản động trên thế giới chống các nước xã hội chủ nghĩa và các lực lượng cách mạng khác, nhằm thực hiện chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc, bá quyền nước lớn, thì thuyết đó hoàn toàn mang tính chất phản động.

THUYẾT CHIẾN TRANH VẠN NĂNG, MỘT CÔNG CỤ TƯ TƯỞNG ĐỘC HẠI CỦA CHỦ NGHĨA BÁNH TRƯỞNG ĐẠI DÂN TỘC VÀ BÁ QUYỀN NƯỚC LỚN

«Nếu những định lý hình học mà phạm tới quyền lợi của người ta thì nhất định người ta sẽ tìm cách bác bỏ nó đi». Trường hợp của chủ nghĩa thực dụng về chính trị của tập đoàn phản động Bắc-kinh đúng là như vậy. Tập đoàn này đã bác bỏ những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về chiến tranh, hòa bình và cách mạng để cho ra đời những lý luận phù hợp với đường lối chính trị từng lúc của họ. Thuyết chiến tranh vạn năng là con đẻ của đường lối chính trị phản động của tập đoàn cầm quyền Bắc-kinh làm công cụ phục vụ cho đường lối ấy.

«Trị quốc» đề «bình thiên hạ» là truyền thống xưa nay của bọn thống trị ở Trung-quốc. Thuyết chiến tranh vạn năng trước hết là vũ khí chiến tranh tâm lý hướng vào bên trong, là con chủ bài để tạo lập một chế độ chuyên chế quan liêu quân phiệt, để quân phiệt hóa đời sống chính trị, quân sự hóa đất nước, chuẩn bị cho những cuộc viễn chinh bánh trướng bá quyền. Hậu quả trực tiếp của luận thuyết mác-xít giả hiệu về chiến tranh cách mạng vạn năng là sự thịnh phát của chủ nghĩa quân phiệt Trung-quốc.

Mấy chục năm qua, dưới một chế độ công hữu về mặt hình thức bề ngoài, dưới sự kiểm soát của mũi súng, gần một tỷ người sống trong cơn sốt chuẩn bị đối phó với «*nguy cơ liên công bất ngờ từ phương Bắc*», đào hầm sâu, tích trữ lương thực khắp nơi, chịu đựng một mức sống thấp nhất theo chủ nghĩa khổ hạnh được ca ngợi, tất cả vì «*sự vĩ đại của dân tộc*». «*sự vĩ đại của người cầm đầu*», Đỉnh cao của trấn áp là «*đại cách mạng văn hóa vô sản*», thực chất là một cuộc thanh trừng đẫm

máu, phá vỡ những cơ sở và thể chế dân chủ được xây dựng trong những năm cách mạng, phá vỡ đảng cộng sản, biến nó thành một đảng theo chủ nghĩa dân tộc nước lớn, khoác áo cộng sản. Một tập đoàn quân phiệt quan liêu đã thật sự hình thành, lúc tạm thời hòa hoãn, lúc diệt trừ lẫn nhau giành quyền, cướp ngôi. Những cơ sở kinh tế xã hội chủ nghĩa bước đầu được xây dựng đã biến chất, mục tiêu xã hội chủ nghĩa thật sự trong sự phát triển kinh tế quốc dân đã bị xóa bỏ, nền kinh tế bị lái đi theo con đường quân sự hóa, làm ra «*vũ khí và sắt thép*» phục vụ chiến tranh.

Dưới chế độ thống trị của tập đoàn cầm quyền phản động Bắc-kinh, nhân phẩm con người bị chà đạp trong các công xã - trại lính, bị đầu độc bằng sự mê hoặc, các giá trị xã hội bị đảo lộn, tiêu chuẩn chân lý dường như không còn nữa.

Thuyết sùng bái bạo lực, chiến tranh vạn năng đặt quân đội vào một vị trí tuyệt đối. Hàng chục năm qua quân đội Trung-quốc ngày càng bị dút sâu vào con đường phản động hóa. Những nguyên tắc cơ bản về xây dựng quân đội kiểu mới của giai cấp công nhân và nhân dân lao động không còn được áp dụng. Những năm 60, bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh tiến hành nhiều cuộc thanh trừng ồ ạt từ nguyên soái đến cấp dưới, xây dựng mô hình người «*chiến sĩ Lôi-Phong*» mà tiêu chuẩn là lòng trung thành với «*tư tưởng*» của kẻ cầm đầu.

Từ cuối những năm 60, quân đội Trung-quốc đã thật sự trở thành công cụ của nền chuyên chính quan liêu quân phiệt với những chức năng và nhiệm vụ chính trị tương ứng. Quân

đội trở thành công cụ giành quyền lực tuyệt đối cho cá nhân. Quân đội được dùng để kiểm soát Đảng. Mỗi khi cần tranh giành quyền lực trong Đảng, những kẻ nắm quân đội lại chĩa nó ra như một thanh gươm treo trên đầu hoặc bỏ xuống phe phái chống đối.

Quân đội đặt bàn tay kiểm soát vào các lĩnh vực của đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa của xã hội. Quân đội đã đứng lên trên nhân dân, không còn là một với nhân dân. Cái gọi là « trường học tư tưởng » của quân đội Trung-quốc là gì ? Là quân đội được nuôi dưỡng bằng hệ tư tưởng, bằng chủ nghĩa, bằng học thuyết hoàn toàn không có gì giống với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, được nhồi sọ các loại kinh về « *dấu tranh giai cấp tàn khốc dưới chuyên chính vô sản* », « *dấu tranh giai cấp liên miền hàng vạn năm* », về « *trước hết là phá, trong phá có xây* », về « *chiến tranh rền rục dân tộc và thúc đẩy lịch sử tiến lên* », v.v. và v.v. Thực chất là quân đội được nuôi dưỡng bằng chủ nghĩa dân tộc sô-vanh nước lớn, bằng sự phục tùng mù quáng, sự tàn bạo dưới nhãn hiệu « *dấu tranh giai cấp quyết liệt* ». Quân đội Trung-quốc ngày nay đã thoái hóa về chức năng đối nội và biến chất về chức năng đối ngoại.

Giải thích làm sao những hành động tàn sát và phá hoại ghê tởm mà quân lính Trung-quốc đã phạm trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam vừa qua ?

Giải thích làm sao khi lính Trung-quốc xông lên hết đợt này đến đợt khác với lá bùa hộ mệnh trong túi áo và dưới họng súng ngắn của bọn chỉ huy ?

Quân đội Trung-quốc, đội quân đông hàng triệu người từng có những truyền thống cách mạng quang vinh và thành tích anh hùng trong cuộc đấu tranh của nhân dân Trung-quốc giành độc lập và tự do, đội quân ấy,

cái quần thê cầm súng ấy ngày nay đã biến chất đến mức nào ! Nó đã là công cụ thực hiện chính sách bành trướng bá quyền, đã trở thành đội quân xâm lược, thành lực lượng thủ địch đe dọa nghiêm trọng nền độc lập của các dân tộc và hòa bình trên thế giới.

« *Chủ bài* » chiến tranh là xương sống của đường lối đối ngoại của tập đoàn phản động Bắc-kinh. Đường lối ấy tóm tắt lại là :

Liên minh với chủ nghĩa đế quốc và các giới tư bản Mỹ - Nhật-bản - Tây Âu ;

Giành bá chủ ở Đông Nam châu Á và tiến lên làm bá chủ toàn thế giới ;

Chĩa đòn dả kích chủ yếu vào Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa chân chính khác.

Phương thức giải quyết các mối quan hệ quốc tế của chúng là chiến tranh. Họ chẳng đã từng nói : « *Chỉ có dùng súng mới có thể cải tạo toàn bộ thế giới* » — « *Hòa bình chỉ là hiện tượng tạm thời và bề ngoài* » — « *Hòa bình trên thế giới không thể kéo dài một thế hệ, mỗi thế hệ đều có chiến tranh* », « *Muốn thắng lợi hoàn toàn trên thế giới giai cấp vô sản (!) không thể không dùng đến chiến tranh* », đó sao ?

Nếu chiến tranh là vạn năng thì « *thiên hạ đại loạn* » rõ ràng là tốt. Ngoài mục tiêu tâm lý vẽ lên bức tranh ảm đạm và đen tối về thế giới làm cái nền chung hòa tan cảnh hỗn loạn triền miên trên đất Trung-hoa, luận điểm ấy chủ yếu là biện hộ cho chính sách quốc tế phản động của tập đoàn cầm quyền phản động Bắc-kinh.

Đó là chính sách gây căng thẳng và xung đột khắp nơi. Thế giới càng hỗn loạn, Trung-quốc càng rảnh tay xây dựng nhanh chóng đề trở thành cường quốc số một. Trong những cuộc xung đột ấy, Trung-quốc luôn luôn tiếp tay cho các loại phản động trên thế giới chống các lực lượng cách

mạng và giải phóng. Từ Chi-lê đến Ăng-gô-la, từ Ê-ti-ô-pi-a đến Ăp-ga-ni-xtan, hành động của bọn phản động cầm quyền Bắc-kinh đều là như vậy.

Đó là chính sách làm chiến tranh bằng tay người khác. Cả thế giới đều biết: Trung-quốc muốn đánh Mỹ đến người Việt-nam cuối cùng, muốn đánh Việt-nam đến người Cam-pu-chia cuối cùng, muốn đánh «đế quốc xã hội Liên-xô» (1) đến người Tây Âu cuối cùng. Điều kể «ngồi trên núi xem hai hổ đánh nhau» của các thiên triều Trung-quốc truyền lại cho họ như vậy. Cảnh ngộ «Tâm đa lực thiếu», mưu thì sâu mà tay lại ngắn, bày ra cho họ làm như vậy. Ấu đó cũng là đặc điểm của bọn điều hầu Bắc-kinh.

Đó là chính sách xuất khẩu phần cách mạng sang các nước khác. Nơi thì chúng đẩy đảng phụ thuộc chúng vào con đường phiêu lưu bạo động đơn độc và tuyệt vọng để bị dân áp đảo mâu và bị tiêu diệt. Nơi thì chúng phải lủ tay sai đủ loại đến để khiêu khích, chia rẽ, và lật đổ. Nơi thì chúng dùng đạo quân thứ 5 phá rối, gây bạo loạn, chờ thời cơ tiếp tay cho họ xâm lược.

Đó là chính sách «viễn giao cận công», xa thì kết giao chờ thời nhằm lúc, gần thì dựa vào thế đông dân, liên đất, gây xung đột biên giới, sáp nhập đất đai, tiến công trực diện và thôn tính. Mấy chục năm qua, hầu hết các nước láng giềng, từ những nước lớn như Liên-xô, Ấn-độ, đến những nước nhỏ hơn như Miên-điện, Mông-cô, Việt-nam, đều phải đối phó với hành động chiến tranh của Bắc-kinh như vậy.

Vô cùng nguy hiểm là âm mưu kích động cuộc đụng đầu hạt nhân thế giới, giữa Liên-xô và Mỹ. Một cuộc tính toán tốt cùng ích kỷ và độc ác. Hai «siêu cường» vì đánh nhau mà tan nát, kiệt quệ. Mấy trăm triệu «dòng dõi con trời» sống sót (chắc không?) sẽ còn tạm đủ để nghiền nhien tràn ra chiếm lĩnh thế gian, thiết lập nên «văn minh công xã» rực rỡ trên cả hành tinh này. Những tham vọng đang nuog nấu dầu óc tập đoàn phản động Bắc-kinh quá dị biệt chừng nào!

Tất cả những âm mưu, ý đồ chiến tranh trên đây của tập đoàn phản động Bắc-kinh đều được tính toán trên sự thống nhất về lập trường phản cách mạng với chủ nghĩa đế quốc và tất cả mọi thế lực phản động đen tối nhất trên thế giới. Chế độ quan liêu quân phiệt và đường lối hành trưởng đại dân tộc, bá quyền nước lớn của chúng đang thật sự là một nguồn gốc mới gây ra chiến tranh ở thời đại chúng ta bên cạnh nguồn gốc chiến tranh là chủ nghĩa đế quốc. Minh họa cho điều đó là sự câu kết Trung-quốc — Mỹ — Nhật được thể nghiệm bước đầu trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam ta vừa qua.

Cuộc đấu tranh chống tập đoàn phản động Bắc-kinh không thể dừng lại ở việc chặn đứng mọi âm mưu gây chiến của chúng, chặn đứng những cuộc chiến tranh phản cách mạng mà chúng gây ra ở nơi này hoặc nơi khác. Cuộc đấu tranh đó đòi hỏi phải được tiến hành cho đến khi tập đoàn phản động Bắc-kinh bị nhân dân Trung-quốc đánh đổ và như vậy là thủ tiêu chế độ chính trị tội lỗi hiện hành ở Trung-quốc.

CON ĐƯỜNG TUYỆT VỌNG TẮT YẾU CỦA THUYẾT CHIẾN TRANH VẠN NĂNG

Ngày nay khi cuộc sống dưới chế độ tư bản chủ nghĩa còn đầy dẫy đau khổ, bất công, bị kịch và chần động,

thì lý tưởng và hình ảnh của chủ nghĩa xã hội tươi đẹp đang thu hút trái tim khối óc của hàng triệu con

người trên trái đất, đó là sự giải phóng khỏi ách bóc lột và áp bức, là cuộc sống lao động hạnh phúc trong hòa bình, là tình hữu nghị anh em chân thật giữa các dân tộc, là trình độ chính trị, văn hóa, khoa học, kỹ thuật ngày càng cao và sự phát triển toàn diện của con người mới trong thời đại mới.

Trở trên thay, đất nước của « đại cách mạng văn hóa vô sản » lại đang là tấm gương phản diện chưa chút nhất! Đề bài học thuyết của Mác và Lê-nin, các chuyên gia tâm lý chiến bậc thầy của giai cấp tư sản còn gì để mà bổ sung?

Nhưng nếu có một thầy học nào nghiêm khắc, thì đó là lịch sử. Thử điểm lại mà xem, có bao giờ thuyết chiến tranh vạn năng của tập đoàn phản động Bắc-kinh đem lại cho họ một ánh hào quang dù là mờ nhạt? Chiến tranh không thể là vạn năng đối với họ cũng như chưa từng là vạn năng đối với Hốt-Tát-Liệt, Na-pô-lê-ông, Hit-le, thiên hoàng Nhật-bản.

Phân tích những quan điểm phản mác-xít trong hệ tư tưởng của tập đoàn phản động Bắc-kinh cùng lý luận và thực tiễn quân sự của họ, càng thấy tính chất tuyệt vọng tất yếu về mặt lịch sử của những ý định và những kế hoạch phiêu lưu của họ. Vì sao thuyết chiến tranh vạn năng cũng như toàn bộ hệ tư tưởng đó tất yếu phải phá sản? Vì nó đi ngược lại quy luật phát triển khách quan của lịch sử và xu hướng cơ bản của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Xu hướng này xuất phát từ đối sánh lực lượng đã thay đổi trên thế giới có lợi cho hòa bình, không có lợi cho bọn gây chiến, có lợi cho cách mạng, không có lợi cho bọn phản cách mạng.

Về bản chất, thuyết chiến tranh vạn năng cũng như toàn bộ hệ tư tưởng của bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh là một trào lưu dân tộc chủ

nghĩa sô vanh phản động và hiếu chiến nhất trong thời đại ngày nay. Nó đang vấp phải đòn giáng trả quyết liệt của các dân tộc tha thiết đấu tranh cho các mục tiêu của thời đại. Chẳng phải là tập đoàn phản động Bắc-kinh hàng chục năm qua đã đem thuyết đó đi thử nghiệm nhiều nơi đó sao? Những cuộc « cách mạng » kiểu âm mưu đảo chính quân sự đơn độc tách khỏi cao trào cách mạng của nhân dân, những cuộc « chiến tranh du kích » trường kỳ do các bọn tay sai của Bắc-kinh đội lốt cộng sản tiến hành tại các nước Đông Nam châu Á, những cuộc tiếp tay dây máu ăn phần ở lục địa châu Phi, chưa mang về cho chúng món thu nào cả. Tiêu biểu cho thất bại của chúng là cuộc chiến tranh xâm lược nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam. Đụng đầu với một dân tộc anh hùng, có ý chí kiên cường bất khuất, có đường lối chỉ đạo đúng đắn, có tài thao lược truyền thống, có lực lượng vũ trang bách chiến bách thắng, có sự ủng hộ và giúp đỡ to lớn và có hiệu lực của Liên-xô — nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên trái đất — và của các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, có sự đồng tình, ủng hộ quốc tế mạnh mẽ, những lá bài của Bắc-kinh như chiến lược biền người, ưu thế địa lý liên đất liền nước, đội quân thứ 5, sự cầu kết và ủng hộ của chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động quốc tế, v.v. đều thất bại.

Tập đoàn phản động Bắc-kinh đóng lòng đạo diễn cái trò « trai cò găm nhau ngư ông tóm gọn », làm chiến tranh bằng tay người khác, thúc đẩy cuộc sát phạt hạt nhân thế giới để trục lợi chẳng? Lẽ nào chỉ có chúng biết tính toán, còn các đối thủ của chúng và đồng minh của chúng thì không! Bọn đế quốc dù có tham lam trong buôn bán chính trị với chúng đến đâu thì cũng chỉ là để giành được nhiều lợi nhất, dùng chúng như một con bài, như một tên xung kích mới

để đánh phá cách mạng của nhân dân thế giới, hơn là vì chúng mà dẫn thân vào những cuộc phiêu lưu trong đó sự sống còn của bọn đế quốc đang cơn suy yếu lúc này lại được đưa ra đánh cược.

Chưa bao giờ những kẻ dễ xướng và múa may thuyết chiến tranh vạn năng lại phơi bày bộ mặt cách mạng giả hiệu của chúng như ngày nay, đặc biệt là qua cuộc chiến tranh xâm lược bản thù đầy tội lỗi chống Việt-nam.

Xâm lược nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, bọn cầm quyền phản động Trung-quốc đánh vào một dân tộc từ lâu vốn là người anh em chiến đấu của nhân dân cách mạng Trung-quốc, một dân tộc mà cuộc chiến đấu anh hùng đã là biểu tượng của độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội. Cho nên mọi màn khói nguy trang cách mạng giả hiệu của chúng lập tức tan biến. Qua tiếng súng xâm lược của tập đoàn phản động Bắc-kinh và tiếng súng giáng trả của quân và dân Việt-nam, giữa chính nghĩa và phi nghĩa, cách mạng và phản cách mạng, giữa chống đế quốc và cầu kết với đế quốc, giữa văn minh và bạo tàn, đã có sự phân định rõ ràng. Tập đoàn phản động Bắc-kinh lộ nguyên hình là bọn phản bội lớn nhất thời đại, bọn phản cách mạng, phản chủ nghĩa Mác — Lê-nin.

Không chỉ có thế. Đằng sau những lời hô hét ba hoa về « chiến tranh cách mạng », những hành động của chúng như kêu gọi tăng cường hơn nữa khối quân sự Bắc Đại-tây-dương, tăng cường sự hiện diện quân sự của Mỹ ở Địa-trung-hải, ở Thái-bình-dương, ở Ấn-độ-dương, ở Đông Nam Á, ủng hộ những yêu sách về lãnh thổ của bọn phục thù Tây Đức và bọn quân phiệt Nhật-bản, v.v., đã vạch mặt chúng là kẻ đã thật sự đứng vào hàng trận kẻ thù của hòa bình và an ninh của các dân tộc. Chúng đang bị cô lập hơn bao giờ hết. Có thể khẳng

định, luận điệu « cách mạng cực tả » của chúng đã hết thời.

Nhân dân cách mạng Trung-quốc, những người cộng sản Trung-quốc chân chính hẳn chưa quên lời Mác: một dân tộc đi áp bức một dân tộc khác thì không thể nào có tự do.

Thuyết chiến tranh vạn năng, toàn bộ chính sách « bên miệng hổ chiến tranh » của tập đoàn phản động Trung-quốc đang là tai họa khôn lường đối với nhân dân Trung-quốc. Nó đi ngược lại quy luật khách quan của sự phát triển xã hội ở Trung-quốc. Sự biến chất của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội, việc quân sự hóa nền kinh tế và đời sống nhân dân, những cuộc vung phí sức người, tiền của vào các cuộc phiêu lưu quân sự đủ mọi tầm cỡ, đã và đang làm cho tình hình kinh tế — chính trị — xã hội của đất nước Trung-hoa ngày càng tồi tệ, không một sự tiếp sức nào của chủ nghĩa đế quốc thế giới gỡ khỏi tình trạng ấy. Tập đoàn phản động Bắc-kinh lừa mình dối người đến mức coi thể là « đại trị » ư? Mỗi cuộc « trấn phản » trong nước, mỗi cuộc lấn chiếm lãnh thổ nước láng giềng, mỗi cuộc viễn chinh bành trướng bá quyền — trong bất cứ cuộc nào do tập đoàn phản bội Bắc-kinh phát động, nhân dân Trung-quốc vẫn là vật hy sinh. Nhưng sức nén càng căng thì sức bật càng mạnh. Sự thức tỉnh, sự vùng dậy của nhân dân cách mạng Trung-quốc vốn có truyền thống cách mạng vẻ vang, của những người cộng sản Trung-quốc chân chính đã từng tiếp thu chủ nghĩa Mác — Lê-nin, là tất yếu. Họ sẽ tự giải thoát khỏi sự đầu độc của các quan diêm dân tộc sô-vanh, bành trướng bá quyền và hiếu chiến. Họ quyết không để đất nước mình chứa chất một lò lửa chiến tranh nguy hiểm cho loài người và cho chính họ. Họ sẽ đánh đổ tập đoàn cầm quyền phản bội, phản động ở Bắc-kinh

Hơn một tháng nay, một cuộc tập hợp và biểu dương lực lượng dòng đảo, mạnh mẽ, khàn trương hiểm thấy đã diễn ra trên toàn thế giới ủng hộ Việt-nam chiến đấu chống bọn Trung-quốc xâm lược. Liên minh vĩ đại này, mặt trận toàn cầu của các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên hành tinh chúng ta là phản ánh sinh động, cụ thể đối sánh lực lượng ngày nay trên thế giới đã thay đổi có lợi cho cách mạng và không có lợi cho chủ nghĩa đế quốc và phản động. Trong thế tiến công của ba dòng thác cách mạng lớp lớp dâng lên, các dân tộc lần lượt đứng lên làm chủ vận mệnh của mình. Cũng chung số phận với những âm mưu của chủ nghĩa đế quốc, mưu đồ bá chủ thế giới của tập đoàn phản động Bắc-kinh nhất định sẽ bị chặn đứng và bị đập tan. Những

luận thuyết chiến tranh phản động, mác-xít giả hiệu sẽ bị bánh xe lịch sử nghiền nát, sẽ cùng với những kẻ đã nặn ra chúng đi gặp « ma vương »

Trước mắt, với những hành động chiến tranh điên cuồng, với tinh chất phiêu lưu mù quáng của chúng, tập đoàn phản động Bắc-kinh cầu kết toàn diện với chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động khác, đang là một lực lượng phá hoại đáng kể đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới, đặc biệt đang là kẻ thù trực tiếp và nguy hiểm của các dân tộc ở Đông Nam châu Á, trong đó người đang phải đương đầu trực tiếp với chúng là các dân tộc trên bán đảo Đông-dương.

Nhưng kẻ ham chơi với lửa sẽ có ngày chết thui...!



Điều hâu ở Trung-nam-hải :

— Họ nói sai đấy !... lời là « công thật mà... !

КОММУНИСТИЧЕСКИЙ ЖУРНАЛ № 4, 1979 г.

ПЕРЕДОВАЯ — Значение поражения китайских реакционеров — агрессоров. ЛЕ ЧОНГ ТАН — Решительно сорвать агрессивные происки китайских реакционеров. ХОАНГ ВАН КЬЕУ — Мужественная борьба населения национальных меньшинств против китайских захватчиков. ЛЫУ КЮН КИ — Большая победа разума — и стремления человечества. ТХАНЬ ШОН — Лаосский народ решительно отстаивает свою независимость, суверенитет и территориальную целостность. ВАН ХЬЕН — Китайская политика экспансии и великодержавного гегемонизма в Юго — Восточной Азии. ЛЕ СУАН ЛЫУ — Теория всемогущества войны на вооружении пекинской реакционной группировки.

...

REVIEW OF COMMUNISM № 4 — 1979

Editorial — The significance of the failure suffered by the reactionary Chinese aggressors. *LÊ-TRỌNG-TẤN* — Determined to smash the aggressive designs of the Chinese reactionaries. *HOÀNG-VĂN-KIỆU* — People of all nationalities living in areas along the northern border firmly oppose the Chinese aggressors. *LƯU-QUÝ-KỶ* — The great victory of mankind's conscience and aspiration. *THANH-SƠN* — The people of Laos are determined to defend their independence, sovereignty, and territorial integrity. *VĂN-HIÊN* — Chinese expansionism and great-nation hegemonism in Southeast Asia. *LÊ-XUÂN-LỰU* — The theory of omnipotent war in the hands of the Peking reactionary clique.

...

REVUE DU COMMUNISME № 4 — 1979

Éditorial — La signification de la défaite des réactionnaires chinois agresseurs. *LÊ-TRỌNG-TẤN* — Déterminés à anéantir les desseins d'agression des réactionnaires chinois. *HOÀNG-VĂN-KIỆU* — La population des ethnies minoritaires de la frontière septentrionale lutte avec fermeté contre les Chinois agresseurs. *LƯU-QUÝ-KỶ* — La grande victoire de la conscience et de l'aspiration de l'humanité. *THANH-SƠN* — Le peuple Lao est résolu à défendre l'indépendance, la souveraineté et l'intégrité territoriale de son pays. *VĂN-HIÊN* — L'expansionnisme et l'hégémonisme de grande puissance de la Chine en Asie du Sud-Est. *LÊ-XUÂN-LỰU* — La théorie de l'omnipotence de la guerre entre les mains de la clique réactionnaire de Pékin.

...

REVISTA DEL COMUNISMO № 4 — 1979

Editorial — La significación del fracaso de los agresores reaccionarios chinos. *LÊ-TRỌNG-TẤN* — A destrozar con resuelto las maniobras agresivas de los reaccionarios chinos. *HOÀNG-VĂN-KIỆU* — La riposta enérgica de nuestras minorías étnicas en la región fronteriza norte contra la agresión china. *LƯU-QUÝ-KỶ* — La gran victoria de la conciencia y de las aspiraciones de la humanidad. *THANH-SƠN* — La determinación de salvaguardar la independencia, la soberanía y la integridad territorial del pueblo laosiano. *VĂN-HIÊN* — La política expansionista y hegemónica de gran potencia de China en el Sureste de Asia. *LÊ-XUÂN-LỰU* — La teoría de la omnipotencia de la guerra en la mano de la camarilla reaccionaria de Pekín.

..

MỤC LỤC

Xã luận - Ý nghĩa thất bại của bọn phản động Trung-quốc xâm lược.

LÊ-TRỌNG-TẤN — Kiên quyết đập tan âm mưu xâm lược của bọn phản động Trung-quốc. 10

HOÀNG-VĂN-KIỀU — Các dân tộc vùng biên giới phía bắc kiên cường chống giặc Trung-quốc xâm lược. 17

Trên tiền tuyến chống Trung-quốc xâm lược — HOÀNG-TRƯỜNG-MINH

— Lạng-sơn giáng trả quyết liệt quân Trung-quốc xâm lược ★

LUONG-ÍCH-LẬP — Cao-bằng quyết thắng bọn Trung-quốc xâm

lược ★ **DUYÊN-VIỆT-TIẾN** — Toàn tỉnh Hoàng-liên-sơn nhất

tề đứng dậy bảo vệ Tổ quốc ★ **NGUYỄN-ĐỨC-TẮM** — Quân

và dân Quảng-ninh đánh giặc giỏi, thắng lớn ★ **NGUYỄN-ĐỨC** —

Hà-tuyên chiến thắng quân phản động Trung-quốc xâm lược ★

HOÀNG-TINH — Thắng lợi oanh liệt của quân và dân Lai-châu 22

PHAN-LANG — Thất bại của chủ nghĩa bành trướng Trung-quốc 49

LUU-QUÝ-KỲ — Thắng lợi to lớn của lương tri và ước vọng của loài người. 55

LÊ-QUÝ — Cuộc xâm lược của Trung-quốc : sự phân vai giữa bọn bành trướng Bắc-kinh và bọn đế quốc. 62

THANH-SON — Nhân dân Lào kiên quyết bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của mình. 66

VĂN-HIỀN — Chính sách bành trướng và bá quyền nước lớn của Trung-quốc ở Đông Nam châu Á. 71

LÊ-XUÂN-LỰU — Thuyết chiến tranh vạn năng trong tay tập đoàn phản động Bắc-kinh 79

970211
Tìm đọc:

C. MÁC – PH. ĂNG-CHEN

V. I. LÊ-NIN – I. V. XTA-LIN

Về thanh niên

HỒ - CHÍ - MINH

**Về vai trò và nhiệm vụ
của thanh niên**



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

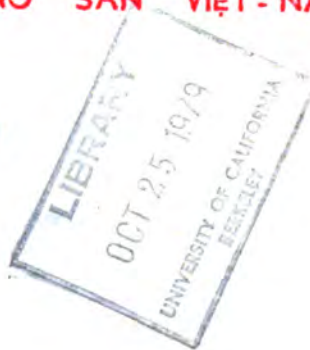
In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Chi số: 12651

Giá:

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT - NAM



5

5.1979

Xã luận

LẬP TRƯỜNG CHÍNH NGHĨA CỦA TA

ĐẢNG, Chính phủ và nhân dân ta rất quý trọng quan hệ hữu nghị với nhân dân Trung-quốc, trước sau như một luôn luôn mong muốn giữ gìn và phát triển quan hệ hữu nghị đó. Trong những năm qua, do những nguyên nhân không phải từ phía chúng ta, quan hệ giữa nước ta và Trung-quốc ngày càng xấu đi. Mặc dù như vậy, Đảng, Chính phủ và nhân dân ta luôn luôn tự kiểm chế, kiên trì chủ trương giải quyết mọi tranh chấp giữa hai bên bằng thương lượng. Trong lúc đó, những người cầm quyền Trung-quốc thì hành chính sách ép buộc Việt-nam phải từ bỏ đường lối độc lập, tự chủ của mình để đi theo đường lối của Trung-quốc. Họ ngày càng ráo riết thực hiện chính sách thù địch chống Việt-nam, đi ngược lại linh hữu nghị truyền thống giữa nhân dân hai nước, đi ngược lại lợi ích của chính nhân dân Trung-quốc. Những người cầm quyền Trung-quốc tìm mọi cách bao vây và uy hiếp Việt-nam, phớt lờ các thủ đoạn gây sức ép từ bên ngoài với gây bạo loạn từ bên trong, nhằm làm suy yếu Việt-nam, buộc Việt-nam phải phụ thuộc vào Trung-quốc.

Liên tiếp thất bại trong âm mưu và hành động chống phá Việt-nam, các nhà cầm quyền Trung-quốc đã trực tiếp gây chiến tranh xâm lược chống Việt-nam. Ngày 17-2-1979 họ đã huy động hơn 60 vạn quân tiến công Việt-nam trên toàn tuyến biên giới Việt — Trung. Đây là một cuộc chiến tranh xâm lược có tính toán và được chuẩn bị từ lâu nhằm thực hiện chính sách bành trướng và bá quyền nước lớn của Trung-quốc ở Việt-nam, Đông-dương và Đông Nam châu Á. Trong khi xâm lược Việt-nam, binh lính Trung-quốc đi đến đâu cũng bắn giết, tàn phá cực kỳ dã man. Chúng đã triệt hạ các khu đông dân, các cơ sở kinh tế, văn hóa, các công trình giao thông đường bộ và đường sắt. Chúng đã gây ra nhiều vụ thảm sát ở các địa phương chúng đi qua. Những tội ác mà bọn Trung-quốc xâm lược đã gây ra ở nước ta làm cho nhân dân ta và cả loài người căm giận. Nhân dân ta và nhân dân thế giới đòi những kẻ đã gây ra chết chóc và tàn phá trên đất nước ta phải có trách nhiệm đối với việc hàn gắn các vết thương chiến tranh do họ gây ra.

Đứng trước sự xâm lược của Trung-quốc, nhân dân Việt-nam nhất tề đứng lên, sử dụng quyền tự vệ chính đáng, kiên quyết chiến đấu để bảo vệ độc lập, chủ quyền, và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Cả loài người tiến bộ phần nộ lên án Trung-quốc xâm lược Việt-nam. Thể hiện tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân thế giới đối với Việt-nam, Hội nghị quốc tế khàn cấp về Việt-nam, với sự tham gia của đại biểu hơn 100 nước và 30 tổ chức quốc tế, họp ở Hen-xin-ki đầu tháng 3-1979 đã « biểu thị sự công phần và giận dữ sâu sắc của mình trước cuộc xâm lược của Trung-quốc ở Việt-nam ». (Tuyên bố của hội nghị). Hội nghị đã lớn tiếng tuyên bố: « Cuộc đấu tranh của nhân dân Việt-nam là sự nghiệp của tất cả các lực lượng tiến bộ. Nước Việt-nam chiến đấu có bên cạnh mình cả một đội quân bách chiến bách thắng của dư luận toàn thế giới ».

Bị thất bại ở chiến trường và bị dư luận thế giới lên án mạnh mẽ, Chính phủ Trung-quốc đã phải tuyên bố rút toàn bộ quân đội của họ về nước. Tuy vậy, đến nay quân Trung-quốc vẫn còn đóng ở hơn 10 điểm trên lãnh thổ Việt-nam. Đó là điều nhân dân ta quyết không thừa nhận.

Chính phủ ta đã nhiều lần tuyên bố: những người cầm quyền Trung-quốc đã gây chiến tranh xâm lược Việt-nam thì họ phải vĩnh viễn chấm dứt xâm lược, phải rút ngay, rút hết, rút không điều kiện quân đội của họ về phía bên kia đường biên giới lịch sử đã được hai bên thừa nhận; triệt để tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt-nam. Sau khi quân đội Trung-quốc rút hết về bên kia đường biên giới lịch sử, phía Việt-nam sẽ đàm phán với phía Trung-quốc ở cấp Thứ trưởng Bộ ngoại giao về vấn đề khôi phục quan hệ bình thường giữa hai nước.

Với thiện chí muốn giải quyết những vấn đề trong quan hệ giữa hai nước bằng thương lượng, phía Việt-nam đã đưa ra những đề nghị cụ thể về nội dung, thời gian và địa điểm đàm phán, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đàm phán giữa hai nước được tiến hành ở Hà-nội từ ngày 18-4-1979.



NGAY trong phiên họp đầu tiên, đoàn đại biểu Chính phủ ta đã đưa ra đề nghị quan trọng trong đó nêu lên những nguyên tắc và nội dung chủ yếu cho một giải pháp về những vấn đề trong quan hệ giữa hai nước.

Đề nghị của Đoàn đại biểu Chính phủ ta gồm có ba điểm sau đây :

1 — Những biện pháp cấp bách nhằm bảo đảm hòa bình, ổn định ở vùng biên giới hai nước và làm cho những người bị bắt trong chiến tranh sớm đoàn tụ với gia đình.

a) Không lập trung quân sát đường biên giới. Cách ly lực lượng vũ trang hai bên: lực lượng vũ trang thuộc tất cả các loại của mỗi bên trên toàn tuyến biên giới lùi sáu về phía lãnh thổ của mình cách đường kiểm soát thực tế trước ngày 17 tháng 2 năm 1979 theo một cự ly từ 3 đến 5 ki-lô-mét.

b) Chấm dứt mọi hành động khiêu khích chiến tranh và mọi hình thức hoạt động đối địch vi phạm chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, uy hiếp an ninh của phía bên kia.

c) Khu vực nằm dọc hai bên đường kiểm soát thực tế nói trên mà lực lượng vũ trang của hai bên không còn có mặt trở thành khu phi quân sự. Hai bên sẽ thỏa thuận về quy chế của khu phi quân sự này.

d) Hai bên trao đổi ngay danh sách những người của hai bên bị bắt trong chiến tranh để việc trao trả được thực hiện càng sớm càng tốt.

e) Lập Ủy ban hỗn hợp hai bên để giám sát và kiểm soát việc thực hiện những biện pháp trên đây.

2 — Khôi phục quan hệ bình thường giữa hai nước trên cơ sở những nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình: tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ; không xâm lược, không dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực; không can thiệp vào công việc nội bộ của bên kia; giải quyết những vấn đề tranh chấp và bất đồng trong quan hệ giữa hai bên bằng thương lượng; phát triển các quan hệ kinh tế, văn hóa theo tinh thần tôn trọng lẫn nhau và hai bên cùng có lợi.

Trên cơ sở đó, khôi phục các quan hệ về đường sắt, hàng không, bưu điện, v.v.

Giải quyết các hậu quả chiến tranh.

3 — Giải quyết các vấn đề về biên giới, lãnh thổ giữa hai nước trên nguyên tắc tôn trọng nguyên trạng đường biên giới do lịch sử để lại đã được hoạch định bởi các công ước 1887, 1895 ký kết giữa Chính phủ Pháp và triều đình nhà Thanh, mà phía Việt-nam và phía Trung-quốc đã thỏa thuận; tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

Đề nghị ba điểm trên đây thể hiện lòng tha thiết với hòa bình và thiện chí của Đảng, Chính phủ và nhân dân ta. Đề nghị đó là hợp lý, hợp tình, phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. Đề nghị đó đáp ứng nguyện vọng của nhân dân ta và nhân dân Trung-quốc mong muốn khôi phục linh hữu nghị truyền thống giữa nhân dân hai nước. Đề nghị đó cũng đáp ứng lòng mong muốn hòa bình và ổn định của nhân dân các nước Đông Nam châu Á và thế giới.



LẬP trường chính nghĩa trên đây của Chính phủ ta được sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân các nước. Dư luận rộng rãi trên thế giới hoan nghênh và đánh giá cao lập trường ba điểm của ta, nêu rõ thái độ nghiêm chỉnh và thiện chí của ta, đòi hỏi phía Trung-quốc đáp ứng tích cực đề nghị ba điểm của Việt-nam. Trái với sự mong đợi của dư luận chính trực trên thế giới, phía Trung-quốc tỏ ra thiếu thái độ nghiêm chỉnh và thiện chí trong cuộc đàm phán. Họ đã chối cãi quanh co hòng trốn tránh trách nhiệm của họ về việc phá hoại quan hệ hữu nghị giữa nhân dân hai nước, đặc biệt là trách nhiệm của họ đối với việc gây chiến tranh xâm lược Việt-nam và những tội ác man rợ mà họ đã gây ra trong cuộc chiến tranh đó. Trước tình hình căng thẳng hiện nay ở vùng biên giới giữa hai nước, phía Trung-quốc hoàn toàn lẩn tránh những biện pháp cấp bách nhằm bảo đảm hòa bình, ổn định ở vùng biên giới. Họ lẩn tránh vấn đề tạo điều kiện cho những người bị bắt trong chiến tranh sớm được trở về đoàn tụ với gia đình. Họ cố tình lẩn tránh đề nghị ba điểm của Việt-nam, nhất là việc cách ly quân đội của hai bên và thành lập khu phi quân sự. Trong bất cứ cuộc chiến tranh và xung đột nào, việc cách ly quân đội hai bên và thành lập khu phi quân sự là việc làm trước tiên để tránh chiến tranh tái diễn. Phía Trung-quốc đã cố tình lẩn tránh điều đó.

Đề nghị tám điểm của phía Trung-quốc chứa đựng những đòi hỏi vô lý và ngang ngược. Phía Trung-quốc đòi phía Việt-nam phải thay đổi đường lối của mình, phải đi theo đường lối của Trung-quốc chống Liên-xô. Họ đòi phía Việt-nam phải thừa nhận Trung-quốc chiếm đóng vĩnh viễn quần đảo Hoàng-sa của Việt-nam và phải để cho họ chiếm luôn cả quần đảo Trường-sa nữa. Họ đòi phía Việt-nam phải đón rước vào nước mình «đội quân thứ năm» của họ, đội quân này gồm những người Hoa mà trước đây họ đã dụ dỗ, cưỡng ép đưa về Trung-quốc để huấn luyện và tổ chức thành gián điệp, biệt kích, nay họ muốn đưa trở lại Việt-nam để làm nội ứng cho họ. Họ đòi phía Việt-nam phải bàn với họ những vấn đề có liên quan đến những nước thứ ba, vi phạm trắng trợn chủ quyền của các nước đó. Nhiều điểm trong đề nghị của họ xâm phạm chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt-nam. Rõ ràng phía Trung-quốc muốn dùng đàm phán để đạt những gì mà họ không thể giành được ở chiến trường trong cuộc chiến tranh xâm lược vừa qua của họ.

Trong lúc cuộc đàm phán giữa hai Chính phủ đang được tiến hành, phía Trung-quốc vẫn tiếp tục gây tình hình căng thẳng giữa hai nước. Quân đội Trung-quốc vẫn chưa rút khỏi hơn mười điểm mà họ còn chiếm đóng trên lãnh thổ Việt-nam. Phía Trung-quốc vẫn tập trung

hơn nửa triệu quân ở gần biên giới, bố trí hơn 10 sư đoàn, hàng nghìn khẩu pháo, cùng nhiều phương tiện chiến tranh áp sát biên giới Việt-nam. Họ tiếp tục làm đường chiến lược, đào hầm hào, xây công sự chiến đấu, dùng súng các loại, từ súng bộ binh đến pháo lớn, bắn sang phía Việt-nam, tiến hành các hoạt động khiêu khích chiến tranh một cách có hệ thống trên toàn tuyến biên giới từ Quảng-ninh đến Lai-châu. Đồng thời, phía Trung-quốc còn cho tàu thuyền liên tiếp vi phạm vùng biển của Việt-nam và cho máy bay xâm phạm vùng trời Việt-nam. Trong lúc đó, báo chí, đài phát thanh, đài truyền hình Trung-quốc không ngừng tuyên truyền xuyên tạc, vu cáo, kích động hằn thù dân tộc chống Việt-nam. Những việc làm trên đây không thể không làm cho dư luận rộng rãi nghi ngờ thái độ nghiêm chỉnh và thiện chí của phía Trung-quốc.

Vấn đề đặt ra là phía Trung-quốc có thật muốn giải quyết các tranh chấp với Việt-nam bằng thương lượng hay không? Họ có thật muốn đưa cuộc đàm phán đi đến kết quả hay chỉ lợi dụng đàm phán để lừa dối dư luận và che đậy việc chuẩn bị bước phiêu lưu quân sự mới của họ chống Việt-nam?

Nếu phía Trung-quốc thật lòng muốn giải quyết các tranh chấp với Việt-nam bằng thương lượng thì họ hãy tích cực đáp ứng đề nghị ba điểm của Việt-nam. Lập trường ba điểm của Việt-nam là một đề nghị hoàn chỉnh, toàn diện, vừa nhằm giải quyết những vấn đề cấp bách do cuộc chiến tranh vừa qua gây ra, vừa tạo cơ sở cho việc giải quyết những vấn đề cơ bản trong quan hệ giữa hai nước. Đó là một đề nghị hợp tình hợp lý, dựa trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, bình đẳng cùng có lợi, theo nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng thương lượng hòa bình, hoàn toàn phù hợp với các nguyên tắc của luật pháp quốc tế, Hiến chương Liên hợp quốc và tinh thần Hội nghị Băng-dung. Đó là một đề nghị công bằng, thỏa đáng với cả hai bên.

Nhân dân Việt-nam kiên quyết bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, đồng thời rất tha thiết với hòa bình, không muốn chiến tranh diễn lại và trước sau như một mong muốn đoàn kết hữu nghị với nhân dân Trung-quốc, không muốn có quan hệ đối địch giữa hai nước.

Chúng ta mong rằng nhà đương cục Trung-quốc lấy hòa bình và hữu nghị giữa hai nước làm trọng, có thái độ nghiêm chỉnh và thiện chí, đề cho cuộc đàm phán tiến hành được thuận lợi và đạt kết quả, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân Việt-nam và nhân dân Trung-quốc mong muốn khôi phục quan hệ hữu nghị giữa hai nước

CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

Đại tướng VÕ-NGUYỄN-GIÁP

CÁCH đây đúng một phần tư thế kỷ, chiến thắng Điện-biên-phủ vĩ đại đánh dấu sự cáo chung của chủ nghĩa thực dân cũ của đế quốc Pháp trên bán đảo Đông-dương.

Chiến thắng Điện-biên-phủ là một trong những chiến công oanh liệt nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta. Nó là đỉnh cao của cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta, của sự liên minh chiến đấu giữa nhân dân ta với nhân dân hai nước Lào và Cam-pu-chia anh em. Chiến thắng Điện-biên-phủ đã đưa đến thắng lợi của hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông-dương, lập lại hòa bình, thừa nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia, chấm dứt ách thống trị gần một trăm năm của đế quốc Pháp trên bán đảo này.

Nhưng, trái với tinh thần và nội dung của Hiệp nghị Giơ-ne-vơ, đế

quốc Mỹ lập tức chà đạp lên nguyên vọng hòa bình và độc lập dân tộc của nhân dân ba nước. Chúng đã lập tức nhảy vào phát động chiến tranh xâm lược tàn bạo chống nước Việt-nam ta, chống nước Lào và một thời gian sau chống nước Cam-pu-chia. Nhân dân ta và nhân dân hai nước Lào và Cam-pu-chia anh em đã kề vai sát cánh đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai.

Phát huy truyền thống quyết chiến quyết thắng của Điện-biên-phủ dưới sự lãnh đạo của Đảng và Hồ Chủ tịch, nhân dân ta đã tiến hành trong hơn hai mươi năm cuộc chiến tranh chống ngoại xâm vĩ đại nhất trong lịch sử của dân tộc. Với cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ-Chí-Minh lịch sử, nhân dân ta đã giành được thắng lợi hoàn toàn và trọn vẹn. Tổ quốc ta đã độc lập và thống nhất, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam ra đời.

Cũng trong thời gian ấy, dưới sự lãnh đạo của Đảng nhân dân cách mạng Lào, nhân dân các dân tộc Lào anh em, trải qua những năm chiến đấu cực kỳ gian khổ và anh dũng, đã đưa sự nghiệp cách mạng của nhân dân Lào đến toàn thắng. *Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào thành lập*

Trên đất nước Cam-pu-chia, tình hình đã diễn biến hết sức phức tạp. Ngay từ những ngày đầu, khi nhân dân Cam-pu-chia vừa mới giành được thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, thì dưới sự điều khiển của các thế lực bành trướng Bắc-kinh, tập đoàn phản bội Pôn Pốt – lêng Xa-ry đã lũng đoạn quyền bính, gây nên nạn diệt chủng man rợ ở trong nước, phát động chiến tranh xâm lược đối với nước ta trên biên giới tây – nam. Dưới sự lãnh đạo của Mặt trận dân tộc cứu nước Cam-pu-chia, nhân dân cách mạng Cam-pu-chia đã vùng lên mạnh mẽ, đập tan xiềng xích nô lệ, khôi phục lại các quyền sống thiêng liêng của con người, nối lại tinh thần chiến đấu truyền thống với nhân dân Việt-nam anh em. *Nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia thành lập*. Một thời kỳ mới trong lịch sử dân tộc Cam-pu-chia bắt đầu.

Với những thắng lợi vĩ đại nối tiếp nhau, *nhân dân Việt-nam, nhân dân Lào rồi đến nhân dân Cam-pu-chia ngày nay đã cùng nhau bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội*.

Bước vào kỷ nguyên mới, dưới ánh sáng Đại hội lần thứ IV của Đảng, nhân dân cả nước ta đoàn kết hơn bao giờ hết, đang đem hết sức lực và trí tuệ lao động quên mình, hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng cuộc sống ấm no và hạnh phúc trong hòa bình.

Song, tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh cấu kết với chủ nghĩa đế quốc quốc tế, lại ráo

riết thực hiện một chính sách thù địch có hệ thống chống nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam.

Sau khi bị thất bại trong mưu đồ dùng bọn đồ tề Pôn Pốt – lêng Xa-ry làm lực lượng xung kích gây ra chiến tranh xâm lược đẫm máu chống nước ta, ngày 17 tháng 2 năm 1979, bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh lại ngang nhiên mang 60 vạn quân phát động cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn trên toàn tuyến biên giới phía bắc nước ta.

Thế là, từ khi giành được thắng lợi hoàn toàn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến nay, *chỉ trong vòng chưa đầy bốn năm, nhân dân ta đã phải tiến hành hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc do các thế lực bành trướng phương Bắc gây ra*

Toàn dân và toàn quân ta đã chiến đấu với một tinh thần anh dũng tuyệt vời và đã chiến thắng vẻ vang. Quân và dân ta đã giành được thắng lợi oanh liệt trên mặt trận biên giới tây – nam, phối hợp chiến đấu với cuộc nổi dậy toàn thắng của nhân dân Cam-pu-chia anh hùng. Đồng bào các dân tộc cùng với các lực lượng vũ trang nhân dân ta trên các tỉnh biên giới phía bắc, đã chiến đấu vô cùng dũng cảm và mưu trí, giành thắng lợi oanh liệt, đánh bại giặc Trung-quốc xâm lược, buộc chúng phải rút quân về nước.

Trong hai cuộc chiến tranh thần thánh bảo vệ Tổ quốc, quân và dân ta đã giành được thắng lợi có ý nghĩa to lớn, bảo vệ từng tấc đất của Tổ quốc, bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ nước ta, làm tròn nghĩa vụ thiêng liêng đối với dân tộc và nghĩa vụ quốc tế cao cả

Hiện nay, mặc dù bị thất bại nặng nề, các thế lực phản động phương Bắc vẫn nuôi cuồng vọng khuất phục nhân dân ta, thôn tính nước ta, tăng cường hành động đe dọa đối với nước Lào và tăng cường can thiệp vào công việc của nước Cam-pu-chia anh em

Hơn lúc nào hết, trong ngày lịch sử vẻ vang này, đồng bào và chiến sĩ ta trong cả nước, với khí phách anh hùng của dân tộc, hưởng ứng Lời kêu gọi của Trung ương Đảng, đang hăng hái thực hiện Lệnh tổng động viên của Nhà nước, chiến đấu

kiên quyết và sẵn sàng chiến đấu cao, lao động quên mình để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, sẵn sàng về mọi mặt để tiến hành thắng lợi cuộc chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa trong mọi tình huống.

NÂNG CAO CẢNH GIÁC VÀ SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU, QUYẾT TÂM XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC

Thắng lợi vang dội và liên tiếp của cách mạng Việt-nam, cùng với thắng lợi của cách mạng Lào và gần đây của cách mạng Cam-pu-chia, không những là thắng lợi vĩ đại của nhân dân ba nước anh em trên bán đảo Đông-dương, mà còn là thắng lợi chung của các lực lượng hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trên thế giới, thắng lợi của chủ nghĩa Mác - Lê-nin vô địch. Những thắng lợi ấy là những đòn chí mạng đối với chủ nghĩa đế quốc quốc tế, đối với chủ nghĩa thực dân cũ và mới, đồng thời là những đòn chí mạng đối với các thế lực phản động khác, đối với các thế lực phản bội chủ nghĩa Mác - Lê-nin trong phong trào cộng sản quốc tế.

Chính vì vậy mà, trên con đường tiến lên của cách mạng, sau mỗi bước thắng lợi, nhân dân ta và nhân dân hai nước láng giềng anh em đều gặp sự phản kích điên cuồng của chủ nghĩa đế quốc và của các thế lực phản động quốc tế. Những sự phản kích điên cuồng ấy không phải may mắn chứng tỏ chúng mạnh mà trái lại càng chứng tỏ chúng đang suy yếu.

Đặc điểm cơ bản của tình hình thế giới ngày nay là các lực lượng xã hội chủ nghĩa, độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình đang lớn mạnh hẳn lên; các lực lượng đế quốc chủ nghĩa và bọn đồng minh tay sai đang trên đà suy yếu nghiêm trọng, ngày càng lún

sâu vào một cuộc khủng hoảng toàn diện không phương cứu chữa

Liên-xô đang đẩy mạnh công cuộc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản, đã trở thành một cường quốc bậc nhất về công nghiệp và quốc phòng. Các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác đều tiến lên mạnh mẽ, nhiều nước đang đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội phát triển. *Hệ thống xã hội chủ nghĩa* ngày càng mở rộng trên địa cầu của mình, tiếp tục phát huy tác dụng là nhân tố quyết định sự phát triển của xã hội loài người, là thành trì vững chắc của cách mạng và hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. *Phong trào giải phóng dân tộc* đang lớn mạnh vượt bậc ở khắp châu Á, châu Phi và châu Mỹ la-tinh, làm sụp đổ những dinh lũy tưởng chừng như rất kiên cố của các thế lực phản động, ngày càng tăng thêm xu hướng gắn liền với chủ nghĩa xã hội, phát huy vai trò quan trọng đối với quá trình thực hiện sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. *Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân* trong các nước tư bản đang phát triển mạnh mẽ với quy mô ngày càng rộng lớn, với nội dung và hình thức ngày càng phong phú.

Rõ ràng, ba dòng thác cách mạng của thời đại chúng ta đang dâng lên cuộn cuộn và đang ở trên thế tiến công.

giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, bất chấp sự phản kích điên cuồng của chủ nghĩa đế quốc cầu kết với các thế lực phản động, bất chấp sự phản bội của các thế lực bán trưởng đại dân tộc và bá quyền nước lớn cầu kết với chủ nghĩa đế quốc.

Trong bối cảnh lịch sử mới của thời đại, sau khi đế quốc Mỹ mất độc quyền về vũ khí hạt nhân, đặc biệt là sau khi bị thất bại nặng nề chưa từng thấy trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam, chủ nghĩa đế quốc quốc tế đang gặp những khó khăn chồng chất về nhiều mặt, phải đương đầu với cuộc đấu tranh rộng lớn và mạnh mẽ của các dân tộc, không những trong lĩnh vực chính trị mà cả trong lĩnh vực kinh tế, năng lượng...

Chúng đang tìm trăm phương nghìn kế điều chỉnh lại chiến lược toàn cầu phản cách mạng của chúng, hồng giành lại những vị trí đã mất ở Đông Nam châu Á và trên thế giới, tiếp tục đàn áp phong trào giải phóng dân tộc và ngăn chặn sự phát triển của chủ nghĩa xã hội.

Do tình hình so sánh lực lượng trên thế giới, đặc biệt là giữa Mỹ và Liên-xô, đế quốc Mỹ buộc phải phần nào đi vào con đường hòa hoãn, nhưng về thực chất chính sách của chúng vẫn dựa vào sức mạnh, vẫn coi sức mạnh quân sự là cơ sở hàng đầu để thực hiện chiến lược toàn cầu phản cách mạng, ráo riết chạy đua vũ trang, lập các căn cứ quân sự mới, tăng cường các liên minh quân sự. Chúng tiếp tục đẩy mạnh chính sách xâm lược thực dân mới đi đôi với sự can thiệp vũ trang vào nội bộ các nước, thiết lập những chế độ độc tài phát-xít tàn bạo để chống lại nhân dân. Một âm mưu mới hết sức thâm độc là chúng ra sức tăng cường liên minh về mọi mặt với các thế lực phản bội trong hàng ngũ cách mạng và phong trào cộng sản quốc tế mà biểu hiện tập trung hiện nay là tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh,

coi đó là một trong những thủ đoạn chiến lược chủ yếu hòng bao vây, chia rẽ, phá hoại các nước xã hội chủ nghĩa và phong trào cộng sản quốc tế.

Chủ nghĩa đế quốc quốc tế đứng đầu là đế quốc Mỹ rõ ràng là kẻ thù cơ bản lâu dài của nhân dân ta, cách mạng nước ta và của hệ thống xã hội chủ nghĩa, của các lực lượng độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình thế giới. Âm mưu của chúng rất nham hiểm, hành động của chúng rất tàn bạo và tinh vi, thế nhưng, làm sao chúng có thể quay ngược được bánh xe lịch sử, làm sao ngăn cản được cao trào cách mạng vĩ đại đang dâng lên trên khắp trái đất trong thế kỷ XX này.

Một đặc điểm nổi bật của cục diện châu Á và thế giới hiện nay là sự cầu kết ngày càng chặt chẽ giữa các thế lực phản bội trong giới cầm quyền Bắc-kinh với chủ nghĩa đế quốc quốc tế, đứng đầu là đế quốc Mỹ và mọi loại phản động tồi tệ nhất.

Đã từ lâu, bọn cơ hội trong giới lãnh đạo Trung-quốc đã xa rời chủ nghĩa Mác - Lê-nin, ngày càng đi sâu vào con đường chống Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa, chống phong trào giải phóng dân tộc, phá hoại cách mạng, phá hoại hòa bình trên thế giới. Ở trong nước, chúng thiết lập chế độ độc tài quân phiệt, liên miên tranh giành quyền lực làm cho nhân dân điêu đứng trăm bề. Về đối ngoại, thì bất chấp lý tưởng, bất chấp đạo nghĩa, coi bạn là thù, biến thù thành bạn. Đế quốc Mỹ xưa nay vốn là kẻ thù của cách mạng thế giới, kẻ căm thù mạng Trung-quốc, thì ngày nay đã trở thành đồng minh đáng tin cậy nhất của Bắc-kinh. Còn Liên-xô, nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên trái đất, một nước đã từng hết lòng ủng hộ và giúp đỡ cách mạng Trung-quốc và cách mạng thế giới, thì ngày nay lại bị Bắc-kinh coi là kẻ thù số một.

Sự liên minh giữa Trung-quốc với Mỹ và Nhật-bản về thực chất là một sự liên minh giữa những thế lực phản

động lớn nhất của thời đại trong khu vực châu Á và Thái-bình-dương. Bọn họ cùng chung một mục đích là chống phá cách mạng, phá hoại hòa bình và ổn định ở châu Á và trên thế giới đồng thời tìm cách lợi dụng lẫn nhau nhằm thực hiện những mưu đồ riêng. Chủ nghĩa đế quốc quốc tế, đứng đầu là đế quốc Mỹ đang ra sức khôn khéo sử dụng tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc làm lực lượng xung kích để chống Liên-xô, chống phong trào cộng sản quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc, đỡ đòn cho chúng hiện đang bị tiến công tới tấp khắp nơi, cùng nhau phối hợp hành động để phân chia khu vực ảnh hưởng, đặc biệt là ở Đông Nam châu Á và ngay cả trên bán đảo Đông-dương.

Còn bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh thì không tiếc công sức chống Liên-xô và chống chủ nghĩa xã hội hơn cả bọn đế quốc để tranh thủ lòng tin của Mỹ và các nước đế quốc phương Tây. Họ cho đó là con đường tốt nhất để tranh thủ sự ban ơn của bọn đế quốc, trước hết là Mỹ, hòng thực hiện ước mơ trở thành một cường quốc siêu đẳng vào cuối thế kỷ này với công thức «sức mạnh của gần một tỷ người Trung-quốc cộng với sức mạnh kỹ thuật hiện đại của Mỹ và các nước phương Tây». Họ cho đó là kế sách hay nhất để thực hiện chương trình «bốn hiện đại hóa» bằng những bước nhảy vọt, làm cơ sở cho những mưu đồ bành trướng và bá quyền nước lớn của họ.

Thật vậy, tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh hiện đang lũng đoạn quyền bính ở một nước đất rộng, người đông, nhưng kinh tế chưa phát triển: lực lượng quân sự của họ tuy đông nhưng sức chiến đấu lại kém. Thế nhưng, tham vọng của họ rất lớn. Họ luôn luôn tự coi là «trung tâm của thiên hạ», ồm ồm ấp giấc mộng ngoi lên làm bá chủ toàn cầu, «phổ thiên chi hạ, vô phi vương

thô» (khắp nơi ở dưới trời, không nơi nào không phải là đất của vua). Họ đang kể tục và phát triển ở một thời kỳ mới, bằng những thủ đoạn tàn bạo và nham hiểm mới, quốc sách bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn của các triều đại phong kiến Trung-quốc. Và cũng theo vết xe đã đổ của các triều đại ấy, họ đang theo đuổi chính sách truyền thống đã từng bị đánh bại là chống đỡ ở phương bắc, bành trướng xuống phương nam, khuất phục và thôn tính bán đảo Đông-dương và các nước ở Đông Nam châu Á.

Bởi vậy, chúng ta không lấy làm lạ rằng, khi nhân dân ta đang phải dồn sức vào kháng chiến thì với sự thỏa thuận ngầm của Mỹ, họ đã đánh chiếm quần đảo Hoàng-sa của nước ta.

Chúng ta không lấy làm lạ rằng, khi nhân dân ta giành được thắng lợi hoàn toàn, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước thì các thế lực phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc coi đó không chỉ là thất bại nhục nhã của đế quốc Mỹ, mà còn là thất bại nghiêm trọng của chính bản thân họ. *Họ luôn luôn cho rằng, một nước Việt-nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh có một đường lối cách mạng Mác - Lê-nin chân chính, độc lập và tự chủ là một trở ngại lớn, một nguy cơ lớn đối với chính sách bành trướng đại dân tộc của họ.*

Từ những ngày đầu hòa bình mới được lập lại trên đất nước ta, bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh lập tức thi hành một chính sách thù địch có hệ thống đối với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam. Chúng đã sử dụng bọn đồ tể khát máu Pôn Pốt - lờng Xa-ry gây ra cuộc chiến tranh xâm lược đẫm máu ở biên giới tây-nam nước ta. Tháng 2 năm 1979, chúng lại ngang nhiên mở cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn chống lại nước ta trên toàn tuyến biên giới phía bắc.

Bị thất bại nhục nhã buộc phải rút quân về nước, chúng trơ tráo ca

ngươi cuộc chiến tranh phi nghĩa hèn hạ chống nhân dân ta là một « chiến công vĩ đại ». Chúng không hề biết hồ thẹn khi tâng bốc những tên lính bị sử dụng làm bia đỡ đạn thành những « công thần ». Chúng đã gây ra trên đất nước ta biết bao tội ác tày trời, đến đâu cũng giết người, cướp của, tàn sát người già, phụ nữ, trẻ em, tàn phá bản làng, triệt hạ mọi công trình kinh tế, trường học, bệnh viện, di tích văn hóa và lịch sử, hủy diệt môi trường. Từ đứa trẻ sơ sinh đến cành cây ngọn cỏ, mọi biểu hiện của sự sống đều bị chúng đốt sạch, giết sạch, phá sạch. Rõ ràng, bọn cầm quyền Bắc-kinh đang hoàn thiện cái thủ đạo đức kinh tởm mà một nhà văn vô sản vĩ đại Trung-quốc đã mệnh danh là « đạo đức ăn thịt người », đã vượt xa những tên bạo chúa ngày xưa, những tên đao phủ ngày nay, những Tần-Thủy-Hoàng, Thành-Cát-Từ-Hãn, Hít-le...

Chúng đã đi đến đỉnh cao của sự phản bội và sự man rợ. Chúng đã lộ rõ nguyên hình là những tên tội phạm chiến tranh, là những thế lực phản bội lớn nhất của thời đại.

Bọn cầm quyền phản động Trung-quốc đã nghiêm nhiên trở thành một tên sen đầm quốc tế mới, trở thành kẻ thù trực tiếp và nguy hiểm của nhân dân ta, đồng thời là kẻ thù nguy hiểm của toàn bộ hệ thống xã hội chủ nghĩa, của phong trào độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình ở Đông-dương, ở châu Á và trên thế giới.

Thực tiễn vừa qua càng làm cho chúng ta nhận thức sâu sắc rằng, các thế lực phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh chưa hề từ bỏ mưu đồ thâm độc và đen tối của họ. Bằng mọi thủ đoạn quân sự, kinh tế, chính trị, ngoại giao, họ đang thi thố tài năng để trường kỳ kìm hãm nước ta, trường kỳ tiêu hao lực lượng ta, trường kỳ phá hoại công cuộc hòa bình xây dựng của nhân dân ta, làm cho nước ta ngày càng bị suy yếu, tạo

điều kiện cho họ dễ bề khuất phục và thôn tính nước ta

Trong lúc đó, họ tăng cường can thiệp vào công việc nội bộ của Lào, đẩy mạnh việc tập trung quân gần biên giới Lào, sử dụng bọn phản động lưu vong và bọn phản động trong nước hòng gây rối loạn và phá hoại công cuộc hòa bình xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân các dân tộc Lào.

Bọn họ đang ráo riết hà hơi tiếp sức cho những cái thầy ma rùa nát là bọn tàn quân Pôn Pốt — lèng Xa-ry để phá hoại độc lập, chủ quyền của Cam-pu-chia, chống lại nhân dân cả một dân tộc đang phấn khởi hồi sinh xây dựng đất nước.

Cuộc chiến tranh xâm lược nước ta cũng như những mưu đồ đen tối hiện nay chống nước ta và hai nước Lào và Cam-pu-chia chính là *những sản phẩm của sự đồng lõa phản cách mạng giữa bọn họ với chủ nghĩa đế quốc quốc tế đứng đầu là đế quốc Mỹ*. Chẳng thế mà họ luôn luôn nói đến sự nhất trí với chủ nghĩa đế quốc trên những vấn đề cơ bản của chiến lược toàn cầu phản cách mạng. Chẳng thế mà ngay sau khi ta giành được toàn thắng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, một nhân vật có trách nhiệm của Oa-sinh-tơn đã đoán rằng, Trung-quốc sẽ đánh Việt-nam, một ngày nào đó Trung-quốc sẽ xâm lược Việt-nam.

Tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh phải biết rằng, thời đại của chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn của các triều đại phong kiến Trung-quốc đã vĩnh viễn qua rồi. Thời đại mà ngay chủ nghĩa đế quốc quốc tế muốn làm mưa làm gió cũng đã vĩnh viễn qua rồi.

Nhân dân Việt-nam ta cùng với nhân dân hai nước Lào và Cam-pu-chia anh em nhất định đánh bại hoàn toàn mọi mưu đồ nham hiểm của họ. Nhân loại tiến bộ đang đứng lên ở

hấp nơi trên thế giới, nguyên rửa họ, lên án họ, chống lại họ. Nhân dân cách mạng Trung-quốc và những người cộng sản Trung-quốc chân chính đã đứng lên và sẽ đứng lên ngày càng đông đảo, kiên quyết chặn bàn tay dẫm máu, dây tội ác của họ, giành lại quyền làm chủ vận mệnh của đất nước, bảo vệ thành quả của cách mạng, khôi phục lại tình hữu nghị chiến đấu giữa nhân dân ta với nhân dân cách mạng Trung-quốc trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản chân chính. Bọn họ đang biến nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa thành dinh lũy của một tập đoàn phản động, độc tài và hiếu chiến, đang biến quân giải phóng nhân dân Trung-quốc thành một công cụ bành trướng và xâm lược. Những canh bạc phiêu lưu dẫm máu và độc ác hiện nay của họ sẽ đưa đất nước Trung-quốc đi đến đâu? Tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh nhất định không tránh khỏi thất bại hoàn toàn.

Đặc điểm cơ bản của tình hình nước Việt-nam ta và hai nước Lào và Cam-pu-chia anh em là: dưới ngọn cờ của chủ nghĩa Mác - Lê-nin chân chính, của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, sự nghiệp đấu tranh cách mạng của nhân dân ta, của nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia đã giành được thắng lợi vĩ đại nhất trong lịch sử của mỗi dân tộc. Nhân dân ba nước anh em, nối tiếp nhau, đã hoàn thành triệt để cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tăng cường đoàn kết chiến đấu hơn bao giờ hết, cùng nhau bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội.

Trên đất nước Việt-nam ta, ngay từ những ngày đầu mới giành được thắng lợi hoàn toàn và trọn vẹn trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, dưới ánh sáng của đường lối đúng đắn, độc lập tự chủ và sáng tạo do Đại hội lần thứ IV của Đảng đề ra, nhân dân ta lần

đầu tiên Nam Bắc sum họp một nhà, đã cùng nhau đoàn kết phấn đấu đưa cả nước lên lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng Tổ quốc ta giàu đẹp. Trong khi phải vượt qua biết bao khó khăn trở ngại, hàn gắn vết thương của một cuộc chiến tranh lâu dài và tàn khốc, khắc phục tình hình nghèo nàn và lạc hậu của nền kinh tế, chúng ta đã nhanh chóng xây dựng từng bước nền chuyên chính vô sản và chế độ làm chủ tập thể trên phạm vi cả nước, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội, nhanh chóng thực hiện thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước. Chúng ta đã tiến hành thắng lợi việc phát triển kinh tế và văn hóa theo kế hoạch 5 năm lần thứ hai, hoàn thiện quan hệ sản xuất ở các tỉnh miền Bắc, cải tạo quan hệ sản xuất cũ và xây dựng quan hệ sản xuất mới ở miền Nam, đồng thời ra sức củng cố nền quốc phòng toàn dân, ổn định và chăm lo đời sống của nhân dân trong cả nước.

Các thế lực thù địch luôn luôn nuôi ảo tưởng lợi dụng những khó khăn lớn của nhân dân ta trong những ngày đầu hòa bình mới được lập lại, coi đó là thời cơ tốt nhất để thực hiện mưu đồ đen tối đối với nước ta. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, với tinh thần chiến đấu kiên cường và anh dũng, với sự cố gắng to lớn, nhân dân ta đã đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của kẻ thù. Kế hoạch chiến lược thâm độc của họ, kết hợp chiến tranh xâm lược tàn bạo trên biên giới tây - nam với những cuộc bạo loạn ở các tỉnh miền Nam đã thất bại hoàn toàn. Nguy cơ chiến tranh lớn ở miền Nam đã chấm dứt, hòa bình được lập lại, tình hình mọi mặt ngày càng ổn định và phát triển tốt.

Tiếp đó, dưới sự lãnh đạo kiên quyết và sáng suốt của Đảng ta, chiến sĩ và đồng bào các dân tộc đã chiến đấu với một tinh thần anh dũng tuyệt vời, đánh bại cuộc xâm lược quy mô lớn của các thế lực bành trướng Bắc-kinh, đưa cuộc

chiến tranh thần thánh bảo vệ Tổ quốc trên các tỉnh biên giới phía bắc đến thắng lợi oanh liệt. Trong thời đại mới, đây là cuộc đấu sức trực tiếp và quyết liệt đầu tiên giữa nhân dân ta với quân đội xâm lược của các thế lực phản bội và bá quyền nước lớn Bắc-kinh. Toàn quân và toàn dân ta, theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, hưởng ứng Lời kêu gọi của Ban chấp hành Trung ương Đảng, cả nước sôi sục căm thù, sẵn sàng lên đường ra trận, quyết giữ vững từng tấc đất của Tổ quốc. Toàn dân ta từ Nam chí Bắc hoàn toàn tin tưởng vào thắng lợi của cuộc chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc trong bất cứ tình huống nào. Quân và dân ta trên tuyến đầu của Tổ quốc đã tỏ rõ khả năng hết sức to lớn của mình đánh bại hoàn toàn giặc Trung-quốc xâm lược. Biết bao tấm gương hy sinh chiến đấu, mưu trí và sáng tạo ở trên mặt trận, biết bao tấm gương nâng hai tay mạnh sẵn xuất phục vụ chiến đấu ở hậu phương, biết bao tấm gương liết lòng hết sức giúp đỡ đồng bào các dân tộc nhanh chóng khôi phục những nơi bị giặc tàn phá, chứng tỏ sự nhất trí cao độ đánh giặc giữ nước của toàn dân ta, khí phách anh hùng và sức mạnh to lớn của nhân dân ta trong kỷ nguyên mới.

Hiện nay, dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và nghị quyết của các cuộc hội nghị Ban chấp hành trung ương Đảng, đứng trước nhiệm vụ mới xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, nhân dân ta đang phát huy khí thế chiến thắng, đầy mạnh phong trào thi đua về mọi mặt, nhằm nhanh chóng tăng cường sức mạnh quốc phòng và nhịp độ phát triển kinh tế. Chúng ta đều thấy rằng, còn có nhiều vấn đề về kinh tế, về quốc phòng, về đời sống đòi hỏi phải được giải quyết cấp bách mà hiện nay chưa được giải quyết thật tốt. Đồng thời chúng ta cũng khẳng định rằng:

chưa bao giờ tình hình đất nước ta lại có nhiều thuận lợi cơ bản như ngày nay, sức sống mãnh liệt của dân tộc ta lại bùng lên mạnh mẽ như ngày nay.

Ngày nay, lần đầu tiên trong lịch sử, Tổ quốc ta đã hoàn toàn độc lập và thống nhất, cả nước đang tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chúng ta có sự lãnh đạo dày dặn kinh nghiệm của một đảng Mác - Lê-nin chân chính. Chúng ta có hệ thống chuyên chính vô sản ngày càng được củng cố và tăng cường, có chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa tốt đẹp, có Mặt trận đoàn kết dân tộc rộng rãi với khối liên minh công nông ngày càng vững chắc do giai cấp công nhân và đội tiên phong của nó là Đảng cộng sản lãnh đạo. Ngày nay, nhân dân ta đã trở thành người chủ tập thể thật sự của xã hội, của đất nước. Nhân dân ta có lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa và tinh thần quốc tế vô sản trong sáng. Chúng ta có lực lượng vũ trang nhân dân anh hùng đã trải qua rèn luyện, thử thách trong quá trình chiến đấu lâu dài, đã từng làm nên biết bao chiến công oanh liệt. Lực lượng vũ trang nhân dân ấy ngày nay đang ra sức nâng cao bản chất cách mạng, phát huy truyền thống quyết thắng, nâng cao sức mạnh và chất lượng chiến đấu, vững bước tiến lên trên con đường chính quy hóa và hiện đại hóa.

Với chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới, với nền quốc phòng ngày càng vững mạnh, với con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam, nhân dân ta nhất định hoàn thành và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ cách mạng do Đảng đề ra.

Nhân dân Việt-nam ta vô cùng phấn khởi trước thắng lợi của cách mạng Lào và tiếp đó của cách mạng Cam-pu-chia. Trải qua gần nửa thế kỷ cùng nhau đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung, vì lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nhân dân ba nước anh em đã viết nên những trang sử chói lọi trong quá trình chiến đấu và

chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược hung bạo và bẻ gãy tay sai. Nhân dân ba nước chúng ta đã liên tiếp chấm dứt sự chiếm đóng của quân đội phát-xít Nhật, chấm dứt ách đô hộ thực dân cũ của đế quốc Pháp, ách thống trị thực dân mới của đế quốc Mỹ; và đồng thời chấm dứt ách thống trị hàng nghìn năm của các chế độ phong kiến, xóa bỏ vĩnh viễn mọi loại chính quyền bù nhìn bán dân bán nước.

Dứng trước nguy cơ mới do các thế lực bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn Trung-quốc cầu kết với chủ nghĩa đế quốc gây ra, nhân dân ba nước Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia càng siết chặt hàng ngũ, tăng cường đoàn kết, quyết đánh bại hoàn toàn mọi mưu đồ làm suy yếu nước ta, xâm lược và thôn tính ba nước trên bán đảo Đông-dương. *Tình đoàn kết chiến đấu keo sơn giữa nhân dân ba nước anh em dựa trên nguyên tắc bình đẳng và tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau, dựa trên cơ sở chủ nghĩa Mác — Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, tồn tại và phát triển mãi mãi, như dãy núi Trường-sơn, như dòng sông Cửu-long, trong những năm tháng gian khổ trước đây cũng như trong những ngày thắng lợi hiện nay và mãi mãi về sau là một tấm gương đoàn kết chiến đấu trong sáng và thủy chung. Tình đoàn kết chiến đấu mẫu mực ấy là một nhân tố quan trọng có ý nghĩa quyết định, đưa sự nghiệp đấu tranh cách mạng của nhân dân ba nước đến những thắng lợi mới ngày càng to lớn hơn.*

Thắng lợi vĩ đại của nhân dân ba nước anh em trên bán đảo Đông-dương rõ ràng là thắng lợi vĩ đại của chủ nghĩa Mác — Lê-nin vô địch, là một sự kiện vĩ đại trong lịch sử đấu tranh cách mạng của các dân tộc, một nhân tố mới có tầm quan trọng rất lớn đối với hòa bình và ổn định trong khu vực Đông Nam châu Á, ở châu Á và trên thế giới.

Trong cuộc đấu tranh chính nghĩa vì nhiệm vụ thiêng liêng của dân tộc,

vì nghĩa vụ quốc tế cao cả, nhân dân ta cùng với nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia anh em đang được sự đồng tình, ủng hộ mạnh mẽ, to lớn và có hiệu lực của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, được sự đồng tình ủng hộ và giúp đỡ rộng lớn của nhân dân các nước yêu chuộng hòa bình, độc lập và công lý, của cả loài người tiến bộ. Bởi vậy, trên con đường đi đến thắng lợi hoàn toàn và triệt để của cách mạng xã hội chủ nghĩa, chúng ta dành giá rất cao sự đồng tình ủng hộ quốc tế, luôn luôn kết hợp sức mạnh của bản thân dân tộc mình với sức mạnh của ba đồng thạc cách mạng, tạo nên sức mạnh tổng hợp ngày càng to lớn nhằm đánh bại mọi mưu đồ và hành động nham hiểm của mọi kẻ thù, hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ mà Đảng đã đề ra.

Đứng trước tình hình mới, đề thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và nghị quyết của các hội nghị Ban chấp hành trung ương Đảng, toàn dân và toàn quân ta có nhiệm vụ :

Động viên cao độ tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, truyền thống đoàn kết chiến đấu chống ngoại xâm, nêu cao tinh thần tự lực tự cường ;

Xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa toàn diện và rộng khắp, ra sức lao động quên mình xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, tăng nhanh tiềm lực kinh tế và quốc phòng, sẵn sàng chiến đấu cao và chiến đấu kiên quyết, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa ;

Tăng cường đoàn kết với nhân dân các nước Lào và Cam-pu-chia anh em, với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của cả loài người tiến bộ ;

Dập tan mọi mưu đồ khiêu khích và xâm lược của chủ nghĩa bành trướng và bá quyền nước lớn Trung-

quốc và của chủ nghĩa đế quốc quốc tế ;

Bảo vệ độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nước ta, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và nền chuyên chính vô sản, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin :

Hoàn thành nghĩa vụ dân tộc và nghĩa vụ quốc tế cao cả, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp đấu tranh chung của nhân dân các dân tộc Đông-dương, Đông Nam châu Á và trên toàn thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CÓ TÍNH QUY LUẬT TRONG CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TÒ QUỐC

Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tò quốc xã hội chủ nghĩa trong kỷ nguyên mới là sự kế tục của các cuộc khởi nghĩa toàn dân và chiến tranh toàn dân — chiến tranh giải phóng và chiến tranh giữ nước — từ trước tới nay ; đồng thời là sự phát triển lên một bước mới những quy luật cơ bản đã từng chi phối sự nghiệp đấu tranh chống ngoại xâm lâu dài của dân tộc ta, của nhân dân ta, qua các thời kỳ của lịch sử. Theo Lê-nin, vấn đề Tò quốc và bảo vệ Tò quốc cần được nhận thức theo quan điểm lịch sử và theo điều kiện của thời đại. Do vậy, về mục đích, nội dung cũng như về lực lượng, về phương thức hành động, cuộc chiến tranh bảo vệ Tò quốc ngày nay vừa có tính kế thừa, vừa có tính phát triển so với các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng do Đảng ta lãnh đạo, so với các cuộc chiến tranh bảo vệ Tò quốc của ông cha ta trước đây.

Tất cả các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng dân tộc đều diễn ra trong tình hình kẻ thù xâm lược đã đặt ách thống trị của chúng lên đất nước ta, nhân dân ta lúc đầu chưa có một tấc đất tự do, chưa có một tấc sắt trong tay, cùng nhau đứng lên cứu nước, cứu nhà, từ không đến có, từ nhỏ đến lớn, từ yếu đến mạnh, cuối cùng đánh thắng kẻ thù, giải phóng đất nước. Còn chiến tranh nhân

dân bảo vệ Tò quốc ngày nay thì lại diễn ra trong điều kiện nước nhà đã hoàn toàn độc lập và thống nhất, chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa đang được xây dựng trên phạm vi cả nước, lực lượng vũ trang nhân dân của ta đã lớn mạnh ; kẻ thù phát động chiến tranh xâm lược từ ngoài tiến công vào lãnh thổ của ta.

Mặt khác, nếu nhìn suốt cả quá trình của mỗi một cuộc khởi nghĩa hay chiến tranh giải phóng dân tộc, trên bước đường phát triển thắng lợi của nó, trong khi nhân dân ta phải giải phóng từng bước từng vùng lãnh thổ, tiến lên giải phóng toàn bộ đất nước, thì chúng ta đồng thời phải làm nhiệm vụ ngày càng quan trọng là bảo vệ những vùng tự do mới được mở ra và ngày càng mở rộng thêm. Do đó, các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng dân tộc trong quá trình tiến lên, đều từng bước mang thêm tính chất bảo vệ Tò quốc cho đến khi giành được thắng lợi hoàn toàn. Trong hai cuộc kháng chiến chống hai đế quốc to, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã chiến đấu để giải phóng Tò quốc, đồng thời đã chiến đấu để bảo vệ các vùng tự do, các căn cứ địa trong những năm chống Pháp, để bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, bảo vệ hậu phương lớn của cả nước ta, trong những năm chống Mỹ

Trong lịch sử lâu đời của mình, dân tộc ta vào thế kỷ XIII đã từng tiến hành thắng lợi ba cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của giai cấp phong kiến lúc bấy giờ còn có tác dụng tích cực, vào thế kỷ XVIII đã từng tiến hành thắng lợi cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc phát triển từ phong trào khởi nghĩa của nông dân. Khác với các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc lúc bấy giờ, *cuộc chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc ngày nay là do giai cấp công nhân lãnh đạo, với mục tiêu cao cả là bảo vệ độc lập, chủ quyền của Tổ quốc Việt-nam trên cơ sở chế độ xã hội chủ nghĩa*

Bước vào kỷ nguyên mới, lần đầu tiên trong lịch sử, đường lối của Đảng đề ra cho toàn dân và toàn quân ta là chuẩn bị khàn trương và tiến hành thắng lợi chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa, độc lập và thống nhất. Trong sự nghiệp to lớn và mới mẻ ấy, nhân dân ta đang phát huy truyền thống anh dũng bất khuất chống ngoại xâm, đang kế thừa những di sản và kinh nghiệm quân sự quý giá mà dân tộc ta, với biết bao hy sinh xương máu, đã xây dựng, tích lũy và hun đúc nên trong suốt quá trình lịch sử của mình, đặc biệt là trong sự nghiệp đấu tranh kiên cường và tài giỏi chống chủ nghĩa đế quốc quốc tế đứng đầu là đế quốc Mỹ. Vấn đề đặt ra là phát triển lên như thế nào những di sản ấy, những kinh nghiệm ấy, những sức mạnh ấy. Chúng ta phải xuất phát từ đường lối chính trị và đường lối quân sự của Đảng ta trong giai đoạn mới của cách mạng, dựa trên những căn cứ mới về địch, về ta, về đất nước và con người, về cục diện nước ta và cục diện thế giới mà tổng kết và nghiên cứu, kết hợp lý luận với thực tiễn, đề ra cho được những nội dung mới về *quy luật cơ bản của chiến tranh, cũng như về phương hướng hành động và nghệ*

thuật lãnh đạo, phù hợp với điều kiện mới của đất nước và của thời đại.

Từ khi Tổ quốc ta được hoàn toàn độc lập và thống nhất, chỉ trong một thời gian ngắn, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã tiến hành thắng lợi hai cuộc chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Thực tiễn chiến đấu phong phú của hai cuộc chiến tranh ấy có một ý nghĩa cực kỳ quan trọng, góp phần giúp chúng ta nhận rõ hơn mục tiêu mới của chiến tranh, đặc điểm mới của kẻ thù, chỉ rõ cho chúng ta phương hướng tiến lên về hình thức tổ chức cũng như về phương pháp tác chiến, về nghệ thuật lãnh đạo và chỉ huy nhằm xây dựng vững mạnh hơn nữa nền quốc phòng toàn dân, chuẩn bị tốt hơn nữa để tiến hành thắng lợi chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống.



Trước hết, dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, chúng ta càng phải khẳng định rằng, trong suốt quá trình lịch sử của đất nước, *dựng nước đi đôi với giữ nước đã trở thành quy luật tồn tại và phát triển của dân tộc ta.* Trong hoàn cảnh nước ta đã hoàn toàn độc lập, thống nhất, cả nước đang tiến lên chủ nghĩa xã hội, quy luật cơ bản ấy đã phát triển lên một bước mới, trở thành *quy luật xây dựng chủ nghĩa xã hội luôn luôn gắn liền với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.* Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, sẵn sàng chiến đấu cao và chiến đấu thắng lợi, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là một bộ phận quan trọng không thể tách rời của toàn bộ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Quy luật ấy, nhiệm vụ ấy là sự phản ánh tập trung của cuộc đấu tranh dân tộc, đấu tranh giai cấp

gay go, quyết liệt và phức tạp để giải quyết vấn đề « ai thắng ai » giữa con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa, đưa chủ nghĩa xã hội đến toàn thắng trên đất nước ta, bảo vệ vững chắc những thành quả cách mạng của nhân dân ta trước mắt cũng như về lâu dài, góp phần vào thắng lợi của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên bán đảo Đông-dương, ở Đông Nam châu Á và trên toàn thế giới.

Thực tiễn lịch sử của cuộc đấu tranh cách mạng chống giặc ngoại, thù trong ở nước ta hiện nay càng chứng minh luận điểm nổi tiếng của Lê-nin về tính tất yếu của quy luật « bảo vệ chủ nghĩa xã hội với tính cách là Tò quốc » (1), trong suốt thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Bởi vì, chừng nào chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa tư bản còn tồn tại thì không bao giờ chúng từ bỏ mưu đồ « tiêu diệt giai cấp vô sản chiến thắng của các nước xã hội chủ nghĩa » (2). Sau thắng lợi vĩ đại của Cách mạng tháng Mười, Lê-nin đã đặt lên hàng đầu nhiệm vụ bảo vệ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết và luôn luôn nhắc nhở giai cấp công nhân và nhân dân lao động Liên-xô « hãy đề phòng, hãy chăm lo đến khả năng quốc phòng của ta và của Hồng quân ta như chăm lo con người của mắt mình » (3). Những tư tưởng lơ là cảnh giác, « say sưa với thắng lợi sau khi đã chiến thắng », « tự ru ngủ... cho mình là kẻ mạnh hơn », « thái độ khinh xuất đối với quốc phòng » là « hoàn toàn sai lầm, hoàn toàn không cách mạng » (4)

Quy luật xây dựng chủ nghĩa xã hội phải gắn liền với bảo vệ chủ nghĩa xã hội, đã phát huy tác dụng chỉ đạo to lớn đối với sự nghiệp xây dựng đất nước Liên-xô, Tò quốc xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên trái đất, bởi vì, trong một thời gian dài, Liên-xô đã tồn tại và phát triển trong vòng

vây của chủ nghĩa đế quốc. Ngày nay, cục diện thế giới đã đổi thay, hệ thống xã hội chủ nghĩa đã có những bước phát triển mới và ngày càng hùng mạnh về mọi mặt. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam và hai nước bạn Lào và Cam-pu-chia không phải ở vào tình trạng cô lập như Liên-xô ngày trước. Tuy nhiên, chủ nghĩa đế quốc quốc tế đứng đầu là đế quốc Mỹ vẫn còn tồn tại, còn có trong tay một tiềm lực lớn về nhiều mặt và chưa hề từ bỏ âm mưu tiêu diệt chủ nghĩa xã hội trên thế giới. Hơn nữa, các thế lực bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn Trung-quốc lại đang đi sâu vào con đường phản bội cách mạng, phản bội chủ nghĩa Mác - Lê-nin, câu kết với chủ nghĩa đế quốc quốc tế, theo đuổi một chính sách thù địch có hệ thống chống nước ta và hai nước Lào và Cam-pu-chia. Trong tình hình đó, đối với nước ta cũng như đối với hai nước láng giềng anh em, quy luật xây dựng chủ nghĩa xã hội gắn liền với bảo vệ Tò quốc xã hội chủ nghĩa lại càng có ý nghĩa cực kỳ quan trọng và cấp bách.

Bởi vậy, vấn đề mấu chốt hiện nay là phải nắm vững mối quan hệ cơ bản giữa xây dựng đất nước với bảo vệ đất nước, mối quan hệ cơ bản giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng. Cần xuất phát đầy đủ từ đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, từ đường lối quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân bảo vệ Tò quốc của Đảng ta mà xác định đúng đắn mối quan hệ khẳng khái nói trên, luôn luôn kết hợp kinh

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, tập 27, trang 202.

(2) V.I. Lê-nin: *Sách đã dẫn*, 1963, tập 23, trang 100.

(3) V.I. Lê-nin: *Sách đã dẫn*, 1970, tập 33, trang 217.

(4) V.I. Lê-nin: *Sách đã dẫn*, 1963, tập 23, trang 100.

tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, làm cho dân ta ngày càng giàu, nước ta ngày càng mạnh, bất cứ trong tình huống nào quyết xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta, giải quyết tốt những nhu cầu về đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào và chiến sĩ ta. đồng thời luôn luôn sẵn sàng chiến đấu cao và chiến đấu kiên quyết, đánh thắng mọi mưu đồ phá hoại và xâm lược của kẻ thù, bảo vệ vững chắc Tổ quốc thân yêu.

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới là một cuộc chiến tranh toàn dân phát triển đến một trình độ mới. Đó là bước phát triển mới trong điều kiện lịch sử ngày nay của quy luật toàn dân đánh giặc giữ nước đã từng chi phối với mức độ và nội dung khác nhau, qua các thời kỳ khác nhau, tất cả các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng cũng như các cuộc chiến tranh giữ nước trong lịch sử của dân tộc ta.

Trong mấy chục năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, cuộc tổng khởi nghĩa toàn dân và hai cuộc kháng chiến toàn dân chống đế quốc Pháp và đế quốc Mỹ đã giành được thắng lợi vĩ đại. Chất lượng và sức mạnh của toàn dân đánh giặc với lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt đã có những bước tiến kỳ diệu, làm nên những sự tích phi thường.

Quy luật chiến tranh toàn dân là sự biểu hiện tập trung của chân lý vĩ đại: quần chúng nhân dân là người sáng tạo nên lịch sử. Ngày nay, giai cấp công nhân và nhân dân lao động nước ta đã trở thành người làm chủ thật sự, làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ vận mệnh Tổ quốc trên phạm vi cả nước ta. Vì vậy, quy luật chiến tranh toàn dân có đầy đủ điều kiện để phát triển đến một trình độ cao hơn bất cứ thời kỳ nào trước đây trong lịch sử nước ta. Bởi vì, mục tiêu của cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ngày nay là bảo vệ độc lập,

chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt-nam xã hội chủ nghĩa, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ công cuộc lao động hòa bình của nhân dân ta, bảo vệ nền chuyên chính vô sản và chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa, Mác — Lê-nin; góp phần vào sự nghiệp bảo vệ hòa bình và đấu tranh cách mạng của nhân dân thế giới. Dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, trên cơ sở nền kinh tế mới và nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa, Nhà nước chuyên chính vô sản và chế độ làm chủ tập thể có những khả năng to lớn để động viên và tổ chức sức mạnh mọi mặt của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên cả nước, làm cho tiềm lực mọi mặt của nền quốc phòng toàn dân biến thành sức mạnh to lớn của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Dựa trên quy luật cơ bản nói trên, Đảng ta đã đề ra nhiệm vụ nâng cao hơn nữa tinh thần yêu nước xã hội chủ nghĩa và tinh thần quốc tế chủ nghĩa chân chính, củng cố và xây dựng ngày càng vững mạnh nền chuyên chính vô sản và chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân lớn mạnh, làm cho 50 triệu đồng bào từ Bắc đến Nam kết hợp thành đội ngũ chiến đấu, trở thành 50 triệu dũng sĩ giết giặc giữ nước. khi hòa bình thì luôn luôn đề cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, ra sức xây dựng đất nước giàu mạnh, khi Tổ quốc lâm nguy thì phải đem tinh thần quyết thắng và tài mưu lược mà tiêu diệt kẻ thù, bảo vệ từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc, tiến hành thắng lợi chiến tranh thần thánh bảo vệ Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới là một cuộc chiến tranh toàn diện, với ý nghĩa đầy đủ nhất của nó. Đã là chiến tranh thì đặc trưng chủ yếu của nó là tiến hành đấu tranh trên mặt trận quân sự, nhưng tuyệt đối không phải chỉ đơn thuần về mặt

quân sự, mà phải kết hợp chặt chẽ với đấu tranh trên các mặt trận kinh tế, chính trị, ngoại giao. Đây là một trong những quy luật tạo nên sức mạnh để giành thắng lợi mà ta có điều kiện để phát huy mạnh mẽ.

Quy luật ấy đã từng chi phối các cuộc khởi nghĩa dân tộc và chiến tranh giải phóng dân tộc cũng như các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử nước ta. Nhưng trong khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng thì phạm vi toàn diện lúc đầu thường mới bao gồm nhân tố chính trị và nhân tố quân sự; còn trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, đất nước đã được xây dựng trong thời bình, *nhân tố kinh tế càng trở nên quan trọng, hậu phương vững chắc đã trở thành cơ sở sức mạnh của chiến tranh*. Do vậy ngày nay, trên đất nước Việt-nam hoàn toàn giải phóng, *công cuộc chuẩn bị và tiến hành chiến tranh bảo vệ Tổ quốc cần phát huy sức mạnh toàn diện trên phạm vi cả nước, hết sức coi trọng cơ sở kinh tế, cơ sở hạ tầng và vấn đề bảo đảm hậu cần cho chiến tranh*.

Hơn nữa, trong cuộc chiến đấu chống một kẻ thù tàn bạo và xảo quyệt, dù là bọn phản bội cách mạng hay bọn thực dân kiều mới, trong khi chúng tiến hành chiến tranh không những bằng thủ đoạn quân sự mà còn bằng thủ đoạn kinh tế và chiến tranh tâm lý, thì về phía ta, *cuộc chiến tranh bảo vệ đất nước càng phải được triển khai về mọi mặt, kết hợp quân sự, chính trị và tư tưởng, văn hóa, kết hợp đấu tranh quân sự, đấu tranh chính trị với đấu tranh ngoại giao*.

Với ý nghĩa ấy, cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới là một cuộc chiến tranh toàn dân và toàn diện phát triển đến trình độ cao. Nhiệm vụ và phương hướng hành động của chúng ta là bằng công tác tổ chức thực hiện, phát huy cao độ sức mạnh toàn diện ấy của giai cấp công nhân và nhân dân lao động cả

nước, tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn, chiến thắng kẻ thù.

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới không những là một cuộc chiến tranh chính nghĩa, toàn dân, toàn diện mà còn là một cuộc *chiến tranh hiện đại*.

Dưới thời đại phong kiến, dân tộc ta đã từng đứng lên khởi nghĩa hoặc tiến hành chiến tranh tự vệ, với điều kiện trang bị kỹ thuật có khi yếu kém hơn, có khi tương đương với trang bị kỹ thuật của địch. Trong thời đại mới, chúng ta cũng đã từng tiến hành chiến tranh giải phóng và chiến tranh giữ nước chống những kẻ thù đế quốc đã sử dụng mọi loại vũ khí hiện đại, trừ vũ khí nguyên tử, còn phía ta thì kết hợp các loại trang bị từ thô sơ đến nửa hiện đại và hiện đại.

Ngày nay, nền kinh tế nước ta đang từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ngày càng hiện đại; chúng ta có sẵn trong tay những vũ khí hiện đại lấy được của địch hoặc do các nước anh em viện trợ; do đó chúng ta có khả năng mới và điều kiện mới để từng bước hiện đại hóa các lực lượng vũ trang nhân dân ta. Về phía kẻ thù xâm lược thì quân đội của chủ nghĩa đế quốc rõ ràng là có những vũ khí trang bị hiện đại, còn quân đội của các thế lực bành trướng thì đang trên con đường ráo riết hiện đại hóa. Bởi vậy, *cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa cần được chuẩn bị và tiến hành trong điều kiện về phía ta cũng như về phía địch đều có trang bị vũ khí ngày càng hiện đại*. Chúng ta phải hết sức coi trọng trình độ làm chủ binh khí kỹ thuật hiện đại của cán bộ và chiến sĩ, trình độ tổ chức hiệp đồng tác chiến và tổ chức chỉ huy, bảo đảm cơ sở vật chất và kỹ thuật. Nói rộng hơn, đây là vấn đề nâng cao trình độ khoa học và kỹ thuật của con người mới xã hội chủ nghĩa, là một trong những nội dung chủ yếu của cách

mạng khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực kinh tế và quân sự.

Phương hướng trên đây quyết định những chủ trương lớn trong sự nghiệp xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh cũng như trong công cuộc xây dựng quân đội nhân dân và lực lượng vũ trang quần chúng, trước mắt cũng như về lâu dài.

Chiến tranh bao giờ cũng diễn ra trên một không gian nhất định và trong một thời gian nhất định. Không gian rộng hay hẹp, thời gian ngắn hay dài là tùy thuộc vào mục tiêu và so sánh lực lượng của hai bên đối địch trong chiến tranh.

Trong lịch sử của dân tộc ta, dù là khởi nghĩa dân tộc, chiến tranh giải phóng để giành lại độc lập cho đất nước, hay là chiến tranh bảo vệ Tổ quốc để chống lại một kẻ địch từ ngoài đến xâm lược nước ta, tất cả các cuộc chiến đấu tự vệ chính nghĩa đều diễn ra chủ yếu trên đất nước thân yêu của chúng ta. Các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng lúc đầu thường diễn ra trên những địa bàn hiểm trở nhất định, về sau mới từng bước được mở rộng ra trên phạm vi cả nước. Các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, trong bối cảnh nước nhà độc lập, thì tùy theo điều kiện cụ thể về phía địch và về phía ta, có khi chỉ diễn ra trên những địa bàn xung yếu của đất nước, có khi thì mở rộng ra trên nhiều vùng chiến lược trước khi kẻ địch bị đánh bại, nhân dân ta giành được thắng lợi.

Nói đến phương hướng tiến đánh của kẻ thù, thì các thế lực phong kiến phương Bắc, trải qua các triều đại đều mang quân chủ yếu từ phía bắc đánh xuống xâm lược nước ta, kết hợp với các đội quân đánh vu hồi từ phía nam. Còn các đội quân viễn chinh của các nước đế quốc, khoảng một trăm năm trở lại đây, thì lại từ biển đánh vào, từ phía nam đánh lên xâm lược nước ta,

trừ trường hợp quân đội phát xít Nhật trong chiến tranh thế giới thứ hai. Bước vào kỷ nguyên mới, kẻ thù xâm lược đã hai lần mang quân đánh nước ta, lúc đầu trên biên giới tây nam, gần đây trên biên giới phía bắc. Như vậy, không gian của chiến tranh trên đất nước ta qua các thời đại đều có sự thay đổi đáng kể.

Bởi vậy, để chủ động trong mọi tình huống và đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược, công cuộc xây dựng quốc phòng và chuẩn bị chiến tranh bảo vệ Tổ quốc cần được tiến hành trên phạm vi cả nước, từ rừng núi đến đồng bằng và đô thị, từ biên giới đến các hải đảo, không những trên đất liền mà cả trên không phận và hải phận của Tổ quốc. Chúng ta cần căn cứ vào ý đồ của địch và điều kiện cụ thể của đất nước, cả trước mắt và về lâu dài, mà xác định những vùng chiến lược và những phương hướng chiến lược quan trọng cần được chuẩn bị đầy đủ về mọi mặt, xác định đâu là những địa bàn có thể trở thành tiền tuyến, đâu là hậu phương vững chắc; kẻ cả trong tình huống chiến tranh quy mô lớn. Đó là những vấn đề quan trọng quyết định phương hướng xây dựng đất nước, củng cố quốc phòng, kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế.

Đứng về thời gian dài hay ngắn của chiến tranh, thì trong lịch sử chống ngoại xâm, nhân dân ta đã tích lũy được những kinh nghiệm hết sức phong phú. Có khi cả nước nhất tề đứng lên khởi nghĩa thắng lợi, như vào đầu công nguyên, tiếp đó chuyển sang chiến đấu mấy năm liền. Có khi phải dùng «kế trì cừu» mới giành được thắng lợi, như vào thế kỷ thứ VI. Có khi trong mỗi cuộc kháng chiến thì giành thắng lợi trong thời gian ngắn, nhưng nhìn toàn cục thì trong ba mươi năm phải ba lần đánh quân xâm lược mới giành được hòa bình lâu dài, như ở thế kỷ XIII. Cũng có khi dùng chiến lược thần tốc, một

trận là quét sạch quân thù như vào thế kỷ XVIII. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã tiến hành cuộc kháng chiến lâu dài trên ba mươi năm, giành thắng lợi từng bước, đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Bước vào kỷ nguyên mới, hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc gần đây cũng giúp chúng ta có một thực tế để suy nghĩ về vấn đề thời gian và không gian của chiến tranh, khi xảy ra.

Do bản chất phản động của các thế lực bành trướng và bá quyền nước lớn và của chủ nghĩa đế quốc quốc tế, trước mắt cũng như về lâu dài, để làm chủ tình hình, giành quyền chủ động và giành thắng lợi trong mọi tình huống, *chiến tranh bảo vệ Tổ quốc cần được chuẩn bị hết sức cơ bản và hết sức chu đáo, dự kiến đầy đủ các tình huống chiến lược có thể xảy ra. Có làm được như vậy và phải làm cho được như vậy thì chúng ta, trong bất cứ điều kiện nào, dù đánh nhanh thắng nhanh hay đánh lâu dài, đều sẵn sàng phương sách chiến lược có lợi nhất, đều giành được thắng lợi hoàn toàn và trọn vẹn.*

Sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân. Nhân tố quyết định thắng lợi trên chiến trường là quần chúng cách mạng xông lên đổ máu, chiến đấu và hy sinh cho lợi ích cơ bản của giai cấp, cho quyền sống thiêng liêng của dân tộc. Cho nên, trong chiến tranh tự vệ, dù là khởi nghĩa, chiến tranh giải phóng hay chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, chúng ta luôn nắm vững phương châm *dựa vào sức mình là chính.*

Dân tộc ta vốn có truyền thống tự lực tự cường, dựa vào sức mình là chính, đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược. Suốt hàng nghìn năm, trong thời đại phong kiến, dân tộc ta chưa hề có những đồng minh lớn mạnh, mà vẫn hoàn toàn có khả năng dựa vào sức mình để chiến thắng những kẻ thù hung bạo nhất lúc bấy giờ.

Bước vào thời đại mới, cách mạng Việt-nam đã trở thành một bộ phận của sự nghiệp cách mạng thế giới. Xuất phát từ điều kiện mới của lịch sử, Lê-nin đã từng cho rằng: *Một trong những đặc điểm cơ bản của cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là cuộc chiến tranh ấy luôn luôn diễn ra có sự liên minh «vượt các giai cấp bị áp bức ở tất cả các nước, với các dân tộc bị áp bức trên thế giới» (5).*

Ngay trong điều kiện mới của thời đại, trong những năm chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa và tiếp đó trong nhiều năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, nhân dân ta đã có được sự đồng tình, ủng hộ của phong trào cách mạng thế giới, nhưng vẫn còn chiến đấu trong vòng vây của địch, hoàn toàn dựa vào sức mình, nhất là về vật chất và vũ khí. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã vượt qua biết bao khó khăn gian khổ, giữ vững và phát triển cục diện kháng chiến cho đến ngày có được điều kiện thuận lợi mới, có sự chi viện của các nước anh em.

Ngày nay, trong khi gây ra chiến tranh xâm lược nước ta, các thế lực bành trướng luôn luôn câu kết với chủ nghĩa đế quốc và các bọn phản động khác. Chúng ta càng coi trọng sự đồng tình, ủng hộ và sự giúp đỡ quốc tế đối với cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta

Trong cuộc chiến đấu lâu dài và quyết liệt chống mọi kẻ thù xâm lược, nhân dân Việt-nam luôn luôn đoàn kết chiến đấu với nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia anh em ngày nay đang vững bước tiến lên trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ba dân tộc anh em ở bán đảo Đông-dương coi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nước bạn như sự nghiệp của chính bản thân mình.

(5) V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, tập 44, trang 293 (tiếng Nga).

Chúng ta có sự đồng tình, ủng hộ và sự giúp đỡ to lớn và có hiệu lực, đầy tình thần quốc tế chủ nghĩa cao cả của nhân dân Liên-xô, đất nước của Lê-nin vĩ đại, của nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác và của cả loài người tiến bộ, kể cả nhân dân cách mạng Trung-quốc.

Sự đồng tình và giúp đỡ quốc tế là một trong những nhân tố quan trọng quyết định thắng lợi của cuộc chiến đấu chính nghĩa của nhân dân ta. Sức mạnh của cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc Việt-nam trong kỷ nguyên mới là sức mạnh tổng hợp của dân tộc ta và của cả thời đại.

Những quy luật của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới thể hiện nội dung cụ thể của đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối quân sự của Đảng ta trên vấn đề tăng cường nền quốc phòng toàn dân, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Những quy luật ấy cần được quán triệt và vận dụng vào công cuộc xây dựng và chuẩn bị đất nước, vào phương thức tiến hành chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, nhằm đưa cuộc chiến tranh đến thắng lợi hoàn toàn, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự điều khiển của Nhà nước chuyên chính vô sản.

TOÀN DÂN VŨ TRANG, TOÀN DÂN ĐÁNH GIẶC, GIỮ NƯỚC

Toàn dân vũ trang, toàn dân đánh giặc giữ nước trên cơ sở chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, đó là nội dung chủ yếu của khoa học và nghệ thuật quân sự Mác - Lê-nin ở nước ta trong kỷ nguyên mới.

Tư tưởng toàn dân vũ trang, toàn dân đánh giặc ở nước ta bắt nguồn từ những thời xa xưa trong lịch sử dựng nước và giữ nước lâu đời của dân tộc. Qua các thời đại cho đến ngày nay, trải qua biết bao cuộc khởi nghĩa, chiến tranh giải phóng và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, tư tưởng ấy đã phát triển không ngừng với chất lượng và nội dung, với hình thức tổ chức và hình thức tác chiến ngày càng hoàn chỉnh, với sức mạnh tổng hợp ngày càng to lớn.

Nước ta vốn là một nước đất không rộng, người không đông, lại luôn luôn là đối tượng nhòm ngó và xâm lược của các thế lực phong kiến tàn bạo phương Bắc. Với tinh thần độc lập, tự chủ kiên cường, với chí khí đấu tranh bất khuất trong cuộc dựng độ lớn đầu tiên diễn ra trước công nguyên, những người dân yêu nước

lúc bấy giờ đã cùng nhau đứng lên, kiên quyết chiến đấu chống kẻ thù xâm lược. Bằng mọi loại vũ khí có trong tay, bằng những trận đánh quy mô nhỏ nhưng dũng cảm và mưu trí, dân tộc ta đã đánh bại đội quân xâm lược có tổ chức mạnh hơn mình gấp nhiều lần của bọn phong kiến Trung-quốc lúc bấy giờ đã được thống nhất thành một quốc gia tập quyền rộng lớn.

Về sau, trong gần mười thế kỷ Bắc thuộc, các cuộc khởi nghĩa dân tộc, chiến tranh giải phóng dân tộc đã kế tiếp nổ ra, với quy mô khác nhau do quần chúng tự vũ trang, vùng lên cứu nhà, cứu nước. Các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh ấy ngày càng tích lũy sức mạnh to lớn, làm lay chuyển đến tận gốc, tiến lên đánh đổ hoàn toàn ách thống trị của bọn phong kiến Trung-quốc, giành lại độc lập hoàn toàn cho Tổ quốc.

Đến thời kỳ độc lập tự chủ, trải qua nhiều thế kỷ, trong lúc giai cấp phong kiến nước ta còn có tác dụng tích cực, đứng trước nguy cơ thường xuyên bị xâm lược, quân đội chính quy đã được xây dựng ngày càng lớn

manh. Tuy vậy, khác hẳn với tình hình ở hầu hết các quốc gia phong kiến và tư sản, chế độ vũ trang quần chúng ở nước ta không hề bị xóa bỏ, mà trái lại ngày càng được phát triển rộng rãi thêm. Do vậy, mỗi lần đất nước bị xâm lăng thì « *cả nước chung sức* », « *trăm họ là binh* », « *toàn dân đánh giặc* »; tạo nên sức mạnh to lớn của cả dân tộc, chiến thắng mọi kẻ thù hung bạo.

Bước vào thời kỳ lịch sử hiện đại, từ khi Đảng ta ra đời, Đảng đã sớm đề ra chủ trương *vũ trang quần chúng*, đi đôi với việc *xây dựng quân đội nhân dân*. Trải qua hơn ba mươi năm chiến tranh giải phóng và giữ nước, lực lượng dân quân tự vệ của quần chúng công nông đồng đảo đã phát triển mạnh mẽ về mọi mặt: quân đội nhân dân đã từ những tiểu đội, trung đội đầu tiên lớn mạnh nhanh chóng, trở thành một đội quân hùng mạnh. Quân và dân ta đã phát triển sức mạnh toàn dân đánh giặc lên một trình độ mới, kết hợp *chiến tranh nhân dân địa phương* — mà ta thường gọi là chiến tranh du kích — với *chiến tranh nhân dân của các binh đoàn chủ lực*, tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn, đủ sức chiến thắng quân đội xâm lược của hai đế quốc to, kẻ cả quân đội viễn chinh của đế quốc Mỹ là tên đế quốc đầu sỏ.

Khi nghiên cứu lịch sử chiến tranh của các dân tộc, Ăng-ghe-n đã từng nói đến sức mạnh của *khởi nghĩa dân tộc*, của *chiến tranh dân tộc* với những hoạt động tác chiến quy mô nhỏ của những người dân được vũ trang — cũng gọi là « *chiến tranh nhỏ* ». Ăng-ghe-n đã đi đến kết luận rằng, với những hình thức đánh nhỏ muôn hình muôn vẻ ấy, một dân tộc nhỏ không có quân đội mạnh đứng lên kiên quyết chiến đấu, hoàn toàn có khả năng nghiền nát những đội quân xâm lược lớn mạnh hơn. Khi bàn về cuộc chiến tranh giữa Pháp và Phổ, Ăng-ghe-n cũng đã từng dự kiến về sức mạnh

của một lực lượng vũ trang gồm hai bộ phận cấu thành: một là các đội tự vệ vô sản và các đội tự vệ nông dân..., hai là quân đội chính quy thường trực.

Về tổ chức quân sự, dân tộc ta đã sớm sáng tạo nên và đã không ngừng phát triển qua các thời kỳ lịch sử hình thức vũ trang toàn dân với lực lượng hương binh, dân binh trước đây và lực lượng dân quân tự vệ ngày nay cùng với hình thức quân đội thường trực, với quân đội chính quy dân tộc trước đây và quân đội nhân dân ngày nay.

Trên cơ sở hai hình thức tổ chức quân sự cơ bản ấy, về phương thức đánh giặc, dân tộc ta đã sớm sáng tạo nên và đã không ngừng phát triển qua các thời kỳ lịch sử *phương thức tác chiến của chiến tranh nhân dân địa phương* cùng với *phương thức tác chiến của các binh đoàn chủ lực cơ động*.

Đó là *quy luật toàn dân vũ trang* và *quy luật toàn dân đánh giặc*, và cũng là nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân ở nước ta phát triển từ thấp đến cao.

Đó chính là truyền thống quân sự độc đáo của dân tộc ta, đặc điểm nổi bật của đường lối quân sự sáng tạo của Đảng ta.

Ngày nay, bước vào kỷ nguyên mới, khoa học và nghệ thuật đánh giặc, giữ nước của ta đang phát triển lên một bước mới. Đó là *khoa học và nghệ thuật quân sự toàn dân vũ trang*, toàn dân đánh giặc dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân nhằm bảo vệ Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa, đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược.

Trên cơ sở chế độ mới được từng bước xây dựng và củng cố trên phạm vi cả nước, trên cơ sở nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới, lực lượng vũ trang nhân dân ta ngày nay không những là đội quân đông đảo nhất từ trước đến nay về

số lượng mà còn là đội quân có chất lượng chính trị và quân sự ngày càng cao. Lực lượng vũ trang quần chúng ngày càng được tổ chức mạnh mẽ và rộng khắp trên khắp mọi miền của đất nước. Quân đội nhân dân ngày càng được củng cố và phát triển với đầy đủ các quân chủng, binh chủng hiện đại, với lực lượng thường trực mạnh và lực lượng hậu bị hùng hậu.

Các lực lượng dân quân tự vệ giải trãi bao gồm các thành phần rộng rãi của giai cấp công nhân, nông dân tập thể và trí thức xã hội chủ nghĩa luôn luôn gắn liền với các cơ sở của nền kinh tế quốc dân, từ các xí nghiệp, hầm mỏ, nông trường, lâm trường đến các thôn xã, bản làng, hợp tác xã, trường học, từ thành phố đến nông thôn, từ miền núi đến đồng bằng và miền biển, từ các vùng biên giới đến các hải đảo xa xôi. Các lực lượng vũ trang ấy từ các đơn vị trung đội, đại đội đến các đơn vị tiểu đoàn, trung đoàn, có khi đến sư đoàn, với tư thế là người làm chủ ở cơ sở, ngày nay đang được tổ chức chặt chẽ hơn, trang bị, huấn luyện và chỉ huy tốt hơn. Thực hiện triệt để chủ trương toàn dân vũ trang, mỗi một người công dân là một người lao động xã hội chủ nghĩa giỏi đồng thời là một chiến sĩ bảo vệ Tổ quốc kiên cường, thời bình thì lao động sản xuất, khi có giặc thì đánh giặc giữ nước.

Lực lượng bộ đội địa phương huyện và tỉnh — các lực lượng vũ trang tại chỗ — đang được tăng cường về mọi mặt, gắn liền với cơ cấu nông — công nghiệp của từng huyện, cơ cấu công — nông nghiệp của từng tỉnh, thành. Bộ đội địa phương ngày nay đã phát triển vượt bậc, không chỉ với đơn vị đại đội hay tiểu đoàn, mà có nơi đã có đơn vị trung đoàn, hoặc lớn hơn nữa với trang bị hiện đại hoặc tương đối hiện đại, với một đội ngũ cán bộ có kinh nghiệm chiến đấu và chỉ huy.

Các lực lượng vũ trang quần chúng

ở cơ sở cùng với các lực lượng bộ đội địa phương ngày càng có vị trí quan trọng và khả năng chiến đấu lớn, làm cho các cơ sở sản xuất đồng thời là những cơ sở sẵn sàng chiến đấu, xây dựng các huyện thành pháo đài quân sự vững mạnh, các tỉnh, thành phố thành đơn vị chiến lược đủ sức đề tiêu diệt những đơn vị lớn của quân địch, tích cực chuẩn bị chiến trường và luôn luôn sẵn sàng đề phối hợp với bộ đội chủ lực đánh những trận lớn.

Trên đất nước đã được hoàn toàn giải phóng, các lực lượng vũ trang quần chúng cùng với các lực lượng bộ đội địa phương đã có những khả năng mới rất to lớn để phát động một cuộc chiến tranh nhân dân địa phương mạnh mẽ và rộng khắp; với tinh thần chiến đấu cao, trình độ tổ chức, trang bị và chỉ huy tốt, lại am hiểu địa hình, dựa vào hậu căn tại chỗ, dựa vào các hệ thống trận địa phòng thủ được chuẩn bị tích cực và chu đáo, các lực lượng này làm cho quân đội xâm lược của kẻ thù mới đặt chân lên đất nước ta đã bị đánh trả ngay tức khắc, đi đến đâu cũng bị đánh mạnh.

Thắng lợi oanh liệt mà quân và dân ta vừa mới giành được trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới phía bắc đã chứng minh những khả năng to lớn đó. Với dân quân tự vệ và bộ đội địa phương là chủ yếu, lực lượng vũ trang nhân dân Việt-nam ta đã đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn của trên nửa triệu quân Trung-quốc xâm lược với đầy đủ các binh chủng kỹ thuật và các loại vũ khí. Chiến tranh nhân dân ở địa phương rõ ràng là một phương thức tác chiến cơ bản có ý nghĩa chiến lược to lớn.

Trong khi ra sức tăng cường sức mạnh của chiến tranh nhân dân địa phương, chúng ta hết sức coi trọng nâng cao số lượng và chất lượng của các binh đoàn chủ lực với đầy đủ các

quân chủng lục quân, không quân, phòng không và hải quân, với binh khí kỹ thuật ngày càng hiện đại, từng bước thực hiện cơ khí hóa, cơ giới hóa và tự động hóa, sức mạnh chiến đấu ngày càng tăng, công tác bảo đảm mọi mặt ngày càng tốt, tổ chức chỉ huy ngày càng giỏi. Các binh đoàn chủ lực lớn mạnh của quân đội nhân dân phải thật sự trở thành những quả đấm thép, phát huy tác dụng quyết định của *chiến tranh nhân dân của các lực lượng cơ động* trên các hướng chiến lược quan trọng và trên phạm vi cả nước, tiến hành những trận phản công và tiến công kiên quyết, những trận tiêu diệt quy mô lớn, cùng với chiến tranh nhân dân địa phương tạo thành sức mạnh tổng hợp to lớn đánh bại mọi kẻ thù, bảo vệ vững chắc Tổ quốc thân yêu.

Nghệ thuật đánh giặc, giữ nước của chiến tranh nhân dân Việt-nam trước hết là nghệ thuật giành quyền chủ động, luôn luôn làm chủ chiến trường, làm chủ trong mọi tình huống cũng như trong toàn bộ quá trình của cuộc chiến tranh. Đó cũng là biểu hiện cao nhất của quyền làm chủ tập thể trên chiến trường và trong chiến tranh, làm chủ đề tiêu diệt địch, tiêu diệt địch để giữ vững quyền làm chủ, luôn luôn giành chủ động về ta, hãm địch vào thế bị động, đưa chiến tranh đến thắng lợi cuối cùng.

Điều kiện và cơ sở để giành quyền chủ động, để thực hiện quyền làm chủ trên chiến trường và trong chiến tranh là phải biết địch, biết ta, am hiểu chiến trường, đánh giá đúng so sánh lực lượng mọi mặt giữa ta và địch, phát hiện và nắm vững quy luật của chiến tranh. Muốn vậy, phải biết phân tích một cách khoa học và biện chứng những đặc điểm về địch, về ta, về chiến trường, về cục diện trong nước và cục diện quốc tế, phân tích mọi diễn biến mới, mọi biến chuyển mới.

Tình hình địch, ta và chiến trường trong mỗi cuộc chiến tranh một khác: đánh giặc phong kiến phương Bắc khác, đánh Nhật, đánh Pháp, đánh Mỹ khác; ngày nay, đánh giặc xâm lược Trung-quốc lại khác. Chiến tranh là một cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp cực kỳ quyết liệt, một mất một còn, một thắng một bại, diễn biến cực kỳ phức tạp và mau lẹ. Bởi vậy, sự đánh giá đúng đắn địch ta, cũng như sự phát hiện quy luật của chiến tranh cần phải đi sát thực tiễn của mỗi cuộc chiến tranh, cần được tiến hành khôn trương và sắc bén, không những đối với từng tình huống cụ thể, mà đối với toàn bộ quá trình phát triển của chiến tranh. Đánh giá đúng địch ta, phát hiện và nắm vững quy luật, đó chính là căn cứ khoa học đề ra phương hướng hành động đúng đắn, *xác định quyết tâm đúng đắn về chiến lược, chiến dịch cũng như về chiến đấu*, đưa chiến tranh đến thắng lợi.

Về phía địch, thì do bản chất xâm lược và phi nghĩa, chúng luôn luôn phạm sai lầm chủ quan trong đánh giá so sánh lực lượng. Chúng rất khó lòng tìm hiểu, được quy luật của chiến tranh, bởi vì các quy luật khách quan ấy thường phủ định mọi thắng lợi của chúng; phủ định ngay cả sự tồn tại của chúng. Chính vì vậy, mà chúng luôn luôn hành động trái với quy luật khách quan, muốn chủ động đánh ta nhưng lại luôn luôn lâm vào bị động, muốn đi đến thắng lợi nhưng thực tế là tự dẫn mình đến thất bại. Không những thế, chính lúc chúng tưởng là sắp đi đến thắng lợi hoàn toàn cũng thường là lúc chúng đang sa vào thất bại nhục nhã, quân Nguyên, quân Minh, quân Thanh trước đây đã như vậy; quân Nhật, quân Pháp, quân Mỹ cũng như vậy. Và gần đây nhất, giặc Trung-quốc xâm lược cũng lại như vậy.

Do bản chất triệt để cách mạng của cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc

xã hội chủ nghĩa, nghệ thuật đánh giặc giữ nước của quân và dân ta luôn luôn thấm nhuần tư tưởng cách mạng tiến công triệt để, quán triệt tư tưởng chiến lược tiến công. Nghệ thuật ấy chủ yếu là nghệ thuật tiến công; nó có mối quan hệ hữu cơ với nghệ thuật giành quyền chủ động. Do vậy, quyền chủ động cũng chính là sự thể hiện sinh động nhất của tư tưởng chiến lược tiến công trên chiến trường.

Quán triệt tư tưởng chiến lược tiến công trong mọi hoạt động tác chiến cụ thể, trong mọi hình thức tác chiến cụ thể, trong tác chiến tiến công và phòng ngự cũng như trong tác chiến phòng ngự. Quân đội ta sinh ra và lớn lên trong khối nghĩa và chiến tranh giải phóng dân tộc, do đó không những sự chỉ đạo tác chiến của ta luôn luôn quán triệt tư tưởng tiến công, mà về hình thức tác chiến cụ thể thì thường thành thạo phân công và tiến công, còn tác chiến phòng ngự thì còn ít kinh nghiệm.

Ngày nay, trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, mục tiêu của các cuộc chiến đấu không những là tiêu diệt sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch mà còn phải giữ vững từng tấc đất của Tổ quốc, đặc biệt là những vị trí xung yếu, phải giữ vững các mục tiêu quân sự, kinh tế và chính trị quan trọng. Vì vậy, quân đội ta không những phải được tiếp tục rèn luyện thêm trong tác chiến tiến công và phòng công, mà còn phải được rèn luyện trong tác chiến phòng ngự. Phòng ngự ngoan cường, phản công kiên quyết, tiến công dũng mãnh. Dù, trong tác chiến tiến công, phản công hay trong tác chiến phòng ngự đều phải thấm nhuần tư tưởng tiến công, luôn luôn giành chủ động, gây cho địch những tổn thất nặng nề, giảm thiệt hại của ta đến mức thấp nhất, tạo điều kiện để tiến lên giành thắng lợi mới. Dừng về mục tiêu tiêu hao và tiêu diệt quân địch, giành chủ động về ta, giành lấy thắng lợi cuối

cùng trong chiến tranh thì tiến công, phản công và phòng ngự là nhất trí, lấy tiến công và phản công là chính.

Nghệ thuật đánh giặc, giữ nước của quân và dân ta là nghệ thuật đánh địch trên thế mạnh. Bất kể so sánh lực lượng như thế nào, vũ khí và phương tiện như thế nào, quy mô tác chiến như thế nào, đều biết kết hợp tình thần dũng cảm với trí thông minh sáng tạo, tạo nên sức mạnh áp đảo tiêu diệt quân địch, giành thắng lợi lớn. Muốn vậy, phải biết lấy lực lượng làm cơ sở khách quan, lại biết tạo nên thế trận có lợi nhất, thực hiện cơ động nhanh chóng và đúng phương hướng, đúng thời cơ lại biết vận dụng cách đánh kiên quyết và sáng tạo.

Lực lượng — binh lực và hỏa lực — là cơ sở khách quan để tạo nên sức mạnh trên chiến trường. Mọi người đều biết khoa học và nghệ thuật quân sự của các nước qua nhiều thời đại đều coi ưu thế về binh lực và hỏa lực, về số lượng quân đội và chất lượng của vũ khí trang bị là nguyên lý cao nhất, là nhân tố quyết định nhất trong từng trận chiến đấu cũng như trong toàn bộ cuộc chiến tranh. Có thể nói rằng, đó là luận điểm cơ bản nhất của khoa học và nghệ thuật quân sự hầu hết các nước trên thế giới. Cái độc đáo của nghệ thuật quân sự dân tộc ta là trong khi hết sức coi trọng nhân tố binh lực và hỏa lực, phải biết lấy nhỏ thắng lớn, lấy ít địch nhiều và luôn luôn đánh địch trên thế mạnh. Nghệ thuật ấy là sản phẩm vô cùng quý báu của cả một quá trình hàng nghìn năm đấu tranh vô cùng oanh liệt chống ngoại xâm của dân tộc ta, một dân tộc anh hùng đã từng chiến đấu và chiến thắng những đội quân thường đông hơn mình gấp nhiều lần, với trang bị kỹ thuật tương đương hoặc hiện đại hơn. Trong những hoàn cảnh cụ thể, với những điều kiện và khả năng mới, nghệ thuật đánh giặc giữ nước của ta đồng thời coi trọng nguyên tắc tập trung ưu thế binh lực,

dùng tru thể binh lực, hỏa lực để tiêu diệt quân địch, giành thắng lợi về ta. Kỹ thuật là then chốt, con người là quyết định.

Dù lấy ít thắng nhiều, lấy nhỏ thắng lớn hay tập trung binh lực tiêu diệt quân địch, nghệ thuật đánh giặc và thắng giặc của ta luôn luôn coi trọng nguyên tắc tạo nên thế trận đánh giặc có lợi, một thế trận có thể phát huy sức mạnh tiến công lớn nhất với một lực lượng nhất định. Đó là thế trận của chiến tranh nhân dân ở địa phương kết hợp với chiến tranh nhân dân của các binh đoàn chủ lực. Đó là thế bố trí lực lượng có lợi nhất trên các chiến trường đã được chuẩn bị ở từng địa phương và trong cả nước, trên các khu vực hậu phương, làm cho các lực lượng của ta phát huy được sức mạnh lớn nhất. Đó là thế trận biết lợi dụng địa hình hiểm trở, biết cải tạo địa hình theo hướng có lợi cho ta. Đó là thế trận biết lấy chỗ mạnh của ta đánh vào nơi hiểm yếu và tương đối sơ hở của địch, nhằm đúng phương hướng, đánh đúng thời cơ, tạo nên bất ngờ lớn đối với địch, làm cho chúng không kịp trở tay.

Nghệ thuật đánh giặc và thắng giặc của ta hết sức coi trọng vấn đề cơ động bộ đội. Giỏi cơ động bộ đội, cơ động đúng hướng, cơ động nhanh chóng, nhanh chóng đưa bộ đội ta đến nơi địch sơ hở nhất, đến những địa hình thiên hiểm có lợi nhất, tạo nên bất ngờ lớn nhất và triệt để lợi dụng bất ngờ, tạo nên thời cơ, và kịp thời nắm lấy thời cơ, phát huy được sức mạnh tiến công đến mức cao nhất.

Nghệ thuật đánh giặc và thắng giặc của ta coi vấn đề sáng tạo và vận dụng cách đánh hay là nhân tố quan trọng bậc nhất, có ý nghĩa quyết định thắng lợi trên chiến trường. Cách đánh tài giỏi, dũng cảm và mưu trí với nội dung vô cùng phong phú và sáng tạo là một đặc điểm nổi bật của nghệ thuật quân sự Việt-nam. Kết hợp đánh nhỏ, đánh vừa và đánh lớn, kết hợp

tác chiến hợp đồng quân chủng, binh chủng với tác chiến độc lập của từng binh chủng, từng đơn vị. Kết hợp mọi nhân tố tạo nên sức mạnh, đánh địch theo ý định của ta, không cho địch thực hiện ý định của chúng. Trong bất cứ tình huống nào, trước một kẻ địch như thế nào, đều luôn luôn sáng tạo cách đánh kiên quyết và chủ động, cơ động và linh hoạt, mưu trí và sáng tạo, bí mật và bất ngờ tạo nên sức mạnh tiến công lớn nhất ở phương hướng quyết định trong thời cơ quyết định. Khi thì đánh chắc tiến chắc giành thắng lợi từng bước; khi thì táo bạo thần tốc, chớp lấy thời cơ giành thắng lợi lớn.

Binh lực và hỏa lực là sức mạnh. Thế trận là sức mạnh. Cơ động là sức mạnh. Phương hướng và thời cơ là sức mạnh. Nghệ thuật tác chiến và chỉ huy với cách đánh hay nhất phải biết vận dụng và kết hợp một cách hữu cơ những nhân tố ấy, tạo nên sức mạnh tổng hợp áp đảo, giành lấy thắng lợi lớn nhất trong chiến đấu, trong chiến dịch cũng như trong toàn bộ cuộc chiến tranh.

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 25 chiến thắng Điện-biên-phủ, điềm lại các trận quyết chiến chiến lược trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta, chúng ta thấy rõ ràng, các trận quyết chiến chiến lược ấy từ Bạch-đăng, Chi-lăng, Đống-đa đến Điện-biên-phủ và chiến dịch Hồ-Chí-Minh đều là những điển hình của nghệ thuật tạo nên sức mạnh tổng hợp áp đảo, giành thắng lợi từng lấy. Các trận quyết chiến chiến lược ấy phản ánh ở trình độ cao tài năng thao lược của dân tộc ta, những nét độc đáo trong nghệ thuật lãnh đạo và chỉ huy của ta, đồng thời phản ánh sự phát triển vượt bậc qua các thời kỳ lịch sử của nghệ thuật đánh giặc giữ nước của quân và dân ta.

Thực tiễn chiến tranh yêu nước vĩ đại của nhân dân ta trước kia cũng như thắng lợi oanh liệt của hai cuộc

chiến tranh bảo vệ Tổ quốc gần đây chứng tỏ khả năng to lớn, trình độ tiến lên và sức mạnh vĩ đại của khoa học và nghệ thuật quân sự Việt-nam.

Ngày nay, để phục vụ mưu đồ chuẩn bị và tiến hành chiến tranh xâm lược của chúng, chủ nghĩa đế quốc quốc tế và các thế lực hành trưởng và bá quyền nước lớn Đắc-kinh đang dồn không biết bao nhiêu tiền của và trí thức khoa học vào việc chạy đua vũ trang, sáng chế các phương tiện và vũ khí hiện đại mới. Trí thức quân sự của các nước trên thế giới đang có những bước phát triển nhanh chóng dựa trên những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại.

Vì vậy, một lần nữa chúng ta không nên say sưa với thắng lợi, với những thành tích to lớn của khoa học và nghệ thuật quân sự nước ta. Chúng ta cần phải đặt thành một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng vấn đề xây dựng và phát triển nền khoa học và nghệ thuật quân sự Mác - Lê-nin của nước ta trong kỷ nguyên mới, nhằm phục vụ có hiệu lực nhất sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa Việt-nam.

Như Ăng-ghe-n đã từng nói, chỉ có dùng trí óc suy nghĩ nhiều, không ngừng cải tiến và phát minh sáng tạo trong lĩnh vực quân sự, biết lợi dụng mọi tài nguyên của đất nước và phát triển tư chất quân sự đặc biệt của dân tộc mình thì mới có thể đưa quân đội của một nước tiến lên những bước nhảy vọt, đương đầu thắng lợi với mọi kẻ thù xâm lược.

Khoa học và nghệ thuật quân sự với tính chất giai cấp của nó, vốn mang bản sắc dân tộc và phản ánh sâu sắc các truyền thống của lịch sử, cũng như các điều kiện mới của đất nước, của thời đại. Vì vậy, trên cơ sở những kinh nghiệm và truyền thống vô giá, chúng ta cần đi sâu vào thực tiễn sản xuất và chiến đấu, đất nước và con người Việt-nam, dày công

tổng kết, nghiên cứu và nâng cao hệ thống tri thức quân sự hiện nay của quân và dân ta, đồng thời ra sức tiếp thu những tri thức quân sự tiên tiến của các nước anh em và của thế giới, nhanh chóng làm chủ khoa học kỹ thuật quân sự hiện đại. Trong lĩnh vực này, cần luôn luôn vận dụng phương pháp duy vật biện chứng, khắc phục mọi khuynh hướng kinh nghiệm chủ nghĩa hoặc máy móc giáo điều, nêu cao tinh thần độc lập tự chủ và sáng tạo. Phát triển tích cực và đúng hướng khoa học và nghệ thuật quân sự Mác - Lê-nin ở nước ta là một nhân tố có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh và tiến hành thắng lợi chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.



Từ thuở đầu dựng nước, người dân Việt ta đã sớm hình thành một cộng đồng dân tộc có phong cách sống riêng, có nền văn hóa riêng trên lãnh thổ cư trú của mình. Nước ta đã sớm trở thành một quốc gia thống nhất, độc lập, có chủ quyền. Từ thuở vua Hùng dựng nước cho đến thời đại Hồ-Chi-Minh, từ ngày lập nên nước Văn-lang cho đến ngày ra đời của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, dân tộc ta đã bao phen đứng trước nguy cơ còn mất, trải qua bao lần vận nước suy rồi lại thịnh. Thế nhưng trong quá trình đấu tranh bền bỉ và anh dũng, thông minh và sáng tạo để chinh phục thiên nhiên, cải tạo xã hội, chống giặc ngoại xâm, dân tộc ta đã lớn lên với sức mạnh phi thường, đã xây dựng nên một nền văn minh có sức sống mãnh liệt, làm rạng rỡ non sông đất nước Việt-nam.

Ngày nay, dân tộc Việt-nam ta đang kề vai sát cánh với nhân dân các dân tộc của hai nước Lào và Cam-pu-chia anh em bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập tự do và chủ nghĩa

xã hội. Nhân dân lao động nước ta đã trở thành người làm chủ chân chính vận mệnh của Tổ quốc.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt-nam, đứng đầu là đồng chí Lê-Duẩn kính mến, toàn dân ta đang đem hết sức lực và trí tuệ xây dựng cuộc sống ấm no và hạnh phúc cho muôn đời các thế hệ mai sau. Dân tộc ta đang sánh vai cùng các dân tộc tiên phong trên thế giới, đang thực hiện bước nhảy vọt vĩ đại nhất trong lịch sử của mình, biến nước ta từ một nước sản xuất nhỏ, kinh tế nghèo nàn và lạc hậu, bị chiến tranh tàn phá nặng nề thành một nước *Việt-nam xã hội chủ nghĩa có nền kinh tế công — nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học tiên tiến, quốc phòng vững mạnh, có đời sống văn minh và hạnh phúc.*

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là lẽ sống của dân tộc ta. Hòa bình và hữu nghị là nguyện vọng của nhân dân ta.

Chính vì vậy mà chúng ta đã hy sinh biết bao xương máu để bảo vệ độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta. Chúng ta hết sức tôn trọng độc lập tự do của dân tộc khác. Chính vì vậy mà chúng ta muốn sống hòa bình và hữu nghị với tất cả các dân tộc trên thế giới. Chúng ta rất quý trọng tình bạn chiến đấu giữa nhân dân ta với nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia, giữa nhân dân ta với nhân dân Liên-xô và nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, với nhân dân cách mạng Trung-quốc, nhân dân các nước ở Đông Nam châu Á và trên thế giới.

Các thế lực thù địch của cách mạng Việt-nam hiện nay đang lăng cường cấu kết với nhau, ngăn cản con đường tiến lên của dân tộc ta và hai dân tộc Lào và Cam-pu-chia anh em. Âm mưu độc ác và nham hiểm của chúng là đem quân xâm lược Tổ quốc ta,

tạo ra tình hình căng thẳng thường xuyên, nguy cơ thường xuyên có thể gây ra chiến tranh, bạo loạn, chúng thường kỳ quấy rối, trường kỳ phá hoại công cuộc hòa bình xây dựng của nhân dân ta và nhân dân hai nước Lào và Cam-pu-chia, kìm hãm và làm suy yếu, tiến tới khuất phục và thôn tính nước ta và hai nước Lào và Cam-pu-chia anh em.

Hơn lúc nào hết, toàn quân và toàn dân ta, hưởng ứng Lời kêu gọi của Ban chấp hành trung ương Đảng, thực hiện Lệnh tổng động viên của Nhà nước, hãy nêu cao hơn nữa truyền thống đấu tranh bất khuất, nâng cao hơn nữa cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chiến đấu cao và chiến đấu kiên quyết, tranh thủ thời gian lao động quên mình, đẩy mạnh phát triển kinh tế và văn hóa, đồng thời tích cực chuẩn bị đất nước về mọi mặt, *quyết xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta, đánh bại mọi hành động khiêu khích và phá hoại, đập tan mọi mưu đồ xâm lược trên mọi quy mô, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong một tình huống, làm tròn nhiệm vụ dân tộc thiêng liêng và làm tròn nghĩa vụ quốc tế cao cả của mình.*

Dưới ngọn cờ của Đảng cộng sản Việt-nam quang vinh và Chủ tịch Hồ-Chí-Minh vĩ đại, sự nghiệp đấu tranh để bảo vệ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, bảo vệ hòa bình và hữu nghị giữa các dân tộc của nhân dân ta nhất định thắng lợi hoàn toàn.

Cả nước là một công trường vĩ đại xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Cả nước là một trận địa bao la sẵn sàng đánh thắng mọi kẻ thù.

Tất cả để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

« BA XUNG KÍCH LÀM CHỦ TẬP THỂ »

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG CỦA THANH NIÊN

TRONG TÌNH HÌNH MỚI

ĐẶNG-QUỐC-BẢO

ĐẦU năm 1978, Ban chấp hành trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh phát động phong trào « Ba xung kích làm chủ tập thể » nhằm tổ chức và động viên thanh niên cả nước phát huy sức mạnh làm chủ tập thể, đi đầu thực hiện các nhiệm vụ: *lao động sản xuất; chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội; học tập, rèn luyện và xây dựng cuộc sống mới*. Phong trào cách mạng này có nội dung phong phú và hình thức sinh động, vừa đáp ứng yêu cầu mới của cách mạng, vừa phù hợp với nguyện vọng của thanh niên, cho nên được đông đảo các tầng lớp thanh niên nhiệt liệt hưởng ứng. Chỉ trong một thời gian ngắn sau khi phong trào được phát động, gần 8 triệu đoàn viên và thanh niên đã ghi tên tình nguyện vào các « Đội thanh niên xung kích xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ». Một khi thể cách mạng mới đã bùng lên trong thế hệ trẻ cả nước với rất nhiều chiến công mới trong các lĩnh vực hoạt động, ở khắp các địa phương.

Trên mặt trận chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, trước

sự thách thức và những hành động tội ác của chủ nghĩa bành trướng Bắc-kinh, hàng triệu thanh niên đã tham gia các buổi hội thảo, diễn đàn « Tuổi trẻ với đất nước », « Tuổi trẻ với Tổ quốc xã hội chủ nghĩa », rầm rập xuống đường biểu dương lực lượng. Lực lượng « thanh niên xung kích xây dựng và bảo vệ Tổ quốc » nhanh chóng triển khai các đội hình chiến đấu: xung phong đi sản xuất thay thế người Hoa bỏ về Trung-quốc; tình nguyện lên xây dựng các phòng tuyến biên giới; hăng hái gia nhập dân quân tự vệ, xây dựng ấp, xã chiến đấu, góp phần tạo ra một thế trận chiến tranh nhân dân trùng điệp, hùng hậu; trong các xí nghiệp, trường học, cơ quan, phong trào làm chông phát triển mạnh mẽ; đặc biệt phong trào tình nguyện tổng quân phát triển với khí thế chưa bao giờ có. Thanh niên trong các lực lượng vũ trang phải huy bản chất tốt đẹp của các lực lượng vũ trang nhân dân, mài sắc ý chí chiến đấu và đã chiến đấu rất dũng cảm, đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của tập đoàn phản động Pôn Pôt — lêng Xa-ry — tay sai của Bắc-kinh — ở biên giới tây nam; giành thắng lợi

oanh liệt trong cuộc chiến đấu chống quân Trung-quốc xâm lược ở phía bắc.

Trên mặt trận sản xuất, thanh niên đã bước đầu phát huy sức mạnh làm chủ tập thể, xung kích, sáng tạo, nỗ lực tiến quân vào những việc mới, việc khó. Trong năm 1978, thanh niên nhận làm 21 865 công trình thủy lợi (chủ yếu ở cơ sở), đào đắp một khối lượng đất bằng 70% tổng khối lượng của ngành thủy lợi; sản xuất và chế biến 10,9 triệu tấn phân các loại; dăm nhận 4 200 cánh đồng tăng sản. Đặc biệt, khi có bão lụt dồn dập, nghiêm trọng, gần 2 triệu thanh niên trong 15 000 đội «thanh niên xung kích chống bão lụt» đã nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, dũng cảm, mưu trí cứu đồng bào, cứu tài sản của Nhà nước, của nhân dân, nhanh chóng góp phần ổn định đời sống, khôi phục và đẩy mạnh sản xuất.

Trong công nghiệp, thanh niên nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, khắc phục khó khăn, tìm nguyên liệu, vật liệu và phụ tùng thay thế. Số «công trình thanh niên» lên tới 14 000 (tăng thêm 3 000 công trình so với năm 1977). Trên 22 000 sáng kiến có giá trị của thanh niên đã được áp dụng vào sản xuất. Hàng chục vạn thanh niên tham gia các phong trào «tuổi trẻ sáng tạo», «ôn lý thuyết, luyện tay nghề, thi thợ giỏi». Chỉ tính ở 600 cơ sở Đoàn của 12 tỉnh, thành, năm 1978 đã có 30 000 thợ giỏi cấp xí nghiệp. Trong các «đội thanh niên xung kích vượt mức kế hoạch Nhà nước», chỉ tính ở Hà-nội, Hải-phòng, Bắc-thái, Vinh-phú, Quảng-ninh, Hà-nam-ninh đã có 4 262 chi đoàn, phân đoàn và 118 171 cá nhân hoàn thành kế hoạch Nhà nước năm 1978 trước thời hạn từ 10 ngày đến 6 tháng.

Trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, thanh niên là lực lượng tự giác đi theo Đảng lên chủ nghĩa xã hội. Thanh niên ở các xí nghiệp tư nhân đi đầu trong các hoạt động cải tạo. Thanh niên trong các

cơ sở tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp hăng hái gia nhập các tập đoàn sản xuất. Hàng chục vạn thanh niên tham gia công tác tuyên truyền, giải thích chính sách, kiểm kê hàng hóa, thu hồi tiền, quản lý thị trường, giữ gìn trật tự xã hội, đã thể hiện rõ nhiệt tình cách mạng và phẩm chất trong sáng của tuổi trẻ. Những hành vi mua chuộc, phân tán tài sản, khai man hàng hóa... của giai cấp tư sản đã bị thanh niên phát hiện và tích cực đấu tranh. Ở những nơi tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp, gần như toàn bộ lực lượng trẻ đã tự nguyện đi vào làm ăn tập thể và vận động gia đình cùng vào. Nhiều đoàn viên được bầu vào ban quản trị hợp tác xã, ban chỉ huy đội sản xuất, tập đoàn sản xuất.

Trong học tập, rèn luyện và xây dựng cuộc sống mới, thanh niên đã tạo được nhiều chuyển biến. Tuổi trẻ trong các trường sôi nổi thi đua xây dựng các «tập thể học sinh xã hội chủ nghĩa». Gần 20 vạn thanh niên hăng say hoạt động trong các đội «Ánh sáng văn hóa» góp phần xóa nạn mù chữ, đẩy mạnh học bỏ túc văn hóa. Hàng vạn «đội tuyên truyền xung kích» được thành lập và hoạt động có kết quả. Hàng chục vạn thanh niên tham gia phong trào «khỏe đề xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa»...

Đặc biệt trước hành động xâm lược nước ta của tập đoàn phản động Trung-quốc, lửa căm thù giặc ngoại xâm trong thế hệ trẻ bùng lên hết sức mãnh liệt. Ở những nơi địch đến, ngay từ đầu, thanh niên các dân tộc đã cùng với các giới khác trong nhân dân giáng cho quân thù những đòn đích đáng. Hướng về tiền tuyến, thực hiện Lời kêu gọi của Ban chấp hành trung ương Đảng và lệnh tổng động viên của Nhà nước, tuổi trẻ cả nước nhất tề đứng lên quyết chiến quyết thắng quân Trung-quốc xâm lược, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền sống trong độc lập, tự do, quyền làm

chủ hoàn toàn sự nghiệp sáng tạo ra tương lai huy hoàng cho Tổ quốc và cho bản thân mình.



Thực tiễn phong trào « Ba xung kích làm chủ tập thể » một lần nữa cho thấy bản chất tốt đẹp của thế hệ trẻ Việt-nam, một thế hệ tuyệt đối trung thành với Đảng, tha thiết yêu Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, dũng cảm, ngoan cường, thông minh, sáng tạo, xứng đáng là lực lượng xung kích của cách mạng.

Thanh niên là lớp người trẻ, có nhiều hoài bão và nghị lực, luôn khao khát vươn tới lý tưởng cao đẹp và hừng hực tình yêu cuộc sống. Thanh niên rất nhạy cảm với cái mới, bao giờ cũng hăng hái đi đầu trong những việc mới, việc khó. Đây là lực lượng có vai trò quyết định hàng đầu đối với sự nghiệp hiện nay của đất nước cũng như đối với sự phát triển của dân tộc trong tương lai.

Là con em của dân tộc anh hùng, được Đảng thường xuyên chăm lo giáo dục và rèn luyện, thanh niên nước ta đã từng là người chèo lái đầu tiên cho phong trào cách mạng ở nước ta; là lực lượng xung kích trong Cách mạng tháng Tám, kháng chiến chống Pháp, kháng chiến chống Mỹ; góp phần to lớn và tích cực trong sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, và đã tỏ ra là « một thế hệ thanh niên anh hùng của một dân tộc anh hùng » như Bác Hồ đã nhiều lần khen ngợi.

Ngày nay, kế thừa và phát huy những truyền thống vẻ vang của mình, thanh niên ta lại đang đi đầu trong những mũi nhọn của cuộc đấu tranh mới, có mặt ở tất cả những nơi khó khăn, gian khổ nhất, nóng bỏng, ác liệt nhất. Bằng sự dũng cảm và trí thông minh, thanh niên đã và đang hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao cho. Đồng

thời, qua thực tiễn đấu tranh cách mạng, được Đảng và Đoàn giáo dục, rèn luyện, lớp thanh niên ngày nay đã không ngừng tiến bộ, trưởng thành. Những phẩm chất tốt đẹp của con người mới Việt-nam xã hội chủ nghĩa đang nảy nở và phát triển trong thế hệ trẻ. Lớp thanh niên hiện nay có những phẩm chất đặc biệt. Đó là ý thức giác ngộ về dân tộc và giai cấp; tinh thần làm chủ tập thể; trình độ hiểu biết về văn hóa, khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế, quân sự và nghiệp vụ chuyên môn... Đây là đặc trưng mới của thanh niên làm cho thanh niên rất nhạy bén về mặt chính trị, sắc sảo trong việc phân biệt bạn, thù, có thái độ dứt khoát đối với mọi kẻ thù dân tộc và giai cấp, có đủ tinh thần và trình độ đảm đương những nhiệm vụ được giao.

Điều đó cần nghĩa vì sao trước những âm mưu và hành động quỷ quyệt và độc ác của bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh, thanh niên ta đã nhanh chóng tiếp thu được đường lối, chủ trương của Đảng, nhất tề đứng lên theo tiếng gọi của Đảng, của Đoàn, sẵn sàng đi bất cứ đâu, làm bất cứ nhiệm vụ gì mà Đảng yêu cầu để bảo vệ độc lập tự do của Tổ quốc.

Điều đó cũng cần nghĩa vì sao thanh niên là người đi đầu trong cách mạng quan hệ sản xuất, hăng hái tham gia và vận động gia đình đi vào làm ăn tập thể; đấu tranh mạnh mẽ với những tư tưởng bóc lột, những nếp nghĩ lạc hậu, bảo thủ, những hiện tượng vi phạm quyền làm chủ của quần chúng.

Chính phẩm chất tốt đẹp đó của thanh niên là điều kiện cơ bản, là cơ sở và nguồn gốc thắng lợi của phong trào « Ba xung kích làm chủ tập thể ». Và thành công của phong trào « Ba xung kích làm chủ tập thể » chính là ở chỗ đã khơi dậy, phát huy được phẩm chất tốt đẹp của thanh niên; đồng thời góp phần rèn luyện, bồi dưỡng thanh niên, giúp thanh niên khác

phục dần những mặt còn non kém. Thành công đó cũng cho phép khẳng định rằng, chỉ có đánh giá đúng bản chất cách mạng của thanh niên, tin tưởng vững chắc ở tài năng, trí tuệ, tinh thần làm chủ tập thể của thanh niên, ra sức giáo dục, rèn luyện, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho thanh niên, mới phát huy được vai trò, khả năng tiềm tàng to lớn của thanh niên.

Thực tiễn phong trào "Ba xung kích làm chủ tập thể" đã khẳng định rằng, muốn phát huy bản chất tốt đẹp, sức mạnh làm chủ tập thể to lớn của thanh niên, nhất định phải có những hình thức thích hợp để nhanh chóng tổ chức thanh niên lại, giao nhiệm vụ cụ thể cho thanh niên, tạo điều kiện cho thanh niên thực hiện nhiệm vụ đó, và thường xuyên chăm lo giải quyết các yêu cầu chính đáng của thanh niên.

Vấn đề xây dựng lực lượng cách mạng của thanh niên, đưa thanh niên vào các tổ chức cách mạng luôn luôn là một vấn đề chiến lược trong công tác thanh vận của Đảng. Bởi vì, chỉ có tổ chức được toàn bộ thanh niên lại mới tạo điều kiện cho anh chị em phát huy được quyền làm chủ tập thể của mình, rèn luyện và cống hiến một cách tốt nhất. Trước yêu cầu mới của sự nghiệp đấu tranh chống chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc Trung-quốc, và những yêu cầu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh hiện nay, vấn đề nhanh chóng tổ chức toàn bộ thanh niên nhằm phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của thanh niên, vai trò xung kích, sáng tạo của thanh niên, càng trở nên cấp bách hơn bao giờ hết.

Trong quá trình tổ chức thanh niên, phải chỉ ra mục tiêu phấn đấu cụ thể và giao nhiệm vụ cụ thể cho thanh niên. Bởi vì, mục tiêu, nhiệm vụ bao giờ cũng là vấn đề cơ bản nhất, có tác dụng quyết định nhất đối với việc tập hợp thanh niên. Thiếu mục tiêu phấn đấu, hoặc nhiệm vụ không rõ, không thể tổ chức thanh niên lại

được. Ngược lại, mọi mục tiêu và nhiệm vụ mà Đảng giao cho phong trào thanh niên chỉ có thể thực hiện được bằng sức mạnh có tổ chức của thanh niên.

Trong quá trình hoạt động thực tiễn, thanh niên thực hiện các nhiệm vụ của mình không chỉ bằng sức mạnh tinh thần và tổ chức, mà còn bằng sức mạnh vật chất do chế độ mới đem lại. Tạo điều kiện cho thanh niên về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quân sự... là giúp cho thanh niên sử dụng được sức mạnh tổng hợp hiện có của xã hội mới trong quá trình đấu tranh thực hiện ba cuộc cách mạng và bảo vệ Tổ quốc. Không quan tâm đến việc tạo mọi điều kiện thuận lợi cho thanh niên trong từng hành động cách mạng cụ thể, là làm giảm sức mạnh chiến đấu của thanh niên.

Mặt khác, trong quá trình hoạt động cụ thể, cuộc sống xã hội của thanh niên bao giờ cũng đặt ra những yêu cầu mới. Việc chăm lo giải quyết thỏa đáng những yêu cầu chính đáng của thanh niên theo khả năng hiện có, chẳng những có tác dụng thiết thực động viên, khích lệ thanh niên, mà còn góp phần tái sản xuất sức lao động của thanh niên, chuẩn bị cho thanh niên những năng lực mới để đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ trong tương lai. Ở một số nơi, do nặng về huy động, sử dụng thanh niên, không quan tâm đến việc giải quyết những nhu cầu thiết yếu của thanh niên, cho nên kết quả bị hạn chế rõ rệt. Tất nhiên cần làm cho thanh niên thấy rõ khó khăn của đất nước để không yêu sách, chờ đợi, ỷ lại, mà chủ động khắc phục khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ.

Thành công của phong trào "Ba xung kích làm chủ tập thể" trong năm qua ở địa phương nào cũng cho thấy sự tác động biện chứng giữa các yếu tố nói trên. Chỉ ra mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể cho thanh niên; tổ chức thanh niên thành một lực lượng

mạnh mẽ thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể đó; tạo mọi điều kiện thuận lợi cho thanh niên trong quá trình hoạt động; và chăm lo giải quyết kịp thời những nhu cầu của đời sống thanh niên là những yếu tố cần được giải quyết đồng bộ, kịp thời để tạo nên phong trào cách mạng mới của thanh niên trong từng cơ sở đến toàn quốc.

Để tạo nên phong trào, còn phải có những hình thức hoạt động phong phú, sinh động, phù hợp với đặc điểm của tuổi trẻ. Thời gian qua, trước những hành động thù địch của tập đoàn cầm quyền phản động Bắc-kinh đối với nhân dân ta, Đoàn kịp thời tổ chức "lực lượng thanh niên xung kích xây dựng và bảo vệ Tổ quốc" thu hút gần 8 triệu thanh niên. Trước bão lụt dồn dập, Đoàn thành lập các "đội thanh niên xung kích chiến thắng thiên tai" thu hút hàng triệu thanh niên. Ở miền Nam, để phục vụ công tác cải tạo, Đoàn phát động chiến dịch "Nói cho đồng bào tôi nghe" cuốn hút hàng chục vạn thanh niên, học sinh, v.v. Những hình thức hội thảo, diễn đàn, biểu dương lực lượng, viết đơn tình nguyện... là những hình thức được thanh niên ưa thích. Các phong trào "ôn lý thuyết, luyện tay nghề, thi thợ giỏi", "tuổi trẻ sáng tạo", « xây dựng tập thể học sinh xã hội chủ nghĩa », « khỏe để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa »... được thanh niên tham gia đông đảo. Các đội "thanh niên xung kích", "thanh niên xung phong", "thanh niên tình nguyện", « thanh niên xung kích bảo vệ an ninh »..., các « công trình thanh niên », « cảnh đồng thanh niên », « xe máy thanh niên », « quầy hàng thanh niên làm theo lời Bác »..., đều là những hình thức tổ chức thích hợp với tuổi trẻ.

Một trong những thành công của Đoàn là ở chỗ luôn động viên thanh niên sáng tạo ra những hình thức hoạt động mới, thích hợp, chống nếp nghĩ cũ kỹ, máy móc, chống lối làm tẻ nhạt,

nghèo nàn. Bất cứ sự bảo thủ nào, nếp nghĩ và điệu làm mòn cũ, tẻ nhạt nào đều không thích hợp với cuộc sống sôi động và yêu cầu của lớp trẻ ngày nay. Cách mạng luôn tiến lên, tuổi trẻ luôn sáng tạo, cho nên các cấp bộ Đoàn và Hội cũng phải sáng tạo ra nhiều hình thức thích hợp để lôi cuốn thanh niên vào hoạt động, đáp ứng yêu cầu của cách mạng và nguyện vọng của thanh niên. đương nhiên, chúng ta không chạy theo hình thức, lấy hình thức làm mục đích. Khi đã khởi xướng phong trào, đã định ra hình thức thì nhất thiết phải xác định cho nó một nội dung, một mục tiêu cụ thể, thiết thực.

Thực tiễn phong trào "Ba xung kích làm chủ tập thể" cho thấy rằng, tổ chức, giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ là nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản, trong đó Đoàn thanh niên là nòng cốt.

Thành công của phong trào « Ba xung kích làm chủ tập thể » trước hết là do tư tưởng của Đảng về làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa đã thâm nhập vào quần chúng, trở thành động lực cách mạng của quần chúng trẻ tuổi. Tôn trọng quyền làm chủ tập thể của thanh niên, đặc biệt là của đội quân lao động trẻ, các cấp ủy Đảng, các đồng chí lãnh đạo của Đảng ở các cấp đã thường xuyên quan tâm đến phong trào thanh niên, lắng nghe ý kiến của thanh niên và có những biện pháp lãnh đạo, tổ chức cụ thể, chặt chẽ đối với thanh niên. Đối với phong trào « Ba xung kích làm chủ tập thể », các cấp bộ Đảng đã ủng hộ mạnh mẽ, tạo mọi điều kiện và cho những ý kiến lãnh đạo sắc bén, quý báu. Nhiều đồng chí lãnh đạo cao nhất của Đảng ở các địa phương đã trực tiếp đến làm việc với Đoàn thanh niên và phát động thanh niên. Điều đó có sức cổ vũ, động viên thanh niên rất lớn. Năm vững nguyên tắc Đảng lãnh đạo, quần chúng làm chủ, các cấp bộ Đoàn cần chủ động tranh thủ sự lãnh đạo của

tổ chức Đảng, thường xuyên báo cáo công tác, tâm tư, nguyện vọng của thanh niên với Đảng và xin ý kiến lãnh đạo của Đảng.

Thành công của phong trào "Ba xung kích làm chủ tập thể" còn do sự quan tâm giúp đỡ tích cực và có hiệu quả của các cơ quan Nhà nước, các đoàn thể quần chúng khác. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Đoàn thanh niên chủ động phối hợp công tác với những ngành, những cơ quan có quan hệ trực tiếp đến công tác vận động, tổ chức, giáo dục thanh niên và đã được các ngành, các cơ quan, đoàn thể ở trung ương và địa phương nhiệt tình giúp đỡ. Chẳng hạn vừa qua Đoàn đã phối hợp công tác một cách chặt chẽ với các ngành giáo dục, thủy lợi, thể dục thể thao, các lực lượng vũ trang nhân dân bằng các nghị quyết liên tịch. Thực tế cho thấy đây là một cách làm tốt.

Tuy nhiên, vấn đề phối hợp giữa Đoàn thanh niên với các cơ quan Nhà nước và các đoàn thể khác không chỉ dừng lại ở mức ấy. Vấn đề cơ bản, lâu dài là cần xác lập được và không ngừng hoàn thiện cơ chế bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, trong đó lớp trẻ là một lực lượng to lớn. Muốn vậy, cần tiến tới ban hành những quy định, những luật lệ cơ bản và cụ thể, từ thấp đến cao, từ từng mặt đến hoàn chỉnh. Bởi vì trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, vai trò tổ chức và quản lý của Nhà nước có tầm quan trọng đặc biệt. Công tác của Đoàn thanh niên và phong trào thanh niên chỉ có thể đạt được hiệu quả thiết thực khi có sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan Nhà nước, của toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản.

Một trong những thiếu sót làm hạn chế phong trào "Ba xung kích làm chủ tập thể" trong thời gian qua ở một số địa phương là các tổ chức Đoàn chưa biết chủ động phối hợp kịp thời công tác với các cơ quan

chính quyền, các ngành kinh tế, văn hóa, quốc phòng, và với các đoàn thể quần chúng khác. Mặt khác, cũng có một số cấp ủy Đảng, một số cơ quan chính quyền và đoàn thể chưa quán triệt tư tưởng của Đảng, chưa quan tâm đúng mức đến hoạt động của Đoàn thanh niên và phong trào thanh niên. Một số nơi còn biểu hiện tư tưởng gia trưởng, hẹp hòi, nhìn nhận thanh niên sai lệch, không có những biện pháp tích cực và cụ thể để giáo dục, bồi dưỡng thanh niên, thường nặng về huy động, sử dụng thanh niên trong một số công tác cụ thể. Thậm chí có nơi còn vi phạm quyền làm chủ tập thể của Đoàn và của thanh niên.

Thực tiễn phong trào "Ba xung kích làm chủ tập thể" còn chứng minh rằng trong hoàn cảnh có nhiều khó khăn, chúng ta cần thiết mà còn hoàn toàn có điều kiện để phát động phong trào thanh niên rộng lớn.

Năm 1978 là một năm có nhiều khó khăn đối với nhân dân ta. Trong khi chúng ta đang phải tiếp tục khắc phục những hậu quả nặng nề của chiến tranh và chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ, thì tập đoàn phản động Bắc-kinh trắng trợn gây cho chúng ta rất nhiều khó khăn trên các mặt, đồng thời thiên tai gây nhiều tai họa nghiêm trọng ở hầu khắp các vùng của đất nước. Chính trong hoàn cảnh đó, phong trào "Ba xung kích làm chủ tập thể" của thanh niên ra đời, phát triển mạnh và thu được kết quả lớn. Nhiều nhân tố mới đã và đang nảy sinh; nhiều điển hình tốt đã xuất hiện. Từ phong trào này, một lớp đoàn viên mới đã và đang được bổ sung cho Đoàn, và một lớp đoàn viên ưu tú đông đảo ở khắp nơi đang tích cực phấn đấu và rèn luyện để trở thành những đảng viên trẻ bổ sung vào đội ngũ chiến đấu của Đảng. Điều đó chứng tỏ sức sống mãnh liệt của tuổi trẻ trong khó khăn, chứng minh cách đúng đắn nhất để vượt qua mọi khó khăn là phải phát động

phong trào cách mạng của thanh niên. Thực tiễn đó, còn cho thấy, chính trong khó khăn càng có điều kiện đề khởi xương phong trào cách mạng mới của quần chúng trẻ tuổi. Vấn đề là ở chỗ đánh giá đúng bản chất cách mạng, tình cảm cách mạng và năng lực làm chủ của thanh niên; biết nắm thời cơ tổ chức thanh niên lại; và đưa ra khẩu hiệu, hình thức hoạt động phù hợp, kịp thời và hấp dẫn đối với thanh niên. Trong hoàn cảnh nước Nga năm 1920, Lê-nin đã từng chỉ ra rằng, đứng trước cái vòng luẩn quẩn: muốn nâng cao đời sống nhân dân, phải tăng năng suất lao động; muốn tăng năng suất lao động, phải nâng cao đời sống nhân dân, thì lối thoát duy nhất chỉ có thể là động viên quần chúng nỗ lực phấn đấu hy sinh, vươn lên với tinh thần cộng sản chủ nghĩa, tham gia tích cực và có hiệu quả ngày lao động thứ bảy cộng sản. Nếu không tin quần chúng, do dự trước những khó khăn, không mạnh dạn phát động quần chúng đứng lên thì không thể có phong trào, và không có phong trào quần chúng thì không giải quyết được việc gì hết.

Thực tiễn phong trào "Ba xung kích làm chủ tập thể" ở mọi cơ sở của nước ta cũng đã xác minh điều đó. Hải-phòng, trong khó khăn đã vận động ngay một lúc hàng chục vạn thanh niên đi sản xuất thay thế những người Hoa bỏ đi; thành phố Hồ-Chí-Minh, tỉnh An-giang đã nhanh chóng điều động hàng chục vạn thanh niên và học sinh lên xây dựng các phòng tuyến biên giới; các vùng bị bão lụt lập tức thành lập được 15 000 "đội thanh niên xung kích chiến thắng thiên tai"... Làm được như vậy là do tổ chức Đoàn ở những nơi đó biết làm chủ, chủ động tranh thủ sự lãnh đạo của Đảng, sự giúp đỡ và ủng hộ của các ngành để phát huy sức mạnh

tổng hợp trong công tác phát động thanh niên. Nếu trong lĩnh vực đấu tranh chống những hiện tượng tiêu cực trong đời sống xã hội, trong quản lý kinh tế, chúng ta cũng coi trọng việc phát động phong trào thanh niên tuyên chiến với những hiện tượng xấu đó thì chắc chắn cũng sẽ tạo được chuyển biến mạnh mẽ.



Dân tộc ta đang đứng trước những thử thách mới. Lịch sử đang đặt lên vai thế hệ trẻ ngày nay những nhiệm vụ hết sức trọng đại và vẻ vang. Đáp lời kêu gọi của Đảng: "Đảng viên và đoàn viên thanh niên cộng sản có trách nhiệm và vinh dự đi hàng đầu trên mọi mặt sản xuất, chiến đấu, công tác và học tập, hãy xứng đáng với lòng tin cậy của nhân dân", trên 13 triệu nam nữ thanh niên cả nước đã nhất tề đứng lên. Vấp phải sự đánh trả quyết liệt của quân và dân ta, cuộc phiêu lưu quân sự của bọn phản động Trung-quốc đã thất bại thảm hại. Nhưng với bản chất cực kỳ phản động, với chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn, bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh chưa từ bỏ mưu đồ thôn tính nước ta. Tình hình đó đòi hỏi toàn bộ thế hệ trẻ trong cả nước phải sẵn sàng hơn nữa, quyết tâm hơn nữa để cùng với toàn dân đánh bại mọi mưu đồ độc ác của tập đoàn phản động Trung-quốc, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa thân yêu và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta. Với những kinh nghiệm bước đầu nhưng vững chắc, phong trào "Ba xung kích làm chủ tập thể" nhất định sẽ phát triển thành cao trào hành động cách mạng sôi nổi của thanh niên cả nước ta trong thời gian tới.

QUY HOẠCH CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, CÁN BỘ QUẢN LÝ

LÊ-ĐỨC-BÌNH

I



UY hoạch cán bộ nói chung, quy hoạch cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý nói riêng, là việc rất quan trọng để xây dựng đội ngũ cán bộ vững mạnh và thúc đẩy nâng cao chất lượng mọi mặt công tác cán bộ.

Trước hết, quy hoạch cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý có ý nghĩa quan trọng đối với việc cải tiến công tác bố trí và sử dụng cán bộ. Nó khắc phục lối điều động, đề bạt cán bộ một cách chấp vá, bị động. Nó cũng khắc phục lối xem xét, bố trí cán bộ một cách manh mún, cục bộ, chỉ thấy từng người, từng bộ phận, mà không nhìn toàn cục, không gắn liền việc bố trí từng người với xây dựng cả tập thể, cả đội ngũ cán bộ. Có quy hoạch cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý thì việc bố trí, sử dụng cán bộ mới bám sát và phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ mới tổ chức; cơ quan có trách nhiệm có thể vừa đi sâu xem xét, bố trí từng người cho đúng chỗ, vừa căn cứ vào tình hình toàn cục để có sự phân bố đội ngũ cán bộ hợp lý nhất, vừa bố trí lực lượng bảo đảm nhiệm vụ trước mắt, vừa chủ động

chuẩn bị lực lượng dự trữ dồi dào cho nhiệm vụ tương lai hoặc đề sẵn sàng đáp ứng những nhiệm vụ đột xuất.

Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý còn có tác dụng thúc đẩy công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Nó tạo điều kiện nâng cao chất lượng chiều sinh của các trường lớp, bảo đảm chọn cử đi học đúng đối tượng (cán bộ tốt có triển vọng), gắn chặt việc đào tạo, bồi dưỡng với việc bố trí sử dụng cán bộ, cơ quan cử cán bộ đi học có ý định rõ ràng về việc bố trí sử dụng họ sau khi học xong, nhằm mau chóng phát huy tác dụng.

Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý lại có ý nghĩa cải tiến và tăng cường công tác quản lý cán bộ. Nó khắc phục lối quản lý thủ công nghiệp, sự vụ, luộm thuộm và thúc đẩy việc nắm cán bộ một cách có hệ thống, đưa các mặt công tác cán bộ đi vào kế hoạch và nề nếp.

Hiện nay, việc xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý càng đặt ra cấp bách, khẩn trương. Từ sau ngày miền Nam được giải phóng, cách mạng nước ta đã chuyển qua một giai đoạn mới, giai đoạn cả nước

cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội. Trước tình hình tập đoàn cầm quyền phản động Trung-quốc cầu kết với chủ nghĩa đế quốc, và các thế lực phản động khác, điều cường chống phá cách mạng nước ta, âm mưu thôn tính nước ta, nhân dân ta có nhiệm vụ vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa. Song song với sự chuyển hướng nhiệm vụ chính trị và đề bảo đảm cho sự chuyển hướng ấy, Đảng ta đã và đang tiến hành chuyển hướng và tăng cường công tác cán bộ, mà một trong những biện pháp quan trọng là tăng cường công tác quy hoạch cán bộ.

* Không thể cho rằng trong tình hình khẩn trương hiện nay, hãy dồn sức vào lãnh đạo sản xuất và chiến đấu, còn việc quy hoạch cán bộ có thể làm chậm lại.

Tình hình và nhiệm vụ chính trị đã chuyển biến về căn bản, công tác cán bộ cũng cần chuyển hướng một cách toàn diện và trên quy mô lớn mới đáp ứng được yêu cầu của cách mạng. Chúng ta có nhiệm vụ điều chỉnh và phân bố lại lực lượng cán bộ trong phạm vi cả nước cho phù hợp với đòi hỏi của tình hình và nhiệm vụ mới, giữa miền Bắc và miền Nam, giữa vùng đồng bằng và miền núi, biên giới, giữa cấp trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện, cơ sở, giữa yêu cầu xây dựng kinh tế và yêu cầu tăng cường quốc phòng. Một mặt, ra sức kiện toàn các cơ quan lãnh đạo và quản lý, sử dụng tốt lực lượng cán bộ hiện có; mặt khác, tích cực phát triển đội ngũ, đẩy mạnh việc bồi dưỡng và đào tạo cán bộ, nâng cao phẩm chất và trình độ kiến thức của cán bộ. Trong khi bảo đảm cho những nhiệm vụ trước mắt, chúng ta không thể không đồng thời chuẩn bị cán bộ cho những nhiệm vụ to lớn trong tương lai, mà có thể nói đây cũng là việc không kém phần cấp bách. Tất cả những việc ấy đòi hỏi phải có

sự xem xét toàn diện, phải có quy hoạch, không thể làm một cách chấp vá, vụn vặt. Chỉ như vậy mới bảo đảm hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

Nhìn lại đội ngũ cán bộ hiện nay, chúng ta càng thấy rõ việc xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý là rất cấp bách và khẩn trương. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý của Đảng và Nhà nước ta được rèn luyện và trưởng thành trong quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài, có những ưu điểm rất căn bản: tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc, với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, vững vàng về chính trị, gần bó với nhân dân, trình độ kiến thức và năng lực ngày càng được nâng cao. Đó là nguồn lực lượng vững chắc bảo đảm cho thắng lợi của những nhiệm vụ cách mạng hiện nay và sắp tới, bảo đảm cho việc củng cố vai trò lãnh đạo của Đảng và tăng cường nền chuyên chính vô sản.

Tuy nhiên, so với những yêu cầu to lớn của nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, cả trước mắt và lâu dài, thì đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý đang có những nhược điểm: trình độ năng lực và kiến thức các mặt chưa tương xứng với đòi hỏi của nhiệm vụ; cơ cấu cán bộ chưa hợp lý, thiếu đồng bộ so với yêu cầu của từng tổ chức; số cán bộ trẻ, cán bộ xuất thân công nhân, cán bộ nữ, cán bộ người các dân tộc thiểu số còn chiếm tỷ lệ thấp; về số lượng, có nơi thiếu người làm việc, có nơi thừa, buộc phải bố trí, phân công gượng ép.

Một nhược điểm nổi rõ ở nhiều nơi là chưa kết hợp tốt cán bộ cũ, già với cán bộ mới, trẻ, việc chuẩn bị những lớp cán bộ kế thừa chưa tốt. Đảng ta là một đảng có quá trình lịch sử chiến đấu lâu dài, trong Đảng có những lớp cán bộ cũ được rèn luyện thử thách vững vàng, có kinh

nghiêm, có uy tín. Đó là một dấu hiệu nói lên sự lớn mạnh của Đảng, sự trưởng thành của đội ngũ cán bộ. Cán bộ cũ là một vốn quý của cách mạng, phải biết trân trọng và phát huy vốn quý ấy. Điều đáng chú ý hiện nay là, trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, bên cạnh lực lượng cán bộ cũ lớn tuổi, số cán bộ mới, trẻ tuổi chiếm một tỷ trọng nhỏ. Vì vậy mà ở nhiều nơi, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý có tuổi bình quân khá cao, số đông chỉ già yếu, ốm đau khá nhiều. Tình trạng đó ảnh hưởng không tốt đến công tác trước mắt của nhiều cơ quan, và nếu nhìn xa một chút, trong vài năm tới, khi hàng loạt cán bộ đương chức phải nghỉ mà số cán bộ thay thế chưa sẵn sàng thì rõ ràng khó duy trì được tính liên tục và tính kế thừa trong hoạt động của những cơ quan này.

Nhược điểm của đội ngũ cán bộ có nguyên nhân khách quan: cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, khăn trương và quyết liệt làm cho nhiều đồng chí không có điều kiện được đào tạo về mặt kiến thức một cách có hệ thống trong các trường, mặt khác sức khỏe bị hao mòn nhiều... Về phần công tác cán bộ, bên cạnh những cố gắng và tiến bộ, cũng còn khuyết điểm và thiếu sót. Một trong những khuyết điểm ấy là công tác cán bộ ở nhiều nơi còn bị động, chấp vác, thiếu quy hoạch, kế hoạch.

Chính vì vậy, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã nhấn mạnh đến việc «nâng cao tính khoa học và tính kế hoạch trong công tác cán bộ». Chỉ thị số 45 ngày 2-6-1978 của Ban bí thư Trung ương Đảng, sau khi phân tích chỗ mạnh, chỗ yếu của đội ngũ cán bộ và của công tác cán bộ, đã chỉ rõ: «Văn đề then chốt là phải khăn trương xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ».

II

Điểm xuất phát và mục tiêu phục vụ của quy hoạch cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý chính là nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ tổ chức của Đảng. Có năm vừng yêu cầu của nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ tổ chức của Đảng, đối chiếu với tình hình đội ngũ cán bộ hiện nay mới có cơ sở để xác định phương hướng và mục tiêu quy hoạch cán bộ.

Đại hội lần thứ IV của Đảng đã vạch ra đường lối chính trị của giai đoạn cách mạng mới và quy định những chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch Nhà nước năm năm lần thứ hai. Nghị quyết của các Hội nghị Ban chấp hành trung ương từ sau Đại hội đến nay đã soi sáng thêm tình hình và nhiệm vụ của nhân dân ta trên các lĩnh vực xây dựng kinh tế và củng cố quốc phòng. Từ đó biết bao nhiêu yêu cầu to lớn đề ra cho việc xây dựng đội ngũ cán bộ. Phải xây dựng một đội ngũ cán bộ tiêu biểu cho đường lối chính trị của Đảng trong giai đoạn mới, có lập trường cách mạng kiên định, vững vàng trước mọi tình thế, có quyết tâm cao, có đủ phẩm chất và năng lực thực hiện thắng lợi đường lối của Đảng. Đội ngũ cán bộ ấy phải đủ sức đáp ứng yêu cầu tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng và nâng cao hiệu lực của Nhà nước chuyên chính vô sản, thúc đẩy ba cuộc cách mạng tiến tới, biết xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Đội ngũ cán bộ phải được xây dựng với cơ cấu đồng bộ, từ cấp ủy đến các ban, ngành, từ cơ quan Đảng đến cơ quan Nhà nước và các đoàn thể quần chúng, được phân bố một cách hợp lý giữa trung ương, địa phương và cơ sở, vừa có những cán bộ lãnh đạo vững vàng, vừa có những cán bộ quản lý thành thạo và đồng đạo cán bộ khoa học kỹ thuật giỏi.

Những yêu cầu về xây dựng đội ngũ cán bộ phải được xác định phù hợp với vị trí, chức năng của từng cấp, từng ngành trong giai đoạn mới.

Mỗi tỉnh, thành là một địa bàn chiến lược về kinh tế và quốc phòng; cấp tỉnh có trách nhiệm, quyền hạn lớn, có khả năng tiềm tàng to lớn về vật chất, vừa phải làm tròn nghĩa vụ đối với toàn quốc vừa chịu trách nhiệm trực tiếp trước nhân dân địa phương. Cấp tỉnh cần một đội ngũ cán bộ có năng lực lãnh đạo toàn diện, đủ sức vận dụng và cụ thể hóa đường lối của Đảng vào địa phương, có thể phát hiện và đề xuất với Trung ương những vấn đề về đường lối, chính sách, đồng thời có sức chiến đấu cao, có năng lực tổ chức thực hiện giỏi, động viên được toàn đảng bộ và phát động phong trào cách mạng của quần chúng thực hiện thành công mọi đường lối, chính sách của Đảng.

Cấp huyện trở thành cấp quản lý kế hoạch toàn diện, huyện được xây dựng tiến tới thành đơn vị kinh tế nông - công nghiệp. Vị trí mới, nhiệm vụ mới của cấp huyện đòi hỏi phải xây dựng một đội ngũ cán bộ huyện vững mạnh, chẳng những phải lãnh đạo giỏi nông nghiệp mà còn phải biết lãnh đạo cả công nghiệp, kế hoạch, tài chính, tổ chức đời sống, cả sản xuất và chiến đấu, cả công tác Đảng và công tác quần chúng, chẳng những biết kiểm tra, hướng dẫn cơ sở mà còn đủ năng lực trực tiếp tổ chức, điều hành sản xuất và kinh doanh trên địa bàn huyện, xây dựng cơ cấu nông - công nghiệp lớn mạnh của huyện.

Trong quá trình xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đi từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, vị trí của các ngành trung ương rất quan trọng. Đội ngũ cán bộ ở các ngành trung ương phải thông suốt đường lối quan điểm của Đảng, có trình độ tổ chức và quản lý giỏi, vừa làm tốt nhiệm

vụ tăng cường quản lý hành chính - kinh tế, quản lý kỹ thuật đối với toàn ngành trong phạm vi cả nước, vừa trực tiếp xây dựng và quản lý tốt các cơ sở sản xuất, các cơ quan sự nghiệp quan trọng trực thuộc trung ương.

Trên cơ sở nhiệm vụ chính trị, việc xác định nhiệm vụ tổ chức là yêu cầu không thể thiếu để làm căn cứ trực tiếp xây dựng quy hoạch cán bộ.

Để bảo đảm làm tròn chức trách và hoàn thành nhiệm vụ chính trị, để đáp ứng được yêu cầu về các mặt do tình hình cụ thể của địa phương đặt ra, ban lãnh ủy, huyện ủy nên có bao nhiêu đồng chí, cơ cấu tổ chức và phân công thế nào là hợp lý nhất, trình độ kiến thức và năng lực các mặt phải như thế nào..., nên thành lập những ban, ngành gì, biên chế và cơ cấu cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý từng cơ quan này như thế nào là đúng nhất? Các địa phương miền Nam, chuyển từ lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ sang cách mạng xã hội chủ nghĩa, đứng trước những đòi hỏi của tình hình và nhiệm vụ mới, cần kiện toàn các cấp lãnh đạo và quản lý, bổ trí lại cơ cấu tổ chức và phân công, phân nhiệm như thế nào? Các địa phương miền Bắc cũng cần kiện toàn tổ chức, tiến hành phân cấp quản lý kinh tế, cải tiến bộ máy quản lý kinh tế ở tỉnh, huyện, do đó phải có đội ngũ cán bộ như thế nào cho phù hợp?

Ở các bộ, theo tinh thần Nghị quyết của Trung ương, cùng với nhiệm vụ khẩn trương tổ chức lại sản xuất của ngành trong phạm vi cả nước, cũng phải sửa đổi cơ cấu tổ chức: bỏ các cục, bớt vụ và giảm biên chế các vụ, sắp xếp hợp lý các viện, tăng cường các liên hiệp sản xuất và đơn vị cơ sở, v.v. Mỗi cơ quan xuất phát từ nhiệm vụ, chức năng của mình, cần bổ trí một trưởng và mấy phó, phân công như thế nào, ở mỗi vị trí ấy cần

cán bộ có phẩm chất và năng lực, kiến thức như thế nào... ?

Tất cả những điều đó không thể tùy tiện mà phải được quy định một cách có căn cứ khoa học và từ đó mà chỉ ra phương hướng lựa chọn, bố trí, đào tạo cán bộ thích ứng.

Đương nhiên, không thể đòi hỏi nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ tổ chức phải thật rõ ràng và cụ thể rồi mới xây dựng quy hoạch cán bộ. Bởi vì ngay nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ tổ chức cũng chỉ có thể được nhận thức từng bước, được hoàn chỉnh dần trong hoạt động thực tiễn. Trong quá trình xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ, bám sát sự phát triển của nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ tổ chức, chúng ta sẽ từng bước hoàn chỉnh và nâng cao chất lượng quy hoạch cán bộ.

Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý phải thấu suốt đường lối, chính sách cán bộ của Đảng. Mục tiêu, phương hướng xây dựng đội ngũ cán bộ vừa thể hiện những yêu cầu của nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ tổ chức, vừa thể hiện sâu sắc đường lối, chính sách cán bộ của Đảng. Hai mặt này là nhất trí. Đội ngũ cán bộ có được xây dựng theo đúng đường lối, chính sách cán bộ của Đảng thì mới đủ sức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ tổ chức của Đảng.

Trước hết, quy hoạch cán bộ phải thấu suốt tiêu chuẩn cán bộ của Đảng, nghĩa là phải nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ cả phẩm chất và năng lực. Giữa hai mặt ấy không thể xem nhẹ mặt nào. Tinh thần ấy phải được thấu suốt từ việc đánh giá cán bộ, lựa chọn cán bộ dự bị, bố trí và đề bạt cán bộ, cho tới đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý nhất thiết phải có lòng trung thành tuyệt đối với Tổ quốc, với chủ nghĩa xã hội, với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, nhất trí cao và quyết

tâm thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, có ý thức tổ chức và kỷ luật chặt chẽ, gắn bó mật thiết với nhân dân. Cuộc đấu tranh cách mạng gay go, phức tạp để xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, nguy cơ thoái hóa, biến chất của cán bộ trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, tất cả những cái đó đòi hỏi chúng ta không được chút nào lơ là việc bồi dưỡng, rèn luyện phẩm chất cách mạng của cán bộ. Đồng thời cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý phải có năng lực nắm vững và vận dụng đường lối của Đảng, biết cụ thể hóa đường lối của Đảng vào điều kiện của ngành, địa phương, đơn vị mình, có kiến thức khoa học cần thiết, có năng lực tổ chức và quản lý, đủ sức biến đường lối, chính sách của Đảng thành hiện thực sinh động trong cuộc sống. Việc nâng cao trình độ kiến thức và năng lực của cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý đang là một yêu cầu cấp bách.

Chỉ thị số 45 của Ban bí thư Trung ương Đảng đã quy định những mục tiêu cụ thể về nâng cao trình độ lý luận, chính trị và kiến thức khoa học kỹ thuật của từng loại cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý đến năm 1980 và 1985. Đương nhiên chất lượng của người cán bộ không chỉ thể hiện ở trình độ kiến thức, ở bằng cấp, học vị, song trình độ kiến thức là một yếu tố quan trọng tạo thành năng lực hoạt động thực tiễn nói riêng và chất lượng của người cán bộ nói chung. Mỗi cán bộ có nhiệm vụ phấn đấu đạt tới những mục tiêu quy định về trình độ kiến thức. Việc đào tạo, bồi dưỡng để đạt cán bộ phải góp phần tích cực vào việc xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý đạt những mục tiêu nói trên.

Sức mạnh của đội ngũ cán bộ còn ở sự kết hợp hài hòa giữa lớp cán bộ cũ vững vàng về chính trị, từng trải kinh nghiệm với lớp cán bộ mới, trẻ,

khỏe, giàu nhiệt tình, nhạy cảm trước cái mới, có kiến thức văn hóa, kỹ thuật. Trong một đội ngũ thống nhất, các lớp cán bộ cũ và mới, già và trẻ đoàn kết và hỗ trợ cho nhau, cán bộ cũ chân thành dìu dắt cán bộ mới, cán bộ mới khiêm tốn học hỏi, tiếp thụ và phát huy truyền thống của lớp cán bộ cũ. Đó là một đội ngũ cán bộ vững mạnh, vì nó đủ sức đáp ứng những nhiệm vụ cách mạng hiện tại và được chuẩn bị sẵn sàng cho những nhiệm vụ tương lai, bảo đảm duy trì tính liên tục và tính kế thừa trong hoạt động lãnh đạo của Đảng và hoạt động quản lý của Nhà nước.

Chính vì vậy, một điểm quan trọng trong đường lối, chính sách cán bộ của Đảng là, trên cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn cán bộ, phải kết hợp một cách đúng đắn cán bộ cũ với cán bộ mới, cán bộ già với cán bộ trẻ. Bên cạnh việc phát huy vai trò của lực lượng cán bộ cũ, một vấn đề cấp bách hiện nay là mạnh dạn sử dụng và đề bạt những cán bộ trẻ có phẩm chất và năng lực, tích cực đổi mới từng phần cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, giảm bớt độ tuổi bình quân của đội ngũ cán bộ này.

Dương nhiên không thể xem xét mục tiêu này một cách hình thức và riêng rẽ. Nâng cao tỷ lệ cán bộ trẻ không thể không gắn liền với nâng cao phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ và phải nhằm bảo đảm thực hiện tốt hơn nữa nhiệm vụ chính trị của Đảng. Sẽ sai lầm nếu đề bạt cán bộ mà chỉ căn cứ vào tuổi trẻ chứ không kể phẩm chất và năng lực ra sao, hoặc đem cán bộ mới đối lập với cán bộ cũ, không biết khai thác mặt mạnh và phát huy tính tích cực của cán bộ cũ. Nhưng cũng sẽ sai lầm nếu không nhận rõ ý nghĩa cấp thiết của việc phấn đấu thực hiện mục tiêu quy định trong chỉ thị của Ban bí thư về đổi mới từng phần và tăng tỷ lệ cán bộ trẻ tuổi trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý. Việc thực hiện

mục tiêu này đòi hỏi một sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, phải đấu tranh chống tư tưởng bảo thủ, hẹp hòi hiện còn khá nặng nề, và có những biện pháp cụ thể, thiết thực về đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ trẻ, tạo điều kiện cho họ mau chóng trưởng thành.

Thấu suốt đường lối, chính sách cán bộ của Đảng, chúng ta phấn đấu điều chỉnh cơ cấu thành phần xã hội của đội ngũ cán bộ, nâng cao tỷ lệ cán bộ xuất thân công nhân. Tỷ lệ này hiện còn thấp, có phần do hoàn cảnh khách quan của một nước nông nghiệp, giai cấp công nhân nhỏ bé, nhưng có phần quan trọng do những khuyết điểm chủ quan của chúng ta.

Do tính chất của Đảng và bản chất giai cấp của Nhà nước chuyên chính vô sản, vấn đề tăng cường thành phần công nhân trong đội ngũ cán bộ luôn luôn là một vấn đề có tính nguyên tắc. Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, đề tăng cường vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân trong mọi mặt đời sống của đất nước, một yêu cầu quan trọng về mặt tổ chức là chú trọng phát triển Đảng và lựa chọn, đào tạo, đề bạt nhiều cán bộ xuất thân là công nhân. Hiện nay, chúng ta có những điều kiện thuận lợi hơn do sự phát triển và trưởng thành của giai cấp công nhân song song với đà tiến triển của sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta phấn đấu tăng cường thành phần công nhân trong đội ngũ cán bộ nói chung, mà trước hết là trong cán bộ lãnh đạo, cán bộ xây dựng Đảng, cán bộ quản lý công nghiệp, cán bộ quân đội, công an, trong đội ngũ cán bộ ở các thành phố, các khu công nghiệp. Chỉ thị của Ban bí thư đã quy định những chỉ tiêu về tỷ lệ thành phần công nhân ở một số loại cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý mà chúng ta có trách nhiệm phấn đấu đạt bằng được trong những năm tới.

Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý phải thể hiện sự *kết hợp chặt chẽ giữa sắp xếp, kiện toàn cán bộ và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ*. Hai mặt này gắn bó khăng khít với nhau. Có tích cực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nâng cao trình độ kiến thức mọi mặt của cán bộ thì mới có thể sắp xếp, kiện toàn cán bộ đủ sức đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ tổ chức. Mặt khác, với lực lượng cán bộ hiện có, phải khéo sắp xếp, sử dụng để phát huy tốt hơn nữa mọi khả năng tiềm tàng của đội ngũ cán bộ. Sắp xếp, sử dụng cán bộ một cách đúng đắn lại là tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng cán bộ một cách thiết thực và có hiệu quả. Sự trưởng thành của cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý không thể chỉ nhờ học tập kiến thức trong nhà trường. Năng lực lãnh đạo, năng lực quản lý này nở và phát triển trước hết từ trong hoạt động thực tiễn. Vì vậy quy hoạch cán bộ không nên chỉ là quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, mà phải bao gồm cả hai mặt đào tạo, bồi dưỡng và sắp xếp, kiện toàn đội ngũ cán bộ, gắn chặt hai mặt ấy với nhau để xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý vững mạnh.

Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý *vừa chú trọng đáp ứng nhiệm vụ lâu dài, vừa chú trọng đáp ứng nhiệm vụ trước mắt*. Việc lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng những cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý giỏi không phải chốc lát mà nên. Nó đòi hỏi công phu chuẩn bị, sự nhìn xa, trông rộng. Chúng ta cần có quy hoạch đề ngay từ bây giờ bắt tay chuẩn bị cán bộ đón trước những nhiệm vụ cách mạng 5-10 năm sau. Nhưng sẽ không thiết thực nếu quy hoạch chỉ lo việc lâu dài, xa xôi mà coi nhẹ việc đáp ứng nhiệm vụ trước mắt. Nhiệm vụ chính trị hiện nay đang đặt ra biết bao yêu cầu cấp bách về cán bộ phải thỏa mãn. Và lại, có đáp ứng tốt những yêu cầu trước

mắt thì qua đó mới rèn luyện, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ để chuẩn bị đáp ứng những yêu cầu lâu dài sau này. Vì vậy, chỉ thị 45 của Ban bí thư nêu rõ quy hoạch cán bộ vừa phải nhìn xa, vạch ra những mục tiêu đến 1985 kiện toàn một cách cơ bản đội ngũ cán bộ, vừa phải có những mục tiêu gần, đến 1980 kiện toàn một bước đội ngũ cán bộ và đáp ứng kịp thời những nhiệm vụ cấp bách trước mắt.

III

Việc xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ cần được tiến hành theo *phương pháp dân chủ*, thu hút đông đảo cán bộ, đảng viên tự giác tham gia.

Chẳng những nên tổ chức cho cán bộ, đảng viên bên dưới góp ý kiến về nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ tổ chức của ngành, của đơn vị mà còn cần đề anh chị em tham gia ý kiến vào việc nhận xét, đánh giá cán bộ lãnh đạo đương chức, vào việc lựa chọn cán bộ dự bị và đề bạt cán bộ. Trước đây, Ban bí thư đã có những quy định về chế độ tự phê bình và phê bình, chế độ định kỳ nhận xét cán bộ, chế độ lấy ý kiến của đảng ủy, chi ủy cơ quan trước khi đề bạt cán bộ... Nhưng chế độ ấy đã thu hút cán bộ, đảng viên bên dưới tham gia vào công tác cán bộ. Tiếp tục phát huy những kinh nghiệm ấy, chúng ta mở rộng việc lấy ý kiến cán bộ, đảng viên tham gia xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý. Thoạt đầu không khỏi có những đồng chí lo ngại phương pháp này gây lúng túng nội bộ, hoặc cho rằng chỉ nên hỏi ý kiến bên dưới về việc lựa chọn cán bộ dự bị, mà không nên đề cán bộ, đảng viên bên dưới nhận xét cán bộ lãnh đạo đương chức... Song thực tế ở những ngành và địa phương đã tiến hành mở rộng dân chủ lấy ý kiến cán bộ, đảng

viên bên dưới đề xây dựng quy hoạch cán bộ đều chứng tỏ rằng đây là một phương pháp tốt, có nhiều tác dụng tích cực. Ở những nơi ấy, cán bộ, đảng viên đều phấn khởi, hoan nghênh cách làm dân chủ này, đã biểu lộ rõ tinh thần trách nhiệm và ý thức làm chủ tập thể cao. Anh chị em đã đóng góp nhiều ý kiến sâu sắc, chính xác với thái độ vô tư và xây dựng. Qua việc nắm tình hình cán bộ lâu nay cộng với ý kiến tham gia của anh chị em bên dưới, cơ quan lãnh đạo có thể khẳng định dứt khoát ai là cán bộ tốt cần mạnh dạn đề bạt, ai rõ ràng không đáp ứng nổi yêu cầu của nhiệm vụ cần kiên quyết thay đổi.

Đương nhiên cơ quan lãnh đạo cấp trên cần làm cho anh chị em có quan điểm đúng đắn về đánh giá cán bộ, nắm vững tiêu chuẩn cán bộ và cơ cấu tổ chức, ngăn ngừa những biểu hiện hẹp hòi, bảo thủ, cá nhân chủ nghĩa, v.v. Cũng đương nhiên là việc lấy ý kiến bên dưới không thể thay thế công việc của cấp trên phải đích thân xem xét, đánh giá cán bộ, cân nhắc, phân tích những ý kiến của bên dưới, có quyết định cuối cùng về việc lựa chọn, đề bạt, thay đổi cán bộ và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Chẳng những cán bộ, đảng viên tham gia việc nhận xét, lựa chọn cán bộ theo yêu cầu của cấp trên mà còn phải tích cực, chủ động góp phần thực hiện quy hoạch cán bộ. Xét đến cùng, quy hoạch cán bộ có trở thành hiện thực hay không là tùy thuộc ở đồng đảng cán bộ có tự giác thừa nhận và phấn đấu thực hiện quy hoạch hay không. Vì vậy, vấn đề đặt ra là làm cho mọi cán bộ nhận rõ sự cấp thiết phải xây dựng đội ngũ cán bộ theo những phương hướng và mục tiêu của quy hoạch, mỗi người ra sức rèn luyện nâng cao phẩm chất và năng lực, kiên thức mọi mặt theo yêu cầu của quy hoạch. Cán bộ cũ tiếp tục phấn đấu vươn lên hoàn thành nhiệm vụ mới

của cách mạng, đồng thời nhiệt tình chăm sóc, vun trồng lớp cán bộ trẻ, ủng hộ việc đề bạt cán bộ trẻ. Cán bộ mới khiêm tốn học hỏi cán bộ cũ, tự rèn luyện mình xứng đáng kế thừa sự nghiệp của thế hệ trước. Mọi cán bộ đều đoàn kết chặt chẽ, học hỏi và giúp đỡ lẫn nhau hoàn thành nhiệm vụ của Đảng.

Công tác cán bộ nói chung, việc xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý nói riêng đòi hỏi phải *tăng cường sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng* (kể cả các ban cán sự và đảng đoàn).

Trước hết đó là vấn đề thuộc về chức trách lãnh đạo của các cấp ủy Đảng. Quá trình lãnh đạo của Đảng bao quát từ việc định ra đường lối, chủ trương, nhiệm vụ chính trị cho tới việc tổ chức thực hiện mà một khâu quyết định là lựa chọn cán bộ, bố trí cán bộ. Cấp ủy Đảng lãnh đạo toàn diện có nghĩa là quan tâm cả các mặt lãnh đạo chính trị, lãnh đạo tư tưởng, lãnh đạo tổ chức và kết hợp chặt chẽ các mặt ấy với nhau. Nếu không nắm chắc công tác tổ chức, công tác cán bộ là chưa làm đầy đủ chức trách lãnh đạo. Mặt khác, sự chỉ đạo của cấp ủy Đảng là yếu tố quan trọng quyết định chất lượng của quy hoạch cán bộ, bảo đảm cho quy hoạch cán bộ gắn chặt với nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ tổ chức. Đó cũng là điều kiện không thể thiếu để huy động và phối hợp các ngành, các bộ phận, đồng viên đồng đảng cán bộ tham gia xây dựng và thực hiện quy hoạch một cách có hiệu quả.

Các cấp ủy Đảng cần nghiên cứu, xác định những phương hướng và mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ, đánh giá cán bộ, xét duyệt danh sách cán bộ dự bị, thông qua phương án sắp xếp, kiện toàn đội ngũ cán bộ. Những việc quan trọng ấy cần do *tập thể* xem xét, cân nhắc và quyết định.

(Xem tiếp trang 58)

BÀN VỀ SỰ THỰC HIỆN CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC KỸ THUẬT Ở VIỆT-NAM

TRẦN-ĐẠI-NGHĨA

 III quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, đã nêu: “Đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới ở nước ta là:

Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt, đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa...” (1).

Đồng chí Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng thường nhắc cán bộ và mọi người lao động dù ở ngành nào, địa phương nào, cương vị nào, làm công việc gì lúc nào cũng phải tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng vì cả ba cuộc cách mạng gắn bó chặt chẽ với nhau, tác động sâu sắc lẫn nhau.

Thật vậy, cách mạng về quan hệ

sản xuất cùng với tính ưu việt của nền kinh tế có kế hoạch và chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động cho phép nước xã hội chủ nghĩa phát triển cách mạng khoa học kỹ thuật nhanh và có hiệu quả cao hơn nhiều so với nước tư bản chủ nghĩa trong hoàn cảnh tương tự. Kể từ năm bắt đầu có cách mạng khoa học kỹ thuật (khoảng 1950), thực tế trên thế giới đã chứng minh điều này.

Nói đến ba cuộc cách mạng là nói đến sứ mạng của quần chúng, nói đến con người là nhân tố quyết định, nói đến đội ngũ cán bộ và công nhân, viên chức giỏi và đông đủ để thực hiện tốt cách mạng khoa học kỹ thuật và cách mạng quan hệ sản xuất — tức là nói đến cách mạng tư tưởng và văn hóa. Trong thời đại cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa là một việc rất khó khăn phức tạp đối với nước trình độ phát triển kinh tế còn thấp, nhất là đối với cán bộ lãnh đạo và quản lý ở cấp Nhà nước (ngay ở nước có nền kinh tế phát triển cao, cũng đã khó rồi).

(1) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nhà xuất bản Sự thật Hà-nội, 1977, trang 29.

Một nước hiện đại và hoàn chỉnh ngày nay, tùy nước, có từ 500 đến 700 môn khoa học kỹ thuật và khoảng 12000 nghề công nhân để sản xuất khoảng 10 triệu mặt hàng. Vậy thì cách mạng khoa học kỹ thuật ở đây có vị trí như thế nào? Nó là then chốt, là động lực lớn nhất. Có cách mạng khoa học kỹ thuật ở trình độ cao mới có điều kiện vật chất để xây dựng chủ nghĩa xã hội phát triển và ở trình độ rất cao mới có điều kiện vật chất để xây dựng chủ nghĩa cộng sản, để phân phối cho mọi người theo yêu cầu, vì trong các đặc điểm của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, có đặc điểm tăng năng suất lao động xã hội lên hàng trăm lần hay hơn nữa, so với sản xuất thủ công.

Thực tiễn của hàng chục năm trên thế giới cho thấy, cách mạng khoa học kỹ thuật đặt ra các yêu cầu cụ thể trong từng thời kỳ, từng trường hợp cho cách mạng tư tưởng và văn hóa cũng như cho cách mạng quan hệ sản xuất. Ví dụ đối với cách mạng quan hệ sản xuất, nhiệm vụ của nông nghiệp, của các nhà kinh tế kỹ thuật nông nghiệp là phải xác định trên cơ sở khoa học: quy mô, trình độ và hình thức tập trung và chuyển môn hóa sản xuất theo vùng, phân bố sản xuất phù hợp với xu hướng phát triển hiện nay của nông nghiệp và phải có những gợi ý chính xác về những hình thức hợp tác liên doanh và nhất thể hóa công - nông nghiệp. Đối với cách mạng tư tưởng và văn hóa, để phát triển nhanh và có hiệu quả nền kinh tế quốc dân, cách mạng khoa học kỹ thuật, cần cứ vào lý luận và kinh nghiệm thực tiễn của sản xuất nông nghiệp, phải đóng vai trò chủ chốt trong công tác tiêu chuẩn hóa cán bộ và công nhân, viên chức, xác định cụ thể cho mỗi loại các tiêu chuẩn về đức và tài, cả về kiến thức khoa học kỹ thuật, về cách làm việc cụ thể, về kỹ năng lao động và tư thế của người lao động, trong đó có các quan điểm cụ thể cần

thiết về thế giới quan, nhân sinh quan. Có như vậy mới có cơ sở để đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, công nhân, viên chức có hiệu quả nhất. Tất nhiên với đà phát triển của cách mạng khoa học kỹ thuật, các tiêu chuẩn đó phải được điều chỉnh từng bước cho chính xác hơn. Theo kinh nghiệm của các nước đang phát triển, ngay lúc bắt đầu công nghiệp hóa, người ta đều làm ngay công tác tiêu chuẩn hóa cán bộ và công nhân, viên chức. Làm tốt thì tránh được đi đường vòng, có thể mất nhiều chục năm; nếu chỉ dựa vào chủ quan mà đề ra tiêu chuẩn thì rất dễ không toàn diện, không đồng bộ và nhiều khi quá thấp, gây lãng phí lớn.

Để thấy rõ hơn vị trí then chốt, và cũng dễ nhận rõ yêu cầu khá cao đối với con người trong thời đại cách mạng khoa học kỹ thuật, đặc biệt là đối với các nước đi thẳng vào cách mạng khoa học kỹ thuật không qua cách mạng kỹ thuật, trong đó có nước ta—chúng ta cần đi ngược lại lịch sử khoảng ba thế kỷ. Về khoa học kỹ thuật, hồi thế kỷ XVII, nước Nga và các nước phương Tây đã bước vào cuộc cách mạng khoa học, và các Viện hàn lâm khoa học các nước đó đã được thành lập từ năm 1670 đến năm 1730, và cũng ở thế kỷ XVII, nhân dân châu Âu đã bắt đầu lìa lối làm việc theo phương pháp khoa học, tránh lối chủ quan của quá khứ. Tác phẩm *Diễn văn về phương pháp* của Đê-các-tơ (1637) được đem dạy rộng rãi trong các trường phổ thông. Từ đó dần dần đề ra óc khoa học trong nhân dân mà nhiều nhà khoa học và triết học sau đó trong thế kỷ XVII và XVIII phát triển sâu hơn. Nhưng ở thời kỳ đó, sự việc tiến triển chậm chạp, khoa học phát triển nhưng chưa có ảnh hưởng nhanh đến kỹ thuật. Mãi đến 1781 mới có phát minh về máy hơi của Ôát, mở đầu cho cuộc cách mạng kỹ thuật (thứ nhất). Lịch sử coi thời kỳ bắt đầu phồn thịnh của cách mạng kỹ thuật là vào khoảng 1850. Trên thế giới vào giữa những

năm 60 và 70 của thế kỷ XIX đã có các phát minh quan trọng về động cơ đốt trong thường (còn động cơ đi-ê-zen năm 1895 mới ra đời), nấu thép, động cơ điện (vô cùng quan trọng), nấu thép quy mô công nghiệp, và năm 1858 con người đã bắt đầu bay thử với bộ cánh như con dơi nhảy cóc mỗi lần vài chục mét. Ở thế kỷ XIX, tình hình chính trị, kinh tế, xã hội không thuận lợi, cho nên từ phát minh đến thực tiễn sản xuất có khoảng cách khá lâu, ví dụ nhà máy điện đầu tiên đến cuối thế kỷ XIX mới có (cỡ nhỏ 5 000 kW), mặc dù nồi hơi, tuốc-bin hơi đã có từ đầu thế kỷ và điện, thép đã xuất hiện trước 1870. Cách mạng kỹ thuật như vậy kéo dài khoảng 160 năm (từ 1790 đến 1950) và nhường chỗ cho cách mạng khoa học kỹ thuật (hay cách mạng kỹ thuật thứ hai) mà chúng ta đang chứng kiến sự phát triển (mặc dù trên thế giới rải rác cũng có nhiều vùng còn sản xuất như ở thời kỳ trung cổ).

Ba thời kỳ khác nhau ở hai điểm nổi bật :

Thứ nhất là về năng suất lao động xã hội tính theo đầu người. Nếu trước năm 1800, năng suất lao động xã hội của một nước làm ăn rất tốt không cao quá hai lần so với nước làm ăn trung bình, thì lúc kết thúc cách mạng kỹ thuật khoảng 1950, mức chênh lệch đó đã lên 30 lần, và hiện nay lên đến 70 lần ; nếu có đủ nguyên liệu để sản xuất thì tỷ lệ đó có thể tăng hầu như không giới hạn (năng suất lao động ở một nhà máy lớn tự động hóa toàn bộ cao hơn 1 000 lần so với lao động thủ công). Tất nhiên cách mạng khoa học kỹ thuật còn phải tiếp tục giải quyết các vấn đề năng lượng, nguyên liệu, nước và ô nhiễm môi trường.

Thứ hai là vấn đề thời gian. Cách mạng khoa học kỹ thuật cho phép có nhịp độ phát triển rất nhanh mà hai thời kỳ trước không thể có được, do khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Ngày nay, nếu

lãnh đạo và quản lý giỏi, một nước xuất phát hầu như từ con số không có khả năng trong vài chục năm đuổi kịp một nước hiện đại đã công nghiệp hóa khoảng 200 năm trước. Tất nhiên, phải giải quyết nhiều vấn đề phức tạp, trong đó phức tạp nhất là vấn đề **con người** mà nhiều nước hiện đại đã qua 340 năm(*) và riêng về công nhân — nếu kể một thế hệ là 30 năm — đã qua 10 thế hệ. Con người là chủ nhân của quá trình làm ra sản phẩm với số lượng lớn, với kỹ thuật ngày càng phức tạp hơn và với chất lượng phải là thành tựu cuối cùng của cách mạng khoa học kỹ thuật. Tình hình đó, đến lượt nó lại yêu cầu lãnh đạo và quản lý phải giỏi và toàn diện, bao quát được tất cả các ngành khoa học và bảo đảm sự phát triển đồng bộ của tất cả các ngành khoa học, phát huy được cao độ tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội của nhân dân trong công tác hằng ngày.

Song, trong khi quán triệt đường lối lấy cách mạng khoa học kỹ thuật làm then chốt, trong khi tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, cũng cần nhấn mạnh là chúng ta phải tiến hành ba cuộc cách mạng một cách đồng bộ nữa. Xin lấy một ví dụ để chứng minh. Chúng ta có 10 nhà máy rất hiện đại sản xuất máy công cụ — điều đó thể hiện cách mạng khoa học kỹ thuật. Các nhà máy đó tất nhiên là quốc doanh, và muốn hoạt động tốt, nên tổ chức thành liên hiệp xí nghiệp — điều đó thể hiện cách mạng quan hệ sản xuất. Còn về cách mạng tư tưởng và văn hóa thì thế nào ? Nếu cán bộ lãnh đạo và quản lý, cán bộ kỹ thuật và nghiệp vụ, công nhân, viên chức không đủ trình độ cần thiết thì thật là tai hại, ngay thiếu công nhân giỏi ở một vài nghề thì các nhà máy đó cũng không thể hoạt động bình thường được. Ba cuộc cách mạng phải được tiến hành

(*) Kể từ năm 1637, tức là khi Đê-các-tơ cho xuất bản cuốn "Phương pháp".

đồng thời, cách mạng khoa học kỹ thuật giữ vị trí then chốt. Tính lồng bộ của ba cuộc cách mạng phải được bảo đảm trong từng cơ sở, từng địa phương và trong phạm vi cả nước.

Xin nhớ rằng khi nói khoa học kỹ thuật là nói đến tất cả các ngành khoa học và kỹ thuật, kể cả khoa học xã hội. Ngày nay nói lãnh đạo và quản lý giỏi không phải chỉ dùng đến khoa học quản lý hiện đại mà dùng cả đến các học thuật quản lý, các công cụ quản lý, nghĩa là dùng đến nhiều ngành khoa học tự nhiên và kỹ thuật; ngay nói đến nhân dân làm chủ hay phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa cũng thế. Giải quyết một vấn đề lớn nào với giác độ của cách mạng khoa học kỹ thuật, đều có nghĩa là coi nó như một hệ thống dùng đến tất cả các ngành khoa học kỹ thuật, và chính do đó mà phải phát huy và có thể phát huy được sức mạnh của cách mạng khoa học kỹ thuật, để giải quyết nhiều vấn đề rất khó mà người ta tưởng là không còn biện pháp nữa. Tất nhiên điều đó đòi hỏi phải thấy trước, phải có dự báo 25, 50, 100, 200 năm, phải có kế hoạch dài hạn, tránh để nước tới cầu mới nhảy, vì như thế nhiều khi rất nguy hiểm. Làm tốt dự báo và kế hoạch dài hạn cũng là biểu hiện tinh thần trách nhiệm cao của một thể hệ đối với các thế hệ mai sau. Chúng ta phải cố gắng làm dự báo dài hạn 50, 100, 200 năm cho một số vấn đề rất quan trọng của đất nước như: năng lượng, lương thực, nguyên liệu, vật liệu chính, thiên nhiên và môi trường, số dân, an ninh quốc gia v.v.

NHỮNG VẤN ĐỀ ĐƯỢC ĐẶT RA

Những vấn đề của cách mạng khoa học kỹ thuật là những vấn đề phức tạp, chúng ta cần tham khảo kinh nghiệm của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, đồng thời chú ý đến đặc

điểm của nền kinh tế quốc dân và các cơ sở vật chất kỹ thuật của chúng ta. Trong cách mạng khoa học kỹ thuật, chúng ta tập trung giải quyết cho được vấn đề trực tiếp nhất: kết hợp hữu cơ các đặc điểm ưu việt của cách mạng khoa học kỹ thuật với tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội, phát huy vai trò của cách mạng khoa học kỹ thuật đối với việc nâng cao chất lượng và hiệu quả của kinh tế quốc dân, hoàn thiện nhanh lãnh đạo và quản lý, kế hoạch hóa nền kinh tế (kể cả các đơn vị kinh tế) cũng như dự báo toàn diện (cả kinh tế và xã hội) và vạch kế hoạch viễn cảnh của đất nước; đồng thời đóng góp vào việc xây dựng thế giới quan và nhân sinh quan của người lao động.

Trước hết chúng ta cần kiểm điểm lại, với tính ưu việt rất lớn của chủ nghĩa xã hội, chúng ta đã vận dụng cách mạng khoa học kỹ thuật và thu được kết quả gì? Rõ ràng là chúng ta mới thu được một số kết quả nhất định vì thời gian quá ngắn và như Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã nêu, "chúng ta đang ở trong quá trình từ một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa" hay nói cách khác chúng ta đi vào cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật mà không trải qua cuộc cách mạng kỹ thuật (thứ nhất), trong lúc Liên-xô gồm những nước như nước Nga đã qua 255 năm cách mạng khoa học, trong đó có 90 năm cách mạng kỹ thuật và 28 năm cách mạng khoa học kỹ thuật.

Cách mạng khoa học kỹ thuật có những đặc điểm gì? Câu hỏi quan trọng nhất là **khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp chưa?** Các nước phát triển đều thường kỳ tự đặt câu hỏi này để tự giải đáp và tìm các biện pháp để làm tốt hơn. Cụ thể là các kết quả nghiên cứu trong nước được đưa vào thực

tiền sản xuất nhanh không? Các tiến bộ kỹ thuật trong nước và của thế giới có được đưa vào sản xuất không? (Đây là vấn đề quan trọng, vì lực lượng nghiên cứu ở nước ta hiện nay rất ít). Con số không lồ những sáng kiến về hợp lý hóa sản xuất, cải tiến kỹ thuật nảy nở trong phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa, ta đã đánh giá, khen thưởng, vận dụng ở cơ sở và phổ biến cho nơi khác như thế nào? Tầm quan trọng của công tác này rất lớn, chẳng những nó nói lên sự tôn trọng tinh thần làm chủ tập thể của nhân dân lao động mà còn góp phần hoàn thiện quá trình nghiên cứu sản xuất đưa đến sản phẩm tốt nhất, cơ sở sản xuất hoàn thiện nhất và năng trình độ cán bộ, công nhân, viên chức lên rất nhanh (thực tế của giai đoạn nghiên cứu triển khai, sản phẩm cũng như thiết bị mới đạt chất lượng vừa thôi); nếu làm không tốt công tác này, chẳng những gây thiệt hại về kinh tế mà còn gây tiền cục trong phong trào thi đua. Một điều cần chú ý là ở mỗi nước, số người có thể có sáng kiến trong sản xuất đông hơn số người nghiên cứu rất nhiều: ở Liên-xô khoảng 25 lần, ở Việt-nam (cán bộ nghiên cứu ít) gần 100 lần. Ngay ở các nước tư bản, mặc dù không thể có phong trào thi đua, các công ty vẫn làm công tác sáng kiến bằng cách khêu gợi lòng tự hào về nước nhà, về công ty truyền thống, kích thích bằng lợi ích vật chất và tinh thần. Họ giao nhiệm vụ này cho cán bộ rất giỏi về quản lý và kỹ thuật. Họ đạt kết quả không phải là nhỏ và họ phải làm rất tích cực vì lý do rất giản đơn: trong một công ty tư bản mà không ai có sáng kiến cả thì ngày sụp đổ của nó không xa. Ta có tinh ưu-việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, nhất thiết ta phải làm tốt hơn. Tất nhiên ta có khó khăn về cung cấp vật tư và thiết bị (nhiều khi kéo dài), nhưng nói cho cùng là ta quản lý chưa tốt. Ta phải cải tiến quản lý ở tất cả các cấp, từ cấp Nhà

nước đến cấp cơ sở—cơ sở đây không phải chỉ nhà máy mà là phân xưởng—với tinh thần làm cho cấp dưới chủ động hơn nhiều. Làm được như vậy công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật mới đem lại hiệu quả cao hơn, những tiến bộ kỹ thuật, tiến bộ quản lý, các sáng kiến muôn màu muôn vẻ trong phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa được đưa vào thực hiện nhanh hơn; trên cơ sở đó chẳng những toàn bộ nền kinh tế quốc dân được đầy mạnh, mà trình độ của toàn bộ đội ngũ cán bộ, công nhân, viên chức của nước ta cũng được nâng cao nhanh chóng.

Đề cho cách mạng khoa học kỹ thuật đóng được vai trò then chốt trong ba cuộc cách mạng, chúng ta đã có các biện pháp thích đáng chưa? Chúng ta đã có những tổ chức phụ trách công tác khoa học kỹ thuật ở nhiều cấp, và tổ chức này ngày càng hoàn thiện hơn. Nhưng cần xem hiệu quả của nó, hiệu quả đó phụ thuộc vào **con người**, những người cán bộ phụ trách khoa học và những người cán bộ phụ trách quản lý. Câu hỏi cần đặt ra là số cán bộ này có say mê cái mới không và sẵn sàng vượt mọi khó khăn (không phải là ít ở Việt-nam) để đưa cái mới nhanh vào thực tiễn không?

Còn về số cán bộ nghiên cứu cho 50 triệu dân thì chúng ta còn ít, so với mức trung bình của thế giới thì chúng ta mới đạt khoảng 1 phần 5. Nói đến người, lại không thể không nói đến vốn nghiên cứu vì về khoa học kỹ thuật, trừ khoảng 10% nghiên cứu về toán lý thuyết, vật lý lý thuyết không cần trang bị, còn 90% là nghiên cứu khoa học thực nghiệm phải có thiết bị có trình độ hiện đại và các vật tư khác.

Các nước xã hội chủ nghĩa anh em xác định phải có vốn nghiên cứu ít nhất là 4% thu nhập quốc dân (có nước đến 6%) mới bảo đảm phát triển đất nước. Có người tưởng rằng bởi vốn nghiên cứu để tăng cho vốn xây dựng

kinh tế thì tốt hơn, nhưng thực tế không phải như vậy, tiết kiệm vốn nghiên cứu một phần sẽ gián tiếp gây lãng phí nhiều phần hơn ở các địa hạt khác; ngược lại, nếu quản lý tốt, hiệu quả kinh tế của vốn nghiên cứu sẽ lớn gấp nhiều lần so với vốn đầu tư về kinh tế. Chúng ta nên cố gắng đưa tỷ lệ vốn nghiên cứu so với thu nhập quốc dân của chúng ta lên bằng tỷ lệ trung bình của các nước anh em và cũng cần xem lại nội dung vốn nghiên cứu cụ thể là gì; vốn nghiên cứu của chúng ta đã ít mà lại sử dụng một phần khá lớn vào việc thăm dò tìm kiếm về địa chất (các nước anh em xếp nó ở chỗ khác), cho nên vốn thật sự dùng vào công tác nghiên cứu không còn là bao.

Một điểm cần chú ý nữa để góp phần vào việc phát triển khoa học là, đi đôi với lãnh đạo quản lý, chúng ta cần tạo ra một môi trường tâm lý xã hội khuyến khích công tác khoa học. Ai có dịp đi qua các nước anh em hiện đại thì thấy rất rõ môi trường đó, nhưng ở nước ta nó còn yếu. Chúng ta chưa có đủ thời gian để xây dựng truyền thống khoa học, mặt khác ở ta việc làm thủ công còn chiếm đại bộ phận, các cơ sở hiện đại mới có rất ít và cũng chưa phải hiện đại lắm, trong xã hội lại còn có các biểu hiện tiêu cực không khuyến khích người ta đi vào khoa học. Chúng ta cần cố gắng khắc phục nhanh tình trạng trên.

Ở đây đi đôi với việc làm tốt hơn, sâu rộng hơn công tác phổ biến khoa học kỹ thuật, chúng tôi thấy cần xây dựng viện bảo tàng về khoa học kỹ thuật có tương đối đầy đủ các mô hình hay máy thật hiện đại, nhiều thứ chạy được, để biểu diễn cho người đến xem. Ở Liên-xô, sau khi Cách mạng tháng Mười thành công, người ta đã xây dựng Viện bảo tàng bách khoa, mặc dù lúc bấy giờ về mặt khoa học kỹ thuật, Liên-xô cũng đã tương đối hiện đại so với trình độ chung của thế giới, năm 1956

đã xây dựng triển lãm về các thành tựu kinh tế quốc dân, và từ đó mỗi năm lại có bổ sung thêm; triển lãm này rất lớn, chiếm 200 héc-ta, trình bày các thành tựu kinh tế và khoa học kỹ thuật của Liên-xô, nó vừa là trường học lớn vừa là nơi giải trí cho nhân dân. Ở Việt-nam, sở dĩ phải xây dựng Viện bảo tàng khoa học kỹ thuật này là do yêu cầu khách quan, nhân dân cần thấy ngay bây giờ các thành tựu khoa học kỹ thuật của thế giới để có quyết tâm cụ thể vươn lên. Vì giao thông vận tải không thuận tiện lắm, ta nên xây dựng ở ba nơi: Hà-nội, thành phố Hồ-Chí-Minh, Huế; việc xây dựng Viện và hoạt động của Viện có tồn kém nhưng tác dụng của nó hết sức to lớn.

Quan điểm liên ngành, quan điểm hệ thống trong cách mạng khoa học kỹ thuật là hết sức quan trọng. Trong nghiên cứu, chúng ta mới bắt đầu thực hiện theo quan điểm này và đã đạt được kết quả tốt; nhưng muốn đạt được kết quả tốt nhất mà chỉ liên ngành trong khoa học tự nhiên và kỹ thuật thì không đủ: vấn đề này dùng đến nhiều ngành của khoa học xã hội, và chẳng những dùng đến tình hình trong nước mà còn dùng đến cả tình hình thế giới. Khi nghiên cứu một vấn đề quan trọng của một nước, tập thể nghiên cứu phải xuất phát từ quan điểm hệ thống « một nước là một hệ thống lớn nằm trong hệ thống bao quát của thế giới và có nhiều hệ thống nhỏ; toàn bộ các hệ thống đó có liên hệ biện chứng với nhau và dùng đến tất cả các ngành khoa học tự nhiên, kỹ thuật và xã hội, có liên quan với nhau, thúc đẩy lẫn nhau » và sử dụng triệt để tất cả các trợ lực của ba cuộc cách mạng, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt. Cách tiếp cận bằng hệ thống đi đôi với khoa học quản lý hiện đại, các học thuật quản lý, máy tính điện tử, khoa học tổng quát về quyết định, khoa học về sáng tạo và dự báo học cho

phép giải quyết tối ưu các vấn đề rất lớn và rất phức tạp của cả nước, cả trước mắt và lâu dài, và nếu không dùng nó, nhiều khi sẽ rất nguy hiểm. ví dụ trong vấn đề bảo đảm an ninh quốc gia. Các ngành khoa học trên đã được nghiên cứu, hoàn chỉnh và ứng dụng trong 20 năm qua, và thực tiễn đã thúc đẩy công tác nghiên cứu vươn lên trình độ cao hơn. Thế giới đã công nhận hiệu quả của nó, nhất là ngày nay, trong tình hình thế giới biến đổi hết sức nhanh chóng. Muốn đạt kết quả tốt nhất, phải đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ giỏi đầy nhiệt tình và cung cấp cho họ đầy đủ số liệu cần thiết của nước nhà và của thế giới. Số cán bộ này người ta thường gọi là phải "thấy lớn, thấy rộng, thấy xa trong không gian và thời gian và có cơ sở khoa học toàn diện"; đào tạo và bồi dưỡng họ khá phức tạp, nhưng mỗi nước đều phải xây dựng đội ngũ như vậy, nếu không, cả trước mắt và lâu dài sẽ gặp nhiều khó khăn trở ngại.

SUY NGHI VỀ PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN

Chúng ta đã có những cố gắng lớn về đầu tư vốn cho việc cơ khí hóa và tự động hóa, điện khí hóa, hóa học hóa, áp dụng các thành tựu khoa học và kỹ thuật mới nhất, nhưng do khả năng quá ít (thực tế muốn cho đội ngũ lao động sản xuất hằng năm có được trang bị rất hiện đại của cách mạng khoa học kỹ thuật thì vốn đầu tư hằng năm phải tăng lên khoảng 30 lần so với hiện nay), cho nên kết quả của chúng ta mới chỉ là bước đầu thôi.

Ở đây xin nêu hai điểm:

1 - Chúng ta cần nghiên cứu chỉnh sách kỹ thuật (tổng quát và từng ngành) cho 25 và 50 năm tới để có đường đi vừa nhanh, vừa vững chắc và tiết kiệm nhất. Tình hình có phức tạp, có khi phải có hai, ba phương án với điều kiện là có khả năng

chuyển từ phương án này qua phương án kia dễ dàng nếu tình hình thực tế sau này đòi hỏi, và mỗi khi chuyển chỉ gây lãng phí ít nhất. Chúng ta cũng cần nhớ quy luật của cách mạng khoa học kỹ thuật: « Sự đi trước của kỹ thuật đối với sự phát triển của công nghiệp nặng và sự đi trước của khoa học đối với sự phát triển của kỹ thuật, trở thành một quy luật của cách mạng khoa học kỹ thuật ».

2 - Rất tiếc là khi áp dụng các thành tựu khoa học và kỹ thuật mới, chúng ta chưa sử dụng được triệt để các mặt ưu việt của chủ nghĩa xã hội, ít chú ý đến các ngành khoa học về lãnh đạo và quản lý hiện đại - một kho tàng vô cùng quý giá của cách mạng khoa học kỹ thuật, nhất là ngày nay thế giới thay đổi quá nhanh, quá phức tạp. Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã quyết định chiến lược về kinh tế và tất cả các mặt có tính chất tiến công rất cao. Theo lý thuyết và kinh nghiệm thế giới, muốn bảo đảm thực hiện chiến lược tiến công như vậy phải dùng hệ thống lãnh đạo và quản lý hiện đại với nghệ thuật cao, trong lúc đó ta chỉ dùng hệ thống cổ điển (nghĩa là dựa quá nhiều vào chủ quan của người quản lý chứ không phải dựa vào các quy luật, định luật của các sự kiện được quản lý và dùng triệt để các học thuật và công cụ quản lý hiện đại), và ngay hệ thống đó cũng dùng chưa hoàn chỉnh (như phương pháp cân đối liên ngành rất quan trọng, nhưng tới nay ta chưa dùng), và có nhiều thiếu sót mà ai cũng biết. Chúng ta chưa có dự báo dài hạn, kế hoạch viễn cảnh, mô hình của kinh tế quốc dân, v.v. Có lẽ chúng ta nên phát động phong trào toàn dân học quản lý và tạo cho phong trào có các điều kiện thuận lợi nhất, giống như các nước hiện đại đã làm từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, với khẩu hiệu « lãnh

đạo và quản lý giỏi là vấn đề sống còn của đất nước. Nhiều nước đã làm tích cực, liên tục trong hơn 30 năm, đạt được kết quả tốt đẹp và đang tiếp tục làm. Nhân dân có kiến thức vững chắc về lãnh đạo và quản lý hiện đại, thì từ đó sẽ nảy sinh nhiều nhân tài (chưa nói là mỗi người đều phải quản lý gia đình mình, dù muốn hay không muốn). Có thể là chúng ta coi quản lý còn giản đơn quá. Thực tế, trên thế giới ngày nay tìm một cán bộ lãnh đạo quản lý xuất sắc khó hơn tìm một cán bộ khoa học kỹ thuật xuất sắc rất nhiều, ngay ở các nước hiện đại cũng vậy.

- Về **hậu quả xã hội**, vì việc thực hiện cách mạng khoa học kỹ thuật mới ở bước đầu, cho nên hậu quả còn ít. Về **tồn tại**, chúng ta cần chú ý ba điểm. Về điều tra và bảo vệ **tài nguyên**, ta cần tiến hành nhanh hơn và toàn diện hơn, cần nghiên cứu và sử dụng có hiệu quả nhất và tiết kiệm nhất đồng thời quản lý chặt chẽ nhất nguyên liệu, nước, năng lượng. Hiện nay chúng ta còn phải dựa vào một khối lượng khá lớn nguyên liệu nhập khẩu, nếu chúng ta làm ăn tốt hơn (sử dụng có hiệu quả hơn và tìm mọi cách thay thế bằng nguyên liệu trong nước), thì sẽ tạo điều kiện cho kinh tế quốc dân phát triển nhanh hơn.

Mặc dù nền kinh tế quốc dân của ta chưa phát triển bao nhiêu, nhưng không phải không có tình hình ở nhiệm **môi trường**, đặc biệt ở một số nơi tập trung công nghiệp hay tập trung dân. Cho nên vấn đề bảo vệ và cải tạo môi trường cần được coi trọng.

Bảo vệ và cải tạo tự nhiên là vấn đề rất quan trọng. Nếu làm không tốt thì sẽ dễ xảy ra tai hại lớn (như phá rừng ở đầu nguồn... muốn sửa lại phải mất hàng chục năm hoặc phải chịu mất vĩnh viễn). Mặt khác, một vùng tự nhiên không tốt chỉ có thể cải tạo được với điều kiện là có

cơ sở khoa học toàn diện. Trong mấy chục năm qua, các trường hợp làm hư hại môi trường không phải là ít và đang tiếp tục xảy ra, nhất là ở miền Trung và Nam, gây nên hậu quả rất tai hại. Chúng ta cần chủ động có kế hoạch giải quyết.

Để giải quyết các vấn đề tồn tại trên, một trong những việc cần làm là kiểm điểm lại công tác phổ biến khoa học. Việc này phải được tiến hành liên tục, sâu sắc, sinh động và toàn diện hơn, đi đôi với việc áp dụng các biện pháp tư tưởng và quản lý thích đáng.



Những điều đã trình bày ở trên tự nhiên dẫn ta đến kết luận:

Muốn có cách mạng khoa học kỹ thuật sâu rộng, phải tổ chức, lãnh đạo và quản lý giỏi. Để tổ chức, lãnh đạo, quản lý giỏi, phải vận dụng các ngành khoa học và kỹ thuật quản lý hiện đại một cách có sáng tạo.

Ở thời đại cách mạng khoa học kỹ thuật, đào tạo và bồi dưỡng con người là việc quyết định. Nó khác các thời đại trước và phức tạp hơn nhiều.

Cần nhấn mạnh là sức mạnh rất lớn của cách mạng khoa học kỹ thuật đã tạo ra một quan điểm mới cho mọi nước và mọi người lao động: «Ở thời đại cách mạng khoa học kỹ thuật, mọi nước (mọi người) phát minh tương lai của mình». Tương lai đó huy hoàng hơn rất nhiều so với các thời đại trước, và cách mạng khoa học kỹ thuật cung cấp đầy đủ các phương pháp, các phương tiện, góp phần hình thành các quan điểm, các quan niệm... để phát minh và thực hiện tương lai đó.

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng, nhân dân Việt-nam anh dũng, sáng tạo, đầy nhiệt tình cách mạng sẽ tiến hành tốt ba cuộc cách mạng trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt biến nước ta thành nước xã hội chủ nghĩa hiện đại.

Tình hình phân hóa giai cấp ở một ấp thuộc đồng bằng sông Cửu-long

THANH-GIANG



ẤP-TÂY-BÌNH A là một trong 4 ấp của xã Vĩnh-chánh, huyện Châu-thành, tỉnh An-giang, thuộc vùng có nhiều ruộng đất và tập trung nhiều máy móc nông nghiệp. Đây là vùng lúa sạ, chỉ sản xuất có một vụ (lúa mùa) trong năm. Phần lớn nhân dân ở đây theo đạo Hòa hảo (trên 85%) sống trong vùng bị địch kim kẹp lâu ngày cho nên chịu ảnh hưởng nặng của tôn giáo và của chủ nghĩa thực dân mới.

Trước Cách mạng tháng Tám 1945, phần lớn ruộng đất của ấp Tây-bình A cũng như của xã Vĩnh-chánh nằm trong tay địa chủ và thực dân Pháp. Cách mạng tháng Tám thắng lợi, và tiếp đó, trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, bọn địa chủ bỏ chạy, ruộng đất của địa chủ được tạm giao tạm cấp cho nông dân trong xã và những người các địa phương khác đến khai phá. Từ năm 1954, dưới thời Mỹ - Diệm với dụ 57 và nhất là sau này dưới thời Nguyễn-Văn-Thiệu với chính sách, «truất hữu», ruộng đất của nông dân lại bị cướp. Ruộng đất bị xáo trộn nhiều lần, cuối cùng

tập trung vào tầng lớp trên. Trong số ruộng đất «truat hữu» 216,4 ha nông dân nghèo chỉ được chia 8,4 ha (3,9%), trung nông thường được 96,5ha (44,6%), còn trung nông trên và phú nông 111,5 ha (51,5%)



Ấp Tây-bình A có 451 hộ với 2 611 nhân khẩu, trong đó có 436 hộ nông nghiệp với 2 565 nhân khẩu nông nghiệp, chiếm 97,2% tổng số nhân khẩu trong ấp. Tổng số diện tích ruộng đất là 951,4 ha, trong đó diện tích ruộng đất canh tác là 922,1 ha. Diện tích ruộng lúa là 917,9 ha, chiếm 99,5% diện tích canh tác. Diện tích màu chỉ có 1,7 ha, cây ăn quả 2,5 ha, cả hai loại này chỉ chiếm 0,4% đất canh tác. Bình quân một nhân khẩu có 3600m², bình quân mỗi hộ có 2,1 ha. Giữa các hộ có sự chênh lệch rất lớn về sở hữu ruộng đất. Một số ít hộ chiếm hữu quá nhiều ruộng đất; ngược lại, một số hộ không có ruộng đất hoặc thiếu ruộng đất.

Chúng ta bắt đầu tìm hiểu từ những hộ nông dân lao động có mức

sở hữu ruộng đất trên dưới mức bình quân. Đó là **tầng lớp trung nông**. Cũng như ở mọi nơi, ở đây trung nông là tầng lớp đông đảo nhất, chiếm 64,1% tổng số hộ và 62,5% tổng diện tích ruộng đất của ấp. Bình quân mỗi hộ trung nông chiếm hữu 2,05 ha ruộng đất. Tuy vậy, sở hữu ruộng đất cũng có sự chênh lệch rõ rệt giữa trung nông lớp trên và trung nông lớp dưới.

Ở lớp dưới, bình quân diện tích ruộng đất thuộc sở hữu của mỗi hộ là 1,5 ha, bằng 70% so với mức bình quân chung. Còn ở lớp trên thì bình quân mỗi hộ có 3,6 ha, gấp 1,7 lần so với mức bình quân chung, và gấp 2,4 lần so với lớp dưới. Dưới đây là bảng so sánh tỷ lệ số hộ và ruộng đất của lớp dưới và lớp trên trong tổng số hộ trung nông:

Các chỉ tiêu	Tổng số trung nông	Chia ra		Tỷ lệ so với tổng số	
		lớp dưới	lớp trên	lớp dưới	lớp trên
— Số hộ	289	212	77	73%	27%
— Ruộng đất sở hữu (ha)	594,6	314,2	280,4	53—	47—

Mức sở hữu ruộng đất của trung nông lớp trên đã vượt quá khả năng lao động của gia đình họ. Bình quân mỗi lao động của hộ trung nông lớp trên có 2 ha, gấp 1,8 lần so với bình quân chung (1,1 ha). Do đó, các hộ trung nông lớp trên đã phải thuê mướn 4 270 ngày công trong năm 1977, bình quân mỗi hộ thuê mướn 54 ngày công. So với số ngày công tự làm ruộng của gia đình thì số ngày công thuê mướn bằng 50,9%. Những hộ trung nông lớp trên không những có nhiều ruộng đất hơn mà còn có nhiều máy móc. Số hộ trung nông lớp dưới chỉ có một máy xới 12CV, bình quân mỗi hộ có 2,8CV còn số hộ trung nông lớp trên có 4 máy kéo lớn, bình quân mỗi hộ có 6,3CV, gấp 2,2 lần.

Như vậy, tầng lớp trung nông đã phân ra thành hai lớp rõ rệt: lớp dưới hay **trung nông thường** và **trung nông lớp trên**. Trung nông lớp trên là một phần của tầng lớp trung nông, tuy tự lao động là chính, song có một phần bóc lột nhân công làm thuê do có thừa ruộng đất và có máy móc. Còn trung nông lớp dưới có ruộng đất vừa với sức lao động

của gia đình tự làm. So với tổng số hộ và ruộng đất sở hữu của ấp, trung nông thường chiếm 47% số hộ và 33% diện tích; còn trung nông lớp trên chiếm 17,6% số hộ và 29,18% diện tích.

Bây giờ chúng ta sẽ tìm hiểu những hộ chiếm hữu quá nhiều ruộng đất và có nhiều máy móc, nguồn sống chủ yếu dựa vào thuê mướn nhân công. Ở đây, loại này có 32 hộ, bằng 7,1% tổng số hộ của ấp, nhưng chiếm hữu tới 280 ha ruộng đất, bằng 29,5% tổng số ruộng đất của ấp. Bình quân mỗi hộ chiếm hữu 8,8 ha, bình quân một nhân khẩu có 14 360m², so với trung nông trên (6 270 m²/nhân khẩu) gấp 2,3 lần, so với trung nông thường (2 396m²/nhân khẩu), gấp 6 lần; bình quân một lao động (trong tuổi quy định), có 5,49 ha, gấp 2,7 lần so với trung nông lớp trên, gấp gần 8 lần so với trung nông thường. Mức chiếm hữu ruộng đất của loại hộ này như vậy là quá nhiều so với sức lao động của gia đình họ. Do đó, họ không thể không thuê mướn một số nhân công **lớn hơn** số lao động của gia đình họ. Với 50 lao động gia đình chuyển làm nông nghiệp, loại này còn thường

xuân thuê mướn 41 người lao động để lại máy kéo, làm 4920 ngày công trong năm, và thuê mướn 3602 ngày công từng việc. Tổng số ngày công thuê mướn là 8522 so với số ngày công gia đình tự làm là 3813, gấp 2,5 lần. Rõ ràng sản xuất, kinh doanh của những hộ loại này chủ yếu dựa vào lao động làm thuê. Những hộ loại này thuộc tầng lớp **phú nông và tư sản nông thôn**.

Vậy ai là người cung cấp nhân công làm thuê cho họ? Họ đã tước mất sở hữu ruộng đất của ai? Bây giờ chúng ta sẽ tìm hiểu loại hộ nông dân nghèo sống chủ yếu bằng lao động làm thuê. Loại này có 115 hộ, chiếm 25,4% tổng số hộ chỉ có 73,2 ha, chiếm 7,7% tổng số ruộng đất trong ấp, bình quân mỗi hộ có 0,6 ha (1000m²/nhân khẩu), máy móc hầu như không có, ruộng chỉ cấy một vụ với năng suất rất thấp (1,4 tấn/ha). Như vậy làm sao sống nổi, nếu họ không đem sức lao động đi làm thuê và chủ yếu sống bằng lao động làm thuê. Tổng số ngày công làm thuê trong năm (1977) của những hộ loại này là 8802 ngày công, đó là nguồn nhân công lớn nhất trong ấp. Họ đã đi làm thuê cho những hộ phú nông và tư sản nông thôn 3602 ngày công và cho trung nông lớp trên

4270 ngày công (số hộ trung nông lớp trên đông hơn gấp đôi những hộ phú nông tư sản). Tầng lớp trung nông thường cũng đi làm thuê 3602 ngày công, nhưng lại thuê mướn 4210 ngày công – một phần số ngày công này do những nông dân nghèo làm cho họ; trong lúc đó số hộ nông dân nghèo cũng thuê mướn một số ít ngày công; đó là sự đối công giữa trung nông thường và nông dân nghèo. Những hộ không có ruộng hoặc thiếu ruộng đất và sống chủ yếu bằng đi làm thuê trên đây là **tầng lớp nông dân nghèo – lao động làm thuê**, trong đó có một số công nhân nông nghiệp.

Ở đây, còn một số **hộ không sản xuất nông nghiệp**, họ không có ruộng đất, hoặc có chút ít, nguồn thu nhập bằng các nghề khác do sức lao động của họ làm ra. Đó là những hộ chuyên làm nghề thủ công và dịch vụ, sửa chữa cơ khí, rèn, mộc, chữa xe, cắt tóc, may mặc, v.v., những hộ buôn bán nhỏ (rau, tôm cá, v.v.: ở đây không có hộ buôn bán lớn), và một số hộ khác như thầy lang, thầy giáo, nhà chùa, v.v. loại này có 15 hộ, chiếm 3,3% số hộ trong ấp.

Tổng hợp các loại hộ trên đây, chúng ta thấy cơ cấu các tầng lớp như sau:

<i>Loại hộ</i>	<i>Tỷ lệ số hộ (%)</i>	<i>Tỷ lệ ruộng đất (%)</i>
Hộ loại I Những người làm các nghề thủ công, dịch vụ... không sản xuất nông nghiệp	3,3	0,3
Hộ loại II Nông dân nghèo không có ruộng đất hoặc thiếu ruộng đất, chủ yếu là làm thuê	25,4	7,70
Hộ loại III Trung nông thường, đủ ruộng đất và tự làm lấy ruộng đất mình	47,0	33,0
Hộ loại IV Trung nông lớp trên, có thừa ruộng đất và thuê mướn một phần nhân công	17,6	29,48
Hộ loại V Phú nông và tư sản nông thôn, chiếm hữu nhiều ruộng đất, nhiều máy móc chủ yếu dựa vào bóc lột lao động làm thuê	7,0	29,7

Cơ cấu các tầng lớp trên đây chứng tỏ rằng ở đây không có giai cấp địa chủ, trung nông chiếm đa số, ngoài ra còn có **tầng lớp bóc lột** là phú nông và tư sản nông thôn. Ngay trong nội bộ nông dân lao động cũng có một số hộ tuy **tự làm lấy ruộng đất mình là chính nhưng cũng có một phần bóc lột**: trung nông lớp trên. Đó là thực chất của vấn đề **chênh lệch** về sở hữu ruộng đất.



Chúng ta thấy sự chênh lệch về chiếm hữu tư liệu sản xuất còn lớn hơn và do đó sự phân hóa giai cấp còn sâu sắc hơn nếu xét đến tình hình **sở hữu máy móc và phương thức kinh doanh dựa trên máy móc**.

Tổng công suất các loại máy động lực ở ấp này là 2978,7CV, bình quân mỗi hộ có 6,5CV, nhưng sự chênh lệch giữa các loại hộ thì rất lớn, và máy móc tập trung cao độ vào những hộ loại V.

Số công suất máy động lực của từng loại như sau:

- Số hộ loại I: 1CV (0,13%)
- Số hộ loại II: 110CV (3,7%)
- Số hộ loại III: 609,2CV (20,4%)
- Số hộ loại IV: 490CV (16,5%)
- Số hộ loại V: 1765CV (59,3%)

Toàn ấp có 25 máy kéo lớn từ 60cv trở lên, tập trung vào 2 loại hộ: hộ loại IV có 4 chiếc, hộ loại V có 21 chiếc. Trong tổng công suất máy kéo thì:

- Hộ loại I, loại II: không có
- Hộ loại III: 12CV (máy xới) (0,6%)
- Hộ loại IV: 231CV (12,7%)
- Hộ loại V: 1583CV (86,7%)

Sức kéo của trâu bò ở đây không đáng kể, toàn ấp chỉ có 2 con trâu và 108 con bò, trong đó 56 con cày kéo, chủ yếu dùng vào khâu bừa và chuyên chở. Còn lực lượng máy kéo thì rất lớn. Tổng công suất máy kéo

(hầu hết là máy kéo lớn) là 1817CV, trong khi đó diện tích canh tác toàn ấp chỉ có 922 ha; như vậy cứ 37 ha đất canh tác có 1 máy kéo. Do đó hầu như 100% khâu làm đất ở đây đã được cơ giới hóa, ngoài ra một số khâu khác như trục đập (bằng máy kéo), chuyên chở, bơm nước đều được cơ giới hóa hầu như toàn bộ.

Nếu chỉ tính riêng hộ loại V có 21 máy kéo với 275 ha đất canh tác thì cứ 13 ha có một máy kéo. Như vậy người chủ máy mua máy rõ ràng không phải chỉ để cày 13 ha, và nếu chỉ để cày 13 ha đó thì không cần thiết phải mua một máy kéo lớn như vậy. Người chủ máy dùng phần lớn công suất máy kéo đó đi cày cho người khác. Một máy kéo tiêu chuẩn 60CV có thể cày 400 — 150 ha/năm thì với 922 ha đất canh tác của ấp chỉ cần nhiều nhất là 2 — 3 máy. Như vậy trên 90% số máy kéo của ấp trong tay tầng lớp tư sản, phú nông và một phần của trung nông lớp trên dùng để cày ngoài phạm vi ấp. Người chủ ruộng thuê cày là người không có hoặc thiếu sức kéo, họ không được quyền định giá công cày, giá đó do người chủ máy hay nhóm chủ máy ấn định. Giá đó khá cao, sau khi bù đắp chi phí sản xuất, đem lại cho chủ máy số lợi nhuận khá lớn. Người chủ ruộng bị bắt bí trong thời vụ làm đất, nếu không chịu trả giá cao thì chủ máy sẽ đi cày cho người khác, trong khi đó không một chủ máy nào khác chịu cày với giá thấp hơn. Những chủ ruộng thuê cày xếp hàng chờ đợi không phải trước sau theo thời gian mà theo giá cả, người trả giá cao nhất được cày trước nhất. Tình trạng này cũng giống như ở Liên-xô thời kỳ trước khi hợp tác hóa nông nghiệp, những dân cày nghèo phải đi « mướn » ngựa kéo hoặc « thuê » máy cày của bọn cu-lắc. Những chủ máy thường thuê mướn thêm công nhân lái máy. (mỗi máy cần ba lái và một phụ), như vậy họ bóc lột hai lần, bóc lột cả

công nhân lái máy và bóc lột người chủ ruộng.

Phạm vi hoạt động kinh doanh của các chủ máy kéo tới 10km bán kính. Có nhiều chủ máy đem máy đi kinh doanh ở các huyện khác, suốt ba bốn tháng liền cho tới hết vụ cây mới về. Nếu tính trung bình mỗi máy cày 400 ha trong năm thì phạm vi hoạt động của 25 máy sẽ bao quát 10 000ha. Với số lượng máy và tổng công suất máy lớn như vậy, với phạm vi hoạt động

rộng lớn và độc quyền chi phối giá cả, việc đi «cày thuê» bằng máy kéo ở đây đã trở thành một **ngành kinh doanh** và chiếm địa vị thống trị ở vùng này.

Chúng ta thử xem phương thức kinh doanh và mức độ bóc lột của các chủ máy ở đây như thế nào. Dưới đây là số liệu điều tra về kết quả kinh doanh của 10 hộ chủ máy kéo trong năm 1977 :

- Tổng thu : (c + v + m) : 101 275 đồng

- Khấu hao cơ bản 10 000đ

- Sửa chữa 10 287,6đ

- Nhiên liệu 12 482,8đ

- Trả lương công nhân 11 950,0đ

- Tiền ăn cho công nhân 5 000,0đ

V : 11 950,0đ + 5 000,0đ = 16 950,0đ

C : 10 000,0đ + 10 287,6đ + 12 482,8đ = 32 770,4đ

M : 101 275đ - (32 770,4đ + 16 950đ) = 54 554,6đ

Tỷ suất giá trị thặng dư $\left(\frac{m}{v}\right) = 321,8\%$

Tỷ suất lợi nhuận $\left(\frac{m}{c + v}\right) = 109,7\%$

Số lợi nhuận bình quân của mỗi hộ là 5 454đ ; của hộ nhiều nhất là 17 006đ.

Tỷ suất giá trị thặng dư hay mức độ bóc lột sức lao động làm thuê và tỷ suất lợi nhuận ở đây rất cao là do giá công cày thuê cao và mức lương của công nhân lái máy thấp. Đối với những hộ này, thu nhập do sử dụng máy kéo đi «cày thuê» chiếm tới 70% tổng thu nhập. Bình quân thu nhập mỗi nhân khẩu của những hộ này là 130đ/tháng. Hộ có bình quân thu nhập cao nhất là 205đ/nhân khẩu/tháng, hộ thấp nhất là 70đ/nhân khẩu/tháng. Một hộ trung bình (Phạm-Thị-H.) 6 nhân khẩu, 2 lao động, có 7 ha ruộng, 1 máy kéo SOMECA 85CV, 3 đàn cày, bừa, trang, 1 rơ-móc, thu nhập do trồng trọt trên ruộng đất chiếm hữu : 1 421đ, do kinh doanh bứng cây : 7 824đ, tổng cộng 9 245đ, bình quân thu nhập 128đ/nhân khẩu/tháng.

Tổng số lao động thuê mướn và lao động gia đình của những hộ phú nông và tư sản nông thôn được sử dụng một phần vào việc làm ruộng của phú nông và tư sản nông thôn, còn một phần vào việc kinh doanh «cày thuê». Riêng 32 hộ có số ngày công lao động gia đình là 3 813 ngày, thì họ đã sử dụng 2 333 ngày đi kinh doanh «cày thuê». Như vậy, họ vừa thuê mướn nhân công, vừa đi «làm thuê» ! Hiện tượng đó đã che lấp sự bóc lột ! Chính là họ đã thuê mướn nhân công từng việc, lao động giản đơn làm thay cho họ để họ sử dụng lao động kỹ thuật của mình đi kinh doanh (trực tiếp lái máy hoặc điều hành công việc kinh doanh) để bóc lột người chủ ruộng đất thuê cày. Như vậy công việc kinh doanh cày thuê của họ phải coi là bóc lột.

Số nhân công làm thuê cho họ gồm hai loại :

1 - Lao động thuê mướn theo kiểu phong kiến với các hình thức như: nông dân dùng nông cụ của mình lao động sản xuất trên ruộng của chủ, lao động cho chủ để trả nợ cùng với lợi tức bằng lao động, lao động cho chủ để trừ tiền thuê đất và vườn (tại đây hiện tượng nông dân không có đất ở rất phổ biến).

2 - Lao động thuê mướn theo kiểu tư bản chủ nghĩa. Loại này cũng có nhiều hình thức biểu hiện, phổ biến là hình thức thuê mướn từng việc: cắt lúa, làm cỏ, chăm sóc đồng ruộng, v.v. Một hình thức khác là thuê mướn công nhân lái máy kéo để kinh doanh «cày thuê». Người công nhân bán sức lao động được trả lương và ăn cơm của chủ. Nói chung ở đây có cả hai kiểu thuê mướn: lao dịch kiểu phong kiến và kiểu tư bản chủ

nghĩa, nhưng kiểu tư bản chủ nghĩa phổ biến hơn.



Rõ ràng quá trình phân hóa giai cấp ở đây đã diễn ra khá sâu sắc: một bên là **những người lao động và bị bóc lột**, một bên là **những người bóc lột**. Tầng lớp tư sản và phú nông tuy không đông về số lượng (7%) nhưng do nắm được những tư liệu sản xuất chủ yếu, và nắm được phần rất quan trọng lương thực hàng hóa cho nên đã chi phối phần lớn các hoạt động kinh tế chủ yếu của địa phương này. Vì vậy, mặc dù trung nông ở đây là tầng lớp đông đảo nhất, nhưng **tầng lớp có thế lực nhất về kinh tế ở nông thôn là tư sản và phú nông** — đại diện cho phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ở nông thôn.

Quy hoạch cán bộ lãnh đạo...

(Tiếp theo trang 44)

Trong chỉ đạo công tác hàng ngày, đồng chí thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm nắm chắc công tác cán bộ, coi đó là một biện pháp chính để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ chính trị và để xây dựng cơ quan vững mạnh. Mỗi cán bộ lãnh đạo đều có một nhiệm vụ quan trọng là phát hiện, lựa chọn, bồi dưỡng được nhiều cán bộ tốt, kể cả cán bộ dự bị để sẵn sàng thay thế mình khi cần thiết. Có thể nói rằng đó là một trong những tiêu chuẩn không thể thiếu của người cán bộ lãnh đạo.

Ban tổ chức các cấp, Vụ cán bộ các ngành là tham mưu của cơ quan lãnh đạo về mặt công tác cán bộ. Tham

mưu có mạnh thì cấp ủy, Ban cán sự, Đảng đoàn mới chỉ đạo công tác cán bộ có hiệu quả. Ban tổ chức và Vụ cán bộ phải bao gồm những cán bộ trung thực, vô tư, dân chủ, nắm vững đường lối, quan điểm công tác cán bộ của Đảng và có hiểu biết về quản lý kinh tế, quản lý chuyên môn, nghiệp vụ ở các ngành. Việc xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý đòi hỏi các Ban tổ chức, Vụ cán bộ phải phấn đấu vươn lên rất nhiều, nhưng cũng chính trong quá trình này, các cơ quan tổ chức sẽ trưởng thành thêm, chất lượng và hiệu quả công tác sẽ được nâng cao một bước.

Thảo luận

LÀM CHỦ TẬP THỂ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

VẤN ĐỀ THỀ CHẾ HÓA QUYỀN LÀM CHỦ TẬP THỂ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA CỦA NHÂN DÂN LAO ĐỘNG

NGUYỄN-NGỌC-MINH

I — Thề chế hóa quyền làm chủ là một yêu cầu cấp bách

 HEO quan điểm của Đảng ta đã được nói rõ trong Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, thì làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa vừa là *mục tiêu* của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới, vừa là *phương tiện* có hiệu lực để thực hiện mục tiêu đó.

Trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân làm chủ trước hết và chủ yếu là làm chủ *bằng Nhà nước*. « Làm chủ bằng Nhà nước thì quyền lợi, nghĩa vụ của công dân, phương thức và trách nhiệm quản lý xã hội đều được pháp luật hóa » (1). Một vấn đề thiết thực đặt ra phải giải quyết là mỗi thành viên, mỗi đơn vị tổ chức của xã hội có quyền làm những việc gì, làm trong những trường hợp nào? Và

có nghĩa vụ gì? Mỗi người, mỗi cấp có những quyền và những nghĩa vụ gì? Nếu không quy định những cái đó thành chế độ tức là thành văn bản pháp luật, pháp luật hóa hoặc thề chế hóa thì mỗi người, mỗi đơn vị, mỗi cấp, mỗi tổ chức có thể hiểu cũng như có thể thi hành một cách khác nhau. Trong thực tế có nhiều người không biết mình có những quyền gì, đồng thời có một số cán bộ bằng cách này cách khác hạn chế quyền của người khác, nhất là của những nhân viên dưới quyền lãnh đạo của mình. Cho nên thề chế hóa quyền làm chủ chính là một điều kiện để bảo đảm quyền đó được thực hiện. Đó là *cơ sở pháp lý* mà nhân dân lao động dựa vào để thực hiện một cách tự giác quyền làm chủ của mình.

(1) Lời phát biểu của đồng chí Lê-Duẩn tại Đại hội Công đoàn lần thứ IV — tháng 5-1978.

Pháp luật xã hội chủ nghĩa khác về cơ bản với pháp luật tư sản ở chỗ pháp luật xã hội chủ nghĩa là để bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, còn pháp luật tư sản thì trái lại là để ngăn cản nhân dân làm chủ. Lê-nin đã từng vạch trần ra rằng: « Những nước cộng hòa tư sản tiên tiến nhất, dù dân chủ tới đâu chăng nữa, cũng vẫn dùng hàng nghìn thủ tục pháp lý nhằm ngăn cản những người lao động tham gia quản lý Nhà nước » (2).

Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, pháp luật là một công cụ vừa để xây dựng đúng đắn quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, vừa để đấu tranh chống những tệ nạn trong xã hội, đặc biệt là chống bệnh quan liêu và bệnh giấy tờ, hai thứ bệnh gây phiền hà rất nhiều cho nhân dân và suy cho cùng hạn chế quyền làm chủ của nhân dân. Pháp luật góp phần rất quan trọng cũng với toàn xã hội đấu tranh chống lại bệnh này một cách có hiệu quả. Chính Lê-nin đã nói, pháp luật xô-viết « đem lại cho mọi người cái khả năng chống bệnh quan liêu và bệnh giấy tờ, cái khả năng mà ở bất cứ một nước tư bản nào, công nhân và nông dân cũng đều không có » (3).

Thề chế hóa quyền làm chủ còn nhằm tạo cơ sở pháp lý để xử lý, đề trừng trị những kẻ vi phạm quyền làm chủ của nhân dân.

Chính vì những tác dụng nhiều mặt như vậy của vấn đề thề chế hóa quyền làm chủ mà Chính phủ ta hiện nay rất quan tâm đến nó. Trước Đại hội Công đoàn lần thứ IV (tháng 5-1978), Thủ tướng Phạm-Văn-Đồng đã trình trọng tuyên bố:

« Thay mặt Hội đồng Chính phủ, tôi xin nói với các đồng chí rằng chúng tôi sẽ làm hết sức mình, với tất cả nhiệt tình cách mạng và ý thức trách nhiệm của mình để cùng các cơ quan có thẩm quyền của Đảng và Nhà

nước tiến tới xác định bằng pháp chế xã hội chủ nghĩa quyền làm chủ của giai cấp công nhân và nhân dân lao động cũng như quyền của Công đoàn tham gia quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý đời sống »

II — Những mặt chủ yếu của thề chế hóa.

Đề quản lý xã hội, quản lý Nhà nước theo pháp luật, có rất nhiều mặt cần được thề chế hóa. Theo ý chúng tôi, sau đây là những mặt chủ yếu và cấp bách:

Về quan liêu làm chủ. Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã vạch ra một cách toàn diện: làm chủ về chính trị, về kinh tế, về văn hóa xã hội. Về từng mặt, nghị quyết Đại hội IV cũng đã vạch ra những nét cơ bản.

Nhưng pháp luật của Nhà nước phải cụ thể hơn nhiều. Trong xí nghiệp, pháp luật quy định rõ thành từng điều khoản công nhân viên chức có những quyền gì, những nghĩa vụ gì trong lĩnh vực lao động sản xuất, trong lĩnh vực xây dựng và thực hiện kế hoạch Nhà nước, trong lĩnh vực phân phối và đời sống, v.v. Giám đốc xí nghiệp, công đoàn có những quyền gì, những nghĩa vụ gì? v.v. Cấp trên có những quyền gì, những nghĩa vụ gì để bảo đảm cho quyền làm chủ của công nhân, viên chức được thực hiện.

Đối với nông dân, về đại thể chúng ta đã có những nguyên tắc chung, song cần quy định thật cụ thể quyền và nghĩa vụ của xã viên trong mọi lĩnh vực: phương hướng sản xuất, kế hoạch sản xuất cụ thể, phương án ăn chia, nghĩa vụ đối với Nhà nước, và các vấn đề khác về đời sống của xã

(2) V. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1968, tập 29, trang 200.

(3) V. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, tập 33, trang 101.

viên, v.v. Ban quản trị có những quyền gì, những nghĩa vụ gì?

Chính vì chưa có những quy định như trên cho nên các nơi thi hành những điều trên đây một cách không thống nhất, có khi tùy tiện.

Đặc biệt là ở các đơn vị cơ sở là nơi người lao động trực tiếp thực hiện quyền làm chủ, mỗi quan hệ giữa Đảng ủy, giám đốc và công đoàn chưa được quy định rõ. Trách nhiệm, quyền hạn của từng tổ chức trong từng lĩnh vực đến đâu? Tình trạng hiện nay ở một số cơ sở là các hợp đồng tập thể, các giao ước thi đua thường còn nặng về hình thức. Các hội nghị công nhân viên chức cũng vậy, thường được tổ chức như một cuộc mít-tinh, một cuộc liên hoan hơn là một hội nghị đề công nhân viên chức phát biểu hết ý kiến xây dựng của mình và đề các cấp lãnh đạo thật sự lắng nghe ý kiến của họ.

Còn bản thân người lao động cũng chưa nhận thức sâu sắc về quyền làm chủ và nghĩa vụ làm chủ của mình. Có người hiểu quyền lợi một chiều, chưa nhận thức đầy đủ quyền và nghĩa vụ gắn chặt với nhau. Cho nên có hiện tượng kỷ luật lao động lỏng lẻo, lao động kém năng suất, thậm chí có một số người còn chây lười. Trong khi đó, thì việc khen thưởng, xử lý chưa nghiêm minh, người tốt người xấu, người chăm người lười, người giỏi người kém, cách đối xử cũng chẳng khác nhau, cho nên không khuyến khích được những mặt tốt, và không loại trừ được những mặt xấu. Có những nơi chưa tạo điều kiện và có những bảo đảm cần thiết cho những người trung thực, dám nói thẳng ý kiến của mình và phê phán những cái xấu, cái dở. Ở đó một số người vì dám phê phán những cái xấu, cái dở, mà bị thành kiến, thậm chí bị tru dập. Ngược lại những người vi phạm quyền làm chủ thì không bị xử lý và trừng trị thích đáng.

Tất cả những hiện tượng vừa nêu trên đều là trở ngại cho việc thực hiện quyền làm chủ.

Vì vậy, chúng ta cần đồng thời coi trọng cả việc thể chế hóa quyền làm chủ lẫn việc thể chế hóa các điều kiện, các biện pháp bảo đảm thực hiện và phát huy quyền làm chủ tập thể.

Theo tinh thần đó, Hiến pháp là văn bản thực hiện sự thể chế hóa cao nhất và bao trùm nhất. Như Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã vạch rõ, Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam "thể chế hóa bằng đạo luật cơ bản của Nhà nước, quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động, dựa trên cơ sở liên minh công nông, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân" (4). Khi Hiến pháp đã quy định rõ những điều cơ bản rồi, thì các văn bản khác của Nhà nước có chỗ dựa vững chắc đề cụ thể hóa hơn nữa trong tất cả các lĩnh vực.

Hiến pháp của chúng ta, sau khi quy định rõ nội dung cơ bản của quyền làm chủ trong mọi lĩnh vực quản lý Nhà nước, quản lý xã hội, quản lý kinh tế, sẽ thể chế hóa các biện pháp cơ bản bảo đảm cho quyền làm chủ đó được thực hiện và các chế tài chủ yếu để xử lý nghiêm minh khi có vi phạm.

Kinh nghiệm thực tế ở nước ta cũng như kinh nghiệm của các nước anh em cho thấy thiếu những biện pháp bảo đảm và những chế tài này thì nói quyền làm chủ chỉ là nói suông. Những biện pháp bảo đảm rất đa dạng. Nhưng những biện pháp chính là: đối với người lao động, đó là quyền phát biểu, quyền kiến nghị, quyền giám sát, quyền bãi miễn: đối với các cơ quan quản lý, tổ chức các loại hội nghị chung, hội nghị chuyên đề, có kỷ hạn và không kỷ

(4) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 67 — 68.

hạn... đề cho mọi người lao động có dịp thật sự tham gia vào mọi công tác quản lý. Đối với cấp lãnh đạo, đó là trách nhiệm nghe ý kiến, trách nhiệm trả lời, trách nhiệm tiếp thụ, trách nhiệm giải thích lại khi có những ý kiến không chấp nhận được, trách nhiệm tiếp xúc và quan hệ chặt chẽ với những người lao động dưới quyền quản lý của mình.

Những biện pháp đó còn là *sự phân công, phối hợp* rõ ràng giữa các cơ quan Đảng, chính quyền, công đoàn.

Đồng chí Tổng bí thư đã vạch cho chúng ta phương hướng để giải quyết đúng đắn vấn đề này: « Công đoàn phải nói tiếng nói của công nhân và tiêu biểu sự nhất trí giữa công nhân với Nhà nước. Các cơ quan Nhà nước phải thật sự tôn trọng tiếng nói của công đoàn, coi đó là tiếng nói của quần chúng công nhân. Đối với những vấn đề kinh tế, kỹ thuật, kỷ luật trong sản xuất, những vấn đề chính trị, xã hội và đời sống của công nhân, Nhà

nước cần quy định chế độ quan hệ giữa các cấp công đoàn và các cấp chính quyền, bảo đảm cho công đoàn nói được tiếng nói của công nhân, đồng thời thể hiện được công đoàn là người nối liền công nhân với Nhà nước » (5).

Việc cung cấp các *phương tiện vật chất* cho các tổ chức sử dụng trong hoạt động của mình, và trong việc cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người lao động, cũng nằm trong các biện pháp đó.

Một điều vô cùng quan trọng là đi liền với việc thể chế hóa quyền làm chủ tập thể, cần nâng cao *ý thức và trách nhiệm* về quyền làm chủ tập thể cho mọi người lao động. Chỉ có như vậy thì mới có cơ sở vững chắc để quyền làm chủ đó được thực hiện. Đó cũng là nguồn sức mạnh của pháp chế xã hội chủ nghĩa của chúng ta trong giai đoạn cách mạng mới.

(5) Xem báo *Nhân dân* ngày 9-5-1978.

LÀM CHỦ TẬP THỂ LÀ MỤC TIÊU VÀ LỰC ĐẨY CỦA CHUYÊN CHÍNH VÔ SẢN

NGUYỄN-THẾ-PHẦN



LÀM chủ tập thể vừa là mục tiêu lại vừa là lực đẩy (hay sức mạnh) của chuyên chính vô sản, đó là mối liên hệ biện chứng nhân quả giữa chuyên chính vô sản và làm chủ

tập thể. Làm chủ tập thể có được coi là mục tiêu của chuyên chính vô sản thì đến lượt nó mới có thể phát huy tác dụng trở lại như là một lực đẩy của chuyên chính vô sản.

Vậy vì sao làm chủ tập thể phải

được coi là một mục tiêu quan trọng, hàng đầu của chuyên chính vô sản? Theo chúng tôi nghĩ thì có ba lý do chính sau đây:

Lý do thứ nhất. Làm chủ tập thể là một *nguyên vọng sâu xa* của quần chúng lao động. Những người lao động là những người bị áp bức bóc lột thậm tệ trong xã hội cũ. Cho nên họ kiên quyết đi theo Đảng làm cách mạng và không có mong ước gì lớn hơn là được thoát khỏi địa vị người nô lệ làm thuê, và có quyền làm chủ xã hội, làm chủ cuộc sống của mình. Khi đã thoát khỏi cảnh bị áp bức bóc lột rồi, người lao động không phải thích bất cứ kiểu làm chủ nào. Không! Đã từng là nạn nhân của chế độ người bóc lột người, của tình trạng mạnh được, yếu thua, cá lớn nuốt cá bé và đã từng thấm thía bằng mồ hôi nước mắt của mình giá trị to lớn của sự tương trợ và hợp tác trong lao động sản xuất cũng như trong tổ chức đời sống, cho nên người lao động có xu hướng tự nhiên về một chế độ làm chủ tập thể, chứ không phải là làm chủ cá thể, phân ai nấy lo trong xã hội. Bởi vì họ hiểu rằng có làm chủ tập thể thì mới có thể làm lớn, ăn to và mới tránh khỏi cái vòng luẩn quẩn là trở lại con đường làm ăn riêng rẽ dẫn tới sự bóc lột, chen ép và thanh toán lẫn nhau.

Làm chủ tập thể còn là một *nguyên vọng nóng bỏng* của người lao động, nó nảy sinh ra hằng ngày trên mọi bình diện của cuộc sống, ở khắp nơi trong suy nghĩ cũng như trong hành động. Người lao động chán chường những cảm ghét những hiện tượng xấu như quan liêu mệnh lệnh, cửa quyền móc ngoặc... mà còn tỏ ra không thích thú với những thái độ như làm thay, nghĩ hộ, v.v. Họ đòi hỏi được tự mình suy nghĩ và sáng tạo, đóng góp và xây dựng, chứ không phải là chỉ biết nghe và biết làm một cách thụ động theo người khác.

Đó là nguồn gốc sâu xa của câu mà

đồng chí Lê-Duẩn đã nói: «Là đảng viên cộng sản mà mỗi ngày, mỗi giờ không nghĩ đến việc thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động thì ngày đó giờ đó mình đã phản bội lại lý tưởng của Đảng và không xứng đáng là đảng viên nữa».

Lý do thứ hai như mọi người đều biết, chuyên chính vô sản có nhiệm vụ lịch sử phải xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội về mọi mặt: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, con người mới xã hội chủ nghĩa, v.v. Nhưng trong tất cả các mặt đó, cái gì là đặc trưng chủ yếu và nổi bật của chủ nghĩa xã hội? Theo chúng tôi nghĩ thì có hai cái, đó là quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động và nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và hiện đại. Nói một cách hình ảnh thì một cái là *nền* của xã hội, tức là tổng hòa của những quan hệ xã hội; còn một cái là *sức* của xã hội, tức là trình độ phát triển của nền kinh tế, nền sản xuất và năng suất lao động của xã hội đó.

So với xã hội phong kiến chẳng hạn thì cả hai đặc trưng nói trên của chủ nghĩa xã hội đều là nổi bật. Nhưng so với xã hội tư bản là xã hội cũng đã có một nền sản xuất lớn, hiện đại thì thiết tưởng cái đặc trưng thứ nhất — quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động mới là cái nổi bật lên và làm cho người ta dễ nhận ra ngay sự khác biệt giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, thậm chí có thể nhận ra ngay trong lúc nền sản xuất của xã hội chưa đạt tới mức sản xuất lớn và hiện đại.

Lý do thứ ba Nói về thực chất của chuyên chính vô sản, có thể có những cách nhấn mạnh khác nhau. Có người cho đó là sự lãnh đạo của Đảng, là bản chất giai cấp của Nhà nước, là một hình thức đặc biệt của liên minh công nông; có người cho đó là Nhà nước của dân, do dân và vì dân, v.v. Nhưng như đồng chí Lê-Duẩn đã chỉ rõ, «thực chất của chuyên chính vô

sản là Đảng lãnh đạo, dân làm chủ, và Đảng lãnh đạo để cho dân làm chủ» (bài nói tại hội nghị nghiên cứu tổ chức bộ máy chính quyền các cấp ở các tỉnh và thành phố miền Nam, tháng 5 năm 1977. Cổ nhiên khái niệm «dân làm chủ» ở đây phải hiểu như đồng chí Lê-Duẩn đã nhiều lần nói là: *làm chủ tập thể của nhân dân lao động mà nông cốt là công nông; làm chủ chủ yếu bằng Nhà nước xã hội chủ nghĩa.*

Đảng lãnh đạo để cho dân làm chủ, và một khi dân đã tự giác đứng lên làm chủ thì chuyên chính vô sản sẽ có nguồn sức mạnh vô tận. Bởi vì như Hồ Chủ tịch đã từng dạy, «Lực lượng bao nhiêu là ở dân hết», và:

«Để trăm lần không dân cũng chịu
Khó vạn lần dân liệu cũng xong».

Nói làm chủ tập thể là thực chất và là nguồn sức mạnh của chuyên chính vô sản cũng có nghĩa là nói: nếu không xây dựng và thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động thì cũng chẳng còn gì là chuyên chính vô sản nữa. Ở đây có sự thống nhất biện chứng giữa nhân và quả: làm chủ tập thể vừa là mục tiêu lại vừa là sức mạnh của chuyên chính vô sản. Cái mục tiêu đó được chuyên chính vô sản thực hiện tới đâu thì nó lại phát huy ngay tác dụng tới đó như là một lực đẩy mới, một sức mạnh mới của chuyên chính vô sản.

Quan điểm về vai trò và sức mạnh của làm chủ tập thể trong chuyên chính vô sản ở nước ta lại càng có ý nghĩa quan trọng đặc biệt. Đó là vì chúng ta phải tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ và chưa có đại công nghiệp cơ khí. Mặt khác, giữ một vị trí đặc biệt quan trọng ở khu vực Đông Nam châu Á nóng bỏng, nước ta lại thường xuyên bị bọn đế quốc và phản động quốc tế bao vây uy hiếp và đánh phá. Cho nên phải phát huy cao độ tính tự giác và chủ

động của con người Việt-nam mới và phải coi *làm chủ tập thể là chỗ dựa cơ bản nhất, quan trọng nhất* để khai thác một tiềm năng to lớn về lao động và tài nguyên thiên nhiên nhằm nhanh chóng xây dựng những cơ sở vật chất kỹ thuật ban đầu của chủ nghĩa xã hội, đồng thời để củng cố vững chắc nền quốc phòng toàn dân và đánh thắng mọi tên xâm lược.

Chúng ta đã, đang và sẽ làm như vậy. Và chúng ta đã có vô số những điển hình tiêu biểu cho sức mạnh và tính ưu việt của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa như:

— *Thanh-hóa và nhiều tỉnh khác ở miền Bắc* do hoàn thành tốt công cuộc hợp tác hóa nông nghiệp cho nên đã từng huy động được hàng chục vạn người đi bộ đội đánh giặc mà vẫn giữ vững, phát triển được sản xuất và ổn định, cải thiện được đời sống nhân dân.

— Các hợp tác xã *Vũ-thắng, Định-công* mặc dù có nhiều khó khăn về đất đai và lao động hơn các nơi khác, nhưng do đảng bộ lãnh đạo đúng và xã viên có ý thức làm chủ tập thể cho nên đã tăng được năng suất và sản lượng lúa, lợn lên gấp bội và tạo ra thể đi lên vừa nhanh, mạnh, vừa vững chắc của sản xuất nông nghiệp.

— *Công trường hồ Kẻ-gỗ* tỉnh Nghệ-tĩnh do vận dụng được sức mạnh làm chủ tập thể trong phạm vi toàn tỉnh đã rút ngắn được gói 2 phần 3 thời hạn thi công mà vẫn bảo đảm được chất lượng của công trình.

— *Tiêu khu Giếng-mút (Hà-nội)* ở giáp nơi chợ búa, đông người qua lại đã giữ gìn được tốt an ninh, trật tự và vệ sinh là do đã phát huy được vai trò người chủ tập thể của nhân dân tiêu khu trong việc xây dựng và thực hiện các quy ước của nhân dân, v.v.

Như đã nêu ở trên, vai trò và sức mạnh làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong xã hội ta thật là to

lớn biết nhường nào ! Trong hàng chục năm qua, vai trò đó rõ ràng ngày càng được mở rộng, củng cố, nâng cao, và sức mạnh đó ngày càng được nhân lên trong mọi lĩnh vực: sản xuất, chiến đấu và tổ chức đời sống. Vai trò và sức mạnh đó chính là nhân tố tạo nên thắng lợi rực rỡ của cách mạng mà nhân dân ta đã đạt được dưới sự lãnh đạo của Đảng ta.

Tuy nhiên cũng phải thừa nhận rằng việc xây dựng chế độ làm chủ tập thể đang được bắt đầu, trước mắt còn nhiều trở ngại ; ở đây chúng tôi muốn nêu bật một số khó khăn do nguyên nhân chủ quan :

— Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam chưa được đầy mạnh đúng mức và cải tạo chưa đi đôi với xây dựng, cho nên ở nhiều địa phương và cơ sở quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động còn chưa được xác lập và củng cố.

— Các tệ nạn như: cửa quyền, tham ô, móc ngoặc, v.v. còn nhiều.

— Các tổ chức cơ sở của Đảng và chính quyền ở nhiều nơi còn yếu kém.

— Các bộ máy và lề lối làm việc của chúng ta nói chung còn quá nặng nề, cồng kềnh và cách biệt với quần chúng. Quyền làm chủ tập thể của quần chúng còn chưa được bảo đảm bằng những chế định và pháp luật cụ thể ; ở những mặt đã có những chế định và pháp luật, thì việc chấp hành không nghiêm và có nhiều trường hợp vi phạm.

Để khắc phục những trở ngại nói trên và phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, chúng ta cần làm tốt những việc sau đây :

Một là, đẩy mạnh công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam và kết hợp chặt chẽ cải tạo với xây dựng, đồng thời tiếp tục củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới ở miền Bắc, để xác lập và củng cố cái nền của chế

độ làm chủ tập thể là quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa. Thông qua các phong trào như : cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, hợp tác hóa nông nghiệp, làm thủy lợi, khai hoang, chống lụt úng, làm nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước, v.v. cần lấy thực tiễn để chứng minh tính ưu việt và sức mạnh của chế độ làm chủ tập thể, đồng thời phê phán những hiện tượng tiêu cực trong xã hội như : bóc lột, đầu cơ tích trữ, buôn gian bán lận, lợi mình, hại người và làm hại cho lợi ích của tập thể, của xã hội, v.v.

Hai là, xây dựng và củng cố thật vững mạnh các tổ chức Đảng và chính quyền ở cơ sở. Bởi vì cơ sở là nơi trực tiếp thi hành các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nơi quần chúng có thể phát huy hay không, nhiều hay ít quyền làm chủ của mình trong đời sống hằng ngày.

Cho nên nếu tổ chức Đảng và chính quyền ở cơ sở mà mạnh thì mọi việc đều tốt và mọi người đều vui vì quyền làm chủ được tôn trọng và thực hiện.

Để xây dựng và củng cố các tổ chức cơ sở, phải chú ý phát hiện, bồi dưỡng và đưa những người ưu tú vào Đảng và đề bạt những cán bộ có năng lực và được quần chúng tin nhiệm vào các cương vị lãnh đạo chủ chốt. Mặt khác, phải kiên quyết sa thải những phần tử cơ hội, xấu, và thường xuyên ngăn ngừa, khắc phục tình trạng lạm quyền. Muốn làm được như vậy thì phải thật sự tin quần chúng, dựa vào quần chúng. Bởi vì quần chúng là đối tượng trực tiếp của sự lãnh đạo và quản lý, quần chúng có nhiều điều kiện để chỉ ra những cái đúng, cái sai trong chính sách và biện pháp, những cái hay, cái dở trong phương pháp công tác và lãnh đạo, những người tốt, kẻ xấu trong đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Ba là, cải tiến bộ máy lãnh đạo và quản lý, đi đôi với sửa đổi lề lối làm

việc. Muốn vậy, phải cắt bỏ những bộ phận thừa và những khâu trung gian không cần thiết, đi đôi với việc xem xét và sắp xếp lại đội ngũ cán bộ để làm cho bộ máy được gọn nhẹ và có hiệu lực, gần gũi mật thiết với quần chúng lao động và được quần chúng trực tiếp kiểm tra, xây dựng. Làm cho mỗi cán bộ lãnh đạo và quản lý đều có tác phong khẩn trương, linh hoạt, đi sâu, đi sát quần chúng, nắm vững được vấn đề cần giải quyết, dám làm và chịu trách nhiệm trước quần chúng. Phải chống thói làm ăn lề mề, chậm chạp tắc trách và bệnh quan liêu mệnh lệnh coi thường quần chúng.

Bốn là, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa và công tác kiểm tra của Đảng và Nhà nước. Cụ thể là:

— Bổ sung và hoàn chỉnh dần hệ thống pháp luật, nhất là pháp luật

về kinh tế và làm cho mọi quyền lợi, nghĩa vụ của công dân đều có những chế định, quy tắc và pháp luật bảo đảm. Ai vi phạm thì sẽ bị kỷ luật. Cơ quan Đảng và Nhà nước thì lại càng phải làm việc có quy chế chặt chẽ, thật sự tôn trọng quyền làm chủ tập thể của quần chúng lao động và nếu vi phạm thì sẽ bị kỷ luật nặng hơn người khác.

— Tăng cường công tác kiểm tra và thanh tra của Đảng, của Nhà nước và nhân dân, nhất là kiểm tra « từ dưới lên » để làm cho việc chấp hành pháp luật được nghiêm chỉnh và thống nhất trong cả nước và trong toàn xã hội.

— Kiên quyết ngăn chặn và khắc phục các tệ nạn như quan liêu, hách dịch, cửa quyền, tham ô, lợi dụng và mọi hành động vi phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân.

THỰC HIỆN QUYỀN LÀM CHỦ TẬP THỂ Ở TRƯỜNG BÁC-LÝ

PHÙNG-HUY-TRIỂN

Dể phần đầu xây dựng trường học tiên tiến, chúng tôi rất coi trọng việc nâng cao ý thức và phát huy năng lực làm chủ tập thể của mỗi giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh.

Làm chủ tập thể trong xây dựng và quản lý nhà trường.

Trước hết, chúng tôi giáo dục cho học sinh tinh cảm yêu mến, chăm lo xây dựng, bảo quản trường lớp: yêu

ngôi trường khang trang, bề thế được những người đi trước hết lòng gìn giữ; yêu từng căn phòng mái lá gọn gàng, ngăn nắp; yêu hàng cây cổ thụ trang nghiêm; yêu từng ô cửa kính đêm đêm sáng ánh đèn; yêu từng luống đất, hàng cây trong vườn trường; yêu phong truyền thống nổi tiếng... Chúng tôi, người trước truyền cho người sau biết mỗi hiện vật của nhà trường đều có lịch sử, có đời sống riêng của nó và chứa đựng bao tâm

tư, công sức của các thế hệ giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh. Từ những tập giáo án soạn công phu đến những đồ dùng giảng dạy kết tinh bao suy nghĩ, tìm tòi, từ các loài cây, loại hoa của nhiều miền đất nước do học sinh cũ gửi về, đến những tủ sách, giá treo bản đồ của cha mẹ học sinh trao tặng, v.v. tất cả đều khiến cho mỗi người thấy mình phải sống sao cho xứng đáng với sự chăm sóc của Đảng và nhân dân, với lớp người đi trước, phải sống với tinh thần « Tất cả vì học sinh thân yêu ».

Chúng tôi tạo điều kiện để mỗi giáo viên, bằng lao động của mình, góp phần làm cho cơ ngơi này ngày càng đẹp hơn : vườn chuối, hàng xoan, bầy lợn, đàn chim, ao cá, mảnh ruộng, nhà ăn, giếng nước... đều được các giáo viên chia nhau chăm sóc. Những ngày chống Mỹ, cứu nước nhà trường phải sơ tán nhưng vườn sinh vật vẫn được giáo viên chăm bón đều đặn : từng ô cửa thảo gở đem đi cất giấu đều được thống kê, đánh dấu để ngày trở về lắp lại dễ dàng. Ngày hè, ngày lễ, ngày tết, không buổi nào nhà trường vắng bóng các giáo viên. Có những giáo viên ở cách trường 5 đến 10km đang nghỉ hè, nghe tin bão suốt đêm chống bão, giữ gìn an toàn cơ sở vật chất của nhà trường.

Phần lớn giáo viên Bắc-ly đã thật sự bằng hành động làm chủ tập thể của mình mà rèn luyện ý thức làm chủ tập thể cho học sinh và cha mẹ học sinh. Do yêu mến thiết tha và gắn bó sâu sắc với nhà trường, các em học sinh coi những lời khuyên bảo, những yêu cầu của nhà trường là những điều tâm đắc. Học sinh Phú-khê trong những ngày hè đang dang đã tự nguyện đem gà, thỏ của nhà trường về nuôi và đến năm học mới đem giao đầy đủ cả bầy đàn đã sinh sôi gấp hai, gấp ba lần. Học sinh Đức-ly chở cả bầy lợn về thôn chăm sóc trong những ngày nghỉ, góp phần cho

nhà trường vay để lợn có ăn đủ định lượng. Không thể kể hết những trường hợp các em học sinh tự giác chăm sóc, bảo vệ tài sản của nhà trường với tư cách là những người chủ tập thể.

Ý thức làm chủ tập thể, tinh thần trách nhiệm rất cao đối với nhà trường của đông đảo cha mẹ học sinh và nhân dân địa phương là một thế mạnh của trường Bắc-ly. Thấm nhuần mục đích giáo dục, tin yêu và kính trọng các thầy giáo, cô giáo, nhân dân và cha mẹ học sinh Bắc-ly coi trường học là của chính mình, tích cực tham gia xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường như phóng đọc sách, phòng thí nghiệm, phòng học bộ môn, xưởng trường...

Chúng tôi coi trọng việc bàn bạc rộng rãi với cha mẹ học sinh và nhân dân địa phương mỗi khi dự định xây dựng hoặc sửa sang cơ sở vật chất của nhà trường, cho nên nhiều người đã lo toan công việc của nhà trường với tư cách là người trong cuộc. Có người, hàng tháng trời gác việc nhà để lo việc xây dựng trường lớp. Nhiều người không có con cháu học ở trường song hằng năm vẫn tham gia sinh hoạt và hoạt động trong Hội cha mẹ học sinh, vẫn góp công xây dựng nhà trường. Hằng năm, trước ngày khai giảng, các tổ cha mẹ học sinh đều chủ động họp bàn việc sửa chữa trường lớp, nơi ăn ở của giáo viên, con đường, hàng cây, v.v. để đón khách.

Vài ba năm một lần, chúng tôi tổ chức hội trường định kỳ để kể ở người đi, thế hệ trước, thế hệ sau, thầy trò, cha mẹ, bầu bạn có dịp tiếp xúc rộng rãi, báo công và mừng công cho nhau. Nhiều cuộc gặp gỡ rất cảm động. Có gia đình cả bốn cha con đều về dự hội trường (hai thế hệ học sinh). Có thầy giáo trong ngày đó gặp lại ba, bốn thế hệ học sinh. Ở những hội trường định kỳ này, gặp lại những khuôn mặt thân yêu từ mọi cương vị

công tác trở về, ai cũng xúc động, tự hào về trường Bắc-lý, về sự nghiệp giáo dục mà mình đã và đang góp phần xây dựng.

Làm chủ tập thể trong việc dạy và học.

Giáo viên Bắc-lý tập trung mọi suy nghĩ vào việc thực hiện lý tưởng cao cả «Đào tạo thế hệ trẻ thành người lao động mới...», dồn hết nhiệt tình, sự say mê và sáng tạo vào công tác của mình. Truyền thống dạy tốt học tốt của trường, nhất là những tấm gương thầy trò tiêu biểu cho «Hai tốt» đều được kể lại giản dị, tự nhiên nhưng hết sức thấm thía, trong những tối tâm sự, qua những trang nhật ký hay những vật kỷ niệm. Phát huy truyền thống ấy, học tập những gương sáng ấy, các giáo viên Bắc-lý đều phấn đấu để biết nhiều việc, chuyên sâu một việc, say mê làm việc với tác phong của người nghiên cứu khoa học, «lăn lộn» như một cán bộ quân chủng. Hiện nay, nhiều giáo viên đang miệt mài xây dựng những phòng học bộ môn đặt yêu cầu về khoa học như phòng học địa lý, sinh vật, vật lý, lịch sử... Có người là giáo viên văn hóa cũng tự nguyện nghiên cứu xây dựng và chỉ đạo hoạt động của xưởng mộc, xưởng cơ khí, học máy nò, máy chiếu phim để phục vụ việc cải tiến và nâng cao chất lượng dạy và học.

Chúng tôi chú ý nâng cao năng lực của mọi người, làm cho ai nấy đều thấy mình có thể tiến bộ nhanh về nghiệp vụ giữa một tập thể cộng đồng trách nhiệm cao. *Có năng lực chuyên môn thì mới làm chủ tốt. Tự thấy mình có vị trí không thể thiếu được trong guồng máy chung mới có sức bật.* Vì vậy, chúng tôi yêu cầu mọi người tự đánh giá đúng được mặt mạnh, mặt yếu của mình và luôn luôn có ý thức phấn đấu vươn lên, vượt qua mọi phân vân, do dự, e ngại trong việc học

tập, giúp đỡ nhau về tay nghề giữa mới và cũ, giữa các đồng chí được đào tạo chính quy và không chính quy, giữa khối cấp I và khối cấp II. Qua việc tự bồi dưỡng, học tập lẫn nhau trong những nhóm chuyên môn, trao đổi kinh nghiệm và sáng kiến, đù dặt nhau trong từng giáo án, từng giờ lên lớp, hầu hết giáo viên Bắc-lý từ chỗ hiểu đúng mình, đúng bạn, đã chủ động tích cực thi đua giúp nhau làm chủ nghiệp vụ, làm chủ khoa học giáo dục.

Kế hoạch năm học của nhà trường và của từng bộ phận cũng đều do toàn thể giáo viên tham gia xây dựng. Mọi người đều cảm thấy mỗi việc mình làm là do chính mình nghĩ và nêu ra. Do đó, mỗi người, kể cả những giáo viên mới về Bắc-lý không lâu, đều có phong cách làm việc chủ động, tự giác, sáng tạo.

Các hội nghị công nhân viên chức, hội nghị sơ kết học kỳ đã tạo điều kiện cho mọi người kiểm tra, phê bình sự chỉ đạo của nhà trường và giúp đỡ lẫn nhau. Tình cảm chân thành của tập thể đối với mỗi cá nhân, quan hệ đồng chí, đồng nghiệp thẳng thắn, cởi mở, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau đã tạo nên nếp sống thoải mái và có trách nhiệm.

Chúng tôi quan tâm không chỉ đến công tác mà cả đời sống riêng của nhau. Đặc biệt, chúng tôi rất chú ý đến việc học hành của con em giáo viên, gửi thư liên hệ với các thầy, cô giáo của các cháu là con em giáo viên Bắc-lý đang học ở quê nhà, hay nơi khác. Điều đó càng làm cho anh chị em giáo viên Bắc-lý yên lòng, càng gắn bó với trường.

Bắc lý cũng hết sức coi trọng việc xây dựng, bồi dưỡng ý thức chủ động trong học tập, tu dưỡng, rèn luyện học sinh, làm cho các em biết tự quản lý lấy mình và mọi hoạt động học tập. Chúng tôi giảng cho các em hiểu người có tinh thần làm chủ bản thân mình là

người tự giác trong lao động, học tập, độc lập suy nghĩ, trung thực trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình. Chúng tôi nêu gương những em biết tự mình vạch đề cương học các môn, định chương trình tự rèn luyện và học tập, giúp đỡ tập thể cùng tiến bộ. Ở Bắc-lý, thái độ trung thực trong học tập, thi cử và sinh hoạt đã trở thành truyền thống và niềm tự hào chung của các em. Trong hầu hết các giờ học, học sinh Bắc-lý biết phối hợp nhịp nhàng với thầy: tập trung nghe giảng, phát biểu ý kiến, tranh luận với bạn, với thầy về các vấn đề khoa học với thái độ thẳng thắn, đúng mức, cầu tiến bộ.

Chúng tôi đề cho học sinh quản lý lấy sinh hoạt tập thể của mình dưới sự hướng dẫn, giúp đỡ của thầy giáo và ban phụ trách. Hằng tuần, các em tự đánh giá và xếp loại trước toàn trường. Những hành vi xấu, những biểu hiện kém tổ chức, kỷ luật đều được tập thể các em xem xét và đề nghị biện pháp giải quyết.

Do nhận rõ quyền lợi và nhiệm vụ học tập của mình cho nên các em có thái độ mạnh dạn, nhận xét và đưa ra những yêu cầu, đề nghị thẳng thắn và đúng mức đối với các thầy, cô giáo. Nhiều giáo viên chúng tôi đã rút được những bài học bổ ích từ những lời nhận xét và đề nghị của học sinh.

Ở ngoài nhà trường, ý thức làm chủ của các em học sinh Bắc-lý biểu hiện khá rõ ràng trong những tổ chức và hoạt động của Đội thiếu niên « học tốt, làm tốt ». Ngày hè cũng như trong năm học, các em đều theo đúng lịch học tập và chế độ học tập ở từng tổ, nhóm, có trao đổi, đôn đốc lẫn nhau, có phê bình giúp đỡ lẫn nhau. Hầu hết các đội đều bảo đảm nội dung hoạt động dưới sự hướng dẫn của đội trưởng. Các em đã ra trường và các em đang học còn biết tổ chức

nhau lại đề cùng lao động ở địa phương. Lớp trước hướng dẫn, giúp đỡ, rèn luyện lớp sau. Cứ như vậy, các em trưởng thành trong cuộc sống như ở một trường học thứ hai.

Cha mẹ học sinh và nhân dân nói chung — « nhân vật thứ ba » của nhà trường chúng tôi — chẳng những chủ động, tích cực xây dựng cơ sở vật chất của trường mà còn thật sự góp phần vào việc dạy và học của nhà trường. Một học sinh của một thôn nào đó chưa ngoan, cả tập thể cha mẹ học sinh thôn ấy đều lo lắng, họp bàn với nhà trường tìm cách giúp đỡ ngay. Những việc làm như vậy tác động sâu sắc đến tâm lý, tình cảm của mọi gia đình.

Cha mẹ học sinh Bắc-lý coi việc thực hiện các yêu cầu giáo dục của nhà trường là một lẽ phải, là đạo lý cho nên không bao giờ khước từ, né tránh. Mỗi gia đình học sinh Bắc-lý đều có nền nếp tổ chức học tập cho con em mình như làm góc học tập, quy định giờ học, bố trí công việc, giữ trật tự trong giờ học và đôn đốc con em thực hiện nội quy học tập. Các tổ cha mẹ học sinh ở các thôn đều cử người đánh trống (trường, kiểm tra từng em ở nhà và hằng tháng đều báo cáo cho nhà trường biết về tinh thần và thái độ học tập ở nhà của từng em. Cha mẹ học sinh cũng là người tổ chức, hướng dẫn các em lao động tập thể.



Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Nhận thức như vậy, chúng tôi kiên trì phát huy quyền làm chủ tập thể của mọi lực lượng trong và ngoài nhà trường để phục vụ cho sự nghiệp giáo dục ở địa phương. Đó là một trong những kinh nghiệm thành công quan trọng quý báu của trường Bắc-lý chúng tôi.

CHÚNG HOÀN TOÀN KHÔNG CÓ TƯ CÁCH NÓI VỀ QUYỀN CON NGƯỜI !

ĐỖ-XUÂN-SÁNG



GẤY 10 tháng 12 năm 1978 là ngày kỷ niệm lần thứ 30 Liên hợp quốc thông qua Tuyên ngôn thế giới về quyền con người (10-12-1948). Nhân dịp này bọn phản động khuê chương gổ mõ, nhỏ nước mắt cá sấu về cái gọi là sự vi phạm quyền con người ở một số nước xã hội chủ nghĩa trong đó có nước ta. Nhưng sự thật vẫn là sự thật. Sự thật về lịch sử quyền con người, về bản tuyên ngôn ngày 10 tháng 12 năm 1948 và các văn bản pháp lý quốc tế được ký kết sau năm 1918, nhất là sự thật về tình trạng quyền con người bị chủ nghĩa đế quốc chà đạp, sự thật về quyền con người được tôn trọng dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, những sự thật ấy lột trần âm mưu đen tối của những kẻ cố ý xuyên tạc sự thật.

LỊCH SỬ QUYỀN CON NGƯỜI

Quyền cơ bản của con người tức là quyền sống nảy sinh trong quan hệ giữa người với người. Nhưng trong lịch sử không phải mọi người đều được hưởng quyền con người.

Các nhà pháp lý La-mã cách đây 2000 năm đã phân tích nô lệ là một vật (res) có thể bị chủ nô tùy tiện hành hạ hoặc giết, chỉ có người tự do mới là người (persona), chỉ có các chủ nô mới có quyền làm người. Dưới thời phong kiến, người nô lệ trở thành nông nô, có quyền sống và

hưởng một phần hoa lợi đất đai mình canh tác, nhưng bị phụ thuộc vào chúa đất, phải nộp tô thuế và di linh cho chúa đất. Quyền con người trong màn đêm phong kiến chỉ là quyền con người của địa chủ phong kiến nằm trong tay tư liệu sản xuất chủ yếu là ruộng đất.

Để phát triển chủ nghĩa tư bản, giai cấp tư sản không thể không đấu tranh xóa bỏ các quan hệ sản xuất phong kiến. Họ chỉ là một thiểu số cho nên họ phải vận động, lôi kéo các tầng lớp nhân dân đông đảo đi theo họ bằng cách đưa ra những lý thuyết và những khẩu hiệu về quyền con người.

Lý thuyết đó đã được thể hiện trong hai văn bản *Tuyên ngôn độc lập* của Hoa-kỳ năm 1776 và *Tuyên ngôn về quyền con người và quyền người dân* của cách mạng tư sản Pháp năm 1789. *Tuyên ngôn độc lập* của Hoa-kỳ mở đầu bằng câu: « Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc ».

Tuyên ngôn về quyền con người và quyền người dân của Pháp cũng khẳng định trong điều 1:

« Mọi con người sinh ra sống tự do và bình quyền. Mọi sự phân biệt trong xã hội chỉ có thể dựa trên cơ sở lợi ích chung ».

Điều 2 nói thêm: « Mục đích của mọi tổ hợp xã hội là sự bảo vệ các quyền tự nhiên không thể tiêu diệt của con người. Các quyền đó là: quyền tự do, quyền sở hữu tài sản, quyền an ninh và quyền chống áp bức ».

Hai bản Tuyên ngôn đã đánh dấu một thời đại tư tưởng mới của loài người. « Giai cấp tư sản đã đóng một vai trò cách mạng phi thường trong lịch sử » (1). Nhưng cách mạng tư sản chỉ thay đổi một phương thức bóc lột cũ (địa tô) bằng một phương thức bóc lột mới (giá trị thặng dư). Người công nhân là nô lệ kiểu mới, chỉ có quyền bán sức lao động của mình để làm giàu cho nhà tư bản và quyền tự do thất nghiệp, nghèo khổ! Như vậy, quyền gọi là « mưu cầu hạnh phúc » chỉ thuộc về giai cấp tư sản, hay nói cho đúng hơn về những người tư sản chưa bị phá sản trong cuộc cạnh tranh cá lớn nuốt cá bé của xã hội tư bản chủ nghĩa.

Mác đã viết rằng nhân tố cơ bản của quyền con người tư sản là bảo vệ quyền tư hữu tài sản được nguy trang như quyền giành tự do của con người. Nhưng trên thực tế, quyền của con người giành tự do chỉ là quyền tư hữu tài sản, quyền ích kỷ.

Chế độ nô lệ vẫn tồn tại ở Hoa-kỳ cho đến cuộc nội chiến Nam - Bắc (1861 - 1865), và nạn nghèo đói, thất nghiệp, tệ phân biệt chủng tộc, v.v. thì còn mãi đến nay. Nước Pháp tư bản đưa quân viễn chinh sang Goa-đơ-lúp và đã nhanh chóng trở thành một nước đế quốc, chinh phục châu Âu không được thì đi chiếm thuộc địa ở châu Phi và châu Á, chà đạp lên quyền làm người và quyền chống áp bức của người nước khác! Từ tự do cạnh tranh đến độc quyền, chủ nghĩa tư bản ngày càng phản bội trắng trợn những lý tưởng tốt đẹp về quyền con người, hạn chế tự do ở nước mình và đi tước đoạt tự do của các dân tộc khác. Chủ nghĩa đế quốc đã gây ra

hàng trăm cuộc chiến tranh, trong đó riêng chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) và chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945) đã giết và làm bị thương, tàn phế hàng chục triệu người. Chủ nghĩa đế quốc là vô nhân đạo. Nó hoàn toàn không có tư cách để nói về quyền con người. Những tên đầu sỏ của chủ nghĩa đế quốc Pháp và Mỹ đã không làm thất bại được nhân dân Việt-nam bằng tàn sát, tù đày, chính sách ngu dân, v.v. hàng thế kỷ nay là những kẻ phải chịu trách nhiệm về những thử thách ghê gớm mà nhân dân ta hiện còn phải gánh chịu, chúng càng hoàn toàn không có tư cách để nói về quyền con người. Cả thế giới đều biết rõ: những kẻ đang hàng hải thúc đẩy chiến dịch vu cáo Việt-nam, nhân danh quyền con người, lại chính là những kẻ đã hai lần gây ra cuộc chiến tranh tàn bạo chống nhân dân Việt-nam. Chỉ riêng việc Ních-xơn lên đài truyền hình Pháp nói về quyền con người đã là một sự sỉ nhục đối với con người.

NGỌN CỜ ĐẤU TRANH CHO QUYỀN CON NGƯỜI TỪ LÂU ĐÃ THUỘC VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Chỉ có quyền con người thật sự khi Tổ quốc được độc lập tự do và mọi tư liệu sản xuất đều thuộc về nhân dân lao động. Ngọn cờ quyền con người là ngọn cờ của chủ nghĩa xã hội khoa học và chỉ của chủ nghĩa xã hội khoa học mà thôi.

Ngay sau khi Cách mạng tháng Mười Nga thành công, chính quyền xô-viết, đứng đầu là Lê-nin, đã ra hai sắc lệnh nổi tiếng là sắc lệnh về ruộng đất và sắc lệnh về hòa bình. Các nhà máy từ ngày đầu đã về tay giai cấp công nhân và trở thành những

(1) C. Mác và F. Ăng-ghe-n: « Tuyên ngôn của Đảng cộng sản », Tuyên tập, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1962, tập 1, trang 21.

cơ sở cách mạng. Chính quyền xô-viết, thực hiện chuyên chính vô sản, đã đập tan âm mưu phá hoại và can thiệp của chủ nghĩa đế quốc. Các Hiến pháp xô-viết dần tiến đã khẳng định quyền lợi rộng rãi của con người bao gồm các quyền về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, quyền tự do thân thể, tự do ngôn luận, tự do lập hội, v.v. Hiến pháp Liên-xô năm 1936 thừa nhận quyền bầu cử của mọi công dân Liên-xô đủ 18 tuổi và quyền cử vào Xô-viết tối cao cho mọi công dân Liên-xô đủ 28 tuổi. Công dân Liên-xô được Nhà nước bảo đảm thực hiện đầy đủ các quyền lợi rộng rãi của mình.

Liên-xô, nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên, không những thừa nhận và bảo đảm thực hiện quyền con người thật sự trong nước mà còn góp phần đẩy mạnh cuộc đấu tranh cho quyền con người ở các nước khác bằng ảnh hưởng và tấm gương của mình và bằng cách đánh quy bọn phát-xít Đức-Ý-Nhật muốn phủ định quyền sống của các dân tộc khác.

Chiến tranh đế quốc và cái gọi là quyền chiến tranh (jus belli) của các nước đế quốc đã bị đặt ra ngoài vòng pháp luật, theo phán quyết của tòa án quân sự quốc tế Nu-rem-be, các nhà cầm quyền phải chịu trách nhiệm về những tội ác chiến tranh do những kẻ thừa hành là quân nhân hoặc nhân viên dân sự của họ gây nên.

Sau khi nước Đức quốc xã đầu hàng không điều kiện, tại Hội nghị Xan Phơ-ran-xi-xơ tháng 6 năm 1945, đoàn đại biểu Liên-xô đã bổ sung khoản 3 của điều 1 về hợp tác quốc tế như sau:

« Thực hiện hợp tác quốc tế bằng cách giải quyết các vấn đề quốc tế thuộc về loại kinh tế, xã hội, văn hóa hoặc nhân đạo, bằng cách phát triển và khuyến khích sự tôn trọng các quyền của con người và các quyền tự do cơ bản đối với mọi người, không phân biệt chủng tộc, nam nữ, ngôn ngữ và tôn giáo ».

Mặc dù Hội nghị Xan Phơ-ran-xi-xơ không quy định quyền con người là gì, điều 55 của Hiến chương Liên hợp quốc, do ảnh hưởng của Liên-xô, cũng đã nói tới các quyền xã hội, kinh tế và văn hóa như sau:

« Đề tạo ra những điều kiện ổn định và đời sống sung túc cần thiết cho sự bảo đảm các quan hệ hòa bình và hữu nghị giữa các nước, trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc bình quyền về quyền tự quyết của các dân tộc. Liên hợp quốc sẽ khuyến khích:

a) Sự nâng cao các mức sống, tạo đầy đủ việc làm và các điều kiện tiên bộ và phát triển trong lĩnh vực kinh tế và xã hội.

b) Sự giải quyết các vấn đề quốc tế trong lĩnh vực kinh tế, xã hội, sức khỏe công cộng với những vấn đề có liên quan chặt chẽ, và sự hợp tác quốc tế trong lĩnh vực văn hóa hoặc tôn giáo.

c) Sự tôn trọng của cả thế giới, có tính thiết thực đối với các quyền của con người và các quyền tự do cơ bản của mọi người, không phân biệt chủng tộc, nam nữ, ngôn ngữ hoặc tôn giáo.

Nhưng phải tới hơn ba năm sau mới có một văn bản thừa nhận một cách cụ thể các quyền của con người, đó là bản Tuyên ngôn thế giới về quyền con người do Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua ngày 10 tháng 12 năm 1948.

Lời nói đầu trình bày văn bản này ra đời là xuất phát từ sự thừa nhận phẩm chất cố hữu của tất cả các con người trong gia đình nhân loại và những quyền bình đẳng không thể nhượng lại được của họ — đó là nền tảng của tự do, công lý và hòa bình thế giới. Văn bản này nói đến sự cần thiết phải bảo vệ những quyền của con người bằng một chế độ pháp lý để người ta khỏi bắt buộc phải dùng đến sự cứu vãn cuối cùng là vùng dậy chống chuyên chế và áp bức ».

Nội dung của bản Tuyên ngôn thế giới về quyền con người bao gồm các quyền chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa và các quyền tự do rộng rãi. Đặc biệt điều 22 ghi: « Mọi người đều có quyền hưởng an ninh xã hội, hưởng một cách chính đáng những quyền lợi về kinh tế, xã hội và văn hóa cần thiết cho phẩm cách của mình và cho sự tự do phát triển về nhân cách, v.v. »

Điều 23 nêu « quyền có việc làm, quyền tự do lựa chọn công việc, quyền được hưởng những điều kiện công bằng và thỏa đáng về lao động và được bảo vệ khỏi nạn thất nghiệp ».

Sau khi thông qua Tuyên ngôn, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã nhắc nhở các nước hội viên « làm thế nào cho văn bản ấy được phân phối, niêm yết, đọc và bình luận, nhất là ở các trường học và các cơ quan giáo dục khác, không có sự phân biệt do quy chế chính trị của các nước hay lãnh thổ ».

Tuy nhiên, bản tuyên ngôn thế giới về quyền con người này chỉ có *giá trị pháp lý hình thức, không có giá trị pháp lý bắt buộc*. Các nước phương Tây nói một cách trắng trợn rằng họ coi sự bảo đảm các quyền kinh tế — xã hội cơ bản như quyền có việc làm, được bảo hiểm xã hội, được học tập, là không thể chấp nhận được.

Nếu không có những sự kiện lớn xảy ra như sự hình thành và lớn mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa, các thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc và sự phát triển của phong trào đấu tranh cho dân chủ và hòa bình ở các nước tư bản chủ nghĩa, tức là nếu không có ba dòng thác cách mạng của thời đại ảnh hưởng ngay đến thành phần Liên hợp quốc thì mọi cố gắng xây dựng công ước về quyền con người cũng đều không thể đạt kết quả. Do các thắng lợi của phong trào nhân dân thế giới, ngày 16 tháng 11 năm 1966, mười tám năm

sau khi Tuyên ngôn thế giới về quyền con người được thông qua, Liên hợp quốc đã ra được công ước về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa và một công ước thứ hai về quyền người dân và quyền chính trị. Nhưng theo cách làm việc của Liên hợp quốc, thông qua công ước là một việc và áp dụng nó lại là một việc khác.

Theo điều 27 của công ước về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, công ước sẽ chỉ có hiệu lực ba tháng sau khi Ban thư ký Liên hợp quốc nhận được văn bản thứ 35 của các nước phê chuẩn hoặc phủ nhận công ước. Đến ngày 3 tháng 1 năm 1976, mười năm sau, công ước mới có hiệu lực do sự phê chuẩn và gia nhập của 16 nước, trong đó có Liên-xô, và các nước xã hội chủ nghĩa khác. Cũng vì phải theo thủ tục tương tự, đến tháng ba năm 1976, công ước về quyền người dân và quyền chính trị mới có hiệu lực do sự phê chuẩn và gia nhập của 44 nước, trong đó có Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Thật không có gì lạ khi Mỹ không chịu phê chuẩn hai công ước này. Bởi vì ở nước Mỹ đứng đầu « thế giới tự do » có tám triệu người thất nghiệp, hàng triệu người chưa thoát nạn mù chữ và 24 triệu người Mỹ da đen vẫn còn bị phân biệt đối xử về mặt này hay mặt khác ở ngay xứ sở họ.

Pháp, Ý và I-xra-en cũng không chịu tham gia hai công ước nói trên. Nhà luật học Mỹ E. Oa-ren, nguyên chánh án tòa án tối cao Hoa-kỳ, đã phê phán thái độ của Hoa-kỳ và các nước phương Tây khác không chịu tham gia các công ước quốc tế về quyền con người, là « không những đáng buồn, mà còn đáng xấu hổ »! (2)

Cùng với Liên-xô, các nước xã hội chủ nghĩa khác đã được thực hiện

(2) E. Oa-ren : *Đã đến lúc phải thi hành Tuyên ngôn về quyền con người*, Tạp chí của Hội luật sư Mỹ, số tháng 11-1975, tập 159, trang 1257 — 1260.

đúng đắn và ngày càng đầy đủ quyền con người. Thực tế cho thấy rõ ràng, chỉ có chủ nghĩa xã hội mới thật sự tôn trọng, đấu tranh kiên quyết và bền bỉ cho quyền con người được thực hiện trong mỗi nước và trên phạm vi thế giới.

SỰ THẬT HOÀN TOÀN BÁC BỎ NHỮNG LỜI VU CẢO

Dân tộc Việt-nam đã đấu tranh bảo vệ quyền sống và quyền làm người của mình trên 4000 năm lịch sử và nhất là trong những năm chống hai đế quốc to là Pháp và Mỹ. Vì độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội, chúng ta đã không ngại gian khổ, không sợ hy sinh, nỗ lực vừa kháng chiến, vừa xây dựng Tổ quốc. Thắng lợi lớn lao của nhân dân ta không những làm rạng rỡ non sông đất nước ta, mà còn đóng góp tích cực vào phong trào cách mạng trên thế giới.

Sau đại thắng mùa xuân năm 1975, đất nước ta đã thống nhất về mọi mặt và trở thành nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam. Đại hội lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam đã vạch ra đường lối cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội trên cơ sở năm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa là xây dựng một xã hội trong đó nhân dân lao động có tổ chức "làm chủ về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân, làm chủ trong phạm vi cả nước, trong mỗi địa phương, mỗi cơ sở. Quyền làm chủ tập thể bao gồm quyền tự do chân chính của cá nhân" (3)

Giữa lúc nhân dân ta đang cố gắng khắc phục những hậu quả nặng nề của 30 năm chiến tranh xâm lược của đế quốc, xây dựng xã hội mới thì, phối hợp với những mưu đồ đen tối của bọn phản động Trung-quốc đối

với nhân dân ta, phối hợp với những tàn phá của thiên tai trên đất nước ta từ một số nước đế quốc, nhất là ở Mỹ và ở Pháp, những kẻ đã không đánh bại được Việt-nam bằng vũ lực lại tung ra chiến dịch vu cáo Việt-nam vi phạm các quyền của con người!

Nhưng sự thật như thế nào?

Quyền con người ở Việt-nam được Nhà nước bảo đảm trước hết là quyền được sống trong một nước độc lập tự do, được làm việc, được hưởng những thành quả lao động của mình, không bị bóc lột, được học hành, được chữa bệnh, được bình đẳng giữa nam và nữ, giữa các dân tộc... được sống trong tình thương yêu đùm bọc lẫn nhau, v.v. Về những quyền cơ bản đó của con người, những kẻ vu cáo Việt-nam không dám nói đến vì họ biết hơn ai hết ở phía họ có cái gì và không có cái gì, họ cũng không muốn lấy tay mình và vào miệng mình. Họ bèn lu loa quanh mây vấn đề như « nạn kiều », sĩ quan ngục và người di tản.

« Nạn kiều » ư? Không có kiều dân của nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa ở Việt-nam mà chỉ có những Hoa kiều mang hộ chiếu Đài-loan, Ma-ca-o, Hương-cảng, Ma-lai-xi-a và những Hoa kiều từ Cam-pu-chia chạy nạn sang ta lánh nạn ở Việt-nam.

Những Hoa kiều mang hộ chiếu các nước khác nhau đó được đối xử như các ngoại kiều khác theo một chính sách đúng đắn và nhân đạo.

Những Hoa kiều từ Cam-pu-chia chạy sang lánh nạn đã được Chính phủ và nhân dân ta cho phép cư trú và giúp đỡ sinh sống.

Những người mà nhà cầm quyền Bắc-kinh gọi là nạn kiều, thật sự đều là những người Hoa công dân Việt-nam, những người thuộc các dân tộc

(3) *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 20.

thiếu số ở biên giới Việt-Trung mang quốc tịch Việt-nam bị họ đe dọa, dụ dỗ, lôi kéo trốn về Trung-quốc. Chính nhà cầm quyền Bắc-kinh đã vi phạm nghiêm trọng chủ quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam và chúng ta có những chứng cứ rõ ràng không thể chối cãi về việc này.

Những sĩ quan ngụy còn bị giữ lại ở các trại cải tạo ư? Trước khi miền Nam được giải phóng, Mỹ và một số người a dua với Mỹ đã tung tin sẽ có một cuộc «tám màu» nhân viên ngụy quyền và ngụy quân. Đúng là ngụy quân, ngụy quyền đã gây nhiều tội ác và có nợ máu nghiêm trọng với nhân dân ta. Nhưng làm gì có «tám màu» như các nhà tiền tri phương Tây đã dự đoán theo tâm địa của họ. Chính Ca-tơ phải công nhận không hề có một cuộc «tám màu» nào ở miền Nam sau ngày giải phóng.

Chúng ta không trả thù, không giết ai hết, chỉ đòi hỏi ngụy quân, ngụy quyền đền trình diện tại cơ quan có thẩm quyền địa phương và nộp vũ khí. Tuyệt đại đa số trong 1 200 000 ngụy quân và 300 nghìn nhân viên ngụy quyền sau khi làm thủ tục đã trở về với gia đình sống cuộc sống bình thường và lương thiện trong chế độ mới. Những ai thật sự từng thiếu đã được giúp đỡ. Chúng ta chỉ giữ lại số người có chức, có quyền trong bộ máy chiến tranh của chế độ cũ đã phạm những tội nặng nề được cải tạo thành những người Việt-nam có Tổ quốc biết thương yêu noi gương, có ích cho bản thân, cho gia đình và cho xã hội. Qua quá trình giáo dục, những người có tiền bộ đã lần lượt được trả lại tự do, dần dần được khôi phục quyền công dân. Phần lớn trong số đó đã xứng đáng với chính sách khoan hồng của Chính phủ và sự giúp đỡ của đồng bào nơi họ cư trú. Tuy nhiên cũng cần nghiêm khắc vạch rõ rằng bên cạnh những người thật thà hối cải, có những phần tử tiếp tục hành động chống phá cách mạng.

Đối với những phần tử ngoan cố này, chúng ta phải nghiêm khắc xử lý. Hiện nay, chúng ta chỉ còn lại một số rất ít người trước đây đã phạm những tội ác không thể dung thứ để tiếp tục xem xét kỹ lưỡng» (4).

Chỉ cần so sánh với chính sách đối với ngụy quân, ngụy quyền của Chính phủ một nước khác, như chính phủ Đờ Gôn sau ngày nước Pháp được giải phóng chẳng hạn (5), thì thấy rõ chính phủ ta, nhân dân ta đối xử với ngụy quân và nhân viên ngụy quyền nhân đạo biết chừng nào, bởi vì ta tin vào khả năng cải tạo của họ những người nói cho cùng trước đây cũng chỉ là nạn nhân của chế độ thực dân mới Hoa-kỳ.

Về những người di tản ư? Một vài tờ báo Pháp và Mỹ đã làm rùm beng về vấn đề này, nhất là về sự kiện tàu Hải-hồng chở trên 2 000 người di tản sang Ma-lai-xi-a.

Phải chăng những người này đã di tản vì bị đàn áp hoặc sợ bị giết?

Ông Sri-ga-gia-li, Bộ trưởng Bộ nội vụ Ma-lai-xi-a, đã hỏi một số người di tản khỏi Việt-nam và được trả lời rằng họ đi là vì không quen sống cuộc sống ở đây, hoặc là không muốn đi đến các vùng kinh tế mới.

Ông nói: Ma-lai-xi-a không gọi người Việt-nam là dân tị nạn mặc dù họ có thể phù hợp với sự định nghĩa của Liên hợp quốc về tị nạn. Ma-lai-xi-a không thấy có bất kỳ một sự đàn áp nào ở Việt-nam khiến họ phải trốn khỏi đất nước họ cả (6).

(4) Phạm-Văn-Đồng: *Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa Việt-nam*, báo Nhân dân ngày 2-9-1978.

(5) Hàng chục vạn «cô-la-bô» — những người đã cộng tác với Hitler, đã bị bắt và đưa ra xử án, trong số đó có «quốc trưởng» Pétan bị án tù chung thân và «thủ tướng» Laval bị tử hình.

(6) Theo tin Roi-tơ từ Cu-a-la Lam-pơ ngày 2-12-1978.

Cần nói thêm rằng tàu Hải-hồng là một tàu cũ của Ma-lai-xi-a, đã quá tuổi sử dụng, đáng lẽ phải thải làm sắt vụn, nhưng lại được một số Hoa kiều ở Xanh-ga-po và Hơng-căng mua lại, chữa qua loa rồi cho đèn ngoài khơi biển Việt-nam đón chờ những người lên lút đi thuyền từ bờ biển ra. Rõ ràng đây là một tổ chức quốc tế kinh doanh phi pháp của những kẻ buôn người, đáng lẽ phải chịu sự trừng phạt quốc tế.

Phần lớn những người di tản này là người Hoa ở Việt-nam bị lôi kéo vào chiến dịch chống Việt-nam. Một số là ngục quan, nhân viên ngục quyền cũ, những người quen lối sống ăn bám, không thích lao động và một số là người có khó khăn trong đời sống bị dụ dỗ đi đến một nước khác để hồng tìm một đời sống cao hơn.

Chúng ta không hề đuổi họ, không hề gây khó khăn buộc họ phải đi trốn. Nhưng lỗi đầu phải ở chính phủ và nhân dân ta mà chính là do chủ nghĩa đế quốc đã để lại những hậu quả chiến tranh nặng nề, do bọn đế quốc, phản động quốc tế và bè lũ tay sai đã dụ dỗ và tổ chức việc di tản phi pháp này.

Đúng là trong nước ta còn có nhiều khó khăn và cũng có những thiếu sót trong công tác của chính quyền cũng như các đoàn thể. Đó là hậu quả tai hại của chiến tranh đế quốc và là tình trạng không thể tránh khỏi đối với một nước xây dựng chủ nghĩa xã hội từ một nền sản xuất nhỏ, nông nghiệp lạc hậu và trên cơ sở những tàn phá của 30 năm chiến tranh liên tiếp.

Chúng ta hoan nghênh những nhận xét khách quan như của đồng chí Rơ-nê Ăng-đri-ơ trên báo *Nhân đạo*, cơ quan trung ương của Đảng cộng sản Pháp trong số ra ngày 27-11-1978 : « Trong một tình hình như vậy và với một di sản như vậy, đôi khi người ta phạm

những điều bất công. Không như thế, tôi mới ngạc nhiên. Sau 30 năm chiến tranh tàn sát, tra tấn, tù đầy, ai có thể tin rằng tình hình thực tế là sự đơn giản thần kỳ đầy thơ mộng! Chính là trong những khó khăn khủng khiếp mà dân tộc này đang băng bó những vết thương và cố gắng giành hòa bình sau khi đã giành thắng lợi trong chiến tranh ».

Chúng ta thành thật cảm ơn những người đã tôn trọng sự thật, bênh vực sự thật, ủng hộ sự « thử thách trong hòa bình » của nhân dân ta, nhưng không thể không kiên quyết đấu tranh chống những tên phản động có lời lẽ vu cáo, xuyên tạc sắc mùi đồ-la và nhân dân tộc.

Chúng ta cần vạch rõ rằng những kẻ làm âm mưu nhất về vấn đề tôn trọng quyền con người không phải ai khác mà là những kẻ đã và đang điên cuồng chống lại nền độc lập của các dân tộc để duy trì ách thống trị thực dân, chống lại cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới đòi xóa bỏ bất công về kinh tế và thiết lập trật tự kinh tế mới, những kẻ đã và đang chuẩn bị chiến tranh và gây chiến tranh tàn sát nhân dân Việt-nam và nhân dân các nước khác trên thế giới. Chúng ta lên án mọi hành động khủng bố, đàn áp, mọi sự vi phạm về quyền dân sự và chính trị của con người đồng thời cũng kiên quyết chống lại mọi âm mưu và hành động can thiệp vào công việc nội bộ của nước ta cũng như các nước khác.

Cuộc đấu tranh của dân tộc Việt-nam từ bao nhiêu đời nay là cuộc đấu tranh cho quyền sống, quyền làm người của dân tộc mình, đồng thời cũng là cuộc đấu tranh cho quyền con người của tất cả các dân tộc trên thế giới. Vì vậy, cả loài người tiến bộ lại một lần nữa đứng về phía Việt-nam, ủng hộ Việt-nam, làm sáng tỏ chân lý Việt-nam.

LỖ-TẤN BÀN VỀ TÍNH CÁCH CON NGƯỜI CỦA GIAI CẤP THỐNG TRỊ Ở TRUNG-QUỐC

NHẤT - VĂN

Ỗ-TẤN là một nhà văn Trung-quốc nổi tiếng nửa đầu thế kỷ XX — Ông đi sâu vào việc miêu tả và chế giễu tính cách con người của các giai cấp bóc lột thống trị ở Trung-quốc. Trong nhiều năm, kể từ ngày du học Nhật-bản (1903—1909), Lỗ-Tấn đã tìm hiểu cái mà ông gọi là « quốc dân tính » của con người Trung-quốc. Thề rồi đến khi cầm bút viết văn — viết tiểu thuyết hay viết tạp văn — ông thường đem ra phân tích, phê phán. Trong tiểu thuyết, ông cho cái « quốc dân tính » ấy nhập thân vào một nhân vật đã trở thành điển hình, ấy là chú A.Q. ; còn trong tạp văn thì ông khái quát bằng những đại danh từ « chúng ta », « người Trung-quốc chúng ta »...

Phải nói ngay rằng, tuy gọi « quốc dân tính » tức là tính cách của toàn thể quốc dân, nhưng theo cách trình bày của Lỗ-Tấn có thể thấy chủ yếu đó là tính cách của những người « thượng đẳng », ở tầng lớp trên, tức là vua chúa thời phong kiến, bọn quân phiệt, bọn văn sĩ tự xưng là « chính nhân quân tử », chứ không phải của các tầng lớp

dưới, của nhân dân lao động. Nếu như người thuộc tầng lớp dưới của xã hội Trung-quốc cũng có những tính cách ấy thì đó là do họ nhiễm phải nọc độc của các tầng lớp trên, chứ không phải bản thân họ vốn như thế. Các tầng lớp trên nắm thực quyền trong tay, thường vỗ ngực tự xưng là đại diện cho người Trung-quốc. Và « người Trung-quốc » mà Lỗ-Tấn nói ở đây chính là tầng lớp « thượng đẳng ấy. » Trong xã hội có giai cấp, « quốc dân tính » chính thống là « quốc dân tính » của giai cấp thống trị.

Trong A.Q. chính truyện, « quốc dân tính » được tập trung vào nhân vật A.Q. nghèo xác nghèo xơ, không một mảnh đất cắm dùi, phải đi làm thuê làm mướn cho người và ăn nhờ ở đậu, là vì, dưới mắt Lỗ-Tấn, hình ảnh chú A.Q. là hình ảnh của nước Trung-hoa thời bấy giờ, một nước bị các nước đế quốc phương Đông và phương Tây đè đầu cưỡi cổ, chia năm xẻ bảy, dùng bọn quân phiệt tay sai mà bóc lột, áp bức, chẳng khác gì chú A.Q. bị bọn cụ cố họ Triệu, cụ cố họ Tiền trong làng Mũi bóc lột, áp bức. Diêm

tương đồng giữa nước Trung-hoa và chủ A.Q. là như thế: Kẻ thù của Trung-quốc là chủ nghĩa đế quốc, kẻ thù của chủ A.Q. là bọn địa chủ phong kiến.

Lỗ-Tấn là một nhà văn yêu nước, một nhà văn cách mạng chân chính; ông đã phân tích: « quốc dân tính », nêu nhược điểm, khuyết điểm của người Trung-quốc ra, không phải là vạch áo cho người xem lưng, bêu điều quốc dân đồng bào mình, mà là vì cách mạng, ông lột hết bệnh tật của họ ra để tìm cách chạy chữa.

Những bài Lỗ-Tấn viết phần lớn cách đây đã trên dưới năm mươi năm, nhưng liên hệ với bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh ngày nay, thì những điều ông viết bây giờ vẫn còn giữ nguyên vẹn tính thời sự.

Có một lần, đọc lịch sử Trung-quốc, Lỗ-Tấn thốt ra lời cảm thán sau đây:

« ... Hãy thử đem những việc ghi về thời Ngũ đại, Nam Tống, Minh mạt so sánh với tình hình hiện nay (năm 1925) thấy sao mà giống nhau đến thế, làm cho phải kinh hồn, tựa hồ như thời gian trôi qua mà riêng đối với Trung-quốc chúng ta thì không có liên quan gì cả. Trung-hoa dân quốc hiện nay cũng vẫn như thời Ngũ đại, thời cuối Tống, thời Minh... ».

Nhưng dù tình hình đen tối đến như thế nào, Lỗ-Tấn vẫn hy vọng cách mạng sẽ làm cho « quốc dân tính » thay đổi, cho nên ông mới nói:

« May là cũng chẳng ai dám nói quả quyết mười phần rằng: quốc dân tính nhất định không thay đổi được! Trong cái « bất khả tri » đó, tuy có thể có lệ ngoại sợ bị diệt vong – tình hình đó xưa nay chưa hề có – mà cũng có thể có lệ ngoại hy vọng được phục sinh, điều này hoặc giả có thể ủy thác cho những nhà cách mạng chút nào chăng ». (Bổn nhiên nghĩ tới – Hoa cát).

Hơn nửa thế kỷ qua, ở Trung-quốc, « mạng » thì đã « cách » đi « cách » lại mấy lần rồi, nhưng ngày nay, cứ nhìn vào tập đoàn phản động cầm quyền

ở Bắc-kinh thì cái « quốc dân tính » đó chưa thay đổi được bao nhiêu, nếu không nói là vẫn còn y nguyên như trước.

Trong « quốc dân tính » Trung-quốc, theo Lỗ-Tấn, tư tưởng bánh trưng – là tệ hại nhất, có lâu đời nhất, từ thời Vũ-Vương nhà Chu, thủy tổ người Hán, nghĩa là từ thế kỷ XI trước Công nguyên! Nhân Hồ-Thích bàn về « vương đạo » và « bá đạo » (vương đạo là dùng đức độ chiếm lòng người, bá đạo là dùng bạo lực chiếm đất người), Lỗ-Tấn chỉ ra rằng « Vũ-Vương nhà Chu lấy danh nghĩa chinh phạt mà vào Trung-quốc, hơn nữa, tựa hồ Chu cũng không phải cùng một dân tộc với Ân, nói theo danh từ bây giờ, có thể là một kẻ xâm lược đấy! (Về vấn đề của Trung-quốc – thả giới đình). Sang thời Xuân Thu Chiến quốc thì đúng là thời tranh vương đồ bá, nước nào cũng muốn làm bá chủ thiên hạ, xem các nước kia là chư hầu. Có điều bấy giờ, việc xâm chiếm đất đai còn bó hẹp trong phạm vi đất Trung nguyên. Từ Tần, Hán trở về sau, ý thức bá chủ ấy càng thể hiện mạnh mẽ ghê gớm. Khi Trung-quốc đã thống nhất rồi, thì con cháu Chu-Vũ-Vương ra sức bành trướng. Tần đưa quân đánh chiếm đất đai của người Việt ở miền Nam, Hán khống chế cả hành lang phía tây Hoàng-hà, đến Tây-vực, tức là khu lòng chảo phía bắc và phía nam Tân-cương. Các triều Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh đều như thế hết. Những nước láng giềng nhỏ hơn họ, họ đều cho là « man », « di », và họ đem quân đến xâm lược, nói là để « khai hóa », không khác gì giọng lưỡi bọn đế quốc ngày nay chút nào. Mà các nhà viết sử của họ, kể cả nhiều người viết sử sau này vẫn dương dương tự đắc về Trung-quốc thời đó là « nước đế quốc lớn nhất thế giới »!

Từ giữa thế kỷ XIX, tình hình đổi khác. Lúc này thì kể cả thối người bị người ăn thối. Các nước đế quốc phương Đông và phương Tây cùng

một lần nện gót giày dinh lên đất Trung-quốc, bắt nhường đất, chiếm hải cảng, bắt ký những điều ước bất bình đẳng và bồi thường những khoản tiền khổng lồ, v.v. Thời Lỗ-Tấn, Trung-quốc không còn ở thế mạnh nữa, không còn sức mà bành trướng nữa, có điều tư tưởng bành trướng thì vẫn còn và biến thành *tư tưởng tự cao tự đại*. Những kẻ có tư tưởng này luôn luôn nhắc đến vang bóng thời đã qua, luôn luôn khoe khoang nước mình đất rộng người đông, nước mình có nền « văn minh tinh thần bậc nhất trong thiên hạ ». Trong bài *Tùy cảm lục*, 38 — (Gió nóng), Lỗ-Tấn nói mĩa mai rằng: « Trung-quốc không chịu thua ai điều gì hết, kể cả rệp, ăn mày, gãi diêm! » Trong *A.Q. chính truyện*, tư tưởng tự cao tự đại biểu hiện ở đoạn chú A.Q. tự cho mình là người « bậc nhất », kể cả việc nhện nhục. « Trạng nguyên cũng chỉ là người « bậc nhất » mà thôi! ». Ở địa vị kẻ thất bại, tư tưởng tự cao tự đại là một trong những « phép thắng lợi tinh thần » để tự an ủi mình. Nhưng ở địa vị kẻ đã thắng lợi, thì tư tưởng này lại trở thành tư tưởng dễ dãi đầu cuội cò thiên hạ, bắt ai cũng phải phục tùng mình.

Lỗ-Tấn nói: ở người « thượng đẳng » Trung-quốc, tư tưởng tự cao tự đại (ông gọi là *tự đại*), gắn liền với tư tưởng thờ nước lớn (ông gọi là *sự đại*), tức là tư tưởng nô lệ.

« Sự đại trong lịch sử có rồi, tự đại trong thực tế cũng thường có, sự đại và tự đại tuy trái ngược nhau, nhưng vì sự đại mà tự đại, nên trong thực tế lại thường thấy hán (tức là người có óc nô lệ, mà ông gọi là « tướng bồi tây ») có thể nhìn một cách ngạo mạn tất cả những người mà đến sự đại cũng không xứng » (*Bản thảo chưa dịch đầu đở — Thả gót dinh, tập II*).

Lỗ-Tấn còn lấy một việc trong đời sống hằng ngày của người Trung-quốc để hình dung tư tưởng « sự đại » và tự đại, khi nó tồn tại đồng thời trong

một con người. Nhân nói về các kiểu ảnh chụp, ông cho biết thời bấy giờ ở Bắc-kinh có một cái mốt chơi ảnh rất phổ biến là « chụp hai « kiêu », mỗi « kiêu » một cách phục sức, một bộ điệu, rồi ghép chung làm một, hai « mình » như chủ và khách, hoặc như thầy và tớ, đặt tên là « nhị mã đồ » (ảnh hai mình). Nhưng nếu là ảnh ghép một « mình » ngồi chễm chệ, và một « mình » đáng dẽ tiện, đáng thương hại, quỳ trước « mình » đang ngồi, thì lại đặt tên khác, gọi là « cầu kỷ đồ » (ảnh cầu xin mình)...! » (*Bản về các loại ảnh chụp — Năm mồi*).

Như thế đấy! phàm kẻ muốn làm chủ kẻ khác đều dễ trở thành nô lệ. Khi dặc thế thì nó tác oai tác quái, hống hách, ác độc, tàn nhẫn; khi thất thế thì cam tâm cúi đầu khom lưng trước người chủ mới. Dúng như người Trung-quốc thường nói: « Đối với kẻ dưới mà kiêu, thì đối với người trên tất nịnh ». Tấm ảnh « cầu xin mình » biểu hiện thấu triệt, cái thói ấy. Và Lỗ-Tấn bình luận:

« Đó là bức ảnh đẹp nhất, ngay những nhà vẽ tranh hải hước tài nhất thế giới cũng không thể nào nghĩ ra mà vẽ như thế được! ». Bọn phản động cầm quyền Bắc-kinh cầu xin bọn đế quốc làm linh xung kích cho chúng và tiến hành chiến tranh xâm lược Việt-nam liệu có nhớ đến kiểu ảnh này không?

Dễ có thể từ trạng thái tâm lý này chuyển sang trạng thái tâm lý khác, thậm chí đối lập, một cách dễ dàng, nhanh chóng đến nỗi giống như là phản trắc, lá mặt lá trái, cần phải có một đức tính kỷ diệu là *chống quên*. Theo Lỗ-Tấn, đây là một nét trong « quốc dân tính » Trung-quốc. Con người trong giai cấp bóc lột thống trị Trung-quốc rất chống quên. Họ chống quên điều họ nói, họ làm, họ thể thốt hôm qua, quên nỗi tủi nhục hôm qua, quên kẻ thù hôm qua, quên những người hôm qua họ xem là bạn, là « chiến hữu ». Trong *A.Q. chính*

truyền, sau khi thuật lại một vài trường hợp tương tự như thế của A.Q., Lỗ-Tấn nhận định: « *quên* » là cái *bủi bời* gia truyền rất thần hiệu của chú. « *Bủi bời* gia truyền »! Đúng như vậy. Trung-quốc bị bọn đế quốc làm nhục hơn một thế kỷ nay, lẽ ra điều đó phải được khắc sâu tận đáy lòng và lấy làm răn. Ấy thế mà đất nước vừa thoát khỏi nanh vuốt của đế quốc, bọn cầm quyền đã quên ngay được. Trước kia vì chống quên như thế mà trong lịch sử lâu dài sau khi ngoại tộc này bị đánh đuổi rồi, họ lại rước ngoại tộc khác vào để đè nén đồng bào họ. Lỗ-Tấn nói: « Trong cái nước của chúng ta, nơi đã từng văn minh rồi, về sau lại đi đón rước người Mông-cô, người Mãn-châu, thì sách cũ có nhiều lắm, nếu không đến nỗi ngu như bò thì dọc một ít cũng có thể biết rằng, dù sống qua quít, hèn nhát, dù nịnh hót, lộng quyền, tự tư thế nào đi nữa, vẫn có thể giả danh đại nghĩa ăn trộm tiêng thơm. Tiên lên một bước nữa, có thể biết được rằng người Trung-quốc rất chống quên, dù lời nói không đi đôi với việc làm, nội dung không phù hợp với hình thức, trước sau mâu thuẫn, nói láo, vu cáo, dơ bẩn như ruồi nhặng, như chó má, mà cũng không sao hết, qua một thời gian tự nhiên quên sạch, chỉ cần đề lại một ít văn chương bảo vệ đạo đức là mai sau sẽ không mất cái tên « *chính nhân quân tử* ». Huống chi, dù mai sau không được gọi là « *chính nhân quân tử* », đi nữa, thì cái lợi thiết thực trước mắt cũng có tồn thất chút nào đâu! » (*Việc đời kinh truyện năm thứ mười bốn - Hoa cải*).

Dư tình kỷ diệu ấy còn có thể cho phép họ ca tụng kẻ thù dân tộc, chẳng hạn ca tụng Thành-cát-tư-hân, cho đó là « *mẫu mực lý tưởng* », miêu tả Bạt-đô-hân, cháu hân, đã cầm đầu các dân tộc da vàng như thế nào để xâm nhập Nga-la-tư, phá hủy văn hóa của họ, bắt cả quí tộc và binh

dân làm nô lệ. Lỗ-Tấn nói thêm: « Người Trung-quốc đi theo kha hân Mông-cô đánh giặc, thật ra không thể kể là một chuyện về vang của dân tộc Trung-quốc được, nhưng đã tiêu diệt Nga-la-tư, họ (chỉ bọn bồi bút thời đó) không thể không làm như thế, bởi vì bọn quyền lực của chúng ta hiện nay biết rõ Nga-la-tư ngày xưa tức là Liên-xô ngày nay. Chủ nghĩa của họ quyết không thể tăng thêm quyền lực, của cải, nâng hân cho họ. Nhưng Bạt-đô-hân hiện nay là ai? » (Ma mạnh trên văn đàn Trung-quốc - *Thả giời đình*).

Người Hán thời Dân quốc ca tụng Mông-cô, ông cha họ, người Hán đời Thanh ca tụng Mãn-châu, cứ lặp đi lặp lại như thế, cho nên mới gọi là « *bảo bối gia truyền* ».

Lỗ-Tấn còn tìm ra một số tính cách khác để giải thích vì sao người Trung-quốc lại có thể thay đổi thái độ một cách dễ dàng như thế, khiến cho người ngoài hết sức ngạc nhiên. Thì ra có gì đâu, họ là *những người rất thích đóng kịch*. « Nói một chữ, dùng một câu, giơ tay, giơ chân, đều làm bộ, làm tịch, qua cái bản tâm của mình, mà trái lại như làm trò trên sân khấu ». Nhận xét trên đây là của một người Mỹ, A.H. Smith. Lỗ-Tấn đã trích dẫn câu ấy và bàn thêm: « Chúng ta thử quan sát và tự xét mình thì có thể thấy những lời nói đó cũng không đến nỗi khác nghiệt, độc địa quá. Tương truyền trên sân khấu có một câu đối rất hay, « *Hỷ trường tiều thiên địa, Thiên địa đại hỷ trường* » (Sân khấu là cuộc đời thu nhỏ, Cuộc đời là cái sân khấu rộng). Chúng ta vốn thường xem mọi sự như là một tấn kịch, ai lấy làm thật tức người ấy ngốc. Nhưng đó không phải là do cái thể diện tịch cực; trong lòng bất bình, nhưng lại sợ không dám báo thù; cũng là cái tư tưởng cho vạn sự chỉ là kịch. Vạn sự đã là kịch, thì bất bình cũng không phải là thật, mà không báo thù

cũng không phải là sợ. Cho nên giữa đường thấy chuyện bất bình, không thể rút dao giúp nhau được, cũng vẫn là người chính nhân quân tử chính cống » (*Chi nhật ký ghi ngay - Hoa cải*).

Họ nghĩ khác họ nói, họ nói khác họ làm. Lỗ-Tấn viết tiếp: « Đã đóng kịch thì bộ điệu trên sân khấu với bộ điệu sau hậu trường tất nhiên khác nhau. Người xem tuy biết rõ là kịch, nhưng chỉ cần đóng cho giống là họ có thể xem kịch mà vui buồn được rồi, thế là vở kịch có thể cứ tiếp tục diễn, có ai vạch mặt, thì họ lại cho rằng làm như thế mất hứng! ».

Cho nên, ông nói xưa nay ông không tin rằng nước mắt, tiếng khóc của những nhà quốc túy và nhà đạo đức là thành thực, dù bên khóe mắt của họ có nước mắt chảy ròng ròng, cũng cần phải kiểm tra xem khăn tay của họ có thấm nước ớt hay nước gừng không!... » Người ta mắc lầm họ ở chỗ đó. Họ thì giả dối, mình thì ngây thơ. Thấy họ quay ngoắt 180 độ thì mình ngạc nhiên cho là khó hiểu, không giải thích nổi. Không biết rằng họ chỉ chú trọng « thể diện », cố làm cho « thể diện » của họ trọn vẹn, cho nên mới có cách ăn nói, cử chỉ của diễn viên trên sân khấu.

Một tính cách nữa cũng dựa đến kết quả nói trên là *họ không tin gì hết*, kể cả những cái hàng ngày họ tỏ vẻ ngưỡng mộ, tôn thờ. Lỗ-Tấn nhận xét:

« Nhìn một số người Trung-quốc, ít ra là người thượng đẳng, thì đối với thần thánh, tôn giáo, truyền thống, quyền uy, họ « tin » và « theo », hay là « sợ » và « lợi dụng »? Chỉ thấy họ hay thay đổi, không khó khăn gì cả, thì biết họ không tin theo cái gì hết, nhưng họ muốn tỏ ra ngoài mặt khác hẳn với lòng họ » (*Chi nhật ký ghi ngay - Hoa cải*).

Cho nên, đối với họ, quan trọng nhất là cái « chiều bài » Treo được

cái chiều bài lên là ổn rồi, còn sau cái chiều bài ấy, họ muốn làm trò gì cũng được. Họ không cần thực chất, không cần nội dung, thành ra nội dung mâu thuẫn với hình thức, lời nói không đi đôi với việc làm, thủy chung bất nhất. Dem những nhận xét trên ứng dụng vào việc người Trung-quốc làm cách mạng. Lỗ-Tấn khám phá ra cái mà người phương Tây gọi là « bí hiểm Trung-quốc » (énigme chinois); « Ở Trung-quốc có những sự thay đổi rất lớn, nhưng kỳ thực cũng chẳng thay đổi gì cả. Giá thử trong nước theo chủ nghĩa cộng sản có thể không đụng chạm đến cái bề thế cũ của những kẻ quyền lực kia, hoặc giả họ sẽ giàu sang hơn thì nhất định họ tán thành. Nhưng về sau, tình hình lại chứng minh rằng chủ nghĩa cộng sản xử lý không dễ dãi như thường để, thế là họ quyết tâm tiêu diệt... » (*Ma mãnh trên văn đàn Trung-quốc*).

Trong một bài khác viết trước bài này khoảng bốn năm, ông đã nói đến ý này rồi:

« ... Cách mạng của giai cấp thống trị chỉ là tranh đoạt một chiếc ghế cũ. Khi lật đổ thì giống như chiếc ghế ấy dằng ghét lắm, nhưng khi giành được vào tay, thì lại thấy quý báu vô cùng, và đồng thời cũng tự thấy, mình với « cái cũ » đó là một. Hai mươi năm trước, ai cũng nói Chu Nguyên Chương (Minh thái tổ) là nhà cách mạng dân tộc. Thực ra không phải. Sau khi lên làm vua, ông ta gọi triều Mông-cổ là Đại Nguyên, và giết người Hán còn ghê hơn người Mông-cổ nhiều. Nỗ lực khi lên làm chủ quyết không chịu bỏ tiếng « cũ », bộ điệu của nó, so với chủ, e còn kiên cố hơn, buồn cười hơn!... » (*Nhìn qua văn nghệ Thượng hải - Hai lòng*).

Đề tự bào chữa cho mình, và đề lương tâm khỏi cần rút về sự thay đổi đột ngột của họ, họ thường viện ra nhiều lý lẽ, nhưng lý lẽ của họ toàn là những lời ngụy biện của kẻ

cơ hội, theo chủ nghĩa thực dụng. Lỗ-Tấn cho biết: « Kề hăng hái nhanh thì trở lại bình thường cũng nhanh, thậm chí dỗi phé cũng nhanh. Nếu là nhà văn, họ sẽ có một tràng lý do để biện hộ cho sự thay đổi của họ, họ sẽ giở kinh điển ra làm chứng... ». Và ông kết luận: « Bất cứ cớ kìm, phạm những người không có một lý luận nhất định hoặc thay đổi chủ trương mà không ai tìm ra đầu mối được, tùy thời lấy lý luận phải này phải kia làm vũ khí đều có thể gọi là lưu manh » (*Nhìn qua văn nghệ Thượng-hải*).

Còn nếu muốn ám hại người ta thì họ sẵn sàng vu cáo. Thủ đoạn này kẻ cầm quyền Trung-quốc hay dùng đệ nhất. Thí dụ muốn ám hại các nhà văn cánh tả thì họ đưa ra luận điệu cho rằng các nhà văn cánh tả nhận « đồng rúp của Liên-xô ». Lỗ Tấn nói: « Lời vu cáo về đồng rúp, tôi nghe quen tai rồi. Khoảng sáu bảy năm trước, lúc tờ *Ngũ ti ở Bắc-kinh* có nói mấy câu dụng đến giáo sư Trần Nguyên và mấy vị chính nhân quân tử khác thì tờ *Tinh báo ở Thượng-hải* liền đăng bức thư của ông Dương Hữu Nhân, nhân vật chính của nhóm *Hiện đại bình luận*, nói rằng ngôn ngữ hành động của chúng tôi đều theo mệnh lệnh của Mạc-tư-khoa cả. Đó chính là *điệu hát tở truyền*. Cuối Tổng có cái gọi là « thông lỗ » (tội liên lạc với các nước láng giềng), đầu Thanh có cái gọi là « thông hải » (tội liên lạc với các nước hải ngoại), trước nay đều dùng những cớ như thế mà hại bao nhiêu người! Cho nên, ngâm máu phun người đã là chuyện thường tình đối với các bậc sĩ quân tử Trung-quốc, chứ quả không phải là kiến giải riêng của mấy người kia. Tất cả mọi cái có thể thấy được trên cõi đời đều dựa vào thế lực của kim tiền ». (Tựa *Hai lòng*).



Suốt ba mươi năm trời cầm bút viết

văn, và trong 17 cuốn tập văn, hầu như không có bài nào, Lỗ-Tấn không đề cập đến một vài khía cạnh của cái gọi là « quốc dân tính ». Ông lạnh lùng mổ xẻ tính cách của người Trung-quốc, đặc biệt của lớp người « thượng đẳng », của những kẻ cầm quyền, của bọn văn sĩ tay sai. Ông nhìn thẳng vào sự thật, không muốn lừa dối người, lừa dối mình. Và ai cũng phải công nhận rằng ông nói đúng. Không ai dám nghĩ ngờ tinh thần dân tộc, lòng yêu nước của ông. Mục đích của ông là nêu những cái đang trở ngại sự nghiệp cách mạng, mong tiêu diệt đi để đưa cách mạng đến thành công. Ông cũng biết là rất khó, và ông thường tỏ ra bi quan. Thí dụ như nói: « Đáng tiếc là Trung-quốc khó thay đổi quá: đời chiếc ghế hay sửa chữa cái bếp lò, có khi cũng phải đổ máu; dù có đổ máu, cũng chưa chắc đã có thể đời được, sửa chữa được ». (*Nó ra đi rồi thì ra sao? - Năm mồi*). Ông bi quan nhưng không tuyệt vọng. Ông tin vào tương lai, tin vào cách mạng, cho nên ông nói tiếp: « Không có cái roi to tướng quất vào lưng thì Trung-quốc, đề tự nó, nó không chịu nhúc nhích. Tôi nghĩ cái roi ấy sắp đến rồi. Tốt hay xấu là chuyện khác, nhưng thế nào nó cũng quất cho một cái. Nhưng từ đầu đến, đến như thế nào thì tôi cũng không thể biết đích xác được. »

Lỗ-Tấn mất năm 1936, lúc cuộc kháng chiến chống Nhật bắt đầu. Từ đó đến nay đã hơn 40 năm, Trung-quốc đã nhiều lần thay đổi, nhưng có nhiều điều cơ bản thì chưa thay đổi được. Cứ đọc văn ông và nghiệm ra thì biết. Ngày nay, chú A.Q. không còn là chú A.Q. trước cách mạng nữa, chú đã thay chân cụ cố họ Triệu, cụ cố họ Tiền làm ác bá trong làng Mùì, và chủ nghĩa A.Q. cũng không còn là phép thắng lợi tinh thần nữa mà trở thành thủ đoạn để chủ dùng dọa nạt Vương rầu xồm và cụ D. Thảm hại thay!

BƯỚC TIẾN MỚI CỦA CÁCH MẠNG CHÂU PHI

HOÀNG-LƯƠNG

 HẦU Phi đang trải qua một giai đoạn phát triển sôi động chưa từng có kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai. Hơn bất cứ giai đoạn nào trước đây, lục địa rộng lớn này đang là địa bàn của những cuộc cách mạng giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội sôi nổi, những trận chiến đấu quyết liệt giữa một bên là các lực lượng độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội với một bên là các lực lượng đế quốc và phản động quốc tế. Những thắng lợi vang dội của phong trào giải phóng dân tộc và độc lập dân tộc ở châu Phi từ đầu những năm 70 đến nay đã mở ra triển vọng tươi sáng, đưa sự nghiệp cách mạng châu Phi tiến lên con đường phù hợp với trào lưu của thời đại, mặc dù chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế tìm mọi cách quay ngược bánh xe của lịch sử.

Bước tiến mới đó của cách mạng châu Phi không phải có tính chất ngẫu nhiên mà là sự phát triển tất yếu của cả quá trình đấu tranh giải phóng của các dân tộc châu Phi trong hơn 30 năm qua, gắn liền với sự lớn mạnh không ngừng của ba dòng thác cách mạng trên thế giới.

Châu Phi ở vào một vị trí chiến lược quan trọng ngay sát phía nam

châu Âu và vùng Cận Đông, trên những tuyến đường giao thông quốc tế từ Đông sang Tây qua Gi-bran-ta, Xuy-ê, Biển Đỏ và con đường vòng ven bờ lục địa. Lục địa rộng lớn này nổi tiếng vì nhiều nguồn tài nguyên phong phú và đa dạng. Châu Phi có trữ lượng rất lớn về nhiều loại khoáng sản quý và hiếm: 98% kim cương, 70% coban, 67% vàng, 40% pla-tin, 37% u-ra-ni-um, 35% crôm, 80% li-ti-um... của thế giới. Một số nước châu Phi có trữ lượng và sản lượng dầu mỏ, hơi đốt khá lớn (Li-bi, An-giê-ri, Ni-giê-ri-a, Ăng-gô-la...). Châu Phi là nguồn cung cấp lớn nhất nhiều loại đặc sản: 80% đinh hương, 60% ca cao, 22% lạc... của thế giới.

Do vị trí chiến lược quan trọng và nguồn tài nguyên giàu có, châu Phi từ lâu đã là địa bàn giành giật giữa các thế lực đế quốc. Trước chiến tranh thế giới thứ hai, năm quyền bá chủ ở đây là Anh, Pháp, Anh thống trị 23 quốc gia gồm trên 36% đất đai và trên 50% số dân; Pháp nắm 21 quốc gia gồm 40% đất đai và trên 1 phần 3 số dân. Còn lại là các thuộc địa của Bồ-đào-nha, Tây-ban-nha.. Đối với Mỹ, châu Phi là lục địa mới. Trước chiến tranh, Mỹ mới chỉ có quan hệ với Li-bê-ri-a, Ê-ti-ô-pi-a. Sau chiến tranh, nhất là từ sau khi hệ thống thuộc địa

của Anh, Pháp bị sụp đổ, Mỹ tăng cường thâm nhập vào châu Phi và trở thành lực lượng có quyền lợi lớn nhất ở đây, trước hết là ở Bắc Phi. Sựng châu Phi, Nam phần châu Phi, những vùng giàu nguyên liệu và có ý nghĩa chiến lược gắn liền với châu Âu, Trung Đông và Nam Đại-tây-duong.

Bằng chính sách thực dân và phân biệt chủng tộc vô cùng tàn bạo, chủ nghĩa đế quốc đã duy trì ách thống trị dẫm máu của chúng đối với các dân tộc châu Phi trong nhiều thế kỷ. Nhân dân châu Phi với truyền thống bất khuất đã không ngừng đấu tranh chống áp bức bóc lột, giành độc lập tự do, giành quyền sống và nhân phẩm, nhưng các cuộc đấu tranh đó đều lần lượt bị dập tắt.

Thắng lợi của Liên-xô trong cuộc chiến tranh chống phát-xít và sự lớn mạnh của ba đồng minh cách mạng sau chiến tranh thế giới thứ hai, đặc biệt cao trào giải phóng dân tộc bùng lên mạnh mẽ ở châu Á, nhất là ở Việt-nam, đã tạo điều kiện khách quan cho sự phát triển của phong trào độc lập dân tộc ở châu Phi. Trong những năm 50, thế giới đã chứng kiến sự vùng dậy mãnh liệt của nhân dân các nước châu Phi, mở đầu một quá trình không thể đảo ngược, làm thay đổi sâu sắc bộ mặt của lục địa này. Tiếp sau sự sụp đổ của thực dân Pháp ở Việt-nam, các phong trào giải phóng ở châu Phi phát triển mạnh mẽ, xu hướng đấu tranh đòi độc lập của các nước châu Phi thể hiện rõ, trong đó nổi lên cuộc đấu tranh vũ trang giải phóng của nhân dân An-giê-ri (1951 — 1962), cuộc cách mạng dân tộc dân chủ Ai-cập (1952 — 1956). Tình hình đó đã mở đầu quá trình sụp đổ của hệ thống thuộc địa của Anh, Pháp ở châu Phi. Sau đó là sự ra đời của một loạt các quốc gia độc lập, mà hầu hết là ra đời trong thời kỳ lịch sử 1958 — 1968. Đặc điểm của hầu hết những quốc gia này là cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc đã diễn ra dưới

sự lãnh đạo của những nhà lãnh đạo dân tộc có lập trường yêu nước, chống đế quốc và thực dân.

Nhưng chủ nghĩa đế quốc đã không dễ dàng từ bỏ những quyền lợi thực dân kỷ của chúng. Cũng như ở châu Á, châu Mỹ la-tinh, để tránh nguy cơ mất hết ở châu Phi, chủ nghĩa đế quốc đã chuyển sang thực hiện chính sách thực dân mới nhằm chống lại phong trào giải phóng dân tộc đang dâng lên như vũ bão, bằng các thủ đoạn kinh tế, chính trị, kim hàm các nước mới giành được độc lập trong quỹ đạo của hệ thống tư bản chủ nghĩa, ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội, đồng thời để giành giật thị trường và khu vực ảnh hưởng của nhau. Tuy nhiên, nhân dân nhiều nước châu Phi đã kiên quyết chống lại sự khống chế của chủ nghĩa thực dân mới, làm thất bại những mưu toan can thiệp, lật đổ của chúng, đưa đất nước tiến lên con đường phát triển độc lập và tiến bộ. Ở nhiều nước, chính quyền dân tộc đã thực hiện những thay đổi quan trọng về kinh tế, xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, và đã giành được những thành tựu đáng phấn khởi trong sự nghiệp củng cố độc lập, chủ quyền, xây dựng và phát triển nền kinh tế dân tộc và cuộc sống mới phù hợp với bản sắc và tài năng của dân tộc mình. Sự kiện có tầm quan trọng rộng lớn trong thời gian này là việc các nước không liên kết, trong đó các nước châu Phi chiếm số đông, đẩy mạnh cuộc đấu tranh giành độc lập về kinh tế, làm chủ tài nguyên thiên nhiên của mình, xóa bỏ trật tự kinh tế quốc tế bất bình đẳng, thiết lập trật tự kinh tế quốc tế mới trên cơ sở tôn trọng chủ quyền của các dân tộc. Với tuyên bố An-giê tháng 9-1973 và cuộc chiến tranh đầu mỗ tháng 10-1973, cuộc đấu tranh đó đã thật sự trở thành một mặt trận tiến công lợi hại đánh vào sự lũng đoạn của các công ty độc quyền của chủ nghĩa đế quốc.

lâm trầm trọng thêm cuộc khủng hoảng về năng lượng và nguyên liệu trong hệ thống các nước tư bản chủ nghĩa. Đương nhiên, cuộc đấu tranh còn lâu dài và phức tạp, và điều quyết định ở đây là quyết tâm và thực lực của các nước châu Phi. Đến nay thực tế là nhiều nước châu Phi vẫn chưa thoát ra khỏi sự lệ thuộc nặng nề về kinh tế, từ lương thực, hàng tiêu dùng thiết yếu đến kỹ thuật, thiết bị và vốn... Trong những năm gần đây, các nước châu Phi lại gặp những khó khăn chồng chất do hậu quả của những cuộc khủng hoảng năng lượng và kinh tế, của nạn lạm phát trong các nước tư bản chủ nghĩa trút lên đầu họ. Số tiền các nước châu Phi nợ nước ngoài không giảm đi mà lại tăng lên một cách đáng lo ngại từ 2,1 tỷ đô-la năm 1973 lên 4 tỷ năm 1974, 8 tỷ năm 1975 và 10 tỷ năm 1976. Nhưng điều quan trọng là từ những kinh nghiệm của bản thân, các nước châu Phi ngày càng thấy rõ sự cần thiết phải thực hiện những biện pháp kiên quyết giành lại chủ quyền về kinh tế, thực hiện những cải cách dân chủ và xã hội, tăng cường sự hợp tác giữa các nước châu Phi độc lập với nhau, tăng cường sự hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa, các lực lượng cách mạng, tiến bộ khác. Sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân tạo những tiền đề cơ bản để nhân dân các nước châu Phi khắc phục sự lạc hậu về kinh tế, giải quyết một cách căn bản vấn đề đời sống. Nhưng sự quay trở lại của chủ nghĩa đế quốc dưới hình thức chủ nghĩa thực dân mới là trở ngại lớn nhất, ngăn cản nhân dân các nước châu Phi xây dựng cho mình một nền kinh tế độc lập, đủ sức đáp ứng những yêu cầu phát triển đất nước và nâng cao đời sống của mình. Tại nhiều nước châu Phi đã đi theo con đường tư bản chủ nghĩa, nền kinh tế bị lệ thuộc vào các cường quốc thực dân cũ. Sự lệ thuộc đó thể hiện trong nhiều lĩnh

vực, nhưng rõ nhất là việc các công ty nhiều nước khống chế các ngành kinh tế then chốt của đất nước. Một Nhà nước, nếu không làm chủ được các ngành kinh tế quan trọng, không làm chủ được toàn bộ nền kinh tế, thì không thể giữ vững được độc lập. *Độc lập kinh tế là một bộ phận của độc lập dân tộc. Nói độc lập dân tộc, nhưng để cho các tập đoàn tư bản lũng đoạn nước ngoài thao túng kinh tế, thì nền độc lập đó chỉ là hình thức. Độc lập dân tộc bao gồm độc lập về chính trị và độc lập về kinh tế, hai mặt đó là một thể thống nhất.* Tuy nhiên, hai mặt đó cũng có nội dung riêng một cách tương đối, và thông thường, độc lập về chính trị là tiền đề để tiến tới độc lập về kinh tế; còn độc lập kinh tế là cơ sở của độc lập chính trị. Hiện nay các nước châu Phi đang đấu tranh để hoàn thành nền độc lập dân tộc, cả về mặt chính trị và kinh tế, trước mắt là đấu tranh giành lại chủ quyền quốc gia về các nguồn tài nguyên, đấu tranh cho một quan hệ công bằng hợp lý về giá cả và cho một trật tự kinh tế quốc tế mới. Đó là nhân tố tạo nên sức mạnh để từng bước phát triển nền kinh tế độc lập, củng cố vững chắc độc lập, chủ quyền và xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Những năm gần đây, trên đà phát triển mạnh mẽ của ba dòng thác cách mạng trong thời kỳ sau Việt-nam, một cục diện mới đã xuất hiện ở châu Phi: phong trào độc lập dân tộc phát triển lớn mạnh vượt bậc, mà đặc biệt nổi bật là ngày càng có xu thế gắn liền với chủ nghĩa xã hội, trong khi đó chủ nghĩa thực dân mới và chế độ phân biệt chủng tộc – đỉnh lầy cuối cùng của chủ nghĩa đế quốc ở lục địa này, lâm vào khủng hoảng toàn diện và sâu sắc. Thế giới đang chứng kiến một tình thế cách mạng sôi nổi ở châu Phi với những bước phát triển hoàn toàn mới mẻ, làm đảo lộn mọi dự đoán của bọn đế quốc thực dân và bọn phản động quốc tế.

Từ trong lòng cuộc đấu tranh chống đế quốc, tại lục địa châu Phi đã nổi lên xu hướng cách mạng nhất, xu hướng khai phá con đường phát triển đất nước theo hướng tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Trải qua đấu tranh quyết liệt chống đế quốc, nhìn vào tấm gương của những nước xã hội chủ nghĩa và cả những bài học phản diện của các nước độc lập dân tộc đi theo con đường tư bản chủ nghĩa, lại có sự giúp đỡ tích cực của các nước bạn bè, một số dân tộc châu Phi thấy rõ chỉ có con đường xã hội chủ nghĩa mới có thể triệt để xóa bỏ áp bức dân tộc của chủ nghĩa thực dân cũ và mới, đồng thời mới có thể thật sự thủ tiêu hiện tượng người bóc lột người. Điều đó đã đưa đến việc thực hiện khát vọng của dân tộc là độc lập tự do đi đôi với việc thực hiện khát vọng của nhân dân lao động là thoát khỏi áp bức và bóc lột. Những người lãnh đạo dân tộc phản ánh nguyện vọng sâu xa nhất của dân tộc và của nhân dân lao động, coi việc xây dựng một xã hội không có người bóc lột người là mục tiêu hàng đầu của mình, xu thế độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội đã xuất hiện ở châu Phi trong những điều kiện đó.

Tiếp theo cách mạng Việt-nam ở châu Á giữa những năm 40 và cách mạng Cu-ba ở châu Mỹ la-tinh cuối những năm 50, cuộc cách mạng ở một số nước châu Phi giữa những năm 70 một lần nữa chứng minh cho luận điểm của Lê-nin nêu ra từ năm 1920 nói rằng trong thời kỳ sau Cách mạng tháng Mười, cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận của cách mạng vô sản trên toàn thế giới. Và đúng như Chủ tịch Hồ-Chí-Minh đã từng chỉ rõ, chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới có thể giải phóng được các dân tộc. Số lượng những nước lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa ở châu Phi chưa nhiều. Nhưng cũng đủ để tiêu biểu cho một

xu thế phát triển tất yếu của lịch sử. Đến lượt mình, châu Phi đang cung cấp những bằng chứng hùng hồn để chứng minh quá trình đang diễn ra trước mắt nhân loại là sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

Lần đầu tiên trong lịch sử châu Phi, một số đảng tiên phong của giai cấp công nhân theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin chính thức được thành lập và nắm quyền lãnh đạo ở một số nước, quyết tâm xây dựng chế độ dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội, mở ra bước ngoặt vô cùng quan trọng của cách mạng châu Phi.

Một đặc điểm lớn của châu Phi là bọn thực dân da trắng đang áp đặt một chế độ áp bức dân tộc tàn bạo đối với các dân tộc người Phi ở miền Nam. Bọn này vốn là con cháu của bọn thực dân Tây Âu, chúng di cư và sống ở đây đã hàng trăm năm nay. Ngự trị ở miền Nam châu Phi, một vùng giàu có và có tầm quan trọng về chiến lược, bọn thực dân da trắng này thực tế là một đội quân thù năm của chủ nghĩa đế quốc. Chế độ phân biệt chủng tộc của chúng sở dĩ tồn tại và phát triển là nhờ có sự giúp đỡ về vật chất và tinh thần hết sức to lớn của các cường quốc đế quốc phương Tây, đặc biệt là Mỹ. Trước làn sóng đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân các nước, các cường quốc thực dân mới, nhất là Mỹ, tuy bề ngoài phải tuyên bố chống chủ nghĩa a-pác-thai, nhưng thực tế tìm cách bảo vệ chủ nghĩa này bằng phương pháp khác. Hiện nay, sau chiến tranh Việt-nam, trước một thế giới đang thức tỉnh, Mỹ thay đổi chiến lược. Từ chỗ can thiệp, ngăn chặn những biến đổi trên thế giới không có lợi cho chủ nghĩa đế quốc, Mỹ tìm cách tác động trực tiếp hoặc gián tiếp, nhằm hướng những biến đổi đó không ra ngoài quỹ đạo của Mỹ, hoặc ít nhất là không hại đến lợi ích của Mỹ. Đó là thực chất các kế hoạch của Mỹ và các cường

quốc phương Tây đối với các chế độ phân biệt chủng tộc ở miền Nam châu Phi. Kế hoạch này được tập đoàn cầm quyền phản động Bắc-kinh hết sức ủng hộ. Mục đích của chúng là bảo vệ lợi ích thực dân bằng mọi giá. Nhưng cuộc đấu tranh của người Phi ở đây đang làm lung lay tận gốc rễ chế độ a-pác-thai. Toàn thể châu Phi đang đứng về phía nhân dân các nước này. Mặt trận cách mạng đang siết chặt vòng vây chung quanh sào huyệt a-pác-thai. Bọn đạo phủ a-pác-thai đang giãy giụa. Chúng điên cuồng đàn áp ở bên trong, trắng trợn khiêu khích với bên ngoài. Chúng ngang nhiên xâm phạm độc lập, chủ quyền của các nước láng giềng như Ăng-gô-la, Mô-dam-bich, Dăm-bi-a. Nhưng trong một châu Phi đang sục sôi cách mạng, trong thời đại các dân tộc đang thức tỉnh đòi độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, cái thế lực đang tàn lụi, đang bị toàn thể giới lên án và bị đôn vào thế cô lập như vậy làm sao tránh khỏi bị diệt vong. Trong cuộc đấu tranh quyết liệt chống chế độ a-pác-thai, các nước châu Phi nhận được sự ủng hộ vô tư và trong sáng của các nước xã hội chủ nghĩa. *Trong cuộc chiến đấu quyết liệt giữa cách mạng và phản động ở miền Nam châu Phi, ranh giới giữa chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa đế quốc và phản động quốc tế bộc lộ rõ hơn bất cứ ở đâu.* Ai đứng về phía nhân dân châu Phi, ai ủng hộ các lực lượng chống bọn thực dân da trắng a-pác-thai, ai bảo vệ độc lập chủ quyền của các dân tộc người Phi? Chủ nghĩa xã hội hay chủ nghĩa đế quốc, các nước cách mạng hay bọn phản động Trung quốc? Điều đó đã rõ như ban ngày.

Cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa ở châu Phi là một bộ phận của cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt trên thế giới, và xu thế đi lên chủ nghĩa xã hội ở một số nước châu Phi chứng tỏ cách mạng châu Phi ngày càng biểu

hiện tính chất triệt để. Chính do tính chất triệt để đó mà bọn phản động quốc tế và chủ nghĩa đế quốc cầu kết với nhau để điên cuồng phản kích, hòng phá hoại và ngăn cản xu thế đi lên của cách mạng châu Phi. Đồng thời, tình hình đó dẫn tới sự phân hóa và tập hợp lực lượng mới trong các nước châu Phi, làm cho cuộc đấu tranh ở châu Phi càng trở nên nóng bỏng, sôi động. Đó là bối cảnh mới của tình hình châu Phi gần đây. Dư luận thế giới ngày càng chú ý theo dõi những hoạt động của các giới đế quốc phương Tây và của bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh ở châu Phi. Bọn theo chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc Bắc-kinh xuất phát từ thuyết «ba thế giới» khét tiếng phản động đang ra sức lôi kéo các dân tộc châu Phi đứng về phía bọn đế quốc để chống lại Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác. Bọn phản động Trung-quốc đang kêu gọi châu Phi liên minh với chủ nghĩa đế quốc để phục vụ cho âm mưu chiến lược phản cách mạng của chúng. Thực chất chiến lược của bọn phản động Trung-quốc là phá hoại độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội của châu Phi bằng ép châu Phi đi vào quỹ đạo của chúng. Đề đạt cho được mục đích xấu xa đó, bọn phản động Trung-quốc không ngần ngại làm những việc mà đế quốc Mỹ, do bài học của chiến tranh Việt-nam, cũng phải e ngại. Chúng nổi gót lính nhảy dù phương Tây can thiệp vào vụ Sa-ba (Da-ia), trắng trợn cử các phái đoàn cấp cao của chính phủ và đưa vũ khí đến giúp đỡ những chính quyền thối nát nhất ở châu Phi; tích cực ủng hộ việc thành lập lực lượng liên Phi, công cụ của khối xâm lược Bắc Đại-tây-duơng, nhằm phá hoại độc lập dân tộc và tiến bộ của mỗi nước, làm tan rã khối thống nhất châu Phi tập hợp trong Tổ chức thống nhất châu Phi (OUA). Bọn phản động Trung-quốc cũng trắng trợn giúp đỡ và khuyến khích bọn phản

bội dân tộc Ăng-gô-la chống lại độc lập và chủ quyền toàn vẹn của nước này; đồng tình với những hành động xâm lược của các tập đoàn phân biệt chủng tộc đe dọa chủ quyền và an ninh của Ăng-gô-la, Mô-dăm-bích, Đăm-bi-a và các nước khác; biện hộ cho hành động xâm lược Ê-ti-ô-pi-a của nhà đương cục Xô-ma-li; trắng trợn can thiệp và phá hoại trật tự an ninh nội bộ của Ê-ti-ô-pi-a.

Rõ ràng Bắc kinh là trợ thủ đắc lực nhất của Mỹ và phương tây trong việc phá hoại cách mạng châu Phi. Nhiều lãnh tụ châu Phi còn nói rằng trong vấn đề độc lập dân tộc ở miền Nam châu Phi, Bắc-kinh hành động kiểu «phương Tây hơn cả phương Tây». Nhưng chính sách phản động của giới cầm quyền Bắc-kinh ở châu Phi không thể thay đổi được quy luật phát triển tất yếu của cách mạng thế giới nói chung và cách mạng châu Phi nói riêng. Chủ nghĩa đế quốc thực dân với nhiều âm mưu, thủ đoạn tàn bạo và thâm độc đã bất lực trong việc ngăn chặn bước tiến của cách mạng châu Phi, lẽ nào chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn Trung-quốc ra đời trong thế kỷ yếu, nội bộ lung củng và xâu xé lẫn nhau triển miên, lại có thể ngăn được cách mạng châu Phi đang dâng lên như vũ bão. Kết hợp sức mạnh tổng hợp của thời đại, cách mạng châu Phi với sức mạnh tiềm tàng của mình, sẽ vững bước tiến lên bất chấp mọi mưu ma chước quỷ của chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa bành trướng Trung-quốc.

Bước sang giai đoạn đấu tranh cách mạng mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhân dân Việt-nam vẫn tiếp tục được sự ủng hộ, cổ vũ của nhân dân các nước châu Phi. Đồng thời, chúng ta luôn quan tâm theo dõi và ủng hộ mạnh mẽ mỗi bước tiến lên của cách mạng châu Phi, coi thắng lợi của bạn như của chính mình. Cội nguồn của tình đoàn kết chiến đấu và ủng

hộ lẫn nhau đó xuất phát từ chỗ trước đây Việt-nam và châu Phi đều cùng chung cảnh ngộ bị thực dân thống trị, áp bức và bóc lột, cùng đứng lên giành độc lập và giờ đây đang bảo vệ sự nghiệp xây dựng cuộc sống mới. Chủ tịch Hồ-Chí-Minh là một trong những lãnh tụ dân tộc thuộc địa đã đặt nền móng về mặt tư tưởng và tổ chức cho mối liên hệ gần gũi giữa cách mạng Việt-nam và cách mạng châu Phi. Từ đầu những năm 20, Chủ tịch Hồ-Chí-Minh đã sát cánh chiến đấu với những người yêu nước châu Phi là bạn thân của Người. Những bài báo của Người lúc bấy giờ đã góp phần vào việc động viên và thức tỉnh tinh thần yêu nước và ý chí đấu tranh của một số bạn bè châu Phi. Bằng việc làm đó, Người đã gieo mầm cho hạt giống hữu nghị cách mạng đầu tiên giữa Việt-nam và châu Phi.

Chuyến đi thăm 14 nước châu Phi vừa qua của Phó Chủ tịch Nguyễn-Hữu-Thọ là một biểu tượng rực rỡ của tình đoàn kết chiến đấu và quan hệ hữu nghị hợp tác gần bó giữa Việt-nam và châu Phi, là dịp chúng ta bày tỏ sự ủng hộ mạnh mẽ của cách mạng Việt-nam đối với cách mạng châu Phi. Trong lúc nhân dân ta đang chiến đấu chống cuộc chiến tranh xâm lược của bọn phản động Trung-quốc, chúng ta lại nhận được từ những người bạn châu Phi sự ủng hộ quý báu, nhận được biết bao tình cảm cao đẹp, biết bao lời nói chân tình thiết tha đối với nhân dân ta. Đối với các bạn châu Phi « Việt-nam là đóa hoa của cách mạng thế giới, không được đung đến Việt-nam, đó là điều mà bọn đế quốc và phản động quốc tế cần phải nhớ » (1).

Nhân dân Việt-nam đời đời ghi nhớ sự ủng hộ quý báu của nhân dân các nước châu Phi đối với cách mạng Việt-nam.

(1) Xả luận báo *Quân đội Giải phóng Ăng-gô-la* chào mừng Đoàn đại biểu Việt-nam do Phó Chủ tịch Nguyễn-Hữu-Thọ dẫn đầu đến thăm Ăng-gô-la (3-7-10-1978).

КОММУНИСТИЧЕСКИЙ ЖУРНАЛ

№ 5-1979.

ПЕРЕДОВАЯ — Наша справедливая позиция. ВО НГУЕН ЗНАП — Народная война в защиту Отечества в новую эру. ДАНГ КУОК БАО — «Три ударных направления в коллективном хозяйствовании» — революционное движение молодежи в новой обстановке. ЛЕ ДЫК БИНЬ — Планирование работы с руководящими и управленческими кадрами. ЧАН ДАЙ НГИА — О проведении научно-технической революции во Вьетнаме. ДО СУАН ШАНГ — Они неправомочны говорить о правах человека. НЯТ ВАН — Лу Синь о характере людей господствующего класса в Китае. ХОАНГ ЛЬОНГ — Новые успехи революции в Африке.

REVIEW OF COMMUNISM

№ 5 — 1979

Editorial — Our just stand. *VÕ-NGUYỄN-GIÁP* — People's war in defence of the country in the new era. *ĐẰNG-QUỐC-BÁO* — «Stand in the van of the three movements and win collective mastery» — the revolutionary movement of the youth in the new situation. *LÊ-ĐỨC-BÌNH* — Planned formation of leading cadres and managerial cadres. *TRẦN-ĐẠI-NGHĨA* — On the carrying out of the scientific and technological revolution in Viet-nam. *ĐỖ-XUÂN-SÁNG* — They are absolutely not entitled to speak about human rights. *NHẬT-VĂN* — Lu Xun's assessment of the human qualities in the Chinese ruling classes. *HOÀNG-LƯƠNG* — The new advance of the African revolution.

REVUE DU COMMUNISME

№ 5 — 1979

Editorial — Notre juste position. *VÕ-NGUYỄN-GIÁP* — La guerre populaire de défense nationale dans l'ère nouvelle. *ĐẰNG-QUỐC-BÁO* — «Trois offensives de maîtrise collective» — mouvement révolutionnaire de la Jeunesse dans la nouvelle conjoncture. *LÊ-ĐỨC-BÌNH* — Programmation pour la promotion des cadres dirigeants et gestionnaires. *TRẦN-ĐẠI-NGHĨA* — Sur la réalisation de la révolution scientifique et technique au Viet-nam. *ĐỖ-XUÂN-SÁNG* — Ils n'ont aucune qualité pour parler du droit de l'homme. *NHẬT-VĂN* — Le point de vue de Lu Xun sur les qualités humaines de la classe dirigeante en Chine. *HOÀNG-LƯƠNG* — Un nouveau pas de la révolution africaine.

REVISTA DEL COMUNISMO

№ 5 — 1979

Editorial — Nuestra justa posición. *VÕ-NGUYỄN-GIÁP* — La guerra popular de defensa nacional en la era nueva. *ĐẰNG-QUỐC-BÁO* — «Tres ofensivas para ser dueño colectivo», un movimiento revolucionario de la Juventud en la nueva coyuntura. *LÊ-ĐỨC-BÌNH* — Programación por la promoción de los cuadros dirigentes y gestores. *TRẦN-ĐẠI-NGHĨA* — Sobre la realización de la revolución científica y técnica en Viet-nam. *ĐỖ-XUÂN-SÁNG* — Ellos no tienen ninguna calidad para hablar del derecho del hombre. *NHẬT-VĂN* — El punto de vista de Lu Xin acerca de las cualidades humanas de la clase dirigente en China. *HOÀNG-LƯƠNG* — Un nuevo paso de la Revolución africana.

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 5

1979

NĂM THỨ XXV (281)

TRƯ SỞ BỘ BIÊN TẬP :

1. Nguyễn-Thượng-Hiến, Hà-nội
Đầy nôi: 52061, 52062

TRƯ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRƯ
TẠI MIỀN NAM:

40, Trần-Cao-Văn, TP Hồ-Chí-Minh
Đầy nôi: 20060, 25768

MỤC LỤC

Xã luận – Lập trường chính nghĩa của ta	1
VÕ-NGUYỄN-GIÁP – Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới	6
ĐẶNG-QUỐC-BẢO – “Ba xung kích làm chủ tập thể” phong trào cách mạng của thanh niên trong tình hình mới	30
LÊ-ĐỨC-BÌNH – Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý	37
TRẦN-ĐẠI-NGHĨA – Bàn về sự thực hiện cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật ở Việt-nam	45
Điền tra ★ THANH-GIANG – Tình hình phân hóa giai cấp ở một ấp thuộc đồng bằng sông Cửu-long	53
Thảo luận – Về làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa ★ NGUYỄN-NGỌC-MINH – Vấn đề thể chế hóa quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động ★ NGUYỄN-THIỆP-PHẦN – Làm chủ tập thể là mục tiêu và lực đẩy của chuyển chính vô sản ★ PHÙNG-HUY-TRIÊN – Thực hiện quyền làm chủ tập thể ở trường Bắc-Lý	59
ĐỖ-XUÂN-SÁNG – Chúng hoàn toàn không có tư cách nói về quyền con người	70
NHẤT-VĂN – Lỗ-Tấn bàn về tính cách con người của giai cấp thống trị ở Trung-quốc	77
HOÀNG-LƯƠNG – Bước tiến mới của cách mạng châu Phi	83

Tìm đọc :

HỒ - CHÍ - MINH

- Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội
- Không có gì quý hơn độc lập tự do

LÊ - DUÂN

- Vai trò giai cấp công nhân Việt-nam và nhiệm vụ công đoàn trong cách mạng xã hội chủ nghĩa
- Làm chủ tập thể là bản chất và bản lĩnh của giai cấp công nhân

TRƯỜNG - CHINH

- Hồ Chủ tịch, lãnh tụ kính yêu của giai cấp công nhân và nhân dân Việt-nam

PHẠM - VĂN - ĐỒNG

- Hồ Chủ tịch, hình ảnh của dân tộc, tinh hoa của thời đại

VÕ-NGUYÊN-GIÁP

- Điện-biên-phủ
- Sức mạnh vô địch của chiến tranh nhân dân Việt-nam trong thời đại mới
- Hồ Chủ tịch, nhà chiến lược thiên tài, người cha thân yêu của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt-nam

BAN NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ ĐẢNG TRUNG ƯƠNG

- Chủ tịch Hồ-Chí-Minh (tiểu sử và sự nghiệp)

★★★

- Toàn thắng về ta

★

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM



6

6.1979

Xã luận

CHUẨN BỊ TỐT VIỆC KỶ NIỆM BA NGÀY LỄ LỚN TRONG NĂM 1980

NĂM 1980 tới là năm có ba ngày kỷ niệm lớn : kỷ niệm lần thứ 50 ngày thành lập Đảng cộng sản Việt-nam (3-2-1930 — 3-2-1980), kỷ niệm lần thứ 90 ngày sinh của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh vĩ đại (19-5-1890 — 19-5-1980) và kỷ niệm lần thứ 35 ngày thành lập nước Việt-nam dân chủ cộng hòa, ngày nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam (2-9-1945 — 2-9-1980).

Bộ chính trị Trung ương Đảng đã ra nghị quyết về việc kỷ niệm ba ngày lễ lớn nói trên.

Kỷ niệm những ngày lễ lớn đó là đề ghi nhớ những sự kiện chính trị quan trọng của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta.

Những thắng lợi vĩ đại mà nhân dân ta giành được trong gần nửa thế kỷ nay đều gắn liền với sự ra đời và hoạt động của Đảng ta, gắn liền với tên tuổi và sự nghiệp sáng ngời của Hồ Chủ tịch.

Đảng ta đã trải qua một chặng đường đấu tranh cách mạng lâu dài, đầy khó khăn gian khổ nhưng hết sức vẻ vang. Từ một nhóm nhỏ khi mới thành lập, hoạt động trong điều kiện bất hợp pháp, đến nay Đảng đã trở thành một đảng có lĩnh quân chúng rộng lớn bao gồm một triệu rưỡi đảng viên, có hệ thống tổ chức vững chắc trong cả nước. Đảng đã lãnh đạo giai cấp công nhân và nhân dân ta tiến hành thắng lợi cuộc cách mạng dân tộc dân chủ, trở thành Đảng lãnh đạo chính quyền trong cả nước và đang lãnh đạo nhân dân cả nước ta xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Lịch sử của Đảng ta và của dân tộc ta trong nửa thế kỷ qua là lịch sử đấu tranh vô cùng oanh liệt trên đất nước ta.

Giữa lúc nước nhà quần quai dưới ách thống trị của bọn thực dân, Đảng ta đứng đầu là Hồ Chủ tịch, đã ra đời. Là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác — Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt-nam trong thời đại cách mạng vô sản. Đảng ta đã sớm tiếp thụ được chân lý của thời đại, lãnh đạo nhân dân ta vùng dậy cứu nước, cứu nhà. Thấm nhuần sâu sắc những tư tưởng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, Đảng ta đã gương cao ngọn cờ độc lập dân

lộc và ngọn cờ chủ nghĩa xã hội, lãnh đạo nhân dân ta tiến hành một trong những cuộc cách mạng sâu sắc nhất, triệt để nhất, quyết liệt nhất trong thời đại chúng ta. Đảng đã lãnh đạo ba cao trào cách mạng (1) dẫn tới thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, giành chính quyền về tay nhân dân ta, lập nên nước Việt-nam dân chủ cộng hòa—Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á. Cách mạng tháng Tám là bước nhảy vọt vĩ đại đánh dấu một bước biến đổi cực kỳ to lớn trong lịch sử 4000 năm của dân tộc ta. Nó đập tan ách áp bức hàng trăm năm của chế độ thực dân; xóa bỏ ách thống trị hàng nghìn năm của chế độ phong kiến, mở đầu thời kỳ vùng dậy oanh liệt nhất trong lịch sử dân tộc ta. Cách mạng tháng Tám đã thức tỉnh và cổ vũ các dân tộc bị chủ nghĩa thực dân nô dịch vùng lên chiến đấu, tự mình giải phóng cho mình.

Phát huy truyền thống vẻ vang của Cách mạng tháng Tám, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta đánh bại hết kẻ thù xâm lược này đến kẻ thù xâm lược khác; tiến hành thắng lợi hai cuộc cách mạng: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa; vừa chiến đấu chống kẻ thù xâm lược, vừa chiến đấu chống kẻ thù trong nước; vừa làm tròn nghĩa vụ dân tộc vừa làm tốt nghĩa vụ quốc tế.

Với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống đế quốc Pháp, nhân dân Việt-nam là người đầu tiên đánh thắng chủ nghĩa thực dân cũ, mở đầu quá trình sụp đổ của hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc. Với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, nhân dân Việt-nam cũng là người đầu tiên đánh thắng chủ nghĩa thực dân mới, báo hiệu sự sụp đổ không thể tránh khỏi của chủ nghĩa thực dân mới trên thế giới. Thắng lợi hoàn toàn và triệt để của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã được cả loài người tiến bộ ca ngợi như một chiến công bất hủ. Thắng lợi vĩ đại của sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã đưa nhân dân ta lên ngang hàng các dân tộc tiên phong đấu tranh cho những lý tưởng cao đẹp của loài người, góp phần lịch cực thúc đẩy ba dòng thác cách mạng trên thế giới.

Đất nước ta vừa ra khỏi cuộc chiến tranh chống Mỹ thì tập đoàn cầm quyền phản động Trung-quốc với âm mưu bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn lại sử dụng tập đoàn Pôn Pốt — Iêng Xa-ry gây chiến tranh xâm lược nước ta từ phía tây nam, và đầu năm nay lại trực tiếp tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta từ phía bắc. Nhưng với ý chí sắt thép bảo vệ độc lập tự do của Tổ quốc, với đường

(1) Ba cao trào cách mạng là: cao trào xô viết Nghệ — Tĩnh 1930 — 1931; cao trào Mặt trận dân chủ 1936 — 1939 và cao trào Mặt trận Việt-minh cứu nước 1940 — 1945.

lỗi đúng dân, sáng tạo, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của bọn phản động Trung-quốc.

Đảng ta không những phải đương đầu với những khó khăn, thử thách trong sự nghiệp giải phóng đất nước và bảo vệ đất nước mà cả trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cách mạng xã hội chủ nghĩa vốn là một sự nghiệp khó khăn phức tạp, nhân dân ta lại tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trong hoàn cảnh từ một nền sản xuất nhỏ tiến lên và trong nhiều năm vừa xây dựng vừa phải chiến đấu chống xâm lược, miền Nam nước ta lại vừa thoát thai từ một thuộc địa kiểu mới của Mỹ. Nhưng với bản chất cách mạng và khoa học của Đảng, trung thành tuyệt đối với chủ nghĩa Mác – Lê-nin, vững tin ở sức mạnh vô địch và tài năng sáng tạo của quần chúng, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta vượt mọi khó khăn, thử thách, đưa công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước tiến lên từng bước mạnh mẽ và vững chắc.

Được tôi luyện, thử thách trong bão táp cách mạng suốt mấy chục năm liên tiếp, chống nhiều loại kẻ thù tàn bạo để giành chính quyền và giữ vững chính quyền, để cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới, để bảo vệ Tổ quốc thân yêu, Đảng ta đã xứng đáng là đội ngũ tiên phong của giai cấp công nhân Việt-nam, người đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc, và đã trở thành một Đảng Mác – Lê-nin chân chính, một đội ngũ kiên cường của phong trào cộng sản quốc tế.

Thắng lợi của cách mạng Việt-nam là thắng lợi chói lọi của chủ nghĩa Mác – Lê-nin được Đảng ta vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh Việt-nam, một nước nông nghiệp lạc hậu vốn là thuộc địa và nửa phong kiến. Với những thắng lợi của cách mạng Việt-nam, Đảng ta đã có những cống hiến quý báu góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác – Lê-nin.

50 năm chỉ là một thời gian ngắn so với lịch sử bốn nghìn năm của dân tộc. Nhưng trong 50 năm qua, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, nhân dân ta đã phát huy đến cao độ bản chất anh hùng, cách mạng và tài trí của mình, viết nên những trang huy hoàng nhất trong cuốn sử vàng của dân tộc.

Những trang sử chói lọi của cách mạng Việt-nam trong nửa thế kỷ nay mãi mãi gắn liền với tên tuổi của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh, người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, vị lãnh tụ thiên tài của giai cấp công nhân và nhân dân ta, người anh hùng dân tộc vĩ đại, người chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản quốc tế. Hồ Chủ tịch đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng nhân dân, thống nhất

Tổ quốc, cho sự nghiệp của Đảng, của dân tộc, cho những lý tưởng cao đẹp của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, làm rạng rỡ non sông đất nước ta, để lại cho chúng ta và các thế hệ mai sau những di sản bất diệt.

Tự hào về Đảng ta, nhân dân ta, đất nước ta và với lòng biết ơn vô hạn đối với Hồ Chủ tịch kính mến, chúng ta hãy chuẩn bị kỷ niệm ba ngày lễ lớn sao cho xứng đáng với lịch sử 50 năm đấu tranh vẻ vang của Đảng, với sự chuyển mình như Phù đồng của dân tộc và với cuộc đời hoạt động cách mạng vĩ đại của Bác Hồ.



Chúng ta chuẩn bị kỷ niệm ba ngày lễ lớn của Đảng ta, của giai cấp công nhân và nhân dân ta trong những điều kiện lịch sử mới.

Ngay sau khi miền Nam nước ta được hoàn toàn giải phóng, trước tiên đồ rợ rở của Tổ quốc ta, tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh đã nhanh chóng bộc lộ dã tâm của họ. Họ coi sự vững mạnh của cách mạng Việt-nam, sự phồn vinh của nước Việt-nam độc lập và thống nhất là trở lực lớn nhất đối với âm mưu bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn của họ ở khu vực Đông Nam châu Á. Họ cấu kết với chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động khác điên cuồng chống phá cách mạng nước ta. Đặc biệt nghiêm trọng là ngày 17-2-1979, tập đoàn cầm quyền Trung-quốc đã ngang nhiên tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta. Bị thất bại nặng nề cả về quân sự và chính trị, họ đã buộc phải rút quân về nước, nhưng với âm mưu bành trướng đại dân tộc ở Đông-dương và Đông Nam châu Á, tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh vẫn đang ráo riết tăng cường những hoạt động quân sự và đưa hơn nửa triệu quân áp sát biên giới nước ta, đe dọa xâm lược, thôn tính nước ta.

Một lần nữa, dân tộc ta lại đứng trước một thử thách lịch sử mới. Nhiệm vụ chung trước mắt của cách mạng nước ta là: động viên cao độ tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, truyền thống đoàn kết chống ngoại xâm, linh thần tự lực tự cường của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động, đánh bại mọi âm mưu xâm lược của tập đoàn cầm quyền phản động Trung-quốc đối với nước ta và tiếp tục đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước.

Đánh bại mọi mưu đồ xâm lược và phá hoại của chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn Trung-quốc chống phá cách mạng Việt-nam là sứ mệnh lịch sử của nhân dân ta trong giai đoạn hiện nay. Có hoàn thành sứ mệnh lịch sử ấy, nhân dân ta mới bảo vệ được độc lập dân tộc, đưa nước ta tiến nhanh, tiến mạnh,

tiền vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, góp phần thúc đẩy quá trình tiến lên của cách mạng thế giới và góp phần bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin.

Vì vậy, một yêu cầu hết sức quan trọng của đợt kỷ niệm này là mở cuộc vận động giáo dục chính trị sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, làm cho mọi người thấu suốt tình hình và nhiệm vụ mới, hiểu rõ bản chất phản động và những âm mưu thâm độc của tập đoàn phản động Trung-quốc đối với nước ta. Qua đó mà giáo dục thật sâu sắc tư tưởng « không có gì quý hơn độc lập tự do », nâng cao lòng-yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, mài sắc tinh thần cảnh giác cách mạng, ý chí quyết chiến quyết thắng, đoàn kết triệu người như một chung quanh Ban chấp hành Trung ương Đảng, quyết đánh bại mọi mưu đồ xâm lược và phá hoại của tập đoàn phản động Trung-quốc, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa thân yêu, đồng thời vượt qua mọi khó khăn, thử thách, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, cho xứng đáng với truyền thống đấu tranh anh hùng, vẻ vang của Đảng ta và của dân tộc ta.

Mấy năm qua, từ khi bước vào giai đoạn mới, sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta đã giành được những thắng lợi to lớn mới. Sự ra đời của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam là thành quả vĩ đại của cách mạng nước ta sau ngót nửa thế kỷ chiến đấu. Nó đánh dấu kỷ nguyên mới của dân tộc ta: kỷ nguyên độc lập, thống nhất và chủ nghĩa xã hội, mở ra những triển vọng tốt đẹp chưa từng có đối với sự phát triển của nước ta.

Việc nước ta tham gia Hội đồng tương trợ kinh tế và việc ký kết hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt – Xô là những sự kiện quan trọng đánh dấu bước phát triển tốt đẹp mới trong quan hệ giữa nước ta với các nước xã hội chủ nghĩa anh em và đang tạo ra cho nhân dân ta những điều kiện thuận lợi mới để tiến lên vững chắc trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Đặc biệt, thắng lợi vĩ đại của nhân dân Cam-pu-chia anh em, dưới sự lãnh đạo của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia, đánh đổ chế độ tàn bạo Pôn Pốt – Iêng Xa-ry, tay sai của tập đoàn phản động Trung-quốc, giải phóng hoàn toàn đất nước Cam-pu-chia, là một nguồn cổ vũ to lớn đối với nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Thắng lợi của nhân dân Lào, dưới sự lãnh đạo của Đảng nhân dân cách mạng Lào, làm thất bại một bước âm mưu bạo loạn và lật đổ do tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh xúi giục chống nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, cũng là một nguồn cổ vũ to lớn đối với nhân dân ta. Những thắng lợi to lớn của nhân dân ba nước Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia trong thời

gian qua đã làm cho thể của ba nước vững mạnh hơn bao giờ hết, và tình đoàn kết giữa ba dân tộc vững chắc hơn bao giờ hết.

Dưới ánh sáng các nghị quyết của Đảng, mấy năm qua, nhân dân ta đã phấn đấu rất anh dũng, vượt qua nhiều khó khăn, giành được những thắng lợi rất đáng tự hào trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng và an ninh, đối nội và đối ngoại. Chúng ta đã làm tốt nhiệm vụ khôi phục kinh tế, hàn gắn những vết thương chiến tranh do đế quốc Mỹ gây ra và đang từng bước khôi phục sản xuất, ổn định đời sống nhân dân, khắc phục những hậu quả chiến tranh do lập đoàn phản động Trung-quốc gây ra. Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa trong các vùng mới giải phóng ở miền Nam được đẩy mạnh. Các giai cấp bóc lột đang bị xóa bỏ, quan hệ sản xuất mới đã và đang được xác lập trong các ngành kinh tế. Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế phát triển mạnh mẽ; chúng ta đang xóa bỏ những nọc độc văn hóa thực dân mới ở miền Nam, khôi phục nhân phẩm, tổ chức đời sống văn hóa lành mạnh, bước đầu đổi mới những quan hệ giữa người và người. Chúng ta đã giữ vững được an ninh chính trị và trật tự xã hội, củng cố được quốc phòng, trừng trị đích đáng những kẻ xâm lược. Chúng ta cũng đã làm tốt nghĩa vụ quốc tế của mình.

Tuy nhiên, so với những mục tiêu của kế hoạch 5 năm lần thứ hai 1976 – 1980 thì những thành tựu giành được trong những năm qua còn thấp. Chúng ta lại có những khó khăn mới do cuộc chiến tranh tàn bạo của bọn Trung-quốc xâm lược gây ra. Vì vậy, một nhiệm vụ hết sức quan trọng, hết sức cấp bách đặt ra cho Đảng ta, Nhà nước ta và nhân dân ta là phát huy hơn nữa tinh thần chiến đấu cách mạng, ý chí tự lực tự cường, ra sức phấn đấu đến mức cao nhất trong việc thực hiện những nhiệm vụ và mục tiêu của kế hoạch 5 năm lần thứ hai theo tinh thần Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng.

Mặt khác, dưới ánh sáng của tình hình mới, các cấp, các ngành cần khẩn trương xem xét lại các phương án bố trí sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải, v.v., kết hợp sản xuất với chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, kết hợp kinh tế với quốc phòng, kết hợp sản xuất với tổ chức quản lý cho phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

Trong đợt kỷ niệm này, các cấp ủy Đảng cần phát động một phong trào thi đua lao động sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu thật mạnh mẽ, sôi nổi, liên tục và rộng khắp trong cả nước, nhằm thực hiện tốt kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ hai, ổn định và bảo đảm đời sống của nhân dân, củng cố quốc phòng, bảo vệ trật tự an ninh, xây dựng cơ sở vật

chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội và làm tròn nghĩa vụ quốc tế.

Những năm qua, tiếp tục rèn luyện trong cuộc đấu tranh vừa cải tạo xã hội chủ nghĩa vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, Đảng ta đã có bước trưởng thành mới cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đảng đã giải quyết kịp thời và đúng đắn các vấn đề về nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, những vấn đề về đường lối đối nội cũng như về đường lối đối ngoại của giai đoạn mới, đáp ứng nhu cầu tiến lên của cách mạng nước ta. Sự lãnh đạo của Đảng đang đi sâu vào các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tổ chức của Đảng được xây dựng thống nhất trong cả nước. Lực lượng của Đảng được mở rộng trong các vùng mới giải phóng ở miền Nam. Sự đoàn kết thống nhất của Đảng được tăng cường hơn bao giờ hết.

Bên cạnh những mặt mạnh cơ bản ấy, Đảng ta cũng có những mặt yếu, yếu về năng lực tổ chức chỉ đạo thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, yếu về việc sắp xếp đội ngũ cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, yếu vì số tổ chức cơ sở Đảng chưa vững mạnh còn chiếm một tỷ lệ không nhỏ, yếu vì trong đội ngũ của Đảng có một bộ phận, về năng lực cũng như về phẩm chất chưa tương xứng với yêu cầu tiến lên của cách mạng hiện nay, thậm chí có một số đã thoái hóa, biến chất. Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố cơ bản quyết định mọi thắng lợi của cách mạng. Việc phát huy những mặt mạnh và khắc phục những mặt yếu của Đảng là điều kiện cơ bản để đưa sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta tiến lên. Trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, sức mạnh của Đảng không chỉ ở bản thân Đảng mà gắn liền với vai trò làm chủ tập thể của quần chúng và hiệu lực quản lý của Nhà nước.

Vì vậy, một yêu cầu quan trọng trong đợt kỷ niệm này là tiến hành một cuộc vận động tập trung xây dựng Đảng vững mạnh và trong sạch cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức và củng cố chính quyền nhân dân, nhằm nâng cao hơn nữa sức chiến đấu của Đảng, năng lực làm chủ tập thể của quần chúng và hiệu lực quản lý của Nhà nước. Yêu cầu trọng tâm trong đợt kỷ niệm này là xây dựng và củng cố tổ chức Đảng và chính quyền ở cơ sở.

Các cấp ủy Đảng cần có kế hoạch và biện pháp cụ thể để thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Hội nghị lần thứ IV của Trung ương Đảng về kiện toàn tổ chức, cải tiến chế độ làm việc, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Hết sức coi trọng việc giáo dục lý luận Mác – Lênin, đường lối của Đảng và những nhiệm vụ cách mạng đã được xác định trong Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV và trong các Nghị quyết của Trung ương Đảng sau Đại hội, nâng cao trình độ kiến thức, năng lực và phẩm chất cách mạng cho cán bộ, đảng viên.

Thông qua cuộc vận động giáo dục chính trị và phong trào quần chúng, dựa vào quần chúng cách mạng mà củng cố và xây dựng tổ chức Đảng và tổ chức chính quyền. Kê nạp vào Đảng những người ưu tú, liên tiếp trong phong trào cách mạng, những người có giác ngộ cộng sản chủ nghĩa, nhất là lực lượng trẻ. Cố gắng phấn đấu để đến hết năm 1980, tất cả các cơ sở như xí nghiệp, phường, xã, đơn vị chiến đấu, trường học, bệnh viện... đều có chi bộ vững mạnh và trong sạch. Kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên, những phần tử thoái hóa, biến chất. Các đảng bộ miền Nam còn phải làm tốt công tác bảo vệ Đảng theo tinh thần chỉ đạo của Trung ương. Đưa những cán bộ thật sự có năng lực và phẩm chất, nhất là những cán bộ trẻ, vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng và chính quyền ở các cấp, kết hợp tốt cán bộ cũ và cán bộ mới, làm cho Đảng có sức chiến đấu mới.

Xây dựng cơ cấu tổ chức hợp lý và nền nếp sinh hoạt chặt chẽ giữa các tổ chức Đảng, Nhà nước và đoàn thể quần chúng, thể hiện mối quan hệ đúng đắn giữa Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ và Nhà nước quản lý, nhằm phát huy cao độ hiệu lực của hệ thống chuyên chính vô sản và chế độ làm chủ tập thể của nhân dân ở mọi cấp, mọi ngành.

Cuộc đời hoạt động của Hồ Chủ tịch là một mẫu mực về tinh thần chiến đấu cách mạng, một tấm gương vô cùng trong sáng về đạo đức cách mạng. Các cơ quan của Đảng, của Nhà nước, các đoàn thể quần chúng cần đẩy mạnh việc tuyên truyền, giáo dục về tư tưởng và đạo đức của Hồ Chủ tịch trong cán bộ, đảng viên, trong quân đội, trong nhân dân ta, trước hết là trong Đảng và trong Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh, làm cho mọi người « sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại ». Qua đó mà giáo dục và nâng cao lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa và lối sống xã hội chủ nghĩa; kiên quyết đấu tranh chống những hiện tượng tiêu cực.

Kỷ niệm ba ngày lễ lớn là một dịp biểu dương và phát huy những truyền thống tốt đẹp, những thắng lợi vĩ đại của cách mạng nước ta và cũng là một dịp động viên và cổ vũ toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta ra sức thi đua lập nhiều thành tích xây dựng chủ nghĩa xã hội, chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và làm tròn nghĩa vụ quốc tế. Chúng ta hãy phát huy hơn nữa truyền thống đấu tranh anh hùng, vẻ vang của Đảng ta và của dân tộc ta, nâng cao hơn nữa lòng tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng và tiền đồ rực rỡ của dân tộc ta, tiếp tục thực hiện Di chúc thiêng liêng của Hồ Chủ tịch, ra sức thi đua lập nhiều thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu và trong mọi hoạt động khác để thiết thực kỷ niệm ba ngày lễ lớn trong năm 1980

THỰC HIỆN THẬT TỐT VIỆC XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NĂM 1980 TỪ CƠ SỞ VÀ HUYỆN

TRONG những tháng cuối năm nay, cùng với việc đẩy mạnh thực hiện kế hoạch năm 1979, chúng ta có một nhiệm vụ rất quan trọng là thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch năm 1980 từ cơ sở và huyện, để kế hoạch Nhà nước thật sự được tổng hợp từ cơ sở và huyện. Đây là một hướng đổi mới có ý nghĩa lớn trong công tác kế hoạch hóa: dựa vào việc phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ở cơ sở mà khai thác các tiềm năng kinh tế, đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới.

Chúng ta bước vào xây dựng kế hoạch năm 1980 trong không khí hân hoan phấn khởi của nhân dân cả nước ta trước những thắng lợi to lớn trên các mặt chính trị, kinh tế, quân sự, ngoại giao; trong tình hình công cuộc xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa đang đứng trước **những thuận lợi mới, hết sức to lớn và cơ bản.**

Sau thắng lợi của cách mạng Cam-pu-chia và chiến thắng ở biên giới phía bắc nước ta chống quân Trung-quốc xâm lược, đã xuất hiện thể chiến lược mới, hết sức vững vàng, với những thuận lợi chưa từng có của cách mạng ba nước Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia. Biên giới tây nam nước

ta đã có hòa bình. Ba nước có những thế mạnh bổ sung, hỗ trợ cho nhau, bảo đảm cho việc tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội trong mọi tình huống.

Trong khí thế chiến thắng, hưởng ứng Lời kêu gọi của Ban chấp hành trung ương Đảng và Lệnh tổng động viên của Nhà nước, nhân dân cả nước ta đã hăng hái đẩy mạnh sản xuất, xây dựng và đạt được những thắng lợi quan trọng, sản xuất nông nghiệp vụ Đông-xuân đạt kết quả tốt. Các ngành công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp tiếp tục tiến lên, với những thành tựu mới về sử dụng nguyên liệu trong nước, tận dụng phế liệu, phế phẩm.

Sự hợp tác, tương trợ giữa nước ta với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em trong Hội đồng tương trợ kinh tế được tăng cường và phát triển lên một bước mới. Đây là một nguồn lực lượng quan trọng, giúp chúng ta phát huy hơn nữa sức mạnh của mình, đẩy nhanh công cuộc xây dựng kinh tế.

Những thuận lợi mới, to lớn và cơ bản nói trên đang được các cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân ta trong cả nước chuyển thành sức mạnh về kinh tế và quốc phòng, và nó càng

thúc đẩy phong trào thi đua yêu nước xã hội chủ nghĩa trên khắp các mặt hoạt động.

Dương nhiên, chúng ta cũng không thể coi nhẹ **những khó khăn, những mặt không cân đối trong nền kinh tế nước ta**, và những khó khăn mới do các hoạt động thù địch của bọn phản động theo chủ nghĩa bành trướng và bá quyền nước lớn Trung-quốc gây ra. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng ta, dựa vào sức mạnh to lớn của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động, nhất định chúng ta khắc phục được khó khăn, đưa nền kinh tế nước ta tiếp tục tiến lên.

Việc xây dựng kế hoạch năm 1980 phải bám sát những thuận lợi và khó khăn đó, nêu được những phương hướng, mục tiêu tích cực và vững chắc, với những biện pháp kiên quyết và thiết thực, có hiệu lực, bảo đảm chuyển biến nền kinh tế theo yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới.

Kế hoạch Nhà nước năm 1980 có vị trí rất quan trọng vì đây là kế hoạch năm cuối thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch 5 năm 1976 - 1980 và chuẩn bị cho kế hoạch 5 năm 1981 - 1985. Việc xây dựng kế hoạch năm 1980 phải thể hiện rõ rệt yêu cầu "thực sự đổi mới kế hoạch hóa cả nội dung và phương pháp" như Nghị quyết hội nghị lần thứ năm của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa IV) đã đề ra. Phương hướng cơ bản về đổi mới công tác kế hoạch hóa là:

- Về nội dung, phải quán triệt hơn nữa đường lối của Đảng, vận dụng tốt hơn nữa các quy luật kinh tế khách quan, dựa vào việc động viên, khai thác mọi tiềm lực kinh tế trong nước, sử dụng tốt lao động, đất đai, các tài nguyên và cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có, đồng thời mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài, đặc biệt là với Liên-xô, Lào, Cam-pu-chia và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác.

từng bước xây dựng cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp của cả nước, của tỉnh, thành phố và cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp huyện, kết hợp chặt chẽ xây dựng kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng.

- Về phương pháp, việc cân đối kế hoạch phải xuất phát chủ yếu từ lao động, đất đai, rừng, biển, các tư liệu sản xuất khác hiện có. Phải mở rộng quyền chủ động để cho các cơ sở, các địa phương, các ngành làm chủ được kế hoạch của mình, làm tốt việc xây dựng kế hoạch Nhà nước từ cơ sở và huyện lên, khắc phục tình trạng vừa tập trung quan liêu, vừa phân tán, dàn đều, thiếu trách nhiệm trong việc xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch. Phải thể hiện các chủ trương kinh tế của Đảng thành các phương án kinh tế - kỹ thuật, coi trọng hiệu quả kinh tế của kế hoạch và từng bước khắc phục lề thói hành chính bao cấp trong quản lý. Cần áp dụng tốt các phương pháp kế hoạch hóa theo định mức và định chuẩn, phương pháp chương trình đồng bộ theo mục tiêu, phương pháp cân đối liên ngành... và mạnh dạn sử dụng toán kinh tế, máy tính điện tử vào việc tính toán kế hoạch.

Đây là **sự đổi mới toàn diện, sâu sắc, gắn liền với sự đổi mới toàn bộ các khâu trong hệ thống quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa của nước ta**.

Hiện nay, bọn phản động theo chủ nghĩa bành trướng và bá quyền nước lớn Trung-quốc đã bị thất bại nặng nề trong cuộc chiến tranh xâm lược nước ta, nhưng âm mưu cơ bản và lâu dài của chúng vẫn chưa thay đổi. Chúng đang tiếp tục ráo riết chuẩn bị chiến tranh xâm lược nước ta, thường xuyên uy hiếp công cuộc xây dựng hòa bình của nhân dân ta. Trong tình hình mới, cả nước ta phải nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược: đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội; sẵn sàng chiến đấu

và chiến đấu tốt để bảo vệ Tổ quốc. Chúng ta phải thực hiện tốt **ba nhiệm vụ chung** mà Hội nghị lần thứ năm của Trung ương Đảng (khóa IV) đã đề ra là:

— **Đẩy mạnh sản xuất và cải tạo xã hội chủ nghĩa, ổn định và bảo đảm đời sống nhân dân.**

— **Tăng cường quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc.**

— **Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.**

Cùng với ba nhiệm vụ đó, chúng ta phải làm tốt nghĩa vụ quốc tế đối với hai nước bạn Lào và Cam-pu-chia.

Một vấn đề đặc biệt quan trọng là giải quyết **mối quan hệ giữa kinh tế và quốc phòng** trong tình hình mới. Trước những âm mưu và thủ đoạn thâm độc của bọn phản động Trung-quốc, chúng ta vừa phải khẩn trương tăng cường quốc phòng, vừa phải đẩy mạnh xây dựng kinh tế. Mạnh về kinh tế là cơ sở để mạnh về quốc phòng và mạnh về quốc phòng là để bảo vệ vững chắc những thành tựu kinh tế. Muốn có đủ lực lượng quân sự để đánh thắng quân xâm lược trong mọi tình huống, đồng thời vẫn phát triển kinh tế, ổn định và bảo đảm tốt đời sống nhân dân, phương hướng giải quyết cơ bản là, *một mặt*, phải tăng nhanh năng suất lao động xã hội trên cơ sở sử dụng tốt lao động, đất đai và cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có, coi đó là nguồn tạo nên của cải vật chất để đáp ứng yêu cầu quốc phòng, cải thiện đời sống và tích lũy cho nền kinh tế; *mặt khác*, quân đội phải khai thác hết khả năng làm kinh tế, tích cực sản xuất ra của cải, từng bước tiến tới tự bảo đảm được chi phí nuôi quân.

Năm 1980, quán triệt Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và các Nghị quyết của Trung ương Đảng, chúng ta tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ kinh tế đã được đề ra trong

Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm của Trung ương Đảng, mà **trọng tâm là sản xuất lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và xuất khẩu**, và để bảo đảm nhiệm vụ kinh tế cực kỳ quan trọng đó, phải thật sự đổi mới cách suy nghĩ, cách làm ăn, thay đổi cách chỉ đạo và quản lý nền kinh tế, **phải thật sự đi từ cơ sở, đi từ huyện để đẩy mạnh các hoạt động kinh tế, giải quyết các khó khăn, đáp ứng các yêu cầu.**

Do cách làm kế hoạch phải được đổi mới, **những điều kiện vật chất để cân đối kế hoạch phải được tích cực khai thác từ dưới lên**, cho nên vừa qua, trong việc giao số kiểm tra kế hoạch năm 1980 cho các ngành, các địa phương, trung ương chỉ nêu yêu cầu, nhiệm vụ, các mục tiêu chủ yếu cho ngành, địa phương, và nói rõ khả năng về các điều kiện, vật chất do Nhà nước cân đối, các ngành, các địa phương và cơ sở phải **tận lực khai thác mọi khả năng của mình** và phấn đấu giảm chi phí vật chất trong sản xuất và xây dựng, để với số vốn và vật tư có hạn, làm ra được nhiều sản phẩm hơn, đáp ứng được các yêu cầu của nền kinh tế.

Chính vì vậy, trong quá trình xây dựng kế hoạch năm 1980, chúng ta đặc biệt coi trọng việc xây dựng kế hoạch của cơ sở và huyện, và **kế hoạch Nhà nước năm 1980 nhất thiết phải được xây dựng và tổng hợp từ cơ sở và từ huyện.**

Xây dựng kế hoạch Nhà nước năm 1980 từ cơ sở và huyện là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta, nhằm giải quyết những vấn đề cực kỳ to lớn của nền kinh tế, trước hết là lương thực, thực phẩm, xây dựng từng bước cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp của huyện để tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa, và xây dựng huyện thành pháo đài bảo vệ Tổ quốc.

Xây dựng kế hoạch Nhà nước năm 1980 từ cơ sở và huyện là cách làm kế hoạch theo tinh thần dựa vào sức mình là chính, trên cơ sở phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ở cơ sở, xuất phát từ thế mạnh to lớn của ta là nguồn lao động dồi dào, nguồn vốn về đất đai, rừng, biển và các cơ sở kinh tế sẵn có. Kết hợp khai thác tài nguyên trong nước với hợp tác kinh tế với nước ngoài để đẩy nhanh nhịp độ phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động, tăng sản phẩm xã hội, tăng thu nhập quốc dân và giải quyết những vấn đề cấp bách về đời sống, phục vụ nhu cầu chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu để đánh thắng giặc bành trướng Trung-quốc xâm lược, tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Lần này, việc xây dựng kế hoạch của huyện và cơ sở gắn liền với việc xây dựng cấp huyện và kiện toàn cơ sở, nhưng không phải là xây dựng toàn diện cấp huyện, vì việc này có nhiều nội dung cần được tiến hành trong nhiều năm. Tuy nhiên, trong dịp này, cần gắn chặt việc xây dựng kế hoạch năm 1980 với việc lãnh đạo tiến hành ba cuộc cách mạng ở nông thôn, với công tác xây dựng Đảng, củng cố tổ chức, xây dựng đội ngũ cán bộ và công tác động viên phục vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu ở huyện và cơ sở.

Kế hoạch của huyện là kế hoạch toàn diện, việc xây dựng kế hoạch toàn diện của cấp huyện phải làm liên tục trong nhiều năm. Trước mắt, do yêu cầu của nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước năm 1980 như đã nêu trên, việc xây dựng kế hoạch năm 1980 của huyện mới làm một bước, mà trọng tâm là xây dựng cho được kế hoạch nông nghiệp và các kế hoạch khác có liên quan phục vụ cho nông nghiệp, tập trung vào giải quyết các mục tiêu quan trọng, nhất là lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất

khẩu. Đối với các huyện có lâm nghiệp và ngư nghiệp là chủ yếu thì phải xây dựng tốt kế hoạch phát triển lâm nghiệp và ngư nghiệp, và các mặt kế hoạch khác có liên quan cũng phải phục vụ cho kế hoạch lâm nghiệp và ngư nghiệp. Cùng với kế hoạch sản xuất, cần đặc biệt coi trọng các kế hoạch về thu mua, giao nộp sản phẩm, làm tốt nghĩa vụ của huyện đóng góp cho cả nước để trang trải các nhu cầu của nền kinh tế quốc dân.

Kế hoạch của huyện năm 1980 phải nêu cao nhiệm vụ cân đối lương thực trong từng huyện, bảo đảm lương thực cung cấp cho nhân dân (cả cán bộ, công nhân, viên chức Nhà nước) trong huyện, có đóng góp cho Nhà nước và cố gắng có dự trữ. Đồng nhiên, đối với các huyện có vùng cây công nghiệp tập trung làm nguyên liệu cho công nghiệp hoặc xuất khẩu, hoặc có những ngành nghề khác, nếu không tự cân đối được lương thực thì tỉnh phải cân đối và có kế hoạch điều hòa lương thực trong phạm vi tỉnh.

Cùng với kế hoạch kinh tế, các kế hoạch văn hóa, đời sống, cải tạo và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn cần được chú trọng xây dựng cho tốt, nhất là các huyện ở miền Nam.

Việc xây dựng kế hoạch của cơ sở và huyện thuộc trách nhiệm chính của cấp huyện và các tỉnh, thành phố, nhưng các ngành trung ương đều có trách nhiệm phối hợp với tỉnh chỉ đạo sát và tạo điều kiện thuận lợi cho cơ sở và huyện xây dựng tốt kế hoạch. Ban cán sự Đảng các bộ, tổng cục có liên quan cần cử cán bộ xuống cùng với tỉnh giúp huyện xây dựng kế hoạch của ngành ở huyện từ cơ sở (xí nghiệp quốc doanh, hợp tác xã, ban sản xuất xã, ấp). Thông qua sự

(Xem tiếp trang 23)

CHIẾN THẮNG ĐIỆN-BIÊN-PHỦ MÃI MÃI LÀ NIỀM TỰ HÀO CỦA DÂN TỘC VIỆT-NAM

TRƯỜNG-CHINH

CHIẾN thắng Điện-biên-phủ đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến lâu dài và anh dũng của quân và dân ta chống thực dân Pháp xâm lược được bọn can, thiệp Mỹ giúp sức.

Chiến thắng Điện-biên-phủ đã đánh lui một bước, đánh đổ một bộ phận chủ nghĩa đế quốc thế giới ở Việt-nam, đã góp phần thúc đẩy cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Năm nay, chúng ta kỷ niệm lần thứ 25 chiến thắng Điện-biên-phủ sau khi nhân dân ta đã « đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào », đang hoàn thành thống nhất nước nhà về mọi mặt và ra sức thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng.

Chúng ta kỷ niệm lần thứ 25 chiến thắng Điện-biên-phủ vào lúc quân và dân ta vừa liên tiếp lập được những chiến công oanh liệt: chiến thắng bọn phản động Cam-pu-chia xâm lược ở biên giới tây - nam; giúp nhân dân Cam-pu-chia thoát khỏi họa diệt chủng của bè lũ Pôn Pốt — lêng Xa-ry, tay sai của chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc Bắc-kinh; chiến thắng bọn phản động Trung-quốc xâm lược ở biên giới phía bắc.

Chúng ta kỷ niệm lần thứ 25 chiến thắng Điện-biên-phủ vào lúc toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đang vừa khẩn trương xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước, vừa chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, thực hiện Lời kêu gọi của Ban chấp hành trung ương Đảng và Lệnh tổng động viên

của Nhà nước để bảo vệ Tổ quốc thân yêu.

Chúng ta càng cố điều kiện để thấy rõ hơn ý nghĩa vĩ đại của chiến thắng Điện-biên-phủ trong lịch sử dân tộc cũng như trong quá trình phát triển của cách mạng thế giới.



Năm 1953 là năm thứ tám của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, là năm các tổ chức kháng chiến của ta đã lớn mạnh, phong trào chiến tranh nhân dân ở nước ta đã phát triển rộng khắp, các lực lượng vũ trang nhân dân Việt-nam đã dần dần trưởng thành, một phần bộ đội chủ lực của ta đã tổ chức thành những đơn vị tập trung làm nhiệm vụ lực lượng cơ động chiến lược: quân và dân ta đang đẩy mạnh phản công địch trên khắp các chiến trường, dồn quân địch vào thế bị động phòng ngự.

Sau khi cuộc đình chiến ở Triều-tiên được ký kết (1953), bọn hiếu chiến Pháp – Mỹ đặt kế hoạch tăng cường và mở rộng chiến tranh xâm lược Đông-dương, hòng giành thắng lợi quyết định trong vòng 18 tháng. Kế hoạch này được đế quốc Mỹ phê chuẩn, gánh chịu 80% kinh phí, và được giao cho tướng Pháp Na-va thực hiện.

Theo kế hoạch Na-va, bọn đế quốc Pháp – Mỹ định trong thu –

đông năm 1953 dùng chiến thuật tiến công để thực hiện chiến lược phòng ngự ở chiến trường miền Bắc, nhằm tiêu hao nặng các lực lượng cơ động chiến lược của ta ở đó, để mùa hè năm 1954 chúng sẽ rảnh tay chuyển lực lượng cơ động chiến lược của chúng vào miền Nam, tiến công đánh chiếm vùng tự do Liên khu V và bình định toàn bộ chiến trường miền Nam. Sau đó, đến thu – đông năm 1954 chúng lại chuyển lực lượng cơ động chiến lược của chúng ra miền Bắc, thực hiện tiến công chiến lược nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng lực lượng của ta ở miền Bắc, giành thắng lợi quyết định trên chiến trường Đông-dương. Theo chúng, như thế là kế hoạch Na-va sẽ thành công, Đông-dương vẫn là thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc Pháp, đồng thời sẽ là căn cứ quân sự của đế quốc Mỹ.

Để thực hiện kế hoạch mang tên y, Na-va chủ trương «tập trung lực lượng, tích cực tiến công, giành lại chủ động» và đã điều động 9 tiểu đoàn cơ động từ Pháp sang và từ Triều-tiên về, ra sức phát triển quân nguy (54 tiểu đoàn trong năm 1953 và 108 tiểu đoàn trong năm 1954), rút tập đoàn cứ điểm Nà-sơn, bỏ nhiều vị trí lẻ ở đồng bằng Bắc-bộ, và chuyển quân từ Nam-bộ, Trung-bộ, Lào và Cam-pu-chia ra Bắc-bộ, đưa lực lượng tập trung ở Bắc-bộ lên 112 tiểu đoàn, tức là gần 50% lực lượng của chúng ở toàn Đông-dương. Trong số 112 tiểu đoàn

do, chúng đã tập trung 44 tiểu đoàn làm lực lượng cơ động chiến lược, tức là hơn 50% lực lượng cơ động chiến lược của chúng ở Đông-dương. Số tiểu đoàn cơ động chiến lược này sẽ được tập trung ở đồng bằng Bắc-bộ để chặn đánh lực lượng cơ động chiến lược của ta khi lực lượng ta xuất kích.

Cùng với việc tăng cường và tập trung lực lượng như trên, Na-va đã liên tiếp mở các cuộc hành quân càn quét ở tả ngạn và hữu ngạn sông Hồng, mở những cuộc tiến công ra các vùng tự do của ta như Lạng-sơn, Nho-quan, thả hàng ngàn thồ phi xuống tây-bắc để uy hiếp Lào-cai và uy hiếp hậu phương Việt-bắc của ta. Tháng 11 năm 1953, thực dân Pháp cho quân nhảy dù chiếm đóng Điện-biên-phủ, xây dựng vị trí chiến lược này thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông-dương và trung tâm điểm của toàn bộ kế hoạch Na-va.

Quân địch chiếm đóng Điện-biên-phủ, một mặt, để yểm hộ cho Lai-châu, che chở cho Thượng Lào là những vùng chiến lược cơ động vào bậc nhất ở Đông-dương, thu hút và tiêu hao lực lượng cơ động chiến lược của ta; mặt khác, quan trọng hơn, biến Điện-biên-phủ thành bàn đạp để mùa thu năm 1954 sẽ mở một cuộc tiến công chiến lược từ Điện-biên-phủ đánh về Sơn-la, Nà-sản, Hòa-bình, phối hợp với cuộc tiến công từ đồng bằng hữu

ngạn đánh lên, nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng lực lượng của ta và giành thắng lợi quyết định theo kế hoạch Na-va. Và sau khi đã giành được thắng lợi đó rồi, để quốc Mỹ sẽ xây dựng Điện-biên-phủ thành căn cứ không quân quan trọng bậc nhất của chúng ở Đông-Nam châu Á.

Trước tình hình ấy, tại Hội nghị cán bộ tháng 11 năm 1953, Ban chấp hành trung ương Đảng lao động Việt-nam đã phân tích sâu sắc cục diện chiến tranh ở Đông-dương, nêu những khó khăn mới của ta do kế hoạch Na-va gây ra, đồng thời nhấn mạnh những mâu thuẫn và nhược điểm của kế hoạch đó. Đề đập tan kế hoạch Na-va, Đảng chủ trương nắm vững phương châm: tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt; tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng ở đó địch tương đối yếu và sơ hở; tiêu diệt địch ở những hướng chúng có thể đánh sâu vào vùng tự do của ta; đồng thời, đẩy mạnh chiến tranh du kích trên khắp các chiến trường. Ngày 19 tháng 4 năm 1954, Bộ chính trị Trung ương Đảng đã ra nghị quyết phân tích ý nghĩa quan trọng của chiến dịch Điện-biên-phủ và hạ quyết tâm: « đem toàn lực chi viện chiến dịch Điện-biên-phủ và nhất định làm mọi việc cần thiết để giành toàn thắng cho chiến dịch này » (1).

(1) Nghị quyết của Bộ chính trị Trung ương Đảng lao động Việt-nam ngày 19-4-1953.

Mùa đông năm 1953, ta bắt đầu tiến quân lên Tây-bắc, liên tiếp mở các chiến dịch tiến công tiêu diệt bộ phận lớn lực lượng địch ở Lai-châu và giải phóng Lai-châu; tiến công tiêu diệt bộ phận lớn lực lượng địch ở Công-tum và giải phóng toàn bộ tỉnh Công-tum. Phong trào chiến tranh nhân dân đã được phát động mạnh mẽ trên chiến trường cả nước.

Ở Lào, trong tinh thần đoàn kết chiến đấu chặt chẽ vốn có từ trước, quân ta đã phối hợp với quân và dân Lào anh em mở chiến dịch giải phóng Thà-khet, tiến đến sát bờ dòng sông Mê-kông; tiến quân tiêu diệt bộ phận lớn lực lượng địch ở Nậm-hu, tiến đến Luang Pờ-ra-băng ở Thượng Lào; tiêu diệt địch ở At-tô-pơ và giải phóng toàn bộ cao nguyên Bô-lô-ven ở Hạ Lào.

Trên chiến trường Cam-puchia, được ta giúp đỡ, quân và dân Cam-pu-chia đẩy mạnh hoạt động, tác chiến tiêu hao và tiêu diệt địch.

Trong khi đó, ta tiến quân sát Điện-biên-phủ, chuẩn bị tiến công tiêu diệt địch ở chiến trường trọng điểm này.

Bị ta đánh tiêu diệt ở nhiều nơi như trên, Na-va buộc phải điều động lực lượng giữ Điện-biên-phủ. Sê-nô, Pờ-lây-cu, Luang Pờ-ra-băng, biến những vị trí quan trọng đó thành những tập đoàn cứ điểm để đối phó với ta.

Như vậy là khối 41 tiểu đoàn chủ lực mà Na-va kiên quyết

tập trung làm lực lượng cơ động chiến lược mạnh để tiến công giành lại thể chủ động ở đồng bằng Bắc-bộ đã phải phân tán thành những khối phòng ngự đồng bằng Bắc-bộ và bốn nơi khác rất xa nhau trên miền rừng núi. Khi địch muốn tập trung, ta bắt chúng phân tán và ngược lại, khi chúng muốn phân tán, ta bắt chúng co thủ, tập trung. Đó là thể chủ động, thể mạnh, thể thắng của quân và dân ta.

Sau khi địch đã phân tán lực lượng cơ động chiến lược ra thành năm khối lớn để đối phó với cuộc phản công chiến lược của ta, nhất là sau khi thấy chủ lực của ta xuất hiện ở Thượng Lào, chúng cho là cuộc tiến công của ta đã bị chặn đứng, chiến cuộc đông — xuân 1953 — 1954 của ta cũng chỉ đến đó là kết thúc, và mục tiêu thời kỳ thứ nhất của kế hoạch Na-va đã đạt. Do đó, chúng liền ra lệnh «chuyển hướng chiến lược», tập trung lực lượng cơ động còn lại đánh vào vùng tự do của ta ở Liên khu V, nhằm thực hiện mục đích thời kỳ thứ hai của kế hoạch Na-va. Và ngày 12 tháng 3 năm 1954 chúng tiến đánh Quy-nhơn để đến hết mùa mưa chúng sẽ chuyển lực lượng ra miền Bắc thực hiện mục đích cuối cùng của kế hoạch Na-va.

Nhưng cả thực dân Pháp xâm lược và đế quốc Mỹ can thiệp đã không đoán trước được rằng chỉ sau một ngày chúng đánh Quy-nhơn, chiến dịch tiến công của ta nhằm tiêu diệt chúng ở Điện-

biên-phủ và giải phóng Điện-biên-phủ bắt đầu. Chúng càng không ngờ rằng tiếng pháo lệnh của quân ta tiến công tiêu diệt cứ điểm phòng ngự của Pháp ở Him-lam (2), chính là tiếng chuông đầu tiên báo tử chủ nghĩa đế quốc Pháp ở Việt-nam và chủ nghĩa thực dân cũ trên toàn thế giới. Cũng trong thời gian đó, các chiến sĩ ta ở khắp các chiến trường Bắc-bộ, Trung-bộ, Nam-bộ cùng các lực lượng của ta chiến đấu bên cạnh các lực lượng yêu nước Lào và Cam-pu-chia đã tích cực tiến công tiêu diệt địch để phối hợp với Điện-biên-phủ, *điềm quyết chiến chiến lược của quân và dân cả nước ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.*

Trận đánh lịch sử ở Điện-biên-phủ đã diễn ra trong 55 ngày đêm liên tục chiến đấu. Toàn bộ khối lượng 21 tiểu đoàn địch gồm 60 11 tiểu đoàn bộ binh, 6 tiểu đoàn nhẩy dù (tức là toàn bộ lực lượng nhẩy dù của Pháp ở Đông-dương), 3 tiểu đoàn pháo binh, 1 tiểu đoàn công binh, gồm 16 200 quân, trong đó hơn 40% là lực lượng cơ động tinh nhuệ nhất của Pháp, đã bị tiêu diệt gọn. Cộng cả các chiến trường phối hợp trên toàn Đông-dương thì trong chiến cuộc đông — xuân 1953 — 1954, ta đã tiêu diệt 112 000 tên địch, trong đó có 1 500 sĩ quan bị giết và bị bắt. Ta đã bắn rơi và phá hủy 62 máy bay địch ở Điện-biên-phủ và 115 máy bay ở các chiến trường khác.

Ở Bắc bộ, ta đã giải phóng Điện-biên-phủ và Lai-châu.

Ở Liên khu V, ta đã giải phóng Công-tum, mở rộng khu căn cứ Tây-nguyên.

Ở Bình-trị-thiên và Nam-bộ, hàng trăm đồn bót của địch đã bị san phẳng. Nhiều vùng tự do và khu căn cứ kháng chiến được mở rộng và củng cố.

Ở Lào, ta đã giúp nhân dân Lào giải phóng Phong-sa-lỳ, lưu vực sông Nậm-hu, mở rộng căn cứ địa Thượng Lào, Trung Lào và giải phóng cao nguyên Bô-lô-ven ở Hạ Lào. Tính toàn nước Lào thì hơn một nửa đất đai và gần một nửa số dân đã được giải phóng.

Ở Cam-pu-chia, phong trào chiến tranh nhân dân phát triển; khu căn cứ tây — nam được mở rộng; khu căn cứ đông — bắc được nối liền với Hạ Lào và Tây-nguyên của Việt-nam.

Thế là chiến cuộc đông — xuân 1953 — 1954 với đỉnh cao là chiến dịch Điện-biên-phủ đã chôn vùi kế hoạch Na-va xuống tận bùn đen, buộc kẻ địch phải ký Hiệp định Giơ-ne-vơ ngày 20 tháng 7 năm 1954. Quân và dân ta chẳng những đã chiến thắng thực dân Pháp mà còn chiến thắng đế quốc Mỹ trong mưu toan xâm lược của chúng đối với Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia.



(2) Trong tập đoàn cứ điểm Điện-biên-phủ.

Chiến cuộc đông — xuân 1953 — 1954 nói chung và chiến dịch Điện-biên-phủ nói riêng là cuộc độ sức toàn diện quyết liệt nhất giữa quân và dân ta với bọn thực dân Pháp xâm lược và bọn can thiệp Mỹ trong cuộc chiến tranh cách mạng 1945 — 1954 của dân tộc. Chúng ta đã quyết đánh và quyết thắng, biết đánh và biết thắng. Chúng ta đã tổ chức và tập trung được những cố gắng lớn nhất của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, của cán bộ và chiến sĩ cả nước ta để chiến thắng trong đông — xuân 1953 — 1954 và nhất là trong chiến dịch Điện-biên-phủ.

Chiến thắng Điện-biên-phủ đã trở thành *một biểu tượng của tinh thần yêu nước, của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, của truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của quân và dân ta vì độc lập, tự do.*

Chiến thắng Điện-biên-phủ đã đi vào lịch sử dân tộc ta bên cạnh những chiến thắng Bạch-dăng, Chi-lăng, Đống-da, đã phát triển truyền thống chiến đấu oanh liệt chống bọn phong kiến Trung-quốc xâm lược để đánh thắng bọn đế quốc có nền kinh tế công nghiệp hiện đại, có quân đội với số lượng đông, hỏa lực mạnh, lại rất cơ động bằng cơ giới.

Trong chiến dịch Điện-biên-phủ, cũng như trong toàn bộ cuộc kháng chiến chống Pháp, kẻ thù mạnh hơn ta về tiềm lực kinh tế và quân sự. Ta không có các

quân chủng, binh chủng kỹ thuật như hải quân, không quân, xe tăng, thiết giáp. Nhưng chúng ta đã chiến thắng đội quân xâm lược hiện đại của Pháp trên khắp các chiến trường Đông-dương.

Trong 25 năm nay, tinh thần quyết chiến quyết thắng Điện-biên-phủ đã luôn luôn được quân và dân ta phát huy trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, cũng như trong cuộc chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa chống bọn bành trướng và bá quyền Bắc-kinh.

Với chiến thắng thực dân Pháp, chiến thắng đế quốc Mỹ, chiến thắng bọn bành trướng Bắc-kinh và bè lũ tay sai của chúng ở Campuchia, chúng ta càng tự hào và tin tưởng vào *tinh thần và khả năng vượt mọi hy sinh, gian khổ để đánh thắng mọi kẻ thù của dân tộc, vì độc lập, tự do.* Tinh thần và khả năng ấy là vô tận khi quân và dân ta chiến đấu vì sự sống còn của dân tộc và làm nghĩa vụ quốc tế cao cả của mình.

Ngày nay, nhìn lại chiến thắng Điện-biên-phủ, chúng ta càng thấm thía ý nghĩa to lớn của nó đối với nhân dân ta và đối với thế giới.

Đối với *nhân dân ta*, chiến thắng Điện-biên-phủ chứng tỏ rằng một dân tộc dù nhỏ, nhưng đoàn kết chặt chẽ, dưới sự lãnh đạo của đảng Mác — Lê-nin, biết vũ trang toàn dân làm chiến tranh

nhân dân, lại được các nước xã hội chủ nghĩa, các nước yêu chuộng tự do, chính nghĩa và loài người tiến bộ đồng tình và ủng hộ, thì hoàn toàn có khả năng đánh thắng bọn thực dân, đế quốc và bè lũ tay sai, dù chúng mạnh hơn mình.

Chiến thắng Điện-biên-phủ là đỉnh cao nhất của cuộc tổng phản công chiến lược của quân và dân ta giành thắng lợi quyết định trong chiến tranh giải phóng 1945-1954. Nó đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp xâm lược và bọn can thiệp Mỹ. Nó chứng tỏ một cách nổi bật sự chỉ đạo chiến lược đúng đắn của Ban chấp hành trung ương Đảng, cố gắng phi thường của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, những tiến bộ vượt bậc của quân đội ta về nghệ thuật quân sự, về tổ chức chỉ huy, về chiến đấu và bảo đảm chiến đấu.

Chiến thắng Điện-biên-phủ trực tiếp dẫn đến thắng lợi của cuộc Hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông-dương, quyết định việc Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết trên cơ sở nước Pháp và các nước khác tham dự Hội nghị công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt-nam — điều mà sau này bọn đế quốc Pháp-Mỹ đã vi phạm một cách nghiêm trọng.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, chiến thắng Điện-biên-phủ đã bảo vệ và phát triển những

thành quả của Cách mạng tháng Tám, mở ra một giai đoạn mới cho cách mạng Việt-nam: sau chiến thắng Điện-biên-phủ, nhân dân Việt-nam tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đồng thời tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, giải phóng miền Nam khỏi ách đế quốc và tay sai. Miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội là một chuyển biến chiến lược vô cùng quan trọng, bởi vì chính miền Bắc xã hội chủ nghĩa đã là hậu phương vững mạnh của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của cả dân tộc, là cơ sở vững chắc để thực hiện thống nhất nước nhà và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trong cả nước.

Đối với thế giới, chiến thắng Điện-biên-phủ là chiến thắng chung của nhân dân ba nước Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia, những người anh em, những người bạn chiến đấu đã kề vai sát cánh trong một chiến hào chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc, đề tự giải phóng cho mình.

Về chiến thắng Điện-biên-phủ, Chủ tịch Hồ-Chí-Minh nói: « Đó là thắng lợi vĩ đại của nhân dân ta, mà cũng là thắng lợi chung của tất cả các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Chiến thắng Điện-biên-phủ càng làm sáng ngời chân lý của chủ nghĩa Mác — Lênin trong thời đại ngày nay:

chiến tranh xâm lược của bọn đế quốc nhất định thất bại, cách mạng giải phóng của các dân tộc nhất định thành công». (3)

Chiến thắng Điện-biên-phủ đánh dấu một bước phát triển mới của cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Nó mở đầu thời kỳ tan rã của chủ nghĩa thực dân cũ, thời kỳ suy yếu thêm một bước của chủ nghĩa đế quốc thế giới.

Chiến thắng Điện-biên-phủ góp phần tích cực vào ba dòng thác cách mạng trên thế giới trong thời đại chúng ta: phong trào cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, phong trào giải phóng dân tộc và độc lập dân tộc, phong trào công nhân và dân chủ ở các nước đế quốc chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa phát triển.

Vì vậy, chiến thắng Điện-biên-phủ hoàn toàn phù hợp với quy luật phát triển của xã hội loài người. Cùng với chiến thắng mùa xuân năm 1975 của quân và dân ta, chiến thắng Điện-biên-phủ góp phần thúc đẩy quá trình phát triển tất yếu của xã hội loài người từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới trong thời đại chúng ta ngày nay, thời đại bắt đầu bằng Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại.

Chiến thắng Điện-biên-phủ mãi mãi là niềm tự hào chính đáng của dân tộc ta, đồng thời là một

cờ vũ mạnh mẽ đối với nhân dân toàn thế giới.



Ngày nay, sau 30 năm chiến tranh giải phóng, nhân dân ta còn đang băng bó những vết thương chưa lành thì bọn bành trướng và bá quyền Trung-quốc lại khiêu khích và xâm lược nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam. Chúng xúi giục và giúp đỡ tập đoàn Pôn Pốt – lêng Xa-ry gây chiến tranh xâm lấn biên giới tây-nam nước ta và thi hành chính sách diệt chủng đối với nhân dân Cam-pu-chia, biến Cam-pu-chia thành một quận, huyện của Trung-quốc. Thất bại ở Cam-pu-chia, bọn bành trướng và bá quyền Trung-quốc liền trực tiếp gây chiến tranh xâm lược Việt-nam, giết hại đồng bào ta và phá hoại kinh tế và văn hóa ở vùng biên giới phía bắc nước ta. Cuộc chiến tranh đầy tội ác man rợ này được đế quốc Mỹ và phe lũ đồng tình và ủng hộ.

Người ta tự hỏi: Vì sao bọn phản động Trung-quốc đánh phá Việt-nam? Chủ yếu vì Việt-nam đã phất cao ngọn cờ chống chính sách bành trướng và bá quyền nước lớn của chúng ở Đông-Nam châu Á; vì Việt-nam đã chiến thắng bọn đế quốc đầu sỏ, chúng đánh phá Việt-nam cốt tăng cường với bọn

(3) Hồ-Chí-Minh: Báo cáo tại Hội nghị chính trị đặc biệt họp ngày 27—28 tháng 3 năm 1964.

đội Quốc và cầu xin chúng giúp
cho thực hiện « bốn hiện đại hóa »
hòng đủ sức chinh phục thế giới
sau này !

Quân và dân ta đoàn kết một
lòng đã giáng trả quân xâm lược
mới bằng những đòn đích đáng.
Trước sức đoàn kết chiến đấu
mãnh liệt của nhân dân Việt-nam,
trước sức phản kháng kịch liệt
và kịp thời của nhân dân các nước
xã hội chủ nghĩa và nhân dân
yêu chuộng hòa bình và công lý
trên thế giới, trước thái độ phản
đối của nhân dân Trung-quốc,
bọn phản động Trung-quốc xâm
lược đã phải rút quân về nước.
Tuy vậy, hiện nay bọn phản
động ở Trung-quốc vẫn còn đóng
quân ở một số điểm trên đất Việt-
nam; hàng ngày chúng vẫn liên
lục khiêu khích vũ trang ở biên
giới phía bắc nước ta; chúng lại
trọng tuyên bố rằng chúng
sẽ cho Việt-nam một hoặc nhiều
bài học nữa. Tình hình nước ta
vừa có hòa bình, vừa có thể lại
nổ ra chiến tranh. Nhân dân ta
phải luôn luôn tăng cường đoàn
kết, đề cao cảnh giác, tiến hành
những nhiệm vụ dưới đây :

1 — Đẩy mạnh sản xuất và hoàn
thành cải tạo xã hội chủ nghĩa,
bảo đảm và ổn định đời sống của
nhân dân ;

2 — Tăng cường, củng cố quốc
phòng và an ninh, sẵn sàng chiến
đấu và chiến đấu giỏi để bảo vệ
Tổ quốc ;

3 — Tiếp tục xây dựng cơ sở vật
chất và kỹ thuật của chủ nghĩa
xã hội ;

4 — Làm tròn nghĩa vụ quốc tế

Trong hai cuộc kháng chiến
lâu dài chống thực dân Pháp và
chống đế quốc Mỹ, nhân dân ta
đã vừa sản xuất vừa chiến đấu,
kết hợp kinh tế với quốc phòng.

Theo kinh nghiệm của ta, lực
lượng vũ trang nhân dân mạnh
bao gồm ba thứ quân : bộ đội chủ
lực, bộ đội địa phương, dân quân
tự vệ (dân quân du kích) ; các
lực lượng ấy phải có số lượng
đầy đủ, có chất lượng cao, có
tinh thần chiến đấu hy sinh để
bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ những
thành quả của cách mạng, được
trang bị bằng vũ khí tốt ; hậu
phương chính trị được củng cố,
hậu cần được bảo đảm vững
chắc.

Để bảo đảm cách mạng thành
công, chiến tranh giải phóng
thắng lợi, ta phải đoàn kết được
toàn dân trên cơ sở liên minh
công nông, dưới sự lãnh đạo của
giai cấp công nhân, vừa đẩy mạnh
đấu tranh với quân địch trên mọi
lĩnh vực, vừa phải ra sức xây
dựng và phát triển lực lượng cách
mạng, lực lượng tiến hành chiến
tranh cách mạng trong cả nước.
Nói đến chiến tranh là nói đến
đấu tranh vũ trang, hình thức đặc
trưng của nó. Lực lượng của ta để
tiến hành đấu tranh vũ trang là
lực lượng của toàn dân mà nòng
cốt là ba thứ quân. Một mặt, chúng
ta phải ra sức xây dựng lực lượng
dân quân tự vệ, dân quân du kích
rộng khắp. Mặt khác, chúng ta
phải ra sức xây dựng quân đội
nhân dân thành những đơn vị bộ

đội địa phương của huyện, tỉnh, thành, và những đội quân chủ lực hùng hậu, những quả đấm chủ lực ở các quân khu và ở trung ương. Nhất là cần phải xây dựng lực lượng cơ động chiến lược ngày càng mạnh cả về số lượng và chất lượng, được trang bị tốt và từng bước hiện đại hóa. Có như vậy ta mới có thể vận dụng được quy luật *« chủ động phát triển thể tấn công của cách mạng từ nhỏ bé, cục bộ lên to lớn và toàn bộ »* (4) mà Lê-nin đã nhấn mạnh. Có như vậy ta mới có lực lượng để giành những thắng lợi quyết định trong thời cơ và địa điểm quyết định của chiến tranh.

Cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống thực dân Pháp xâm lược luôn luôn gặp những khó khăn, trở ngại lớn. Nhưng ta đã cố gắng xây dựng và phát triển lực lượng kháng chiến ngày càng mạnh về mọi mặt. Ta đã xây dựng một đội quân cách mạng có bản chất và truyền thống tốt đẹp: *« trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng »*. Đội quân đó đã được trang bị vũ khí ngày càng tốt hơn và đã dần dần trở thành một đội quân gồm nhiều binh chủng. Đi đôi với việc xây dựng bộ đội chủ lực, ta luôn luôn quan tâm tới việc xây dựng các lực lượng dân quân tự vệ (dân quân du kích) và bộ đội địa phương trong cả nước. Chúng

ta đã cố gắng bồi dưỡng và phát triển phong trào chiến tranh nhân dân ở khắp các chiến trường. Về mặt đấu tranh vũ trang, ta đã tổ chức được các chiến dịch tiến công ngày càng lớn cả về không gian và thời gian, tiêu diệt được nhiều sinh lực địch, giải phóng được những vùng đất đai rộng lớn. Ta đã phát triển được thể tiến công chiến lược của ta ngày càng mạnh và đẩy kẻ địch vào thế bị động phòng ngự trên khắp các chiến trường, ngay cả khi chúng cố gắng thực hiện kế hoạch giành lại chủ động, tăng cường và mở rộng chiến tranh xâm lược Đông-dương.

Chiến thắng đông—xuân 1953—1954, chiến thắng Điện-biên-phủ đã chứng minh *tinh chất đúng đắn của đường lối chính trị, đường lối quân sự của Đảng ta, đã nói lên linh chất ưu việt của nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh của Đảng ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp.*



Chiến thắng Điện-biên-phủ đã góp phần làm phong phú thêm kho tàng khoa học cách mạng của chủ nghĩa Mác — Lê - nin. Những thành công của nhân dân ta trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, những thắng lợi của ta trong chiến tranh cách

(4) V. I. Lê-nin : *Toàn tập*, tập 30, trang 62 bản tiếng Nga.

mạng, trong chiến thắng Điện-biên-phủ, chiến thắng mùa xuân 1975, trong cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa chống bọn bành trướng và bá quyền Trung-quốc và chống tập đoàn phản động Pôn Pốt — lêng Xa-ry, tay sai của chúng ở biên giới tây — nam của Tổ quốc ta, đều là thắng lợi của học thuyết Mác — Lê-nin, chân lý của thời đại, đỉnh cao của trí tuệ loài người. Đó là thắng lợi của tinh đoàn kết keo sơn chiến đấu giữa nhân dân Việt - nam, nhân dân Lào, nhân dân Cam-pu-chia anh em; thắng lợi của tinh thần đoàn kết quốc tế giữa nhân dân Việt-nam với nhân dân Liên-xô, nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác và nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới.

Sự nghiệp cách mạng của chúng ta là chính nghĩa.

Chúng ta có học thuyết Mác — Lê-nin làm kim chỉ nam cho mọi hành động, có đảng lãnh đạo là Đảng cộng sản Việt-nam vì đại, có nhân dân Việt-nam anh hùng.

Chúng ta có tinh đoàn kết keo sơn chiến đấu giữa ba dân tộc Việt, Lào, Cam-pu-chia ngày càng bền vững. Chúng ta có chủ nghĩa

quốc tế vô sản chân chính, có sự chi viện của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân thế giới.

Bất cứ kẻ thù nào mạo hiểm chà đạp lên độc lập, chủ quyền của dân tộc ta, dù là bọn đế quốc đầu sỏ hay là bọn bành trướng và bá quyền Trung - quốc, đều không thể tránh khỏi những đòn sấm sét kiểu Điện-biên-phủ.

Tinh thần quyết chiến quyết thắng của Điện-biên-phủ muôn năm !

Ngày 20 tháng 5 năm 1979

Thực hiện thật tốt...

(Tiếp theo trang 12)

giúp đỡ của tỉnh và các ngành trung ương, năng lực làm kế hoạch của huyện sẽ từng bước được nâng lên, đảng bộ huyện và đảng bộ các cơ sở cũng sẽ trưởng thành từng bước trong lãnh đạo xây dựng kinh tế.

Chúng ta nhất định làm tốt việc xây dựng kế hoạch năm 1980 từ cơ sở và huyện, tạo ra một bước chuyển biến mới của nền kinh tế, bảo đảm tốt nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

NĂM VỮNG MỘT SỐ QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA ĐẢNG TRONG CÔNG TÁC NGÂN HÀNG

PHẠM-HÙNG

DẢNG và Nhà nước ta đã xác định vị trí quan trọng của Ngân hàng Nhà nước trong sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong những năm qua, công tác ngân hàng đã có những tiến bộ đáng kể, nhưng vai trò của Ngân hàng Nhà nước trong hệ thống quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa vẫn chưa được phát huy đúng mức.

Một sự kiện đặc biệt của năm 1978 là Nhà nước ta đã phát hành đồng tiền mới, thực hiện thống nhất tiền tệ trong cả nước, do đó đã tạo ra nhiều thuận lợi mới cho công tác ngân hàng. Tuy nhiên, sau việc thu đổi tiền ít lâu, tình hình tiền tệ, thị trường giá cả có những diễn biến phức tạp, bội chi tiền mặt vẫn tăng và kéo theo những hậu quả không tốt. Tình hình này có những nguyên nhân sâu xa về kinh tế và xã hội, có những nguyên nhân trực tiếp là thiên tai lớn và một số chỉ tiêu cần thiết tăng. Tuy nhiên đứng về công tác ngân hàng mà xét, chúng ta cần phân tích một cách khoa học, sâu sắc và nghiêm túc tình

hình này để rút ra những bài học kinh nghiệm cho công tác ngân hàng hiện nay và những năm sau.

Thiếu sót nổi bật của công tác ngân hàng trong thời gian qua là chưa vận dụng tổng hợp và toàn diện các chức năng của Ngân hàng Nhà nước để góp phần tích cực vào việc phát triển sản xuất và cải tiến quản lý nền kinh tế quốc dân, trên cơ sở thực hiện việc sử dụng đất đai, phân công lại lao động và tổ chức lại nền sản xuất xã hội theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Sự hoạt động riêng rẽ của các mặt tín dụng, tiền tệ, thanh toán không thúc đẩy chức năng phục vụ và giám đốc kinh tế của hệ thống Ngân hàng Nhà nước, không phát huy được hiệu lực tổng hợp của ba trung tâm: trung tâm tín dụng, trung tâm tiền tệ, trung tâm thanh toán của Ngân hàng Nhà nước, từ đó làm giảm hiệu lực đòn bẩy kinh tế của tín dụng, tiền tệ, thanh toán của ngân hàng.

Trong hoạt động tín dụng, phương hướng đầu tư của ngân hàng vào từng ngành, từng địa phương, từng vùng chưa rõ, công tác tín dụng chưa thực hiện được yêu cầu đầu tư tập trung

theo phương án kinh tế — kỹ thuật, chưa gắn với kinh tế ngành và kinh tế địa phương, nhất là cấp huyện. Điều đáng lưu ý là trong việc đầu tư vốn, Ngân hàng chưa lấy hiệu quả kinh tế và khả năng thu hồi vốn làm thước đo chất lượng của hoạt động tín dụng; việc mở rộng tín dụng chưa đi đôi với việc quản lý chặt chẽ vốn tín dụng, do đó việc cho vay còn lãng phí, hiệu quả vốn đầu tư còn thấp.

Trong hoạt động tiền tệ, ngân hàng cũng chưa gắn chặt với các hoạt động kinh tế và đời sống xã hội. Việc tổ chức điều hòa lưu thông tiền tệ giữa các vùng, các địa phương chưa tốt, do đó ngân hàng chưa phát huy được tác dụng tích cực của mình làm giảm bớt bội chi tiền mặt, ổn định và giữ vững giá trị đồng tiền sau khi phát hành đồng tiền mới, trái lại, để tình trạng bội chi tiền mặt tiếp tục tăng, tạo thêm nhiều khó khăn cho nền kinh tế quốc dân. Mặt khác, những thiếu sót trong việc quản lý lưu thông tiền tệ đã gây thêm những khó khăn không đáng có cho sản xuất và đời sống nhân dân. Ở một số nơi ngân hàng không có tiền để trả tiền thu mua sản phẩm của nhân dân hoặc trả tiền lương của cán bộ, công nhân, viên chức.

Công tác thanh toán chưa gắn liền với các hoạt động kinh tế và chu chuyển vật tư hàng hóa, đặc biệt là chưa góp phần tích cực vào việc hạn chế đến mức cao nhất tình trạng nợ nần dây dưa, chiếm dụng vốn lẫn nhau trong các ngành kinh tế.

Nhìn chung, hoạt động ngân hàng vẫn chưa thoát khỏi tình trạng thụ động, phân tán; chưa vươn lên thể chủ động tích cực về các mặt tín dụng, tiền tệ, thanh toán, chưa bám thật sát các mặt hoạt động sản xuất, xây dựng, lưu thông phân phối và các mặt hoạt động thực tiễn khác của đời sống xã hội.

Đương nhiên, những nhược điểm và thiếu sót nói trên trong hoạt động

của Ngân hàng Nhà nước có phần do những khó khăn vốn có của nền kinh tế nước ta và những khuyết điểm trong công tác quản lý kinh tế của Nhà nước. Nhưng hoạt động ngân hàng không đơn thuần chịu sự chi phối của hoạt động kinh tế, không phải chỉ là «sự phản ánh thụ động», là «cái bóng» của hoạt động kinh tế. Trái lại, hoạt động ngân hàng có vai trò chủ động, tích cực trong việc phục vụ và quản lý kinh tế, là một đòn bẩy có tác dụng kích thích sản xuất và lưu thông hàng hóa phát triển theo quỹ đạo của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, là công cụ đấu tranh ngăn ngừa và hạn chế những hoạt động tiêu cực, phi pháp trong xã hội, góp phần khắc phục sự trì trệ trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, sự ứ đọng vốn, giảm bớt sự mất cân đối giữa tiền và hàng, giảm bớt bội chi tiền mặt. Khuyết điểm của công tác ngân hàng trong năm qua là chưa làm tốt chức năng, nhiệm vụ và vai trò của mình như đã nói trên. Ngoài ra, Ngân hàng Nhà nước cũng chưa gắn việc thực hiện Nghị quyết 228 của Bộ chính trị với việc tăng cường quản lý kinh tế, tài chính, chưa thật sự lấy việc «chống» một cách triệt để và có hệ thống, như chống sơ hở trong việc chấp hành thề lệ, chế độ, chống quan liêu, xa rời thực tế cơ sở, chống cửa quyền, gây phiền hà cho nhân dân... để xây dựng nền nếp mới trong hoạt động nghiệp vụ ngân hàng. Có kết hợp đúng đắn giữa «chống» và «xây», Ngân hàng Nhà nước mới phát huy đầy đủ vai trò và chức năng của mình trong việc tổ chức sản xuất và tổ chức quản lý nền kinh tế xã hội, mới góp phần đáng kể vào việc đấu tranh khắc phục có hiệu quả những mặt yếu kém trong công tác quản lý kinh tế, tạo được những điều kiện thuận lợi cho hoạt động ngân hàng vươn lên mạnh mẽ hơn nữa.



Hiện nay nước ta đang ở trong tình hình khẩn trương và phức tạp. Bọn phản động Trung-quốc tuy đã bị thất bại trong cuộc chiến tranh xâm lược nước ta vừa qua, nhưng chúng vẫn chưa từ bỏ âm mưu cơ bản và lâu dài của chúng là thôn tính nước ta, khuất phục nhân dân ta. Chúng thường xuyên gây tình hình căng thẳng, tìm mọi cách làm cho nước ta suy yếu, mòn mỏi, nhằm thôn tính nước ta, thực hiện mưu đồ bành trướng của chúng ở Đông-dương và Đông Nam châu Á. Chúng ta phải nắm vững cả hai nhiệm vụ chiến lược:

— Đầy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

— Sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tới để bảo vệ Tổ quốc.

Để làm thất bại mọi âm mưu và hành động của bọn phản động Trung-quốc đối với nước ta, chúng ta phải lớn mạnh nhanh chóng về mọi mặt. Chúng ta phải mạnh cả về kinh tế và về quốc phòng, phải kết hợp chặt chẽ xây dựng kinh tế và tăng cường quốc phòng, luôn luôn đề cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu.

Thấu suốt tinh thần các Nghị quyết của Hội nghị lần thứ tư và Hội nghị lần thứ năm của Ban chấp hành trung ương Đảng và Nghị quyết số 16 của Bộ chính trị, kế hoạch Nhà nước năm 1979 và năm 1980 phải động viên sức mạnh của toàn dân và toàn quân thực hiện tốt *ba nhiệm vụ chung* sau đây:

1 — Đầy mạnh sản xuất và cải tạo xã hội chủ nghĩa, ổn định và bảo đảm đời sống nhân dân.

2 — Ra sức tăng cường quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm tốt các yêu cầu chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, kết hợp chặt chẽ quốc phòng với kinh tế.

3 — Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật nhằm đáp ứng yêu cầu trước mắt, đồng thời chuẩn bị điều kiện phát triển cho những năm sau.

Cùng với ba nhiệm vụ chung trên đây, chúng ta phải làm tốt nghĩa vụ quốc tế đối với hai nước bạn Lào và Cam-pu-chia.

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ của mình, Ngân hàng nhà nước cần *thấu suốt các quan điểm cơ bản của Đảng về công tác ngân hàng*:

1 — *Tín dụng ngân hàng phải trở thành công cụ của Đảng và Nhà nước phục vụ và thúc đẩy việc tổ chức lại sản xuất, phân công lao động xã hội, khai thác và tận dụng mọi tiềm năng kinh tế của đất nước để làm ra nhiều của cải cho xã hội, để phục vụ cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, từ đó tăng thu nhập quốc dân, tăng tích lũy xã hội chủ nghĩa, góp phần ổn định và bảo đảm đời sống nhân dân.* Trước mắt, tín dụng ngân hàng phải góp phần tạo ra sự phát triển vượt bậc về sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, nhằm giải quyết cho được vấn đề lương thực là trọng tâm số một của kế hoạch 5 năm, đồng thời góp phần tạo ra nhiều hàng hóa về nông sản, hải sản, lâm sản, nhiều mặt hàng thủ công mỹ nghệ và những mặt hàng công nghiệp khác để xuất khẩu, tăng thu ngoại tệ và tiết kiệm chi ngoại tệ.

Muốn vậy, ngân hàng phải chủ động tham gia ngay từ đầu vào việc xác định quỹ hoạch sản xuất và kinh doanh trong từng vùng, từng ngành và từng đơn vị, góp phần xây dựng các phương án kinh tế — kỹ thuật và các kế hoạch sản xuất, kinh doanh và xây dựng cơ bản của các ngành, các đơn vị kinh tế. Trên cơ sở hiểu rõ yêu cầu phát triển kinh tế và nắm chắc hiệu quả của các phương án đầu tư, ngân hàng tích cực mở rộng một cách có tính toán việc đầu tư tín dụng để góp phần phát triển nhanh chóng và có hiệu quả các điểm đã phân vùng, quy hoạch, cũng như các phương án kinh tế — kỹ thuật và các kế hoạch sản xuất, xây dựng của các ngành, các cấp, các đơn vị kinh tế cơ sở.

Trong quá trình đầu tư vốn, ngân hàng coi trọng việc giúp đỡ các ngành, các địa phương, các đơn vị kinh tế khai thác, tận dụng các nguồn lao động dồi dào và các tài nguyên sẵn có ở các địa phương để tạo ra ngày càng nhiều nguồn vật tư tại chỗ, nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất, xây dựng của từng ngành, từng địa phương.

Việc mở rộng đầu tư vốn tín dụng của ngân hàng phải dựa trên cơ sở khai thác và tận dụng những năng lực hiện có trong các đơn vị kinh tế, chú ý đầu tư bổ sung thêm những công trình, thiết bị, máy móc để tạo nên sự cân đối đồng bộ trong cơ cấu tài sản cố định của các đơn vị kinh tế, hướng dẫn và thúc đẩy các đơn vị kinh tế thực hiện đúng các quý trình kỹ thuật sản xuất và xây dựng, các định mức kinh tế - kỹ thuật tiên bộ.

Thông qua việc mở rộng hoạt động tín dụng, ngân hàng tiến hành việc nghiên cứu kinh tế, thúc đẩy việc cải tiến và tăng cường các mặt quản lý, nhất là công tác quản lý kinh tế tài chính, nhằm tiết kiệm lao động, vật tư, tiền vốn trong sản xuất, kinh doanh và xây dựng cơ bản.

Mọi hoạt động kinh tế đều lấy hiệu quả kinh tế làm tiêu chuẩn chủ yếu; mọi phương án đầu tư đều phải đem lại hiệu quả kinh tế, thể hiện ở khối lượng giá trị sử dụng tăng thêm cho xã hội nhiều nhất với sự hao phí lao động xã hội ít nhất, đồng thời thể hiện ở sự kinh doanh có lãi, vốn đầu tư được thu hồi sau một thời gian ngắn nhất và tăng thu cho ngân sách Nhà nước. Ngân hàng không nên theo sự đòi hỏi chưa cân nhắc kỹ của các ngành, các cấp mà cho vay không tính toán hiệu quả kinh tế; trái lại, phải nghiên cứu phương án đầu tư, dựa trên cơ sở nghiên cứu phương án kinh tế - kỹ thuật của đơn vị vay mà xác định có nên hay không nên cho vay, và đòi hỏi bên vay phải làm gì

để bảo đảm hiệu quả vốn vay. Nhà nước ngày càng mở rộng tín dụng đầu tư xây dựng cơ bản, ngân hàng càng phải nhanh chóng khắc phục khuyết điểm này và vươn lên làm tốt chức năng tín dụng phục vụ việc phát triển sản xuất và giám đốc có hiệu quả các hoạt động sản xuất và kinh doanh, nhằm nâng cao hiệu quả của vốn tín dụng.

Trong thời gian tới, hoạt động ngân hàng cần dựa vào việc xác định phân vùng quy hoạch trên địa bàn huyện, lấy địa bàn huyện làm căn cứ tính toán và xác định phương hướng đầu tư vốn theo các phương án kinh tế - kỹ thuật của từng loại cây trồng, con gia súc, từng loại sản phẩm công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, gắn chặt các mặt sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, lấy công nghiệp phục vụ nông nghiệp, gắn chặt sản xuất với chế biến, vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm theo một quy trình hợp lý. Trước hết, ngân hàng nên chú ý đến các vùng chuyên canh sản xuất và chế biến màu, các vùng chuyên canh trồng cây xuất khẩu và các loại sản phẩm xuất khẩu khác.

Trên cơ sở thấu suốt quan điểm trên đây thể hiện trong nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 của Ban chấp hành trung ương Đảng, vận dụng có hiệu lực các chức năng của Ngân hàng Nhà nước để tác động tích cực, có hiệu quả vào các phương hướng nói trên, ngành Ngân hàng Nhà nước sẽ hoàn thành nhiệm vụ phục vụ và thúc đẩy sản xuất phát triển.

2 - *Phân đấu ổn định tiền tệ, giữ vững sức mua của đồng tiền.* Hiện nay và trong một thời gian nữa, chúng ta đang đứng trước tình hình khăn trương về tiền tệ: mối quan hệ giữa hàng và tiền đang mất cân đối, thị trường và giá cả đang có những biến động.

Tình hình đó đang đặt ra cho các ngành, các cấp một nhiệm vụ hết sức

nặng nề và cấp bách là *phải ra sức phấn đấu đồng bộ và toàn diện nhằm ổn định tiền tệ, giá cả và thị trường*. vì tiền tệ không ổn định sẽ có tác động dây chuyền đến giá thành, giá cả, hạch toán kinh tế, cũng như công tác kế hoạch hóa, hạn chế tác dụng của hệ thống đòn bẩy kinh tế.

Song đứng trước tình hình đó, những người làm công tác ngân hàng không nên có thái độ tiêu cực, bị động, mà phải thấy rõ tiềm năng kinh tế của đất nước rất lớn, để chủ động phấn đấu bằng mọi cách thúc đẩy sản xuất phát triển, nhằm ổn định và giữ vững sức mua của đồng tiền, thực hiện thăng bằng thu chi tiền mặt trong cả nước, giảm bớt sự mất cân đối giữa tiền và hàng trong phạm vi cả nước, trong từng vùng, từng huyện.

Như mọi người đều biết, gốc của vấn đề cân đối thu chi tiền mặt là *phát triển sản xuất, là cân đối giữa lưu thông hàng hóa và lưu thông tiền tệ*. Trong trường hợp nền kinh tế phát triển lành mạnh, khi cần thiết Nhà nước có thể phát hành tiền để đẩy mạnh tín dụng, thúc đẩy sản xuất, tạo ra nguồn hàng mới, tạo thế cân đối mới, do đó đồng tiền vẫn giữ vững giá trị.

Trong tình hình của ta hiện nay, do hậu quả của chiến tranh, do thiên tai và dịch họa, những khó khăn và mất cân đối lớn của nền kinh tế chưa có thể khắc phục nhanh chóng trong một vài năm. Do đó, lưu thông tiền tệ còn nhiều khó khăn, quan hệ giữa tiền và hàng chưa cân đối. Đó là một điều khó tránh. Nhưng hoàn toàn không phải vì vậy mà chúng ta chấp nhận tình trạng bội chi ngân sách, bội chi tiền mặt trong một thế bị động. Cần thấy rằng, bên cạnh những nguyên nhân khách quan gây ra tình trạng bội chi ngân sách, bội chi tiền mặt hiện nay, còn có những nguyên nhân chủ quan, trong đó có *khuyết điểm trong việc tổ chức và quản*

lý kinh tế của công tác ngân hàng. Những người làm công tác ngân hàng cần đi sâu phân tích tình hình một cách khoa học hơn nữa, nghiêm túc hơn nữa, để tìm ra các biện pháp có hiệu lực để góp phần giải quyết tình hình này. Ngân hàng phải đứng về mặt quản lý tín dụng và tiền tệ mà nghiên cứu kiên nghị với Đảng và Chính phủ những biện pháp phát triển sản xuất và lưu thông hàng hóa, cũng như những biện pháp của bản thân ngân hàng để điều hòa lưu thông tiền tệ có lợi nhất cho sản xuất và lưu thông hàng hóa và giảm bớt bội chi tiền mặt. Nếu ngân hàng đầu tư vốn không đúng chỗ và không có hiệu quả, không phát triển tín dụng và thanh toán kịp thời phục vụ yêu cầu lưu thông hàng hóa, khác phục tình trạng ứ đọng hàng hóa; nếu ngân hàng không nắm được tình hình lưu thông tiền tệ, quỹ hàng hóa và quỹ tiền tệ của các xí nghiệp, hợp tác xã, cơ quan, đơn vị bộ đội và quỹ của bản thân ngân hàng để điều hòa tiền tệ một cách hợp lý, thì chính ngân hàng lại tạo thêm sự ứ đọng vốn và tiền tệ, phát hành thêm tiền, và tung tiền ra trong lưu thông mà không có hàng hóa bảo đảm, tạo thêm những yếu tố làm giảm vòng quay và sức mua của đồng tiền. Chỗ cần vốn và cần tiền cho sản xuất và lưu thông hàng hóa thì không có, chỗ không cần thì lại có; cái đáng «bung ra» thì lại «chặt chẽ» một cách máy móc, cái đáng «chặt chẽ» thì lại «bung ra». Nếu ngân hàng làm như vậy, thì không thể góp phần chủ động và tích cực ngăn chặn, hạn chế, đi đến chấm dứt việc bội chi ngân sách và bội chi tiền mặt; nói cách khác, cách làm như vậy về thực chất là một sự bội chi tiền mặt không lành mạnh, có hại cho kinh tế quốc dân.

Từ sự phân tích trên đây, chúng ta cần soát lại một số mặt hoạt động kinh tế và hoạt động của ngân hàng liên quan đến vấn đề lưu thông tiền tệ.

Tăng cường quản lý tiền mặt nói chung và tiền mặt trong xây dựng cơ bản nói riêng; kiểm soát chặt chẽ chi tiêu, quỹ tiền lương và các khoản chi trả công lao động khác; kiểm tra, giám sát để ngăn chặn tình trạng các cơ quan, các tổ chức kinh tế giữ tiền mặt quá mức quy định và «tọa chi» tùy tiện; huy động, quản lý và tập trung mọi nguồn vốn tiền tệ nhân rồi cùng với việc khai thác cao độ và tập trung nhanh các nguồn vốn và tiền mặt về ngân hàng để tăng nhanh vòng quay đồng tiền qua hệ thống ngân hàng; đó là những biện pháp rất quan trọng cần được quan tâm chỉ đạo trong công tác quản lý tiền tệ.

Nhưng trong công tác quản lý tiền tệ, vẫn đề quan trọng cần được chú ý là công tác kế hoạch hóa đầu tư xây dựng cơ bản. Xây dựng cơ bản là một ngành kinh tế sử dụng nhiều vốn nhất, thu hút một khối lượng vật tư thiết bị khá lớn, với một lực lượng lao động khá đông đảo, và tiêu thụ một khối lượng hàng hóa tiêu dùng khá nhiều.

Vì vậy, công tác kế hoạch hóa đầu tư xây dựng cơ bản phải tính toán nghiêm ngặt các mặt cân đối giữa lao động, vật tư và tiền vốn, để có thể bảo đảm tiến độ thi công, đưa nhanh công trình vào sản xuất và sản xuất có hiệu quả thiết thực theo các chỉ tiêu kinh tế đã được tính toán và xác định. Có làm như vậy, chúng ta mới tạo ra được một khối lượng sản phẩm hàng hóa ngày càng nhiều, mới có những cơ sở kinh tế vững chắc để tạo nên thế cân đối mới trong mối quan hệ giữa tiền và hàng. Đó là sự cân đối tích cực và cũng là quan điểm sử dụng tiền tệ của Đảng ta. Ngân hàng phải biết sử dụng tiền tệ để tổ chức sản xuất, tổ chức lao động, đồng thời chỉ phát huy tác dụng tích cực đối với sản xuất và đời sống nhân dân trong điều kiện hiệu quả kinh tế đồng vốn luôn luôn được bảo đảm và không ngừng được nâng cao.

Đối với vốn vay nước ngoài, vẫn đề đặt ra là nên sử dụng như thế nào để đạt được hiệu quả cao nhất? Chúng ta sử dụng vốn vay nước ngoài chẳng những không được để nó thâm hụt, mà còn phải tạo ra được sức sản xuất mới có năng suất lao động cao để thu được lợi nhuận nhiều hơn mức lợi tức phải trả. Có như vậy, chúng ta mới có đủ vốn và lãi để trả nợ và có phân tích lũy. Vì vậy, khi vay vốn của nước ngoài bằng cách nhập vật tư, máy móc vào trong nước, trước hết chúng ta phải xác định được rằng phương án của người xin vay đã tính toán, cân đối được lực lượng thi công và khả năng xây lắp trong nước, đã tính toán cả nguồn nguyên liệu và năng lượng huy động vào sản xuất, để khi nhập vật tư, máy móc về, chúng ta có thể đưa ngay vật tư, máy móc ấy vào xây dựng được nhanh gọn, đưa công trình vào sản xuất sớm nhất.

Cán bộ ngân hàng cần sử dụng linh hoạt vốn tiền tệ (kể cả vốn phát hành) trong từng thời gian, nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao nhất. Điều đó đòi hỏi ngành ngân hàng phải tham gia xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch kinh tế quốc dân của các ngành, các địa phương ngay từ đầu, để khai thác những tiềm năng có thể khai thác được; đồng thời tăng cường giám đốc chặt chẽ việc sử dụng vốn tín dụng.

Việc huy động vốn tiền tệ nhân rồi trong xã hội là một vấn đề cơ bản của ngân hàng, gắn liền với phương thức hoạt động hàng ngày của ngân hàng. Đây là mặt yếu của công tác ngân hàng. Hiện nay, vốn ứ đọng trong xã hội khá nhiều, trong lúc đó công tác huy động vốn, điều hòa vốn, cho vay và thanh toán của ngân hàng còn yếu; ngân hàng phải có chính sách khuyến khích các đơn vị và cá nhân gửi tiền vào quỹ tiết kiệm. Lỗi làm việc quan liêu chậm chạp, cửa quyền là hoàn toàn không phù hợp với loại công tác này.

(Xem tiếp trang 72)

Trên tuyến

chống Trung-quốc xâm lược

TỘI ÁC CỦA BỌN TRUNG-QUỐC XÂM LƯỢC ĐỐI VỚI NGÀNH ĐƯỜNG SẮT VIỆT-NAM

TRẦN - MẶN

Tổng cục trưởng Tổng cục đường sắt

TRONG một tháng tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta, bọn giặc Trung-quốc đã phá hủy nhiều cơ sở kinh tế của ta, trong đó có các cơ sở kinh tế — kỹ thuật của ngành đường sắt. Nhiều cầu cống, đường sá, nhà ga, toa xe, đầu máy, thiết bị, hàng hóa.... trên hai tuyến Hà-nội — Hữu nghị quan (đoạn từ Lạng-sơn đến Đồng-dăng), Hà-nội — Lào-cai (đoạn từ Thái-vân đến Lào-cai) đã bị chúng phá sạch, đốt sạch. Theo thống kê sơ bộ thì giặc Trung-quốc xâm lược đã phá hơn 90km đường sắt, 51 bộ ghi, 22 cầu lớn nhỏ với tổng chiều dài 692 mét, 13 cống, 10 717 km đường dây thông tin. Chúng cũng đã phá hủy và cướp mang về Trung-quốc 2 đầu máy của Việt-nam, 127 toa xe luân chuyển, 45 máy công

cụ các loại, 71 thiết bị thông tin, gần 100 tấn vật tư, thiết bị, hơn 1 500 tấn hàng hóa các loại.

Bằng các thủ đoạn phá hoại tinh vi, hiểm độc, có chuẩn bị từ trước, giặc Trung-quốc tàn phá nhiều công trình đường sắt của ta nhằm gây khó khăn cho ta trước mắt cũng như lâu dài; cố tình làm cho ta không thể khôi phục hoặc khôi phục được cũng phải tốn kém nhiều tiền của, công sức và mất nhiều thời gian.

Chỉ riêng trên tuyến đường sắt Yên-bái — Lào-cai chúng đã phá 17 cầu lớn nhỏ, trong đó có cầu Làng-giàng 5 nhịp dài 210 mét. Vị trí cầu Làng-giàng khá hiểm trở, sông sâu, nước xoáy, địa chất phức tạp; trước đây để xây dựng cầu này, cán bộ, công nhân ta đã áp dụng phương

pháp giếng chìm hơi ép và nhiều biện pháp kỹ thuật tiên tiến khác; có thể nói cầu Làng-giang kiên cố được xây dựng thành công là thành tựu xuất sắc đầu tiên của ngành cầu Việt-nam. Về giá trị kinh tế, cầu Làng-giang là phương tiện giao thông duy nhất trên tuyến đường hiểm trở này để chuyên chở a-pa-tít cung cấp cho hàng chục nhà máy phân bón trong cả nước. Quân Trung-quốc xâm lược đã phá hủy hoàn toàn cầu Làng-giang bằng cách dùng hàng chục tấn bộc phá đánh vào móng trụ và các dầm cầu, đặc biệt phần trụ, chúng đánh sâu xuống móng trụ ở dưới nước nhằm làm cho ta không thể khôi-phục được. Chúng còn gài mìn vào từng thanh cơ bản trên các dầm cầu phá không sót một thanh nào, cho nên cả 5 dầm cầu dài 210 mét đã hư hỏng hoàn toàn. Cầu Kỳ-lừa (Lạng-son) chỉ có một trụ duy nhất, chúng cũng dùng hàng tấn bộc phá đặt chung quanh phá sập, đào sâu. Những đoạn đường sắt giặc Trung-quốc đi qua, chúng dùng loại mìn nhỏ từ 200g đến 300g đặt giữa thanh ray để phá hủy hoặc dùng bộc phá bắc từng mảng lớn đường. Chẳng những phá hủy ray, tà vẹt đang lắp đặt trên đường mà chúng còn phá hủy cả những thanh ray dự phòng bên cạnh đường sắt. Trên cả hai tuyến đường sắt phía tây (Hà-nội - Lào-cai) và phía bắc (Hà-nội - Hữu-nghị-quan), giặc Trung-quốc đã phá hủy 51 bộ ghi với cách phá giống nhau: dùng bộc phá phá triệt để tám ghi và lưỡi ghi - hai bộ phận chủ yếu của bộ ghi. Trong số 13 275m² nhà, gồm nhà ga, nhà làm việc, nhà ăn, nhà ở, v.v. của cán bộ, nhân viên ngành đường sắt ở phía bắc bị hủy diệt, giặc Trung-quốc dùng mìn, bộc phá đánh vào các điểm chịu lực như điểm đầu mối, các góc tường, móng nhà, làm cho đổ sập và nếu không đổ sập thì cũng không thể sử dụng được nữa. Hàng chục nhà ga mà giặc Trung-quốc đi qua chúng đều phá hoại triệt

để trước khi rút chạy. Các thiết bị, máy móc chạy tàu, các tổng đài thông tin, các công trình khác, thứ thì bị chúng đập phá tại chỗ, thứ tháo được, chúng tháo dỡ mang về Trung-quốc. Đặc biệt, chúng đã phá hủy và cướp mang về nước 127 toa xe các loại, 2 đầu máy, hơn 20 tấn kim loại đen và màu, 132 tấn nhiên liệu hồng làm cho ta không thể khôi phục nhanh chóng việc vận tải bằng đường sắt đồng thời phá hoại một phần cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành đường sắt của ta. Những cơ sở phục vụ đời sống của ngành đường sắt trên hai khu vực biên giới, cũng bị chúng phá sạch, đốt sạch, cướp sạch. Nhà ăn, nhà trẻ, nhà ở đều bị phá hủy, hàng nghìn giường, tủ, bàn ghế bị đập phá, chúng sục sạo cướp mang đi hàng chục tấn gạo, bắt từng con lợn do anh chị em chăn nuôi được; quạt điện, đồng hồ chúng cũng tháo mang đi.

Đánh phá hủy diệt các cơ sở của ngành đường sắt, giặc Trung-quốc xâm lược đã tỏ rõ có sự tính toán, chuẩn bị từ trước, với những thủ đoạn thâm độc, trắng trợn.

Như chúng ta đều biết, từ năm 1954, sau khi miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, nhân dân ta với sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, đã bắt tay vào việc hàn gắn các vết thương chiến tranh, xây dựng lại đất nước. Khôi phục lại các tuyến đường sắt là một trong những nhiệm vụ đầu tiên được tiến hành một cách khẩn trương. Cán bộ, công nhân ngành đường sắt Việt-nam không quên hình ảnh các chuyên gia, cán bộ, công nhân đường sắt Trung-quốc sang giúp ta phục hồi tuyến đường sắt Hà-nội - Hữu-nghị-quan và một số công trình khác. Nhưng cũng ngay từ những ngày đầu đó, những nhà cầm quyền Bắc-kinh do theo đuổi chủ nghĩa bành trướng, bá quyền nước lớn, đã lợi dụng lòng tin của nhân dân ta tiến hành lấn chiếm, cản trở, gây khó

khăn cho mọi hoạt động của ngành đường sắt Việt-nam.

Theo sự thỏa thuận của hai bên Việt-nam và Trung-quốc, khi giúp ta khôi phục tuyến đường sắt Hà-nội - Hữu-nghi-quan, đội công trình 102 đường sắt Trung-quốc tiến hành đặt đường từ ga Bắc-tường (Trung-quốc) đến ga Bắc-giang, còn lực lượng đường sắt của ta làm từ Yên-viên đến Bắc-giang. Năm 1956 đội « chỉnh tu viện Việt » của Trung-quốc lại nhận giúp ta sửa chữa, gia cố cả tuyến đường này, mọi việc từ khảo sát, thiết kế, thi công đều do phía Trung-quốc đảm nhiệm. Sau khi hoàn thành công việc, đội « chỉnh tu viện Việt » của Trung-quốc giao cho ta bản đồ lập ngày 9-9-1956 với điểm nối ray đã dịch sâu vào lãnh thổ Việt-nam hơn 300 mét. Theo bản đồ đường sắt cũ mà thực dân Pháp đã ký kết với triều đình nhà Thanh (Trung-quốc), biên giới giữa hai nước cắt ngang đường sắt ở vào km $167+066^{18}$, ga Đồng-dăng ở km $162+466^{18}$ và khoảng cách từ ga Đồng-dăng đến biên giới hai nước là 4,6km. Nhưng khi đặt điểm nối ray và lập bản đồ đường sắt, phía Trung-quốc đã sửa lại biên giới hai nước cắt ngang đường sắt ở km $166+750^{10}$. Như vậy từ ga Đồng-dăng (ở km $162+466^{18}$) đến biên giới Việt - Trung chỉ có $4,283^{92}$ km. So với đường biên giới lịch sử thì Trung-quốc đã lấn sâu vào đất ta 316 mét.

Sau khi lấn chiếm đường sắt, đến năm 1972, công an biên phòng Trung-quốc đến đuổi nhân dân ta đang làm ăn sinh sống lâu đời ở khu vực này về lần đất. Để bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của mình, cũng như giữ gìn tình hữu nghị lâu đời giữa hai dân tộc, Chính phủ ta đã nhiều lần gửi công hàm cho phía Trung-quốc đề nghị đề cho đường sắt hai bên điều chỉnh lại điểm nối ray cho phù hợp với đường biên giới lịch sử. Song phía Trung-quốc đã cố tình dấy đưa, trì hoãn, lúc thì họ đề nghị sẽ

giải quyết sau khi hai chính phủ giải quyết xong vấn đề biên giới; khi bị vạch mặt thì họ lại lập luận trắng trợn « không thể có đường sắt của nước này đặt trên lãnh thổ của nước khác »!

Đề tỏ rõ thiện chí của mình, trong khi chờ đợi giải quyết chúng ta đã đề cho công nhân Trung-quốc tiến hành tu sửa đoạn đường sắt đó, nhưng vì thuộc lãnh thổ Việt-nam cho nên bộ đội biên phòng của ta vẫn thường xuyên tuần tra bảo vệ. Tuy nhiên phía Trung-quốc vẫn trắng trợn tìm mọi cách nhằm « đồng dạng » 316 mét đường sắt nói trên của Việt-nam đứng với khuôn khổ, màu sắc vật liệu của đường sắt Trung-quốc.

Từ nhiều năm nay, nhà cầm quyền Trung-quốc đã gây cho ta nhiều khó khăn về mọi mặt, từ việc bảo đảm kế hoạch thiết kế thi công các công trình, nhập các đầu máy, toa xe, đến việc vận chuyển quả cảnh qua Trung-quốc. Trong những năm nhân dân ta kháng chiến chống Mỹ, nhà cầm quyền Bắc-kinh một mặt nói « Trung-quốc là hậu phương bao la » của Việt-nam, mặt khác lại tìm cách ngăn cản việc vận chuyển bằng đường sắt qua cảnh Trung-quốc sang Việt-nam. Hàng hóa của Liên-xô viện trợ cho Việt-nam đã bị phía Trung-quốc hạn chế quả cảnh đến mức thấp nhất. Năm 1968, khi nhân dân ta mở cuộc tiến công và nổi dậy ở miền Nam, Trung-quốc chỉ chuyên chở quá cảnh cho Việt-nam mỗi tháng vài nghìn tấn!

Sau khi Giôn-xon buộc phải xuống thang chiến tranh, hàng các nước viện trợ cho ta ứ đọng ở các nước, ta cần thiết bị, vật tư để khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, nhưng Trung-quốc tìm cách bắt bí ta, chỉ cấp cho ta 50% số toa xe để chuyên chở hàng hóa, mặc dù hiệp định đường sắt giữa hai nước có ghi rõ mỗi bên đáp ứng yêu cầu về phương tiện. Năm 1972 họ chỉ vận chuyển cho ta 1000 tấn hàng/ngày (khả năng tiếp nhận của ta 7000 tấn/ngày)

và gây sức ép buộc ta phải cho công binh Trung-quốc sang « bảo đảm phương tiện đường sắt » ở Việt-nam (?). Chúng ta đã cương quyết từ chối yêu cầu đó và đấu tranh buộc họ thực hiện đúng kế hoạch vận chuyển hàng quá cảnh giữa hai nước. Họ đã cố tình dây dưa không chịu và cuối cùng chỉ chờ cho ta một ngày vài ngàn tấn. Ngày 22-12-1978, phía Trung-quốc lấy cớ phải tu sửa đường sắt đã đơn phương đình chỉ hoàn toàn hoạt động của đường sắt liên vận quốc tế, xé bỏ hiệp định hai bên đã ký kết.

- Vì truyền thống hữu nghị, đoàn kết giữa nhân dân hai nước, cũng như giữa ngành đường sắt hai nước Việt - Trung, mấy chục năm qua cán bộ, công nhân đường sắt Việt-nam đã luôn luôn cố gắng làm hết sức mình nhằm duy trì, củng cố và phát triển quan hệ hợp tác giữa đường sắt hai nước. Những tấm gương lao động quên mình của cán bộ, công nhân đường sắt Trung-quốc trong khi làm nhiệm vụ giúp đỡ Việt-nam khôi phục đường sắt trước đây đã để lại trong lòng nhân dân Việt-nam nói chung và cán bộ, công nhân đường sắt Việt-nam nói riêng những tình cảm tốt đẹp và lòng biết ơn sâu sắc. Những người cầm quyền ở Bắc-kinh thì hành chính sách thù địch đối với Việt-nam, nhằm làm suy yếu và thôn tính Việt-nam, đã phản bội truyền thống hữu nghị của nhân dân hai nước.

Thực hiện đường lối độc lập tự chủ của Đảng và bảo vệ tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước Việt - Trung, mấy chục năm qua ngành đường sắt Việt-nam đã tích cực bảo vệ đường sắt của mình và không ngừng tăng cường sự hợp tác về đường sắt giữa hai nước, góp phần củng cố tình đoàn kết, hữu nghị giữa nhân dân hai nước. Trên tinh đồng chí, hiểu biết lẫn nhau, cán bộ, công nhân đường sắt Việt-nam luôn cố gắng giữ gìn quan hệ tốt, đấu tranh có lý có tình vì lợi ích của ngành

đường sắt và nhân dân hai nước. Song khi bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh bộc lộ bản chất phản động của chúng và tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta, giết hại đồng bào ta, đánh phá các cơ sở kinh tế của ta, phá hoại cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành đường sắt của ta, thì cán bộ, công nhân đường sắt tại các khu vực có chiến sự đã ngoan cường bám trụ chiến đấu góp phần xứng đáng vào chiến công chung. Tại ga Đồng-đăng, giữa lúc pháo binh, xe tăng, bộ binh địch ồ ạt đánh phá, ban lái máy gồm các đồng chí Vũ-Minh-Tiến, Bùi-Quý-Dư, Lê-Ngọc-Thực đã dũng cảm, mưu trí đưa chiếc đầu tàu 102 đến nơi an toàn. Tập thể trung đội tự vệ đoạn công tác trên tàu do bí thư chi bộ Nguyễn-Huy-Tụ làm chính trị viên đã phối hợp với các đơn vị bộ đội ngoan cường chiến đấu diệt xe tăng và nhiều tên giặc xâm lược. Ở các khu vực ga Phố-mới, Pom-hán (Hoàng-liên-son), dưới tầm pháo địch, các ban máy 423, 417 thuộc đoạn đầu máy Hà-nội - Lào-cai cùng nhân viên khu ga đã lao vào lửa đạn chuyển hàng chục toa hàng, di chuyển nhiều thiết bị, máy móc, tài liệu ra khỏi khu vực địch đánh phá. Ngay trong những ngày chiến sự diễn ra ác liệt, cán bộ, công nhân đường sắt trên hai tuyến Hà-nội - Lạng-son và Hà-nội - Lào-cai không quản ngày đêm vất vả, khăn trương vận chuyển hàng chục vạn đồng bào đi sơ tán.

Do dự kiến trước tình hình, nhận rõ âm mưu và thủ đoạn của địch, từ trước ngày 17-2-1979 Đảng ủy và ban lãnh đạo Tổng cục đường sắt đã thành lập ban chỉ đạo, bố trí các cán bộ chủ chốt bám sát các khu vực trọng điểm tại các ga biên giới đề đón dốc và thực hiện công tác bảo đảm giao thông, kịp thời ứng phó với mọi tình huống; nhờ vậy cho nên đã hạn chế được thiệt hại do địch gây ra. Ngay khi địch buộc phải rút quân, lực lượng xung kích đường sắt trên

hai tuyến biên giới đã triển khai ngay nhiệm vụ khảo sát, nghiên cứu phương án thi công. do đó chỉ sau một tuần, tàu chở khách đã tới ga Lạng-sơn. Đồng thời do sự nỗ lực của các đơn vị thi công cầu đường như công ty cầu 5, đoạn cầu đường Hà-nội - Lào-cai... một số cầu quan trọng đã được khôi phục, tàu đã chạy tới ga Phố-lu (Hoàng-liên-sơn).

Hưởng ứng lời kêu gọi của Trung ương Đảng và Lệnh tổng động viên của Nhà nước, cán bộ, công nhân ngành đường sắt đã và đang sát cánh cùng toàn dân, toàn quân ta, nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, đầy mạnh sản xuất và sẵn sàng chiến đấu, góp phần xứng đáng xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

Trước mắt, khẩn trương khôi phục

các cơ sở vừa bị tàn phá, vận động các nơi khác trong ngành đảm nhận thêm khối lượng bị hụt cho các cơ sở ở biên giới. Mặt khác điều chỉnh lại nhiệm vụ xây dựng cơ bản nhằm tăng thêm năng lực vận tải, đáp ứng yêu cầu mới. Trong vận tải, ưu tiên chuyển chở cho các tỉnh biên giới phía bắc để góp phần sớm ổn định sản xuất và đời sống cho nhân dân, đáp ứng đến mức cao nhất, nhanh nhất các yêu cầu thường xuyên và đột xuất của quốc phòng.

Khó khăn còn nhiều, thử thách còn lớn nhưng phấn khởi trước thắng lợi mà quân và dân ta vừa giành được, toàn ngành đường sắt nhất định vươn lên hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao phó, đưa ngành đường sắt tiến lên chính quy và từng bước hiện đại.

RỪNG BIÊN GIỚI CẢM THÙ QUÂN TRUNG-QUỐC XÂM LƯỢC

TRẦN-VĂN-QUẾ

Thứ trưởng Bộ Lâm nghiệp



ỚT trong những âm mưu đen tối của bọn phản động Bắc-kinh đối với nước ta là phá hoại kinh tế của ta, trong đó rừng trở thành mục tiêu đánh phá ác liệt của quân Trung-quốc xâm lược.

Biên giới phía bắc nước ta có chiều dài hơn 1000km, là đầu nguồn của nhiều con sông chảy về đồng bằng Bắc-bộ, là vùng có nhiều loại gỗ quý và đặc sản hiếm. Bọn Trung-quốc xâm lược phá rừng ở đây là phá tận gốc nguồn sinh thủy và phong hộ của cả miền Bắc nước ta, phá một trong

những thế mạnh về kinh tế của các tỉnh biên giới, đồng thời phá rừng và lực lượng làm nghề rừng ở đây cũng là phá một trong những cơ sở của quốc phòng của ta ở vùng biên giới. Chính vì vậy, khi giặc Trung-quốc xâm lược đánh vào các tỉnh biên giới phía bắc nước ta, chúng đã không từ bất kỳ thủ đoạn độc ác dã man nào để hủy diệt rừng, tàn phá các cơ sở sản xuất lâm nghiệp và tàn sát công nhân lâm nghiệp của ta.

Trong những ngày quân Trung-quốc xâm lược tiến công 6 tỉnh biên giới phía bắc nước ta vừa qua, chúng

đã đánh phá 45 lâm trường và xí nghiệp lâm nghiệp của các tỉnh : Quảng-ninh, Lạng-son, Cao-bằng, Hà-tuyên, Hoàng-liên-son và Lai-châu. Chúng đã phá và cướp hầu hết tài sản của các cơ sở lâm nghiệp và xí nghiệp lâm nghiệp này. Hơn 3 000 héc-ta rừng trồng và rừng tự nhiên bị giặc đốt phá. Hàng chục héc-ta vườn ươm bị đạn pháo địch cây xói, hàng triệu cây giống bị phá hủy. Hàng chục xe, máy các loại và máy động lực bị phá hủy và cướp mất. Toàn bộ công cụ sản xuất thường và phương tiện làm việc khác của các cơ sở lâm nghiệp nói trên cũng bị giặc Trung-quốc vơ vét sạch. Hàng vạn mét vuông nhà ở và nhà làm việc của cán bộ, công nhân lâm nghiệp bị đốt cháy. Toàn bộ các tư trang của hàng vạn cán bộ, công nhân lâm trường bị giặc Trung-quốc cướp sạch. Nhiều công nhân lâm nghiệp bị chúng giết hại, bản bị thương hoặc bị chúng bắt. Bọn Trung-quốc xâm lược đã hăm hiếp đã man rợ giết chết những nữ công nhân không may sa vào tay chúng...

Tất cả những tội ác đã man rợ của cái gọi là « quân giải phóng nhân dân Trung-quốc » đã bóc trần tính chất phản động và tính chất man rợ kiêu trung cổ của một quân đội đã trở thành phản cách mạng trong tay bọn bành trướng Bắc-kinh.

Không phải đến ngày 17-2-1979, khi mấy chục vạn quân Trung-quốc tràn sang xâm lược nước ta, những người làm nghề rừng ở các tỉnh biên giới phía bắc nước ta mới thấy được âm mưu độc ác của bọn bành trướng Bắc-kinh. Trong nhiều năm qua, những người làm nghề rừng ở đây đã nhiều lần phải đối phó với những hành động của bọn bành trướng Bắc-kinh phá hoại nghề rừng, khiêu khích biên giới, kích động chia rẽ đồng bào các dân tộc với công nhân lâm nghiệp bằng mọi thủ đoạn vừa hiểm độc, vừa trắng trợn. Chính vì vậy mà khi quân Trung-quốc xâm lược vừa đặt

chân đến núi rừng biên giới của Tổ quốc ta, chúng đã bị những chiến sĩ trên mặt trận lâm nghiệp hợp đồng chiến đấu với dân quân tự vệ, công an, bộ đội địa phương trừng trị đích đáng.

Phần lớn các lâm trường, xí nghiệp lâm nghiệp ở nơi có chiến sự, đều lập thành tích xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, giúp đỡ đắc lực cho bộ đội và công an vũ trang chặn bước tiến của địch, tiêu diệt hàng nghìn tên xâm lược, phá hủy và tịch thu nhiều dụng cụ chiến tranh của địch, bắt bọn thám báo... góp phần cùng quân và dân 6 tỉnh biên giới phía bắc đánh bại quân Trung-quốc xâm lược. Nhiều công nhân, cán bộ lâm nghiệp đã làm tròn nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu của mình. Một số đã hy sinh anh dũng giữa rừng cây mà trước đây hàng ngày họ thường chăm sóc, vun trồng. Nhiều công nhân, cán bộ đã lập được những chiến tích xuất sắc. Một số đã được kết nạp vào Đảng cộng sản Việt-nam.

Cuộc tiến công đầy tội ác của quân Trung-quốc xâm lược đối với các tỉnh biên giới phía bắc nước ta, có gây cho ngành kinh tế lâm nghiệp của ta những tổn thất và đau thương, nhưng cũng làm cho đội ngũ công nhân, cán bộ trong ngành lâm nghiệp nói chung, đặc biệt ở vùng biên giới nói riêng càng thấy rõ âm mưu, thủ đoạn tàn bạo của bọn Trung-quốc xâm lược và càng thấu suốt những bài học kinh nghiệm sau đây :

Kết hợp giữa sản xuất và sẵn sàng chiến đấu là nhiệm vụ *thường trực và lâu dài* của những lực lượng làm nghề rừng ở các tỉnh biên giới phía bắc nước ta.

Một trong những âm mưu của bọn bành trướng Bắc-kinh là trường kỳ phá hoại kinh tế của ta, hòng làm cho nước ta suy yếu, cho nên chúng ta phải ra sức chuẩn bị sẵn sàng để

tiêu diệt địch một khi chúng xâm phạm vào đất nước ta, vào lâm trường của ta, đồng thời còn phải đặc biệt chú trọng bảo vệ rừng, bảo vệ tài sản của nghề rừng và lực lượng lao động nghề rừng. Bảo vệ Tổ quốc ở đây là bảo vệ cho được từng mảnh rừng, tài nguyên rừng, đất rừng của Tổ quốc.

Tổ chức tốt hậu cần tại chỗ trong sản xuất cũng như trong chiến đấu là một yêu cầu được đặc biệt coi trọng trong khi xác định phương hướng sản xuất của nghề rừng ở vùng này. Thực hiện việc kết hợp giữa sản xuất lâm nghiệp với sản xuất nông nghiệp, kinh doanh toàn diện, lợi dụng tổng hợp là tạo ra những điều kiện thuận lợi để phát triển lâm nghiệp lúc bình thường và đáp ứng kịp thời những nhu cầu cần thiết khi phải chiến đấu chống bọn xâm lược.

Đoàn kết, tương trợ giữa những người công nhân lâm nghiệp, đồng bào các dân tộc và lực lượng vũ trang chuyên nghiệp vùng biên giới là một yêu cầu phải được thể hiện hàng ngày trong sản xuất, xây dựng đời sống và chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu. Sự gắn bó với nhau lúc bình thường càng chặt chẽ, thì khi giặc đến việc hợp đồng tác chiến càng đem lại

hiệu quả to lớn.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò làm chủ của người lao động làm nghề rừng, dựa vào lực lượng thanh niên để sản xuất, chiến đấu và qua sản xuất, chiến đấu đưa công tác xây dựng Đảng, Đoàn thanh niên và Công đoàn tiến lên một bước mới là bồi dưỡng những nhân tố quyết định mọi thắng lợi.

Bọn bành trướng Bắc-kinh đã gây cho nghề rừng ở 6 tỉnh biên giới phía bắc nước ta nhiều thiệt hại. Hành động của bọn xâm lược vừa qua đang đặt ra cho ta nhiều vấn đề phải giải quyết nhằm ổn định đời sống, sản xuất và chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu với mức cao hơn. Phát huy khí thế chiến thắng, với tinh thần sáng tạo của đội ngũ công nhân lâm nghiệp đã được thử thách trong cuộc chiến đấu vừa qua, với sự giúp đỡ của toàn ngành lâm nghiệp lại được đồng bào cả nước và bè bạn trên thế giới cổ vũ, động viên, nghề rừng ở các tỉnh biên giới phía bắc nước ta nhất định sẽ nhanh chóng khắc phục được khó khăn, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ sản xuất, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu; xây dựng các đơn vị sản xuất lâm nghiệp thành những pháo đài thép để bảo vệ Tổ quốc thân yêu.

TỘI ÁC CỦA GIẶC TRUNG-QUỐC XÂM LƯỢC PHÁ HỦY CÁC CƠ SỞ KINH TẾ VÀ ĐỜI SỐNG CỦA NHÂN DÂN TA

THỰC hiện âm mưu thôn tính nước ta, bọn phân động bành trướng Bắc-kinh đã tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược nước ta, gây nhiều tội ác cực kỳ man rợ đối với nhân dân ta.

Trong những tội ác đó, tội ác phá hủy các cơ sở kinh tế và đời sống của nhân dân ta do chúng gây nên nói lên tính chất chiến tranh hủy diệt và âm mưu hết sức thâm độc của chúng.

Chúng đốt sạch, phá sạch, cướp sạch những cơ sở vật chất kỹ thuật cùng mọi thứ tài sản của nhân dân ta trên đường chúng tiến quân và khi chúng tháo chạy nhằm gây cho ta nhiều khó khăn trước mắt về sản xuất và đời sống; gây trở ngại cho ta trong việc khôi phục các cơ sở kinh tế và đời sống, nhằm làm cho ta suy yếu, kiệt quệ, dễ chúng dễ dàng thôn tính nước ta.

Quân Trung-quốc xâm lược đã hủy diệt các cơ sở công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, giao thông vận tải, kho tàng, các cơ sở phục vụ đời sống của nhân dân ta. Việc tàn phá khu mỏ Cam-đường là một điển hình về tội ác hủy diệt của chúng. Chúng cướp mang về Trung-quốc toàn bộ máy móc, thiết bị khai thác quặng a-pa-tít và sản xuất phân lân cùng với hàng nghìn tấn phân bón, hàng nghìn tấn quặng mới khai thác còn ở bãi chứa, hàng trăm xe tải, xe ủi, v.v. Chúng dùng bộc phá và bắn đại bác phá hủy toàn bộ hệ thống đường vận chuyển của 5 công trường khai thác quặng và sản xuất phân lân. Các công trình sản xuất phụ, hệ thống đường dây điện và cột điện đều bị phá hoại. Chúng đánh sập hai cầu trong khu mỏ bằng cách dùng khối lượng lớn bộc phá bóc hẳn trụ cầu và móng cầu. Chúng đốt phá toàn bộ khu nhà ở của cán bộ và công nhân mỏ, cửa hàng lương thực, cửa hàng bách hóa, cửa hàng phục vụ ăn uống công cộng, các công trình phúc lợi công cộng: rạp chiếu bóng, thư viện, trường học cấp 1, cấp II. Bệnh viện mỏ cũng bị chúng cướp hết dụng cụ y tế và thuốc men, những chiếc áo choàng trắng bị chúng xé nát, bàn ghế làm việc, giường bệnh nhân... không cái nào còn nguyên vẹn. Nhà máy điện Lào-cai đã bị chúng triệt phá; toàn bộ nhà máy chỉ còn là một đống gạch vụn. Tại Cao-bằng quân xâm lược Trung-quốc nổ mìn phá hoại các công trình thủy điện phục vụ sản xuất của mỏ thiếc Tĩnh-túc là Tà-

sa và Nà-ngần, nhà máy thủy điện Nậm-cúm, đánh sập 3 chiếc cầu lớn trong thị xã Cao-bằng.

Ngót tám chục lâm trường, nông trường, trạm, trại nông nghiệp đã bị chúng cướp bóc và phá hết các máy kéo, máy ủi, máy lu, ô tô vận tải, các máy phát điện, máy biến thế điện, các kho phụ tùng cùng hàng vạn tấn phân đạm, phân lân, thuốc trừ sâu, hàng vạn tấn lúa giống và rau giống, cây giống. Chúng cướp đi và giết chết hơn chục vạn con trâu, bò, ngựa, gần hai chục vạn con lợn. Hàng vạn công nhân lâm trường, nông trường bị mất hết nhà cửa và tài sản. Tại lâm trường Bảo-thắng, sau khi cướp hết tài sản của lâm trường và của cán bộ, công nhân, viên chức, chúng đốt trụ đầy nhà ở, dùng mìn đánh sập nhà làm việc, và khi rút chạy, chúng dùng mìn phá hỏng bãi gỗ và đường vận chuyển gỗ của lâm trường.

Chúng tàn phá các công trình giao thông vận tải: Các nhà ga và các cầu ở vùng chúng đến đều bị phá sập. Chúng phá triệt để các cầu Kỳ-lừa, Làng-giàng, Làng-chiêng... bằng cách dùng nhiều thuốc nổ phá tan các trụ cầu chính và các móng cầu để cho ta không thể sửa chữa và dùng lại được. Trên đoạn đường sắt từ Phố-lu đến Phố-mới dài hơn 30km, thanh đường ray nào cũng bị phá đứt một đoạn 25 - 30cm bằng những gói bộc phá từ 200g đến 300g. Chúng cướp mang về nước nhiều xe vận tải, hơn một trăm đầu máy và toa xe lửa.

Tại các vùng nông thôn, chúng đã tàn phá các công trình thủy lợi, các hồ chứa nước, trạm bơm nước, cống tưới tiêu nước. Chẳng những chúng phá các cơ sở kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể mà còn phá triệt để cả kinh tế gia đình của đồng bào các dân tộc.

Thi hành chính sách thù địch chống Việt-nam, quân Trung-quốc xâm lược

còn tìm cách hủy diệt mọi nguồn sống, điều kiện sống và thậm chí cả môi trường sống của nhân dân ta. Chúng cướp sạch từ thóc gạo, hoa màu, gia súc, gia cầm cho đến thóc giống và hạt giống, hoa màu của người nông dân. Chúng cướp hoặc giết hết trâu, bò, ngựa — sức kéo cần thiết cho nông nghiệp — và cướp phá cả những công cụ thông thường như cày, bừa, cuốc, thuổng, dao, đục, cưa, búa. Chúng đào xới hoặc gài mìn cho nổ, bắn pháo vào các sân phơi, nhà kho của các hợp tác xã. Chúng cướp chần mần, quần áo, dụng cụ sinh hoạt gia đình. Có những xác lính Trung-quốc vẫn còn mặc trên người 4 quần đen của phụ nữ, hoặc đeo hên mình con gà, cái xoong, củ sắn như những thắng thổ phỉ để tiện nhất. Chúng đốt phá nhiều khu rừng lớn. Hàng nghìn héc-ta rừng thiên nhiên của tỉnh Lai-châu bị thiêu hủy. Hàng nghìn héc-ta rừng thông và sa-mu bao bọc quanh khu nghỉ mát Sa-pa cũng bị chúng đốt trụi. Chúng bỏ thuốc độc xuống giếng và đầu nguồn nước. Chúng vớt chông chất xác dân thường bị chúng giết hại xuống giếng và suối làm ô nhiễm nguồn nước nhằm hủy hoại lâu dài sức khỏe nhân dân ta; tại giếng nước ở xã Ilung-dạo (Hòa-an, Cao-bằng) chúng đã vớt xuống 15 xác đồng bào ta bị chúng giết. Trước khi rút quân, chúng còn gài mìn trên các lối đi, trên bờ ruộng, bờ giếng, ở các cửa ra vào, trong vườn rau, chuồng lợn, thùng gạo để gây thêm thương vong cho nhân dân ta.

Hàn học trước cuộc sống yên vui hạnh phúc của nhân dân Việt-nam, chúng cố tình phá cuộc sống ấy. Những làng, bản, thị trấn mà chúng đi qua, trước đây đông vui trù phú, nay chỉ còn là những đồng gạch vụn đồ nát hoang tàn. Chúng dùng pháo lớn, tên lửa, mìn, bộc phá và các loại thuốc nổ triệt hạ các khu đông dân, các cơ sở kinh tế, văn hóa giáo

dục, v.v. Bốn thị xã Cao-bằng, Lạng-son, Lào-cai, Cam-đường; các thị trấn Mường-khuong, Bát-xát, Phố-lu. Đồng-đăng bị chúng san bằng. Chúng đốt phá 330 nóc nhà trong số 420 nóc nhà ở xã Đề-Thảm (huyện Hòa-an, tỉnh Cao-bằng).

Tại thị xã Lạng-son, cơ sở điện lực bị chúng đặt mìn phá sập. Nhà ngân hàng Lạng-son và khu ga được xây dựng kiên cố trước đây bị chúng đặt hàng tấn bộc phá phá sập hoàn toàn. Bệnh viện thị xã bị phá hủy. Hầu hết đường dây tải điện, mạng lưới dây thông tin bị chúng bắn đứt tung. Quân xâm lược ở Phố-lu chỉ có ba ngày mà thị trấn 5000 dân này đã trở thành đồng tro tàn. Chúng đốt dây nhà dân ở, phá sập nhà bưu điện, phá nhà ga, đốt kho lương thực.

Tại khu nghỉ mát Sa-pa địch dành phá có tính chất hủy diệt rất thâm độc. Chúng đặt hàng tấn thuốc nổ vào chân tòa biệt thự số 10 ở trên cao giạt đổ lật từ móng, kéo đổ theo biệt thự số 6 và cả dãy nhà một tầng. Các biệt thự số 3, số 4, số 5, trường phổ thông cấp I — II, hai mươi lăm nóc nhà dân ở thị trấn cùng hầu hết tài sản cũng bị phá hủy. Ở đài khí tượng vật lý địa cầu mang ký hiệu quốc tế 48802 máy móc bị phá và cướp đi.

Quân Trung-quốc xâm lược điên cuồng đốt phá các trường học phổ thông, các trường trung học chuyên nghiệp, các trường dạy nghề: 735 trong tổng số 904 trường học phổ thông, 160 trong tổng số 665 nhà trẻ và lớp mẫu giáo ở các vùng chúng đi qua bị phá hủy, làm cho gần 200 000 học sinh và trẻ mẫu giáo không có nơi học. Bàn ghế học sinh, sách giáo khoa, đồ dùng dạy học của nhà trường... chúng đều đốt phá, chúng thù ghét cả các bệnh viện, bệnh xá: 428 trong tổng số 430 bệnh viện, bệnh xá cùng với giường bệnh, dụng cụ y tế, phòng bảo chế ở những vùng chúng đi qua đã bị chúng phá hủy. Chúng

đốt phá không từ nhà thờ, đình chùa, nơi thờ cúng của nhân dân.

Bọn giặc Trung-quốc còn phá hủy các di tích lịch sử gắn liền với truyền thống yêu nước chống ngoại xâm của dân tộc ta. Chúng đã phá hủy hoàn toàn khu bảo tàng Pắc-bó, nơi có những di tích và kỷ vật thiêng liêng gắn liền với đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh.

Người đã hy sinh cả cuộc đời cho sự nghiệp giải phóng của nhân dân Việt-nam và của các dân tộc khác: người đã dày công vun đắp cho tình hữu nghị giữa nhân dân Việt-nam và nhân dân Trung-quốc.

Cuộc chiến tranh xâm lược của bọn bành trướng, bá quyền Trung-quốc đã gây ra những thiệt hại to lớn cho nhân dân Việt-nam.

Theo thống kê sơ bộ, một số thiệt hại trước mắt, tính đến cuối tháng 3-1979 như sau

	Đơn vị tính	Tổng số có trong vùng địch đến	Số bị dịch phá hoại
1. Số thị xã bị hủy diệt	thị xã	4	4
2. Số xã bị phá hoại	xã	320	320
3. Diện tích nhà ở bị phá hoại tại thành thị	nghìn m ²		600
4. Số người ở thành thị không có nhà ở do giặc tàn phá.	nghìn người		150
5. Nhà ở bị phá hoại tại nông thôn	nghìn cái		45
6. Số người ở nông thôn không có nhà ở do giặc tàn phá	nghìn người		200
7. Trường phổ thông cấp I, II, III bị phá hoại	trường	904	735
8. Số học sinh phổ thông không có trường học	nghìn học sinh		180
9. Nhà trẻ bị phá hoại	cái	691	691
10. Số trẻ em mất nơi học tập	nghìn cháu		11
11. Số giáo viên không có trường dạy	người		5570
12. Số bệnh viện, bệnh xá bị phá hoại	cái	430	428
Trong đó: bệnh viện tỉnh	cái	4	4
bệnh viện huyện	cái	26	24
bệnh xá	cái	400	400
13. Số lâm trường bị phá hoại	cái	42	38
14. Số nông trường, trạm, trại nông nghiệp bị phá hoại	cái		11
15. Số trâu, bò bị giết, bị cướp	nghìn con	260	157
16. Số lợn bị giết, cướp	nghìn con	305	214

Những tội ác cực kỳ man rợ trên đây của giặc Trung-quốc xâm lược đã lột trần bộ mặt xâm lược hèn mạt của bọn bành trướng và bá quyền Bắc-

kinh, vạch rõ bản chất chung của chúng là tên linh xung kích của chủ nghĩa đế quốc, một tập đoàn phản động cực kỳ hiếu chiến, cực kỳ tàn ác.

BA MƯƠI NGÀY CHIẾN TRANH

V. SƠ-VOỐC-XỐP

1.

BQN xâm lược đã diễn
cường tiến công vào nước
Việt-nam. Cuộc tiến quân
đã diễn ra hơn hai tuần
lẽ. Nó đã bị đập tan vì dụng dẫu phải
ý chí kiên cường của nhân dân Việt-
nam anh hùng được nhân lên gấp bội
nhờ sự ủng hộ và đoàn kết của Liên-
xô, các nước anh em khác, tất cả mọi
người có thiện chí. Sau đó, kẻ thù đã
rút quân một cách chậm chạp, mất
một tuần lễ rưỡi, để lại sau chúng
những hố chôn xác dân thường,
những xí nghiệp và nhà cửa bị tàn
phá, những cầu cống bị phá sập,
những thị trấn và làng mạc bị cướp
sạch, những ruộng lúa đầy mìn, chúng
phá hoại mỗi đoạn đèo trên các con
đường trong các tỉnh biên giới Việt-
nam. Một tháng của cuộc chiến tranh
do Bắc-kinh phát động chống một
nước xã hội chủ nghĩa độc lập, đã
trở thành vết nhơ muôn đời đối với
chủ nghĩa Mao, đối với ban lãnh đạo
Trung-quốc hiện nay. Tiếng đại bác
nay đã yên trên rừng núi Lạng-sơn,
Cao-bằng và Hoàng-liên-sơn. Nhưng
dấu vết tội ác của quân đội Trung-
quốc vẫn còn. Chúng ghi sâu vào trí

nhớ và kích động lương tri nhân
loại, chúng kêu gọi cảnh giác.

Chiến tranh đã nổ ra như thế nào?
Bất ngờ luôn luôn được coi là một
trong những nhân tố quyết định kế
hoạch của mọi kẻ xâm lược. Sáng thứ
bảy ngày 17 tháng 2 có lẽ được người
ta coi là cơ hội tạo ra sự bất ngờ đó.
Chiều ngày hôm trước, một màn khói
dày như dải khăn lụa màu lam sẫm,
trùm lên đỉnh các ngọn núi kéo dài
suốt 1400 km đường biên giới Trung-
Việt. Buổi tối, trăng chưa lên, trời
rất tối, trời tối và mây dày đặc lúc
rạng đông, cản trở rất nhiều phương
tiện quan sát của các chiến sĩ biên
phòng Việt-nam. Ba giờ đúng, pháo
120 mi li mét và đại bác 105 mi li
mét được phía Trung-quốc bố trí sát
đường biên giới hai nước, bắn xối
xả vào các vị trí của Việt-nam ở Cao-
bằng. Sau một tiếng rưỡi đồng hồ,
tiếng súng nổ khắp toàn tuyến biên
giới. Được pháo, đại bác yểm hộ,
những đơn vị đi đầu của 600 000 quân
viên chinh Trung-quốc tiến về hướng
các thị xã Lạng-sơn, Cao-bằng và Lao-
cai, mở nhiều mũi vu hồi tại hàng
chục khu vực khác.

Tiếng gầm của pháo và đại bác đã
dựng chúng tôi dậy, chúng tôi thuộc

nhóm nhà báo công tác tại vùng biên giới, chúng tôi rời khỏi chân đệm mới trái, trong các gian nhà gạch của một khách sạn ngoại ô thị xã Lạng-sơn, cách nơi có chiến sự 14 ki lô mét. Tiếng đại bác nổ ngày càng dữ, lan theo các đồi dốc thoải, chẳng chịt những hào chiến đấu và hào giao thông. Trong ánh sáng màu xám buổi bình minh của một ngày đầy mây, những thành hào đất vàng tươi tựa như những vết sẹo lằn giữa những đám cỏ và bụi tre. Tiếng máy bay đưa lại từ trong tầng mây thấp. Chúng tôi nhìn rõ các pháo thủ lao đi dọc hào giao thông về vị trí chiến đấu theo hiệu lệnh báo động.

«Hôm nay, lần đầu tiên, pháo lớn Trung-quốc bắn vào thị trấn Đồng-đăng», Dương-Quốc-Tiến, chỉ huy lực lượng dân quân, đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng-sơn, vừa mới đến chỗ chúng tôi và báo cho biết tin đó. Đầu đội chiếc mũ vải đen mà bụi đất biến thành một thứ mũ lông thú mồng mốc, mặc chiếc áo màu lá cây, ống áo đầy bụi màu đất đỏ, đồng chí trải rộng trên mặt bàn tấm bản đồ của tỉnh. Những mũi tên đỏ được đánh dấu một cách vội vàng cho thấy các mũi quân Trung-quốc đang tiến vào thị trấn Đồng-đăng, những gọng kim cắt rời khỏi tỉnh hai huyện Lộc-binh và Văn-lãng, ôm lấy điểm nối biên giới trên đường sắt Hà-nội - Bắc-kinh và vươn mãi, vươn mãi theo hướng nam. Các chiến sĩ hiện phóng đã chiến đấu với xe tăng địch. Hàng nghìn dân thường nhanh chóng di chuyển vào sâu trong lòng đất nước, theo Quốc lộ số 1.

Chiến tranh là chiến tranh, nếu đối với người chiến sĩ chiến tranh là cái mà họ bao giờ cũng sẵn sàng đối phó, thì đối với dân thường buổi đầu của chiến sự thường là bất ngờ. Chỉ tính riêng tỉnh Lạng-sơn, vài hôm trước khi bùng nổ chiến sự đã phải sơ tán khoảng 100 000 người, chủ yếu là trẻ con, phụ nữ và các cụ già. Đồng ruộng

hợp tác xã và các nhà máy bước vào tuần lễ thứ hai mà công việc đã dờ các chiến sĩ vũ trang trong các đội thanh niên xung kích và dân quân đảm nhiệm. Nhưng có một bộ phận dân cư còn ở lại. Vì vậy, trên con đường ra mặt trận, chúng tôi đi ngược chiều với những dòng người vô tận: các bà mẹ người thì dịu con nhỏ trên lưng, người thì gánh nặng, các thiếu niên nam nữ đẩy xe đạp với đồ dùng gia đình, những người già và thanh niên nữ súng máy trên vai bảo vệ người sơ tán và giữ gìn trật tự. Đoàn ông lưng mang lựu đạn, với súng tự động, vận chuyển lên biên giới các bộ phận tháo rời của những khẩu đại bác không giật và pháo, các hòm vũ khí. Cứ theo kiểu quần áo, chúng tôi biết đó là dân quân. Cạnh đường ô tô, bên kia đường sắt, các chiến sĩ lực lượng vũ trang địa phương, quần phục màu xanh lá cây, đang hành quân qua những đám ruộng nước. Những cánh lá tươi ngụy trang phe phẩy trên lưng họ.

Đến gần Đồng-đăng, cách biên giới hai ki lô mét, chúng tôi phải xuống xe và đi bộ tiếp, men theo lưng sườn một quả núi dốc đứng. Pháo và đại liên vẫn nổ. Chung quanh vắng vẻ. Phải nhìn thật kỹ mới nhận thấy các chiến sĩ dân quân đang chiếm giữ trận địa trên đỉnh đồi. Đi được chừng hai - ba trăm bước, chúng tôi gặp ba thanh niên chuyển thương binh về phía sau.

«Cách đây năm trăm mét có quân Trung-quốc, — một chiến sĩ nói với chúng tôi. — Bốn xe tăng và bộ binh đã cắt đường sắt, ở đoạn cách biên giới trên năm ki lô mét».

Về sau, trung tá Hoàng-Ninh, tư lệnh lực lượng biên phòng Lạng-sơn đã cho chúng tôi biết về kế hoạch của bọn xâm lược mà Việt-nam đã nắm được. Mấy ngày trước khi mở cuộc tiến công ở ải, quân Trung-quốc đã chiếm điểm cao 400 nằm sâu trong đất Việt-nam, ở phía đông thị xã Lạng-

son, đã mở đường để kéo đại bác và pháo đến điểm cao đó. Trận pháo kích từ điểm cao đó chính là hiệu lệnh mở đầu cuộc tiến quân dọc theo quốc lộ số 1. Chính là ở nơi đây, đến buổi chiều ngày thứ nhất của cuộc tiến công vào toàn bộ đường biên giới quốc gia giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam và Trung-quốc, kẻ địch đã tiến được sâu nhất, đến bảy ki lô mét. « Đây không phải là một cuộc xung đột biên giới, — Dương-Quốc-Tiến đã cho chúng tôi biết. — Đây là một cuộc chiến tranh ».

Chúng tôi đến bệnh viện Lạng-son, ở đây đã bắt đầu tiếp nhận thương binh từ sáng sớm. Mấy hôm sau, bệnh viện này cũng như trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh ở phố Hoàng-Văn-Thụ, gần sân vận động thị xã, nơi mà trung tá Hoàng-Ninh đã tiếp chúng tôi, đã bị pháo tầm xa của Trung-quốc san phẳng. Nỗi khùng, kẻ thù đã trả thù một cách hèn nhát, vì không thực hiện được mơ ước làm một cuộc dạo mát trên đất Việt-nam. Tuy nhiên, trong đồng gạch và ngói vụn và nhà cửa đổ nát, vẫn đứng trơ trên các nền đá những cỗ súng thần công tượng trưng cho sức mạnh đã tiêu diệt nhiều đội quân Trung-quốc xâm lược trong các thế kỷ trước.

2.

Một thời gian rất lâu sau khi nổ ra những trận chiến đấu ác liệt, trong khi đánh giá những việc đã xảy ra, khi bàn về nhân tố bất ngờ, thứ trưởng ngoại giao Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, Nguyễn-Cơ-Thạch đã nói: « Về mặt chiến lược, chúng tôi đã sẵn sàng. Dự đoán về các hướng tiến quân của Trung-quốc không phải là việc khó, ngay lịch sử đã cho thấy điều đó. Rừng núi buộc chúng phải tiến theo những con đường nào. Còn về mặt chiến thuật, muốn biết trước giờ tiến công là một việc luôn luôn khó. Nhưng bản thân tình

hình dọc biên giới đã mỗi ngày càng căng thêm, chỉ cho biết thời giờ đó ».

Quả vậy, ngay từ tối 11 tháng 2, nghĩa là hơn hai ngày trước khi cuộc xâm lược bắt đầu, đại diện của Bộ ngoại giao Việt-nam đã phát cho các nhà báo công tác ở Hà-nội một văn kiện, trong đó nói thẳng ra rằng Trung-quốc đang chuẩn bị tiến công Việt-nam, đang tập trung hàng chục sư đoàn, hàng trăm xe tăng, máy bay và pháo lớn. Người ta đã chỉ cho chúng tôi thấy trên bản đồ những điểm mà quân Trung-quốc xâm phạm chủ quyền Việt-nam sâu đến 5 ki-lô-mét.

Nhưng vấn đề không đóng khung ở đó. Vinh dự thuộc về nhân dân các tỉnh biên giới Việt-nam, họ biết rất rõ thủ đoạn nham hiểm của bọn cầm quyền « bên kia », họ không bao giờ lẫn lộn giá trị thật sự của lời nói và hành động cụ thể của những người theo Mao. Các ủy ban nhân dân thậm chí không cần ra những lệnh đặc biệt phải thiêu hủy các truyền đơn do máy bay địch rải, những chiếc máy bay này dĩ nhiên không dám xâm phạm vùng trời Việt-nam sâu quá 5 ki lô mét. Những mảnh giấy đó lặp lại những điều hết sức phi lý hoặc những lời lẽ ngạo mạn, thô bạo đúng như điều mà các loa phóng thanh lớn của Trung-quốc nói ra cả suốt ngày đêm. Truyền đơn vụn thành đồng như đồng lá khô, rồi làm mồi cho lửa.

« Tình hình hiện nay, — Dương-Quốc-Tiến nói, — khẳng định tình đúng đắn của việc giáo dục lòng yêu nước cho nhân dân, đặc biệt cho thanh niên trong tỉnh, chúng tôi coi đó là nội dung chủ yếu của công tác giáo dục. Chúng tôi vạch trần chính sách đối ngoại và đối nội của bọn cầm quyền Bắc-kinh, bản chất phản động của chúng, vạch rõ chúng đang tiếp tục con đường của thực dân Pháp, xâm lược Mỹ và phong kiến Trung-quốc, chỉ rõ những hành động phiêu lưu của Bắc-kinh chính là mối đe dọa

hiện nay đối với nhân dân các nước láng giềng”.

Đến ngày thứ tám của cuộc chiến tranh, ở Lạng-sơn, tôi may mắn được đến gần điểm cao 611, tiếp xúc với Hà-Đức-Hùng, người chỉ huy dân quân, một kỹ sư nông nghiệp đã luống tuổi. Là một đảng viên lâu năm của tỉnh, ngay từ năm 1946, đồng chí đã kề vai sát cánh với những người cộng sản Trung-quốc chiến đấu tại tỉnh nhà chống bọn Tưởng-Giới-Thạch. Đề ghi nhớ mỗi tình đồng chí chiến đấu có từ khi đó, mối quan hệ láng giềng tốt giữa Cộng hòa nhân dân Trung-hoa và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, trạm kiểm soát chính trên điểm nối đường sắt của hai nước, ở gần Đồng-dăng, đã được đặt tên là « cửa hữu nghị » « Được chứng kiến cảnh truyền thống về vang bị chà đạp, chủ nghĩa xã hội bị phản bội, nhân dân tỉnh chúng tôi hiểu rất rõ là kẻ thù đang nằm ngay sát nách mình và đang đợi giờ hành động. — Hà-Đức-Hùng nói với chúng tôi. — Đã mấy năm nay nhiều cuộc xung đột diễn ra dưới chân các cột mốc biên giới. Bắt đầu từ năm ngoái, họ đã bắn bừa bãi vào người đi lại, xe cộ đi trên đường, súc vật đi lại bên phía chúng tôi. Ngày 17 tháng hai, khi pháo lớn Trung-quốc đã tiến công vào xóm Đông-hen, thì ở đó chỉ còn người già và trẻ em, khi đó chúng tôi không còn phải ra lệnh tập hợp dân quân nữa. Họ đã có mặt ở biên giới đến hai tiếng đồng hồ trước khi có lệnh ».

Không phải chỉ ở Lạng-sơn, mà cả ở Cao-bằng, Hoàng-liên-sơn — khắp nơi tình hình đều như thế. Cuộc kháng chiến chống quân của Mao lập tức biến thành sự nghiệp của toàn dân Việt-nam, điều đó thể hiện ở chủ nghĩa anh hùng tập thể của các chiến sĩ đương đầu trước tiên với sức ép của làn sóng chiến thuật « biên người » khủng khiếp, chiến thuật đó được vạch ra trong bộ tham mưu của bọn theo Mao, chúng coi rẻ sinh mạng của

bình lính chúng. Đại tá Lê-Sơn, tư lệnh lực lượng vũ trang địa phương Lạng-sơn cho chúng tôi biết: ngày 22-2, ở phía đông — bắc Đồng-dăng 10 ki-lô-mét, dọc đường 4A, một tiểu đoàn lực lượng địa phương trong vòng 24 tiếng đồng hồ đã bám trụ vững vàng đẩy lùi 12 đợt tiến công ban ngày và 2 đợt tiến công ban đêm của 1 tiểu đoàn xe tăng và 5 tiểu đoàn bộ binh địch. Số lượng đạn được dùng cho mỗi chiến sĩ phải tính từng ki-lô-gam, nòng súng nóng đỏ, nhưng quân địch cứ ừn ừn tiến lên hầu như không dứt, tuy nhiên các chiến sĩ Việt-nam vẫn đứng vững, chiến thắng.

Mọi người đều rõ, trong khi chuẩn bị xâm lược Việt-nam, bọn theo Mao đã đưa nhiều tay chân của chúng đến tiến hành hoạt động khiêu khích ở vùng rừng núi Việt-nam có các dân tộc ít người. Bắc-kinh cũng đặt nhiều hy vọng vào những phần tử phản động còn ẩn nấp ở những tỉnh miền Nam Việt-nam sau khi chế độ bù nhìn Sài-gòn sụp đổ. Nhưng sự nhụt trí về tinh thần — chính trị, ý thức tổ chức và thái độ bình tĩnh đã đào luyện nhân dân Việt-nam thành một khối thép đứng trước nguy cơ nghiêm trọng đối với đất nước, điều này ngay cả những trung tâm tuyên truyền của phương Tây cũng buộc phải thừa nhận.

Tình hình chiến sự đặc biệt căng thẳng vào đầu tháng 3, ở hướng Cao-bằng. Ở phía bắc thị trấn Ngân-sơn, hàng đoàn người sơ tán đứng lại hai bên con đường số 3, trong gió rét căm căm và mưa phùn. Đêm đến, họ đốt lửa để sưởi ấm và hơ quần áo. Trong ánh lửa đó người ta nhận thấy trong đêm tối nơi thì một khẩu đại bác 130 mi-li-mét đang mọc sau xe kéo pháo, nơi thì một cỗ pháo 12 nòng. Được chứng kiến cảnh hàng nghìn phụ nữ, trẻ em và cụ già không nhà không cửa, trước mắt họ là cái chết của những người thân, được tận mắt

nhìn thấy những làng mạc bị tàn phá, xác những dân quân bị thương bị bọn Trung-quốc xâm lược treo trên cành cây, chúng tôi nhìn thấy hai năm rưỡi mười tội ác của bọn xâm lược gây ra trên đất Việt-nam.

Các chiến sĩ tiểu đoàn 45 lực lượng vũ trang địa phương tỉnh Cao-bắc đã trở thành bạn đường cùng chúng tôi ra mặt trận. Họ đi trong im lặng như đang đi dọc hành lang một tòa nhà, vượt qua những toán người đi sơ tán có áo tơi che mưa. Dân thường phải chịu cực khổ, nhưng kẻ địch đã phải đổ nhiều máu. Sau đó, chỉ trong hai ngày chiến đấu quyết liệt và kiên cường, tiểu đoàn 45 đã loại khỏi vòng chiến đấu 140 tên Trung-quốc xâm lược, phá hủy trên mười chiếc xe tăng.

3.

Cuộc tiến công của Trung-quốc xếp dần. Sự sụp đổ đã đến gần. Chúng tôi được chứng kiến điều đó trên quốc lộ số 7, ở tỉnh Hoàng-liên-son, ở đây bọn xâm lược đã xâm nhập rất sâu, đến cột mốc ki-lô-mét số 44.

Những hòm đạn sơn xanh mở vơi và vơi thành hàng đồng bên cạnh 5 khẩu pháo bắn đều đặn mỗi phút 4 phát làm rung chuyển những quả núi chung quanh. Khi pháo ngừng bắn, chúng tôi nghe rõ tiếng người chiến sĩ thông tin nhắc lại các con số qua máy điện thoại đã chiến và tiếng các sĩ quan ra lệnh cho pháo thủ. Các chiến sĩ mở hơi nhể nhại, cỡi cả áo, phát hỏa một cách đều đặn. Sau mỗi loạt pháo, cuộn lên theo khói đạn pháo là lá cây và cành cây. Một tiểu đoàn thuộc trung đoàn pháo « Sông Hồng » đã tiến công vào quân Trung-quốc đang đi về phía thị xã Lao-cai. « Trình sát báo cáo là ở khu vực thị trấn Sa-pa, — đại úy Đỗ-Son nói với chúng tôi, — dựa vào các công sự cố thủ được dựng lên đêm qua, quân Trung-quốc vận chuyển trên đường

sắt thiết bị máy móc, lương thực và tài sản của nhân dân mà chúng cướp được. Bọn giặc Trung-quốc tưởng rằng chúng có thể ăn cướp mà không bị trừng trị. Bắn vào khu vực này, chúng tôi nhằm vào bọn giặc đang ăn cướp đó.

Dựa vào chỉ dẫn trên bản đồ của đồng chí đại úy, chúng tôi theo đường số 7 đi về hướng các vùng mà địch đã rút chạy, trong dòng người tràn ngập các chiến sĩ quân đội nhân dân: nhiều đơn vị bộ binh, công binh, dân quân, công an nhân dân. Các chiến sĩ hậu cần trực tiếp phân phối từ các xe tải nào đạn dược, đồ hộp, nào lừng bó mía, cả buồng chuối chín. Tất cả đem lại cho người ta cảm giác: tất cả đang tranh thủ thời gian tiến lên phía trước, nó thể hiện rõ khi đội hình hành tiến gặp một sự trục trặc nhỏ, dù là khó nhận thấy. Địch còn dùng pháo bắn trả, tỏ chức phản kích trên một số hướng. Chúng tôi đã đến vùng mà quân đội của Mao đã tháo chạy. Cảnh hoang tàn, Khoảng 25 ki-lô-mét: từ thị trấn Phố-lu, điểm đầu tiên trên chặng đường chúng tôi tiến vào các vùng mới được giải phóng, đến Cam-đường, một điểm đông dân cư khác của tỉnh Hoàng-liên-son. Chiếc xe gip chở chúng tôi phải chạy mất trên 1 tiếng rưỡi đồng hồ. Cầu bị phá, đường ô tô bị xe tăng cày xới, bị mìn khoét nhiều lỗ, bị người đào phá. Đường ray hoặc bị phá và dỡ mang đi, hoặc bị nổ tung bằng một loại mìn đặc biệt, trên một đoạn đường dài nhiều ki-lô-mét.

Chúng tôi đi qua cánh đồng lúa chưa gieo cấy, đi qua nhiều làng vắng bóng người mà chỉ còn lại những con chó vô chủ, qua các lũy tre đã bị đạn súng máy tiện ngang. Thật đau lòng nhìn thấy những chiếc máy kéo, máy ủi đất, xe tải lớn và xe khách bị bọn Trung-quốc xâm lược nổ mìn nằm chổng bành lên trời.

« Sự thiệt hại gây ra bởi hành động phá hoại có kế hoạch, có tính toán, —

Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Hoàng-liên-son, Nguyễn-Ngọc-Bình nói với chúng tôi, — là chưa từng có ngay cả sau những đợt ném bom ‘rải thảm’ của máy bay ‘B. 52’ của Mỹ. Bọn kẻ cướp phá hủy tất cả: nhà máy điện, nhà máy xi măng, nhà máy hoa quả hộp, xí nghiệp sản xuất dầu thực vật, nhà máy sứ, hàng chục xưởng máy, nông trường và hợp tác xã. Có cả một sư đoàn quân Trung-quốc chuyên đi tháo dỡ thiết bị của mỏ A-pa-tít nổi tiếng khắp cả nước chúng tôi để đem về Trung-quốc. Kẻ thù thậm chí còn nổ bom phá hủy nhà máy sản xuất thuốc chữa bệnh ».

Chưa một người dân nào trở về trung tâm với 40 000 dân này của tỉnh Hoàng-liên-son, nếu không kể các đội tuần tra quân sự và công binh, họ đi dò dẫm dọc các vĩa hè. Họ kéo sợi dây xanh đến nơi nào, thì có nghĩa là: người nào di trạch sợi dây đó chỉ một bước thôi là tính mạng của họ có thể bị đe dọa.

Chúng tôi đã dừng lại gần hợp điểm giòng chảy của hai con sông Hồng và sông Nam-thị, từ đó đến biên giới với Trung-quốc chỉ còn hơn một trăm mét. Trên mặt nước đỏ ngầu, chúng tôi nhận thấy vài bộ phận còn lại của hai chiếc cầu. Mùi thối của xác chết bốc ra từ những ngôi nhà mất cửa trên phố Cốc-lêu, chính giữa đường có một cánh cửa trên đề hàng chữ Trung-quốc: « Đoàn xe tăng số 12 đi thắng ». Trung úy Hoàng-Tê, đồn

trưởng đồn công an biên phòng, cho tôi mượn chiếc ống nhòm: Dọc theo đỉnh đồi bên kia, có nhiều vật xếp thành hàng dài, có nhiều ngôi nhà tạm. Nhìn sang bên đất Trung-quốc, không thể không suy nghĩ: người ta đang chuẩn bị cái gì bên đó, người ta đang soạn ra những kế hoạch điên rồ như thế nào ở bên đó ?

...Rời tiền tuyến của cuộc chiến tranh ba chục ngày mà Bắc-kinh đã gây ra chống lại Việt-nam, chúng tôi trở về Hà-nội vào ngày 20 tháng ba. Đến bên này cầu Long-biên bắc qua sông Hồng, trên đường phố gần bờ đê, nhiều đoàn thanh niên chiếm mất lối đi của ô tô. Họ kéo về quảng trường Nhà hát thành phố để dự cuộc mít tinh mừng chiến thắng. Nhiều người còn mang súng máy và súng AK của dân quân. Cùng với hàng vạn người, tôi được nghe tiếng nói của đồng chí Trần-Vĩ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thủ đô Việt-nam, được truyền đi qua máy phóng thanh. Đồng chí nói: « Bị thất bại nặng nề, tập đoàn cầm quyền ở Trung-quốc đã buộc phải rút quân ra khỏi nước ta. Tờ quốc ta đã sạch bóng quân xâm lược. Nhưng không một người nào trên thế giới được quên rằng bản chất phản động và mưu đồ xâm lược của tập đoàn phản động Bắc-kinh không hề thay đổi ».

Tạp chí ‘Người cộng sản’, tạp chí lý luận và chính trị của Trung ương Đảng cộng sản Liên-xô, số 6, ra tháng 4-1979

MỘT THÁNG ĐÀM PHÁN KHÔNG TIẾN TRIỂN, TRÁCH NHIỆM THUỘC VỀ PHÍA TRUNG-QUỐC

VĂN - HIỀN

NHÂN dân ta vừa giành được thắng lợi liên tiếp trong hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc chống bọn xâm lược bành trướng Bắc-kinh, một ở biên giới phía tây nam và một ở phía bắc. Đi đôi với thắng lợi về vang đó của nhân dân Việt-nam, nhân dân Cam-pu-chia đã lật đổ chế độ Pôn Pốt - Iêng Xa-ry diệt chủng, đập tan âm mưu biến Cam-pu-chia thành thuộc địa kiểu mới của những người lãnh đạo Bắc-kinh, tạo nên một bước ngoặt lịch sử trong sự nghiệp cách mạng của mình. Nhân dân Lào cũng thu được những thắng lợi to lớn trong cuộc đấu tranh chống sức ép và âm mưu lật đổ, gây rối của Bắc-kinh, tiếp tục đưa cách mạng Lào tiến lên những bước vững chắc trên con đường xã hội chủ nghĩa. Một lần nữa ba nước Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia lại cùng nhau đoàn kết chống kẻ thù chung. Tình đoàn kết chiến đấu truyền thống của ba dân tộc trên bán đảo Đông-dương đã vượt qua thử thách và chiến thắng âm mưu chia rẽ thâm độc của Bắc-kinh, càng trở nên trong sáng, vững chắc hơn bao giờ hết. Sức mạnh đoàn kết Đông-dương càng thêm to lớn vì nó được sự ủng hộ, giúp đỡ

manh mẽ của Liên-xô, các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, các nước và các dân tộc yêu chuộng hòa bình và công lý trên thế giới.

Thắng lợi của chúng ta rất vang dội. Thế của chúng ta rất thuận lợi. Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, ngọn cờ hòa bình và hữu nghị, nhân dân ta kiên quyết bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc đồng thời rất tha thiết với hòa bình, luôn luôn mong muốn giữ gìn tình hữu nghị tốt đẹp với nhân dân Trung-quốc. Chúng ta trước sau như một chủ trương giải quyết mọi vấn đề trong quan hệ giữa hai nước bằng thương lượng hòa bình. Chúng ta không muốn chiến tranh, không muốn có quan hệ đối địch giữa nước ta với nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa. Vì vậy Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam đã có những sáng kiến quan trọng, gạt bỏ trở ngại, mở đường đi đến cuộc đàm phán Việt-nam - Trung-quốc.

Với thế thuận lợi, với thiện chí đó, trong suốt một tháng đàm phán, trải qua năm phiên họp, chúng ta luôn luôn có thái độ dè dặt, chủ động

và nghiêm túc, làm hết sức mình nhằm cùng phía Trung-quốc giải quyết tình hình căng thẳng hiện nay ở vùng biên giới hai nước, góp phần ngăn chặn nguy cơ chiến tranh tái diễn, đi tới khôi phục quan hệ bình thường giữa hai nhà nước và tình hữu nghị lâu đời giữa nhân dân Việt-nam và nhân dân Trung-quốc.

Ngay tại phiên họp đầu tiên của cuộc đàm phán, chúng ta đã đưa ra đề nghị về « Những nguyên tắc và nội dung chủ yếu cho một giải pháp về những vấn đề trong quan hệ giữa hai nước » gồm :

1. Những biện pháp cấp bách nhằm bảo đảm hòa bình, ổn định ở vùng biên giới và làm cho những người bị bắt trong chiến tranh sớm đoàn tụ với gia đình.

2. Khôi phục quan hệ bình thường giữa hai nước trên cơ sở những nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình.

3. Giải quyết những vấn đề về biên giới lãnh thổ trên nguyên tắc giữ nguyên trạng đường biên giới do lịch sử để lại ; tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

Dư luận rộng rãi trên thế giới nhiệt liệt hoan nghênh và đánh giá lập trường ba điểm của Việt-nam là thực tế, xây dựng, hợp tình hợp lý, chứng tỏ Việt-nam thật sự muốn giải quyết vấn đề.

Chúng ta cũng đã liên tiếp ba lần đưa ra những kiến nghị về cách thức thảo luận công bằng và thỏa đáng cho cả hai bên, với ý muốn làm cho cuộc đàm phán đi vào những cuộc thảo luận thiết thực và bổ ích.

Chúng ta cũng đã đồng ý giao cho Hội chữ thập đỏ hai nước tiến hành việc trao trả toàn bộ những người của hai bên bị bắt trong chiến tranh để họ sớm được trở về đoàn tụ với gia đình.

Với lập trường nghiêm chỉnh và thái độ mềm dẻo của phía Việt-nam như vậy, chỉ cần phía Trung-quốc

thật lòng muốn giải quyết vấn đề thu hai bên hoàn toàn có thể đi đến thỏa thuận. Thế nhưng trong một tháng qua, phía Trung-quốc đã có một lập trường và thái độ hoàn toàn ngược lại, làm cho cuộc đàm phán không tiến triển được một bước.

Tiến hành chiến tranh xâm lược Việt-nam, những người cầm quyền Trung-quốc đã vứt bỏ bộ mặt cách mạng giả hiệu và hiện nguyên hình là bọn bành trướng, xâm lược, kẻ thù trực tiếp và nguy hiểm của nhân dân ta. Họ bị dư luận tiến bộ toàn thế giới lên án mạnh mẽ, bị nhân dân và những người cách mạng chân chính Trung-quốc ngày càng phản đối. Họ đòi những thủ đoạn của Giôn-xơn và Ních-xơn, mỗi bước leo thang chiến tranh tội ác đều đi kèm với những lời thương lượng hòa bình bịp bợm. Những người cầm quyền Bắc-kinh ngày 17-2-1979, khi xua 60 vạn quân sang xâm lược Việt-nam, cũng nói đến cái gọi là « đề nghị đàm phán ». Bị thua đau, phải rút quân khỏi Việt-nam, đồng thời bị dư luận phản đối kịch liệt, họ đã ở trong tình thế không thể từ chối những đề nghị thương lượng không có một điều kiện tiên quyết nào của phía Việt-nam.

Lẽ ra phía Trung-quốc phải tỏ ra thực tế và biết điều. Thế nhưng đoàn đại biểu Trung-quốc lại mưu toan dùng bản thương lượng hòng đạt cái mà bằng trăm phương nghìn kế họ đã không đạt được, kể cả bằng chiến tranh qua trung gian và chiến tranh trực tiếp xâm lược Việt-nam : đòi phía Việt-nam phải từ bỏ chính sách độc lập, tự chủ và đoàn kết quốc tế đúng đắn của mình, dâng cả đất đai và hải phận Việt-nam cho họ, thần phục họ, cùng họ thực hiện chính sách phân động liên minh với chủ nghĩa đế quốc quốc tế, chống các lực lượng cách mạng thế giới, chống Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, chống Cam-pu-chia và Lào, chống các nước Đông Nam châu Á.

Liên tiếp trong năm phiên họp, phía Trung-quốc đã tìm cách ngụy biện hòng chối cãi trách nhiệm của họ đã làm cho quan hệ giữa hai nước ngày càng tồi tệ, đưa tới cuộc chiến tranh xâm lược của họ chống Việt-nam, họ im lặng và cúi mặt trước những lời tố cáo tội ác ghê tởm hơn cả tội ác của bè lũ Hit-le mà quân xâm lược Trung-quốc đã gây ra ở sáu tỉnh vùng biên giới phía bắc nước ta, họ hoàn toàn cứng họng trước những lời buộc tội bọn diệt chủng Pôn Pốt tay sai của họ đã giết hơn ba triệu nhân dân Cam-pu-chia. Bào chữa cho cuộc tiến công xâm lược Việt-nam, lúc thì họ vu cáo Việt-nam khiêu khích cho nên Trung-quốc phải phản kích tự vệ; lúc thì họ lại nói là vì vấn đề Cam-pu-chia; lúc thì họ lại vin cớ là vì Việt-nam đoàn kết hữu nghị với Liên-xô, v.v. và v.v. Đó là một thái độ loanh quanh, trước sau mâu thuẫn.

Họ hoàn toàn lẫn tránh đề nghị ba điểm công bằng, hợp tình, hợp lý của Việt-nam. Họ đưa ra tám điểm và nói rằng cái gọi là nguyên tắc « chống bá quyền » là cốt lõi trong đề nghị của họ. Họ lại lu loa rằng Việt-nam không chịu bàn về cái gọi là vấn đề cốt lõi đó.

Thật là một kiểu thương lượng chỉ muốn một mình nói lấy được, hoàn toàn không chịu nghe người đối thoại với mình. Chúng ta đã nói thẳng cho họ biết rằng: nếu nói đến chủ nghĩa bá quyền thì chỉ có chủ nghĩa bá quyền nước lớn và bành trướng đại dân tộc của những người lãnh đạo Bắc-kinh câu kết với đế quốc Mỹ, từ bao năm nay chống Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia và các nước Đông Nam châu Á khác, chống chủ nghĩa xã hội, phong trào độc lập dân tộc, phong trào hòa bình, dân chủ thế giới.

Chúng ta đã vạch rõ chính vì lợi ích ích kỷ của họ, chính vì tham vọng muốn đô hộ các nước Đông-dương, chuẩn bị tiến xuống năm Đông Nam Á, thực hiện một bước âm mưu bá

chủ thế giới của họ, cho nên họ đã ra sức hoạt động hòng ngăn cản sự phát triển và toàn thắng của cách mạng Việt-nam, luôn luôn tìm cách dùng Việt-nam làm con bài đề mẶc cả đối chác với đế quốc Mỹ. Họ luôn luôn coi một nước Việt-nam độc lập, tự chủ, thống nhất, phồn vinh là vật cản to lớn nhất chống lại chủ nghĩa bành trướng và bá quyền nước lớn của họ. Trên mấy chục câu hỏi của ta về tội ác của họ đối với nhân dân Việt-nam, nhân dân Lào, nhân dân Cam-pu-chia và nhân dân Đông Nam châu Á, vẫn còn đó, vẫn chưa được họ trả lời. Vì làm sao mà họ có thể chối cãi được sự thật danh thép về sự phản bội của họ. Cứ xem những lời lẽ mà báo chí và đài phát thanh của họ tuôn ra những ngày gần đây đề chống đỡ cho thế yếu của họ ở bàn đàm phán hòng bào chữa một cách vụng về cho sự lúng túng của họ thì rõ. Sự thật họ nói chống bá quyền là đề che đậy cho mưu ma kế quỷ của họ thực hiện bá quyền. Họ nói cả chống đế quốc, nhưng thật ra là đề bào chữa một cách không biết hổ thẹn cho việc họ tự nhận là NATO phương Đông và đang cầu xin liên minh với đế quốc Mỹ.

Phía Trung-quốc ở trong một cái thế như vậy, nhưng họ cứ tưởng rằng với số quân đông, với chiến thuật « lấy thịt đè người », tập trung quân áp sát biên giới, liên tiếp gây khiêu khích, liên tiếp lớn tiếng đe dọa tiến công lần thứ hai, lần thứ ba..., thì họ có thể tự cho phép mình tại bàn hội nghị có thái độ ngoan cố, ngạo mạn nước lớn, buộc đối phương phải chấp nhận lập trường của họ mà không được thảo luận gì cả; thậm chí họ từ chối ngay cả việc thảo luận những ý kiến của chính phía họ nêu ra khi phía Việt-nam đề nghị thảo luận điểm một của cả hai bên, hoặc thảo luận xen kẽ bất cứ vấn đề gì mỗi bên quan tâm và nêu ra.

Một tháng trôi qua, cứ mỗi phiên

họp họ lại tăng thêm liều lượng của sự ngoan cố và ngạo mạn của họ. Càng phát biểu, họ càng lộ rõ ý đồ ngoan cố không chịu giải quyết bất cứ một vấn đề gì với chúng ta. Nhưng cũng chính vì thế mà họ càng tỏ ra lúng túng và càng bị dư luận lên án mạnh mẽ. Đó là lý do đưa họ đi đến chỗ đơn phương kết thúc vòng một cuộc đàm phán Việt-nam - Trung-quốc. Việc làm này của họ càng phơi bày sự giả dối của cái gọi là « thiện chí » và « thực tâm muốn giải quyết vấn đề » mà họ đã dày công tô vẽ. Họ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về cuộc đàm phán đã qua năm phiên họp mà vẫn không tiến triển được.

Nhân dân Việt-nam, nhân dân Trung-quốc và dư luận rộng rãi trên thế giới đang đòi hỏi những người cầm quyền Trnng-quốc trả lời: Họ có thật muốn hòa bình để xây dựng đất nước Trung-quốc như họ nói không? Họ có thật lòng muốn giải quyết những vấn đề trong quan hệ giữa Việt-nam và Trung-quốc hay không? Họ có thật sự muốn khôi phục quan hệ bình thường giữa hai Nhà nước và tình hữu nghị lâu đời giữa nhân dân Việt-nam và nhân dân Trung-quốc hay không? Họ có muốn góp phần vào sự nghiệp hòa bình và ổn định ở Đông Nam châu Á và trên thế

giới hay không?

Nhân dân Việt-nam kiên quyết bảo vệ độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Toàn dân ta đoàn kết một lòng, vừa ra sức đầy mạnh sản xuất, vừa tăng cường cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu giỏi trong mọi tình huống. Chúng ta nói cho những người cầm quyền Bắc-kinh rõ là chừng nào họ chưa từ bỏ âm mưu của họ trường kỳ quấy rối, trường kỳ làm suy yếu đề thôn tính Việt-nam, thì họ chỉ chuốc lấy thất bại ngày càng nặng nề. Nhân dân Việt-nam rất tha thiết với hòa bình và quý trọng tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước Việt - Trung, nhưng phải là hòa bình và hữu nghị trên cơ sở độc lập và tự do. Chúng ta biết đánh thẳng bọn xâm lược. Chúng ta cũng biết kiên trì trong đàm phán. Đó là truyền thống và kinh nghiệm lịch sử của dân tộc ta. Đoàn đại biểu Chính phủ Việt-nam sẵn sàng đến Bắc-kinh để bắt đầu vòng hai của cuộc đàm phán. Chúng ta mong rằng trong vòng đàm phán đó, phía Trung-quốc tỏ ra biết điều và có thiện chí để cuộc đàm phán tiến triển, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân hai nước Việt-nam và Trung-quốc, và lòng mong muốn hòa bình, ổn định của nhân dân Đông Nam châu Á và nhân dân thế giới.

VÀI MẢNH GỖ TRUNG-HOA CÓ KHÔNG THAY ĐỔI ĐƯỢC CHỦ QUYỀN CỦA VIỆT-NAM Ở QUẦN ĐẢO HOÀNG-SA

VĂN-TRỌNG

Ở ngoài khơi bờ biển miền Trung nước ta, cách Đà-nẵng chừng 120 hải lý, nằm giữa hai kinh tuyến 111° và 113° đông, từ vĩ tuyến $15^{\circ}45'$ đến vĩ tuyến $17^{\circ}5'$ bắc, là quần đảo Hoàng-sa của nước ta. Đây là một quần đảo san hô được tạo thành bằng đá san hô phong hóa, bao gồm nhiều đảo lớn nhỏ, chia thành hai nhóm rõ rệt cách nhau gần 20 hải lý. Các đảo cũng cách nhau tương đối xa.

Quần đảo Hoàng-sa lại ở trong một vùng bão tố gần trung tâm hình thành và phát sinh những cơn bão lớn ở biển Đông. Những cơn bão từ Phi-lip-pin đổ bộ vào phía nam Trung-quốc và vào miền Trung và miền Bắc nước ta đều đi qua quần đảo Hoàng-sa. Địa hình của vùng quần đảo đặc biệt phức tạp, lồm chồm những đảo nổi và những mỏm đá ngầm rải rác trên cả một vùng biển rộng. Từ xưa, dưới con mắt các nhà hàng hải quốc tế, quần đảo Hoàng-sa đã nổi tiếng là một vùng nguy hiểm. Năm 1698, tàu Pháp *Am-phi-tơ-rit*, do hiệp sĩ Đơ La Rô-cơ chỉ huy đi từ Pháp sang Trung-quốc, ngang qua ngoài khơi bờ biển miền Trung Việt-nam, gặp một cơn bão lớn ở quần đảo Hoàng-sa, đã kể lại như sau: “ Hoàng-sa là một dải đá

ngầm vô cùng nguy hiểm... Ngày 29 (tháng 9), bọn tôi bị một cơn bão khủng khiếp: tàu bị phạt cắt mất buồm lớn, các cột buồm khác cũng vậy... Thủy thủ chết mất ba người, rất nhiều người khác bị thương nặng và bị cuốn phăng xuống biển ” (1).

Người Việt-nam đã phát hiện và làm chủ quần đảo Hoàng-sa từ lâu đời. Ông cha chúng ta đã tổ chức quản lý quần đảo này và khai thác các nguồn lợi ở đây một cách thường xuyên và có quy củ. Hoàng-sa có đủ loại cá, tôm, mực, bạch tuộc, ốc, rùa biển (còn gọi là “vích”), đồi mồi, các loại rong biển quý để làm thức ăn hoặc dùng trong công nghiệp. Ốc ở đây có giống nặng hàng tạ, vích có con to bằng cái bàn $1m50 \times 1$ mét. Quần đảo lại có nhiều loại chim biển (hải âu, yến, nhạn...) với “yến sào” – tổ yến – có giá trị đặc biệt cao. Phần chim tích tụ đời này qua đời khác, tác động với san hô làm thành một loại phốt phát gọi là “phốt phát dưới dạng guano” (2) có chất lượng cao:

(1) Ma-dơ-rôn Cl.: “Những chuyến đi Trung-quốc đầu tiên của người Pháp”. Châ-lamel. Paris. 1901 (chữ Pháp).

(2) Tiếng Anh, nghĩa là phân chim.

toàn quần đảo, theo kết quả khảo sát sơ bộ dưới thời chính quyền Sài-gòn, có một trữ lượng phân phốt phát lên tới trên 10 triệu tấn. Người ta cũng xác định rằng, nằm giữa một vùng thềm lục địa được coi là có trữ lượng dầu hỏa lớn, Hoàng-sa cũng là một nơi có nhiều triển vọng có dầu hỏa.

Từ thế kỷ XVII, các chúa Nguyễn đã cho lập các đội chuyên trách khai thác hải sản ở quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa, gọi là các « Đội Hoàng-sa ». Lê-Quý-Đôn-sau này đã ghi lại tường tận công việc của các đội đó: « Đặt đội Hoàng-sa 70 suất, lấy người xã An-vĩnh (huyện Bình-sơn tỉnh Quảng-nghiã) sung vào, cất phiên mỗi năm cứ tháng 2 nhận giấy sai đi, mang lương đủ ăn 6 tháng, đi bằng năm chiếc thuyền câu nhỏ, ra biển 3 ngày 3 đêm thì đến đảo ấy » (3). Các đội Hoàng-sa còn có nhiệm vụ thu lượm các vật do tàu đắm dề lại ở dưới biển dưới chân các đảo san hô và các bãi ngầm, có khi mò được cả súng đại bác lớn bằng đồng.

Việc xây dựng ở trên quần đảo Hoàng-sa được liên tục tiến hành dưới các chính quyền Việt-nam. Thời nhà Nguyễn ở thế kỷ XIX, Bộ công cho thợ và thuyền chèo gạch đá ra quần đảo Hoàng-sa, dựng bia chủ quyền, lập miếu thờ, đặc biệt còn cho mang cây cối từ đất liền ra trồng trên đảo để làm dấu hiệu cho tàu bè đi lại nhìn thấy rõ đảo mà tránh khỏi đâm vào đá ngầm. Nhà Nguyễn còn thực hiện việc thu thuế các thuyền nước ngoài tới đánh cá trong quần đảo Hoàng-sa, trong đó « phần lớn là từ Hải-nam tới » (4) như đã thực hiện việc đó với các tàu thuyền nước ngoài vào buôn bán ở Hội-an, Thuận-hóa. Và mặc dù hằng năm có tới hơn một phần mười số thuyền từ Hải-nam đến đây đánh cá bị đắm, « nhưng cá đánh được rất nhiều, chẳng những có thể bù đắp lại những sự mất mát, mà còn có lãi rất lớn » (5)

Đồng thời với việc quản lý về hành chính và khai thác về kinh tế, chính quyền ở nước ta rất quan tâm đến việc tuần tra, bảo vệ quần đảo Hoàng-sa. Ta biết rằng đến thời Minh-mạng, các tổ chức quân đội đồn trú trên quần đảo đã được ổn định. Song trước đó rất lâu, năm 1768 do đốc Pháp Đe-xtanh đã đưa chiến thuyền tới do thám vùng biển miền Trung nước ta nhằm đánh Thuận-hóa. Chính vì chạm trán với hải quân Việt-nam hồi đó tuần tiễu đều đặn giữa bờ biển Trung-bộ Việt-nam và quần đảo Hoàng-sa, mà y phải rút lui, bỏ dở một âm mưu tiến công quân sự được coi là vào loại sớm nhất của chủ nghĩa thực dân Pháp đối với nước ta (6).

Nhưng nếu người Việt-nam kiên quyết bảo vệ quyền làm chủ của quốc gia mình trên quần đảo Hoàng-sa, thì người Việt-nam lại tận tình, chu đáo cứu giúp tất cả các tàu thuyền nước ngoài không may gặp nạn tại quần đảo này, không kể những tàu thuyền đó mang sắc cờ nước nào. Những tờ trình của các Đội Hoàng-sa lên các chúa Nguyễn ở thế kỷ XVII và các vua nhà Nguyễn ở thế kỷ XIX cho thấy, rất phù hợp với tài liệu được biết của nước ngoài, rằng quần đảo Hoàng-sa là nơi đã xảy ra nhiều vụ tàu đắm nhất trong các thế kỷ đó, so với các vùng biển khác thuộc nước ta quản lý.

Tháng 7 năm 1634, ba tàu buồm Hà-lan rời Đà-nẵng đi Đài-loan, thì một chiếc bị đắm ở quần đảo Hoàng-sa. Hai năm sau, chúa Nguyễn-Phước-Loan đã đền bù thiệt hại cho họ. Lão

(3) Lê-Quý-Đôn: *Toàn tập*, Phủ biên tạp lục, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà-nội, 1977, tập I, trang 119.

(4), (5) Gút-xláp: « Tập san Hội địa lý Lon-dôn ». Lon-dôn 1849. Tập 19 (chữ Anh), Hoàng-xuân-Hán dẫn trong *Sử địa số* 29. Sài-gòn, 1975.

(6) *Nhân quang của do đốc Đe-xtanh* (tư liệu). Tập san Hội nghiên cứu Đông-dương (BSEI), quí I năm 1942, Sài-gòn (chữ Pháp).

tăng người Trung-quốc Thích-Đại-Sán năm 1695 vào thăm Thuận-hóa, khi ra đi ngang qua Hoàng-sa, đã được chính quyền ta cho thuyền hướng dẫn. Tháng 10 năm 1714, ba tàu buôn Hà-lan và Nhật-bản qua quần đảo Hoàng-sa, một chiếc bị sóng xô vào đá vỡ tan, được chúa Nguyễn cấp tiền, gạo, nước mắm cho các thủy thủ và cho đưa họ ra Hội-an đi nhờ tàu khác về Ba-ta-vi-a. Năm 1836, một tàu Anh bị mắc cạn ở quần đảo Hoàng-sa, được Minh-Mạng «lựa nơi cho ở và hậu cấp tiền gạo»... Sử sách nhiều nước còn ghi lại đầy đủ những sự việc như vậy, nói lên nước ta đã thực hiện đầy đủ quyền làm chủ và nghĩa vụ của mình với tư cách là một nước có chủ quyền đối với những việc xảy ra trong vùng quần đảo Hoàng-sa.

Đến thế kỷ XIX, khi người Pháp đặt nền bảo hộ trên nước Việt-nam, quần đảo Hoàng-sa vẫn tiếp tục thuộc sự quản lý của chính quyền Việt-nam ở Trung-bộ. Năm 1938, người Pháp đã nhân danh Việt-nam dựng bia chủ quyền trên quần đảo Hoàng-sa, xây dựng đèn biển, trạm khí tượng, trạm vô tuyến điện và các nhà ở, công sự cho binh sĩ đồn trú trên đảo. Bấy giờ, quần đảo Hoàng-sa được sáp nhập vào tỉnh Thừa-thiên theo nghị định số 136. 3 - 6 ngày 15-5-1938. Năm 1939, lại ra nghị định thành lập tại quần đảo Hoàng-sa hai quận hành chính là Cờ-roát-xăng (Croissant) và Âm-phi-tờ-rit (Amphitrite). Năm 1961, quần đảo Hoàng-sa được lập thành xã Định-hải; sau này (1969) lại sáp nhập vào xã Hòa-long, cả hai xã nói trên đều thuộc huyện Hòa-vang, tỉnh Quảng-nam. Sau khi nước nhà thống nhất, tỉnh Quảng-nam được đổi thành tỉnh Quảng-nam - Đà-nẵng, quần đảo Hoàng-sa từ đó thuộc tỉnh mới này.

Trên các bản đồ hàng hải quốc tế, từ mấy thế kỷ trước, người ta đã dùng tên gọi *Pracel* hoặc *Paracel* để chỉ quần đảo Hoàng-sa. Cũng như

người ta đã dùng *Costa de Pracel* để chỉ bờ biển miền Trung nước ta - «bờ biển của Pra-xen». Chỉ riêng người Trung-quốc mới gần đây, đã tự ý gọi Hoàng-sa là «Tây-sa», và Trường-sa là «Nam-sa». Ông cha ta ngày xưa, trước khi dùng «tên chữ» Hoàng-sa, đã gọi quần đảo này bằng cái tên Việt-nam nôm na và thân thiết: Bãi cát vàng. Cũng vậy, ở miền trung Trung-bộ, có nơi nhân dân ta quen gọi quần đảo Trường-sa là «Bãi cát dài».

Bãi cát vàng - Hoàng-sa và Bãi cát dài - Trường-sa, là những quần đảo san hô mà người Việt-nam đã phát hiện, quản lý và khai thác từ lâu đời. Pháp lý, lịch sử và thực tế đều chứng minh điều đó. «Vụ Hoàng-sa» mà đế quốc Mỹ nói tới như là một vụ «tranh chấp về dầu hỏa» giữa Việt-nam và Trung-quốc, nhằm gây mờ hồ trong dư luận, chỉ càng vạch trần thủ đoạn câu kết giữa đế quốc Mỹ và nhà cầm quyền Trung-quốc.

Vào lúc đế quốc Mỹ phải nhận rút toàn bộ quân đội của chúng ra khỏi Việt-nam, vào lúc nguy quyền Sài-gòn sắp sụp đổ và nhân dân cả nước ta đang tập trung sức giải phóng hoàn toàn miền Nam, thì nhà cầm quyền Trung-quốc, được Mỹ đồng tình và khuyến khích, đã huy động hải quân và không quân bất ngờ đánh chiếm quần đảo Hoàng-sa lúc đó còn do chính quyền Sài-gòn giữ. Ngày 20 tháng giêng năm 1974, Chính phủ Trung-quốc tuyên bố hết sức trắng trợn và dối trá rằng trong một hành động «phản công tự vệ» để chống «nguy quyền Nam Việt xâm lược», họ đã «thu hồi lại quần đảo Tây-sa» (tức Hoàng-sa) vốn là «lãnh thổ thiêng liêng» của họ. Bộ ngoại giao Mỹ cũng vội vàng tuyên bố ngay rằng Mỹ «không can thiệp» vào «cuộc tranh chấp» giữa Trung-quốc và chính quyền Sài-gòn.

Đây không phải là một «vụ tranh chấp», đây là một hành động xâm

lược của Trung-quốc đối với một bộ phận lãnh thổ nước ta, điều đó đã rõ. Nhưng nhà cầm quyền Trung-quốc chiếm đoạt quần đảo Hoàng-sa không chỉ nhằm chiếm đoạt các tài nguyên về hải sản, về phân bón và dầu hỏa có khả năng tìm thấy ở quần đảo này, mà thôi. Chủ nghĩa bá quyền nước lớn Trung-quốc coi vùng đất, vùng biển mênh mông Đông Nam châu Á là mục tiêu bành trướng và là một bàn đạp lý tưởng để mở rộng ảnh hưởng ra những vùng khác của quả đất. Vị trí của quần đảo Hoàng-sa trên biển Đông, giữa con đường hàng hải quốc tế từ Âu sang Á, từ Bắc Thái-bình-dương xuống Ấn-độ-dương, có thể giúp chủ nghĩa bá quyền Trung-quốc kiểm soát các hoạt động của tàu bè và máy bay qua lại vùng này. Chiếm quần đảo Hoàng-sa là một hành động nằm trong âm mưu chiến lược của giới cầm quyền Trung-quốc.

Đảng, Chính phủ và nhân dân ta đã kiên quyết tố cáo và lên án hành động của nhà cầm quyền phản động Trung-quốc chiếm quần đảo Hoàng-sa của nước ta. *Lời kêu gọi lịch sử của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt-nam ngày 17-2-1979* động viên quân và dân cả nước ta đứng lên đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược do bọn cầm quyền phản động Trung-quốc phát động trên toàn vùng biên giới phía bắc nước ta, đã lại một lần nữa nghiêm khắc vạch tội ác của chúng chiếm quần đảo Hoàng-sa:

« Từ lâu, bọn cầm quyền phản động Trung-quốc cấu kết với đế quốc Mỹ, mưu toan thôn tính nước ta, thực hiện chính sách bành trướng đại dân tộc. Năm 1974, chúng ngang nhiên chiếm đảo Hoàng-sa của Việt-nam ».

Bị vong lục của Bộ ngoại giao nước ta ngày 15-3-1979, điều 9, đoạn I, nêu rõ:

«... 9 — Đánh chiếm quần đảo Hoàng-sa của Việt-nam.

Quần đảo Hoàng-sa (mà Trung-quốc gọi là Tây-sa) cách Đà-nẵng khoảng 120 hải lý về phía đông. Phía Việt-nam có đầy đủ tài liệu để chứng minh rằng quần đảo này, cũng như quần đảo Trường-sa (mà Trung-quốc gọi là Nam-sa) ở phía Nam, là lãnh thổ Việt-nam. Từ lâu, nhân dân Việt-nam đã phát hiện và khai thác quần đảo Hoàng-sa; nhà Nguyễn đã chính thức thực hiện chủ quyền của Việt-nam đối với quần đảo đó. Sau khi thiết lập chế độ bảo hộ nước Việt-nam từ giữa thế kỷ 19, Pháp, nhân danh nước Việt-nam, đã lập tại quần đảo đó hai đơn vị hành chính, một trạm khí tượng mà các số liệu đã được cung cấp liên tục trong mấy chục năm cho tổ chức khí tượng thế giới (OMM) dưới ký hiệu Hoàng-sa (Pattle). Việt-nam đã liên tục thực hiện chủ quyền của mình đối với quần đảo này. Vấn đề chủ quyền của Việt-nam đối với quần đảo Hoàng-sa là rõ ràng và không thể chối cãi được ».



Đề biện hộ cho hành động chiếm đoạt quần đảo Hoàng-sa của Việt-nam, từ đầu năm 1974 đến nay giới cầm quyền Trung-quốc đã sử dụng mọi thủ đoạn tuyên truyền từ báo chí, đài phát thanh, vô tuyến truyền hình, cho đến phim ảnh, triển lãm, thơ ca, tiểu thuyết, bài hát, điệu múa, v.v. hòng tạo nên trong nhân dân Trung-quốc hình ảnh một « quần đảo Tây-sa từ lâu đã thuộc chủ quyền » của Trung-quốc: đồng thời, âm mưu kích động lòng căm thù đối với người Việt-nam mà họ vu cáo là đã « chiếm » quần đảo của Trung-quốc, v.v. Nhưng nội dung tuyên truyền của họ, tự bản thân nó, chứa đầy mâu thuẫn. Người Trung-quốc không khỏi suy nghĩ và ngạc nhiên thấy một quần đảo xưa nay chưa bao giờ thuộc chủ quyền nước Trung-hoa, nay bỗng dưng lại được giới thiệu là của Trung-quốc và được ngợi ca hết lời.

Cũng không thể thuyết phục được mọi người bằng những bài thơ ca tụng « Tây-sa », những ảnh các tòa nhà mới dựng trên quần đảo « Tây-sa », v.v. vì tất cả những cái đó không thể thay thế được những chứng cứ về chủ quyền và sự hành xử chủ quyền đối với quần đảo Hoàng-sa, mà giới cầm quyền Trung-quốc không có thể đưa ra. Để khiến người ta tin rằng Hoàng-sa quả thật là đất của Trung-quốc « từ lâu đời », rằng việc đánh chiếm Hoàng-sa là một hành động yêu nước và hợp pháp, giới cầm quyền Trung-quốc bèn dùng đến khảo cổ học.

Chúng ta đều biết rằng từ lâu Mác đã nói: « Đối với việc nghiên cứu những hình thái kinh tế của các xã hội đã qua, những di vật của những tư liệu lao động cũng có một tầm quan trọng như sự cấu tạo của những xương hóa thạch đối với việc tìm hiểu tổ chức của các chủng tộc đã tiêu vong » (7). Những tiền bộ và công cụ hiện của khảo cổ học vào công cuộc nghiên cứu lịch sử loài người đã khiến nó được coi là một ngành khoa học gần như chính xác, đáng tin cậy. Người ta đã nhận xét một cách có lý rằng « chưa bao giờ như bây giờ, sự quan tâm đến khảo cổ học lại mạnh mẽ và rộng khắp đến thế » (L. Cô-tô-ren). Nhưng sẽ là sai lầm nếu đề cao quá đáng vai trò của các phát hiện khảo cổ học. Bởi vì, để có thể đưa ra được những kết luận về lịch sử có đủ căn cứ khoa học, phù hợp với chân lý khách quan, ngành khảo cổ học phải cộng tác mật thiết với các ngành sử học, dân tộc học, địa chất học, cổ nhân học, cổ sinh vật học v.v. và vận dụng các thành tựu của khoa học tự nhiên vào việc phân tích, xét nghiệm và đoán định niên đại các di tích và di vật khảo cổ học. Cần phải soi sáng và kiểm tra các nguồn tài liệu khảo cổ học từ nhiều góc độ khác nhau, hết sức tỉ mỉ và thận trọng, tránh kết luận chủ quan, hấp tấp — đó là

phương pháp làm việc của các nhà khảo cổ học xưa nay.

Nhưng dù vậy, và dù cho triển vọng của khảo cổ học — cũng như của các ngành khoa học khác, là hết sức rộng lớn, nó cũng không thể làm được những việc mà người ta giao cho nó ngoài chức năng và khả năng của nó. Người ta không thể giao cho khảo cổ học vai trò xác định chủ quyền quốc gia đối với một lãnh thổ, vì đó là một việc có những nội dung, mục đích và phương pháp khác hẳn với công việc của ngành khảo cổ học. Trong vấn đề Hoàng-sa, giới cầm quyền Trung-quốc đã cố ép khảo cổ học phải làm công việc chứng minh chủ quyền của người Trung-quốc đối với quần đảo này. Đó là một việc, như đã nói, không thuộc chức năng của khảo cổ học. Thế mà người ta đã lợi dụng lòng tin của nhân dân vào khảo cổ học để sử dụng khảo cổ học phục vụ cho chính sách bành trướng và bá quyền nước lớn của họ.

Liên tiếp từ năm 1974 đến nay, xuất hiện trên tạp chí *Văn vật* của Trung-quốc nhiều bài nghiên cứu khảo cổ học về quần đảo « Tây-sa ».

Báo chí, đài phát thanh cũng như các tạp chí khoa học khác đã phối hợp rất nhịp nhàng với tạp chí *Văn vật*: Đài Bắc-kinh liên tục đưa tin « Trung-quốc đạt được thành tích đáng mừng trong khảo sát văn vật tại quần đảo Tây-sa », Tạp chí « *Lachne en reconstruction* » (Trung-quốc kiến thiết) tháng 3 năm 1977 đăng bài « Nghiên cứu khoa học về tài nguyên sinh vật ở Tây-sa », Tạp chí « *Scientia géologique Sinica* » (Địa chất học Trung-quốc) số 4 năm 1978 đăng bài « Nghiên cứu sơ bộ về dầu hỏa tại các bờ đá tàn tạo ở quần đảo Tây-sa tỉnh Quảng-dông », v.v.

Chúng ta hãy đọc một vài đoạn trích từ các bài nghiên cứu về kết

(7) C.Mác: *Tư bản*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, quyển II tập I, trang 250.

quả «điều tra văn vật ở quần đảo Tây-sa» vừa kể trên:

1 — «Di chỉ cư trú của nhân dân thời Đường, Tổng này phân bố trên sườn dốc, về phía trong ven đảo Cam-tuyền, thích nghi với việc cư trú. Bề dày của tầng văn hóa của di chỉ tới 20 — 90cm. Tất cả những điều trên không những chứng minh rằng hàng nghìn năm trước nhân dân Quảng-đông nước ta đã tới quần đảo Tây-sa khai phá làm ăn, mà còn cho phép thấy rõ cư dân đương thời thông qua thực tiễn sinh hoạt đã nhận thức rõ nguồn nước, khí hậu, địa hình, sản vật của quần đảo Tây-sa, do đó mới chọn nơi này để cư trú lâu dài».

2 — «Số lượng lớn những tư liệu văn vật đã chứng minh không cần bàn cãi rằng: quần đảo Tây-sa là lãnh thổ thần thánh của nước ta từ thời cổ, nhân dân nước ta chính là người chủ chân chính ở nơi đây».

3 — «Một mặt khác, ở quần đảo Tây-sa cho tới nay vẫn còn nhiều di chỉ «miếu cổ hồn» xây dựng từ thời Minh — Thanh trở lại, Sách «Thủy lộ bạc» được coi như kinh sách hàng hải vẫn được ngư dân chép tay truyền đời. Những sự thật này chứng minh hùng hồn rằng nhân dân nước ta khai phá kinh doanh quần đảo Tây-sa, không chỉ là thời gian sớm nhất, mà còn là liên tục suốt từ thời Đường về sau không lúc nào vắng».

4 — «Những di vật này đều là sản xuất tại nội địa nước ta, không hề thấy một chiếc nào mang đặc trưng nước ngoài... Tất cả những cái đó chứng minh rằng thuyền bè nước ta qua lại quần đảo Tây-sa đợt nào cũng có, số lượng rất đông, ra vào nhộn nhịp, không lúc nào ngừng» (8).

Những cuộc «điều tra văn vật» này có diện ra hay không và nếu có, thì các tư liệu mà người Trung-quốc đã công bố, như về các loại hình hiện vật, về số lượng từng loại hiện vật, về độ sâu của các tầng văn hóa (từ

là các lớp đất chứa hiện vật) trong các di chỉ, và kết cấu các lớp đất ở đó ra sao, v.v. đó là những điều chưa thể kiểm tra được.

Tình hình các hố khai quật mà phía Trung-quốc đã công bố cũng đáng suy nghĩ. Như ở đảo mà Trung-quốc gọi là Cam-tuyền, đào một hố thăm sát có diện tích 56m², tầng văn hóa phía tây dày 50cm, phía đông chỉ có 35cm, lớp văn hóa chỉ dày «từ 20 đến 55cm», lại do «cát san hô, phân chim và những thực vật mục nát xen kẽ nhau tạo thành, tương đối rắn». Trong các hố đó, người ta nói đã tìm thấy đủ cả lọ có niên đại «từ thời cuối Đường đến thời Ngũ đại», và «12 loại hiện vật thời Bắc Tống», cùng với rất nhiều vỏ, chén, bát, vung, bình, dao sắt, đục sắt, đồ trang sức, xương chim, ốc, v.v. (9). Nhưng vị trí và độ sâu của từng hiện vật, cũng như quan hệ giữa chúng với nhau trong hố đào, thì không thấy nói tới, khiến rất khó xem xét trình tự thời gian sớm muộn của các lớp hiện vật mà, nếu căn cứ vào tài liệu của những người khai quật, thì chúng đã cộng cư trên một diện tích nhỏ, với một độ nông như đã nói, trong cả thời gian tính đến nay là trên một nghìn năm như vậy (10).

Dù sao, tất cả những điều đó chưa phải là điều quan trọng nhất. Vấn đề cần nói ở đây, là việc coi quốc gia đã sản xuất ra các hiện vật khảo cổ học là quốc gia có chủ quyền trên lãnh thổ chứa các hiện vật ấy, là một sai lầm cơ bản về mặt lý luận.

Bởi vì, nếu việc nghiên cứu di chỉ cư trú và mộ táng cũng như tổng thể các hiện vật ở một khu vực nào đó có thể giúp người ta tìm hiểu hình thái sinh hoạt, phương tiện lao động

(8), (9) «Báo cáo sơ lược cuộc điều tra văn vật lần thứ hai ở quần đảo Tây-sa, tỉnh Quảng-đông, Văn vật, số 9 năm 1976.

(10) Thời Hậu Đường ở Trung-quốc bắt đầu từ năm 923. Thời Bắc Tống bắt đầu từ năm 960 (Van-Trọng chú thích)

và kỹ thuật lao động của người xưa, cũng như có thể giúp xác định chủ nhân những ngôi mộ và hiện vật đó (mà điều này không phải lúc nào cũng làm được), thì việc nghiên cứu di tích khảo cổ học lại hoàn toàn khác với việc xác định chủ quyền quốc gia đối với một lãnh thổ. "Đặc điểm của những nguồn sử liệu khảo cổ học là qua những sự kiện lịch sử được khôi phục trên cơ sở những nguồn sử liệu khảo cổ học, chúng ta không biết được những nhân vật hành động cụ thể và chúng ta cũng không biết được những sự kiện vận vật riêng biệt. Những nhà khảo cổ học chỉ vạch ra được những sự thay đổi quan trọng nhất trong sự phát triển của lực lượng sản xuất và trong cơ cấu xã hội, chỉ khôi phục được bức tranh tổng quát của những quan hệ và sự liên lạc giữa các bộ lạc. Trên bức tranh được khôi phục lại, mặc dù có tính chất tổng quát, những quy luật cơ bản của sự phát triển lịch sử được thể hiện rõ ràng", (A.L. Mon-gai-tơ « Khảo cổ học và hiện đại » Mát-xcơ-va, 1963).

Không chỉ những nhà khảo cổ học mà-xít mới nói như vậy. Gra-ham Clac, một nhà khảo cổ học tư sản người Anh, cũng nói: « Chẳng cần phải nhấn mạnh quá đáng nữa vào cái chân lý cơ bản này, là: nếu con người và thiên nhiên cung cấp cho ta một cách vô ý thức hằng hà sa số vết tích, thì tại chính là nhà quan sát đầy dạn kinh nghiệm, và chỉ có anh ta thôi, mới có thể sử dụng có kết quả những vết tích đó » (« Trên đường phát hiện những xã hội tiền sử » nhà xuất bản Plon, Pa-ri, 1965).

Trong công tác nghiên cứu khảo cổ học, người ta biết rằng việc tìm thấy di vật là quan trọng, song việc phân tích và cắt nghĩa những di vật ấy cũng quan trọng không kém, nếu không nói là quan trọng hơn, xét về một mặt nào đó và trong một số trường hợp nào đó.

Việc tìm thấy trên lãnh thổ nước này những đồ dùng, công cụ, vũ khí, v.v. của nước khác, hoặc giống y như của nước khác (do sản xuất lại ở bản địa), không phải là điều gì lạ lẫm. Từ thời cổ đại, đã có sự giao lưu giữa nhiều quốc gia, không chỉ qua đường bộ trên đất liền, mà cả giữa những quốc gia ngăn cách bởi các đại dương. Sứ thần, người du lịch, lái buôn, ngựa, lạc đà, thuyền v.v. đem hàng và sản phẩm văn hóa từ nước này sang nước khác. Thuyền đắm cũng để lại ngoài ý muốn của chủ thuyền các hàng hóa và những thứ không phải hàng hóa, tại nước mà thuyền ấy tới. Một xã hội, muốn tiến hóa, không thể vận động trong một chu trình khép kín.

Ở Ha-ra-pa, một thành phố cổ trong thung lũng sông Ấn ở miền tây bắc Ấn-độ, có rất nhiều vết tích văn hóa cổ Xu-me ở Mê-dô-pô-ta-mi cách xa hàng nghìn ki-lô-mét. Nhiều mũi giáo đồng chế tại Trung-quốc hoặc đúc theo kiểu của Trung-quốc, đã được các nhà khảo cổ học tìm thấy trong lòng đất Nhật-bản. Sự có mặt của các sản phẩm Trung-quốc tại quốc gia khác, cũng như sự có mặt các sản phẩm nước khác tại Trung-quốc chỉ nói lên ảnh hưởng văn hóa qua lại giữa Trung-quốc và các nước đó, không có liên quan đến vấn đề xác định chủ quyền của nước nào. Nhiều đồ đựng bằng bạc, tiền cổ và đồ dệt của vương quốc Ba-tư cổ đại mới được các nhà khảo cổ học Trung-quốc phát hiện gần đây tại vùng Tây-an (Trung-quốc) đâu có chứng minh Tây-an là lãnh thổ của Ba-tư? Ngay sự có mặt của con người, tức của Hoa-kiều, trên nước khác cũng không nói lên điều gì về chủ quyền của Trung-quốc đối với nước mà Hoa kiều đến trú ngụ. Là một quốc gia lớn, có lịch sử và văn hóa lâu đời, Trung-quốc từng phát huy ảnh hưởng của văn hóa mình tới nước khác, cũng như La-mã, Ai-cập, Ấn-độ đã phát huy ảnh hưởng văn hóa của họ tới

nhiều vùng trên thế giới. Mặt khác, Trung-quốc cũng đã tiếp thu ảnh hưởng văn hóa của nhiều quốc gia lân cận. Khi còn là đất "Trung nguyên", Trung-quốc đã tiếp thu nhiều yếu tố văn hóa của các bộ tộc phương Bắc, cũng như văn hóa của các nước Điền, Sở là những nước đã đạt tới một trình độ phát triển tương đối cao và khi đó còn chưa bị nhà Hán sáp nhập. Về phần mình, Việt-nam đã tiếp thu có chọn lọc văn hóa của Trung-quốc, Ấn-độ..., và phát huy ảnh hưởng văn hóa của mình tới các nước láng giềng, kể cả tới Trung-quốc.

Sự trao đổi kinh tế và văn hóa, cùng với sự phát triển của thế giới, mỗi ngày càng mở rộng. Bên cạnh đó, là ảnh hưởng của những cuộc xâm lược để lại không ít di tích, từ vũ khí, trang phục, chiến mã, chiến thuyền, cho đến cả hải cẩu quân xâm lược, trên lãnh thổ của nước bị tiến công. Trong quá nửa thời gian tồn tại của dân tộc mình từ khi các vua Hùng dựng nước cho đến nay, tức 2300 năm kể từ thế kỷ III trước Công nguyên, người Việt-nam luôn luôn phải đánh và tiêu diệt ngay trên lãnh thổ của mình các thứ quân xâm lược từ đất Trung-hoa tới: quân của Tần-Thủy-Hoàng, các quân nhà Hán, nhà Đường cho đến các quân nhà Tống, nhà Nguyên, nhà Minh, nhà Thanh và mới cách đây không lâu, quân của bọn bành trướng và bá quyền Bắc-kinh.

Cho nên, không có gì đáng ngạc nhiên nếu người ta tìm thấy nhiều di vật của những tên xâm lược thuộc các triều đại theo chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc của Trung-quốc xưa và nay trên đất Việt-nam. Nếu không tìm thấy những thứ đó trên đất nước ta, thì mới đáng ngạc nhiên!

Nói cách khác, do giao lưu kinh tế và văn hóa giữa Việt-nam và Trung-quốc, và do chiến tranh xâm lược mà Trung-quốc mang tới đất Việt-nam, người ta có thể thấy vật này vật khác của Trung-quốc trên đất Việt-nam.

Dưới sự lãnh đạo và giáo dục của Đảng, ngành khảo cổ học Việt-nam quán triệt quan điểm Mác - Lê-nin trong công tác nghiên cứu lịch sử, luôn luôn có sự phân tích và cách nhìn đúng đắn, khoa học đối với vấn đề di tích khảo cổ học và chủ quyền quốc gia.

Ở di chỉ Ốc-co (miền Nam Việt-nam), tìm thấy cả tiền La-mã có biểu trưng của An-to-nin là vua La-mã thế kỷ II sau Công nguyên, song phải là một kẻ điên mới dám nói Ốc-co thuộc chủ quyền quốc gia của nước I-ta-li-a từ trên 1000 năm trước. Ở miền Đông Ma-lai-xi-a, người ta tìm thấy nhiều trống đồng mà nhà nghiên cứu B. V. Pi-cốc (Peacock) cho là "trống Đông-sơn, không còn nghi ngờ gì nữa", song người Việt-nam không bao giờ nói rằng miền đất của Ma-lai-xi-a ấy vốn là của Việt-nam. Ở Thiệu-đương (Thanh-hóa), đã khai quật được một số ngôi mộ đất loại thời Tây Hán (Trung-quốc) ohôn một người hoặc hai vợ chồng, với đủ đồ trang sức, dao, kiếm, ấn, móc đai lưng, gương đồng có khắc chữ Hán rành rành "Kiến nhật chi quang, trường vô tương vong" (Nhìn ánh mặt trời, mãi chẳng quên nhau), rõ ràng là sản phẩm của Trung-quốc. Loại hình mộ Đông Hán tìm thấy ở nước ta còn nhiều hơn mộ Tây Hán, đều cùng một kiểu kiến trúc hình vòm cuốn xây bằng gạch nung, có khi in cả niên hiệu các đời vua Trung-quốc vào viên gạch. Trên một quả đồi ở Mao-khê (Quảng-ninh), đã khai quật 34 ngôi mộ Đông Hán, thấy đều đồ sộ, dài 10 mét, rộng 6 mét, sâu 3 mét. Các loại tiền cổ Trung-quốc tìm thấy ở nước ta cũng không ít. Song tất cả các mộ táng và hiện vật đó chẳng qua là di tích của một số bọn xâm lược hoặc quan cai trị Trung-hoa thời xưa đã chết bỏ xác tại Việt-nam hoặc của Hoa kiều từng được nước ta cho cư trú, không có ý nghĩa gì trong việc xác nhận hay phủ nhận chủ

quyền của nước nào hết. *Có hay không có các thứ ấy ở đó, thì đó vẫn là đất Việt-nam.*

Những tác giả Trung-quốc trong mấy bài nghiên cứu nói trên đã đưa ra những kết luận xa lạ với nhiệm vụ, chức năng và phương pháp nghiên cứu của khảo cổ học mác-xít. Trên 2000 hiện vật gồm sứ, chiếc nghiên đá, 20kg tiền đồng, gương đồng vỡ, cục chì kẽm, sứ tử đá, cột đá, hòn gạch... mà họ đưa ra không chứng minh được điều họ nói, là *«số lượng lớn những tư liệu văn vật đã chứng minh không cần bàn cãi rằng: quần đảo Tây-sa là lãnh thổ thần thánh của nước ta (lúc Trung-quốc) từ thời cổ, nhân dân nước ta chính là người chủ chân chính ở nơi đó»* (đoạn trích 2).

Họ lại dẫn chứng ở quần đảo «Tây-sa» «còn thấy nhiều di chỉ miếu cổ hồn», «nhiều kinh sách hàng hải» chép tay tên là «Thủy lộ bạc», rồi nói rằng «Những sự thật này chứng minh hùng hồn rằng nhân dân nước ta (Trung-quốc) khai phá kinh doanh quần đảo Tây-sa không chỉ là thời gian sớm nhất, mà còn là liên tục từ thời Đường về sau không lúc nào vắng», (đoạn trích 3), và «Tất cả những cái đó chứng minh rằng thuyền bè nước ta qua lại quần đảo Tây-sa đợt nào cũng có, số lượng rất đông, ra vào nhộn nhịp, không lúc nào ngừng» (đoạn trích 4).

Nếu số lượng hiện vật (mang phong cách Trung-quốc), miếu cổ hồn (thường thấy trong ngư dân đảo Hải-nam), sách di biên (chữ Hán) và việc thuyền bè (Trung-quốc) ra vào nhiều là cơ sở pháp lý cho Trung-quốc tự ý đánh chiếm quần đảo Hoàng-sa của Việt-nam, thì chủ quyền của nhiều nước ở Đông Nam châu Á sẽ ra sao, khi gần 20 triệu Hoa kiều sinh sống từ nhiều đời nay trên các nước ấy chắc hẳn còn chưa chấp và xây dựng nhiều thứ theo kiểu Trung-quốc hơn ở quần đảo Hoàng-sa (như người Trung-

quốc thống kê), và việc thuyền bè Trung-quốc ra vào các hải cảng ở Đông Nam châu Á thì ở đâu mà không thấy có?

Những lý lẽ Hà-Kỷ-Sinh nêu trên đây, ngay từ năm 1933, H. Qui-so-ru-xê đã bác bỏ, khi chính quyền Quảng-châu thời Trung-hoa Quốc dân đảng nói rằng ngư dân Trung-quốc vẫn hay đi thuyền vào bắt rùa, phơi lưới trên quần đảo Hoàng-sa, vậy đó là quần đảo của Trung-quốc. H. Qui-so-ru-xê vạch ra rằng: Ngư dân Pháp vẫn thường làm như vậy tại bờ biển Te-rơ Nơ-vơ (Terre Neuve), song Te-rơ Nơ-vơ vẫn là của nước Anh (11).

Hà-Kỷ-Sinh, trong bài «Bàn về di chỉ miếu cổ ở quần đảo Tây-sa» (Văn vật, số 9-1976) coi đó là chứng tích có ý nghĩa để biện hộ cho việc chiếm đoạt quần đảo Hoàng-sa, không nêu lên được lập luận nào đáng kể. Văn phong bài này xa lạ với một bài nghiên cứu khoa học: «Quần đảo Tây-sa giống như chuỗi hạt châu... tỏa ánh sáng long lanh trên biển Nam-hải mệnh mống», hoặc «bốn mùa mát mẻ», «cây cối tốt tươi», «Kỳ quan thiên nhiên long lanh muôn sắc». Cách viết đó gợi nhớ tới các loại thơ văn phổ cập kiểu «Bài ca khai hoán trên hòn đảo lãng hoa Tây-sa» đăng báo Trung-quốc năm 1975 trước đó. Về niên đại các miếu cổ hồn, tác giả nói lấp lửng rằng đã san hô dùng để xây miếu có điểm giống nhau, lại có điểm khác nhau. «chứng tỏ thời gian chịu mưa gió liên miên có lâu có chóng», hoặc các pho tượng, và đồ cúng lễ «có thứ thuộc thời Minh, có thứ thuộc thời Thanh» lại có thứ «thuộc thời cận đại» chứng tỏ đã «nhiều lần bổ sung thay đổi». Sau đó, họ Hà lại «liên hệ tới truyền thuyết về 108 người anh em thời

(11) «Văn đề quần đảo Hoàng-sa» của H. Cucherousset, trong tạp chí Đông-dương thức tỉnh số 777, ngày 26-2-1933. Thư viện quốc gia Trung ương, Hà-nội.

Minh» đề «*xác nhận*» một số miêu «*có thể đã xây dựng từ thời Minh*». Phạm trù niên đại là một mặt quan trọng trong toàn bộ quá trình nghiên cứu các di tích khảo cổ học mà bất cứ nhà khảo cổ học nào cũng không được khinh suất. Cách đoán định niên đại miêu cổ của họ Hà thiếu nghiêm túc. Đối với một bài nghiên cứu khảo cổ học như vậy, chỉ xin điểm mà không bàn.



Chúng tôi phân biệt nhân dân Trung-quốc với nhà cầm quyền phân động Trung-quốc hiện nay. Chúng tôi ghi nhận những cố gắng của nhiều thế hệ các nhà khảo cổ, cổ sinh, cổ nhân học Trung-quốc đã giúp hiểu rõ hơn về nền văn hóa cổ xưa của nhân dân lao động Trung-quốc và qua đó, làm sáng tỏ thêm chân lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về vai trò sáng tạo của quần chúng nhân dân trong lịch sử.

Khảo cổ học, với tư cách là một khoa học, không thể phản lại chân lý khoa học, tức là phản lại chính sự tiến hóa của lịch sử mà khảo cổ học cổ nhiệm vụ nghiên cứu và góp phần

thúc đẩy. Trong văn đề Hoàng-sa, vài mảnh gốm sứ và mấy đồng tiền cổ ngẫu tạo chỉ càng phơi bày cái đuối về pháp lý, về lịch sử, về thực tế của những kẻ theo chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc đang cầm quyền ở Trung-quốc. Các hiện vật khảo cổ học xưa nay không đóng được một vai trò nào hết trong việc xác định chủ quyền quốc gia đối với một lãnh thổ. Luận điệu sặc mùi sô-vanh coi «*ở đâu có vật dụng Trung-quốc thì đó phải là đất của Trung-quốc*» chính là dựa con tư tưởng của chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc vốn dĩ coi thiên hạ đâu cũng là đất của Thiên tử; coi các «*man*», «*phiên*» ai cũng là tôi tớ của Thiên triều. Trong nước Trung-hoa ngày nay, «*các hoàng đế mới*» trong lâu đài Trung-nam-hải tìm cách hiện đại hóa một dã tâm xâm lược kiểu Tần - Hán bằng một nước sơn khoa học cho hợp với thời đại. Hy vọng rằng các bạn đồng nghiệp chân chính ở Cộng hòa nhân dân Trung-hoa cũng sẽ, như chúng tôi, đưa nhất cuộc xuống tận tầng sinh thổ, khai quật toàn bộ cái dã tâm đó lên, đem triển lãm cho nhân dân Trung-quốc và cả nhân loại văn minh cùng nhìn rõ, hơn là triển lãm vài mảnh bát vỡ và mấy đồng tiền rỉ vỏ nghĩa ấy.

Thảo luận

LÀM CHỦ TẬP THỂ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

ĐẢNG LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG CHẾ ĐỘ LÀM CHỦ TẬP THỂ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

HOÀNG - LÊ

 AM chủ tập thể xã hội chủ nghĩa không phải chỉ là nét mới của ý thức, của đạo đức mà là bản thân chế độ mới được xây dựng trên cơ sở sở hữu xã hội chủ nghĩa đối với tư liệu sản xuất, là nếp sống mới trên mọi khía cạnh của đời sống xã hội, là tinh hoa của chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa. Làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa vừa là bước biến chuyển quan trọng nhất trong đời sống của quần chúng lao động, của nhân dân cả nước sau khi cách mạng đã giành được chính quyền, vừa là động lực mới trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Vì vậy, làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa chỉ có thể hình thành đầy đủ, củng cố và phát triển với sự lãnh đạo

của Đảng trong toàn bộ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

- Từ xã hội cũ xây dựng một xã hội mới trong đó con người làm chủ vận mệnh của mình, làm chủ đời sống xã hội, làm chủ tự nhiên; thay đổi hoàn toàn lối sống và lẽ sống cũ, tạo thành lẽ sống tốt đẹp nhất « mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người », phát huy triết đề mọi khía cạnh đẹp nhất của con người tuy bé nhỏ trong tinh cách của mỗi cá nhân riêng rẽ nhưng lại là vô hạn trong xã hội con người khi được tổ chức lại thành sức mạnh gắn bó với nhau làm chủ tự nhiên, xã hội và bản thân mình, — đó quả là một việc không thể thực hiện được một sớm một chiều. Đó là cả cuộc cách mạng to lớn, liên tục.

toàn diện, triệt để, thay đổi tận gốc mọi trật tự chính trị, kinh tế, xã hội cũ, dựng nên trật tự chính trị kinh tế, xã hội mới, trong đó con người thật sự là người chủ của tự nhiên, của xã hội và của bản thân mình.

Sự nghiệp ấy đòi hỏi phải có quá trình nghiên cứu, phân tích khoa học, tìm hiểu cặn kẽ mọi khía cạnh khác nhau của đời sống vô cùng phong phú, nắm chắc được bản chất của vấn đề và có biện pháp đúng đắn phấn đấu thay đổi, đấu tranh trong thực tiễn biến mọi ước mơ đẹp đẽ nhất thành hiện thực. Làm việc ấy nhất thiết phải có đội tiên phong chiến đấu của giai cấp công nhân, tức là đảng của giai cấp vô sản, Đảng cộng sản, là đảng xem nhiệm vụ triệt để giải phóng giai cấp công nhân và quần chúng lao động, xây dựng quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động là mục tiêu cơ bản của mình. Chính ở đây có sự thống nhất biện chứng giữa hai chân lý đẹp đẽ nhất của thời đại mới: *Đảng là nguồn gốc sinh ra và tạo nên chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, và xây dựng chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động tạo nên sức mạnh tuyệt đối và động lực mạnh mẽ nhất trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội là mục tiêu phấn đấu của Đảng cộng sản, đội tiên phong chiến đấu của giai cấp công nhân.* Không có đảng của giai cấp công nhân, không thể có chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, và ngược lại không xây dựng được chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của quần chúng lao động thì không thể có căn cứ bảo đảm được cái bản chất của đảng của giai cấp công nhân. Đó là phép biện chứng của lịch sử vận động xã hội xã hội chủ nghĩa.

Nhiệm vụ của toàn Đảng cũng như của mỗi người đảng viên cộng sản là xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, làm cho quần chúng

nhân dân thật sự là người làm chủ Nhà nước.

Vấn đề có ý nghĩa trực tiếp là các tổ chức cơ sở của Đảng bảo đảm xây dựng mỗi đơn vị tổ chức cơ sở (cơ quan, xí nghiệp, công trường, nông trường, bệnh viện, trường học, đơn vị quân đội...) thành một đơn vị làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, thành nơi thống nhất ý chí và hành động, đủ sức quản lý toàn bộ tài sản, công việc và con người của đơn vị, phát huy sức mạnh và sức sáng tạo của tập thể, hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ của đơn vị, biết kết hợp với các đơn vị có liên quan, đóng góp vào sự nghiệp chung của cả nước, phát huy được tinh năng động nội tại, mọi tiềm năng và sức sáng tạo của mỗi cá nhân cũng như của toàn thể đơn vị. Nhiệm vụ của nó còn là biết tạo mọi điều kiện, tranh thủ mọi điều kiện để xây dựng và phát triển tốt đơn vị của mình, đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực, ngời chờ, ỷ lại, bó tay trước khó khăn khách quan, biết xây dựng mối quan hệ hợp tác xã hội chủ nghĩa, tương trợ giữa các đơn vị, thậm chí có lúc, vì lợi ích của toàn cục phải biết huy động mọi khả năng và lực lượng của đơn vị mình phục vụ cho đơn vị bạn; sáng tạo, linh hoạt trong việc xây dựng quan hệ tốt với đơn vị bạn nhưng không vi phạm những nguyên tắc chung. Chính trong các mối quan hệ phức tạp và cụ thể ấy, tổ chức của Đảng ở cơ sở có điều kiện vừa thực hiện được nhiệm vụ của mình sinh động nhất, vừa xây dựng được tổ chức của mình xứng đáng là tổ chức tiên phong chiến đấu của giai cấp công nhân trong đời sống hiện thực, vừa giáo dục, đào tạo, rèn luyện đảng viên và phát triển Đảng tốt nhất.

Tổ chức cơ sở của Đảng ở từng đơn vị có nhiệm vụ xây dựng mối quan hệ giữa tổ chức Đảng, cơ quan chuyên môn và các tổ chức quần chúng thành mối quan hệ sinh động,

hữu cơ của chế độ làm chủ tập thể trên nguyên tắc Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Chính ở cơ sở, vấn đề này được đặt ra một cách rất cụ thể và linh hoạt.

Có quán triệt và thực hiện tốt mối quan hệ ấy, tổ chức cơ sở của Đảng mới có thể vững mạnh và làm tròn nhiệm vụ của mình, đồng thời xây dựng được các đơn vị làm chủ tập thể vững mạnh.



Với sự trưởng thành của toàn Đảng và qua thực tiễn phong phú của đất nước, Đảng ta nhận thức được cái mới và đã ghi trong Nghị quyết Đại hội lần thứ IV những kết luận quan trọng về chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Và chính những kết luận đó lại soi sáng phương hướng mới, tạo ra sức mạnh mới và sức sống mới của Đảng, mở ra những triển vọng tốt đẹp cho việc xây dựng và phát triển Đảng ta từ nay về sau.

PHẢI LÀM GÌ ĐỂ PHÁT HUY MẠNH MỀ QUYỀN LÀM CHỦ TẬP THỂ CỦA CÁN BỘ VÀ CHIẾN SĨ TRONG QUÂN ĐỘI?

NGUYỄN-QUANG-MINH

LÀM chủ tập thể xã hội chủ nghĩa không thể hình thành một cách tự phát. Nó chỉ có thể hình thành trên cơ sở con người có ý thức về quy luật vận động chung của lịch sử, về các quy luật đấu tranh giai cấp trong điều kiện nhân dân lao động đã có chính quyền, và quy luật loài người trong thời đại ngày nay tất yếu tồn tại và phát triển trong cơ cấu chế độ làm chủ tập thể của những người lao động. Có ý thức về tình hình và nhiệm vụ cách mạng, về con đường và mục tiêu tất yếu mà Đảng đã vạch ra cho toàn dân ta

trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, về nhiệm vụ, mục tiêu của lực lượng vũ trang trong thời kỳ lịch sử mới thì mới có làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa là ý thức chính trị, là tình cảm cách mạng, là tư tưởng cơ bản mà cũng là nhiệm vụ chính trị của quân đội ta trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Ý thức làm chủ tập thể càng cao thì tình cảm thiêng liêng đối với sự hùng cường của Tổ quốc, hạnh phúc của nhân dân càng nồng nàn, nghị lực cách mạng càng sâu, lòng

tin tưởng lạc quan càng lớn. Do đó cán bộ, chiến sĩ trong quân đội ta sẵn sàng xả thân chiến đấu và lao động quên mình vì Tổ quốc, vì nhân dân, vì nhiệm vụ dân tộc và nghĩa vụ quốc tế. Đó là sức mạnh tinh thần vô địch, là tâm hồn cao thượng của mỗi một cán bộ, chiến sĩ. Nói tăng cường sức mạnh của quân đội mà không ra sức *giáo dục, nâng cao ý thức làm chủ*, bồi đắp lý trí, tình cảm cách mạng, phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của cán bộ, chiến sĩ trong quân đội thì « tăng cường » chỉ là một khẩu hiệu suông.

Không có *năng lực làm chủ* xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân thì không thể thực hiện được ý chí làm chủ. Đây cũng là một vấn đề lớn, có ý nghĩa quyết định trong việc phát huy quyền làm chủ của cán bộ, chiến sĩ trong quân đội. Năng lực bao gồm cả năng lực tư duy khoa học, năng lực kiểm chế và chiến thắng những tâm lý thấp hèn, năng lực nắm lấy khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, năng lực tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối, chính sách của Đảng, nhiệm vụ cụ thể của mỗi người, mỗi tổ chức. Đối với quân đội, phẩm chất và năng lực của tập thể, của mỗi người thể hiện tập trung ở việc thực hiện thắng lợi đường lối, nhiệm vụ quân sự. Vì vậy, cán bộ và chiến sĩ nhất thiết phải nắm chắc khoa học và nghệ thuật quân sự hiện đại, kỹ thuật quân sự hiện đại để chiến thắng mọi kẻ thù. Quy luật của chiến tranh là mạnh thắng, yếu thua. Trong chiến tranh, không mạnh không làm chủ được. Khoa học quân sự là khoa học về sức mạnh. Quân và dân ta luôn luôn chú trọng tăng cường sức mạnh của mình, của khoa học, nghệ thuật quân sự Việt-nam để làm chủ, làm chủ để tiêu diệt địch, tiêu diệt địch để giữ quyền làm chủ, để chiến thắng.

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của quân và dân ta với đối tượng tác chiến *chiến lược mới*, nhiệm vụ quân sự mới, sự phát triển của chế độ xã hội mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới, sự phát triển của các ngành khoa học và kỹ thuật ở nước ta, trong đó có kỹ thuật quân sự, sự vận động của các nhân tố thường xuyên quyết định chiến tranh về phía ta cũng như phía địch, sự đổi mới ngày càng tăng về trang bị kỹ thuật hiện đại của quân đội ta, v.v. đang đặt ra rất khẩn trương hàng loạt vấn đề mới mẽ cần được giải quyết thật nghiêm túc với ý thức làm chủ rất cao. Có giải quyết được các vấn đề mới đó chúng ta mới tăng cường được sức mạnh chiến đấu của quân đội ta. Kinh nghiệm của quân đội ta trong các cuộc chiến tranh giải phóng trước đây hết sức quý báu. Song rõ ràng nó không đủ để giúp ta giải quyết những vấn đề mới đặt ra trong điều kiện lịch sử mới. Có những kinh nghiệm rất hay trước đây, nhưng ngày nay lại không phù hợp, vì thế và lực của quân và dân ta đã phát triển nhảy vọt, kẻ thù của cách mạng nước ta cũng đã thay đổi. Để làm chủ với tư thế đứng trên đầu kẻ thù, người chiến sĩ của ta phải giỏi. Họ phải có bản lĩnh chính trị cao, tinh thần chiến đấu dũng cảm, biết sử dụng tinh thông các binh khí kỹ thuật, điều luyện về động tác chiến thuật và rất cơ mưu về thực hành chiến thuật, phản ứng nhạy bén trước mọi diễn biến trong chiến đấu. Có được năng lực như vậy, người chiến sĩ mới phát huy được tính chủ động và sáng tạo trong mọi hoàn cảnh.

Cán bộ lãnh đạo, chỉ huy cũng phải có trình độ năng lực về khoa học, nghệ thuật quân sự. Nếu không thì không thể là cán bộ lãnh đạo, chỉ huy trong quân đội nữa vì họ không thể nuôi quân giỏi, luyện quân tốt, cầm quân đánh thắng địch trong mọi tình

huống. Cán bộ lãnh đạo, chỉ huy khác chiến sĩ chủ yếu ở tài thao lược. Quyền làm chủ tập thể của cán bộ, chiến sĩ được tổ chức thực hiện chủ yếu thông qua vai trò của cán bộ chỉ huy nhằm bảo đảm sự thống nhất ý chí, thống nhất hành động trong tổ chức quân sự. Vì vậy, năng lực của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy các cấp quan hệ mật thiết đến việc thực hiện và phát huy ý thức và năng lực làm chủ tập thể của mọi quân nhân trong đơn vị. Cũng vì vậy, năng cao năng lực của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy là một đòi hỏi nghiêm túc đối với lợi ích của tập thể. Người chỉ huy có phẩm chất, có tài năng thì phát huy và tập trung được trí tuệ và năng lực làm chủ tập thể của cán bộ, chiến sĩ, biến nó thành sức mạnh để chiến thắng quân thù; ngược lại thì sẽ thành một trở lực, có khi còn làm tổn hại đến xương máu chiến sĩ. Nói làm chủ tập thể mà không ra sức phấn đấu vươn lên làm chủ khoa học, nghệ thuật và kỹ thuật quân sự hiện đại thì cũng là nói suông. Bảo thủ, tự mãn vừa là không cách mạng, vừa là không khoa học. Đặt yêu cầu phấn đấu nâng cao không ngừng trình độ, năng lực ra ngoài vấn đề làm chủ tập thể là không đúng.

Để thực hiện quyền làm chủ tập thể của cán bộ, chiến sĩ trong quân đội, cần xây dựng và thực hiện cơ chế về tổ chức, tức là hệ thống điều lệnh, chế độ quy định cụ thể mọi hành vi, hoạt động của mọi tổ chức, mọi cán bộ, chiến sĩ trên mọi mặt của đời sống quân đội. Đây là công việc rộng lớn, toàn diện, công phu, tỉ mỉ đòi hỏi không ngừng được hoàn thiện cùng với sự phát triển của yêu cầu, nhiệm vụ quân sự, của trình độ chính trị, tư tưởng bộ đội, của khoa học, nghệ thuật và kỹ thuật quân sự và cả sự phát triển về mọi mặt của đời sống xã hội trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Từ các mối quan hệ giữa lãnh đạo và chỉ

huy, tập thể và cá nhân, cơ quan và đơn vị đến chức trách, quyền hạn, phạm vi trách nhiệm của từng tổ chức, từng người, từ chế độ công tác, sinh hoạt, bảo cáo, hội nghị, học tập, đề bạt, đãi ngộ cán bộ, phê bình và tự phê bình, đến việc trang bị và sử dụng các phương tiện vật chất kỹ thuật, tài sản, tài chính phân phối, sử dụng các tư liệu sinh hoạt tinh thần và vật chất, v.v. tất cả đều phải được quy định một cách cụ thể. Mọi quân nhân đều có quyền tham gia xây dựng và đều phải phục tùng các quy chế đó. Mọi sự vi phạm các quy chế đã định đều là vi phạm quyền làm chủ tập thể của cán bộ, chiến sĩ. Đây là vấn đề thống nhất giữa dân chủ và kỷ luật. Quyền làm chủ tập thể càng được tôn trọng thì kỷ luật càng nghiêm minh, tự giác. Cơ chế tổ chức chặt chẽ, tỉ mỉ thì càng có khả năng loại trừ mọi sự tùy tiện, mọi sơ hở về mặt tổ chức mà chủ nghĩa cá nhân có thể lợi dụng. Nếu không làm được như vậy thì tư tưởng làm chủ tập thể sẽ không được thực hiện. Tư tưởng được thực hiện thông qua tổ chức. Sự thống nhất về chính trị, tư tưởng được bảo đảm bằng sự thống nhất về tổ chức. Nếu không có sự thống nhất về tổ chức thì sự thống nhất về tư tưởng cũng không thể có được, càng không thể thực hiện được.

Để giải quyết tốt các vấn đề trên, cần nâng cao hiệu lực lãnh đạo của các tổ chức Đảng, hiệu lực tổ chức chỉ huy, quản lý của cán bộ, thực hiện quyền làm chủ tập thể của cán bộ, chiến sĩ. Sự lãnh đạo của các tổ chức Đảng, vai trò chỉ huy, quản lý của cán bộ và quyền làm chủ tập thể của cán bộ, chiến sĩ là một thể thống nhất không thể tách rời. Đảng lãnh đạo là để cho dân làm chủ. Không có sự lãnh đạo của Đảng thì không thể có làm chủ của quần chúng theo lập trường, quan điểm của giai cấp công nhân. Quần chúng thật sự làm chủ thì sẽ sống của Đảng càng đòi hỏi, vì

xét cho cùng Đảng sáng tạo cũng là quần chúng sáng tạo. Tổ chức chỉ huy có tốt thì mới bảo đảm tổ chức thực hiện tốt nghị quyết của Đảng, mới phát huy được quyền làm chủ tập thể của cán bộ, chiến sĩ.



Có thể nói toàn bộ nội dung thực hiện và phát huy quyền làm chủ tập thể của cán bộ, chiến sĩ trước hết tùy thuộc ở *một khâu then chốt, một điều kiện tiên quyết là có thực hiện được đầy đủ quyền dân chủ về chính trị của cán bộ, chiến sĩ hay không.*

Thực hiện quyền dân chủ về chính trị chưa phải đã là thực hiện đầy đủ quyền làm chủ tập thể của cán bộ, chiến sĩ. Tuy nhiên, điều đó chi phối toàn bộ việc nâng cao tư tưởng làm chủ, năng lực làm chủ, xây dựng và thực hành cơ chế làm chủ.

Cán bộ và chiến sĩ, cấp trên và cấp dưới trong quân đội ta đều bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi làm chủ tập thể, về trách nhiệm xây dựng, bảo vệ và tuân theo mọi cơ chế làm chủ tập thể trong quân đội. Sự khác nhau chỉ là ở chỗ trình độ, năng lực, phạm vi trách nhiệm và quyền hạn được tổ chức giao cho tương ứng với trách nhiệm ấy. Chỗ khác nhau đó hoàn toàn không mâu thuẫn với sự bình đẳng về chính trị, với quan hệ đoàn kết nội bộ quân đội. Tuy vậy, muốn thực hiện đầy đủ quyền dân chủ về chính trị trong quan hệ giữa cấp trên và cấp dưới, giữa lãnh đạo và quần chúng, chỉ huy và phục tùng, lại cần phải có quan điểm chính trị đúng đắn, có tâm hồn trong sáng, có tình đồng chí chân thành. Nếu cán bộ chỉ huy, lãnh đạo nào thiếu ý thức tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của cấp dưới, làm lẫn giữa trách nhiệm cá nhân với uy quyền cá nhân thì nhất định không thể hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao phó. Đã vi phạm quyền

làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa thì nhất định sẽ gây ra tình trạng thiếu đoàn kết, thiếu hăng say, thiếu trung thực, cửa quyền và xu nịnh, sức mạnh tập thể không phát huy được. Kinh nghiệm cho thấy rằng nếu thiếu dân chủ trong đời sống tinh thần và vật chất thì dễ gây ra tâm lý xa cách nhau, tổn hại cho tình đồng chí thân thiết. Nếu thiếu dân chủ trong khi bàn bạc công tác, trong học tập, trong phê bình và tự phê bình thì dễ gây ra thiếu đoàn kết nhất trí, tiêu cực trong hành động, khó phân rõ đúng, sai, khó nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức khoa học sáng tạo, tài năng khó phát triển, chân lý có khi khó bảo vệ, và công tác, lễ lối làm việc dễ quan liêu xa rời thực tiễn, mất hết sức sống. Nếu thiếu dân chủ trong thi hành kỷ luật, pháp luật, chính sách, thiếu công minh trong việc khen thưởng, xử phạt, thì dễ làm cho kỷ luật lỏng lẻo, lòng tin đối với cấp lãnh đạo, chỉ huy bị giảm sút. Nếu thiếu dân chủ trong công tác tổ chức cán bộ thì hậu quả lại càng phức tạp, tác hại có khi không lường được.

Một truyền thống rất tốt đẹp của quân đội ta là trên, dưới một lòng, đồng cam cộng khổ, thương yêu tôn trọng lẫn nhau, toàn quân một ý chí. Truyền thống đó đã được dày công xây dựng trên nền tảng vững chắc là sự thống nhất về lý tưởng cách mạng, mục tiêu chiến đấu, trên cơ sở đường lối chính trị và quân sự của Đảng; mặt khác, truyền thống đó còn là sản phẩm của quan điểm lãnh đạo, chỉ huy của đội ngũ cán bộ của một quân đội vô sản. Hồ Chủ tịch đã dạy: *« Từ tiểu đội trưởng trở lên, từ Tổng tư lệnh trở xuống phải săn sóc đời sống-tinh thần, vật chất của đội viên. Phải xem đội viên ăn uống thế nào, phải hiểu nguyện vọng, thắc mắc của đội viên. Bộ đội chưa ăn cơm, cán bộ không được kêu mình đói; bộ đội chưa đủ áo mặc, cán bộ*

không được kêu mình rết ; bộ đội chưa đủ chỗ ở, cán bộ không được kêu mình mệt. Thế mới là dân chủ, là đoàn kết, là lối thắng ».

Mọi cán bộ, chiến sĩ trong quân đội ta đều có quyền và có nhiệm vụ tham gia ý kiến về mọi vấn đề của Đảng, của dân, của nước, của quân đội, đóng góp xây dựng, bảo vệ và thực hiện đường lối chính sách của Đảng, xây dựng quân đội đủ sức

manh mẽ bảo vệ Tổ quốc ; mọi quyền lợi chính đáng về chính trị, tinh thần và vật chất của cán bộ, chiến sĩ phải được bảo đảm, không ai được vi phạm. Thực hiện đầy đủ những điều đó sẽ làm cho tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của cán bộ, chiến sĩ thật sự trở thành một động lực quyết định thúc đẩy mạnh mẽ toàn bộ hoạt động của quân đội ta trong giai đoạn cách mạng mới.

LÀM CHỦ TẬP THỂ VÀ PHÁP LUẬT

PHẠM-ĐÌNH-TÂN

«**T**ẤT cả quyền lực thuộc về nhân dân », nguyên tắc quan trọng nhất ấy được ghi nổi bật ở một trong những điều khoản đầu tiên của Hiến pháp hiện hành của nước ta, nói lên rõ ràng vai trò làm chủ tập thể xã hội của nhân dân ta. Nhân dân thực hiện quyền lực của mình trước hết là thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp là những cơ quan do nhân dân trực tiếp bầu ra và trực tiếp đại diện cho nhân dân, đồng thời cũng thông qua cơ quan thường trực của Quốc hội là Ủy ban thường vụ Quốc hội, cơ quan chấp hành của Quốc hội và của Hội đồng nhân dân các cấp là Hội đồng Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp.

1 — *Làm pháp luật* (luật, pháp lệnh, pháp quy) là biểu hiện đầu tiên của quyền lực và quyền làm chủ pháp luật, là chức năng rất quan trọng của các cơ quan Nhà nước nói trên. *Thông qua các cơ quan Nhà nước đại diện trực tiếp hoặc gián tiếp cho mình, nhân*

dân làm chủ việc xây dựng pháp luật, làm chủ pháp luật.

Mọi văn bản pháp luật do các cơ quan Nhà nước làm ra rồi ban hành đều thể hiện ý chí của Đảng và nguyện vọng của toàn thể nhân dân. Càng thể hiện đúng dân ý chí ấy và nguyện vọng ấy thì pháp luật càng có chất lượng, càng được nhân dân tự giác, vui vẻ thực hiện. Cho nên quá trình làm pháp luật trong chế độ ta không chỉ diễn ra trong nội bộ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nhiều dự thảo văn bản pháp luật quan trọng được đưa ra cho nhiều ngành, nhiều địa phương, nhiều cơ sở góp ý kiến bổ sung và hoàn thiện thì chất lượng cao hơn, và việc này đã có tác dụng nâng cao ý thức làm chủ pháp luật của nhân dân : dự thảo Hiến pháp năm 1959 trước đây, dự thảo Hiến pháp mới đã và đang thu hút sự quan tâm của các giới nhân dân ; dự thảo một số văn bản quan trọng khác của Quốc hội và Chính phủ trong những năm

gần đây (như dự thảo Điều lệ hợp tác xã sản xuất nông nghiệp (bậc cao), dự thảo pháp lệnh xét khiếu nại, tố cáo, dự thảo điều lệ quản lý ruộng đất, v.v.) cũng đã thu hút ý kiến của nhiều ngành, nhiều địa phương. Nói cách khác, *nhân dân ta đã tham gia một cách có hiệu quả vào quá trình dự thảo các văn bản pháp luật quan trọng.*

Có một hình thức nhân dân tham gia xây dựng pháp luật mà các cơ quan, xí nghiệp, hợp tác xã ở nước ta đã và đang thực hiện ngày càng nhiều, đó là việc các tập thể công nhân viên chức, xã viên hợp tác xã đóng góp ý kiến sửa đổi, bổ sung hoặc thông qua một cách có tổ chức các bản dự thảo điều lệ và nội quy cơ quan, xí nghiệp, hợp tác xã mình. Các bản điều lệ và nội quy này là những quy định có tính chất ràng buộc, được xây dựng trên cơ sở và đề thi hành các quy định của cơ quan Nhà nước cấp cao hơn và không được trái với các quy định ấy. Đó chính là những văn bản pháp quy thật sự của cơ sở.

Việc nhân dân tham gia ngày càng nhiều và tích cực vào quá trình làm pháp luật nói lên ý thức làm chủ tập thể của họ trong việc tham gia công việc Nhà nước nói chung, trong việc xây dựng pháp luật nói riêng, cũng như trong việc nghiêm chỉnh thi hành pháp luật, đấu tranh bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, ngày càng cao. Việc đó còn có ý nghĩa sâu xa hơn: nó là *sự tập dượt của nhân dân tiến lên tự mình xây dựng tất cả các quy tắc của cuộc sống cộng đồng trong xã hội cộng sản tương lai.*

2 - *Giám sát, bảo đảm việc thi hành pháp luật, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa* là biểu hiện thứ hai của quyền làm chủ pháp luật của nhân dân. Đại diện cho nhân dân, các cơ quan Nhà nước: Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp có nhiệm vụ giám sát việc thi hành

pháp luật và bảo vệ pháp chế ở trung ương và các địa phương; Hội đồng Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp có nhiệm vụ tổ chức và bảo đảm việc thi hành pháp luật. Bằng một cơ chế xử lý và xử phạt có hiệu lực, Hội đồng Chính phủ, các Ủy ban nhân dân cùng các cơ quan trực thuộc và các cơ quan tư pháp (tòa án, viện kiểm sát) đều có chức năng bảo vệ pháp chế. *Thông qua tất cả các cơ quan Nhà nước nói trên, nhân dân làm chủ việc thi hành pháp luật và bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa.*

Trong chế độ làm chủ tập thể của ta, *hết thảy mọi công dân đều có quyền đấu tranh bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa* dưới nhiều hình thức: phê phán, khiếu nại, tố giác một cách có tổ chức các việc vi phạm pháp luật, xâm phạm đến lợi ích chung của Nhà nước, của tập thể và lợi ích của cá nhân.

Ngay đối với những người tạm thời mất quyền công dân, như những người bị bắt giữ, những người bị đưa ra xét xử trước tòa án, hoặc trước hội đồng kỷ luật vì bị coi là vi phạm pháp luật, *trong quá trình xử lý, họ vẫn được giữ quyền đấu tranh bảo vệ pháp chế.* Trước tòa án, khi tòa án bắt đầu xét xử, bị can được quyền yêu cầu thay đổi người thẩm phán xét xử mình nếu thấy người đó có thể không vô tư đối với mình; trong khi xét xử bị can được quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa. Trước Hội đồng kỷ luật người bị xử lý cũng có quyền tự bào chữa. Nếu thấy bị oan hoặc bị xử lý không thỏa đáng, đương sự có quyền khiếu nại lên cơ quan cấp trên và chỉ khi mọi con đường khiếu nại mà pháp luật quy định không còn nữa thì họ mới phải nhận biện pháp xử lý cuối cùng đối với họ.

Xã hội xã hội chủ nghĩa càng tiến lên thì quyền bảo vệ pháp chế của nhân dân càng trực tiếp hơn. Một mặt, như ở ta đã thực hiện đến mức

độ nhất định, tự quần chúng nhân dân cử ra các đại biểu của mình vào các *ban kiểm tra* (như ban kiểm soát hợp tác xã), *ban thanh tra nhân dân ở cơ sở* (1) để giám sát trực tiếp việc thi hành pháp luật.

Mặt khác, như bản dự thảo Hiến pháp mới đã ghi, *sẽ xây dựng và phát triển các hình thức tổ chức xử lý của quần chúng ở cơ sở*, hàng loạt các việc tranh chấp và vi phạm nhỏ sẽ do chính các tổ chức này xử lý. Kinh nghiệm của các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu cho thấy các tổ chức xử lý ở các cơ sở (xí nghiệp, cơ quan, trường đại học, trường trung học chuyên nghiệp, bệnh viện, hợp tác xã, khu dân cư) do nhân dân trực tiếp bầu ra và thường được gọi dưới một tên chung là *“tòa án xã hội”* đã có tác dụng rất tốt. Đây là những tổ chức gần với các cộng đồng công dân bình thường, phương pháp xử lý của nó thật sự dân chủ, biện pháp xử lý cũng tương đối đơn giản, việc “chấp hành án” được bảo đảm vững chắc bằng áp lực quần chúng; những người vi phạm pháp luật rất coi trọng sự phán xét có tính chất xã hội này giống như đối với sự phán xét của tòa án thường. Do có các tổ chức xử lý của quần chúng mà công việc xử lý của các cơ quan hành chính và các cơ quan tư pháp giảm nhẹ được nhiều, tránh được hiện tượng: một mặt thì hồ sơ các vụ tranh chấp và các vụ phạm pháp tràn ngập, ứ đọng ở các cơ quan nói trên, không giải quyết kịp; mặt khác thì có nhiều vụ tranh chấp hoặc vi phạm bị coi là “nhỏ”, “đáng chiều cổ” bị bỏ qua không xử lý. Việc phát triển hệ thống tổ chức xử lý của quần chúng còn có ý nghĩa sâu xa hơn: đây chính là sự *tập dượt của quần chúng nhân dân tiến lên tự mình đảm nhận lấy việc xử lý các tranh chấp xã hội và các việc vi phạm quy tắc của cuộc sống cộng đồng trong xã hội cộng sản tương lai*.

Nguyên vọng thiết tha của mỗi công

dân Việt-nam ngày nay là được thật sự làm chủ tập thể về mọi mặt.

Quyền làm chủ của công dân phải được pháp luật bảo đảm.

Cuộc sống xã hội dưới bất cứ chế độ nào cũng là tổng hợp nhiều mối quan hệ xã hội: quan hệ giữa Nhà nước (trong xã hội có Nhà nước) và nhân dân nói chung, giữa Nhà nước và cá nhân, giữa tổ chức, tập thể và cá nhân, giữa cá nhân và cá nhân. Trong chế độ xã hội chủ nghĩa, đó là sự tổng hợp hữu cơ, hài hòa các mối quan hệ xã hội hợp lý và tiến bộ. Muốn cho cuộc sống xã hội xã hội chủ nghĩa được ổn định, văn minh, trong đó mọi công dân đều có quyền làm chủ tập thể thì cuộc sống đó phải dựa trên những hệ thống tiêu chuẩn xã hội hợp lý được mọi người tôn trọng: tiêu chuẩn chính trị, tiêu chuẩn đạo đức, tiêu chuẩn pháp luật..., trong đó *hệ thống tiêu chuẩn pháp luật cụ thể hóa các hệ thống tiêu chuẩn khác và bảo vệ các tiêu chuẩn đó*.

Pháp luật không chỉ là sự trừng phạt và cũng không “bập” ngay vào các quy định về trừng phạt, mà trước hết nó phác họa, làm rõ các tiêu chuẩn chính trị, tiêu chuẩn đạo đức về làm chủ tập thể bằng một hệ thống các quyền và nghĩa vụ cụ thể và quan hệ pháp lý cụ thể. Và nếu ai đó thực hiện tốt hoặc vi phạm các quyền và nghĩa vụ cùng các quan hệ pháp lý đã quy định thì người đó sẽ nhận một sự thưởng hoặc phạt được định trước. Rất dễ thấy rằng việc kêu gọi mỗi người nâng cao ý thức làm chủ tập thể (tiêu chuẩn chính trị, đạo đức) có thể không đi đến đánh giá được kết quả nếu nhiệm vụ, trách nhiệm (tiêu chuẩn pháp luật) và các mối quan hệ về tham gia quản lý (quan hệ pháp lý) không được quy định rõ, càng

(1) Các ban thanh tra nhân dân ở cơ sở ở ta hiện nay do chính quyền chỉ định, nhưng trong thành phần của các ban ấy có đại diện của quần chúng.

không đạt hiệu quả mong muốn nếu không có quy định về thưởng những người làm tròn hoặc phạt những người không làm tròn nhiệm vụ, trách nhiệm. Như vậy *pháp luật vừa quy định quyền và phương thức làm chủ tập thể của nhân dân, vừa quy định sự thưởng hoặc phạt thích đáng đối với những ai thực hiện tốt hoặc xâm phạm quyền và phương thức làm chủ tập thể*. Nói rộng ra, *pháp luật không chỉ liên quan đến chức năng trừng trị, trấn áp của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, mà trước hết và chủ yếu nó có liên quan đến chức năng tổ chức, xây dựng của Nhà nước xã hội chủ nghĩa*.

Không phải rằng «sở dĩ có pháp luật, có cưỡng chế chỉ là vì trong xã hội còn có những người không tự giác (họ là số ít trong xã hội) và pháp luật chỉ liên quan đến những người này». Trước hết sự tự giác của con người nói chung chỉ có tính chất tương đối, chỉ được củng cố trong những điều kiện nhất định. Chúng ta đã chẳng từng chứng-kiến trong thời chiến tranh phá hoại ở miền Bắc có công nhân trong nhiều năm là người lương thiện nhưng chỉ vì quy chế giữ kho không rõ, việc thưởng phạt không được chú trọng mà trong chốc lát đã nảy ra ý nghĩ lấy trộm một dụng cụ trong kho đó sao? Và sau ngày giải phóng miền Nam có đồng chí trong nhiều năm đã từng vào sinh ra tử trên nhiều chiến trường, sẵn sàng hiến dâng tính mạng của mình cho Tổ quốc, song chỉ vì trong tình hình giải phóng quá nhanh, Nhà nước chưa kịp đề ra các quy định cụ thể về tiếp quản thành phố, nhà cửa, tài sản mà đồng chí đó đã mắc sai phạm nghiêm trọng đó sao? Trên thực tế có những nhân viên Nhà nước tiếp xúc nhiều với nhân dân đã xúc phạm đến danh dự và quyền làm chủ của người dân không phải vì họ hoàn toàn không ý thức được điều sai trái của mình mà chủ yếu là vì chưa có quy chế rõ ràng, hoặc tuy có quy chế

nhưng sau một lần, hai lần, rồi nhiều lần họ xúc phạm như thế, tổ chức lãnh đạo vẫn không có ý kiến gì và họ vẫn «vô can» (tình trạng vi phạm pháp luật từ nhẹ đến nặng mà vẫn «vô can» như vậy trong xã hội không phải là ít). Ngay giữa những công dân lương thiện, kể cả những công dân là cán bộ Nhà nước, trong mối quan hệ về làm chủ tập thể ở một khu nhà ở tập thể chẳng hạn, vì nhận thức của người ta thường khác nhau, nếu không có các quy định cụ thể có tính chất pháp luật về mọi mặt thì rất dễ xảy ra những va chạm có khi rất nghiêm trọng... Nói cách khác, *pháp luật rất cần thiết cả đối với những người lương thiện, nó nhằm vào hết thảy mọi người và mọi người phải tôn trọng nó*.

Phạm vi của quyền làm chủ tập thể rất rộng, nội dung các loại quyền làm chủ rất phong phú và các loại quyền làm chủ bổ sung cho nhau và bảo đảm lẫn nhau. Chỉ nói về mặt làm chủ xã hội, phải thực hiện quyền làm chủ cả về chính trị, kinh tế và văn hóa, ba mặt đó kết hợp với nhau, làm cơ sở và tạo điều kiện cho nhau. Nếu coi nhẹ, chậm quy định hoặc quy định không đúng mức một mặt nào đó thì tự nhiên các mặt khác sẽ không được bảo đảm. Nếu người công dân có quyền làm chủ tập thể về kinh tế (về các tư liệu sản xuất chủ yếu, về lực lượng lao động, về sản xuất và quản lý sản xuất, về phân phối), mà quyền làm chủ tập thể của người ấy về mặt chính trị và văn hóa không được bảo đảm (như quyền được bảo vệ về mặt thân thể, danh dự, tài sản, quyền khiếu nại, tố cáo những việc làm sai trái xúc phạm đến Nhà nước và đến mình, quyền được bảo hộ, khuyến khích khi có sáng chế hoặc sáng kiến hợp lý hóa sản xuất, v.v.), thì người ấy cũng không thể thực hiện tốt quyền làm chủ tập thể của mình về mặt kinh tế được.

Nhà nước ta đã có những quy định

có liên quan đến các quyền nói trên, nhưng tình hình thực tế đang đòi hỏi phải bổ sung và hoàn thiện hàng loạt các quy định về pháp luật Nhà nước, pháp luật hành chính, pháp luật kinh tế, pháp luật hợp tác xã, pháp luật dân sự, pháp luật hình sự, pháp luật về thủ tục dân sự và hình sự... sao cho rõ ràng hơn và có hiệu lực hơn, khiến cho bất cứ ai ở trong trường hợp cụ thể nào cũng không thể hiểu khác và làm khác đi được. Chẳng hạn về quyền khiếu nại, tố cáo, không thể chỉ bằng lòng với việc người công dân có quyền viết thư khiếu nại, tố cáo, mà còn phải quy định: cơ quan nào, người nào có trách nhiệm xét thư đó, xét trong thời hạn nào, xét sao cho công minh, chính xác, người bị thiệt hại thì nhất thiết phải được bồi thường hoặc phục hồi danh dự, làm sao cho biện pháp giải quyết được thực hiện vững chắc và có kỷ hạn, và nếu người có trách nhiệm xét thư không làm tròn trách nhiệm của mình, nếu biện pháp giải quyết không thỏa đáng hoặc đã thỏa đáng nhưng không được thực hiện thì xử lý ra sao và ai xử lý, v.v

Sự tốt đẹp của chế độ ta là ở chỗ tất cả mọi người lao động đều có quyền làm chủ. Có quyền làm chủ và quyền lợi của toàn dân thông qua Nhà nước, có quyền làm chủ và quyền lợi của từng tổ chức tập thể, có quyền làm chủ và quyền lợi của từng công dân. Trong các quyền làm chủ và quyền lợi đó, quyền làm chủ và quyền lợi của toàn dân là cao nhất, thứ đến là quyền và quyền lợi của tổ chức tập thể, rồi đến quyền và quyền lợi của công dân. Quyền làm chủ và quyền lợi của ba loại chủ thể ấy tồn tại song song, không loại trừ nhau mà trái lại bảo đảm lẫn nhau. Đó chính là cơ sở pháp lý vững chắc của nguyên lý đạo đức cao cả của xã hội ta « mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người ».

Nhưng, điều rất quan trọng là,

muốn cho mọi người lao động đều có quyền làm chủ thì mỗi loại chủ thể nói trên — Nhà nước, tổ chức tập thể, công dân — phải có nghĩa vụ đối với hai loại chủ thể kia, nghĩa vụ bảo đảm quyền làm chủ của hai loại chủ thể kia: quyền của cá nhân công nhân phải bảo đảm quyền của Nhà nước và của tổ chức tập thể mà mình là thành viên; quyền của Nhà nước phải bảo đảm quyền của tổ chức tập thể và của cá nhân công dân. Nếu cơ quan Nhà nước có quyền đòi hỏi công dân làm việc hết sức mình mà không có nghĩa vụ bảo đảm điều kiện cho công dân làm việc (phương tiện làm việc, tiền lương hợp lý, v.v.) thì công dân cũng không thể đem hết tâm trí, sức lực của mình vào công việc được, không thể làm chủ tốt được. Nếu mỗi xã viên hợp tác xã « tự do » bỏ việc đồng ruộng để đi buôn hoặc chỉ lo « làm chủ » trên mảnh « đất 5% » của mình, còn bỏ mặc các nghĩa vụ đối với hợp tác xã và đối với Nhà nước thì hợp tác xã và Nhà nước sẽ không làm chủ tốt được.

Do vậy quyền và nghĩa vụ trong các mối quan hệ xã hội phải đi đôi với nhau trong cả hệ thống thể chế về quyền làm chủ tập thể. Đây là một vấn đề khá phức tạp, nếu giải quyết không đầy đủ, dù là chỉ đề những kẻ hờ hỏ, thì có thể đưa đến tình trạng vô trách nhiệm, vô kỷ luật, thậm chí đối phó lẫn nhau, gây trở ngại, phiền hà cho nhau. « ai cũng có quyền » và không ai nói được ai nữa! Có thể nêu lên một hiện tượng dễ thấy trong cuộc sống thường ngày để làm ví dụ: có những phiền hà gây ra cho dân chẳng qua là vì một số cơ quan tiếp xúc nhiều với dân đã đề ra những quy định quá chi tiết về các điều kiện phải có, thủ tục phải làm (trong đó có cái cần thiết và có cái không cần thiết) để tránh buồng lỏng quản lý.

trong khi đó họ lại quên quy định cũng tỉ mỉ như thế các nghĩa vụ của nhân viên của mình trong quan hệ với dân như: phải thành thật tiếp thu ý kiến của dân để tổ chức công việc một cách hợp lý, phải bảo đảm giờ giấc làm việc, phải giải quyết công việc nhanh gọn, công bằng, cấm móc ngoặc, bớt xén, v.v.

Bổ sung, hoàn thiện hệ thống xử phạt cũng rất quan trọng. Xử phạt, xét cho cùng, là để bảo vệ quyền làm chủ tập thể của tất cả mọi người. Hiện tượng khách quan là trong toàn xã hội, các việc vi phạm pháp luật rất nhiều hình nhiều vẻ: có những việc là lỗi nhẹ, vừa hoặc nặng, có những việc là tội nhẹ, vừa hoặc nặng; có việc là lỗi về dân sự, có việc là lỗi về lao động, có việc là lỗi về hợp đồng kinh tế, có việc là tội hay lỗi về tài sản, có việc là tội hay lỗi về quản lý, v.v. Đối với từng con người chưa được rèn luyện nhiều, thì khả năng vi phạm pháp luật cũng có chiều hướng leo thang nếu không được ngăn chặn, xử phạt kịp thời. Nếu không có một hệ thống biện pháp xử phạt chính xác, đầy đủ, thích ứng với từng loại tội lỗi khác nhau, với từng mức độ nặng nhẹ khác nhau thì không thể nào ngăn ngừa, trừng phạt một cách có hiệu lực các hành vi xâm phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân.

Pháp luật về làm chủ không thể ban hành đầy đủ trong một thời gian ngắn và thể chế hóa quyền làm chủ tập thể của nhân dân là một quá trình, song song với quá trình phát triển kinh tế và xã hội xã hội chủ nghĩa. Nhưng trong chừng mực đã có văn bản pháp luật (hiến pháp, các đạo luật pháp lệnh, pháp quy) và các nghị quyết, chỉ thị, thông tư hướng dẫn thì hành các văn bản đó như hiện nay, thì không phải là không bảo đảm được những quyền làm chủ cơ bản nhất. Chẳng hạn, chung quanh các vấn đề «bắt, giam, tha», bảo

vệ tài sản xã hội chủ nghĩa và tài sản riêng của công dân, quản lý xí nghiệp, quản lý lao động, v.v. đã có không ít văn bản của Nhà nước.

Thế nhưng một số cán bộ có trách nhiệm thi hành pháp luật đã không nghiên cứu các văn bản hiện hành, hoặc có nghiên cứu nhưng không thi hành nghiêm chỉnh, còn trong nhân dân (kể cả công nhân, viên chức Nhà nước, xã viên hợp tác xã) thì nhiều người không nắm được. Làm chủ thì trước hết phải hiểu rõ các quyền và nghĩa vụ của mình trong các mối quan hệ xã hội ở cơ quan, xí nghiệp, hợp tác xã, ở các nơi công cộng, trên đường phố, trong xóm làng, trong gia đình..., hiểu rõ nếu có ai xâm phạm đến quyền làm chủ tập thể của mình thì xử lý ra sao và ai xử lý. Do vậy pháp luật phải được những người có quyền và có nghĩa vụ làm chủ có liên quan biết đến. Việc phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật phải làm rất rộng rãi dưới nhiều hình thức, kể cả ở các trường học, trên đài, trên báo, sao cho nguyên tắc pháp lý chung «không ai được coi là không biết pháp luật» được thực hiện đầy đủ trong chế độ làm chủ tập thể của ta. Đây là sự cần thiết để mọi người tự giác thi hành pháp luật và đấu tranh bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa. Đồng thời việc xây dựng một đội ngũ đông đảo những người tư vấn pháp lý (cho các cơ quan, xí nghiệp, hợp tác xã và cho nhân dân) và những người bảo chữa (luật sư) trước tòa án có ý nghĩa thiết thực, cấp bách giúp nhân dân bảo vệ các quyền làm chủ thiết thân của mình. Có những người tư vấn pháp lý, những người bảo chữa có năng lực dễ tìm thấy ở chung quanh mình thì mọi công dân, trước hết là những công dân lương thiện (chứ không phải trước hết là những người phạm tội hoặc rắp ranh phạm tội) sẽ yên trí biết chừng nào về sự lao động sáng

tạo và cuộc sống yên ổn của mình, không còn lo sợ gì về những sự chèn ép, bất công, vu oan giá họa nữa!

Pháp luật về quyền làm chủ tập thể không trừ ai cả và mọi người đều bình đẳng trước pháp luật đó, nếu không như vậy thì không có pháp chế xã hội chủ nghĩa. Cho nên *hết thấy các cơ quan Nhà nước* (cơ quan quản lý, cơ quan thanh tra, cơ quan kiểm sát, cơ quan xét xử) đều phải hướng vào việc bảo vệ quyền làm chủ tập thể mà *thi hành và chấp hành pháp luật thật nghiêm chỉnh*, tuyệt đối không bỏ qua, không trì

hoãn xử lý, không bao che những việc làm xâm phạm đến quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Đồng thời các *cấp ủy Đảng* trong công tác lãnh đạo của mình, cũng đòi hỏi các đảng viên dù ở bộ phận và cương vị công tác nào phải thật sự gương mẫu trong việc thi hành và chấp hành pháp luật như Điều lệ Đảng đã quy định.

Chỉ trong những điều kiện nói trên, quyền làm chủ tập thể của nhân dân đã được ghi trên ngọn cờ chủ nghĩa xã hội ở nước ta mới được thể hiện ngày càng đầy đủ, rạn rỡ trong cuộc sống thường ngày.

Nắm vững một số quan điểm cơ bản...

(Tiếp theo trang 29)

Lúc này hơn lúc nào hết, cần mở rộng mạng lưới quỹ tiết kiệm ở khắp nơi, cả ở thành thị và nông thôn, để động viên mọi nguồn vốn nhân rồi trong các tầng lớp nhân dân; cần cải tiến tổ chức quỹ tiết kiệm bảo đảm cho nhân dân gửi tiền và rút tiền một cách thuận tiện, dễ dàng; đồng thời, có kế hoạch mở rộng và kiện toàn việc tổ chức thu tiền mặt trong xã hội, góp phần giải quyết cân đối thu chi tiền mặt và bảo đảm đủ tiền chi trả cho nhân dân, trả cho các cơ quan và các ngành kinh tế. Cần nghiên cứu cải tiến chính sách tín dụng và đơn giản hóa các thủ tục, chống gây phiền hà, cản trở mối quan hệ giao dịch với các đơn vị kinh tế cơ sở.

Cũng như các công tác kinh tế khác, công tác ngân hàng là một công tác cách mạng, là công cụ đấu tranh "giữa hai con đường", nhằm giành thắng lợi triệt để cho chủ nghĩa xã hội.

Lập trường, quan điểm đúng đắn của người cán bộ ngân hàng không phải thể hiện ở chỗ cứ bỏ vốn ra cho vay mà không tính đến hiệu quả kinh tế, phục tùng mù quáng lệnh của cấp lãnh đạo mở kết cho vay; cũng không

phải cứ bo bo giữ vốn và tiền mà không dám cho vay để giữ thế cân đối một cách kinh tế. Lập trường, quan điểm đúng đắn của người cán bộ ngân hàng phải được thể hiện ở chỗ biết nghiên cứu tỉ mỉ phương án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh một cách có hiệu quả, dựa trên căn cứ chính xác; trên cơ sở đó, mạnh dạn cho vay, phục vụ kịp thời nhu cầu của các ngành sản xuất và lưu thông hàng hóa, bao gồm kinh tế quốc doanh, hợp tác xã, kinh tế phụ gia đình, cá thể..., nhằm tạo ra nhiều hàng hóa, phục vụ cho sản xuất và đời sống của nhân dân lao động. Nếu như hiệu quả kinh tế là thước đo chất lượng quản lý, thì thước đo chất lượng cho vay của ngân hàng cũng phải là hiệu quả kinh tế tài chính cao nhất mà việc cho vay đó mang lại.

Nếu ngành ngân hàng làm tốt việc cải tiến các mặt công tác theo quan điểm của Đảng, quyết tâm sửa chữa những thiếu sót trong công tác quản lý tiền tệ, thì chắc chắn chúng ta có khả năng giải quyết tốt mối quan hệ cân đối giữa tiền và hàng.

LẠC QUAN – CHỦ QUAN

 Ô thôi nói lạc quan là một đức tính tốt thuộc về bản chất và tâm hồn của người Việt-nam chúng ta. Có nhà nghiên cứu văn học đã nhận xét rằng người Việt-nam hay « cười », và tiếng cười hồn nhiên đó là một biểu hiện của đức tính lạc quan. Mà đúng như vậy thật. Đức tính lạc quan được hình thành trong quá trình hàng nghìn năm chiến đấu chống hết bọn xâm lược này đến bọn xâm lược khác, kẻ cả chống thiên tai khắc nghiệt, để giữ nước và dựng nước của dân tộc ta, và dần dần đức tính ấy đã trở thành một yếu tố tạo nên bản chất và bản lĩnh của dân tộc Việt-nam. Không có đức tính ấy để chiến đấu và chiến thắng, làm sao dân tộc ta có thể tồn tại để trở thành một dân tộc anh hùng như ngày nay! Không nói những chuyện xa xưa, chỉ nói riêng trong nửa sau của thế kỷ này, hơn ba mươi năm chiến đấu ròng rã, đến nay đã bốn thế hệ nối tiếp nhau lên đường đánh giặc mà vẫn chưa hết giặc nhưng người Việt-nam vẫn luôn luôn cất cao tiếng cười, tiếng hát, đầy lạc quan tin tưởng

Nhớ lại những ngày đánh Pháp, nhân dân ta mới giành được chính quyền, đánh Pháp bắt đầu gần như từ hai bàn tay trắng với đầy tâm vòng, súng kíp và những vũ khí thô sơ, còn bọn xâm lược Pháp thì có đủ máy

bay, xe tăng, tàu chiến và vũ khí hiện đại. Nhiều người đã ví ta đánh Pháp như châu chấu đá xe. Nhưng có Đảng lãnh đạo, với đức tính lạc quan và niềm tin vững chắc, nhân dân ta quyết đánh và cuối cùng chúng ta đã thắng Pháp.

Vừa đánh Pháp xong, nhân dân ta lại phải đánh Mỹ, tên sen dâm quốc tế, tên dê quốc đầu sỏ, có tiềm lực kinh tế và quân sự mạnh hơn đế quốc Pháp rất nhiều. Hơn nửa triệu quân Mỹ được trang bị hiện đại đến tận răng, hùng hùnh hồ hồ kéo vào miền Nam Việt-nam. Các loại máy bay hiện đại nhất của nước Mỹ, từ « Thần sáu », « Con ma », « cánh cụp cánh xòe » đến B.52, v.v. ào ào trút lửa đạn xuống miền Bắc Việt-nam. Bọn xâm lược Mỹ tưởng rằng, với sức mạnh của sắt thép, chúng có thể « ăn tươi » được Việt-nam. Nhưng có Đảng lãnh đạo, có anh em giúp đỡ, thấm nhuần chân lý « Không có gì quý hơn độc lập tự do » của Bác Hồ vĩ đại, dân tộc Việt-nam lại quyết đánh. Rất lạc quan, tin tưởng, chúng ta đánh Mỹ vui như mở hội. Tiếng hát của chúng ta át tiếng bom của giặc. Chúng ta

*« Xé dọc Trường sơn đi cứu nước,
Mà lòng phơi phơi dậy tương lai »* (1).

(1) *Thơ Tố-Hữu*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà-nội, 1977, trang 236.

Và cuối cùng, dân tộc ta đã đánh thắng tên đế quốc đầu sỏ. Thắng lợi hoàn toàn, trọn vẹn và triệt để.

Đất nước vừa giải phóng chưa được mấy ngày, dân tộc Việt-nam đã phải bước vào *hiệp một* của cuộc kháng chiến chống Trung-quốc xâm lược ở biên giới phía tây nam Tò quốc. Và vừa giáng cho tập đoàn phản động Pôn Pốt - lêng Xa-ry, tay sai của Trung-quốc những đòn quyết định, dân tộc ta lại phải bước ngay vào *hiệp hai* của cuộc kháng chiến, trực tiếp đương đầu với 60 vạn quân Trung-quốc xâm lược. Có mảnh đất nào trên thế giới này cứ phải liên tiếp chống ngoại xâm hết đời này sang đời khác như mảnh đất Việt-nam? Nhưng có Đảng lãnh đạo, có cả loài người tiến bộ đứng bên ta, rất lạc quan, tin tưởng, dân tộc ta lại sẵn sàng vào cuộc, giáng cho giặc Trung-quốc xâm lược những đòn chí mạng, cho chúng một bài học đích đáng, huộc chúng phải cuốn gói rút khỏi nước ta giống hệt như tổ tiên chúng xưa kia và các bậc đàn anh của chúng là đế quốc Pháp và đế quốc Mỹ gần đây.

Được hình thành trong quá trình lịch sử chiến đấu hàng nghìn năm của dân tộc, đến nay lại được củng cố và nâng cao bằng sự lãnh đạo tuyệt vời của Đảng ta, đức tính lạc quan, tin tưởng của người Việt-nam chúng ta đã trở thành một trong những yếu tố tạo nên ý chí và sức mạnh Việt-nam. Bất cứ kẻ thù nào đụng đến mảnh đất Việt-nam thiêng liêng này cũng nhất định bị dân tộc Việt-nam đánh bại.

Nhưng lạc quan hoàn toàn không phải là chủ quan. Lạc quan và chủ quan đối lập với nhau về cơ bản. Nếu lạc quan là một đức tính tốt, một yếu tố cần thiết để chúng ta ung dung bước vào cuộc thử lửa với quân thù thì chủ quan, trái lại, là một thói xấu, một kẻ thù nguy hiểm.

Chủ quan là một sai lầm thuộc về phương pháp nhận thức. Nó xuất phát

từ những cảm nghĩ thiếu căn cứ khoa học, không phù hợp với quy luật vận động khách quan của sự vật. Trong đấu tranh chống kẻ thù và trong chiến tranh, chủ quan là nhận thức sai lầm xuất phát từ chỗ không nhận rõ bản chất và âm mưu của kẻ thù, không đánh giá đúng kẻ thù, do đó mà không có những chủ trương, biện pháp, kế hoạch đối phó thích hợp, kịp thời, dẫn đến những hậu quả tai hại. Chủ quan là nguồn gốc của mọi thất bại, mọi mất mát. Và chính vì vậy mà đã trở thành như một quy luật, những người nào càng chủ quan bao nhiêu thì sẽ càng bị quan bấy nhiêu, thậm chí có thể dao động, mất phương hướng hành động đúng đắn.

Thực tiễn cuộc chiến đấu chống quân Trung-quốc xâm lược ở các tỉnh biên giới vừa qua đã cho chúng ta thấy rõ: những nơi đánh địch tốt nhất, bảo vệ mình tốt nhất đều là những nơi đã có sự chuẩn bị đến mức độ nhất định để đối phó với âm mưu xâm lược của kẻ thù, còn những nơi chủ quan, mất cảnh giác, không sẵn sàng đối phó thì đều có những lung túng, bị động, không phát huy được đầy đủ sức mạnh chiến đấu của mình. Nếu tất cả các nơi đều quán triệt sâu sắc nghị quyết Hội nghị lần thứ IV của Ban chấp hành trung ương Đảng về tình hình và nhiệm vụ mới, sẵn sàng chuẩn bị đối phó tốt hơn nữa về các mặt thì nhất định thắng lợi của quân và dân ta còn to lớn hơn nữa, bọn giặc Trung-quốc xâm lược còn thua đau hơn nữa.

Để chống chủ quan, vấn đề lớn nhất hiện nay vẫn là nhận rõ và làm cho mọi người cùng nhận rõ bản chất cực kỳ phản động và âm mưu bành trướng đại dân tộc, bá quyền nước lớn của tập đoàn cầm quyền phản động Bắc-kinh đối với nước ta. Bị thất bại nặng nề cả về quân sự và chính trị trong cuộc phiêu lưu quân sự vừa qua, chúng huộc phải rút quân về nước nhưng bản chất phản động của chúng

chưa mấy may thay đổi, chúng chưa từ bỏ âm mưu thôn tính nước ta để thực hiện mưu đồ bành trướng làm bá chủ Đông Nam châu Á. Chúng đang là kẻ thù nguy hiểm trực tiếp của nhân dân ta. Chẳng lẽ nào tập đoàn cầm quyền phản động Bắc-kinh chưa bị đánh đổ thì Tổ quốc ta vẫn có nguy cơ bị chúng tiến công xâm lược. Vì vậy, tất cả chúng ta, đặc biệt là các lực lượng vũ trang, cán bộ, đảng viên và nhân dân các tỉnh biên giới phía bắc không được lơ đãng chút nào về bản chất phản động và âm mưu thâm độc của bọn phản động Trung-quốc đối với nước ta. Mọi sự chủ quan, khinh suất, lơ là cảnh giác đều là có tội với Tổ quốc, với nhân dân.

Chống chủ quan không chỉ là xác định về mặt nhận thức tư tưởng, mà điều quan trọng hơn là phải quán triệt trong mọi mặt hoạt động thực tiễn. Cũng không thể chống chủ quan một cách chung chung, trừu tượng mà phải xuất phát từ sự đánh giá kẻ thù một cách cụ thể để có các phương án hoạt động tích cực. Bọn Trung-quốc xâm lược có những cái khác với các bọn xâm lược Pháp và Mỹ. Ví dụ: các bọn xâm lược Pháp và Mỹ đều ở xa đất nước ta, còn bọn Trung-quốc xâm lược thì ở ngay sát nách ta. Nếu chúng ta chủ quan mất cảnh giác, chúng có thể thâm nhập vào lãnh thổ ta dễ hơn, nhanh hơn. Bọn cầm quyền phản động Trung-quốc lại cậy thế chúng là nước lớn đông dân, có thể đánh chiếm nước ta. Chúng coi mạng lính như rơm như rác, sẵn sàng xua quân vào chỗ chết, để thực hiện tham vọng bành trướng của chúng. Ngoài cái tàn bạo, man rợ, thâm độc giống như tất cả các bọn đế quốc xâm lược khác, bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh còn có cái tàn bạo, man rợ, thâm độc của những tên phản bội, cam tâm bán rẻ linh hồn, làm tên lính xung kích để tiện cho chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động khác. Binh lính chúng, ngoài tội ác giết người

hết sức dã man, còn tham lam, ti tiện vô cùng, vơ vét mọi thứ của cải của nhân dân ta. Bọn phản động Trung-quốc lại còn sử dụng những tên người Hoa phản động làm tay sai cho chúng. Bọn này đã từng ở lâu ở nước ta, đã từng được nhân dân ta đùm bọc, chúng thông thuộc đường sá và tình hình ở nước ta.

Vì vậy, phải xuất phát từ những đặc điểm ấy của kẻ thù để có chủ trương, kế hoạch, biện pháp chống chủ quan một cách thích đáng. Những nơi có chiến sự phải từ thực tiễn cuộc chiến đấu chống quân Trung-quốc xâm lược vừa qua mà rút kinh nghiệm một cách sâu sắc về mọi mặt, từ đó mà xác định các phương án sản xuất, chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu, kiện toàn các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng và lực lượng vũ trang, giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội, tổ chức đời sống, v.v. Trong sản xuất lại phải xác định rõ các phương án bố trí sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải, v.v., kết hợp sản xuất với chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, kết hợp kinh tế với quốc phòng, kết hợp sản xuất với tổ chức quân lý như thế nào cho phù hợp với đặc điểm từng nơi, với yêu cầu của tình hình mới. Trong chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, trong kiện toàn tổ chức, giữ vững an ninh chính trị, tổ chức đời sống, v.v. cũng như vậy. Phải làm sao cho mọi lĩnh vực hoạt động và mọi công tác đều được nghiên cứu, cân nhắc, tính toán rất kỹ lưỡng và càng sớm càng tốt để khỏi rơi vào tình trạng chủ quan, mất cảnh giác. Trong hòa bình thời chủ quan mất cảnh giác cũng đã gây nên những hậu quả tai hại; trong chiến tranh, chủ quan mất cảnh giác càng gây nên những hậu quả tai hại không thể lường được. Có khi chỉ một sơ sót nhỏ cũng phải trả giá bằng máu.

(Xem tiếp trang 81)

CAM-PU-CHIA — MƯU ĐỒ NHAM HIỀM CỦA BẮC-KINH BỊ CHÔN VÙI

THÀNH-CÔNG



ĂM 1979 mở đầu bằng chiến thắng vang dội của quân và dân đất nước Chùa Tháp: tiêu diệt và làm tan rã hoàn toàn hơn 23 sư đoàn quân

Pôn Pốt, quét đổ ách thống trị cực kỳ tàn bạo của bọn Pôn Pốt — lêng Xa-ry, tay sai của giới cầm quyền phản động Bắc-kinh, lập nên nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia. Cả loài người tiến bộ hân hoan vui mừng trước sự toàn thắng của cách mạng Cam-pu-chia. Bọn đế quốc và phản động quốc tế sững sờ, cay cú vì bị bắt ngờ lớn. Kẻ lỏng lộn điên cuồng nhất trước kết thúc bi đát của bọn đồ tể ở Phnôm-pênh là những người cầm quyền ở Bắc-kinh. Điều đó cũng dễ hiểu. Vì Bắc-kinh đã dồn biết bao công sức, vũ khí, tiền của, đã đặt biết bao hy vọng vào bọn tay sai ở Phnôm-pênh; thế mà tất cả đã tan vỡ như bong bóng xà phòng.

Mưu đồ nham hiểm.

Bọn cầm quyền phản động ở Bắc-kinh rất hí hửng khi mua chuộc được bọn Pôn Pốt — lêng Xa-ry làm tay sai cho chúng. Khó có một bọn tay sai

nào ngoan ngoãn hơn. Chúng bán rẻ chủ quyền đất nước cho Bắc-kinh. Chúng cúi đầu thi hành răm rắp mọi chỉ thị của chủ. Chúng thực hiện đường lối được chủมอบ cho còn mạnh tay, triệt để hơn cả chủ nữa.

Khi bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh cần chống phá cách mạng Việt-nam, làm suy yếu Việt-nam, thì bọn Pôn Pốt — lêng Xa-ry liền biến mình làm tên xung kích hung hăng khải mãn, khiêu khích, rồi tiến công Việt-nam trên dải biên giới phía tây — nam dài hơn một nghìn ki-lô-mét. Dùng bọn tay sai này, Bắc-kinh nghĩ rằng đây là một đòn cực hiểm đối với Việt-nam vì các lẽ:

— Trung-quốc có thể giấu kín bộ mặt xâm lược tàn ác của mình;

— Trung-quốc không tổn xương máu quân đội mình; xương máu của quân lính Pôn Pốt sẽ phục vụ cho mục tiêu của Bắc-kinh.

— Cuộc tiến công vào Việt-nam trên suốt dải biên giới phía tây — nam sẽ kích động các lực lượng phản động có vũ trang và không vũ trang ngóc đầu dậy ở khắp miền Nam Việt-nam, nơi chúng cho rằng những tàn dư của

Mỹ - nguy chỉ chờ dịp tốt hiếm có này để trời dậy mạnh mẽ.

— Việt-nam phải đối phó với một cuộc chiến tranh ngày càng lớn và kéo dài suốt dải biên giới, sự nghiệp xây dựng đất nước sau chiến tranh chống Mỹ ắt sẽ bị ảnh hưởng lớn.

— Việt-nam phải huy động các lực lượng vũ trang để chiến đấu ở biên giới phía tây - nam, do đó có thể sơ hở ở phía bắc, khả năng đối phó với cuộc tiến công của quân Trung-quốc ở biên giới phía bắc sẽ bị suy giảm. Đây là âm mưu rất thâm độc định kẹp Việt-nam vào giữa hai gong kim.

Mặt khác giới cầm quyền phản động ở Bắc-kinh còn dùng Cam-pu-chia làm nơi thí nghiệm hoàn chỉnh đầu tiên ở nước ngoài một kiểu « chủ nghĩa xã hội » riêng biệt theo đường lối của Bắc-kinh. Đây là một thứ *thuộc địa kiểu mới* của chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn Trung-quốc. Cái khuôn mẫu này sẽ được đem áp dụng ở những nước nông nghiệp lạc hậu trong thế giới thứ ba, trước hết là các nước ở Đông Nam châu Á. Với « kinh nghiệm Cam-pu-chia », Bắc-kinh mơ tưởng sẽ dựng lên được một loạt các nước phụ thuộc vào Trung-quốc, cùng với Trung-quốc hình thành cái gọi là « hệ thống xã hội chủ nghĩa theo chủ nghĩa Mao ». đối lập với hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa chân chính được xây dựng theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin và theo những quy luật phổ biến của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Thêm nữa, Bắc-kinh còn biến Cam-pu-chia thành một nơi cung cấp cho Trung-quốc khá nhiều sản phẩm nhiệt đới: lúa gạo, cùi dừa, hạt tiêu, cao su, cá khô, đường mía, đường thốt nốt, gỗ quý, đá quý, dầu du đủ tía, v.v.

Quả thật khó có một bản đáp nào tốt hơn, một « thuộc địa kiểu mới » nào lợi hại hơn, một căn cứ trung

tâm nào lý tưởng hơn để thực hiện dã tâm chống phá Việt-nam và bành trướng xuống Đông Nam châu Á, bước đầu thực hiện giấc mộng làm bá chủ châu Á và tiến lên làm bá chủ thế giới của những cái đầu tham lam, mù quáng, ngự trị ở Trung-nam-bại.

Dầu tư lớn thì phá sản cũng lớn. Mưu đồ to thì thất bại lại càng to. Thất bại của Bắc-kinh ở Cam-pu-chia là một thất bại đau đớn có ý nghĩa chiến lược, là sự sụp đổ ngay từ đầu của một cuộc thí nghiệm cực lớn có ý nghĩa đường lối của những người cầm quyền Bắc-kinh chống chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chống chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, chống phong trào giải phóng dân tộc và độc lập dân tộc, chống ba dòng thác cách mạng trong thời đại-ngày nay.

Thử phân tích một xác chết.

Chế độ Pôn Pốt - lêng Xa-ry là một cái quái thai chết yểu. Chúng ta thử phân tích cái chế độ xã hội kỳ quái ấy, một mô hình xã hội mang nhãn hiệu: chế tạo tại Bắc-kinh.

Cái xã hội ấy có những đặc điểm như sau:

— Sự tàn sát theo quy mô lớn những lực lượng tinh hoa nhất của xã hội: những người yêu nước, những người cách mạng chân chính, công nhân, trí thức, những người lao động kiên cường của xã hội. Theo ước tính, bọn đồ tể Phnôm-pênh đã giết hại 3 triệu con người, phần lớn người bị giết thuộc bộ phận có phẩm chất cao cả về chính trị, văn hóa và khoa học kỹ thuật.

— Sự hủy hoại trên quy mô lớn của cái của xã hội. Thành phố tan hoang. Nhà cửa bị hủy hoại. Máy móc, kho tàng, xe cộ, tàu thuyền bị để cho hư hỏng, đổ nát, điều tàn trong khi đời sống nhân dân cực kỳ bi thảm.

— Người lao động bị đẩy ải, với mức lao động từ 12 đến 14 giờ một ngày với mức ăn là những bát cháo

loãng hoặc một hai bát cơm khi được mùa, với thức ăn “của kẻ ăn xin cùng khổ”. Bắp thịt, gân cốt, tủy não của người lao động bị hao phí không những không được bù đắp mà còn bị hủy hoại ngày càng nặng nề.

— *Các quyền tự do của con người* bị thủ tiêu triệt để, có hệ thống. Học hành là con số không. Đi lại bị cấm chỉ. Giao thông công cộng, thư từ điện tín, điện thoại bị hủy bỏ. Tiền nong chợ búa bị thủ tiêu. Mọi tôn giáo, thờ cúng đều bị coi là phạm pháp. Hôn nhân bị cưỡng bức theo sự sắp xếp độc đoán của ăng-ca (của tổ chức, của chính quyền). Các di tích văn hóa bị phá hủy; mọi thuần phong mỹ tục bị cấm chỉ. Sự khủng bố tinh thần diễn ra suốt ngày đêm do một bộ máy cảnh sát và mật vụ dày đặc bủa vây khắp nơi. Con người thường xuyên có nguy cơ bị đập vỡ sọ không cần xét xử, có khi cũng chẳng cần lý do, chứng cứ.

— *Kinh tế* bị phụ thuộc nặng nề: Cam-pu-chia phải lệ thuộc nộp cho ông chủ ở Bắc-kinh rất nhiều sản phẩm nhiệt đới, những đặc sản quý để đổi lấy những đồng vũ khí khổng lồ. Đời sống nhân dân càng thêm kiệt quệ, bị bóc lột đến tận xương tủy.

— *Chủ quyền đất nước* bị bán rẻ, bị hiến dâng cho nước ngoài. Hệ thống cố vấn, chuyên viên, bộ máy của sứ quán Trung-quốc trù lên bộ máy hành chính, quân sự, kinh tế, đảng, của bọn Pôn Pốt – Iêng Xa-ry. Đại sứ Trung-quốc là một viên Toàn quyền có nhiều quyền lực. Bọn cố vấn, chuyên viên Trung-quốc là những quan cai trị thật sự. Chúng tha hồ tác quái trên thuộc địa kiều mồi của chúng.

— *Quân đội* bị biến thành lính đánh thuê cho bọn theo chủ nghĩa bành trướng ở Bắc-kinh, thành công cụ khiêu khích, gây chiến tranh với các nước láng giềng, phục vụ cho mưu đồ xâm lược của Bắc-kinh.

Có thể nói trên đây là bảy nét đặc trưng cho chế độ xã hội được xây dựng trong hơn ba năm qua ở Cam-pu-chia trong vòng kiểm tỏa của Bắc-kinh. Bảy nét đặc trưng ấy đủ nói lên bản chất cái xã hội man rợ độc đáo giữa thế kỷ XX, một sự thách thức lảo xược đối với xã hội loài người.

Nền móng của chế độ tàn cùng man rợ.

Cái xã hội quái thai của bọn Pôn Pốt – Iêng Xa-ry xây dựng trên cơ sở lý luận nào? Có thể nói nền tảng lý luận của cái xã hội ấy pha trộn đủ thứ đường lối, quan điểm cực kỳ phản động và lạc hậu.

Trước hết là *chủ nghĩa sô vanh phát-xít* của bọn đế quốc hung bạo nhất thù địch với con người, coi dân tộc Trung-hoa là dân tộc thượng đẳng có quyền đè đầu cưỡi cổ các dân tộc khác, coi dân tộc này là kẻ thù truyền kiếp của dân tộc khác, kích động hằn thù dân tộc để gây chiến tranh xâm lược, bành trướng.

Đó còn là *tư tưởng của bọn chủ nô* coi nhân dân lao động chỉ là bầy nô lệ, những động vật biết nói, có thể đem bán rẻ dưới hình thức này hay hình thức khác cho những tên chủ nô khác.

Đó cũng là *tư tưởng của bọn vua chúa phong kiến*, thực hiện chế độ gia đình trị, sống cực kỳ xa hoa trụy lạc, phê phồn vô độ trên sự lầm than của nhân dân.

Cũng phải kể đến hàng loạt quan điểm phản động lệch lạc và sai lầm khác như: bệnh ấu trĩ tả khuynh, quan điểm nôn nóng không tưởng, thuyết bình quân tuyệt đối, quan điểm duy tâm siêu hình cắt đứt một cách máy móc với quá khứ, đốt cháy giai đoạn, v.v. bắt nguồn từ nhân sinh quan của giai cấp tư sản phản động pha trộn với những quan niệm không tưởng của giai cấp tiền tư sản hoặc

của giai cấp nông dân thuần túy khi chưa được chủ nghĩa Mác—Lê-nin soi sáng.

Một số kẻ bị mê hoặc, ngộ nhận rằng đây cũng là một kiểu « chủ nghĩa xã hội sáng tạo, độc đáo ». Đồng tiền bị xóa bỏ thì ma lực của nó cũng bị thủ tiêu; nạn buôn lậu, đầu cơ, dút lốt mua chuộc cũng biến mất, đây là một xã hội trong sạch nhất (!) Mọi người ăn mặc như nhau, chung một bếp tập thể, thế là công bằng xã hội (!), không còn người giàu kẻ nghèo, không còn cảnh bất công! Giai cấp tư sản, tiểu tư sản, tiểu thương, địa chủ, phú nông, v.v. đều bị xóa bỏ nhanh chóng, xã hội trở nên trong sạch một cách lý tưởng (!), vì không còn có giai cấp bóc lột, v.v. Có thể dễ dàng thấy rằng tất cả những lập luận trên đây đều là ngụy biện, xa lạ với chủ nghĩa Mác—Lê-nin.

Về việc hủy bỏ đồng tiền, xóa bỏ giai cấp bóc lột, Mác và Lê-nin đã bàn đến rất nhiều và rất kỹ. Những chủ trương ấy chỉ có thể thực hiện khi điều kiện đã chín muồi, với những biện pháp thích hợp, không thể chủ quan giải quyết một cách độc đoán bằng phương pháp hành chính đơn thuần, bất chấp điều kiện và hoàn cảnh cụ thể, bất chấp những quy luật và điều kiện khách quan.

Có thể nói nền tảng lý luận của chế độ xã hội kỳ quái ở Cam-pu-chia là một đồng hồ lớn những quan điểm tư tưởng của các giai cấp thống trị cũ đã bị lịch sử lên án cộng với những quan điểm, lý luận sai lầm của giai cấp tư sản, giai cấp tiểu tư sản và nông dân, tạo nên một mớ hỗn tạp cực kỳ phi lý. Trong mớ hỗn tạp ấy, nổi bật lên là cái chủ nghĩa mang tên người đứng đầu nước lớn đã dùng hợn Pôn Pốt—lêng Xa-ry làm tay sai để đặt ách thống trị thực dân mới của họ lên nước Cam-pu-chia. Đây là cái nền lớn nhất và cũng là cái nền rất yếu, rất dễ lún. Bất cứ một người nào chỉ cần hiểu biết một cách sơ đẳng về

chủ nghĩa Mác—Lê-nin, về chủ nghĩa xã hội khoa học cũng có thể bác bỏ một cách dễ dàng những quan điểm phản động và lệch lạc trên đây. Đó là vì trong môn « tập phí lù » lý luận ấy có đủ mọi thứ quan điểm phản động, sai lầm, có đủ thứ rác rưởi mà Mác và Lê-nin đã kịch liệt và nghiêm khắc lên án; nó tuyệt nhiên không có một chút dính dáng gì với chủ nghĩa Mác—Lê-nin, mặc dù cái chế độ ấy được khoác một cái áo lòe loẹt là « chủ nghĩa xã hội độc đáo, trong sạch nhất ! »

Các thứ đường lối và quan điểm hỗn tạp, phản động và sai lầm ấy được đem ra thì hành và đã hủy hoại cuộc sống của cả một dân tộc, mang lại không biết bao nhiêu là đau thương và tang tóc, làm cho máu chảy thành sông, uất hận ngút trời.

Nhãn hiệu Bắc-kinh.

Không khó khăn gì để chứng minh rằng cái mô hình xã hội kỳ quái ở Cam-pu-chia dưới thời Pôn Pốt—lêng Xa-ry mang nhãn hiệu Bắc-kinh chính cống.

Ở Trung-quốc, người ta tô rất đậm vị trí của nông dân, đến mức đưa nông dân lên cao hơn giai cấp công nhân, thậm chí đối lập với giai cấp công nhân: nông dân là tất cả, nông thôn là tất cả. Ở Cam-pu-chia cái đường lối lấy nông thôn làm căn cứ duy nhất, lấy nông thôn bao vây thành thị ấy được phát triển thành đường lối lấy nông thôn nuốt chửng thành thị. Hơn ba triệu dân thành thị bị đuổi về nông thôn, chia về các công xã, bị bắt buộc phải lao động khổ sai, trở thành những nông nô kiểu mới.

Ở Trung-quốc, nhân danh đấu tranh giai cấp, người ta thực hiện những cuộc đấu tranh nội bộ rất tàn khốc, việc tranh giành quyền lực ở trong đảng diễn ra bằng đấu tố thanh trừng, gạt bỏ, thủ tiêu, v.v. thì ở Cam-pu-chia việc này làm quá quắt không kém, những người chống đối đường lối của Pôn Pốt—lêng Xa-ry, dù là ủy

viên trung ương Đảng, bộ trưởng hay người dân yêu nước thông thường đều bị chụp cho cái mũ là tay sai nước ngoài, là phản bội, là gián điệp, bị đập vỡ sọ hoặc trói vút xuống sông không cần xét xử.

Ở Trung-quốc, khi quyền bính bị lung lay dữ dội, người ta liền huy động hàng chục triệu thanh niên, thiếu niên non nớt về chính trị, kích thích tính hiếu động và sự ưa phá phách, thói anh hùng rơm của họ, tạo nên một cơ sở xã hội mới, thì ở Cam-pu-chia, thanh niên, thiếu niên cũng được sử dụng rất mạnh tay, thành cả một lớp ác ôn đông đảo trong quân đội, thành hàng chục vạn tên mật vụ trung thành với Pôn Pốt rải khắp nơi, thành một lớp đảng viên trẻ sẵn sàng nhân danh «*ăng ca*» để lao vào bất cứ tội ác dâm máu nào.

Ở Trung-quốc, người ta hô hào tiến nhảy vọt, làm cách mạng bằng những khẩu hiệu suông rất kêu, những lời huênh hoang thay cho công phu tổ chức và xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa một cách kiên trì, gian khổ và tỉ mỉ thì ở Cam-pu-chia, người ta cũng ba hoa không ngớt về «*đại tiến vọt, đại tiến bộ, đại tuyệt vời*», về chủ nghĩa xã hội công bằng nhất, trong sạch nhất, chủ nghĩa Mác - Lê-nin sáng tạo, một kiểu mẫu độc đáo của chủ nghĩa xã hội. Cam-pu-chia mở đường cho loài người. Cam-pu-chia đi tiên phong trong việc xóa bỏ giai cấp và tiền tệ, v.v.

Ở Trung-quốc, việc truyền bá đường lối, quan điểm, tư tưởng của người lãnh đạo cao nhất được thực hiện trên cơ sở sùng bái cá nhân, với những thủ thuật thời miên, pha màu sắc tôn giáo kiểu kinh kệ, thì ở Cam-pu-chia người dân cũng bắt buộc phải học thuộc lòng một số câu của Pôn Pốt như học kinh thánh, phải học thuộc lòng những câu ca ngợi ăng-ca là cha, là mẹ của dân, ăng-ca là tuyệt vời, đại tuyệt vời, và nguyện suốt đời phấn đấu dưới là cờ của Pôn Pốt, v.v.

Tranh và tượng của Pôn Pốt được in và đúc hàng loạt và nhân dân bắt buộc phải coi Pôn Pốt như đại cứu tinh của dân tộc, giống như người cầm lái vĩ đại, như một vị thánh sống.

Còn biết bao nhiêu dẫn chứng khác. Có gì là lạ đâu! Đứa con hoang mặt mũi giống hệt như bố đẻ.

Một trong ba cuộc «*đại phá sản*».

Dư luận phương Tây nhận xét rất xác đáng rằng gần 20 năm nay, giới cầm quyền Trung-quốc đã có ba cuộc phiêu lưu lớn và cũng ba lần phá sản to.

Trước hết là cuộc «*đại cách mạng văn hóa vô sản*». Gần đây chính một số người Trung-quốc viết trên báo chữ to ở đường Tây-dan và trong một vài tạp chí bí mật lưu hành ở Bắc-kinh, nhận định rằng cuộc *cách mạng văn hóa vô sản* là hoàn toàn sai lầm, nó chẳng có tính chất *cách mạng*, mà cũng chẳng mang theo một chút gì là bản chất của giai cấp *vô sản*, nó cũng là một chủ trương hoàn toàn *phi văn hóa*. Những cuộc đấu tố tràn lan, những cuộc xô xát dâm máu, hàng loạt vụ thủ tiêu kiểu mật vụ hoàn toàn xa lạ với chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Uy tín, thanh danh của Trung-quốc qua những sự kiện lộn xộn rối ren ấy, bị lung lay dữ dội trước toàn thế giới. Những người lãnh đạo ở Bắc-kinh ngày càng bộc lộ bản chất phản cách mạng của họ. Đến nay chính một số người Trung-quốc lên án rất mạnh mẽ cuộc cách mạng văn hóa và cho rằng nó đã tiêu hủy tinh lực của cả dân tộc Trung-hoa trong hàng chục năm dài, tạo nên hình ảnh của một người khổng lồ vốn đã ốm yếu lại tự ghè vào chân của mình.

Cuộc «*đại phá sản*» thứ hai có tác dụng bộc lộ bản chất phản động của giới cầm quyền Trung-quốc chính là cái mô hình quái đản của «*chủ nghĩa xã hội kiểu Bắc-kinh*» được xây dựng

ở Cam-pu-chia. Cái tội ác cực lớn này đối với đất nước Cam-pu-chia, đối với cả loài người rành rành ra đó, giới cầm quyền Bắc-kinh không có cách gì chối cãi và biện bạch được.

Và cuộc « đại phá sản » thứ ba của giới cầm quyền Bắc-kinh là cuộc chiến tranh xâm lược man rợ của họ đối với Việt-nam. Họ thất bại nặng nề về mọi mặt. Thất bại lớn nhất là họ tự trung ra bộ mặt phản động hung hãn bản thủ nhất, bị cả loài người phỉ nhổ.

Ba bước phiêu lưu, ba lần phá sản lớn, tạo nên ba nấc thang nhận thức về bản chất của chế độ, bản chất của giới cầm quyền Trung-quốc. Ba sự kiện to lớn này tạo cơ sở để dư luận thế giới và cả nhân dân Trung-quốc thấy toàn diện, sâu sắc và hoàn chỉnh bộ mặt chính trị thật của giới cầm quyền ở Trung-quốc, thấy rõ tính chất phản động cực đoan của họ cả về đối nội và đối ngoại, cả về chính trị, kinh tế, quân sự và ngoại giao, cả về lãnh đạo Nhà nước và xây dựng Đảng.

Ba lần phá sản lớn đã là quá đủ để bọn phản động cầm quyền ở Trung-quốc bị cô lập cao độ, bị lên án mạnh mẽ từ mọi phía, bị đẩy vào cái thế suy yếu cả về thế và lực.

Cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân Cam-pu-chia đoàn kết với nhân dân Việt-nam, nhân dân Lào anh em và cả loài người tiến bộ đã làm phá sản trực tiếp và hoàn toàn cái cơ đồ phản động hết sức nham hiểm của Trung-quốc ở Cam-pu-chia. Đây là một cống hiến vô giá để cứu vãn dân tộc Khơ-me khỏi tai họa diệt chủng, khỏi ách thống trị của bọn phản động Trung-quốc, đồng thời cũng bóc trần bản chất cực kỳ phản động tàn ác của những thế lực đen tối đang ngự trị trong lâu đài Trung-nam-hải ở Bắc-kinh.

Có thể nói, cái cơ đồ mà Bắc-kinh dày công xây dựng ở Cam-pu-chia bị đổ vỡ tan tành vào đầu năm 1979 này là một cái mốc quan trọng trên con đường thất bại hoàn toàn và triệt để của giới cầm quyền phản động Bắc-kinh, những kẻ đã gây nên không biết bao nhiêu đau khổ và tai họa cho nhân dân Cam-pu-chia, cho nhân dân Trung-quốc, chống ba dòng thác cách mạng hùng vĩ của thời đại.

Lạc quan - chủ quan

(Tiếp theo trang 75)

Nhân dân ta bước vào cuộc kháng chiến chống bọn phản động Trung-quốc xâm lược với tư thế và khí phách của những người làm chủ đất nước. Chúng ta rất lạc quan, tin tưởng. Chúng ta biết chắc chắn rằng, với truyền thống chiến đấu kiên cường, bất khuất chống ngoại xâm của dân tộc ta, có đường lối lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng ta, có sự giúp đỡ hết lòng của Liên-xô, của các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác và của bè bạn khắp năm châu, nhất định dân tộc Việt-nam ta sẽ đánh bại hoàn toàn mọi mưu đồ xâm lược của tập đoàn cầm quyền phản động Bắc-kinh đối với nước ta. Tổ quốc Việt-nam thiêng liêng và muôn vàn yêu quý của chúng ta là vô địch. Dù kẻ thù có liều lĩnh đưa hàng triệu quân tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta thì chúng cũng không tránh khỏi thất bại thảm hại và nhục nhã.

Để chiến thắng quân thù, chúng ta phải luôn luôn tỉnh táo, đề cao cảnh giác cách mạng, không chủ quan, không bao giờ được chủ quan.

THANH THANH

Quan hệ kinh tế đối ngoại của Trung-quốc phục vụ âm mưu bành trướng, bá quyền nước lớn của tập đoàn phản động Bắc-kinh

NGUYỄN-VĂN-THỌ



Ừ đầu năm 1978 tới nay, Trung-quốc đã ra sức mở một chiến dịch hoạt động kinh tế đối ngoại với nhiều tham vọng đen tối và xấu xa. Tạp chí *Thời đại* của Mỹ ra ngày 27-11-1978 đã nói một cách mỉa mai: «đó là một cuộc đại nhảy vọt ra nước ngoài». Chiến dịch này được triển khai kết hợp chặt chẽ nhiều mặt. Trung-quốc luôn luôn nhấn mạnh rằng phương châm chính sách đối ngoại của mình là kinh tế phải phục tùng chính trị, có nghĩa là phục vụ cho một mưu đồ chính trị. Mưu đồ đó chính là chiến lược toàn cầu phản cách mạng của tập đoàn phản động Bắc-kinh cầu kết với bọn đế quốc do Mỹ cầm đầu, điên cuồng chống ba dòng thác cách mạng trên thế giới, thực hiện chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và chủ nghĩa bá quyền nước lớn. Cho nên tùy theo từng đối tượng giao dịch, giới cầm quyền phản động Trung-quốc đã dùng kinh tế để lôi kéo về chính trị, cầu kết về chính trị để tranh thủ về kinh tế, từ tranh thủ về kinh tế tiến lên cầu kết về quân

sự, cầu kết về quân sự để tranh thủ thêm về kinh tế.

Nhưng dù chúng có xảo quyết và thâm độc đến đâu, chiến dịch hoạt động kinh tế đối ngoại của chúng đã nhanh chóng bộc lộ nhiều mâu thuẫn và khó khăn cơ bản không thể khắc phục được.



Quan hệ kinh tế đối ngoại với mục tiêu «bốn hiện đại hóa» và thuyết «ba thế giới». Theo chủ trương của tập đoàn phản động Bắc-kinh, về đối nội, Trung-quốc thực hiện hiện đại hóa nền kinh tế và quốc phòng, nhanh chóng xây dựng Trung-quốc trở thành một cường quốc bậc nhất vào cuối thế kỷ này, tức là sẽ đuổi kịp và vượt các nước tiên tiến trên thế giới về các chỉ tiêu cơ bản trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, khoa học kỹ thuật và quốc phòng.

Để đạt mục tiêu đó, Trung-quốc coi thời gian 1976 - 1985 là 10 năm then chốt. Nội dung chủ yếu của kế

hoạch 10 năm này là về nông nghiệp, cố gắng đạt chỉ tiêu sản xuất 400 triệu tấn lương thực hằng năm để thực hiện khẩu hiệu « tích trữ lương thực, phòng bị chiến tranh »; về công nghiệp, dốc sức đạt chỉ tiêu sản xuất 60 triệu tấn thép hằng năm chủ yếu để phục vụ cho nhu cầu quân sự, chạy đua vũ trang. Như vậy, trung tâm của cái gọi là « bốn hiện đại hóa » là hiện đại hóa quốc phòng: hơn 40% ngân sách hằng năm của Trung-quốc dành cho những chi phí về quân sự.

Cũng theo chủ trương của tập đoàn cầm quyền Bắc-kinh, về đối ngoại, Trung-quốc phát triển quan hệ với nước ngoài theo thuyết « ba thế giới » cực kỳ phản động được trình bày tại Liên hợp quốc năm 1974. Nội dung của thuyết ấy là liên minh với bọn đế quốc và các bọn phản động khác để chống Liên-xô, các nước xã hội chủ nghĩa chân chính khác, các trào lưu cách mạng khác. Ngay từ thời kỳ 1968 - 1969, giới cầm quyền Bắc-kinh đã coi Liên-xô là « kẻ thù số một » và phát động nhân dân Trung-quốc chống Liên-xô. Trung-quốc luôn luôn kêu gào « chiến tranh thế giới mới là không thể tránh khỏi » và « Liên-xô là ngôi lửa của cuộc chiến tranh đó », kêu gào « liên minh với tất cả các nước tư bản chủ nghĩa đứng đầu là Mỹ để lập mặt trận thế giới thống nhất chống Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác ». Chúng đặc biệt căm thù Việt-nam và Cu-ba, những nước cách mạng triệt để và kiên quyết trên thế giới.

Xuất phát từ đường lối đối nội, đối ngoại phản động nói trên, chiến dịch hoạt động kinh tế đối ngoại của tập đoàn phản bội Bắc-kinh hiện nay chính là nhằm lợi dụng vốn, kỹ thuật và vũ khí của bọn đế quốc để phục vụ cho « bốn hiện đại hóa » (chủ yếu là hiện đại hóa quốc phòng), nhanh chóng biến Trung-quốc thành một siêu cường, thực hiện giấc mộng bá quyền, chống những trở ngại trên con

đường hành trưởng nước lớn của chúng là Liên-xô, Việt-nam, Cu-ba và các nước xã hội chủ nghĩa chân chính khác. Mục đích của chiến dịch ấy hoàn toàn không phải để phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân Trung-quốc, phục vụ chủ nghĩa xã hội ở Trung-quốc và trên thế giới.

Qua chiến dịch hoạt động kinh tế đối ngoại của bọn cầm quyền phản động Trung-quốc hiện nay, bộ mặt phản bội nhân dân Trung-quốc, phản bội chủ nghĩa xã hội của chúng bị bóc trần. Cả thế giới hiểu rõ bộ mặt ấy, qua nhiều hoạt động của chúng. Trong lúc cả loài người tiến bộ đang kêu gọi tích cực giúp đỡ nhân dân Việt-nam hàn gắn vết thương chiến tranh do đế quốc Mỹ gây ra thì chúng dựng lên cái gọi là « nạn kiều », viện cớ đó đơn phương xóa bỏ các hiệp định đã ký kết, cắt toàn bộ viện trợ, rút hết chuyên gia về nước, đóng cửa ba lãnh sự quán của Việt-nam tại Trung-quốc, tăng cường quấy rối ở biên giới và một số nơi nhằm gây cho Việt-nam nhiều khó khăn về kinh tế và chính trị. Thâm độc hơn nữa, giới cầm quyền Bắc-kinh đã dùng bọn tay sai diệt chủng Pôn Pốt - lêng Xu-ry phát động chiến tranh xâm lược Việt-nam từ phía tây nam, tàn phá các cơ sở kinh tế, gây nhiều tổn thất về người và của cho nhân dân Việt-nam. Bị thất bại liên tiếp, tập đoàn phản động Bắc-kinh, được sự đồng tình của Oa-sinh-tơn và Tô-ki-ô, ngày 17-2-1979 đã trực tiếp tiến hành chiến tranh xâm lược Việt-nam từ phía bắc, gây ra biết bao tội ác đối với nhân dân Việt-nam.

Đối với An-ba-ni, ngày 13 tháng 7 năm 1978, vừa đúng một năm sau khi An-ba-ni phê phán công khai tính chất phản động của thuyết « ba thế giới », Trung-quốc tuyên bố cắt toàn bộ viện trợ, rút tất cả chuyên gia Trung-quốc về nước. Thật ra từ năm 1971, viện trợ của Trung-quốc cho An-ba-ni đã giảm dần do bất đồng về quan điểm chính trị tăng lên.

Đối với Cu-ba, Trung-quốc đã đổi trắng thay đen, xuyên tạc sự giúp đỡ cao cả của Cu-ba đối với cách mạng châu Phi, mặt khác giảm nhập khẩu đường của Cu-ba hông gây cho Cu-ba nhiều khó khăn về kinh tế và chính trị. Giới cầm quyền Bắc-kinh đã xúi giục, gièm pha, cản trở các nước hạn chế buôn bán với Liên-xô. Trong các cuộc đi thăm Tây Âu vừa qua, các nhà cầm quyền Trung-quốc đã yêu cầu Tây Âu không "nuôi gấu Bắc cực bằng kẹo sô-cô-la"

Cán kết với chủ nghĩa đế quốc, nhất là Mỹ, Nhật-bản, tìm kiếm vốn, kỹ thuật và vũ khí của các nước tư bản chủ nghĩa. Trung-quốc hiện nay còn nghèo, trình độ kỹ thuật thấp kém, nhưng giới cầm quyền Bắc-kinh lại nóng lòng muốn thực hiện "bốn hiện đại hóa" trong một thời gian rất ngắn, muốn Trung-quốc nhanh chóng trở thành một siêu cường. Thêm vào đó, chúng đã phản bội chủ nghĩa xã hội cho nên chúng đã cố gắng khai câu kết với chủ nghĩa đế quốc, nhất là Mỹ và Nhật-bản, ráo riết tìm kiếm vốn, kỹ thuật và vũ khí hiện đại của các nước tư bản chủ nghĩa. Trong thời gian này, nền kinh tế thế giới tư bản chủ nghĩa đang lâm vào cuộc khủng hoảng triền miên và không có lối thoát, hàng hóa ế ẩm, hoạt động kinh doanh trì trệ, số người thất nghiệp hoàn toàn rất lớn và còn đang tăng lên mạnh, thị trường tiêu thụ càng trở thành một vấn đề sống còn đối với chủ nghĩa đế quốc, cho nên các nước tư bản chủ nghĩa đã sẵn sàng giương tay chào đón Bắc-kinh. Các nước này hy vọng sẽ đẩy mạnh được xuất khẩu sang thị trường rộng lớn và tìm kiếm nguồn cung cấp nguyên liệu dồi dào ở Trung-quốc. Bọn đế quốc mưu toan dùng tập đoàn phản bội Bắc-kinh làm tên xung kích mới, chống phá các nước xã hội chủ nghĩa chân chính và phong trào cách mạng thế giới đang phát triển như vũ bão.

Từ đầu năm 1978 tới nay, giới cầm quyền Bắc-kinh đã ký nhiều hiệp định mậu dịch dài hạn với kim ngạch hàng chục tỷ đô-la cũng như nhiều hiệp định hợp tác kinh tế và khoa học kỹ thuật dài hạn với Nhật-bản, Tây Đức, Pháp, Anh, v.v. Các công ty tư bản đã nhận được những hợp đồng trị giá hàng tỷ đô-la cung cấp thiết bị kỹ thuật và các mặt hàng quan trọng cho Trung-quốc.

Đặc biệt đáng chú ý là Trung-quốc đã ký hiệp ước hòa bình và hữu nghị với Nhật-bản ngày 12-8-1978 mà "thực chất là hiệp ước liên minh quân sự" (báo Pháp *Phi-ga-rô* ngày 3-11-1978). Bọn phản động Trung-quốc dùng hiệp ước này "làm đầu cầu dẫn tới quan hệ với Mỹ" (Báo *Bưu điện Oa-sinh-ton* ngày 25-10-1978). Quả vậy, ngày 16-12-1978 cả Bắc-kinh và Oa-sinh-ton cùng một lúc thông báo (trước hạn định) việc thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước kể từ ngày 1-1-1979; hai bên sẽ trao đổi đại sứ vào ngày 1-3-1979 và Đặng-Tiểu-Binh sẽ đi thăm Mỹ vào cuối tháng 1-1979. Thế là sự câu kết giữa Bắc-kinh - Tô-ki-ô - Oa-sinh-ton đã hình thành, mặc dù giữa Trung-quốc, Mỹ và Nhật-bản có nhiều mâu thuẫn. Trung-quốc muốn lấy đó làm cơ sở để mở tung cửa buôn bán ra thế giới tư bản chủ nghĩa, ráo riết tìm kiếm kỹ thuật và vũ khí hiện đại. Nhập khẩu thiết bị kỹ thuật khai thác dầu mỏ và than đã được xếp ưu tiên số một để thực hiện chỉ tiêu sản xuất 1 tỷ tấn than đá và 500 triệu tấn dầu mỏ vào năm 1985. Đây là mặt hàng chiến lược quan trọng, đồng thời là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu mà Trung-quốc cần gấp rút tăng nhanh để thỏa mãn nhu cầu nhập khẩu rất lớn. Trung-quốc đang ve vãn Nhật-bản và Mỹ hợp tác khai thác than và dầu mỏ, nhất là dầu mỏ ở thềm lục địa và ký các hợp đồng co kim ngạch lớn mua thiết bị khai thác than của các công ty Tây Đức và Anh.

Trung-quốc khàn trương nhập khẩu thiết bị kỹ thuật cho ngành công nghiệp luyện thép. Các công ty Nhật-bản như: Níp-pàn-slin Coóc-pơ-rây-xi-on, Hi-la-chi, v.v. sẽ cung cấp thiết bị xây dựng các nhà máy luyện thép cỡ lớn và các công ty Mỹ như Cây-dơ cung cấp thiết bị khai thác quặng sắt.

Trung-quốc muốn đưa vào Mỹ, tranh thủ kỹ thuật nông nghiệp của Mỹ để phát triển sản xuất nông nghiệp. Các phái đoàn Mỹ: Phơ-răng Pơ-rét (cố vấn khoa học), Bớc-gơ-lân (Bộ trưởng nông nghiệp) v.v. đã lần lượt đến Bắc-kinh nghiên cứu hợp tác trong nông nghiệp, cử chuyên gia Mỹ sang giúp Trung-quốc hiện đại hóa nông nghiệp. Trung-quốc ra sức tìm mua vũ khí hiện đại, khác nào như con thú dữ đang con khát nước lao vào tìm nguồn nước chảy. Trung-quốc đã ký hợp đồng hoặc đang đàm phán mua các loại máy bay Hê-ri-ơ cất cánh ở đường băng ngắn, máy bay chiến đấu Mia-ra-giơ, máy bay lên thẳng, máy bay tuần tra trên biển, máy bay vận tải phản lực US - 1A, tên lửa chống tăng, tia la-de cũng như các nhà máy sản xuất quân sự của Anh, Pháp, Tây Đức, Nhật-bản, v.v. Trước khi bình thường hóa quan hệ Trung - Mỹ, đế quốc Mỹ đã nhiều lần công khai tuyên bố Mỹ sẵn sàng bán vũ khí cho Trung-quốc nếu Bắc-kinh yêu cầu.

Ngoài ra, Trung-quốc còn cử hàng vạn lưu học sinh sang Nhật-bản, Mỹ, Tây Âu và mời rất nhiều chuyên gia tư bản về khoa học kỹ thuật, kinh tế và quân sự sang Bắc-kinh để học tập kinh nghiệm quản lý kinh tế và quản lý xã hội.

Khuyến khích các thế lực phản động, mua chuộc về kinh tế, tìm kiếm sự ủng hộ trong thế giới thứ ba. Cho đến nay, kim ngạch mậu dịch của Trung-quốc với các nước đang phát triển còn nhỏ bé, chỉ chiếm 13,7% tổng số xuất khẩu và nhập khẩu của Trung-quốc. Trung-quốc xuất

khẩu sang khu vực này chủ yếu hàng thành phẩm để thu ngoại tệ. Trung-quốc nhập khẩu từ khu vực này phần lớn là nguyên liệu quý: cao-su thiên nhiên, kim loại màu, phốt-phát, v.v.

Từ đầu năm 1978 tới nay, giới cầm quyền Bắc-kinh ráo riết tăng cường hoạt động ở các nước đang phát triển, đặc biệt là ở khu vực Đông Nam châu Á và châu Phi, nơi mà chúng có nhiều âm mưu bành trướng. Các phái đoàn chính phủ do Đặng-Tiểu-Binh, Lý-Tiên-Niệm, Trần-Mộ-Hoa, Cảnh-Tiêu, các phái đoàn kinh tế và thương mại do Lý-Cường, Vương-Bình-Nam, các phái đoàn quân sự do Trương-Hạo-Điền, v.v. cầm đầu đã liên tiếp đến các nước này với mục đích chính trị nhiều hơn là kinh tế.

Đối với khu vực này, Bắc-kinh thi hành chính sách hai mặt, vừa lừa bịp, mua chuộc, vừa gây sức ép về mọi mặt, kể cả về quân sự. Tự xếp mình vào thế giới thứ ba, các nhà cầm quyền Trung-quốc luôn miệng tuyên bố « ủng hộ » các mục tiêu đấu tranh của các nước đang phát triển, hứa làm hết sức mình để viện trợ « vô tư » theo 8 nguyên tắc mà Trung-quốc đã đề ra. Tập đoàn phản động Bắc-kinh dùng thủ đoạn « ưu đãi về kinh tế và mậu dịch » hòng lôi kéo, tranh thủ sự đồng tình của các nước Đông Nam châu Á, che đậy dã tâm bành trướng của chúng. Trung-quốc đã bán dầu mỏ với giá rẻ hơn giá thị trường thế giới, đổi dầu mỏ lấy gạo để « giúp » giải quyết nạn thiếu năng lương, mua đường với khối lượng lớn để « giúp » giảm bớt khó khăn do các biện pháp bão hộ, hạn chế nhập khẩu của các nước tư bản chủ nghĩa gây nên, bán gạo với giá rẻ hơn 30% so với giá thị trường thế giới, bán thiết bị nhà máy sản xuất giấy và bột giấy trị giá 9 triệu đô-la nhưng chỉ lấy 5 triệu đô-la theo giá « hữu nghị », v.v. Bằng những thủ đoạn « viện trợ », « ưu đãi về kinh tế »... Trung-quốc tìm cách

lời kéo các nước ở Đông Nam châu Á đi theo đường lối của Trung-quốc chống Việt-nam, chống Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Trung-quốc viện trợ kinh tế và quân sự cho các tập đoàn phản động Pi-nô-chê, Mô-bu-tu, nuôi dưỡng bọn diệt chủng Pôn Pốt — lêng Xa-ry, tập hợp bọn phỉ Vàng Pao, v.v. để gây rối và phá hoại cách mạng. Tập đoàn phản động Bắc-kinh đã sử dụng bọn tay sai ở Cam-pu-chia gây chiến tranh xâm lược Việt-nam, viện trợ kinh tế, quân sự cho Xô-ma-li xâm lược Ê-ti-ô-pi, hết lời ca ngợi quân viễn chinh Pháp, Bĩ đàn áp phong trào cách mạng ở Dia-i-a.

Gặp khó khăn chồng chất, mâu thuẫn gay gắt, cuộc « đại nhảy vọt ra ngoài » không tránh khỏi thất bại. Chiến dịch hoạt động kinh tế đối ngoại của Trung-quốc chỉ mới trong thời gian ngắn đã bộc lộ nhiều khó khăn và mâu thuẫn sâu sắc không thể khắc phục được.

Một là, với giấc mộng bành trướng và bá quyền nước lớn, tập đoàn phản động Bắc-kinh đã vội vã ký hợp đồng nhập khẩu một khối lượng lớn thiết bị kỹ thuật để phục vụ cho « bốn hiện đại hóa », trong khi đó thì khả năng tăng xuất khẩu của Trung-quốc lại có hạn. Do đó nổi lên sự mất cân đối nghiêm trọng giữa xuất khẩu và nhập khẩu. Theo nhận định của ngân hàng Tô-ki-ô (Nhật-bản) thì Trung-quốc phải nhập khẩu 200 tỷ đô-la thiết bị kỹ thuật và dịch vụ, nhưng số dự trữ ngoại tệ hiện nay của Trung-quốc chỉ vắn vắn có trên hai tỷ đô-la.

Để có tiền nhập khẩu, Trung-quốc cố gắng tăng nhanh sản xuất than và dầu mỏ để xuất khẩu. Nhưng muốn tăng nhanh xuất khẩu hai mặt hàng này, thì cần phải đầu tư lớn vào sản xuất và cũng còn phải có thời gian, chứ không thể « đốt cháy giai đoạn »

được. Hơn nữa, theo sự tính toán của cơ quan tình báo Mỹ (CIA) ngày 20-3-1979, Trung-quốc sẽ không thể hoàn thành kế hoạch tăng sản lượng than lên gấp đôi, đạt 1 tỷ tấn vào năm 1985 được. Còn kế hoạch tăng sản lượng dầu mỏ lên gấp 6 lần, đạt 500 triệu tấn vào năm 1985 lại càng không thể thực hiện được.

Ngoài than và dầu mỏ ra, Trung-quốc đang đẩy mạnh sản xuất nhiều hàng dệt có chất lượng tốt để xuất khẩu. Riêng Thượng-hải đã có 48 nhà máy dệt chuyên sản xuất hàng xuất khẩu. Song mặt hàng dệt và may mặc lại thuộc về đối tượng bảo hộ mậu dịch của các nước tư bản chủ nghĩa, tình hình đó sẽ gây nên cạnh tranh với một số nước đang phát triển có xuất khẩu mặt hàng này.

Không có khả năng thực tế tăng nhanh xuất khẩu để thỏa mãn nhu cầu nhập khẩu, Trung-quốc buộc phải chuyển sang thi hành chính sách vay nợ nước ngoài: bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh đã ve vãn, thăm dò, thương lượng, xin vay tiền của Nhật-bản, Tây Âu và Mỹ. Tất nhiên vay nợ thì phải trả lãi và chịu theo những điều kiện ràng buộc. Song điều cơ bản là khả năng vay nợ tùy thuộc vào khả năng thanh toán và như vậy cuối cùng khả năng thanh toán lại phải do khả năng tăng xuất khẩu quyết định. Cho nên chính sách đi vay nợ nước ngoài cũng không thể giải quyết được sự mất cân đối giữa xuất khẩu và nhập khẩu. Đó là chưa kể những khó khăn, trở ngại trong quá trình đi vay nợ.

Nhu cầu nhập khẩu càng cấp bách thì Bắc-kinh lại càng coi trọng nguồn ngoại tệ do Hoa kiều buôn bán ở nước ngoài gửi về nước. Đây là một nguồn vốn khá lớn tập đoàn phản động Trung-quốc thu được dễ dàng mà chẳng phải mất công của xuất khẩu gì cả. Vì lẽ đó, đầu năm 1978 Trung-quốc đã kêu gọi Hoa kiều gửi tiền của về « xây dựng Tổ quốc ».

Cũng vì thế mà Trung-quốc đã gây khó khăn cho các nước có nhiều Hoa kiều cư trú.

Tìm mọi cách tăng các nguồn thu ngoại tệ mà không thể nào thỏa mãn được nhu cầu nhập khẩu, Trung-quốc tất nhiên sẽ phải đi đến hủy hợp đồng, thu hẹp quy mô nhập khẩu. Biện pháp này trước hết đánh vào Nhật-bản. Năm ngày sáu khi Trung-quốc phát động chiến tranh xâm lược Việt-nam, Bắc-kinh đã thông báo cho các công ty Nhật-bản đình chỉ các hợp đồng đã ký kết hồi tháng 12-1978, trong đó có hợp đồng xây dựng nhà máy luyện thép Bảo-sơn trị giá 2,8 tỷ đô-la. Hành động này đã khiến cho các công ty Nhật-bản sửng sốt và các quan chức Bộ công thương Nhật-bản đã tuyên bố « Nhật-bản phải có thái độ thận trọng hơn trong việc buôn bán với Trung-quốc ». Các nhà kinh doanh Anh và Tây Đức còn báo tin: « Từ đầu năm, việc ký hiệp định hoàn toàn bị đình chỉ. Tại các khách sạn lớn ở Bắc-kinh và Thượng-hải, nhiều nhà kinh doanh ngoại quốc tỏ vẻ lo lắng. Các cuộc thương-lượng vẫn tiếp diễn, nhưng sau đó thì lại không có gì diễn ra cả! » (Báo *Thế giới* của Cộng hòa liên bang Đức số ra ngày 16-3-1979).

Hai là, sự phá sản của kế hoạch « bốn hiện đại hóa » là tất yếu. Sự mất cân đối trong ngoại thương của Trung-quốc bắt nguồn từ sự mất cân đối nghiêm trọng trong nền kinh tế Trung-quốc hiện nay và sự mất cân đối này là do đường lối « bốn hiện đại hóa » gây nên. Ngược lại, sự mất cân đối trong nền kinh tế cũng là nguyên nhân thất bại của kế hoạch « bốn hiện đại hóa » mà trung tâm là hiện đại hóa quốc phòng. Ngày 5-3, Lý-Tiền-Niệm phải thú nhận: « Trung-quốc đã quá vội vàng trong chương trình hiện đại hóa nền kinh tế », « một số mục tiêu đặt ra cho kế hoạch 10 năm 1976—1985 là quá sớm ». Nhân dân Nhật báo Trung-quốc ra ngày 24-3-1979 đã công khai kêu gọi « ngừng tất cả các

chương trình xây dựng ». « điều chỉnh ngay chương trình xây dựng hiện nay » vì « sự mất cân đối trong nền kinh tế quốc dân »; phải « nhập khẩu một cách thận trọng, kinh tế và có lợi hơn », phải « cân bằng xuất khẩu và nhập khẩu, v.v... »

Sự phá sản của kế hoạch « bốn hiện đại hóa » này là kết quả tất yếu của tham vọng bành trướng và bá quyền nước lớn vì kế hoạch đó được đặt ra không phải trên cơ sở khoa học, theo quy luật kinh tế khách quan mà là theo ý muốn chủ quan của tập đoàn phản động Bắc-kinh — chúng nồn nong, muốn Trung-quốc nhanh chóng trở thành một siêu cường trước hết và trên hết về mặt quân sự. Kế hoạch kinh tế 10 năm (1976—1985) và kế hoạch nhập khẩu cũng nhằm chủ yếu hiện đại hóa quốc phòng.

Trong điều kiện đất nước Trung-hoa còn nghèo, kỹ thuật còn thấp kém mà bòn cắm quyền phản động Bắc-kinh lại muốn thực hiện những tham vọng ngông cuồng như vậy, tất nhiên sẽ gây ra nhiều mâu thuẫn sâu sắc, làm cho nền kinh tế mất cân đối nghiêm trọng, nội bộ các ngành sẽ rối loạn, sản xuất trì trệ và thậm chí còn bị phá hoại nặng nề.

Rõ ràng, sự phá sản của kế hoạch « bốn hiện đại hóa » là không thể tránh khỏi, và điều làm cho mọi người chú ý là cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam của tập đoàn phản động Bắc-kinh đã thúc đẩy thêm quá trình phá sản đó. Ngay từ ngày 8-3-1979 báo *Hà-nô-va* của Cộng hòa liên bang Đức đã nhận xét: « cuộc chiến tranh chống nước láng giềng (Việt-nam) đã làm cho Trung-quốc mất sức rất nhiều, việc rút đơn đặt hàng với Nhật phải được coi là một sự đảo lộn lớn về kế hoạch ». Thời gian càng chứng minh cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam đã và sẽ đem lại cho tập đoàn phản động Bắc-kinh nhiều hậu quả nghiêm trọng chưa lường hết được. Theo báo *Mỹ Diễn đàn thông tin quốc tế* số ra

ngày 23-5 vừa qua thì các chuyên gia Bộ ngoại giao Mỹ chuyên theo dõi tình hình Trung-quốc, trong một bản báo cáo mật, đã bộc lộ mối lo ngại sâu sắc rằng: « hậu quả của cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam không những phá hoại chương trình hiện đại hóa của ông Đặng mà còn phá hoại cả cố gắng giành quyền bính của ông ta ». Hơn nữa, cuộc chiến tranh xâm lược chống Việt-nam có thể gây tổn thất nặng nề cho Trung-quốc trong quan hệ buôn bán với các nước khác. Tạp chí Mỹ *Tin Mỹ và thế giới* số ra ngày 3-5-1979 đã nói toạc ra rằng: « Tất nhiên chiến sự kéo dài sẽ giảm bớt sự quan tâm của phương Tây đối với việc khai thác thị trường Trung-quốc ».

Cũng chính do mưu đồ bành trướng và bá quyền nước lớn mà chỉ trong vòng 20 năm gần đây, nhân dân Trung-quốc đã phải ba lần chịu đựng những tổn thất hết sức nghiêm trọng qua « đại nhảy vọt », « đại cách mạng văn hóa » và « bốn hiện đại hóa ».

Ba là, tập đoàn phản động Bắc-kinh bị cô lập cao độ trên thế giới, bị phản đối mạnh mẽ trong nước và nội bộ ngày càng lục đục. Giới cầm quyền Trung-quốc ra sức chống Liên-xô, chống các nước xã hội chủ nghĩa, câu kết với chủ nghĩa đế quốc và các lực lượng phản động chống ba dòng thác cách mạng trên thế giới; điên cuồng tiến công xâm lược Việt-nam, cho nên đã bị loài người tiến bộ kịch liệt lên án. Chưa bao giờ bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh bị cô lập cao độ trên thế giới như ngày nay.

Những làn sóng dồn dập phản đối trên thế giới sớm muộn sẽ tác động

mạnh mẽ đến phong trào nhân dân Trung-quốc chống lại bọn phản bội Bắc-kinh. Nhân dân Trung-quốc ngày càng thấy rõ đường lối của bọn cầm quyền phản động đi ngược lại lợi ích của chính họ. Ngày càng xuất hiện nhiều tổ chức hoạt động chống đối tập đoàn phản động « vì những đồng đô-la hôi tanh mà táng tận lương tâm, bán rẻ chủ nghĩa xã hội cho chủ nghĩa đế quốc »! các tổ chức ấy kêu gọi nhân dân Trung-quốc hãy « chặn đứng cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam, đánh đổ tập đoàn hiếu chiến Bắc-kinh đã mắc nhiều nợ máu đối với nhân dân Trung-quốc ».

Bị thất bại về đối ngoại, thất bại trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam, thất bại bước đầu trong toàn bộ âm mưu bành trướng và bá chủ thế giới, bị nhiều trở ngại trong việc thực hiện kế hoạch « bốn hiện đại hóa », nội bộ giới cầm quyền Bắc-kinh ngày càng lục đục, các phe phái đồ lỗi cho nhau, thanh trừng nhau và tranh nhau quyền bính ngày càng quyết liệt.



Những khó khăn và mâu thuẫn gay gắt nói trên cho thấy rằng chiến dịch « đại nhảy vọt ra ngoài », để tạo điều kiện thực hiện « bốn hiện đại hóa » nhằm phục vụ cho âm mưu bành trướng và bá quyền nước lớn của bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh đã và đang bị thất bại. Các nước tư bản chủ nghĩa muốn dùng bọn phản động Trung-quốc làm tên xung kích quốc tế mới hồng tìm lối thoát, giảm nhẹ khủng hoảng trầm trọng ở trong nước, cùng đã và đang vỡ mộng.

КОММУНИСТИЧЕСКИЙ ЖУРНАЛ

№ 6—1979 г.

ПЕРЕДОВАЯ — Хорошо подготовиться к великим праздникам в 1980 г. **ЧЫОНГ ТИНЬ** — Победа в битве под Дьенбьенфу — вечная гордость вьетнамской нации. **ФАМ ХУНГ** — Хорошо усвоить основные установки партии в банковском деле. **СКВОРЦОВ** — 30 дней войны. **ВАН ХИЕН** — Китайская сторона несет ответственность за безрезультатный исход вьетнамо — китайских переговоров. **ВАН ЧОНГ** — Отщепы древнекитайской керамики не подменяют суверенитет СРВ на архипелаге Хоангша (Парасельские острова). **ТХАНЬ КОНГ** — Кампучия: провал коварных замыслов Пекина.

...

REVIEW OF COMMUNISM

№ 6 — 1979

Editorial — Make good preparations for the observance of the three major anniversaries in 1980. **TRƯỜNG-CHINH** — The Dien-bien-phu victory will remain an eternal source of pride for the Vietnamese nation. **PHẠM-HÙNG** — Grasp some fundamental viewpoints of the Party in banking work. **SKOVORTSOV** — Thirty days of war. **VĂN-HIỀN** — One month of negotiation without any progress being made: the responsibility for this lies with the Chinese side. **VĂN-TRỌNG** — A few fragments of ancient Chinese ceramics cannot affect in any way Vietnamese sovereignty over the Hoang Sa (Paracels) Islands. **THÀNH-CÔNG** — Kampuchea: the collapse of Peking's treacherous scheme.

...

REVUE DU COMMUNISME

№ 6 — 1979

Éditorial — Bien faire des préparatifs pour célébrer les trois grandes fêtes commémoratives en 1980. **TRƯỜNG-CHINH** — Pour la nation vietnamienne, la victoire de Điện-biên-phủ sera à jamais un objet de fierté. **PHẠM-HÙNG** — Bien saisir les points de vue fondamentaux du Parti dans le travail bancaire. **SKVORTSOV** — Trente journées de guerre. **VĂN-HIỀN** — Un mois de piétinement des négociations, la responsabilité en revient à la partie chinoise. **VĂN-TRỌNG** — Quelques tessons de céramique chinoise ancienne ne sauraient remettre en question la souveraineté du Vietnam sur les îles Hoang-sa (Paracelo). **THÀNH-CÔNG** — Kampuchéa — les desseins perfides de Pékin ont échoué.

...

REVISTA DEL COMUNISMO

№ 6 — 1979

Editorial — A hacer optimamente los preparativos para celebrar las tres grandes fiestas conmemorativas en 1980. **TRƯỜNG-CHINH** — La victoria de Dien-bien-phu: eterno orgullo del pueblo vietnamita. **PHẠM-HÙNG** — Mantener bien los puntos de vista fundamentales del Partido en el trabajo bancario. **SKOVORTSOV** — Treinta días de guerra. **VĂN-HIỀN** — Un mes de conversación sin avance: la responsabilidad reviene a la parte china. **VĂN-TRỌNG** — Algunos tiztos de cerámica china antigua no podrán comprometer la soberanía de Viet Nam sobre las islas de Hoang Sa (Paracels). **THÀNH-CÔNG** — Kampuchea: fracaso total del taimado designio de Pekin.

...

MỤC LỤC

Xã luận - Chuẩn bị tốt việc kỷ niệm ba ngày lễ lớn trong năm 1980	1
★★★ - Thực hiện thật tốt việc xây dựng kế hoạch năm 1980 từ cơ sở và huyện	9
TRƯỜNG-CHINH - Chiến thắng Điện-biên-phủ mãi mãi là niềm tự hào của dân tộc Việt-nam	12
PHẠM-HÙNG - Nắm vững một số quan điểm cơ bản của Đảng trong công tác ngân hàng	21
Trên tiền tuyến chống Trung-quốc xâm lược ★ TRẦN-MÃN - Tội ác của bọn Trung-quốc xâm lược đối với ngành đường sắt Việt-nam ★ TRẦN-VĂN-QUẾ - Rừng biên giới cấm thủ quân Trung-quốc xâm lược ★ Tội ác của giặc Trung-quốc xâm lược phá hủy các cơ sở kinh tế và đời sống của nhân dân ta	30
SCƠ-VOÓC-XỐP - Ba mươi ngày chiến tranh	40
VĂN-HIỀN - Một tháng đàm phán không tiến triển, trách nhiệm thuộc về phía Trung-quốc	46
VĂN-TRỌNG - Vài mảnh gốm Trung-hoa cổ không thay đổi được chủ quyền của Việt-nam ở quần đảo Hoàng-sa	50
Thảo luận - Về làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa ★ HOÀNG-LÊ - Đảng lãnh đạo xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa ★ NGUYỄN-QUANG-MINH - Phải làm gì để phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của cán bộ và chiến sĩ trong quân đội? ★ PHẠM-ĐÌNH-TẤN - Làm chủ tập thể và pháp luật	60
Sinh hoạt tư tưởng ★ THANH-THANH - Lạc quan - chủ quan	73
THÀNH-CÔNG - Cam-pu-chia - Mưu đồ nham hiểm của Bắc-kinh bị chôn vùi	76
NGUYỄN-VĂN-THO - Quan hệ kinh tế đối ngoại của Trung-quốc phục vụ âm mưu bành trướng, bá quyền nước lớn của tập đoàn phản động Bắc-kinh	82

Tìm đọc :

HỒ - CHÍ - MINH

Chế độ xã hội chủ nghĩa là chế độ do nhân dân lao động làm chủ

LÊ - DUẬN

Về hợp tác hóa nông nghiệp

VÕ-CHÍ-CÔNG — TỔ-HỮU

Khẩn trương và tích cực đẩy mạnh phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở miền Nam

TỔ-HỮU

Xóa sạch bóc lột, đoàn kết nhân dân lao động, đưa phong trào hợp tác hóa nông nghiệp tiến lên mạnh mẽ, vững chắc



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT



8000582860

